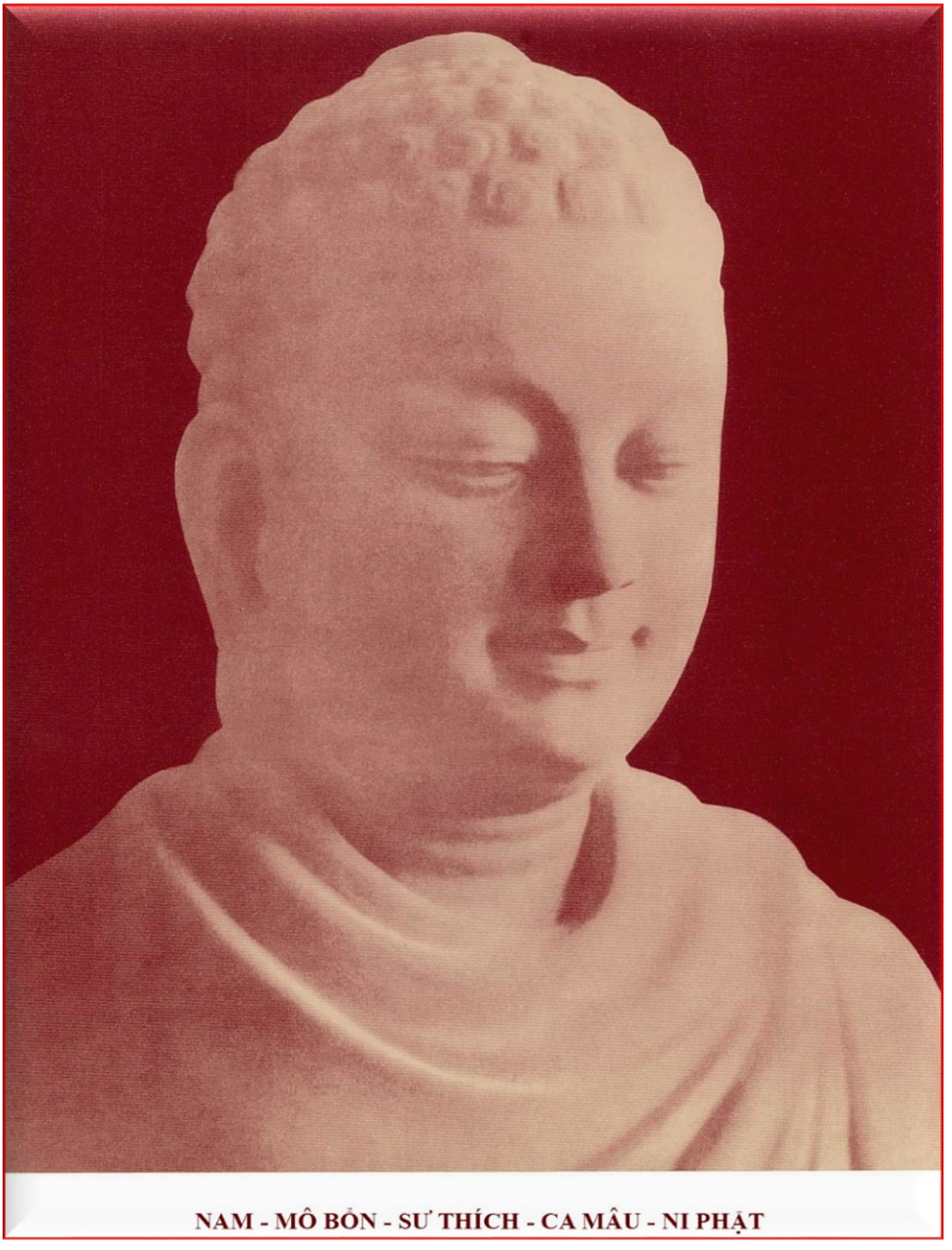

BỘ LUẬT 5 – T075

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 75

BỘ LUẬT

V

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 75

BỘ LUẬT
V

SỐ 1435

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

NHỮNG QUY ƯỚC THỐNG NHẤT TRONG LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

I- <u>Viết hoa toàn bộ</u>:

1. Tên người: (Phật) Vô Lượng, (vua) Tự Đức, (Thiền sư) Vạn Hạnh, (Bồ-tát) Quán Thế Âm...

2. Tên nước: Việt Nam, Trung Hoa, Thái Lan, Đài Loan...

3. Tôn xưng danh hiệu Phật: Đức Như Lai, Bậc Chúng Hựu, Đấng Tối Chánh Giác...

4. Tác phẩm, kinh sách: luận Trung Quán, kinh Diệu Pháp Liên Hoa, kinh Trường A-hàm...

II- <u>Viết hoa chữ đầu</u>:

1. Địa danh: thành Vương xá, chùa Ấn quang, rừng Thi lợi...

2. Thuật ngữ Phật học được nhấn mạnh: bốn Niệm xứ, bốn Chánh cần, Khổ xuất yếu thánh đế...

3. Phẩm bậc, quả vị tôn kính: Hòa thượng, Thanh văn, Duyên giác, Thái tử (nói về Phật, Bồ-tát thị hiện độ sanh; ví dụ: Thái tử Tỳ-bà-thi), Tôn giả...

4. Chủng loại: chư Thiên

5. Phương hướng: phương Đông nam, hướng Tây bắc, phía Đông thành Vương xá...

III- <u>Viết hoa chữ đầu + gạch nối</u>: (những từ được phiên âm từ Pāli)

1. Nhân danh: Mãn-độ-ma, Xà-ni-sa, Xá-lợi-phất...

2. Địa danh: nước Bạt-kỳ, thành Xá-vệ, cõi Diêm-phù-đề...

3. Thuật ngữ Phật học được nhấn mạnh: A-lại-da, Tam-phật-đà, Ba-la-đề-mục-xoa...

4. Phẩm bậc, quả vị: Tỳ-kheo, Ưu-bà-di, A-la-hán...

5. Chủng loại: A-tu-la, La-sát, Càn-thát-bà...

IV- <u>Gạch nối</u>: (danh từ chung được phiên âm từ Pāli)

<u>ví dụ</u>: đàn-việt, na-do-tha, do-tuần...

V- <u>Số:</u>

1. Viết thành chữ: (những số quá lớn nên chú thích thêm số) <u>ví dụ</u>: hai trăm năm mươi (giới), ba mươi hai (tướng tốt), mười lăm ức bảy ngàn sáu mươi vạn (1.570.600.000)...

2. Viết thành số: số hiệu kinh, số trang dẫn
<u>ví dụ</u>: Đại I, trang 15, cht. 52 ...

VI- <u>Đặc biệt:</u>

Âm "y" và "i": dù đứng một mình, đứng đầu từ hoặc ở giữa từ, hoặc sau các phụ âm: K, L, M, T, Q vẫn viết theo thói quen cũ.

ví dụ: kỷ cương, lý luận, hoàn mỹ, quy định, li ti, hoan hỷ...

梵 viết là "**Phạm**" không viết là "**Phạn**" (phát âm theo chữ Brahma).

慧 viết là "**Tuệ**" không viết là "**Huệ**".

Chùa Pháp Bảo-Thủ Đức, ngày 8 tháng 9 năm 2000

*Sa môn **THÍCH TỊNH HẠNH***

MỤC LỤC
BỘ LUẬT TẬP 5 - T075

SỐ 1435 3
THẬP TỤNG LUẬT 3
QUYỂN 1 3
I. BỐN PHÁP BA-LA-DI: 3
1. Giới Dâm: 3
2. Giới Trộm Cắp: 15
QUYỂN 2 33
I. BỐN PHÁP BA-LA-DI: (Tiếp Theo): 33
3. Giới Sát: 33
4. Giới Vọng Ngữ: 47
QUYỂN 3 62
II. MƯỜI BA PHÁP TĂNG TÀN: 62
1. Giới Cố Ý Làm Xuất Tinh: 62
2. Giới Cố Ý Xúc Chạm Thân Người Nữ: 66
3. Giới Nói Lời Thô Tục Với Người Nữ: 71
4. Giới Khen Người Nữ Đem Thân Cúng Dường: 75
5. Giới Mai Mối: 80
6. Giới Xây Cất Chùa Quá Lượng: 90
QUYỂN 4 96
I - MƯỜI BA PHÁP TĂNG TÀN (Tiếp Theo) 96
7. Giới Xây Cất Phòng Xá Lớn: 96
8. Giới Vô Căn Vu Báng: 100
9. Giới Lấy Chút Việc Trong Dị Phần Vu Báng: 107
10. Giới Can Phá Hòa Hợp Tăng: 110
11. Giới Can Bạn Đảng Phá Tăng: 116
12. Giới Ô Tha Gia: 119
13. Giới Tánh Ác Trái Can: 125
III. HAI PHÁP BẤT ĐỊNH: 129
Giới Một Mình Cùng Người Nữ Ngồi Chỗ Khuất: 129
Giới Cùng Người Nữ Ngồi Chỗ Trống Vắng: 133
QUYỂN 5 136
IV. BA MƯƠI PHÁP NI TÁT KỲ BA DẬT ĐỀ: 136
1. Giới Chứa Y Dư Quá Mười Ngày: 136
2. Giới Lìa Y Ngủ Qua Đêm: 142
3. Giới Chứa Y Phi Thời Một Tháng: 151

QUYỂN 6 167
IV- BA MƯƠI PHÁP NI TÁT KỲ BA DẬT ĐỀ (Tiếp Theo): 167
4. Nhận Y Từ Tỳ-kheo-ni Không Phải Bà Con:..... 167
5. Giới Nhờ Tỳ-kheo-ni Không Phải Bà Con Giặt Y Cũ: 172
6. Giới Theo Cư Sĩ Không Phải Bà Con Xin Y: 176
7. Giới Xin Y Thọ Quá Nhiều:..... 180
8. Giới Theo Cư Sĩ Không Thỉnh Trước Xin Y: 182
9. Giới Khuyên Cư Sĩ Không Bà Con Hùn Tiền Cúng Y: 184
10. Giới Đòi Y Quá:..... 187
QUYỂN 7 192
IV- BA MƯƠI PHÁP NI TÁT KỲ BA DẬT ĐỀ (Tiếp Theo): 192
11. Giới Dùng Kiều-thi-Na-Làm Phu Cụ Mới: 192
12. Giới Dùng Lông Dê Đen Làm Phu Cụ Mới: 193
13. Giới Dùng Lông Dê Trắng Xen Với Lông Dê Đen Làm Phu Cụ Mới: . 195
14. Giới Chưa Đủ Sáu Năm Làm Phu Cụ Mới: 196
15. Giới Không Làm Cho Phu Cụ Mới Hoại Sắc: 199
16. Giới Gánh Lông Dê Đi Quá Ba Do Tuần:..... 201
17. Giới Nhờ Tỳ-kheo-ni Không Phải Bà Con Giặt Nhuộm Lông Dê:..... 203
18. Giới Tự Tay Cầm Vật Báu:..... 206
19. Giới Dùng Vật Báu Mua Bán Các Việc:..... 208
20. Giới Đủ Cách Mua Bán: 211
21. Giới Chứa Bát Dư Quá Mười Ngày:..... 216
QUYỂN 8 220
IV. BA MƯƠI PHÁP NI TÁT KỲ BA DẬT ĐỀ (Tiếp Theo):..... 220
22. Giới Xin Bát Mới:..... 220
23. Giới Tự Xin Chỉ Sợi Rồi Bảo Nhờ Thợ Dệt Không Phải Bà Con Dệt Y: 223
24. Giới Bảo Thợ Dệt Không Phải Bà Con Dệt Y: 226
25. Giới Đoạt Y Của-Tỳ-kheo Khác:..... 229
26. Giới Lìa Y Ngủ Quá Sáu Đêm:..... 231
27. Giới Thọ Y Cấp Thí:..... 232
28. Giới Chứa Y Tắm Mưa:..... 239
29. Giới Hồi Tăng Vật: 240
30. Giới Cất Chứa Dược Phẩm Quá Bảy Ngày:..... 245
QUYỂN 9 249
V. CHÍN MƯƠI PHÁP BA DẬT ĐỀ: 249
1. Giới Cố Ý Vọng Ngữ:..... 249
2. Giới Chê Bai Người Khác:..... 252

3. Giới Nói Hai Lưỡi:.... 260
4. Giới Phát Khởi Lại Việc Tranh Cải: 272
5. Giới Nói Quá Năm, Sáu Lời: 276
6. Giới Dạy Cú Pháp Cho Người Chưa Thọ Cụ Giới: 279
QUYỂN 10 281
V. CHÍN MƯƠI PHÁP BA DẬT ĐỀ (Tiếp Theo): 281
7. Giới Thật Có Pháp Hơn Người Đem Nói Cho Người Chưa Thọ Cụ Giới: 281
8. Giới Nói Tội Thô Của-Tỳ-kheo Cho Người Chưa Thọ Giới Cụ Túc: 285
9. Giới Vu báng Tăng Hồi Chuyển Tăng Vật: 292
10. Giới Chê Bai Giới Đã Học:.... 294
11. Giới Hoại Quỷ Thần Thôn:.... 295
12. Giới Hiềm Trách Người Được Tăng Sai:.... 299
13. Giới Cố Ý Xúc Não Tỳ-kheo:.... 302
14. Giới Trải Ngọa Cụ Của Tăng Không Cất: 305
QUYỂN 11 309
V. CHÍN MƯƠI PHÁP BA DẬT ĐỀ (Tiếp Theo): 309
15. Giới Ở Trong Phòng Trải Ngọa Cụ Của Tăng: 309
16. Giới Kéo Lôi Tỳ-kheo:.... 311
17. Giới Đến Sau Giành Chỗ Trải Ngọa Cụ: 313
18. Giới Không Nhất Tâm Ngồi Nằm:.... 315
19. Giới Dùng Nước Có Trùng: 317
20. Giới Xây Phòng Lớn Lợp Quá Ba Lớp:.... 318
21. Giới Tăng Không Sai Mà Đi Giáo Giới Ni: 319
22. Giới Giáo Giới Tỳ-kheo-ni Đến Mặt Trời Lặn: 327
23. Giới Nói Giáo Giới Tỳ-kheo-ni Vì Tài Lợi:.... 330
24. Giới Cùng Tỳ-kheo-ni Hẹn Đi Chung Đường: 330
QUYỂN 12 334
V. CHÍN MƯƠI PHÁP BA DẬT ĐỀ (Tiếp Theo): 334
25. Giới Hẹn Với Tỳ-kheo-ni Đi Chung Thuyền:.... 334
26. Giới Cho Tỳ-kheo-ni Không Phải Bà Con Y:.... 336
27. Giới May Y Cho Tỳ-kheo-ni Không Phải Bà Con:.... 339
28. Giới Một Mình Ngồi Ở Chỗ Khuất Với Tỳ-kheo-ni:.... 340
29. Giới Một Mình Ngồi Ở Chỗ Vắng Vẻ Với Người Nữ: 341
30. Giới Ăn Thức Ăn Do Tỳ-kheo-ni Khen Ngợi:.... 342
31. Giới Thường Thường Ăn:.... 348
32. Giới Thọ Quá Một Bữa Ăn Trong Nhà Phước Đức:.... 361
QUYỂN 13 365

V. CHÍN MƯƠI PHÁP BA DẬT ĐỀ (Tiếp Theo): 365
33. Giới Đến Nhà Bạch Y Thọ Quá Hai, Ba Bát: 365
34. Giới Thọ Pháp Dư Thực: 369
35. Giới Khuyên Ăn Thức Ăn Dư Không Tác Pháp: 374
36. Giới Ăn Biệt Chúng: 377
37. Giới Ăn Phi Thời: 385
38. Giới Ăn Cách Đêm: 386
39. Giới Không Thọ Thức Ăn: 388
40. Giới Trong Nhà Bạch Y Đòi Hỏi Thức Ăn: 392
QUYỂN 14 395
V. CHÍN MƯƠI PHÁP BA DẬT ĐỀ (Tiếp Theo): 395
41- Giới Uống Dùng Nước Có Trùng: 395
42. Giới Gượng Ngồi Trong Nhà Ăn: 396
43. Giới Gượng Ngồi Gần Người Nữ Trong Nhà Ăn: 398
44. Giới Tự Tay Cho Ngoại Đạo Thức Ăn: 401
45. Giới Xem Quân Trận: 412
46. Giới Ở Trong Quân Trận Quá Hai Đêm: 415
47. Giới Ở Trong Quân Trận Xem Hai Binh Giao Chiến: 416
48. Giới Giận Đánh Tỳ-kheo: 417
49. Giới Dọa Đánh Tỳ-kheo: 418
50. Giới Che Dấu Tội Thô Của-Tỳ-kheo Khác: 419
QUYỂN 15 426
V. CHÍN MƯƠI PHÁP BA DẬT ĐỀ (Tiếp Theo): 426
51. Giới Xúc Não Tỳ-kheo Khác: 426
52. Giới Nhóm Lửa Nơi Đất Trống: 428
53. Giới Gởi Dục Rồi Hối: 430
54. Giới Cùng Người Chưa Thọ Đại Giới Quá Hai Đêm: 431
55. Giới Can Tỳ-kheo Ác Tà Kiến: 434
56. Giới Tùy Thuận Tỳ-kheo Ác Kiến: 437
57. Giới Chứa Nuôi Sa Di Ác Tà Kiến: 438
58. Giới Cầm Giữ Báu Vật: 441
59. Giới Nhuộm Y Hoại Sắc: 447
QUYỂN 16 451
V. CHÍN MƯƠI PHÁP BA DẬT ĐỀ (Tiếp Theo): 451
60. Giới Nửa Tháng Tắm Một Lần: 451
61. Giới Đoạn Mạng Súc Sanh: 456
62. Giới Cố Ý Làm Cho Tỳ-kheo Khác Nghi Hối: 459
63. Giới Dùng Tay Chọc Lét : 462

64. Giới Đùa Giỡn Trong Nước: 463
65. Giới Cùng Người Nữ Ngủ Chung Nhà: 465
66. Giới Khủng Bố Tỳ-kheo Khác: 468
67. Giới Giấu Y Bát Của-Tỳ-kheo Khác: 471
68. Giới Đoạt Y Của Người Khác Mặc: 473
69. Giới Đem Tội Tàn Vô Căn Vu Báng: 476
70. Giới Hẹn Với Người Nữ Đi Chung Đường: 477
71. Giới Hẹn Với Giặc Đi Chung Đường: 479
72. Giới Cho Người Chưa Đủ Hai Mươi Tuổi Thọ Cụ Giới: 481
73. Giới Đào Đất: 487
QUYỂN 17 490
V. CHÍN MƯƠI PHÁP BA DẬT ĐỀ (Tiếp Theo): 490
74. Giới Quá Bốn Tháng Thọ Thỉnh Đòi Hỏi: 490
75. Giới Chê Trách Học Giới: 493
76. Giới Rình Nghe Lén: 495
77. Giới Khi Tăng Xử Đoán Đứng Dậy Bỏ Đi: 496
78. Giới Không Cung Kính: 498
80. Giới Phi Thời Vào Tụ Lạc: 504
81. Giới Hứa Thỉnh Tăng Lại Bỏ Đi Đến Nhà Khác: 514
QUYỂN 18 517
V. CHÍN MƯƠI PHÁP BA DẬT ĐỀ (Tiếp Theo): 517
82. Giới Vào Cửa Cung Vua: 517
83. Giới Nói Không Biết Học Giới: 526
84. Giới Làm Ống Kim Bằng Ngà: 528
85. Giới Làm Giường Cao Quá Lượng: 529
86. Giới Dồn Đâu-La-Miên Làm Ngọa Cụ: 531
87. Giới May Áo Tắm Mưa Quá Lượng: 532
88. Giới Cất Chứa Y Che Phủ Ghẻ: 539
89. Giới Cất Chứa Ni-Sư-Đàn: 541
90. Giới May Y Bằng Lượng Y Của Phật: 543
QUYỂN 19 546
VI. BỐN PHÁP BA LA ĐỀ XÁ NI: 546
1 Giới Thọ Thức Ăn Từ Tỳ-kheo-ni Không Quen: 546
2. Giới Ăn Thức Ăn Do Tỳ-kheo Chỉ Bảo: 548
3. Giới Thọ Thức Ăn Từ Học Gia Không Thỉnh Trước: 550
4. Giới Ở Ngoài Tăng Phường Tự Tay Thọ Thực: 554
VII. MỘT TRĂM LẺ BẢY PHÁP CHÚNG HỌC: 558
QUYỂN 20 591

VII. MỘT TRĂM LẺ BẢY PHÁP CHÚNG HỌC (Tiếp Theo): 591
VIII. BẢY PHÁP DIỆT TRÁNH: 602
1. Pháp Thứ Nhất: Tự Ngôn Diệt Tránh 602
2. Pháp Thứ Hai: Hiện Tiền Diệt Tránh 605
3. Pháp Thứ Ba: Ức Niệm Diệt Tránh 608
4. Pháp Thứ Tư: Bất Si Tỳ-Ni 611
5. Pháp Thứ Năm: Thật Mích Tỳ-Ni. 614
6. Pháp Thứ Sáu: Hiện Tiền Đa Mích Diệt Tránh 617
7. Pháp Thứ Bảy: Bố Thảo Tỳ Ni 626
QUYỂN 21 628
PHÁP THỌ GIỚI CỤ TÚC THỨ NHẤT 628
QUYỂN 22 674
PHÁP BỐ TÁT THỨ HAI 674
QUYỂN 23 708
PHÁP TỰ TỨ THỨ BA 708
QUYỂN 24 747
PHÁP AN CƯ THỨ TƯ 747
QUYỂN 25 770
PHÁP BÌ CÁCH THỨ NĂM 770
QUYỂN 26 802
PHÁP Y DƯỢC THỨ SÁU 802
QUYỂN 27 855
PHÁP Y THỨ 7 855
QUYỂN 28 885
PHÁP Y THỨ 7 (Tiếp Theo) 885
QUYỂN 29 916
PHÁP Y CA HI NA THỨ NHẤT 916
QUYỂN 30 951
PHÁP CÂU XÁ DI THỨ HAI 951
PHÁP CHIÊM BA THỨ BA 972
QUYỂN 31 988
CÁC PHÁP YẾT MA TRỊ PHẠT THỨ TƯ 988
I. YẾT MA KHỔ THIẾT (Yết-ma trị phạt): 988
II. YẾT MA Y CHỈ: 995
III. YẾT MA KHU XUẤT (Yết ma tẫn xuất): 1000
IV. YẾT MA HẠ Ý: 1005
V. YẾT MA BẤT KIẾN TẪN (Yết ma không thấy tội): 1010
VI. YẾT MA BẤT TÁC TẪN (Yết ma không sám tội): 1016

VII. YẾT MA BẤT XẢ ÁC TÀ KIẾN TẦN:..... 1021
QUYỂN 32 1028
PHÁP SÁM TỘI TĂNG TÀN THỨ NĂM..... 1028
I. Trường Hợp Phạm Tăng Tàn Không Che Giấu:..... 1028
II. Trường Hợp Tái Phạm Tăng Tàn Không Che Giấu: 1031
III. Trường Hợp Phạm Tăng Tàn Có Che Giấu: 1035
IV. Trường Hợp Tái Phạm Tội Tăng Tàn Không Có Che Giấu: 1041
QUYỂN 33 1049
PHÁP SÁM HỐI TỘI TĂNG TÀN (Tiếp Theo) 1049
PHÁP NGĂN YẾT MA THỨ SÁU..... 1061
QUYỂN 34 1075
PHÁP PHÒNG XÁ NGỌA CỤ THỨ BẢY..... 1075
QUYỂN 35 1123
PHÁP TRÁNH SỰ THỨ TÁM..... 1123
QUYỂN 36 TỤNG THỨ SÁU 1148
TẠP TỤNG (Có 2 pháp) 1148
I. VIỆC CỦA ĐIỀU ĐẠT (Đề-bà-đạt-đa):..... 1148
QUYỂN 37 TẠP TỤNG (Tiếp Theo) 1184
I. VIỆC CỦA ĐIỀU ĐẠT (Tiếp Theo): 1184
II. PHÁP TẠP: 1198
1. Hai Mươi Pháp Tạp Đầu:..... 1198
QUYỂN 38 TẠP TỤNG (Tiếp Theo) 1220
II. PHÁP TẠP (Tiếp Theo): 1220
1. Hai Mươi Pháp Tạp Đầu (Tiếp Theo):..... 1220
QUYỂN 39 TẠP TỤNG (Tiếp Theo) 1258
2. Hai Mươi Pháp Tạp Kế (Tiếp Theo):..... 1258
QUYỂN 40 TẠP TỤNG (Tiếp Theo) 1300
3. Hai Mươi Pháp Tạp Cuối (Tiếp Theo):..... 1300
4. Pháp Tạp Liên Quan Tới Tỳ-kheo-ni:..... 1315

-oOo-

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 75

LUẬT THẬP TỤNG

SỐ 1435

(QUYỂN 1→ 40)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1435

THẬP TỤNG LUẬT

QUYỂN 1

TỤNG THỨ NHẤT

I. BỐN PHÁP BA-LA-DI:

1. Giới Dâm:

Phật ở nước Tỳ-da-ly, cách thành không xa có một tụ lạc, trong tụ lạc này có con của một trưởng giả tên là Tu-đề-na-ca-lan-đà tử giàu có nhiều tiền tài, đủ thứ thành tựu, tự quy y Tam bảo làm đệ tử Phật. Sau đó nhàm lìa thế gian, cạo bỏ râu tóc mặc pháp phục làm Tỳ-kheo, rời bỏ tụ lạc đến nước Kiều-tát-la ở một chỗ an cư. Lúc đó thế gian mất mùa đói kém khất thực khó được, đối với nhân dân vợ con trong nhà còn thiếu ăn, làm sao có thể cho những người khất thực. Tu-đề-na suy nghĩ: "Lúc này ở thế gian mất mùa đói kém, khất thực khó được nhưng thân quyến của ta giàu có, đúng là lúc ta nên khuyên họ bố thí làm phước", nghĩ rồi qua ba tháng hạ an cư, tự tứ và may y xong Tu-đề-na đắp y mang bát trở về Tỳ-da-ly, đi trải qua nhiều nước mới về đến quê mình. Sáng hôm sau, Tu-đề-

na đắp y mang bát vào trong thôn khất thực, đến nhà bà con khuyên họ cúng dường đầy đủ thức ăn uống cho các Tỳ-kheo; còn mình thì hành hạnh đầu đà, thọ pháp khất thực, theo thứ lớp khất thực đến trước nhà của mình nói rằng: "Trước kia tôi hứa sẽ trở về, nay tôi đã trở về", nói rồi vội vả bỏ đi. Lúc đó một tỳ nữ trông thấy nhận ra Tu-đề-na liền chạy đi báo cho mẹ của Tu-đề-na: "Hồi nảy Tu-đề-na có về đến nhà nhưng lại vội vả bỏ đi", bà mẹ suy nghĩ: "Tu-đề-na vừa về đến nhà lại đi ngay, có lẽ là ưu sầu muốn xả giới hoàn tục, không thích tu phạm hạnh nữa. Ta nên đến khuyên nó trở về nhà hưởng thọ ngũ dục, tu bố thí làm phước". Nghĩ rồi bà mẹ liền đi đến chỗ Tu-đề-na khuyên rằng: "Nếu con ưu sầu không thích tu phạm hạnh, muốn xả giới thì con nên trở về nhà hưởng thọ ngũ dục, tu bố thí làm phước", Tu-đề-na nói: "Con không có ưu sầu, không muốn xả giới, không nhàm chán phạm hạnh cũng không muốn bỏ pháp Sa-môn, tâm ưa thích phạm hạnh", bà mẹ suy nghĩ: "Ta dù có khuyên cũng không lay chuyển được tâm nó, phải bảo vợ của nó mới được". Nghĩ rồi bà mẹ liền đến chỗ vợ của Tu-đề-na nói: "Khi nào trong người con sạch sẽ thì đến nói cho mẹ biết", nàng dâu nhớ lời mẹ chồng, đợi đến khi trong người sạch sẽ liền đến nói với mẹ chồng: "Mẹ muốn con làm gì?" Bà mẹ nói: "Những y phục và trang sức mà trước kia Tu-đề-na ưa thích, con nay nên đem ra mặc hết, nàng dâu

nghe lời trở về phòng mặc y phục và trang sức mà trước kia Tu-đề-na ưa thích. Bà mẹ dẫn nàng dâu đến chỗ Tu-đề-na nói rằng: "Nếu con ưu sầu không thích tu phạm hạnh, muốn xả giới hoàn tục thì con hãy trở về nhà tu bố thí làm phước, Phật pháp khó thành, xuất gia cần khổ", Tu-đề-na nói: "Con không ưu sầu, tâm con không động chuyển, con ưa thích tu phạm hạnh, không ưa thích ngũ dục", bà mẹ nói: "Lành thay Tu-đề-na, tuy con ưa thích tu phạm hạnh không muốn xả giới, nhưng nay vợ con đúng lúc đến, con nên để lại hạt giống nối dòng. Nếu gia đình ta không có người nối dòng thì tài sản đã có sẽ bị quan tịch thu". Lúc đó Thế tôn chưa chế giới này, tâm Tu-đề-na cũng động nên bằng lòng, bà mẹ liền tránh đi, Tu-đề-na liền dẫn vợ đến chỗ khuất cùng hành dâm, như vậy đến hai, Ba-lần. Sau đó người vợ mang thai, đủ ngày tháng sanh ra đứa con phước đức, đặt tên là Tục chủng, đến tuổi trưởng thành tin ưa Phật pháp, xuất gia học đạo tinh tấn siêng tu, được lậu tận chứng quả A-la-hán.

Tu-đề-na sau khi cùng vợ hành dâm rồi tâm sanh nghi hối, ưu sầu biến sắc không có oai đức, im lặng cúi đầu, buồn bã không vui, không thích nói năng. Lúc đó có các Tỳ-kheo quen biết đến thăm, ngồi một bên hỏi Tu-đề-na: "Trước đây thầy có oai đức, nhan sắc an hòa thích tu phạm hạnh, nay vì sao ưu sầu biến sắc buồn bã không vui. Thầy có thân bịnh hay là lỡ làm việc xấu gì rồi ?" Tu-đề-

na nói: "Thân tôi không bịnh, chỉ là đã lỡ làm việc xấu nên tâm ưu sầu". Các Tỳ-kheo từ từ gạn hỏi, Tu-đề-na liền đem việc trên kể lại, các Tỳ-kheo nghe rồi đủ lời quở trách Tu-đề-na: "Thì ra thầy ưu sầu vì đã làm việc xấu như thế, việc mà thầy đã làm không phải pháp Sa-môn, không phải đạo tùy thuận, đã làm hạnh bất tịnh là việc mà người xuất gia không nên làm. Thầy không biết Thế Tôn đã dùng đủ cách quở trách dục, dục tưởng, dục giác, dục nhiệt và dùng đủ lời khen ngợi đoạn dục, xả dục tưởng, diệt dục nhiệt. Phật thường thuyết pháp dạy người ly dục, đối với dục thầy còn không nên sanh tâm, huống chi là làm nghiệp xấu căn bản bất tịnh, khởi kiết phược dục nhuế si", các Tỳ-kheo đủ lời quở trách rồi đem việc này bạch Phật, Phật do việc này tập họp Tỳ-kheo tăng, thường pháp của chư Phật là đúng thời mới hỏi, không đúng thời thì không hỏi; có lợi mới hỏi, không lợi thì không hỏi để dứt trừ nghi hoặc. Lúc đó Phật dùng chánh niệm an huệ hỏi Tu-đề-na: "Thầy thật đã làm việc này phải không?" Đáp: "Con thật đã làm, Thế tôn", Phật dùng đủ lời quở trách Tu-đề-na: "Việc mà thầy đã làm không phải pháp Sa-môn, không phải đạo tùy thuận, đã làm hạnh bất tịnh là việc mà người xuất gia không nên làm. Thầy là người ngu si, thầy không biết Ta đã dùng đủ cách quở trách dục, dục tưởng, dục giác, dục nhiệt và dùng đủ lời khen ngợi đoạn dục, xả dục tưởng, diệt dục nhiệt.

Ta thường thuyết pháp dạy người ly dục, đối với dục thầy còn không nên sanh tâm, huống chi là làm nghiệp xấu căn bản bất tịnh, khởi kiết phược dục nhuế si". Quở trách rồi Phật bảo các Tỳ-kheo: "Người ngu si này đã mở cửa hữu lậu, thà đem thân phần để vào miệng rắn độc chứ không đem thân này xúc chạm thân người nữ. Do mười lợi nên ta kết giới cho các Tỳ-kheo:

- Một là nhiếp thủ Tăng,
- Hai là khéo nhiếp phục,
- Ba là khiến Tăng được an lạc trụ,
- Bốn là chiết phục người có tâm cống cao,
- Năm là khiến người tàm quý được an lạc,
- Sáu là khiến người không tin được tịnh tín,
- Bảy là khiến người đã tin được tăng trưởng,
- Tám là ngăn phiền não lậu hoặc đời này,
- Chín là đoạn nghiệp ác đời sau,
- Mười là khiến phạm hạnh trụ lâu.

Từ nay giới này nên nói như sau: Nếu Tỳ-kheo đã đồng vào pháp học của-Tỳ-kheo, không xả giới mà hành pháp dâm, Tỳ-kheo này phạm Ba-la-di không được ở chung."

Phật ở nước Xá-vệ, có một Tỳ-kheo tên là Bạt-kỳ-tử không xả giới, giới suy kém, không nói ra mà về nhà hành pháp dâm, sau đó muốn xuất gia lại, tự nghĩ: "Ta nên đến hỏi các Tỳ-kheo trước, nếu được xuất gia thọ giới trở lại thì ta sẽ xuất gia làm

Tỳ-kheo, nếu không được thì thôi", nghĩ rồi đến hỏi các Tỳ-kheo, các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật nói: "Nếu có người không xả giới, giới suy kém không xả mà trở về nhà làm việc dâm thì không được xuất gia lại. Từ nay giới này nên nói lại như sau:

Nếu Tỳ-kheo đã đồng vào pháp học của-Tỳ-kheo, không xả giới, giới suy kém, không nói ra mà về nhà làm việc dâm thì Tỳ-kheo này phạm Ba-la-di không được ở chung."

Phật ở nước Xá-vệ, lúc đó có một Tỳ-kheo ở nước Kiều-tát-la sống một mình trong rừng, có một con khỉ cái thường đến chỗ Tỳ-kheo, Tỳ-kheo đều cho thức ăn dụ nó, tâm khỉ yếu mềm nên cùng Tỳ-kheo hành dâm. Sau đó có các Tỳ-kheo thân hữu đến thăm ngồi một bên, con khỉ cái chạy đến nhìn mặt các Tỳ-kheo rồi đứng trước mặt Tỳ-kheo mà nó thương, nhìn chăm chăm vào mặt của vị ấy muốn cùng hành dâm, Tỳ-kheo này hổ thẹn không nhìn con khỉ, con khỉ tức giận cào cấu tai mũi của-Tỳ-kheo này khiến cho trầy trụa rồi bỏ đi. Các Tỳ-kheo thân hữu gạn hỏi, Tỳ-kheo này liền kể lại sự việc trên, các Tỳ-kheo dùng đủ lời quở trách rằng: "Việc mà thầy đã làm không phải pháp Sa-môn, không phải đạo tùy thuận, đã làm hạnh bất tịnh là việc mà người xuất gia không nên làm. Thầy không biết Thế tôn đã dùng đủ cách quở trách dục, dục tưởng, dục giác, dục nhiệt và dùng đủ lời khen ngợi

đoạn dục, xả dục tưởng, diệt dục nhiệt. Phật thường thuyết pháp dạy người ly dục, đối với dục thầy còn không nên sanh tâm, huống chi là làm nghiệp xấu căn bản bất tịnh, khởi kiết phược dục nhuế si", quở trách rồi trở về đem việc này bạch Phật, Phật do việc này tập họp Tỳ-kheo tăng hỏi rõ sự thật, quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Trước kia ta đã kết giới này, nay phải tùy kết giới này lại như sau: Nếu Tỳ-kheo đồng vào pháp học của-Tỳ-kheo, không xả giới, giới suy kém, không xuất giới mà làm pháp dâm cho đến với súc sanh, Tỳ-kheo này phạm Ba-la-di không được ở chung.

Tỳ-kheo có bốn:

1. Danh tự Tỳ-kheo là Tỳ-kheo chỉ có tên gọi.

2. Tự ngôn Tỳ-kheo là Tỳ-kheo được Bạch-tứ-yết-ma thọ giới cụ túc; hoặc là Tặc trụ Tỳ-kheo cạo bỏ râu tóc, đắp mặc Ca sa tự nói ta là Tỳ-kheo.

3. Khất cầu Tỳ-kheo là Tỳ-kheo đến nhà người khất thực, như khi Bà-la-môn đến người khác xin cũng nói ta là Tỳ-kheo.

4. Phá phiền não Tỳ-kheo là Tỳ-kheo đối với các lậu hoặc kiết phược phiền não làm cho chúng sanh phải thọ thân sau, chịu quả báo đau khổ là nhân duyên tương tục qua lại trong sanh tử… đều có thể thấy biết đoạn trừ, nhổ tận gốc rễ các lậu hoặc ấy, như chặt cây Đa-la rốt ráo không sanh trưởng được nữa.

Sao gọi là Tỳ-kheo thọ cụ túc giới ? Nếu tăng hòa hợp tác pháp Bạch-tứ-yết-ma, người này tín thọ tùy hành, không trái nghịch, không phá giới.

Học có Ba là thiện học Giới, thiện học Tâm, thiện học Huệ. Lại có ba Học là thiện học Oai nghi, thiện học Tỳ-ni và thiện học Ba-la-đề-mộc-xoa.

Đồng vào pháp học của-Tỳ-kheo là những điều giới mà Tỳ-kheo trăm tuổi đã học, người mới thọ giới cũng học như vậy; những điều giới mà người mới thọ giới phải học, Tỳ-kheo trăm tuổi cũng học như vậy. Trong đó một tâm, một giới, một thuyết, một Ba-la-đề-mộc-xoa; đồng tâm, đồng giới, đồng thuyết, đồng Ba-la-đề-mộc-xoa.

Không xả giới là nếu Tỳ-kheo khi điên cuồng hay khi tâm loạn, tâm bịnh hoại mà nói xả giới thì không gọi là xả giới; hay nói với người điên cuồng, tâm loạn, tâm bịnh hoại; hoặc một mình xả giới; hoặc một mình tưởng không phải một mình, không phải một mình tưởng là một mình; hoặc người ở trong nước nói với người ở biên địa không hiểu nhau; hoặc người ở biên địa nói với người ở trong nước không hiểu nhau; hoặc nói với người câm, người điếc, người câm điếc, người không biết gì; hoặc nói với phi nhơn, người ngủ mê, người nhập định; hoặc cách vách hoặc mình đang sân hoặc nói với người đang sân; hoặc nói trong mộng hoặc nói lúc tâm mình không an định; hoặc nói với người tâm không an định… các trường hợp trên đều

không gọi là xả giới.

Trường hợp xả giới không phải là giới suy kém: Nếu Tỳ-kheo nói tôi bỏ Phật tức là xả giới; hoặc nói tôi bỏ Pháp, bỏ Tăng, bỏ Giới, bỏ Hòa thượng, A-xà-lê, bỏ đồng Hòa thượng, đồng A-xà-lê, bỏ Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, bỏ Thức-xoa-ma-na, bỏ Sa di, bỏ Sa-di-ni, bỏ Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di… đều gọi là Xả giới. Hoặc nói các vị nên biết, tôi là bạch y, là Sa di, không phải Tỳ-kheo, không phải Sa-môn Thích tử… cho đến nói không làm bạn và cùng học chúng với các vị, đều gọi là Xả giới không gọi là Giới suy kém.

Trường hợp Giới suy kém không phải là Xả giới: Nếu Tỳ-kheo ưu sầu không vui muốn bỏ giới, nhàm pháp Tỳ-kheo muốn bỏ pháp phục của bậc thánh để mặc y phục của bạch y; cần pháp bạch y không cần pháp Tỳ-kheo, cầu việc tại gia, lại nói: Tôi nhớ cha mẹ, anh chị em, họ sẽ dạy tôi nghề nghiệp sinh sống, sắp xếp cho tôi có chỗ ở tốt, xem tôi là thiện tri thức. Nói lời như thế gọi là Giới suy kém không gọi là xả giới.

Trường hợp Giới suy kém cũng là Xả giới: Nếu Tỳ-kheo buồn bã không vui muốn xả giới, nhàm chán pháp Tỳ-kheo muốn bỏ pháp phục

… giống như đoạn văn trên cho đến câu xem tôi là thiện tri thức. Lại nói tôi bỏ Phật, Pháp, Tăng cho đến bỏ Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di. Đây gọi là Giới

suy kém và cũng là Xả giới.

Hành pháp Dâm là làm việc phi phạm hạnh, phi phạm hạnh là hai thân giao hội.

Ba-la-di là rơi vào chỗ không như ý, là tội cực ác, cực nặng. Người phạm tội này rơi vào chỗ không như ý không gọi là Tỳ-kheo, không phải là Sa-môn Thích tử vì đã mất pháp Tỳ-kheo. Không được cùng ở chung là không được cùng Tỳ-kheo tác pháp Đơn-bạch-yết-ma, Bạch-nhị-yết-ma, Bạch-tứ-yết-ma, Bố tát, Tự tứ, không được vào trong số mười bốn người.

Phạm có bốn: Nam nữ, huỳnh môn và hai căn. Nữ là nữ thuộc loài người, nữ phi nhơn và súc sanh giống cái; NAM-là nam thuộc loài người, nam phi nhơn và súc sanh giống đực; huỳnh môn và hai căn cũng thuộc loài người, phi nhơn và súc sanh. Tỳ-kheo cùng người nữ hành dâm vào ba chỗ: Đại tiểu tiện và miệng, đều phạm Ba-la-di; cùng nữ phi nhơn, súc sanh giống cái và hai căn cũng phạm Ba-la-di; cùng người nam hành dâm vào hai chỗ: Đại tiện và miệng cũng phạm Ba-la-di; cùng nam phi nhơn, súc sanh giống đực và huỳnh môn cũng Ba-la-di.

Phật ở nước Xá-vệ, có một Tỳ-kheo khất thực tên là Nan-đề sáng sớm đắp y mang bát vào thành khất thực, thọ thực xong vắt Ni-sư-đàn lên vai trái rồi đi vào rừng An hoàn, ở dưới một gốc cây trải

Ni-sư-đàn chánh thân đoan tọa. Lúc đó có thiên ma muốn phá Tam muội của-Tỳ-kheo này nên hóa làm người nữ đoan chánh đứng trước mặt Tỳ-kheo. Tỳ-kheo vừa xuất định, nhìn thấy người nữ liền sanh tâm đắm nhiễm, do thiền định của thế tục không thể kiên cố nên trong giây phút đó thối thất, muốn xúc chạm thân người nữ đó. Người nữ lùi dần ra xa, Tỳ-kheo liền đứng dậy đi theo muốn nắm lấy người nữ. Lúc đó trong rừng có một con ngựa chết, người nữ đi đến chỗ xác con ngựa liền biến mất, Tỳ-kheo do lửa dục hừng thạnh nên cùng xác con ngựa hành dâm. Hành dâm rồi lửa dục liền tắt, Tỳ-kheo sanh tâm hối hận nghĩ rằng: "Ta đã thối đọa, chẳng phải là Tỳ-kheo, chẳng phải là Thích tử, các Tỳ-kheo ắt sẽ xa lánh ta, không ở chung với ta nữa, ta không nên đem thân bất tịnh mà mặc pháp y này", nghĩ rồi liền cởi Ca sa xếp cất vào trong túi vải, vác lên vai đi đến chỗ Phật. Lúc đó Phật đang thuyết pháp cho trăm ngàn vạn chúng vây quanh, từ xa trông thấy Nan-đề đi đến liền suy nghĩ: "Nếu ta không dùng lời dịu dàng han hỏi, thầy ấy sẽ vỡ tim và hộc máu ra". Khi Nan-đề vừa đến, Phật liền hỏi: "Lành thay Nan-đề, thầy có muốn học lại pháp Tỳ-kheo đã học hay không ?", Nan-đề nghe rồi liền sanh tâm hoan hỉ suy nghĩ: "Ta sẽ được cùng ở chung, các Tỳ-kheo sẽ không đuổi ta", nghĩ rồi liền đáp: "Thế tôn, con muốn học lại pháp học Tỳ-kheo". Phật liền bảo các Tỳ-kheo: "Các thầy hãy

tác pháp cho Nan-đề học lại pháp học Tỳ-kheo, nếu có ai khác giống như Nan-đề cũng nên tác pháp cho học lại như sau: Tăng nên nhất tâm hòa hợp, Tỳ-kheo Nan-đề trịch bày vai hữu quỳ gối chắp tay bạch rằng:

Đại-đức Tăng lắng nghe, tôi là Tỳ-kheo Nan-đề không xả giới, giới không suy kém, không nói ra mà hành pháp dâm, tôi nay theo tăng xin học lại pháp học Tỳ-kheo, xin thương xót. (3 lần)

Một Tỳ-kheo trong Tăng xướng rằng:

Đại-đức Tăng lắng nghe, Tỳ-kheo Nan-đề không xả giới, giới không suy kém, không nói ra mà hành pháp dâm, nay theo Tăng xin học lại pháp học Tỳ-kheo, Tăng thương xót cho Tỳ-kheo Nan-đề học lại pháp học. Nếu Tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận cho Tỳ-kheo Nan-đề học lại pháp học Tỳ-kheo. Bạch như vậy.

Như thế Bạch-tứ-yết-ma cho Tỳ-kheo Nan-đề học lại pháp học Tỳ-kheo xong, Tăng chấp thuận vì im lặng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

Cho học hành pháp của Sa di là đối với tất cả giới mà Phật đã kết đều phải thọ hành lại hết, người này ngồi ở dưới các Tỳ-kheo, nên trao thức ăn uống và thuốc thang cho các Tỳ-kheo, tự theo Sa di và bạch y thọ thức ăn uống; không được cùng đại Tỳ-kheo ở chung phòng quá hai đêm, cũng không được cùng Sa di và bạch y ở chung quá hai

đêm; không được cùng Tỳ-kheo thọ cụ túc giới làm hai pháp Bố tát và Tự tứ, vì cho học hành pháp của Sa di thì không được vào trong Túc số Tăng làm Yết ma Bố tát và Tự tứ, tất cả Yết ma đều không được làm.

2. Giới Trộm Cắp:

Phật ở thành Vương xá, lúc đó có nhiều Tỳ-kheo cùng an cư một chỗ mà ít phòng xá, nên các Tỳ-kheo mỗi người tùy chỗ quen biết theo xin vật liệu để xây cất am thất ở, nhưng khi các Tỳ-kheo vào thành khất thực có người hái củi đã phá am thất để lấy cây gỗ mang đi. Các Tỳ-kheo khất thực trở về thấy am thất bị phá, u sầu than rằng: "Chúng ta vất vả xây cất am thất, vừa đi khất thực đã có kẻ đến phá lấy hết cây gỗ đi", than rồi lại phải theo người thân quen xin cây gỗ khác để cất lại am thất. Trong chúng đó có một Tỳ-kheo tên Đạt-ni-ca là con của người thợ gốm dùng tay nghề khéo của mình tự xây thất bằng gạch, cửa cái cửa sổ đều bằng gạch, cột kèo, giá y… đều làm bằng đất sét rồi gom cỏ cây nung thành màu sắc đỏ rất đẹp; cất xong rồi liền dặn trao các Tỳ-kheo trông coi giúp trong thời gian mình đi du hành hai tháng. Lúc đó Phật cùng A-nan đi xem xét các phòng, từ xa nhìn thấy cái thất màu sắc đỏ đẹp, Phật liền hỏi A-nan là thất của ai, A-Nan đem sự việc trên bạch Phật, Phật nghe rồi liền bảo A-nan: "Thầy hãy đi phá bỏ

cái thất màu sắc đỏ của-Tỳ-kheo Đạt-ni-ca, chớ để cho ngoại đạo hiềm trách: Phật còn ở đời mà đã có pháp nhân duyên lậu kết như thế", A-nan vâng lời Phật dạy đi phá bỏ. Đạt-ni-ca du hành hai tháng xong trở về, thấy thất đã bị phá bỏ liền hỏi các Tỳ-kheo mà mình đã dặn trao trông coi là ai đã phá bỏ, các Tỳ-kheo nói: "Chính Phật đại sư bảo phá", Đạt-ni-ca suy nghĩ: "Pháp vương đã bảo phá thì không được nói gì, trong thành Vương xá có người giữ gỗ là thân hữu của ta, ta nên làm nhà bằng gỗ". Sáng hôm sau Đạt-ni-ca đắp y mang bát vào thành khất thực, khất thực xong đến chỗ người giữ gỗ nói rằng: "Ông có biết không, vua nước Ma-kiệt-đà, con của phu nhân Vi-đề-hi là vua A-xà-thế có cho tôi gỗ", Mộc sư nói: "Nếu vua đã cho thì tôn giả cứ tùy ý lấy". Trong đây có cây gỗ quý được cất giữ để thủ hộ thành, không cho mang ra vào cũng không cho ai. Đạt-ni-ca liền lấy cây gỗ quý này cưa thành khúc để 1 chỗ, người coi giữ thành thấy cây gỗ quý bị cưa thành khúc như thế, kinh sợ lông tóc dựng đứng cho là có oán tặc muốn mang đi, liền đến hỏi Mộc sư, Mộc sư đem việc tên kể lại, người coi giữ thành nghe rồi suy nghĩ: "Tại sao nhà vua lại cho Tỳ-kheo cây gỗ quý", nghĩ rồi liền đến hỏi vua: "Đại vương còn có những cây gỗ khác, tại sao lại cho Tỳ-kheo cây gỗ quý được cất giữ để thủ hộ thành ?" Vua nói không cho, người coi giữ thành nói là vua đã cho, vua hỏi là ai nói, đáp là Mộc sư

nói, vua bảo kêu Mộc sư đến, người coi giữ thành tuân lịnh kêu Mộc sư đến. Trên đường đi đến chỗ vua, Mộc sư gặp Đạt-ni-ca liền nói rằng: "Do thầy nên tôi bị vua hỏi tội", Đạt-ni-ca nói: "Ông đi trước, tôi sẽ đến sau". Lúc đó vua thấy Tỳ-kheo đến liền bảo thả Mộc sư và cho gọi Tỳ-kheo đến, vua hỏi Tỳ-kheo: "Theo pháp của-Tỳ-kheo, tại sao không cho mà lấy ?" Đạt-ni-ca nói: "Đại vương, tôi không phải không cho mà lấy, trước đây vua có cho tôi", vua nói: "Ta không nhớ là có cho", đáp: "Nay tôi xin nhắc để cho nhà vua nhớ lại, khi mới lên ngôi nhà vua nói rằng: Cây cỏ và nước trong nước ta, các Sa-môn, Bà-la-môn trì giới tùy ý lấy dùng", vua nói:

"Cây cỏ mà ta nói là cây cỏ vô chủ, thầy đã phạm đại tội", Đạt-ni-ca nói: "Tôi là người xuất gia nương ở trong nước của vua, sao vua lại giết tôi", vua nói: "Tỳ-kheo hãy đi đi, chớ có lấy gỗ quý như vậy nữa", lúc đó mọi người đều bàn tán: "Hy hữu thay cho Tỳ-kheo này, tội đáng chết mà nhà vua chỉ quở trách rồi thả". Tỳ-kheo này phạm đại tội được thả trở về trong chúng tăng, sau đó nói với các Tỳ-kheo: "Hôm nay tôi suýt bị nhà vua giết", nói rồi đem sự việc trên kể lại, các Tỳ-kheo dùng đủ lời quở trách: "Việc mà thầy đã làm không phải pháp Sa-môn, không phải đạo tùy thuận, đã làm hạnh không thanh tịnh, là việc mà người xuất gia không nên làm. Thầy không biết Thế Tôn đã dùng

đủ cách quở trách pháp trộm cắp và khen ngợi pháp không trộm cắp. Đối với pháp trộm cắp thầy còn không nên sanh tâm, miệng cũng không được nói huống chi là lấy", quở trách rồi đem việc này bạch Phật, Phật do việc này tập họp các Tỳ-kheo hỏi rõ sự thật, quở trách giống như đoạn văn trên rồi bảo A-nan: "Thầy hãy dẫn một Tỳ-kheo Hạ tòa vào thành Vương xá, ở chỗ ngã tư đường đông người qua lại, hỏi tất cả mọi người gồm người tin và không tin, người hiền và không hiền cho đến đại thần… rằng: Trộm cắp đến bao nhiêu thì vua nước Ma-kiệt-đà là vua A-xà-thế kết đại tội". A-nan vâng lời Phật dạy cùng một Tỳ-kheo Hạ tòa vào thành Vương xá đến chỗ ngã tư đường hỏi tất cả mọi người như trên, mọi người đều nói: "Trộm đến năm tiền hay vật trị giá năm tiền trở lên liền kết đại tội". A-nan trở về bạch lại, Phật liền bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên kết giới này cho các Tỳ-kheo, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo ở tụ lạc hay đồng trống lấy cắp vật không cho, do lấy cắp vật này, nếu vua hay đại thần của vua bắt trói hoặc đuổi đi hoặc giết hoặc nộp vàng chuộc tội, hoặc mắng: Thầy là người ngu si không biết chi, là kẻ giặc thì Tỳ-kheo lấy vật không cho này phạm Ba-la-di không được ở chung.

Lấy vật không cho là người chủ của vật không cho, người chủ bao gồm nam, nữ, huỳnh môn, hai căn.

Vua là người thuộc dòng Sát-đế-lỵ thọ ngôi vua đã làm phép quán đảnh (rưới nước tốt lành lên đầu) gọi là Vua, cũng gọi là Quốc chủ, cũng gọi là Quán đảnh; nếu Bà-la-môn, cư sĩ, người nữ thọ ngôi vua cũng gọi là Vua.

Bắt trói là gông cùm xiềng xích bắt giam vào trong ngục. Đuổi đi là đuổi ra khỏi nước. Kẻ giặc có hai là ăn cướp và ăn trộm.

Ba-la-di là rơi vào chỗ không như ý, là tội cực ác, cực nặng. Người phạm tội này rơi vào chỗ không như ý không gọi là Tỳ-kheo, không phải là Sa-môn Thích tử vì đã mất pháp Tỳ-kheo. Không được cùng ở chung là không được cùng Tỳ-kheo tác pháp Đơn-bạch-yết-ma, Bạch-nhị-yết-ma, Bạch-tứ-yết-ma, bố tát, tự tứ, không được vào trong số mười bốn người.

Trong giới này có ba trường hợp lấy vật quý trọng của người, phạm Ba-la-di:

1. Tự lấy: Tự tay lấy nhấc lên rời khỏi chỗ để ban đầu.

2. Bảo người lấy: Tỳ-kheo bảo người đi lấy trộm vật của người khác, người này nghe lời đi lấy trộm, khi lấy vật rời khỏi chỗ để ban đầu thì Tỳ-kheo phạm Ba-la-di.

3. Sai bảo lấy: Nếu Tỳ-kheo hỏi người có biết chỗ cất vật quý trọng không, người này đáp là biết, Tỳ-kheo liền sai đến chỗ đó lấy trộm, người này

nghe lời đi lấy trộm, khi lấy vật rời khỏi chỗ để ban đầu thì Tỳ-kheo phạm Ba-la-di.

Lại có ba trường hợp lấy vật quý trọng của người, phạm Ba-la-di:

1. Dùng tâm: Khởi tâm suy nghĩ muốn lấy trộm.

2. Dùng thân: dùng tay, chân… hay thân phần khác để lấy trộm vật của người khác.

3. Nhấc rời khỏi chỗ để ban đầu: Từ chỗ để vật lấy đem đến chỗ khác.

Lại có ba trường hợp lấy vật quý trọng của người, phạm Ba-la-di:

1. Người chủ của vật không cho: Bao gồm nam, nữ, huỳnh môn, người hai căn… không đồng ý cho.

2. Vật là vật quý trọng trị giá năm tiền trở lên.

3. Nhấc rời khỏi chỗ để ban đầu.

Lại có ba trường hợp lấy vật quý trọng của người, phạm Ba-la-di:

1. Tâm trộm cắp: Người chủ không cho mà cố ý lấy với tâm trộm cắp. Hai trường hợp sau cũng như trên.

Lại có ba trường hợp lấy vật quý trọng của người, phạm Ba-la-di:

1. Vật thuộc của người: Vật có chủ bao gồm nam, nữ, huỳnh môn, người hai căn… hai trường hợp sau cũng như trên.

Lại có ba trường hợp lấy vật quý trọng của người, phạm Ba-la-di:

1. Tưởng của người: Biết vật có chủ, bao gồm nam. Nữ… như trên.

Hai trường hợp sau cũng như trên.

Lại có bốn trường hợp lấy vật quý trọng của người phạm Ba-la-di: Một là người chủ không cho, hai là có tâm trộm cắp, Ba là vật quý trọng, bốn là nhấc rời khỏi chỗ để ban đầu.

Lại có bốn trường hợp lấy vật quý trọng của người phạm Ba-la-di: Một là biết vật thuộc của người khác, ba trường hợp sau giống như trên.

Lại có bốn trường hợp lấy vật quý trọng của người phạm Ba-la-di: Một-vật có người coi giữ và hai là vật có chủ, có tâm ngã sở: Như người có voi ngựa, trâu, dê… ở trong nước hay ở nước ngoài có nhờ người coi giữ, có tâm ngã sở; hễ người nào có tâm ngã sở thì vật thuộc của người ấy. Như người có ruộng mía, ruộng lúa… cho đến trong chuồng voi, chuồng ngựa, trong nhà ăn, nhà bếp có cất chứa đồ vật trong đó và có nhờ người coi giữ, có tâm ngã sở. Hễ người nào có tâm ngã sở thì vật thuộc của người đó. Hai trường hợp sau là vật quý trọng và lấy rời khỏi chỗ cũ giống như trên.

Lại có bốn trường hợp lấy vật quý trọng của người phạm Ba-la-di: Một là vật không có người coi giữ và hai là vật có chủ, có tâm ngã sở: Như

người có voi ngựa…, vợ con… ở nước mình hay nước khác tuy không có nhờ người coi giữ nhưng người đó có tâm ngã sở; hễ người nào có tâm ngã sở thì vật thuộc của người ấy. Hoặc như người có ruộng đất trồng lúa… giống như trường hợp trên. Cho đến năm loại vật báu hoặc tợ báu vật thuộc phục tàng tuy không có người coi giữ nhưng thuộc về của quốc chủ có tâm ngã sở, gọi là có chủ mà không có coi giữ. Hai trường hợp sau giống như trên.

Lại có bốn trường hợp lấy vật quý trọng của người phạm Ba-la-di: Một là vật có người coi giữ và hai là không có tâm ngã sở: Như giặc cướp cướp phá thành ấp lấy được nhiều tài vật, nếu nhờ thế lực của vua hay của làng xóm đánh cướp lại của bọn cướp, giặc cướp bỏ đi để lại tài vật đã cướp được, tài vật này tuy có người coi giữ nhưng không có tâm ngã sở vì là vật đã bị cướp; nếu người nào coi giữ mà không có tâm ngã sở thì người đó là người cướp lại được. Hoặc như Tỳ-kheo mất y bát, Tỳ-kheo quen biết thấy đoạt lấy lại giùm, tuy coi giữ giùm nhưng không có tâm ngã sở; nếu người nào coi giữ mà không có tâm ngã sở thì người đó là người đoạt lại được. Hai trường hợp sau giống như trên.

Nói chỗ để vật là bao gồm ở trên đất hay ở trong hư không, ở trên xe hay ở trên thuyền hay ở dưới nước, ở trong ruộng hay ở trong tăng phường hay

ở trên thân, ở chỗ đóng thuế hay chỗ ước hẹn; trên loài vật không chân, hai chân, bốn chân hay nhiều chân. Ở trên đất là như người có năm loại báu vật hay tợ báu vật để ở trên đất, Tỳ-kheo khởi tâm trộm cắp lấy rời khỏi chỗ cũ thì phạm Ba-la-di, nếu đang lựa chọn để lấy thì phạm Thâu-lan-giá, lựa chọn xong lấy vật trị giá năm tiền trở lên thì phạm Ba-la-di; nếu dùng gạch đá cây khều lên để lấy, tuy vật rớt trở xuống chỗ cũ Tỳ-kheo vẫn phạm Ba-la-di; nếu khều lấy nhưng chưa lấy rời khỏi chỗ để ban đầu thì phạm Thâu-lan-giá. Trường hợp năm loại vật báu hay tợ vật báu được cất giấu trong bình sắt, bình đồng… nếu Tỳ-kheo khởi tâm trộm cắp lấy rời khỏi chỗ cũ thì phạm Ba-la-di, nếu đang lựa chọn để lấy thì phạm Thâu-lan-giá, lựa chọn xong lấy vật trị giá năm tiền trở lên thì phạm Ba-la-di; nếu vật ở đáy bình khều móc lên gần tới miệng bình thì phạm Ba-la-di; nếu móc lên gần tới miệng mình lại bị rớt trở xuống đáy bình vẫn phạm Ba-la-di; nếu đục bình lấy vật trị giá năm tiền trở lên cũng phạm Ba-la-di. Nếu Tỳ-kheo khởi tâm muốn lấy khí cụ chứa đựng mà không muốn lấy món đồ, hoặc khởi tâm muốn lấy món đồ mà không muốn lấy khí cụ đựng, hoặc khởi tâm muốn lấy cả hai trị giá năm tiền trở lên đều phạm Ba-la-di.

Nói chỗ ở trên là như trên giường có lỗ bệ nhỏ, trên giường có lỗ bệ to, trên nệm dày, trên nệm mỏng, trên nệm tạp sắc có viền ren, mền dày, mền

mỏng, trên thảm, trên cây, trên nhà…. Chỗ giường có lỗ bệ nhỏ là chỗ chân giường, chỗ lỗ bệ của giường… hay trên đầu giường, trên võng nếu dùng dây dệt với dây khác thì gọi là chỗ khác; nếu dùng tấm da hay tấm phủ da một màu sắc thì gọi là một chỗ, khác màu sắc thì gọi là chỗ khác. Những chỗ như thế có năm loại báu vật hay tợ báu vật, nếu Tỳ-kheo khởi tâm trộm cắp lấy vật trị giá năm tiền trở lên rời khỏi chỗ cũ thì phạm Ba-la-di, nếu đang lựa chọn để lấy thì phạm Thâu-lan-giá, lựa chọn xong lấy vật trị giá năm tiền trở lên thì phạm Ba-la-di. Chỗ giường có lộ bệ to là trên một tấm ván của giường gọi là một chỗ, nếu dùng da hay tấm trải phủ lên một màu sắc… giống như trường hợp trên đã nói. Nói trên nệm là nệm làm bằng một loại lông, một lớp thì gọi là một chỗ, bên ngoài bên trong một màu sắc thì gọi là một chỗ, khác màu sắc thì gọi là khác chỗ. Trên những chỗ ấy có năm loại vật báu… giống như đoạn văn trên đã nói. Trên nệm dày, nệm mỏng, trên thảm… cũng giống như đoạn văn ở trường hợp trên đã nói. Nói trên cây là chỗ gốc cây, cành cây, lá hoa quả cho đến chùm rễ cây nếu có năm loại vật báu hay tợ vật báu, Tỳ-kheo khởi tâm trộm cắp lấy vật trị giá năm tiền rời khỏi chỗ cũ thì phạm Ba-la-di, nếu đang lựa chọn để lấy thì phạm Thâu-lan-giá, lựa chọn xong lấy vật trị giá năm tiền trở lên thì phạm Ba-la-di. Nói chỗ trên nhà là ở bên trong cửa, chỗ cửa sổ, cửa ra

vào, chỗ then cài, trên giá móc áo, trên cầu thang… ở trên cùng một bậc thang gọi là một chỗ, chỗ lan can cùng một thanh ngang nối gọi là một chỗ, chỗ chưa tô quét gọi là một chỗ… trên những chỗ đó nếu có năm loại vật báu… giống như đoạn văn ở trường hợp trên đã nói. Nói chỗ trên không là ở trong phòng xá, điện đường, hành lang có treo y quý giá như y Ba-đầu-ma, y Đầu-cầu-la… bị gió thổi bay trong hư không chưa rớt xuống đất. Tỳ-kheo khởi tâm trộm lấy thì phạm Ba-la-di. Hoặc y của Hòa thượng, A-xà-lê từ dưới bay lên hay từ trên bay xuống, Tỳ-kheo khởi tâm trộm cắp đón lấy cũng phạm Ba-la-di. Lại có trường hợp như người để đồ trang sức ở trên những chỗ như ở cửa sổ, trên thềm… nếu bị các loài vật nuôi có chủ như chim nhạn, chim anh võ… ngậm lấy bay đi, nếu Tỳ-kheo khởi tâm trộm đoạt lấy từ chim thì phạm Ba-la-di; khi đang chờ chim bay đến thì phạm Thâu-lan-giá, chim nếu bay đến chỗ Tỳ-kheo như ý muốn thì phạm Ba-la-di; nếu chim bay đến chỗ khác không như ý muốn thì phạm Thâu-lan-giá. Nếu bị các loài chim hoang dã ngậm lấy bay đi, Tỳ-kheo khởi tâm trộm đoạt lấy thì phạm Thâu-lan-giá, đang lúc đợi chim đến thì phạm Đột-kiết-la, chim bay đến chỗ Tỳ-kheo như ý muốn thì phạm Thâu-lan-giá, nếu bay đến chỗ khác không như ý muốn thì phạm Đột-kiết-la. Nói chỗ trên xe là như trên xe voi, xe ngựa… dù ở trên bất cứ chỗ

nào của thân voi, ngựa, bò… cho đến đòn xe, càng xe, trong thùng xe… có để năm loại vật báu hay tợ vật báu; Tỳ-kheo khởi tâm trộm cắp lấy rời khỏi chỗ cũ thì phạm Ba-la-di, nếu đang lựa chọn để lấy thì phạm Thâu-lan-giá, lựa chọn xong lấy vật trị giá năm tiền trở lên thì phạm Ba-la-di. Nói chỗ trên thuyền là bao gồm trên các loại thuyền, bè… ở bất cứ chỗ nào trên thuyền bè này có cất chứa năm loại vật báu nếu Tỳ-kheo khởi tâm trộm cắp lấy rời khỏi chỗ cũ thì phạm Ba-la-di, nếu đang lựa chọn để lấy thì phạm Thâu-lan-giá, lựa chọn xong lấy vật trị giá năm tiền trở lên thì phạm Ba-la-di. Những chỗ trên thuyền nếu cùng một chỗ che lợp hay phủ và cùng một màu sắc thì gọi là một chỗ, nếu khác màu sắc thì gọi là khác chỗ; những chỗ như thế nếu có năm loại vật báu… giống như đoạn văn ở trường hợp trên đã nói. Nói chỗ trong nước là những vật của người trôi trong nước nếu Tỳ-kheo khởi tâm trộm vớt lấy thì phạm Ba-la-di, nếu đang lựa chọn để lấy thì phạm Thâu-lan-giá, lựa chọn xong lấy vật trị giá năm tiền trở lên thì phạm Ba-la-di. Dù còn cầm giữ ở trong nước hay nhận chìm xuống đáy nước hay vớt ra khỏi mặt nước đều phạm Ba-la-di. Trường hợp trong ao nhà người có các loài vật nuôi có chủ, nếu Tỳ-kheo khởi tâm trộm bắt chúng đều phạm Ba-la-di, đang lúc lựa chọn để bắt lấy thì phạm Thâu-lan-giá, lựa chọn xong bắt lấy chim trị giá năm tiền ra khỏi ao thì phạm Ba-la-di.

Nếu trong ao, sông tự nhiên có các loài vật có chủ có người coi giữ, Tỳ-kheo khởi tâm trộm bắt lấy thì phạm Ba-la-di… giống như trên. Nói chỗ ruộng đất có hai trường hợp là cùng tranh cải và làm tướng, nếu Tỳ-kheo cùng tranh cải với người khác được thắng, đoạt lấy ruộng đất của người thì phạm Ba-la-di, nếu tranh cải không thắng không đoạt được ruộng đất thì phạm Thâu-lan-giá; nếu làm tướng giành lấy phần đất quá ranh giới của mình trị giá năm tiền trở lên mà được thì phạm Ba-la-di; đối với đất trong Tăng phường cũng giống như vậy. Nói chỗ trên thân là như Tỳ-kheo cầm y cho Hòa thượng, A-xà-lê đi, từ các chỗ trên thân như tay, cánh tay… khởi tâm trộm lấy dời từ chỗ này qua chỗ khác thì phạm Ba-la-di. Nói chỗ quan thuế là Tỳ-kheo đi qua cửa quan thuế, nếu vật phải đóng thuế mà không đóng thuế trị giá năm tiền trở lên thì phạm Ba-la-di. Nếu có thương buôn đi qua cửa quan thuế nói với Tỳ-kheo: "Cho tôi gởi vật này, nhờ thầy mang giúp qua chỗ đóng thuế", Tỳ-kheo nhận mang giúp qua, nếu vật trị giá năm tiền trở lên thì phạm Ba-la-di. Nếu có thương buôn qua cửa quan thuế nói với Tỳ-kheo: "Cho tôi gởi vật này, nhờ thầy mang giúp qua, tôi sẽ cho thầy phân nửa vật phải đóng thuế này", Tỳ-kheo nhận mang giúp qua, nếu vật trị giá năm tiền thì phạm Ba-la-di. Nếu có thương buôn qua cửa quan thuế nói với Tỳ-kheo: "Thầy mang giúp tôi vật này qua, tôi sẽ cho

thầy hết vật phải đóng thuế này", Tỳ-kheo nhận mang giúp qua… giống như trên. Nếu có thương buôn đi qua cửa quan thuế, Tỳ-kheo chỉ thương buôn đi đường khác để khỏi phải đóng thuế, vật đó trị giá năm tiền trở lên thì Tỳ-kheo phạm Ba-la-di. Nếu thương buôn đi chưa đến cửa quan thuế mà Tỳ-kheo chỉ cho đi đường khác để khỏi phải đóng thuế, vật trị giá năm tiền trở lên thì Tỳ-kheo phạm Thâu-lan-giá; nếu ở chỗ quan thuế có giặc hay ác thú…, Tỳ-kheo chỉ cho đi con đường khác thì không phạm. Nói chỗ ước hẹn là Tỳ-kheo ước hẹn với giặc cướp nếu đánh cướp trong tụ lạc mà được tài vật thì chia phần cho Tỳ-kheo, phần được chia nếu trị giá năm tiền trở lên thì phạm Ba-la-di. Nói loài không chân là như loài giun, trùn, đỉa… có người bắt chúng bỏ vào giỏ, Tỳ-kheo khởi tâm trộm lấy rời khỏi chỗ cũ thì phạm Ba-la-di, nếu đang lựa chọn để lấy thì phạm Thâu-lan-giá, lựa chọn xong lấy chúng trị giá năm tiền trở lên thì phạm Ba-la-di. Nếu Tỳ-kheo khởi tâm trộm nơi cái giỏ đựng không ở nơi trùn hoặc ở nơi trùn không ở nơi giỏ hoặc ở cả hai, trị giá năm tiền trở lên đều phạm Ba-la-di. Nói loài hai chân là như loài cầm như gà, vịt, ngỗng, chim, khỉ và người; nếu có người bắt chúng nhốt vào trong lồng, Tỳ-kheo khởi tâm trộm lấy rời khỏi chỗ cũ thì phạm Ba-la-di, nếu đang lựa chọn để lấy thì phạm Thâu-lan-giá, lựa chọn xong lấy chúng trị giá năm tiền trở lên thì

phạm Ba-la-di; nếu Tỳ-kheo khởi tâm trộm nơi cái lồng không ở nơi gà vịt chim, hoặc ở nơi gà vịt chim không ở nơi cái lồng hoặc ở cả hai, chúng trị giá năm tiền trở lên đều phạm Ba-la-di. Nói trộm bắt cóc người có hai: Mang chở đi hoặc cùng hẹn đi, nếu đi quá hai bước đều phạm Ba-la-di. Nói loài bốn chân là loài thú như voi ngựa trâu dê…, có người dùng dây cột chúng lại một chỗ, Tỳ-kheo khởi tâm trộm mở dây dẫn chúng đi quá bốn bước thì phạm Ba-la-di; nếu chúng ở trong chuồng, Tỳ-kheo khởi tâm trộm lùa chúng ra khỏi chuồng bốn bước thì phạm Ba-la-di; hoặc chúng cùng nằm một chỗ, Tỳ-kheo khởi tâm trộm dẫn dụ chúng đứng dậy đi theo mình quá bốn bước đều phạm Ba-la-di. Nếu người chăn trâu dê thả chúng ngoài đồng cho ăn cỏ, Tỳ-kheo suy nghĩ: "Đợi người chăn trâu vào thôn ta sẽ bắt trộm", Tỳ-kheo phạm Thâu-lan-giá, nếu giết chúng thì phạm Ba-dật-đề, giết rồi lấy thịt trị giá năm tiền thì phạm Ba-la-di. Nói loài nhiều chân là như con rết, có người bắt bỏ chúng vào trong bình… giống như trường hợp ở loài không không chân.

Lại có bảy trường hợp lấy vật quý trọng của người phạm Ba-la-di: Một là tưởng không phải của mình, hai là chủ của vật không đồng ý cho, Ba là không phải tạm lấy dùng, bốn là biết vật có chủ, năm là không có bịnh cuồng, sáu là tâm không loạn, bảy là tâm không bịnh hoại. Ngược với bảy

trường hợp trên thì lấy không phạm, tức là tưởng của mình, chủ của vật đồng ý cho, lấy tạm dùng, tưởng không có chủ, bịnh cuồng, tâm loạn và tâm bịnh hoại.

Có bảy trường hợp lấy vật quý trọng của phi nhơn phạm Thâu-lan-giá: Một là tưởng không phải của mình, hai là chủ của vật không đồng ý cho, Ba là không phải tạm lấy dùng, bốn là biết có chủ, năm là không có bịnh cuồng, sáu là tâm không loạn, bảy là tâm không bịnh hoại. Ngược với bảy trường hợp trên thì lấy không phạm giống như trường hợp của người ở trên.

Có bảy trường hợp lấy vật khinh (không đáng giá, tầm thường) của người phạm Thâu-lan-giá: Một là tưởng không phải của mình… cho đến bảy là tâm không bịnh hoại như trên. Ngược với trên thì không phạm, tức là tưởng của mình… cho đến tâm bịnh hoại.

Có bảy trường hợp lấy vật khinh của phi nhơn phạm Đột-kiết-la: Một là tưởng không phải của mình… cho đến bảy là tâm không bịnh hoại như trên. Ngược với trên thì không phạm, tức là tưởng của mình… cho đến tâm bịnh hoại.

Có Tỳ-kheo-ni tên Thi-việt quen biết rộng, là người có phước đức, thích được cúng dường tô, dầu, mật, thạch mật. Lúc đó có một thương buôn thấy vị ni này sanh tâm tín kính nói rằng: "Khi nào

cô cần tô, dầu, mật, thạch mật cứ đến nhà con lấy về dùng", ni liền nhận lời. Một Tỳ-kheo-ni khác nghe được, qua mấy ngày sau đến nhà thương buôn đó nói rằng: "Ni Thi-việt cần năm thăng dầu mè", thương buôn liền cúng cho, vị ni này mang về tự dùng. Vài ngày sau, thương buôn này gặp ni Thi-việt liền nói: "Sao cô chỉ cần lấy dầu mè mà không lấy thứ khác", ni liền hỏi nguyên do rồi nói: "Nếu có xin thứ khác, ông cũng nên cho", nói rồi trở về quở trách vị ni kia: "Cô là Tỳ-kheo-ni xấu xa, hạ tiện, cô đã phạm Ba-la-di", ni kia hỏi rõ nguyên do rồi nói: "Không phải chủ không cho mà tôi nhận lấy, mà là tôi mượn tên cô để nhận lấy", nói rồi sanh nghi không biết mình có phạm Ba-la-di hay không liền đem việc này bạch Phật, Phật hỏi: "Cô dùng tâm gì để nhận lấy ?" Đáp là mượn tên của Thi-việt để nhận lấy, Phật nói: "Không phạm Ba-la-di nhưng phạm tội vọng ngữ Ba-dật-đề, từ nay không được dối mượn tên người khác để lấy, nếu lấy thì phạm tội".

Có một Tỳ-kheo-ni ở Đông phương đi chung đường với Tỳ-kheo-ni tên Ba lợi, Ba lợi đi trước đánh rơi y, Đông phương đi sau nhặt lấy, về đến trú xứ liền hỏi là ai đã đánh rơi y, Ba lợi nghe rồi liền hỏi: "Cô đã lấy y sao ?" Đáp là đã nhặt lấy, Ba lợi liền nói: "Cô đã phạm Ba-la-di", Đông phương hỏi tại sao, Ba lợi nói: "Vì cô dùng tâm trộm để lấy", Đông phương nghe rồi sanh nghi không biết

mình có phạm Ba-la-di hay không, liền đem việc này bạch Phật, Phật nói không phạm. Có một cư sĩ cày ruộng gần Tinh xá Kỳ hoàn, cởi áo để một bên, lúc đó có một Tỳ-kheo tìm y phấn tảo trông thấy áo này, ngó bốn phía thấy không có ai liền nhặt lấy. Người cày ruộng từ xa trông thấy liền nói vọng tới: "Chớ lấy áo của tôi", Tỳ-kheo không nghe thấy vẫn cứ lấy áo mang đi, người cày ruộng đuổi theo nắm Tỳ-kheo nói rằng: "Pháp của-Tỳ-kheo không cho mà lấy hay sao ?" Tỳ-kheo nói: "Tôi cho là y phấn tảo không chủ nên lượm lấy", người cày ruộng nói: "Đây là áo của tôi", Tỳ-kheo nói: "Nếu là áo của ông thì trả lại cho ông". Lúc đó Tỳ-kheo sanh nghi không biết mình có phạm Ba-la-di hay không liền đem việc này bạch Phật, Phật hỏi Tỳ-kheo dùng tâm gì lượm lấy, đáp: "Con cho là không chủ nên lượm lấy", Phật nói: "Không phạm, từ nay muốn lượm lấy phải xét kỹ, tuy y vật không có người giữ nhưng ắt là có chủ".

-oOo-

LUẬT THẬP TỤNG

QUYỂN 2

I. BỐN PHÁP BA-LA-DI: (Tiếp Theo):

3. Giới Sát:

Lúc đó Phật ở bên sông Bà-cầu-ma tại nước Bạt-kỳ bảo các Tỳ-kheo: "Tu tập pháp quán bất tịnh sẽ được quả lớn, lợi lớn", các Tỳ-kheo suy nghĩ: "Thế tôn dạy chúng ta nên tu tập pháp quán bất tịnh sẽ được quả lớn, lợi lớn, vậy chúng ta nên siêng tu tập", nghĩ rồi liền siêng tu pháp quán bất tịnh, không bao lâu sau ôm lòng nhờm gớm thân này. Ví như thiếu niên thích trau chuốt, sau khi tắm xong cắt móng tay, cạo râu tóc, mặc y phục sạch đẹp rồi dùng hương thoa thân; nếu có người đem con rắn chết, chó chết hay người chết đã thúi rữa có trùng giòi bò ra này choàng lên cổ thì thiếu niên sẽ sanh nhờm gớm. Các Tỳ-kheo sau khi tu tập pháp quán bất tịnh cũng nhờm gớm thân nay giống như vậy, nên các Tỳ-kheo muốn chết, khen ngợi cái chết; có người cầm dao tự sát, có người uống thuốc độc, có người tự thắt cổ, có người nhảy từ dốc núi cao xuống… thậm chí hại mạng lẫn nhau.

Lúc đó có một Tỳ-kheo sau khi tu pháp quán bất tịnh do nhờm gớm thân này nên đến chỗ phạm chí Lộc trượng nói rằng: "Này thiện nhơn, nếu ông có thể giết chết tôi, tôi sẽ cho ông y bát", Lộc trượng nghe rồi liền cầm dao bén giết chết Tỳ-kheo, thấy dao dính máu liền cầm dao đến sông Ba-cầu-ma để rửa. Lúc đó thiên ma từ dưới nước hiện lên, đứng trên mặt nước khen Phạm chí: "Này thiện nhơn, ngươi đã được đại phước đức, các Sa-môn Thích tử có ai chưa được độ ngươi nên độ, ai chưa giải thoát ngươi nên giúp họ được giải thoát và được cả y bát của họ nữa", Lộc trượng nghe rồi liền sanh tà kiến, tự cho là đúng nên cầm dao đi từ phòng này đến phòng khác, từ chỗ kinh hành này đến chỗ kinh hành khác nói rằng: "Ai chưa được độ tôi sẽ độ, ai chưa giải thoát tôi sẽ giúp cho được giải thoát". Các Tỳ-kheo do tu pháp quán bất tịnh nhờm gớm thân, nên sau khi nghe rồi liền đến chỗ Lộc trượng yêu cầu giết chết mình, Lộc trường liền giết chết, cứ như thế giết chết đến sáu mươi người khiến cho Tăng đoàn giảm ít. Đến ngày thứ mười lăm thuyết giới thấy Tăng giảm ít, Phật tuy biết mà vẫn hỏi A-nan nguyên do, A-nan đem việc trên bạch lại cho đến câu: "Cứ như thế lần lượt giết chết đến sáu mươi người khiến cho Tăng đoàn giảm ít. Cúi xin Thế Tôn chỉ dạy phương pháp tu khác, pháp hành an lạc không sanh nhờm gớm để diệt trừ pháp ác đã sanh khởi", Phật bảo A-nan: "Có pháp tu khác

gọi là thiện đạo, là pháp hành an lạc không sanh nhờm gớm để diệt trừ pháp ác đã sanh khởi", A-nan hỏi: "Thế Tôn, sao gọi là thiện đạo, là pháp hành an lạc không sanh nhờm gớm có thể diệt trừ pháp ác đã sanh khởi ?" Phật nói: "Đó là pháp A-na-ban-na-niệm, nếu có Tỳ-kheo tuy nương ở trong thành ấp tụ lạc nào, sáng sớm đắp y mang bát thu nhiếp căn thân, nhất tâm chánh niệm vào thành khất thực, thọ thực xong tìm đến chỗ đất trống hay dưới một gốc cây, trải Ni-sư-đàn chánh thân đoan tọa hệ niệm trừ bỏ tâm tham tật đố, xa lìa tâm tham đắm tài vật của người, cứ như thế Hành giả có thể xa lìa bốn Cái còn lại là sân nhuế, thùy miên, điều hí và nghi hối. Vì các ấm cái này có thể làm tâm phiền não, khiến cho huệ lực suy kém không đến được niết bàn, nên phải xa lìa. Khi quán hơi thở vào phải nhất tâm biết hơi thở vào, khi thở ra phải nhất tâm biết hơi thở ra, dài ngắn cũng vậy. Nếu hơi thở vào khắp trong thân phải nhất tâm biết là vào khắp trong thân, đối với hơi thở ra cũng vậy. Ngoài thân hành nhất tâm quán hơi thở ra vào, cho đến cảm thọ hỉ lạc thuộc tâm hành cũng phải nhất tâm quán hơi thở ra vào. Ngoài tâm hành ra cho đến giác tâm khiến tâm hỉ lạc, tâm nhiếp phục, tâm giải thoát cũng đều phải nhất tâm quán hơi thở ra vào. Cho đến quán vô thường, quán biến hoại, quán ly dục, quán xả ly, quán diệt tận đều phải nhất tâm quán hơi thở ra vào. Đây gọi là thiện đạo, là pháp

hành an lạc để diệt trừ pháp ác đã sanh khởi, không sanh nhờm gớm nữa". Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy pháp tu A-na-ban-na-niệm rồi liền y theo lời Phật dạy siêng tu pháp A-na-ban-na-niệm, không bao lâu sau được vô lượng tri kiến tác chứng. Sau khi Phật biết đã có nhiều Tỳ-kheo được lậu tận chứng quả A-la-hán, liền do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng đủ lời quở trách rằng: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo mà lại cầm dao tự sát, khen ngợi cái chết và bảo người khác giết ?" Quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên nay kết giới cho các Tỳ-kheo, từ nay giới này nên nói như sau: Nếu Tỳ-kheo cố ý tự đoạt mạng, hay cầm dao đưa cho người bảo người chết, khen ngợi cái chết nói rằng: "Ngươi sống nhơ nhớp làm chi, thà chết còn hơn sống". Người kia nghe rồi tùy tâm muốn chết, do dùng đủ cách khuyên bảo chết, khen ngợi cái chết mà người kia chết thì Tỳ-kheo này phạm Ba-la-di không được ở chung. Đoạt mạng: Bao gồm tự đoạt hay bảo người đoạt. Trong giới này tướng phạm như thế nào? Có ba trường hợp Tỳ-kheo đoạt mạng người phạm Ba-la-di:

1. Tự làm: Là tự tử hay tự mình đoạt mạng người.

2. Bảo người làm: Là bảo người rằng: "Hãy bắt người này cột trói lại rồi giết".

3. Sai làm: Là hỏi người kia: "Ngươi có biết người có tên là..... không ?" Đáp là biết, liền

nói: "Người hãy bắt người đó cột trói rồi giết chết". Nếu người này nghe lời đi giết chết người kia thì Tỳ-kheo phạm Ba-la-di.

Lại có ba cách đoạt mạng người:

1. Dùng nội sắc: Là Tỳ-kheo dùng tay, chân hay thân phần khác để đánh đá người kia muốn cho người kia chết, nếu người kia nhơn đây mà chết thì Tỳ-kheo phạm Ba-la-di, nếu bây giờ không chết nhưng sau cũng chết vì bị đánh đá trước đó thì Tỳ-kheo cũng phạm Ba-la-di; nếu bây giờ không chết, sau cũng không chết vì bị đánh trước đó thì Tỳ-kheo phạm Thâu-lan-giá.

2. Dùng không phải nội sắc: Là Tỳ-kheo dùng cây, ngói, đá, dao kiếm, cung tên… từ xa ném tới muốn cho người kia chết, nếu người kia nhơn đây mà chết thì Tỳ-kheo phạm Ba-la-di, nếu bây giờ không chết nhưng sau cũng chết vì bị ném trước đó thì Tỳ-kheo cũng phạm Ba-la-di; nếu bây giờ không chết, sau cũng không chết vì bị đánh trước đó thì Tỳ-kheo phạm Thâu-lan-giá.

3. Dùng cả nội sắc và phi nội sắc: Là Tỳ-kheo tay cầm cây, ngói đá, dao kiếm cung tên… đánh đập hay dâm chém muốn cho người kia chết, nếu người kia nhơn bị đánh đập mà chết thì Tỳ-kheo phạm Ba-la-di, nếu bây giờ không chết nhưng sau cũng chết vì bị đánh đập trước đó thì Tỳ-kheo cũng phạm Ba-la-di; nếu bây giờ không chết, sau cũng

không chết vì bị đánh trước đó thì Tỳ-kheo phạm Thâu-lan-giá.

Lại có Tỳ-kheo không dùng ba cách trên để giết người, mà dùng thuốc độc hòa hợp nhỏ vào mắt, tai mũi, miệng hay trong nam nữ căn của người đó cho đến bỏ trong canh cơm, bánh trái… cho người đó ăn uống muốn cho người kia chết, nếu người kia nhơn bị trúng độc này mà chết thì Tỳ-kheo phạm Ba-la-di, nếu bây giờ không chết nhưng sau cũng chết vì bị trúng độc trước đó thì Tỳ-kheo cũng phạm Ba-la-di; nếu bây giờ không chết, sau cũng không chết vì bị trúng độc trước đó thì Tỳ-kheo phạm Thâu-lan-giá.

Lại có Tỳ-kheo không dùng ba cách giết người và hạ độc để giết người kể trên mà dùng nhiều cách khác như làm bẫy rập, làm cho sẩy thai, hoặc xô đẩy hoặc sai khiến đi vào con đường hiểm chỉ có chết, cho đến phương tiện giết chết thai nhi mới vừa tượng hình trong bụng mẹ. Nói dùng cách ưu đa là Tỳ-kheo biết người kia sẽ đi con đường này nên ở giữa đường đào làm hầm lửa rồi phủ lên cho không thấy khói, muốn cho người kia bị sụp hầm mà chết, nếu người kia nhơn đây mà chết thì Tỳ-kheo phạm Ba-la-di, nếu bây giờ không chết nhưng sau cũng chết vì bị sụp hầm trước đó thì Tỳ-kheo cũng phạm Ba-la-di; nếu bây giờ không chết, sau cũng không chết vì bị sụp hầm trước đó thì Tỳ-kheo phạm Thâu-lan-giá. Nếu Tỳ-kheo nhắm vào

người mà đào hầm, người bị sụp hầm mà chết thì Tỳ-kheo phạm Ba-la-di; nếu phi nhơn sụp hầm mà chết thì Tỳ-kheo phạm Thâu-lan-giá; súc sanh sụp hầm mà chết cũng phạm Thâu-lan-giá. Nếu Tỳ-kheo nhắm vào phi nhơn mà đào hầm, phi nhơn sụp hầm mà chết thì Tỳ-kheo phạm Thâu-lan-giá, người và súc sanh bị sụp hầm mà chết thì Tỳ-kheo phạm Đột-kiết-la. Nếu Tỳ-kheo nhắm vào súc sanh mà đào hầm, súc sanh bị sụp hầm mà chết thì Tỳ-kheo phạm Ba-dật-đề, người và phi nhơn bị sụp hầm mà chết thì Tỳ-kheo phạm Đột-kiết-la. Nếu Tỳ-kheo đào hầm không nhất định nhắm vào ai thì tùy đối tượng bị sụp hầm chết mà kết tội, nếu là người thì phạm Ba-la-di, nếu là phi nhơn thì phạm Thâu-lan-giá, nếu là súc sanh thì phạm Ba-dật-đề; nếu tất cả không chết thì kết phạm Thâu-lan-giá hay Đột-kiết-la.

Nói dùng cách đầu da: Có hai là địa đầu da và Mộc đầu da. Địa đầu da là Tỳ-kheo đào hầm chôn người hoặc đến đầu gối, lưng, rún… rồi cho voi giày, ngựa bò trâu dẫm đạp; hoặc cho rắn rít… bò đến cắn, muốn cho người kia chết, nếu người kia nhơn đây mà chết thì Tỳ-kheo phạm Ba-la-di, nếu bây giờ không chết nhưng sau vì việc này cũng chết thì Tỳ-kheo cũng phạm Ba-la-di; nếu bây giờ không chết, sau cũng không vì việc này mà chết thì Tỳ-kheo phạm Thâu-lan-giá. Mộc-đầu-da là Tỳ-kheo đục cây để cột trói người rồi cho voi giày…

kết phạm giống như cách Địa-đầu-da. Nói đặt bẫy, giăng lưới là Tỳ-kheo biết người kia sẽ đi con đường này liền ở giữa đường đặt bẫy, giăng lưới… muốn cho người kia sa bẫy, sa lưới mà chết, kết phạm cũng giống như trong đào hầm ở trên.

Nói Tỳ-đà-la là Tỳ-kheo vào ngày hai mươi chín tìm thây người chết rồi đọc chú triệu hồn sai khiến thây chết đứng dậy, rảy nước vào áo rồi để dao vào trong tay thây chết nói rằng: "Ta vì người có tên là ..... mà làm Tỳ-đà-la", nói rồi tụng chú thuật, đây gọi là Tỳ-đà-la đã thành. Nếu Tỳ-kheo muốn sai khiến thây chết đi giết người thì phải nhập định hay diệt tận định hoặc nhập Từ tâm tam muội hoặc có đại lực chú sư hộ niệm cứu giải, hoặc có đại lực thiên thần thủ hộ thì mới không bị thây chết làm hại. Tỳ-kheo làm Tỳ-đà-la trước phải chuẩn bị một con dê hay một cây chuối để phòng ngừa thây chết đi giết người không được, nó sẽ giết chết dê hay chặt cây này thay thế. Tỳ-kheo làm được như thế thì tốt, nếu không làm được như thế thì thây chết sẽ trở lại giết chết Tỳ-kheo là người đã sai khiến nó.

Nói bán Tỳ-đà-la là Tỳ-kheo vào ngày hai mươi chín sau khi làm người sắt, xe sắt rồi đọc chú triệu hồn người chết nhập vào người sắt, sai khiến người sắt đứng dậy, rải nước vào áo rồi đặt dao vào tay người sắt nói rằng: "Ta vì người có tên là ..... mà làm bán Tỳ-đà-la này", đây gọi là bán

Tỳ-đà-la đã thành. Nếu Tỳ-kheo muốn sai khiến người sắt này đi giết người thì phải nhập định… giống như trường hợp Tỳ-đà-la.

Nói đoạn mạng là Tỳ-kheo vào ngày hai mươi chín lấy phân trâu trét đất bỏ vào trong thức ăn đốt lên rồi bỏ vào trong nước, đọc chú khấn vái rằng: "Nếu lửa trong nước tắt thì mạng của người tên..... cũng chết"; như vậy khi lửa trong nước tắt thì người kia cũng chết theo. Lại có trường hợp Tỳ-kheo vào ngày hai mươi chín lấy phân trâu trét đất bỏ vào trong thức ăn rồi vẽ hình tượng người muốn giết, đọc chú khấn vái rằng: "Nếu tượng này diệt thì mạng người kia cũng chết"; như vậy khi tượng kia diệt thì người kia cũng chết theo. Lại có trường hợp Tỳ-kheo vào ngày hai mươi chín lấy phân trâu trét đất bỏ vào trong thức ăn, lấy kim châm chích vào rồi rút ra, đọc chú vái rằng: "Nếu kim được rút ra thì mạng người tên là ..... cũng chết"; như vậy khi kim được rút ra thì người đó cũng chết theo.

Nói làm cho sẩy thai chết là Tỳ-kheo cho người nữ có thai uống thuốc phá thai hay chích thuốc làm cho sẩy thai… nghĩ rằng do nhân duyên này người nữ kia sẽ chết. Nếu người nữ này chết thì Tỳ-kheo phạm Ba-la-di, muốn cho người kia chết, nếu bây giờ không chết nhưng sau cũng chết vì thuốc phá thai thì Tỳ-kheo cũng phạm Ba-la-di; nếu cả người mẹ và thai nhi đều chết thì Tỳ-kheo phạm Ba-la-

di; nếu bây giờ không chết, sau cũng không chết thì Tỳ-kheo phạm Thâu-lan-giá. Nếu Tỳ-kheo cho uống thuốc mục đích là giết thai nhi, thai nhi chết thì Tỳ-kheo phạm Ba-la-di, thai nhi nếu không chết mà người mẹ chết thì Tỳ-kheo phạm Thâu-lan-giá; nếu cả hai đều chết thì phạm Ba-la-di, cả hai không chết thì phạm Thâu-lan-giá.

Nói đè bụng chết là Tỳ-kheo sai người nữ đang có mang làm việc nặng hoặc bảo chạy về phía trước hoặc bảo leo lên dốc cao, mục đích muốn cho người nữ chết. Nếu người nữ nhơn việc này mà chết thì Tỳ-kheo phạm Ba-la-di, nếu bây giờ không chết nhưng sau cũng nhơn việc này mà chết thì Tỳ-kheo cũng phạm Ba-la-di; nếu bây giờ không chết, sau cũng không chết thì Tỳ-kheo phạm Thâu-lan-giá. Nếu Tỳ-kheo muốn người mẹ chết nên đè bụng, người mẹ chết thì Tỳ-kheo phạm Ba-la-di, người mẹ nếu không chết mà thai nhi chết thì Tỳ-kheo phạm Thâu-lan-giá, cả hai đều chết thì phạm Ba-la-di, cả hai đều không chết thì phạm Thâu-lan-giá. Nếu Tỳ-kheo muốn cho thai nhi chết nên đè bụng người mẹ, thai nhi chết thì Tỳ-kheo phạm Ba-la-di, thai nhi không chết mà người mẹ chết thì Tỳ-kheo phạm Thâu-lan-giá, cả hai đều chết thì phạm Ba-la-di, cả hai không chết thì phạm Thâu-lan-giá.

Nói xô đẩy vào trong lửa cho chết là Tỳ-kheo muốn người kia chết nên xô đẩy vào trong lửa củi, lửa cỏ, lửa phân trâu…; nếu người kia nhơn đây

mà chết thì Tỳ-kheo phạm Ba-la-di, nếu bây giờ không chết nhưng sau cũng nhơn việc này mà chết thì Tỳ-kheo cũng phạm Ba-la-di; nếu bây giờ không chết, sau cũng không chết thì Tỳ-kheo phạm Thâu-lan-giá.

Nói xô xuống nước cho chết là Tỳ-kheo muốn cho người kia chết nên xuống ao, giếng, sông, biển…; nếu người kia nhơn đây mà chết thì Tỳ-kheo phạm Ba-la-di… giống như trường hợp trên.

Nói xô từ trên cao xuống cho chết là Tỳ-kheo muốn cho người kia chết nên xô từ trên dốc núi cao, lầu gác cao… xuống, nếu người kia nhơn đây mà chết thì Tỳ-kheo phạm Ba-la-di… giống như trường hợp trên.

Nói sai sử đi vào đường hiểm, đến chỗ hiểm cho chết là Tỳ-kheo muốn cho người kia chết nên sai sử người đó đi đường có giặc cướp, có thú dữ… hoặc đến chỗ có khủng bố…; nếu người đó nhơn đây mà chết thì Tỳ-kheo phạm Ba-la-di… giống như trường hợp trên.

Nói thai nhi vừa mới tượng hình trong bụng mẹ là mạng căn còn là Ca la la, nếu Tỳ-kheo khởi tâm muốn giết, phương tiện giết; nếu thai nhi chết thì Tỳ-kheo phạm Ba-la-di… giống như trường hợp trên.

Phật bảo các Tỳ-kheo: "Nói cầm dao có hai trường hợp: Tự cầm và bảo người cầm. Nói khen

ngợi cái chết có ba trường hợp:

Một là đối với người ác giới như những người giết trâu dê gà chó, thả chim ưng bắt cá, thợ săn săn bắn thú… nếu Tỳ-kheo đến nói với họ rằng: "Các người là người ác giới, lâu nay đã tạo nhiều tội, sao không chết sớm đi". Nếu họ nhơn nghe theo lời này mà chết thì Tỳ-kheo phạm Ba-la-di, không chết thì phạm Thâu-lan-giá. Nếu người ác giới này không nghe theo lời xúi bẩy của-Tỳ-kheo mà chết thì Tỳ-kheo phạm Thâu-lan-giá; nếu Tỳ-kheo sau khi khen ngợi cái chết để xúi bẩy người kia chết mà sanh hối, bèn trở lại nói với người kia rằng: "Các ngươi tuy làm nhiều việc ác nhưng nếu gặp được thiện tri thức, gần gũi bậc thiện nhơn, được nghe diệu pháp có thể chánh tư duy thì cũng được lìa tội, không nên tự sát". Nếu người kia nghe theo lời khuyên này không tự sát thì Tỳ-kheo cũng phạm Thâu-lan-giá.

Hai là đối với người thiện giới như các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di; nếu Tỳ-kheo đến nói với họ rằng: "Các vị trì thiện giới, có đại phước đức, nếu chết thì được thọ thiên phước, tại sao không tự sát". Nếu họ nghe theo lời này mà tự sát thì Tỳ-kheo phạm Ba-la-di, không tự sát thì Tỳ-kheo phạm Thâu-lan-giá. Nếu Tỳ-kheo sau khi xúi bẩy người đó chết liền sanh truy hối, bèn trở lại nói với người đó rằng: "Ngươi là người thiện giới, thọ mạng càng lâu thì phước đức càng nhiều,

phước đức nhiều thì hưởng phước cũng nhiều, chớ có tự sát"; nếu người kia nghe theo lời này không tự sát nữa thì Tỳ-kheo vẫn phạm Thâu-lan-giá.

Ba là đối với người bịnh: Bịnh là do bốn đại tăng giảm nên chịu các khổ não, nếu Tỳ-kheo đến nói với người bịnh rằng: "Tại sao ngươi phải chịu khổ não lâu như vậy, sao không chết sớm đi", nếu người bịnh nghe theo lời nói này mà chết thì Tỳ-kheo phạm Ba-la-di, không chết thì Tỳ-kheo phạm Thâu-lan-giá. Nếu Tỳ-kheo sau khi nói rồi sanh truy hối trở lại nói với người bịnh rằng: "Ngươi tuy bịnh nặng nhưng nếu gặp được thầy giỏi thuốc hay, hoặc gặp được người khán bịnh giỏi biết tùy bịnh cho ăn uống thì bịnh có thể được lành, không nên tự sát; nếu người bịnh nghe theo lời nói này không tự sát nữa thì Tỳ-kheo vẫn phạm Thâu-lan-giá."

Lúc đó Ca-lưu-đà-di thường hay lui tới nhà cư sĩ, sáng sớm hôm đó đắp y mang bát đến nhà một cư sĩ, vợ cư sĩ này có con chưa dứt sữa, bồng để con trên giường đắp chăn lại rồi đi. Khi Ca-lưu-đà-di bước vào nhà không xem xét kỹ liền ngồi xuống giường, người mẹ thấy vội nói trên giường có đứa trẻ, nhưng lúc đó Ca-lưu-đà-di đã ngồi lên mình đứa bé khiến cho lòi ruột ra mà chết. Ca-lưu-đà-di trở về chùa kể lại việc trên cho các Tỳ-kheo, các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật hỏi Ca-lưu-đà-di: "Thầy đã khởi tâm gì khi làm việc đó?" Đáp: "Con do không xem xét kỹ nên ngồi", Phật nói:

"Không phạm, nhưng từ nay khi muốn ngồi phải xem xét kỹ rồi mới ngồi, nếu không như thế thì phạm Đột-kiết-la".

Lại có hai Tỳ-kheo là cha con cùng đi đến nước Kiều-tát-la thành Xá-vệ, khi đi qua con đường hiểm người con thúc người cha đi mau, người cha nghe lời vội đi mau nên bị vấp ngã mà chết. Người con sanh nghi không biết mình có phạm Ba-la-di và tội ngũ nghịch hay không, liền đem việc này bạch Phật, Phật hỏi: "Thầy khởi tâm gì khi thúc cha đi nhanh?" Đáp: "Con thấy trời tối sợ không đi qua khỏi con đường hiểm, do tâm ái trọng nên thúc cha đi mau, không ngờ khiến cha vấp ngã mà chết", Phật nói không phạm.

Lại có hai Tỳ-kheo vốn là cha con cùng đi đến nước Kiều-tát-la thành Xá-vệ, khi đến một tụ lạc không có tăng phường, người con liền hỏi cha ngủ qua đêm ở đâu, người cha nói nên ngủ trong tụ lạc, người con nói: "Ngủ trong tụ lạc có khác gì bạch y", người cha hỏi: "Vậy con muốn ngủ ở đâu ?" Người con nói nên ngủ nơi đất trống, người cha nói: "Nơi đây e có cọp sói, hai cha con ta nên thay phiên thức ngủ, ta ngủ trước con thức", người con bằng lòng, người cha liền nằm ngủ trước, khi ngủ ngáy to khiến cọp tìm đến cắn bể đầu người cha mà chết, người con thấy cha chết liền sanh nghi không biết mình có phạm Ba-la-di và tội ngũ nghịch hay không, nên đem việc này bạch Phật, Phật nói:

"Không phạm, nhưng nên la lớn hay đốt lửa làm cho hổ sợ".

Lại có một Tỳ-kheo trời tối đi vào đường hiểm gặp giặc, giặc muốn bắt Tỳ-kheo, Tỳ-kheo bỏ chạy rơi xuống sườn núi đè trúng trên mình người thợ dệt khiến cho người thợ dệt chết. Tỳ-kheo sanh nghi không biết mình có phạm Ba-la-di hay không, liền đem việc này bạch Phật, Phật nói: "Không phạm, nhưng từ nay chiều tối chớ có đi như thế".

Lúc đó ở nước A-la-tỳ, trong Tăng phường phòng xá hư cũ, Tỳ-kheo đang tu sửa ở trên sảy tay làm rớt gạch xuống trúng phải người thợ mộc khiến cho người thợ mộc này chết. Tỳ-kheo sanh nghi không biết mình có phạm Ba-la-di hay không, liền đem việc này bạch Phật, Phật nói: "Không phạm, nhưng từ nay nên nhất tâm trong khi làm việc".

Lại nữa ở nước A-la-tỳ, trong Tăng phường hư cũ, Tỳ-kheo đang tu sửa thấy trong gạch ngói có một con rít nên hoảng sợ nhảy xuống đè trúng người thợ mộc khiến cho người này chết. Tỳ-kheo sanh nghi không biết mình có phạm Ba-la-di hay không, liền đem việc này bạch Phật, Phật nói: "Không phạm, nhưng từ nay chớ làm thân hành như thế".

4. Giới Vọng Ngữ:

Phật ở nước Duy-na-ly hạ an cư cùng chúng đại

Tỳ-kheo, lúc đó ngoài thế gian đang mất mùa đói kém nên khất thực khó được, vợ con trong nhà còn không đủ cơm ăn áo mặc làm sao có thể sớt cho người khất thực. Phật do nhân duyên này nhóm họp các Tỳ-kheo bảo rằng: "Các thầy nên biết, lúc này ở ngoài thế gian mất mùa… giống như đoạn văn trên cho đến câu cho người khất thực. Các thầy nên theo bà con quen biết hay thí chủ tịnh tín mà đến đó an cư, chớ nên ở nơi đây chịu khổ não vì ăn uống". Các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, ai nấy đều đến nhà bà con quen biết để an cư. Lúc đó có các Tỳ-kheo đến một chỗ trong nước Kiều-tát-la an cư, lại có các Tỳ-kheo đến bờ sông Bà-cầu-ma ở trong một tụ lạc an cư. Trong tụ lạc này có nhiều nhà giàu, nô tỳ, tài bảo, thóc lúa… đủ thứ thành tựu. Các Tỳ-kheo này suy nghĩ: "Nay ngoài thế gian mất mùa đói kém khất thực khó được, vợ con trong nhà còn thiếu cơm ăn làm sao sớt cho người khác. Trong tụ lạc này có nhiều nhà giàu… đủ thứ thành tựu, chúng ta nên đến những nhà này khen ngợi lẫn nhau như sau: "Cư sĩ nên biết, các người nay được đại thiện lợi vì các Tỳ-kheo tăng nương ở trong tụ lạc này an cư, trong số đó có vị đã chứng A-la-hán, có vị đã được Hướng A-la-hán, có vị đã chứng A-na-hàm, có vị đã được Hướng A-na-hàm, có vị đã chứng Tư-đà-hàm, có vị đã được Hướng Tư-đà-hàm, có vị đã chứng Tu-đà-hoàn, có vị đã được Hướng Tu-đà-hoàn, có vị đã được Sơ thiền, Nhị

thiền, Tam thiền, Tứ thiền; có vị đã được vô lượng từ tâm, vô lượng bi tâm, vô lượng hỉ tâm, vô lượng xả tâm; có vị được vô lượng thức xứ, không xứ, vô sở hữu xứ, phi tưởng phi phi tưởng xứ; có vị được pháp quán bất tịnh, có vị được A-na-ban-na-niệm", nghĩ rồi các Tỳ-kheo liền vào trong tụ lạc đến các nhà giàu khen ngợi lẫn nhau giống như trong đoạn văn trên cho đến câu có vị được A-na-ban-na-niệm. Các cư sĩ nghe rồi liền sanh tâm tịnh tín nghĩ rằng: "Chúng ta nay được thiện lợi vì có chúng tăng là đại phước điền nương ở trong tụ lạc của chúng ta an cư, có vị đã chứng A-la-hán… giống như đoạn văn trên cho đến câu có vị được A-na-ban-na-niệm", do có lòng tin nên dù đang là lúc thế gian mất mùa đói kém khất thực khó được, mà các Tỳ-kheo này vẫn khất thực dễ được như lúc thế gian được mùa sung túc, các cư sĩ cúng dường cho các Tỳ-kheo hai thời no đủ. Các Tỳ-kheo này do được cúng dường đầy đủ nên thân thể sung mãn, nhan sắc hồng hào tươi sáng. Pháp thường của chư Phật là một năm có hai kỳ đại hội vào tháng sau của cuối mùa xuân và vào tháng sau của cuối mùa hạ. Vào tháng cuối của mùa xuân, Tỳ-kheo các nơi suy nghĩ: "Phật đã dạy chúng ta nên an cư, trong ba tháng an cư tu tập sẽ được an lạc trụ", đây là đại hội thứ nhất. Vào tháng cuối của mùa hạ, các Tỳ-kheo an cư ba tháng đã xong nghĩ rằng: "Đã lâu chúng ta không gặp Phật", nghĩ rồi liền đắp y mang

bát đi đến chỗ Thế Tôn, đây là đại hội thứ hai. Lúc đó các Tỳ-kheo an cư ở nước Kiều-tát-la xong, đắp y mang bát đi đến thành Duy-na-ly, pháp thường của chư Phật là các Tỳ-kheo cùng Phật an cư nếu thấy có các Tỳ-kheo từ nơi khác đến phải đón tiếp thăm hỏi và phân chia phòng xá ngọa cụ cho nghỉ ngơi, nói rằng: "Đây là phòng của thầy, giường dây này có lỗ bệ to, giường dây này có lỗ bệ nhỏ, đây lá mền gối…", tùy theo thứ lớp mà phân chia. Lúc đó các Tỳ-kheo ở Duy-na-ly thấy các Tỳ-kheo ở nước Kiều-tát-la đến liền đón tiếp thăm hỏi… giống như trên đã nói, cho đến câu tùy theo thứ lớp phân chia cho ở rồi hỏi: "Các thầy có được an lạc không, khất thực không thiếu và đi đường không nhọc mệt chứ ?" Các Tỳ-kheo Kiều-tát-la đáp: "Chúng tôi được an lạc trụ, đi đường không nhọc mệt nhưng khất thực khó được", các Tỳ-kheo Duy-na-ly nói: "Các thầy tuy được an lạc trụ, đi đường không nhọc mệt nhưng vì khất thực khó được nên thân thể gầy ốm, nhan sắc tiều tụy". Lúc đó các Tỳ-kheo an cư ở bên sông Bà-cầu-ma đi đến thành Duy-na-ly cũng được đón tiếp thăm hỏi và được phân chia phòng xá ngọa cụ giống như trên. Khi các Tỳ-kheo Duy-na-ly thăm hỏi có được an lạc trụ… như trên thì các Tỳ-kheo Bà-cầu-ma đáp rằng: "Chúng tôi được an lạc trụ, khất thực không thiếu nhưng đi đường nhọc mệt", các Tỳ-kheo Duy-na-ly nói: "Các thầy quả thật được an lạc trụ,

khất thực không thiếu nhưng đi đường nhọc mệt, vì sao, vì các thầy mập mạp, nhan sắc hồng hào", kế từ từ gạn hỏi các Tỳ-kheo Bà-cầu-ma: "Nay thế gian đang lúc mất mùa đói kém, khất thực khó được, vợ con trong nhà còn thiếu cơm ăn làm sao sớt cho người đi khất thực. Các thầy do nhân duyên gì trong ba tháng an cư lại khất thực không khó, khí lực được dồi dào, nhan sắc tươi sáng như thế?" Các Tỳ-kheo Bà-cầu-ma liền đem việc trên kể lại, các Tỳ-kheo Duy-na-ly hỏi: "Các thầy khen ngợi lẫn nhau như thế là thật có công đức này không?" Đáp là thật không có, các Tỳ-kheo Duy-na-ly liền dùng đủ lời quở trách: "Việc mà các thầy đã làm không phải là pháp Sa-môn, không phải đạo tùy thuận, không có tâm ưa muốn, là điều mà người xuất gia không nên làm. Các thầy không biết Thế tôn đã dùng đủ cách quở trách nói dối, đủ cách khen ngợi không nói dối hay sao. Phật thường nói pháp dạy chúng ta lìa nói dối, các thầy còn không nên sanh tâm khởi tưởng nói dối, huống chi là vì chút ăn uống, không chứng được Thánh pháp hơn người mà tự nói là đã chứng?" Đủ lời quở trách rồi liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm Tỳ-kheo tăng và hỏi các Tỳ-kheo Bà-cầu-ma rằng: "Các thầy thật đã làm việc này phải không?" Đáp là thật đã làm, Phật liền dùng đủ lời quở trách: "Việc mà các thầy đã làm không phải là pháp Sa-môn, không phải đạo tùy thuận, không có

tâm ưa muốn, là điều mà người xuất gia không nên làm. Các thầy thật là ngu si không biết chi, ta đã dùng đủ cách đủ lời quở trách vọng ngữ, đủ cách đủ lời khen ngợi không vọng ngữ. Ta thường nói pháp dạy các thầy lìa vọng ngữ, các thầy còn không nên sanh tâm khởi tưởng vọng ngữ, huống chi là vì chút ăn uống, không chứng được thánh pháp hơn người mà lại tự nói là đã chứng". Phật dùng đủ lời quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Thế gian có ba loại đại tặc: Loại thứ nhất là làm chủ một trăm người, ở trước một trăm người, được một trăm người cung kính vây quanh… cho đến được năm trăm người cung kính vây quanh, mà lại vào trong thành ấp tụ lạc leo tường khoét vách, chặn đường cướp của giết người. Loại thứ hai là có Tỳ-kheo lấy thức ăn uống, tài vật cho đến hoa quả trong vườn rừng của Tứ phương Tăng đem bán để tự sống hoặc đem cho bạch y quen biết. Loại thứ Ba là có Tỳ-kheo vì chút ăn uống, lợi dưỡng cúng dường, tự thân không chứng được Thánh pháp hơn người mà cố ý vọng ngữ, tự nói là đã chứng. Trong ba loại đại tặc này thì hai loại trên đều gọi là tiểu giặc, loại thứ ba mới là đại tặc nguy hiểm nhất đối với trời người, ma Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn trong thế gian. Vì sao, vì chút ăn uống, tự thân không có chứng Thánh pháp hơn người mà cố ý vọng ngữ tự nói là đã chứng. Nếu đem so với hai loại giặc trên thì gọi là đại giặc nguy hiểm nhất", Phật liền nói kệ:

"Tỳ-kheo chưa đắc đạo,
Tự nói là đắc đạo,
Đại tặc trong trời người
Người phá giới cực ác,
Người si này thân hoại,
Sẽ đọa vào địa ngục".

Phật dùng đủ lời quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên nay kết giới cho các Tỳ-kheo, từ nay giới này nên nói như sau: Nếu Tỳ-kheo không biết, không thấy, không có thánh pháp hơn người mà lại tự nói là đã được, đã biết, đã thấy như thế… Tỳ-kheo này thời gian sau có người hỏi hay không có người hỏi, vì muốn phát lồ tội lỗi nên nói rằng: "Tôi vì tham đắm lợi dưỡng nên dù không biết mà lại nói là đã biết, dù không thấy mà lại nói là đã thấy. Do nói lời hư dối không thật nên Tỳ-kheo này phạm Ba-la-di không được ở chung."

Lúc đó Phật ở nước Xá-vệ, có các Tỳ-kheo ở chốn lan nhã trong nước Kiều-tát-la do quán Biệt tướng được định nên tham dục sân nhuế không khởi, liền cho rằng mình đã đắc đạo, việc nên làm đã làm xong. Do nghĩ như vậy nên đến bạch Phật: "Chúng con là A-la-hán, sanh phần đã hết, không còn thọ thân sau", sau đó họ đến sống trong một tăng phường gần tụ lạc, do thường gặp phụ nữ nên tham dục sân nhuế sanh khởi trở lại nên nói với nhau: "Chúng ta khổ não rồi, trước kia khi còn ở chốn lan nhã do quán biệt thương nên tham dục sân

nhuế không khởi, chúng ta liền cho là mình đã đắc đạo, việc nên làm đã làm xong. Không ngờ nay ở gần tụ lạc do thường gặp người nữ nên tham dục sân nhuế liền khởi trở lại, chúng ta đã mất pháp Tỳ-kheo vì không chứng được pháp hơn người mà tự nói là đã chứng". Các Tỳ-kheo này đem sự việc bách các Tỳ-kheo, các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng, dùng đủ lời khen ngợi giới, khen ngợi người trì giới rồi bảo các Tỳ-kheo: "Từ nay giới này nên nói lại như sau:

Nếu Tỳ-kheo không biết không thấy, không có pháp hơn người mà tự nói là tôi được, tôi thấy, tôi biết như thế như thế. Thời gian sau dù có người hỏi hay không có người hỏi, vì muốn xuất tội nên nói rằng: Tôi thật không biết mà nói là biết, thật không thấy mà nói là thấy. Do nói lời hư dối không thật nên Tỳ-kheo này phạm Ba-la-di không được ở chung, trừ bậc Tăng thượng mạn."

Nói không biết là đối với pháp hơn người không biết, không thấy, không đắc, không xúc thọ, không chứng.

Nói không thấy là đối với lý Tứ đế không thấy khổ đế, không thấy tập đế, không thấy diệt đế, không thấy đạo đế.

Trong giới này tướng phạm là nếu Tỳ-kheo nói tôi là A-la-hán mà không thật thì phạm Ba-la-di,

nói tôi là Hướng A-la-hán mà không thật thì phạm Ba-la-di, nói tôi là A-na-hàm mà không thật thì phạm Ba-la-di, nói tôi là Hướng A-na-hàm mà không thật thì phạm Ba-la-di, nói tôi là Tư-đà-hàm mà không thật thì phạm Ba-la-di, nói tôi là Hướng Tư-đà-hàm mà không thật thì phạm Ba-la-di, nói tôi là Tu-đà-hoàn mà không thật thì phạm Ba-la-di, nói tôi là hướng Tu-đà-hoàn mà không thật thì phạm Ba-la-di. Nếu Tỳ-kheo nói tôi được Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền; được vô lượng Từ tâm, Bi tâm, Hỉ tâm, Xả tâm; Không xứ, Thức xứ, Vô sở hữu xứ, Phi tưởng phi phi tưởng xứ; pháp quán bất tịnh, A-na-ban-na-niệm mà không thật đều phạm Ba-la-di; nhẫn đến nói tôi là người khéo hay trì giới, dâm dục không khởi nếu không thật thì phạm Thâu-lan-giá. Nếu Tỳ-kheo nói rằng: "Chư thiên đến chỗ tôi, cho đến Dạ xoa… La sát đến chỗ tôi, họ hỏi tôi đáp, tôi hỏi họ đáp, nếu không thật thì phạm Ba-la-di; cho đến nói triền phong thổ quỷ đến chỗ tôi, nếu không thật thì phạm Thâu-lan-giá".

Lúc đó Trưởng lão Đại Mục-kiền-liên ở tại núi Kỳ-xà-quật nhập không định Vô sở hữu xứ, khéo lấy tướng nhập định mà không khéo lấy tướng xuất định, nên khi xuất định nghe thấy trong thành A-tu-la có tiếng kỷ nhạc, vội nhập định trở lại nghĩ rằng: "Ta ở trong định nghe thấy trong thành A-tu-la có tiếng kỷ nhạc". Do nghĩ như thế nên sau khi

xuất định nói với các Tỳ-kheo: "Tôi ở trong núi Kỳ-xà-quật nhập định Vô sắc Không vô sở hữu xứ, nghe thấy trong thành A-tu-la có tiếng kỷ nhạc", các Tỳ-kheo nói: "Nhập Vô sắc định mà nghe tiếng thấy sắc là không có lý đó, vì sao, vì nếu nhập Vô sắc định là phá hoại sắc tướng, xa lìa âm thinh. Thầy không có pháp hơn người mà cố ý nói vọng, thầy đáng bị diệt tẫn", liền đem việc này bạch Phật, Phật bảo các Tỳ-kheo: "Các thầy chớ nói Đại Mục-kiền-liên phạm tội, vì sao, vì Đại Mục-kiền-liên chỉ thấy việc trước không thấy việc sau, Như lai thì thấy cả việc trước việc sau. Đại Mục-kiền-liên ở tại núi Kỳ-xà-quật nhập Vô sắc định Vô sở hữu xứ, khéo lấy tướng nhập định mà không khéo lấy tướng xuất định, nên khi xuất định nghe thấy tiếng kỷ nhạc trong thành A-tu-la, nghe rồi liền vội nhập định trở lại và tự cho rằng mình nhập định nghe tiếng. Nếu nhập Vô sắc định mà nghe tiếng thấy sắc là không có lý đó, vì sao, vì định này phá hoại sắc tướng xa lìa âm thanh. Nếu Đại Mục-kiền-liên không có pháp hơn người mà cố ý nói vọng cũng không có lý đó, chỉ vì Mục-liên tùy tâm tưởng mà nói nên không tội".

Lại có Tỳ-kheo hỏi Trưởng lão Mục-liên: "Nước sông A phù đà từ đâu đến ?" Đáp là từ ao A-nậu-đạt đến, các Tỳ-kheo nói: "Nước ao A-nậu-đạt ngọt có tám công đức, còn nước này nóng sôi mặn đắng nên không có lý đó. Trưởng lão không

có pháp hơn người mà cố ý nói dối, đáng bị diệt tẫn", liền đem việc này bạch Phật, Phật bảo các Tỳ-kheo: "Các thầy chớ nói Mục-liên phạm tội, vì sao, vì nước ao A nậu đạt cách đây rất xa, nước này vốn có tám công đức ngon ngọt nhưng trải qua năm trăm địa ngục nhỏ mới chảy đến đây nên thành nóng và mặn. Nếu các thầy hỏi Mục-liên nước này cớ sao mặn nóng thì Mục-liên có thể tùy tưởng đáp, Mục-liên nói thật nên không phạm".

Lúc đó Đại Mục-kiền-liên nhập định thấy các Dạ xoa nước Bạt-kỳ cùng các Dạ xoa nước Ma-kiệt-đà đánh nhau và phá được dạ xoa nước Ma-kiệt-đà, sau khi xuất định nói với các Tỳ-kheo: "Người nước Bạt kỳ sẽ phá người nước Ma-kiệt-đà", thời gian sau vua A-xà-thế khéo dẫn binh chúng phá được người nước Bạt kỳ, các Tỳ-kheo nói: "Trưởng lão trước kia có nói người nước Bạt kỳ sẽ phá người nước Ma-kiệt-đà, nay người nước Ma-kiệt-đà đã phá được người nước Bạt kỳ, thầy không có pháp hơn người mà cố ý nói vọng, đáng bị diệt tẫn", liền đem việc này bạch Phật, Phật bảo các Tỳ-kheo: "Các thầy chớ nói Mục-liên phạm tội này, vì sao, vì Mục-liên thấy việc trước mà không thấy được việc sau, còn Như lai thấy cả việc trước việc sau. Dạ xoa nước Bạt kỳ cùng dạ xoa nước Ma-kiệt-đà đánh nhau được thắng, do đó người nước Bạt kỳ cũng phá được người nước Ma-kiệt-đà, sau vua A-xà-thế tập họp binh chúng lại cùng

đánh nên được thắng, Mục-liên tùy tâm tưởng nói nên không phạm".

Sau đó Mục-liên nhập định thấy dạ xoa nước Ma-kiệt-đà đánh với dạ xoa nước Bạt kỳ được thắng, sau khi xuất định liền nói với các Tỳ-kheo: "Người nước Ma-kiệt-đà sẽ phá được người nước Bạt kỳ ", nhưng sau khi hai bên cùng đánh nhau thì người nước Bạt kỳ được thắng, các Tỳ-kheo nói: "Thầy trước có nói người nước Ma-kiệt-đà sẽ thắng người Bạt kỳ, nay người Bạt kỳ lại phá người Ma-kiệt-đà, thầy không có pháp hơn người mà cố ý vọng ngữ, đáng bị diệt tẫn", đem việc này bạch Phật, Phật bảo các Tỳ-kheo: "Các thầy chớ nói Mục-liên phạm tội này, vì sao, vì Mục-liên thấy việc trước không thấy việc sau, còn Như lai thấy cả việc trước và việc sau. Dạ xoa Ma-kiệt-đà đánh với dạ xoa Bạt-kỳ được thắng, lúc đó người nước Ma-kiệt-đà cũng thắng người nước Bạt-kỳ, sau đó người nước Bạt-kỳ nhóm binh chúng đánh lại được thắng, Mục-liên tùy tâm tưởng nói nên không phạm".

Lúc đó Mục-liên vào sáng sớm đắp y mang bát vào nhà cư sĩ, trải tòa mời ngồi rồi cùng nhau thăm hỏi, cư sĩ hỏi: "Đại-đức, người nữ này có mang sẽ sanh con trai hay con gái ?", Mục-liên đáp là con trai rồi đi. Sau đó có một Phạm chí vào nhà, cư sĩ lại hỏi giống như trên, Phạm chí đáp là sanh con gái, sau quả thật sanh con gái. Các Tỳ-kheo nói:

"Thầy trước có nói với cư sĩ là sẽ sanh con trai, nay lại sanh con gái, thầy không có pháp hơn người mà cố ý nói vọng, đáng bị diệt tẫn", liền đem việc này bạch Phật, Phật bảo các Tỳ-kheo: "Các thầy chớ nói Mục-liên phạm tội này, vì sao, vì Mục-liên chỉ thấy việc trước không thấy việc sau, còn Như lai thấy cả việc trước và việc sau. Người nữ đó mang thai trước là nam, sau chuyển thành nữ, Mục-liên tùy tâm tưởng nói nên không phạm". Sau đó Mục-liên xem tướng người khác nói sanh con gái cũng giống như vậy.

Lúc đó trời đại hạn, Mục-liên nhập định thấy sau bảy ngày nữa trời sẽ mưa lớn ngập tràn ngòi rạch, mọi người trong thành nghe rồi rất vui mừng liền bỏ hết các công việc lo lợp nhà phủ kho rồi đếm từng ngày chờ đợi, đến ngày thứ bảy không có hơi khí của mưa huống chi là mưa lớn. Các Tỳ-kheo nói với Mục-liên: "Thầy nói bảy ngày nữa trời sẽ mưa lớn ngập tràn ngòi rạch, nay không có hơi khí của mưa huống chi là mưa lớn. Thầy không có pháp hơn người mà cố ý vọng ngữ, đáng bị diệt tẫn", đem việc này bạch Phật, Phật bảo các Tỳ-kheo: "Các thầy chớ nói Mục-liên phạm tội này, vì sao, vì Mục-liên thấy việc trước không thấy việc sau, Như lai thấy cả việc trước và việc sau. Ngày thứ bảy quả có mưa lớn nhưng bị A-tu-la vương đưa tay đón lấy đổ vào biển lớn, Mục-liên tùy tâm tưởng nói nên không phạm".

Lại có trường hợp Trưởng lão Sa-già-đà nói với các Tỳ-kheo: "Tôi nhập định có thể khiến cho trong ngục A-tỳ lên đến trời A-ca-nị-tra đầy lửa", các Tỳ-kheo nói: "Không có lý đó, vì đệ tử Thanh văn mới có thể khiến cho trong ngục A-tỳ lên đến trời Phạm, thầy không có pháp hơn người mà cố ý nói vọng, đáng bị diệt tẫn", đem việc này bạch Phật, Phật bảo các Tỳ-kheo: "Các thầy chớ nói Sa-già-đà phạm tội này, vì sao, vì nếu Tỳ-kheo nương sơ thiền tu Như ý túc được thần thông lực, từ địa ngục A-tỳ lên đến trời A-ca-nị-tra tự tại có thể làm đầy lửa; nếu nương Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền cũng như vậy. Sa-già-đà nương nơi Tứ thiền khéo tu Như ý túc được thần thông lực, nếu niệm tự tại tùy ý có thể làm cho từ ngục A-tỳ lên đến cõi trời A-ca-nị-tra đầy lửa, Sa-già-đà nói thật nên không phạm".

Lại có trường hợp Trưởng lão Thâu-tỳ-đà nói với các Tỳ-kheo: "Tôi trong một niệm có thể biết được túc mạng, những việc trong năm trăm kiếp", các Tỳ-kheo nói: "Không có lý đó, Thanh văn đệ tử ở trong một niệm nhiều lắm là biết được một đời, thầy không có pháp hơn người mà cố ý vọng ngữ, đáng bị diệt tẫn", liền đem việc này bạch Phật, Phật bảo các Tỳ-kheo: "Các thầy chớ nói Thâu-tỳ-đà phạm tội này, vì sao, vì người này thân trước từ cõi trời Vô tưởng mạng chung sanh vào cõi này, trên cõi trời Vô tưởng thọ năm trăm kiếp nên mới

tự nói: Ta trong một niệm có thể biết những việc trong năm trăm kiếp, Thâu-tỳ-đà tùy tâm tưởng nói nên không phạm".

-oOo-

LUẬT THẬP TỤNG

QUYỂN 3

II. MƯỜI BA PHÁP TĂNG TÀN:

1. Giới Cố Ý Làm Xuất Tinh:

Phật ở nước Xá-vệ, lúc đó Trưởng lão Ca-lưu-đà-di có phòng riêng, trong phòng riêng có giường độc tọa đẹp, trên trải nệm chăn đẹp, sau khi quét dọn sạch sẽ trong ngoài rồi lấy bình đựng đầy nước sạch để dùng. Hễ khi tâm dục phát sinh thì Ca-lưu-đà-di tự làm cho xuất tinh, lửa dục liền hết nên được an lạc trụ. Thời gian sau có các Tỳ-kheo quen biết đến thăm Ca-lưu-đà-di hỏi: "Thầy có đủ kham nhẫn không, có được an lạc trụ không, có thiếu thốn không?" Liền đáp: "Tôi đủ kham nhẫn, được an lạc trụ, không thiếu thốn", lại hỏi: "Làm thế nào thầy có thể đủ kham nhẫn, được an lạc trụ và không thiếu thốn?" Đáp: "Tôi có phòng riêng, có giường độc tọa đẹp… như đoạn văn trên cho đến câu lửa dục liền hết nên được an lạc trụ. Do nhân duyên này nên tôi đủ kham nhẫn, được an lạc trụ và không thiếu thốn", các Tỳ-kheo nói: "Thầy chẳng phải đủ kham nhẫn, bị khổ não hành mà cho là an lạc, việc mà thầy đã làm không phải pháp Sa-môn, không

phải đạo tùy thuận, là hạnh bất tịnh, là điều mà người xuất gia không nên làm. Thầy không biết Thế tôn đã dùng đủ cách quở dục, dục tưởng; đủ cách khen ngợi ly dục tưởng, diệt dục nhiệt. Phật thường nói pháp dạy người ly dục, đối với dục thầy còn không nên sanh tâm, huống chi là làm nghiệp ác căn bản bất tịnh khởi kiết phược dục, nhuế si", các Tỳ-kheo đủ lời quở trách rồi đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm Tỳ-kheo tăng rồi hỏi Ca-lưu-đà-di: "Thầy thật đã làm việc này phải không?" Đáp: "Thật vậy, Thế tôn", Phật dùng đủ lời quở trách: "Việc thầy đã làm không phải pháp Sa-môn… là điều mà người xuất gia không nên làm. Thầy là người ngu si, thầy không biết Ta đã dùng đủ cách quở trách dục, dục tưởng; đủ cách khen ngợi ly dục tưởng, diệt dục nhiệt. Ta thường dạy người nói pháp ly dục, đối với dục thầy còn không nên sanh tâm, huống chi làm nghiệp ác căn bản bất tịnh kiết phược dục nhuế si. Thầy ngu si đã dùng tay này thọ của tín thí cúng dường, tại sao lại dùng tay này làm hạnh bất tịnh?" Đủ lời quở trách rồi Phật bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo cố ý xuất tinh, phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

Phật kiết giới rồi, các Tỳ-kheo trong mộng xuất tinh, tâm sanh nghi hối đến chỗ A-nan bạch rằng:

"Thế tôn đã kết giới xuất tinh, nay các Tỳ-kheo trong mộng xuất tinh, tâm sanh nghi hối, xin thầy vì chúng tôi hỏi Phật việc này", A-nan nhận lời, sau đó đến chỗ Phật bạch Phật rằng: "Thế tôn kết giới xuất tinh, nay các Tỳ-kheo trong mộng xuất tinh tâm sanh nghi hối, con không biết trong mộng có tâm tưởng hay không?" Phật nói: "Có tâm tưởng nhưng không có làm". Phật do nhân duyên này nhóm Tỳ-kheo tăng, đủ lời khen ngợi giới, khen ngợi người trì giới rồi bảo các Tỳ-kheo: "Từ nay giới này nên nói lại như sau:

Nếu Tỳ-kheo cố ý xuất tinh phạm Tăng-già-bà-thi-sa, trừ trong mộng.

Tăng-già-bà-thi-sa: Tội này thuộc tăng, do ở trong Tăng có dư tàn nên ở trước Tăng sám hối thì tội được trừ diệt.

Trong giới này tướng phạm có ba: Một là khởi tâm dục muốn xuất tinh, hai là thân động, Ba là xuất tinh. Lại có ba trường hợp:

1. Vì thọ lạc: Tỳ-kheo vì thọ lạc khởi dục muốn xuất tinh, thân động tinh xuất thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

2. Vì trị bịnh: Tỳ-kheo vì trị bịnh, xem thử, tâm khởi dục, thân động nên tinh xuất thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

3. Vì tự thử: Tỳ-kheo vì tự thử, tâm khởi dục, thân động nên tinh xuất thì phạm Tăng-già-bà-thi-

sa.

Lại có bốn trường hợp: Một là động trong hư không, hai là khởi tâm dục, Ba là thân động, bốn là xuất tinh. Nếu Tỳ-kheo vì thọ lạc, vì trị bịnh hay vì tự thử mà động trong hư không, khởi dục tâm, thân động xuất tinh thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

Lại có năm trường hợp: Một là gãi chỗ tiểu tiện, hai là ấn chỗ tiểu tiện, Ba là khởi dục tâm, bốn là thân động, năm là xuất tinh. Nếu Tỳ-kheo vì thọ lạc, vì trị bịnh, vì tự thử mà gãi chỗ tiểu tiện, ấn chỗ tiểu tiện, khởi dục tâm, thân động xuất tinh thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

Tinh phân biệt có năm:

1. Tinh màu xanh là tinh của Chuyển luân thánh vương và Thái tử của Chuyển luân thánh vương.

2. Tinh màu vàng là tinh của những người con khác của Chuyển luân vương.

3. Tinh màu đỏ là tinh của đại thần tối thượng của Chuyển luân vương.

4. Tinh màu trắng là tinh của người đã trưởng thành.

5. Tinh màu nhạt là tinh của người chưa trưởng thành.

Nếu người xuất tinh xanh thì không xuất tinh màu vàng đỏ trắng, chỉ xuất tinh màu xanh; người xuất tinh vàng cũng không xuất tinh màu khác, chỉ

xuất tinh màu vàng; người xuất tinh đỏ cũng không xuất tinh màu khác, chỉ xuất tinh màu đỏ; người xuất tinh màu trắng cũng không xuất tinh màu khác, chỉ xuất tinh màu trắng; người xuất tinh màu nhạt cũng không xuất tinh màu khác, chỉ xuất tinh màu nhạt. Nếu Tỳ-kheo làm xuất tinh xanh do gãi, ấn chỗ chỗ tiểu tiện, khởi dục tâm, thân động, tinh xuất thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Nếu Tỳ-kheo làm xuất tinh vàng đỏ trăng nhạt do gãi, ấn chỗ tiểu tiện, khởi dục tâm, thân động, tinh xuất thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Người trong một lúc xuất tinh năm màu thì không có lý đó, nhưng nếu người nào nhiều lần hành dâm có thể xuất tinh năm màu hoặc người gánh nặng, đi xa do gân cốt rã rời nên có thể xuất tinh năm màu. Nếu Tỳ-kheo khởi dục, dục tưởng, dục nhiệt, dục giác, không khởi tâm dục mà xuất tinh, thân không động mà tinh tự xuất thì không phạm. Nếu Tỳ-kheo trên nam căn có ghẻ ngứa ung nhọt, vì trị bịnh nên gãi, ấn khiến tinh xuất thì không phạm. Nếu Tỳ-kheo hơ lửa, nam căn nóng sờ chạm khiến tinh xuất thì không phạm. Nếu Tỳ-kheo khi đi hai bắp vế chạm nhau, y chạm hay do đi xe thân động khiến tinh xuất thì không phạm; hoặc do không thấy hình tướng mà nhớ nghĩ nên tinh xuất thì không phạm.

2. Giới Cố Ý Xúc Chạm Thân Người Nữ:

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó Trưởng lão Ca-lưu-

đà-di vào sáng sớm đắp y mang bát vào thành khất thực, ăn rồi về phòng, đứng ở cửa phòng cầm cái khóa cửa suy nghĩ: "Nếu có người nữ muốn vào trong Tăng phường tham quan phòng xá, ta sẽ dẫn đi xem", nghĩ rồi liền thấy có nhiều người nữ đi đến liền nói: "Các cô hãy đến đây, tôi sẽ dẫn đi xem phòng xá". Sau khi dẫn đi các phòng rồi dẫn đến phòng của mình, cố ý xúc chạm thân họ, trong số đó người nữ nào thích thì yên lặng, người không thích liền chạy ra khỏi phòng nói với các Tỳ-kheo: "Pháp của các Đại-đức là như vậy hay sao, không ngờ nơi an ổn lại có sợ hãi", các Tỳ-kheo hỏi: "Tại sao nơi an ổn lại có sợ hãi?" Các người nữ kể lại việc trên, các Tỳ-kheo nghe rồi dùng lời an ủi rồi nói diệu pháp chỉ dạy cho họ được lợi hỉ. Sau khi họ ra về, các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm Tỳ-kheo tăng rồi hỏi Ca-lưu-đà-di: "Thầy thật đã làm việc này phải không?" Đáp: "Thật vậy, Thế tôn", Phật dùng đủ lời quở trách: "Việc thầy đã làm không phải pháp Sa-môn… là điều mà người xuất gia không nên làm. Thầy là người ngu si, thầy không biết Ta đã dùng đủ cách quở trách dục, dục tưởng; đủ cách khen ngợi ly dục tưởng, diệt dục nhiệt. Ta thường dạy người nói pháp ly dục, đối với dục thầy còn không nên sanh tâm, huống chi làm nghiệp ác căn bản bất tịnh kiết phược dục nhuế si. Thầy ngu si đã dùng tay này thọ của tín thí cúng dường, tại sao lại dùng

tay này làm hạnh bất tịnh?" Đủ lời quở trách rồi Phật bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo do dục thạnh biến tâm, cố ý xúc chạm thân nữ hoặc nắm tay, cánh tay, đầu, tóc… bất cứ chỗ nào trên thân phần đều phạm Tăng-già-bà-thi-sa".

Dục thạnh biến tâm là tâm tham nhiễm, trói buộc; hoặc có trường hợp biến tâm không phải do dục thạnh, cũng không phải do tâm tham nhiễm trói buộc, đó là những người tâm loạn, cuồng si, tâm bịnh hoại. Người nữ phân biệt có lớn, vừa và nhỏ, đồng nữ hay không phải đồng nữ có thể làm việc dâm dục. Xúc chạm thân là cùng ở một chỗ. Tay là từ cổ tay đến ngón tay; Cánh tay là từ cổ tay đến vai; Tóc là đầu tóc hay kiếp-bối kết trên đầu tóc; mỗi mỗi thân phần là mắt, tai, mũi… Trong giới này tướng phạm có chín: sờ trên, sờ dưới, ôm, nắm, kéo lôi, nâng lên, hạ xuống, sờ mó chỗ đại tiểu tiện. Nếu Tỳ-kheo dục thạnh biến tâm xúc chạm trên dưới đầu của người nữ không y thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa; nếu xúc chạm mặt, cổ, hông, ngực… đều phạm Tăng-già-bà-thi-sa; như thế cho đến ôm nắm, kéo lôi… cũng phạm như trên. Nếu Tỳ-kheo nâng người nữ không y từ dưới đất để lên gò đất, hoặc từ trên gò đất để lên ghế ngồi, hoặc từ trên ghế ngồi để lên giường đơn, hoặc từ trên giường đơn để lên giường lớn, từ trên giường lớn

để lên kiệu, từ trên kiệu để lên xe… đều phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Nếu Tỳ-kheo dục thạnh biến tâm nâng đỡ người nữ không y từ trên xe để lên kiệu, từ kiệu để lên giường lớn, từ giường lớn để lên giường đơn… đều phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Nếu Tỳ-kheo dục thạnh biến tâm xúc chạm trên đầu của người nữ có y thì phạm Thâu-lan-giá; xúc chạm mặt, cổ, hông, ngực… đều phạm Thâu-lan-giá; như thế cho đến ôm nắm kéo lôi… cũng phạm như trên. Nếu Tỳ-kheo dục thạnh biến tâm nâng đỡ người nữ có y từ dưới đất để lên gò cao, từ gò cao để lên ghế, từ ghế để lên giường đơn … đều phạm Thâu-lan-giá. Nếu người nữ dục thạnh biến tâm xúc chạm trên đầu Tỳ-kheo không y, Tỳ-kheo có dục tâm, thân động thọ sự mơn trớn đó thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa; nếu xúc chạm trên mặt, cổ, hông, ngực… , Tỳ-kheo có dục tâm thân động thọ sự mơn trớn đó cũng phạm như trên; như thế cho đến ôm nắm kéo lôi…, Tỳ-kheo có dục tâm… cũng phạm như trên. Nếu người nữ dục thạnh biến tâm nâng đỡ Tỳ-kheo không y từ dưới đất để lên gò cao, từ gò cao để lên ghế, từ ghế để lên giường đơn…, Tỳ-kheo có dục tâm, thân động thọ sự mơn trớn đó đều phạm Tăng-già-bà-thi-sa; nếu người nữ dục thạnh biến tâm nâng đỡ Tỳ-kheo không y từ giường lớn lên giường đơn, từ giường đơn lên ghế… Tỳ-kheo có dục tâm, thân động thọ sự mơn trớn đó cũng phạm như trên. Nếu người nữ dục

thạnh biến tâm xúc chạm trên đầu Tỳ-kheo có y, Tỳ-kheo có dục tâm, thân động thọ sự mơn trớn đó thì phạm Thâu-lan-giá; xúc chạm trên mặt, cổ hông, ngực… Tỳ-kheo có dục tâm… cũng phạm Thâu-lan-giá; như thế cho đến ôm nắm kéo lôi…, Tỳ-kheo có dục tâm thân động… cũng phạm Thâu-lan-giá. Nếu người nữ dục thạnh biến tâm nâng đỡ Tỳ-kheo có y từ dưới đất lên gò cao, từ gò cao lên ghế, từ ghế lên giường đơn …, Tỳ-kheo có dục tâm, thân động thọ sự mơn trớn đó đều phạm Thâu-lan-giá; nếu người nữ dục thạnh biến tâm nâng đỡ Tỳ-kheo có y từ giường lớn lên giường đơn, từ giường đơn lên ghế…, Tỳ-kheo có dục tâm, thân động thọ sự mơn trớn đó cũng phạm Thâu-lan-giá. Nếu Tỳ-kheo xúc chạm một người nữ phạm Tăng-già-bà-thi-sa; nếu một Tỳ-kheo xúc chạm hai, ba, bốn người nữ đều phạm Tăng-già-bà-thi-sa; nếu hai Tỳ-kheo xúc chạm bốn, ba, hai, một người nữ đều phạm Tăng-già-bà-thi-sa; cho đến ba, bốn Tỳ-kheo xúc chạm bốn, ba, hai, một người nữ đều phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Xúc chạm người nữ tưởng là người nữ thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa; xúc chạm người nữ tưởng là người nam, huỳnh môn, hai căn cũng phạm Tăng-già-bà-thi-sa; xúc chạm người nam tưởng là người nam, huỳnh môn, hai căn, người nữ thì phạm Thâu-lan-giá; xúc chạm huỳnh môn tưởng là huỳnh môn, hai căn, người nữ, người nam cũng phạm Thâu-lan-giá; xúc chạm

người hai căn tưởng là hai căn, người nữ, người nam, huỳnh môn cũng phạm Thâu-lan-giá. Nếu sự việc ở bên người nữ phạm Tăng-già-bà-thi-sa thì ở bên nữ phi nhơn phạm Thâu-lan-giá; nếu sự việc ở bên người nữ phạm Thâu-lan-giá thì ở bên nữ phi nhơn phạm Đột-kiết-la. Nếu tưởng là mẹ, chị, em, con gái xúc chạm thì không phạm; nếu vì cứu nạn nước, lửa hay dao, hay rời từ chỗ cao xuống hay gặp nạn trùng độc căn, nạn ác quỷ đều không phạm; nếu xúc chạm mà tâm không nhiễm thì không phạm.

3. Giới Nói Lời Thô Tục Với Người Nữ:

Phật ở nước Xá-vệ, lúc đó Trưởng lão Ca-lưu-đà-di vào sáng sớm đắp y mang bát vào thành khất thực trở về, ăn xong rồi vào phòng… duyên khởi giống như giới trên, cho đến câu dẫn các người nữ vào phòng mình rồi nói với họ những lời thô tục bất tịnh, trong số đó người nữ nào ưa thích thì yên lặng, người nữ nào không ưa thích thì bỏ chạy ra ngoài nói với các Tỳ-kheo: "Pháp của các Đại-đức là như vậy hay sao, không ngờ ở chỗ an ổn lại có sợ hãi", các Tỳ-kheo hỏi: "Vì sao nói rằng ở chỗ an ổn lại có sợ hãi?" Các người nữ kể rõ sự việc trên, các Tỳ-kheo nghe rồi liền an ủi và nói diệu pháp chỉ dạy khiến cho họ được lợi hỉ. Sau khi họ ra về liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm Tỳ-kheo tăng rồi hỏi Ca-lưu-đà-di:

"Thầy thật đã làm việc này phải không?" Đáp: "Thật vậy, Thế tôn", Phật dùng đủ lời quở trách: "Việc thầy đã làm không phải pháp Sa-môn… là điều mà người xuất gia không nên làm. Thầy là người ngu si, thầy không biết Ta đã dùng đủ cách quở trách dục, dục tưởng; đủ cách khen ngợi ly dục tưởng, diệt dục nhiệt. Ta thường dạy người nói pháp ly dục, đối với dục thầy còn không nên sanh tâm, huống chi làm nghiệp ác căn bản bất tịnh kiết phược dục nhuế si. Thầy ngu si đã dùng tay này thọ của tín thí cúng dường, tại sao lại dùng tay này làm hạnh bất tịnh?" Đủ lời quở trách rồi Phật bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo dục thạnh biến tâm nói lời thô tục bất tịnh với người nữ, thuận với pháp dâm dục thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

Nói lời thô tục bất tịnh là tùy thuận pháp Ba-la-di, hay Tăng-già-bà-thi-sa, nhưng nhân duyên tội trọng này là ở nơi lời thô tục bất tịnh. Thuận với pháp dâm dục là hai thân cùng giao hội, do nam nữ tuổi trẻ tâm dục hừng thạnh nên nói lời thô tục bất tịnh.

Trong giới này tướng phạm có chín:

1. Khen là như Tỳ-kheo đối trước người nữ khen ngợi ba sang môn là đẹp, không lớn, không nhỏ, không thô, không tế… cho đến một trăm lời,

mỗi mỗi lời đều phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

2. Chê là như Tỳ-kheo đối trước người nữ chê bai ba sang môn là xấu hoặc lớn hoặc nhỏ… cho đến một trăm lời, mỗi mỗi lời đều phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

3. Cầu xin là Tỳ-kheo đối trước người nữ cầu xin được tùy ý làm việc dâm trong ba sang môn, cho đến nói một trăm lời, mỗi mỗi lời đều phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

4. Mong muốn là Tỳ-kheo đối trước người nữ mong muốn được làm việc dâm trong ba sang môn, cho đến nói một trăm lời, mỗi mỗi lời đều phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

5. Hỏi ngược lại là Tỳ-kheo hỏi người nữ: Cô chưa ở trong ba sang môn của chồng cô làm những việc như thế phải không, cho đến một trăm lời, mỗi mỗi lời đều phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

6. Sắp bày là Tỳ-kheo ở trước người nữ nói: Tôi đã sắm sửa rượu thịt thức ăn… trải giường nệm tốt để được tùy ý làm việc dâm trong ba sang môn, cho đến nói một trăm lời, mỗi mỗi lời đều phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

7. Chỉ bảo là Tỳ-kheo chỉ bảo người nữ rằng: Cô ở trong ba sang môn tùy ý cho người nam-làm việc dâm thì được người nam yêu mến, nhẫn đến nói một trăm lời, mỗi mỗi lời phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

8. Trách mắng là Tỳ-kheo trách mắng người nữ với lời thô hay tế, cho đến một trăm lời, mỗi mỗi lời phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Nếu người nữ đối trước Tỳ-kheo khen chê ba sang môn cho đến một trăm lời, Tỳ-kheo tùy thuận tâm của người nữ trả lời, mỗi mỗi lời đều phạm Tăng-già-bà-thi-sa; như thế cho đến người nữ đối trước Tỳ-kheo trách mắng hoặc thô hoặc tế, cho đến một trăm lời, Tỳ-kheo tùy thuận tâm của người nữ trả lời, mỗi mỗi lời đều phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Nếu một Tỳ-kheo đối trước một người nữ nói lời thô tục bất tịnh thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa; nếu hai Tỳ-kheo, cho đến ba, bốn Tỳ-kheo đối trước bốn, ba, hai, một người nữ nói lời thô tục bất tịnh đều phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

9. Nếu Tỳ-kheo đối trước người nữ tưởng là người nữ mà nói lời thô tục bất tịnh thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa; đối trước người nữ tưởng là người nam, huỳnh môn, hai căn mà nói lời thô tục bất tịnh thì phạm Thâu-lan-giá; đối trước người nam tưởng là người nam, huỳnh môn, hai căn, người nữ mà nói lời thô tục bất tịnh thì phạm Thâu-lan-giá; đối trước huỳnh môn tưởng là huỳnh môn, hai căn, người nam, người nữ mà nói lời thô tục bất tịnh thì phạm Thâu-lan-giá; đối trước người hai căn tưởng là người nữ, người nam, huỳnh môn, hai căn mà nói lời thô tục bất tịnh thì phạm Thâu-lan-giá. Nếu sự việc ở bên người nữ phạm Tăng-già-bà-thi-sa,

thì ở bên nữ phi nhơn phạm Thâu-lan-giá; nếu sự việc ở bên người nữ phạm Thâu-lan-giá thì ở bên nữ phi nhơn phạm Đột-kiết-la.

4. Giới Khen Người Nữ Đem Thân Cúng Dường:

Phật ở nước Xá-vệ, lúc đó Trưởng lão Ca-lưu-đà-di vào sáng sớm đắp y mang bát vào thành khất thực… duyên khởi giống như giới trên cho đến câu các Tỳ-kheo an ủi rồi nói diệu pháp chỉ dạy cho các người nữ được lợi hỉ. Sau khi họ ra về, các Tỳ-kheo liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm Tỳ-kheo tăng rồi hỏi Ca-lưu-đà-di: "Thầy thật đã làm việc này phải không?" Đáp: "Thật vậy, Thế tôn", Phật dùng đủ lời quở trách: "Việc thầy đã làm không phải pháp Sa-môn… là điều mà người xuất gia không nên làm. Thầy là người ngu si, thầy không biết Ta đã dùng đủ cách quở trách dục, dục tưởng; đủ cách khen ngợi ly dục tưởng, diệt dục nhiệt. Ta thường dạy người nói pháp ly dục, đối với dục thầy còn không nên sanh tâm, huống chi làm nghiệp ác căn bản bất tịnh kiết phược dục nhuế si. Thầy ngu si đã dùng tay này thọ của tín thí cúng dường, tại sao lại dùng tay này làm hạnh bất tịnh?" Đủ lời quở trách rồi Phật bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo dục thạnh biến tâm đối trước

người nữ khen ngợi đem thân cúng dường, nói rằng: Cô hãy đem thân cúng dường cho người trì giới hành thiện, tu phạm hạnh như chúng tôi, trong các sự cúng dường việc làm này là cúng dường bậc nhất, thì Tỳ-kheo này phạm Tăng-già-bà-thi-sa".

Đem thân cúng dường là Tỳ-kheo nói với người nữ hãy đem thân làm việc dâm dục cúng dường, đây là cúng dường bậc nhất trong các sự cúng dường. Trì giới là luật pháp đại giới thảy đều thọ trì; Hành thiện chánh kiến nhẫn nhục; phạm hạnh là hai thân không cùng giao hội.

Trong giới này tướng phạm có chín là thượng, đại, thắng, thiện, xảo, hảo, phước, diệu, khoái.

Thượng là Tỳ-kheo nói với người nữ: Cô hãy đem thân làm việc dâm dục cúng dường cho chúng tôi là những người trì giới (hoặc hành thiện hoặc phạm hạnh), thì trong các sự cúng dường là thượng cúng dường, đều phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Nếu Tỳ-kheo nói với người nữ: Cô hãy đem thân làm việc cúng dường cho người trì giới hành thiện, người trì giới phạm hạnh, người hành thiện phạm hạnh, người trì giới hành thiện phạm hạnh, đây là thượng cúng dường thì Tỳ-kheo này phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Nếu Tỳ-kheo nói với người nữ: Cô hãy đem thân làm việc dâm dục cúng dường cho không đại trì giới (hoặc không đại hành thiện hoặc không đại phạm hạnh), đây là thượng cúng dường thì Tỳ-kheo này phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Nếu Tỳ-

kheo nói với người nữ:

Cô hãy đem thân làm việc dâm dục cúng dường cho người không đại trì giới hành thiện, không đại trì giới phạm hạnh, không đại trì giới hành thiện phạm hạnh, đây là thượng cúng dường thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu Tỳ-kheo nói với người nữ: sao cô không đem thân làm việc dâm dục cúng dường cho chúng tôi là những người trì giới (hoặc hành thiện, hoặc phạm hạnh), đây là thượng cúng dường thì phạm Thâu-lan-giá. Nếu Tỳ-kheo nói với người nữ: sao cô không đem thân làm việc dâm dục cúng dường cho người trì giới hành thiện, người trì giới phạm hạnh, người hành thiện phạm hạnh, người trì giới hành thiện phạm hạnh, đây là thượng cúng dường thì phạm Thâu-lan-giá. Nếu Tỳ-kheo nói với người nữ: sao cô không đem thân làm việc dâm dục cúng dường cho người không đại trì giới (hoặc không đại hành thiện, hoặc không đại phạm hạnh), đây là thượng cúng dường thì phạm Thâu-lan-giá. Nếu Tỳ-kheo nói với người nữ: sao cô không đem thân làm việc dâm dục cúng dường cho người không đại trì giới hành thiện, không đại trì giới phạm hạnh, không đại trì giới hành thiện phạm hạnh, đây là thượng cúng dường thì phạm Thâu-lan-giá.

Như thế cho đến đại, thắng, thiện, xảo… tám tướng phạm còn lại đều phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Nếu Tỳ-kheo nói với người nữ: Hãy đem thân làm

việc dâm dục cúng dường người trì giới là cúng dường thượng đại (hoặc thượng thắng, hoặc thượng thiện, hoặc thượng xảo, hoặc thượng hảo, thượng phước hoặc thượng diệu hoặc thượng khoái) đều phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Nếu nói là đại thắng hoặc đại thiện hoặc đại xảo hoặc đại hảo, hoặc đại khoái cúng dường đều phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Nếu nói là thắng thiện, thắng xảo, thắng phước, thắng diệu, thắng khoái cúng dường đều phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Nếu nói là thiện xảo, thiện diệu, thiện phước, thiện hảo, thiện khoái cúng dường đều phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Nếu nói là xảo diệu, xảo phước, xảo hảo, xảo khoái cúng dường đều phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Nếu nói là hảo phước, hảo diệu, hảo khoái cúng dường đều phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Nếu nói là phước diệu, phước khoái cúng dường đều phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Nếu nói là thượng đại thắng, thượng đại thiện, thượng đại xảo, thượng đại phước, thượng đại diệu, thượng đại hảo, thượng đại khoái cúng dường đều phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Nếu nói là đại thắng thiện, đại thắng xảo, đại thắng phước, đại thắng diệu, đại thắng hảo, đại thắng khoái cúng dường đều phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Nếu nói là thắng xảo thiện, thắng xảo diệu, thắng xảo phước, thắng xảo khoái cúng dường đều phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Nếu nói là xảo thiện diệu, xảo thiện phước, xảo thiện hảo, xảo thiện khoái cúng dường

đều phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Nếu nói là thiện diệu phước, thiện diệu hảo, thiện diệu khoái cúng dường đều phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Nếu nói là diệu phước hảo, diệu phước khoái cúng dường đều phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu nói là thượng đại thắng xảo, thượng đại thắng thiện, thượng đại thắng diệu, thượng đại thắng phước, thượng đại thắng hảo, thượng đại thắng khoái cúng dường đều phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu nói là thượng đại thắng xảo thiện, thượng đại thắng xảo diệu, thượng đại thắng xảo phước, thượng đại thắng xảo hảo, thượng đại thắng xảo khoái cúng dường đều phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu nói là thượng đại thắng xảo thiện diệu, thượng đại thắng xảo thiện phước, thượng đại thắng xảo thiện hảo, thượng đại thắng xảo thiện khoái cúng dường đều phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu nói là thượng đại thắng xảo thiện diệu phước, thượng đại thắng xảo thiện diệu hảo, thượng đại thắng xảo thiện diệu khoái cúng dường đều phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu Tỳ-kheo nói với người nữ: "Nếu cô đem ẩm thực, y phục, ngọa cụ, hương hoa cúng dường là cúng dường tối thượng; nhưng đem thân cúng dường lại là bậc thượng trong tối thượng", thì Tỳ-kheo này phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Như thế cho

đến đại thắng xảo thiện diệu hảo khoái cũng như vậy.

Nếu một Tỳ-kheo cho đến hai, ba, bốn Tỳ-kheo đối trước một người nữ cho đến hai, ba, bốn người nữ khen ngợi đem thân cúng dường đều phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Nếu Tỳ-kheo đối trước người nữ tưởng là người nữ khen ngợi thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa; đối trước người nữ tưởng là người nam, huỳnh môn, hai căn khen ngợi thì phạm Thâu-lan-giá; đối trước huỳnh môn tưởng huỳnh môn, hai căn, người nữ mà khen ngợi thì phạm Thâu-lan-giá; đối trước hai căn tưởng hai căn, người nữ, người nam, huỳnh môn thì phạm Thâu-lan-giá; nếu sự việc ở bên người nữ phạm Tăng-già-bà-thi-sa thì ở bên nữ phi nhơn phạm Thâu-lan-giá; nếu sự việc ở bên người nữ phạm Thâu-lan-giá thì ở bên nữ phi nhơn phạm Đột-kiết-la.

5. Giới Mai Mối:

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó con của trưởng giả Lộc tử tên là Ca la thông minh lanh lợi, thường giải quyết mối nghi giùm cho mọi người. Cho nên nhà nào có con gái hay chị em gái, nếu có ai đến hỏi cưới đều đến hỏi ý kiến của Ca la: "Ông A đến hỏi cưới con gái (chị em gái) của tôi, người này tốt hay không tốt có thể cung cấp y thực cho vợ con hay không, nên cho cưới hay không nên cho cưới ?" Nếu Ca la nói không tốt, không nên cho cưới vì

không thể cung cấp y thực cho vợ con thì người đó nghe theo không cho cưới; ngược lại nếu Ca la nói tốt nên cho cưới vì có thể cung cấp y thực cho vợ con thì người đó nghe theo liền cho cưới. Nếu người nam nào muốn tìm vợ hỏi cưới đều đến hỏi Ca la: "Tôi muốn cưới cô A, cô gái này tốt hay không tốt, có thể thành gia sự được không ?", nếu ca la nói không tốt, không thể thành gia sự chớ nên cưới thì người đó nghe theo không hỏi cưới; ngược lại nếu Ca la nói tốt, có thể thành gia sự nên cưới thì người đó nghe theo liền hỏi cưới. Lại có trường hợp sau khi nghe lời Ca la cho cưới, con gái hoặc chị em gái của họ chịu nghèo cùng khổ sở, y thực không đủ; hoặc vốn đã nghèo cùng lại càng nghèo cùng khổ sở hơn, liền chê bai Ca la rằng: "Vì nghe theo lời của ca la nên con gái (chị em gái) của chúng ta phải rơi vào cảnh nghèo cùng". Ngược lại nếu sau khi nghe lời Ca la cho cưới, con gái hoặc chị em gái của họ được giàu sang sung sướng, y thực đầy đủ; hoặc vốn đã giàu sang sung sướng lại càng sung sướng hơn, liền khen ngợi Ca la rằng: "Nhờ nghe theo lời Ca la nên nay con gái (chị em gái) của ta mới được giàu sang sung sướng như thế"; như thế Ca la hoặc được khen ngợi hoặc bị chê bai. Thời gian sau Ca la do lòng tin xuất gia, cạo bỏ râu tóc mặc Ca sa làm Tỳ-kheo vẫn như trước kia làm mai mối. Nếu nhà nào có con gái hay chị em gái, có ai đến hỏi cưới đều đến hỏi ý kiến

của-Tỳ-kheo Ca la… giống như đoạn văn trên, cho đến câu như thế Tỳ-kheo Ca la hoặc được khen ngợi hoặc bị chê bai. Tỳ-kheo Ca la thường lui tới nhà đàn việt, có người hỏi Ca la: "Đại-đức có đến nhà ông A không, nếu có đến nhờ thầy nói giúp nhà đó gả con gái (chị em gái) cho con trai của tôi", Ca la nhận lời, cứ như thế làm mai mối qua lại. Có Tỳ-kheo thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này hổ thẹn không vui liền quở trách Ca la rằng: "Tại sao là Tỳ-kheo mà con làm mai mối", quở trách rồi liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm Tỳ-kheo tăng rồi hỏi Ca la: "Thầy thật đã làm việc này phải không ?" Đáp: "Thật vậy, Thế tôn", Phật dùng đủ lời quở trách: "Việc thầy đã làm không phải pháp Sa-môn… là điều mà người xuất gia không nên làm. Thầy là người ngu si, thầy không biết Ta đã dùng đủ cách quở trách dục, dục tưởng; đủ cách khen ngợi ly dục tưởng, diệt dục nhiệt. Ta thường dạy người nói pháp ly dục, đối với dục thầy còn không nên sanh tâm, huống chi làm nghiệp ác căn bản bất tịnh kiết phược dục nhuế si.

Thầy ngu si, ta còn không khen ngợi người ít dục tâm huống chi là làm mai mối?" Đủ lời quở trách rồi Phật bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo làm việc mai mối, đem lời người

nam nói với người nữ, đem lời người nữ nói với người nam, hoặc thành việc vợ chồng hoặc thành việc tư thông, cho đến một lần giao hội thì Tỳ-kheo này phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

Làm việc mai mối là nhận lời của người tới lui qua lại làm mai mối. Người nữ được mười bốn hạng người bảo hộ: Cha bảo hộ, mẹ bảo hộ, cha mẹ cùng bảo hộ, anh em bảo hộ, chị em bảo hộ, cậu bảo hộ, cô bảo hộ, cả cô cậu cùng bảo hộ, bà con bảo hộ, dòng họ bảo hộ, tự bảo hộ, luật pháp bảo hộ và chống bảo hộ. Đem lời người nữ nói với người nam-là người nữ nói với Tỳ-kheo: "Thầy có thể chuyển lời nói này đến người nam kia không, đó là "Tôi muốn làm vợ ông hoặc muốn cùng ông tư thông, ông có thể làm chồng tôi hoặc cùng tôi tư thông không?" Hoặc "Tôi muốn gả con gái (chị em gái) cho ông, ông có thể làm chồng con gái (chị em gái) tôi không?".

Đem lời người nam nói với người nữ là người nam nói với Tỳ-kheo: "Thầy có thể chuyển lời nói này đến cô gái kia không, đó là: Tôi muốn lấy cô (hoặc con gái, chị em gái của cô) làm vợ hoặc muốn cùng cô (hoặc con gái, chị em gái của cô) tư thông". Trượng phu có bảy loại vợ:

Một là vợ do tìm cầu được: Nhờ dùng chút ít tài vật mà tìm cầu được vợ.

Hai là vợ nhờ nước mà được: Nếu có người

nắm tay và rưới nước vào lòng bàn tay của người con gái rồi trao cho mà được vợ.

Ba là vợ nhờ phá mà được: do cướp phá nước khác đoạt được rồi lấy làm vợ; hoặc nước phản nghịch đi thảo phạt đoạt được rồi lấy làm vợ.

Bốn là vợ tự đến mà được: do người nữ tự tâm tham ái thọ lạc tự nguyện đến làm vợ.

Năm là vợ nhờ y thực mà được: do người nữ không thể tự sinh sống, vì y thực nên tự nguyện đến làm vợ.

Sáu là vợ do hợp sanh mà được: Nếu người nữ nói với người nam: "Anh có tài sản, tôi cũng có tài sản, khi sanh con trai hay con gái chúng ta cùng nuôi dưỡng", đây gọi là nhờ hợp lục sinh sống mà được vợ.

Bảy là vợ được trong chốc lát: Là chỉ cùng một lần giao hội. Trong giới này tướng phạm là nếu Tỳ-kheo nhận lời của người chủ, tự đến nói với người kia rồi tự trở về báo lại thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Nếu Tỳ-kheo tự nhận lời của người chủ, tự đến nói với người kia rồi sai sứ về báo lại cũng phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Nếu Tỳ-kheo tự nhận lời của người chủ, tự đến nói với sứ giả của người kia rồi sai sứ về báo lại cũng phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Nếu Tỳ-kheo tự nhận lời của người chủ, sai sứ đến nói với sứ giả của người kia rồi sai sứ về báo lại cũng phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Nếu Tỳ-kheo tự

nhận lời của người chủ, sai sứ đến nói với người kia rồi tự mình về báo lại thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Nếu Tỳ-kheo tự nhận lời của người chủ, sai sứ đến nói với người kia rồi sai sứ về báo lại cũng phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu Tỳ-kheo từ sứ giả nhận lời của người chủ, sai sứ đến nói với người kia rồi sai sứ về báo lại thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Nếu Tỳ-kheo từ sứ giả nhận lời của người chủ, sai sứ đến nói với sứ giả của người kia rồi sai sứ về báo lại cũng phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Nếu Tỳ-kheo từ sứ giả nhận lời của người chủ, sai sứ đến nói với người kia rồi tự mình về báo lại thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Nếu Tỳ-kheo từ sứ giả nhận lời của người chủ, tự đến nói với người kia rồi tự trở về báo lại thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Nếu Tỳ-kheo từ sứ giả nhận lời của người chủ, tự đến nói với người kia rồi sai sứ về báo lại thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Nếu Tỳ-kheo từ sứ giả nhận lời của người chủ, tự đến nói với sứ giả của người kia rồi sai sứ về báo lại thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

Trường hợp có hai Tỳ-kheo nhận lời của người chủ, khi ra ngoài Tỳ-kheo này nói với Tỳ-kheo kia rằng: "Thầy nói luôn ý của tôi", nếu Tỳ-kheo kia đến nói với người kia rồi trở về báo lại cho người chủ biết thì cả hai đều phạm Tăng-già-bà-thi-sa; nếu không trở về báo lại thì cả hai đều phạm Thâu-lan-giá. Nếu hai Tỳ-kheo nhận lời của người chủ,

khi ra ngoài Tỳ-kheo này nói với Tỳ-kheo kia rằng: "Thầy chớ nói ý của tôi", Tỳ-kheo kia đến nói với người kia rồi trở về báo lại thì Tỳ-kheo kia phạm Tăng-già-bà-thi-sa, nếu không trở về báo lại thì phạm Thâu-lan-giá.

Trường hợp các Tỳ-kheo vào nhà thí chủ, chủ nhà hỏi Tỳ-kheo đi trước rằng: "Các thầy có đến nhà ông A không, nếu có nhờ các thầy nói giúp để nhà đó gả con gái (chị em gái) cho con trai của tôi ", Tỳ-kheo đi trước nói: "Chúng tôi không được làm mai mối", Tỳ-kheo đi sau nghe vậy liền đến nhà ông A nói rằng: "Ông có thể gả con gái (chị em gái) cho con trái của ông B không?" Sau đó trở về báo lại thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa, không trở về báo lại thì phạm Thâu-lan-giá. Nếu chủ nhà hỏi Tỳ-kheo đi sau: "Thầy có ra vào các nhà ông A, ông B không, nếu có nhờ thầy nói giúp để nhà đó gả con gái (chị em gái) cho con trai của tôi", Tỳ-kheo đi sau nói: "Chúng tôi không được làm mai mối", Tỳ-kheo đi trước nghe vậy liền đi đến các nhà đó nói với họ rằng: "Ông có thể gả con gái (chị em gái) cho con trai của ông C không?" Nếu trở về báo lại thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa, không trở về báo lại thì phạm Thâu-lan-giá.

Trường hợp một Tỳ-kheo đi trên đường gặp một người nữ nói với Tỳ-kheo rằng: "Thầy có thể nói với ông A gả con gái (chị em gái) cho con trai của tôi không?" Nếu Tỳ-kheo nhận lời đến nói với

ông A rồi trở về báo lại thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa, không trở về báo lại thì phạm Thâu-lan-giá. Như thế cho đến hai, ba, bốn người nữ cũng vậy hoặc hai, ba, bốn Tỳ-kheo cũng vậy. Trường hợp một Tỳ-kheo đi trên đường gặp một người nam nói với Tỳ-kheo rằng: "Thầy có thể nói với ông A gả con gái (chị em gái) cho con trai của tôi không?" Tỳ-kheo nhận lời đến nói với ông A rồi trở lại báo cho biết thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa, nếu không trở lại báo thì phạm Thâu-lan-giá. Như thế cho đến hai, ba, bốn người nam cũng vậy hoặc hai, ba, bốn Tỳ-kheo cũng vậy. Trường hợp Tỳ-kheo đi rên đường gặp một người nữa và một người nam nói với Tỳ-kheo rằng: "Thầy có thể nói với ông A gả con gái (chị em gái) cho con trai của chúng tôi không?" Tỳ-kheo nhận lời đến nói với ông A… tướng phạm như trường hợp trên, như thế cho đến hai, ba, bốn người nữ và người nam cũng vậy hoặc hai. Ba, bốn Tỳ-kheo cũng vậy. Trường hợp một Tỳ-kheo đi trên đường gặp một người nữ và một huỳnh môn, cho đến hai, ba, bốn người nữ và huỳnh môn hoặc hai, ba, bốn Tỳ-kheo tướng phạm cũng giống như trường hợp trên. Trường hợp một Tỳ-kheo đi trên đường gặp một người nữ và người hai căn, cho đến hai, ba, bốn người nữ và người hai căn hoặc hai, ba, bốn Tỳ-kheo tướng phạm cũng giống như trường hợp trên. Trường hợp một Tỳ-kheo đi trên đường gắp một người nam và một

huỳnh môn, cho đến hai, ba, bốn người nam và huỳnh môn hoặc hai, ba, bốn Tỳ-kheo tướng phạm cũng giống như trường hợp trên. Trường hợp một Tỳ-kheo đi trên đường gặp một người nam và người hai căn, cho đến hai, ba, bốn người nam và người hai căn hoặc hai, ba, bốn Tỳ-kheo tướng phạm cũng giống như trường hợp trên. Trường hợp một Tỳ-kheo đi trên đường gặp một huỳnh môn và người hai căn, cho đến hai, ba, bốn huỳnh môn và người hai căn hoặc hai, ba, bốn Tỳ-kheo tướng phạm cũng giống như trường hợp trên. Trường hợp một Tỳ-kheo đi trên đường gặp một người nữ, một người nam, một huỳnh môn và một người hai căn; cho đến hai, ba, bốn người nữ, người nam, huỳnh môn và người hai căn hoặc hai, ba, bốn Tỳ-kheo tướng phạm cũng giống như trường hợp trên.

Trường hợp có hai vợ chồng cư sĩ giận nhau không hòa hợp, có một Tỳ-kheo thường lui tới nhà đó sau khi thăm hỏi biết được nguyên do liền khuyên bảo hai người hòa hợp lại, khuyên bảo rồi sanh nghi không biết mình có phạm Tăng-già-bà-thi-sa không, liền đem việc này bạch Phật, Phật nói: "Ba loại vợ do tài vật mà được, do nước rưới vào lòng bàn tay mà được và do cướp phá chiếm được, nếu đã làm giấy chứng nhận mà nói là không phải vợ tôi, luật pháp chưa xử đoán vẫn còn qua lại và chưa nói là không phải vợ tôi, Tỳ-kheo khuyên bảo hòa hợp thì phạm Thâu-lan-giá; nếu đã làm

giấy chứng nhận mà nói là không phải vợ tôi, luật pháp đã xử đoán không qua lại nữa và nói là không phải vợ tôi, Tỳ-kheo khuyên bảo hòa hợp thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa".

Nhận lời của người có ba cách:

1. Oai nghi: Nếu Tỳ-kheo nói với người chủ: "Ông thấy tôi qua lại ngồi đứng thì biết là được hay không được".

2. Tướng: Nếu Tỳ-kheo nói với người chủ: "Ông thấy tôi mới cạo tóc hay mặc Tăng-già-lê hay cầm bát thì biết là được hay không được".

3. Ước hẹn: Nếu Tỳ-kheo nói với người chủ: "Ông thấy tôi khi ở trong chúng nói lớn tiếng hay phất y thì biết là được hay không được".

Trở về báo lại có sáu cách: Miệng nói, viết thư, ấn dấu tay (ký tên), oai nghi, tướng và ước hẹn.

- Miệng nói: Nếu Tỳ-kheo miệng nhận lời, sai sứ đến tự miệng nói với người kia, trở về tự miệng báo lại thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa; cho đến viết thư, ký tên, oai nghi, tướng và kỳ hẹn báo lại đều phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

- Viết thư: Nếu Tỳ-kheo miệng nhận lời rồi viết thư cho người kia và viết thư báo lại thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa; cho đến ký tên, oai nghi, tướng, ước hẹn và tự miệng báo lại đều phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

- Ký tên (ấn dấu tay, đóng dấu): Nếu Tỳ-kheo

tự miệng nhận lời rồi ký tên để nói cho người kia biết và ký tên để báo lại cho người chủ biết thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa; cho đến dùng oai nghi, tướng, ước hẹn, tự miệng nói hay viết thư báo lại đều phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

- Dùng oai nghi.
- Dùng tướng.
- Ước hẹn cũng phạm giống như vậy.

Nếu Tỳ-kheo nhận lời của người giàu sang đến nói với người giàu sang rồi trở về báo lại thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa; nếu nhận lời của người nghèo hèn đến nói với người giàu sang rồi trở về báo lại thì phạm Thâu-lan-giá. Nếu Tỳ-kheo nhận lời của người kia mà hiểu được ý thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa; nếu hiểu ý mà không nhận lời thì phạm Thâu-lan-giá; nếu nhận lời mà không hiểu được ý thì không phạm.

6. Giới Xây Cất Chùa Quá Lượng:

Phật ở nước A-la-tỳ, lúc đó các Tỳ-kheo A-la-tỳ tự xin vật liệu xây cất chùa rộng lớn, thường theo các thí chủ xin các vật liệu như gạch ngói, búa đục, bồn chậu, cây gỗ, xe chở… do nhân duyên này phế bỏ việc tụng kinh tọa thiền hành đạo. Lúc đó Trưởng lão Đại Ca diếp sáng sớm đắp y mang bát vào thành khất thực, các cư sĩ vừa thấy Đại Ca diếp đi đến liền than trách: "Sa-môn Thích tử nói tu thiện công đức, nay tự xin vật liệu xây cất chùa

rộng lớn, thường theo chúng tôi xin các vật liệu, do nhân duyên này phế bỏ việc tụng kinh hành đạo. Chúng tôi cúng dường cho những người không biết đủ, khó nuôi như thế là mất lợi", Đại Ca diếp nghe rồi tâm không vui, sau khi khất thực xong trở về đem việc này bạch Phật rồi nói: "Cúi xin Thế tôn chế các Tỳ-kheo làm nhà có hạn lượng", Phật im lặng nhận lời, Đại Ca diếp biết Phật đã nhận lời, sẽ hộ tâm các cựu Tỳ-kheo nên đảnh lễ Phật rồi đi. Phật do nhân duyên này nhóm Tỳ-kheo tăng rồi hỏi các Tỳ-kheo: "Các thầy thật đã làm việc này phải không?" Đáp: "Thật vậy, Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo mà tự xin vật liệu làm chùa rộng lớn, thường theo các cư sĩ xin vật liệu, dính mắc vào công việc xây cất phế bỏ việc tụng kinh hành đạo", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên nay kết giới cho các Tỳ-kheo, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo tự xin vật liệu xây cất chùa, không có thí chủ tự làm thì phải làm đúng lượng là chiều dài mười hai gang tay của Tu-già-đà, bên trong rộng bảy gang tay. Tỳ-kheo đó phải hỏi các Tỳ-kheo để các Tỳ-kheo chỉ chỗ không có nạn, không có chướng ngại. Nếu Tỳ-kheo tự xin vật liệu xây cất chùa, không có thí chủ tự làm mà không hỏi các Tỳ-kheo, làm quá lượng thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

Tự xin là Tỳ-kheo theo xin các cư sĩ hoặc được

một trăm tiền, năm mươi tiền nhẫn đến một tiền. Chùa là gồm nhà tắm, nhà ấm, điện đường, lầu gác… Không có thí chủ là việc xây cất chùa không có thí chủ đứng ra đầu tư, bao gồm nam, nữ, huỳnh môn hay hai căn. Tự làm là vì mình mà làm không vì chúng tăng. Kích lượng là tính theo kích lượng gang tay của Phật, dài mười hai gang tay, bên trong rộng bảy gang tay. Hỏi là hỏi Tăng; Chỉ chỗ là Tăng chỉ chỗ; Chỗ nạn là có các nạn như rắn rít côn trùng cho đến có hang chuột; ngược với trên là chỗ không nạn. Chỗ chướng ngại là bốn phía chùa trong vòng một tầm có đất của tháp, đất của quan, đất của cư sĩ, đất của ngoại đạo, đất của-Tỳ-kheo-ni, hoặc có đá to nước chảy, cây to hầm sâu… các chướng ngại như thế thì Tăng không nên chỉ cho xây cất; ngược với trên là chỗ không có chướng ngại thì Tăng nên chỉ.

Tỳ-kheo này nên theo Tăng xin chỉ chỗ xây cất, pháp xin như sau: Tăng nhất tâm hòa hợp, Tỳ-kheo này nên từ tòa đứng dậy trịch bày vai hữu, quỳ gối chắp tay bạch rằng:

Các Trưởng lão nhất tâm niệm, con là Tỳ-kheo ..... tự xin xây cất chùa, không có thí chủ tự làm ở chỗ không có nạn, chỗ không có chướng ngại. Nay theo Tăng xin chỉ chỗ xây cất, xin Tăng thương xót chỉ chỗ cho con xây cất. (3 lần).

Tăng nên cân nhắc: Nếu Tỳ-kheo này nói là chỗ không có nạn mà thật có nạn thì không nên chỉ; nếu

nói là chỗ không có chướng ngại mà thật có chướng ngại thì không nên chỉ; nếu nói là không có nạn, không có chướng ngại mà thật có nạn có chướng ngại thì không nên chỉ. Ngược lại nếu nói là không nạn, quả thật không nạn thì Tăng nên chỉ; nếu nói là không có chướng ngại, quả thật không có chướng ngại thì Tăng nên chỉ; nếu nói là không có nạn không có chướng ngại, quả thật là không có nạn không có chướng ngại thì Tăng nên chỉ. Pháp chỉ là Tăng nhất tâm hòa hợp, một Tỳ-kheo trong Tăng tác pháp Bạch-nhị-yết-ma như sau:

Đại-đức Tăng lắng nghe, Tỳ-kheo..... này tự xin xây cất chùa, không có thí chủ tự làm ở chỗ không có nạn, không có chướng ngại, nay theo Tăng xin chỉ chỗ xây cất, Nếu Tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay chỉ chỗ xây cất cho Tỳ-kheo ..... Bạch như vậy.

Đại-đức Tăng lắng nghe, Tỳ-kheo ..... này tự xin xây cất chùa, không có thí chủ tự làm ở chỗ không có nạn, không có chướng ngại, nay theo Tăng xin chỉ chỗ xây cất, Tăng thương xót chỉ chỗ xây cất. Các Trưởng lão nào chấp thuận Tăng chỉ chỗ xây cất cho Tỳ-kheo tự xin làm nhà, không có thí chủ tự làm ở chỗ không có nạn, không có chướng ngại thì im lặng, ai không chấp thuận thì nói. Tăng chỉ chỗ cho Tỳ-kheo..... tự xin xây cất chùa, không có thí chủ tự làm ở chỗ không có nạn không có chướng ngại đã xong. Tăng chấp

thuận vì im lặng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

Tướng phạm trong giới này là Tỳ-kheo tự xin xây cất chùa nếu làm không như pháp thì phạm, làm quá lượng thì phạm, không hỏi Tăng thì phạm, xây cất ở chỗ có nạn thì phạm, ở chỗ có chướng ngại thì phạm, làm quá lượng và không hỏi Tăng thì phạm, làm quá lượng và ở chỗ có nạn thì phạm, quá lượng và ở chỗ có chướng ngại thì phạm, không hỏi Tăng và ở chỗ có nạn thì phạm, không hỏi Tăng và ở chỗ có chướng ngại thì phạm; làm quá lượng, không hỏi Tăng và xây cất ở chỗ có nạn thì phạm; làm quá lượng, không hỏi Tăng và xây cất ở chỗ có chướng ngại thì phạm.

Nếu Tỳ-kheo nói với Tỳ-kheo khác rằng: "Thầy hãy xây cất chùa giùm tôi", nói rồi liền đi. Thời gian sau chùa được xây cất xong, nếu chùa làm không như pháp thì phạm, làm quá lượng thì phạm; không hỏi Tăng, Tăng không chỉ chỗ thì phạm; làm ở chỗ có nạn, có chướng ngại thì phạm; làm quá lượng và không hỏi Tăng thì phạm… giống như đoạn văn trên. Nếu Tỳ-kheo nói với Tỳ-kheo khác: "Thầy hãy xây cất chùa giùm tôi", nói rồi liền đi. Thời gian sau chùa chưa làm xong, Tỳ-kheo chủ trở về tự làm cho xong, nếu chùa làm không như pháp thì phạm, làm quá lượng thì phạm, không hỏi Tăng thì phạm, làm ở chỗ có nạn thì phạm, ở chỗ có chướng ngại thì phạm… giống như đoạn văn trên.

Nếu vì Phật, vì Tăng mà xây cất chùa thì không phạm, hoặc được chùa đã xây cất trước rồi thì không phạm.

-oOo-

LUẬT THẬP TỤNG

QUYỂN 4

I - MƯỜI BA PHÁP TĂNG TÀN (Tiếp Theo)

7. Giới Xây Cất Phòng Xá Lớn:

Phật tại nước Câu-diệm-di, lúc đó Trưởng lão Xà na quen biết nhiều người như quốc vương, phu nhân, vương tử,Đại-thần, tướng soái, quan thuộc. Ỷ quen biết nhiều nên đã chặt cây thần để làm phòng xá, cây thần này được những người quen biết trên và nhiều người khác thọ dụng nên bị các cư sĩ hiềm trách: "Sa-môn Thích tử tự nói tu thiện công đức, ỷ quen biết với quốc vương, phu nhân… chặt cây thần được nhiều người thọ dụng để xây cất phòng xá lớn. Chúng ta cúng dường cho những người không biết đủ, nhiều ham muốn, khó nuôi như thế là mất lợi". Lúc đó có Tỳ-kheo thiểu dục hành hạnh đầu đà nghe được lời này tâm không vui, liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm Tỳ-kheo tăng rồi hỏi Xà na: "Thầy đã thật làm việc này phải không ?" Đáp: "Thật vậy Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo lại ỷ quen biết với quốc vương, phu nhân… chặt cây thần được nhiều người thọ dụng

để xây cất phòng xá lớn", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên nay kết giới cho các Tỳ-kheo, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo xây cất phòng xá lớn, có thí chủ tự làm. Tỳ-kheo này nên hỏi các Tỳ-kheo, các Tỳ-kheo nên chỉ chỗ không có nạn, không có chướng ngại. Nếu Tỳ-kheo xây cất phòng xá lớn, có thí chủ tự làm mà không hỏi các Tỳ-kheo và làm ở chỗ có nạn, có chướng ngại thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

Phòng xá lớn là điện đường, lầu gác, nhà tắm, nhà ấm… cho đến phòng chỉ chứa đủ bốn oai nghi. Có thí chủ là việc xây cất có thí chủ đầu tư bao gồm nam, nữ, huỳnh môn, hai căn. Tự làm là vì mình không vì Tăng mà làm. Hỏi là hỏi Tăng; Chỉ chỗ là Tăng chỉ chỗ. Chỗ có nạn và chỗ có chướng ngại như trong giới trên đã nói.

Tỳ-kheo này nên theo Tăng xin chỉ chỗ, pháp xin như sau: Tăng nhất tâm hòa hợp, Tỳ-kheo này nên từ tòa đứng dậy trịch bày vai hữu, quỳ gối chắp tay bạch rằng:

Các Trưởng lão nhất tâm niệm, con là Tỳ-kheo ..... tự xin xây cất phòng xá, có thí chủ tự làm ở chỗ không có nạn, chỗ không có chướng ngại. Nay theo Tăng xin chỉ chỗ xây cất, xin Tăng thương xót chỉ chỗ cho con xây cất. (3 lần)

Tăng nên cân nhắc: Nếu Tỳ-kheo này nói là chỗ không có nạn mà thật có nạn thì không nên chỉ; nếu

nói là chỗ không có chướng ngại mà thật có chướng ngại thì không nên chỉ; nếu nói là không có nạn, không có chướng ngại mà thật có nạn có chướng ngại thì không nên chỉ. Ngược lại nếu nói là không nạn, quả thật không nạn thì Tăng nên chỉ; nếu nói là không có chướng ngại, quả thật không có chướng ngại thì Tăng nên chỉ; nếu nói là không có nạn không có chướng ngại, quả thật là không có nạn không có chướng ngại thì Tăng nên chỉ. Pháp chỉ là Tăng nhất tâm hòa hợp, một Tỳ-kheo trong Tăng tác pháp Bạch-nhị-yết-ma như sau:

Đại-đức Tăng lắng nghe, Tỳ-kheo ..... này tự xin xây cất phòng xá, có thí chủ tự làm ở chỗ không có nạn, không có chướng ngại, nay theo Tăng xin chỉ chỗ xây cất, Nếu Tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay chỉ chỗ xây cất cho Tỳ-kheo ..... Bạch như vậy.

Đại-đức Tăng lắng nghe, Tỳ-kheo ..... này tự xin xây cất phòng xá, có thí chủ tự làm ở chỗ không có nạn, không có chướng ngại, nay theo Tăng xin chỉ chỗ xây cất, Tăng thương xót chỉ chỗ xây cất. Các Trưởng lão nào chấp thuận Tăng chỉ chỗ xây cất cho Tỳ-kheo ..... tự xin làm phòng xá, có thí chủ tự làm ở chỗ không có nạn, không có chướng ngại thì im lặng, ai không chấp thuận thì nói. Tăng chỉ chỗ cho Tỳ-kheo ..... tự xin xây cất phòng xá, có thí chủ tự làm ở chỗ không có nạn không có chướng ngại đã xong. Tăng chấp thuận

vì im lăng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

Tướng phạm trong giới này là Tỳ-kheo tự xin xây cất phòng xá, nếu làm không như pháp thì phạm, làm quá lượng thì phạm, không hỏi Tăng thì phạm, xây cất ở chỗ có nạn thì phạm, ở chỗ có chướng ngại thì phạm, làm quá lượng và không hỏi Tăng thì phạm, làm quá lượng và ở chỗ có nạn thì phạm, quá lượng và ở chỗ có chướng ngại thì phạm, không hỏi Tăng và ở chỗ có nạn thì phạm, không hỏi Tăng và ở chỗ có chướng ngại thì phạm; làm quá lượng, không hỏi Tăng và xây cất ở chỗ có nạn thì phạm; làm quá lượng, không hỏi Tăng và xây cất ở chỗ có chướng ngại thì phạm.

Nếu Tỳ-kheo nói với Tỳ-kheo khác rằng: "Thầy hãy xây cất phòng xá giùm tôi", nói rồi liền đi. Thời gian sau phòng xá được xây cất xong, nếu làm không như pháp thì phạm, làm quá lượng thì phạm; không hỏi Tăng, Tăng không chỉ chỗ thì phạm; làm ở chỗ có nạn, có chướng ngại thì phạm; làm quá lượng và không hỏi Tăng thì phạm… giống như đoạn văn trên. Nếu Tỳ-kheo nói với Tỳ-kheo khác: "Thầy hãy xây cất phòng xá giùm tôi", nói rồi liền đi. Thời gian sau phòng xá chưa làm xong, Tỳ-kheo chủ trở về tự làm cho xong, nếu làm không như pháp thì phạm, làm quá lượng thì phạm, không hỏi Tăng thì phạm, làm ở chỗ có nạn thì phạm, ở chỗ có chướng ngại thì phạm… giống như đoạn văn trên. Nếu được phòng xá đã xây cất trước

rồi thì không phạm.

8. Giới Vô Căn Vu Báng:

Phật ở thành Vương xá, Trưởng lão Đà-phiêu lực sĩ tử thành tựu năm pháp nên Tăng yết ma cử làm người phân chia phòng xá ngọa cụ. Năm pháp là không tùy ái, không tùy sân, không tùy sợ, không tùy si, biết nên chia hay không nên chia, tùy người mà chia cho thích hợp. Như chia cho người A-lan-nhã (a luyện nhi) ở cùng người A-lan-nhã, người trì luật ở cùng với người trì luật, người thuyết pháp ở cùng với người thuyết pháp, người đọc tụng Tu đố lộ ở cùng người đọc tụng tu đố lộ… như thế người cùng công việc ở chung với nhau. Trưởng lão nghĩ rằng: "Ta phân chia như thế khiến cho họ dù nói hay yên lặng đều được an lạc trụ", khi phân chia phòng xá ngọa cụ như thế Trưởng lão Đà-phiêu không cần đốt đuốc, tay trái xuất hào quang, tay phải cầm ngọa cụ đưa cho. Vì thế có Tỳ-kheo muốn được trông thấy thần lực của Trưởng lão Đà-phiêu, cố ý đợi tối đến lấy ngọa cụ. Phật lúc đó vẫn còn ở thành Vương xá, do Trưởng lão Đà-phiêu thành tựu năm pháp nên Tăng cử làm người phân phái Tỳ-kheo theo thứ lớp đi phó hội, đó là không tùy ái, sợ, si và biết thứ lớp nên sai đi phó hội. Lúc đó Tỳ-kheo Di-đa-la-phù-ma theo thứ lớp đi phó hội toàn gặp thức ăn thô dỡ, như thế đến hai, Ba-lần nên suy nghĩ: "Ta rất khổ não, lực sĩ tử

Đà-phiêu này cố ý phân phái ta thọ thỉnh thức ăn thô dỡ, ta phải làm gì khiến cho kia bị xúc não. Ta sẽ đem pháp Ba-la-di không căn cứ vu báng". Tỳ-kheo này có em gái là Tỳ-kheo-ni tên Di-đa-la nên khi Tỳ-kheo-ni này đến thăm hỏi, Tỳ-kheo Di-đa-la-phù-ma không cùng nói chuyện, cũng không ngó ngàng và bảo ngồi, Tỳ-kheo-ni suy nghĩ: "Ta đã làm điều gì xấu hay xúc phạm điều gì khiến anh ta không cùng nói chuyện, không ngó ngàng cũng không bảo ngồi", nghĩ rồi liền nói: "em đối với anh có lỗi gì mà không cùng nói chuyện cũng không bảo ngồi", Tỳ-kheo nói: "Tỳ-kheo Đà-phiêu đã hai, Ba-lần phân phái anh đi phó hội thọ toàn thức ăn thô dỡ làm xúc não anh, em không giúp ta", Tỳ-kheo-ni nói: "Anh muốn em giúp việc gì", Tỳ-kheo nói: "Em hãy đến chỗ Phật Thế tôn bạch rằng: Tại sao có pháp này, Tỳ-kheo Đà-phiêu đã cùng con làm việc dâm phạm Ba-la-di", Tỳ-kheo-ni nói: "Tỳ-kheo này thanh tịnh không tội, tại sao đem pháp Ba-la-di vu báng ?", Tỳ-kheo nói: "Nếu em không vu báng, ta không nói chuyện với em", Tỳ-kheo-ni này vì kính ái người anh nên suy nghĩ: "Nếu ta không nghe lời, anh sẽ không nói chuyện với ta", nghĩ rồi nói: "em sẽ nghe lời anh", Tỳ-kheo nói: "em hãy ngồi đây chờ, anh sẽ đến chỗ Phật trước, em sẽ đến sau, ta sẽ làm chứng cho em", nói rồi liền đến chỗ Phật, đảnh lễ Phật rồi ngồi một bên. Tỳ-kheo-ni Di-đa-la đến sau đảnh lễ Phật rồi

bạch Phật rằng: "Thế tôn, tại sao có pháp này, Tỳ-kheo Đà-phiêu đã cùng con làm việc dâm phạm Ba-la-di", Tỳ-kheo Di-đa-la-phù-ma nói: "Thế tôn, sự thật là như vậy, con cũng biết trước đúng như lời Tỳ-kheo-ni nói". Lúc đó Đà-phiêu đứng phía sau quạt cho Phật, Phật ngoái lại hỏi Đà-phiêu: "Thầy đã làm gì mà Tỳ-kheo-ni Di-đa-la ở trước Ta nói rằng: Thế tôn… phạm Ba-la-di và Tỳ-kheo Di-đa-la-phù-ma cũng nói: Thế tôn, sự thật là như vậy…", Đà-phiêu bạch Phật: "Thế tôn biết cho con, Tu-già đà biết cho con", Phật bảo Đà-phiêu: "Thầy không được nói như thế, nếu thầy nhớ có làm thì nói là nhớ có, nếu không nhớ có làm thì nói là không nhớ", Đà-phiêu liền nói: "Thế tôn, con không nhớ có làm; Tu-già-đà, con không nhớ có làm". Lúc đó Trưởng lão La-hầu-la cũng có mặt ở đó, chắp tay bạch Phật: "Thế tôn, Tỳ-kheo Đà-phiêu vì sao lại nói như thế ? Nay Tỳ-kheo-ni Di-đa-la ở trước Phật nói rằng: Thế tôn, tại sao có pháp này… phạm Ba-la-di và Tỳ-kheo Di-đa-la-phù-ma cũng nói: Thế tôn, sự thật là như vậy…", Phật bảo La-hầu-la: "Nay Ta hỏi thầy, tùy ý thầy đáp. Thầy nghĩ như thế nào nếu Tỳ-kheo-ni này đến trước Ta nói rằng: Thế tôn, tại sao có pháp này, La-hầu-la đã cùng con làm việc dâm phạm Ba-la-di và Tỳ-kheo Di-đa-la-phù-ma cũng nói: Thế tôn, sự thật là như vậy, con cũng biết trước đúng như lời Tỳ-kheo-ni nói. Lúc đó thầy phản ứng như thế

nào ?", La-hầu-la nói: "Thế tôn biết cho con, Tu-già-đà biết cho con", Phật nói: "Thầy ngu si, thầy còn có thể nói: Thế tôn biết cho con, Tu-già-đà biết cho con thì huống gì Tỳ-kheo Đà-phiêu là người trì giới thanh tịnh khéo tu phạm hạnh, lại không nói câu: Thế tôn biết cho con, Tu-già-đà biết cho con". Lúc đó Phật bảo các Tỳ-kheo: "Các thầy nên nhớ, Tỳ-kheo Đà-phiêu nói là không nhớ có làm; còn Tỳ-kheo-ni này tự nói là đã làm tội này thì nên yết ma diệt tẫn", Phật nói rồi đứng dậy đi vào thiền thất. Lúc đó các Tỳ-kheo gạn hỏi Di-đa-la-phù-ma: "Thầy làm sao thấy được, thấy ở chỗ nào, thấy phạm việc gì, thầy do việc gì mà đến đó thấy?" Di-đa-la-phù-ma nói: "Tỳ-kheo Đà-phiêu thật sự phạm hạnh thanh tịnh, tôi vì cố ý muốn làm cho thầy ấy sân sợ si nên mới vu báng như thế", các Tỳ-kheo hỏi: "Tại sao Tỳ-kheo Đà-phiêu phạm hạnh thanh tịnh mà thầy lại cố ý muốn làm cho sân sợ si nên vu báng như thế?" Đáp: "Tỳ-kheo Đà-phiêu thành tựu năm pháp nên Tăng ở thành Vương xá cử làm người phân phái các Tỳ-kheo đi phó hội, theo thứ lớp phân phái tôi toàn gặp phải thức ăn thô dỡ, như thế đến hai, Ba-lần khiến tôi khổ não. Tôi nghĩ là Tỳ-kheo Đà-phiêu muốn xúc não tôi, nên nghĩ cách xúc não lại là đem pháp Ba-la-di không căn cứ vu báng muốn làm cho thầy ấy sân sợ si". Các Tỳ-kheo thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe rồi tâm không vui liền quở trách: "Tại

sao gọi là Tỳ-kheo lại đem pháp Ba-la-di không căn cứ cho Tỳ-kheo phạm hạnh thanh tịnh", quở trách rồi liền đem việc này bạch Phật. Phật ra khỏi thiền thất nhóm họp Tỳ-kheo tăng rồi hỏi Di-đa-la-phù-ma: "Thầy thật đã làm việc này phải không?" Đáp: "Thật đã làm, Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo… thanh tịnh", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Có ba hạng người chắc chắn đọa địa ngục:

Một là người đem pháp Ba-la-di không căn cứ vu báng cho Tỳ-kheo phạm hạnh thanh tịnh.

Hai là hạng người tà kiến nói dâm dục là không tội.

Ba là người phạm giới, làm việc xấu xa, không phải là Sa-môn mà nói là Sa-môn, không phải là phạm hạnh mà tự nói là phạm hạnh". Phật liền nói kệ:

"Vọng ngữ đọa địa ngục,
Làm nói là không làm,
Hai tội này giống nhau,
Sau đều thọ tội báo.
Tất cả người thế gian,
Búa để ở trong miệng,
Do đây tự chém mình,
Đều do nói lời ác.
Đáng trách lại khen ngợi,
Đáng khen mà lại trách.
Lỗi của miệng nên suy,

Suy nên không thọ lạc.
Như mất mát tài lợi,
Suy này vẫn còn ít,
Tâm ác hại người thiện,
Suy này nặng hơn nhiều.
Địa ngục Ni-la-phù,
Kiếp số có mười vạn,
Địa ngục A-phù-đà,
Ba ngàn sáu trăm rưỡi,
Ác tâm nói lời ác,
Chê bai bậc Thánh nhơn,
Mạng chung ắt sẽ đọa,
Trong địa ngục như thế".

Phật đủ lời quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên nay kết giới cho các Tỳ-kheo, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo trụ tâm ác sân, đem pháp Ba-la-di không căn cứ vu báng cho Tỳ-kheo không phạm Ba-la-di, muốn phá phạm hạnh của-Tỳ-kheo kia. Thời gian sau Tỳ-kheo này dù có người hỏi hay không có người hỏi, biết việc này là không căn cứ nhưng vì Tỳ-kheo trụ tâm ác sân nên cố ý nói như thế, thì Tỳ-kheo này phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

Ác sân là do tâm tham trước nên khởi, ác sân tăng thạnh nên không thấy công đức của người, chỉ thấy lỗi xấu.

Tỳ-kheo không phạm Ba-la-di là trong bốn

pháp Ba-la-di đều không có phạm. Không căn cứ là không căn cứ trên ba việc thấy nghe nghi. Vu báng là Tỳ-kheo ấy không phạm mà gượng gán tội cho. Phá phạm hạnh là phá pháp Tỳ-kheo của người ấy muốn khiến cho bị thối thất. Biết việc này là không căn cứ bao gồm bốn việc: Việc tranh tụng, việc giúp nhau, việc phạm tội và việc thường làm.

Trong giới này tướng phạm là nếu Tỳ-kheo đem pháp Ba-la-di không căn cứ vu báng cho Tỳ-kheo không thanh tịnh thì có mười một tướng phạm và năm tướng không phạm. Mười một tướng phạm là không thấy, không nghe, không nghi; thấy mà quên, nghe mà quên, nghi mà quên; nghe mà tin, nghe mà không tin, nghe mà nói là nghi, nghi mà nói là thấy, nghi mà nói là nghe. Năm tướng không phạm là thấy, nghe nghi, thấy rồi không quên, nghe rồi không quên. Giống như trường hợp Tỳ-kheo không thanh tịnh, trường hợp Tỳ-kheo tợ thanh tịnh cũng vậy.

Nếu Tỳ-kheo đem pháp Ba-la-di không căn cứ vu báng cho Tỳ-kheo thanh tịnh có mười tướng phạm và bốn tướng không phạm. Mười tướng phạm là không thấy, không nghe, không nghi, nghe rồi quên, nghi mà quên, nghe rồi tin, nghe mà không tin, nghe mà nói là nghi, nghi mà nói là thấy, nghi mà nói là nghe. Bốn tướng không phạm là nghi, nghe, nghe rồi không quên, nghi mà không quên. Giống như trường hợp Tỳ-kheo thanh tịnh,

trường hợp Tỳ-kheo tợ không thanh tịnh cũng vậy.

9. Giới Lấy Chút Việc Trong Dị Phần Vu Báng:

Phật tại thành Vương xá, Tỳ-kheo Đà-phiêu một mình ở dưới núi đang đứng cùng với hai Tỳ-kheo-ni, lúc đó Tỳ-kheo Di-đa-la-phù-ma-đang giặt y trên một gộp đá ở dưới núi gần đấy, từ xa trông thấy Trưởng lão Đà-phiêu đang đứng cùng hai Tỳ-kheo-ni liền suy nghĩ: "Ta trước kia đem pháp Ba-la-di vu báng không thành, nay lấy chút việc này vu báng là phạm Ba-la-di", nghĩ rồi liền đến nói với các Tỳ-kheo: "Tỳ-kheo Đà-phiêu nay phạm dâm, chính tôi thấy không phải nghe người khác nói". Các Tỳ-kheo liền gạn hỏi: "Thầy tại sao thấy, thấy chỗ nào, thấy phạm việc gì, do việc gì mà đến đó thấy…" sau khi bị gạn hỏi Tỳ-kheo này liền nói: "Tôi vì tùy ái, sân, sợ, si nên nói như thế. Tỳ-kheo Đà-phiêu thật sự là người phạm hạnh thanh tịnh", các Tỳ-kheo liền gạn hỏi nguyên do, Tỳ-kheo này nói: "Tôi đang giặt y trên gộp đá dưới núi, từ xa trông thấy Tỳ-kheo Đà-phiêu đang đứng cùng hai Tỳ-kheo-ni, tôi liền suy nghĩ: Ta trước kia đem pháp Ba-la-di vu báng không thành, nay lấy chút việc này vu báng là phạm Ba-la-di, tôi vì tùy ái, sân, sợ si nên nói, Tỳ-kheo Đà-phiêu thật sự thanh tịnh". Các Tỳ-kheo thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe rồi tâm không vui liền quở trách:

"Tại sao gọi là Tỳ-kheo lại đem chút việc vu báng là phạm Ba-la-di cho Tỳ-kheo thanh tịnh", quở trách rồi liền đem việc này bạch Phật. Phật do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng rồi hỏi Tỳ-kheo Di-đa-la-phù-ma: "Thầy thật đã làm việc này phải không?" Đáp: "Thật vậy Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gói là Tỳ-kheo lại vì chút việc nhỏ mà đem pháp Ba-la-di không căn cư vu báng cho Tỳ-kheo thanh tịnh", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo trụ tâm ác sân ở trong dị phần lấy chút việc đem pháp Ba-la-di vu báng cho Tỳ-kheo không phạm Ba-la-di, muốn phá phạm hạnh của-Tỳ-kheo kia. Thời gian sau Tỳ-kheo này dù có người hỏi hay không có người hỏi vẫn biết đây là chút việc hay tợ chút việc, vì trụ nơi tâm ác sân nên mới nói như thế, thì Tỳ-kheo này phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

Dị phần là bốn Ba-la-di, vì sao, vì trong bốn Ba-la-di này nếu phạm mỗi mỗi việc thì không phải là Sa-môn Thích tử, mất pháp Tỳ-kheo. Không phải dị phần là mười ba pháp Tăng tàn, hai pháp Bất định, ba mươi pháp xả đọa, chín mươi pháp Đọa, bốn pháp Ba-la-đề-đề-xá-ni, Chúng đa học pháp, bảy pháp chỉ tránh; vì sao, vì nếu phạm những pháp này vẫn được gọi là Tỳ-kheo, là Sa-môn Thích tử, không mất pháp Tỳ-kheo. Tu du

phiến chỉ cho các việc thuộc về oai nghi. Tránh có bốn loại: Việc tránh tụng, việc giúp nhau, việc phạm tội, việc thường làm thuộc về sự tránh. Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo khi trời sáng thấy Tỳ-kheo khác phạm Tăng-già-bà-thi-sa, trong các tội Tăng-già-bà-thi-sa quyết định sanh tưởng là phạm Tăng-già-bà-thi-sa; không thấy người kia phạm Ba-la-di mà nói là tôi thấy phạm, mỗi mỗi lời đều phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Từ khi mặt trời mọc đến giữa trưa cho đến tối, đầu đêm, giữa đêm, sau đêm… cũng vậy. Nếu Tỳ-kheo khi trời sáng thấy Tỳ-kheo khác phạm Ba-dật-đề hoặc Ba-la-đề-đề-xá-ni hoặc Đột-kiết-la; không thấy người đó phạm Ba-la-di mà nói là tôi thấy phạm thì mỗi mỗi lời đều phạm Tăng-già-bà-thi-sa, cho đến sau đêm cũng vậy. Nếu Tỳ-kheo khi trời sáng thấy Tỳ-kheo khác phạm Tăng-già-bà-thi-sa hoặc Ba-dật-đề, Ba-la-đề-đề-xá-ni hoặc Đột-kiết-la; trong Tăng-già-bà-thi-sa quyết định sanh tưởng là Đột-kiết-la, không thấy người kia phạm Ba-la-di mà nói là tôi thấy phạm thì mỗi mỗi lời đều phạm Tăng-già-bà-thi-sa, cho đến sau đêm cũng vậy. Nếu Tỳ-kheo khi trời sáng thấy Tỳ-kheo khác phạm Ba-dật-đề hay Ba-la-đề-đề-xá-ni hay Đột-kiết-la; trong Đột-kiết-la quyết định sanh tưởng là Ba-la-đề-đề-xá-ni, không thấy người kia phạm Ba-la-di mà nói là tôi thấy phạm thì mỗi mỗi lời đều phạm Tăng-già-bà-thi-sa, cho đến sau đêm cũng

vậy.

Có Tỳ-kheo khi trời sáng thấy Tỳ-kheo khác phạm Tăng-già-bà-thi-sa, nhưng lại sanh nghi không biết có phải là phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa hay không; sau trừ được tâm nghi, quyết định sanh tưởng là tội Tăng-già-bà-thi-sa, không thấy người kia phạm Ba-la-di mà nói là tôi thấy phạm thì mỗi mỗi lời đều phạm Tăng-già-bà-thi-sa, cho đến sau đêm cũng vậy. Có Tỳ-kheo khi trời sáng thấy Tỳ-kheo khác phạm tội Ba-dật-đề hoặc Ba-la-đề-đề-xá-ni hoặc Đột-kiết-la; nhưng lại sanh nghi không biết có phải là phạm tội Đột-kiết-la hay không, sau trừ được nghi ở trong tội Đột-kiết-la quyết định sanh tưởng là Đột-kiết-la; không thấy người kia phạm Ba-la-di mà nói là tôi thấy phạm thì mỗi mỗi lời đều phạm Tăng-già-bà-thi-sa, cho đến sau đêm cũng vậy.

10. Giới Can Phá Hòa Hợp Tăng:

Phật tại thành Vương xá, lúc đó Đề-bà-đạt-đa tìm cách phá hòa hợp Tăng, thọ trì việc phá tăng; người này có tâm tật đố suy nghĩ tìm cách phá tăng: "Một mình ta không thể phá được hòa hợp Tăng của Sa-môn Cù đàm và hoại chuyển pháp luân". Đề-bà-đạt-đa có bốn bạn đảng: Một tên là Câu-già-lê, hai tên là Xiển-đà-đà-phiêu, ba tên là Ca-lưu-đà-đề-xá và bốn tên là Tam-văn-đạt-đa. Lúc đó Đề-bà-đạt-đa đến chỗ bốn người nói rằng: "Các vị

hãy hợp sức với ta phá hòa hợp tăng của Sa-môn Cù đàm và hoại chuyển pháp luân", bốn người nghe rồi nói rằng: "Các đệ tử của Sa-môn Cù đàm có người là đại trí tuệ, có người là đại thần thông, có người được thiên nhãn trí, biết được tâm niệm của người khác… Họ sẽ thấy biết chúng ta muốn phá hòa hợp Tăng và hoại chuyển pháp luân, chúng ta làm sao có thể phá hòa hợp Tăng của Sa-môn Cù đàm và hoại chuyển pháp luân?" Đề-bà-đạt-đa nói: "Các đệ tử trẻ tuổi của Sa-môn Cù đàm mới vào pháp không lâu, chúng ta đến chỗ họ đem năm pháp dụ dẫn họ rằng: "Các thầy trọn đời thọ mặc nạp y, trọn đời thọ pháp khất thực, trọn đời thọ pháp ăn một bữa, trọn đời thọ pháp ngồi nơi đất trống, trọn đời thọ pháp đoạn nhục. Tỳ-kheo nào thọ trì năm pháp này sẽ mau được Niết bàn". Nếu là Trưởng lão Thượng tòa-Tỳ-kheo có nhiều người quen biết, tu phạm hạnh đã lâu, đã được vị Phật pháp thì nên nói với các vị ấy rằng: "Phật đã già yếu, tuổi đã già suy, tự thích chỗ yên tĩnh vắng vẻ để thọ hiện tại pháp lạc. Các thầy cần điều gì, tôi sẽ giúp đỡ cho nhau". Chúng ta dùng phương tiện này có thể phá hòa hợp Tăng của Sa-môn Cù đàm và hoại chuyển pháp luân", bốn người nghe rồi nói rằng: "Như thế xin nghe theo lời của Đại-đức". Sau đó Đề-bà-đạt-đa đến chỗ các Tỳ-kheo trẻ tuổi dùng năm pháp dụ dẫn rằng: "Các thầy trọn đời thọ mặc Nạp y… mau được Niết-bàn, giống như đoạn văn

trên", kế đó đến chỗ các Trưởng lão Thượng tòa-Tỳ-kheo nói rằng: "Phật đã già yếu … tôi sẽ giúp đỡ cho nhau". Lúc đó Đề-bà-đạt-đa phi pháp nói là pháp, pháp nói là phi pháp; phi luật nói là luật, luật nói là phi luật; không phạm nói là phạm, phạm nói là không phạm; khinh nói là trọng, trọng nói là khinh; hữu tàn nói là vô tàn, vô tàn nói là hữu tàn; pháp thường làm nói là không phải pháp thường làm; phi giáo nói là giáo, giáo nói là phi giáo. Các Tỳ-kheo thấy Đề-bà-đạt-đa muốn phá hòa hợp Tăng và hoại chuyển pháp luân liền đem việc này bạch Phật, Phật bảo các Tỳ-kheo: "Các thầy nên can ngăn Đề-bà-đạt-đa bỏ việc phá Tăng này", các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy liền đến chỗ Đề-bà-đạt-đa nói rằng: "Thầy chớ tìm cách phá hòa hợp tăng, chớ thọ trì việc phá Tăng, phải cùng Tăng hòa hợp, Tăng hòa hợp thì an vui không tranh cải, nhất tâm cùng học như nước hòa với sữa được an lạc trụ. Thầy hãy bỏ việc phá Tăng này", nhưng Đề-bà-đạt-đa không chịu bỏ việc phá Tăng này. Lúc đó bốn bạn đảng của Đề-bà-đạt-đa quở trách các Tỳ-kheo rằng: "Các thầy chớ can ngăn Đề-bà-đạt-đa bỏ việc này, vì sao, vì Đề-bà-đạt-đa là người nói đúng pháp, đúng luật, vị ấy nói điều gì chúng tôi đều vui thích; đó là biết mới nói không phải không biết mà nói, vị ấy nói điều gì chúng tôi đều chấp nhận". Như thế các Tỳ-kheo hai, Ba-lần can ngăn đều không thể khiến cho Đề-bà-đạt-đa bỏ ác tà

kiến, nên trở về bạch Phật, Phật nghe rồi suy nghĩ: "Đề-bà-đạt-đa và bốn bạn đảng ngu si như thế có thể phá hòa hợp Tăng và hoại chuyển pháp luân, Ta nên đến can ngăn Đề-bà-đạt-đa bỏ việc làm này", nghĩ rồi liền đến chỗ Đề-bà-đạt-đa can ngăn rằng: "Thầy chớ tìm cách phá hòa hợp Tăng… được an lạc trụ giống như đoạn văn trên. Thầy chớ phi pháp nói là pháp, pháp nói là phi pháp… giáo nói là phi giáo, giống như đoạn văn trên. Thầy hãy bỏ việc phá Tăng này", Đề-bà-đạt-đa nghe Phật nói rồi liền tạm bỏ việc làm này. Lúc đó Phật do nhân duyên này nhóm Tỳ-kheo tăng quở trách Đề-bà-đạt-đa và bốn bạn đảng rằng: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo lại tìm cách phá hòa hợp Tăng, thọ trì việc phá Tăng ?" Quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo muốn phá hòa hợp Tăng, tìm cầu phương tiện thọ trì việc phá Tăng thì các Tỳ-kheo nên can ngăn rằng: "Thầy chớ phá hòa hợp Tăng, chớ tìm cầu phương tiện thọ trì việc phá Tăng, phải cùng Tăng hòa hợp, hòa hợp thì an lạc không tranh, nhất tâm cùng học như nước hòa với sữa, được an lạc trụ. Thầy nên bỏ việc phá Tăng này". Khi các Tỳ-kheo can ngăn như thế mà không chịu bỏ việc này thì nên can ngăn hai, Ba-lần cho bỏ việc này, chịu bỏ thì tốt, nếu không chịu bỏ thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

Tướng phạm trong giới này là Tỳ-kheo muốn phá Tăng có mười bốn tướng phạm: Nếu phi pháp nói là pháp thì phạm Thâu-lan-giá, pháp nói là phi pháp thì phạm Thâu-lan-giá; phi luật nói là luật thì phạm Thâu-lan-giá, luật nói phi luật thì phạm Thâu-lan-giá; không phạm nói là phạm thì phạm Thâu-lan-giá, phạm nói là không phạm thì phạm Thâu-lan-giá; khinh nói là trọng thì phạm Thâu-lan-giá, trọng nói là kinh thì phạm Thâu-lan-giá; hữu tàn nói là vô tàn thì phạm Thâu-lan-giá, vô tàn nói là hữu tàn thì phạm Thâu-lan-giá; không phải pháp thường hành mà nói là pháp thường hành thì phạm Thâu-lan-giá, pháp thường hành nói không phải là pháp thường hành thì phạm Thâu-lan-giá; phi giáo nói là giáo thì phạm Thâu-lan-giá, giáo nói là phi giáo thì phạm Thâu-lan-giá.

Trước tiên dùng lời dịu dàng can ngăn, nếu chịu bỏ thì bảo sám mười bốn Thâu-lan-giá trên rồi cho xuất tội, nếu không chịu bỏ thì nên Bạch-tứ-yết-ma can ngăn, pháp can ngăn là khi Tăng nhất tâm hòa hợp, một Tỳ-kheo trong Tăng tác bạch yết ma như sau:

Đại-đức Tăng lắng nghe, Tỳ-kheo tên ..... này muốn phá hòa hợp tăng, thọ trì việc phá Tăng, đã dịu dàng can ngăn nhưng không chịu bỏ việc này. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay can ngăn Tỳ-kheo tên ..... rằng: "Thầy chớ phá hòa hợp Tăng, chớ thọ trì việc

phá Tăng, hãy cùng Tăng hòa hợp; Tăng hòa hợp thì an lạc không tranh, nhất tâm cùng học như nước hòa với sữa, được an lạc trụ. Thầy hãy bỏ việc phá Tăng này". Bạch như vậy.

Như thế Bạch-tứ-yết-ma cho đến câu Tăng đã can ngăn Tỳ-kheo tên .....: "Thầy chớ phá hòa hợp Tăng, chớ thọ trì việc phá Tăng" xong rồi, Tăng chấp thuận vì yên lặng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

Như Phật đã nói trước tiên nên can ngăn Tỳ-kheo này Ba-lần cho bỏ việc phá Tăng, đây gọi là ước sắc, cũng gọi là can ngăn. Nếu dịu dàng can ngăn mà không bỏ cũng chưa phạm, như thế cho đến can ngăn lần thứ ba chưa xong và các trường hợp như phi pháp biệt chúng, phi pháp hòa hợp chúng, tợ pháp biệt chúng, tợ pháp hòa hợp chúng, như pháp biệt chúng, khác pháp khác luật khác lời Phật dạy mà can ngăn, không chịu bỏ vẫn chưa phạm. Nếu như pháp như luật như lời Phật dạy can ngăn Ba-lần xong mà không chịu bỏ thì mới phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Nếu Tỳ-kheo lấy mười bốn việc trên, Tăng can ngăn đều thành can ngăn, can ngăn cách này hay cách khác đều lấy mười bốn việc trên, không chịu bỏ thì nhất định thành tội Tăng-già-bà-thi-sa. Sau đó Tăng lại can ngăn nữa mà vẫn không chịu bỏ lại phạm Tăng-già-bà-thi-sa, tùy can ngăn bao nhiêu mà không chịu bỏ thì phạm thêm Tăng-già-bà-thi-sa bấy nhiêu. Tỳ-kheo

này nên vào trong Tăng bạch rằng: "Các Trưởng lão, con Tỳ-kheo tên ..... phạm Tăng-già-bà-thi-sa", nếu nói liền thì tốt, nếu không nói liền thì giây phút này trở đi tính theo số ngày che dấu gọi là tội phú tàng.

11. Giới Can Bạn Đảng Phá Tăng:

Phật ở thành Vương xá, lúc đó Phật do nhân duyên các Tỳ-kheo trợ giúp phá Tăng nên nhóm Tỳ-kheo tăng quở trách các Tỳ-kheo đó rằng:

"Tại sao gọi là Tỳ-kheo biết Tỳ-kheo này muốn phá hòa hợp Tăng lại kết bè đảng trợ giúp phá tăng", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu có Tỳ-kheo muốn phá hòa hợp Tăng, có Tỳ-kheo khác đồng ý trợ giúp, một hay nhiều người nói với các Tỳ-kheo rằng: "Các thầy chớ can ngăn Tỳ-kheo này trong việc này, vì sao, vì Tỳ-kheo này nói đúng pháp, đúng luật không phải là nói phi pháp phi luật, Tỳ-kheo này nói điều gì chúng tôi đều vui thích. Đó là biết mới nói không phải không biết mà nói, Tỳ-kheo này nói điều gì chúng tôi đều chấp nhận". Lúc đó các Tỳ-kheo nên can ngăn các Tỳ-kheo trợ giúp việc phá tăng rằng: "Thầy chớ nói rằng Tỳ-kheo này nói đúng pháp đúng luật, Tỳ-kheo này nói điều gì chúng tôi đều vui thích. Đó là biết mới nói không phải không biết

mà nói, Tỳ-kheo này nói điều gì chúng tôi đều chấp nhận. Các thầy chớ trợ giúp việc phá Tăng, phải vui giúp Tăng hòa hợp; Tăng hòa hợp thì hoan hỉ không tranh, nhất tâm cùng học như nước hòa với sữa, được an lạc trụ". Khi các Tỳ-kheo can ngăn như thế mà vẫn chấp chặt không chịu bỏ thì các Tỳ-kheo nên can ngăn Ba-lần cho bỏ việc này, nếu chịu bỏ thì tốt, nếu không chịu bỏ thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

Trong giới này tướng phạm là nếu Tỳ-kheo trợ giúp phá Tăng nói với các Tỳ-kheo rằng: "Các thầy chớ can ngăn Tỳ-kheo này trong việc này", thì phạm Đột-kiết-la. Nếu nói Tỳ-kheo này nói đúng pháp thì phạm Thâu-lan-giá; nói Tỳ-kheo này nói đúng luật thì phạm Thâu-lan-giá; nói Tỳ-kheo này nói điều gì chúng tôi đều vui thích thì phạm Đột-kiết-la; nói đó là biết mới nói không phải không biết mà nói thì phạm Thâu-lan-giá, nói Tỳ-kheo này nói điều gì chúng tôi đều chấp nhận thì phạm Thâu-lan-giá.

Trước tiên nên dịu dàng can ngăn, nếu chịu bỏ thì bảo sám bốn tội Thâu-lan-giá và hai tội Đột-kiết-la kể trên rồi cho xuất tội. Nếu không chịu bỏ thì Tăng nên Bạch-tứ-yết-ma can ngăn, pháp can ngăn là khi Tăng nhất tâm hòa hợp, một Tỳ-kheo trong Tăng tác bạch yết ma như sau:

Đại-đức Tăng lắng nghe, Tỳ-kheo tên ..... này trợ giúp Tỳ-kheo tên ..... trong việc phá

Tăng, một hay nhiều người, các Tỳ-kheo đã dịu dàng can ngăn nhưng không chịu bỏ việc này. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay can ngăn Tỳ-kheo trợ giúp phá Tăng rằng: "Thầy chớ trợ giúp Tỳ-kheo tên ..... phá Tăng, chớ kết làm bạn đảng, chớ nói Tỳ-kheo này nói đúng pháp đúng luật, Tỳ-kheo này nói điều gì chúng tôi đều vui thích. Đây là biết mới nói không phải không biết mà nói, Tỳ-kheo này nói điều gì chúng tôi đều chấp nhận". Bạch như vậy.

Như thế Bạch-tứ-yết-ma cho đến câu Tăng can ngăn Tỳ-kheo trợ giúp phá Tăng đã xong, Tăng chấp thuận vì yên lặng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

Như Phật đã nói trước tiên nên dịu dàng can ngăn cho đến Ba-lần cho bỏ việc này, đây gọi là ước sắc, cũng gọi là can ngăn. Nếu dịu dàng can ngăn mà không chịu bỏ vẫn chưa phạm, như thế cho đến can ngăn lần thứ ba chưa xong và các trường hợp như phi pháp biệt chúng, phi pháp hòa hợp chúng, tợ pháp biệt chúng, tợ pháp hòa hợp chúng, như pháp biệt chúng, khác pháp khác luật khác lời Phật dạy, không chịu bỏ thì không phạm. Nếu tăng như pháp như luật như lời Phật dạy Ba-lần can ngăn xong mà không chịu bỏ thì mới phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Tỳ-kheo này nếu nói bốn câu nói kể trên, Tăng can ngăn đều thành can ngăn, can ngăn cách này hay cách khác nếu không chịu bỏ

thì nhất định thành tội Tăng-già-bà-thi-sa. Nếu sau đó tăng lại can ngăn không chịu bỏ thì phạm thêm Tăng-già-bà-thi-sa, tùy Tăng can ngăn bao nhiêu mà không chịu bỏ thì phạm thêm Tăng-già-bà-thi-sa bấy nhiêu. Tỳ-kheo này nên vào trong Tăng bạch rằng: "Các Trưởng lão, con Tỳ-kheo tên

..... phạm Tăng-già-bà-thi-sa", nếu nói liền thì tốt, nếu không nói liền thì từ giây phút này trở đi tính số ngày che dấu gọi là tội phú tàng.

12. Giới Ô Tha Gia:

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó ở vùng đất Hắc sơn có hai Tỳ-kheo tên Mãn-túc và Mã-túc ở nơi này làm hạnh xấu, làm nhơ nhà người, ai cũng thấy cũng nghe cũng biết. Tỳ-kheo này cùng người nữ ngồi chung một giường, ăn chung một mâm, uống chung một bát, quá ngọ ăn, chứa thức ăn cùng ngủ (nội túc), ăn thức ăn cách đêm, không thọ mà ăn, không làm pháp dư thực mà ăn, đánh đàn đánh trống, huýt gió thành nhạc, thổi lá cây Đa-la thành tiếng nhạc…, ca múa, đeo chuỗi anh lạc, lấy hương thơm thoa thân, mặc áo ướp mùi thơm… tự dắt vợ và con gái của người hoặc bảo người dắt, khiến voi ngựa đấu nhau, trâu bò đấu nhau, nam nữ đấu nhau, bản thân cũng đấu, tay đánh chân đạp, đuổi chạy nhau bốn phía… tung đồ vật lên hư không rồi ở dưới đón lấy, đi cùng người nữ trên thuyền làm các kỷ nhạc, hoặc cởi voi, cởi ngựa, đi kiệu với nhiều

người thổi ốc đi trước dẫn đường vào trong vườn rừng… làm đủ những việc xấu xa như thế. Lúc đó A-nan từ nước Ca-thi đi đến nước Xá-vệ, ngủ qua đêm ở Hắc sơn, sáng sớm đắp y mang bát vào thành khất thực, nhưng lại mang bát không trở về. Ra khỏi thành không xa thấy có nhiều người nhóm họp liền đi đến hỏi: "Vùng đất này sung túc có nhiều người cư trú, nhưng nay tôi mang bát vào thành khất thực lại phải mang bát không trở về. Không biết có Sa-môn Thích tử nào ở đây đã làm ít nhiều việc xấu?" Trong số đó có một hiền giả tên là Ưu-lâu-già chắp tay bạch A-nan: "Đại-đức biết không, ở đây có Tỳ-kheo tên Mãn-túc và Mã-túc làm hạnh xấu, làm nhơ nhà người, ai cũng thấy nghe hay biết… giống như đoạn văn trên", kể rõ rồi thỉnh A-nan về nhà mình, trải tòa mời ngồi rồi tự tay dâng nước và thức ăn ngon cúng dường, sau đó nghe A-nan nói pháp, A-nan nói pháp chỉ dạy cho được lợi hỉ rồi đi. Trở về chỗ tạm nghỉ trao trả ngọa cụ cho cựu Tỳ-kheo rồi tiếp tục du hành đến nước Xá-vệ, đến chỗ Phật đảnh lễ rồi đứng một bên. Pháp thường của chư Phật là khi có khách Tỳ-kheo đến liền hỏi thăm có nhẫn được không, có an lạc trụ không, đi đường có nhọc mệt không, khất thực có khó không. Lúc đó Phật hỏi thăm A-nan như trên, A-nan đáp: "Thế tôn, con nhẫn được, được an lạc trụ, đi đường không mệt, khất thực không khó", kế đem sự việc trên bạch Phật, Phật

do nhân duyên này nhóm Tỳ-kheo tăng quở trách hai Tỳ-kheo Mãn-túc và Mã-túc rằng: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo mà lại làm hạnh xấu, làm nhơ nhà người, ai cũng thấy nghe hay biết", quở trách rồi bảo A-nan: "Thầy hãy đến Hắc sơn tác pháp yết ma diệt tẫn hai Tỳ-kheo Mãn-túc và Mã-túc. Nếu có Tỳ-kheo nào giống như thế cũng nên tác pháp diệt tẫn". Pháp yết ma là khi Tăng nhất tâm hòa hợp, hai Tỳ-kheo Mãn-túc và Mã-túc để ở chỗ thấy mà không nghe, một Tỳ-kheo trong tăng hỏi: "Ai có thể đi nói những tội của Mãn-túc và Mã-túc mà không phạm tội Ba-dật-đề chê bai, vì sao, vì do Tăng sai". Nếu có Tỳ-kheo nào nói làm được thì nên kêu hai Tỳ-kheo Mãn-túc và Mã-túc đến, Tỳ-kheo được sai nên hỏi hai Tỳ-kheo này rằng: "Thầy hãy nhớ nghĩ có ngồi chung một giường với người nữ, ăn chung một mâm… giống như đoạn văn trên, thầy nhớ có làm những việc xấu xa trên không?". Nếu hai Tỳ-kheo này trong các tội trên chỉ nhận một tội thì Tỳ-kheo được sai nên nói: "Thầy hãy im lặng, Tăng nay tác pháp diệt tẫn đuổi hai thầy rời khỏi nơi này". Lúc đó một Tỳ-kheo trong Tăng tác pháp yết ma như sau:

Đại-đức Tăng lắng nghe, hai Tỳ-kheo tên Mãn-túc và Mã-túc ở nơi này làm hạnh xấu, làm nhơ nhà người, ai cũng thấy cũng nghe cũng biết. Tỳ-kheo này cùng người nữ ngồi chung một giường, ăn chung một mâm, uống chung một bát, quá ngọ ăn,

chứa thức ăn cùng ngủ (nội túc), ăn thức ăn cách đêm, không thọ mà ăn, không làm pháp dư thực mà ăn, đánh đàn đánh trống, huýt gió thành nhạc, thổi lá cây Đa la thành tiếng nhạc…, ca múa, đeo chuỗi anh lạc, lấy hương thơm thoa thân, mặc áo ướp mùi thơm… tự dắt vợ và con gái của người hoặc bảo người dắt, khiến voi ngựa đấu nhau, trâu bò đấu nhau, nam nữ đấu nhau, bản thân cũng đấu, tay đánh chân đạp, đuổi chạy nhau bốn phía… tung đồ vật lên hư không rồi ở dưới đón lấy, đi cùng người nữ trên thuyền làm các kỷ nhạc, hoặc cởi voi, cởi ngựa, đi kiệu với nhiều người thổi ốc đi trước dẫn đường vào trong vườn rừng… Tăng nay tác pháp diệt tẫn hai Tỳ-kheo này. Bạch như vậy.

Như thế Bạch-tứ-yết-ma cho đến câu Tăng tác pháp diệt tẫn hai Tỳ-kheo Mãn-túc và Mã-túc xong rồi, Tăng chấp thuận vì yên lặng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

Hai Tỳ-kheo này sau khi bị Tăng như pháp tác pháp diệt tẫn rồi liền nói: "A-nan tùy dục hành sân, sợ si", có Tỳ-kheo thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe rồi liền quở trách hai Tỳ-kheo này rằng: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo khi chúng tăng như pháp hòa hợp tác pháp diệt tẫn lại nói là A-nan tùy dục hành sân sợ si", quở trách rồi liền đem việc này bạch Phật, Phật nghe rồi liền quở trách hai Tỳ-kheo này giống như đoạn văn trên rồi bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo, từ nay

giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo nương ở nơi tụ lạc mà làm hạnh xấu, làm nhơ nhà người, ai cũng thấy nghe hay biết thì các Tỳ-kheo nên quở: "Thầy đã làm hạnh xấu, làm nhơ nhà người, ai cũng thấy nghe hay biết, các thầy hãy đi đi, không nên ở đây nữa". Tỳ-kheo này nói với các Tỳ-kheo: "Các thầy tùy dục hành sân sợ si, vì sao, vì có Tỳ-kheo đồng tội như vậy, mà có người bị đuổi có người không bị đuổi". Các Tỳ-kheo nên nói với Tỳ-kheo này: "Thầy chớ nói các Tỳ-kheo tùy dục hành sân sợ si, vì sao, vì các Tỳ-kheo không có tùy dục hành sân sợ si. Các thầy làm hạnh xấu, làm nhơ nhà người, ai cũng thấy nghe hay biết, các thầy hãy bỏ câu nói tùy dục hành sân sợ si này đi. Các thầy hãy đi đi, không nên ở đây nữa". Khi nói như thế nếu không chịu bỏ lời nói này thì nên khuyên can đến Ba-lần cho bỏ nói lời nói này, nếu chịu bỏ thì tốt, nếu không chịu bỏ thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo nói các Tỳ-kheo là tùy dục hành sân sợ si thì phạm bốn tội Thâu-lan-giá; nếu nói có người đồng tội như thế mà có người bị đuổi có người không bị đuổi thì phạm tội Ba-dật-đề quở mắng tăng.

Như Phật đã nói trước tiên dịu dàng khuyên can, nếu chịu bỏ thì nên bảo sám bốn tội Thâu-lan-giá và một tội Ba-dật-đề kể trên rồi cho xuất tội. Nếu không chịu bỏ thì Tăng nên tác pháp Bạch-tứ-

yết-ma can, pháp can là khi Tăng nhất tâm hòa hợp, một Tỳ-kheo trong Tăng tác pháp yết ma như sau:

Đại-đức Tăng lắng nghe, hai Tỳ-kheo Mãn-túc và Mã-túc này, chúng tăng như pháp tác pháp diệt tẫn, lại nói A-nan tùy dục hành sân sợ si. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng khuyên can Tỳ-kheo này rằng: 'Tăng như pháp tác pháp diệt tẫn, thầy chớ nói là A-nan tùy dục hành sân sợ si, thầy hãy bỏ lời nói này đi'. Bạch như vậy. Như thế Bạch-tứ-yết-ma cho đến câu Tăng khuyên can hai Tỳ-kheo Mãn-túc và Mã-túc xong rồi, Tăng chấp thuận vì im lặng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

Như Phật đã nói trước tiên nên dịu dàng can ngăn cho đến Ba-lần cho bỏ việc này, đây gọi là ước sắc, cũng gọi là can ngăn. Nếu dịu dàng can ngăn mà không chịu bỏ vẫn chưa phạm, như thế cho đến can ngăn lần thứ ba chưa xong và các trường hợp như phi pháp biệt chúng, phi pháp hòa hợp chúng, tợ pháp biệt chúng, tợ pháp hòa hợp chúng, như pháp biệt chúng, khác pháp khác luật khác lời Phật dạy, không chịu bỏ thì không phạm. Nếu tăng như pháp như luật như lời Phật dạy Ba-lần can ngăn xong mà không chịu bỏ thì mới phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Tỳ-kheo này nếu nói bốn câu nói kể trên, Tăng can ngăn đều thành can ngăn, can ngăn cách này hay cách khác nếu không chịu bỏ thì nhất định thành tội Tăng-già-bà-thi-sa. Nếu sau

đó tăng lại can ngăn không chịu bỏ thì phạm thêm Tăng-già-bà-thi-sa, tùy tăng can ngăn bao nhiêu mà không chịu bỏ thì phạm thêm Tăng-già-bà-thi-sa bấy nhiêu. Tỳ-kheo này nên vào trong Tăng bạch rằng: "Các Trưởng lão, con Tỳ-kheo tên ..... phạm Tăng-già-bà-thi-sa", nếu nói liền thì tốt, nếu không nói liền thì từ giây phút này trở đi tính số ngày che dấu gọi là tội phú tàng.

13. Giới Tánh Ác Trái Can:

Phật tại nước Câu-diệm-di, lúc đó Trưởng lão Xiển-na phạm tội nhỏ nên sám hối, các Tỳ-kheo thương xót muốn làm lợi ích, an lạc nên bảo Trưởng lão nhớ nghĩ rằng: "Thầy đã phạm tội ..... nên sám hối, thầy hãy phát lồ sám hối chớ có che dấu", Xiển-na nói: "Các thầy chớ nói tôi tốt hay xấu, tôi cũng không nói các thầy tốt hay xấu, vì sao, vì tôi là con của bậc đại nhân đã đắc Phật pháp; còn các thầy thuộc đủ loại dòng họ, quốc độ và gia đình xen tạp, do tin ưa Phật pháp nên cạo bỏ râu tóc, mặc pháp phục theo Phật xuất gia. Như lá thu rơi rụng nhờ gió thổi gom lại một chỗ, các thầy cũng vậy thuộc đủ loại dòng họ, quốc độ, gia đình xen tạp… theo Phật xuất gia. Cho nên các thầy chớ nói tôi tốt hay xấu, tôi cũng không nói các thầy tốt hay xấu, vì tôi là con của bậc đại nhân đã đắc Phật pháp". Có Tỳ-kheo thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe rồi tâm không vui liền quở trách rằng: "Tại

sao gọi là Tỳ-kheo mà các Tỳ-kheo khác như pháp như luật như trong Giới kinh, vì làm lợi ích nên thương xót khuyên can mà lại chống trái không nghe", quở trách rồi đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm Tỳ-kheo tăng rồi hỏi Xiển-na: "Thầy thật đã làm việc này phải không?" Đáp: "Thật vậy Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo mà tự thân lại làm việc chống trái", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo tánh ác nói lời chống trái, khi các Tỳ-kheo như pháp như luật như trong Giới kinh khuyên can mà chống trái không nghe, còn nói với các Tỳ-kheo rằng: "Các thầy chớ nói tôi tốt hay xấu, tôi cũng không nói các thầy tốt hay xấu". Các Tỳ-kheo nên khuyên rằng: "Các Tỳ-kheo như pháp như luật như trong Giới kinh khuyên can, thầy chớ nói lời chống trái, thầy nên nói lời tùy thuận. Các Tỳ-kheo như pháp như luật khuyên can thầy, thầy cũng sẽ như pháp như luật khuyên can các Tỳ-kheo, vì sao, vì làm như thế chúng đệ tử của như lai mới được tăng trưởng lợi ích, vì cùng khuyên can nhắc nhở và xuất tội cho nhau. Thầy hãy bỏ lời chống trái này". Khi các Tỳ-kheo khuyên can như thế mà không chịu bỏ, thì nên khuyên can đến Ba-lần cho bỏ việc này, nếu chịu bỏ thì tốt, nếu không chịu bỏ thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo nói: Thầy chớ nói tôi thì phạm Đột-kiết-la, nếu nói: Chớ nói tôi tốt thì phạm Thâu-lan-giá, nếu nói: Chớ nói tôi xấu thì phạm Thâu-lan-giá, nếu nói: Tôi cũng không nói các thầy thì phạm Đột-kiết-la, nếu nói: Không nói các thầy tốt thì phạm Thâu-lan-giá, nếu nói: Không nói các thầy xấu thì phạm Thâu-lan-giá, nếu nói: Hãy bỏ lời khuyên can này đi thì phạm Ba-dật-đề mắng Tăng. Trước tiên nên dịu dàng khuyên can bỏ việc này, nếu chịu bỏ thì bảo sám bốn tội Thâu-lan-giá, hai tội Đột-kiết-la và một tội Ba-dật-đề rồi cho xuất tội. Nếu không chịu bỏ thì Tăng nên Bạch-tứ-yết-ma can, pháp can là khi Tăng nhất tâm hòa hợp, một Tỳ-kheo trong Tăng tác bạch yết ma như sau:

Đại-đức Tăng lắng nghe, Tỳ-kheo Xiển-na này tự thân nói lời chống trái, đã dịu dàng khuyên can mà không chịu bỏ việc này. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng khuyên can Xiển-na như sau: "Chớ nói lời chống trái, chớ nói rằng: Các thầy chớ nói tôi tốt hay xấu, tôi cũng không nói các thầy tốt hay xấu. Các Tỳ-kheo như pháp như luật như trong Giới kinh khuyên can, thầy chớ nói lời chống trái, nên nói lời tùy thuận. Các Tỳ-kheo như pháp như luật khuyên can thầy, thầy cũng sẽ như pháp như luật khuyên can các Tỳ-kheo. Làm như thế thì các chúng của Như lai được tăng trưởng lợi ích, vì cùng khuyên can nhắc nhở

và xuất tội cho nhau. Thầy hãy bỏ lời chống trái này". Bạch như vậy.

Như thế Bạch-tứ-yết-ma khuyên can Tỳ-kheo Xiển-na rồi cho đến câu: Tăng chấp thuận vì im lặng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

Như Phật đã nói trước tiên nên dịu dàng can ngăn cho đến Ba-lần cho bỏ việc này, đây gọi là ước sắc, cũng gọi là can ngăn. Nếu dịu dàng can ngăn mà không chịu bỏ vẫn chưa phạm, như thế cho đến can ngăn lần thứ ba chưa xong và các trường hợp như phi pháp biệt chúng, phi pháp hòa hợp chúng, tợ pháp biệt chúng, tợ pháp hòa hợp chúng, như pháp biệt chúng, khác pháp khác luật khác lời Phật dạy, không chịu bỏ thì không phạm. Nếu tăng như pháp như luật như lời Phật dạy Ba-lần can ngăn xong mà không chịu bỏ thì mới phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Tỳ-kheo này nếu nói bốn câu nói kể trên, Tăng can ngăn đều thành can ngăn, can ngăn cách này hay cách khác nếu không chịu bỏ thì nhất định thành tội Tăng-già-bà-thi-sa. Nếu sau đó tăng lại can ngăn không chịu bỏ thì phạm thêm Tăng-già-bà-thi-sa, tùy tăng can ngăn bao nhiêu mà không chịu bỏ thì phạm thêm Tăng-già-bà-thi-sa bấy nhiêu. Tỳ-kheo này nên vào trong Tăng bạch rằng: "Các Trưởng lão, con Tỳ-kheo tên ..... phạm Tăng-già-bà-thi-sa", nếu nói liền thì tốt, nếu không nói liền thì từ giây phút này trở đi tính số ngày che dấu gọi là tội phú tàng.

III. HAI PHÁP BẤT ĐỊNH:

Giới Một Mình Cùng Người Nữ Ngồi Chỗ Khuất:

Phật tại nước Xá-vệ, Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di với Ưu-bà-di Quật-đa là người quen biết cũ, lúc đó Ca-lưu-đà-di đến nhà của Quật-đa ngồi ở chỗ khuất thuyết pháp cho Quật-đa nghe. Tỳ-xá-khư-lộc-tử-mẫu có nhân duyên đi đến nhà Quật-đa, từ xa nghe tiếng của Ca-lưu-đà-di nghĩ rằng: "Ắt là Ca-lưu-đà-di đang thuyết pháp, ta nên đến nghe". Vừa vào nhà liền thấy Ca-lưu-đà-di một mình cùng Quật-đa ngồi ở chỗ khuất, thấy rồi nghĩ rằng: "Ngồi như vậy không tốt, Tỳ-kheo không nên ngồi ở chỗ như thế. Nếu có ai thấy ngồi ở chỗ như thế sẽ cho rằng Tỳ-kheo này

làm việc xấu hay sắp làm việc xấu, ta nên đến bạch Phật", nghĩ rồi liền đến chỗ Phật, đảnh lễ rồi ngồi một bên đem việc này bạch Phật. Lúc đó Phật thuyết pháp cho Tỳ-xá-khư-lộc-tử-mẫu, chỉ dạy được lợi hỉ rồi im lặng, Tỳ-xá-khư-lộc-tử-mẫu thấy Phật im lặng liền đảnh lễ Phật rồi ra về. Sau đó Phật do nhân duyên này nhóm Tỳ-kheo tăng rồi hỏi Ca-lưu-đà-di: "Thầy thật đã làm việc này phải không?" Đáp: "Thật vậy, Thế tôn", Phật dùng đủ lời quở trách: "Việc thầy đã làm không phải pháp Sa-môn … là điều mà người xuất gia không nên làm. Thầy là người ngu si, thầy không biết Ta đã

dùng đủ cách quở trách dục, dục tưởng; đủ cách khen ngợi ly dục tưởng, diệt dục nhiệt. Ta thường dạy người nói pháp ly dục, đối với dục thầy còn không nên sanh tâm, huống chi làm nghiệp ác căn bản bất tịnh kiết phược dục nhuế si. Thầy ngu si đã dùng tay này thọ của tín thí cúng dường, tại sao lại dùng tay này làm hạnh bất tịnh ?" Đủ lời quở trách rồi Phật bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo một mình cùng người nữ ngồi ở chỗ khuất, ở bên trong có thể hành dâm; nếu Ưu-bà-di đáng tin nói Tỳ-kheo này ở trong ba pháp hoặc là Ba-la-di hoặc là Tăng-già-bà-thi-sa hoặc là Ba-dật-đề, tùy nói một việc nào; nếu Tỳ-kheo này tự nói là tôi có ngồi ở chỗ như thế, thì trong ba pháp tùy Tỳ-kheo nói là pháp gì, Tăng nên trị phạt tội đó hoặc là Ba-la-di hoặc là Tăng-già-bà-thi-sa hoặc là Ba-dật-đề; hoặc tùy Ưu-bà-di đáng tin nói là việc gì thì Tăng nên trị phạt tội đó. Đây là pháp bất định thứ nhất.

Người nữ là người lớn tuổi, trung niên hay còn nhỏ có thể làm việc dâm dục. một mình là chỉ có Tỳ-kheo và người nữ, không có người thứ ba. Chỗ khuất là chỗ có vách ngăn, hàng rào hay màn che… Chỗ hành dâm là chỗ có thể hành dâm không thấy xấu hổ. Ưu-bà-di đáng tin là người đã quy y Phật, pháp tăng, đã đắc đạo quả. Người này trọn không

vì mình hay vì người khác hoặc vì chút việc nhỏ, vì tài lợi mà vọng ngữ. Ba-la-di là trong bốn pháp Ba-la-di tùy nói một pháp; Tăng-già-bà-thi-sa là trong mười ba pháp Tăng-già-bà-thi-sa tùy nói một pháp; Ba-dật-đề là trong chín mươi Ba-dật-đề tùy nói một việc. Bất định là Ưu-bà-di đáng tin không biết phạm, không biết chỗ nào khởi, không biết tên tội, chỉ nói: Tôi thấy người nữ đó đến, đi, ngồi, đứng; cũng thấy Tỳ-kheo đến đi ngồi đứng, không thấy làm việc dâm dục hay trộm cắp hay giết người hay xúc chạm thân người nữ… những việc như thế không có quyết định nên gọi là Bất định. Tùy Ưu-bà-di nói là việc gì, Tăng nên gạn hỏi Tỳ-kheo này, gạn hỏi rồi nếu Tỳ-kheo tự nói tôi có tội này thì tùy Tỳ-kheo nói phạm tội gì, Tăng nên trị phạt tội đó. Nếu nói tôi có đến nhưng không phạm tội này, thì tùy theo lời Tỳ-kheo nói mà trị. Nếu nói tôi không đến cũng không phạm tội này thì Tăng nên tùy theo lời của Ưu-bà-di đáng tin nói mà tác pháp Thật mích cho Tỳ-kheo này. Pháp Thật mích là khi Tăng nhất tâm hòa hợp, một Tỳ-kheo trong Tăng tác bạch yết ma như sau: Đại-đức Tăng lắng nghe, Tỳ-kheo ..... này theo như lời của Ưu-bà-di đáng tin nói, Tăng đã gạn hỏi mà tự nói không có đến chỗ đó cũng không có phạm tội đó. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng tác pháp thật mích cho Tỳ-kheo ..... theo như lời của Ưu-bà-di đáng tin đã nói. Bạch như vậy.

Như thế Bạch-tứ-yết-ma cho đến câu: Tăng tác pháp Thật mích cho Tỳ-kheo ..... theo như lời Ưu-bà-di đáng tin đã nói xong rồi. Tăng chấp thuận vì im lặng, việc này xin nhớ giữ như thế.

Hành pháp của-Tỳ-kheo được Thật mích là:

- Người này không được cho người khác thọ giới.
- Không được thọ người khác y chỉ.
- Không được chưa nuôi Sa di.
- Không được giáo giới Tỳ-kheo-ni.
- Không được thọ Tăng sai.
- Không được phạm lại tội Thật mích.
- Không được phạm tội tương tợ.
- Không được phạm lại tội trước.
- Không được quở yết ma.
- Không được quở người làm yết ma.
- Không được xuất tội Tỳ-kheo thanh tịnh.
- Không được cầu thính muốn xuất tội người khác.
- Không được ngăn thuyết giới.
- Không được ngăn tự tứ.
- Không được ngăn Tăng sai người giáo giới Tỳ-kheo-ni.
- Không được cử tội Tỳ-kheo thanh tịnh.
- Không được bảo người khác nhớ nghĩ.

Không được nói chuyện, thường tự khiêm hạ

chiết phục tâm ý, tùy thuận Tỳ-kheo thanh tịnh, tâm thường cung kính lễ bái. Nếu không hành theo như thế thì trọn đời không được yết ma xuất tội.

Giới Cùng Người Nữ Ngồi Chỗ Trống Vắng:

Phật tại nước Xá-vệ, Tỳ-kheo Thi-lợi vốn cùng với vợ của cư sĩ Tu-xà-đa quen biết trước, lúc đó Tỳ-kheo Thi-lợi đến nhà của Tu-xà-đa cùng vợ của cư sĩ ngồi nói chuyện nơi chỗ trống vắng. Vợ của cư sĩ Bố tát đà có nhân duyên đến nhà của Tu-xà-đà, nghe tiếng của-Tỳ-kheo Thi-lợi liền nghĩ: "Ắt là Tỳ-kheo Thi-lợi đang thuyết pháp cho Tu-xà-đa, ta nên đến nghe". Khi vào nhà liền thấy Tỳ-kheo Thi-lợi ngồi với vợ cư sĩ ở chỗ trống vắng, thấy rồi nghĩ rằng: "Ngồi nói chuyện như thế không tốt, Tỳ-kheo không nên ngồi với vợ cư sĩ như thế, nếu chồng con, nô tỳ … trông thấy sẽ cho là Tỳ-kheo làm việc xấu hay sẽ cùng làm việc xấu, Ta nên đến bạch Phật", nghĩ rồi liền đến chỗ Phật, đảnh lễ rồi ngồi một bên đem sự việc trên bạch Phật, Phật thuyết pháp cho Bố tát đã được lợi hỉ rồi im lặng, Bố tát đà thấy Phật im lặng liền đảnh lễ rồi ra về. Sau đó Phật do nhân duyên này nhóm Tỳ-kheo tăng rồi hỏi Tỳ-kheo Thi-lợi: "Thầy thật đã làm việc này phải không?" Đáp: "Thật vậy, Thế tôn", Phật dùng đủ lời quở trách: "Việc thầy đã làm không phải pháp Sa-môn … là điều mà người xuất

gia không nên làm. Thầy là người ngu si, thầy không biết Ta đã dùng đủ cách quở trách dục, dục tưởng; đủ cách khen ngợi ly dục tưởng, diệt dục nhiệt. Ta thường dạy người nói pháp ly dục, đối với dục thầy còn không nên sanh tâm, huống chi làm nghiệp ác căn bản bất tịnh kiết phược dục nhuế si. Thầy ngu si đã dùng tay này thọ của tín thí cúng dường, tại sao lại dùng tay này làm hạnh bất tịnh?" Đủ lời quở trách rồi Phật bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo một mình cùng người nữ ngồi chỗ trống vắng là chỗ không thể hành dâm. Nếu có Ưu-bà-di đáng tin nói Tỳ-kheo ở trong hai pháp hoặc Tăng-già-bà-thi-sa hoặc Ba-dật-đề, tùy nói một việc nào; nếu Tỳ-kheo này tự nói là tôi có ngồi chỗ đó thì theo lời nói đó mà trị hoặc Tăng-già-bà-thi-sa hoặc Ba-dật-đề; hoặc theo lời của Ưu-bà-di đáng tin nói mà trị. Đây là pháp Bất định thứ hai.

Chỗ trống vắng là chỗ không có vách ngăn, hàng rào hay màn che … Chỗ không thể hành dâm là ở chỗ này có hổ thẹn không thể hành dâm được. Ưu-bà-di đáng tin như trong giới trên đã nói. Ở trong hai pháp tùy nói một việc nào là trong mười ba pháp Tăng-già-bà-thi-sa tùy nói một việc, hoặc trong chín mươi pháp Ba-dật-đề tùy nói một việc. Bất định như trong giới trên đã nói. Tùy Ưu-bà-di đáng tin nói là việc gì, Tăng nên gạn hỏi Tỳ-kheo,

nếu Tỳ-kheo tự nói có tội này mà không có đến, thì Tăng nên theo lời Tỳ-kheo nói mà trị; nếu nói có đến mà không có tội này thì cũng theo lời Tỳ-kheo nói mà trị; nếu nói không đến cũng không có tội này thì Tăng nên theo lời của Ưu-bà-di đáng tin nói mà cho pháp Thật mích. Pháp Thật mích là khi Tăng nhất tâm hòa hợp, một Tỳ-kheo trong tăng tác bạch yết ma như sau:

Đại-đức Tăng lắng nghe, Tỳ-kheo ..... này do Ưu-bà-di đáng tin nói, Tăng đã gạn hỏi mà Tỳ-kheo không tự nói là có đến và có tội này. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng theo lời của Ưu-bà-di đáng tin nói mà cho Tỳ-kheo này pháp Thật mích. Bạch như vậy.

Như thế Bạch-tứ-yết-ma cho đến câu: Tăng đã theo lời của Ưu-bà-di đáng tin nói cho Tỳ-kheo này pháp Thật mích xong rồi. Tăng chấp thuận vì im lặng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

Pháp hành của-Tỳ-kheo được Thật mích là không được cho người thọ đại giới… giống như trong giới trên đã nói, cho đến câu nếu không hành theo như thế thì trọn đời không được yết ma xuất tội.

-oOo-

LUẬT THẬP TỤNG

QUYỂN 5

IV. BA MƯƠI PHÁP NI TÁT KỲ BA DẬT ĐỀ:

1. Giới Chứa Y Dư Quá Mười Ngày:

Phật tại thành Vương xá, lúc đó lục quần Tỳ-kheo chưa nhiều y phục, vào tụ lạc thì đắp y khác, ra tụ lạc lại đắp y khác, khi ăn cơm đắp y khác, trước giờ ăn đắp y khác, sau giờ ăn lại đắp y khác… chứa nhiều y phục dư như thế, đến nỗi bị mục nát, côn trùng cắn làm hư hoại không dùng được. Có Tỳ-kheo thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà thấy rồi tâm không vui liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo mà lại chứa nhiều y phục vào tụ lạc mặc y khác, ra tụ lạc mặc y khác… bị côn trùng cắn làm hư hoại không dùng được", quở trách rồi đem việc này bạch Phật. Phật do nhân duyên này nhóm Tỳ-kheo tăng rồi hỏi Lục quần Tỳ-kheo: "Các thầy thật đã làm việc này phải không?" Đáp: "Thật vậy Thế tôn", Phật liền quở trách rằng: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo mà lại chứa nhiều y phục, vào tụ lạc mặc y khác, ra tụ lạc mặc y khác… bị côn trùng cắn làm hư hoại không dùng được", quở trách rồi bảo các

Tỳ-kheo: Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo may y đã xong, đã xả y Ca-hi-na, được chứa y dư đến mười ngày, nếu chứa quá mười ngày thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

Trong đây có bốn trường hợp:

1. Có người may y xong nhưng chưa xả y Ca-hi-na

2. Có người đã xả y Ca-hi-na nhưng chưa may y xong

3. Có người may y xong và cũng đã xả y Ca-hi-na

4. Có người chưa may y xong cũng chưa xả y Ca-hi-na.

Y dư là trừ y Tăng-già-lê, Uất-đa-la-tăng, An-đà-hội, các y khác đều gọi là y dư. Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề là y dư nên xả, tội Ba-dật-đề nên sám.

Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo ngày thứ nhất được y cất chứa qua ngày thứ hai xả, ngày thứ hai được y cất chứa qua ngày thứ ba xả, ngày thứ ba được y cất chứa qua ngày thứ tư xả, ngày thứ bảy được y cất chứa qua ngày thứ năm xả, ngày thứ năm được y cất chứa qua ngày thứ bảy xả… như thế cho đến ngày thứ mười được y thì trong ngày thứ mười, Tỳ-kheo nên cho người khác y này hoặc tác tịnh hay thọ trì. Nếu không cho người khác, không tác tịnh cũng không thọ trì thì

qua ngày thứ mười một, khi trời vừa sáng liền phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

Nếu Tỳ-kheo ngày thứ một được y, ngày thứ hai lại được y thì nên cất chứa một cái xả một cái; ngày thứ hai được y, ngày thứ Ba lài được y thì nên cất chứa một cái xả một cái… như thế cho đến ngày thứ chín được y, ngày thứ mười lại được thì nên cất chứa một cái xả một cái; ngày thứ mười được y thì trong ngày thứ mười Tỳ-kheo nên cho người khác y này hoặc tác tịnh hay thọ trì. Nếu không cho người khác, không tác tịnh cũng không thọ trì thì qua ngày thứ mười một, khi trời vừa sáng liền phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

Tỳ-kheo ngày thứ nhất được y, ngày thứ hai lại được y, nếu xả cái trước thì cất chứa cái sau… như thế cho đến ngày thứ chín được y, ngày thứ mười lại được y nếu xả cái trước thì cất chứa cái sau; ngày thứ mười được y thì trong ngày thứ mười Tỳ-kheo nên cho người khác y này hoặc tác tịnh hay thọ trì. Nếu không cho người khác, không tác tịnh cũng không thọ trì thì qua ngày thứ mười một, khi trời vừa sáng liền phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

Tỳ-kheo ngày thứ nhất được y, ngày thứ hai lại được y, nếu cất chứa cái trước thì nên xả cái sau… như thế cho đến ngày thứ chín được y, ngày thứ mười lại được y, nếu cất chứa cái trước thì nên xả cái sau; ngày thứ mười được y thì trong ngày thứ mười Tỳ-kheo nên cho người khác y này hoặc tác

tịnh hay thọ trì. Nếu không cho người khác, không tác tịnh cũng không thọ trì thì qua ngày thứ mười một, khi trời vừa sáng liền phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề. Nếu Tỳ-kheo ngày thứ nhất được y, ngày thứ hai cho đến ngày thứ mười đều không được y, thì trong ngày thứ mười Tỳ-kheo nên cho người khác y đã cất chứa từ ngày thứ nhất, hoặc tác tịnh hay thọ trì. Nếu không cho người khác, không tác tịnh cũng không thọ trì thì qua ngày thứ mười một, khi trời vừa sáng liền phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

Nếu Tỳ-kheo ngày thứ nhất được y cất chứa, ngày thứ hai cho đến ngày thứ mười đều được y cất chứa, thì trong ngày thứ mười Tỳ-kheo nên cho người khác những y này hoặc tác tịnh hay thọ trì. Nếu không cho người khác, không tác tịnh cũng không thọ trì thì qua ngày thứ mười một, khi trời vừa sáng liền phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

Nếu Tỳ-kheo ngày đầu được vải may thành y Tăng-già-lê chín điều, phân biệt có bao nhiêu đàn cách dài, bao nhiêu đàn cách ngắn, tổng cộng là chín điều xong rồi thì ngay trong ngày may y xong, Tỳ-kheo nên tác pháp thọ trì, nói rằng: "Y Tăng-già-lê chín điều này nay tôi xin thọ trì". Thọ trì rồi thì nên cho người khác vải dư và cả y Tăng-già-lê trước đã thọ trì, hoặc tác tịnh hay cho người. Nếu Tỳ-kheo vào ngày đầu được vải may thành y Uất-đa-la-tăng bảy điều, phân biệt có bao nhiêu đàn cách dài, bao nhiêu đàn cách ngắn, tổng cộng là

bảy điều xong rồi thì ngay trong ngày may y xong, Tỳ-kheo nên tác pháp thọ trì, nói rằng: "Y Uất-đa-la-tăng này nay tôi xin thọ trì". Thọ trì rồi thì nên cho người khác vải dư và cả y Uất-đa-la-tăng đã thọ trì trước, hoặc tác tịnh hay thọ trì. Nếu Tỳ-kheo ngày đầu được vải may thành y An-đà-hội năm điều, phân biệt có bao nhiêu đàn cách dài, bao nhiêu đàn cách ngắn, tổng cộng là năm điều xong rồi thì ngay trong ngày may y xong, Tỳ-kheo nên tác pháp thọ trì, nói rằng: "Y An-đà-hội này nay tôi xin thọ trì". Thọ trì rồi thì nên cho người khác vải dư và cả y An-đà-hội đã thọ trì trước, hoặc tác tịnh hay thọ trì.

Nếu Tỳ-kheo được vải mới thì nên may thành y Tăng-già-lê hai lớp hoặc y Uất-đa-la-tăng một lớp hoặc y An-đà-hội một lớp hoặc Ni-sư-đàn hai lớp. Nếu muốn may Tăng-già-lê ba lớp, Ni-sư-đàn ba lớp hoặc dùng vải mới may nhiều lớp thì Tỳ-kheo may y nhiều lớp này phạm Đột-kiết-la; và nếu cất chứa quá mười ngày thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

Nếu Tỳ-kheo được vải cũ thì nên may thành y Tăng-già-lê bốn lớp hoặc y Uất-đa-la-tăng hai lớp, y An-đà-hội hai lớp, Ni-sư-đàn bốn lớp; nếu muốn may nhiều lớp thì Tỳ-kheo may y nhiều lớp này phạm Đột-kiết-la và nếu cất chứa quá mười ngày thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

Nếu Tỳ-kheo được vải mới nên may thành y

Tăng-già-lê hai lớp, Uất-đa-la-tăng một lớp, An-đà-hội một lớp, Ni-sư-đàn hai lớp; nếu may bớt lại nghĩ rằng: "Đem vải này cho người khác hoặc tác tịnh hay thọ trì", thì Tỳ-kheo may bớt này phạm Đột-kiết-la và nếu cất chứa quá mười ngày thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

Nếu Tỳ-kheo được vải cũ nên may thành y Tăng-già-lê bốn lớp, Uất-đa-la-tăng hai lớp, An-đà-hội một lớp, Ni-sư-đàn bốn lớp; nếu may bớt lại nghĩ rằng: "Đem vải này cho người khác hoặc tác tịnh hay thọ trì", thì Tỳ-kheo may bớt này phạm Đột-kiết-la và nêu cất chứa quá mười ngày thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

Nếu Tỳ-kheo được vải mới nên may thành y Tăng-già-lê hai lớp, Ni-sư-đàn hai lớp; hoặc Tăng-già-lê ba lớp, Ni-sư-đàn ba lớp. Nếu may bớt lại nghĩ là sẽ đem giặt nhuộm hay thay đổi trong ngoài thì Tỳ-kheo may bớt này phạm Đột-kiết-la, nhưng cất chứa quá mười ngày không phạm.

Nếu Tỳ-kheo được vải cũ nên may thành y Tăng-già-lê bốn lớp, Uất-đa-la-tăng hai lớp, An-đà-hội hai lớp, Ni-sư-đàn bốn lớp; nếu may bớt lại nghĩ là sẽ đem giặt nhuộm hay thay đổi trong ngoài thì Tỳ-kheo may bớt này phạm Đột-kiết-la, nhưng cất chứa quá mười ngày không phạm.

Nếu Tỳ-kheo có y phạm Xả đọa chưa xả, tội chưa sám, thứ lớp nối nhau chưa dứt mà được y

nữa, thì y được sau do tương tục với y trước nên phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề. Nếu Tỳ-kheo có y phạm Xả đọa đã xả nhưng tội chưa sám, thứ lớp nối nhau chưa dứt mà được y nữa, thì y được sau do tương tục với tâm trước nên phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề. Nếu Tỳ-kheo có y phạm Xả đọa đã xả, tội cũng đã sám, thứ lớp nối nhau đã dứt; nếu được y nữa thì không phạm.

2. Giới Lìa Y Ngủ Qua Đêm:

Phật tại thành Vương xá, lúc đó Lục quần Tỳ-kheo gởi y rồi đi khắp nơi, chỉ mặc y thượng hạ du hành các nước đến nỗi y rách không có oai nghi. Các cựu Tỳ-kheo nhận y ký gởi này của Lục quần thường phải đem ra phơi, đập giũ rồi xếp đem cất lại như thế nên phế bỏ việc đọc tụng tọa thiền hành đạo. Có Tỳ-kheo thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà thấy rồi tâm không vui liền quở trách Lục quần Tỳ-kheo rằng: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo lại gởi y rồi đi khắp nơi… giống như trên cho đến câu phế bỏ việc đọc tụng tọa thiền hành đạo", quở trách rồi đem việc này bạch Phật. Phật do nhân duyên này nhóm Tỳ-kheo tăng rồi hỏi Lục quần Tỳ-kheo: "Các thầy thật đã làm việc này phải không?" Đáp: "Thật vậy Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo lại gởi y rồi đi khắp nơi… cho đến câu phế bỏ việc đọc tụng tọa thiền hành đạo", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên kết

giới cho các Tỳ-kheo, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo may y xong, y Ca-hi-na đã xả, trong ba y nếu lìa một y nào ngủ qua một đêm thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề, trừ Tăng yết ma.

Một đêm là từ mặt trời lặn qua đến hôm sau khi mặt trời chưa mọc. Trong ba y nếu lìa một y nào là lìa y Tăng-già-lê hoặc Uất-đa-la-tăng hoặc An-đà-hội. Trừ tăng yết ma là Tăng tác pháp yết ma cho lìa y vì nhân duyên. Do Trưởng lão Đại Ca-diếp có nhân duyên để lại y Tăng-già-lê trong núi Kỳ-xà-quật, chỉ đắp y thượng hạ vào Trúc viên, lúc đó trời bỗng mưa lớn nên Trưởng lão không thể trở về núi Kỳ-xà-quật được. Đại Ca-diếp nói với các Tỳ-kheo: "Tôi vì có nhân duyên đã để y Tăng-già-lê lại trong núi Kỳ-xà-quật, giờ gặp mưa lớn không thể trở về được, phải lìa y Tăng-già-lê ngủ lại đây, tôi phải làm sao?" Các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm Tỳ-kheo tăng hỏi Đại Ca-diếp rõ nguyên do rồi đủ lời khen ngợi giới và người trì giới, Phật bảo các Tỳ- kheo: "Từ nay cho đồng một thuyết giới cùng trú xứ kết yết ma không lìa y". Pháp yết ma lìa y là khi Tăng nhất tâm hòa hợp, một Tỳ-kheo trong Tăng tác bạch yết ma như sau:

Đại-đức Tăng lắng nghe, đồng một bố tát cùng trú xứ này, trước đây Tăng đã kết giới đồng một bố tát, trong giới này trừ tụ lạc và giới tụ lạc, chỉ lấy

chỗ đất trống và trú xứ. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay đồng một bố tát cùng trú xứ kết giới không lìa y. Bạch như vậy.

Đại-đức Tăng lắng nghe, cùng trú xứ đồng một bố tát này, trước đây Tăng đã kết giới đồng một bố tát, trong giới này trừ tụ lạc và giới tụ lạc, chỉ lấy đất trống và trú xứ kết giới không lìa y. Các Trưởng lão nào chấp thuận cùng trú xứ đồng một bố tát kết giới không lìa y thì im lặng, ai không chấp thuận thì nói. Tăng đã kết cùng trú đồng một bố tát làm yết ma không lìa y xong rồi, Tăng chấp thuận vì im lặng, việc này xin nhớ giữ như vậy. Đây gọi là trừ Tăng yết ma.

Lại có trường hợp Tăng yết ma như Trưởng lão Xá-lợi-phất bịnh, muốn du hành các nước một tháng nhưng Tăng-già-lê nặng không thể mang theo. Trưởng lão nói với các Tỳ-kheo: "Tôi muốn du hành một tháng, tôi có bịnh mà Tăng-già-lê lại nặng không thể mang theo, tôi phải làm sao?" Các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng, hỏi Xá-lợi-phất rõ nguyên do rồi đủ lời khen ngợi giới và người trì giới, Phật bảo các Tỳ-kheo: "Từ nay cho các Tỳ-kheo già bịnh làm yết ma một tháng không lìa y Tăng-già-lê ngủ qua đêm". Pháp xin yết ma là khi Tăng nhất tâm hòa hợp, Tỳ-kheo già bịnh này trịch bày vai hữu quỳ gối chắp tay bạch Tăng: "Các Trưởng lão nhớ nghĩ, tôi Tỳ-kheo ..... già

bịnh muốn du hành một tháng mà y Tăng-già-lê nặng, nay theo Tăng xin yết ma một tháng lìa y Tăng-già-lê ngủ qua đêm (3 lần). Lúc đó Tăng nên trù lượng: Nếu Tỳ-kheo này nói là già bịnh mà thật không có già bịnh thì không nên cho, nếu thật là già bịnh thì nên cho; nếu nói là y Tăng-già-lê nặng mà thật không có nặng thì không nên cho, nếu là thật nặng thì nên cho. Pháp cho là khi Tăng nhất tâm hòa hợp, một Tỳ-kheo trong Tăng tác bạch yết ma như sau:

Đại-đức Tăng lắng nghe, Tỳ-kheo ..... già bịnh, muốn du hành một tháng mà y Tăng-già-lê nặng. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng cho Tỳ-kheo ..... già bịnh này yết ma một tháng không lìa y Tăng-già-lê ngủ qua đêm. Bạch như vậy.

Như thế Bạch-nhị-yết-ma cho đến câu Tăng đã cho Tỳ-kheo..... già bịnh này yết ma một tháng không lìa y Tăng-già-lê ngủ qua đêm xong rồi. Tăng chấp thuận vì im lặng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

Như thế cho đến xin chín tháng lìa y cũng vậy; giống như xin lìa y Tăng-già-lê, y Uất-đa-la-tăng, y An-đà-hội cũng vậy. Trong trú xứ này nếu chưa kết giới không lìa y thì Tỳ-kheo ở tụ lạc, y cũng ở tụ lạc, Tỳ-kheo nên đến chỗ y; nếu Tỳ-kheo ở A-lan-nhã, y ở tụ lạc thì Tỳ-kheo nên đến chỗ y. Nếu đã kết giới không lìa y, Tỳ-kheo ở tụ lạc, y cũng ở

tụ lạc thì Tỳ-kheo nên đến chỗ y; nếu Tỳ-kheo ở tụ lạc, y ở A-lan-nhã, Tỳ-kheo nên ra khỏi giới tụ lạc; nếu Tỳ-kheo ở A-lan-nhã, y ở tụ lạc thì Tỳ-kheo nên đến chỗ y; nếu Tỳ-kheo ở A-lan-nhã, y cũng ở A-lan-nhã thì không phạm.

Tụ lạc là bao gồm một nhà, hai nhà cho đến nhiều nhà, trong đó cư sĩ cùng vợ con ở chung với nhân dân. Tụ lạc phân biệt có một giới và khác giới, trong một nhà cũng phân biệt có một giới và khác giới:

Giới tụ lạc không nối tiếp nhau là chỗ mà gà bay đến được, chỗ quăng bỏ rác dơ, chỗ mà người có hổ thẹn đi đại tiểu tiện, chỗ mà cung tên bắn đến được. Nếu Tỳ-kheo ở một tụ lạc, y lại ở trong một tụ lạc khác thì Tỳ-kheo nên mang y đến hay đi đến chỗ y hay thọ y khác; nếu không y mang y đến hay không đến chỗ y hay không thọ y khác thì khi trời vừa sáng Tỳ-kheo phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

Giới tụ lạc nối tiếp nhau là trong khoảng không gian của mười hay năm hai nấc thang hay chỗ đòn xe xoay chuyển được hay tụ lạc có hàng rào bao quanh bên ngoài đến đâu đều thuộc phạm vi trong giới. Giới trong đây bao gồm chỗ làm việc bên ngoài hàng rào, hay tụ lạc có hào bao quanh đến đâu đều thuộc phạm vi trong giới và cả chỗ đổ bỏ rác dơ. Nếu Tỳ-kheo ở một tụ lạc, y lại ở trong một tụ lạc khác thì Tỳ-kheo nên mang y đến hay đi đến chỗ y hay thọ y khác; nếu không y mang y đến hay

không đến chỗ y hay không thọ y khác thì khi trời vừa sáng Tỳ-kheo phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

Đồng một tộc họ cũng phân biệt có một giới và khác giới, khác giới trong đây là cửa phòng, nhà ăn, trong sân, nhà xí, chỗ lấy nước. Nếu Tỳ-kheo ở một tộc họ, y lại ở trong một tộc họ khác thì Tỳ-kheo nên mang y đến hay đi đến chỗ y hay thọ y khác; nếu không y mang y đến hay không đến chỗ y hay không thọ y khác thì khi trời vừa sáng Tỳ-kheo phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

Nhà cũng phân biệt có một giới và khác giới, khác giới trong đây là của phòng, nhà ăn, trong sân, nhà xí và chỗ lấy nước. Nếu Tỳ-kheo ở một nhà, y lại ở trong một nhà khác thì Tỳ-kheo nên mang y đến hay đi đến chỗ y hay thọ y khác; nếu không y mang y đến hay không đến chỗ y hay không thọ y khác thì khi trời vừa sáng Tỳ-kheo phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

Lầu gác nhiều tầng cũng phân biệt có một giới và khác giới, khác giới trong đây là tầng dưới, tầng giữa là giới của tầng trên vì có một cửa ra vào; tầng giữa, tầng trên là giới của tầng dưới vì có một cửa ra vào; tầng dưới là giới của tầng giữa vì có một cửa ra vào. Nếu Tỳ-kheo ở một tầng, y lại ở tầng khác thì Tỳ-kheo nên mang y đến hay đi đến chỗ y hay thọ y khác; nếu không y mang y đến hay không đến chỗ y hay không thọ y khác thì khi trời vừa sáng Tỳ-kheo phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề. Nếu lầu

gác này thuộc của một người chủ thì không phạm.

Nhà ngoại đạo cũng phân biệt có một giới và khác giới, Các ngoại đạo như đệ tử của A-thi-tỳ-ni-kiền-tử, các phạm chí…, trừ năm chúng xuất gia của Phật, những người xuất gia khác đều gọi là ngoại đạo. Khác giới trong đây là cửa phòng, nhà ăn, trong sân, nhà xí và chỗ lấy nước. Nếu Tỳ-kheo ở nhà một ngoại đạo, y lại ở trong nhà một ngoại đạo khác thì Tỳ-kheo nên mang y đến hay đi đến chỗ y hay thọ y khác; nếu không y mang y đến hay không đến chỗ y hay không thọ y khác thì khi trời vừa sáng Tỳ-kheo phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề. Nếu các ngoại đạo này đồng kiến, đồng luận thì không phạm.

Chỗ người luân hành (đi luân lưu khắp nơi) cũng có một giới và khác giới, người luân hành bao gồm những người ca múa, hát xướng, hề, xiếc…, họ chở đồ vật trên xe to, vợ con trên xe nhỏ đi luân lưu khắp nơi trình diễn để kiếm sống. Khác giới trong đây là cửa ngăn, chỗ ăn uống, trong sân, nhà xí, chỗ lấy nước. Nếu Tỳ-kheo ở một chỗ này, y lại ở trong một chỗ khác thì Tỳ-kheo nên mang y đến hay đi đến chỗ y hay thọ y khác; nếu không y mang y đến hay không đến chỗ y hay không thọ y khác thì khi trời vừa sáng Tỳ-kheo phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề. Nếu chỗ người luân hành thuộc về một người chủ quản thì không phạm.

Chỗ hội trường cũng có một giới và khác giới,

khác giới trong đây là chỗ cửa phòng, nhà ăn, trong sân, nhà xí, chỗ lấy nước. Nếu Tỳ-kheo ở một hội trường này, y lại ở trong hội trường khác thì Tỳ-kheo nên mang y đến hay đi đến chỗ y hay thọ y khác; nếu không y mang y đến hay không đến chỗ y hay không thọ y khác thì khi trời vừa sáng Tỳ-kheo phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

Nhà có sân rộng cũng có một giới và khác giới, khác giới trong đây là chỗ cửa phòng, nhà ăn, trong sân, nhà xí, chỗ lấy nước. Nếu Tỳ-kheo ở một sân nhà này, y lại ở trong một sân nhà khác thì Tỳ-kheo nên mang y đến hay đi đến chỗ y hay thọ y khác; nếu không y mang y đến hay không đến chỗ y hay không thọ y khác thì khi trời vừa sáng Tỳ-kheo phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

Nhà có vườn cũng có một giới và khác giới, khác giới trong đây là chỗ cửa phòng, nhà ăn, trong sân, nhà xí, chỗ lấy nước. Nếu Tỳ-kheo ở một vườn nhà này, y lại ở trong một vườn nhà khác thì Tỳ-kheo nên mang y đến hay đi đến chỗ y hay thọ y khác; nếu không y mang y đến hay không đến chỗ y hay không thọ y khác thì khi trời vừa sáng Tỳ-kheo phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

Giới xe cũng có một giới và khác giới, khác giới trong đây là giới ở trước xe là chỗ mà quơ cây gậy tới được trong xe, giới trong xe là chỗ mà quơ cây gậy ra tới phía trước được, giới sau xe là chỗ mà quơ cây gậy tới được trong xe. Nếu Tỳ-kheo ở

một giới xe này, y lại ở trong một giới xe khác thì Tỳ-kheo nên mang y đến hay đi đến chỗ y hay thọ y khác; nếu không y mang y đến hay không đến chỗ y hay không thọ y khác thì khi trời vừa sáng Tỳ-kheo phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

Giới thuyền cũng có một giới và khác giới, khác giới trong đây là chỗ cột thuyền, neo thuyền, khoang thuyền… Nếu Tỳ-kheo ở một giới thuyền này, y lại ở trong một giới thuyền khác thì Tỳ-kheo nên mang y đến hay đi đến chỗ y hay thọ y khác; nếu không y mang y đến hay không đến chỗ y hay không thọ y khác thì khi trời vừa sáng Tỳ-kheo phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

Giới cây không nối tiếp nhau là chỗ bóng mát khi mặt trời đứng bóng, chỗ cành lá mà nước mưa không rơi xuống được. Nếu Tỳ-kheo ở dưới một cây này, y lại ở dưới một cây khác thì Tỳ-kheo nên mang y đến hay đi đến chỗ y hay thọ y khác; nếu không y mang y đến hay không đến chỗ y hay không thọ y khác thì khi trời vừa sáng Tỳ-kheo phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

Giới cây nối tiếp nhau là chỗ cành lá của các cây giao nhau cho đến một Câu-lô-xá, trong đây tùy ý để y ở chỗ nào đến khi trời sáng đều không phạm. Chỗ tàng cây che phủ phạm vi bốn mươi chín tầm như Tỳ-kheo gánh y cho hòa thượng, A-xà-lê đi giữa đường cách nhau trước hay sau khoảng bốn mươi chín tầm không lìa nhau đều

không phạm, nếu quá bốn mươi chín tầm thì khi trời vừa sáng đều phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

Có các Tỳ-kheo mang y bát để một chỗ, nằm ở bên y, nếu có Tỳ-kheo nào đứng dậy bỏ đi, lìa chỗ có thể trở lại lấy y, khi trời vừa sáng liền phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề. Có Tỳ-kheo nằm giữa hai giới, nếu y lìa thân đến một tấc rơi vào giới khác thì phạm Đột-kiết-la, nếu cheo y con dính trên thân thì không phạm.

3. Giới Chứa Y Phi Thời Một Tháng:

Phật tại thành Vương xá, lúc đó Lục quần Tỳ-kheo được y phi thời cất chứa nghĩ rằng: "Nếu không được vải tương tợ thì cất để đó, nếu được vải tương tợ sẽ may thành y". Lục quần Tỳ-kheo nếu trước được vải màu xanh sau được vải màu vàng vì không giống màu nên cất để đó; nếu trước được vải vàng sau được vải đỏ hoặc vải trắng, vải gai, vải sô-ma, vải Kiều-xa-da, vải Khâm-bà-la, vải Kiếp-bối… vì không cùng loại giống màu nhau nên cất để đó, đợi khi được vải cùng loại giống màu thì mới may thành y. Có Tỳ-kheo thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà thấy rồi tâm không vui liền quở trách Lục quần Tỳ-kheo: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo lại chứa y phi thời, vì không cùng loại giống màu nhau nên cất để đó, đợi khi được cùng loại giống màu nhau mới may thành

y. Nếu trước được vải xanh… giống như đoạn

văn trên cho đến câu mới may thành y", quở trách rồi liền đem việc này bạch Phật. các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng rồi hỏi Lục quần Tỳ-kheo: "Các thầy thật đã làm việc này phải không?" Đáp thật vậy Thế tôn, Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo lại cất chứa y phi thời… giống như đoạn văn trên cho đến câu mới may thành y", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo may y đã xong, y Ca-hi-na đã xả, nếu được y phi thời, Tỳ-kheo nếu cần thì được tự tay nhận rồi mau may thành y để thọ trì. Nếu đủ vải thì tốt, nếu không đủ mong được cúng vải thêm cho đủ thì được cất chứa trong vòng một tháng, quá một tháng thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

Y phi thời là trừ vải của phòng khác, vải do gia đình thí, vải thí lúc an cư, những y dư khác đều gọi là y phi thời.

Tự tay nhận rồi mau may thành y tức là may thành y Tăng-già-lê hay y Uất-đa-la-tăng hay y An-đà-hội.

Mong được cúng vải thêm là Tỳ-kheo nghĩ sẽ có mẹ hay cha, anh chị em, vợ hay có hội Bàn-xà-bà-sắt (hội năm năm một lần), hội Sa-bà bà-sắt (hội sáu năm một lần), hội hai tháng một lần, hội nhập xá, trong một tháng này chờ cúng thêm cho đủ vải

mới may thành y. Không đủ khiến được đủ là Tăng-già-lê thiếu hay Uất-đa-la-tăng thiếu hay An-đà-hội thiếu nên may khiến cho đủ.

Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo được vải không đủ, cất chờ cúng thêm cho đủ, Tỳ-kheo kể từ ngày được vải nghĩ sẽ đợi trong vòng mười ngày thì đến ngày thứ mười vải này phải may thành y, hoặc đem cho người hoặc tác tịnh hay thọ trì. Nếu không may thành y, không cho người, không tác tịnh cũng không thọ trì thì qua ngày thứ mười một, khi trời vừa sáng liền phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề. Nếu Tỳ-kheo được vải không đủ, cất chờ cúng thêm cho đủ, đến ngày thứ hai nghĩ sẽ đợi thêm chín ngày nữa, đến ngày thứ chín vải này phải may thành y, hoặc đem cho người hoặc tác tịnh hay thọ trì. Nếu không may thành y, không cho người, không tác tịnh cũng không thọ trì thì qua ngày thứ mười một, khi trời vừa sáng liền phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề. Nếu Tỳ-kheo được vải không đủ, cất chờ cúng thêm cho đủ, đến ngày thứ ba nghĩ sẽ đợi thêm tám ngày nữa, đến ngày thứ tám vải này phải may thành y, hoặc đem cho người hoặc tác tịnh hay thọ trì. Nếu không may thành y, không cho người, không tác tịnh cũng không thọ trì thì qua ngày thứ mười một, khi trời vừa sáng liền phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề. Nếu Tỳ-kheo được vải không đủ, cất chờ cúng thêm cho đủ, đến ngày thứ tư nghĩ sẽ đợi thêm bảy ngày nữa, đến ngày thứ

bảy vải này phải may thành y, hoặc đem cho người hoặc tác tịnh hay thọ trì. Nếu không may thành y, không cho người, không tác tịnh cũng không thọ trì thì qua ngày thứ mười một, khi trời vừa sáng liền phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề. Nếu Tỳ-kheo được vải không đủ, cất chờ cúng thêm cho đủ, đến ngày thứ năm nghĩ sẽ đợi thêm sáu ngày nữa, đến ngày thứ sáu vải này phải may thành y, hoặc đem cho người hoặc tác tịnh hay thọ trì. Nếu không may thành y, không cho người, không tác tịnh cũng không thọ trì thì qua ngày thứ mười một, khi trời vừa sáng liền phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề. Nếu Tỳ-kheo được vải không đủ, cất chờ cúng thêm cho đủ, đến ngày thứ sáu nghĩ sẽ đợi thêm năm ngày nữa, đến ngày thứ năm vải này phải may thành y, hoặc đem cho người hoặc tác tịnh hay thọ trì. Nếu không may thành y, không cho người, không tác tịnh cũng không thọ trì thì qua ngày thứ mười một, khi trời vừa sáng liền phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề. Nếu Tỳ-kheo được vải không đủ, cất chờ cúng thêm cho đủ, đến ngày thứ bảy nghĩ sẽ đợi thêm bốn ngày nữa, đến ngày thứ tư vải này phải may thành y, hoặc đem cho người hoặc tác tịnh hay thọ trì. Nếu không may thành y, không cho người, không tác tịnh cũng không thọ trì thì qua ngày thứ mười một, khi trời vừa sáng liền phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề. Nếu Tỳ-kheo được vải không đủ, cất chờ cúng thêm cho đủ, đến ngày thứ tám nghĩ sẽ

đợi thêm ba ngày nữa, đến ngày thứ ba vải này phải may thành y, hoặc đem cho người hoặc tác tịnh hay thọ trì. Nếu không may thành y, không cho người, không tác tịnh cũng không thọ trì thì qua ngày thứ mười một, khi trời vừa sáng liền phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề. Nếu Tỳ-kheo được vải không đủ, cất chờ cúng thêm cho đủ, đến ngày thứ chín nghĩ sẽ đợi thêm hai ngày nữa, đến ngày thứ hai vải này phải may thành y, hoặc đem cho người hoặc tác tịnh hay thọ trì. Nếu không may thành y, không cho người, không tác tịnh cũng không thọ trì thì qua ngày thứ mười một, khi trời vừa sáng liền phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề. Nếu Tỳ-kheo được vải không đủ, cất chờ cúng thêm cho đủ, đến ngày thứ mười nghĩ sẽ đợi nội trong ngày thứ mười này, nếu không mong được vải nữa thì nội trong ngày thứ mười vải này phải may thành y, hoặc đem cho người hoặc tác tịnh hay thọ trì. Nếu không may thành y, không cho người, không tác tịnh cũng không thọ trì thì qua ngày thứ mười một, khi trời vừa sáng liền phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề. Nếu Tỳ-kheo được vải không đủ, cất chờ cúng thêm cho đủ, đến ngày thứ mười một nghĩ là sẽ đợi nội trong ngày thứ mười một này, nếu không mong được vải nữa thì nội trong ngày thứ mười một vải này phải may thành y, hoặc đem cho người hoặc tác tịnh hay thọ trì. Nếu không may thành y, không cho người, không tác tịnh cũng không thọ trì thì qua ngày thứ

mười hai, khi trời vừa sáng liền phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề. Cứ như thế cho đến ngày thứ ba mươi, Tỳ-kheo nghĩ là sẽ đợi nội trong ngày thứ ba mươi này, nếu không mong được vải nữa thì nội trong ngày thứ ba mươi vải này phải may thành y, hoặc đem cho người hoặc tác tịnh hay thọ trì. Nếu không may thành y, không cho người, không tác tịnh cũng không thọ trì thì qua ngày thứ ba mươi mốt, khi trời vừa sáng liền phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

Nếu Tỳ-kheo được vải không đủ, cất chờ cúng thêm vải, ngay ngày cất y không mong được y, không mong mà được thì vải này nội trong mười ngày vải này phải may thành y, hoặc đem cho người hoặc tác tịnh hay thọ trì. Nếu không may thành y, không cho người, không tác tịnh cũng không thọ trì thì qua ngày thứ mười một, khi trời vừa sáng liền phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề. Nếu Tỳ-kheo được vải không đủ, cất chờ cúng thêm vải, ngày thứ hai không mong được y, không mong mà được thì vải này nội trong chín ngày phải may thành y, hoặc đem cho người hoặc tác tịnh hay thọ trì. Nếu không may thành y, không cho người, không tác tịnh cũng không thọ trì thì qua ngày thứ mười một, khi trời vừa sáng liền phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề. Nếu Tỳ-kheo được vải không đủ, cất chờ cúng thêm vải như thế cho đến ngày thứ mười không mong được gì, không mong mà được thì vải này nội trong một ngày phải may thành y, hoặc

đem cho người hoặc tác tịnh hay thọ trì. Nếu không may thành y, không cho người, không tác tịnh cũng không thọ trì thì qua ngày thứ mười một, khi trời vừa sáng liền phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

Nếu Tỳ-kheo được vải không đủ, cất chờ cúng thêm vải đến ngày thứ mười một không mong được gì, không mong mà được thì vải này nội trong ngày thứ mười một phải may thành y, hoặc đem cho người hoặc tác tịnh hay thọ trì. Nếu không may thành y, không cho người, không tác tịnh cũng không thọ trì thì qua ngày thứ mười hai, khi trời vừa sáng liền phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề. Nếu Tỳ-kheo được vải không đủ, cất chờ cúng thêm vải cứ như thế cho đến ngày thứ ba mươi không mong được gì, không mong mà được thì nội trong ngày thứ ba mươi phải may thành y, hoặc đem cho người hoặc tác tịnh hay thọ trì. Nếu không may thành y, không cho người, không tác tịnh cũng không thọ trì thì qua ngày thứ mười một, khi trời vừa sáng liền phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

Nếu Tỳ-kheo được vải không đủ, cất chờ cúng thêm vải, ngay ngày được vải tâm đoạn dứt không mong được gì, không mong mà được thì vải này nội trong mười ngày phải may thành y, hoặc đem cho người hoặc tác tịnh hay thọ trì. Nếu không may thành y, không cho người, không tác tịnh cũng không thọ trì thì qua ngày thứ mười một, khi trời vừa sáng liền phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề. Nếu Tỳ-

kheo được vải không đủ, cất chờ cúng thêm vải cứ như thế cho đến ngày thứ mười tâm đoạn dứt không mong được gì, không mong mà được thì vải này nội trong một ngày phải may thành y, hoặc đem cho người hoặc tác tịnh hay thọ trì. Nếu không may thành y, không cho người, không tác tịnh cũng không thọ trì thì qua ngày thứ mười một, khi trời vừa sáng liền phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

Nếu Tỳ-kheo được vải không đủ, cất chờ cúng thêm vải, đến ngày thứ một tâm đoạn dứt không mong được gì, không mong mà được thì vải này nội trong ngày thứ mười một phải may thành y, hoặc đem cho người hoặc tác tịnh hay thọ trì. Nếu không may thành y, không cho người, không tác tịnh cũng không thọ trì thì qua ngày thứ mười hai, khi trời vừa sáng liền phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề. Nếu Tỳ-kheo được vải không đủ, cất chờ cúng thêm vải cứ như thế cho đến ngày thứ ba mươi, tâm đoạn dứt không mong được gì, không mong mà được thì vải này nội trong ngày thứ ba mươi phải may thành y, hoặc đem cho người hoặc tác tịnh hay thọ trì. Nếu không may thành y, không cho người, không tác tịnh cũng không thọ trì thì qua ngày thứ ba mươi mốt, khi trời vừa sáng liền phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

Nếu Tỳ-kheo được vải không đủ, cất chờ cúng thêm vải, ngay ngày được y không mong được gì nhưng tâm không đoạn dứt mong cầu, không mong

mà được thì vải này nội trong mười ngày phải may thành y, hoặc đem cho người hoặc tác tịnh hay thọ trì. Nếu không may thành y, không cho người, không tác tịnh cũng không thọ trì thì qua ngày thứ mười một, khi trời vừa sáng liền phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề. Nếu Tỳ-kheo được vải không đủ, cất chờ cúng thêm vải cứ như thế cho đến ngày thứ mười không mong được gì, nhưng tâm không đoạn dứt mong cầu, không mong mà được thì vải này nội trong một ngày phải may thành y, hoặc đem cho người hoặc tác tịnh hay thọ trì. Nếu không may thành y, không cho người, không tác tịnh cũng không thọ trì thì qua ngày thứ mười một, khi trời vừa sáng liền phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

Nếu Tỳ-kheo được vải không đủ, cất chờ cúng thêm vải đến ngày thứ mười một không mong được gì, nhưng tâm không đoạn dứt mong cầu, không mong mà được thì vải này nội trong ngày thứ mười một phải may thành y, hoặc đem cho người hoặc tác tịnh hay thọ trì. Nếu không may thành y, không cho người, không tác tịnh cũng không thọ trì thì qua ngày thứ mười hai, khi trời vừa sáng liền phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề. Nếu Tỳ-kheo được vải không đủ, cất chờ cúng thêm vải cư như thế cho đến ngày thứ ba mươi không mong được gì, nhưng tâm không đoạn dứt mong cầu, không mong mà được thì vải này nội trong ngày thứ ba mươi phải may thành y, hoặc đem cho người hoặc tác tịnh hay thọ

trì. Nếu không may thành y, không cho người, không tác tịnh cũng không thọ trì thì qua ngày thứ ba mươi mốt, khi trời vừa sáng liền phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

Nếu Tỳ-kheo được vải không đủ, cất chờ cúng thêm vải, ngay ngày được y nghĩ rằng: Ta nội trong ba mươi ngày ắt không được gì, thì vải này nội trong mười ngày phải may thành y, hoặc đem cho người hoặc tác tịnh hay thọ trì. Nếu không may thành y, không cho người, không tác tịnh cũng không thọ trì thì qua ngày thứ mười một, khi trời vừa sáng liền phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề. Nếu Tỳ-kheo được vải không đủ, cất chờ cúng thêm vải cứ như thế cho đến ngày thứ ba mươi nghĩ rằng: Ta nội trong một ngày này ắt không mong được gì, thì vải này nội trong ngày thứ ba mươi phải may thành y, hoặc đem cho người hoặc tác tịnh hay thọ trì. Nếu không may thành y, không cho người, không tác tịnh cũng không thọ trì thì qua ngày thứ ba mươi mốt, khi trời vừa sáng liền phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

Nếu Tỳ-kheo được vải không đủ, cất chờ cúng thêm vải, ngay ngày được vải tâm không đoạn dứt mong cầu không mong mà được hứa cho, lại tiếp tục hy vọng nhưng hy vọng này cũng đoạn dứt, không mong cầu lại được thì vải này nội trong mười ngày phải may thành y, hoặc đem cho người hoặc tác tịnh hay thọ trì. Nếu không may thành y,

không cho người, không tác tịnh cũng không thọ trì thì qua ngày thứ mười một, khi trời vừa sáng liền phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề. Nếu Tỳ-kheo được vải không đủ, cất chờ cúng thêm vải cứ như thế cho đến ngày thứ mười, tâm không đoạn dứt mong cầu không mong mà được hứa cho, lại tiếp tục hy vọng nhưng hy vọng này cũng đoạn dứt, không mong cầu lại được thì vải này nội trong một ngày phải may thành y, hoặc đem cho người hoặc tác tịnh hay thọ trì. Nếu không may thành y, không cho người, không tác tịnh cũng không thọ trì thì qua ngày thứ mười một, khi trời vừa sáng liền phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

Nếu Tỳ-kheo được vải không đủ, cất chờ cúng thêm vải đến ngày thứ mười một, tâm không đoạn dứt mong cầu không mong mà được hứa cho, lại tiếp tục hy vọng nhưng hy vọng này cũng đoạn dứt, không mong cầu lại được thì vải này nội trong ngày thứ mười một nên may thành y, đủ thì tốt, không đủ thì cất lại. Nếu Tỳ-kheo được vải không đủ, cất chờ cúng thêm vải cứ như thế cho đến ngày thứ ba mươi, tâm không đoạn dứt mong cầu không mong mà được hứa cho, lại tiếp tục hy vọng nhưng hy vọng này cũng đoạn dứt, không mong cầu lại được thì vải này nội trong ngày thứ ba mươi nên may thành y, nếu đủ thì tốt, không đủ thì cất lại.

Nếu Tỳ-kheo có y phạm Xả đọa chưa xả, tội chưa sám, thứ lớp nối nhau chưa dứt mà được y

nữa, thì y được sau do tương tục với y trước nên phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề. Nếu Tỳ-kheo có y phạm Xả đọa đã xả nhưng tội chưa sám, thứ lớp nối nhau chưa dứt mà được y nữa, thì y được sau do tương tục với tâm trước nên phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề. Nếu Tỳ-kheo có y phạm Xả đọa đã xả, tội cũng đã sám, thứ lớp nối nhau đã dứt; nếu được y nữa thì không phạm.

Phật tại nước Xá-vệ an cư cùng chúng Tỳ-kheo, lúc đó các Tỳ-kheo được nhiều y bố thí nên cất chứa, Phật vì muốn chế ngăn các Tỳ-kheo chứa nhiều y nên nói với các Tỳ-kheo an cư: "Ta muốn trong bốn tháng yên tĩnh nên không cho các Tỳ-kheo đến chỗ ta, trừ một Tỳ-kheo đưa thức ăn đến và vào ngày bố tát", các Tỳ-kheo nghe rồi liền lập chế: "Nếu có Tỳ-kheo nào không phải là người đưa thức ăn đến cho Phật và vào ngày bố tát mà đến chỗ Phật thì phạm Ba-dật-đề", lập chế rồi bạch Phật, Phật im lặng chấp thuận. Lúc đó Trưởng lão Ưu-ba-tư-na cùng năm trăm chúng Tỳ-kheo đều là người sống nơi A-lan-nhã, mặc nạp y, ngày ăn một bữa, khất thực, ngồi nơi đất trống, đến đi ngồi nằm nhìn ngó tiến thoái… các oai nghi đều thanh tịnh. Tất cả cùng đắp y Tăng-già-lê mang bát du hành từ nước Kiều-tát-la đến nước Xá-vệ, đến nơi thấy có nhiều Tỳ-kheo kinh hành bên trong tinh xá Kỳ hoàn liền hỏi Phật ở đâu, đáp là ở trong phòng lớn phía Đông. Trưởng lão Ưu-ba-tư-na liền đi đến

phòng lớn đằng hắng rồi gõ cửa, Phật mở cửa, Trưởng lão bước vào trong phòng đảnh lễ Phật rồi ngồi một bên, Phật liền thăm hỏi: "Đồ chúng của thầy rất tốt, do nhân duyên gì mà đồ chúng của thầy oai nghi thanh tịnh như vậy?" Trưởng lão đáp: "Thế tôn, nếu Tỳ-kheo đến chỗ con cầu đọc tụng kinh, cầu y chỉ thì con nói với Tỳ-kheo này rằng: "Thầy có thể trọn đời tu hạnh A-lan-nhã, mặc y phấn tảo, khất thực, ngày ăn một bữa, ngồi nơi đất trống, thì Ta mới có thể dạy cho thầy đọc tụng kinh và cho thầy y chỉ". Nếu Tỳ-kheo này có thể hành hạnh đầu đà này thì con mới dạy đọc tụng kinh và cho y chỉ, do nhân duyên này "Thưa Thế tôn, đồ chúng của con mới có oai nghi thanh tịnh như thế". Phật hỏi Trưởng lão Ưu-ba-tư-na: "Cựu Tỳ-kheo có lập chế, thầy có biết không?" Đáp: "Không biết thưa Thế tôn, cựu Tỳ-kheo lập chế như thế nào?" Phật nói: "Ta muốn trong bốn tháng yên tĩnh nên đã bảo các Tỳ-kheo rằng: "Các Tỳ-kheo không được đến chỗ ta, trừ người đưa thức ăn và vào ngày bố tát". Các Tỳ-kheo vâng lời ta dạy nên đã lập chế: "Nếu có Tỳ-kheo nào không phải là người đưa thức ăn đến cho Phật và vào ngày bố tát mà đến chỗ Phật thì phạm Ba-dật-đề". Các Tỳ-kheo lập chế rồi đến bạch Ta và Ta đã chấp thuận, Trưởng lão Ưu-ba-tư-na nói: "Thế tôn, cựu Tỳ-kheo biết ý này không?" Phật nói: "Sao lại không biết, nhưng từ nay Ta cho phép Tỳ-kheo hành hạnh đầu đà,

sống nơi A-lan-nhã, mặc y phấn tảo dù là người đưa thức ăn hay không phải là người đưa thức ăn; vào ngày bố tát hay không phải vào ngày bố tát đều được tùy ý đến chỗ ta". Lúc đó cựu Tỳ-kheo nghe nói Trưởng lão Ưu-ba-tư-na không phải là người đưa thức ăn cho Phật và cũng không phải là ngày bố tát mà đi đến chỗ Phật, liền nhóm họp Tỳ-kheo tăng gọi Trưởng lão Ưu-ba-tư-na đến, Trưởng lão Ưu-ba-tư-na vào trong Tăng đảnh lễ vị Thượng tọa rồi theo thứ lớp ngồi xuống. Cựu Tỳ-kheo liền hỏi Trưởng lão Ưu-ba-tư-na: "Trưởng lão có biết cựu Tỳ-kheo đã lập chế hay không?" Đáp: "Không biết, cựu Tỳ-kheo lập chế như thế nào?" Thượng tọa nói: "Này Trưởng lão Ưu-ba-tư-na, Phật bảo các Tỳ-kheo an cư: "Ta muốn trong bốn tháng yên tĩnh nên không cho các Tỳ-kheo đến chỗ ta, trừ một Tỳ-kheo đưa thức ăn đến và vào ngày bố tát", các Tỳ-kheo nghe rồi liền lập chế: "Nếu có Tỳ-kheo nào không phải là người đưa thức ăn đến cho Phật và vào ngày bố tát mà đến chỗ Phật thì phạm Ba-dật-đề", lập chế rồi bạch Phật, Phật im lặng chấp thuận. "Nay Trưởng lão không phải là người đưa thức ăn đến cho Phật, cũng không phải là vào ngày bố tát mà đến chỗ Phật thì phạm Ba-dật-đề, Trưởng lão nên như pháp sám hối", Trưởng lão Ưu-ba-tư-na nói: "Thượng tọa có biết không, khi tôi đến chỗ Phật, đảnh lễ Phật rồi ngồi một bên, Phật đã thăm hỏi tôi rằng: "Do nhân duyên gì mà đồ chúng của

thầy oai nghi thanh tịnh như vậy?" Tôi đáp: "Thế tôn, nếu Tỳ-kheo đến chỗ con cầu đọc tụng kinh, cầu y chỉ thì con nói với Tỳ-kheo này rằng: Thầy có thể trọn đời tu hạnh A-lan-nhã, mặc y phấn tảo, khất thực, ngày ăn một bữa, ngồi nơi đất trống, thì Ta mới có thể dạy cho thầy đọc tụng kinh và cho thầy y chỉ". Nếu Tỳ-kheo này có thể hành hạnh đầu đà này thì con mới dạy đọc tụng kinh và cho y chỉ, do nhân duyên này thưa Thế tôn, đồ chúng của con mới có oai nghi thanh tịnh như thế. Phật hỏi tôi: "Cựu Tỳ-kheo có lập chế, thầy có biết không?" Tôi đáp: "Không biết thưa Thế tôn, cựu Tỳ-kheo lập chế như thế nào?" Phật nói: "Ta muốn trong bốn tháng yên tĩnh nên đã bảo các Tỳ-kheo rằng: các Tỳ-kheo không được đến chỗ ta, trừ người đưa thức ăn và vào ngày bố tát. Các Tỳ-kheo vâng lời ta dạy nên đã lập chế: Nếu có Tỳ-kheo nào không phải là người đưa thức ăn đến cho Phật và vào ngày bố tát mà đến chỗ Phật thì phạm Ba-dật-đề. Các Tỳ-kheo lập chế rồi đến bạch Ta và Ta đã chấp thuận, tôi nói: "Thế tôn, cựu Tỳ-kheo biết ý này không?" Phật nói: "Sao lại không biết, nhưng từ nay Ta cho phép Tỳ-kheo hành hạnh đầu đà, sống nơi A-lan-nhã, mặc y phấn tảo dù là người đưa thức ăn hay không phải là người đưa thức ăn; vào ngày bố tát hay không phải vào ngày bố tát đều được tùy ý đến chỗ ta". Lúc đó các Tỳ-kheo suy nghĩ: "Tại sao chúng ta không xả những y của cư

sĩ cúng để mặc y phấn tảo", nghĩ rồi liền xả tất cả y của cư sĩ đã cúng để mặc y phấn tảo.

-oOo-

LUẬT THẬP TỤNG

QUYỂN 6

IV- BA MƯƠI PHÁP NI TÁT KỲ BA DẬT ĐỀ (Tiếp Theo):

4. Nhận Y Từ Tỳ-kheo-ni Không Phải Bà Con:

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó Tỳ-kheo-ni Hoa sắc sáng sớm đắp y mang bát vào thành khất thực rồi vào trong rừng An hòa, ngồi tĩnh tọa dưới một gốc cây với oai nghi thanh tịnh. Trước đó đã có năm trăm giặc cướp ở trong rừng, chúa giặc vốn tin Phật pháp, thấy Tỳ-kheo-ni ngồi tĩnh tọa với oai nghi thanh tịnh càng thêm tín kính nói rằng: "Vì sao ta không đem xâu thịt này cúng cho Tỳ-kheo-ni", trong đám giặc có người biết pháp liền nói: "Pháp của-Tỳ-kheo-ni là ăn đúng thời, không ăn phi thời", chúa giặc nghe rồi càng thêm tín kính nói rằng: "Tỳ-kheo-ni này đoan chánh oai nghi thanh tịnh, chỉ ăn đúng thời không ăn phi thời, vì sao ta không cho xâu thịt này để cô ấy ngày mai ăn", người biết pháp nói: "Pháp của-Tỳ-kheo-ni tùy xin được gì liền thọ cái đó, không ăn thức ăn cách đêm", chúa giặc nghe rồi lại càng thêm tín kính nói

rằng: "Tỳ-kheo-ni này đoan chánh oai nghi thanh tịnh, chỉ ăn đúng thời không ăn phi thời, lại không ăn thức ăn cách đêm, vì sao ta không đem bạch điệp quý giá này gói xâu thịt treo lên cây để cho Tỳ-kheo-ni. Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào cần lấy cũng cho", nghĩ rồi liền đem bạch điệp quý giá gói thịt treo lên cây nói rằng: "Các Sa-môn, Bà-la-môn nào cần thì lấy dùng". Lúc đó đêm đã qua, Tỳ-kheo-ni Hoa sắc xuất định thấy bạch điệp gói thịt treo trên cây nghĩ rằng: "Chúa giặc vì ta nên treo tấm bạch điệp gói thịt này lên cây, nhưng lại nói các Sa-môn, Bà-la-môn nào cần thì lấy dùng, nên ta không thể ăn thịt này, nên đem cho Tăng, còn bạch điệp thì để mình dùng", nghĩ rồi liền đem thịt đến trong Kỳ hoàn hỏi chỗ người làm thức ăn cho Tăng để đưa thịt rồi ra khỏi Kỳ hoàn. Lúc đó Lục quần Tỳ-kheo thấy Hoa sắc cầm tấm bạch điệp đẹp đi ra, thấy rồi sanh tâm tham nói với Hoa sắc rằng: "Tấm bạch điệp của cô thật đẹp", Hoa sắc nói: "Phải, nó rất đẹp", Lục quần nói: "Nếu nó đẹp sao không thí cho người tốt", Hoa sắc suy nghĩ: "Đây là quyết định xin, làm sao không cho", nghĩ rồi liền đem bạch điệp đưa cho Lục quần Tỳ-kheo. Tỳ-kheo-ni này vốn rất kính Phật nghĩ rằng: "Ta không thể không gặp Phật", nghĩ rồi liền đến chỗ Phật. Lúc đó Thế tôn đang thuyết pháp cho đại chúng vây quanh, từ xa trông thấy Hoa sắc đi đến, y phục trên thân cũ rách. Phật cố ý hỏi A-nan: "Tỳ-kheo-

ni Hoa sắc này y phục cũ rách, há không được y bố thí hay sao?" A-nan đáp: "Cô ấy vừa được thí một tấm bạch điệp quý giá nhưng lại bị Lục quần Tỳ-kheo xin mất rồi", Phật nói: "Tỳ-kheo há lại nhận lấy y từ Tỳ-kheo-ni không phải là bà con hay sao ?" A-nan nói: "Thật đã nhận lấy thưa Thế tôn", Phật bảo A-nan: "Hãy lấy năm y trong số y dư đem cho Tỳ-kheo-ni này", A-nan vâng lời Phật dạy lấy năm y trong số y dư đem cho Tỳ-kheo-ni. Tỳ-kheo-ni liền đắp y này rồi đến chỗ Phật, đảnh lễ rồi ngồi một bên, Phật thuyết pháp chỉ dạy cho được lợi hỉ rồi im lặng, Tỳ-kheo-ni nghe Phật thuyết pháp được lợi hỉ rồi liền đảnh lễ Phật, hữu nhiễu Phật rồi ra về. Sau đó Phật do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng rồi hỏi Lục quần Tỳ-kheo: "Các thầy thật đã làm việc nay phải không?" Đáp: "Thật vây thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo lại nhận lấy y từ Tỳ-kheo-ni không phải là bà con? Vì nếu không phải là bà con thì không có hỏi người ấy đủ y hay không, có dư hay không, chỉ cốt lấy được mà thôi. Ngược lại nếu là bà con thì sẽ đem cho y, huống chi là thấy không đủ y mà còn lấy", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo nhận lấy y từ Tỳ-kheo-ni không phải là bà con thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

Không phải là bà con: Bà con là cha mẹ anh chị

em nhẫn đến bảy đời; y (vải) là các loại vải như vải gai, vải gai đỏ, vải gai trắng, vải sô-ma, vải súy-di-la, vải Khâm-bà-la, vải kiếp-bối…

Tướng phạm trong giới này là nếu một Tỳ-kheo nhận lấy y từ một Tỳ-kheo-ni không phải là bà con thì phạm một Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề; nếu một Tỳ-kheo nhận lấy y từ hai, ba-Tỳ-kheo-ni tùy được bao nhiêu thì phạm bấy nhiêu Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề; nếu hai, ba, bốn Tỳ-kheo nhận lấy y từ hai, ba, bốn Tỳ-kheo-ni không phải là bà con, tùy được bao nhiêu thì phạm bấy nhiêu Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó ở nước Kiều-tát-la có hai bộ tăng được nhiều y chia làm hai phần: Tỳ-kheo nhận được y thích hợp với Tỳ-kheo-ni, còn Tỳ-kheo-ni lại được y thích hợp với Tỳ-kheo nên các Tỳ-kheo-ni nói với các Tỳ-kheo rằng: "Các Đại-đức hãy đổi y lại cho chúng tôi, chúng tôi cũng đổi y lại cho các Đại-đức", các Tỳ-kheo nói: "Phật kết giới không được nhận y từ Tỳ-kheo-ni không phải là bà con". Lúc đó các Tỳ-kheo không biết phải làm sao liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng đủ lời khen ngợi giới và người trì giới rồi bảo các Tỳ-kheo: "Từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo nhận lấy y từ Tỳ-kheo-ni không phải là bà con thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề, trừ trao đổi.

Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo có Tỳ-kheo-ni không phải là bà con mà tưởng là bà con, khi nhận lấy y phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề; nếu có Tỳ-kheo, Thức-xoa-ma-na, Sa di, Sa-di-ni, xuất gia, xuất gia ni không phải là bà con mà tưởng là bà con, khi nhận lấy y cũng phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

Nếu Tỳ-kheo-ni không phải là bà con, Tỳ-kheo nghi không biết có phải là bà con hay không mà nhận lấy y cũng phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề; nếu nghi Tỳ-kheo, Thức-xoa-ma-na, Sa di, Sa-di-ni, xuất gia, xuất gia ni không biết có phải là bà con hay không mà nhận lấy y đều phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

Nếu Tỳ-kheo có Tỳ-kheo-ni là bà con mà tưởng là không phải bà con, khi nhận lấy y phạm Đột-kiết-la; nếu Tỳ-kheo, Thức-xoa-ma-na, Sa di, Sa-di-ni, xuất gia, xuất gia là bà con mà tưởng là không phải bà con, khi nhận lấy y cũng phạm Đột-kiết-la.

Nếu Tỳ-kheo có Tỳ-kheo-ni là bà con mà nghi không biết có phải là bà con hay không, khi nhận lấy y phạm Đột-kiết-la; nếu Tỳ-kheo, Thức-xoa-ma-na, Sa di, Sa-di-ni, xuất gia, xuất gia ni là bà con mà nghi không biết có phải là bà con hay không, khi nhận lấy y cũng phạm Đột-kiết-la.

Là bà con hay không phải bà con, tưởng là bà

con hay nghi mà nhận lấy y bất tịnh bao gồm các loại y dệt bằng lông thú như lông lạc đà, lông dê, lông trâu bò xen tạp đều phạm Đột-kiết-la. Không phạm là nhận từ bà con cho hay trước có thỉnh hay riêng tư nài lấy hay vì thuyết pháp được cúng dường thì không phạm.

5. Giới Nhờ Tỳ-kheo-ni Không Phải Bà Con Giặt Y Cũ:

Phật tại nước Xá-vệ, Trưởng lão Ca-lưu-đà-di vốn có quen biết với Tỳ-kheo-ni Quật-da từ trước nên thường qua lại chuyện trò. Lúc đó Tỳ-kheo-ni Quật-đa nghe Ca-lưu-đà-di du hành hai tháng rưỡi trở về liền tắm rửa sạch sẽ, thoa dầu thơm, mặc y mỏng đến chỗ Ca-lưu-đà-di, đảnh lễ rồi ngồi đối diện. Ca-lưu-đà-di sanh tâm đắm trước nên nhìn chăm chăm Quật-đa, Quật cũng sanh tâm đắm trước nên nhìn chăm chăm Ca-lưu-đà-di, Quật-đa suy nghĩ: "Thầy ấy nhìn ta chăm chăm như vậy ắt cũng sanh đắm trước, sao ta không ở trước mặt đứng đi". Lúc đó Ca-lưu-đà-di chỉ mặc có Nê-hoàn tăng, cùng đi qua lại nên dục tâm phát động, sợ phạm giới nên không dám xúc chạm nhau, vì cứ nhìn chăm chăm nhau nên chảy ra chất bất tịnh, do chất bất tịnh chảy ra nên lửa dục liền tắt, vội trở về chỗ ngồi. Quật-đa suy nghĩ: "Thầy ấy trở về chỗ ngồi ắt là đã chảy ra chất bất tịnh", nghĩ rồi liền đến gần Ca-lưu-đà-di nói rằng: "Hãy đưa y này cho

tôi đem về giặt", Ca-lưu-đà-di liền đổi mặc y khác rồi đưa y này cho Quật-đa mang về giặt. Tỳ-kheo-ni nay mang về mở y ra lấy chất bất tịnh dính trên y để vào trong chỗ tiểu tiện của mình, liền thọ thai có con phước đức, bụng càng ngày càng lớn. Các Tỳ-kheo-ni đuổi ra khỏi chùa và mắng: "Cô là Tỳ-kheo-ni xấu xa, vì sao xuất gia đã lâu lại còn có thai", Quật-đa nói: "Tôi không có làm việc dâm", liền đem sự việc trên kể lại. Các Tỳ-kheo-ni không biết làm sao nên đem việc này bạch Phật, Phật nói: "Các cô chớ nên quở trách Tỳ-kheo-ni này, đây không phải là phá phạm hạnh vì không có phạm dâm, do nhân duyên như thế mới có thai". Phật do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng rồi hỏi Ca-lưu-đà-di: "Thầy thật đã làm việc này phải không?" Đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo lại nhờ Tỳ-kheo-ni không phải là bà con giặt y cũ", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo nhờ Tỳ-kheo-ni không phải là bà con giặt y cũ, nhuộm hay đập đều phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

Bà con là mẹ chị em gái cho đến bảy đời; Y cũ là y đã mặc qua ít nhất một lần.

Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo nói với Tỳ-kheo-ni không phải bà con: "Hãy giặt y cũ này giùm tôi", Tỳ-kheo-ni đem giặt thì Tỳ-kheo

này phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề; giặt nhuộm hay giặt đập, nhuộm đập hay giặt nhuộm đập đều phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề. Nếu Tỳ-kheo nói với Tỳ-kheo-ni không phải bà con rằng: "Hãy giặt đập y này giùm tôi, chớ nhuộm", Tỳ-kheo-ni đem giặt đập thì Tỳ-kheo này phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề; dù nhuộm, giặt nhuộm hay nhuộm đập hay giặt nhuộm đập, Tỳ-kheo đều phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề. Nếu Tỳ-kheo nói với Tỳ-kheo-ni không phải bà con rằng: "Hãy giặt nhuộm y này giùm tôi, chớ đập", Tỳ-kheo-ni đem giặt nhuộm thì Tỳ-kheo này phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề; nhuộm hay đập, giặt đập hay nhuộm đập hay giặt nhuộm đập, Tỳ-kheo đều phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề. Nếu Tỳ-kheo nói với Tỳ-kheo-ni không phải bà con rằng: "Hãy nhuộm đập y này giùm tôi, chớ giặt", Tỳ-kheo-ni đem nhuộm đập thì Tỳ-kheo này phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề; dù giặt hay giặt nhuộm, giặt đập, giặt nhuộm đập, Tỳ-kheo đều phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề. Nếu Tỳ-kheo nói với Tỳ-kheo-ni không phải bà con rằng: "Hãy giặt nhuộm đập y cũ này giùm tôi", Tỳ-kheo-ni đem giặt nhuộm đập hay dù chỉ giặt, nhuộm, đập, giặt nhuộm hay giặt đập hay nhuộm đập, Tỳ-kheo này đều phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

Nếu Tỳ-kheo có Tỳ-kheo-ni không phải là bà con mà tưởng là bà con; cho đến Tỳ-kheo, Thức-xoa-ma-na, Sa di, Sa-di-ni, xuất gia, xuất gia ni không phải là bà con mà tưởng là bà con nhờ giặt

(nhuộm, đập) y cũ, nếu họ đem giặt (nhuộm, đập) thì Tỳ-kheo này đều phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

Nếu Tỳ-kheo có Tỳ-kheo-ni không phải là bà con, nghi không biết có phải là bà con hay không; cho đến Tỳ-kheo, Thức-xoa-ma-na, Sa di, sai di ni, xuất gia, xuất gia ni không phải là bà con mà nghi không biết có phải là bà con hay không, nhờ họ giặt (nhuộm, đập) y cũ, nếu họ đem giặt (nhuộm, đập) thì Tỳ-kheo này phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

Nếu Tỳ-kheo có Tỳ-kheo-ni là bà con mà tưởng là không phải bà con; cho đến Tỳ-kheo, Thức-xoa-ma-na, Sa di, Sa-di-ni, xuất gia, xuất gia ni là bà con mà tưởng là không phải bà con, nhờ họ giặt (nhuộm, đập) y cũ, nếu họ đem giặt (nhuộm, đập) thì Tỳ-kheo này phạm Đột-kiết-la.

Nếu Tỳ-kheo có Tỳ-kheo-ni là bà con mà nghi không biết có phải là bà con hay không; cho đến Tỳ-kheo, Thức-xoa-ma-na, Sa di, Sa-di-ni, xuất gia, xuất gia ni là bà con mà nghi không biết có phải là bà con hay không, nhờ họ giặt (nhuộm, đập) y cũ, nếu họ đem giặt (nhuộm, đập) thì Tỳ-kheo này phạm Đột-kiết-la.

Là bà con hay không phải bà con, tưởng là bà con hay nghi mà nhờ giặt (nhuộm, đập) y bất tịnh bao gồm các loại y dệt bằng lông như lông lạc đà, lông dê, lông trâu bò xen tạp thì Tỳ-kheo đều phạm Đột-kiết-la; nếu là bà con thì không phạm.

6. Giới Theo Cư Sĩ Không Phải Bà Con Xin Y:

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó có cư sĩ mặc y thượng hạ đến Kỳ hoàn là người quen biết trước kia của Bạt-nan-đà, Bạt-nan-đà từ xa thấy cư sĩ đến, thấy chiếc y thượng hạ của cư sĩ mặc trên người liền sanh tâm tham. Cư sĩ đảnh lễ rồi ngồi đối diện, Bạt-nan-đà nói pháp chỉ bày cho được lợi hỉ rồi nói với cư sĩ: "Y của cư sĩ rất tốt, nếu thí cho tôi thì tôi có thể làm y Tăng-già-lê hoặc Uất-đa-la-tăng hoặc An-đà-hội", cư sĩ không nghe hay nghe mà không muốn cho, Bạt-nan-đà lại nói pháp chỉ bày cho được lợi hỉ rồi lặp lại câu nói trên, cư sĩ vẫn như trước không nghe hay nghe mà không muốn cho, Bạt-nan-đà lại nói pháp lần thứ ba rồi nói: "Ông hãy cho Ta một y đi, pháp của chúng ta là theo cư sĩ xin y", cư dĩ suy nghĩ: "Tỳ-kheo này đã quyết định xin, làm sao không cho", nghĩ rồi liền cởi một y xếp lại đưa cho. Sau khi cho rồi cư sĩ hối hận, sân nhuế không chịu nổi, nghĩ rằng: "Từ nay ta không nên đến trong Tăng già lam của Sa-môn Thích tử, nếu đến đó sẽ bị cưỡng đoạt y như đi đường hiểm không khác". Lúc cư sĩ này vào thành Xá-vệ, người giữ cửa thành thấy liền hỏi: "Khi đi ông mặc y thượng hạ, sao bây giờ chỉ còn có một y", cư sĩ liền kể lại sự việc trên, trong lòng lại tăng thêm sân hận gấp bội, không chịu nổi nên nói rằng: "Tôi không nên đến trong Tăng già lam

của Sa-môn Thích tử, nếu đến thì bị cưỡng đoạt y như đi vào đường hiểm không khác". Như thế lan truyền ra, một người nói với hai người, hai người nói với ba người khiến cho tiếng xấu lan ra khắp thành Xá-vệ, ai cũng nghe biết Sa-môn Thích tử đoạt y của người. Có Tỳ-kheo thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết rồi tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng rồi hỏi Bạt-nan-đà: "Thầy thật đã làm việc này phải không?" Đáp: "Thật vậy thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo lại theo cư sĩ không phải là bà con nài xin?" Quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo theo cư sĩ, vợ của cư sĩ không phải là bà con xin y thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

Bà con là cha mẹ anh chị em, con trai, con gái cho đến bảy đời; Y là bao gồm các loại vải như gai trắng, gai đỏ, súy-di-la, khâm-bà-la, sô-ma, kiếp-bối…

Tướng phạm trong giới này có ba trường hợp:

Một là Giá tiền y: Nếu Tỳ-kheo nói với cư sĩ: Hãy cho tôi y quý giá này, nếu được y thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề, nếu không được y thì phạm Đột-kiết-la; cho đến xin y trị giá hai trăm, ba trăm tiền nếu được y thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề, không

được thì phạm Đột-kiết-la.

Hai là Màu sắc y: Nếu Tỳ-kheo nói với cư sĩ: Hãy cho tôi y màu xanh này, nếu được y thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề, không được thì phạm Đột-kiết-la; xin y vàng hay đỏ, trắng, đen, hoặc vải gai, vải súy-di-la, khâm-bà-la, sô-ma, kiếp-bối… cũng phạm như trên.

Ba là Kích lượng y: Nếu Tỳ-kheo nói với cư sĩ: Hãy cho tôi vải chiều dài bốn chữu tay, nếu được y thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề, không được thì phạm Đột-kiết-la; xin vải chiều dài năm, sáu cho đến mười chu tay cũng phạm như trên. Nếu xin cái này lại được cái kia thì phạm Đột-kiết-la, xin y xanh lại được y đỏ… cũng phạm Đột-kiết-la, xin vải gai trắng lại được vải gai đỏ… cũng phạm Đột-kiết-la, cho đến xin y khâm-bà-la lại được y Kiếp-bối cũng phạm Đột-kiết-la. Không phạm là theo bà con xin hay trước đã được thỉnh hay không xin mà được cho thì không phạm.

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó có Tỳ-kheo Ba là từ nước Kiều-tát-la du hành đến nước Xá-vệ, giữa đường bị giặc đoạt y phải lõa hình mà đi. Tỳ-kheo suy nghĩ: "Phật kết giới không được theo cư sĩ không phải bà con xin y, bà con của ta ở xa, ta đành phải lõa hình đến nước Xá-vệ vào trong Kỳ hoàn tìm các Tỳ-kheo", theo ý nghĩ liền đi đến trong Kỳ hoàn, cựu Tỳ-kheo hỏi: "Người là ai?" Đáp là Sa-môn Thích tử, lại hỏi: "Vì sao lõa hình?" Liền đem

sự việc trên kể lại rồi nói: "Vì cớ này nên tôi lõa hình". Lúc đó Lục quần Tỳ-kheo liền suy nghĩ: "Do nhân duyên này Phật ắt sẽ cho theo cư sĩ không phải bà con xin y, chúng ta nên thân gần người này", nghĩ rồi liền nói với Tỳ-kheo bị đoạt y rằng: "Thầy làm sao lõa hình đến chỗ Phật được, tôi sẽ cho thầy mượn y đắp để đến chỗ Phật, sau khi thầy xin được y rồi trả lại cho tôi", Tỳ-kheo bị đoạt y bằng lòng, Lục quần Tỳ-kheo liền cho mượn y đắp, Tỳ-kheo này đến chỗ Phật đảnh lễ rồi ngồi một bên. Pháp thường của chư Phật là thấy khách Tỳ-kheo đến liền thăm hỏi rằng: Có nhẫn được không, có an lạc trụ không, khất thực có thiếu không, đi đường có nhọc mệt không. Khi Phật hỏi thăm như vậy, Tỳ-kheo này đáp là nhẫn được, được an lạc trụ, khất thực không khó nhưng đi đường nhọc mệt, rồi đem sự việc trên kể lại. Phật do nhân duyên này nhóm Tỳ-kheo tăng, khen ngợi giới và người trì giới rồi bảo các Tỳ-kheo: "Từ nay giới này nên nói lại như sau:

Nếu Tỳ-kheo theo cư sĩ, vợ cư sĩ không phải bà con xin y thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề, trừ thời khác. Thời khác là y bị đoạt, y bị mất, y bị cháy, y bị nước cuốn trôi.

Y bị đoạt là bị quan hay giặc cướp hay oan gia cướp đoạt; Y bị mất là không biết ở đâu hoặc bị hư rách hoặc bị côn trùng gặm nhắm hoặc bị gió thổi bay mất.

7. Giới Xin Y Thọ Quá Nhiều:

Lúc đó Lục quần Tỳ-kheo nghe Phật do nhân duyên này khai cho theo cư sĩ không phải bà con xin y, liền nói với Tỳ-kheo Ba là: "Thầy ít quen biết ai lại đang thiếu y, chúng tôi quen biết nhiều cũng đang thiếu y, nay chúng tôi xin giúp cho thầy đủ ba y, y dư thuộc của chúng tôi", Tỳ-kheo Ba là bằng lòng, Lục quần Tỳ-kheo liền vào thành đến các nhà giàu có nói rằng: "Tỳ-kheo Ba là là bà con của Phật, đi giữa đường bị giặc cướp đoạt y, các vị nên tùy hỉ cho", những người tín kính nghe rồi liền cho đủ thứ y hoặc là giạ hoặc là Khâm-bà-la…, như thế lần lượt từ nhà này đến nhà khác xin được rất nhiều y gánh về đến trú xứ, Lục quần Tỳ-kheo lựa lấy cái tốt còn cái không tốt đưa cho Tỳ-kheo Ba là. Lúc đó có Tỳ-kheo thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền quở trách Lục quần Tỳ-kheo: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo lại cố đoạt y của-Tỳ-kheo Ba là", quở trách rồi đem việc này bạch Phật, các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng rồi hỏi Lục quần Tỳ-kheo: "Các thầy thật đã làm việc này phải không?" Đáp: "Thật vậy thưa Thế tôn", Phật đủ lời quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo khi y bị đoạt, y bị cháy, y bị nước

cuốn trôi theo cư sĩ, vợ cư sĩ không phải bà con xin y, được họ tùy ý cho nhiều y thì Tỳ-kheo này chỉ nên nhận lấy y thượng hạ, nếu thọ quá thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

Y thượng hạ có hai: y thượng hạ của bạch y và y thượng hạ của-Tỳ-kheo. Y thượng hạ của bạch y là một y thượng một y hạ; y thượng hạ của-Tỳ-kheo là ba y thường dùng. Nếu được y thượng hạ của bạch y ít thì được xin thêm, nhiều thì nên trả lại cho chủ. Tướng phạm trong giới này là Tỳ-kheo đã đủ ba y thì không nên xin, nếu xin được thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề; nếu xin không được thì phạm Đột-kiết-la. Nếu Tỳ-kheo mất một y, nếu y Tăng-già-lê của-Tỳ-kheo này có thể trích ra làm một y được thì không nên xin; nếu xin được thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề, nếu xin không được thì phạm Đột-kiết-la. Nếu Tỳ-kheo mất hai y, nếu y Tăng-già-lê của-Tỳ-kheo có thể trích ra làm một y được thì chỉ nên xin một y, không được xin hai y; nếu xin được hai y thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề, nếu xin không được thì phạm Đột-kiết-la. Nếu Tỳ-kheo mất ba y, trước nên theo năm chúng mượn y đắp vào tụ lạc xin y, nếu không mượn được thì trong bốn phương Tăng vật nếu có giạ hay chăn mền có thể trích ra may thành y được, thì nên trích ra để may y đắp rồi đi xin y, nếu xin được y thì nên đắp y mới xin được, đem giặt y đã mượn hong phơi rồi trả lại chỗ cũ cho chùa.

8. Giới Theo Cư Sĩ Không Thỉnh Trước Xin Y:

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó có cư sĩ chuẩn bị tiền định mua y cúng cho Thích tử Bạt-nan-đà, nghĩ rằng: "Ta sẽ đem số tiền này mua y cúng cho Thích tử Bạt-nan-đà". Bạt-nan-đà nghe biết được tin này liền đến chỗ cư sĩ hỏi rõ sự việc, cư sĩ đáp phải, liền hỏi: "Cư sĩ định mua y như thế nào cúng cho tôi?" Đáp: "Định mua y như thế như thế…" Bạt-nan-đà liền nói: "Tỳ-kheo chúng tôi là người xuất gia nếu thiếu y phục cầu xin khó được, cư sĩ các vị lại không thể thường xuyên bố thí, nay cư sĩ muốn mua y cúng cho tôi thì nên mua loại vải như thế như thế…", cư sĩ nghe theo lời của Bạt-nan-đà mà mua y thì phải trả gấp hai, Ba-lần số tiền mà mình đã chuẩn bị sẵn, nên sanh tâm hối tiếc trách rằng: "Sa-môn Thích tử không biết thời, không biết nhàm đủ, không biết trù lượng. Nếu người thí không biết lượng thì người thọ cũng nên biết lượng. Nay ta phải trả giá tiền mua y gấp hai, Ba-lần số tiền mà ta sẵn có. Đây là lỗi của ta khiến ta phiền não không có lợi ích gì, tại sao ta lại cúng dường cho người không biết đủ, khó nuôi không biết nhàm đủ như thế". Lúc đó có Tỳ-kheo thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này, tâm không vui quở trách rồi đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm Tỳ-kheo tăng rồi hỏi Bạt-nan-đà: "Thầy thật đã làm việc này phải

không?" Đáp: "Thật vậy thưa Thế tôn", Phật liền quở trách rằng: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo lại ở chỗ cư sĩ không phải bà con khởi tưởng là đồng y mà theo xin", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu vì Tỳ-kheo nên cư sĩ, vợ cư sĩ lo liệu số tiền mua y, nghĩ rằng: "Ta đem số tiền này mua y như thế như thế… cúng cho Tỳ-kheo .....". Tỳ-kheo này vốn không được thỉnh tùy ý trước, liền khởi tưởng đồng ý đi đến chỗ cư sĩ nói rằng: "Cư sĩ đã lo liệu số tiền mua y như thế cho tôi thì nên mua loại vải như thế như thế…". Vì muốn tốt, nếu được y thì Tỳ-kheo này phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

Vì Tỳ-kheo là chỉ cho Bạt-nan-đà; Y (vải) gồm các loại vải như gai trắng, gai đỏ, Súy-di-la, Khâm-bà-la, Kiều-xa-da, Kiếp-bối… Số tiền mua y là hoặc bằng vàng bạc, tiền… cho đến dùng gạo thóc đổi lấy. Lo liệu là cất tiền để dành mua y. Nói mua y như thế như thế là y với giá hoặc với kích lượng hoặc với màu sắc như thế như thế. Cho Tỳ-kheo ..... là cho Bạt-nan-đà. Nói không được thỉnh tùy ý trước là cư sĩ không có nói trước với Tỳ-kheo rằng cần gì thì đến lấy. Nói khởi tưởng đồng ý là tưởng mình xin bao nhiêu cư sĩ cũng không giận. Nói vì muốn tốt là không biết đủ, khó cúng dường, không nhàm đủ.

Tướng phạm trong giới này có ba trường hợp:

giá tiền y, sắc y và lượng y. Về giá tiền y: Nếu Tỳ-kheo nói với cư sĩ: "Hãy cho tôi loại vải tốt"; Nếu được y vào tay thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề, nếu không được y thì phạm Đột-kiết-la; cho đến xin y với giá hai, ba trăm tiền, nếu được y thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề, nếu không được y thì phạm Đột-kiết-la. Về sắc y: Nếu Tỳ-kheo nói với cư sĩ: "Hãy cho tôi y màu vàng hoặc đỏ, trắng hay đen; hoặc là vải gai trắng, súy-di-la, khâm-bà-la…", nếu được y thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề, nếu không được y thì phạm Đột-kiết-la. Về kích lượng y: Nếu Tỳ-kheo nói với cư sĩ: "Hãy cho tôi y dài bốn chữu tay hoặc năm, sáu, bảy cho đến mười tám chữu tay", nếu được y thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề, nếu không được y thì phạm Đột-kiết-la.

Nếu xin cái này mà được cái kia thì phạm Đột-kiết-la, hoặc xin y vàng lại được y xanh, hoặc xin y xanh lại được y vàng hay đỏ, trắng đen cũng vậy; cho đến xin vải gai lại được vải súy-di-la hoặc khâm-bà-la… cũng vậy. Không phạm là theo bà con xin hoặc được thỉnh tùy ý trước hoặc không xin mà tự được thì không phạm.

9. Giới Khuyên Cư Sĩ Không Bà Con Hùn Tiền Cúng Y:

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó có hai cư sĩ và vợ cư sĩ vì Thích tử Bạt-nan-đà để dành tiền mua y, nghĩ rằng: "Tôi để dành tiền này, mỗi người sẽ mua

y như thế như thế cúng cho Thích tử Bạt-nan-đà". Bạt-nan-đà hay tin liền đến chỗ hai cư sĩ và vợ cư sĩ hỏi cho rõ rồi nói: "Tỳ-kheo chúng tôi là người xuất gia, thiếu y phục cầu xin khó được, các vị không thể thường xuyên bố thí, nay có tâm muốn mua y cúng cho tôi, nếu mỗi người không thể mua y cúng riêng được thì nên hùn chung lại mua một y như thế như thế cúng cho tôi", các cư sĩ nghe theo lời của Bạt-nan-đà hùn chung lại mua một y như thế như thế với giá tiền gấp hai, Ba-lần mà họ đã để dành, nên họ khởi tâm hối tiếc trách rằng: "Sa-môn Thích tử không biết thời, không biết nhàm đủ, không biết trù lượng. Nếu người thí không biết lượng thì người thọ cũng nên biết lượng. Nay ta phải trả giá tiền mua y gấp hai, Ba-lần số tiền mà ta sẵn có. Đây là lỗi của ta khiến ta phiền não không có lợi ích gì, tại sao ta lại cúng dường cho người không biết đủ, khó nuôi không biết nhàm đủ như thế". Lúc đó có Tỳ-kheo thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này, tâm không vui quở trách rồi đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm Tỳ-kheo tăng rồi hỏi Bạt-nan-đà: "Thầy thật đã làm việc này phải không?" Đáp: "Thật vậy thưa Thế tôn", Phật liền quở trách rằng: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo lại ở chỗ cư sĩ không phải bà con khởi tưởng là đồng ý mà theo xin", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo, từ nay giới này nên nói như

sau:

Nếu Tỳ-kheo có hai cư sĩ và vợ cư sĩ không phải bà con, vì Tỳ-kheo nên mỗi người để dành tiền mua y, nghĩ rằng: "Ta để dành tiền này, mỗi người sẽ mua y như thế như thế cúng cho Tỳ-kheo .....", Tỳ-kheo này vốn không được thỉnh tùy ý trước, khởi tưởng đồng ý nên đến chỗ các cư sĩ nói rằng: "Các vị mỗi người để dành tiền mua y, nên hùn chung lại mua một y như thế như thế cúng cho tôi". Vì muốn tốt, nếu được y thì Tỳ-kheo này phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

Giải thích từ ngữ giống như trong giới trên.

Tướng phạm trong giới này cũng có ba trường hợp:

Một là về giá tiền y: Nếu Tỳ-kheo nói với cư sĩ: "Hai vị nên hùn chung lại mua y tốt cho tôi", nếu được y thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề, nếu không được y thì phạm Đột-kiết-la.

Hai là về màu sắc y: Nếu Tỳ-kheo nói với cư sĩ: "Hãy hùn chung lại mua y màu vàng hoặc xanh, đỏ, trắng… hoặc loại vải như gai trắng, Súy-di-la, Khâm-bà-la… cho tôi", nếu được y thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề, nếu không được y thì phạm Đột-kiết-la.

Ba là về kích lượng y: Nếu Tỳ-kheo nói với cư sĩ: "Hãy hùn chung lại mua y dài bốn chữu tay hoặc năm, sáu cho đến mười tám chữu tay cho tôi", nếu

được y thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề, không được y thì phạm Đột-kiết-la.

Nếu xin cái này mà được cái kia thì phạm Đột-kiết-la, hoặc xin y vàng lại được y xanh, hoặc xin y xanh lại được y vàng hay đỏ, trắng đen cũng vậy; cho đến xin vải gai lại được vải súy-di-la hoặc khâm-bà-la … cũng vậy. Không phạm là theo bà con xin hoặc được thỉnh tùy ý trước hoặc không xin mà tự được thì không phạm.

10. Giới Đòi Y Quá:

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó có một cư sĩ sai sứ đưa giá tiền y cho Bạt-nan-đà, khi sứ mang tiền đến thì gặp Bạt-nan-đà đang ngồi trên giường cùng với một thương nhơn của một tiệm buôn, sứ liền đến nói với Bạt-nan-đà rằng: "Đại-đức, cư sĩ ..... sai tôi đưa số tiền y này cho Đại-đức, Đại-đức hãy nhận lấy", Bạt-nan-đà nghe rồi liền bảo vị thương nhơn: "Ông hãy nhận lấy số tiền này, đợi khi tôi tìm được tịnh nhơn sẽ đến lấy", thương nhơn liền nhận lấy tiền đem cất. Các thương nhơn ở nước Xá-vệ có lập chế đến giờ tụ họp, ai không đến đúng giờ sẽ bị phạt năm mươi tiền. Vị thương nhơn này định đi nhóm họp nên đóng cửa tiệm, vào lúc đó Bạt-nan-đà dẫn tịnh nhơn tới đòi đưa lại số tiền đã gởi, vị thương nhơn nói: "Các thương nhơn ở đây có lập chế đến giờ tập họp, ai không đến đúng giờ sẽ bị phạt năm mươi tiền, thầy hãy đợi tôi đi họp

về sẽ đưa tiền lại cho", Bạt-nan-đà nói: "Không được, bạch y các người thường tự cầu lợi, hãy đưa lại cho tôi trước rồi mới được đi, tôi không thể chờ được", vị thương nhơn đành phải mở cửa lấy tiền đưa lại cho Bạt-nan-đà rồi mới đến chỗ tụ họp, đến nơi thì mọi người đã giải tán nên bị phạt năm mươi tiền, vị thương nhơn này phiền não liền quở trách: "Sa-môn Thích tử không biết thời, không biết trù lượng, nếu chờ một chút thì tôi không phải bị phạt, tôi vì Sa-môn Thích tử nên mất năm mươi tiền này". Như thế chuyền nói cho nhau khiến tiếng xấu lan khắp thành Xá-vệ, có Tỳ-kheo thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết rồi tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng rồi hỏi Bạt-nan-đà: "Thầy thật đã làm việc này phải không?" Đáp: "Thật vậy thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Thầy không biết thời, không biết trù lượng, tại sao không chờ một chút lại khiến cho cư sĩ bị mất mát như thế", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu vì Tỳ-kheo nên vua hoặc đại thần, Bà-la-môn, cư sĩ sai sứ đưa giá tiền y đến, vị sứ này đến nói với Tỳ-kheo: "Đại-đức, vua hoặc đại thần, Bà-la-môn, cư sĩ ..... đưa giá tiền y này cho thầy, xin hãy nhận lấy". Tỳ-kheo nên nói: "Pháp của-Tỳ-kheo chúng tôi là không được thọ tiền, khi nào cần

y, được vải thanh tịnh tôi sẽ nhận để may thành y thọ trì", vị sứ này nói với Tỳ-kheo: "Đại-đức có người chấp sự có thể lo liệu mọi việc cho Tỳ-kheo không?" Tỳ-kheo nên chỉ người chấp sự là người làm việc trong chùa hay là Ưu-bà-tắc cho vị sứ biết. Vị sứ đến nói với người chấp sự: "Lành thay, ông hãy cất giữ số tiền này rồi mua vải như thế như thế cho Tỳ-kheo....., khi nào Tỳ-kheo này cần y thì đưa cho vị ấy may thành y thọ trì", nói xong vị sứ trở lại nói với Tỳ-kheo: "Tôi đã đưa tiền cho người chấp sự, Đại-đức khi nào cần y thì đến đó lấy". Khi Tỳ-kheo này cần y thì nên đến chỗ người chấp sự nói là tôi cần y, như thế đến hai, Ba-lần; nếu đòi được y thì tốt, nếu không được thì nên đến trước người chấp sự đứng yên lặng nhắc, như thế đến bốn, năm, sáu lần; nếu đòi được y thì tốt, nếu không được y mà cố nài cho được y thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề. Nếu không đòi được đi nên tự đi hay sai sứ đến chỗ người trước kia đưa tiền y đến nói rằng: "Số tiền y mà ông đưa cho người chấp sự trước kia, tôi không lấy được y, ông nên tự biết đòi lại tiến, chớ để cho mất".

Vì Tỳ-kheo là vì Bạt-nan-đà; Vua là thuộc dòng Sát-đế-lỵ thọ chức vua, cũng gọi là quốc chủ, cũng gọi là thủy quán đảnh; Đại-thần là quan hưởng bổng lộc; Bà-la-môn là thuộc dòng Bà-la-môn; cư sĩ là trừ ba hạng người trên, hàng bạch y thuộc dòng họ của giai cấp khác. Sứ bao gồm nam,

nữ, huỳnh môn và người hai căn; Y bao gồm các loại vải như gai, Súy-di-la, Khâm-bà-la… Số tiền y hoặc bằng vàng bạc, tiền… Nói may thành y thọ trì là hoặc y Tăng-già-lê, Uất-đa-la-tăng hay An-đà-hội. Sứ nói với người chấp sự: Hãy cất giữ tiền này mua vải như thế như thế là nói mua vải với giá như thế, sắc như thế, lượng như thế. Sứ nói tôi đã nói với người chấp sự rồi là tự miệng sứ nói hay nhờ người khác nói. Tỳ-kheo khi nào cần y thì đến chỗ người chấp sự đòi là ba phen được nói tôi cần y, nếu Ba-lần nói mà được y thì tốt, nếu không được y thì lần thứ tư, năm, sáu đứng yên lặng trước người chấp sự để nhắc hoặc ở chỗ làm việc, hoặc chỗ sản nghiệp, ở nhà riêng hoặc cửa hàng… Nói chỗ làm việc là chỗ rèn sắt, chỗ làm đồ gỗ, chỗ làm đồ gốm… nếu người chấp sự đứng ở đây thì Tỳ-kheo đến trước mặt yên lặng nhắc. Nói chỗ sản nghiệp là chỗ trồng trọt, chỗ mua bán, chỗ sản xuất vật phẩm, chỗ tính toán tiền bạc… Nói chỗ cửa hàng là tiệm vàng, bạc… nếu người chấp sự ở những chỗ này, Tỳ-kheo nên đến trước mặt đứng yên lặng cho đến lần thứ sáu để nhắc. Nếu vẫn không được y thì nên nói cho chủ y biết, sau khi nói cho chủ y biết rồi nếu có nhân duyên đến những chỗ đó gặp người chấp sự, nếu người chấp sự hỏi cớ sao lại đến, nên nói là vì việc khác mà đến, nếu người chấp sự nói: "Thầy hãy cầm lấy giá tiền y này", Tỳ-kheo nên nói: "Tôi đã nói với chủ y rồi,

ông tự đến phân giải với chủ y", nếu người chấp sự nói: "Thầy cứ cầm lấy giá tiền y này, tôi sẽ đến phân giải với chủ y sau", lúc đó Tỳ-kheo lấy giá tiền y thì không phạm.

-oOo-

LUẬT THẬP TỤNG

QUYỂN 7

TỤNG THỨ HAI

IV- BA MƯƠI PHÁP NI TÁT KỲ BA DẬT ĐỀ (Tiếp Theo):

11. Giới Dùng Kiều-thi-Na-Làm Phu Cụ Mới:

Phật tại nước Câu-diệm-di, lúc đó các Tỳ-kheo nước Câu-diệm-di may phu cụ mới bằng Kiều-thi-na, ở trong nước này tơ, lụa, vải, kén tơ đều mắc lại giết hại nhiều tằm. Do các Tỳ-kheo thường theo các cư sĩ xin tơ tằm, kén tơ, tự tay làm và cất chứa, nhiều việc bề bộn nên phế bỏ việc tụng kinh ngồi thiền hành đạo. Các cư sĩ liền quở trách: "Sa-môn Thích tử tự nói là lành tốt có đạo đức mà lại dùng Kiều-thi-Na-làm phu cụ mới, ở trong nước tơ lụa kén tơ đều mắc lại giết nhiều tằm, các Tỳ-kheo đi xin tơ lụa kén tơ tự làm và cất chứa, nhiều việc bề bộn nên phế bỏ việc tu hành. Chúng ta cúng dường cho những người không biết đủ, khó cúng dường, không nhàm đủ này là mất lợi". Có Tỳ-kheo thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do

nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng rồi hỏi các Tỳ-kheo nước Câu-diệm-di: "Các thầy thật đã làm việc này phải không?" Đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo lại dùng Kiều-thi-Na-làm phu cụ mới, trong nước này tơ lụa kén tơ đều mắc lại giết nhiều tằm", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo dùng Kiều-thi-Na-làm phu cụ mới thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề là phu cụ này nên bỏ, tội Ba-dật-đề nên sám. Tướng phạm trong giới này là Tỳ-kheo dùng tơ lụa tự tay làm thành phu cụ mới thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề; dùng kén tơ tự tay se tơ làm thành phu cụ mới cũng phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề. Không phạm là nếu được phu cụ đã làm thành.

12. Giới Dùng Lông Dê Đen Làm Phu Cụ Mới:

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó Lục quần Tỳ-kheo dùng toàn lông dê đen làm phu cụ mới, trong nước này lông dê đen rất mắc, chỉ sợi và tấm giạ bằng lông dê đen cũng rất mắc. Các Tỳ-kheo lại thường theo cư sĩ xin lông dê đen khiến các cư sĩ quở trách: "Sa-môn Thích tử tự nói lành tốt có đạo đức lại dùng toàn lông dê đen làm phu cụ mới, trong nước

này lông dê rất mắc, chị sợi và tấm giạ bằng lông dê đen cũng rất mắc. Các Tỳ-kheo lo làm phu cụ mới nên phế bỏ việc tu thiền hành đạo". Có Tỳ-kheo thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng rồi hỏi Lục quần Tỳ-kheo: "Các thầy thật đã làm việc này phải không?" Đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo lại dùng toàn lông dê đen làm phu cụ mới, tự tay làm nhiều việc bề bộn nên phế bỏ việc hành đạo", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo dùng toàn lông dê đen làm phu cụ mới thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

Lông dê đen có bốn loại: Loại đen sẵn, từ màu lam nhuộm thành đen, từ bùn nhuộm thành đen, từ vỏ cây nhuộm thành đen. Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề là phu cụ này nên bỏ, tội Ba-dật-đề nên sám. Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo dùng toàn lông dê đen sẵn tự làm phu cụ mới thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề; dùng lông dê nhuộm đen từ màu lam hoặc từ bùn hoặc từ vỏ cây, tự kéo se và cất chứa để làm phu cụ mới đều phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề; cho đến dùng chỉ sợi hay giạ bằng lông dê đen để làm phu cụ mới cũng phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề. Không phạm là làm cho tháp, cho Tăng hay được

phu cụ đã làm thành thì không phạm.

13. Giới Dùng Lông Dê Trắng Xen Với Lông Dê Đen Làm Phu Cụ Mới:

Phật tại thành Vương xá, lúc đó Lục quần Tỳ-kheo suy nghĩ: "Phật kết giới không cho dùng toàn lông dê đen làm phu cụ mới, vậy ta nên dùng ít lông dê trắng xen với lông dê đen để làm phu cụ mới". Có Tỳ-kheo thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng rồi hỏi Lục quần Tỳ-kheo: "Các thầy thật đã làm việc này phải không?" Đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách:

"Tại sao gọi là Tỳ-kheo lại khởi niệm muốn dùng một ít lông dê trắng xen với lông dê đen để làm phu cụ mới", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo làm phu cụ mới nên dùng hai phần đen, phần thứ ba trắng, phần thứ bốn xám. Nếu không dùng như thế thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

Lông đen có bốn loại như trong giới trên đã nói; lông trắng là lông ở xương sống, hông ngực và ở cổ; lông xám là lông ở đầu, ở bụng, ở chân. Nếu làm phu cụ bốn mươi Ba là (một Ba là là bốn lạng) thì nên dùng hai mươi Ba là lông toàn đen, mười

Ba là lông trắng và mười Ba là lông xám. Tướng phạm trong giới này là Tỳ-kheo lấy lông dê toàn đen quá hai mươi Ba là cho đến một lạng để làm phu cụ mới thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề; nếu dùng lông dê trắng quá mười Ba là cho đến một lạng để làm phu cụ mới thì phạm Đột-kiết-la; nếu dùng lông xám không tới mười Ba là cho đến một lạng để làm phu cụ mới thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề. Không phạm là dùng toàn lông xám hay dùng lông xám nhiều.

14. Giới Chưa Đủ Sáu Năm Làm Phu Cụ Mới:

Phật tại thành Vương xá, lúc đó Lục quần Tỳ-kheo cất chứa nhiều phu cụ rồi nói: "Cái này quá dày, cái này quá mỏng, cái này quá lớn, cái này quá nhỏ…", do cất chứa nhiều không dùng tới nên bị hư mục. Có Tỳ-kheo thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng rồi hỏi Lục quần Tỳ-kheo: "Các Thầy thật đã làm việc này phải không?" Đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo lại cất chứa nhiều phu cụ rồi nói: Cái này quá dày, cái này quá mỏng, cái này quá lớn, cái này quá nhỏ…, do cất chứa nhiều không dùng tới nên bị hư mục", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo,

từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo muốn làm phu cụ mới thì phu cụ cũ phải được dùng đủ sáu năm, chưa đủ sáu năm mà xả phu cụ cũ hay không xả mà liền làm phu cụ mới thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề, trừ Tăng yết ma.

Tăng yết ma là nếu Tỳ-kheo có phu cụ quá dày hay quá mỏng hay quá lớn, quá nhỏ…, muốn làm phu cụ mới nên ở trong Tăng, lúc Tăng nhất tâm hòa hợp chắp tay bạch rằng:

Tôi Tỳ-kheo ..... có phu cụ cũ quá dày hoặc quá mỏng, quá lớn, quá nhỏ… muốn làm phu cụ mới. Nay theo Tăng xin được làm phu cụ mới (3 lần).

Lúc đó Tăng nên trù lượng: Nếu nói quá dày mà thật không có dày, nói quá mỏng mà thật không có mỏng… cho đến nói quá nhỏ mà thật không có nhỏ thì không nên yết ma cho làm phu cụ mới; ngược lại nếu thật là quá dày hay thật quá mỏng cho đến thật là quá nhỏ… thì Tăng nên yết ma cho làm phu cụ mới. Lúc đó một Tỳ-kheo trong Tăng tác bạch yết ma như sau:

Đại-đức Tăng lắng nghe, phu cụ của-Tỳ-kheo ..... quá dày (quá mỏng, quá lớn, quá nhỏ…) bị hư rách không thể khâu vá được, nay theo Tăng xin yết ma làm phu cụ mới. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng thuận cho Tỳ-kheo ..... yết ma làm phu cụ mới. Bạch như vậy.

Như thế Bạch-nhị-yết-ma cho đến câu Tăng cho Tỳ-kheo ..... yết ma làm phu cụ mới rồi, Tăng chấp thuận vì yên lặng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo tùy năm nào làm phu cụ rồi, ngay trong năm đó cho đến hai, ba, bốn, năm, sáu năm sau lại làm phu cụ mới, khi làm phạm Đột-kiết-la, làm xong thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề. Nếu Tỳ-kheo tùy năm nào làm phu cụ rồi, ngay trong năm đó cho đến hai, ba, bốn, năm, sáu năm sau xả phu cụ cũ để làm phu cụ mới, khi làm phạm Đột-kiết-la, làm xong thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề. Nếu Tỳ-kheo tùy năm nào làm phu cụ rồi, ngay trong năm đó cho đến hai, ba, bốn, năm, sáu năm sau không xả phu cụ cũ mà làm phu cụ mới, khi làm phạm Đột-kiết-la, làm xong thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề. Nếu Tỳ-kheo tùy năm nào làm phu cụ rồi, ngay trong năm đó cho đến hai, ba, bốn, năm, sáu năm sau dù xả hay không xả phu cụ cũ mà làm phu cụ mới, khi làm phạm Đột-kiết-la, làm xong thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề. Nếu Tỳ-kheo tùy năm nào làm phu cụ rồi, ngay trong năm đó làm phu cụ mới chưa thành mà để đó, đến năm thứ hai mới làm xong thì Tỳ-kheo này khi bắt đầu làm phu cụ mới liền phạm Đột-kiết-la, khi làm xong phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề. Nếu Tỳ-kheo tùy năm nào làm phu cụ rồi, hai, ba, bốn, năm, sáu năm sau lại làm phu cụ mới chưa

xong liền để đó, đến năm thứ bảy mới xong thì khi bắt đầu làm liền phạm Đột-kiết-la, làm xong không phạm. Tỳ-kheo đủ sáu năm làm phu cụ mới xong, phu cụ cũ nên cho người hay tác tịnh, nếu chưa đủ sáu năm dù xả hay không xả phu cụ cũ mà làm phu cụ mới thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

15. Giới Không Làm Cho Phu Cụ Mới Hoại Sắc:

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó có một cư sĩ thỉnh Phật và Tăng ngày mai đến nhà thọ thực, Phật im lặng nhận lời, cư sĩ biết Phật nhận lời liền đảnh lễ Phật rồi ra về. Suốt đêm đó lo liệu đầy đủ thức ăn uống thanh tịnh thơm ngon, sáng hôm sau sai sứ đến bạch Phật thời đến, các Tỳ-kheo liền đến nhà cư sĩ thọ thực còn Phật ở lại trong phòng thọ thức ăn mang đến. Pháp thường của Phật là khi Tăng đi thọ thỉnh mà Phật không đi thì Phật sẽ đi xem xét các tăng phòng, lúc đó Phật đi đến một phòng thấy trong phòng bỏ phu cụ cũ ngổn ngang, Phật nhìn thấy rồi suy nghĩ: "Có nhiều người bỏ phu cụ cũ không dùng, các Bà-la-môn, cư sĩ đã ra sức cúng dường để cầu phước, nếu Tỳ-kheo thọ ít thì tốt. Do nhân duyên này ta bảo các Tỳ-kheo dùng lại phu cụ cũ để cho thí chủ được phước thọ dụng. Ta nên chế cho các Tỳ-kheo khi làm phu cụ mới nên dùng phu cụ cũ làm viền chừng một gang tay của Tu-già-đà để làm cho hoại sắc, nhờ nhơn duyên này

dùng lại phu cụ cũ để cho thí chủ được phước thọ dụng", nghĩ rồi Phật trở về phòng. Lúc đó ở nhà cư sĩ, các Tỳ-kheo đã thọ thực xong, vị Thượng tòa thuyết pháp cho cư sĩ nghe rồi ra về. Về đến trú xứ các Tỳ-kheo đến đảnh lễ Phật rồi ngồi một bên, Phật liền hỏi thăm ăn có ngon không, có được no đủ không; các Tỳ-kheo đáp là ăn rất ngon và rất no đủ. Lúc đó Phật bảo các Tỳ-kheo: "Khi các Tỳ-kheo đến nhà cư sĩ thọ thực, ta cầm chìa khóa đi xem xét các phòng, đi đến một phòng thấy trong phòng bỏ phu cụ cũ ngổn ngang, ta nhìn thấy rồi suy nghĩ: "Có nhiều người bỏ phu cụ cũ không dùng, các Bà-la-môn, cư sĩ đã ra sức cúng dường để cầu phước, nếu Tỳ-kheo thọ ít thì tốt. Do nhân duyên này ta bảo các Tỳ-kheo dùng lại phu cụ cũ để cho thí chủ được phước thọ dụng. Ta nên chế cho các Tỳ-kheo khi làm phu cụ mới nên dùng phu cụ cũ làm viền chừng một gang tay của Tu-già-đà để làm cho hoại sắc, nhờ nhơn duyên này dùng lại phu cụ cũ để cho thí chủ được phước thọ dụng". Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo làm phu cụ mới nên dùng phu cụ cũ làm viền chừng một gang tay của Tu-già-đà để cho hoại sắc. Nếu không làm như thế thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo muốn làm phu cụ mới nên lấy phu cụ cũ làm viền

chừng một gang tay của Tu-già-đà để cho hoại sắc, nếu làm như thế thì tốt, nếu không làm như thế thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề. Nếu dùng phu cụ cũ không tới một gang tay cho đến nửa tấc thì phạm Đột-kiết-la, nếu dùng phu cụ cũ hơn một gang tay Tu-già-đà thì không phạm hoặc dùng phu cụ cũ phủ khắp bề mặt của phu cụ mới cũng không phạm.

16. Giới Gánh Lông Dê Đi Quá Ba Do Tuần:

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó các Tỳ-kheo tháp tùng theo các thương nhơn du hành đến từ nước Kiều-tát-la đến nước Xá-vệ. Các thương nhơn này chở lông dê đầy xe, khi đi đến giữa đường thì trục xe của một thương nhơn bị gãy, chân con bò cũng bị thương, thương nhơn này nói với các thương nhơn khác rằng: "Mỗi người nên chở giúp một ít lông dê này của tôi, chớ để cho mất", các thương nhơn nói: "Xe của chúng tôi đều đã đầy và rất nặng, nếu chở thêm e xe cũng bị gãy trục và cũng bị mất luôn", nói rồi cùng bỏ đi. Thương nhơn này đứng bên xe với dáng vẻ ưu sầu, lúc đó các Tỳ-kheo đi đến sau vì hai lý do: Một là sợ bụi dính đầy người, hai là không thích nghe tiếng xe. Thương nhơn này thấy các Tỳ-kheo đi đến vui mừng suy nghĩ: "Số lông dê này không bị mất, ta nên đem bố thí cho các Tỳ-kheo", nghĩ rồi liền nói với các Tỳ-kheo: "Xin hãy nhóm lại một chỗ, tôi xin cúng

dường số lông dê này cho chúng tăng", thương nhơn cúng dường xong liền bỏ đi. Các Tỳ-kheo mỗi người đều có một phần lông dê, người thì gánh trên vai, người thì đội trên lưng, người thì cầm trên tay… khi đi đến một tụ lạc gặp các thương nhơn đi trước, các thương nhơn này thấy rồi liền quở trách: "Các thầy mua lông dê này từ đâu và muốn đem đến chỗ nào bán, bày bán ở đâu, có được lời hay không?" Lúc đó có Tỳ-kheo thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng rồi hỏi các Tỳ-kheo nước Câu-diệm-di: "Các thầy thật đã làm việc này phải không?" Đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo lại gánh lông dê đi quá ba do tuần", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo đi giữa đường được bố thí lông dê, Tỳ-kheo nào cần thì được nhận lấy mang đi cho đến ba do tuần, nếu không có người mang thay mà tự mang đi quá ba do tuần thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề. Nếu hai Tỳ-kheo thay nhau mang đi thì được đi đến sáu do tuần, ba-Tỳ-kheo thay nhau mang đi thì được đi đến chín do tuần, cứ như thế bốn Tỳ-kheo được đi đến mười hai do tuần, năm Tỳ-kheo được đi đến mười lăm do tuần, tùy nhiều hay ít người, mỗi người chỉ được mang đi đến ba

do tuần mà thôi.

Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo tự mang lông dê đi quá ba do tuần thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề; nếu bảo Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-na, Sa di, Sa-di-ni mang đi quá ba do tuần thì phạm Đột-kiết-la.

17. Giới Nhờ Tỳ-kheo-ni Không Phải Bà Con Giặt Nhuộm Lông Dê:

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó Ca-lưu-đà-di như trong giới trên có nói được một phần lông dê mang về đến trong tinh xá của-Tỳ-kheo-ni trong vườn vua, bảo các Tỳ-kheo-ni nhóm lại một chỗ rồi nói: "Các cô có thể kéo se lông dê rồi giặt nhuộm giùm tôi không ?" Ca-lưu-đà-di vốn có oai đức và thế lực nên các Tỳ-kheo-ni kính sợ không dám trái lời liền nói rằng: "Đại-đức hãy để đó rồi về đi", các Tỳ-kheo-ni lấy lông dê ra kéo se rồi giặt nhuộm nên màu nhuộm dính nơi tay. Khi Tỳ-kheo-ni Ma-ha-ba-xà-ba-đề Cù-đàm-di dẫn năm trăm Tỳ-kheo-ni đi đến đảnh lễ Phật rồi đứng một bên, Phật nhìn thấy tay của các Tỳ-kheo-ni dính sắc nhuộm, tuy biết rõ nguyên do vẫn hỏi Tỳ-kheo-ni Cù-đàm-di: "Cớ sao tay của các Tỳ-kheo-ni có sắc nhuộm?" Cù-đàm-di nói: "Thế tôn, sở cầu của chúng tôi thì khác mà việc làm lại khác", liền đem sự việc trên bạch Phật, Phật nghe rồi nói rằng: "Quả thật sở cầu của các cô thì khác mà việc làm lại khác", Phật liền

thuyết pháp chỉ dạy cho ni chúng được lợi hỉ rồi im lặng, ni chúng liền đảnh lễ Phật rồi ra về. Không lâu sau Phật do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng rồi hỏi Ca-lưu-đà-di: "Thầy thật đã làm việc này phải không?" Đáp: "Thật vậy thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo lại nhờ Tỳ-kheo-ni không phải bà con kéo se giặt nhuộm lông dê?" Quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo nhờ Tỳ-kheo-ni không phải bà con giặt nhuộm lông dê thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

Bà con là mẹ, chị em cho đến bảy đời.

Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo nói với Tỳ-kheo-ni không phải bà con rằng: "Kéo se giặt nhuộm lông dê này giùm tôi", khi Tỳ-kheo-ni giặt nhuộm thì Tỳ-kheo phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề; dù giặt giũ hay nhuộm giũ hay giặt nhuộm giũ cũng phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề. Nếu Tỳ-kheo nói với Tỳ-kheo-ni không phải bà con rằng: "Hãy giặt nhuộm lông dê giùm tôi chớ giũ", khi Tỳ-kheo-ni giặt nhuộm thì Tỳ-kheo phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề; dù giặt giũ hay nhuộm giũ hay giặt nhuộm giũ đều phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề. Nếu Tỳ-kheo nói với Tỳ-kheo-ni không phải bà con rằng: "Hãy giặt giũ lông dê giùm tôi chớ nhuộm", khi Tỳ-kheo-ni giặt giũ thì Tỳ-kheo phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề; dù giặt

nhuộm hay nhuộm giũ hay giặt nhuộm giũ đều phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề. Nếu Tỳ-kheo nói với Tỳ-kheo-ni không phải bà con rằng: "Hãy giặt lông dê giùm tôi chớ nhuộm hay giũ", khi Tỳ-kheo-ni giặt thì Tỳ-kheo phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề; dù giặt nhuộm hay giặt giũ hay nhuộm giũ hay giặt nhuộm giũ đều phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề. Nếu Tỳ-kheo nói với Tỳ-kheo-ni không phải bà con rằng: "Hãy nhuộm lông dê giùm tôi chớ giặt giũ", khi Tỳ-kheo-ni nhuộm thì Tỳ-kheo phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề; dù giặt hay giũ hay giặt nhuộm, giặt giũ, nhuộm giũ hay giặt nhuộm giũ đều phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề. Nếu Tỳ-kheo nói với Tỳ-kheo-ni không phải bà con rằng: "Hãy giũ lông dê giùm tôi chớ giặt nhuộm", khi Tỳ-kheo-ni giũ thì Tỳ-kheo phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề; dù giặt hay nhuộm, giặt giũ, giặt nhuộm, nhuộm giũ hay giặt nhuộm giũ đều phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

Nếu có Tỳ-kheo-ni không phải bà con mà tưởng là bà con; cho đến có Tỳ-kheo, Thức-xoa-ma-na, Sa di, Sa-di-ni, xuất gia, xuất gia ni không phải là bà con mà tưởng là bà con liền nhờ giặt nhuộm lông dê; khi họ giặt nhuộm thì Tỳ-kheo phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

Nếu có Tỳ-kheo-ni không phải là bà con mà nghi không biết có phải là bà con hay không; cho đến có Tỳ-kheo, Thức-xoa-ma-na, Sa di, Sa-di-ni, xuất gia, xuất gia ni không phải bà con mà nghi

không biết có phải là bà con hay không liền nhờ giặt nhuộm lông dê; khi họ giặt nhuộm liền phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

Nếu Tỳ-kheo có Tỳ-kheo-ni là bà con mà tưởng là không phải bà con; cho đến có Tỳ-kheo, Thức-xoa-ma-na, Sa di, Sa-di-ni, xuất gia, xuất gia ni là bà con mà tưởng là không phải bà con liền nhờ giặt nhuộm lông dê; khi họ giặt nhuộm thì Tỳ-kheo phạm Đột-kiết-la.

Nếu Tỳ-kheo có Tỳ-kheo-ni là bà con mà nghi không biết có phải là bà con hay không; cho đến có Tỳ-kheo, Thức-xoa-ma-na, Sa di, Sa-di-ni, xuất gia, xuất gia ni là bà con mà nghi không biết có phải là bà con hay không liền nhờ giặt nhuộm lông dê; khi họ giặt nhuộm thì Tỳ-kheo phạm Đột-kiết-la. Nếu Tỳ-kheo có Tỳ-kheo-ni là bà con hay không phải bà con, tưởng và nghi mà nhờ giặt nhuộm lông dê bất tịnh bao gồm các loại lông lạc đà, lông dê đen hay lông xen tạp đều phạm Đột-kiết-la; nếu thật là bà con thì không phạm.

18. Giới Tự Tay Cầm Vật Báu:

Phật tại thành Vương xá, lúc đó Lục quần Tỳ-kheo tự tay cầm vật báu nên bị các cư sĩ chê trách: "Sa-môn Thích tử tự nói lành tốt có đức, tại sao tự tay cầm vật báu như vua, Đại-thần", có Tỳ-kheo thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật,

Phật do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng rồi hỏi Lục quần Tỳ-kheo: "Các thầy thật đã làm việc này phải không?" Đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo lại tự tay cầm vật báu", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo tự tay cầm vật báu hay bảo người khác cầm đều phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

Vật báu là vàng bạc bao gồm hai loại làm thành hay chưa làm thành, có tướng hay không có tướng. Cầm có năm cách: Một là dùng tay nhận lấy từ tay của người khác, hai là dùng vạt áo nhận lấy từ vạt áo của người khác, Ba là dùng khí cụ nhận lấy từ khí cụ của người khác, bốn là nói: Hãy để vào đây, Năm là nói: Hãy đưa cho tịnh nhơn này.

Tướng phạm trong giới này là Tỳ-kheo cầm vật báu từ năm cách kể trên đều phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề; vật báu làm thành hay chưa làm thành, có tướng hay không có tướng nếu nhận từ tay của người khác đều phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề. Nếu Tỳ-kheo tự tay cầm tiền đồng, tiền kẽm, tiền chì, tiền bằng bạch lạp… thì phạm Đột-kiết-la. Phật nói: "Nếu Tỳ-kheo tự tay cầm vật báu ít thì nên bỏ; nếu nhiều và nếu có tịnh nhơn đồng tâm thì nên nói với người này rằng: "Đây là vật không thanh tịnh nên tôi được cầm lấy vật báu này, ông nên lấy cất giùm". Tịnh nhơn cầm lấy rồi nói với Tỳ-kheo:

"Vật này cho Tỳ-kheo", Tỳ-kheo nên nói: "Đây là vật không thanh tịnh, nếu tịnh thì tôi sẽ thọ". Nếu không có tịnh nhơn đồng tâm, Tỳ-kheo nên lấy vật báu này dùng làm ngọa cụ cho Tăng bốn phương. Tỳ-kheo nên vào trong Tăng bạch rằng:

Các Đại-đức, tôi tự tay cầm vật báu phạm Ba-dật-đề, tôi nay phát lồ không dám che dấu xin sám hối.

Tăng nên hỏi: "Thầy đã xả vật báu chưa?" Đáp là đã xả, Tăng nên hỏi: "Thầy có thấy tội không? Đáp là thấy tội, Tăng nên nói: "Thầy nên phát lồ sám hối tội này, sau không được tái phạm". Nếu nói là chưa xả vật báu thì Tăng bảo nên xả, nếu Tăng không bảo xả thì tất cả Tăng đều phạm Đột-kiết-la; nếu Tăng bảo xả mà Tỳ-kheo không chịu xả thì Tỳ-kheo phạm Đột-kiết-la; nếu còn trù lượng chưa quyết định thì không phạm".

19. Giới Dùng Vật Báu Mua Bán Các Việc:

Phật tại thành Vương xá, lúc đó Lục quần Tỳ-kheo lấy vật báu đã xả trước đó đem dùng vào các việc như xây cất phòng xá, thuê mướn người, mở cửa tiệm vàng, sắt, đồng, tiệm mài giũa ngọc, nuôi voi, ngựa, lạc đà, trâu, dê, nô tỳ… Vì thế có người cưỡng đoạt ruộng vườn của dân đem bán cho Tỳ-kheo, những người bị mất sản nghiệp liền chê trách Tỳ-kheo rằng: "Sa-môn Thích tử tự nói lành tốt có đức lại dùng vật báu vào việc mở cửa tiệm mua bán

như vua, Đại-thần không khác". Có Tỳ-kheo thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng rồi hỏi Lục quần Tỳ-kheo: "Các thầy thật đã làm việc này phải không?" Đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo lại dùng vật báu vào các việc mua bán", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo dùng vật báu vào đủ các việc mua bán thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

Dùng vào đủ các việc là dùng vật đã làm thành đổi lấy vật đã làm thành hay vật chưa làm thành, hoặc đổi cả vật làm thành và chưa làm thành; dùng vật chưa làm thành đổi lấy vật đã làm thành hay chưa làm thành, hoặc đổi cả vật làm thành và chưa làm thành. Dùng vật có tướng đổi lấy vật có tướng hay vật không có tướng, hoặc đổi cả vật có tướng và không có tướng; dùng vật không có tướng đổi lấy vật có tướng hay vật không có tướng, hoặc đổi cả vật có tướng và không có tướng.

Dùng có năm cách:

1. Nói lấy vật này như nói lấy vàng hay bạc.

2. Lấy từ trong này là lấy sô-ma hay kiều-xa-na.

3. Lấy ngần nầy là lấy khoảng năm mươi hay

một trăm.

4. Lấy từ người này là bao gồm nam, nữ, huỳnh môn và hai căn.

5. Mang đến mang đi, mua bán cũng như vậy.

Lại có năm cách cũng giống như năm cách trên, chỉ đổi chữ này thành chữ đó hoặc kia, tức là nói lấy vật đó (kia), lấy từ trong đó (kia), lấy ngần ấy, lấy từ người đó (kia), mang đến mang đi, mua bán cũng như vậy.

Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo lấy vật đã làm thành đổi lấy vật đã làm thành hay vật chưa làm thành hay đổi lấy cả vật đã thành và vật chưa thành đều phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề. Lấy vật chưa làm thành đổi lấy vật đã làm thành hay vật chưa làm thành hay đổi lấy cả vật đã thành và vật chưa thành đều phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề. Lấy vật có tướng đổi lấy vật có tướng hay vật không có tướng hay cả vật có tướng và vật không tướng đều phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề. Lấy vật không tướng đổi lấy vật có tướng hay vật không tướng hay đổi lấy cả vật có tướng và không tướng đều phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề. Nếu nói hãy lấy vật này… trong năm cách kể trên đều phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề; Nếu nói hãy lấy vật kia… trong năm cách kể trên cũng đều phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề. Nếu Tỳ-kheo dùng tiền đồng, tiền kẽm, tiền chì… vào đủ các việc kể trên đều phạm Đột-kiết-la. Nếu Tỳ-kheo

dùng vật báu vào đủ các việc kể trên, nếu ít thì nên xả, nếu nhiều và có được tịnh nhơn đồng tâm thì nên nói với tịnh nhơn rằng: "Đây là vật bất tịnh nên tôi không được lấy cất, ông nên lấy cất giùm", tịnh nhơn lấy vật rồi nói với Tỳ-kheo rằng: "Vật này cho Tỳ-kheo", Tỳ-kheo nên nói: "Đây là vật bất tịnh, nếu tịnh tôi sẽ thọ". Nếu không có được tịnh nhơn đồng tâm nên đem vật báu dùng làm ngọa cụ cho Tăng bốn phương rồi vào trong Tăng bạch rằng: "Các Đại-đức, tôi đã dùng vật báu vào đủ các việc, nay phát lồ không dám che dấu, xin sám hối", Tăng nên hỏi: "Thầy đã xả vật chưa?" Đáp là đã xả, Tăng nên hỏi: "Thầy có thấy tội không?" Đáp là thấy tội, Tăng nên nói: "Thầy nên phát lồ sám hối tội này, sau không được tái phạm". Nếu nói chưa xả, Tăng nên bảo xả, nếu Tăng không bảo xả thì tất cả Tăng phạm Đột-kiết-la; nếu Tăng bảo xả mà không xả thì Tỳ-kheo này phạm Đột-kiết-la, nếu còn trù lượng chưa quyết thì không phạm.

20. Giới Đủ Cách Mua Bán:

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó có một Phạm chí mặc áo Khâm-bà-la nhuộm Súy-di-lâu là người quen biết trước kia với Bạt-nan-đà, Bạt-nan-đà từ xa thấy Phạm chí mặc áo này đi đến liền khởi tâm ưa thích. Sau khi hỏi thăm nhau về sức khỏe, Bạt-nan-đà liền nói với Phạm chí: "Áo Khâm-bà-la của ông rất đẹp, nếu ông có thể đổi cho tôi, tôi sẽ đưa

chiếc áo Khâm-bà-la thường này cho ông", Phạm chí nói: "Tôi đang cần dùng", Bạt-nan-đà nói: "Pháp Phạm chí của các ông là lõa hình không có đức, cần gì mặc y đẹp", Phạm chí nói: "Tôi cần dùng để nằm", Bạt-nan-đà nói: "Trước kia khi còn là bạch y chúng ta là bạn thân thiết, không có vật tốt đẹp nào là không cho ông; ông cũng vậy, không có vật tốt đẹp nào là không cho tôi. Nay ông đã xuất gia lại có tâm xẻn tham không như ngày xưa nữa hay sao?". Nghe Bạt-nan-đà trách như vậy nên Phạm chí cởi áo Khâm-bà-la đẹp của mình đưa cho Bạt-nan-đà, Bạt-nan-đà đưa lại áo Khâm-bà-la thường cho Phạm chí. Khi Phạm chí trở về tinh xá của mình, các Phạm chí khác trông thấy Phạm chí này mặc áo Khâm-bà-la thường liền hỏi: "Chiếc áo Khâm-bà-la đẹp của ông đâu rồi", đáp là đã đổi rồi, liền hỏi đổi với ai, đáp là đổi với Bạt-nan-đà, liền hỏi vì sai lại cùng trao đổi, đáp: "Trước kia khi còn là bạch y, chúng tôi vốn là bạn thân thiết nên mới đổi với nhau", các Phạm chí khác nói: "Ông bị Bạt-nan-đà gạt rồi", Phạm chí này nói: "Nếu gạt thì tại sao còn cùng trao đổi", các Phạm chí nói: "Áo Khâm-bà-la nhuộm Súy-di-lâu rất quý giá không phải áo Khâm-bà-la thường có thể sánh được", Phạm chí này nói: "Dù biết là quý giá thì tôi cũng đã đổi rồi", các Phạm chí khác nói: "Ông hãy mau đến đó đổi lại áo Khâm-bà-la nhuộm súy-di-lâu, chớ để chúng tôi lập mộc bảng trị tội ông". Phạm

chí này sợ bị trị tội nên vội chạy đến chỗ Bạt-nan-đà nói rằng: "Bạt-nan-đà hãy trả lại y Khâm-bà-la nhuộm Súy-di-lâu cho tôi, y Khâm-bà-la thường này tôi trả lại cho ông", Bạt-nan-đà nói là đã đổi với nhau rồi, Phạm chí nói: "Ông đã gạt tôi", Bạt-nan-đà nói: "Nếu có gạt đổi thì việc cũng đã quyết định rồi", Phạm chí nói: "Áo khâm-bà-la nhuộm Súy-di-lâu của tôi rất quý giá, không phải áo khâm-bà-la thường của ông sánh bằng được", Bạt-nan-đà nói: "quý hay không quý thì cũng đã đổi rồi", Phạm chí nói: "Các bạn đồng học của tôi nói nếu tôi không đổi lại được áo về thì sẽ lập mộc bảng trị tội tôi", Bạt-nan-đà nói: "Lập mộc bảng trị hay trị cách gì khác cũng không can gì đến tôi, việc trao đổi đã quyết định rồi thì tôi không trả lại". Phạm chí này đòi đổi lại không được, lúc đó những người không tin Phật pháp nghe rồi liền quở trách: "Sa-môn Thích tử tự nói lành tốt có đức, tại sao đã là người xuất gia lại đi lừa gạt người xuất gia khác"; những người tín kính Phật pháp thì lại quở trách rằng: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo mà lại còn đủ cách mua bán". Có Tỳ-kheo thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng rồi hỏi Bạt-nan-đà: "Thầy thật đã làm việc này phải không?" Đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo mà lại còn đủ cách mua bán", quở trách rồi bảo các

Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo đủ cách mua bán thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

Nói đủ cách mua bán là dùng vật tương tợ đổi lấy vật tương tợ hoặc dùng vật không tương tợ đổi lấy vật không tương tợ. Tương tợ là dùng bát đổi bát, dùng y đổi y, dùng thời dược đổi lấy thời dược, phi thời dược đổi lấy phi thời dược… Không tương tợ là dùng bát đổi y, dùng y đổi bát, dùng thời dược đổi lấy phi thời dược…

Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo vì lợi mua rồi mà không bán thì phạm Đột-kiết-la, nếu vì lợi cố ý bán mà không mua cũng Đột-kiết-la; nếu vì lợi cố ý mua rồi bán lại thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề, vật này nên xả. Nếu Tỳ-kheo dùng vàng mua bạc, dùng bạc mua vàng, dùng tiền mua thóc hay mua đồ vật khác có thể ăn được thì mỗi miếng nuốt vào miệng đều phạm Đột-kiết-la. Phật nói: "Từ nay nếu sau khi cùng nhau trao đổi vật, nếu người kia hối hận thì nên trả lại và lấy lại vật của mình". Lúc đó Lục quần Tỳ-kheo nghe Phật nói lời này rồi sau khi đổi y với người khác mặc nửa tháng làm cho hoại sắc liền đòi lại, người đổi trước kia không chịu trả lại, Lục quần liền cùng người kia tranh cải và đánh nhau. Các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật nói: "Nội trong bảy ngày hội hận thì trả lại, quá bảy ngày thì không nên

trả lại".

Lúc đó có người bán vải đem vải bán, Lục quần Tỳ-kheo đưa ít tiền đòi mua vải tốt, người bán vải nói: "Thầy cớ sao đưa ít tiền mà đòi tôi bán vải tốt, nếu người không biết giá vải sẽ chê vải của tôi và đòi giảm giá", Phật nói: "Không được giảm giá đòi bán y tốt, nếu giảm giá đòi bán vải tốt thì phạm Đột-kiết-la. Nếu thật sự cần mua vật này thì hãy suy nghĩ kỹ rồi nói: "Tôi chỉ có bao nhiêu đây muốn mua vật này", nói như thế cho đến Ba-lần mà người kia vẫn không chịu bán thì Tỳ-kheo nên tìm tịnh nhơn nhờ họ mua giùm. Nếu tịnh nhơn không biết giá thì Tỳ-kheo nên nói cho biết đã dùng ngần ấy tiền để hỏi mua, và dặn tịnh nhơn nên tính toán khi hỏi mua. Từ nay cho chúng tăng mua y, chưa nói đến Ba-lần thì được trả thêm giá", khi trả thêm giá Tỳ-kheo tâm hối nghĩ rằng: "Ta không có đoạt y của người chứ", Phật nói: "Nói Ba-lần chưa xong, trả thêm giá không phạm". Nếu Tỳ-kheo vì lợi dùng tiền đồng, tiền chì, tiền kẽm… đủ cách mua bán đều phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề. Tỳ-kheo đủ cách mua bán, nếu ít thì nên xả, nếu nhiều và có được tịnh nhơn đồng tâm thì nên nói với tịnh nhơn rằng: "Đây là vật bất tịnh nên tôi không được lấy cất, ông nên lấy cất giùm", tịnh nhơn lấy vật rồi nói với Tỳ-kheo rằng: "Vật này cho Tỳ-kheo" , Tỳ-kheo nên nói: "Đây là vật bất tịnh, nếu tịnh tôi sẽ thọ". Nếu không có được tịnh nhơn đồng tâm nên

đem vật báu dùng làm ngọa cụ cho Tăng bốn phương rồi vào trong Tăng bạch rằng: "Các Đại-đức, tôi đã đủ cách mua bán, nay phát lồ không dám che dấu, xin sám hối", Tăng nên hỏi: "Thầy đã xả vật chưa?" Đáp là đã xả, Tăng nên hỏi: "Thầy có thấy tội không?" Đáp là thấy tội, Tăng nên nói: "Thầy nên phát lồ sám hối tội này, sau không được tái phạm". Nếu nói chưa xả, Tăng nên bảo xả; nếu Tăng không bảo xả thì tất cả Tăng phạm Đột-kiết-la. Nếu vật này tầm thường đổi lấy vật kia quý giá tuy có lợi nhưng nếu không vì lợi thì không phạm.

21. Giới Chứa Bát Dư Quá Mười Ngày:

Phật tại thành Vương xá, lúc đó Lục quần Tỳ-kheo chứa cất nhiều bát sanh nhơ nhớp và hư bể không dùng đến. Có Tỳ-kheo thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền quở trách: "Tại sao cất chứa nhiều bát để đến hư bể không dùng", rồi đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng rồi hỏi Lục quần Tỳ-kheo: "Các thầy thật đã làm việc này phải không?" Đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo lại chứa nhiều bát dư sanh nhơ nhớp và hư bể không dùng đến", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo chứa bát dư được đến mười ngày,

chứa quá mười ngày thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

Bát có ba loại: Bát thượng là bát thọ được ba bát cơm, một bát canh và nửa bát canh thức ăn khác; bát hạ là bát thọ được một bát cơm, nửa bát canh, nửa bát canh thức ăn khác; bậc giữa của hai loại bát này là bát trung. Nếu lớn hơn bát thượng và nhỏ hơn bát hạ thì không gọi là bát, Tỳ-kheo cất dùng bát này thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề, bát này nên xả, tội Ba-dật-đề nên sám. Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo ngày thứ nhất được bát, ngày thứ hai nên xả; ngày thứ hai được bát, ngày thứ ba nên xả cứ như thế cho đến ngày thứ chín được bát, ngày thứ mười nên xả; ngày thứ mười được bát, ngay ngày thứ mười nên đem bát này cho người hay tác tịnh hay thọ trì. Nếu không cho người, không tác tịnh, không thọ trì đến ngày thứ mười một trời vừa sáng liền phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

Tỳ-kheo ngày thứ nhất được bát, ngày thứ hai lại được thì nên chứa một cái xả một cái; ngày thứ hai được bát, ngày thứ Ba lài được thì nên chứa một cái xả một cái cứ như thế cho đến ngày thứ chín được bát, ngày thứ mười lại được thì bát này ngay trong ngày thứ mười nên đem cho người hoặc tác tịnh hay thọ trì. Nếu không cho người, không tác tịnh cũng không thọ trì thì qua ngày thứ mười một, khi trời vừa sáng liền phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

Nếu Tỳ-kheo ngày thứ nhất được bát, ngày thứ hai lại được thì nên chứa cái sau xả cái trước; cứ như thế cho đến ngày thứ tám được bát, ngày thứ chín lại được thì nên chứa cái sau xả cái trước; ngày thứ chín được bát, ngày thứ mười lại được thì bát này ngay trong ngày thứ mười nên đem cho người hoặc tác tịnh hay thọ trì. Nếu không cho người, không tác tịnh cũng không thọ trì thì qua ngày thứ mười một, khi trời vừa sáng liền phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

Nếu Tỳ-kheo ngày thứ nhất được bát, ngày thứ hai lại được nên chứa cái trước xả cái sau; cứ như thế cho đến ngày thứ chín được bát, ngày thứ mười lại được thì ngay trong ngày thứ mười nên đem cho người hoặc tác tịnh hay thọ trì.

Nếu không cho người, không tác tịnh cũng không thọ trì thì qua ngày thứ mười một, khi trời vừa sáng liền phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

Nếu Tỳ-kheo ngày thứ nhất được bát, ngày thứ hai không được cho đến ngày thứ mười cũng không được thì bát này ngay trong ngày thứ mười nên đem cho người hoặc tác tịnh hay thọ trì. Nếu không cho người, không tác tịnh cũng không thọ trì thì qua ngày thứ mười một, khi trời vừa sáng liền phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề. Nếu Tỳ-kheo ngày thứ nhất được bát, ngày thứ hai lại được, cho đến ngày thứ mười đều được bát cất chứa thì ngay trong ngày thứ mười nên đem các bát dư này cho

người hoặc tác tịnh hay thọ trì. Nếu không cho người, không tác tịnh cũng không thọ trì thì qua ngày thứ mười một, khi trời vừa sáng liền phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

Nếu Tỳ-kheo có bát phạm Xả đọa chưa xả, tội chưa sám, thứ lớp nối nhau chưa dứt mà được bát nữa, thì bát được sau do tương tục với bát trước nên phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề. Nếu Tỳ-kheo có bát phạm Xả đọa đã xả nhưng tội chưa sám, thứ lớp nối nhau chưa dứt mà được bát nữa, thì bát được sau do tương tục với tâm trước nên phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề. Nếu Tỳ-kheo có bát phạm Xả đọa đã xả, tội cũng đã sám, thứ lớp nối nhau đã dứt; nếu được bát khác thì không phạm.

-oOo-

LUẬT THẬP TỤNG

QUYỂN 8

IV. BA MƯƠI PHÁP NI TÁT KỲ BA DẬT ĐỀ (Tiếp Theo):

22. Giới Xin Bát Mới:

Phật tại nước Xá-bà-đề, lúc đó Bạt-nan-đà cùng một thương nhơn đi vào trong chợ, thấy trong một cửa tiệm trưng bày cái bát sứ tròn đẹp liền sanh tâm ưa thích, nói với thương nhơn: "Ông xem cái bát đó thật tròn đẹp", thương nhơn cũng nói là rất tròn đẹp rồi hỏi: "Thầy có muốn cái bát ấy không?" Đáp là muốn. Thương nhơn liền vào trong tiệm mua bát đưa cho Bạt-nan-đà, Bạt-nan-đà được bát rồi liền ra khỏi thành Xá-vệ đến trong tinh xá Kỳ hoàn khoe với các Tỳ-kheo rằng: "Các Trưởng lão xem cái bát sứ này thật là tròn đẹp", các Tỳ-kheo nói: "Rất đẹp, thầy từ đâu có được?". Bạt-nan-đà đem sự việc trên kể lại cho các Tỳ-kheo nghe, các Tỳ-kheo hỏi: "Trước khi xin thầy có bát dùng hay không?" Đáp là đã có, các Tỳ-kheo hỏi: "Nếu trước đã có còn xin thêm làm gì?" Đáp: "Trước đã có nay xin thêm thì có hại gì". Có Tỳ-kheo thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không

vui liền quở trách: "Trước đã có bát rồi tại sao còn xin thêm bát mới", quở trách rồi đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng rồi hỏi Bạt-nan-đà: "Thầy thật đã làm việc này phải không?" Đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo trước đã có bát rồi còn xin thêm bát mới", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo bát đang dùng bị nứt bể vá chưa đến năm lần, lại xin bát mới vì tham tốt đẹp thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề. Bát này nên xả trong Tỳ-kheo tăng rồi lấy bát của người hạ thấp nhất trao cho Tỳ-kheo này, bảo rằng: "Thầy hãy cất chứa bát này dùng cho đến khi bể".

Bát đang dùng là bát trước đã dùng; bát có ba loại như trong giới trên. Chưa đến năm lần nứt là từ bốn, ba, hai, một lần. Vì tham tốt đẹp là Tỳ-kheo này không biết đủ, khó cúng dường. Bát này nên xả trong Tỳ-kheo tăng là bát này nên đựng đầy nước rồi đem đến trong Tăng hành bát, một Tỳ-kheo nên xướng rằng: "Các Trưởng lão nên nhóm để tác pháp bát đầy nước". Lúc đó các Tỳ-kheo nên bát của mình đang dùng đến nhóm, trong thời gian này các Tỳ-kheo không được thọ thêm bát khác, nếu thọ thêm bát khác thì phạm Đột-kiết-la. Tăng hòa hợp rồi yết ma sai người hành bát, một Tỳ-kheo trong tăng nói: "Trong các Trưởng lão ai có

thể hành bát, rót nước đầy bát?' Nếu có Tỳ-kheo nào nói có thể thì Tỳ-kheo này phải thành tựu năm thiện pháp là không tùy ái, không tùy sân, không tùy si, không tùy bố (sợ), biết là hành hay không hành; ngược với năm thiện pháp trên là năm ác pháp thì không nên sai làm người hành bát. một Tỳ-kheo trong Tăng tác pháp yết ma sai như sau:

Đại-đức Tăng lắng nghe, Tỳ-kheo ..... có thể làm người hành bát. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận cho Tỳ-kheo..... làm người hành bát. Bạch như vậy.

Như thế Bạch-nhị-yết-ma cho đến câu: Tăng nay cho Tỳ-kheo..... làm người hành bát xong rồi, Tăng chấp thuận vì im lặng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

Nếu Tỳ-kheo làm người hành bát nên rót nước đầy bát, ban đầu nên đến trước vị thương tòa thứ nhất hỏi: "Thượng tòa có cần bát này không?" Nếu Thượng tòa nói cần thì nên trao bát này cho Thượng tòa rồi lấy bát của Thượng tòa đưa đến Thượng tòa thứ hai hỏi: "Thượng tòa có cần bát này không?" Nếu nói cần thì nên đưa cho rồi lấy bát của Thượng tòa thứ hai đưa đến Thượng tòa thứ ba hỏi như trên. Nếu khi đang hỏi mà Thượng tòa thứ một hối tiếc muốn đòi lại bát của mình thì như Phật dạy là không nên cho, nếu Thượng tòa miễn cưỡng đoạt lại thì nên bảo Thượng tòa này sám Đột-kiết-la. Nếu bát này thượng tọa thứ nhất

không lấy thì nên theo thứ lớp đi cùng khắp, cuối cùng không có ai chịu lấy bát đầy nước này thì nên đưa lại cho Tỳ-kheo kia; nếu có người chịu lấy bát này thì nên lấy bát của người đó theo thứ lớp đưa bát như trên; cuối cùng không có ai chịu lấy thì nên đưa bát này đến cho Tỳ-kheo kia bảo rằng: "Thầy hãy cất bát này dùng cho đến khi bể, chớ để bát ở dưới đất, chớ để trên đá, chớ để ở chỗ cao, chớ để chỗ bị dột, không được mang bát đến chỗ đại tiểu tiện, nhà tắm… không được cố ý làm bể, không được dùng bát để rửa mặt rửa tay, phải cất giữ cẩn thận. Chớ vì nhân duyên bể bát mà đi tìm cầu, bỏ phế việc tọa thiền tụng kinh hành đạo".

Tướng phạm trong giới này là nếu bát của-Tỳ-kheo chưa bể thì không được xin bát mới, nếu xin được thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề, không được thì phạm Đột-kiết-la. Nếu bát của-Tỳ-kheo chỉ nứt có một lằn, dù trám hay chưa trám cũng không được xin bát mới, như thế cho đến hai, ba, bốn lằn nứt cũng vậy đều không được xin bát mới, nếu xin được thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề, xin không được thì phạm Đột-kiết-la. Nếu bát nứt năm lằn, dù có trám hay chưa trám cũng được xin bát mới, xin được hay không đều không phạm.

23. Giới Tự Xin Chỉ Sợi Rồi Bảo Nhờ Thợ Dệt Không Phải Bà Con Dệt Y:

Phật tại thành Vương xá, lúc đó lục quần Tỳ-

kheo tự xin chỉ sợi mang đến chỗ nhà giàu bảo rằng: "Chủ tụ lạc hãy bảo thợ dệt dệt y cho tôi", chủ nhà giàu này liền bảo thợ dệt: "Hãy dệt y cho Tỳ-kheo này, ta sẽ trả tiền cho ông". Người thợ dệt đối với chủ nhà giàu này vì kính sợ nên không dám trái lời, nhưng khi dệt nổi sân trách mắng rằng: "Sa-môn Thích tử tự nói lành tốt có đức, lại nương thế lực nhà giàu bảo ta dệt không công, khiến ta không có tiền, không có cơm ăn cũng không có phước phần. Chúng ta suy não bất lợi vì gặp phải người không có thiểu dục tri túc khó cúng dường này". Có Tỳ-kheo thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng rồi hỏi Lục quần Tỳ-kheo: "Các thầy thật đã làm việc này phải không?" Đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo lại tự xin chỉ sợi rồi bảo thợ dệt không phải là bà con dệt y", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo tự xin chỉ sợi bảo thợ dệt không phải là bà con dệt y thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

Tự xin là xin được năm mươi Ba là hay một trăm Ba là cho đến một lạng; Chỉ sợi là sợi gai, sợi lông, chỉ sô-ma, kiếp-bối… Không phải bà con là ngoại trừ cha mẹ anh chị em con cái liên quan trong bảy đời ra; Thợ dệt bao gồm nam, nữ, huỳnh môn,

người và hai căn.

Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo theo bà con xin chỉ sợi hay bảo bà con dệt đều không phạm; tự dệt thì phạm Đột-kiết-la; cho đến bảo Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-na, Sa di, Sa-di-ni dệt là bà con đều phạm Đột-kiết-la. Nếu Tỳ-kheo theo bà con xin chỉ sợi thì không phạm, nhưng bảo thợ dệt không phải bà con dệt thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề; tự dệt hay bảo Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-na, Sa di, Sa-di-ni dệt đều phạm Đột-kiết-la. Nếu Tỳ-kheo theo bà con xin chỉ sợi thì không phạm; bảo thợ dệt nếu là bà con dệt thì không phạm, nếu không phải là bà con thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề; tự dệt hay bảo Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-na, Sa di, Sa-di-ni dệt đều phạm Đột-kiết-la

Nếu Tỳ-kheo theo người không phải bà con xin chỉ sợi thì phạm Đột-kiết-la, bảo thợ dệt không phải bà con dệt thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề; tự dệt hay bảo Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-na, Sa di, Sa-di-ni dệt đều phạm Đột-kiết-la. Nếu Tỳ-kheo theo người không phải bà con xin chỉ sợi thì phạm Đột-kiết-la, bảo thợ dệt là bà con dệt thì không phạm; tự dệt hay bảo Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-na, Sa di, Sa-di-ni dệt đều phạm Đột-kiết-la. Nếu Tỳ-kheo theo người không phải bà con xin chỉ sợi thì phạm Đột-kiết-la; bảo thợ dệt nếu không phải là bà con thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-

dật-đề, nếu là bà con thì không phạm; tự dệt hay bảo Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-na, Sa di, Sa-di-ni dệt đều phạm Đột-kiết-la.

Nếu Tỳ-kheo theo người xin chỉ sợi là bà con thì không phạm, nếu không phải bà con thì phạm Đột-kiết-la; bảo thợ dệt dệt y nếu là bà con thì không phạm, nếu không phải là bà con thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề; tự dệt hay bảo Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-na, Sa di, Sa-di-ni dệt đều phạm Đột-kiết-la. Không phạm là dệt một Ba là hay dệt dây thiền, dây lưng hay một, hai lần đưa thoi thì không phạm.

24. Giới Bảo Thợ Dệt Không Phải Bà Con Dệt Y:

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó có một cư sĩ bảo thợ dệt dệt y cho Bạt-nan-đà, Bạt-nan-đà nghe biết việc này liền đến chỗ người thợ dệt nói rằng: "Ông biết không, y này là dệt cho ta, ông hãy dệt cho đẹp, rộng, dày và bền chắc, ta sẽ trả thêm cho ông ít nhiều hoặc thức ăn, tợ thức ăn hay bằng giá tiền bữa ăn", thợ dệt nói: "Đại-đức, chúng tôi làm việc này là vì muốn được lợi, nếu thầy cho tôi nhiều lợi ích, tôi sẽ dệt đẹp rộng dày và bền chắc cho thầy", Bạt-nan-đà bằng lòng. Người thợ dệt vì dệt cho đẹp rộng dày bền chắc theo ý của Bạt-nan-đà nên tốn rất nhiều chỉ sợi, cư sĩ liền hỏi thợ dệt: "Tại sao lại dùng quá nhiều chỉ sợi như vậy?" Thợ dệt nói: "Tôi

không lấy bớt cũng không lấy trộm, khi nào dệt xong ông sẽ thấy đây là chiếc y đẹp, rộng, dày và bền chắc nên mới tốn nhiều chỉ sợi như thế", cư sĩ hỏi: "Ai bảo ông dệt như thế?", Đáp là Thích tử Bạt-nan-đà, cư sĩ nói: "Nếu vậy thì ông cứ dệt đẹp như thế". Giá tiền mà cư sĩ lo liệu trước đó không đủ, phải trả thêm gấp hai, Ba-lần mới đủ để dệt thành y cho Bạt-nan-đà nên cư sĩ nổi giận quở trách rằng "Sa-môn Thích tử tự nói lành tốt có đức, tại sao lại đòi hỏi quá nhiều, không biết thời, không biết nhàm đủ, không biết trù lượng. Nếu người thí không biết lượng thì người thọ cũng nên biết lượng. Giá tiền mà ta chuẩn bị trước đó nay phải trả thêm gấp hai, Ba-lần số tiền mới đủ dệt thành y. Đây là lỗi của ta khiến ta phiền não không có lợi ích gì, tại sao ta lại cúng dường cho người không biết đủ, khó nuôi không biết nhàm đủ như thế". Lúc đó có Tỳ-kheo thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này, tâm không vui quở trách rồi đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm Tỳ-kheo tăng rồi hỏi Bạt-nan-đà: "Thầy thật đã làm việc này phải không?" Đáp: "Thật vậy thưa Thế tôn", Phật liền quở trách rằng: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo lại ở chỗ cư sĩ không phải bà con khởi tưởng là đồng ý", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo có cư sĩ, vợ cư sĩ bảo thợ dệt dệt

y cho Tỳ-kheo, Tỳ-kheo này trước không được thỉnh tùy ý liền đến nói với thợ dệt rằng: "Ông biết không, y này là dệt cho ta, ông hãy dệt cho đẹp, rộng, dày và bền chắc, ta sẽ trả thêm ít nhiều cho ông". Tỳ-kheo này tự nói hay bảo người nói, thời gian sau nếu cho thức ăn hay giá tiền bằng một bữa ăn, vì muốn tốt nên phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

Dệt cho Tỳ-kheo là chỉ cho Bạt-nan-đà; Cư sĩ, vợ cư sĩ là nam và nữ bạch y; thợ dệt là bao gồm nam, nữ, huỳnh môn, người và hai căn; Y là bao gồm các loại y bằng gai, Súy-di-la, sô-ma, kiều xà na, khâm-bà-la, kiếp-bối…. Trước không được thỉnh tùy ý là trước đó cư sĩ không có nói: Nếu cần gì cứ đến nói; khởi đồng ý là tin cư sĩ này dù tôi cần gì đến nói với thợ dệt cũng không nổi sân. Cho thức ăn hay tợ thức ăn là bao gồm năm loại thức ăn như cơm, bún khô, bánh, cá và thịt; năm loại tợ thức ăn như nếp, gạo, ngô bắp, rau cải và già sư. Giá tiền bằng một bữa ăn là giá tiền có thể mua được thức ăn.

Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo đến chỗ thợ dệt nói: "Y này là dệt cho ta, ông hãy dệt cho đẹp, ta sẽ trả thêm ít nhiều cho ông" thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề; nếu nói dệt cho rộng sẽ trả thêm ít nhiều cũng phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề; nếu nói dệt cho đẹp hay dệt cho rộng hay nói dệt cho đẹp và rộng sẽ trả thêm ít nhiều cho ông đều phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề. Nếu Tỳ-kheo đến chỗ thợ dệt

nói rằng: "Y này là dệt cho ta, ông chớ dệt đẹp, ta sẽ trả thêm ít nhiều cho ông" thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề; nếu nói chớ dệt rộng hay nói chớ dệt thật đẹp hay nói chớ dệt thật rộng hay nói chớ dệt đẹp và rộng sẽ trả thêm ít nhiều đều phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

Nếu Tỳ-kheo đến chỗ thợ dệt nói rằng: "Y này là dệt cho ta, ông có dệt đẹp ta cũng không trả thêm giá cho ông" thì phạm Đột-kiết-la; nếu nói dù có dệt rộng hay nói dù có dệt thật đẹp hay thật rộng hay nói dù có dệt đẹp và rộng ta đều sẽ không trả thêm giá thì phạm Đột-kiết-la. Nếu Tỳ-kheo tự có tiền bảo thợ dệt dệt thì không phạm.

25. Giới Đoạt Y Của-Tỳ-kheo Khác:

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó Bạt-nan-đà có đệ tử cùng hành tên là Đạt-ma, bản tánh thiện có đức, Bạt-nan-đà tạm cho mượn y cắt rọc để đắp. Vào tháng cuối của mùa hà sau khi tự tứ xong, Phật muốn du hành đến nước khác trong hai tháng, Bạt-nan-đà nghe tin này liền bảo Đạt-ma rằng: "Phật sắp du hành đến nước khác, ta muốn cùng con đi ở phía trước Phật, như thế chúng ta sẽ được nhiều y thực và ngọa cụ đầy đủ", Đạt-ma nói: "Không được, vì sao, vì con muốn theo Phật du hành để được thường thấy Phật, thường thấy Đại-đức Tỳ-kheo và để được nghe pháp", Bạt-nan-đà nói: "Con không muốn đi cùng ta phải không?" Đáp là không,

Bạt-nan-đà nói: "Nếu không đi thì trả y lại cho ta", đáp: "Y này hòa thượng đã cho con rồi", Bạt-nan-đà nói: "Ta không vì việc khác mà cho thầy, cho thầy là vì việc của ta, thầy thật không muốn đi phải không?" Đáp là không đi, Bạt-nan-đà liền đoạt y lại, người đệ tử này đứng trước Kỳ hoàn khóc. Phật thấy Đạt-ma liền hỏi vì sao khóc, Đạt-ma liền kể lại sự việc trên, Phật do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng rồi hỏi Bạt-nan-đà: "Thầy thật đã làm việc này phải không?" Đáp: "Thật vậy thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo đã cho Tỳ-kheo khác y rồi, sau vì sân giận liền đoạt lấy lại", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo đã cho Tỳ-kheo khác y rồi, sau vì sân giận nên đoạt lấy lại, nói rằng: "Hãy trả y lại đây, tôi không cho thầy nữa"; nếu đoạt được y thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

Tự đoạt là tự mình đoạt lại.

Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo cho Tỳ-kheo khác y rồi, sau vì sân giận nên đoạt lại, nếu đoạt lại được thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề; nếu đoạt lại không được thì phạm Đột-kiết-la. Tự dùng sức tranh giành lại được cũng phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề, không được thì phạm Đột-kiết-la; bảo người khác ra sức giành lấy lại được cũng phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề, không được thì phạm

Đột-kiết-la. Nếu vì muốn chiết phục người kia tạm thời đoạt lấy lại thì không phạm.

26. Giới Lìa Y Ngủ Quá Sáu Đêm:

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó Trưởng lão Tỳ-ha để y Tăng-già-lê trong rừng A-nan đà rồi đắp y thượng hạ vào thành khất thực, khi trở về tìm không thấy y Tăng-già-lê vì bị mất, liền đến nói cho các Tỳ-kheo biết y nói: "Tôi không biết phải làm sao", các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng rồi hỏi Tỳ-kheo Tỳ ha nguyên do, đủ lời khen ngợi hạnh tùy ở nơi nào y bát đều cùng theo nhau như sau: "Nếu Tỳ-kheo thiểu dục tri túc, y cốt để che thân, cơm ăn cốt để nuôi mạng sống, tùy ở nơi nào y bát thường cùng theo nhau thì người ấy thường được an lạc, như cánh chim bay đến đâu lông cánh cùng theo nhau; Tỳ-kheo cũng vậy, tùy ở nơi nào y bát cùng theo nhau thì thường được an lạc trụ". Phật đủ lời khen ngợi rồi bảo các Tỳ-kheo: Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo qua ba tháng chưa đến tháng tám chưa mãn hạ, nếu Tỳ-kheo A-lan-nhã sống ở A-lan-nhã nghi là có khủng bố, Tỳ-kheo này trong ba y tùy ý đắp một y ra ngoài giới. Vì có duyên sự cần ra ngoài giới thì được lìa y ngủ chừng sáu đêm, nếu lìa y ngủ quá sáu đêm thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-

đề.

Chưa mãn hạ là hậu an cư; A-lan-nhã là chỗ cách tụ lạc khoảng năm trăm cung, đối với nước Ma-già-đà là một Câu-lô-xá, đối với các nước phương bắc là nửa Câu-lô-xá. Nghi là nghi bị mất đồ vật; Có khủng bố là cho đến có Tỳ-kheo ác. Tùy trong ba y lấy một y nào là hoặc lấy y Tăng-già-lê, hoặc lấy y Uất-đa-la-tăng hoặc lấy y An-đà-hội. Sáu đêm không phạm là thời gian khai cho được lìa y. Qua ba tháng là mùa hạ có bốn tháng tuy đã qua ba tháng nhưng người hậu an cư chưa đủ ngày, nên nói là chưa đến tháng tám chưa mãn hạ.

Tướng phạm trong giới này là Tỳ-kheo vào đêm thứ sáu nên trở về lấy y hay đến chỗ y hay thọ y khác; nếu không đến lấy y, không đến chỗ y hay không thọ y khác thì qua đêm thứ bảy trời vừa sáng liền phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

27. Giới Thọ Y Cấp Thí:

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó các thương nhơn đi đến các tụ lạc buôn bán để kiếm lời, giữa đường thấy một Tăng phường thanh vắng cách xa tụ lạc. Khi vào trong thấy ít Tỳ-kheo tăng liền hỏi nguyên do, Tỳ-kheo nói: "Vì ở đây không có đàn việt cung cấp y thực thuốc thang nên ít Tỳ-kheo tăng", thương nhơn nói: "Chúng tôi muốn tu sửa lại chỗ này và cung cấp y thực thuốc thang", nói rồi liền để lại y thực thuốc thang cho các Tỳ-kheo rồi đi

đến nơi khác. Các Tỳ-kheo này vào tháng đầu của mùa hạ cùng chia nhau những y thực thuốc thang này rồi đến chỗ khác an cư. Các thương nhơn sau khi buôn bán được lời xong trở về ghé lại Tăng phường mà mình đã cúng dường, nghĩ rằng: "Đây là chỗ chúng ta cúng dường, nên vào xem nay đã có bao nhiêu người an cư, nếu có thiếu y thực chúng ta sẽ cung cấp thêm". Khi vào trong Tăng phường lại thấy Tỳ-kheo tăng ít hơn trước liền hỏi nguyên do, Tỳ-kheo nói: "Vào tháng đầu của mùa hạ các Tỳ-kheo cùng chia nhau y vật đã cúng rồi đến chỗ khác an cư rồi", thương nhơn nói: "Chúng tôi cúng y thực không phải để các Tỳ-kheo chia nhau rồi đến chỗ khác an cư, mà muốn các Tỳ-kheo trụ ở đây an cư nên mới cúng dường". Có Tỳ-kheo thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng rồi quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo mới vào tháng đầu của mùa hạ liền chia vật an cư", lúc đó Phật chỉ quở trách chớ chưa kết giới.

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó vua Ba-tư-nặc có một ngàn tướng quân, mỗi doanh trại có năm trăm người. Có một doanh trại các tướng quân đều mặc áo xấu không có oai đức, trong phòng xá của họ không có giường và ngọa cụ tốt đẹp. Vợ của họ cũng không có y phục đẹp và vòng xuyến chuỗi ngọc để trang nghiêm thân, dù họ được cấp bổng

lộc cũng không đầy đủ. Những người này ưa thích ăn uống nhậu nhẹt và đấu tranh, khi say sưa họ kêu khóc giỡn cười la hét gây náo loạn. Lúc đó Tỳ-kheo-ni Đạt-ma-đề-na sống gần nơi đó bị những tiếng ồn náo này trở ngại cho việc tọa thiền tụng kinh của các Tỳ-kheo-ni, nên đến chỗ vợ của các tướng quân nói: "Chồng các vị ưa thích nhậu nhẹt đấu tranh, khi say sưa kêu khóc giỡn cười la hét gây náo loạn làm trở ngại cho việc tọa thiền tụng kinh của chúng tôi, tại sao các vị không khuyên ngăn", vợ các tướng quân nói: "Làm sao khuyên ngăn được, muốn khuyên ngăn thì trước tiên phải có y thực dư, nếu thiện nhơn quở trách thì nên lo cho họ có y thực", Đạt-ma-đề-na nghe rồi liền khất thực nhiều thức ăn thức uống rồi mời những người có thế lực trong quân doanh đến ăn để dẫn dụ họ. Khi biết tâm họ đã mềm mỏng có thể nghe lời liền nói với họ rằng: "Các chủ tụ lạc, các vị nên quy y Phật, Pháp, Tăng", họ nghe theo lời liền quy y Phật pháp tăng, không còn thích nhậu nhẹt nữa, cũng không ưa thích đấu tranh và kêu khóc cười giỡn la hét nữa. Lúc đó trong phòng họ có được giường và ngọa cụ tốt đẹp, vợ của họ cũng có y phục đẹp và có vòng xuyến chuỗi anh lạc trang nghiêm thân, được cấp bổng lộc đầy đủ. Do nhân duyên này các tướng quân dần dần giàu có, có nhiều vàng bạc tài bảo nô tỳ… các thứ thành tựu; vua Ba-tư-nặc nhờ những người giàu này vây quanh nên có oai đức

được mọi người kính ngưỡng. Lúc đó có một nước nhỏ phản nghịch nên vua Ba-tư-nặc bảo các tướng quân: "Các khanh nên đến đó chinh phạt rồi trở về", trong số các tướng quân những người tin Phật treo đãy lượt nước ở đầu cây cung nghĩ rằng: "gặp nước có trùng sẽ lược rồi uống", không ngờ những người không tin Phật sanh lòng đố kỵ đem việc này tâu lên vua, vua nghe rồi nói rằng: "Những người này đối với loài trùng nhỏ còn có tâm thương xót huống chi là loài người", liền cho gọi đến để hỏi cho rõ rồi nói: "Các khanh khi dối ta", các tướng quân này nói: "Tại sao nói là khi dối vua", vua nói: "Các khanh đối với loài trùng nhỏ còn có tâm thương xót huống chi là loài người", các tướng quân nói: "Trùng đâu có lỗi gì, còn đối với người có lỗi với vua thì chúng thần sẽ vì vua trị phạt họ", vua nghĩ: "Nếu họ ưa thích thanh khiết thì cần gì sợ giết trùng", nghĩ rồi liền bảo các tướng ra trận, các tướng liền ra trận. Các tướng quân này có người đạt được Từ tâm tam muội liền nhập Từ tâm phá trận, giặc bị chinh phục. Vua nghe các tướng quân đã phá được giặc rất đỗi vui mừng, các tướng dẹp giặc xong trở về trước vua quỳ tâu rằng: "Đại vương thường thắng", vua liền thưởng ban tài vật, tụ lạc, ruộng vườn, nhân dân gấp bội nên các tướng quân càng thêm giàu có, vua nhờ những người này vây quanh nên oai đức càng tăng được mọi người kính ngưỡng gấp bội. Lúc đó các tướng quân suy

nghĩ: "Chúng ta giàu có được đầy đủ đều là nhờ Tỳ-kheo-ni Đạt-ma-đề-na, tai sao chúng ta không thỉnh Tỳ-kheo-ni đến đây an cư ba tháng", nghĩ rồi liền đến chỗ Tỳ-kheo-ni thỉnh, Tỳ-kheo-ni nói: "Không được, vì sao, vì Phật an cư chỗ nào chúng tôi sẽ an cư chỗ đó để thường được gặp Phật, thường được thấy các Đại-đức tăng và được nghe pháp. Các vị muốn tôi đến nước Xá-vệ an cư thì trước nên thỉnh Phật". Các tướng quân nghe rồi liền đến chỗ Phật đảnh lễ rồi ngồi một bên, đến chỗ Phật đảnh lễ ngồi một bên nghe Phật nói pháp, Phật tùy thuận nói pháp chỉ dạy cho họ được lợi hỉ rồi liền im lặng. Các tướng quân liền bạch Phật: "Thế tôn, xin nhận lời chúng con đến nước Xá-vệ an cư ba tháng, xin thương xót", Phật im lặng nhận lời, các tướng quân biết Phật nhận lời rồi liền đảnh lễ Phật hữu nhiễu rồi ra về. Về đến nhà họ cùng nhắc nhở nhau tùy sức lo liệu thức ăn uống cúng dường trong ba tháng, ở trong phòng riêng may y cho chúng tăng, may y mặc trong nhà và y cho hạ an cư. Lúc đó còn mười ngày nữa mới đến ngày tự tứ, lại có nước nhỏ phản nghịch nên vua Ba-tư-nặc ra lịnh cho các tướng quân dẹp được giặc trước kia đến đem quân đi đánh dẹp giặc lần này, các tướng quân nghe rồi trong lòng sầu não nói với nhau: "Chúng ta đánh giặc lần trước may mắn được thoát chết, nay phải đi nữa e rằng sẽ bị mất mạng. Chúng ta đã thỉnh Phật và Tăng cúng dường trong ba

tháng, nay chúng ta không đem y thực này bố thí thì chúng tăng sẽ mất phần bố thí, chúng ta cũng mất phần phước đức. Chúng ta thường muốn pháp thí không đoạn dứt, thường làm phước đức trong phước điền tăng, Tăng được thí vật, chúng ta được phước". Các tướng quân liền mang hết y vật đã định cúng đến trong rừng Kỳ đà rồi đánh kiền chùy, các Tỳ-kheo hỏi tại sao đánh kiền chùy, đáp là muốn thí vật, các Tỳ-kheo nói: "Phật không cho chúng tôi chưa tự tứ ở trong hạ chia y vật an cư", các tướng quân nói: "Chúng tôi làm quan hệ thuộc người khác, không được tự tại, lần trước đánh nhau may mắn được thoát chết, lần này đi đánh giặc không biết như thế nào hoặc có thể sẽ mất mạng. Chúng tăng nên nhóm thọ y vật cúng dường này". Các Tỳ-kheo không biết làm sao liền đem việc này bạch Phật, Phật hỏi A-nan: "Còn mấy ngày nữa là tự tứ", A-nan đáp còn mười ngày nữa, Phật bảo A-nan: "Tuy còn mười ngày nữa mới tự tứ, vì sợ mất bố thí nên khai cho Tăng được thọ". Phật và Tăng nhóm họp rồi, các tướng quân liền chia y vật cúng dường rồi ngồi một bên nghe Phật nói pháp, Phật tùy thuận nói pháp chỉ dạy cho họ được lợi hỉ rồi liền im lặng, các tướng quân nghe pháp được lợi hỉ rồi đảnh lễ hữu nhiễu Phật ra về. Các tướng quân đi không lâu, Phật do nhân duyên trước và việc này nhóm Tỳ-kheo tăng, đủ lời khen ngợi giới và người trì giới rồi bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên kết

giới cho các Tỳ-kheo, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo còn mười ngày nữa mới tự tứ, nếu có y cấp thí thì được thọ, Tỳ-kheo cần y này thì nên tự tay thọ lấy cho đến thời y được cất chứa. Nếu quá thời gian mười ngày mà cất chứa thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

Mười ngày nữa mới tự tứ là biết còn mười ngày nữa mới đến ngày tự tứ. Y cấp thí là vua, phu nhân hay vương tử; Đại-thần, đại quan hay tướng quân; con gái sắp đi lấy chồng; người bịnh hay người sắp đi đánh giặc thí. Những người như trên nếu thí y, biết còn mười ngày nữa mới tự tứ thì được thọ. Thời y là nếu trú xứ nào không thọ y Ca-hi-na thì một tháng cuối mùa hạ; nếu trú xứ nào có thọ y Ca-hi-na thì một tháng cuối mùa hạ và bốn tháng mùa đông.

Tướng phạm trong giới này là nếu trú xứ này không thọ y Ca-hi-na thì các Tỳ-kheo vào ngày cuối của tháng cuối mùa hạ nên xả y này hoặc tác tịnh hay thọ trì; nếu không xả, không tác tịnh, không thọ trì thì đến ngày đầu của tháng đầu mùa đông trời vừa sáng liền phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề. Nếu trú xứ này có thọ y Ca-hi-na thì các Tỳ-kheo vào ngày cuối của tháng cuối mùa đông nên xả y này hoặc tác tịnh hay thọ trì; nếu không xả, không tác tịnh, không thọ trì thì đến ngày đầu của tháng đầu mùa xuân trời vừa sáng liền phạm Ni-tát-kỳ

Ba-dật-đề.

28. Giới Chứa Y Tắm Mưa:

Phật tại thành Vương xá, lúc đó Lục quần Tỳ-kheo nói với nhau: "Phật cho chúng ta cất chứa y tắm mưa", liền vào mùa xuân mùa đông trong tất cả thời đều cất chứa. Có Tỳ-kheo thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo lại vào mùa xuân mùa đông trong tất cả thời đều cất chứa y tắm mưa. Phật cho chứa ba y, chứa thêm y tắm mưa là y thứ tư", quở trách rồi đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng rồi hỏi Lục quần Tỳ-kheo: "Các thầy thật đã làm việc này phải không?" Đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo, Ta cho cất chứa y tắm mưa liền vào mùa xuân mùa đông trong tất cả thời đều cất chứa", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo vào một tháng cuối của mùa xuân nên tìm y tắm mưa, trong nửa tháng nên thọ trì. Nếu Tỳ-kheo chưa đến một tháng cuối của mùa xuân mà tìm cầu, quá nửa tháng thọ trì thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

Trong đây sao gọi là tìm câu, sao gọi là làm (may thành), sao gọi là trì ? Tìm cầu là theo người khác xin, làm là giặt nhuộm cắt may thành, trì là

thọ dụng.

Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo ở chỗ có tháng nhuận xin y tắm mưa, đến chỗ không có tháng nhuận an cư, đây là từ ngoài mang đến để may thành thì phạm Đột-kiết-la; nếu từ ngoài mang đến để thọ trì thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề. Nếu Tỳ-kheo ở chỗ có tháng nhuận sai sứ đến nói với Tỳ-kheo ở chỗ không có tháng nhuận rằng: "Các Đại-đức, hãy chờ một thời gian ngắn nữa rồi hãy tự tứ", nếu Tỳ-kheo ở chỗ không có tháng nhuận nghe lời chờ đợi Tỳ-kheo ở chỗ có tháng nhuận mang để để may thành thì phạm Đột-kiết-la; nếu mang đến để thọ trì thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề. Nếu Tỳ-kheo ở chỗ có tháng nhuận tìm cầu, ở chỗ có tháng nhuận an cư thì không phạm, thọ trì xong trong ba tháng đầu của mùa hạ thì xả; nếu ở chỗ không có tháng nhuận thì đã vào tháng tám, tháng nóng đã qua thì phạm. Có tháng nhuận là nước này trời nóng muộn, nếu nhuận tháng cuối mùa xuân thì trong tháng nhuận này tìm cầu y tắm mưa, nếu xin được thì cuối tháng ba nên thọ trì; nếu xin không được thì vào ngày mười sáu tháng tư nên thọ trì, không được cất chứa quá mười lăm ngày.

29. Giới Hồi Tăng Vật:

Phật tại nước Xá-vệ, có một cư sĩ phát tâm muốn cúng thức ăn uống và y cho Tăng, lúc đó thời thế đang mất mùa đói kém khất thực khó được, cư

sĩ này tài vật lại không nhiều thấy mùa hạ đã qua trong lòng lo buồn nghĩ rằng: "Ta bản tâm muốn cúng thức ăn và y cho Tăng nhưng lúc này thế gian đói kém, ta tài vật lại không nhiều, mùa hạ đã qua ta trong lòng lo buồn vì không được toại nguyện. Ta nay nên đến trong Tăng thỉnh vài Tỳ-kheo để cúng thức ăn và y khiến cho ta được phước đức", nghĩ rồi liền vào Kỳ hoàn đánh kiền chùy. Tỳ-kheo liền hỏi nguyên do, đáp là muốn thỉnh vài Tỳ-kheo đến nhà thọ thực, vị tri sự liền theo thứ lớp sai đi là phiên của Lục quần Tỳ-kheo. Lục quần Tỳ-kheo khi thọ thỉnh thực thì trước giờ ăn đắp y mang bát đến nhà thọ thỉnh bảo chủ nhà nên nấu những món như thế như thế, khi đến nhà cư sĩ cùng nhau thăm hỏi rồi ngồi, cư sĩ bạch với Lục quần Tỳ-kheo rằng: "Bản tâm của tôi muốn cúng thức ăn và y cho Tăng nhưng hiện nay thời thế đói kém, tài vật của tôi cũng ít thấy mùa hạ đã qua nên trong lòng lo buồn nghĩ rằng… giống như đoạn văn trên đến câu được phước đức. Do nhân duyên này nên nay thỉnh các vị cúng thức ăn còn y thì cúng cho Tăng", Lục quần nghe nói tâm liền động bảo cư sĩ: "Hãy đem y ra cho ta xem thử", cư sĩ liền đem y ra đưa cho Lục quần Tỳ-kheo xem, Lục quần vừa thấy y liền ưa thích nói với cư sĩ rằng: "Ý ông muốn y này hữu dụng hay là được cất giữ?" Đáp là muốn hữu dụng, Lục quần nói: "Ông muốn được cất giữ không dùng thì cúng cho Tăng, vì sao, vì Tăng có nhiều y

đem cất vào một chỗ khiến cho trùng cắn hư mục. Nếu ông muốn hữu dụng thì nên cúng cho chúng ta, vì chúng ta thiếu y nếu được y sẽ thọ dụng", cư sĩ nói: "Các vị biết cúng cho Tăng thì không dùng, còn cúng cho các vị có thể dùng thì con sẽ cúng cho các vị". Cư sĩ cúng cơm rồi đem y cúng cho Lục quần Tỳ-kheo, Lục quần cầm y về khoe với các Tỳ-kheo: "Y này mịn tốt quá phải không?" Các Tỳ-kheo đều khen là đẹp và hỏi được từ đâu, liền đem việc trên kể lại. Có Tỳ-kheo thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo biết vật cúng cho Tăng lại tự cầu xin về cho mình dùng", quở trách rồi đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng rồi hỏi Lục quần Tỳ-kheo: "Các thầy thật đã làm việc này phải không?" Đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo biết vật cúng cho Tăng lại tự cầu xin về cho mình dùng", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo biết vật cúng cho Tăng mà tự cầu xin về cho mình dùng thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

Biết là tự biết hay nghe người khác nói hay nghe đàn việt nói. Vật là vật thí cho Tăng như y bát… cho đến bốn loại dược. Cúng cho Tăng là

phát tâm muốn cúng cho Tăng nhưng chưa đưa.

Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo biết vật này cúng cho Tăng mà tự cầu xin về cho mình thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề; nếu vật muốn cúng cho ba, hai, một vị thì chỉ phạm Đột-kiết-la. Nếu Tỳ-kheo biết vật này muốn cúng cho ba, hai một Tỳ-kheo này lại cầu xin cho ba, hai một Tỳ-kheo khác hay Tỳ-kheo-ni tăng hay ba, hai một Tỳ-kheo-ni hay ba, hai, một Thức-xoa-ma-na hay ba, hai, một Sa di hay ba, hai, một Sa-di-ni thì Tỳ-kheo đều phạm Đột-kiết-la.

Nếu Tỳ-kheo biết vật này cúng cho ba, hai một Tỳ-kheo-ni lại cầu xin cho ba, hai một Tỳ-kheo-ni khác hay ba, hai, một Thức-xoa-ma-na hay ba, hai, một Sa di hay ba, hai, một Sa-di-ni, Tỳ-kheo tăng hay ba, hai một Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni tăng thì Tỳ-kheo này phạm Đột-kiết-la.

Nếu biết vật này cúng cho ba, hai, một Thức-xoa-ma-na này lại xin cho ba, hai, một Thức-xoa-ma-na khác hay ba, hai, một Sa di hay ba, hai, một Sa-di-ni, Tỳ-kheo tăng hay ba, hai một Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni tăng hay ba, hai một Tỳ-kheo-ni thì đều phạm Đột-kiết-la.

Nếu biết vật này cúng cho ba, hai, một Sa di này lại xin cho ba, hai, một Sa di khác hay ba, hai, một Sa-di-ni hay Tỳ-kheo tăng hay ba, hai một Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni tăng hay ba, hai một Tỳ-

kheo-ni hay ba, hai, một Thức-xoa-ma-na thì đều phạm Đột-kiết-la.

Nếu biết vật này cúng cho ba, hai, một Sa-di-ni này lại xin cho ba, hai, một Sa-di-ni khác hay Tỳ-kheo tăng hay ba, hai một Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni tăng hay ba, hai một Tỳ-kheo-ni hay ba, hai, một Thức-xoa-ma-na hay ba, hai, một Sa di thì đều phạm Đột-kiết-la.

Nếu biết vật này cho nhiều súc sanh này lại xin cho ba, hai, một súc sanh khác thì phạm Đột-kiết-la; nếu biết vật này cho một súc sanh lại xin cho nhiều hay hai, một súc sanh khác thì phạm Đột-kiết-la.

Nếu biết vật này cúng cho Tỳ-kheo tăng lại cầu xin cho Tỳ-kheo-ni tăng hoặc cúng cho Tỳ-kheo-ni tăng lại hồi xin cho Tỳ-kheo tăng thì đều phạm Đột-kiết-la. Nếu Tỳ-kheo tăng bị phá làm hai bộ, nếu biết vật cúng cho bộ này lại cầu xin cho bộ kia thì phạm Đột-kiết-la. Nếu Tỳ-kheo khi đang hồi Tăng vật tưởng là đang hồi thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề; nếu đang hồi không khởi tưởng là đang hồi cũng phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề; nếu khi đang hồi Tăng vật khởi nghi thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề; nếu không có hồi Tăng vật mà tưởng là đang hồi hay nghi thì đều phạm Đột-kiết-la; nếu không có hồi Tăng vật khởi tưởng không hồi thì không phạm.

30. Giới Cất Chứa Dược Phẩm Quá Bảy Ngày:

Phật tại nước Xá-vệ an cư cùng với Tỳ-kheo tăng, lúc đó Trưởng lão Tất-lân-già-bà-ta an cư ở thành Vương xá, do có nhiều người quen biết nên được cúng nhiều tô, dầu, thạch mật cất chứa dày một bát hay nửa bát, một câu bát đa la hay nửa câu-bát-đa-la, kiền tư lớn hay nhỏ… từ trong đó chảy ra làm dơ tường, phòng xá, ngọa cụ rất hôi hám; đệ tử của Trưởng lão cất để cách đêm ăn, ác xúc, không thọ và nội túc (cất chứa trong phòng ngủ). Pháp của Phật lúc còn ở đời là mỗi năm có hai kỳ đại hội vào tháng sau của cuối mùa xuân và tháng sau của cuối mùa hạ. Vào tháng cuối xuân, các Tỳ-kheo từ các nơi trong nước đều quy tụ về chỗ Phật nghĩ rằng: "Phật nói ra pháp gì thì khi chúng ta an cư sẽ tu tập theo để được an lạc trụ", đây là kỳ đại hội thứ nhất; vào tháng cuối hạ, các Tỳ-kheo an cư ba tháng xong, may y xong rồi đắp y mang bát đến chỗ Phật nghĩ rằng: "Chúng ta đã lâu không gặp Phật", đây là kỳ đại hội thứ hai. Lúc đó có một Tỳ-kheo an cư ở thành Vương xá xong, may y rồi đắp y mang bát du hành đến nước Xá-vệ, đến chỗ Phật đảnh lễ rồi đứng một bên. Pháp thường của chư Phật là thăm hỏi khác Tỳ-kheo có nhẫn được không, có an lạc trụ không, khất thực không thiếu và đi đường có nhọc mệt không. Tỳ-kheo đáp là nhẫn được, an lạc trụ, khất thực không thiếu và đi

đường không nhọc mệt rồi đem việc của Trưởng lão Tất-lân-già-bà-ta bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng quở trách rằng: "Ta vì thương xót làm lợi ích cho Tỳ-kheo bịnh nên cho dùng bốn loại thực phẩm là tô, dầu, mật và thạch mật; tại sao Tỳ-kheo này lại cất để cách đêm ăn, ác xúc, không thọ và nội túc", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo, từ nay giới này nên nói như sau: Nếu Tỳ-kheo bịnh cho dùng bốn loại thực phẩm là tô, dầu, mật và thạch mật để cất qua đêm dùng đến bảy ngày, quá bảy ngày còn cất dùng thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

Bịnh là như bịnh gió, bịnh nóng, bịnh lạnh… dùng bốn loại thực phẩm thì bịnh được lành, ngược với trên gọi là không bịnh. Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo ngày thứ nhất được tô (dầu, mật hay thạch mật) cất chứa đến ngày thứ hai thì xả; ngày thứ hai được thì cất chứa đến ngày thứ ba thì xả… cứ như thế cho đến ngày thứ bảy được thì ngay ngày thứ bảy loại tô (dầu, mật hay thạch mật) này nên đem cho người, tác tịnh hay thọ trì; nếu không cho người, không tác tịnh cũng không thọ trì thì qua ngày thứ tám, khi trời vừa sáng liền phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

Nếu Tỳ-kheo ngày thứ nhất được tô (dầu, mật hay thạch mật), ngày thứ hai lại được thì nên cất chứa một loại xả bớt một loại… cứ như thế cho đến

ngày thứ sáu được, ngày thứ bảy lại được thì ngay trong ngày thứ bảy loại tô (dầu, mật hay thạch mật) này nên đem cho người, tác tịnh hay thọ trì; nếu không cho người, không tác tịnh cũng không thọ trì thì qua ngày thứ tám, khi trời vừa sáng liền phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

Nếu Tỳ-kheo ngày thứ nhất được tô (dầu, mật hay thạch mật), ngày thứ hai lại được thì nên cất chứa loại trước xả bớt loại sau… cứ như thế cho đến ngày thứ sáu được, ngày thứ bảy lại được thì ngay trong ngày thứ bảy loại tô (dầu, mật hay thạch mật) này nên đem cho người, tác tịnh hay thọ trì; nếu không cho người, không tác tịnh cũng không thọ trì thì qua ngày thứ tám, khi trời vừa sáng liền phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

Nếu Tỳ-kheo ngày thứ nhất được tô (dầu, mật hay thạch mật), ngày thứ hai cho đến ngày thứ bảy đều không được nữa thì ngay trong ngày thứ bảy loại tô (dầu, mật hay thạch mật) này nên đem cho người, tác tịnh hay thọ trì; nếu không cho người, không tác tịnh cũng không thọ trì thì qua ngày thứ tám, khi trời vừa sáng liền phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

Nếu Tỳ-kheo có tô dầu… phạm Xả đọa chưa xả, tội chưa sám, thứ lớp nối nhau chưa dứt mà được tô dầu… nữa, thì tô dầu… được sau do tương tục với tô dầu… trước nên phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề. Nếu Tỳ-kheo có tô dầu… phạm Xả đọa đã xả

nhưng tội chưa sám, thứ lớp nối nhau chưa dứt mà được tô dầu… nữa, thì tô dầu… được sau do tương tục với tâm trước nên phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề. Nếu Tỳ-kheo có tô dầu… phạm Xả đọa đã xả, tội cũng đã sám, thứ lớp nối nhau đã dứt; nếu được tô dầu… nữa thì không phạm.

-oOo-

LUẬT THẬP TỤNG

QUYỂN 9

V. CHÍN MƯƠI PHÁP BA DẬT ĐỀ:

1. Giới Cố Ý Vọng Ngữ:

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó có một luận nghị sư ở Nam Thiên trúc dùng tấm lá sắt đồng quấn quanh bụng rồi đốt đuốc đi vào thành Xá-vệ. Có người thấy liền hỏi nguyên do, đáp rằng: "Tôi trí tuệ nhiều nên sợ bụng bể và vì muốn chiếu sáng tối tăm nên mới làm như thế", người kia nói: "Bà-la-môn ngu si, mặt trời đang chiếu sáng vì sao nói là tối tăm", đáp: "Các người không biết, tối tăm có hai: Một là không có mặt trời mặt trăng và đèn đuốc, hai là không có trí tuệ sáng suốt", người kia nói: "Ông chưa gặp Thích tử Ha-đa nên mới nói lời này, nếu gặp rồi thì ông mới là ban ngày thì tối, ban đêm thì sáng", lúc đó nhân dân trong thành liền đi mời Tỳ-kheo Ha-đa đến để cùng luận nghị. Tỳ-kheo Ha-đa nghe rồi trong lòng lo buồn, bất đắc dĩ phải vào thành, giữa đường gặp hai con dê đực đánh nhau liền suy nghĩ: "Một con là Bà-la-môn, một con là ta, nếu cùng đấu tranh thì ta không bằng", nghĩ rồi càng thêm lo buồn; đi tới phía trước

lại gặp hai con trâu đánh nhau liền nghĩ giống như trên; tiếp tục đi tới lại gặp hai người đang đánh nhau liền nghĩ giống như trên. Sắp tới luận trường lại gặp một người nữ mang bình nước đầy, bình nước bị vỡ liền suy nghĩ: "Ta thấy toàn là tướng không tốt lành, không biết phải làm sao", bất đắc dĩ phải vào trong luận trường, vừa nhìn thấy tướng mạo của luận sư kia liền tự biết mình không bằng nên càng thêm lo buồn. Vừa ngồi xuống, mọi người liền bảo hãy cùng luận nghị, đáp rằng: "Ngày nay trong người tôi không khỏe, hãy đợi đến ngày mai", nói rồi liền trở về trú xứ đợi đến cuối đêm bỏ đi đến thành Vương xá. Trời sáng nhân dân trong thành tụ họp đợi hoài không thấy Tỳ-kheo Ha-đa đến, biết thời giờ đã qua liền đi đến trong Kỳ hoàn tìm kiếm, một Tỳ-kheo nói: "Tỳ-kheo Ha-đa vào cuối đêm đã đắp y mang bát đi rồi", mọi người nghe rồi liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo lại cố ý nói dối", một người truyền nói cho hai người lần lựa lan truyền khắp trong thành. Có Tỳ-kheo thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng rồi quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo lại cố ý nói dối", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo cố vọng ngữ phạm Ba-dật-đề.

Cố vọng ngữ là biết việc này không như thế, vì dối người khác nên nói khác. Ba-dật-đề là tội này thiêu đốt ngăn che, nếu không sám có thể chướng ngại đạo.

Tướng phạm trong giới này là tội vọng ngữ phân biệt có năm : Loại vọng ngữ kết vào tội Đột-kiết-la, loại kết vào tội Ba-dật-đề, loại kết vào tội Thâu-lan-giá, loại kết vào tội Tăng-già-bà-thi-sa và loại kết vào tội Ba-la-di. Tội vọng ngữ thuộc Ba-la-di là tự biết mình không có Thánh pháp mà nói với người là tôi có Thánh pháp. Tội vọng ngữ thuộc Tăng-già-bà-thi-sa là dùng bốn pháp Ba-la-di không căn cứ vu báng Tỳ-kheo khác. Tội vọng ngữ thuộc Thâu-lan-giá là tội vọng ngữ dưới Ba-la-di hay Tăng-già-bà-thi-sa. Tội vọng ngữ thuộc Ba-dật-đề là nếu Tỳ-kheo dùng tội Tăng-già-bà-thi-sa không căn cứ vu báng Tỳ-kheo khác. Tội vọng ngữ thuộc Đột-kiết-la là trừ bốn loại vọng ngữ trên, các trường hợp vọng ngữ khác đều kết tội Đột-kiết-la. Nếu Tỳ-kheo không thấy sự việc mà nói là thấy thì phạm Ba-dật-đề; hoặc thấy mà nói là không thấy; hoặc thấy tưởng là không thấy mà nói với người khác là thấy; hoặc không thấy tưởng là thấy mà nói với người khác là không thấy; hoặc thấy mà nghi không biết là thấy hay không thấy lại nói với người khác là không thấy; hoặc không thấy mà nghi không biết là thấy hay không thấy lại nói với người khác là thấy thì đều phạm Ba-dật-đề;

nghe hiểu biết cũng giống như vậy. Nếu tùy tâm tưởng mà nói thì không phạm.

2. Giới Chê Bai Người Khác:

Phật tại thành Vương xá, Lục quần Tỳ-kheo tánh ưa gây gỗ mắng chửi người khác, lúc đó Lục quần sau khi tranh cải với các Tỳ-kheo liền chê bai hình tướng của họ và mắng họ thuộc dòng hạ tiện… nghề nghiệp hạ tiện, khiến cho người chưa tranh cải liền muốn tranh cải, người đã tranh cải thì không muốn dừng; việc chưa xảy ra liền xảy ra, việc đã xảy ra rồi thì không dứt diệt được. Có Tỳ-kheo thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo lại gây gỗ rồi chê bai hình tướng lẫn nhau và mắng chửi là dòng hạ tiện… nghề nghiệp hạ tiện… không dứt diệt được", quở trách rồi đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng rồi hỏi Lục quần Tỳ-kheo: "Các thầy thật đã làm việc này phải không?" Đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo lại gây gỗ… việc đã xảy ra rồi thì không dứt diệt được", quở trách rồi nói nhân duyên bổn sanh như sau:

Quá khứ có người nuôi một con bò đen, một người khác cũng nuôi một con trâu vì tài vật nên cá cược rằng: "Nếu sức kéo của con bò nào hơn con bò của tôi thì tôi thua tài vật, nếu sức không

bằng thì thua tôi tài vật", lúc đó chủ của con bò đen liền bằng lòng cá cược. Cả hai xe bò đều chở nặng, chủ của con bò đen quát to: "Hắc khúc giác (bò đen sừng cong) hãy đi mau" và dùng roi đánh thúc nó đi mau, con bò đen nghe chủ kêu mình là Hắc khúc giác liền mất sức lực, không thể kéo nổi xe lên dốc khiến cho chủ bị thua tài vật. Người được thắng kia lần sau lại cá cược giống như lần trước, bò đen nghe rồi liền hỏi chủ: "Người đó vì sao lại muốn cá cược nữa?" Chủ bò nói: "Vì tham tài vật nên muốn cá cược nữa', bò đen nói: "Ông nên bằng lòng cá cược", chủ bò nói: "Không được, lần trước ngươi đã làm cho ta thua hết tài vật, nay nếu cá cược nữa ta sẽ thua", bò đen nói: "Lần trước vì ông chê bai tôi, gọi tôi là Hắc khúc giác khiến tôi mất hết sức lực nên kéo xe lên dốc không nổi. Lần này ông đừng nói lời chê bai như thế mà nên nói rằng: "Này độc tử, khi ngươi bị gai đâm vào chân, vì muốn rút gai ra nên húc sừng vào đất khiến sừng bị cong. Ngươi là bò đen to đẹp, khi sanh ra sừng đã to lại thẳng", chủ bò nghe rồi liền tắm rửa và thoa dầu vào sừng của bò, treo tràng hoa đẹp ở bên phải của xe rồi dùng lời dịu dàng hòa ái khen ngợi nó rằng: "Hỡi bò đen đẹp, sừng to sức mạnh hãy kéo xe đi", bò đen nghe lời này liền dốc sức kéo xe lên đồi, nhờ đó chủ của bò đen được thắng, không những lấy lại tài vật đã thua lần trước mà còn được lợi gấp ba. Chủ bò vui mừng liền nói kệ:

"Bò kéo xe tuy nặng,
Ta khen mới kéo được,
Vì vậy nên ái ngữ,
Không nên nói lời thô,
Ái ngữ có sức mạnh,
Khiến bò kéo xe nhanh,
Ta thắng được tài vật,
Thân tâm rất vui mừng".

Phật bảo các Tỳ-kheo: "súc sanh nghe lời chê bai còn mất hết sức lực huống chi là người", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo chê bai hình tướng của người khác thì phạm Ba-dật-đề.

Chê bai có tám trường hợp: Chủng tộc, kỷ nghệ, làm, phạm, bịnh, tướng, phiền não và mắng chửi.

Chê bai chủng tộc là Tỳ-kheo đến nói với Tỳ-kheo dòng Sát-đế-lỵ (Bà-la-môn, thương buôn) rằng: "Thầy thuộc dòng Sát-đế-lỵ (Bà-la-môn, thương buôn) xuất gia thọ giới làm gì ", do tâm khinh hủy nên mỗi lời đều phạm Đột-kiết-la. Nếu Tỳ-kheo đến nói với Tỳ-kheo dòng dõi thợ rèn (thợ mộc, thợ gốm, thợ làm da, thợ làm mây tre lá, thợ cạo tóc…) rằng: "Thầy thuộc dòng dõi thợ rèn (thợ mộc, thợ gốm…) xuất gia thọ giới làm gì". Do tâm khinh hủy nên mỗi mỗi lời đều phạm Ba-dật-đề.

Nếu Tỳ-kheo đến nói với Tỳ-kheo dòng Chiên-đà-la rằng: "Thầy thuộc dòng Chiên-đà-la xuất gia thọ giới làm gì", do tâm khinh hủy nên mỗi lời đều phạm Ba-dật-đề.

Chê bai kỷ nghệ là Tỳ-kheo đến nói với Tỳ-kheo dòng Sát-đế-lỵ rằng: "Thầy là dòng Sát-đế-lỵ xuất gia thọ giới làm gì; thầy nên học cởi voi, ngựa…, học cầm đao kiếm cung tên…, học vào trận ra trận… các kỷ thuật như thế của dòng Sát-đế-lỵ thầy nên học", do tâm khinh hủy nên mỗi lời đều phạm Đột-kiết-la. Nếu Tỳ-kheo đến nói với Tỳ-kheo dòng Bà-la-môn: "Thầy là dòng Bà-la-môn xuất gia thọ giới làm gì; thầy nên học kinh Vệ đà và dạy người khác học, học làm lễ tế trời và dạy người khác làm, học các chú như chú ẩm thực, chú bắt rắn… các kỷ thuật như thế của dòng Bà-la-môn thầy nên học", do tâm khinh hủy nên mỗi lời đều phạm Đột-kiết-la. Nếu Tỳ-kheo đến nói với Tỳ-kheo dòng thương buôn: "Thầy là dòng thương buôn xuất gia thọ giới làm gì; thầy nên học thư số, toán số, ấn tướng, học biết tướng của vàng bạc tơ lụa…, học cách quản lý cửa hàng vàng bạc… các kỷ thuật như thế của thương buôn thầy nên học", do tâm khinh hủ nên mỗi lời đều phạm Đột-kiết-la.

Nếu Tỳ-kheo đến nói với Tỳ-kheo dòng thợ rèn: "Thầy là dòng thợ rèn xuất gia thọ giới làm gì; thầy nên học cách rèn đúc nồi niêu xoong chảo, dao lớn, dao nhỏ, búa đục… các kỷ thuật như thế

của thợ rèn thầy nên học", do tâm khinh hủy nên mỗi lời đều phạm Ba-dật-đề. Nếu Tỳ-kheo đến nói với Tỳ-kheo dòng thợ mộc: "Thầy là dòng thợ mộc xuất gia thọ giới làm gì; thầy nên học cách làm người gỗ nam hay nữ, làm cán cày, càng xe, cáng kiệu… các kỷ thuật như thế của thợ mộc thầy nên học", do tâm khinh hủy nên mỗi lời đều phạm Ba-dật-đề. Nếu Tỳ-kheo đến nói với Tỳ-kheo dòng thợ gốm: "Thầy là dòng thợ gốm xuất gia thọ giới làm gì; thầy nên học biết tướng của đất, lấy đất hòa trộn với nước nhiều hay ít, học cách xoay làm bát, bồn, bình… các kỷ thuật như thế của thợ gốm thầy nên học", do tâm khinh hủy nên mỗi lời đều phạm Ba-dật-đề. Nếu Tỳ-kheo đến nói với Tỳ-kheo dòng thợ làm da: "Thầy là dòng thợ làm da xuất gia thọ giới làm gì; thầy nên học biết tướng của da, ngâm da cứng hay mềm, cách cắt may làm giày dép da…, học cách làm roi ngựa, yên ngựa… các kỷ thuật như thế của thợ làm da thầy nên học", do tâm khinh hủy nên mỗi lời đều phạm Ba-dật-đề. Nếu Tỳ-kheo đến nói với Tỳ-kheo dòng thợ làm mây tre: "Thầy là dòng thợ làm mây tre xuất gia thọ giới làm gì; thầy nên học biết tướng của mây tre, ngâm mây tre cứng hay mềm, học cách làm cung tên, làm quạt… các kỷ thuật như thế của thợ làm mây tre thầy nên học", do tâm khinh hủy nên mỗi lời đều phạm Ba-dật-đề. Nếu Tỳ-kheo đến nói với Tỳ-kheo dòng thợ cạo tóc: "Thầy là dòng thợ cạo tóc xuất gia thọ giới

làm gì; thầy nên học cách búi tóc trên đỉnh đầu, cách cạo tóc, cạo lông nách, cách cắt móng tay, nhổ lông mũi… các kỷ thuật như thế của thợ cạo tóc thầy nên học", do tâm khinh hủy nên mỗi lời đều phạm Ba-dật-đề. Nếu Tỳ-kheo đến nói với Tỳ-kheo dòng Chiên-đà-la: "Thầy là dòng Chiên-đà-la xuất gia thọ giới làm gì; thầy nên học cách chặt tay chân, xẻo mũi tai treo đầu lên cây, học gánh thây chết đem thiêu… các kỷ thuật như thế của dòng Chiên-đà-la thầy nên học", do tâm khinh hủy nên mỗi lời đều phạm Ba-dật-đề.

Chê bai về việc làm là nếu Tỳ-kheo đến nói với Tỳ-kheo dòng Sát-đế-lỵ: "Thầy là dòng Sát-đế-lỵ… giống như đoạn văn trên cho đến câu vào trận ra trận… các việc làm như thế của dòng Sát-đế-lỵ thầy nên học", do tâm khinh hủy nên mỗi lời đều phạm Đột-kiết-la. Nếu Tỳ-kheo đến nói với Tỳ-kheo dòng Bà-la-môn: "Thầy là dòng Bà-la-môn… giống như đoạn văn trên cho đến câu chú bắt rắn… các việc làm như thế của Bà-la-môn thầy nên học", do tâm khinh hủy nên mỗi lời đều phạm Đột-kiết-la. Nếu Tỳ-kheo đến nói với Tỳ-kheo dòng thương buôn: "Thầy là dòng thương buôn… giống như đoạn văn trên cho đến câu quản lý cửa hàng vàng bạc… các việc làm như thế của thương buôn thầy nên học", do tâm khinh hủy nên mỗi lời đều phạm Đột-kiết-la.

Nếu Tỳ-kheo đến nói với Tỳ-kheo dòng thợ

rèn: "Thầy là dòng thợ rèn… giống như đoạn văn trên cho đến câu dao lớn dao nhỏ, kim… các việc làm như thế của thợ rèn thầy nên học", do tâm khinh hủy nên

mỗi lời đều phạm Ba-dật-đề. Nếu Tỳ-kheo đến nói với Tỳ-kheo dòng thợ mộc: "Thầy là dòng thợ mộc… giống như đoạn văn trên cho đến câu càng xe, cáng kiệu… các việc làm như thế của thợ mộc thầy nên học", do tâm khinh hủy nên mỗi lời đều phạm Ba-dật-đề. Nếu Tỳ-kheo đến nói với Tỳ-kheo dòng thợ gốm: "Thầy là dòng thợ gốm… giống như đoạn văn trên cho đến câu làm bát, bồn, bình… các việc làm như thế của thợ gốm thầy nên học", do tâm khinh hủy nên mỗi lời đều phạm Ba-dật-đề. Nếu Tỳ-kheo đến nói với Tỳ-kheo dòng thợ làm da: "Thầy là dòng thợ làm da… giống như đoạn văn trên cho đến câu làm yên ngựa, roi ngựa… các việc làm như thế của thợ làm da thầy nên học", do tâm khinh hủy nên mỗi lời đều phạm Ba-dật-đề. Nếu Tỳ-kheo đến nói với Tỳ-kheo dòng thợ làm mây tre: "Thầy là dòng thợ làm mây tre… giống như đoạn văn trên cho đến câu làm cung tên, quạt… các việc làm như thế của thợ làm mây tre thầy nên học", do tâm khinh hủy nên mỗi lời đều phạm Ba-dật-đề. Nếu Tỳ-kheo đến nói với Tỳ-kheo dòng thợ cạo tóc: "Thầy là dòng thợ cạo tóc… giống như đoạn văn trên cho đến câu cắt móng tay,

nhổ lông mũi… các việc làm như thế của thợ cạo tóc thầy nên học", do tâm khinh hủy nên mỗi lời đều phạm Ba-dật-đề. Nếu Tỳ-kheo đến nói với Tỳ-kheo dòng Chiên-đà-la: "Thầy là dòng Chiên-đà-la… giống như đoạn văn trên cho đến câu gánh thây chết đem thiêu… các việc làm như thế của dòng Chiên-đà-la thầy nên học", do tâm khinh hủy nên mỗi lời đều phạm Ba-dật-đề. Chê bai về phạm tội là nếu Tỳ-kheo đến nói với Tỳ-kheo khác: "Thầy là người phạm tội xuất gia thọ giới làm gì; thầy phạm Tăng-già-bà-thi-sa, phạm Ba-dật-đề, phạm Ba-la-đề-đề-xá-ni, phạm Đột-kiết-la", do tâm khinh hủy nên mỗi lời đều phạm Ba-dật-đề.

Chê bai về bịnh là nếu Tỳ-kheo đến nói với Tỳ-kheo khác rằng: "Thầy là người mắc bịnh nan y xuất gia thọ giới làm gì; thầy có bịnh bạch lại (ung thư, càn tiêu, hủi …)", do tâm khinh hủy nên mỗi lời đều phạm Ba-dật-đề.

Chê bai về hình tướng là nếu Tỳ-kheo đến nói với Tỳ-kheo khác rằng: "Thầy là người có tướng thô xấu xuất gia thọ giới làm gì; thầy bị co quặp tay, cụt tay…" Do tâm khinh hủy nên mỗi lời đều phạm Ba-dật-đề.

Chê bai về phiền não là nếu Tỳ-kheo đến nói với Tỳ-kheo khác rằng: "Thầy là người phiền não nặng xuất gia thọ giới làm gì; thầy nhiều tham sân si…", do tâm khinh hủy nên mỗi lời đều phạm Ba-dật-đề.

Chê bai về mắng chửi là nếu Tỳ-kheo đến nói với Tỳ-kheo khác rằng: "Thầy là người ưa mắng chửi xuất gia thọ giới làm gì; thầy hay mắng chửi người khác hoặc là bạch y hoặc là xuất gia khiến cho họ khổ não", do tâm khinh hủy nên mỗi lời đều phạm Ba-dật-đề.

Nếu Tỳ-kheo dùng tám trường hợp chê bai kể trên để khinh hủy Tỳ-kheo khác đều phạm Ba-dật-đề, ngoài tám trường hợp trên, dùng các trường hợp khác để khinh hủy thì phạm Đột-kiết-la. Nếu Tỳ-kheo dùng tám trường hợp trên để khinh hủy người khác không phải là Tỳ-kheo thì phạm Đột-kiết-la.

3. Giới Nói Hai Lưỡi:

Phật tại thành Vương xá, Lục quần Tỳ-kheo tánh ưa gây gổ, lúc đó Lục quần gây gổ với các Tỳ-kheo khiến cho Tỳ-kheo tăng chia làm hai bộ rồi đến nói với một bộ này rằng: "Các thầy biết không, bộ Tăng kia nói các thầy xuất gia thọ giới làm gì; các thầy tên ....., dòng tộc

....., việc làm ....., hình tướng ..... như vậy như vậy"; sau đó đến nói với bộ Tăng kia giống như vậy. Khi nói với hai bộ Tăng như vậy khiến cho Tăng chưa bị phá liền bị phá, Tăng đã bị phá không thể hòa hợp được; việc chưa xảy ra liền xảy ra, việc đã xảy ra rồi không thể dứt diệt được. Có Tỳ-kheo thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe

biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng rồi hỏi Lục quần Tỳ-kheo: "Các thầy thật đã làm việc này phải không?" Đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo lại ưa gây gổ khiến cho Tỳ-kheo tăng bị phá làm hai bộ… giống như đoạn văn trên cho đến câu không thể dứt diệt được", quở trách rồi nói nhân duyên bổn sanh như sau:

Quá khứ dưới chân núi Tuyết sơn có hai con thú: Một là Sư tử lông đẹp, hai là Hổ răng đẹp quen thân với nhau, khi đến viếng thăm thường nhắm mắt liếm lông cho nhau, thường cùng nhau ăn những miếng thịt ngon mềm. Cách đó không xa có con dã can hai lưỡi nghĩ rằng: 'Sư tử lông đẹp và Hổ răng đẹp này quen thân với nhau… giống như đoạn văn trên cho đến câu thịt ngon mềm. Ta nên đến bên hai con thú này làm bạn thứ ba", nghĩ rồi liền đến xin làm bạn thứ ba với Sư tử và hổ, Sư tử và hổ nói tùy ý. Dã can hai lưỡi này được ăn thịt dư của hai con thú để lại nên thân thể mập mạp, nó suy nghĩ: "Sư tử và hổ thân thiết nhau… thường được thịt ngon mềm, nếu khi không kiếm được thị ắt sẽ ăn thịt ta, tại sao ta không phương tiện khiến cho chúng biệt ly nhau, chúng biệt ly rồi sẽ theo ta thọ ân", nghĩ rồi liền đến nói với Sư tử: "Anh biết không, Hổ răng đẹp có ác tâm với anh, nó nói rằng: Sư tử lông đẹp có thức ăn gì đều nhờ sức của ta",

nó nói kệ:

Tuy có sắc lông đẹp,
Làm cho người kính sợ,
Nhưng không hơn được ta,
Hổ răng đẹp nói thế.
Sư tử lông đẹp hỏi:
"Làm sao nhận biết được ?"

Dã can nói: "Hổ răng đẹp khi gặp anh nhắm mắt liếm lông anh, nên biết đó là tướng ác", sau đó Dã can đến nói với Hổ răng đẹp rằng: "Anh biết không, Sư tử lông đẹp có ác tâm với anh, nó nói rằng: Hổ răng đẹp được thức ăn gì đều nhờ sức của ta", nó nói kệ:

Tuy có sắc răng đẹp,
Làm cho người kính sợ,
Nhưng không hơn được ta,
Sư tử nói như thế.

Hổ răng đẹp hỏi: "Làm sao nhận biết được?" Dã can nói: "Khi Sư tử lông đẹp đến thăm anh thì nhắm mắt liếm lông anh, nên biết đó là tướng ác". Khi nghe biết việc này Hổ sanh tâm lo sợ liền đến chỗ Sư tử hỏi cho rõ: "Anh đối với tôi có tâm ác nói rằng: Hổ răng đẹp có thức ăn gì đều nhờ sức của ta và nói kệ… giống như đoạn văn trên, anh nói như vậy phải không?" Sư tử hỏi: "Ai đã nói với anh lời này?" Đáp là Dã can nói, Sư tử lại hỏi: "Anh đối với tôi có tâm ác nói rằng: Sư tử lông đẹp có thức ăn gì đều nhờ sức của ta" và nói kệ… giống

như đoạn văn trên, anh nói như vậy phải không ? Hổ nói: "Không có, nếu anh có nói lời ác này thì chúng ta không nên thân thiết nhau", Sư tử nói: "Dã can hai lưỡi đã nói lời này, ý muốn chúng ta không cùng ở chung với nhau", liền nói kệ:

Nếu tin kẻ ác này,
Sẽ mau rời xa nhau,
Thường ôm lòng ưu sầu,
Sân hận không lìa tâm.
Hễ là thiện tri thức,
Chớ nghe lời ly gián,
Chớ tin kẻ đâm thọc,
Phải tìm ra manh mối.
Nếu tin lời ly gián,
Sẽ bị nó ăn thịt.
Không tin kẻ hai lưỡi,
Cùng hòa hợp trở lại,
Gìn lòng nói với nhau,
Tâm tịnh nói dịu dàng,
Nên làm thiện tri thức,
Hòa hợp như nước, sữa,
Trùng nhỏ xấu ác này,
Xưa nay tánh tự ác,
Một đầu mà hai lưỡi,
Giết nó thì hòa hợp.

Sau khi nghiệm biết sự thật rồi, Hổ và Sư tử bắt lấy Dã can xé làm hai.

Phật bảo các Tỳ-kheo: "Súc sanh do nhân

duyên nói hai lưỡi còn không được an lạc, huống chi là người". Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo nói lời hai lưỡi thì phạm Ba-dật-đề.

Tướng phạm trong giới này có tám trường hợp: dòng tộc, kỷ nghệ, việc làm, phạm tội, bịnh, hình tướng, phiền não và mắng chửi. Trong tám trường hợp này đều dùng năm điều: Tên như thế, họ như thế, dòng tộc như thế, việc làm như thế, hình tướng như thế. Tên là nói Tỳ-kheo tên gì, họ là nói Tỳ-kheo họ gì như họ Bà ta, họ Câu sai… dòng tộc là như nói Tỳ-kheo thuộc dòng Sát-đế-lỵ hay Bà-la-môn hay Tỳ xá hay Chiên-đà-la… việc làm là như buôn bán, quản lý cửa hàng vàng bạc… hình tướng là như co quắp cánh tay, cụt tay…

1. Về dòng tộc: là nếu Tỳ-kheo đến nói với Tỳ-kheo dòng Sát-đế-lỵ rằng: "Có người nói thầy là dòng Sát-đế-lỵ xuất gia thọ giới làm gì", liền hỏi người đó là ai, đáp: "Người đó tên là .....", lại hỏi họ gì, đáp họ là ....., lại hỏi thuộc giai cấp nào, đáp thuộc giai cấp ....., lại hỏi làm việc gì, đáp là làm những việc như ....., lại hỏi hình tướng như thế nào, đáp là có hình tướng như ..... Nếu người nghe nhận hiểu thì người nói phạm Đột-kiết-la, không nhận hiểu cũng phạm Đột-kiết-la, hiểu rồi mà còn nói nữa cũng phạm Đột-kiết-la. Nếu Tỳ-kheo đến nói với Tỳ-kheo dòng Bà-la-môn:

"Có người nói thầy là dòng Bà-la-môn xuất gia thọ giới làm gì", hỏi và đáp giống như đoạn văn trên cho đến câu nếu người nghe nhận hiểu thì người nói phạm Đột-kiết-la… giống như trên. Nếu Tỳ-kheo đến nói với Tỳ-kheo là dòng thương buôn rằng: "Có người nói thầy là dòng thương buôn xuất gia thọ giới làm gì", hỏi và đáp giống như đoạn văn trên cho đến câu nếu người nghe nhận hiểu thì người nói phạm Đột-kiết-la… giống như trên.

Nếu Tỳ-kheo đến nói với Tỳ-kheo là dòng thợ rèn rằng: "Có người nói thầy là dòng thợ rèn xuất gia thọ giới làm gì", hỏi và đáp giống như đoạn văn trên cho đến câu nếu người nghe nhận hiểu thì người nói phạm Ba-dật-đề, nếu không hiểu thì người nói phạm Đột-kiết-la, nếu hiểu rồi mà nói nữa thì phạm Ba-dật-đề và Đột-kiết-la. Nếu Tỳ-kheo đến nói với Tỳ-kheo là dòng thợ mộc rằng: "Có người nói thầy là dòng thợ mộc xuất gia thọ giới làm gì", hỏi và đáp giống như đoạn văn trên cho đến câu nếu người nghe nhận hiểu thì người nói phạm Ba-dật-đề… giống như trên. Nếu Tỳ-kheo đến nói với Tỳ-kheo là dòng thợ gốm rằng: "Có người nói thầy là dòng thợ gôm xuất gia thọ giới làm gì", hỏi và đáp giống như đoạn văn trên cho đến câu nếu người nghe nhận hiểu thì người nói phạm Ba-dật-đề… giống như trên. Nếu Tỳ-kheo đến nói với Tỳ-kheo là dòng thợ làm da rằng: "Có người nói thầy là dòng thợ làm da xuất gia thọ

giới làm gì", hỏi và đáp giống như đoạn văn trên cho đến câu nếu người nghe hiểu thì người nói phạm Ba-dật-đề… giống như trên. Nếu Tỳ-kheo đến nói với Tỳ-kheo là dòng thợ làm mây tre rằng: "Có người nói thầy là dòng thợ làm mây tre xuất gia thọ giới làm gì", hỏi và đáp giống như đoạn văn trên cho đến câu nếu người nghe nhận hiểu thì người nói phạm Ba-dật-đề… giống như trên. Nếu Tỳ-kheo đến nói với Tỳ-kheo là dòng thợ cạo tóc rằng: "Có người nói thầy là dòng thợ cạo tóc xuất gia thọ giới làm gì", hỏi và đáp giống như đoạn văn trên cho đến câu nếu người nghe hiểu thì người nói phạm Ba-dật-đề… giống như trên. Nếu Tỳ-kheo đến nói với Tỳ-kheo là dòng Chiên-đà-la rằng: "Có người nói thầy là dòng Chiên-đà-la xuất gia thọ giới làm gì", hỏi và đáp giống như đoạn văn trên cho đến câu nếu người nghe hiểu thì người nói phạm Ba-dật-đề… giống như trên.

2. Về kỷ nghệ: là nếu Tỳ-kheo đến nói với Tỳ-kheo là dòng Sát-đế-lỵ rằng: "Người kia nói thầy thuộc dòng Sát-đế-lỵ nên học cởi ngựa

… các kỷ thuật của dòng Sát-đế-lỵ như thế thầy nên học, xuất gia thọ giới làm gì", hỏi và đáp giống như đoạn văn trên cho đến câu nếu người nghe hiểu thì người nói phạm Đột-kiết-la… giống như đoạn văn trên. Nếu Tỳ-kheo đến nói với Tỳ-kheo là dòng Bà-la-môn rằng: "Người kia nói thầy là dòng Bà-la-môn nên học kinh Vệ đà cũng dạy người khác

học… các kỷ thuật của dòng Bà-la-môn như thế thầy nên học, xuất gia thọ giới làm gì", hỏi và đáp giống như đoạn văn trên cho đến câu nếu người nghe hiểu thì người nói phạm Đột-kiết-la… giống như đoạn văn trên. Nếu Tỳ-kheo đến nói với Tỳ-kheo là dòng thương buôn rằng: "Người kia nói thầy là dòng thương buôn nên học thư số toán số… các kỷ thuật của dòng thương buôn như thế thầy nên học, xuất gia thọ giới làm gì", hỏi và đáp giống như đoạn văn trên cho đến câu nếu người nghe hiểu thì người nói phạm Đột-kiết-la… giống như đoạn văn trên.

Nếu Tỳ-kheo đến nói với Tỳ-kheo là dòng thợ rèn rằng: "Người kia nói thầy là dòng thợ rèn nên học làm nồi nêu chảo… các kỷ thuật như thế của thợ rèn thầy nên học, xuất gia thọ giới làm gì", hỏi và đáp giống như đoạn văn trên cho đến câu nếu người nghe hiểu thì người nói phạm Ba-dật-đề… giống như đoạn văn trên. Nếu Tỳ-kheo đến nói với Tỳ-kheo là dòng thợ mộc rằng: "Người kia nói thầy là dòng thợ mộc nên học làm người gỗ nam hay nữ… các kỷ thuật như thế của thợ mộc thầy nên học, xuất gai thọ giới làm gì", hỏi và đáp giống như đoạn văn trên cho đến câu nếu người nghe hiểu thì người nói phạm Ba-dật-đề… giống như đoạn văn trên. Nếu Tỳ-kheo đến nói với Tỳ-kheo là dòng thợ gốm rằng: "Người kia nói thầy là dòng thợ gốm nên học biết tướng của đất … các kỷ thuật như thế

của thợ gốm thầy nên học, xuất gia thọ giới làm gì", hỏi và đáp giống như đoạn văn trên cho đến câu nếu người nghe hiểu thì người nói phạm Ba-dật-đề… giống như đoạn văn trên. Nếu Tỳ-kheo đến nói với Tỳ-kheo là dòng thợ làm da rằng: "Người kia nói thầy là dòng thợ làm da nên học biết tướng của da… các kỷ thuật như thế của thợ làm da thầy nên học, xuất gia thọ giới làm gì", hỏi và đáp giống như đoạn văn trên cho đến câu nếu người nghe hiểu thì người nói phạm Ba-dật-đề… giống như đoạn văn trên. Nếu Tỳ-kheo đến nói với Tỳ-kheo là dòng thợ làm mây tre rằng: "Người kia nói thầy là dòng thợ làm mây tre nên học biết tướng của mây tre… các kỷ thuật như thế của thợ làm mây tre thầy nên học, xuất gia thọ giới làm gì", hỏi và đáp giống như đoạn văn trên cho đến câu nếu người nghe hiểu thì người nói phạm Ba-dật-đề… giống như đoạn văn trên. Nếu Tỳ-kheo đến nói với Tỳ-kheo là dòng thợ cạo tóc rằng: "Người kia nói thầy là dòng thợ cạo tóc nên học biết cách cạo râu tóc… các kỷ thuật như thế của thợ cạo tóc thầy nên học, xuất gia thọ giới làm gì", hỏi và đáp giống như đoạn văn trên cho đến câu nếu người nghe hiểu thì người nói phạm Ba-dật-đề… giống như đoạn văn trên. Nếu Tỳ-kheo đến nói với Tỳ-kheo là dòng Chiên-đà-la rằng: "Người kia nói thầy là dòng Chiên-đà-la nên học cách chặt tay… các kỷ thuật như thế của dòng Chiên-đà-la thầy nên học, xuất

gia thọ giới làm gì", hỏi và đáp giống như đoạn văn trên cho đến câu nếu người nghe hiểu thì người nói phạm Ba-dật-đề… giống như đoạn văn trên.

3. Về việc làm: Nếu Tỳ-kheo đến nói với Tỳ-kheo là dòng Sát-đế-lỵ rằng: "Người kia nói thầy là dòng Sát-đế-lỵ nên cởi voi ngựa… các việc làm như thế của dòng Sát-đế-lỵ thầy nên làm, xuất gia thọ giới làm gì", hỏi và đáp giống như đoạn văn trên cho đến câu nếu người nghe hiểu thì người nói phạm Đột-kiết-la… giống như đoạn văn trên. Nếu Tỳ-kheo đến nói với Ty-kheo là dòng Bà-la-môn rằng: "Người kia nói thầy là dòng Bà-la-môn nên đọc kinh Vệ đà … các việc làm như thế của dòng Bà-la-môn thầy nên làm, xuất gia thọ giới làm gì", hỏi và đáp giống như đoạn văn trên cho đến câu nếu người nghe hiểu thì người nói phạm Đột-kiết-la… giống như đoạn văn trên. Nếu Tỳ-kheo đến nói với Tỳ-kheo là dòng thương buôn rằng: "Người kia nói thầy là dòng thương buôn nên buôn bán, quản lý cửa hàng… các việc làm như thế của dòng thương buôn thầy nên làm, xuất gia thọ giới làm gì", hỏi và đáp giống như đoạn văn trên cho đến câu nếu người nghe hiểu thì người nói phạm Đột-kiết-la… giống như đoạn văn trên.

Nếu Tỳ-kheo đến nói với Tỳ-kheo là dòng thợ rèn rằng: "Người kia nói thầy là dòng thợ rèn nên làm nồi niêu xoong chảo… các việc làm như thế của dòng thợ rèn thầy nên làm, xuất gia thọ giới

làm gì ", hỏi và đáp giống như đoạn văn trên cho đến câu nếu người nghe hiểu thì người nói phạm Ba-dật-đề… giống như đoạn văn trên. Nếu Tỳ-kheo đến nói với Tỳ-kheo là dòng thợ mộc rằng: "Người kia nói thầy là dòng thợ mộc nên làm người gỗ nam hay nữ… các việc làm như thế của dòng thợ mộc thầy nên làm, xuất gia thọ giới làm gì", hỏi và đáp giống như đoạn văn trên cho đến câu nếu người nghe hiểu thì người nói phạm Ba-dật-đề… giống như đoạn văn trên. Nếu Tỳ-kheo đến nói với Tỳ-kheo là dòng thợ làm da rằng: "Người kia nói thầy là dòng thợ làm da nên lấy da ngâm rồi cắt rọc đề làm giày… các việc làm như thế của dòng thợ làm da thầy nên làm, xuất gia thọ giới làm gì", hỏi và đáp giống như đoạn văn trên cho đến câu nếu người nghe hiểu thì người nói phạm Ba-dật-đề… giống như đoạn văn trên. Nếu Tỳ-kheo đến nói với Tỳ-kheo là dòng thợ làm mây tre rằng: "Người kia nói thầy là dòng thợ làm mây tre nên chẻ mây tre để làm cung tên… các việc làm như thế của dòng thợ làm mây tre thầy nên làm, xuất gia thọ giới làm gì", hỏi và đáp giống như đoạn văn trên cho đến câu nếu người nghe hiểu thì người nói phạm Ba-dật-đề… giống như đoạn văn trên. Nếu Tỳ-kheo đến nói với Tỳ-kheo là dòng thợ cạo tóc rằng: "Người kia nói thầy là dòng thợ cạo tóc nên dùng dao cạo râu tóc… các việc làm như thế của dòng thợ cạo tóc thầy nên làm, xuất gia thọ giới

làm gì", hỏi và đáp giống như đoạn văn trên cho đến câu nếu người nghe hiểu thì người nói phạm Ba-dật-đề… giống như đoạn văn trên. Nếu Tỳ-kheo đến nói với Tỳ-kheo là dòng Chiên-đà-la rằng: "Người kia nói thầy là dòng Chiên-đà-la nên chặt tay xẻo tai… các việc làm như thế của dòng Chiên-đà-la thầy nên làm, xuất gia thọ giới làm gì", hỏi và đáp giống như đoạn văn trên cho đến câu nếu người nghe hiểu thì người nói phạm Ba-dật-đề… giống như đoạn văn trên.

4. Về phạm tội: Nếu Tỳ-kheo đến nói với Tỳ-kheo khác rằng: "Người kia nói thầy là người phạm tội… giống như đoạn văn trên cho đến câu phạm tội Đột-kiết-la", hỏi và đáp giống như đoạn văn trên cho đến câu nếu người nghe hiểu thì người nói phạm Ba-dật-đề… giống như đoạn văn trên.

5. Về bịnh hoạn: Nếu Tỳ-kheo đến nói với Tỳ-kheo khác rằng: "Người kia nói thầy mắc bịnh nan y… xuất gia thọ giới làm gì", hỏi và đáp giống như đoạn văn trên cho đến câu nếu người nghe hiểu thì người nói phạm Ba-dật-đề… giống như đoạn văn trên.

6. Về hình tướng: Nếu Tỳ-kheo đến nói với Tỳ-kheo khác rằng: "Người kia nói thầy là người có tương thô ác như… xuất gia thọ giới làm gì", hỏi và đáp giống như đoạn văn trên cho đến câu nếu người nghe hiểu thì người nói phạm Ba-dật-đề… giống như đoạn văn trên.

7. Về phiền não: Nếu Tỳ-kheo đến nói với Tỳ-kheo khác rằng: "Người kia nói thầy là người có phiền não sâu nặng… xuất gia thọ giới làm gì", hỏi và đáp giống như đoạn văn trên cho đến câu nếu người nghe hiểu thì người nói phạm Ba-dật-đề… giống như đoạn văn trên.

8. Về mắng chửi: Nếu Tỳ-kheo đến nói với Tỳ-kheo khác rằng: "Người kia nói thầy là người ưa mắng chửi… xuất gia thọ giới làm gì", hỏi và đáp giống như đoạn văn trên cho đến câu nếu người nghe hiểu thì người nói phạm Ba-dật-đề… giống như đoạn văn trên.

Nếu Tỳ-kheo dùng tám trường hợp trên đến nói với Tỳ-kheo khác với tâm ly gián thì phạm Ba-dật-đề và Đột-kiết-la; khác với tám trường hợp trên, nếu dùng trường hợp khác để ly gián thì phạm Đột-kiết-la; nếu Tỳ-kheo dùng tám trường hợp trên để ly gián chúng khác trừ Tỳ-kheo thì phạm Đột-kiết-la.

4. Giới Phát Khởi Lại Việc Tranh Cải:

Phật tại thành Vương xá, Lục quần Tỳ-kheo tánh ưa gây gỗ, khi Lục quần Tỳ-kheo gây gỗ với Tỳ-kheo khác, Tăng đã như pháp quyết đoán sự việc rồi, Lục quần cũng biết sự việc đã như pháp quyết đoán rồi vẫn muốn phát khởi trở lại nên nói rằng: "Các Trưởng lão, việc này xử đoán như thế là sai, xử đoán sai nên xử đoán trở lại, dứt diệt sai

nên dứt diệt lại", như thế khiến cho Tăng chưa bị phá liền bị phá, đã bị phá rồi thì không thể hòa hợp lại được; việc chưa sanh tranh cải liền sanh tranh cải, đã tranh cải rồi thì không thể dứt diệt được. Có Tỳ-kheo thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng rồi hỏi Lục quần Tỳ-kheo: "Các thầy thật đã làm việc này phải không?", Đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo khi Tăng đã như pháp quyết đoán sự việc xong rồi mà còn phát khởi trở lại, nói rằng: Các Trưởng lão… giống như đoạn văn trên. Như thế khiến cho Tăng chưa bị phá… giống như đoạn văn trên cho đến câu không thể dứt diệt được", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo khi Tăng đã như pháp quyết đoán việc tranh cải xong rồi mà còn phát khởi trở lại thì phạm Ba-dật-đề.

Như pháp quyết đoán là như pháp như luật như Tỳ-ni, như lời Phật dạy. Tranh cải phân biệt có bốn: Tướng ngôn tránh, vô căn tránh, phạm tội tránh và thường sở hành tránh. Phát khởi trở lại là nói rằng: quyết đoán sai, dứt diệt sai. Về người phân biệt có năm: Người trụ lâu, người khách, người thọ dục, người làm yết ma và người bị yết

ma.

Tướng phạm trong giới này là đối với Tướng ngôn tránh nếu Tỳ-kheo cựu trụ biết đã như pháp dứt diệt rồi, tưởng đã như pháp dứt diệt rồi mà còn phát khởi trở lại, nói rằng: "Các Trưởng lão, việc này đã quyết đoán sai, dứt diệt sai nên quyết đoán trở lại" thì phạm Ba-dật-đề. Đối với Tướng ngôn tránh tưởng là Vô căn tránh hay Phạm tội tránh hay là Thường sở hành tránh biết đã như pháp dứt diệt rồi và tưởng đã như pháp dứt diệt rồi mà còn phát khởi trở lại nói giống như trên thì phạm Ba-dật-đề. Đối với Vô căn tránh tưởng là Vô căn tránh, nếu Tỳ-kheo cựu trụ biết đã như pháp dứt diệt rồi, tưởng đã như pháp dứt diệt rồi mà còn phát khởi trở lại, nói rằng: "Các Trưởng lão, việc này đã quyết đoán sai, dứt diệt sai nên quyết đoán trở lại" thì phạm Ba-dật-đề. Đối với Vô căn tránh tưởng là Phạm tội tránh hay là Thường sở hành tránh hay là Tướng ngôn tránh, nếu Tỳ-kheo cựu trụ biết đã như pháp dứt diệt rồi, tưởng đã như pháp dứt diệt rồi mà còn phát khởi trở lại, nói rằng: "Các Trưởng lão, việc này đã quyết đoán sai, dứt diệt sai nên quyết đoán trở lại" thì phạm Ba-dật-đề. Đối với Phạm tội tránh tưởng là Phạm tội tránh, nếu Tỳ-kheo cựu trụ biết đã như pháp dứt diệt rồi, tưởng đã như pháp dứt diệt rồi mà còn phát khởi trở lại, nói rằng: "Các Trưởng lão, việc này đã quyết đoán sai, dứt diệt sai nên quyết đoán trở lại" thì phạm

Ba-dật-đề. Đối với Phạm tội tránh tưởng là Thường sở hành tránh hay là Tướng ngôn tránh hay là Vô căn tránh, nếu Tỳ-kheo cựu trụ biết đã như pháp dứt diệt rồi, tưởng đã như pháp dứt diệt rồi mà còn phát khởi trở lại, nói rằng: "Các Trưởng lão, việc này đã quyết đoán sai, dứt diệt sai nên quyết đoán trở lại" thì phạm Ba-dật-đề. Đối với Thường sở hành tránh tưởng là Thường sở hành tránh, nếu Tỳ-kheo cựu trụ biết đã như pháp dứt diệt rồi, tưởng đã như pháp dứt diệt rồi mà còn phát khởi trở lại, nói rằng: "Các Trưởng lão, việc này đã quyết đoán sai, dứt diệt sai nên quyết đoán trở lại" thì phạm Ba-dật-đề. Đối với Thường sở hành tránh tưởng là Tướng ngôn tránh hay là Vô căn tránh hay là Phạm tội tránh, nếu Tỳ-kheo cựu trụ biết đã như pháp dứt diệt rồi, tưởng đã như pháp dứt diệt rồi mà còn phát khởi trở lại, nói rằng: "Các Trưởng lão, việc này đã quyết đoán sai, dứt diệt sai nên quyết đoán trở lại" thì phạm Ba-dật-đề. Bốn hạng người sau là khách Tỳ-kheo, Tỳ-kheo thọ dục, Tỳ-kheo làm yết ma và Tỳ-kheo bị yết ma cũng giống như vậy.

Nếu Tỳ-kheo đối với sự việc đã như pháp diệt tránh rồi, tưởng đã như pháp diệt tránh rồi mà còn phát khởi trở lại thì phạm Ba-dật-đề; nếu tưởng là không như pháp diệt tránh mà phát khởi trở lại cũng phạm Ba-dật-đề.; nếu nghi là không như pháp diệt tránh mà phát khởi trở lại cũng phạm Ba-dật-

đề.

Nếu Tỳ-kheo đối với sự việc không như pháp diệt tránh mà tưởng là đã như pháp diệt tránh còn phát khởi trở lại thì phạm Đột-kiết-la; nếu tưởng đã như pháp diệt tránh mà còn phát khởi trở lại cũng phạm Đột-kiết-la; nếu nghi là đã như pháp diệt tránh mà phát khởi trở lại cũng phạm Đột-kiết-la. Nếu sự việc không như pháp diệt tránh tưởng không như pháp diệt tránh mà phát khởi trở lại thì không phạm.

5. Giới Nói Quá Năm, Sáu Lời:

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó Ca-lưu-đà-di trước giờ ngọ đắp y mang bát vào thành khất thực, ăn xong vào phòng cất y bát rồi đứng ở cửa phòng nghĩ rằng: Nếu có người nữ nào đến tham quan trong chùa ta sẽ dẫn đi xem phòng xá. Lúc đó có nhiều người nữ vào chùa tham quan, Ca-lưu-đà-di thấy rồi liền đến nói với họ rằng: "Các vị hãy đến đây, tôi sẽ dẫn đi xem phòng xá". Do nhân duyên này các người nữ nhóm lại, Ca-lưu-đà-di ở trước các người nữ nói điều đáng hổ thẹn như đem việc của bà mẹ nói cho người con gái nghe: "Mẹ của cô ở chỗ kín có tướng như thế như thế", người con gái suy nghĩ: "Nếu đúng như lời của-Tỳ-kheo nói thì chắc là đã cùng mẹ ta tư thông"; sau đó Ca-lưu-đà-di lại đem việc của người con gái nói cho bà mẹ: "Con gái của bà ở chỗ kín có tướng như thế như

thế", bà mẹ suy nghĩ: "Nếu đúng như lời Tỳ-kheo nói thì chắc là đã cùng con gái ta tư thông"; sau đó lại đem việc của người con dâu nói với bà mẹ chồng: "Con dâu của bà ở chỗ kín có tướng như thế như thế", bà mẹ chồng suy nghĩ: "Nếu đúng như lời Tỳ-kheo nói thì ắt là đã cùng con dâu của ta tư thông"; sau đó lại đem việc của bà mẹ chồng nói với người con dâu: "Mẹ chồng của cô ở chỗ kín có tướng như thế như thế", người con dâu suy nghĩ: "Nếu đúng như lời Tỳ-kheo nói thì ắt là đã cùng mẹ chồng của ta tư thông". Ca-lưu-đà-di khi nói những lời này đã khiến cho các phụ nữ đó nghi ngờ lẫn nhau và nghi cả chính bản thân mình. Có Tỳ-kheo thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng rồi hỏi Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di: "Thầy thật đã làm việc này phải không?" Đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo lại ở trước người nữ nói điều đáng hổ thẹn", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo nói pháp cho người nữ nghe quá năm, sáu lời thì phạm Ba-dật-đề, trừ có người nam hiểu biết bên cạnh.

Người nữ là người có thể thọ dâm dục. Quá năm, sáu lời là như nói ngũ ấm: sắc, thọ, tưởng,

hành, thức vô thường; sáu căn: Nhãn, nhĩ, tỉ, thiệt, thân vô thường. Pháp là lời Phật nói hay đệ tử nói hay thiên tiên nói, hóa nhơn nói về trì giới, bố thí sanh thiên, niết bàn. Người nam có hiểu biết là có thể phân biệt được lời nói tốt xấu.

Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo không có người nam hiểu biết bên cạnh mà nói pháp cho người nữ nghe quá năm, sáu lời hoặc nói kệ thì mỗi câu kệ đều phạm Ba-dật-đề; nếu nói kinh thì mỗi việc đều phạm Ba-dật-đề; nếu nói biệt cú thì mỗi câu phạm Ba-dật-đề; nếu sau đó có người nữ khác đến, Tỳ-kheo lại nói pháp cho cả hai người nữ nghe quá năm, sáu lời hay nói kệ thì mỗi câu kệ đều phạm Ba-dật-đề… giống như trên. Khi Tỳ-kheo từ tòa ngồi đứng dậy đi đến giữa đường gặp một người nữ đi ngược tới lại nói pháp cho nghe quá năm, sáu lời không có người nam bên cạnh; lúc đó người nữ trước đó lại vừa đi tới cùng nghe pháp, nếu Tỳ-kheo nói kệ thì mỗi câu kệ đều phạm Ba-dật-đề… giống như trên. Nếu Tỳ-kheo đến nhà khác nói pháp cho người nữ nghe quá năm, sáu lời mà không có người nam bên cạnh; người nữ trước đó lại đến đứng bên cửa cùng nghe pháp, nếu Tỳ-kheo nói kệ thì mỗi câu kệ đều phạm Ba-dật-đề… giống như trên. Không phạm là nếu Tỳ-kheo tán tụng hay đạt thẩn hay nói công đức bố thí hay trì giới hay người nữ hỏi mà đáp thì không phạm.

6. Giới Dạy Cú Pháp Cho Người Chưa Thọ Cụ Giới:

Phật tại nước A-la-tỳ, lúc đó Tỳ-kheo nước A-la-tỳ ở trong trú xứ dạy cú pháp cho người chưa thọ giới cụ túc, đủ câu hay không đủ câu, đủ vị hay không đủ vị, đủ chữ hay không đủ chữ. Do nhân duyên này trong chùa ồn náo, âm thanh tợ như tiếng của những người học toán số hay như Bà-la-môn học kinh Vệ đà hoặc như những người đánh cá bị mất cá. Phật nghe thấy tiếng ồn náo này liền hỏi A-nan nguyên do, A-nan đem việc trên bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng rồi hỏi Tỳ-kheo nước A-la-tỳ: "Thầy thật đã làm việc này phải không?" Đáp: "Thật vậy thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo lại dạy cú pháp cho người chưa thọ giới cụ túc", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo dạy cú pháp cho người chưa thọ giới cụ túc thì phạm Ba-dật-đề.

Người chưa thọ cụ giới là trừ Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni, những người khác đều là người chưa thọ cụ giới. Cú là bao gồm đủ câu hay không đủ câu, đủ vị hay không đủ vị, đủ chữ hay không đủ chữ. Nói đủ câu là câu có đủ vị đủ chữ, nếu không đủ vị đủ chữ thì gọi là không đủ câu. Pháp là lời Phật

nói… giống như giới trên. Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo dạy cú pháp đủ câu cho người chưa thọ cụ giới hay nói kệ thì mỗi câu phạm Ba-dật-đề… giống như giới trên. Nếu Tỳ-kheo dạy cú pháp không đủ câu cho người chưa thọ cụ giới hay nói kệ thì mỗi câu kệ đều phạm Ba-dật-đề… giống như giới trên. Không phạm là Tỳ-kheo nói xong mới đọc theo hoặc hỏi đáp.

-oOo-

LUẬT THẬP TỤNG

QUYỂN 10

V. CHÍN MƯƠI PHÁP BA DẬT ĐỀ (Tiếp Theo):

7. Giới Thật Có Pháp Hơn Người Đem Nói Cho Người Chưa Thọ Cụ Giới:

Phật tại nước Duy-na-ly, hạ an cư cùng chúng đại Tỳ-kheo, lúc đó ngoài thế gian đang mất mùa đói kém nên khất thực khó được, vợ con trong nhà còn không đủ cơm ăn áo mặc làm sao có thể sớt cho người khất thực. Phật do nhân duyên này nhóm họp các Tỳ-kheo bảo rằng: "Các Thầy nên biết, lúc này ở ngoài thế gian mất mùa… giống như đoạn văn trên cho đến câu cho người khất thực. Các thầy nên theo bà con quen biết hay thí chủ tịnh tín mà đến đó an cư, chớ nên ở nơi đây chịu khổ não vì ăn uống". Các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, ai nấy đều đến nhà bà con quen biết để an cư. Lúc đó có các Tỳ-kheo đến một chỗ trong nước Kiều-tát-la an cư, lại có các Tỳ-kheo đến bờ sông Bà-cầu-ma ở trong một tụ lạc an cư. Trong tụ lạc này có nhiều nhà giàu, nô tỳ, tài bảo, thóc lúa… đủ thứ thành tựu. Các Tỳ-kheo này suy nghĩ: "Nay ngoài thế gian

mất mùa đói kém khất thực khó được, vợ con trong nhà còn thiếu cơm ăn làm sao sớt cho người khác. Trong tụ lạc này có nhiều nhà giàu… đủ thứ thành tựu, chúng ta nên đến những nhà này khen ngợi lẫn nhau như sau: "Cư sĩ nên biết, các người nay được đại thiện lợi vì các Tỳ-kheo tăng nương ở trong tụ lạc này an cư, trong số đó có vị đã chứng A-la-hán, có vị đã được Hướng A-la-hán, có vị đã chứng A-na-hàm, có vị đã được Hướng A-na-hàm, có vị đã chứng Tư-đà-hàm, có vị đã được Hướng Tư-đà-hàm, có vị đã chứng Tu-đà-hoàn, có vị đã được Hướng Tu-đà-hoàn, có vị đã được Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền; có vị đã được vô lượng từ tâm, vô lượng bi tâm, vô lượng hỉ tâm, vô lượng xả tâm; có vị được vô lượng thức xứ, không xứ, vô sở hữu xứ, phi tường phi phi tưởng xứ; có vị được pháp quán bất tịnh, có vị được A-na-ban-na-niệm", nghĩ rồi các Tỳ-kheo liền vào trong tụ lạc đến các nhà giàu khen ngợi lẫn nhau giống như trong đoạn văn trên cho đến câu có vị được A-na-ban-na-niệm. Các cư sĩ nghe rồi liền sanh tâm tịnh tín nghĩ rằng: "Chúng ta nay được thiện lợi vì có chúng tăng là đại phước điền nương ở trong tụ lạc của chúng ta an cư, có vị đã chứng A-la-hán… giống như đoạn văn trên cho đến câu có vị được A-na-ban-na-niệm", do có lòng tin nên dù đang là lúc thế gian mất mùa đói kém khất thực khó được, mà các Tỳ-kheo này vẫn khất thực dễ được như lúc thế

gian được mùa sung túc, các cư sĩ cúng dường cho các Tỳ-kheo hai thời no đủ. Các Tỳ-kheo này do được cúng dường đầy đủ nên thân thể sung mãn, nhan sắc hồng hào tươi sáng. Pháp thường của chư Phật là một năm có hai kỳ đại hội vào tháng sau của cuối mùa xuân và vào tháng sau của cuối mùa hạ. Vào tháng cuối của mùa xuân, Tỳ-kheo các nơi suy nghĩ: "Phật đã dạy chúng ta nên an cư, trong ba tháng an cư tu tập sẽ được an lạc trụ", đây là đại hội thứ nhất. Vào tháng cuối của mùa hạ, các Tỳ-kheo an cư ba tháng đã xong nghĩ rằng: "Đã lâu chúng ta không gặp Phật", nghĩ rồi liền đắp y mang bát đi đến chỗ Thế tôn, đây là đại hội thứ hai. Lúc đó các Tỳ-kheo an cư ở nước Kiều-tát-la xong, đắp y mang bát đi đến thành Duy-na-ly, pháp thường của chư Phật là các Tỳ-kheo cùng Phật an cư nếu thấy có các Tỳ-kheo từ nơi khác đến phải đón tiếp thăm hỏi và phân chia phòng xá ngọa cụ cho nghỉ ngơi, nói rằng: "Đây là phòng của thầy, giường dây này có lỗ bệ to, giường dây này có lỗ bệ nhỏ, đây lá mền gối…", tùy theo thứ lớp mà phân chia. Lúc đó các Tỳ-kheo ở Duy-na-ly thấy các Tỳ-kheo ở nước Kiều-tát-la đến liền đón tiếp thăm hỏi… giống như trên đã nói, cho đến câu tùy theo thứ lớp phân chia cho ở rồi hỏi: "Các thầy có được an lạc không, khất thực không thiếu và đi đường không nhọc mệt chứ ?", các Tỳ-kheo Kiều-tát-la đáp: "Chúng tôi được an lạc trụ, đi đường không nhọc

mệt nhưng khất thực khó được", các Tỳ-kheo Duy-na-ly nói: "Các thầy tuy được an lạc trụ, đi đường không nhọc mệt nhưng vì khất thực khó được nên thân thể gầy ốm, nhan sắc tiều tụy". Lúc đó các Tỳ-kheo an cư ở bên sông Bà-cầu-ma đi đến thành Duy-na-ly cũng được đón tiếp thăm hỏi và được phân chia phòng xá ngọa cụ giống như trên. Khi các Tỳ-kheo Duy-na-ly thăm hỏi có được an lạc trụ… như trên thì các Tỳ-kheo Bà-cầu-ma đáp rằng: "Chúng tôi được an lạc trụ, khất thực không thiếu nhưng đi đường nhọc mệt", các Tỳ-kheo Duy-na-ly nói: "Các thầy quả thật được an lạc trụ, khất thực không thiếu nhưng đi đường nhọc mệt, vì sao, vì các thầy mập mạp, nhan sắc hồng hào", kế từ từ gạn hỏi các Tỳ-kheo Bà-cầu-ma: "Nay thế gian đang lúc mất mùa đói kém, khất thực khó được, vợ con trong nhà còn thiếu cơm ăn làm sao sớt cho người đi khất thực. Các thầy do nhân duyên gì trong ba tháng an cư lại khất thực không khó, khí lực được dồi dào, nhan sắc tươi sáng như thế?" Các Tỳ-kheo Bà-cầu-ma liền đem việc trên kể lại, các Tỳ-kheo Duy-na-ly hỏi: "Các thầy khen ngợi lẫn nhau như thế là thật có công đức này không?" đáp là thật có. Có Tỳ-kheo thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo lại vì ăn uống mà nói cho người chưa thọ cụ giới là mình đã chứng được pháp hơn người", quở trách rồi đem

việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng rồi hỏi các Tỳ-kheo Bà-cầu-ma: "Các thầy thật đã làm việc này phải không?" Đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo lại vì việc ăn uống nói mình thật có pháp hơn người cho người chưa thọ cụ giới nghe", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo thật có pháp hơn người mà đến nói cho người chưa thọ giới cụ túc nghe thì phạm Ba-dật-đề".

Thật có là thật chứng được Thánh pháp này.

Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo thật là A-la-hán mà đến nói cho người khác nghe thì phạm Ba-dật-đề; thật là hướng A-la-hán… cho đến hướng Tu-đà-hoàn mà đến nói cho người khác nghe đều phạm Ba-dật-đề. Thật được Sơ thiền, nhị thiền… cho đến A-na-ban-na-niệm mà đến nói cho người khác nghe đều phạm Ba-dật-đề. Nếu nói là tôi trì giới cho người khác nghe thì phạm Đột-kiết-la; nếu Tỳ-kheo thật thấy chư thiên … quỷ La sát đến chỗ mình, đem nói cho người khác nghe đều phạm Ba-dật-đề; nếu thật thấy thổ quỷ đến chỗ mình đem nói cho người khác nghe thì phạm Đột-kiết-la.

8. Giới Nói Tội Thô Của-Tỳ-kheo Cho

Người Chưa Thọ Giới Cụ Túc:

Phật tại thành Vương xá, Lục quần Tỳ-kheo tánh ưa gây gỗ, khi cùng Tỳ-kheo khác gây gỗ liền đến nói với người chưa thọ giới cụ túc về tội thô của-Tỳ-kheo đó rằng: "Tỳ-kheo ..... phạm Ba-la-di, Tăng-già-bà-thi-sa, Ba-dật-đề, Ba-la-đề-đề-xá-ni, Đột-kiết-la". Như thế khiến cho Tăng chưa bị phá liền bị phá, đã bị phá không thể hòa hợp được; việc chưa xảy ra liền xảy ra, việc đã xảy ra không thể dứt diệt được. Có Tỳ-kheo thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng rồi hỏi Lục quần Tỳ-kheo: "Các thầy thật đã làm việc này phải không?" Đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo lại ưa thích gây gỗ, khi cùng người khác gây gỗ liền đến nói với người chưa thọ giới cụ túc… giống như đoạn văn trên cho đến câu phạm Đột-kiết-la", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo biết người khác có tội thô ác mà đến nói cho người chưa thọ giới cụ túc biết thì phạm Ba-dật-đề, trừ Tăng yết ma.

Biết là tự biết hay nghe từ người khác hay người khác tự nói. Tội thô ác: Thô là tội Ba-la-di, Tăng-già-bà-thi-sa; tất cả tội phạm đều gọi là ác.

Người chưa thọ giới cụ túc như trong giới trên đã giải thích. Trừ Tăng yết ma là nếu Tỳ-kheo ở nhà bạch y làm việc xấu xa hay bảo người làm thì người này Hiện tiền tăng nên làm yết ma nói tội. Pháp yết ma nói tội là trước tiên nên tìm người có thể nói tội như sau: Khi Tăng nhất tâm hòa hợp, một người hỏi rằng: "Vị nào có thể nói tội của-Tỳ-kheo ....., vị nào có thể ở trước cư sĩ ..... nói tội của-Tỳ-kheo.....?". Trong Tăng nếu có Tỳ-kheo nào nói là có thể thì Tăng nên trù lượng xem Tỳ-kheo này nếu có năm pháp: Tùy ái nói, tùy sân nói, tùy si nói, tùy sợ nói và không biết nên nói hay không nên nói; thì Tăng không nên sai Tỳ-kheo này làm người nói tội. Ngược lại nếu thành tựu năm pháp: Không tùy ái nói, không tùy sân nói, không tùy si nói, không tùy sợ nói và biết nên nói hay không nên nói; thì Tăng nên sai làm người nói tội. một Tỳ-kheo tác bạch yết ma sai như sau:

Đại-đức Tăng lắng nghe, Tỳ-kheo ..... có thể làm người nói tội, có thể ở trước cư sĩ ..... nói tội của-Tỳ-kheo ..... Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng sai Tỳ-kheo ..... làm người nói tội. Bạch như vậy.

Như thế Bạch-nhị-yết-ma cho đến câu Tăng sai Tỳ-kheo ..... làm người nói tội xong rồi, Tăng chấp thuận vì im lăng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

Nếu Tỳ-kheo được sai làm người nói tội mới

được nói tội của-Tỳ-kheo phạm tội, các Tỳ-kheo khác không được nói, nếu Tỳ-kheo khác nói thì phạm Đột-kiết-la; nếu sai đến nói với cư sĩ ..... thì không được đến nói với các cư sĩ khác, nếu đến nói với cư sĩ khác thì phạm Đột-kiết-la. Tùy nhà sai nói một nhà hay nhiều nhà; tùy chỗ sai nói một chỗ hay nhiều chỗ; tùy tụ lạc sai nói một tụ lạc hay nhiều tụ lạc… nếu sai đến nói chỗ này mà đến nói chỗ khác thì phạm Đột-kiết-la.

Nếu Tỳ-kheo phạm tội bị Tăng làm yết ma nói tội rồi mà còn xúc não Tăng thì tất cả Tăng được nói tội của-Tỳ-kheo này, nên tác pháp như sau: Khi Tăng nhất tâm hòa hợp, một Tỳ-kheo tác bạch yết ma như sau:

Đại-đức Tăng lắng nghe, Tỳ-kheo ..... này khi Tăng làm yết ma nói tội rồi thường xúc não Tăng. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận cho tất cả Tăng tùy ý, tùy thời, tùy chỗ nói tội của-Tỳ-kheo này. Bạch như vậy.

Như thế Bạch-tứ-yết-ma cho đến câu Tăng làm yết ma tùy ý nói tội xong rồi, Tăng chấp thuận vì im lăng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo thấy Tỳ-kheo khác phạm Ba-la-di tưởng là Ba-la-di, trong khi thấy tưởng là thấy, trong khi thấy tưởng không thấy, trong khi thấy khởi nghi; trong khi nghe tưởng nghe, trong khi nghe tưởng không

nghe, trong khi nghe khởi nghi, nếu nói tên tội thì phạm Ba-dật-đề, nếu nói sự việc thì phạm Đột-kiết-la. Nếu Tỳ-kheo thấy Tỳ-kheo khác phạm Tăng-già-bà-thi-sa tưởng là Tăng-già-bà-thi-sa, trong khi thấy tưởng là thấy… giống như đoạn văn trên cho đến câu nếu nói sự việc thì phạm Đột-kiết-la. Như thế nếu thấy Tỳ-kheo khác phạm Ba-dật-đề, Ba-la-đề-đề-xá-ni, Đột-kiết-la; trong Đột-kiết-la tưởng là Đột-kiết-la, trong khi thấy tưởng là thấy, trong khi thấy tưởng không thấy… trong khi nghe khởi nghi, nếu nói tên tội thì phạm Đột-kiết-la, nói sự việc cũng Đột-kiết-la, tùy nói tên hay sự việc mỗi mỗi lời đều phạm Đột-kiết-la.

Nếu Tỳ-kheo thấy Tỳ-kheo khác phạm Ba-la-di nói là Ba-la-di hay nói là Tăng-già-bà-thi-sa hoặc là Ba-dật-đề hoặc là Ba-la-đề-đề-xá-ni hoặc là Đột-kiết-la; trong Ba-la-di tưởng là Đột-kiết-la, trong khi thấy tưởng là thấy… trong khi nghe khởi nghi, nếu nói tên tội thì phạm Ba-dật-đề, nếu nói sự việc thì phạm Đột-kiết-la, tùy nói tên hay sự việc mỗi mỗi lời đều phạm Ba-dật-đề và Đột-kiết-la. Nếu Tỳ-kheo thấy Tỳ-kheo khác phạm Tăng-già-bà-thi-sa nói là Tăng-già-bà-thi-sa hay nói là Ba-dật-đề hoặc là Ba-la-đề-đề-xá-ni hoặc là Đột-kiết-la hoặc là Ba-la-di; trong Tăng-già-bà-thi-sa tưởng là Ba-la-di, trong khi thấy tưởng là thấy… trong khi nghe khởi nghi, nếu nói tên tội thì phạm Ba-dật-đề… giống như đoạn văn trên. Nếu Tỳ-

kheo thấy Tỳ-kheo khác phạm Ba-dật-đề, Ba-la-đề-đề-xá-ni, Đột-kiết-la; trong Đột-kiết-la nói là Đột-kiết-la hay nói là Ba-la-di hoặc là Tăng-già-bà-thi-sa hoặc là Ba-la-đề-đề-xá-ni, trong Đột-kiết-la tưởng là Ba-la-đề-đề-xá-ni, trong khi thấy tưởng là thấy… trong khi nghe khởi nghi, nếu nói tên tội thì phạm Đột-kiết-la, nói sự việc cũng Đột-kiết-la, tùy nói tên hay sự việc mỗi mỗi lời đều Đột-kiết-la.

Nếu Tỳ-kheo thấy Tỳ-kheo khác phạm Ba-la-di khởi nghi không biết là Ba-la-di hay không phải là Ba-la-di, Tỳ-kheo này sau khi dứt nghi ở trong Ba-la-di tưởng là Ba-la-di, trong khi thấy tưởng là thấy… trong khi nghe khởi nghi, nếu nói tên tội thì phạm Ba-dật-đề… giống như đoạn văn trên. Nếu Tỳ-kheo thấy Tỳ-kheo khác phạm Tăng-già-bà-thi-sa khởi nghi không biết là Tăng-già-bà-thi-sa hay không phải là Tăng-già-bà-thi-sa, Tỳ-kheo này sau khi dứt nghi ở trong Tăng-già-bà-thi-sa tưởng là Tăng-già-bà-thi-sa, trong khi thấy tưởng thấy… trong khi nghe khởi nghi, nếu nói tên tội thì phạm Ba-dật-đề… giống như đoạn văn trên. Nếu Tỳ-kheo thấy Tỳ-kheo khác phạm Ba-dật-đề, Ba-la-đề-đề-xá-ni, Đột-kiết-la; ở trong Đột-kiết-la tưởng và nghi không biết là Đột-kiết-la hay không phải là Đột-kiết-la, trong khi thấy tưởng thấy… trong khi nghe khởi nghi, nếu nói tên tội thì phạm Đột-kiết-la, nếu nói sự việc cũng Đột-kiết-la, tùy nói tên hay

sự việc mỗi mỗi lời đều phạm Đột-kiết-la.

Nếu Tỳ-kheo thấy Tỳ-kheo khác phạm Ba-la-di, ở trong Ba-la-di khởi nghi không biết là Ba-la-di hay là Tăng-già-bà-thi-sa; là Ba-la-di hay là Ba-dật-đề; là Ba-la-di hay là Ba-la-đề-đề-xá-ni; là Ba-la-di hay là Đột-kiết-la. Sau khi dứt nghi ở trong Ba-la-di tưởng là Ba-la-di, trong khi thấy tưởng là thấy… trong khi nghe khởi nghi, nếu nói tên tội thì phạm Ba-dật-đề… giống như đoạn văn trên. Nếu Tỳ-kheo thấy Tỳ-kheo khác phạm Tăng-già-bà-thi-sa khởi nghi không biết là Tăng-già-bà-thi-sa hay là Ba-dật-đề; là Tăng-già-bà-thi-sa hay là Ba-la-đề-đề-xá-ni; là Tăng-già-bà-thi-sa hay là Đột-kiết-la; là Tăng-già-bà-thi-sa hay là Ba-la-di. Sau khi dứt nghi ở trong Tăng-già-bà-thi-sa tưởng là Tăng-già-bà-thi-sa, trong khi thấy tưởng là thấy… trong khi nghe khởi nghi, nếu nói tên tội thì phạm Ba-dật-đề… giống như đoạn văn trên. Nếu Tỳ-kheo thấy Tỳ-kheo khác phạm Ba-dật-đề, Ba-la-đề-đề-xá-ni, Đột-kiết-la; ở trong Đột-kiết-la khởi nghi không biết là Đột-kiết-la hay là Ba-la-di; là Đột-kiết-la hay là Tăng-già-bà-thi-sa; là Đột-kiết-la hay là Ba-dật-đề; là Đột-kiết-la hay là Ba-la-đề-đề-xá-ni. Sau khi dứt nghi ở trong Đột-kiết-la tưởng là Đột-kiết-la, trong khi thấy tưởng thấy… trong khi nghe sanh nghi, nếu nói tên tội thì phạm Đột-kiết-la… giống như đoạn văn trên.

Nếu Tỳ-kheo thấy Tỳ-kheo khác phạm Ba-la-

di khởi nghi không biết là Ba-la-di hay là Tăng-già-bà-thi-sa hay là Ba-dật-đề hay là Ba-la-đề-đề-xá-ni hay là Đột-kiết-la. Người này ở trong Ba-la-di quyết định khởi tưởng là Đột-kiết-la, trong khi thấy tưởng là thấy… trong khi nghe khởi nghi, nếu nói tên tội thì phạm Ba-dật-đề… giống như đoạn văn trên. Nếu Tỳ-kheo thấy Tỳ-kheo khác phạm Tăng-già-bà-thi-sa khởi nghi không biết là Tăng-già-bà-thi-sa ha là Ba-dật-đề hay là Ba-la-đề-đề-xá-ni hay là Đột-kiết-la hay là Ba-la-di. Người này ở trong Tăng-già-bà-thi-sa quyết định khởi tưởng là Ba-la-di, trong khi thấy tưởng là thấy… trong khi nghe khởi nghi, nếu nói tên tội thì phạm Ba-dật-đề… giống như đoạn văn trên. Nếu Tỳ-kheo thấy Tỳ-kheo khác phạm Ba-dật-đề, Ba-la-đề-đề-xá-ni, Đột-kiết-la. Người này ở trong Đột-kiết-la khởi nghi là Ba-la-di hay là Tăng-già-bà-thi-sa hay là Ba-dật-đề hay là Ba-la-đề-đề-xá-ni; ở trong Đột-kiết-la quyết định khởi tưởng là Ba-la-đề-đề-xá-ni, trong khi thấy tưởng là thấy… trong khi nghe khởi nghi, nếu nói tên tội thì phạm Đột-kiết-la… giống như đoạn văn trên.

9. Giới Vu báng Tăng Hồi Chuyển Tăng Vật:

Phật tại thành Vương xá, Trưởng lão Đà-phiêu lực sĩ tử có nhiều người quen biết có thể cúng dường cho Tăng ẩm thực, y phục, ngọa cụ, y dược

và các đồ cần dùng. Lúc đó y phục của Trưởng lão Đà-phiêu đã cũ rách, các cư sĩ nhơn nơi Trưởng lão Đà-phiêu nên cúng dường cho Tăng nhiều ẩm thực và y phục, hiện tiền Tăng nên chia. Tỳ-kheo Di-đa-la-phù-ma suy nghĩ: "Nhơn nơi Tỳ-kheo Đà-phiêu nên Tăng được cúng dường nhiều ẩm thực… hiện tiền Tăng nên chia, ta nên ở trước Tăng khuyên làm yết ma chia cho Tỳ-kheo Đà-phiêu", nghĩ rồi liền ở trước Tăng khuyên chia cho Tỳ-kheo Đà-phiêu nhưng sau lại nói rằng: "Các Tỳ-kheo đem vật của Tăng hồi chuyển cho người quen biết". Có Tỳ-kheo thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng rồi hỏi Tỳ-kheo Di-đa-la-phù-ma: "Thầy thật đã làm việc này phải không?" Đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo rước đã tự khuyên Tăng chia cho sau lại nói rằng: Các Tỳ-kheo đem vật của Tăng hồi chuyển cho người quen biết", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo trước đã tự khuyên Tăng cho, sau lại nói rằng: Các Tỳ-kheo đem vật của Tăng hồi chuyển cho người quen biết thì phạm Ba-dật-đề.

Trước khuyên Tăng cho là trước thuận theo ý muốn của Tăng.

Sau nói Tăng hồi chuyển vật của Tăng cho

người quen biết là Hòa thượng, A-xà-lê, đồng hòa thượng, đồng A-xà-lê, thiện tri thức, người được yêu mến, đồng sự… Vật của tăng là vật được bố thí như y bát, bốn loại dược…

Tướng phạm trong giới này là Tỳ-kheo nếu trước đã khuyên Tăng cho rồi sau lại nói rằng: "Các Tỳ-kheo đem vật của Tăng hồi chuyển cho người quen biết", thì phạm Ba-dật-đề. Nếu nói hồi chuyển cho Hòa thượng, A-xà-lê… đều phạm Ba-dật-đề.

10. Giới Chê Bai Giới Đã Học:

Phật tại nước Câu-diệm-di, lúc đó Trưởng lão Xiển-đà phạm tội nên sám hối, các Tỳ-kheo thương xót muốn làm lợi ích nên khi thuyết giới khuyên thầy ấy sám hối rằng: "Thầy phạm tội ..... nên phát lồ sám hối, chớ có che dấu", Xiển-đà nói: "Chớ nói những giới vụn vặt này làm chi, vào mỗi nửa tháng nói giới sẽ khiến các Tỳ-kheo nghi hối, nhiệt não, ưu sầu không vui và sanh tâm xả giới". Có Tỳ-kheo thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng rồi hỏi Tỳ-kheo Xiển-đà: "Thầy thật đã làm việc này phải không?" Đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo lại chê bai giới đã học", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên kết giới cho

các Tỳ-kheo, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo khi thuyết giới nói rằng: Cần gì nói những giới vụn vặt này, vào mỗi nửa tháng thuyết giới sẽ khiến cho các Tỳ-kheo nghi hối, nhiệt não, ưu sầu không vui và sanh tâm xả giới. Khi nói lời khinh chê giới như thế thì phạm Ba-dật-đề.

Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo khi Tăng thuyết giới nói bốn Ba-la-di liền nói rằng: "Cần gì nói bốn Ba-la-di này, vào mỗi nửa tháng thuyết giới sẽ khiến cho… giống như đoạn văn trên", thì phạm Ba-dật-đề; khi Tăng thuyết giới nói đến mười ba pháp Tăng-già-bà-thi-sa, hai pháp Bất định, ba mươi pháp Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề, chín mươi pháp Ba-dật-đề, bốn pháp Ba-la-đề-đề-xá-ni, Đa chúng học pháp và bảy pháp Diệt tránh, cho đến khi nói tùy kinh luật nếu nói rằng: "Cần gì nói tùy luật kinh, vào mỗi nửa tháng thuyết giới sẽ khiến cho… giống như đoạn văn trên" thì đều phạm Ba-dật-đề. Trừ tùy luật kinh, khi nói các kinh khác nói rằng: "Cần gì nói kinh này sẽ khiến cho các Tỳ-kheo nghi hối…", thì phạm Đột-kiết-la, tùy trường hợp nói mỗi mỗi lời đều phạm Ba-dật-đề và Đột-kiết-la.

11. Giới Hoại Quỷ Thần Thôn:

Phật tại nước A-la-tỳ, lúc đó các Tỳ-kheo A-la-tỳ tự tay nhổ cỏ trong chùa, cỏ chỗ đi kinh hành, tự

tay hái hoa… Có cư sĩ nơi loài cây cỏ khởi tưởng là có mạng sống, thấy việc làm này của-Tỳ-kheo liền chê trách rằng: "Sa-môn Thích tử là người đoạt mạng sống, giết hại chúng sanh". Có Tỳ-kheo thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng rồi hỏi các Tỳ-kheo nước A-la-tỳ: "Các thầy thật đã làm việc này phải không?" Đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo lại nhổ cỏ trong chùa, cỏ chỗ đi kinh hành…", Phật chỉ quở trách nhưng chưa kết giới.

Phật tại nước Xá-vệ, có một Tỳ-kheo Ma-ha-lư thuộc dòng thợ mộc chặt phá cây cối để xây cất phòng xá. Thần cây này vào cuối đêm bồng đứa con nhỏ và dắt theo con trai con gái đến chỗ Phật đảnh lễ rồi bạch Phật rằng: "Thế tôn, tại sao có pháp này, chỗ chúng tôi nương ở lại chặt phá để xây cất phòng xá, con của tôi còn nhỏ lại đông, vào mùa đông lạnh lẽo con của tôi làm sao được an ổn". Lúc đó Phật bảo các Tỳ-kheo: "Việc làm này là phi pháp, không nên làm vì cư sĩ và thiên thần đều chê trách", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo, từ nay giới này nên nói như sau: Nếu Tỳ-kheo chặt phá thôn xóm của quỷ thần thì phạm Ba-dật-đề.

Thôn xóm quỷ thần là cây cỏ tươi mà chúng sanh nương ở. Chúng sanh bao gồm các thần như

thần cây, thần suối, thần sông… cho đến trùng kiến. Những chúng sanh này đều lấy cây cỏ làm nhà, cũng lấy làm thôn xóm thành ấp. Tươi là rễ đang hút nước. Chặt phá là tự chặt hay bảo người chặt, tự phá ha bảo người phá, tự đốt hay bảo người đốt. Cây cỏ có năm loại là giống củ, giống cây, giống lóng đốt, giống tự rụng, giống hột. Giống củ là như ngó sen, la bặc…; giống cây là như cây lựu, cây nho, cây dương liễu…; giống lóng đốt là như mía, tre…; giống tự rụng là như lục-a-tu-lư, ba-tu-lư, tu-già-la, bồ-đề-na…; giống hạt là như lúa mè bắp đậu…

Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo trong loại giống củ tưởng là loại giống củ; tươi, sống tưởng là sống mà tự chặt hay bảo người chặt, tự phá hay bảo người phá, tự đốt hay bảo người đốt đều phạm Ba-dật-đề. Nếu Tỳ-kheo trong loại giống củ tưởng là loại giống cây, loại giống lóng đốt, loại giống tự rụng, loại giống hạt; tươi, sống tưởng là sống mà tự chặt… đều phạm Ba-dật-đề. Nếu Tỳ-kheo trong loại giống cây tưởng là loại giống cây; tươi, sống tưởng là sống mà tự chặt… thì phạm Ba-dật-đề. Nếu Tỳ-kheo trong loại giống cây tưởng là loại giống lóng đốt, loại giống tự rụng, loại giống hạt, loại giống củ; tươi, sống tưởng là sống mà tự chặt… đều phạm Ba-dật-đề. Nếu Tỳ-kheo trong loại giống lóng đốt tưởng là loại giống lóng đốt; tươi, sống tưởng là sống mà tự chặt… thì phạm Ba-

dật-đề. Nếu Tỳ-kheo trong loại giống lóng đốt tưởng là loại giống tự rụng, loại giống hạt, loại giống củ, loại giống cây; tươi, sống tưởng là sống mà tự chặt… đều phạm Ba-dật-đề. Nếu Tỳ-kheo trong loại giống tự rụng tưởng là loại giống tự rụng; tươi, sống tưởng là sống mà tự chặt… thì phạm Ba-dật-đề. Nếu Tỳ-kheo trong loại giống tự rụng tưởng là loại giống hạt, loại giống củ, loại giống cây, loại giống lóng đốt; tươi, sống tưởng là sống mà tự chặt… đều phạm Ba-dật-đề. Nếu Tỳ-kheo trong loại giống hạt tưởng là loại giống hạt; tươi, sống tưởng là sống mà tự chặt… thì phạm Ba-dật-đề. Nếu Tỳ-kheo trong loại giống hạt tưởng là loại giống củ, loại giống cây, loại giống lóng đốt, loại giống tự rụng; tươi, sống tưởng là sống mà tự chặt… đều phạm Ba-dật-đề.

Nếu Tỳ-kheo cùng một lúc đốt năm loại giống này thì cùng một lúc phạm năm tội Ba-dật-đề, đốt mỗi loại giống thì mỗi loại phạm một Ba-dật-đề, tùy đốt bao nhiêu loại giống thì phạm Ba-dật-đề bấy nhiêu. Nếu Tỳ-kheo tự chặt cây hay bảo người chặt cây thì phạm Ba-dật-đề, tùy chặt bao nhiêu cây thì phạm Ba-dật-đề bấy nhiêu. Cây cỏ sống tưởng là sống, tự chặt bảo người chặt đều phạm Ba-dật-đề; nếu sống mà tưởng là cây khô, tự chặt bảo người chặt cũng phạm Ba-dật-đề; nếu sống mà nghi không biết là sống hay khô, tự chặt bảo người chặt cũng phạm Ba-dật-đề. Nếu cây cỏ khô mà

tưởng là sống, tự chặt bảo người chặt thì phạm Đột-kiết-la; nếu khô mà nghi không biết là khô hay sống, tự chặt bảo người chặt cũng phạm Đột-kiết-la; nêu khô tưởng là khô, tự chặt bảo người chặt thì không phạm.

12. Giới Hiềm Trách Người Được Tăng Sai:

Phật tại thành Vương xá, lúc đó Trưởng lão Đà-phiêu lực sĩ tử thành tựu năm pháp: Không tùy ái, không tùy sân, không tùy si, không tùy sợ và biết thứ lớp tùy thượng Hạ tòa sai đi phó hội; nên Tăng yết ma cử Trưởng lão làm người sai đi phó hội. Tỳ-kheo Di-đa-la-phù-ma được sai đi thọ thỉnh thực nhằm chỗ cúng thức ăn thô dỡ, khi ăn thức ăn dỡ này liền nghĩ rằng: "Tỳ-kheo Đà-phiêu này tùy ái, tùy sân, sợ si và không biết thứ lớp thượng Hạ tòa mà sai đi phó hội, chúng ta nên cùng nhau diệt tẫn người này rồi cử lại người sai đi phó hội". Có Tỳ-kheo thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng rồi hỏi Tỳ-kheo Di-đa-la phù ma: "Thầy thật đã làm việc này phải không?" Đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo, Tăng đã như pháp cử người sai đi phó hội, lại vì sân giận mà cơ hiềm", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên kết giới cho các

Tỳ-kheo, từ nay giới này nên nói như sau: Nếu Tỳ-kheo vì sân giận mà cơ hiềm người sai đi phó hội thì phạm Ba-dật-đề.

Tướng phạm trong giới này là nếu Tăng như pháp yết ma cử người sai đi phó hội, vì sân giận mà cơ hiềm người này thì phạm Ba-dật-đề. Nếu Tăng như pháp yết ma sai mười bốn hạng người, vì sân giận mà cơ hiềm người này thì phạm Ba-dật-đề. Nếu mười hai hạng người chưa xả yết ma, vì sân giận mà cơ hiềm người này thì phạm Ba-dật-đề; nếu xả yết ma rồi mà cơ hiềm người này thì phạm Đột-kiết-la. Hai hạng người còn lại trong mười bốn hạng người được Tăng sai là người giáo giới ni và người được sai đi nhận lấy thức ăn trong giới Hối thứ tư của Ba-la-đề-đề-xá-ni, dù chưa xả yết ma hay đã xả yết ma, vì sân giận mà cơ hiềm hai hạng người này thì phạm Ba-dật-đề và Đột-kiết-la; cho đến vị ở khác phòng và đồng sự sai đi phó hội, vì sân giận mà cơ hiềm người này thì phạm Đột-kiết-la. Phật kết giới rồi Tỳ-kheo Phù ma không ở trước mặt cơ hiềm nữa, nhưng vẫn ở xa sân giận cơ hiềm như trên, có Tỳ-kheo thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng rồi hỏi Tỳ-kheo Di-đa-la-phù-ma: "Thầy thật đã làm việc này phải không?" Đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo, Tăng

đã như pháp yết ma cử người sai đi phó hội liền ở xa sân giận cơ hiềm", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Từ nay giới này nên nói lại như sau:

Nếu Tỳ-kheo ở trước mặt hay ở xa vì sân giận cơ hiềm người được Tăng sai thì phạm Ba-dật-đề.

Tướng phạm trong giới này là nếu Tăng như pháp yết ma cử người sai đi phó hội, Tỳ-kheo vì sân giận mà ở xa cơ hiềm; người này nghe được thì phạm Ba-dật-đề, không nghe được thì phạm Đột-kiết-la. Nếu Tăng yết ma sai mười bốn hạng người, Tỳ-kheo vì sân giận ở xa cơ hiềm; người này nghe được thì phạm Ba-dật-đề, không nghe được thì phạm Đột-kiết-la. Nếu Tỳ-kheo đối với mười hai hạng người chưa xả yết ma, vì sân giận ở xa cơ hiềm; người này nghe được thì phạm Ba-dật-đề, không nghe được thì phạm Đột-kiết-la; nếu đã xả yết ma rồi, vì sân giận ở xa cơ hiềm, dù người này nghe được hay không nghe được đều phạm Đột-kiết-la. Hai hạng người còn lại trong mười bốn hạng người được Tăng sai kể trên dù xả yết ma hay chưa xả yết ma, nếu vì sân giận ở xa cơ hiềm, hai hạng người này nghe biết được thì phạm Ba-dật-đề, không nghe được thì phạm Đột-kiết-la; cho đến vị khác phòng và đồng sự sai đi phó hội, vì sân giận ở xa cơ hiềm, dù người này nghe được hay không nghe được đều phạm Đột-kiết-la.

13. Giới Cố Ý Xúc Não Tỳ-kheo:

Phật tại nước Câu-diệm-di, lúc đó Tỳ-kheo Xiển-đà phạm tội nên sám hối, các Tỳ-kheo vì thương xót muốn làm lợi ích nên bảo Xiển-đà: "Thầy đã phạm tội nên phát lồ sám hối, chớ có che dấu", Xiển-đà nói: "Các thầy nói tôi phạm tội sao, tôi không cho phép các thầy nói tôi phạm tội", các Tỳ-kheo nói: "Thầy nếu có phạm tội thì nói là có, không thì nói là không, tại sao lại nói quanh co dựa vào việc khác", Xiển-đà nói: "Tôi không can dự vào việc của các thầy, tôi sợ các thầy hay sao mà lại nói quanh co dựa vào việc khác". Có Tỳ-kheo thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng rồi hỏi Tỳ-kheo Xiển-đà: "Thầy thật đã làm việc này phải không?" Đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo đã phạm tội rồi lại nói quanh co dựa vào việc khác", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Các thầy nên tác pháp ức niệm cho Tỳ-kheo Xiển-đà đã nói quanh co dựa vào việc khác, nếu có Tỳ-kheo nào giống như Xiển-đà cũng nên tác pháp ức niệm như sau: khi Tăng nhất tâm hòa hợp, một Tỳ-kheo trong Tăng nên tác bạch yết ma như sau:

Đại-đức Tăng lắng nghe, Tỳ-kheo Xiển-đà này phạm tội lại nói quanh co dựa vào việc khác. Nếu

tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng tác pháp ức niệm cho Tỳ-kheo Xiển-đà: Này Xiển-đà, tùy thầy nói quanh co dựa vào việc khác như thế nào, Tăng đều tùy nhớ nghĩ. Bạch như vậy. Như thế Bạch-nhị-yết-ma cho đến câu Tăng đã tác pháp ức niệm xong, Tăng chấp thuận vì im lặng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

Phật bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo dựa vào việc khác để xúc não Tỳ-kheo khác thì phạm Ba-dật-đề.

Tướng phạm trong giới này là nếu Tăng chưa tác pháp nhớ nghĩ mà nói quanh co dựa vào việc khác thì phạm Đột-kiết-la, nếu Tăng đã tác pháp nhớ nghĩ rồi thì phạm Ba-dật-đề.

Phật tại nước Câu-diệm-di, lúc đó Xiển-đà lại phạm tội nên sám hối, các Tỳ-kheo khuyên bảo phát lồ sám hối như trước, Xiển-đà suy nghĩ: "Nếu ta nói quanh co dựa vào việc khác thì Tăng sẽ tác pháp nhớ nghĩ, vậy ta nên im lặng", nghĩ rồi Xiển-đà liền im lặng, các Tỳ-kheo nói: "Nếu thầy có tội thì nói là có, không thì nói là không, cớ sao lại im lặng xúc não", Xiển-đà nói: "Đối với các thầy tôi là cái gì, tôi không sợ các thầy đâu", nói rồi im lặng như cũ. Có Tỳ-kheo thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc

này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng rồi hỏi Tỳ-kheo Xiển-đà: "Thầy thật đã làm việc này phải không?" Đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo đã phạm tội rồi lại im lăng xúc não người khác", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Các thầy nên tác pháp nhớ nghĩ cho Tỳ-kheo Xiển-đà đã im lặng xúc não người khác, nên tác pháp như sau: khi Tăng nhất tâm hòa hợp, một Tỳ-kheo trong Tăng tác bạch yết ma như sau: Đại-đức Tăng lắng nghe, Tỳ-kheo Xiển-đà này phạm tội đã im lặng xúc não người khác. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng tác pháp nhớ nghĩ cho Tỳ-kheo Xiển-đà phạm tội đã im lặng xúc não người khác: Này Xiển-đà, tùy thầy im lặng xúc não người khác bao nhiêu, Tăng đều tùy nhớ nghĩ bấy nhiêu. Bạch như vậy. Như thế Bạch-nhị-yết-ma cho đến câu Tăng tác pháp nhớ nghĩ đã xong, Tăng chấp thuận vì im lăng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

Từ nay giới này nên nói lại như sau:

Nếu Tỳ-kheo nói quanh co dựa vào việc khác và im lặng xúc não người khác đều phạm Ba-dật-đề.

Tướng phạm trong giới này là nếu khi Tăng chưa tác pháp nhớ nghĩ mà im lặng xúc não người khác thì Tỳ-kheo này phạm Đột-kiết-la, nếu Tăng đã tác pháp nhớ nghĩ rồi mà im lặng xúc não người khác thì phạm Ba-dật-đề. Nếu Tỳ-kheo bịnh nơi

miệng, môi, răng hay lưỡi… cho đến tâm bịnh, các bịnh như thế im lặng không nói thì không phạm.

14. Giới Trải Ngọa Cụ Của Tăng Không Cất:

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó có cư sĩ thỉnh Phật và Tăng ngày mai thọ thực, Phật im lặng nhận lời, cư sĩ biết Phật đã nhận lời nên đảnh lễ hữu nhiễu Phật rồi đi, về đến nhà ngay trong đêm đó lo liệu đầy đủ các món ăn ngon. Sáng hôm đó trước giờ ăn các Tỳ-kheo ở nơi đất trống trải ngọa cụ của Tăng, có Tỳ-kheo ngồi, có Tỳ-kheo kinh hành. Đến giờ cư sĩ sai sứ đến Phật Phật: "Thế tôn, thức ăn đã lo liệu xong, xin Phật biết thời", lúc đó các Tỳ-kheo liền đắp y mang bát đến nhà cư sĩ không cất ngọa cụ của Tăng, trời bỗng đổ mưa làm ướt hết ngọa cụ. Khi các Tỳ-kheo đến nhà cư sĩ thọ thực, Phật không đi mà cầm chìa khóa đi xem xét các phòng thì phát hiện ra ngọa cụ của Tăng ở nơi đất trống bị mưa làm ướt hết, liền thu dọn để nơi chỗ có che phủ rồi trở về phòng ngồi kiết già. Lúc đó ở nhà của cư sĩ, sau khi dâng cúng cho Tăng được no đủ rồi, cư sĩ ngồi trước Tăng nghe pháp, Thượng tòa thuyết pháp rồi đứng dậy đi, các Tỳ-kheo cũng thứ lớp đứng dậy đi. Về đến chỗ Phật, Phật hỏi các Tỳ-kheo ăn có ngon không, có no đủ không, các Tỳ-kheo đều đáp là ngon và được no đủ, Phật nói: "Sau khi các thầy đến nhà cư sĩ thọ

thực, Ta đi đến các phòng xem xét mới phát hiện ra ngọa cụ của Tăng để ở nơi đất trống bị mưa làm ướt hết. Việc làm này là phi pháp, tại sao lại để ngọa cụ nơi đất trống không cất, không biết tiếc hộ. Các cư sĩ đã bố thí cúng dường để cầu phước, các thầy dùng nên biết giữ gìn mới tốt", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo, từ nay giới này nên nói như sau: Nếu Tỳ-kheo ở nơi đất trống trải ngọa cụ của Tăng, giường dây nhỏ hay lớn và mền nệm của Tăng hoặc bảo người trải để ngồi nằm, khi đi không cất, không bảo người cất thì phạm Ba-dật-đề.

Giường dây nhỏ có năm loại: Chân giường bằng A-san-đề, chân giường bằng Ki-lang-cù, chân giường bằng sừng dê, chân giường nhỏ, chân giường cong. Giường dây lớn cũng có năm loại giống như trên. Nệm là nệm được dồn bằng lông chiên, cỏ sô-ma, kiếp-bối…. Mền bao gồm các loại mền như câu chấp, mền sô-ma, mền kiếp-bối…. Đất trống là nới không có vách hoặc vải màn ngăn che.

Tướng phạm trong giới này là nếu vào trời sáng ở nơi đất trống trải ngọa cụ của Tăng, sau đó vào trong nhà mãi đến sáng hôm sau mới đem cất thì phạm Ba-dật-đề. Nếu vào trời sáng, trước ngọ, giữa ngọ, xế trưa, mặt trời lặn ở nơi đất trống trải ngọa cụ của Tăng, sau đó vào trong nhà mãi đến mặt trời lặn hôm sau mới cất thì phạm Ba-dật-đề.

Nếu Tỳ-kheo ở nơi đất trống trải ngọa cụ của Tăng, sau đó ra khỏi chùa quá bốn chín bước thì phạm Ba-dật-đề. Nếu Tỳ-kheo ở nơi đất trông trải ngọa cụ của Tăng, sau đó ra khỏi chùa qua hàng rào một chút, đến trời sáng thì phạm Đột-kiết-la. Nếu Tỳ-kheo ở nơi đất trống trải ngọa cụ của Tăng, không dặn người cất mà bỏ đi dạo thì phạm Đột-kiết-la. Nếu hai Tỳ-kheo ở nơi đất trống trải ngọa cụ của Tăng, sau đó cùng đứng dậy đi thì người đi sau nên cất. Nếu hai Tỳ-kheo ở nơi đất trống trải ngọa cụ của Tăng rồi để y bát trên đó, một Tỳ-kheo lấy y bát đi trước thì người lấy y bát sau nên dọn cất ngọa cụ. Một lần nọ các Tỳ-kheo ở nơi đất trống thọ thực, ăn xong bỏ lại ngọa cụ trên đất trống mà đi khiến cho ngọa cụ bị gió mưa bụi đất làm dơ ướt. Các Tỳ-kheo bạch Phật, Phật bảo nên cất nơi có che phủ. Lần sau, khi các Tỳ-kheo ăn xong bỗng có các bạch y đến ngồi trên ngọa cụ của Tăng nên các Tỳ-kheo không thể lấy cất được, Phật bảo nên đợi, các Tỳ-kheo đợi lâu bị nóng bức nên ói mửa, Phật bảo người nào có bịnh thì nên đi, người nào thấy thì đem cất, nếu hai Tỳ-kheo cùng thấy thì một người nên cất giường lớn giường nhỏ, một người nên cất nệm lớn nệm nhỏ. Nếu ở tụ lạc từ trong chùa mang ngọa cụ ra nơi đất trống, sau đó mang trở về chùa mà gặp mưa làm ướt thì không phạm; nếu mất khóa cửa không có chỗ cất hay trong tám nạn mỗi nỗi nạn khởi lên, không cất thì không

phạm.

-oOo-

LUẬT THẬP TỤNG

QUYỂN 11

V. CHÍN MƯƠI PHÁP BA DẬT ĐỀ (Tiếp Theo):

15. Giới Ở Trong Phòng Trải Ngọa Cụ Của Tăng:

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó có hai Tỳ-kheo khách vào trời tối đến trong chùa, theo thứ lớp được một phòng ở chung, một người được giường, một người được tòa cỏ. Hai người ngủ qua đêm rồi bỏ đi không dọn cất khiến cho trong tòa cỏ sanh trùng cắn cỏ, đục chân giường và lỗ bệ của giường, cắn mền gối nệm rồi làm ổ trong vách tường. Lúc đó có cư sĩ thỉnh Phật và Tăng ngày mai thọ thực, Phật im lặng nhận lời… duyên khởi giống như trong giới mười bốn cho đến câu Phật đến một phòng mở ra thấy tòa cỏ trùng sanh cắn nát… như trên, liền thu dọn sạch sẽ rồi trở về phòng ngồi kiết già. Lúc đó ở nhà của cư sĩ, sau khi dâng cúng cho Tăng được no đủ rồi cư sĩ liền ngồi trước Tăng nghe pháp… giống như trong giới mười bốn cho đến câu các thầy thọ dụng biết giữ gìn thì tốt. Phật quở trách rồi hỏi các Tỳ-kheo là ai đã ở trong

phòng đó, các Tỳ-kheo đem sự việc trên bạch Phật, Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo dùng ngọa cụ của tăng rồi không dặn dò gì hết liền bỏ đi", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo ở trong phòng Tăng trải ngọa cụ của Tăng, tự trải hay bảo người trải để ngồi nằm, khi đi không cất, không bảo người cất thì phạm Ba-dật-đề.

Tăng phòng là phòng của chúng tăng hay phòng của một người, phòng nhỏ nhất là đủ cho một người đi đứng nằm ngồi.

Tướng phạm trong giới này là nếu khách Tỳ-kheo ở trong phòng Tăng trải ngọa cụ rồi ra khỏi giới thì phạm Ba-dật-đề. Nếu cựu Tỳ-kheo ở trong phòng Tăng trải ngọa cụ rồi ra khỏi giới nghĩ rằng ngay trong ngày nay trở về, nhưng vì có việc gấp nên không về kịp được, đến sáng hôm sau thì phạm Đột-kiết-la. Phật nói: "Từ nay nên dặn cất ngọa cụ rồi mới đi". Dặn cất có ba: Nói đây là chìa khóa, đây là phòng, đây là ngọa cụ. Nếu nói chìa khóa này, phòng này, ngọa cụ này nên giao cho ai cất thì nên giao cho người trải ngọa cụ; nếu không có người trải ngọa cụ thì nên giao cho người coi phòng; nếu không có người coi phòng thì nên giao cho người tu sửa phòng xá; nếu không có người tu sửa phòng xá thì nên giao cho cựu Tỳ-kheo lành

tốt có công đức trì giới trong chùa; nếu trong chùa không có người này thì giao cho người nào hiền thiện hay người giữ Tăng phường. Không nên giao cho Tỳ-kheo không biết hổ thẹn phá giới, cũng không nên giao cho Sa di nhỏ. Nếu không có người hiền thiện thì ở trong chùa nếu có giá y thì nên để mền nệm gối trên đó rồi đi… Không phạm là don cất để trong phòng hoặc để trong túi đãy.

16. Giới Kéo Lôi Tỳ-kheo:

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó Trưởng lão Da xá cùng năm trăm quyến thuộc câu hội muốn đến nước Xá-vệ an cư, các Tỳ-kheo đang làm việc chuẩn bị cho an cư như lấp lỗ hổng trên tường, trám những chỗ nứt hư , sửa lại giường chõng, đập giũ gối mền… Lục quần Tỳ-kheo lười biếng không làm, từ xa trông thấy họ làm liền suy nghĩ: "Chúng ta đợi họ làm xong thọ ngọa cụ rồi vào sau, theo thứ lớp Thượng tòa đuổi họ ra". Khi các Tỳ-kheo làm xong thọ ngọa cụ rồi Lục quần mới vào sau, các Tỳ-kheo hỏi: "Các thầy đến cùng với chúng tôi, lúc nãy có làm việc không?" Đáp là không làm, các Tỳ-kheo nói: "Các thầy cùng đến mà không cùng làm việc, nay chúng tôi đã làm việc xong thì chúng tôi không đi ra", Lục quần nói: "Như lời Phật dạy là theo thứ lớp Thượng tòa mà thọ phòng, không có nói không làm việc thì không thọ phòng, chúng ta là Thượng tòa tại sao các thầy không đi ra", nói

rồi ỷ sức mạnh kéo lôi ra, các Thầy này là người yếu đuối nên đầu, tay đều bị thương, bát bể y rách. Có Tỳ-kheo thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng rồi hỏi Lục quần Tỳ-kheo: "Các thầy thật đã làm việc này phải không?" Đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo lại vì sân giận mà kéo lôi Tỳ-kheo ở trong phòng ra ngoài", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo vì sân giận không vui, tự kéo lôi Tỳ-kheo từ trong phòng ra ngoài hay bảo người kéo lôi, nói rằng: Thầy là người ngu, hãy đi ra không nên ở trong đây, thì phạm Ba-dật-đề, trừ nhân duyên.

Phòng Tỳ-kheo là phòng của Tăng hay của một người, nhỏ nhất là đủ cho một người đi đứng nằm ngồi. Sân giận là không vừa ý; không vui là không muốn gặp, không thích nhìn thấy. Tự lôi kéo hay bảo người khác lôi kéo từ trên giường xuống đất, hoặc từ trong phòng ra đến cửa, hoặc từ chỗ cao xuống chỗ thấp… đều phạm Ba-dật-đề.

Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo sân giận không vui tự lôi kéo Tỳ-kheo, lôi kéo được thì phạm Ba-dật-đề, không lôi kéo được thì phạm Đột-kiết-la; nếu bảo người khác lôi kéo, lôi kéo được

thì phạm Ba-dật-đề, không lôi kéo được thì phạm Đột-kiết-la. Nếu từ trên giường kéo xuống đất được thì phạm Ba-dật-đề, không kéo xuống được thì phạm Đột-kiết-la; hoặc từ trong phòng ra đến cửa, kéo được thì phạm Ba-dật-đề, không được thì phạm Đột-kiết-la… , tùy tự kéo hay bảo người kéo đều phạm Ba-dật-đề và Đột-kiết-la. Nếu phòng xá hư hoại nên kéo ra thì không phạm.

17. Giới Đến Sau Giành Chỗ Trải Ngọa Cụ:

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó Trưởng lão Ca-lưu-đà-di ngủ xấu nết lại không nhất tâm khi ngủ nên ngáy to hoặc nghiến răng, nói mớ hoặc vỗ tay động chân ra tiếng khiến các Tỳ-kheo khác không ngủ được. Do nhân duyên này các Tỳ-kheo ăn không tiêu, thân thể ốm gầy, buồn bực không vui nên trải ngọa cụ nằm gần nhau, không cho Ca-lưu-đà-di nằm gần; Ca-lưu-đà-di cố tình chen vào trải ngọa cụ để nằm, các Tỳ-kheo nói: "Thầy chớ chen vào trong đây nằm, vì sao, vì thầy ngủ xấu nết… giống như đoạn văn trên cho đến câu buồn bực không vui", Ca-lưu-đà-di nói: "Các thầy buồn bực không vui thì cứ ra ngoài, còn tôi tự an", nói rồi giành chỗ trải ngọa cụ. Có Tỳ-kheo thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng rồi hỏi Lục quần Tỳ-kheo:

"Các thầy thật đã làm việc này phải không?" Đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo biết Tỳ-kheo ở trong phòng đã trải ngọa cụ trước rồi, mình đến sau lại giành chỗ trải", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo biết Tỳ-kheo trong phòng đã trải ngọa cụ trước, mình đến sau lại giành chỗ để trải, tự trải hay bảo người trải rồi nói rằng: Người nào không thích thì cứ đi ra, thì phạm Ba-dật-đề, trừ nhân duyên.

Biết là tự biết hay nghe người khác nói hay người kia tự nói. Giành trải là người khác không đồng ý mà gắng gượng trải theo ý mình. Tự trải hay bảo người trải ở trước giường nằm hay trải trong phòng, ngoài cửa… đều phạm Ba-dật-đề.

Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo biết Tỳ-kheo ở trong phòng trải ngọa cụ trước rồi, mình đến sau lại trải ngọa cụ trước giường nằm hay ở trong phòng… , trải được thì phạm Ba-dật-đề, không trải được thì phạm Đột-kiết-la; như thế tùy tự trải hay bảo người trải đều phạm Ba-dật-đề và Đột-kiết-la. Nếu Tỳ-kheo muốn xúc não người khác nên đóng cửa hay mở cửa, đốt lửa hay tắt lửa, đốt đèn hay tắt đèn, đọc kinh hay trì chú… tùy những việc làm người khác không vui đều phạm Ba-dật-đề.

18. Giới Không Nhất Tâm Ngồi Nằm:

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó có hai khác Tỳ-kheo vào trời tối đến, theo thứ lớp được chia một phòng, một người ở trên gác, một người ở dưới gác. Người ở dưới gác là người tu thiền thích tĩnh lặng nên vào phòng trước lên giường ngồi kiết già; người ở trên gác là người thích đùa giỡn, nói cười lớn tiếng, la cà nói chuyện vô ích rồi mới vào phòng, lên trên gác dụng sức ngồi nằm trên giường, vì sán gác làm bằng cây lau nên chân giường và cây lau rớt xuống trúng bể đầu Tỳ-kheo ngồi thiền ở dưới gác suýt chết. Tỳ-kheo này chạy ra khỏi phòng nói với các Tỳ-kheo: "Các thầy xem Tỳ-kheo ấy không nhất tâm ngồi nằm trên giường khiến chân giường rớt xuống trúng bể đầu của tôi suýt chết". Có Tỳ-kheo thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng rồi hỏi Tỳ-kheo này: "Thầy thật đã làm việc này phải không?" Đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo lại không nhất tâm ngồi nằm khiến chân giường sút rơi xuống trúng bể đầu Tỳ-kheo khác suýt chết", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo biết chân giường nhỏ ở trên gác

trong phóng của-Tỳ-kheo mà không nhất tâm ngồi nằm thì phạm Ba-dật-đề.

Gác là một tầng trở lên. Giường có năm loại: Giường A-san-đề, giường Ba làng-cù, giường sừng dê, giường chân nhỏ, giường chân cong; giường ngồi thiền cũng có năm loại như trên.

Tướng phạm trong giới này là giường nằm của-Tỳ-kheo có một chân nhọn, ba chân A-san-đề hay hai chân nhọn, hai chân A-san-đề; hoặc một chân A-san-đề, ba chân nhọn hay bốn chân đều nhọn nếu dụng sức ngồi nằm trên đó đều phạm Ba-dật-đề. Nếu giường nằm có một chân nhọn ba chân Ba làng-cù hay hai chân nhọn hai chân Ba làng-cù hay ba chân nhọn một chân Ba làng-cù hay bốn chân đều nhọn mà dụng sức ngồi nằm trên đó thì mỗi mỗi đều phạm Ba-dật-đề. Nếu giường nằm một chân nhọn ba chân sừng dê, hay hai chân nhọn hai chân sừng dê, hay ba chân nhọn một chân sừng dê hay cả bốn chân đều nhọn mà dụng sức ngồi nằm trên đó đều phạm Ba-dật-đề. Nếu giường nằm một chân nhọn ba chân cong, hay hai chân nhọn hai chân cong, hay ba chân nhọn một chân cong hay cả bốn chân đều nhọn mà dụng sức ngồi nằm trên đó đều phạm Ba-dật-đề. Giường ngồi thiền cũng như vậy. Nếu nằm ngồi trên giường có chân giường nhọn bằng đá thì phạm Ba-dật-đề; nếu sàn gác bằng ván cây hay đổ bê tông hoặc chân giường hư có bó cỏ hay vải thì không phạm.

19. Giới Dùng Nước Có Trùng:

Phật tại nước Câu-diệm-di, lúc đó Trưởng lão Xiển-đà dùng nước có trùng để tưới lên cỏ và trộn hồ, các Tỳ-kheo nói: "Thầy chớ dùng nước có trùng tưới lên cỏ và trộn hồ khiến chết các loài trùng nhỏ", Xiển-đà nói: "Tôi dùng nước trộn hồ chớ không dùng trùng", các Tỳ-kheo nói: "Thầy biết nước này có trùng tại sao lại dùng trộn hồ, thầy đối với súc sanh không có tâm thương xót". Có Tỳ-kheo thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng rồi hỏi Tỳ-kheo Xiển-đà: "Thầy thật đã làm việc này phải không?" Đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo lại dùng nước có trùng để tưới cỏ và trộn hồ", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo biết nước có trùng mà tự dùng để tưới cỏ hay trộn hồ, hoặc bảo người khác dùng thì phạm Ba-dật-đề.

Biết là tự biết hay nghe biết từ người khác. Trùng chỉ chung các loài mà mắt có thể thấy được hay dùng đãy lượt nước lượt qua được.

Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo biết nước có trùng mà dùng tưới cỏ (trộn hồ), tùy trùng

chết bao nhiêu thì phạm Ba-dật-đề bấy nhiêu. Nếu bảo người khác tưới cỏ (trộn hồ) tùy trùng chết bao nhiêu thì phạm Ba-dật-đề bấy nhiêu. Nếu Tỳ-kheo biết nước có trùng tưởng là nước có trùng mà dùng thì phạm Ba-dật-đề; trong nước có trùng tưởng là không có trùng mà dùng cũng phạm Ba-dật-đề; trong nước không có trùng tưởng là có trùng mà dùng thì phạm Đột-kiết-la; nước không có trùng khởi nghi mà dùng cũng phạm Đột-kiết-la; trong nước không có trùng tưởng không có trùng mà dùng thì không phạm.

20. Giới Xây Phòng Lớn Lợp Quá Ba Lớp:

Phật tại nước Câu-xá-di, lúc đó Trưởng lão Xiển-đà muốn xây phòng lớn nhưng tánh vốn lười biếng nên nghĩ rằng: "Ai có thể mỗi ngày đến coi việc xây cất này", nghĩ rồi liền trong một ngày đào đất xây nền rồi xây tường vách và lắp đặt cửa cái, cửa sổ… , nhưng ngay trong ngày đó xây vừa xong thì ngôi chùa cũng sụp đổ. Có Tỳ-kheo thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng rồi hỏi Tỳ-kheo Xiển-đà: "Thầy thật đã làm việc này phải không?" Đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo khi xây chùa lớn dùng nhiều cỏ cây bùn đất (cát, xi măng trộn hồ) muốn ngay trong một ngày làm xong thì

ngay trong ngày đó liền sụp đổ", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo muốn xây chùa lớn nên đổ nền, xây tường vách, lắp đặt rường cột, cửa cái, cửa sổ… nên lợp chừng hai, ba lớp, quá ba lớp thì phạm Ba-dật-đề.

Phòng xá lớn là có đủ nhà ấm, giảng đường, lầu gác… Tường vách là bốn bức tường bằng cây hay bằng gạch đất. Rường cột là cột và đòn tay để lợp mái. Cửa cái, cửa sổ là nơi hướng ra ngoài để thông ánh sáng. Tô nền bằng bùn đất hoặc tô màu đen, xanh hay đỏ…

Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo tự biết lợp thì nên tự lợp một phần, phần thứ hai nên mở đầu, phần thứ ba nên bảo người khác lợp như vậy như vậy rồi đi. Nếu Tỳ-kheo còn ở nơi đây thì khi lợp xong phần thứ ba, nếu là lợp bằng cỏ tranh tùy dùng bao nhiêu cỏ thì phạm Ba-dật-đề bấy nhiêu; nếu lợp bằng ngói tùy dùng bao nhiêu ngói thì phạm Ba-dật-đề bấy nhiêu. Không phạm là dùng ván cây hay cỏ Ưu Thi-la để lợp thì không phạm.

21. Giới Tăng Không Sai Mà Đi Giáo Giới Ni:

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó Phật bảo các Tỳ-kheo: "Ta dạy bảo bốn chúng đã mỏi mệt, các Tỳ-

kheo nên đi giáo giới Tỳ-kheo-ni", các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy theo thứ lớp đến giáo giới Tỳ-kheo-ni, đến phiên của Trưởng lão Bàn-đặc, A-nan nói: "Ngày mai đến phiên thầy đến giáo giới Tỳ-kheo-ni", Bàn-đặc nói: "Tôi độn căn không đa văn, không hiểu biết nhiều, trong bốn tháng hạ tôi mới thuộc được bài kệ Câu-ma-la:

Người trí thân khẩu ý,
Không làm các điều ác,
Thường hệ niệm trước mắt,
Xa lìa các dục tưởng,
Cũng không thọ khổ hạnh,
Vô ích của thế gian.

Này A-nan, nếu thầy cho tôi qua phiên này thì tốt", A-nan hai, ba phen nói với Bàn-đặc: "Các Thượng tọa đã giáo giới hết rồi, nay đến phiên thầy", Bàn-đặc cũng hai, ba phen nói với A-nan giống như trên, nhưng A-nan vẫn một mực bảo: "Ngày mai đến phiên thầy đến giáo giới Tỳ-kheo-ni". Bàn-đặc đành phải nghe lời, sáng sớm hôm sau đắp y mang bát vào thành khất thực, thọ thực xong ở nơi đất trống trải tòa rồi vào phòng thiền tọa. Lúc đó các Tỳ-kheo-ni nghe tin hôm nay đến phiên Tỳ-kheo Bàn-đặc đến giáo giới đều sanh tâm khinh thường, nói với nhau: "Người này không đa văn, đọc tụng kinh ít, trong bốn tháng hạ chỉ thuộc được bài kệ Câu-ma-la (như trên). Người như thế đến giáo giới thì làm sao chúng ta nghe được những

điều chưa nghe, làm sao biết được những pháp chưa biết, bài kệ Câu-ma-la chúng ta đều đã biết rồi. Số Tỳ-kheo-ni nào trước chưa đến trong Kỳ hoàn nghe pháp thì nên đến". Lúc đó có năm trăm Tỳ-kheo-ni rời khỏi tinh xá Tỳ-kheo-ni trong vườn vua đến trước phòng của Trưởng lão Bàn-đặc trong Kỳ hoàn đằng hắng rồi gõ cửa gọi Trưởng lão ra. Trưởng lão ra khỏi phòng đến ngồi trên giường độc tọa, các Tỳ-kheo-ni đến đảnh lễ rồi ngồi phía trước để nghe pháp, Trưởng lão Bàn-đặc dịu dàng nói: "Các tỷ muội, tôi vốn độn căn, ít đọc tụng, trong bốn tháng chỉ thuộc được bài kệ Câu-ma-la… giống như đoạn văn trên. Tuy nhiên tôi sẽ tùy điều mình biết mà nói, các vị hãy nhất tâm thực hành chớ có buông lung, sẽ được quả A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề, vì tất cả các thiện pháp trợ đạo đều lấy không buông lung làm cội gốc". Nói rồi dùng thần thông lực ngay nơi tòa ngồi ẩn thân rồi hiện thân ở phương Đông với bốn oai nghi đi đứng nằm ngồi, nhập hỏa quang tam muội, thân xuất hào quang đủ màu sắc xanh vàng đỏ trắng, dưới thân phát ra lửa, trên thân tuôn ra nước hoặc dưới thân tuôn ra nước, trên thân phát ra lửa; các phương Nam, Tây, Bắc tứ duy thượng hạ đều hiện thần biến như thế xong rồi trở về chỗ ngồi. Các Tỳ-kheo-ni thấy Trưởng lão Bàn-đặc có thần lực như thế, tâm khinh thường liền biến mất, sanh tâm kính tín, chiết phục ngã mạn. Trưởng lão liền tùy theo

tâm ưa muốn của-Tỳ-kheo-ni mà diễn nói pháp khiến cho trong chúng ni có người chứng được quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán; có người gieo trồng nhân duyên đạo thinh văn hoặc đạo Bích chi Phật hoặc quả A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề; tất cả chúng ni đều được lợi ích như thế, đây là nhân duyên thứ nhất.

Phật tại thành Vương xá, lúc đó Lục quần Tỳ-kheo đến phiên giáo giới Tỳ-kheo-ni nhưng lại không giáo giới, giáo hối hay thuyết pháp mà chỉ nói những lời thô tục. Trong chúng ni chỉ có các Hạ tòa niên thiếu Tỳ-kheo-ni không ưa thích trì giới và Lục quần Tỳ-kheo-ni mới cùng Lục quần Tỳ-kheo đùa giỡn, làm những việc bất tịnh; các Thượng tòa-Tỳ-kheo-ni ưa thích trì giới thì bỏ đi đến chỗ khác kinh hành, có người đứng đợi muốn nghe pháp. Vào thời khác Tỳ-kheo-ni Ma-ha-ba-xà-ba-đề cùng năm trăm đại Tỳ-kheo-ni ra khỏi tinh xá Vương viên đi đến chỗ Phật, đảnh lễ Phật rồi đứng một bên, Tỳ-kheo-ni Cù-đàm-di bạch Phật: "Thế tôn vì lợi ích nên cho giáo giới Tỳ-kheo-ni, nhưng chúng tôi không được lợi ích này", Phật hỏi nguyên do, Tỳ-kheo-ni Cù-đàm-di đem việc trên bạch Phật, Phật nói: "quả thật ta vì lợi ích nên cho giáo giới Tỳ-kheo-ni nhưng các ni đã không được lợi ích này", Phật liền nói pháp cho Cù-đàm-di và năm trăm Tỳ-kheo-ni được lợi hỉ rồi im lặng, Cù-đàm-di và các Tỳ-kheo-ni nghe pháp

được lợi hỉ rồi đảnh lễ Phật ra về. Không lâu sau Phật do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng rồi hỏi Lục quần Tỳ-kheo: "Các thầy thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật vậy thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao Tăng chưa sai liền đi giáo giới Tỳ-kheo-ni", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo, Tăng chưa sai mà đi giáo giới Tỳ-kheo-ni thì phạm Ba-dật-đề.

Tăng chưa sai là Tăng chưa nhất tâm hòa hợp sai đi giáo giới. Tướng phạm trong giới này là nếu Tăng chưa sai mà một Tỳ-kheo đi giáo giới một Tỳ-kheo-ni thì phạm một Ba-dật-đề, nếu giáo giới hai, ba, bốn Tỳ-kheo-ni thì phạm bốn Ba-dật-đề. Nếu hai Tỳ-kheo giáo giới hai Tỳ-kheo-ni thì phạm hai Ba-dật-đề, nếu giáo giới bốn, ba, một Tỳ-kheo-ni thì phạm một Ba-dật-đề. Nếu ba-Tỳ-kheo giáo giới ba-Tỳ-kheo-ni thì phạm Ba-dật-đề, nếu giáo giới bốn, một, hai Tỳ-kheo-ni thì phạm hai Ba-dật-đề. Nếu bốn Tỳ-kheo giáo giới bốn Tỳ-kheo-ni thì phạm bốn Ba-dật-đề, nếu giáo giới một, hai, ba thì phạm Ba-dật-đề.

Phật tại thành Vương xá, lúc đó Lục quần Tỳ-kheo biết Tăng không sai giáo giới Tỳ-kheo-ni liền ra ngoài giới yết ma tự sai lẫn nhau đi giáo giới Tỳ-kheo-ni rồi mới vào trong giới. Khi các Tỳ-kheo-ni đến liền nói rằng: "Tăng sai tôi giáo giới Tỳ-

kheo-ni, hãy đến ta sẽ thuyết pháp". Do nhân duyên này tập họp chúng ni lại rồi bỏ qua việc giáo giới, giáo hối, thuyết pháp mà chỉ nói những lời thô tục… giống như trường hợp trên. Lúc đó Phật từ xa trông thấy ni chúng nhóm họp liền hỏi A-nan nguyên do, A-nan liền đem việc trên bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng bảo các Tỳ-kheo rằng: "Từ nay Tỳ-kheo có năm pháp không nên sai giáo giới Tỳ-kheo-ni:

Một là chưa đủ hai mươi tuổi hạ: Tức là từ khi thọ cụ giới đến nay chưa đủ hai mươi tuổi hạ.

Hai là không thể trì giới: Tức là phá giới Phật đã chế, không theo lời dạy trong giới cụ túc, không biết oai nghi, không biết điều nên làm và không nên làm cho đến phá những giới khinh mà không có tâm sợ hãi, không thể theo thứ lớp học trì giới.

Ba là không thể đa văn: Tức là đối với hai bộ cụ giới không tụng đọc đúng nghĩa.

Bốn là không thể chánh ngữ thuyết pháp: Tức là không khéo biết được chánh ngữ ngôn từ hay đẹp của thế gian.

Năm là phạm mười ba việc thường làm nhơ ba chúng: Tức là trong mười ba việc thường làm Thức-xoa-ma-na, Sa di, Sa-di-ni, bên ba chúng này phạm tội dù có sám hối cũng không được giáo giới Tỳ-kheo-ni.

Ngược lại nếu thành tựu năm pháp nên sai giáo

giới Tỳ-kheo-ni:

Một là đủ hai mươi hay hơn hai mươi tuổi hạ: Tức là từ khi thọ cụ giới đến nay đã đủ hai mươi hay hơn hai mươi tuổi hạ.

Hai là có thể trì giới: Tức là không phạm giới Phật chế, theo lời dạy trong Đại giới, biết oai nghi, biết việc nên làm và không nên làm, cho đến phạm giới khinh cũng sanh tâm sợ hãi, biết theo thứ lớp học trì giới.

Ba là đa văn: Tức là đối với hai bộ cụ giới tụng đọc đúng nghĩa.

Bốn là có thể chánh ngữ thuyết pháp: Tức là khéo biết chánh ngữ ngôn từ hay đẹp của thế gian.

Năm là trong mười ba việc không làm nhơ ba chúng: Tức là không làm nhơ Thức-xoa-ma-na, Sa di, Sa-di-ni.

Nếu Tỳ-kheo không đủ hai mươi tuổi hạ, không thể trì giới, không thể đa văn, không thể chánh ngữ thuyết pháp và phạm thường làm nhơ ba chúng mà Tăng lại sai đi giáo giới Tỳ-kheo-ni thì không thành sai, nếu người này đi giáo giới Tỳ-kheo-ni thì phạm Ba-dật-đề. Nếu tuy đủ hai mươi hay hơn hai mươi tuổi hạ mà không thể trì giới, không thể đa văn… mà Tăng lại sai đi giáo giới thì không thành sai, người này đi giáo giới Tỳ-kheo-ni thì phạm Ba-dật-đề. Nếu đủ hai mươi hay hơn hai mươi tuổi hạ và có thể trì giới nhưng không thể đa

văn… mà Tăng lại sai đi giáo giới thì không thành sai, người này đi giáo giới Tỳ-kheo-ni thì phạm Ba-dật-đề. Nếu đủ hai mươi hay hơn hai mươi tuổi hạ, có thể trì giới và đa văn nhưng không thể chánh ngữ thuyết pháp … mà Tăng lại sai đi giáo giới thì không thành sai, người này đi giáo giới Tỳ-kheo-ni thì phạm Ba-dật-đề. Nếu đủ hai mươi hay hơn hai mươi tuổi hạ, có thể trì giới, có thể đa văn và có thể chánh ngữ thuyết pháp nhưng phạm mười ba việc làm nhơ ba chúng mà Tăng lại sai đi giáo giới thì không thành sai, người này đi giáo giới thì phạm Ba-dật-đề. Nếu đủ hai mươi hay hơn hai mươi tuổi hạ, có thể trì giới, có thể đa văn, có thể chánh ngữ thuyết pháp và không phạm mười ba việc, không làm nhơ ba chúng nhưng Tăng chưa sai đi giáo giới mà liền đi thì phạm Ba-dật-đề. Nếu thành tựu năm pháp và đã được sai nhưng chưa ở trong Tăng sai mà liền đi giáo giới thì phạm Ba-dật-đề. Nếu thành tựu năm pháp, đã được sai, đã ở trong Tăng sai nhưng chưa bảo đi mà liền đi giáo giới thì phạm Đột-kiết-la. Nếu thành tựu năm pháp, đã được sai, đã ở trong Tăng sai, đã bảo đi nhưng chưa ở trong Tăng bảo đi mà liền đi giáo giới thì phạm Đột-kiết-la. Nếu thành tựu năm pháp, đã được sai, đã ở trong tăng sai, đã bảo đi, đã ở trong Tăng bảo đi nhưng lại không hỏi người đến là đã nhóm đủ chưa mà liền giáo giới thì phạm Đột-kiết-la. Nếu thành tựu năm pháp, đã được sai … giống

như đoạn văn trên đến câu đã hỏi người đến là đã nhóm đủ chưa, nhưng chưa nói pháp bát kỉnh trước liền nói giới Tỳ-kheo thì phạm Đột-kiết-la. Nếu thành tựu năm pháp… giống như đoạn văn trên đến câu nói pháp bát kỉnh trước rồi mới nói giới Tỳ-kheo thì không phạm."

22. Giới Giáo Giới Tỳ-kheo-ni Đến Mặt Trời Lặn:

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó Phật bảo Trưởng lão Nan-đà: "Thầy nên đi giáo giới Tỳ-kheo-ni, nên giáo hối Tỳ-kheo-ni và thuyết pháp cho Tỳ-kheo-ni, vì sao, vì thầy giáo giới Tỳ-kheo-ni giống như ta không khác", Trưởng lão im lặng nhận lời, Phật liền bảo các Tỳ-kheo: "Các thầy nên sai Nan-đà đi giáo giới Tỳ-kheo-ni, nếu có Tỳ-kheo nào khác giống như thế cũng nên sai đi giáo giới Tỳ-kheo-ni, nên sai như sau: Khi Tăng nhất tâm hòa hợp, một Tỳ-kheo trong Tăng tác bạch yết ma như sau:

Đại-đức Tăng lắng nghe, Tăng nay sai Tỳ-kheo Nan-đà đi giáo giới Tỳ-kheo-ni. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay sai Nan-đà đi giáo giới Tỳ-kheo-ni. Bạch như vậy.

Như thế Bạch-nhị-yết-ma cho đến câu Tăng sai Nan-đà đi giáo giới Tỳ-kheo-ni xong rồi. Tăng chấp thuận vì im lăng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

Sáng hôm sau, Tỳ-kheo Nan-đà đắp y mang bát

vào thành khất thực, thọ thực xong ở nơi đất trống trải tòa rồi vào phòng thiền tọa. Lúc đó các Tỳ-kheo-ni nghe biết Nan-đà giáo giới Tỳ-kheo-ni, những người trước chưa đến nghe đều đến để nghe. Lúc đó năm trăm Tỳ-kheo-ni rời khỏi tinh xá Vương viên vào trong Kỳ hoàn đến trước phòng của-Nan-đà tằng hắng rồi gõ cửa gọi, Nan-đà ra khỏi phòng đến ngồi trên giường độc tọa, các Tỳ-kheo-ni đến đảnh lễ rồi ngồi phía trước nghe thuyết pháp, Nan-đà nói pháp chỉ dạy cho họ được lợi hỉ rồi im lặng. Lúc đó các Tỳ-kheo-ni được thiện pháp vị, vì muốn nghe nữa nên không đứng dậy, Nan-đà suy nghĩ: "Các Tỳ-kheo-ni này được pháp vị nên muốn nghe nữa", nghĩ rồi liền nói pháp thêm khiến cho họ được lợi hỉ đến khi mặt trời lặn mới bảo các Tỳ-kheo-ni: "Mặt trời lặn rồi, các cô hãy về đi". Các Tỳ-kheo-ni đảnh lễ rồi ra về, muốn vào trong thành thì thành đã đóng cửa nên phải ngủ ở bên hào thành, có người ngủ dưới gốc cây, có người ngủ bên giếng, có người ngủ ở chỗ khuất, đến sáng sớm cửa thành vừa mở thì các Tỳ-kheo-ni vào thành trước hết, người giữ cửa thành liền hỏi từ đâu đến, liền đáp: "Chúng tôi đến trong Kỳ hoàn nghe pháp, mặt trời lặn mới trở về thì cửa thành đã đóng nên không vào thành được", lại hỏi ngủ ở đâu, mỗi người tùy ngủ chỗ nào liền đáp chỗ đó, người giữ cửa thành nói: "Tại sao có pháp này, các Sa-môn Thích tử phá phạm hạnh, cả đêm cùng làm

điều xấu, sáng sớm mới trở về giống như giặc được dâm nữ cùng ngủ qua đêm, sáng sớm mới ra về", như thế một người chuyền nói cho hai người… khiến tiếng xấu lan truyền khắp thành Xá-vệ. Có Tỳ-kheo thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng rồi hỏi Tỳ-kheo Nan-đà: "Thầy thật đã làm việc này phải không?" Đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao thầy lại không biết thời lượng, thích nói pháp cho đến mặt trời lặn", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo được Tăng sai, giáo giới cho Tỳ-kheo-ni đến mặt trời lặn thì phạm Ba-dật-đề.

Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo từ trời sáng giáo giới cho Tỳ-kheo-ni đến mặt trời lặn thì phạm Ba-dật-đề; nếu Tỳ-kheo vào trời sáng hoặc trước giờ ngọ, xế trưa, chiều giáo giới cho Tỳ-kheo-ni đến mặt trời lặn thì phạm Ba-dật-đề. Nếu mặt trời lặn tưởng là mặt trời lặn mà còn giáo giới thì phạm Ba-dật-đề; nếu mặt trời lặn tưởng không phải là mặt trời lặn mà còn giáo giới cũng phạm Ba-dật-đề. Nếu mặt trời chưa lặn tưởng là mặt trời lặn mà còn giáo giới thì phạm Đột-kiết-la; mặt trời chưa lặn khởi nghi mà còn giáo giới cũng phạm Đột-kiết-la; nếu mặt trời chưa lặn tưởng là chưa lặn

mà còn giáo giới thì không phạm.

23. Giới Nói Giáo Giới Tỳ-kheo-ni Vì Tài Lợi:

Phật tại thành Vương xá, lúc đó Lục quần Tỳ-kheo biết mình không được giáo giới Tỳ-kheo-ni nên tật đố nói rằng: "Các Tỳ-kheo vì lợi dưỡng nên giáo giới Tỳ-kheo-ni; vì y bát, thời dược, dạ phần dược, thất nhật dược, tận thọ dược… các lợi dưỡng này nên mới đến giáo giới Tỳ-kheo-ni chứ không phải vì thiện pháp". Có Tỳ-kheo thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng rồi hỏi Lục quần Tỳ-kheo: "Các thầy thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo lại nói rằng các Tỳ-kheo vì tài lợi nên giáo giới Tỳ-kheo-ni", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo nói rằng: Các Tỳ-kheo vì tài lợi nên giáo giới Tỳ-kheo-ni thì phạm Ba-dật-đề.

Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo nói rằng: "Các Tỳ-kheo vì bát (y, bốn loại dược …) nên mới giáo giới Tỳ-kheo-ni", thì phạm Ba-dật-đề, tùy nói vì bao nhiêu thì phạm Ba-dật-đề bấy nhiêu.

24. Giới Cùng Tỳ-kheo-ni Hẹn Đi Chung

Đường:

Phật tại thành Vương xá, lúc đó Lục quần Tỳ-kheo hẹn cùng Tỳ-kheo-ni trợ Đề-bà-đạt-đa đi chung đường, trên đường nói cười đùa giỡn và làm các việc bất tịnh khiến cho cư sĩ đi trên đường thấy rồi nói với nhau rằng: "Các vị hãy nhìn xem vị ni này là vợ hay là người tư thông, ắt là cùng nhau làm việc dâm dục". Có Tỳ-kheo thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng rồi hỏi Lục quần Tỳ-kheo: "Các thầy thật đã làm việc này phải không?" Đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo lại hẹn với Tỳ-kheo-ni đi chung đường, từ tụ lạc này đến tụ lạc khác", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo hẹn với Tỳ-kheo-ni đi chung đường, từ tụ lạc này đến tụ lạc khác thì phạm Ba-dật-đề.

Hẹn là Tỳ-kheo hẹn hay Tỳ-kheo-ni hẹn; đường có đường bộ và đường thủy.

Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo hẹn với Tỳ-kheo-ni đi đường bộ (đường thủy) từ tụ lạc này đến tụ lạc khác thì phạm Ba-dật-đề; nếu giữa đường trở về thì phạm Đột-kiết-la; nếu đi đến chỗ

vắng vẻ không có tụ lạc cho đến một Câu-lô-xá thì phạm Ba-dật-đề; nếu giữa đường trở về thì phạm Đột-kiết-la.

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó các Tỳ-kheo-ni du hành từ nước Kiều-tát-la đến nước Xá-vệ, khi đi đến đoạn đường hiểm phải đợi đông người mới đi tiếp. Lúc đó có các Tỳ-kheo cũng từ nước Kiều-tát-la du hành đến nước Xá-vệ, các Tỳ-kheo-ni từ xa thấy các Tỳ-kheo đi đến nghĩ rằng: "Chúng ta đi chúng với các Tỳ-kheo sẽ qua đường hiểm được an ổn", nghĩ rồi đợi các Tỳ-kheo đến gần liền hỏi: "Các Đại-đức muốn đi đâu?" Đáp là đến nước Xá-vệ, các Tỳ-kheo-ni nói là muốn được đi cùng, các Tỳ-kheo nói: "Phật đã chế giới không được hẹn với Tỳ-kheo-ni đi chung đường thì làm sao đi chung được", các Tỳ-kheo-ni nói: "Nếu vậy thì các Đại-đức cứ đi trước". Các Tỳ-kheo nhờ đông người nên qua đường hiểm được an ổn, còn các Tỳ-kheo-ni vì ít người nên bị giặc cướp đoạt hết y bát phải lõa hình. Các Tỳ-kheo đến nước Xá-vệ đảnh lễ Phật rồi ngồi một bên , pháp thường của chư Phật là nếu có khách Tỳ-kheo đến thì dịu dàng thăm hỏi: Có nhẫn được không, có an lạc trụ không, khất thực có dễ không và đi đường có cực khổ không. Các Tỳ-kheo đáp là nhẫn được , được an lạc trụ, khất thực dễ được, đi đường không cực khổ rồi đem việc trên bạch Phật. Phật do nhân duyên này nhóm Tỳ-kheo tăng khen ngợi giới và người trì giới rồi bảo các

Tỳ-kheo: "Từ nay giới này nên nói lại như sau:

Nếu Tỳ-kheo hẹn đi chung đường với Tỳ-kheo-ni từ tụ lạc này đến tụ lạc khác thì phạm Ba-dật-đề, trừ nhân duyên.

Nhân duyên là ở giữa đường cần có nhiều bạn hoặc trên đường đi nghi là có khủng bố; nghi có hai: Nghi mất y bát và mất lương thực.

Nếu nghi mất lương thực thì ẩm thực của-Tỳ-kheo-ni, Tỳ-kheo nên lấy mang giùm; nếu nghi mất y bát thì y bát của-Tỳ-kheo-ni, Tỳ-kheo nên lấy mang giùm, khi đi đến chỗ an ổn thì đưa trả lại và nói rằng: "Các tỷ muội, các vị hãy tùy ý đi, không nên đi chung nữa"; nếu lúc đó còn cùng đi chung nữa, từ tụ lạc này đến tụ lạc khác thì phạm Ba-dật-đề; nếu giữa đường trở về thì phạm Đột-kiết-la. Nếu từ tụ lạc đến chỗ đồng trống vắng vẻ cho đến một Câu-lô-xá thì phạm Ba-dật-đề; nếu giữa đường trở về thì phạm Đột-kiết-la. Đi đường thủy cũng như vậy, không phạm là không có hẹn đi chung hoặc có vua, phu nhân cùng đi thì không phạm.

-oOo-

LUẬT THẬP TỤNG

QUYỂN 12

V. CHÍN MƯƠI PHÁP BA DẬT ĐỀ (Tiếp Theo):

25. Giới Hẹn Với Tỳ-kheo-ni Đi Chung Thuyền:

Phật tại thành Vương xá, lúc đó Lục quần Tỳ-kheo hẹn với Tỳ-kheo-ni Trợ Đề-bà-đạt-đa đi chung thuyền rồi nói cười đùa giỡn và làm việc bất tịnh khiến cho cư sĩ ở hai bên bờ nhìn thấy nói với nhau rằng: "Các vị hãy nhìn xem, vị ni đó là vợ hay là người tư thông, ắt là cùng nhau làm việc dâm dục". Có Tỳ-kheo thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng rồi hỏi Tỳ-kheo: "Các thầy thật đã làm việc này phải không?" Đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo lại hẹn với Tỳ-kheo-ni đi chung thuyền", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo hẹn với Tỳ-kheo-ni đi chung

thuyền thì phạm Ba-dật-đề.

Tướng phạm trong giới này là nếu một Tỳ-kheo hẹn một Tỳ-kheo-ni đi chung một thuyền thì phạm Ba-dật-đề; nếu hẹn cùng hai, ba, bốn Tỳ-kheo-ni đi chung một thuyền thì phạm bốn Ba-dật-đề. Nếu hai Tỳ-kheo hẹn với hai Tỳ-kheo-ni đi chung một thuyền thì phạm hai Ba-dật-đề; nếu hẹn với bốn, ba, một Tỳ-kheo-ni đi chung một thuyền thì phạm một Ba-dật-đề. Nếu ba-Tỳ-kheo hẹn với ba-Tỳ-kheo-ni đi chung một thuyền thì phạm Ba-dật-đề; nếu hẹn với bốn, hai, một Tỳ-kheo-ni đi chung một thuyền thì phạm một Ba-dật-đề. Nếu bốn Tỳ-kheo hẹn với bốn Tỳ-kheo-ni đi chung một thuyền thì phạm bốn Ba-dật-đề; nếu hẹn với một, hai, ba-Tỳ-kheo-ni đi chung một thuyền thì phạm Ba-dật-đề.

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó có các Tỳ-kheo-ni từ nước Kiều-tát-la du hành đến nước Xá-vệ tới bên bờ sông đợi thuyền; lúc đó cũng có các Tỳ-kheo từ nước Kiều-tát-la đến nước Xá-vệ cũng đến bên bờ sông đợi thuyền. Khi thuyền đến các Tỳ-kheo vội lên thuyền, các Tỳ-kheo-ni cũng muốn lên thuyền thì các Tỳ-kheo nói: "Các cô chớ lên, vì sao, vì Phật đã kết giới không được cùng Tỳ-kheo-ni đi chung thuyền", các Tỳ-kheo-ni nói: "Nếu vậy thì các Đại-đức qua bờ kia trước". Không ngờ thuyền này qua bờ kia rồi thì không trở qua lại, các Tỳ-kheo-ni đành phải ngủ lại bên bờ này, đêm đến có giặc cướp đoạt hết y bát khiến các Tỳ-kheo-ni

phải lõa hình. Các Tỳ-kheo này đến nước Xá-vệ đảnh lễ Phật rồi ngồi một bên… giống như giới trên cho đến câu Phật do nhân duyên này nhóm Tỳ-kheo tăng khen ngợi giới và người trì giới rồi bảo các Tỳ-kheo: "Từ nay giới này nên nói lại như sau:

Nếu Tỳ-kheo hẹn với Tỳ-kheo-ni đi chung thuyền ngược dòng hay xuôi dòng thì phạm Ba-dật-đề, trừ nhân duyên đi thẳng qua bờ kia.

Tướng phạm trong giới này là nếu một Tỳ-kheo hẹn với một Tỳ-kheo-ni đi chung thuyền ngược dòng (xuôi dòng) từ tụ lạc này đến tụ lạc khác thì phạm Ba-dật-đề; nếu giữa đường trở về thì phạm Đột-kiết-la; nếu không có tụ lạc đi đến chỗ vắng vẻ cho đến một Câu-lô-xá thì phạm Ba-dật-đề; nếu giữa đường trở về thì phạm Đột-kiết-la. Không phạm là không hẹn với nhau hay đi thẳng qua bờ kia hay muốn đi thẳng qua bờ kia nhưng bị nước cuốn trôi hay đi thẳng qua bờ kia nhưng lỡ rơi xuống nước hay bị trôi mất vật dụng nên lên thuyền xuống thuyền thì không phạm.

26. Giới Cho Tỳ-kheo-ni Không Phải Bà Con Y:

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó các Tỳ-kheo ở chỗ khuất chia y, trong đó có một Tỳ-kheo là cựu tri thức của-Tỳ-kheo-ni Thâu la-Nan-đà, thường cùng nói chuyện thân thiết. Khi Tỳ-kheo này từ chỗ chia y đi ra, Thâu la-Nan-đà thấy liền hỏi: "Y mà thầy

được chia như thế nào?" Đáp là tốt, Thâu la-Nan-đà xem rồi khen là tốt, Tỳ-kheo hỏi: "Cô cần y này phải không?" Đáp: "Cho dù cần nhưng tôi là người nữ bạc phước thì từ đâu mà có được chứ", Tỳ-kheo suy nghĩ: "Tỳ-kheo-ni này nói lời quyết định xin, làm sao không cho được", nghĩ rồi liền đem y cho Thâu la-Nan-đà. Lúc đó vào cuối mùa hạ, Phật du hành các nước, các Tỳ-kheo đều đắp y mới chỉ có Tỳ-kheo này đắp y cũ, Phật liền hỏi nguyên do, Tỳ-kheo này đem việc trên bạch Phật, Phật hỏi A-nan: "Tỳ-kheo này đem y cho Tỳ-kheo-ni không phải là bà con phải không?" Đáp là thật đã cho, Phật do nhân duyên này nhóm Tỳ-kheo tăng quở trách Tỳ-kheo này: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo lại đem y cho Tỳ-kheo-ni không phải là bà con, vì sao, vì Tỳ-kheo-ni không phải là bà con thì không thể hỏi y đủ hay không đủ, có nữa hay không có nữa, được cho liền lấy; ngược lại nếu là bà con thì có thể hỏi y đủ hay không, có nữa hay không có nữa, đã không thể tự cho hà huống là theo xin", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo, từ nay giới này nên nói như sau: Nếu Tỳ-kheo đem y cho Tỳ-kheo-ni không phải là bà con thì phạm Ba-dật-đề.

Bà con là mẹ, chị, em, con cái cho đến nhân duyên bảy đời với nhau; khác với trên thì không phải là bà con. Vải (y) là bao gồm vải gai, vải sô-ma, kiều-xà-na, kiếp-bối …

Tướng phạm trong giới này là Tỳ-kheo nếu có Tỳ-kheo-ni không phải là bà con mà tưởng là bà con đem y cho thì phạm Ba-dật-đề; nếu Tỳ-kheo-ni không phải là bà con mà tưởng là Tỳ-kheo, Thức-xoa-ma-na, Sa di, Sa-di-ni, xuất gia, xuất gia ni đem y cho cũng phạm Ba-dật-đề. Nếu Tỳ-kheo-ni không phải là bà con khởi nghi không biết có phải là bà con hay không mà đem y cho thì phạm Ba-dật-đề; nếu Tỳ-kheo-ni không phải là bà con khởi nghi không biết có phải là Tỳ-kheo hay không, hoặc là Thức-xoa-ma-na hoặc là Sa di, Sa-di-ni, xuất gia, hay là xuất gia ni mà đem y cho đều phạm Ba-dật-đề.

Nếu Tỳ-kheo có Tỳ-kheo-ni không phải là bà con tưởng không phải là bà con mà đem y cho thì phạm Đột-kiết-la; nếu Tỳ-kheo-ni không phải là bà con mà tưởng là Tỳ-kheo, Thức-xoa-ma-na, Sa di, Sa-di-ni, xuất gia, xuất gia ni đem y cho cũng phạm Đột-kiết-la. Nếu Tỳ-kheo-ni là bà con khởi nghi không biết có phải là bà con hay không mà đem y cho thì phạm Đột-kiết-la; nếu Tỳ-kheo-ni là bà con khởi nghi không biết có phải là Tỳ-kheo hay không hoặc là Thức-xoa-ma-na hay Sa di, Sa-di-ni, xuất gia, xuất gia ni mà đem y cho đều phạm Đột-kiết-la.

Nếu Tỳ-kheo có Tỳ-kheo-ni là bà con, tưởng là bà con hay nghi; hoặc có Tỳ-kheo-ni không phải là bà con tưởng không phải là bà con và nghi mà đem

y bất tịnh cho bao gồm các loại y bằng lông lạc đà, lông dê, lông xen tạp… đều phạm Đột-kiết-la.

27. Giới May Y Cho Tỳ-kheo-ni Không Phải Bà Con:

Phật tại nước Xá-vệ, Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di cùng Tỳ-kheo-ni Quật-đa vốn quen biết nhau nên thường cùng nói chuyện thân thiết. Lúc đó Tỳ-kheo-ni Quật-đa có y cắt rọc cần may nên đến nói với Ca-lưu-đà-di: "Thầy có thể cắt rọc may y này giùm tôi được không?" Đáp: "Hãy để đó", Quật-đa liền để đó rồi đi, Ca-lưu-đà-di liền cắt rọc may thành y xong rồi ở phía sau y thêu hình tượng nam nữ ôm nhau, khi Quật-đa đến hỏi may xong chưa liền đưa y cho Quật-đa rồi nói: "Hãy mang về chùa rồi mới giở ra xem". Quật-đa mang về chùa đem khoe với các Tỳ-kheo-ni: "Các cô hãy xem thầy tôi may y cho tôi có đẹp không?", các Tỳ-kheo-ni hỏi là ai đã may, đáp là Đại-đức Ca-lưu-đà-di. Khi các Tỳ-kheo-ni giở ra xem thì thấy phía sau có thêu hình tượng nam nữ ôm nhau, một Tỳ-kheo-ni trẻ tuổi tánh bỡn cợt thấy rồi liền nói: "Y này may thật đẹp, nếu không phải là Ca-lưu-đà-di thì còn ai có thể may được y này", lúc đó các Trưởng lão Tỳ-kheo-ni ưa thích trì giới liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo lại cố ý làm nhơ y của-Tỳ-kheo-ni". Có Tỳ-kheo thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch

Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng rồi hỏi Ca-lưu-đà-di: "Thầy thật đã làm việc này phải không?" Đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo lại cố ý làm nhơ y của-Tỳ-kheo-ni", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo may y cho Tỳ-kheo-ni không phải là bà con thì phạm Ba-dật-đề.

Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo may y cho Tỳ-kheo-ni không phải là bà con, tùy trong mỗi mỗi việc đều phạm Ba-dật-đề; giặt, nhuộm, cắt rọc may thành y thì mỗi mũi kim đều phạm Ba-dật-đề; xỏ kim, may đường viền thì phạm Đột-kiết-la. Nếu may y cho Tỳ-kheo-ni là bà con thì không phạm.

28. Giới Một Mình Ngồi Ở Chỗ Khuất Với Tỳ-kheo-ni:

Phật ở nước Xá-vệ, Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di vốn có quen biết với Tỳ-kheo-ni Quật-đa nên thường cùng nói chuyện thân thiết. Lúc đó Ca-lưu-đà-di đến chỗ Quật-đa một mình ngồi ở chỗ khuất nói chuyện với Quật-đa, có Tỳ-kheo thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng rồi hỏi Ca-lưu-đà-di: "Thầy thật đã làm việc này phải không?" Đáp:

"Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo lại một mình ngồi ở chỗ khuất với Tỳ-kheo-ni", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo một mình ngồi ở chỗ khuất với Tỳ-kheo-ni thì phạm Ba-dật-đề.

Một mình ngồi với Tỳ-kheo-ni là chỉ có hai người, không có người thứ ba. Chỗ khuất là chỗ có vách ngăn hoặc màn ngăn.

Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo một mình ngồi ở chỗ khuất với Tỳ-kheo-ni thì phạm Ba-dật-đề, đứng dậy rồi ngồi trở lại cũng phạm Ba-dật-đề, tùy ngồi bao nhiêu thì phạm Ba-dật-đề bấy nhiêu.

29. Giới Một Mình Ngồi Ở Chỗ Vắng Vẻ Với Người Nữ:

Phật tại nước Xá-vệ, Ca-lưu-đà-di vốn có quen biết với vợ của cư sĩ là Quật-đa nên thường cùng lui tới nói chuyện thân thiết. Lúc đó Ca-lưu-đà-di đến nhà của vợ cư sĩ một mình cùng với người vợ này ngồi ở chỗ vắng vẻ nói chuyện, các bạch y nhìn thấy nói với nhau: "Các vị hãy nhìn xem người nữ đó là vợ của-Tỳ-kheo hay là người tư thông, ắt là cùng nhau làm việc dâm". Có Tỳ-kheo thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do

nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng rồi hỏi Ca-lưu-đà-di: "Thầy thật đã làm việc này phải không?" Đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo lại một mình cùng người nữ ngồi ở chỗ vắng vẻ", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo một mình ngồi ở chỗ vắng vẻ với người nữ thì phạm Ba-dật-đề.

Người nữ là người còn sống, lớn hay nhỏ, có gia đình hay chưa có gia đình, có thể cùng hành dâm. Một mình cùng người nữ là chỉ có hai người, không có người thứ ba. Chỗ vắng vẻ là chỗ không có vách ngăn.

Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo một mình ngồi ở chỗ vắng vẻ với người nữ thì phạm Ba-dật-đề; đứng dậy rồi ngồi trở lại, tùy ngồi bao nhiêu phạm Ba-dật-đề bấy nhiêu. Nếu ngồi cách nhau nửa tầm cho đến một tầm đều phạm Ba-dật-đề; cách nhau một tầm rưỡi thì phạm Đột-kiết-la. Không phạm là cách nhau hai tầm trở lên.

30. Giới Ăn Thức Ăn Do Tỳ-kheo-ni Khen Ngợi:

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó có cư sĩ thỉnh bốn đại đệ tử của Phật là Đại Ca diếp, Xá-lợi-phất, Đại Mục-kiền-liên và A-na-luật ngày mai đến nhà thọ thực, bốn vị đều im lặng nhận lời. Cư sĩ biết bốn vị

đã nhận lời liền đảnh lễ hữu nhiễu rồi trở về nhà, suốt đêm lo liệu các món ăn để sáng mai cúng dường. Tỳ-kheo-ni Thâu la-Nan-đà vốn có qua lại nhà này, vào sáng sớm đắp y mang bát đến nhà cư sĩ thấy đã lo liệu xong các món ăn ngon liền hỏi vợ của cư sĩ: "Hôm nay làm các món ăn ngon như thế có phải là để cúng dường các Tỳ-kheo phải không?" Đáp là phải, lại hỏi là thỉnh ai, đáp: "Thỉnh bốn vị Đại Ca diếp, Xá-lợi-phất, Đại Mục-kiền-liên và A-na-luật", Thâu la-Nan-đà nói: "Thỉnh các Tỳ-kheo nhỏ này làm chi, nếu hỏi tôi thì tôi sẽ thỉnh giùm các Tỳ-kheo đại long", cư sĩ hỏi: "Ai là đại long?" Đáp: "Đó là Đại-đức Đề-bà-đạt-đa, Già-ly-kiền-đà, Đạt-đa, Tam-văn-đạt-đa, Ca-lưu-lô-đề-xá". Khi Thâu la-Nan-đà nói chuyện với vợ cư sĩ, Đại Ca diếp nghe rồi liền suy nghĩ: "Nếu chúng ta không vào thì Tỳ-kheo-ni này sẽ mắc đại tội", nghĩ rồi liền đằng hắng, Thâu la-Nan-đà nghe tiếng liền im lặng, quay mặt lại thấy Đại Ca diếp liền nói với vợ cư sĩ: "Cô thỉnh các vị này là đại long", vợ cư sĩ hỏi: "Ai là đại long?" Đáp: "Chính là Đại Ca diếp, Xá-lợi-phất, Đại Mục-kiền-liên và A-na-luật". Lúc đó cư sĩ ở phía sau nghe Tỳ-kheo-ni nói hai lời như vậy liền nói với Tỳ-kheo-ni rằng: "Cô là Tỳ-kheo-ni xấu xa, một đầu mà hai lưỡi, hồi nãy nói là Tỳ-kheo nhỏ bây giờ lại nói là đại long. Nếu lần sau còn vào nhà ta nữa thì ta sẽ như pháp giặc mà trị", nói rồi quay sang nói

với vợ: "Bà nếu còn giao thiệp với Tỳ-kheo-ni này thì tôi sẽ nói với mọi người bà không phải là vợ tôi nữa, tôi sẽ bỏ bà đấy". Lúc đó cư sĩ thỉnh các Tỳ-kheo ngồi trên tọa cụ tạp sắc, tự tay dâng nước vá các món ăn ngon cho các Tỳ-kheo được ăn no đủ xong rồi mới ngồi trước các Tỳ-kheo nghe pháp, Đại Ca diếp thuyết pháp rồi cùng các Tỳ-kheo đứng dậy ra về. Về đến chỗ Phật đảnh lễ rồi cùng đứng một bên mỉm cười, Phật liền hỏi nguyên do, Đại Ca diếp bạch Phật: "Thế tôn, hôm nay chúng con bị Tỳ-kheo-ni Thâu la-Nan-đà chê cười là Tỳ-kheo nhỏ, sau đó lại nói là đại long", nói rồi liền đem sự việc trên bạch Phật. Phật hỏi A-nan: "Có các Tỳ-kheo ăn thức ăn do Tỳ-kheo-ni làm nhơn duyên phải không?", đáp là quả có như vậy, Phật do việc này nhóm Tỳ-kheo tăng quở trách rằng: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo biết Tỳ-kheo-ni làm nhân duyên được thức ăn liền ăn", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo biết Tỳ-kheo-ni làm nhân duyên khen ngợi được thức ăn mà liền ăn thì phạm Ba-dật-đề.

Biết là tự biết hay từ người khác biết hay Tỳ-kheo-ni tự nói. Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo-ni đến nói với vợ cư sĩ: "Nên thỉnh Tỳ-kheo", hỏi nên thỉnh ai, đáp: "Nên thỉnh Tỳ-kheo tên .....", cư sĩ vâng lời, Tỳ-kheo-ni liền bảo lo

liệu các món ăn ngon, nếu Tỳ-kheo ăn các món ăn này thì phạm Ba-dật-đề. Như thế cho đến Tỳ-kheo-ni bảo làm các món ăn khác như canh đậu, các loại thịt…, Tỳ-kheo nếu ăn đều phạm Ba-dật-đề. Nếu Tỳ-kheo-ni bảo bỏ thêm gừng vào trong thức ăn, Tỳ-kheo ăn thì phạm Đột-kiết-la. Nếu Tỳ-kheo-ni đến bảo vợ cư sĩ nên thỉnh Tỳ-kheo, vợ cư sĩ nói đã thỉnh trước rồi, lại hỏi nấu cơm gì. Đáp là cơm thịt nai, liền bảo nấu cơm gạo ngon; nếu Tỳ-kheo ăn thì phạm Ba-dật-đề. Hoặc hỏi nấu canh gì, đáp là canh đậu phù lăng già, liền bảo nấu canh đậu tươi; nếu Tỳ-kheo ăn thì phạm Ba-dật-đề. Như thế cho đến hỏi làm thức ăn gì, đáp là làm thịt bò, liền bảo chớ làm thịt bò nên làm thịt chim trĩ…, Tỳ-kheo ăn thì phạm Ba-dật-đề; nếu Tỳ-kheo-ni bảo thêm chút gừng vào thức ăn, Tỳ-kheo ăn thì phạm Đột-kiết-la.

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó có cư sĩ vốn muốn thiết trai cúng dường Phật và tăng nhưng thời thế đang lúc mất mùa đói kém, nhà cư sĩ cũng không giàu có chỉ có ít ruộng vườn và người làm. Mùa hạ sắp trôi qua, cư sĩ buồn rầu nói: "Ta vốn muốn thiết trai cúng dường… giống như đoạn văn trên cho đến câu mùa hạ sắp trôi qua, không lẽ khiến cho phước đức của ta trống không. Nếu không thể thỉnh hết tăng thì nên ở trong tăng thỉnh vài vị", nghĩ rồi liền đến trong Kỳ hoàn đánh kiền chùy, các Tỳ-kheo hỏi nguyên do, cư sĩ đáp là muốn thỉnh vài vị

Tỳ-kheo ngày mai đến nhà thọ thực, các Tỳ-kheo nhận lời. Cư sĩ thỉnh Tăng rồi lại có việc gấp phải đi nên dặn vợ ở nhà lo liệu các món ăn cúng dường cho vài vị Tỳ-kheo, người vợ cũng là người tin ưa phước đức, sau khi nghe chồng dặn liền lo liệu các món ăn ngon xong rồi nhưng lại không có người nhờ đến thỉnh các Tỳ-kheo. Vừa lúc đó có Tỳ-kheo-ni vào trong nhà này thấy đã lo liệu xong các món ăn ngon liền hỏi: "Thỉnh Tỳ-kheo cúng dường phải không?" Vợ cư sĩ đáp: "Tôi đã làm xong các món ăn rồi nhưng lại không có người nhờ đến thỉnh các Tỳ-kheo, cô có thể đến thỉnh giùm các Tỳ-kheo được không và cô cũng thọ thực ở đây luôn", Tỳ-kheo-ni nhận lời rồi liền ra khỏi thành thì thấy các Tỳ-kheo đều đã y bát trang nghiêm đang đứng đợi người đến thỉnh, cô liền đến nói với các Tỳ-kheo: "Nhà cư sĩ tên ..... đã lo liệu xong bữa cơm cúng dường, xin các thầy tự biết thời". Lúc đó các Tỳ-kheo suy nghĩ: "Phật kết giới nếu thức ăn do Tỳ-kheo-ni làm nhân duyên thì không nên ăn, nay sứ đến thỉnh là Tỳ-kheo-ni thì ắt Tỳ-kheo-ni này làm nhân duyên", nghĩ rồi liền không đến nhà thỉnh thực nên ngày đó các Tỳ-kheo phải đoạn thực. Khi cư sĩ trở về liền hỏi vợ: "Bà có thỉnh các Tỳ-kheo không, cúng dường có tốt không", đáp: "Như lời ông dặn tôi đã lo liệu xong các món ăn ngon rồi nhờ Tỳ-kheo-ni đến thỉnh các Tỳ-kheo, nhưng không hiểu sao các Tỳ-kheo không đến làm sao

cúng dường", cư sĩ nghe rồi liền nổi giận: "Nếu các Tỳ-kheo không thọ thỉnh thực thì tại sao lại nhận lời thỉnh của ta. Các Tỳ-kheo không biết thời thế lúc này mất mùa đói kém, thức ăn khó được, vợ con trong nhà còn thiếu cơm ăn huống chi là cho người khác hay sao". Lúc đó cư sĩ không nhẫn được sân nên vào trong Kỳ hoàn thấy các Tỳ-kheo liền nói: "Các thầy không thọ thỉnh thực thì tại sao lại nhận lời tôi thỉnh, thầy há không biết… giống như đoạn văn trên cho đến câu huống chi là cho người hay sao?" Các Tỳ-kheo nói: "Thí chủ chớ ưu sầu, vì Phật đã kết giới không cho chúng tôi ăn thức ăn do Tỳ-kheo-ni làm nhân duyên, nay sứ đến thỉnh là Tỳ-kheo-ni nên chúng tôi cho là do Tỳ-kheo-ni làm nhân duyên nên không đến thọ thỉnh thực, do nhân duyên này nên chúng tôi đã đoạn thực", cư sĩ nghe nói các Tỳ-kheo đoạn thực nên hết sân liền nói với các Tỳ-kheo: "Tôi vốn có tâm muốn thiết trai cúng dường Phật và Tăng… giống như đoạn văn trên cho đến câu mùa hạ sắp qua, tôi không muốn phước đức trống không, do khả năng không thể thỉnh hết Phật và Tăng nên chỉ thỉnh vài vị đến nhà tôi thọ thực. Đây là do tôi phát tâm không phải do Tỳ-kheo-ni làm nhân duyên, xin các vị ngày mai đến ăn thức ăn nguội". Các Tỳ-kheo không biết làm sao liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng đủ lời khen ngợi giới và người trì giới rồi bảo các

Tỳ-kheo: Từ nay giới này nên nói lại như sau:

Nếu Tỳ-kheo biết Tỳ-kheo-ni làm nhân duyên khen ngợi được thức ăn mà liền ăn thì phạm Ba-dật-đề, trừ đàn việt thỉnh trước.

Đàn việt thỉnh trước là đàn việt trước tự phát tâm muốn thỉnh Tỳ-kheo tăng. Trường hợp không phạm là nếu Tỳ-kheo-ni đến bảo vợ cư sĩ nên thỉnh Tỳ-kheo , đáp là đã thỉnh trước rồi, lại bảo nên nấu cơm gạo ngon… giống như những trường hợp ở trong đoạn văn trên, chỉ khác là nếu do gia đình vì Tỳ-kheo làm và trước đã vì Tỳ-kheo mà làm thì Tỳ-kheo ăn không phạm.

31. Giới Thường Thường Ăn:

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó có một cư sĩ do nhân duyên vô thường nên mất hết ruộng vườn, nhà cửa nhân dân chỉ còn một đức con sống sót. Người con này nghe nói cúng cơm cho Phật và Tăng được sanh lên cõi trời Đao lợi nên phát nguyện sẽ cúng cơm cho Phật và Tăng, phát nguyện rồi suy nghĩ: "Ta nay không có gì cả, ta nên làm thuê mướn kiếm tiền". Lúc đó trong nước Xá-vệ có một cư sĩ rất giàu có với nhiều ruộng vườn, người làm và vàng bạc châu báu, đủ các phước đức, oai tướng thành tựu. Đồng tử này đến chỗ cư sĩ xin làm thuê mướn, cư sĩ hỏi: "Ngươi có thể làm được những gì?" Đáp: "Tôi có thể đọc sách, tính toán, biết coi tướng vàng bạc, tướng lông, tướng tơ

lụa, tướng châu báu, có thể trông coi cửa hàng …", cư sĩ hỏi: "Làm một năm ngươi muốn được bao nhiêu tiền?" Đáp: "Một ngàn tiền vàng", cư sĩ nói: "Người còn trẻ tuổi không biết, nay thời thế mất mùa đói kém thức ăn khó được huống chi là đòi giá cao như thế", đồng tử nói: "Tôi biết làm nhiều việc có thể kiếm được số tiền như thế". Sau khi cùng nhau thương lượng, cư sĩ quyết định trả cho năm trăm tiền vàng, đồng tử nói: "Tôi vốn muốn có nhiều tiền, vì gấp nên chịu làm cho ông, ông giao ước với tôi là hết một năm thì giao tiền cho tôi một lần ", cư sĩ nghe rồi suy nghĩ: "Ta có được người làm xong mới đòi tiền", nghĩ rồi liền nói với đồng tử: "Ngươi chớ lo, hết một năm ta sẽ giao tiền cho ngươi một lần ". Cư sĩ sắp xếp cho trông coi cửa hàng, cửa hàng của cư sĩ trước đó vốn không có lãi nhiều nay bỗng được lãi gấp hai, gấp ba. Qua một tháng cư sĩ kiểm tra lại thì thấy cửa hàng được lãi gấp hai, ba liền suy nghĩ: "Nếu là ta trông coi cửa hàng thì với số hàng hóa này cũng không được lãi như thế này, ắt là người làm công này có nhiều phước đức, lãi này có được là nhờ đồng tử". Cư sĩ liền đưa đến làm việc trong ruộng vườn, cũng giống như trước ruộng vườn thu hoạch rất tốt, lẫm lúa trước kia không đầy nay lại đầy gấp hai, ba; cư sĩ suy nghĩ: "Nếu ta làm việc trong ruộng vườn này cũng không thu hoạch nhiều như vậy, đồng tử này nhiều phước đức nên lẫm lúa của ta mới đầy gấp

hai, ba như thế, lợi này có được là nhờ đồng tử". Hết năm đồng tử đến chỗ cư sĩ lấy tiền công một lần nhưng cư sĩ sợ đồng tử lấy tiền rồi bỏ đi nên tránh mặt không muốn đưa tiền cho đồng tử. Vì cư sĩ tránh mặt không muốn đưa tiền nên đồng tử đến đòi tiền mãi, cư sĩ hỏi: "Ngươi đòi tiền gấp như vậy là muốn làm việc gì?" Đồng tử nói: "Tôi nghe nói cúng cơm cho Phật và Tăng sẽ được sanh lên cõi trời Đao lợi, mục đích tôi làm công một năm là kiếm tiền để cúng cơm cho Phật và Tăng để được sanh lên cõi trời Đao lợi". Cư sĩ nghe rồi liền khởi tín tâm nghĩ rằng: "Đồng tử này suốt năm cần khổ là để làm việc thiện", nghĩ rồi liền hỏi: "Muốn cúng cơm ở đâu?" Đáp là muốn cúng trong tinh xá Kỳ hoàn, cư sĩ muốn người tốt việc tốt vào nhà mình nên nói với đồng tử: "Ở trong Kỳ loàn thiếu nồi nêu… các vật dụng, củi đốt và người làm không bằng ở trong nhà ta, mọi thứ đều đầy đủ, nếu có thiếu thứ gì ta sẽ giúp thêm cho, ngươi cứ thỉnh Phật và Tăng đến nhà ta". Đồng tử nghe rồi liền rời khỏi nhà cư sĩ đi đến trong tinh xá Kỳ hoàn, lúc đó là vào xế trưa, Phật đang thuyết pháp cho vô số đại chúng vây quanh. Lúc đó đồng tử từ xa thấy Phật trong rừng cây, khéo nhiếp các căn thành tựu tịch diệt bậc nhất, thân Phật phát hào quang như chơn kim đoan chánh đặc thù khiến tâm người thanh tịnh. Đồng tử thấy rồi liền đến đảnh lễ Phật và ngồi một bên, Phật thuyết pháp cho đồng tử nghe được

lợi hỉ rồi im lặng, đồng tử đứng dậy bạch Phật: "Cúi xin Thế tôn và chúng tăng ngày mai thọ con thỉnh thực", Phật im lặng nhận lời, đồng tử biết Phật im lặng nhận lời liền đảnh lễ hữu nhiễu Phật rồi trở về nhà cư sĩ, suốt đêm đó lo liệu các món ăn ngon để cúng dường. Sáng sớm hôm đó ở nước Xá-vệ có tiết hội, các bạch y mang nhiều thịt heo và cơm khô cúng cho chúng tăng, các Tỳ-kheo thọ nhiều nên đều no. Đồng tử lo liệu xong các món ăn, trải tòa ngồi xong liền đến bạch Phật đã đến giờ. Các Tỳ-kheo đến nhà cư sĩ còn Phật bảo người nhận lấy thức ăn mang về, lúc đó đồng tử thấy chúng tăng đều đã an tọa liền tự tay sớt thức ăn vào trong bát của Thượng tòa, Thượng tòa nói nên sớt ít, Thượng tòa thứ hai cũng nói đừng sớt nhiều… cho đến tất cả chúng tăng đều nói như thế. Đồng tử thấy cơm canh và các món ăn đều không vơi bớt liền đến trước Thượng tòa hỏi: "Vì thương xót con nên các vị không ăn phải không, vì thời thế đang mất mùa đói kém hay vì con làm công cần khổ suốt một năm hay vì thức ăn không ngon mà các vị không ăn?" Thượng tòa trực tánh nói: "Chúng tôi không vì thương xót, cũng không vì thời thế đang đói kém, đồng tử làm công cần khổ một năm và cũng không vì thức ăn không ngon; chỉ vì hôm nay có tiết hội nên sáng sớm các bạch y mang đến cúng nhiều thức ăn, chúng tôi đã thọ rồi nên no, vì thế mới ăn ít". Đồng tử nghe rồi ưu sầu thối tâm nghĩ

rằng: "Ta làm thức ăn, chúng tăng không thọ đầy đủ ắt là không được sanh lên cõi trời Đao lợi", nghĩ rồi liền rời khỏi nhà cư sĩ đến chỗ Phật kêu khóc, Phật hỏi nguyên do, đồng tử đem việc trên bạch Phật, Phật nói: "Con hãy trở về, tùy các Tỳ-kheo ăn được bao nhiêu con vẫn được sanh lên cõi trời Đao lợi", đồng tử nghe rồi hoan hỉ suy nghĩ: "Phật đã nói như thế thì ta nhất định sẽ được sanh lên cõi trời Đao lợi", nghĩ rồi vội trở về dâng cúng thức ăn cho các Tỳ-kheo tùy ý được no rồi ngồi trước Thượng tòa nghe pháp, Thượng tòa thuyết pháp rồi cùng các Tỳ-kheo từ tòa đứng dậy đi. Xế trưa hôm đó, có các thương nhơn từ biển đến trong thành Xá-vệ muốn tìm mua thức ăn, nhưng do có hai nhân duyên nên tìm mua không được: Một là vì thời thế đang đói kém, Hai là vì thức ăn đúng giờ không có dư. Người tim mua thức ăn không được trở về nói với thương chủ là tìm mua không được, thương chủ nói: "Chúng ta ở trong đại hải nguy hiểm mà không thiếu thức ăn, nay đến được trong thành lớn lại lại không có thức ăn. Các vị hãy đi khắp nơi tìm kỹ lại một lần nữa xem tùy phương tiện tìm mua cho được thức ăn". Khi đồng tử đến chỗ Phật kêu khóc, nhiều người thấy biết nên nói với các thương nhơn: "Nhà ..... hôm nay làm nhiều thức ăn nhưng người thọ lại ăn ít, các vị tìm đến nhà đó ắt là còn có thức ăn". Thương nhơn nghe rồi liền tìm đến nhà cư sĩ nói với người giữ cửa: "Hãy nói với chủ

nhà có thương nhơn từ đại hải đến muốn được gặp", người giữ cửa vào bạch cư sĩ, cư sĩ liền mời vào cùng nhau chào hỏi rồi hỏi thương nhơn đến vì việc gì, thương nhơn nói là vì cần thức ăn, cư sĩ nói: "Thức ăn đó là của đồng tử, không phải là của tôi", thương nhơn nói với đồng tử là cần mua lại thức ăn, đồng tử nói: "Xin đừng nói đến tiền bạc, các vị có tất cả bao nhiêu người?" Thương nhơn nói là năm trăm người, đồng tử nói: "Hãy kêu hết đến đây". Thương nhơn này liền trở về nói với vị thương chủ: "Đã tìm được thức ăn nhưng người chủ không đòi hỏi tiền", thương chủ nói: "Chúng ta đang đói khát, dù đem vật quý để đổi cũng còn được huống chi là cho không", nói rồi tất cả cùng đi đến nhà cư sĩ, chỉ chừa lại một người ở lại để giữ hàng hóa. Đồng tử mời các thương nhơn ngồi rồi dọn thức ăn lên mời họ tùy ý ăn được no đủ, đồng tử biết họ đã ăn xong liền thâu dọn chén bát rồi ngồi một bên. Lúc đó gần chỗ đồng tử có có bồn bằng đồng của nước Kiều-tát-la , thương chủ liền bảo đồng tử mang cái bồn đó đến, đồng tử hỏi vì sao, thương chủ nói: "Cứ mang đến đây", đồng tử liền mang đến trước chỗ thương chủ, thương chủ nói với các thương nhơn: "Chúng ta được thức ăn ngon nên báo đáp, tùy ý mỗi người hãy bỏ vào trong bồn này". Lúc đó trong chéo áo của thương chủ có một hạt châu trị giá mười vạn kim tiền, ông liền lấy bỏ vào trong bồn, thương nhơn thứ hai

cũng bỏ vào trong bồn hạt châu trị giá chín vạn kim tiền, lần lượt như thế cho đến hết năm trăm thương nhơn, mỗi người đều bỏ vào trong bồn một hạt châu như thế được đầy bồn rồi đưa cho đồng tử nói rằng: "Đây là chúng tôi biếu tặng cậu, cậu tùy ý lấy dùng", đồng tử nói: "Tôi biếu cho các vị thức ăn chứ không lấy tiền", các thương nhơn nói: "Chúng ta cũng biếu tặng cậu chứ không phải trả tiền thức ăn, tiền thức ăn đâu có bao nhiêu còn mỗi hạt châu này trị giá rất nhiều tiền", đồng tử suy nghĩ: "Nếu mình nhận vật biếu này thì sẽ không được sanh lên cõi trời Đao lợi", nghĩ rồi liền nói với các thương nhơn: "Xin chờ một chút, đợi tôi đến hỏi ý kiến của Phật", thương chủ nói tùy ý. Đồng tử ra khỏi thành đến chỗ Phật đảnh lễ rồi đứng một bên, đem việc trên bạch Phật, Phật nói: "Cứ nhận, chắc chắn sẽ sanh lên cõi trời Đao lợi, vì đây là hoa báo, quả báo ở sau", đồng tử suy nghĩ: "Phật không có nói sai, chắc chắn ta sẽ sanh lên cõi trời Đao lợi", nghĩ rồi trở về đến chỗ các thương nhơn nhận lấy châu báu, đồng tử bỗng nhiên trở thành đại phú gia, được gọi là cư sĩ Hốt nhiên. Vị cư sĩ mướn đồng tử này làm công vốn giàu có, đầy đủ phước đức, oai đức thành tựu, mọi việc đều đầy đủ chỉ không có con trai, ông có cô con gái đoan trang xinh đẹp nên suy nghĩ: "Đồng tử này dòng họ không kém ta, chỉ có nghèo thiếu nhưng nay bỗng được tài bảo đến nhà ta cũng chẳng bằng, ta hãy đem con gái gả cho nó", nghĩ

rồi bàn với vợ, người vợ cũng đồng ý, cư sĩ liền đem con gái gả cho đồng tử. Như kệ nói:

"Tích tụ đều tiêu tán, Cao ngất ắt rơi rớt, Hội họp ắt biệt ly,

Có mạng đều phải chết".

Không bao lâu sau cư sĩ qua đời, vua Ba-tư-nặc nghe tin liền hỏi: "Cư sĩ này có con trai không?" Đáp: "Không có, huynh đệ cũng không", lại hỏi: "Ai liệu lý nhà đó?" Đáp: "Có con rễ lành tốt, nhiều phước đức liệu lý nhà đó", vua liền bảo đem tài sản đó giao đồng tử và phong chức đại cư sĩ trong thành Xá-vệ. Lúc đó các Tỳ-kheo thọ thực ở nhà đồng tử xong trở về đến chỗ Phật đảnh lễ Phật rồi ngồi một bên , pháp thường của Phật là sau khi các Tỳ-kheo ăn xong trở về đều hỏi thức ăn có ngon không, chúng tăng ăn có no đủ không, các Tỳ-kheo đều đáp là rất ngon và rất no đủ rồi đem việc trên bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm Tỳ-kheo tăng rồi quở trách các Tỳ-kheo rằng: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo lại thường thường ăn", nhưng lúc đó Phật chỉ quở trách chứ chưa kết giới.

Phật tại Duy-na-ly, lúc đó ở Duy-na-ly có một Đại thần thế lực, đến chỗ Phật đảnh lễ rồi ngồi một bên nghe Phật nói pháp, Thế tôn tùy thuận nói pháp chỉ dạy cho đại thần được lợi hỉ rồi liền im lặng. Đại-thần này từ tòa đứng dậy chắp tay bạch Phật: "Thế tôn, cúi xin Phật và Tăng ngày mai thọ con

thỉnh thực", Phật im lặng nhận lời, Đại-thần biết Phật đã nhận lời liền đảnh lễ Phật hữu nhiễu rồi ra về, đêm đó lo liệu đủ các món ăn ngon tinh khiết để cúng dường. Sáng hôm đó ở Duy-na-ly có tiết hội, các bạch y mang nhiều thịt heo và cơm khô cúng cho chúng tăng, các Tỳ-kheo thọ nhiều nên đều no. Đại-thần lo liệu xong các món ăn, trải tòa ngồi xong liền đến bạch Phật đã đến giờ. Các Tỳ-kheo đến nhà Đại thần còn Phật bảo người nhận lấy thức ăn mang về, lúc đó Đại thần thấy chúng tăng đều đã an tọa liền tự tay sớt thức ăn vào trong bát của Thượng tòa, Thượng tòa nói nên sớt ít, Thượng tòa thứ hai cũng nói đừng sớt nhiều… cho đến tất cả chúng tăng đều nói như thế. Đại-thần thấy cơm canh và các món ăn đều không vơi bớt liền đến trước Thượng tòa hỏi: "Vì thương xót con nên các vị không ăn phải không, vì thời thế đang mất mùa đói kém hay vì thức ăn không ngon mà các vị không ăn?" Thượng tòa trực tánh nói: "Chúng tôi không vì thương xót, cũng không vì thời thế đang đói kém và cũng không vì thức ăn không ngon; chỉ vì hôm nay có tiết hội nên sáng sớm các bạch y mang đến cúng nhiều thức ăn, chúng tôi đã thọ rồi nên no, vì thế mới ăn ít". Đại-thần nghe rồi liền nổi giận bảo gia nhân thu dọn các món ăn ngon và đem thịt heo cơm khô lên, Đại-thần sớt thịt heo và cơm khô vào đầy bát cho các Tỳ-kheo rồi nói: "Hãy ăn đi, các thầy cho là nhà tôi

không có thức ăn này hay sao?", các Tỳ-kheo hổ thẹn không ăn, chỉ ngồi im lặng, Đại-thần thấy vậy liền suy nghĩ: "Thức ăn ngon còn không ăn được huống chi là thức ăn thô", nghĩ rồi liền bảo gia nhân thu dọn hết rồi đến trước Thượng tòa nói rằng: "Thức ăn ngon các vị còn không ăn được huống chi là thức ăn thô, thịt heo cơm khô là nghi pháp của thế gian, các thầy nếu đã thọ người khác thỉnh thì nên đợi ăn thức ăn của người đó cúng", nói rồi liền bảo gia nhân đem thức ăn ngon lên, tự tay sớt vào bát và yêu cầu các Tỳ-kheo ăn thêm ít nhiều, khiến cho các Tỳ-kheo được no đủ rồi ngồi trước Thượng tòa muốn nghe pháp, Thượng tòa thuyết pháp rồi cùng các Tỳ-kheo đứng dậy ra về. Về đến chỗ Phật đảnh lễ rồi ngồi một bên, pháp thường của Phật là sau khi các Tỳ-kheo ăn xong trở về đều hỏi thức ăn có ngon không, chúng tăng ăn có no đủ không, các Tỳ-kheo đều đáp là rất ngon và rất no đủ rồi đem việc trên bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm Tỳ-kheo tăng rồi quở trách các Tỳ-kheo rằng: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo lại thường thường ăn", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo thường thường ăn thì phạm Ba-dật-đề. Thường thường ăn là ăn rồi lại ăn nữa.

Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo thường thường ăn thì phạm Ba-dật-đề, không

thường thường ăn thì không phạm.

Phật tại thành Vương xá, lúc đó có một Tỳ-kheo vào mùa thu thời tiết lạnh nóng bất thường nên bịnh sanh, không thể ăn uống được, thân thể gầy ốm, nhan sắc tiều tụy. Phật hỏi A-nan nguyên do, A-Nan đem việc trên bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm Tỳ-kheo tăng rồi bảo các Tỳ-kheo: "Từ nay vì thương xót Tỳ-kheo bịnh nên cho các Tỳ-kheo được ăn thức ăn đầy đủ ba tính chất là sắc, hương và vị. Tỳ-kheo được thọ thỉnh một lần, không được thọ thỉnh hai lần; nếu ở chỗ thọ thỉnh lần thứ nhất ăn không no thì được thọ thỉnh thêm lần thứ hai, nếu vẫn không no thì được thọ thỉnh thêm lần thứ ba, không được thọ thỉnh đến lần thứ tư. Nếu ở chỗ thọ thỉnh lần thứ ba vẫn không no thì được thọ mang về ăn dần cho đến giữa ngọ. Từ nay giới này nên nói lại như sau:

Nếu Tỳ-kheo thường thường ăn thì phạm Ba-dật-đề, trừ thời nhân duyên.

Thời nhân duyên là khi bịnh, nếu trời quá lạnh hay quá nóng hay trời gió mà được thức ăn thì nên dùng.

Tướng phạm trong giới này là Tỳ-kheo không bịnh mà thường thường ăn thì phạm Ba-dật-đề; nếu thật bịnh thì không phạm.

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó các Tỳ-kheo vào thành khất thực, có người thỉnh thực và cúng y nói

rằng: "Thọ tôi thỉnh thực, tôi sẽ đem y thí", các Tỳ-kheo nói: "Phật chưa cho chúng tôi ăn thường thường vì được cúng y". Lúc đó các Tỳ-kheo không biết làm sao liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm Tỳ-kheo tăng, đủ lời khen ngợi giới và người trì giới rồi bảo các Tỳ-kheo: "Từ nay do nhân duyên được cúng y, cho các Tỳ-kheo được ăn thường thường. Từ nay giới này nên nói lại như sau:

Nếu Tỳ-kheo thường thường ăn thì phạm Ba-dật-đề, trừ thời nhân duyên.

Thời nhân duyên là khi bịnh, khi thí y.

Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo thọ chỗ thỉnh thực có y, đến chỗ thọ thỉnh thực có y thì không phạm, ăn cũng không phạm. Nếu Tỳ-kheo thọ chỗ thỉnh thực có y nhưng lại đến chỗ thọ thỉnh thực không có y, thọ thỉnh không phạm nhưng ăn thì phạm Ba-dật-đề. Nếu Tỳ-kheo thọ chỗ thỉnh thực có y, lại đến chỗ thọ thỉnh thực có y và chỗ thọ thỉnh thực không có y, thọ thỉnh không phạm nhưng ăn thì phạm Ba-dật-đề. Nếu Tỳ-kheo thọ chỗ này thỉnh thực không có y lại đến chỗ khác thọ thỉnh thực không có y, thọ thỉnh thì phạm Đột-kiết-la, ăn thì phạm Ba-dật-đề. Nếu Tỳ-kheo thọ chỗ thỉnh thực không có y lại đến chỗ thọ thỉnh thực có y, thọ thỉnh thì phạm Đột-kiết-la nhưng ăn thì không phạm. Nếu Tỳ-kheo thọ chỗ thỉnh thực không có y, lại đến chỗ thỉnh thực có y và chỗ thỉnh

thực không y, thọ thỉnh thì phạm Đột-kiết-la và ăn thì phạm Ba-dật-đề. Nếu Tỳ-kheo thọ chỗ thỉnh thực có y và chỗ thỉnh thực không có y nhưng lại đến chỗ thỉnh thực không có y, thọ thỉnh thì phạm Đột-kiết-la và ăn thì phạm Ba-dật-đề. Không phạm là thọ nhiều chỗ thỉnh thực có y, tất cả chỗ đều đến thì không phạm.

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó vào ngày tiết hội trong thành Xá-vệ có nhiều thức ăn uống, các cư sĩ làm đủ các món ăn mang đến trong Kỳ hoàn rồi đánh kiền chùy, các Tỳ-kheo hỏi nguyên do, đáp là muốn thỉnh vài Tỳ-kheo trong hội chúng thọ ẩm thực, các Tỳ-kheo nói: "Phật chưa cho trong ngày lễ hội của bạch y được thường thường ăn", các cư sĩ nói: "Pháp bạch y của chúng tôi, vào ngày lễ cưới gả, tiết hội thì mời các thân tộc tri thức đến dự. Chúng tôi quý trọng Tỳ-kheo vì không có thiên thần nào Tỳ-kheo Thích tử, các vị hãy thọ thức ăn trong ngày lễ hội của chúng tôi". Các Tỳ-kheo không biết làm sao liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm Tỳ-kheo tăng đủ lời khen ngợi giới và người trì giới rồi bảo các Tỳ-kheo: "Từ nay cho các Tỳ-kheo trong ngày tiết hội được thường thường ăn. Thức ăn của mình đem cho người khác rồi mới thọ thức ăn khác, sao gọi là đưa thức ăn cho người khác?, nghĩa là đem thức ăn cho lẫn nhau để làm thức ăn. Thức ăn ngày trai, thức ăn ngày mồng một, thức ăn ngày rằm, thức ăn

của Tăng, thức ăn của riêng mình, thỉnh Tăng hay thỉnh riêng đều nên cho người khác; nếu năm chúng thỉnh thực thì không nên cho người khác."

32. Giới Thọ Quá Một Bữa Ăn Trong Nhà Phước Đức:

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó các cư sĩ nước Kiều-tát-la làm nhà phước đức; nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào đến trong nhà này thì các cư sĩ đều ra nghinh đón chào hỏi, đem nước nóng để rửa chân và đưa tô dâu để thoa chân rồi cung cấp giường mền chiếu gối tốt để nằm ngủ, qua ngày mai cúng dường bữa ăn sáng và bữa trưa thơm ngon. Lúc đó Lục quần Tỳ-kheo từ nước Kiều-tát-la du hành đến nhà phước đức trong thành Xá-vệ, các cư sĩ liền ra nghinh đón… giống như đoạn văn trên cho đến câu cúng dường bữa ăn sáng và bữa trưa thơm ngon. Lục quần Tỳ-kheo nói với nhau: "Lúc này thời thế đang mất mùa đói kém, khất thực khó được, chúng ta nên ở lại đây một ít lâu để thọ lạc", nói rồi liền ở lại không chịu đi, nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào đến trong nhà này muốn ngủ lại thì không cho ở chung, họ liền hỏi chủ nhà: "Chúng tôi có được ngủ lại đây qua đêm không?" Đáp là được, họ liền vào trong nhà muốn ngủ thì Lục quần Tỳ-kheo không cho, nói rằng: "Trong đây chúng tôi đã ở trước rồi". Lục quần Tỳ-kheo có thế lực nên khách không làm gì được, các cư sĩ

nổi giận quở trách: "Sa-môn Thích tử tự nói lành tốt có đức, sao lại gắng gượng ở lại trong nhà phước đức như vua Đại-thần". Có Tỳ-kheo thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng rồi hỏi Lục quần Tỳ-kheo: "Các thầy thật đã làm việc này phải không?" Đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo lại ở trong nhà phước đức thọ quá một bữa ăn", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo ở trong nhà phước đức thọ quá một bữa ăn thì phạm Ba-dật-đề.

Theo pháp của nhà phước đức là chỉ ngủ lại một đêm và thọ một bữa ăn. Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo ở trong nhà phước đức thọ quá một bữa ăn thì phạm Ba-dật-đề; nếu ngủ quá một đêm mà không ăn thì phạm Đột-kiết-la; nếu đến ngủ chỗ khác mà ăn ở nơi này cũng phạm Ba-dật-đề; nếu ngủ lại một đêm và thọ một bữa ăn thì không phạm.

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó Trưởng lão Xá-lợi-phất từ nước Kiều-tát-la du hành đến nước Xá-vệ trú trong nhà phước đức được một đêm thì bị bịnh phong, Trưởng lão suy nghĩ: "Ta ở trong đây quá một đêm mà không ăn thì phạm Đột-kiết-la, ta thà đi", nghĩ rồi liền ra đi đến giữa đường bịnh càng

nguy kịch nhưng cuối cùng vẫn đến được chỗ Phật, đảnh lễ rồi ngồi một bên. Pháp thường của Phật là khi có khách Tỳ-kheo đến đều dịu dàng thăm hỏi có nhẫn dược không, có an lạc không, khất thực có khó không và đi đường có mệt nhọc không. Xá-lợi-phất đáp: "Thế tôn, con khất thực dễ được nhưng không nhẫn được vì đi đường rất mệt nhọc", nói rồi liền đem việc trên bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm Tỳ-kheo tăng đủ lời khen ngợi giới và người trì giới rồi bảo các Tỳ-kheo: Từ nay giới này nên nói lại như sau:

Nếu Tỳ-kheo không bịnh ở trong nhà phước đức thọ quá một bữa ăn thì phạm Ba-dật-đề.

Bịnh là thân bị thương cho đến bị một lá tre làm thương tổn đều gọi là bịnh. Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo không bịnh ở trong nhà phước đức thọ quá một bữa ăn thì phạm Ba-dật-đề; nếu ngủ lại quá một đêm mà không ăn thì phạm Đột-kiết-la; nếu đến ngủ chỗ khác mà vẫn ăn ở trong đây cũng phạm Ba-dật-đề. Không phạm là ngủ một đêm và ăn một bữa hoặc bị bịnh hoặc nhà phước đức là do bà con làm ra hoặc được thỉnh trước hoặc ở trong nhà phước đức đợi bạn đến để cùng đi vào đường hiểm trở hoặc có nhiều nhà phước đức hoặc được người ở trong hà phước đức lưu giữ lại đều không phạm.

-oOo-

LUẬT THẬP TỤNG

QUYỂN 13

V. CHÍN MƯƠI PHÁP BA DẬT ĐỀ (Tiếp Theo):

33. Giới Đến Nhà Bạch Y Thọ Quá Hai, Ba Bát:

Phật tại nước Xá-vệ, có một Bà-la-môn có con gái bị mắt lé tên gọi là mắt lé, lúc đó bên nhà chồng đến đón, cha mẹ của mắt lé bảo đợi một chút để làm xong bánh nướng rồi sẽ tiễn đưa con gái về nhà chồng. Lúc đó thời thế đang mất mùa đói kém nên Bà-la-môn phải cần khổ mới tìm mua đủ bột để nướng bánh. Bạt-nan-đà Thích tử thường lui tới trong nhà này, lúc đó nói với đồ chúng rằng: "Hãy theo tôi, tôi vào nhà nào thì các thầy vào nhà đó, tôi được thức ăn thì các thầy cũng được thức ăn". Sáng sớm hôm đó, Bạt-nan-đà đắp y mang vào đến nhà của Bà-la-môn , Bà-la-môn cung kính chào hỏi, do Bạt-nan-đà có tài biện thuyết, sau khi nói diệu pháp cho Bà-la-môn được pháp vị, Bà-la-môn liền nói: "Đại-đức, hiện giờ không có cơm canh, có thể ăn bánh nướng này được không?", đáp: "Các vị ăn được sao tôi lại ăn không được", Bà-la-môn liền

đưa bánh cho Bạt-nan-đà và các Tỳ-kheo khác khiến cho hết bánh. Lúc đó bên nhà chồng lại sai sứ đến đón, cha mẹ của Mắt lé lại bảo đợi một chúng để làm xong bánh nướng sẽ tiễn đưa rồi đi tìm bột để nướng bánh. Bạt-nan-đà lại cùng đồ chúng đến nhà cũng giống như lần trước thuyết pháp rồi mang hết bánh đi khiến cho khi bên nhà chồng đến đón dâu, bên nhà gái lại bảo đợi làm bánh xong sẽ tiễn đưa con gái, lúc đó bên nhà chồng nghi và nổi giận đi hỏi cưới người vợ khác rồi sai sứ đến nói với bên nhà gái rằng: "Tôi đã cưới vợ khác rồi, không đến rước dâu nữa". Cha của Mắt lé nghe rồi ưu sầu giận trách nói rằng: "Tại Sa-môn Thích tử nên mới như thế, họ không biết nhàm đủ, người thí không biết lượng thì người thọ phải biết lượng. Con rễ của ta trước kia ái niệm nhau, do nhân duyên này nên không rước dâu nữa", do lòng sân không nhẫn được nên đi đến chỗ Phật bạch lại sự việc trên rồi nói: "Thế tôn, thật không có pháp này vì cái quý trọng của con gái tôi đã bị mất rồi", Phật dùng sức từ tâm khiến cho tâm sân giận của Bà-la-môn lắng xuống rồi thuyết pháp khiến cho được lợi hỉ, Bà-la-môn nghe pháp được lợi hỉ rồi đảnh lễ Phật hữu nhiễu rồi ra về. Bà-la-môn đi không bao lâu sau Phật do việc này nhóm Tỳ-kheo tăng rồi hỏi Bạt-nan-đà: "Thầy thật đã làm việc này phải không?" Đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo

lại không biết thời, không biết lượng, không biết pháp; người thí không biết lượng thì người thọ nên biết lượng". Phật chỉ quở trách nhưng chưa kết giới.

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó trong thành có các thương nhơn đã định ngày lành xuất hành sang nước khác, có một thương nhơn quen biết với Thích tử Bạt-nan-đà nên sáng hôm đó Bạt-nan-đà đắp y mang bát đến chỗ thương nhơn rồi cùng nhau thăm hỏi, do Bạt-nan-đà có tài thuyết pháp khiến cho thương nhơn này được pháp vị nên thương nhơn nói với Bạt-nan-đà: "Đại-đức, hiện giờ không có cơm canh nhưng có bánh là lương thực đi đường, Đại-đức thọ được không?" Đáp "Các vị ăn được sao tôi ăn không được", thương nhơn liền đưa lương thực cho Bạt-nan-đà, cứ như thế đến Tỳ-kheo thứ hai, thứ ba khiến cho lương thực của thương nhơn đều hết sạch. Lúc đó thương nhơn này nói với thương chủ: "Lương thực mà tôi chuẩn bị để lên đường đã đưa cho Sa-môn Thích tử mang đi hết rồi, xin hãy đợi tôi làm lương thực khác rồi sẽ cùng lên đường", thương chủ nói: "Các thương nhơn đã định ngày lành để lên đường, làm sao có thể đợi một mình anh được, anh cứ chuẩn bị lương thực khác rồi đi sau". Do các thương nhơn đi trước đông nên giặc cướp không dám đón đường đánh cướp, thương nhơn này một mình đi sau nên khi qua đường hiểm bị giặc cướp đón đường giết người

cướp của. Sự việc này do người này chuyền nói với người kia khiến tiếng xấu của Sa-môn Thích tử lan ra khắp trong thành Xá-vệ. Có Tỳ-kheo thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng rồi hỏi Bạt-nan-đà: "Thầy thật đã làm việc này phải không?" Đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo lại không biết thời lượng và không biết pháp; nếu người thí không biết lượng thì người thọ phải biết lượng, tại sao lại khiến cho thương nhơn này bị giặc giết chết khi qua đường hiểm", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo đến nhà bạch y được họ tùy ý thí cho nhiều bánh, Tỳ-kheo nào cần thì được thọ nhận hai, ba bát, nếu thọ quá số lượng này thì phạm Ba-dật-đề.

Thọ hai, ba bát rồi trở ra ngoài cùng các Tỳ-kheo khác chia nhau ăn, việc này phải làm như vậy. Tùy ý thí cho nhiều bánh là thường thường cho. Bánh là do tiểu mạch, bột làm thành hoặc đại mạch và bột làm thành hoặc do bột gạo, bột nếp làm thành. Bát có ba loại thượng, trung và hạ; bát thượng thọ được ba bát cơm, một bát canh và các thức ăn khác; bát hạ thọ được một bát cơm, nửa bát cánh và các thức ăn khác; khoảng giữa của bát

thượng và bát hạ là bát trung. Trở ra ngoài cúng các Tỳ-kheo khác chia nhau ăn là những vị mà mắt nhìn thấy.

Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo dùng bát thượng để thọ bánh thì chỉ nên thọ một bát, không nên thọ hai bát, nếu thọ hai bát thì phạm Ba-dật-đề; nếu dùng bát trung để thọ bánh thì được thọ hai bát, không được thọ ba bát, nếu thọ ba bát thì phạm Ba-dật-đề; nếu dùng bát hạ để thọ bánh thì được thọ ba bát , không được thọ bốn bát, nếu thọ bốn bát thì phạm Ba-dật-đề. Ra ngoài thấy Tỳ-kheo nếu cùng chia nhau ăn thì tốt, nếu không cùng chia nhau ăn thì phạm Đột-kiết-la.

34. Giới Thọ Pháp Dư Thực:

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó Ca-lưu-đà-di vào trời tối có trời mưa và sấm chớp đến nhà bạch y khất thực, do thân hình của Ca-lưu-đà-di đen bóng dưới trời mưa sấm chớp nên khiến cho người nữ chủ nhơn nhìn thấy tưởng là quỷ, sợ hãi đến nỗi lông tóc dựng đứng và bị sẩy thai. Ca-lưu-đà-di nói: "Tỷ muội, tôi là Tỳ-kheo chứ không phải quỷ, tôi đến để khất thực", người nữ nghe rồi nổi giận quở mắng rằng: "Xin khiến cho cha mẹ dòng họ của ông đều chết hết đi. Đây là Sa-môn mổ bụng người, là Sa-môn giết người nên mới mặc y đen đến, sao không lưỡi dao trâu mổ bụng mình lại vào trời tối trời mưa sấm chớp đến để khất thực khiến

cho con ta chết, thân ta hoại. Ông là Sa-môn sao lại làm việc ác như thế". Ca-lưu-đà-di ở nhà này gây lỗi làm rồi trở về kể lại cho các Tỳ-kheo nghe, các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng rồi hỏi Ca-lưu-đà-di: "Thầy thật đã làm việc này phải không?" Đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo lại phi thời đến nhà bạch y khất thực", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Nếu Tỳ-kheo phi thời đến nhà bạch y khất thực không chỉ mắc lỗi lầm như thế, mà còn phạm những tội nặng hơn tội này. Từ nay các Tỳ-kheo chỉ nên ăn một bữa". Lúc đó các Tỳ-kheo do chỉ ăn một bữa nên thân thể ốm gầy không có sức lực, Phật tuy biết mà vẫn hỏi A-nan nguyên do, A-nan bạch Phật: "Do Thế tôn chế giới Tỳ-kheo chỉ nên ăn một bữa nên các Tỳ-kheo ốm gầy không có sức lực", Phật do việc này nhóm Tỳ-kheo tăng đủ lời khen ngợi giới và người trì giới rồi bảo các Tỳ-kheo: "Từ nay cho các Tỳ-kheo được tùy ý ăn năm loại Khư-đà-ni là củ, cọng, lá, hoa và quả". Lúc đó các Tỳ-kheo vào thành Vương xá khất thực, có bạch y đem thức ăn xen lẫn lá La-bặc, lá Bồ-nuy dâng cho các Tỳ-kheo, các Tỳ-kheo không ăn nên không được no đủ, thân vẫn như trước ốm gầy không có sắc lực. Phật tuy biết mà vẫn hỏi A-nan nguyên do, A-nan đem việc trên bạch Phật, Phật bảo các Tỳ-kheo: "Từ nay cho tùy ý thọ năm loại

thức ăn Bồ-xà-ni là cơm, bánh, bún, cá và thịt". Lúc đó các Tỳ-kheo vào thành Vương xá khất thực, có bạch y đem thức ăn xen lẫn lá La-bặc, lá Bồ-nuy dâng cho các Tỳ-kheo, các Tỳ-kheo không ăn nên không được no đủ, thân vẫn như trước ốm gầy không có sắc lực. Phật tuy biết mà vẫn hỏi A-nan nguyên do, A-nan đem việc trên bạch Phật, Phật nói: "Từ nay cho tùy ý thọ các loại thức ăn tương tợ và thức ăn tạp như cháo, cơm gạo tẻ, cơm nếp, bắp…".

Phật tại Duy-na-ly, lúc đó có một cư sĩ đến chỗ Phật đảnh lễ ngồi một bên nghe Phật nói pháp, Thế tôn tùy thuận nói pháp chỉ dạy cho cư sĩ được lợi hỉ rồi im lặng. Cư sĩ đứng dậy chắp tay bạch Phật: "Cúi xin Phật và Tăng thọ con ngày mai thỉnh thực", Phật im lặng nhận lời, cư sĩ biết Phật đã nhận lời liền đảnh lễ Phật, hữu nhiễu rồi ra về. Về đến nhà ngay trong đêm đó lo liệu đủ các món ăn để cúng dường, sáng hôm sau trải tòa ngồi rồi sai sứ đến thỉnh Phật là đã đến giờ. Lúc đó các Tỳ-kheo đến nhà cư sĩ, Phật sai người nhận phần thức ăn mang về; cư sĩ thấy chúng tăng ngồi xong liền tự tay rót nước rồi dâng thức ăn khiến cho các Tỳ-kheo được no đủ. Lúc đó các Tỳ-kheo ở Duy-na-ly có nhiều bịnh, Tỳ-kheo khán bịnh sau khi ăn xong liền nhận lấy phần thức ăn của các Tỳ-kheo bịnh mang về. Các Tỳ-kheo bịnh có người ăn được, có người ăn không được, có người ăn chút ít, Tỳ-kheo

khán bịnh do đã ăn no rồi nên không ăn thêm nữa, thức ăn dư của-Tỳ-kheo bịnh phải đem bỏ trong Tăng phường khiến cho nhiều chim quạ bay đến ăn làm cho ồn náo. Phật nghe tiếng ồn náo này tuy biết mà vẫn hỏi A-nan nguyên do, A-nan đem việc trên bạch Phật, Phật do việc này nhóm Tỳ-kheo tăng đủ lời khen ngợi giới và người trì giới rồi bảo các Tỳ-kheo: "Từ nay do hai điều lợi nên cho pháp thọ thức ăn dư: Một là do nhân duyên Tỳ-kheo khán bịnh, Hai là Tỳ-kheo có nhân duyên ăn không đủ no. Do hai lợi này nên kết giới cho các Tỳ-kheo, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo ăn xong rồi từ tòa đứng dậy đi, nếu không thọ pháp thức ăn dư mà ăn nữa thì phạm Ba-dật-đề.

Ăn là ăn năm loại thức ăn Khư-đà-ni, năm loại Bồ-xà-ni và năm loại thức ăn tương tợ.

Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo ăn rồi từ tòa đứng dậy đi, không thọ pháp thức ăn dư mà ăn loại thức ăn củ… năm loại Khư-đà-ni đều phạm Ba-dật-đề; hoặc ăn cơm, bánh năm loại Bồ-xà-ni cho đến năm loại thức ăn tương tợ như cháo, cơm nếp… đều phạm Ba-dật-đề. Lúc đó các Tỳ-kheo không biết thọ pháp thức ăn dư như thế nào, Phật bảo các Tỳ-kheo: "Nếu muốn thọ pháp thức ăn dư thì tùy được thức ăn nhiều hay ít đều để hết vào trong bát, biết Tỳ-kheo nào chưa ăn xong, chưa đứng dậy liền cầm bát đến bên người này bạch

rằng: "Trưởng lão nhớ nghĩ, xin làm pháp thức ăn dư giùm tôi". Nếu Tỳ-kheo này không thọ lấy ít nhiều thức ăn trong bát đó thì không gọi là làm pháp thức ăn dư, nếu Tỳ-kheo thọ thức ăn dư này thì phạm Ba-dật-đề. Nếu cầm bát để dưới đất hoặc trên đầu gối, cho đến đứng cách xa mà tay của-Tỳ-kheo làm pháp thức ăn dư không với tới được cũng không gọi là thọ pháp thức ăn dư, Tỳ-kheo ăn thức ăn dư này đều phạm Ba-dật-đề. Nếu dùng thức ăn bất tịnh như thịt bất tịnh để thọ pháp thức ăn dư thì không gọi là thọ pháp thức ăn dư, Tỳ-kheo ăn thức ăn dư này đều phạm Ba-dật-đề. Nếu Tỳ-kheo muốn ăn năm loại thức ăn Khư-đà-ni mà lại dùng năm loại thức ăn Bồ-xà-ni, hoặc muốn ăn năm loại thức ăn Bồ-xà-ni mà lại dùng năm loại thức ăn Khư-đà-ni, cho đến muốn ăn năm loại thức ăn tương tợ mà lại dùng năm loại thức ăn Bồ-xà-ni để thọ pháp thức ăn dư thì không gọi là thọ pháp thức ăn dư, Tỳ-kheo ăn thức ăn dư này đều phạm Ba-dật-đề. Nếu Tỳ-kheo thọ pháp thức ăn dư rồi mà lại thọ năm loại thức ăn khác, ăn mỗi mỗi miếng đều phạm Đột-kiết-la."

Lúc đó Trưởng lão Ưu-ba-ly hỏi Phật: "Thế tôn, Tỳ-kheo khi đi có mấy chỗ; khi đứng, khi ngồi, khi nằm có mấy chỗ?" Phật nói: "Tỳ-kheo khi đi có năm chỗ, khi đứng có năm, khi ngồi có năm, khi nằm có năm. Đi có năm chỗ là biết đi, biết cúng dường, biết ngăn ăn, biết các loại thức ăn và hoại

oai nghi; đứng có Năm là biết đứng, biết cúng dường… như trên; ngồi có Năm là biết ngồi, biết cúng dường… như trên; nằm có Năm là biết nằm, biết cúng dường… như trên. Nếu Tỳ-kheo khi đi súc miệng, có đàn việt cúng cho năm loại thức ăn, Tỳ-kheo ấy được thọ ăn và được thọ pháp thức ăn dư nhưng không được đứng, ngồi, nằm; nếu đứng, ngồi, nằm thì phải biết là hoại oai nghi, không được thọ pháp thức ăn dư, dù thọ cũng không gọi là thọ, Tỳ-kheo nếu ăn thức ăn dư này thì phạm Ba-dật-đề. Nếu Tỳ-kheo khi dọn thức ăn, có đàn việt cúng năm loại thức ăn, Tỳ-kheo ấy được thọ ăn và được thọ pháp thức ăn dư nhưng không được đứng, ngồi hay nằm; nếu đứng, ngồi hay nằm thì phải biết là hoại oai nghi, không được thọ pháp thức ăn dư, dù thọ cũng không gọi là thọ, Tỳ-kheo nếu ăn thức ăn dư này thì phạm Ba-dật-đề. Trường hợp đứng, ngồi, nằm cũng giống như vậy. Không phạm là nếu Tỳ-kheo nói chờ một chút hay nói giờ ngọ chưa tới, lúc đó dù ăn cơm hay cháo, tất cả thức ăn có dặn trước ăn đều không phạm."

35. Giới Khuyên Ăn Thức Ăn Dư Không Tác Pháp:

Phật tại nước Xá-vệ, tại một trú xứ ở nước Kiều-tát-la có hai Tỳ-kheo: Một người phá giới khuyết lậu không có hổ thẹn, không giữ những giới vi tế; người thứ hai trì giới thanh tịnh cho đến tội

nhỏ cũng sanh tâm sợ hãi. Vị Tỳ-kheo thanh tịnh này thấy Tỳ-kheo kia phạm tội thường bảo rằng: "Thầy đã phạm tội như thế, như thế", Tỳ-kheo phá giới suy nghĩ: "Chừng nào ta thấy Tỳ-kheo kia phạm tội, ta sẽ nêu ra". Một hôm Tỳ-kheo phá giới thấy Tỳ-kheo trì giới ăn rồi đứng dậy liền mang thức ăn thuộc loại Khư-đà-ni và Bồ-xà-ni đến mời cùng ăn. Tỳ-kheo trì giới không nhớ liền cùng ăn, Tỳ-kheo phá giới nói: "Trưởng lão đã phạm tội Ba-dật-đề", liền hỏi phạm tội Ba-dật-đề gì, đáp rằng: "Thầy ăn rồi không thọ tùy ý thỉnh lại ăn nữa", Tỳ-kheo trì giới nói: "Thầy biết tôi ăn rồi không thọ tùy ý thỉnh sao còn mời tôi cùng ăn", Tỳ-kheo phá giới nói: "Thầy thường thường xuất tội tôi nên tôi nghĩ là chừng nào tôi thấy thầy phạm tội, tôi sẽ xuất tội thầy lại. Vì thế khi thấy thầy ăn rồi mà không thọ tùy ý thỉnh, muốn xúc não nhau nên tôi mời thầy cùng ăn". Có Tỳ-kheo thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng rồi hỏi Tỳ-kheo phá giới này: "Thầy thật đã làm việc này phải không?" Đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo đã biết người khác ăn rồi không thọ tùy ý thỉnh, vì muốn xúc não nhau nên mời cùng ăn", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo biết Tỳ-kheo khác ăn rồi không thọ tùy ý thỉnh, vì muốn xúc não nhau nên mời ăn các loại thức ăn Khư-đà-ni, Bồ-xà-ni. Chỉ do nhân duyên này không phải vì nhân duyên gì khác thì phạm Ba-dật-đề.

Biết là Tỳ-kheo tự biết hay nghe biết từ người khác hoặc Tỳ-kheo kia tự nói. Ăn là ăn ba loại thức ăn thuộc Khư-đà-ni hoặc Bồ-xà-ni hoặc năm loại thức ăn tương tợ. Khuyên mời ăn là ân cần mời mọc. Xúc não là dùng tâm sân giận để xuất tội Tỳ-kheo kia.

Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo thấy Tỳ-kheo khác ăn xong rồi không có thỉnh tùy ý liền mời ăn các loại thức ăn thuộc Khư-đà-ni, Bồ-xà-ni hay năm loại thức ăn tương tợ đều phạm Ba-dật-đề. Có Tỳ-kheo bảo Tỳ-kheo khác ăn phi thời, nếu vị kia ăn thì đều phạm Ba-dật-đề; có Tỳ-kheo dạy bảo Tỳ-kheo khác trộm vật của người khác, nếu trộm được thì tùy theo vật đã lấy trộm đều phạm tội; có Tỳ-kheo dạy bảo Tỳ-kheo khác giết người, vị ấy đoạn được mạng thì đều phạm Ba-la-di; nếu Tỳ-kheo dạy bảo Tỳ-kheo khác chặt cây cỏ tươi, vị ấy chặt thì đều phạm Ba-dật-đề; nếu Tỳ-kheo dạy bảo Tỳ-kheo khác kéo người khác ra khỏi phòng, vị ấy kéo ra thì đều phạm Ba-dật-đề; nếu Tỳ-kheo dạy bảo Tỳ-kheo khác gượng trải ngọa cụ trong phòng, vị ấy trải thì đều phạm Ba-dật-đề; nếu Tỳ-kheo dạy bảo Tỳ-kheo khác dùng nước có trùng

tưới cây cỏ, vị ấy dùng thì đều phạm Ba-dật-đề; nếu Tỳ-kheo dạy bảo Tỳ-kheo khác uống nước có trùng, vị ấy lấy uống thì đều phạm Ba-dật-đề; nếu Tỳ-kheo dạy bảo Tỳ-kheo khác cho ngoại đạo lõa hình thức ăn thức uống, vị ấy cho thì đều phạm Ba-dật-đề; nếu Tỳ-kheo dạy bảo Tỳ-kheo nhóm lửa nơi đất trống, vị ấy nhóm lửa thì đều phạm Ba-dật-đề; nếu Tỳ-kheo dạy bảo Tỳ-kheo khác cầm vàng bạc, vị ấy cầm thì đều phạm Ba-dật-đề; nếu Tỳ-kheo dạy bảo Tỳ-kheo khác đoạn mạng súc sanh, vị ấy đoạn mạng thì đều phạm Ba-dật-đề; nếu Tỳ-kheo dạy bảo Tỳ-kheo khác giấu y bát của người khác, vị ấy giấu thì đều phạm Ba-dật-đề; nếu Tỳ-kheo dạy bảo Tỳ-kheo khác đào đất, vị ấy đào thì đều phạm Ba-dật-đề; nếu Tỳ-kheo dạy bảo Tỳ-kheo khác ăn thức ăn cách đêm, vị ấy ăn thì đều phạm Ba-dật-đề. (Đại Tỳ-kheo chưa tự tay thọ thức ăn mà cùng với thức ăn đó ngủ trong phòng thì gọi là Nội túc, ăn thức ăn này thì phạm Đột-kiết-la; nếu đã tự tay thọ lấy đem cất rồi cùng với thức ăn đó ngủ trong phòng thì gọi là Tàn túc, ăn thức ăn này thì phạm Ba-dật-đề).

36. Giới Ăn Biệt Chúng:

Phật tại thành Vương xá, lúc đó vua A-xà-thế và các quan đại thần đều tín kính Đề-bà-đạt-đa, dân trong thành trợ giúp cho Đề-bà-đạt-đa và cúng dường thức ăn Đát-bát-na, bữa ăn sáng, bữa ăn

trưa. Có các Tỳ-kheo trẻ tuổi xuất gia chưa bao lâu, Đề-bà-đạt-đa đem bát lớn bát nhỏ, kiền tư lớn, kiền tư nhỏ, móc y, dây thiền… các vật cần dùng của-Tỳ-kheo cho các Tỳ-kheo trẻ tuổi này để dụ dẫn họ. Cho nên Đề-bà-đạt-đa có đến một trăm, hai, ba, bốn, năm trăm Tỳ-kheo cung kính vây quanh cùng đi vào thành Vương xá thọ cúng dường thức ăn ngon riêng Đát-bát-na vào bữa ăn sáng, bữa ăn trưa. Còn các Tỳ-kheo Trưởng lão Thượng tòa tu phạm hạnh lâu, được pháp vị của Phật vào thành khất thực chỉ được thức ăn nguội cách đêm hoặc cơm thiêu hoặc thức ăn thô dỡ, có khi không được gì nên lúc được no lúc không được no. Có Tỳ-kheo thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng rồi quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo lại cùng một trăm, hai, ba, bốn, năm trăm Tỳ-kheo cung kính vây quanh… giống như đoạn văn trên cho đến câu lúc không được no", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Từ nay do hai điều lợi nên ngăn ăn biệt chúng, cho ba người cùng ăn: Một là tùy hộ đàn việt vì tâm thương xót, Hai là vì phá thế lực của các Tỳ-kheo ác dục, không để cho kẻ ác dục tạo lập chúng riêng, tác pháp riêng và cùng tăng tranh chấp. Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo ăn biệt chúng thì phạm Ba-dật-

đề.

Ăn biệt chúng là ít nhất bốn người cùng ngồi ăn một chỗ.

Tướng phạm trong giới này là bốn Tỳ-kheo ăn riêng chúng thì phạm Ba-dật-đề; nếu có ba-Tỳ-kheo ăn riêng chúng, người thứ tư nên lấy phần ăn của mình để ăn thì không phạm.

Phật tại thành Vương xá, lúc đó có các Tỳ-kheo bịnh do nhân duyên khất thực nên khổ não ốm gầy, cư sĩ trong thành thấy liền hỏi rõ nguyên do rồi nói: "Các thầy bịnh thì tôi thỉnh các thầy đến nhà tôi thọ thực", các Tỳ-kheo bịnh nói: "Phật chưa cho vì nhân duyên bịnh được ăn riêng chúng". Các Tỳ-kheo không biết làm sao liền đem việc này bạch Phật, Phật do việc này nhóm Tỳ-kheo tăng đủ lời khen ngợi giới và người trì giới rồi bảo các Tỳ-kheo: "Từ nay cho các Tỳ-kheo bịnh được ăn riêng chúng, từ nay giới này nên nói lại như sau:

Nếu Tỳ-kheo ăn riêng chúng thì phạm Ba-dật-đề, trừ nhân duyên.

Nhân duyên là khi bịnh hoặc bịnh lạnh hay bịnh nóng…

Tướng phạm là nếu Tỳ-kheo không bịnh mà ăn riêng chúng thì phạm Ba-dật-đề.

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó đến thời may y nên các Tỳ-kheo sáng sớm tìm vật dụng để nhuộm y như củi đốt, lượt nước để nấu nước nhuộm y.

Trong khi làm những công việc này thì đến giờ ăn, không thể đi khất thực được, do đây sanh khổ não. Các cư sĩ trong thành thấy vậy liền hỏi rõ nguyên do rồi nói: "Các thầy nhuộm y thì tôi thỉnh các thầy đến nhà tôi thọ thực", các Tỳ-kheo này nói: "Phật chưa cho vì nhân duyên nhuộm may y được ăn riêng chúng". Các Tỳ-kheo không biết làm sao liền đem việc này bạch Phật, Phật do việc này nhóm Tỳ-kheo tăng đủ lời khen ngợi giới và người trì giới rồi bảo các Tỳ-kheo: "Từ nay cho các Tỳ-kheo đến thời may y, những người lo nhuộm may y được ăn riêng chúng, từ nay giới này nên nói lại như sau:

Nếu Tỳ-kheo ăn riêng chúng thì phạm Ba-dật-đề, trừ nhân duyên.

Nhân duyên là khi bịnh, khi nhuộm may y.

Tướng phạm là nếu Tỳ-kheo thời may y chưa đến mà ăn biệt chúng thì phạm Ba-dật-đề; thời may y đến thì ăn biệt chúng không phạm.

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó các Tỳ-kheo từ nước Kiều-tát-la du hành đến nước Xá-vệ, nước này là đồng bằng nên thôn xóm cách nhau xa, các Tỳ-kheo này tưởng gần nên muốn đến tụ lạc phía trước để khất thực, không ngờ khi đến tụ lạc đó thì đã qua ngọ nên phải đoạn thực rất khổ não. Các cư sĩ trong tụ lạc thấy vậy liền hỏi rõ nguyên do rồi nói: "Các thầy đi đường xa thì tôi thỉnh các thầy đến nhà tôi thọ thực", các Tỳ-kheo nói: "Phật chưa

cho nhân duyên đi đường xa được ăn biệt chúng". Các Tỳ-kheo không biết làm sao liền đem việc này bạch Phật, Phật do việc này nhóm Tỳ-kheo tăng đủ lời khen ngợi giới và người trì giới rồi bảo các Tỳ-kheo: "Từ nay cho các Tỳ-kheo đi đường xa được ăn biệt chúng, từ nay giới này nên nói lại như sau:

Nếu Tỳ-kheo ăn riêng chúng thì phạm Ba-dật-đề, trừ nhân duyên.

Nhân duyên là khi bịnh, khi nhuộm may y, khi đi đường.

Đi đường là đi gần nhất cho đến nửa do tuần, bận đi hay trở về. Tướng phạm là nếu Tỳ-kheo đến hôm qua mà ngày nay ăn biệt chúng thì phạm Ba-dật-đề; sáng mai đi mà ngày nay ăn biệt chúng thì phạm Ba-dật-đề; ngay ngày nay đi ít nhất nửa do tuần, bận đi hay trở về mà ăn biệt chúng thì không phạm.

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó có các Tỳ-kheo từ nước Kiều-tát-la đi thuyền đến nước Xá-vệ, khi đi gần tới tụ lạc các Tỳ-kheo nói với vị thuyền sư: "Xin hãy đưa thuyền đến bờ cho chúng tôi khất thực", thuyền sư liền đưa thuyền đến bờ. Các Tỳ-kheo lên bờ vào trong tụ lạc khất thực rồi thọ thực… đến khi trở lại chỗ cũ thì thuyền đã đi xa, các Tỳ-kheo ở trên bờ chạy theo thuyền liền gặp các nạn sư tử, cọp, sói… , trên đường nhỏ thì bị gai góc đâm… , vì thế nên khổ não. Lúc đó có cư sĩ

thấy liền hỏi rõ nguyên do rồi nói: "Nay tôi thỉnh các thầy, những người đi thuyền đến nhà tôi thọ thực", các Tỳ-kheo nói: "Phật chưa cho nhân duyên đi thuyền được ăn biệt chúng", các Tỳ-kheo không biết làm sao, đem việc này bạch Phật. Phật do việc này nhóm Tỳ-kheo tăng đủ lời khen ngợi giới và người trì giới rồi bảo các Tỳ-kheo: "Từ nay cho nhân duyên đi thuyền được ăn biệt chúng, từ nay giới này nên nói lại như sau:

Nếu Tỳ-kheo ăn biệt chúng thì phạm Ba-dật-đề, trừ nhân duyên. Nhân duyên là khi bịnh, khi nhuộm may y, khi đi đường, khi đi thuyền.

Đi thuyền là đi ít nhất nửa do tuần, bận đi hay bận về.

Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo đến vào ngày hôm qua, ngày nay ăn biệt chúng thì phạm Ba-dật-đề; ngày mai đi ngày nay ăn biệt chúng thì phạm Ba-dật-đề; ngay ngày nay đi ít nhất nửa do tuần, bận đi hay bận về dù ăn biệt chúng đều không phạm.

Phật tại thành Vương xá, lúc đó trong thành đại chúng nhóm họp, Phật cùng một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-kheo câu hội, khi các Tỳ-kheo vào thành khất thực, các cư sĩ chỉ có thể cúng cho hai, ba-Tỳ-kheo, không thể cúng cho nhiều vị và nói: "Các vị đông quá làm sao cúng cho hết được". Các Tỳ-kheo đến sau khất thực đều không được thức

ăn nên khổ não, có cư sĩ thấy liền hỏi rõ nguyên do rồi nói: "Nay tôi thỉnh các thầy, những người đến dự đại chúng nhóm họp, đến nhà tôi thọ thực", các Tỳ-kheo nói: "Phật chưa cho nhân duyên dự đại chúng nhóm họp được ăn biệt chúng", các Tỳ-kheo không biết làm sao liền đem việc này bạch Phật. Phật do việc này nhóm Tỳ-kheo tăng đủ lời khen ngợi giới và người trì giới rồi bảo các Tỳ-kheo: "Từ nay cho các Tỳ-kheo do nhân duyên đại chúng nhóm họp được ăn biệt chúng, từ nay giới này nên nói lại như sau:

Nếu Tỳ-kheo ăn biệt chúng thì phạm Ba-dật-đề, trừ nhân duyên. Nhân duyên là khi bịnh, khi nhuộm may y, khi đi đường, khi đi thuyền, khi đại chúng nhóm họp.

Đại chúng nhóm họp là ít nhất tám người, bốn cựu Tỳ-kheo và bốn khách Tỳ-kheo đến nhóm họp. Do nhân duyên này khiến các cư sĩ không thể cung cấp đủ hết ẩm thực cho các Tỳ-kheo.

Tướng phạm trong giới này là khi các Tỳ-kheo không tới tám người nhóm họp mà ăn biệt chúng thì phạm Ba-dật-đề; nếu đủ tám hay hơn tám người nhóm họp, ăn biệt chúng không phạm.

Phật tại thành Vương xá, lúc đó cậu của vua Bình sa xuất gia trong phái ngoại đạo A-kỳ-duy nghĩ rằng: "Vua Bình sa là cháu ngoại của ta rất kính Phật và các đệ tử của Phật, ta nên vì vua cố

thỉnh Phật và các đệ tử của Phật thọ thực", nghĩ rồi liền vào thành xin gạo, bánh, hồ ma, đậu…, các cư sĩ thấy liền hỏi rõ nguyên do rồi cho nhiều gạo, bánh …. Khi ra khỏi thành gặp một Tỳ-kheo liền nói: "Thầy hãy vì tôi thỉnh Phật và vài đệ tử của Phật ngày mai đến nhà tôi thọ thực", Tỳ-kheo nói: "Phật chưa cho chúng tôi thọ Sa-môn thí được ăn biệt chúng", người cậu của vua nói: "Đều là người xuất gia, vì sao lại không cho thọ, tôi vốn không kính các vị nhưng vì cháu ngoại của tôi là vua Bình sa kính Phật, tôi muốn cháu tôi hoan hỉ nên mới thỉnh các vị thọ thực". Lúc đó người cậu của vua suy nghĩ: "Ta đã lo liệu đủ các món ăn uống, nếu Phật và các đệ tử đến thì ta sẽ cúng thí, nếu không đến thì ta sẽ tự ăn", Tỳ-kheo này không biết làm sao liền đem việc này bạch Phật, Phật do việc này nhóm Tỳ-kheo tăng đủ lời khen ngợi giới và người trì giới rồi bảo các Tỳ-kheo: "Từ nay cho các Tỳ-kheo nhân duyên Sa-môn thỉnh thực được ăn biệt chúng, từ nay giới này nên nói lại như sau:

Nếu Tỳ-kheo ăn biệt chúng thì phạm Ba-dật-đề, trừ nhân duyên. Nhân duyên là khi bịnh, khi nhuộm may y, khi đi đường, khi đi thuyền, khi đại chúng nhóm họp, khi Sa-môn thỉnh thực.

Sa-môn là chỉ cho đệ tử của ngoại đạo A-kỳ-duy-ni-kiền-tử, tóm lại trừ năm chúng đệ tử của Phật, những người xuất gia trong các phái ngoại đạo đều gọi là Sa-môn.

Tướng phạm trong giới này là nếu Sa-môn thỉnh Tỳ-kheo, bạch y tự tay dâng cúng thức ăn thì Tỳ-kheo thọ thỉnh không phạm, nhưng ăn thì phạm Ba-dật-đề; nếu bạch y thỉnh Tỳ-kheo, Sa-môn tự tay dâng cúng thức ăn, Tỳ-kheo thọ thỉnh thì phạm Đột-kiết-la nhưng ăn thì không phạm; nếu bạch y thỉnh Tỳ-kheo và tự tay dâng cúng thức ăn, Tỳ-kheo thọ thỉnh thì phạm Đột-kiết-la và khi ăn thì phạm Ba-dật-đề; nếu Sa-môn thỉnh Tỳ-kheo và tự tay dâng thức ăn, Tỳ-kheo thọ thỉnh và ăn đều không phạm.

37. Giới Ăn Phi Thời:

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó vào ngày tiết hội các cư sĩ làm rất nhiều món ăn ngon đi đến trong vườn rừng để ăn uống vui chơi. Nhóm Tỳ-kheo mười bảy người rủ nhau đi đến trong vườn rừng dạo chơi, do nhóm mười bảy vị này đều đoan nghiêm nên được nhiều người kính ái. Các cư sĩ hoan hỉ đem các món ăn ngon ra mời và hỏi có thể ăn được không, nhóm mười bảy vị này nói rằng: "Các vị ăn được sao chúng tôi ăn không được". Sau khi ăn uống no say, nhóm mười bảy vị này về đến trong Kỳ hoàn nói với các Tỳ-kheo: "Chúng tôi ngày nay thật vui vẻ, có phước đức không có suy não", lúc đó các Tỳ-kheo đang kinh hành nơi bãi đất trống nghe rồi liền hỏi rõ nguyên do, nhóm mười bảy Tỳ-kheo này liền kể rõ sự việc trên. Có

Tỳ-kheo thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng rồi hỏi nhóm mười bảy Tỳ-kheo: "Các thầy thật đã làm việc này phải không?" Đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo lại ăn uống phi thời", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo ăn phi thời thì phạm Ba-dật-đề.

Phi thời là qua giờ ngọ đến sáng ngày mai lúc mặt trời chưa mọc, trong khoảng thời gian này nếu ăn năm loại thức ăn Khư-đà-ni hay Bồ-xà-ni hay năm loại thức ăn tương tợ đều gọi là ăn phi thời. Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo phi thời ăn thức ăn loại củ, thân cành… hoặc cơm, bánh… hoặc bắp… của năm loại thức ăn tương tợ đều phạm Ba-dật-đề. Phi thời tưởng là phi thời mà ăn thì phạm Ba-dật-đề; phi thời tưởng là thời mà ăn thì phạm Ba-dật-đề; phi thời khởi nghi mà ăn cũng phạm Ba-dật-đề. Nếu thời tưởng là phi thời mà ăn thì phạm Đột-kiết-la; nếu là thời khởi nghi mà ăn cũng phạm Đột-kiết-la; nếu thời tưởng là thời mà ăn thì không phạm.

38. Giới Ăn Cách Đêm:

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó có Tỳ-kheo tên là Thượng thắng thọ pháp khất thực, người này mỗi

ngày ăn hai phần ăn, khất thực xong ăn một phần, phần còn lại mang về phơi trên tảng đá, sáng hôm sau rửa tay rồi bảo tịnh nhơn trao, thọ rồi ăn. Hôm đó Phật và A-nan đi xem xét các phòng, khi đến phòng của-Tỳ-kheo Thượng thắng thấy cơm phơi trên tảng đá liền hỏi A-nan nguyên do, A-nan đem sự việc trên bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng rồi hỏi Tỳ-kheo Thượng thắng: "Thầy thật đã làm việc này phải không?" Đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo lại ăn cách đêm", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo cất chứa Khư-đà-ni, Bồ-xà-ni để cách đêm mà ăn thì phạm Ba-dật-đề.

Thức ăn cách đêm là nếu đại Tỳ-kheo khất thực được thức ăn cất qua đến ngày mai bao gồm năm loại thức ăn Khư-đà-ni, Bồ-xà-ni và năm loại thức ăn tương tợ.

Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo ăn thức ăn loại củ, thân cành… hay cơm bánh… hay bắp… đã để cách đêm đều phạm Ba-dật-đề. Nếu cây mọc trên đất tịnh, rũ xuống trên đất bất tịnh, trái cây rụng xuống trên đất bất tịnh, nếu Tỳ-kheo lượm cất để cách đêm rồi ăn thì phạm Đột-kiết-la. Nếu cây mọc trên đất bất tịnh, rũ xuống trên đất tịnh, trái cây rụng xuống trên đất tịnh, Tỳ-kheo

lượm cất để cách đêm rồi ăn thì phạm Ba-dật-đề. Nếu cây mọc trên đất tịnh và đất bất tịnh, trái cây rụng trên lá tre hay trên cây Duy đa la, cây Ma lưu đa…, Tỳ-kheo lượm lấy cất để cách đêm rồi ăn thì phạm Đột-kiết-la.

39. Giới Không Thọ Thức Ăn:

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó Trưởng lão Ma-ha Ca-la thọ pháp nhận tất cả vật phấn tảo; trì y Tăng-già-lê, Uất-đa-la-tăng, An-đà-hội, bát, trượng, giày cho đến thức ăn đều là vật phấn tảo. Sao gọi là trì y Tăng-già-lê, Uất-đa-la-tăng, An-đà-hội phấn tảo? Nếu ở trong ngõ hẻm, chỗ đổ rác hay chỗ người chết có mảnh vải rách bỏ đều lượm lấy rồi đem giặt sạch để may thành ba y. Bát phấn tảo là ở trong ngõ hẻm… có bát bể bỏ đều lượm lấy rồi đem rửa sạch để thọ dụng. Trượng phấn tảo là ở trong ngõ hẻm… có cây gậy quăng bỏ đều lượm lấy, đem rửa sạch rồi dùng. Giày phấn tảo là ở trong ngõ hẻm… có giày rách quăng bỏ đều lượm lấy, đem rửa sạch rồi may vá lại để thọ dụng. Thức ăn phấn tảo là ở trong ngõ hẻm… có cơm thiêu đổ bỏ đều lượm lấy đem rửa sạch rồi nấu lại để ăn. Trưởng lão này thọ pháp ở chỗ người chết, thích ở chỗ người chết, nếu trong nước có người chết vì bịnh dịch… thì thầy không vào thành khất thực mà lấy thức ăn cúng ở chỗ người chết để ăn; nếu không có ai chết vì bịnh dịch… thì thầy mới vào thành

khất thực. Do Trưởng lão mập mạp hồng hào nhiều sức lực nên khi vào thành khất thực, người giữ cửa thành suy nghĩ: "Tỳ-kheo này khi không có người chết thì vào thành khất thực, lại mập mạp hồng hào nhiều sức lực ắt là đã ăn thịt người", nghĩ rồi đi truyền nói cho một, hai người, cứ như thế tiếng xấu lan truyền khắp thành Xá-vệ là Sa-môn Thích tử ăn thịt người. Có Tỳ-kheo thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng rồi quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo lại không thọ thức ăn từ người khác mà để vào miệng ăn", Phật chỉ quở trách nhưng chưa kết giới.

Trưởng lão Ma-ha-ca-la này được thiền định thế tục lại thích ở chỗ người chết, lúc đó trong nước Xá-vệ có một cư sĩ đưa người bà con vừa chết đến chỗ bỏ người chết. Đến nơi các cư sĩ thấy Trưởng lão liền nói với nhau: "Tỳ-kheo này ăn thịt người chết, chúng ta đưa người bà con vừa chết này đến đây, sau khi chúng ta trở về ắt Tỳ-kheo này sẽ ăn thịt người bà con vừa chết này". Vì thế sau khi để người chết lại chỗ đó, các cư sĩ liền núp ở chỗ khuất rình xem, lúc đó Trưởng lão này suy nghĩ: "Cơm canh cúng cho người chết chớ để cho chim quạ đến làm dơ", nghĩ rồi liền đi đến chỗ người chết canh giữ. Các cư sĩ thấy Trưởng lão đi đến chỗ người chết liền cho là muốn ăn thịt người chết nên

truyền nói với nhau, một người nói cho hai người cứ như thế tiếng xấu lan ra khắp trong thành Xá-vệ là Sa-môn Thích tử ăn thịt người. Có Tỳ-kheo thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng rồi quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo lại không thọ thức ăn từ người khác mà để vào miệng ăn", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo không thọ thức ăn mà để vào miệng ăn thì phạm Ba-dật-đề.

Không thọ thức ăn là không thọ thức ăn từ các hạng người nam, nữ, huỳnh môn, hai căn. Tướng phạm là nếu Tỳ-kheo không thọ các loại ẩm thực mà để vào miệng ăn thì phạm Ba-dật-đề, tùy để vào miệng bao nhiêu thì mỗi miếng phạm Ba-dật-đề bấy nhiêu.

Sau khi Phật kết giới, có các Tỳ-kheo muốn súc miệng cần nước và nhành dương cần có tịnh nhơn để thọ lấy, nhưng không đúng thời có được nên khổ não, không biết làm sao liền đem việc này bạch Phật. Phật do việc này nhóm Tỳ-kheo tăng đủ lời khen ngợi giới và người trì giới rồi bảo các Tỳ-kheo: "Từ nay giới này nên nói lại như sau:

Nếu Tỳ-kheo không thọ thức ăn mà để vào miệng ăn thì phạm Ba-dật-đề, trừ nước và nhành

dương.

Tướng phạm trong giới này có năm: Phi thời, không cho, không thọ, không tác tịnh và bất tịnh. Phi thời là qua giờ ngọ cho đến sáng ngày mai khi mặt trời chưa mọc; không cho là nam, nữ, huỳnh môn và người hai căn không đưa cho; không thọ là không thọ thức ăn từ người khác; không tác tịnh là không làm các pháp hỏa tịnh, dao tịnh, móng tay tịnh, chim mổ tịnh; bất tịnh là ẩm thực bất tịnh hoặc lẫn lộn với thức ăn bất tịnh. Nếu Tỳ-kheo phi thời không được đưa cho, không thọ, không tác tịnh và thức ăn bất tịnh mà để vào miệng ăn thì phạm đủ năm tội. Nếu đúng thời nhưng không được đưa cho, không thọ, không tác tịnh và thức ăn bất tịnh mà để vào miệng ăn thì phạm bốn tội. Nếu đúng thời, được đưa cho nhưng lại không thọ, không tác tịnh và thức ăn bất tịnh mà để vào miệng ăn thì phạm ba tội. Nếu đúng thời, được đưa cho, thọ nhưng lại không tác tịnh và thức ăn bất tịnh mà để vào miệng ăn thì phạm hai tội. Nếu đúng thời, được đưa cho, thọ, có tác tịnh nhưng thức ăn lại bất tịnh mà ăn thì phạm một tội. Nếu đúng thời, được đưa cho, thọ, có tác tịnh và thức ăn tịnh mà ăn thì không phạm. Trong thức ăn bất tịnh, nếu ăn thức ăn bất tịnh để cách đêm thì phạm Ba-dật-đề; ăn thịt người bất tịnh phạm Thâu-lan-giá; tay của-Tỳ-kheo chạm vào thức ăn bất tịnh mà ăn thì phạm Đột-kiết-la.

40. Giới Trong Nhà Bạch Y Đòi Hỏi Thức Ăn:

Phật tại nước Ca-duy-la-vệ, lúc đó Ma-ha-nam đến chỗ Phật đảnh lễ ngồi một bên nghe Phật nói pháp, Thế tôn tùy thuận nói pháp chỉ dạy được lợi hỉ rồi im lặng. Ma-ha-nam chắp tay bạch Phật: "Cúi xin Phật và Tăng ngày mai thọ con thỉnh thực", Phật im lặng nhận lời, Ma-ha-nam biết Phật đã nhận lời liền đảnh lễ Phật hữu nhiễu rồi ra về. Về đến nhà ngay trong đêm đó lo liệu đủ các món ăn ngon nấu với cỏ thuốc và nước sữa, sáng ngày trải tòa ngồi rồi sai sứ đến bạch Phật đã đến giờ thọ thực. Phật và chúng tăng đến nhà rồi ngồi vào chỗ ngồi, Ma-ha-nam tự tay rót nước và dâng thức ăn cúng dường. Lúc đó Lục quần Tỳ-kheo lấy nước sữa rưới lên cơm rồi để phía trước mong được rót thêm nữa, Ma-ha-nam suy nghĩ: "Ai ăn ai chưa ăn, ai thiếu ai không thiếu", liền thấy Lục quần Tỳ-kheo lấy nước sữa rưới lên cơm rồi để phía trước mà không ăn nên hỏi nguyên do, liền hỏi có sữa tươi không, đáp: "Nước sữa nấu với cỏ thuốc này ăn với cơm, sữa tươi sẽ mang sau", lại hỏi có lạc, tô, sanh tô, thục tô cho đến cá thịt…, đều đáp: "Nước sữa nấu với cỏ thuốc này ăn với cơm trước, sữa, lạc, tô, sanh tô, thục tô, cá thịt… sẽ mang sau". Lục quần Tỳ-kheo nổi giận nói: "Ông coi thường Phật và Tăng, ông không thể lo liệu các món ăn ngon thì sao lại thỉnh Phật và Tăng. Nếu là người

khác thỉnh thì họ đã lo liệu đủ các món ăn ngon rồi", Ma-ha-nam tánh thiện nên không nổi sân cũng không sợ hãi, nhưng những người dọn ăn thì lại nổi sân nói: "Sa-môn Thích tử tự nói lành tốt có đức, Ma-ha-nam thâm tín Phật pháp tăng sao lại quở mắng ở giữa đại chúng như thế". Phật thấy Lục quần Tỳ-kheo làm điều sái quấy bị bạch y quở trách, im lặng không nói gì. Lúc đó Ma-ha-nam dâng các món ăn ngon cúng dường xong rồi lấy ghế nhỏ ngồi trước Phật để nghe pháp, Phật thuyết pháp chỉ dạy được lợi hỉ rồi từ tòa đứng dậy ra về. Sau đó Phật do nhân duyên này nhóm Tỳ-kheo tăng quở trách Lục quần Tỳ-kheo: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo lại dùng lời thô quở trách Ma-ha-nam vốn là người thâm tín Phật pháp tăng ở giữa đại chúng như thế", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo không bịnh đến trong nhà bạch y tự đòi hỏi những món ăn thơm ngon như sữa, lạc, tô, sanh tô, thục tô, cá, thịt… như thế thì phạm Ba-dật-đề.

Bịnh là cho đến phát bịnh lạnh, bịnh nóng cần phải ăn loại thức ăn này thì mới lành, trừ nhân duyên này ra đều gọi là không bịnh. Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo không bịnh mà đòi hỏi sữa… cho đến cá thịt, nếu được thì phạm Ba-dật-đề, không được thì phạm Đột-kiết-la; không

bịnh mà đòi hỏi canh cơm rau, được thì phạm Đột-kiết-la, không được cũng phạm Đột-kiết-la; không phạm là nếu có bịnh hay người thỉnh là bà con hoặc đã được thỉnh trước, không đòi hỏi mà họ tự dâng cho thì không phạm.

-oOo-

LUẬT THẬP TỤNG

QUYỂN 14

TỤNG THỨ BA

V. CHÍN MƯƠI PHÁP BA DẬT ĐỀ (Tiếp Theo):

41- Giới Uống Dùng Nước Có Trùng:

Phật tại nước Câu-diệm-di, lúc đó Trưởng lão Xiển-đà dùng nước có trùng, các Tỳ-kheo nói: "Thầy chớ dùng nước có trùng sẽ khiến cho nhiều trùng nhỏ chết", Xiển-đà nói: "Tôi dùng nước chớ không dùng trùng", các Tỳ-kheo hỏi: "Thầy biết nước có trùng không?" Đáp là biết, lại hỏi: "Nếu đã biết tại sao còn dùng", đáp: "Tôi dùng nước chớ không dùng trùng". Có Tỳ-kheo thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng rồi hỏi Tỳ-kheo Xiển-đà: "Thầy thật đã làm việc này phải không?" Đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo đã biết nước có trùng, sao lại còn cố tự lấy dùng, đối với chúng sanh không có tâm thương xót", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo, từ nay

giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo biết nước có trùng mà lấy dùng thì phạm Ba-dật-đề.

Biết là tự biết hay nghe biết được từ người khác. Trùng là loài mà mắt thường có thể nhìn thấy được hay lượt mà thấy được. Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo biết nước có trùng mà lấy dùng, tùy có bao nhiêu trùng chết là phạm bấy nhiêu tội Ba-dật-đề. Nếu Tỳ-kheo dùng nước có trùng để nấu cơm canh…, tùy trùng chết bao nhiêu thì phạm bấy nhiêu tội Ba-dật-đề. Nếu dùng nước có trùng để rửa tay, chân, tắm rửa… , tùy trùng chết bao nhiêu thì phạm bấy nhiêu tội Ba-dật-đề. Nước có trùng tưởng là có trùng mà lấy dùng thì phạm Ba-dật-đề; nước có trùng tưởng là không có trùng mà lấy dùng cũng phạm Ba-dật-đề; nước có trùng khởi nghi mà lấy dùng cũng phạm Ba-dật-đề. Nước không có trùng tưởng là có trùng mà lấy dùng thì phạm Đột-kiết-la; nước không có trùng khởi nghi mà lấy dùng cũng phạm Đột-kiết-la; nước không có trùng tưởng không có trùng, lấy dùng thì không phạm.

42. Giới Gượng Ngồi Trong Nhà Ăn:

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó Bạt-nan-đà Thích tử thường ra vào một nhà cư sĩ, sáng sớm một hôm Bạt-nan-đà đắp y mang bát đến trong nhà đó thăm hỏi, do cư sĩ này cưới vợ không lâu nên đưa tay

muốn vuốt ve vợ, người vợ nói: "Đừng như thế, có Tỳ-kheo ngồi ở đây", cư sĩ suy nghĩ: "Nếu ta ở đây thì Tỳ-kheo sẽ không đúng thời ra khỏi đây", nghĩ rồi liền bảo vợ dâng cúng thức ăn cho Tỳ-kheo, nói rồi liền ra ngoài, người vợ dâng cơm, Bạt-nan-đà nói: "Còn sớm chờ một chút, đến giờ tôi sẽ thọ". Lúc đó cư sĩ cho là Tỳ-kheo đã đi khỏi rồi nên trở vào muốn gần gũi vợ, thấy Tỳ-kheo vẫn ngồi chỗ cũ liền suy nghĩ: "Nếu ta ở đây thì Tỳ-kheo sẽ không đi", nghĩ rồi liền bảo vợ dâng thức ăn cho Tỳ-kheo, người vợ lại dâng cơm, Bạt-nan-đà lại bảo chờ một chút như lần trước. Cư sĩ tưởng Tỳ-kheo đã đi khỏi nên trở vào, thấy Tỳ-kheo vẫn còn ngồi ở chỗ cũ nên nổi giận nói: "Cũng vì có Tỳ-kheo nên ta ở trong nhà muốn làm gì cũng không được tự tại". Bạt-nan-đà xúc não cư sĩ rồi mới chịu ra khỏi nhà, sau khi thọ thực xong đến kể lại cho các Tỳ-kheo nghe, có Tỳ-kheo thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng rồi hỏi Tỳ-kheo Bạt-nan-đà: "Thầy thật đã làm việc này phải không?" Đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo lại gượng ngồi trong nhà ăn", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo gượng ngồi trong nhà ăn thì phạm

Ba-dật-đề.

Nhà ăn là trong phòng nhà của bạch y, đối với người nữ thì người nam-là thức ăn, đối với người nam thì người nữ là thức ăn. Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo gượng ngồi trong nhà của bạch y thì phạm Ba-dật-đề; nếu đã đứng dậy rồi ngồi trở lại thì tùy ngồi bao nhiêu chỗ, phạm Ba-dật-đề bấy nhiêu; không phạm là nếu ở trong nhà đoạn dâm hay trong nhà đã thọ bát quan trai giới hoặc còn có người tôn trọng ngồi tại tòa hoặc trong nhà còn có nhiều người qua lại thì không phạm.

43. Giới Gượng Ngồi Gần Người Nữ Trong Nhà Ăn:

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó Bạt-nan-đà Thích tử thường ra vào một nhà cư sĩ, vào sáng sớm đắp y mang bát đến trong nhà đó, đóng hết các cửa rồi một mình ngồi gần với người nữ. Có một Tỳ-kheo khất thực sáng sớm đắp y mang bát đến trước nhà đó khất thực, Bạt-nan-đà ở trong nhà thấy Tỳ-kheo khất thực nhưng Tỳ-kheo khất thực không thấy Bạt-nan-đà, Bạt-nan-đà bảo vợ cư sĩ đem thức ăn ra cho Tỳ-kheo khất thực, người nữ này cho là quen biết với Bạt-nan-đà nên đựng đầy cơm canh đem ra cho Tỳ-kheo khất thực rồi trở vào. Sau đó Bạt-nan-đà trở về trong Kỳ hoàn gặp Tỳ-kheo khất thực đó liền suy nghĩ: "Chớ khiến ta làm ơn rỗng không", nghĩ rồi liền hỏi Tỳ-kheo khất thực: "Hôm

nay thầy đến nhà ..... khất thực phải không?" Đáp là phải, lại hỏi: "Được thức ăn ngon phải không?" Đáp là phải, lại nói: "Thầy có biết không, chính là tôi bảo người nữ đem thức ăn ra cho thầy đó", Tỳ-kheo khất thực liền hỏi: "Lúc đó thầy đang ở đâu?" Đáp là đang ở trong nhà, Tỳ-kheo khất thực liền đem việc trên kể cho các Tỳ-kheo nghe. Có Tỳ-kheo thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng rồi hỏi Tỳ-kheo Bạt-nan-đà: "Thầy thật đã làm việc này phải không?" Đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo lại một mình ngồi với người nữ trong nhà", quở trách rồi vì nói nhân duyên bổn sanh. Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Quá khứ có một con chó bỏ nhà này đến nhà khác xin ăn, khi vào trong nhà kia, thân ở trong cửa mà đuôi ló ra ngoài cửa. Lúc đó chủ nhà đánh không cho ăn, con chó liền đến chỗ quan kiện chủ nhà rằng: "Tối đến nhà đó xin ăn, chủ nhà không cho ăn mà còn đánh tôi, tôi không phá pháp chó", quan hỏi: "Chó có pháp gì?" Liền đáp: "Tôi ở trong nhà mình thì tùy ý ngồi nằm, nhưng đến trong nhà đó thì thân tuy ở trong cửa mà đuôi ló ra ngoài cửa", quan liền cho vời chủ nhà đến hỏi: "Ngươi quả thật đã đánh chó mà còn không cho ăn phải không?" Đáp là phải, quan nói: "Việc này từ xưa

đến nay chưa có", nói rồi liền hỏi con chó nên trị phạt người chủ nhà đó như thế nào, con chó đáp: "Nên cho người này chức vị đại cư sĩ trong thành Xá-vệ", quan hỏi nguyên do, con chó đáp: "Thuở xưa tôi là đại cư sĩ trong thành Xá-vệ, do thân khẩu ý ác nên đọa làm thân chó xấu xa, người này còn ác hơn tôi, nếu cho người này có thế lực sẽ làm nhiều điều ác, kết quả sẽ đọa vào địa ngục chịu nhiều khổ não, đâu có trị phạt nào nặng hơn cách trị phạt này". "Súc sanh còn biết pháp vào trong nhà người là có chừng mực, huống chi là người lại không biết pháp", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo ở trong nhà ăn, một mình ở chỗ khuất ngồi gần với người nữ thì phạm Ba-dật-đề.

Nhà ăn giải thích như trong giới trên. Chỗ khuất kín là là chỗ mà Tỳ-kheo đến khất thực không nhìn thấy được.

Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo ở trong nhà ăn, một mình ở chỗ khuất ngồi gần với người nữ, cả ba việc này khởi lên thì phạm một tội Ba-dật-đề. Nếu từ chỗ ngồi đứng dậy rồi ngồi trở lại, tùy ngồi lại mấy chỗ thì phạm Ba-dật-đề bấy nhiêu. Nếu đóng cửa cái, cửa sổ mà tịnh nhơn ở bên ngoài thì phạm Ba-dật-đề; nếu mở cửa cái, cửa sổ mà tịnh nhơn ở bên ngoài thì phạm Đột-kiết-la; nếu mở cửa cái, cửa sổ mà tịnh nhơn ở bên trong

nhà thì không phạm.

44. Giới Tự Tay Cho Ngoại Đạo Thức Ăn:

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó ở nước Tỳ-la-nhiên có vị vua Bà-la-môn tên là A-kỳ-đạt, do nhân duyên đến trong nước Xá-vệ ngủ đêm ở nhà một cư sĩ và hỏi cư sĩ rằng: "Trong thành này có Sa-môn Bà-la-môn nào làm thầy của đại chúng, được nhiều người cung kính và mọi người đều cho là người tốt, ta sẽ thường thường đến gần gũi để tâm ta được thanh tịnh vui vẻ ", cư sĩ nói: "Có Sa-môn Cù đàm thuộc dòng họ Thích ca do lòng tin từ bỏ vương vị xuất gia, tu chứng đạo quả Vô thượng Chánh đẳng bồ đề, ông nên thường đến thân cận, vị ấy có thể khiến cho tâm ông thanh tịnh vui vẻ", lại hỏi: "Sa-môn Cù đàm hiện nay đang ở đâu, tôi sẽ đến gặp", đáp: "Ở trong tinh xá Kỳ hoàn thành Xá-vệ". Nhà vua nghe rồi liền đi đến trong Kỳ hoàn, lúc đó Phật đang thuyết pháp cho trăm ngàn vạn chúng vây quanh, vua A-kỳ-đạt thấy Phật đoan chánh thù đặt, các căn tịch tĩnh, từ thân tỏa ra vô lượng quang sáng như chơn kim, vua bèn xuống xe đi bộ đến trước Phật đảnh lễ ngồi một bên nghe Phật nói pháp, Thế tôn tùy thuận nói pháp chỉ dạy cho được lợi hỉ rồi im lặng. Vua chắp tay bạch Phật: "Cúi xin Phật và Tăng đến nước Tỳ-la nhiên của con hạ an cư", Phật liền suy nghĩ: "quả báo đời trước của ta nay đến lúc phải thọ lấy", nghĩ rồi liền

yên lặng thọ thỉnh. Vua biết Phật đã nhận lời liền đứng dậy hữu nhiễu rồi đi, sau khi làm xong công việc ở nước Xá-vệ, vua liền trở về nước mình ra lịnh chuẩn bị nhiều ẩm thực cho Phật và Tăng an cư trong bốn tháng, sau đó vua bảo người giữ cửa cung: "Ta muốn trong bốn tháng hạ không tiếp người ngoài để được an lạc tự vui, mọi việc tốt xấu bên ngoài đều không được bạch", người giữ cửa cung vâng lời.

Lúc đó Phật biết đã đến thời an cư liền nhóm Tỳ-kheo tăng bảo các Tỳ-kheo: "Nay chúng ta đi đến nước Tỳ-la-nhiên hạ an cư", nói rồi Phật cùng năm trăm Tỳ-kheo đi đến nước đó. Do nước Tỳ-la-nhiên tin tà nên không có tinh xá, phía Bắc của thành có một khu rừng thắng hoa, cây cối sum suê, đất bằng phẳng rộng rãi nên Phật và đại chúng cùng đến dừng nghỉ trong khu rừng đó. Nơi đây thôn ấp nhỏ hẹp, người tuy đông nhưng không có lòng tín kính nên khất thực khó được, Phật nghỉ qua đêm rồi bảo các Tỳ-kheo: "Nơi đây thôn ấp nhỏ hẹp, người tuy đông nhưng không có lòng tín kính nên khất thực khó được, các thầy nếu muốn ở lại đây an cư thì ở, nếu không thích thì tùy ý đi". Lúc đó Xá-lợi-phất một mình đến trong núi Bất không đạo thọ lời thỉnh của Thích phu nhơn Thiên vương và A tu luân nữ, trong bốn tháng hạ an cư thọ thức ăn của trời cúng dường. Còn Phật và các Tỳ-kheo còn lại hạ an cư ở trong nước Tỳ-la-nhiên,

các cư sĩ, Bà-la-môn do ít tin nên chỉ cúng dường cho Phật và Tăng năm, sáu ngày liền dừng, các Tỳ-kheo khất thực rất cực khổ khó được. Lúc đó Trưởng lão Đại Mục-kiền-liên bạch Phật: "Thế tôn, có cây tên Diêm-phù-đề, do có cây này nên đất được gọi là Di-Diêm-phù-đề, con muốn hái trái này cho đại chúng ăn. Gần cây Diêm-phù-đề có rừng Ha-lê-lặc có trái Ha-lê-lặc, cõi Uất-đơn-việt có lúa tự nhiên, trên trời Đao lợi có thức ăn gọi là Tu đà, con sẽ đi lấy về cho đại chúng ăn. Lại có vị đất ngọt phì nhiêu, con dùng một tay đỡ đại chúng, một tay giở đất để cho các Tỳ-kheo lấy vị đất ngọt này ăn. Cúi xin Thế tôn chấp thuận", Phật bảo Mục-liên: "Thầy tuy có đại thần lực nhưng quả báo ác hạnh của các Tỳ-kheo đã chín, không thể dời đổi được nên ta không chấp thuận". Trong nước này có nước trong mát và cỏ tươi tốt, lúc đó có những người buôn ngựa từ nước Ba là nại đến trong nước này tìm nước cỏ cho ngựa ăn. Những người này tin Phật, khi thấy các Tỳ-kheo khất thực khó được, sau khi hỏi rõ nguyên do liền nói với các Tỳ-kheo: "Chúng tôi biết các vị khất thực khó được, nay lương thực cũng đã hết chỉ còn có lúa ngựa, các vị có thể thọ được không?", các Tỳ-kheo nói: "Phật chưa cho chúng tôi dùng lúa của ngựa". Các Tỳ-kheo không biết làm sao liền đem việc này bạch Phật, Phật nói: "Ngựa thuộc về người buôn ngựa, những người này có thể lấy cỏ nước nuôi cho ngựa

mập mạp thì lúa này có thể tùy ý thọ". Đàn ngựa có năm trăm con, các Tỳ-kheo có năm trăm vị chỉ thiếu một mình Xá-lợi-phất, lúa cho ngựa ăn có hai thăng, một thăng đem cho Tỳ-kheo, một thăng dành cho ngựa. Trong đàn ngựa, con ngựa tốt ăn tới bốn thăng lúa, hai thăng đem dâng cho Phật, hai thăng dành cho ngựa. A-nan đem phần lúa của Phật và của mình vào trong tụ lạc tới trước một người nữ khen ngợi công đức của Phật để người nữ này phát tâm nấu giúp: "Cô biết không, Phật có niệm định, huệ, giải thoát tri kiến, đại từ đại bi, có nhất thiết trí, đủ ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp, thân có sắc như chơn kim, trên đảnh có hào quang tròn sáng, cất tiếng như Phạm âm, ai nhìn thấy đều không nhàm chán. Nếu Phật không xuất gia thì sẽ làm Chuyển luân thánh vương, tất cả chúng ta đều thuộc về Ngài; nay đã xuất gia chứng quả A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề, người chưa độ sẽ được độ, người chưa được giải thoát sẽ được giải thoát, người chưa diệt độ sẽ được diệt độ, người chưa thoát sanh lão bịnh tử ưu bi khổ não sẽ được thoát. Phật do nhân duyên nên đến trong đây an cư, cô nên đem lúa này nấu thành cơm cho Phật", người nữ nói: "Trong nhà tôi rất nhiều việc, không thể nấu giúp được". Lúc đó có một người nữ nghe nói về công đức của Phật liền sanh tâm tín kính, nghĩ rằng: "Người như thế trên thế gian này chưa từng có", nghĩ rồi liền nói với A-nan: "Tôi sẽ

làm cơm cho Phật và luôn cả phần của thầy, nếu có vị nào thiện đức trì giới tôi cũng sẽ làm luôn cả phần của vị ấy". Người nữ làm cơm xong đưa cho A-nan, A-nan do tâm tín kính Phật sâu nghĩ rằng: "Phật là dòng dõi vua, thường ăn thức ăn ngon, nay ăn thức ăn thô dỡ này làm sao có ích cho thân", nghĩ rồi dâng cơm cho Phật, nhìn Phật ăn cơm thô trong lòng A-nan buồn vô hạn, Phật biết ý nên muốn giải tỏa cho A-nan bảo rằng: "A-nan có thể ăn thử cơm này không?" A-nan liền thọ lấy ăn thử, cảm thấy mùi vị của cơm này sao thơm ngon lạ thường, thật như là chư thiên nêm thêm gia vị vào nên trong lòng vui sướng, nỗi buồn liền tiêu trừ. Phật thọ thực xong, khi thu dọn bát A-nan bạch Phật: "Thế tôn, hôm nay con nhờ một người nữ làm cơm nhưng người nữ này lại không chịu làm, còn người nữ mà con không nhờ lại phát tâm làm", Phật nói: "Người không chịu làm cơm giúp đáng lẽ được phước thì lại không được, nếu chịu làm giúp thì đáng lẽ được làm đệ nhất phu nhân của Chuyển luân thánh vương; người phát tâm làm thì được phước vô lượng". Lúc đó do nghiệp đời trước của Thế tôn chưa hết nên trong một thời gian không có ai biết Phật và Tăng an cư ở trong nước Tỳ-la-nhiên phải ăn lúa ngựa. Ma vương hóa làm các Tỳ-kheo mang thức ăn dư đi đến các nước, người gặp giữa đường liền hỏi là từ đâu đến, đáp là từ nước Tỳ-la-nhiên đến, lại hỏi: "Phật an cư nơi đó có

được cúng dường không?" Liền đáp: "Ở trong nước đó thường có đại hội, thức ăn đầy dẫy, thức ăn này đều là của Phật ăn dư". Đến khi túc nghiệp đã hết, mười sáu nước lớn đều nghe biết Thế tôn và năm trăm Tỳ-kheo an cư ở trong nước Tỳ-la-nhiên phải ăn toàn lúa ngựa. Lúc đó các cư sĩ, trưởng giả, đại phú thương của các nước liền lo liệu đủ các món ăn ngon chở tới để cúng dường Phật và Tăng, nghinh đón Phật như nghinh đón người thân từ xa đến. Lúc đó còn mười ngày nữa mới tự tứ nhưng Phật vẫn hỏi A-nan: "Còn mấy ngày nữa thì tự tứ?" Đáp là còn bảy ngày nữa, Phật bảo A-nan: "Thầy hãy đi vào trong thành nói với vua A-kỳ-đạt rằng: Chúng tôi ở trong nước của vua an cư đã xong rồi, nay sắp du hành đi đến nước khác", các Tỳ-kheo nói: "Thế tôn, vua Bà-la-môn này đối với Phật và Tăng có ân đức gì, ở nước này an cư khốn khổ cùng cực, đáng lẽ pháp chủ khách không nên đến từ biệt ông ta như thế", Phật nói: "Vua Bà-la-môn này tuy không có ân đức nhưng pháp chủ khách nên phải đến từ biệt". A-nan vâng lời Phật dạy đi cùng với một Tỳ-kheo tới cửa thành nói với người giữ cửa: "Hãy vào bạch vua là có A-nan ở bên ngoài", người giữ cửa suy nghĩ: "A-nan là tốt lành, mới sáng sớm nghe điều này mà không vào bạch vua là không tốt", nghĩ rồi liền vào bạch vua. Lúc đó vua A-kỳ-đạt đã thức dậy tắm gội mặc áo sạch sẽ đang ngồi trong điện, nghe báo là có A-nan

đang ở bên ngoài liền bảo cho vào, sau khi thăm hỏi xong vua liền hỏi A-nan: "Thầy đến có việc gì?" Đáp: "Phật bảo tôi đến nói với nhà vua rằng: Chúng tôi đến trong nước của vua hạ an cư đã xong, nay sắp du hành đến nước khác", vua A-kỳ-đạt nghe xong liền kinh hãi nói: "A-nan, Sa-môn Cù đàm đã hạ an cư trong nước của ta sao?" Đáp phải, vua liền hỏi: "An trụ như thế nào và ai đã cung cấp cho thức ăn uống?", A-nan nói: "Chúng tôi an cư khốn khổ cùng cực, Phật và Tăng chỉ ăn toàn lúa ngựa". Lúc đó vua A-kỳ-đạt mới nhớ ra là mình đã thỉnh Phật và Tăng đến trong nước mình an cư sẽ cúng dường đầy đủ, nhưng tại sao lại khiến cho Phật và Tăng trong ba tháng an cư chỉ ăn toàn lúa ngựa, như thế tiếng xấu sẽ lan truyền khắp các nước đồn đại rằng: Vua A-kỳ-đạt trụ trong tà kiến, ghét bỏ Phật và Tăng nên đã để cho Phật và Tăng chịu khốn khổ. Vua liền nói với A-nan: "Sa-môn Cù đàm có thể cho tôi hối lỗi mà lưu lại đây không?" A-nan nói không được, vua nghe rồi trong lòng ưu buồn hổ thẹn ngất xỉu xuống đất, thân tộc rưới nước cho tỉnh lại rồi dìu đỡ lên và khuyên nhũ vua rằng: "Vua chớ ưu sầu, chúng tôi sẽ đi cùng với vua đến sám tạ Sa-môn Cù đàm, cố gắng thỉnh Ngài lưu lại; nếu Ngài không chịu lưu lại thì chúng ta sẽ đưa thức ăn ngon đến sau, nếu có thiếu thốn gì chúng ta sẽ mang tới cúng dường". Lúc đó vua A-kỳ-đạt cùng thân tộc đi đến chỗ Phật

sám tạ và thỉnh Phật lưu lại, Phật suy nghĩ: "Nếu ta không nhận lời thì vua sẽ hộc máu mà chết", nghĩ rồi liền thương xót thọ vua thỉnh bảy ngày. Lúc đó vua suy nghĩ: "Thức ăn chuẩn bị cúng dường trong bốn tháng làm sao cúng trong bảy ngày cho hết được". Lúc đó Phật tự tứ xong muốn du hành đến nước Việt-kỳ ở hai tháng, người nước Việt nghe tin Phật sắp đến liền chuẩn bị mọi thứ cúng dường, luân phiên nhau ngày nay anh cúng, ngày mai tôi cúng cứ như thế luân phiên cúng dường trong hai tháng. Sau khi tự tứ xong Phật du hành đến nước Việt-kỳ, vua A-kỳ-đạt mang theo các thức cúng dường tiễn đưa Phật để thấy có thiếu thứ gì thì sẽ cúng dường, không ngờ người nước Việt-kỳ có yếu lịnh: Khi nào Phật đến, mỗi người luân phiên nhau lo liệu bữa ăn sáng, bữa ăn trưa và nước uống phi thời chớ để cho thiếu thốn, không được cho ai khác xen vào. Lúc đó vua A-kỳ-đạt biết chỗ Phật dừng chân nên cho người đến sắp đặt trước và nói rằng: "Ta cúng ngày nay, các vị cúng ngày mai", người nước Việt-kỳ không bằng lòng nói rằng: "Vua là người tà kiến, xem Phật là oan gia nên mới xúc não Phật, nay muốn làm Phật vui lòng nên đến đây nói là ta cúng ngày nay, các vị cúng ngày mai. Vua đã làm việc gì mà lại để cho Phật và Tăng phải ăn lúa ngựa trong ba tháng hạ rồi nay lại cầu cúng dường", vua A-kỳ-đạt nghe rồi trong lòng hổ thẹn buồn bã đứng qua một bên, nghĩ là nếu thấy có

thiếu thứ gì thì sẽ cúng dường thứ ấy. Lúc đó thấy không có cháo, vua liền cho làm các món cháo: Cháo tô, cháo hồ ma, cháo dầu, cháo sữa, cháo đậu, cháo ma sa, cháo ma tử, và cháo trắng để dâng cúng Phật, Phật bảo nên dâng cúng chúng tăng, Tăng không thọ nói rằng: "Phật chưa cho chúng tôi ăn tám loại cháo", liền bạch Phật, Phật nói: "Từ nay cho ăn tám loại cháo, vì cháo có năm lợi ích cho thân: Một là trừ đói, Hai là trừ khát, Ba là hạ khí, Bốn là trừ bụng dưới lạnh, Năm là tiêu hóa thức ăn hôm qua". Lúc đó vua A-kỳ-đạt suy nghĩ: "Ta đã bốn tháng an lạc tự vui, nay nếu theo Sa-môn Cù đàm trong hai tháng thì vì một mình ta mà phế bỏ việc nước. Những thức cúng dường này nhiều không cúng hết được, ta nên bỏ trên đất để cho Phật và tăng dẫm đạp lên cũng tức là đã thọ dụng", nghĩ rồi liền bạch Phật, Phật nói: "Không được làm như điều vua đã nghĩ, vì đây là thức ăn phải dùng miệng thọ dụng". Để khuyên vua A-kỳ-đạt, Phật nói kệ chú nguyện:

"Trong đồ cúng chư thiên,
Cúng dường lửa là nhất.
Trong sách Bà-la-môn ,
Tát tỳ đế là trên.
Trong tất cả người trời,
Đế vương là trên hết.
Trong tất cả dòng sông,
Biển cả là sâu nhất.

Trong tất cả vì sao,
Mặt trăng là sáng nhất.
Trong tất cả ánh sáng,
Mặt trời là sáng nhất.
Trong mười phương người trời,
Phật phước điền là nhất".

Phật nói kệ chú nguyện cho vua A-kỳ-đạt rồi từ nước Việt-kỳ du hành đến nước Xá-vệ, lúc đó có một ngoại đạo lõa hình theo sau Phật, thân hình mập mạp. Một ngoại đạo khác đi ngược lại gặp ngoại đạo mập mạp này liền hỏi: "Ngươi đi theo sau để được cái gì?" Đáp là để được thức ăn, lại hỏi từ đâu có được, đáp là từ cư sĩ trọc có được, ngoại đạo kia nghe rồi liền mắng ngoại đạo mập rằng: "Ngươi là người xấu xa, từ nơi họ được thức ăn như thế, tại sao lại ở chỗ khuất nói lời thô mắng chửi họ, ngươi không phải là người. Nếu Sa-môn Cù đàm nghe được lời thô này thì sẽ kiết giới không cho các đệ tử cho ngoại đạo thức ăn". Có Tỳ-kheo thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng bảo các Tỳ-kheo: "Ngoại đạo này trụ trong tà kiến, đây là pháp của oán tặc tìm cầu lỗi lầm. Nếu bị người khác cầm dao gậy đánh hoặc trúng độc hoặc có người giết, ắt sẽ nói là do Sa-môn Thích tử làm", lúc đó Phật chỉ quở trách nhưng chưa kiết giới. Phật tiếp tục du hành đến nước Xá-vệ, lúc đó

mọi người nghe nói Phật phải ăn lúa ngựa trong ba tháng an cư nên cúng dường không ngớt. Có một người nữ bán bánh lo liệu thức ăn thức uống cúng dường cho Phật và Tăng, A-nan hành thực, thường pháp của Phật là Tăng ăn chưa hết thì Phật không đứng dậy, vì sao, vì nếu thấy thức ăn không đủ thì Phật sẽ gia lực khiến cho được đủ. Lúc Phật chưa đứng dậy, có hai người nữ ngoại đạo xuất gia theo A-nan xin bánh, A-nan cho mỗi người một cái, không ngờ có hai cái bánh dính nhau nên một người được một bánh, người kia lại được hai bánh. Người được một cái bánh nói với người được hai bánh rằng: "Hãy chia cho tôi bớt nửa cái, nếu không tôi sẽ làm nhục", người được hai bánh nói: "Mỗi người xin tùy được cho bao nhiêu bánh, tại sao phải chia lại nửa cái cho ngươi", người được một bánh lặp lại lời nói trước vẫn không được chia cho nửa cái liền nói rằng: "A-nan ắt là chồng hoặc đã cùng ngươi tư thông, nếu không thì sao chỉ cho ta một cái, nếu cho ngươi hai cái thì cũng phải cho ta hai cái", hai người nữ này chỉ vì cái bánh mà nói lớn tiếng với nhau. Phật tuy nghe biết nhưng vẫn hỏi A-nan nguyên do, do nhân duyên này và nhân duyên trước đó nên Phật nhóm Tỳ-kheo tăng bảo các Tỳ-kheo: "Các thầy phải biết, các ngoại đạo này trụ trong tà kiến, đây là pháp của oán tặc… sẽ nói là do Sa-môn Thích tử làm. Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo, từ nay giới này nên nói

như sau:

Nếu Tỳ-kheo tự tay cho ngoại đạo nữ và ngoại đạo lõa hình thức ăn thức uống thì phạm Ba-dật-đề.

Ngoại đạo lõa hình là chỉ cho phái A-kỳ-duy đạo Ni-kiền-tử. Trừ năm chúng đệ tử của Phật, các chúng xuất gia của phái khác đều gọi chung là ngoại đạo. Thức ăn là chỉ cho năm loại Khư-đà-ni và Bồ-xà-ni.

Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo tự tay cho ngoại đạo lõa hình và ngoại đạo nữ các loại thức ăn củ… hoặc cơm bánh… hoặc bắp… đều phạm Ba-dật-đề. Nếu ngoại đạo lõa hình đến xin trái cây, nên nói: "Chúng tôi không ngăn cản ông lấy trái cây"; nếu đến xin nước cũng nên nói: "Chúng tôi không ngăn cản ông lấy nước". Không phạm là nếu ngoại đạo nữ và ngoại đạo lõa hình bị bịnh hoặc là bà con hoặc cầu xin xuất gia rồi thì cho không phạm.

45. Giới Xem Quân Trận:

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó vua Ba-tư-nặc có nước nhỏ làm phản nên tập họp bốn binh chủng: Tượng binh, mã binh, xa binh và bộ binh để thảo phạt. Sau khi tập họp bốn binh, vua đích thân đi xem xét binh khí và áo giáp có tốt không, binh sĩ có vui không và có thể phá được kẻ địch không. Lục quần Tỳ-kheo nói với nhau: "Quân binh sắp

xuất hành, chúng ta cùng đến xem ", nói rồi cùng đi đến chỗ quân binh đứng xem. Nhãn quan của các quốc vương thường thích nhìn xa, lúc đó vua từ xa nhìn thấy Tỳ-kheo liền sai người đến hỏi: "Nhân duyên gì đến", đáp là muốn gặp vua, vua nghe rồi liền suy nghĩ: "Vào lúc khác khó gặp ta lắm hay sao, mà vào lúc này lại muốn gặp. Phật nghe biết việc này ắt sẽ kết giới không cho Tỳ-kheo xem quân xuất hành", nghĩ rồi liền cho vào gặp, Tỳ-kheo vào vua liền hỏi nhân duyên gì đến, đáp là vì muốn gặp vua, vua nói: "Ta vào lúc khác khó gặp… sẽ kết giới không cho Tỳ-kheo xem quân xuất hành". Có Tỳ-kheo thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng rồi hỏi Lục quần Tỳ-kheo: "Các thầy thật đã làm việc này phải không?" Đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo lại đi xem quân xuất hành", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo cố ý đi xem quân xuất hành thì phạm Ba-dật-đề.

Quân xuất hành là đi đánh dẹp giặc nên tập họp binh chủng. Quân là chỉ cho một hay hai, ba, bốn loại binh. Một loại binh là chỉ có tượng binh hoặc mã binh hoặc xa binh hoặc bộ binh. Hai loại binh

là tượng binh và mã binh, hoặc tượng binh và xa binh, hoặc tượng binh và bộ binh, hoặc mã binh và xa binh, mã binh và bộ binh hoặc xa binh và bộ binh. Ba loại binh là tượng binh, mã binh và xa binh hoặc tượng binh, mã binh và bộ binh hoặc mã binh, xa binh và bộ binh. Bốn loại binh là đủ cả tượng, mã, xa và bộ binh.

Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo cố ý đến xem quân xuất hành, thấy thì phạm Ba-dật-đề, không thấy thì phạm Đột-kiết-la; đứng từ trên cao nhìn xuống, thấy quân xuất hành thì phạm Ba-dật-đề, không thấy thì phạm Đột-kiết-la; thấy một binh chủng cho đến bốn binh chủng cũng vậy. Không phạm là nếu không cố ý đi hoặc có nhân duyên đi ngang qua tình cờ nhìn thấy thì không phạm.

Lúc đó quân binh đến nước kia đã lâu nhưng vẫn chưa đánh dẹp được giặc, trong quân binh có hai đại thần của vua Ba-tư-nặc tên là Ni-sư-đạt-đa và Phú-la-na đặc biệt yêu mến một Tỳ-kheo bà con, vì đã lâu không được gặp nên nhớ. Hai vị này sai sứ đi mời Tỳ-kheo này đến trong quân trận để gặp mặt, Tỳ-kheo đáp là Phật đã chế giới không cho đến trong quân trận nên không thể đi được. Các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật do việc này nhóm Tỳ-kheo tăng đủ lời khen ngợi giới và người trì giới rồi bảo các Tỳ-kheo: "Từ nay giới này nên nói lại như sau:

Nếu Tỳ-kheo cố ý đi xem quân xuất hành thì phạm Ba-dật-đề, trừ nhân duyên.

Nhân duyên là vua sai sứ đến mời hoặc phu nhân của vua, vương tử, Đại-thần, tướng quân… sai sứ đến mời nên đi thì không phạm.

46. Giới Ở Trong Quân Trận Quá Hai Đêm:

Sau khi Phật khai cho các Tỳ-kheo có nhân duyên được đến trong quân trận, các Tỳ-kheo có nhiều bà con ngày nay mời đến, ngày mai mời đến rồi ở lâu trong quân trận. Trong quân có người không tin Phật ganh ghét nói rằng: "Chúng ta vì xóm làng, nhân dân, vì quan chức lương bổng nên mới ở trong quân; các Tỳ-kheo tệ ác không tốt này vì nhân duyên gì lại đến ở trong đây. Tỳ-kheo ở lâu trong đây sẽ khiến chúng ta bị thối đọa". Có Tỳ-kheo thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng rồi hỏi quở trách các Tỳ-kheo: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo lại ở trong quân trận quá hai đêm", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo, từ nay giới này nên nói như sau: Nếu Tỳ-kheo có nhân duyên đến trong quân trận ngủ qua đêm, quá hai đêm thì phạm Ba-dật-đề.

Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo đến trong quân trận ngủ quá hai đêm thì phạm Ba-dật-

đề , qua đêm thứ ba khi trời vừa sáng thì phạm Ba-dật-đề.

47. Giới Ở Trong Quân Trận Xem Hai Binh Giao Chiến:

Phật tại thành Vương xá, lúc đó Lục quần Tỳ-kheo ở trong quân trận hai đêm liền đi xem quân binh dàn trận và hai binh giao chiến nhau. Có Tỳ-kheo thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng rồi hỏi Lục quần Tỳ-kheo: "Các thầy thật đã làm việc này phải không?" Đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo lại ở trong quân trận hai đêm và còn đi xem quân binh dàn trận, hai binh giao chiến nhau", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo ngủ trong quân trận hai đêm liền đi xem quân binh dàn trận, xem binh khí cờ phướn và hai binh giao chiến nhau thì phạm Ba-dật-đề.

Quân binh dàn trận là quân binh sắp ra trận đánh nhau; quân bao gồm bốn binh; trận bao gồm các thế trận hoặc như hình cây cung, hoặc như hình bán nguyệt hoặc như hình chữ nhật… khi hai quân giao chiến nhau, nếu Tỳ-kheo nhìn thấy thì phạm Ba-dật-đề.

Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo đến xem quân dàn trận đánh nhau, thấy thì phạm Ba-dật-đề; không thấy thì phạm Đột-kiết-la; hai loại binh cho đến bốn loại binh dàn trận cũng vậy; xem các thế trận và hai binh giao chiến cũng như vậy. Không phạm là không cố ý đến xem, do có nhân duyên đi ngang qua tình cờ nhìn thấy thì không phạm.

48. Giới Giận Đánh Tỳ-kheo:

Phật tại thành Vương xá, lúc đó Lục quần Tỳ-kheo cùng Thất thập quần Tỳ-kheo tranh cải, trong lòng sân giận không vui nên đánh Thất thập quần Tỳ-kheo, cả nhóm cùng kêu khóc nên các Tỳ-kheo hỏi rõ nguyên do. Có Tỳ-kheo thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng rồi hỏi Lục quần Tỳ-kheo: "Các thầy thật đã làm việc này phải không?" Đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo lại cùng Tỳ-kheo khác tranh cải, trong lòng sân giận không vui liền đánh Tỳ-kheo", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo trong lòng sân giận không vui mà đánh Tỳ-kheo khác thì phạm Ba-dật-đề.

Đánh là dùng tay hay chân đánh. Tướng phạm

trong giới này là nếu dùng tay đánh thì phạm Ba-dật-đề; dùng chân đá cũng phạm Ba-dật-đề; nếu dùng thân phần khác đánh thì phạm Đột-kiết-la; nếu vì chú nguyện hay vì người kia ăn mắc nghẹn nên đánh vỗ thì không phạm.

49. Giới Dọa Đánh Tỳ-kheo:

Phật tại thành Vương xá, lúc đó Lục quần Tỳ-kheo cùng Thất thập quần Tỳ-kheo tranh cải, trong lòng không vui liền giơ tay dọa đánh, Thập thất quần Tỳ-kheo suy nghĩ: "Lục quần Tỳ-kheo mạnh khỏe, nếu đánh trúng thì chúng ta ắt sẽ chết", nghĩ rồi liền kêu khóc lớn tiếng, các Tỳ-kheo liền hỏi rõ nguyên do. Có Tỳ-kheo thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng rồi hỏi Lục quần Tỳ-kheo: "Các thầy thật đã làm việc này phải không?" Đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo lại cùng Tỳ-kheo khác tranh cải rồi trong lòng sân giận không vui giơ tay dọa đánh", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo trong lòng sân giận không vui giơ tay dọa đánh Tỳ-kheo khác thì phạm Ba-dật-đề.

Giơ tay dọa đánh là giơ lòng bàn tay hay lòng bàn chân.

Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo giơ lòng bàn tay dọa đánh thì phạm Ba-dật-đề; giơ chân dọa đá cũng phạm Ba-dật-đề; giơ thân phần khác dọa đánh thì phạm Đột-kiết-la. Không phạm là giơ lòng bàn tay để ngăn chận ác thú hay ngăn người ác thì không phạm.

50. Giới Che Dấu Tội Thô Của-Tỳ-kheo Khác:

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó Bạt-nan-đà có anh là Tỳ-kheo tên Nan-đà, lại có một đệ tử tên là Đạt-ma. Người đệ tử này khéo trì giới nên không theo hạnh của thầy, Nan-đà suy nghĩ: "Người đệ tử này của em ta không theo hạnh thầy cũng không theo hạnh của ta, phải trị nó bắt nó thuận theo chúng ta", nghĩ rồi liền dẫn một người nữ vào phòng mình rồi bảo Đạt-ma đến, Đạt-ma nghĩ: "Vị này là anh của thầy ta, làm sao không nghe theo lời", nghĩ rồi liền đi theo đến phòng của-Nan-đà. Nan-đà liền bảo Đạt-ma đứng đợi ở chỗ có thể nhìn thấy người nữ ở trong phòng rồi tự mình đến ôm và xúc chạm thân phần của người nữ đó. Sau đó hỏi Đạt-ma có nhìn thấy không, đáp là thấy, liền bảo: "Thầy chớ nói cho người khác biết", đáp: "Tôi không thể che dấu, tôi sẽ đem việc này bạch Phật, sẽ nói cho các Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni khác biết", Nan-đà nói: "Ta cũng thấy hòa thượng của thầy đã làm việc như

thế, lại còn thấy nhiều việc xấu xa hơn thế nữa, ta còn không nói cho người khác biết, thầy vì sao lại đem việc này nói cho người khác biết", đáp: "Ý của thầy muốn tôi không nói cho người khác biết, nhưng tôi không thể che dấu được", nói rồi liền đem việc này nói cho các Tỳ-kheo khác biết. Có Tỳ-kheo thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng rồi hỏi Nan-đà: "Thầy thật đã làm việc này phải không?" Đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo biết Tỳ-kheo khác phạm trọng tội lại cố ý che dấu", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo, từ nay giới này nên nói như sau: Nếu Tỳ-kheo biết Tỳ-kheo khác phạm trọng tội mà cố ý che dấu cho đến một đêm thì phạm Ba-dật-đề.

Biết là tự biết hay nghe biết từ người khác hoặc Tỳ-kheo kia tự nói. Trọng tội là tội Ba-la-di và Tăng-già-bà-thi-sa. Một đêm là từ mặt trời lặn cho đến sáng hôm sau.

Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo vào trời sáng thấy Tỳ-kheo khác phạm Ba-la-di, Tỳ-kheo này trong Ba-la-di khởi tưởng là Ba-la-di, trọn ngày che dấu cho đến sáng hôm sau thì phạm Ba-dật-đề. Nếu Tỳ-kheo này đang bị Tăng cho yết ma tẫn về không thấy tội, không sám tội và không

bỏ ác tà kiến hoặc tâm cuồng, tâm loạn, tâm bịnh hoại thì không phạm. Nếu Tỳ-kheo này được Tăng giải tẫn hoặc đã hết bịnh, lúc đó còn che dấu tội của-Tỳ-kheo kia đến sáng hôm sau thì phạm Ba-dật-đề. Trời sáng là lúc mặt trời vừa mọc, trước ngọ, giữa ngọ, xế trưa, chiều, hoàng hôn, mặt trời lặn; Che dấu đến sáng hôm sau là trải qua đầu đêm, giữa đêm, cuối đêm cho đến khi trời sáng, mặt trời vừa mọc thì phạm Ba-dật-đề.

Có Tỳ-kheo thấy Tỳ-kheo khác vào trời sáng phạm Tăng-già-bà-thi-sa, trong Tăng-già-bà-thi-sa khởi tưởng là Tăng-già-bà-thi-sa trọn ngày che dấu cho đến sáng hôm sau thì phạm Ba-dật-đề. Nếu Tỳ-kheo này bị Tăng cho yết ma tẫn về không thấy tội… giống như đoạn văn trên.

Có Tỳ-kheo thấy Tỳ-kheo khác vào trời sáng phạm Ba-dật-đề, Ba-la-đề-đề-xá-ni, Đột-kiết-la; ở trong tội Đột-kiết-la khởi tưởng là Đột-kiết-la trọn ngày che dấu cho đến sáng hôm sau thì phạm Đột-kiết-la. Tỳ-kheo nay nếu đang bị Tăng cho yết ma tẫn về không thấy tội… giống như đoạn văn trên cho đến câu đã hết bịnh mà còn che dấu tội của-Tỳ-kheo kia cho đến sáng hôm sau thì phạm Đột-kiết-la. Từ lúc trời sáng, mặt trời mọc, trước ngọ … che dấu trải qua đến cuối đêm, mặt trời vừa mọc thì phạm Đột-kiết-la.

Nếu Tỳ-kheo thấy Tỳ-kheo khác vào trời sáng phạm Ba-la-di khởi tưởng là phạm Tăng-già-bà-

thi-sa hoặc Ba-dật-đề, Ba-la-đề-đề-xá-ni, Đột-kiết-la; trong Ba-la-di khởi tưởng là Đột-kiết-la trọn ngày che dấu cho đến sáng hôm sau thì phạm Ba-dật-đề. Nếu Tỳ-kheo này đang bị Tăng cho yết ma tẫn về không thấy tội… giống như đoạn văn trên cho đến câu đã hết bịnh mà còn che dấu đến sáng hôm sau thì phạm Ba-dật-đề. Từ lúc trời sáng, mặt trời mọc… che dấu trải qua đến cuối đêm, mặt trời vừa mọc liền phạm Ba-dật-đề.

Lại có Tỳ-kheo thấy Tỳ-kheo khác ào trời sáng phạm Tăng-già-bà-thi-sa khởi tưởng là phạm Ba-dật-đề, Ba-la-đề-đề-xá-ni, Đột-kiết-la; trong Tăng-già-bà-thi-sa khởi tưởng là Đột-kiết-la trọn ngày che dấu cho đến sáng hôm sau thì phạm Ba-dật-đề. Nếu Tỳ-kheo này bị tăng cho yết ma tẫn về không thấy tội… giống như đoạn văn trên cho đến câu đã hết bịnh mà vẫn còn che dấu cho đến sáng hôm sau thì phạm Ba-dật-đề. Từ lúc trời sáng, mặt trời mọc … che dấu trải qua đến cuối đêm, mặt trời vừa mọc liền phạm Ba-dật-đề.

Lại có Tỳ-kheo thấy Tỳ-kheo khác vào trời sáng phạm Ba-dật-đề hoặc Ba-la-đề-đề-xá-ni, Đột-kiết-la; trong Đột-kiết-la tưởng là Ba-la-di, Tăng-già-bà-thi-sa, hoặc tưởng là phạm Ba-dật-đề, Ba-la-đề-đề-xá-ni trọn ngày che dấu cho đến sáng hôm sau thì phạm Đột-kiết-la. Nếu Tỳ-kheo này đang bị Tăng cho yết ma tẫn về không thấy tội… giống như đoạn văn trên cho đến câu đã hết bịnh mà vẫn còn

che dấu cho đến sáng hôm sau thì phạm Đột-kiết-la.

Nếu Tỳ-kheo thấy Tỳ-kheo khác vào trời sáng phạm Ba-la-di mà sanh nghi không biết có phải là Ba-la-di hay không phải là Ba-la-di; sau đó dứt nghi ở trong Ba-la-di khởi tưởng là Ba-la-di mà trọn ngày che dấu cho đến sáng hôm sau thì phạm Ba-dật-đề. Nếu Tỳ-kheo này đang bị Tăng cho yết ma tẫn về không thấy tội… giống như đoạn văn trên cho đến câu đã hết bịnh mà vẫn còn che dấu cho đến sáng hôm sau thì phạm Ba-dật-đề. Từ lúc trời sáng, mặt trời mọc… che dấu trải qua cho đến cuối đêm, mặt trời vừa mọc liền phạm Ba-dật-đề.

Lại có Tỳ-kheo thấy Tỳ-kheo khác vào trời sáng phạm Tăng-già-bà-thi-sa, nghi không biết là phạm Tăng-già-bà-thi-sa hay không phải Tăng-già-bà-thi-sa; sau đó dứt nghi ở trong Tăng-già-bà-thi-sa khởi tưởng là Tăng-già-bà-thi-sa trọn ngày che dấu cho đến sáng hôm sau thì phạm Ba-dật-đề. Nếu Tỳ-kheo này bị Tăng cho yết ma tẫn về không thấy tội… giống như đoạn văn trên cho đến câu khi bịnh đã hết mà vẫn còn che dấu cho đến sáng hôm sau thì phạm Ba-dật-đề. Từ trời sáng, mặt trời mọc… che dấu trải qua cho đến cuối đêm, mặt trời vừa mọc liền phạm Ba-dật-đề.

Lại có Tỳ-kheo thấy Tỳ-kheo khác vào trời sáng phạm Ba-dật-đề, Ba-la-đề-đề-xá-ni, Đột-kiết-la; ở trong Đột-kiết-la nghi không biết có phải là

Đột-kiết-la hay không phải Đột-kiết-la; sau đó dứt nghi ở trong Đột-kiết-la khởi tưởng là Đột-kiết-la trọn ngày che dấu cho đến sáng hôm sau thì phạm Đột-kiết-la. Nếu Tỳ-kheo này bị Tăng cho yết ma tẫn về không thấy tội… giống như đoạn văn trên cho đến câu khi bịnh đã hết mà vẫn con che dấu cho đến sáng hôm sau thì phạm Đột-kiết-la. Từ trời sáng, mặt trời mọc… che dấu trải qua cho đến cuối đêm, mặt trời mọc liền phạm Đột-kiết-la.

Lại có Tỳ-kheo thấy Tỳ-kheo khác vào trời sáng phạm Ba-la-di nghi không biết là Ba-la-di hay là Tăng-già-bà-thi-sa, hoặc là Ba-dật-đề, Ba-la-đề-đề-xá-ni, Đột-kiết-la; sau đó dứt nghi ở trong Ba-la-di khởi tưởng là Đột-kiết-la, trọn ngày che dấu cho đến sáng hôm sau thì phạm Ba-dật-đề. Nếu Tỳ-kheo này bị Tăng cho yết ma tẫn về không thấy tội… giống như đoạn văn trên cho đến câu khi bịnh đã hết mà vẫn che dấu co đến sáng hôm sau thì phạm Ba-dật-đề. Từ trời sáng, mặt trời mọc… che dấu trải qua cho đến cuối đêm, mặt trời vừa mọc liền phạm Ba-dật-đề. Lại có Tỳ-kheo thấy Tỳ-kheo khác vào trời sáng phạm Tăng-già-

bà-thi-sa nghi không biết là Tăng-già-bà-thi-sa hay là Ba-dật-đề, Ba-la-đề-đề-xá-ni, Đột-kiết-la hay là Ba-la-di; sau đó dứt nghi ở trong Tăng-già-bà-thi-sa khởi tưởng là Ba-la-di, trọn ngày che dấu cho đến sáng hôm sau thì phạm Ba-dật-đề. Nếu Tỳ-kheo này bị Tăng cho yết ma tẫn về không thấy

tội… giống như đoạn văn trên cho đến câu khi bịnh đã hết mà vẫn còn che dấu cho đến sáng hôm sau thì phạm Ba-dật-đề. Từ trời sáng, mặt trời mọc… che dấu trải qua cho đến cuối đêm, mặt trời vừa mọc liền phạm Ba-dật-đề.

Lại có Tỳ-kheo thấy Tỳ-kheo khác vào trời sáng phạm Ba-dật-đề, Ba-la-đề-đề-xá-ni, Đột-kiết-la; ở trong Đột-kiết-la nghi không biết là Đột-kiết-la hay là Ba-la-di hoặc Tăng-già-bà-thi-sa, Ba-dật-đề hay là Ba-la-đề-đề-xá-ni; sau đó dứt nghi ở trong Đột-kiết-la khởi tưởng là Ba-la-đề-đề-xá-ni hoặc là tưởng Ba-la-di, trọn ngày che dấu cho đến sáng hôm sau thì phạm Đột-kiết-la. Nếu Tỳ-kheo này bị tăng cho yết ma tẫn về không thấy tội … giống như đoạn văn trên cho đến câu khi bịnh đã hết mà vẫn còn che dấu cho đến sáng hôm sau thì phạm Đột-kiết-la. Từ trời sáng, mặt trời mọc… che dấu trải qua cho đến cuối đêm, mặt trời vừa mọc liền phạm Đột-kiết-la.

-oOo-

LUẬT THẬP TỤNG

QUYỂN 15

V. CHÍN MƯƠI PHÁP BA DẬT ĐỀ (Tiếp Theo):

51. Giới Xúc Não Tỳ-kheo Khác:

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó Bạt-nan-đà suy nghĩ: "Đệ tử Đạt-ma này đã hủy nhục anh ta, ta phải đáp trả lại", nghĩ rồi liền gọi Đạt-ma đến nói rằng: "Con hãy cùng ta đi đến tụ lạc", hỏi vì sao lại cùng đi thì bảo là cứ cùng đi, Đạt-ma suy nghĩ: "Đây là hòa thượng của ta, làm sao lại không nghe lời", nghĩ rồi liền cùng đi ra khỏi Kỳ hoàn gặp các Tỳ-kheo đang kinh hành, các Tỳ-kheo nói với Đạt-ma: "Hôm nay thấy ắt sẽ được thức ăn ngon, vì sao, vì đi theo Tỳ-kheo có nhiều người quen biết", Đạt-ma nói: "Nhiều hay không, ngày nay ắt sẽ biết". Bạt-nan-đà đi đến nhà nào cũng đều được cho thức ăn ngon nhưng Bạt-nan-đà đều đáp rằng: "Đợi một lát, trời còn sớm, khi đến giờ tôi sẽ đến lấy", Đạt-ma suy nghĩ: "Hòa thượng ta hôm nay chắc được chỗ thọ thỉnh tốt nên trải qua các nhà thỉnh mà vẫn không thọ". Lúc đó sau khi ra khỏi nhà bạch y, Bạt-nan-đà nhìn thấy mặt trời đã đứng bóng biết là nếu

vào tụ lạc khất thực thì không kịp giờ, còn trở về Kỳ hoàn cũng không kịp giờ ăn, liền bảo Đạt-ma: "Thầy hãy trở về đi, ta cùng thầy ngồi chung, nói chuyện chung không vui; ta ngồi một mình, nói chuyện một mình vui hơn", Đạt-ma thấy mặt trời đã đứng bóng biết là nếu vào tụ lạc khất thực… như đoạn văn trên cho đến câu cũng không kịp giờ ăn, liền suy nghĩ: "Bây giờ ta sẽ đi đâu", nghĩ rồi liền trở về Kỳ hoàn. Các Tỳ-kheo vừa thấy liền hỏi có được nhiều thức ăn ngon không, đáp: "Chớ hỏi tôi vì ngày nay tôi bị đoạn thực", các Tỳ-kheo liền hỏi rõ nguyên do. Có Tỳ-kheo thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng rồi hỏi Bạt-nan-đà: "Thầy thật đã làm việc này phải không?" Đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo lại cố cố ý làm cho Tỳ-kheo khác đoạn thực", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo nói với Tỳ-kheo khác rằng: Hãy cùng đi đến các nhà trong tụ lạc. Khi đến tụ lạc rồi lại không bảo họ cúng thức ăn cho Tỳ-kheo này, mà nói rằng: Thầy hãy đi đi, ta cùng ngồi cùng nói chuyện với thầy không vui; ta ngồi một mình, nói một mình vui hơn. Chỉ vì muốn xúc não Tỳ-kheo này chớ không vì nhân duyên gì khác thì phạm Ba-

dật-đề.

Nhà là nhà bạch y; đuổi đi là tự đuổi hay bảo người đuổi. Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo nói với Tỳ-kheo khác rằng: Thầy hãy đến đây cùng ta đi đến nhà kia; nếu chưa vào cửa thành mà đuổi về thì phạm Đột-kiết-la, vào trong thành rồi liền đuổi về cũng phạm Đột-kiết-la, chưa vào cửa cổng của nhà bạch y mà đuổi về cũng phạm Đột-kiết-la, vào bên trong cửa cổng rồi đuổi về cũng phạm Đột-kiết-la, chưa vào cửa trong mà đuổi về cũng Đột-kiết-la, vào được cửa trong nhưng chưa bước qua ngạch cửa mà đuổi về cũng Đột-kiết-la, nêu bước qua ngạch cửa trong mà đuổi về thì phạm Ba-dật-đề.

52. Giới Nhóm Lửa Nơi Đất Trống:

Phật tại nước Kiều-tát-la cùng các Tỳ-kheo du hành, lúc đó có năm trăm thương nhơn đồng hành, họ nghĩ nếu được đi cùng với Phật sẽ được an ổn. Khi đi đến một khu rừng, Phật dừng lại nghỉ qua đêm, các thương nhơn lượm cây củi khô nhóm lửa, các Tỳ-kheo cũng lượm cây củi khô nhóm lửa. Lúc đó có một Tỳ-kheo ma lư kéo một cây củi khô để vào trong lửa, không ngờ trong bộng cây có rắn ở, nó bị đốt nóng nên bò ra ngoài, các Tỳ-kheo thấy kinh hãi la lớn khiến các thương nhơn tưởng là có giặc đến, mỗi người tự cầm dao thuẫn, khí trượng tụ lại để giữ tài vật và cùng hỏi nhau: Giặc ở đâu,

các Tỳ-kheo nói: "Không có giặc, chỉ có con rắn độc", các thương nhơn nói: "Nếu biết là rắn độc thì cớ gì la lớn khiến chúng tôi tưởng là giặc, suýt thương hại lẫn nhau". Phật nghe biết việc này và lời quở trách của các thương nhơn nên qua đêm rồi, Phật liền nhóm Tỳ-kheo tăng quở trách Tỳ-kheo ma lư: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo lại nhóm lửa nơi đất trống", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo không bịnh, ở nơi đất trống nhóm lửa hoặc đốt cỏ cây, phân trâu và rác rến, tự đốt hay bảo người đốt đều phạm Ba-dật-đề.

Bịnh là bịnh lạnh, bịnh nóng, cảm gió phải hơ lửa mới lành bịnh, trừ nhân duyên này ra đều gọi là không bịnh. Đất trống là nơi không có vách ngăn, màn che.

Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo dùng cây cỏ để vào trong lửa củi, hoặc dùng phân trâu, vỏ cây, rác rến để vào trong lửa củi đều phạm Ba-dật-đề. Dùng phân trâu để vào trong lửa phân trâu, cho đến dùng vỏ cây, rác rến, cây cỏ để vào trong lửa phân trâu đều phạm Ba-dật-đề. Dùng vỏ cây để vào trong lửa vỏ cây, hoặc dùng rác rến để vào lửa rác rến… đều phạm Ba-dật-đề. Tự làm hay bảo người làm cũng như vậy. Không phạm là bịnh hoặc vì nấu cơm, canh, cháo cho đến nhuộm y xông bát thì không phạm.

53. Giới Gởi Dục Rồi Hối:

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó các Tỳ-kheo muốn làm yết ma tẫn Bạt-nan-đà, do Lục quần Tỳ-kheo ở trong chúng ngăn nên yết ma không thành. Vào lúc khác Lục quần Tỳ-kheo đi vắng, các Tỳ-kheo lại muốn làm yết ma tẫn Bạt-nan-đà nhưng lại sợ Lục quần Tỳ-kheo đến ngăn nữa, có Tỳ-kheo nói: "Lục quần Tỳ-kheo nay đã đi xa đến một tụ lạc khác, chưa kịp trở về, nhưng có một Tỳ-kheo bạn không đi". Lục quần Tỳ-kheo tánh biếng nhác, khi tăng yết ma thuyết giới, tự tứ chỉ gởi dục thanh tịnh chớ không đến nên các Tỳ-kheo suy nghĩ: "Chớ để cho Tỳ-kheo bạn của Lục quần Tỳ-kheo đến trong chúng ngăn yết ma, hãy lấy dục đến". Các Tỳ-kheo đánh kiền chùy nhóm tăng rồi sai sứ đến chỗ Tỳ-kheo bạn kia lấy dục, Tỳ-kheo kia liền hỏi: "Muốn làm việc gì?" Đáp là có tăng sự, Tỳ-kheo kia liền gởi dục. Tỳ-kheo mang dục đến, Tăng nhất tâm hòa hợp làm yết ma tẫn Bạt-nan-đà xong, hôm sau xướng to lên: "Tăng nay đã yết ma tẫn xuất Bạt-nan-đà", Tỳ-kheo kia nghe rồi liền nói: "Yết ma này làm không như pháp, tôi chưa tùy thuận", các Tỳ-kheo nói: "Thầy đã gởi dục rồi", đáp: "Lúc đó tôi không biết Tăng làm yết ma tẫn xuất Bạt-nan-đà, nếu biết thì tôi đã không gởi dục. Tôi có lỗi, tôi không nên gởi dục". Có Tỳ-kheo thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên

này nhóm họp Tỳ-kheo tăng rồi hỏi Tỳ-kheo này: "Thầy thật đã làm việc này phải không?" Đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo, Tăng sự như pháp đã gởi dục rồi lại hối", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo việc Tăng như pháp đã gởi dục rồi, sau hối nói rằng:

Tôi không nên gởi dục, thì phạm Ba-dật-đề.

Việc Tăng là thuộc Đơn-bạch hoặc Bạch-nhị, Bạch-tứ-yết-ma, hoặc bố tát, tự tứ hoặc yết ma mười bốn hạng người.

Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo việc Tăng như pháp đã gởi dục rồi, sau hối nói rằng tôi không nên gởi dục thì phạm Ba-dật-đề. Các loại Tăng sự thuộc Đơn-bạch, Bạch-nhị, Bạch-tứ-yết-ma hoặc bố tát tự tứ hoặc yết ma mười bốn hạng người nếu đã gởi dục rồi sau lại hối nói rằng tôi không nên gởi dục thì phạm Ba-dật-đề. Tùy tâm hối nói ra, mỗi mỗi lời đều phạm Ba-dật-đề.

54. Giới Cùng Người Chưa Thọ Đại Giới Quá Hai Đêm:

Phật tại nước A-la-tỳ, lúc đó các hiền giả vào những ngày trai đến trong chùa thọ trai pháp, suốt đêm đốt đèn ngồi thiền và nghe pháp. Các thượng tọa đầu đêm tĩnh tọa, đến giữa đêm ai nấy đều về

phòng mình, còn lại các Tỳ-kheo trẻ tuổi và các Sa di đều ngủ trong nhà thuyết pháp, do không nhất tâm trong khi ngủ nên ngáy và nói mớ, la lớn quơ cánh tay. Các hiền giả nghe được liền nói với nhau: "Hãy nhìn xem tôn chúng này không nhất tâm trong khi ngủ", có Tỳ-kheo thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng rồi hỏi các Tỳ-kheo A-la-tỳ: "Các thầy thật đã làm việc này phải không?" Đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo lại cùng người chưa thọ giới ngủ chung", nhưng Phật chỉ quở trách chứ chưa kết giới.

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó Sa di La-hầu-la bị các Tỳ-kheo đuổi ra khỏi phòng, không cho ngủ chung nên La-hầu-la đến trong phòng nhỏ bên cạnh để ngủ, không ngờ có khách Tỳ-kheo đến, vị này suy nghĩ: "Trong phòng lớn ắt đã có thượng tọa ở, ta nên vào phòng nhỏ bên cạnh", nghĩ rồi đến phòng nhỏ gõ cửa hỏi có ai không, đáp: "Tôi là La-hầu-la", Tỳ-kheo khách bảo ra ngoài, cứ như thế đi đến phòng nào La-hầu-la cũng bị đuổi ra ngoài, liền suy nghĩ: "Ta đến phòng nào cũng bị đuổi, ta nên trong nhà xí của Phật nghỉ tạm", nghĩ rồi liền vào trong nhà xí nằm ngủ trên tấm ván. Không ngờ dưới tấm ván có hang rắn, con rắn đã bò ra ngoài trước đó, đến sau đêm trời mưa to, con rắn lại trở

về hang. Lúc đó Phật bỗng nghĩ đến La-hầu-la đang nằm ngủ trong nhà xí, liền suy nghĩ: "Nếu ta không đánh thức thì La-hầu-la sẽ bị rắn hại", nghĩ rồi liền nhập tam muội ẩn thân nơi phòng mình rồi hiện thân trong nhà xí, dùng thần lực tạo ra tiếng rồng để đánh thức La-hầu-la rồi hỏi:

"Con là ai", đáp là La-hầu-la, lại hỏi: "Cớ sao lại nằm ngủ trong đây?" Đáp là vì không có chỗ ngủ nào khác, Phật bảo: "Hãy đến đây", La-hầu-la liền đến, Phật dùng tay hữu xoa đầu La-hầu-la và nói kệ:

"Con không phải nghèo hèn,
Cũng không mất phú quý,
Chỉ vì cầu đạo nên,
Xuất gia nhẫn chịu khổ"

Nói kệ rồi dắt La-hầu-la vào phòng mình ngủ. Suốt đêm đó Phật tĩnh tọa nhập thiền thọ dụng sự tĩnh lặng của bậc Thánh, đến sáng do nhân duyên này nhóm Tỳ-kheo tăng bảo các Tỳ-kheo: "Các Sa di đáng thương không có cha mẹ, nếu các thầy không từ mẫm thì duyên gì được sống, nếu chúng gặp phải ác thú hại thì đau khổ lắm. Thân tộc chúng sẽ nổi sân trách rằng: Sa-môn Thích tử chỉ có thể nuôi mà không có thủ hộ", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Từ nay vì hai điều lợi nên cho Tỳ-kheo được cùng người chưa thọ đại giới ngủ chung phòng hai đêm: Một là vì thương xót Sa di, Hai là vì có bạch y đến trong chùa cũng nên cho họ ngủ.

Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo, từ nay giới này nên nói như sau: Nếu Tỳ-kheo cho người chưa thọ đại giới ngủ chung phòng quá hai đêm thì phạm Ba-dật-đề.

Người chưa thọ đại giới là trừ Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni. Nhà có bốn loại: Một là tất cả đều có ngăn che, Hai là tất cả đều ngăn nhưng không che, Ba là tất cả che phủ nhưng ngăn phân nửa, Bốn là tất cả che phủ nhưng ngăn phần ít.

Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo cùng người chưa thọ đại giới ở chung trong bốn loại nhà trên quá hai đêm thì phạm Ba-dật-đề; nếu đứng dậy rồi nằm trở lại thì tùy nằm trở lại bao nhiêu, phạm Ba-dật-đề bấy nhiêu. Nếu suốt đêm ngồi thì không phạm.

Lúc đó có Tỳ-kheo bịnh, Sa di khán bịnh cung cấp mọi thứ nhưng đến đêm thứ ba thì Tỳ-kheo bịnh này đuổi ra ngoài, vì không có người chăm sóc nên Tỳ-kheo bịnh này suýt chết. Các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật bảo: "Nên bảo Sa di đứng bên chỗ Tỳ-kheo bịnh, chớ nằm". Sau đó Sa di vì đứng lâu bên Tỳ-kheo bịnh nên té ngã xuống đất rồi ngủ luôn, Phật nói: "Tỳ-kheo bịnh không phạm, nhưng nếu trong đó có Tỳ-kheo không bịnh thì không nên nằm".

55. Giới Can Tỳ-kheo Ác Tà Kiến:

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó Tỳ-kheo A-lợi-tra

bỗng sanh ác tà kiến nói rằng: "Tôi biết nghĩa của pháp Phật là làm pháp dâm dục không thể chướng đạo", các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật do việc này nhóm Tỳ-kheo tăng bảo các Tỳ-kheo: "Các thầy nên khuyên can A-lợi-tra rằng: "Thầy chớ nên nói tôi biết nghĩa của pháp Phật là làm pháp dâm dục không thể chướng đạo. Thầy chớ phỉ báng Phật, phỉ báng Phật là không tốt, Phật không có nói lời này, Phật đã dùng đủ cách nói làm pháp dâm dục có thể chướng đạo. Thầy hãy bỏ ác tà kiến này". Nên khuyên can Ba-lần cho bỏ việc này". Các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy đến khuyên can A-lợi-tra như trên đến lần thứ ba vẫn không thể làm cho A-lợi-tra bỏ ác tà kiến này nên trở về bạch Phật, Phật bảo: "Các thầy nên làm yết ma tẫn Tỳ-kheo A-lợi-tra về tội không bỏ ác tà kiến, nếu có Tỳ-kheo nào khác giống như A-lợi-tra cũng nên làm như thế. Yết ma tẫn về tội không bỏ ác tà kiến nên làm như sau: Tăng nhất tâm hòa hợp, một Tỳ-kheo trong Tăng nên xướng rằng:

Đại-đức Tăng lắng nghe, Tỳ-kheo A-lợi-tra này khởi ác tà kiến nói rằng: Tôi biết nghĩa của pháp Phật là làm pháp dâm dục không thể chướng đạo. Tăng đã khuyên can nhưng Tỳ-kheo này vẫn không chịu bỏ ác tà kiến. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng tác pháp yết ma tẫn Tỳ-kheo A-lợi-tra về tội không bỏ ác tà kiến. Tùy Tỳ-kheo kia không bỏ tà kiến trong bao lâu thì

Tăng tùy làm yết ma tẫn bấy lâu. Bạch như vậy.

Như thế Bạch-tứ-yết-ma cho đến câu Tăng làm yết ma tẫn Tỳ-kheo A-lợi-tra về tội không bỏ ác tà kiến xong rồi. Tăng chấp thuận vì im lặng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

Phật bảo các Tỳ-kheo: Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo nói rằng: Tôi biết nghĩa của pháp Phật là làm pháp dâm dục không thể chướng đạo. Các Tỳ-kheo nên khuyên can: "Thầy chớ nên nói tôi biết nghĩa của pháp Phật là làm pháp dâm dục không thể chướng đạo. Thầy chớ phỉ báng Phật, phỉ báng Phật là không tốt. Phật không có nói lời này, Phật đã dùng đủ cách nói làm pháp dâm dục có thể chướng đạo. Thầy nên bỏ ác tà kiến này". Khi các Tỳ-kheo khuyên can như thế mà vẫn giữ chặt không bỏ thì các Tỳ-kheo nên khuyên can đến Ba-lần nếu chịu bỏ thì tốt, nếu không chịu bỏ thì phạm Ba-dật-đề.

Tướng phạm trong giới này là khi khuyên can Tỳ-kheo này ban đầu nên dịu dàng khuyên can, nếu Tỳ-kheo kia chịu bỏ thì nên bảo sám tội Đột-kiết-la; nếu không chịu bỏ thì Tăng nên Bạch-tứ-yết-ma can, pháp can là tăng nhất tâm hòa hợp… giống như đoạn văn trên cho đến câu việc này xin nhớ giữ như vậy. Phật bảo các Tỳ-kheo nên can Ba lần, đây gọi là Ước sắc giáo, nếu khi dịu dàng can mà

chịu bỏ thì vẫn chưa phạm, can lần thứ nhất chưa xong hoặc xong… cho đến can lần thứ ba, nói chưa xong hoặc nói xong mà là phi pháp biệt chúng, phi pháp hòa hợp chúng, tợ pháp biệt chúng, tợ pháp hòa hợp chúng, như pháp biệt chúng, khác pháp khác luật, khác lời Phật dạy mà can ngăn thì vẫn chưa phạm. Nếu tăng như pháp như luật như Tỳ-ni, như lời Phật dạy mà can ngăn thì can lần thứ ba xong mà không bỏ mới phạm Ba-dật-đề.

56. Giới Tùy Thuận Tỳ-kheo Ác Kiến:

Phật tại thành Vương xá, lúc đó Lục quần Tỳ-kheo biết Tỳ-kheo ác tà kiến này không chịu bỏ tà kiến, không như pháp sám trừ tội, Tăng đã như pháp tẫn xuất mà vẫn cùng cọng sự và ngủ chung một nhà. Có Tỳ-kheo thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng rồi hỏi Lục quần Tỳ-kheo: "Các thầy thật đã làm việc này phải không?" Đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo đã biết Tỳ-kheo ác tà kiến… ngủ chung một nhà", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo biết Tỳ-kheo nói lời như thế, không như pháp sám hồi trừ tội và không bỏ ác tà kiến, Tăng đã như pháp tẫn xuất mà vẫn cùng cọng

sự và cùng ở chung một nhà thì phạm Ba-dật-đề.

Biết là tự biết hay nghe biết từ người khác hoặc Tỳ-kheo kia tự nói. Nói lời như thế là như điều đã thấy biết mà nói; không như pháp sám trừ tội là tâm chưa chiết phục, chưa bỏ kiêu mạn; không bỏ ác tà kiến là ác tà kiến này chưa lìa tâm. Tăng như pháp tẫn là ở trong Tăng tác pháp đuổi. Cọng sự bao gồm tài và pháp, cùng làm các pháp yết ma, bố tát tự tứ. Cùng ở chung một nhà, nhà có bốn loại như đã kể trên.

Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo cùng người bị tẫn làm pháp sự gì hoặc dạy bảo kinh pháp, kệ tụng, mỗi mỗi câu đều phạm Ba-dật-đề; nếu theo người bị tẫn thọ học kinh pháp, kệ tụng cũng phạm như vậy. Về tài sự, nếu Tỳ-kheo cho người bị tẫn bát, y… bốn loại dược đều phạm Ba-dật-đề; cùng ngủ trong bốn loại nhà kể trên, tùy nằm bao nhiêu phạm Ba-dật-đề bấy nhiêu, nếu suốt đêm ngồi không nằm thì phạm Đột-kiết-la.

57. Giới Chứa Nuôi Sa Di Ác Tà Kiến:

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó có Sa di tên Ma-già khởi ác tà kiến nói rằng: "Tôi biết nghĩa của pháp Phật là làm pháp dâm dục không thể chướng đạo", các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật bảo các Tỳ-kheo: "Các thầy nên khuyên can Sa di này rằng: Chú chớ nên nói tôi biết… chướng đạo. Chú chớ phỉ báng Phật, phỉ báng Phật là không tốt, Phật đã

đủ cách nói làm pháp dâm dục có thể chướng đạo, chú nên bỏ ác tà kiến này", các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy khuyên can Sa di này đến lần thứ ba vẫn không chịu bỏ ác tà kiến này nên trở về bạch Phật, Phật bảo các Tỳ-kheo: "Các thầy nên làm yết ma tẫn Sa di Ma-già về tội không bỏ ác tà kiến, nếu có Sa di nào giống như thế cũng nên tẫn như thế. Pháp yết ma là Tăng nhất tâm hòa hợp, một Tỳ-kheo trong Tăng xướng rằng:

Đại-đức Tăng lắng nghe, Sa di Ma-già này khởi ác tà kiến, Tăng đã khuyên can mà vẫn không chịu bỏ ác tà kiến này. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay tẫn Sa di Ma-già. Bạch như vậy.

Như thế Bạch-tứ-yết-ma cho đến câu Tăng đã diệt tẫn Sa di Ma-già rồi, Tăng chấp thuận vì im lặng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

Phật tại thành Vương xá, lúc đó Lục quần Tỳ-kheo biết Sa di Ma-già đã bị tẫn rồi mà vẫn chứa nuôi, cọng sự và ở chung. Có Tỳ-kheo thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng rồi hỏi Lục quần Tỳ-kheo: "Các thầy thật đã làm việc này phải không?" Đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo biết Sa di này đã bị tẫn rồi mà vẫn chứa nuôi, cọng sự và ở chung", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: Do mười

lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Sa di nói rằng: "Tôi biết nghĩa của pháp Phật là làm dâm dục không thể chướng đạo". Các Tỳ-kheo nên khuyên can Sa di này: "Chú chớ nói tôi biết nghĩa của pháp Phật là làm dâm dục không thể chướng đạo. Chú chớ phỉ báng Phật, phỉ báng Phật là không tốt, Phật đã đủ cách nói làm dâm dục có thể chướng đạo, chú nên bỏ ác tà kiến này". Khi các Tỳ-kheo khuyên can như thế mà Sa di này giữ chặt không bỏ thì các Tỳ-kheo nên can cho đến Ba-lần, chịu bỏ thì tốt, nếu không chịu bỏ thì các Tỳ-kheo nên bảo Sa di: "Chú từ nay không được nói Phật là thầy của chú, cũng không được đi theo sau các Tỳ-kheo. Các Sa di khác được cùng các Tỳ-kheo ngủ chung phòng hai đêm, nhưng chú thì không được. Chú là kẻ ngu si, từ nay chú đã bị tẫn xuất, chú không được ở đây nữa". Nếu Tỳ-kheo biết Sa di này đã bị diệt tẫn mà còn chứa nuôi, cọng sự và ngủ chung một nhà thì phạm Ba-dật-đề.

Biết là tự biết hay nghe biết từ người khác hay Sa di tự nói. Diệt tẫn là Tăng nhất tâm hòa hợp như pháp làm yết ma tẫn xuất. Chứa nuôi là nhận làm đệ tử, mình làm hòa thượng, A-xà-lê. Kinh tuất (thương yêu ban rãi) là chu cấp y bát, bốn loại dược… cho Sa di. Cọng sự là cùng tài sự và pháp sự. Ở chung là cùng ở trong bốn loại nhà kể trên.

Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo dạy

bảo cho Sa di bị tẫn này kinh pháp hay kệ tụng thì mỗi mỗi câu đều phạm Ba-dật-đề; nếu cùng Sa di đọc tụng kinh cũng như thế; nếu cho Sa di bị tẫn y bát, bốn loại dược… đều phạm Ba-dật-đề; ở chung trong bốn loại nhà kể trên, tùy nằm bao nhiêu phạm Ba-dật-đề bấy nhiêu; suốt đêm ngồi không nằm cũng Ba-dật-đề.

58. Giới Cầm Giữ Báu Vật:

Phật tại thành Vương xá, lúc đó vào sáng sớm Thế tôn đắp y mang bát vào thành khất thực, A-nan theo sau. Bỗng nhiên trời đổ mưa lớn làm cho phục tàng trồi lên mặt đất với nhiều báu vật. Thế tôn khất thực xong liền trở về trong núi Kỳ-xà-quật thì thấy phục tàng trồi lên mặt đất với nhiều báu vật. Lúc đó A-nan đi cách sau Phật khoảng một tầm, nghĩ rằng: "Nếu ta đi gần Phật, hơi thở và tiếng chân sẽ làm kinh động Phật", Phật thấy phục tàng lộ ra rồi quay lại bảo A-nan: "Đó là độc xà", nói rồi đi thẳng qua không dừng lại chỗ báu vật; A-nan đi đến nhìn thấy rồi cũng nói: "Là độc xà thưa Thế tôn", nói rồi cũng đi thẳng qua không dừng lại chỗ báu vật. Lúc đó ở dưới chân núi có một người nghèo đang cắt lúa nghe được những lời này liền suy nghĩ: "Ta chưa từng thấy ác độc xà của Sa-môn Thích tử, nên đến xem thử", nghĩ rồi liền đến xem thì thấy phục tàng trồi lên mặt đất, vui mừng nói: "Không ngờ độc xà của Sa-môn Thích tử lại là vật

báu", liền lấy bọc vào trong áo và dùng xe chở về cất giấu trong nhà. Nhờ số báu vật này mà người nghèo trở nên giàu có, xây cất nhà cao lớn, thiết lập cửa hàng vàng bạc, mua voi ngựa trâu dê, xe cộ, chứa nuôi nô tỳ… Người này vốn có hiềm khích với một người nên khi phát tài gây trở ngại việc buôn bán của ông ta, ông ta sanh tật đố đến tâu vua rằng: "Người này trước kia nghèo hèn nay bỗng trở nên giàu có… chứa nuôi nô tỳ, như thế nhất định là đã gặp kho tàng mà không báo với vua", vua liền kêu tới hỏi: "Ngươi đã gặp được kho tàng phải không?" Đáp là không có, vua suy nghĩ: "Người này nếu không tra khảo làm sao nói thật", nghĩ rồi liền ra lịnh cho quan hữu ty tịch thu hết tài sản và cột trói lại, sau đó ra bố cáo ai gặp kho tàng mà không báo với vua đều bị trị tội như thế. Lúc đó người này kêu than: "A-nan, độc xà; ác độc xà thưa Thế tôn", mọi người nói: "Ngươi chớ nên nói A-nan độc xà, ác độc xà thưa Thế tôn; ngươi nên nói rằng: ai gặp bảo tàng mà không báo với vua thì bị trị phạt như thế", nhưng người này nhất tâm nghĩ đến Phật nên cứ nói câu A-nan độc xà, ác độc xà thưa Thế tôn. Quan cai ngục đem việc này tâu vua, vua liền kêu đến hỏi rõ nguyên do, liền đáp: "Đại vương ban cho tôi vô úy, tôi sẽ nói thật", vua nói: "Ta ban cho ngươi vô úy", đáp: "Trước kia tôi nghèo hèn cắt lúa dưới chân núi, lúc đó có hai Tỳ-kheo đi lên núi, một người đi trước, một người đi

sau. Tỳ-kheo đi trước nhìn thấy bảo tàng liền nói với Tỳ-kheo đi sau: A-nan, đây là độc xà, nói rồi đi thẳng không dừng lại chỗ báu vật; Tỳ-kheo đi sau đi đến nhìn thấy cũng nói: ác độc xà thưa Thế tôn, nói rồi cũng đi thẳng không dừng lại chỗ báu vật. Tôi nghe được những lời này sanh hiếu kỳ muốn xem thử ác độc xà mà Sa-môn Thích tử nói là vật gì nên tìm đến xem, liền thấy bảo tàng trồi lên mặt đất, vui mừng chở về nhà cất giấu. Nhờ bảo tàng này tôi trở nên giàu có… chứa nuôi nô tỳ. Nay tôi bị trị tội liền nhớ đến lời nói trước kia, độc xà nay đang ở trên thân tôi ắt sẽ ăn thân mạng của tôi. Chính vì bảo tàng này mà nay vua tịch thu hết tài sản và tôi suýt mất mạng". Vua nghe rồi suy nghĩ: "Chắc chắn hai Tỳ-kheo đó là Phật và A-nan", nghĩ rồi liền nói: "Ngươi hãy đi đi, ta ban cho ngươi vô úy và thưởng cho ngươi năm trăm kim tiền". Người này trong lúc nguy cấp nhờ nhớ lời của Phật và A-nan nói mà được thoát chết nên các quan đại thần đều lớn tiếng nói: "Thật là việc hi hữu, nhờ nhớ lời Phật nói mà được thoát chết". Các Tỳ-kheo nghe biết việc này liền đem bạch Phật, Phật nói: "Lấy vật quý trong mắc tội nặng như thế và tội nặng hơn tội này cũng đều do lấy vật báu", nhưng Phật chỉ quở trách mà chưa kết giới.

Phật tại Duy-na-ly, lúc đó các đồng tử ra khỏi thành đến trong vườn rừng học bắn cung, Bạt-nan-đà sáng sớm đắp y mang bát định vào thành khất

thực, các đồng tử từ xa trông thấy liền nói với nhau: "Bạt-nan-đà Thích tử này ưa làm điều xấu ác, dù thấy tội nghe tội nghi tội cũng không hổ thẹn, không nhàm đủ, chúng ta hãy thử xem", nói rồi liền lấy báu vật trị giá ngàn kim tiền để ở giữa đường rồi đứng ở chỗ xa nhìn. Bạt-nan-đà vừa đi đến nhìn thấy vật báu trên đường, nhìn quanh bốn phía thấy không có ai liền nhặt lấy cặp vào nách, các đồng tử thấy rồi liền chạy đến vây quanh nói rằng: "Pháp Tỳ-kheo của ông, vật của người không cho mà lại lấy trộm hay sao", đáp: "Không có lấy trộm, tôi cho là vật phấn tảo nên nhặt lấy", các đồng tử suy nghĩ: "Nên dẫn người xấu ác này đến quan", nghĩ rồi liền dẫn đến quan, quan hỏi: "Thầy thật đã lấy trộm phải không?" Đáp: "Tôi không có lấy trộm, tôi tưởng là vật phấn tảo nên nhặt lấy", quan nói: "Không có vật báu nào mà khởi tưởng là phấn tảo để lấy". Nhưng các quan này vốn là đệ tử Phật, tin ưa Phật nên nói: "Tỳ-kheo làm sao lấy trộm được, các đồng tử ắt là nói vọng rồi. Thầy hãy đi đi, sau này chớ như vậy nữa. Ở chỗ đất trống gặp vật báu, người không cho thì chớ nên nhặt lấy". Bạt-nan-đà trở về đem việc này kể lại cho các Tỳ-kheo nghe, các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật do việc này nhóm Tỳ-kheo tăng bảo các Tỳ-kheo: "Mắc tội như thế và tội nặng hơn cũng đều do lấy vàng bạc vật báu mà ra", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-

kheo, từ nay giới này nên nói như sau: Nếu Tỳ-kheo tự tay lấy hay bảo người lấy vật báu hay tợ vật báu đều phạm Ba-dật-đề.

Vật báu là vàng bạc tiền, xa cừ, mã não, lưu ly, chơn châu…; tợ vật báu là đồng thiếc, bạch lạp, chì kẽm…

Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo cầm lấy cất tiền, vàng bạc, xa cừ, mã não… của người khác thì phạm Ba-dật-đề; nếu lấy tợ vật báu làm đồ trang nghiêm của nam tử và nữ nhơn, cho đến binh khí đều phạm Ba-dật-đề; nếu lấy chơn châu giả thì phạm Đột-kiết-la.

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó vào ngày tiết hội các bạch y trong thành chuẩn bị đầy đủ các món ăn ngon đem vào trong vườn rừng để vui chơi ăn uống. Tỳ-xá-khư-lộc-tử-mẫu đeo trang sức trên người trị giá năm trăm kim tiền cũng ra thành dạo chơi, lúc trở về chợt suy nghĩ: "Ta ra thành dạo chơi, không thể không gặp Phật mà trở về. Đến gặp Phật ta không nên đeo đồ trang sức như vầy", nghĩ rồi liền cởi đồ trang sức bọc vào trong áo cùng một tỳ nữ đi đến chỗ Phật, đảnh lễ ngồi một bên nghe Phật nói pháp, Thế tôn tùy thuận nói pháp chỉ dạy cho được lợi hỉ rồi im lặng. Lộc tử mẫu nghe pháp được lợi hỉ rồi từ tòa đứng dậy, đảnh lễ Phật hữu nhiễu rồi ra về. Tỳ nữ do nghe pháp được pháp vị nên khi đứng dậy ra về để quên lại gói đồ trang sức. Phật thấy gói đồ này liền bảo A-nan: "Thầy hãy

xem trong gói đồ này có vật gì rồi đem cất", A-nan bảo tịnh nhơn giở ra xem rồi gói lại đem cất. Phật do việc này nhóm Tỳ-kheo tăng đủ lời khen ngợi giới và người trì giới rồi bảo các Tỳ-kheo: Từ nay giới này nên nói lại như sau:

Nếu Tỳ-kheo có vật báu hay tợ vật báu mà tự tay cầm lấy hay bảo người cầm lấy cất thì phạm Ba-dật-đề, trừ nhân duyên. Nhân duyên là vật báu hay tợ vật báu này ở trong tăng phường hay ở trong trú xứ thì nên khởi tâm như vầy mà lấy cất: Nếu người chủ đến nhận thì sẽ trả lại.

Việc này nên hành trì như thế.

Trong tăng phường là vật ở bên trong tường vách, rào dậu, hào thành của trú xứ Tăng. Trong trú xứ là tùy trú xứ mà bạch y đã thỉnh. Không phạm là nếu vật ở trong Tăng phường, hoặc có tịnh nhơn thì bảo xem rồi lấy cất; nếu không có tịnh nhơn thì tự mình xem rồi lấy cất. Khi có người đến nhận xin lại thì nên hỏi: "Vật của ông hình tướng như thế nào", nếu nói đúng thì đưa trả lại, nếu nói không đúng thì nên đáp là không có vật như thế. Nếu chủ của vật chưa đến nhận lại mà Tỳ-kheo có nhân duyên phải đi, trong đây nếu có cựu trụ Tỳ-kheo tốt thì nên dặn lại rằng: "Tôi nhặt được vật của người nào đó đã bỏ quên, thầy nên xem lại rồi cất giữ, nếu chủ của vật đến nhận xin lại, nói đúng thì nên đưa trả lại, nói không đúng thì nên nói là không có vật như thế". Trải qua năm, sáu năm nếu

chủ của vật không đến nhận lại thì nên để vật này vào trong Tứ phương Tăng vật mà dùng; thời gian sau nếu chủ của vật đến nhận lại thì nên lấy vật của tứ phương tăng bồi thường. Vật ở trong trú xứ cũng giống như thế cho đến câu trải qua năm, sáu năm nếu chủ của vật không đến nhận lại, trong trú xứ này nếu ít giường ghế mền nệm… thì nên dùng tiền đó để mua sắm; thời gian sau chủ của vật đến nhận thì nên đem giường ghế mền nệm này trả cho họ. Việc này nên hành trì như thế.

59. Giới Nhuộm Y Hoại Sắc:

Phật tại thành Vương xá, lúc đó trong thành do nhân duyên rồng làm mưa nên mở hội một tháng ăn mừng, vào ngày hội cuối cùng các nghệ sĩ xiếc trình diễn được thưởng rất nhiều tiền. Lục quần Tỳ-kheo cùng đi đến xem, thấy họ được thưởng nhiều tiền nên sai người đến nói với họ rằng: "Các vị được thưởng nhiều tài vật, nên chia cho chúng tôi một phần, nếu không chúng tôi sẽ phá hoại", sứ đến nói y như vậy, họ nghe rồi liền hỏi là ai sai đến nói, đáp là Sa-môn, lại hỏi là Sa-môn nào, đáp là Sa-môn Thích tử , họ nói: "Chúng tôi nay đã thu hút được người xem, dù có đại nhạc sư ở đây cũng không thể phá hoại được huống chi là Sa-môn Thích tử, chúng tôi không chia phần", sứ nghe rồi liền trở về báo lại. Lục quần nghe rồi liền giăng màn trướng làm hội trường, ở trong đó mặc y phục

bạch y trình diễn, dùng biện tài ca ngợi Phật pháp tăng và Thánh giáo khiến cho hội chúng bên kia dần dần qua tụ hội hết bên này để xem nghe. Các nghệ sĩ bên hội trường này đáng lẽ được thưởng tiền lại không được gì, sau khi biết là do Sa-môn Thích tử gây rối liền quở trách rằng: "Những người này mất pháp Sa-môn, thiêu đốt pháp Sa-môn nên tranh đoạt hết tài vật mà đáng lẽ chúng ta có được". Có Tỳ-kheo thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng rồi hỏi Lục quần Tỳ-kheo: "Các thầy thật đã làm việc này phải không?" Đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo lại mặc y không nhuộm hoại sắc", nhưng Phật chỉ quở trách mà chưa kết giới.

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó các Tỳ-kheo từ nước Kiều-tát-la du hành đến nước Xá-vệ, tháp tùng theo các thương nhơn đi qua con dường hiểm, gặp phải giặc cướp cướp hết tài vật và y phục. Các thương nhơn, các Tỳ-kheo và những người xuất gia khác đều lõa hình, chúa giặc là người mến mộ Phật pháp nên bảo các Tỳ-kheo tự đến nhận lại y của mình; người xuất gia khác cũng có y nhuộm, các Tỳ-kheo nghi không biết là y của mình hay của người khác nên không dám lấy. Sau đó tuần tự đến nước Xá-vệ đảnh lễ Phật rồi ngồi một bên , pháp thường của Phật là khi có khách Tỳ-kheo đến đều

hỏi thăm có nhẫn đủ không, khất thực có dễ không, đi đường có nhọc mệt không. Lúc đó các Tỳ-kheo đều đáp là nhẫn đủ, khất thực không khó, đi đường không nhọc mệt, rồi đem việc trên bạch Phật, Phật do việc này nhóm Tỳ-kheo tăng đủ lời khen ngợi giới và người trì giới rồi bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo được y mới thì nên ở trong ba màu sắc, tùy dùng mỗi màu để nhuộm cho hoại sắc, hoặc màu xanh, hoặc màu xám hoặc màu đỏ đen. Nếu Tỳ-kheo không dùng ba màu sắc này nhuộm cho hoại sắc y mà mặc y mới thì phạm Ba-dật-đề.

Y mới là vải mới hoặc nhận được vải cũ từ người khác , do mới được nên cũng gọi là vải mới. Ba màu hoại sắc là xanh, xám và đỏ đen. Nếu Tỳ-kheo được vải màu xanh nên lấy hai màu còn lại làm tịnh (nhuộm cho hoại sắc gọi là tịnh); nếu được vải đen xám cũng lấy hai màu còn lại làm tịnh; nếu được vải đỏ cũng lấy hai màu còn lại làm tịnh; nếu được vải vàng thì nên lấy ba màu sắc trên làm tịnh; được vải màu đỏ tươi cũng nên lấy ba màu sắc trên làm tịnh.

Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo đắp y không làm tịnh thì phạm Ba-dật-đề, nếu mặc thử một chút thì phạm Đột-kiết-la; vải may phu cụ không làm tịnh cũng phạm Ba-dật-đề; vải may áo gối cũng phạm Ba-dật-đề. Nếu Tỳ-kheo được vải

mới muốn làm tịnh, nên lấy một mảnh vải cũ vá vào, may ngược ra ngoài gọi là làm tịnh, cũng gọi là làm cho hoại sắc, vì khác với thế tục.

-oOo-

LUẬT THẬP TỤNG

QUYỂN 16

V. CHÍN MƯƠI PHÁP BA DẬT ĐỀ (Tiếp Theo):

60. Giới Nửa Tháng Tắm Một Lần:

Phật tại thành Vương xá, lúc đó trong thành có ba ao nước tắm, ao nước thứ nhất dành cho vua và phu nhân tắm, ao nước thứ hai dành cho vương tử và đại thần tắm, ao nước thứ ba dành cho nhân dân tắm. Vua Bình sa vốn tin sâu Phật giáo nên nói với các đại thần: "Các bậc thượng nhơn nên tắm trong ao nước dành cho ta tắm", do đó nên các Tỳ-kheo thường thường đến tắm trong ao nước này. Một hôm vua Bình sa muốn tắm nên bảo người giữ ao: "Nên đuổi hết mọi người đi, ta muốn đến tắm", người giữ ao đuổi hết mọi người đi, chỉ còn có Tỳ-kheo ở lại vì người giữ ao nghĩ rằng: "Vua vốn kính Tỳ-kheo, nếu đuổi đi thì vua sẽ nổi giận", nghĩ rồi liền đến bạch vua: "Đã đuổi hết mọi người đi, chỉ còn Tỳ-kheo", vua nói: "Lành thay, cứ để các thượng nhơn tắm trước". Sau khi các Tỳ-kheo tắm xong đi hết, người giữ ao mới đến bạch vua, vua liền đến tắm, khi vua tắm xong thì trời sáng, lúc đó

vua nghĩ: "Ta nay ra thành không nên không gặp Phật mà trở vào trong thành", nghĩ rồi liền đến chỗ Phật đảnh lễ rồi ngồi một bên , Phật liền thăm hỏi: "Đại vương, mới sáng sớm vì sao đến", vua đem việc trên bạch Phật, Phật thuyết pháp cho vua được lợi hỉ rồi yên lặng, vua đứng dậy đảnh lễ Phật, hữu nhiễu rồi ra về. Không bao lâu sau Phật do nhân duyên này nhóm Tỳ-kheo tăng rồi quở trách các Tỳ-kheo: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo lại thường thường đến tắm khiến cho vua dòng Sát-đế-lỵ đã quán đảnh ở trong ao nước của mình mà không được tắm", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo chưa tới nửa tháng mà tắm thì phạm Ba-dật-đề.

Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo chưa đủ nửa tháng mà tắm thì phạm Ba-dật-đề , đủ nửa tháng hoặc hơn thì không phạm.

Lúc đó vào một tháng cuối của mùa xuân và một tháng đầu của mùa hạ, trời rất nóng bức, do các Tỳ-kheo không thường tắm nên thân dơ ngứa, bứt rứt khó chịu liền bạch Phật: "Cúi xin Thế tôn, trời móng bức như thế nên cho các Tỳ-kheo tắm rửa", Phật nói: "Cho tắm, từ nay giới này nên nói lại như sau:

Nếu Tỳ-kheo chưa tới nửa tháng mà tắm thì

phạm Ba-dật-đề, trừ nhân duyên. Nhân duyên là vào tháng cuối của mùa xuân và vào tháng đầu của mùa ha, trời nóng bức.

Tướng phạm trong giới này là nếu trời chưa đến nổi nóng bức mà tắm thì phạm Ba-dật-đề, trời nóng bức tắm thì không phạm.

Phật tại thành Vương xá, lúc đó có nhiều Tỳ-kheo bịnh dùng tô dầu thoa thân, do không tắm nên thân dơ ngứa, bức rứt khó chịu liền bạch Phật: "Cúi xin Thế tôn, cho nhân duyên bịnh được tắm", Phật nói: "Từ nay cho nhân duyên bịnh được tắm, vì lợi ích cho người bịnh như thức ăn không khác. Từ nay giới này nên nói lại như sau:

Nếu Tỳ-kheo chưa tới nửa tháng mà tắm thì phạm Ba-dật-đề, trừ nhân duyên. Nhân duyên là trời nóng bức, khi bịnh. Bịnh là bịnh lạnh, bịnh nóng, bịnh phong nếu được tắm thì bịnh lành.

Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo không bịnh, chưa tới nửa tháng mà tắm thì phạm Ba-dật-đề, nếu bịnh thì không phạm.

Phật tại thành Vương xá, lúc đó các Tỳ-kheo trước giờ ngọ đắp y mang bát vào thành khất thực, bỗng có gió bão nổi lên thổi y rời khỏi thân, bụi đất dính đầy người, không được tắm nên ngứa ngáy khó chịu liền bạch Phật: "Cúi xin Thế tôn cho nhân duyên bị gió thổi được tắm", Phật nói: Từ nay cho nhân duyên bị gió thổi được tắm, từ nay giới này

nên nói lại như sau:

Nếu Tỳ-kheo chưa tới nửa tháng mà tắm thì phạm Ba-dật-đề, trừ nhân duyên. Nhân duyên là khi trời nóng bức, khi bịnh, khi bị gió thổi.

Tướng phạm trong giới này là nếu không bị gió thổi mà tắm thì phạm Ba-dật-đề, bị gió thổi tắm thì không phạm.

Phật tại thành Vương xá, lúc đó các Tỳ-kheo mặc y mới nhuộm vào thành khất thực gặp mưa to, bị ướt y, nước nhuộm thấm vào thân sanh ghẻ lở, không được tắm nên bức rứt khó chịu liền bạch Phật: "Cúi xin Thế tôn cho nhân duyên gặp mưa to được tắm", Phật nói: Cho nhân duyên gặp trời mưa được tắm, từ nay giới này nên nói lại như sau:

Nếu Tỳ-kheo chưa tới nửa tháng mà tắm thì phạm Ba-dật-đề, trừ nhân duyên. Nhân duyên là khi trời nóng bức, khi bịnh, khi bị thổi, khi gặp trời mưa.

Tướng phạm trong giới này là nếu không gặp trời mưa mà tắm thì phạm Ba-dật-đề, gặp trời mưa tắm thì không phạm.

Phật tại nước A-la-tỳ, lúc đó các Tỳ-kheo làm chùa mới do gánh đất, bùn, ngói, gạch… để xây cất mà không được tắm nên thân dơ ngứa khó chịu và mệt mỏi, liền đem việc này bạch Phật: "Cúi xin Thế tôn do nhân duyên làm việc được tắm", Phật nói: "Cho nhân duyên làm việc được tắm, từ nay

giới này nên nói lại như sau:

Nếu Tỳ-kheo chưa tới nửa tháng mà tắm thì phạm Ba-dật-đề, trừ nhân duyên. Nhân duyên là khi trời nóng bức, khi bịnh, khi bị gió thổi, khi trời mưa, khi làm việc. Làm việc là cho đến quét một thước đất trong Tăng phường.

Tướng phạm trong giới này là nếu không có nhân duyên làm việc mà tắm thì phạm Ba-dật-đề; nếu có làm việc, tắm thì không phạm.

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó có các Tỳ-kheo từ nước Kiều-tát-la du hành đến nước Xá-vệ, do bụi đất ở vùng đất này nhiều nên khi đi đường bụi đất bám dính người, không được tắm nên thân dơ ngứa, bức rứt khó chịu liền bạch Phật: "Cúi xin Thế tôn cho nhân duyên đi đường được tắm", Phật nói: "Cho nhân duyên đi đường được tắm, từ nay giới này nên nói lại như sau:

Nếu Tỳ-kheo chưa tới nửa tháng mà tắm thì phạm Ba-dật-đề, trừ nhân duyên. Nhân duyên là khi trời nóng bức, khi bịnh, khi bị gió thổi, khi trời mưa, khi làm việc, khi đi đường. Đi đường là cho đến đi nửa do tuần, hoặc đến hoặc đi.

Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo đến ngày hôm qua mà ngày nay tắm thì phạm Ba-dật-đề; ngày mai mới đi mà ngày nay tắm thì phạm Ba-dật-đề; nếu đi nửa do tuần dù đến hay đi mà tắm thì không phạm. Nếu Tỳ-kheo không có sáu nhân

duyên kể trên, chưa tới nửa tháng mà tắm thì phạm Ba-dật-đề; nếu có nhân duyên không nói với các Tỳ-kheo mà liền tắm thì phạm Đột-kiết-la.

61. Giới Đoạn Mạng Súc Sanh:

Phật tại nước Duy-na-ly, lúc đó các vương tử nước Duy-na-ly vào trong vườn rừng học bắn cung, Ca-lưu-đà-di trước giờ ngọ đắp y mang bát vào thành khất thực, từ xa thấy các vương tử học cách bắn cung như thế liền cười, các vương tử hỏi: "Vì sao cười, chúng tôi bắn không hay sao", đáp là hay, lại hỏi: "Thầy có bắn được không?" Đáp là được, các vương tử nói: "Nếu được thì bắn thử đi", đáp: "Pháp của chúng tôi không có cung tên thì không bắn", các vương tử nói: "Đây có cung tên bằng cây có thể dùng được", nói rồi đưa cung tên bằng cây. Khi Ca-lưu-đà-di giương cung có chim bay trong hư không rồi bay vòng trở lại, liền buông tên vờn quanh không cho chim bay thoát ra, các vương tử nói: "Cớ gì bắn không trúng", đáp: "Bắn trúng đâu có khó gì", các vương tử nói: "Không đúng như thế, nếu trúng được thì nên bắn cho trúng, chớ nên nói suông", Tỳ-kheo kiêu mạn nói: "Các người muốn trúng chỗ nào", các vương tử nói: "Muốn trúng vào mắt phải", liền bắn trúng vào mắt phải, chim liền chết. Lúc đó các vương tử đều hổ thẹn, sanh tật đố và nổi sân nói rằng: "Sa-môn Thích tử sao có thể đoạt mạng súc sanh". Có Tỳ-

kheo thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng rồi hỏi Ca-lưu-đà-di: "Thầy thật đã làm việc này phải không?" Đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo lại cố ý đoạt mạng súc sanh", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo cố ý đoạt mạng súc sanh thì phạm Ba-dật-đề.

Đoạt mạng là tự làm hay bảo người làm. Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo tự tay đoạt mạng súc sanh thì phạm Ba-dật-đề; nếu Tỳ-kheo bảo người khác rằng: "Hãy bắt trói súc sanh này rồi đập chết", nếu người kia nghe lời đập chết nó thì Tỳ-kheo này phạm Ba-dật-đề. Nếu Tỳ-kheo sai sứ đến nói với người khác rằng: "Ngươi biết súc sanh đó không?" Đáp là biết, sứ nói: "Ngươi hãy đến bắt trói và đập chết nó", nếu người kia nghe lời đập chết nó thì Tỳ-kheo này phạm Ba-dật-đề. Lại nữa-Tỳ-kheo có ba cách đoạt mạng súc sanh phạm Ba-dật-đề: Một là dùng thọ sắc, Hai là dùng không phải thọ sắc, Ba là dùng cả thọ sắc và không phải thọ sắc. Thọ sắc là nếu Tỳ-kheo dùng tay hoặc chân hoặc thân phần khác đập chết súc sanh, nghĩ rằng: "Muốn cho nó chết", nếu nó chết thì Tỳ-kheo phạm Ba-dật-đề; nếu nó không chết liền, về sau cũng do

nhân duyên này mà chết thì Tỳ-kheo cũng phạm Ba-dật-đề; nếu không chết liền, về sau cũng không phải do nhân duyên này mà chết thì phạm Đột-kiết-la. Không phải thọ sắc là nếu Tỳ-kheo dùng cây, ngói đá, dao gậy, cung tên… từ xa ném, bắn muốn cho nó chết, nếu nó chết thì Tỳ-kheo phạm Ba-dật-đề; nếu nó không chết liền… cho đến phạm Đột-kiết-la giống như đoạn văn trên. Thọ sắc và không phải thọ sắc là nếu Tỳ-kheo dùng tay cầm cây, ngói đá dao gậy, cung tên… đập đánh nó, muốn cho nó chết; nếu nó chết thì Tỳ-kheo phạm Ba-dật-đề; nếu nó không chết liền… cho đến phạm Đột-kiết-la giống như đoạn văn trên.

Nếu Tỳ-kheo không dùng thọ sắc, bất thọ sắc, thọ sắc và bất thọ sắc như đã kể trên, vì muốn giết nó nên để thuốc độc vào trong miệng nó hoặc trong thức ăn uống của nó, nếu nó chết thì Tỳ-kheo phạm Ba-dật-đề; nếu nó không chết liền… cho đến phạm Đột-kiết-la giống như đoạn văn trên.

Nếu Tỳ-kheo không dùng thọ sắc… cũng không dùng thuốc độc, vì muốn giết nó nên xúc não làm cho nó buồn phiền… cho đến làm cho nó bị đọa thai hoặc xô xuống nước hay xô vào trong lửa, xô xuống hầm, hoặc đuổi ra đường muốn cho nó chết. Cho đến súc sanh còn trong thai mẹ mới thọ hai căn là thân căn và mạng căn mà khởi phương tiện làm cho nó chết, nếu nó chết thì Tỳ-kheo phạm Ba-dật-đề; nếu nó không chết liền…

cho đến phạm Đột-kiết-la giống như đoạn văn trên.

62. Giới Cố Ý Làm Cho Tỳ-kheo Khác Nghi Hối:

Phật tại thành Vương xá, lúc đó Lục quần Tỳ-kheo tranh cải với Thất thập quần Tỳ-kheo, muốn làm cho chúng Tỳ-kheo này sanh nghi hối nên nói rằng: "Các thầy không đủ hai mươi tuổi mà thọ giới cụ túc. Nếu người chưa đủ hai mươi tuổi thọ giới cụ túc thì không gọi là đắc giới cụ túc, nếu không đắc giới cụ túc thì không phải là Tỳ-kheo, không phải là Sa-môn Thích tử ", chúng Tỳ-kheo này nghe rồi ưu sầu nghi hối kêu khóc, các Tỳ-kheo hỏi rõ nguyên do". Có Tỳ-kheo thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng rồi hỏi Lục quần Tỳ-kheo: "Các thầy thật đã làm việc này phải không?" Đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo lại cố ý làm cho Tỳ-kheo khác nghi hối", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo, từ nay giới này nên nói như sau: Nếu Tỳ-kheo cố ý làm cho Tỳ-kheo khác nghi hối, khiến cho trong chốc lát tâm không an ổn, do nhân duyên này không gì khác thì phạm Ba-dật-đề.

Tướng phạm trong giới này có sáu: Một là sanh, Hai là thọ giới cụ túc, Ba là phạm, Bốn là hỏi,

Năm là vật, sáu là pháp.

Sanh là Tỳ-kheo hỏi Tỳ-kheo khác sanh vào lúc nào, đáp là sanh vào đời vua ..... có đại thần ....., hoặc vào năm được mùa sung túc hoặc vào năm thất mùa đói kém…; Tỳ-kheo nói: "Nếu thầy sanh vào lúc đó thì không đủ hai mươi tuổi, nếu không đủ hai mươi thì không đắc giới cụ túc… không phải Sa-môn Thích tử", dù Tỳ-kheo kia có nghi hối hay không Tỳ-kheo này vẫn phạm Ba-dật-đề. Lại có Tỳ-kheo hỏi Tỳ-kheo khác: "Dưới nách của thầy lúc nào mọc lông, bên miệng lúc nào mọc râu, yết hầu ở cổ lúc nào hiện", đáp là vào lúc ..... như đoạn văn trên; Tỳ-kheo nói: "Nếu mọc râu vào lúc đó thì thầy chưa được hai mươi tuổi … không phải là Sa-môn Thích tử", dù Tỳ-kheo kia có nghi hối hay không Tỳ-kheo này vẫn phạm Ba-dật-đề.

Thọ giới cụ túc là nếu Tỳ-kheo hỏi Tỳ-kheo khác: "Thầy thọ giới vào lúc nào?" Đáp là vào đời vua ..... có đại thần ..... như đoạn văn trên; Tỳ-kheo nói: "Nếu thầy thọ giới cụ túc vào lúc đó thì không đắc giới cụ túc… không phải là Sa-môn Thích tử", dù Tỳ-kheo kia có nghi hối hay không Tỳ-kheo này vẫn phạm Ba-dật-đề. Lại có Tỳ-kheo hỏi Tỳ-kheo khác: "Ai làm hòa thương truyền trao giới cụ túc cho thầy, ai làm A-xà-lê, ai làm giáo thọ sư?" Đáp: "Vị ..... làm hòa thượng, vị

..... làm A-xà-lê, vị ..... làm giáo thọ sư"; Tỳ-kheo nói: "Nếu như thế thì thầy không đắc giới

cụ túc… không phải là Sa-môn Thích tử", dù Tỳ-kheo kia có nghi hối hay không Tỳ-kheo này vẫn phạm Ba-dật-đề. Lại có Tỳ-kheo hỏi Tỳ-kheo khác: "Thầy ở trong thập sư thọ giới cụ túc hay là ở trong ngũ sư?", đáp là ở trong thập sư, đó là .....; Tỳ-kheo nói: "Nếu ở trong thập sư như thế thì thầy không đắc giới cụ túc… không phải Sa-môn Thích tử", dù Tỳ-kheo kia có nghi hối hay không Tỳ-kheo này vẫn phạm Ba-dật-đề. Lại có Tỳ-kheo hỏi Tỳ-kheo khác: "Thầy ở trong giới thọ cụ túc hay ở ngoài giới?" Đáp là ở trong giới ..... Tỳ-kheo nói: "Nếu ở trong giới này thọ giới thì thầy không đắc giới cụ túc… không phải Sa-môn Thích tử", dù Tỳ-kheo kia có nghi hối hay không Tỳ-kheo này vẫn phạm Ba-dật-đề.

Phạm là nếu Tỳ-kheo nói với Tỳ-kheo khác rằng: "Thầy phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa, Ba-dật-đề, Ba-la-đề-đề-xá-ni, Đột-kiết-la. Nếu Tỳ-kheo phạm Tăng-già-bà-thi-sa… thì người này không phải là Tỳ-kheo, không phải là Sa-môn Thích tử", dù Tỳ-kheo kia có nghi hối hay không Tỳ-kheo này vẫn phạm Ba-dật-đề.

Hỏi là nếu Tỳ-kheo hỏi Tỳ-kheo khác: "Thầy vào trong tụ lạc

....., đi đường ..... đến nhà của ..... ngồi ở chỗ ..... nói chuyện cùng với người nữ tên ....., đến chùa ni ..... ngồi nói chuyện với Tỳ-kheo-ni tên ..... phải không?" Đáp là có, liền nói: "Nếu

thầy vào tụ lạc đó… ngồi nói chuyện với Tỳ-kheo-ni đó thì thầy không phải là Tỳ-kheo, không phải Sa-môn Thích tử", dù Tỳ-kheo kia có nghi hối hay không Tỳ-kheo này vẫn phạm Ba-dật-đề.

Vật là nếu Tỳ-kheo hỏi Tỳ-kheo khác: "Thầy đồng tâm với ai dùng bát, y… cho đến bốn loại dược?" Đáp là đồng tâm với Tỳ-kheo tên....., liền nói: "Nếu thầy đồng tâm với Tỳ-kheo đó thì thầy không phải là Tỳ-kheo, không phải Sa-môn Thích tử", dù Tỳ-kheo kia có nghi hối hay không Tỳ-kheo này vẫn phạm Ba-dật-đề.

Pháp là nếu Tỳ-kheo nói với Tỳ-kheo khác rằng: "Chớ chứa nhiều y, chớ thường thường ăn, chớ ăn riêng chúng…", đáp: "Tôi có thọ y Ca-hi-na", liền nói: "Nếu thầy chứa nhiều y , thường thường ăn… thì thầy không phải là Tỳ-kheo, không phải Sa-môn Thích tử", dù Tỳ-kheo kia có nghi hối hay không Tỳ-kheo này vẫn phạm Ba-dật-đề.

Nếu Tỳ-kheo dùng sáu cách trên khiến cho Tỳ-kheo khác nghi hối thì phạm Ba-dật-đề , ngoài sáu cách trên dùng cách khác làm cho Tỳ-kheo khác nghi hối thì phạm Đột-kiết-la hoặc dùng sáu cách trên nhưng với nhân duyên khác làm cho Tỳ-kheo khác nghi hối cũng phạm Đột-kiết-la.

63. Giới Dùng Tay Chọc Lét :

Phật tại thành Vương xá, lúc đó có một trẻ con

bạch y vua đùa với Thập thất quần Tỳ-kheo, chúng Tỳ-kheo này vì muốn chọc cho nó cười nên dùng tay chọc lét nó, đứa bé này do cười nhiều quá nên đứt hơi mà chết. Thập thất quần Tỳ-kheo sanh nghi không biết mình có phạm Ba-la-di hay không, đem việc này bạch Phật, Phật hỏi: "Các thầy dùng tâm gì mà làm việc đó?" Đáp: "Chúng con muốn chọc cho nó cười nên làm việc đó", Phật nói: "Nếu như vậy thì không phạm sát", Phật bảo các Tỳ-kheo: Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo dùng tay chọc lét người khác thì phạm Ba-dật-đề.

Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo dùng một ngón tay chọc lét người khác thì phạm một tội Ba-dật-đề, dùng hai ngón tay cho đến mười ngón tay thì phạm mười tội Ba-dật-đề; nếu dùng cây, gậy… chọc lét người khác thì phạm Đột-kiết-la.

64. Giới Đùa Giỡn Trong Nước:

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó Thập thất quần Tỳ-kheo rũ nhau đến sông A-chỉ-la tắm, trong Thập thất quần có một Tỳ-kheo đã được thiền định vốn không muốn đi, nhưng vì muốn hộ mười sáu Tỳ-kheo kia nên đi cùng. Chúng Tỳ-kheo này đến nơi cởi bỏ y phục vào trong sông tắm, làm đủ cách chơi giỡn như vỗ nước ra tiếng hoặc lặn hụp dưới nước

hoặc bơi lội như cá chuyển mình… Cách đó không xa vua Ba-tư-nặc đang cùng phu nhân Mạt-lợi ở trên lầu gác vui hưởng năm dục lạc, có cung nữ ca múa hát để tự vui. Vua từ xa nhìn thấy các Tỳ-kheo đủ cách chơi đùa giỡn trong sông như thế liền nói với phu nhân: "Đó là những người mà nàng tôn trọng, sao lại đủ cách chơi đùa giỡn thô tháo ở trong nước như thế", phu nhân nói: "Vì sao vua lại nói như thế, họ chỉ là những người còn trẻ tuổi; vua hãy nên ngưỡng vọng những vị như Ma-ha Ca-diếp, Xá-lợi-phất, Đại Mục-kiền-liên, A-na-luật…". Lúc đó Tỳ-kheo đã được thiền định không tắm mà ngồi thiền gần đó, nghe được những lời này của vua và phu nhân nên bảo các Tỳ-kheo: "Các thầy tắm như thế đủ rồi, hãy lên bờ mặc lại y phục, tất cả cầm bình đựng đầy nước để trước mặt rồi ngồi kiết già", tất cả đều lên bờ và làm theo như lời dạy, Tỳ-kheo được thiền định liền dùng sức thần thông làm cho các bình nước bay trong hư không, các Tỳ-kheo ngồi kiết già bay theo sau các bình nước. Phu nhân Mạt-lợi nhìn thấy cảnh này liền nói với vua: "Vua xem đây là những người mà thiếp tôn trọng, tuy họ có hành động mà vua thấy như thế nhưng lại có sức thần thông định lực mà vua không thấy được". Sau đó phu nhân sai sứ đến bạch Phật: "Nhà vua thường nêu ra những lỗi lầm của các Tỳ-kheo, do các Tỳ-kheo đã chơi đùa giỡn trong nước, cúi xin Thế tôn bảo các Tỳ-kheo chớ

tắm trong sông này nữa". Phật do việc này nhóm Tỳ-kheo tăng hỏi Thập thất quần Tỳ-kheo: "Các thầy thật đã làm việc này phải không?" Đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo lại đủ cách chơi đùa giỡn trong nước như thế", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo đùa giỡn trong nước thì phạm Ba-dật-đề.

Tướng phạm trong giới này có tám cách: Một là làm cho mình vui, Hai là làm cho mình sướng thích, Ba là làm cho mình cười, Bốn là làm trò chơi giỡn, Năm là vỗ đập nước, sáu là khiến cho người khác vui, bảy là khiến cho người khác sướng thích, tám là khiến cho người khác cười. Nếu Tỳ-kheo muốn làm cho mình vui dùng tay vỗ đập nước thì phạm Ba-dật-đề; hoặc ở trong nước lặn hụp, bơi lội qua lại như ca xoay chuyển… đều phạm Ba-dật-đề; cho đến dùng tay vẻ nước trên bàn cũng phạm Đột-kiết-la. Không phạm là nếu học bơi hoặc bơi thẳng qua thì không phạm.

65. Giới Cùng Người Nữ Ngủ Chung Nhà:

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó Trưởng lão A-na-luật từ nước Kiều-tát-la du hành đến nước Xá-vệ, đi đến một tụ lạc không có tăng phường muốn nghỉ qua đêm. A-na-luật vốn là vương tử, tánh chất cao

quý không thích hỏi những việc nhỏ nhặt, lại không biết người nào nên hỏi, người nào không nên hỏi. Lúc đó Trưởng lão thấy những người trẻ tuổi trong tụ lạc liền đến hỏi rằng: "Trong tụ lạc này ai có thể cho người xuất gia ngủ qua đêm", trong tụ lạc này có một dâm nữ, những người trẻ tuổi này muốn trêu đùa-Tỳ-kheo nên chỉ đến nhà dâm nữ đó. A-na-luật tình thật không biết nên đến nhà dâm nữ đó gõ cửa, dâm nữ ra mở cửa thấy Tỳ-kheo đoan chánh có oai nghi, dung mạo dễ mến nên tâm dâm phát khởi liền hỏi: "Thầy cần điều gì", đáp là muốn ngủ nhờ một đêm, dâm nữ bằng lòng mời vào nhà , sau khi thăm hỏi nhau xong dâm nữ bảo người nhà sửa soạn các món ăn ngon cúng dường rồi trải chăn nệm gối tốt đẹp trên chiếc giường lớn cho Tỳ-kheo bên canh giường của mình. Đến đêm dâm nữ muốn cùng Tỳ-kheo làm việc bất tịnh nói rằng: "Tôi xoa chân cho thầy", liền đáp: "Tôi là người đoạn dục, xin chớ nói đến việc này", dâm nữ suy nghĩ: "Người này ắt có dục, chỉ là vì mới đến mỏi mệt, ta nên đợi đến giữa đêm", đến giữa đêm dâm nữ yêu cầu lần nữa, cũng đáp như trước, đến cuối đêm dâm nữ lại yêu cầu vẫn đáp như trước, đến sáng dâm nữ nói: "Quốc vương đại thần mang đến một trăm cho đến năm trăm kim tiền tôi còn không chịu nhận lời, đếm hôm tôi đã yêu cầu Ba-lần mà thầy vẫn không chịu, thầy đối với pháp nên được của-Tỳ-kheo ắt sẽ chứng đắc

được. Nếu thầy không muốn như thế thì xin vì thương xót tôi mà thọ tôi thí thực", A-na-luật suy nghĩ: "Ta đi đường xa cần phải ăn", nghĩ rồi liền yên lặng nhận lời. Dâm nữ sửa soạn đầy đủ thức ăn ngon tự tay dâng cúng Tỳ-kheo , đợi Tỳ-kheo thọ thực xong liền lấy ghế nhỏ ngồi phía trước nghe thuyết pháp. Lúc đó A-na-luật quán tâm và cơ duyên của dâm nữ mà nói pháp, khiến cho dâm nữ ngay nơi chỗ ngồi xa lìa trần cấu chứng được pháp nhãn tịnh. Dâm nữ nghe pháp biết pháp và nhập pháp, không còn nghi hối, ở trong Phật pháp được tâm tự tại vô sở úy, liền từ chỗ ngồi đứng dậy đảnh lễ A-na-luật bạch rằng: "Con từ ngày nay xin quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, trọn đời làm Ưu-bà-di", A-na-luật lại vì nói diệu pháp cho được lợi hỉ rồi đi. Dâm nữ tiễn đưa A-na-luật đi rồi từ đó trở đi, dâm nữ thường cung cấp cho Sa-môn Thích tử y phục và thức ăn uống. A-na-luật dần dần đến nước Xá-vệ, cất y bát rồi đến chỗ Phật, đảnh lễ Phật rồi ngồi một bên, pháp thường của Phật là khi có khách Tỳ-kheo đến đều hỏi thăm có nhẫn đủ không, khất thực có dễ không, đi đường có nhọc mệt không. A-na-luật đều đáp là nhẫn đủ, khất thực không khó, đi đường không nhọc mệt, rồi đem việc trên bạch Phật, Phật do việc này nhóm Tỳ-kheo tăng rồi bảo các Tỳ-kheo: "A-na-luật dù đã lìa dục chứng được quả A-la-hán, cũng không nên cùng người nữ ngủ chung một nhà. Như sở dục của

người nấu ăn, người nữ đối với người nam cũng vậy", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo cùng người nữ ngủ chung một nhà thì phạm Ba-dật-đề.

Người nữ là bao gồm nữ loài người, nữ phi nhơn, nữ súc sanh.

Người nữ dù ngồi hay nằm đều gọi là ngủ; voi dù dựa hay đứng cũng gọi là ngủ; lạc đà, trâu, dê dù nằm hay đứng cũng gọi là ngủ; chim, ngỗng, nhạn, khổng tước… dù đứng một chân hay gục đầu cũng gọi là ngủ. Nhà có bốn loại như đã giải trong giới trên.

Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo ở trong bốn loại nhà kể trên mà cùng người nữ ngủ qua đêm thì phạm Ba-dật-đề , nếu đứng dậy rồi trở lại nằm tùy nằm lại bao nhiêu phạm Ba-dật-đề bấy nhiêu. Không phạm là suốt đêm ngồi không nằm, cho đến trong nhà đó có người nữ ngủ hoặc có lỗ hổng mà mèo chui qua lọt, Tỳ-kheo ngủ qua đêm trong đây thì phạm Ba-dật-đề.

66. Giới Khủng Bố Tỳ-kheo Khác:

Phật tại nước Duy-na-ly, lúc đó Phật cùng thị giả là Tỳ-kheo Tượng thủ đang ở trong núi Ma-câu-la, pháp thị giả của Phật là Phật chưa vào phòng thì thị giả không được vào trước. Lúc đó vào

đầu đêm Phật kinh hành nơi đất trống, trời đang mưa nhỏ, Thích đề hoàn nhơn suy nghĩ: "Phật đang kinh hành nơi đất trông gặp trời mưa nhỏ, ta sao không biến hóa một cái hang lưu ly để Phật kinh hành trong đó", nghĩ rồi liền biến hóa một cái hang để Phật kinh hành trong đó, vua trời Đế thích đi theo sau. Phật kinh hành lâu, thị giả Tượng thủ bị gió mưa bức não nên suy nghĩ: "Ta nên dùng phương tiện gì để thúc Phật trở vào phòng thì ta mới được vào". Thời đó nhân dân sống tại núi Ma câu la khi trẻ con khóc thì đem dạ xoa Bà câu la ra hù nhát cho nó nín khóc, thị giả tượng thủ liền đứng ở đầu đường chỗ Phật kinh hành, dùng hai tay bịt hai lỗ tai lại rồi la lớn: "Dạ xoa Bà-câu-la đến", Thích đề hoàn nhơn nghe rồi liền bạch Phật: "Thế tôn, tại sao trong Phật pháp lại có người ngu si này", Phật nói: "Kiều thi ca, nhà ta rộng lớn, người này hiện đời sẽ được lậu tận, việc làm đã xong, không còn thọ thân sau nữa", Phật chỉ dạy cho vua trời Đế thích được lợi hỉ rồi yên lặng, Thích đề hoàn nhơn sau khi được pháp hỉ liền đảnh lễ Phật, hữu nhiễu rồi đi. Không bao lâu sau, Phật trở vào phòng mình nghỉ, sáng hôm sau do nhân duyên này nhóm Tỳ-kheo tăng quở trách thị giả Tượng thủ: "Thầy là người ngu si, tại sao lại khủng bố Như lai, Phật Thế tôn. Phật là người đã được vô bố úy, tóc lông không dựng đứng", liền nói kệ:

"Phật ở trong pháp mình,

Trí thông đạt vô ngại,
Lại còn có người đem,
Dạ xoa Bà câu nhát.
Phật ở trong pháp mình,
Trí thông đạt vô ngại,
Nên đã vượt qua khỏi,
Khổ sanh lão bịnh tử.
Phật ở trong pháp mình,
Trí thông đạt vô ngại,
Nên đã diệt trừ hết,
Các kiết sử phiền não".

Phật quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo tự khủng bố Tỳ-kheo khác hoặc bảo người khủng bố, cho đến đùa giỡn cũng phạm Ba-dật-đề.

Tướng phạm trong giới này có sáu cách là sắc, thanh, hương, vị và xúc. Sắc là nếu Tỳ-kheo làm sắc tướng đáng sợ của voi, ngựa, trâu, dê… để khủng bố Tỳ-kheo khác, dù Tỳ-kheo kia có sợ hay không, đều phạm Ba-dật-đề. Thanh là nếu Tỳ-kheo làm các tiếng đáng sợ của voi, ngựa, trâu, dê… để khủng bố Tỳ-kheo khác, dù Tỳ-kheo kia có sợ hay không, đều phạm Ba-dật-đề. Hương là nếu Tỳ-kheo làm ra các mùi thơm hay thối để khủng bố Tỳ-kheo khác, dù Tỳ-kheo kia có sợ hay không, đều phạm Ba-dật-đề. Vị là nếu Tỳ-kheo hỏi Tỳ-

kheo khác: "Ngày nay ăn gì với cơm?" Đáp là ăn với lạc tô… , liền nói: "Nếu ăn lạc tô… với cơm thì người này sẽ mắc bịnh hủi", dù Tỳ-kheo kia có sợ hãi hay không, đều phạm Ba-dật-đề. Lại có Tỳ-kheo hỏi Tỳ-kheo khác: "Ngày nay ăn gì với cơm?" Đáp là ăn tô và thịt heo với cơm, liền nói: "Nếu ăn tô và thịt heo với cơm thì người này sẽ mắc bịnh hủi", dù Tỳ-kheo kia có sợ hãi hay không, đều phạm Ba-dật-đề. Xúc là nếu Tỳ-kheo làm cho thân mình cứng, thô hoặc mềm trơn hay rít… rồi chạm vào Tỳ-kheo khác, dù có khiến Tỳ-kheo kia sợ hãi hay không, đều phạm Ba-dật-đề. Pháp là nếu Tỳ-kheo nói với Tỳ-kheo khác: "Thầy chớ đại tiểu tiện trên cỏ tươi, sẽ đọa vào địa ngục, ngạ quỷ súc sanh", đáp: "Tôi tự biết pháp này", Tỳ-kheo nói: "Nếu Tỳ-kheo đại tiểu tiện trên cỏ tươi thì đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh", dù có khiến Tỳ-kheo kia sợ hãi hay không, đều phạm Ba-dật-đề.

Nếu Tỳ-kheo dùng sáu cách trên để khủng bố Tỳ-kheo khác thì phạm Ba-dật-đề, trừ sáu cách trên dùng các cách khác để khủng bố Tỳ-kheo khác thì phạm Đột-kiết-la; nếu dùng sáu cách trên với nhân duyên khác để khủng bố người khác thì phạm Đột-kiết-la.

67. Giới Giấu Y Bát Của-Tỳ-kheo Khác:

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó có cư sĩ thỉnh Phật và Tăng ngày mai thọ thực, Phật im lặng nhận lời,

cư sĩ biết Phật đã nhận lời liền đảnh lễ Phật hữu nhiễu rồi ra về. Suốt đêm đó sửa soạn đầy đủ các món ăn ngon để cúng dường, lúc đó các Tỳ-kheo đang đứng nơi chỗ đất trống chờ sứ đến thỉnh, trước đó Lục quần Tỳ-kheo đã cùng với Thập thất quần Tỳ-kheo tranh cải nên lấy y bát của Thập thất quần Tỳ-kheo đem giấu nơi khác, khiến cho chúng Tỳ-kheo này tìm mãi không được. Pháp của Thập thất quần Tỳ-kheo là hễ có việc gì đều nói với nhau, lúc đó người bị mất y bát này nói với người kia: "Tôi bị mất y bát, hãy tìm giúp tôi". Đến giữa ngọ, cư sĩ sai sứ đến báo giờ ăn đã đến, các Tỳ-kheo đều đi đến nhà cư sĩ, Phật bảo người nhận lấy phần thức ăn của mình. Cư sĩ thấy Tăng đã ngồi vào chỗ ngồi rồi tự tay dâng nước và thức ăn khiến cho tất cả đều được no đủ, sau khi Tăng thọ thực xong liền lấy chiếc ghế nhỏ ngồi trước Thượng tòa để nghe thuyết pháp. Lúc đó thập thất quần Tỳ-kheo tìm ra được y bát mới đi đến nhà cư sĩ, chư tăng vừa ra khỏi nhà cư sĩ nhìn thấy liền hỏi cớ sao đến trễ, đáp: "Lục quần Tỳ-kheo giấu y bát của chúng tôi, tìm mãi mới được nên đến trễ". Có Tỳ-kheo thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng rồi hỏi Lục quần Tỳ-kheo: "Các thầy thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-

kheo lại giấu y bát của-Tỳ-kheo khác khiến họ suýt bị đoạn thực", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo giấu y bát của-Tỳ-kheo khác, cho đến giấu những vật cần dùng tùy pháp như cái khóa cửa, ống kim, giày dép… , tự giấu hay bảo người giấu cho đến đùa giỡn đều phạm Ba-dật-đề.

Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo giấu y bát của-Tỳ-kheo khác, nếu tìm không được thì Tỳ-kheo này phạm Ba-dật-đề; nếu tìm được thì phạm Đột-kiết-la. Giấu cái khóa cửa, ống kim… nếu tìm không được thì Tỳ-kheo này phạm Ba-dật-đề, tìm được thì phạm Đột-kiết-la. Nếu chỉ giấu ống kim, tìm không được thì phạm Đột-kiết-la, tìm được cũng phạm Đột-kiết-la.

68. Giới Đoạt Y Của Người Khác Mặc:

Phật tại thành Vương xá, Lục quần Tỳ-kheo tánh vốn lười biếng, không thích tự giặt nhuộm cắt may y, nếu có vải cần giặt nhuộm cắt may liền đem đưa cho Tỳ-kheo hoặc Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-na, Sa di, Sa-di-ni. Những người này tưởng là của mình nên đem giặt nhuộm cắt may thành y, khi Lục quần Tỳ-kheo biết may đã được may xong liền đến đòi lại nói rằng: "Y này vì sao đã lâu không trả lại cho tôi", vị kia không trả lại, liền cưỡng đoạt lấy đem về. Lúc đó các Tỳ-kheo không thấy Lục quần

Tỳ-kheo giặt nhuộm cắt may y mà lại thấy họ đắp y mới, liền hỏi rõ nguyên do, Lục quần Tỳ-kheo đem việc trên kể lại rồi nói: "Do nhân duyên này các thầy thấy tôi không giặt nhuộm cắt may mà lại có y mới để đắp". Có Tỳ-kheo thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng rồi hỏi Lục quần Tỳ-kheo: "Các thầy thật đã làm việc này phải không?" Đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo lại cưỡng đoạt y của người khác lấy đắp", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo đem y cho Tỳ-kheo hoặc Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-na, Sa di, Sa-di-ni; thời gian sau đến đòi, vị kia không trả lại liền cưỡng đoạt lấy mặc thì phạm Ba-dật-đề.

Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo đem y cho Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-na, Sa di, Sa-di-ni; sau đến đòi, vị kia không trả lại liền cưỡng đoạt lấy mặc thì phạm Ba-dật-đề.

Lúc đó các Tỳ-kheo không biết y dư phải cất chứa như thế nào liền bạch Phật, Phật nói: "Nên làm tịnh cất chứa". Có Tỳ-kheo hiện tiền làm tịnh, đưa y cho người khác rồi, người đó không trả lại liền sanh đấu tranh, đem việc này bạch Phật, Phật nói: "Không nên hiện tiền làm tịnh". Lại có Tỳ-

kheo đưa y cho hai, ba người làm tịnh nói là cho vị đó, vị đó lộn xộn không đúng pháp làm tịnh nên đem việc này bạch Phật, Phật nói: "Không nên đưa cho hai, ba người làm tịnh, chỉ nên chọn lựa một người tốt, nói rằng: y của tôi cho một người tên....., từ ngày đó trở đi Tỳ-kheo có y dư được dùng tùy ý, không cần cho người khác; hoặc thí cho người hoặc làm tịnh hoặc thọ trì".

Lại có Tỳ-kheo có y dư nên làm tịnh cho người liền đem đưa cho một trong số Lục quần Tỳ-kheo, vị này thọ y rồi không chịu trả lại, Tỳ-kheo này vì không tìm được Tỳ-kheo đồng tâm nên phiền não.

Lúc đó vào tháng cuối của mùa hạ, Phật du hành các nước, các Tỳ-kheo đều đắp y mới, chỉ có một Tỳ-kheo đắp y cũ rách, Phật liền hỏi rõ nguyên do, đáp: "Thế tôn, con có y dư nên làm tịnh liền đưa cho một vị trong Lục quần Tỳ-kheo, vị này thọ rồi không chịu trả lại, con phiền não vì không tìm được Tỳ-kheo đồng tâm", Phật nói: "Đây không phải là chân thật thí, vì nhân duyên làm tịnh nên đưa lại. Tỳ-kheo này nên đòi lại, nếu đòi lại được thì tốt, nếu không được thì cưỡng đoạt lấy lại rồi bảo người kia sám tội Đột-kiết-la. Từ ngày đó trở đi Tỳ-kheo có y dư được dùng tùy ý , không cần cho người khác; hoặc làm tịnh hoặc thọ trì hoặc thí cho người".

69. Giới Đem Tội Tàn Vô Căn Vu Báng:

Phật tại nước Duy-na-ly, lúc đó Tỳ-kheo Di-đa-la-phù-ma suy nghĩ: "Ta đem pháp Ba-la-di không căn cứ vu báng Tỳ-kheo Đà-phiêu lực sĩ tử không thành; lại đem chút pháp Ba-la-di vu báng cũng không thành. Nay ta nên đem pháp Tăng-già-bà-thi-sa vu báng Tỳ-kheo ấy", nghĩ rồi liền đem pháp Tăng-già-bà-thi-sa vu báng Tỳ-kheo Đà-phiêu. Có Tỳ-kheo thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng rồi hỏi Tỳ-kheo Di-đa-la-phù-ma: "Thầy thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo lại đem pháp Tăng-già-bà-thi-sa vu báng Tỳ-kheo thanh tịnh phạm hạnh", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo đem pháp Tăng-già-bà-thi-sa không căn cứ vu báng Tỳ-kheo khác thì phạm Ba-dật-đề.

Không căn cứ là không thấy, không nghe, không nghi. Tăng-già-bà-thi-sa là ở trong pháp Tăng-già-bà-thi-sa tùy ý nói ra. Vu báng là điều mà người kia không làm lại gán tội cho, nói là có làm.

Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo đem pháp Tăng-già-bà-thi-sa không căn cứ vu

báng Tỳ-kheo không thanh tịnh thì có mười một tướng phạm và năm tướng không phạm. Mười một tướng phạm là không thấy, không nghe, không nghi; thấy mà quên, nghe mà quên, nghi mà quên; nghe rồi tin, nghe rồi không tin, nghe mà nghi; nghi mà nói là tôi thấy, nghi mà nói là tôi nghe. Năm tướng không phạm là thấy, nghe, nghi, thấy rồi không quên, nghe rồi không quên. Đối với Tỳ-kheo tợ thanh tịnh cũng giống như đối với Tỳ-kheo không thanh tịnh.

Nếu Tỳ-kheo đem pháp Tăng-già-bà-thi-sa không căn cứ vu báng Tỳ-kheo thanh tịnh thì có mười tướng phạm và bốn tướng không phạm. Mười tướng phạm là không thấy, không nghe, không nghi; nghe mà quên, nghi mà quên; nghe rồi tin, nghe rồi không tin, nghe rồi nghi; nghi mà nói là tôi thấy, nghi mà nói là tôi nghe. Bốn tướng không phạm là nghe, nghi, nghe rồi không quên, nghi mà không quên. Đối với Tỳ-kheo tợ không thanh tịnh cũng giống như đối với Tỳ-kheo thanh tịnh.

70. Giới Hẹn Với Người Nữ Đi Chung Đường:

Phật tại nước Duy-na-ly, cách thành Duy-na-ly không xa có tụ lạc của thợ dệt, trong tụ lạc đó có vợ của một người thợ dệt vì việc nhỏ không nghe theo chồng nên bị người chồng đánh đuổi ra khỏi

nhà, người nữ này lúc đó đang muốn trở về nhà cha mẹ ruột của mình ở trong thành Duy-na-ly. Lúc đó có Tỳ-kheo Ca-lưu-la-đề-xá từ nước Bạt-kỳ du hành đến nước Duy-na-ly, người nữ này gặp Tỳ-kheo đang đi liền hỏi đi đâu, đáp là đi đến Duy-na-ly, liền nói: "Hãy cho tôi đi cùng", Tỳ-kheo liền cho đi cùng, trên đường đi cả hai dùng tâm nhiễm nhìn nhau, cười nói lớn tiếng làm đủ các việc bất tịnh. Lúc đó người chồng thợ dệt suy nghĩ: "Chắc là vợ ta sẽ bỏ đi", nghĩ rồi liền trở về nhà tìm vợ không thấy. Pháp của thợ dệt là hễ có việc gì thì cùng giúp nhau, người chồng thợ dệt nói với các thợ dệt: "Vợ tôi đã bỏ đi rồi", các thợ dệt liền cùng bủa ra đi tìm giúp, người chồng thợ dệt suy nghĩ: "Vợ ta chắc là trở về nhà cha mẹ ở Duy-na-ly", nghĩ rồi liền tự mình đi đến thành Duy-na-ly, giữa đường bắt gặp vợ mình đang đi chung với Tỳ-kheo liền chạy đến nắm lấy Tỳ-kheo cột trói lại nói rằng: "Pháp của-Tỳ-kheo là dẫn vợ của người khác đi phải không?" Đáp: "Tôi không có dẫn đi, tôi đang trên đường đi đến Duy-na-ly, người nữ này muốn đi cùng", người chồng nói: "Vì sao lại không chịu nhận tội", nói rồi liền dùng tay chân đánh đá Tỳ-kheo. Người nữ này thấy người chồng đánh Tỳ-kheo liền nói: "Vì sao lại đánh người ta, Tỳ-kheo này không dẫn tôi đi mà tự tôi đi về Duy-na-ly", người chồng nghe rồi liền nói: "Tiểu tỳ, ngươi ắt đã cùng nó làm việc bất tịnh", nói rồi lại dùng tay

chân đánh đá Tỳ-kheo nữa rồi mới thả cho đi. Tỳ-kheo này đi đến Duy-na-ly đem việc trên kể cho các Tỳ-kheo nghe, các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật do việc này nhóm Tỳ-kheo tăng rồi bảo các Tỳ-kheo: "Tội như thế và các tội lỗi khác đều do cùng người nữ hẹn đi chung đường. Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo hẹn với người nữ đi chung đường cho đến một tụ lạc thì phạm Ba-dật-đề.

Người nữ là người còn sống có thể hành dâm được. Hẹn có hai: Tỳ-kheo hẹn hoặc người nữ hẹn. Đường có hai: Đường bộ và đường thủy.

Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo ước hẹn với người nữ cùng đi chung đường bộ từ tụ lạc này đến tụ lạc khác thì phạm Ba-dật-đề. Nếu không có tụ lạc, đi ở ngoài đồng trống cho đến một Câu-lô-xá cũng phạm Ba-dật-đề; nếu giữa đường quay trở về thì phạm Đột-kiết-la; đi đường thủy cũng giống như thế. Không phạm là Tỳ-kheo không cùng ước hẹn hoặc có phu nhân của quốc vương đi chung.

71. Giới Hẹn Với Giặc Đi Chung Đường:

Phật tại Duy-na-ly, lúc đó có các Tỳ-kheo từ nước Bạt kỳ du hành đến nước Duy-na-ly, đường đi có nhiều cỏ cây rậm rạp nên các Tỳ-kheo bị lạc đường, đi vào rừng Tát-la. Trong rừng có bọn giặc

cướp tụ tập thấy Tỳ-kheo liền hỏi muốn đi đâu, đáp là đến Duy-na-ly, giặc nói: "Đường này không đi đến Duy-na-ly", đáp: "Chúng tôi cũng biết không phải vì chúng tôi bị lạc đường", nói rồi liền hỏi: "Các vị định đi đâu", đáp là đến Duy-na-ly, các Tỳ-kheo nói: "Cho chúng tôi đi chúng với các vị", liền hỏi: "Các thầy không biết chúng tôi là giặc cướp hay sao, có lúc chúng tôi đi theo đường, có lúc không đi theo đường, có lúc qua sông, có lúc không qua sông, có lúc từ cửa vào, có lúc không từ cửa vào. Nếu các thầy cùng đi chung có thể sẽ bị suy não ", các Tỳ-kheo nói: "Chúng tôi bị lạc đường, dù có gặp chuyện gì hay không cũng phải cùng đi chung", bọn giặc bằng lòng cho cùng đi chung. Các Tỳ-kheo khi không qua được sông Hằng liền bị lính tuần tra bắt giữ, họ hỏi Tỳ-kheo: "Các thầy cũng là giặc cướp hay sao?" Đáp: "Chúng tôi không phải là giặc cướp, vì bị lạc đường nên phải đi chung", lính tuần tra xem xét thấy không có tài vật gì khác nên nói: "Các thầy hãy thú tội ngay, nếu không sẽ dẫn lên quan trị tội", nói rồi liền dẫn lên quan, quan cũng hỏi đáp như trên, vị quan xử đoán là người tin Phật nên nói: "Sa-môn Thích tử không làm việc xấu, ắt là vì bị lạc đường nên mới đi chung", nói rồi liền thả cho đi và nói rằng: "Các thầy đi đi, từ nay chớ có cùng với người xấu ác đi chung đường". Các Tỳ-kheo này đến Duy-na-ly đem việc trên kể cho các Tỳ-kheo nghe, các Tỳ-

kheo đem việc này bạch Phật, Phật do việc này nhóm Tỳ-kheo tăng rồi bảo các Tỳ-kheo: "Tội như thế và tội năng hơn nữa đều do đi chung với giặc cướp mà ra. Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo hẹn cùng với giặc cướp đi chung đường cho đến một tụ lạc thì phạm Ba-dật-đề.

Giặc cướp là kẻ trộm voi ngựa trâu dê cho đến trong tụ lạc nhỏ cướp đoạt vật của người khác. Hẹn là Tỳ-kheo hẹn hay giặc cướp hẹn. Đường có đường bộ và đường thủy.

Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo hẹn với giặc cùng đi chung đường bộ tự tụ lạc này đến tụ lạc khác thì phạm Ba-dật-đề; nếu giữa đường quay trở về thì phạm Đột-kiết-la. Nếu không có tụ lạc, đi ở ngoài đồng trống cho đến một Câu-lô-xá thì phạm Ba-dật-đề; giữa đường quay trở về thì phạm Đột-kiết-la; đi chung đường thủy cũng giống như vậy. Không phạm là Tỳ-kheo không hẹn đi chung, nếu qua chỗ hiểm nạn nhờ giặc đưa qua thì không phạm.

72. Giới Cho Người Chưa Đủ Hai Mươi Tuổi Thọ Cụ Giới:

Phật tại thành Vương xá, lúc đó Thập thất quần Tỳ-kheo ở trong thành Vương xá là con nhà giàu có, chưa đủ hai mươi tuổi, Trưởng lão Đại Mục-kiền-liên độ cho xuất gia và cho thọ giới cụ túc.

Những vị này qua ngọ bị đói thúc bách nên cất tiếng kêu la trong Tăng phường khiến Phật nghe thấy liền hỏi A-nan nguyên do, A-nan đem việc trên bạch Phật, Phật do việc này nhóm Tỳ-kheo tăng rồi hỏi Đại Mục-kiền-liên: "Thầy thật đã làm việc này phải không?" Đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật đủ lời quở trách Mục-liên: "Thầy không biết thời, không biết lượng, tự tiện cho người thọ giới cụ túc. Tại sao người chưa đủ hai mươi tuổi lại cho thọ giới cụ túc, vì sao, vì người chưa đủ hai mươi thì không thể nhẫn chịu được đói khát, lạnh nóng, muỗi mòng, gió mưa cho đến lời ác khẩu của kẻ khác. Nếu bị khổ thúc bách, bị đoạt mạng hay bịnh nặng đều không thể nhẫn chịu được vì người chưa đủ hai mươi tuổi chưa có trưởng thành. Ngược lại người đã đủ hai mươi tuổi có thể chịu đựng được đói khát… cho đến bịnh nặng đều nhẫn chịu được vì đã trưởng thành", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo cho người chưa đủ hai mươi tuổi thọ giới cụ túc thì phạm Ba-dật-đề. Người này không đắc giới cụ túc và các Tỳ-kheo cũng bị quở trách. Việc này nên hành theo như thế.

Tướng phạm trong giới này là nếu người chưa đủ hai mươi tuổi, tự nghi là không đủ, khi ở trong Tăng hỏi có đủ hai mươi tuổi không, đáp là không đủ mà Tăng cho thọ giới cụ túc thì người này

không đắc giới, các Tỳ-kheo mắc tội, người cọng sự ở chung cũng mắc tội. Lại có người chưa đủ hai mươi tuổi, tự nghĩ là không đủ, khi ở trong Tăng hỏi có đủ hai mươi tuổi không, đáp là đủ; nếu Tăng cho thọ giới cụ túc thì người này đắc giới, người cọng sự ở chung không phạm nhưng các Tỳ-kheo mắc tội. Lại có người chưa đủ hai mươi tuổi, tự nghĩ là không đủ, khi ở trong Tăng hỏi có đủ hai mươi tuổi không, đáp là không biết không nhớ, nghi. Nếu Tăng không thẩm xét kỹ mà liền cho thọ giới cụ túc, người này đắc giới, người cọng sự ở chung không phạm nhưng các Tỳ-kheo mắc tội.

Lại có người chưa đủ hai mươi tuổi, quên không biết có đủ hay không, khi ở trong Tăng hỏi có đủ hai mươi tuổi không, đáp là không đủ. Nếu Tăng cho thọ giới cụ túc thì người nay không đắc giới, các Tỳ-kheo mắc tội, người cọng sự ở chung cũng mắc tội. Lại có người không đủ hai mươi tuổi, quên không biết có đủ hay không, khi ở trong Tăng hỏi có đủ hai mươi tuổi không, đáp là đủ; nếu Tăng cho thọ giới cụ túc, người này đắc giới, người cọng sự ở chung không phạm nhưng các Tỳ-kheo mắc tội. Lại có người không đủ hai mươi tuổi, quên không biết có đủ hay không, khi ở trong Tăng hỏi có đủ hai mươi tuổi không, đáp là không biết, không nhớ, nghi. Nếu Tăng không thẩm xét kỹ mà liền cho thọ giới cụ túc, người này đắc giới, người cọng sự ở chung không phạm nhưng các Tỳ-kheo

mắc tội.

Nếu người không đủ hai mươi tuổi, không tự biết là không đủ, khi ở trong Tăng hỏi có đủ hai mươi tuổi không, đáp là không đủ. Nếu Tăng cho thọ giới cụ túc, người này không đắc giới, các Tỳ-kheo mắc tội, người cọng sự ở chung cũng mắc tội. Lại có người không đủ hai mươi tuổi, không tự biết là không đủ, khi ở trong Tăng hỏi có đủ hai mươi tuổi không, đáp là đủ. Nếu Tăng cho thọ giới cụ túc, người này đắc giới, người cọng sự ở chung không tội nhưng các Tỳ-kheo mắc tội. Lại có người không đủ hai mươi tuổi, không tự biết là không đủ, khi ở trong Tăng hỏi có đủ hai mươi tuổi không, đáp là không biết, không nhớ, nghi. Nếu Tăng không thẩm xét kỹ mà liền cho thọ giới cụ túc thì người này đắc giới, người cọng sự ở chung không tội nhưng các Tỳ-kheo mắc tội.

Lại có người không đủ hai mươi tuổi, tự nghi không biết có đủ hay không, khi ở trong Tăng hỏi có đủ hai mươi tuổi không, đáp là không đủ. Nếu Tăng cho thọ giới cụ túc, người này không đắc giới, các Tỳ-kheo mắc tội, người cọng sự ở chung cũng mắc tội. Lại có người không đủ hai mươi tuổi, tự nghi không biết có đủ hay không, khi ở trong Tăng hỏi có đủ hai mươi tuổi không, đáp là đủ. Nếu Tăng cho thọ giới cụ túc, người này đắc giới, người cọng sự ở chung không tội nhưng các Tỳ-kheo mắc tội. Lại có người không đủ hai mươi tuổi, tự nghi

không biết có đủ hay không, khi ở trong Tăng hỏi có đủ hai mươi tuổi không, đáp là không biết, không nhớ, nghi. Nếu Tăng không thẩm xét kỹ mà liền cho thọ giới cụ túc, người này đắc giới, người cọng sự ở chung không tội nhưng các Tỳ-kheo mắc tội.

Nếu người đã đủ hai mươi tuổi, tự nghĩ là đủ hai mươi, khi ở trong Tăng hỏi có đủ hai mươi tuổi không, đáp là đủ. Nếu Tăng cho thọ giới cụ túc, người này đắc giới, các Tỳ-kheo không tội, người cọng sự ở chung cũng không tội. Lại có người đã đủ hai mươi tuổi, tự nghĩ là đủ hai mươi, khi ở trong Tăng hỏi có đủ hai mươi tuổi không, đáp là không đủ. Nếu Tăng cho thọ giới cụ túc, người này không đắc giới, các Tỳ-kheo mắc tội, người cọng sự ở chung cũng mắc tội. Lại có người đã đủ hai mươi tuổi, tự nghĩ là đủ hai mươi, khi ở trong Tăng hỏi có đủ hai mươi tuổi không, đáp là không biết, không nhớ, nghi. Nếu Tăng không thẩm xét kỹ mà liền cho thọ giới cụ túc, người này đắc giới, người cọng sự ở chung không tội nhưng các Tỳ-kheo mắc tội.

Nếu người đã đủ hai mươi tuổi nhưng quên, không tự biết là đủ, khi ở trong Tăng hỏi có đủ hai mươi tuổi không, đáp là đủ. Nếu Tăng cho thọ giới cụ túc, người này đắc giới, các Tỳ-kheo không tội, người cọng sự ở chung cũng không tội. Lại có người đã đủ hai mươi tuổi nhưng quên, không tự

biết là đủ, khi ở trong Tăng hỏi có đủ hai mươi tuổi không, đáp là không đủ. Nếu Tăng cho thọ giới cụ túc, người này không đắc giới, các Tỳ-kheo mắc tội, người cọng sự ở chung cũng mắc tội. Lại có người đã đủ hai mươi tuổi nhưng quên, không tự biết là đủ, khi ở trong Tăng hỏi có đủ hai mươi tuổi không, đáp là không biết, không nhớ, nghi. Nếu Tăng không thẩm xét kỹ mà liền cho thọ giới cụ túc, người này đắc giới, người cọng sự ở chung không tội nhưng các Tỳ-kheo mắc tội.

Nếu người đã đủ hai mươi tuổi nhưng không tự biết là đủ, khi ở trong Tăng hỏi có đủ hai mươi tuổi không, đáp là đủ. Nếu Tăng cho thọ giới cụ túc, người này đắc giới, các Tỳ-kheo không tội, người cọng sự ở chung cũng không tội. Lại có người đã đủ hai mươi tuổi nhưng không tự biết là đủ, khi ở trong Tăng hỏi có đủ hai mươi tuổi không, đáp là không đủ. Nếu Tăng cho thọ giới cụ túc, người này không đắc giới, các Tỳ-kheo mắc tội, người cọng sự ở chung cũng mắc tội. Lại có người đã đủ hai mươi tuổi nhưng không tự biết là đủ, khi ở trong Tăng hỏi có đủ hai mươi tuổi không, đáp là không biết, không nhớ, nghi. Nếu Tăng không thẩm xét kỹ mà liền cho thọ giới cụ túc, người này đắc giới, người cọng sự ở chung không tội nhưng các Tỳ-kheo mắc tội.

Nếu người đã đủ hai mươi tuổi, tự nghi không biết có đủ hay không, khi ở trong Tăng hỏi có đủ

hai mươi tuổi không, đáp là đủ. Nếu Tăng cho thọ giới cụ túc, người này đắc giới, các Tỳ-kheo không tội, người cọng sự ở chung cũng không tội. Lại có người đã đủ hai mươi tuổi, tự nghi không biết có đủ hay không, khi ở trong Tăng hỏi có đủ hai mươi tuổi không, đáp là không đủ. Nếu Tăng cho thọ giới cụ túc, người này không đắc giới, các Tỳ-kheo mắc tội, người cọng sự ở chung cũng mắc tội. Lại có người đã đủ hai mươi tuổi, tự nghi không biết có đủ hay không, khi ở trong Tăng hỏi có đủ hai mươi tuổi không, đáp là không biết, không nhớ, nghi. Nếu Tăng không thẩm xét kỹ mà liền cho thọ giới cụ túc, người này đắc giới, người cọng sự ở chung không tội nhưng các Tỳ-kheo mắc tội.

73. Giới Đào Đất:

Phật tại nước A-la-tỳ, lúc đó Tỳ-kheo A-la-tỳ tự tay đào đất làm nền móng, đào kênh, ao, giếng…. Có cư sĩ là đệ tử của ngoại đạo nói là trong đất có mạng căn nên dùng tâm tật đố chỉ trích: "Sa-môn Thích tử tự nói lành tốt có đức mà lại đoạt mạng căn chúng sanh". ". Có Tỳ-kheo thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng rồi hỏi Tỳ-kheo A-la-tỳ: "Thầy thật đã làm việc này phải không?" Đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo lại tự

tay đào đất…", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo tự tay đào đất hoặc bảo người đào, nói rằng: Chú hãy đào chỗ này, thì Tỳ-kheo phạm Ba-dật-đề.

Đất có hai loại: Đất sống và đất không sống. Loại đất đá ở dưới tường bị sụp lở, có kiến tụ thành đống đất, nếu quốc gia nào nhiều mưa thì vào tháng tám đất sống, nếu ít mưa thì vào tháng thứ tư đất sống. Trừ hai trường hợp này ra đều gọi là đất không sống. Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo đào đất không sống, tùy đào bao nhiêu phạm Đột-kiết-la bấy nhiêu; nếu ở dưới tường bị sụp lở có kiến tụ thành đống đất, tùy đào bao nhiêu phạm Đột-kiết-la bấy nhiêu. Nếu Tỳ-kheo đào đất sống, tùy đào bao nhiêu phạm Ba-dật-đề bấy nhiêu. Nếu đào làm nền móng xây tường hoặc đào kênh rạch, ao giếng, tùy đào bao nhiêu phạm Ba-dật-đề bấy nhiêu. Nếu đào bùn đất cho đến chỗ lún tới đầu gối để đào lấy đất, tùy đào bao nhiêu phạm Đột-kiết-la bấy nhiêu. Nếu dùng tay kẻ đất, tùy kẻ bao nhiêu phạm Đột-kiết-la bấy nhiêu. Nếu Tỳ-kheo làm thầy thợ muốn xây cất lại điện đường và Tăng phường, vẽ kiểu mẫu trên đất thì không phạm. Nếu trong đất có mỏ vàng, bạc… đào đất để lấy thì không phạm; hoặc trong đất có mỏ sắt, đồng, chì, kẽm… đào để lấy thì không phạm.

-oOo-

LUẬT THẬP TỤNG

QUYỂN 17

V. CHÍN MƯƠI PHÁP BA DẬT ĐỀ (Tiếp Theo):

74. Giới Quá Bốn Tháng Thọ Thỉnh Đòi Hỏi:

Phật tại nước Thích thị, lúc đó Ma-ha-nam thỉnh Phật và Tăng trong bốn tháng cần loại thuốc gì đều tùy ý đến lấy, Lục quần Tỳ-kheo qua bốn tháng, không có bịnh lại đến chỗ Ma-ha-nam đòi tô, đáp: "Trước kia có tô nhưng trong Tăng đã dùng hết rồi, chỉ còn loại thuốc khác như Ha-lê-lặc, A-ma-lặc… , nếu cần thì lấy", lại hỏi: "Vậy còn có dầu, mật, thạch mật, gừng, hồ tiêu, tất bạt… không, chúng tôi cần những loại đó", đáp giống như trên, Lục quần nghe rồi liền nổi sân nói rằng: "Ông khi dối Phật và Tăng, sức không thể cho tại sao lại thỉnh Phật và Tăng trong bốn tháng tùy ý cần loại thuốc gì đều tùy ý đến lấy. Nếu người khác thỉnh thì sẽ tùy ý cho loại thuốc thơm ngon hơn nhiều, những loại thuốc đắng như Ha-lê-lặc… ở đâu chẳng có". Ma-ha-nam là bậc đại nhơn, tâm hiền lành nên nghe quở trách như thế mà không để

bụng, nhưng các cư sĩ khác nghe rồi liền sân giận quở trách Lục quần Tỳ-kheo: "Sa-môn Thích tử này tự nói lành tốt có đức, Ma-ha-nam lành tốt đã cung cấp cho chúng tăng như phụng sự nhà mình, tại sao lại ở trước mặt quở mắng nói những lời như thế". Có Tỳ-kheo thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng rồi hỏi Lục quần Tỳ-kheo: "Các thầy thật đã làm việc này phải không?" Đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo lại ở trước mặt quở mắng Ma-ha-nam là người lành tốt đã cung cấp chúng tăng như phụng sự nhà mình như thế", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo thọ thỉnh tùy ý bốn tháng thuốc đã qua mà còn đến đòi hỏi nữa thì phạm Ba-dật-đề, trừ thường thỉnh, thường thường thỉnh, biệt thỉnh.

Bốn tháng thỉnh là tùy nhà nào thỉnh Tăng trong bốn tháng tùy ý cần dùng tất cả loại thuốc. Thường thỉnh là tùy nhà nào thường thỉnh Tăng tùy ý cần dùng tất cả loại thuốc. Thường thường thỉnh là tùy nhà nào qua một tháng rồi lại thỉnh thêm bốn tháng, hoặc qua hai tháng rồi lại thỉnh thêm bốn tháng nữa, hoặc qua ba tháng rồi lại thỉnh thêm bốn tháng nữa, hoặc qua bốn tháng rồi lại thỉnh thêm bốn tháng nữa. Biệt thỉnh là thỉnh riêng vị nào đó.

Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo tùy trong nhà nào thỉnh Tăng trong bốn tháng tùy ý cần dùng tất cả loại thuốc, qua bốn tháng lại đến đòi hỏi tô hoặc dầu, mật, thạch mật… , nếu được thì phạm Ba-dật-đề, không được thì phạm Đột-kiết-la. Nếu đòi hỏi loại thuốc đắng như Ha-lê-lặc, A-ma-lặc… , được thì phạm Đột-kiết-la, không được cũng phạm Đột-kiết-la. Nếu là thường thỉnh mà thỉnh chủ chết, con hoặc anh em hoặc vợ của người đó nói rằng: "Như gia chủ lúc còn sống thường thỉnh, tôi nay cũng thường thỉnh như thế", Tỳ-kheo nếu cần thì được đến chỗ thường thỉnh này lấy dùng. Nếu là thường thường thỉnh, một tháng qua rồi lại thỉnh thêm bốn tháng nữa thì Tỳ-kheo nên trong ba tháng hạ và một tháng đông đến thọ lấy thuốc. Nếu hai tháng đã qua lại thỉnh thêm bốn tháng nữa thì Tỳ-kheo nên trong hai tháng hạ và trong hai tháng đông đến thọ lấy thuốc. Nếu ba tháng đã qua lại thỉnh thêm bốn tháng nữa thì Tỳ-kheo nên trong một tháng hạ và ba tháng đông đến thọ lấy thuốc. Nếu bốn tháng đã qua lại thỉnh thêm bốn tháng nữa thì Tỳ-kheo nên trong bốn tháng đông đến thọ lấy thuốc. Qua bốn tháng đông nếu Tỳ-kheo không có bịnh mà còn đến đòi hỏi tô, dầu, mật…, nếu được thì phạm Ba-dật-đề, không được thì phạm Đột-kiết-la; nếu xin các loại thuốc đắng như Ha-lê-lặc… , nếu được thì phạm Đột-kiết-la, không được cũng phạm Đột-kiết-la. Không phạm

là nếu bịnh hoặc theo bà con xin hoặc có thỉnh trước, hoặc không xin mà tự cho thì không phạm.

75. Giới Chê Trách Học Giới:

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó Phật không ở trước Tỳ-kheo-ni kết đồng giới, chỉ ở trước Tỳ-kheo tăng kết đồng giới rồi bảo các Tỳ-kheo đến nói cho Tỳ-kheo-ni biết, nói rồi vào trong thất thiền tọa. Các Tỳ-kheo suy nghĩ: "Trong Tăng ai có thể đến tinh xá của-Tỳ-kheo-ni trong vườn vua nói cho các Tỳ-kheo-ni biết. Trưởng lão Bạt-đề này có đại công đức, có tiếng tăm nhiều người biết đến, có thể đến nói cho Tỳ-kheo-ni biết", nghĩ rồi liền cùng nhau đến chỗ Trưởng lão Bạt-đề nói rằng: "Trưởng lão biết không, Phật nay kết đồng giới bảo chúng ta đến nói cho Tỳ-kheo-ni biết, chúng tôi cùng nhận thấy chỉ có Trưởng lão là người có đại công đức, có tiếng tăm nhiều người biết đến có thể đến nói cho Tỳ-kheo-ni biết. Nếu Trưởng lão bằng lòng đến nói cho Tỳ-kheo-ni biết thì tốt", Trưởng lão Bạt-đề yên lặng nhận lời. Các Tỳ-kheo biết Trưởng lão đã im lặng nhận lời liền đảnh lễ hữu nhiều rồi đi, Trưởng lão Bạt đề sáng hôm sau đắp y mang bát vào thành Xá-vệ khất thực, thọ thực xong mới đi đến tinh xá của-Tỳ-kheo-ni ở trong vườn vua. Các Tỳ-kheo-ni từ xa thấy Trưởng lão đi đến liền trải tòa mời ngồi, Trưởng lão bảo nhóm tất cả ni lại rồi bảo rằng: "Phật kết đồng giới cho cả hai bộ

tăng, chúng tôi và các cô đồng thọ trì", các Trưởng lão ni đều là thiện Tỳ-kheo-ni đều nói rằng: "Sẽ khéo thọ trì học giới này". Lúc đó Tỳ-kheo-ni Thâu la-Nan-đà ở trong chúng ni nói rằng: "Thầy vốn là người ngu si không hiểu biết rõ và biết chắc chắn, làm sao chúng tôi có thể vì lời nói của thầy mà liền thọ trì hay sao. Chúng tôi phải hỏi Tỳ-kheo nào trì Tu-đa-la, Tỳ-ni, Ma-đa-la-ca, nếu vị ấy nói nên thọ trì thì chúng tôi sẽ thọ trì, nếu nói không nên thọ trì thì chúng tôi sẽ không thọ trì ". Có Tỳ-kheo thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng rồi hỏi Tỳ-kheo-ni Thâu la-Nan-đà: "Cô thật đã làm việc này phải không?" Đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo-ni, ta kết đồng giới lại trái nghịch không thọ trì, còn quở trách Trưởng lão Bạt đề là người ngu si không hiểu rõ, không biết chắc chắn", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo khi thuyết giới nói rằng: Tôi không thọ trì học giới này, tôi sẽ hỏi Tỳ-kheo trì Tu-đa-la, trì Tỳ-ni, trì Ma-đa-la-ca rồi mới thọ trì, thì Tỳ-kheo này phạm Ba-dật-đề. Nếu Tỳ-kheo muốn biết thì trước phải thọ trì học giới này, sau mới hỏi Tỳ-kheo trì Tu-đa-la, Tỳ-ni, Ma-đa-la-ca rằng: Giới này nghĩa như thế nào. Việc này nên

hành trì như thế.

Tướng phạm trong giới này là nếu khi thuyết giới nói đến bốn Ba-la-di , nói rằng: "Tôi không học giới này, tôi sẽ hỏi Tỳ-kheo trì Tu-đa-la, Tỳ-ni, Ma-đa-la-ca rồi mới học", thì phạm Ba-dật-đề. Nếu khi thuyết giới nói đến mười ba pháp Tăng-già-bà-thi-sa, hai pháp bất định, ba mươi pháp Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề, chín mươi pháp Ba-dật-đề, bốn pháp Ba-la-đề-đề-xá-ni , Chúng học pháp và bảy pháp Diệt tránh liền nói rằng: "Tôi không thọ học giới này…" thì phạm Ba-dật-đề. Nếu khi nói Nhập Tỳ-ni kinh thuyết khác mà nói rằng: "Tôi không học kinh này…", thì phạm Đột-kiết-la.

76. Giới Rình Nghe Lén:

Phật tại thành Vương xá, lúc đó Lục quần Tỳ-kheo và Thập thất quần Tỳ-kheo thường hay tranh cải với nhau, cải xong rồi bỏ đi. Thập thất quần Tỳ-kheo cho là Lục quần Tỳ-kheo không nghe được tiếng nói của họ nên nói với nhau: "Lục quần tánh hung dữ lại mạnh khỏe, ưa thích đấu tranh, nếu chúng ta đồng tâm thì Lục quần không thể làm gì được", không ngờ Lục quần Tỳ-kheo rình nghe được, liền nói rằng: "Vì sao các ngươi lại mắng chúng ta", đáp: "Ai mắng các thầy", Lục quần nói: "Không phải vừa rồi các ngươi nói rằng: Lục quần tánh hung ác lại mạnh khỏe… không thể làm gì được", Thập thất quần nói: "Ai nói, các thầy nghe

được từ ai", đáp là rình nghe được. ". Có Tỳ-kheo thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng rồi hỏi Lục quần Tỳ-kheo: "Các thầy thật đã làm việc này phải không?" Đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo sau khi cùng tranh cải với người khác lại rình nghe lén", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo sau khi tranh cải với Tỳ-kheo khác rồi đến rình nghe lén Tỳ-kheo kia nói điều gì, ta sẽ nhớ giữ thì Tỳ-kheo này phạm Ba-dật-đề.

Rình nghe lén là núp dưới giường dây lỗ bệ nhỏ hoặc lỗ bệ lớn hoặc giường chiếc, hoặc núp bên cửa hoặc trong phòng khác hoặc bên vách … để nghe lén.

Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo sau khi tranh cải với Tỳ-kheo khác rồi đến rình nghe lén việc của người, nếu nghe được thì phạm Ba-dật-đề, nghe không được thì phạm Đột-kiết-la. Không phạm là nếu vì muốn làm cho hòa hợp nên đến rình nghe.

77. Giới Khi Tăng Xử Đoán Đứng Dậy Bỏ Đi:

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó các Tỳ-kheo đang

làm yết ma tẫn Bạt-nan-đà thì bị Lục quần Tỳ-kheo ngăn nên yết ma không thành. Đợi khi Lục quần có nhân duyên đi vắng, một Tỳ-kheo bạn của Lục quần không đi, các Tỳ-kheo nói với nhau: "Chúng ta nên làm yết ma tẫn Bạt-nan-đà, vì Lục quần đã đi vắng không có ai ngăn", nói rồi liền đánh kiền chùy nhóm Tăng muốn làm yết ma tẫn Bạt-nan-đà. Khi Tăng tác bạch nói đến tên của Bạt-nan-đà thì Tỳ-kheo bạn này liền đứng dậy bỏ đi vì biết Tăng làm yết ma tẫn Bạt-nan-đà. Tăng yết ma tẫn Bạt-nan-đà xong, Tỳ-kheo bạn này nói: "Yết ma này không như pháp vì không có mặt tôi mà làm", các Tỳ-kheo nói: "Thầy cũng có mặt trong lúc đó", đáp: "Tôi tuy có mặt nhưng khi các thầy tác bạch tôi đã đứng dậy bỏ đi". Có Tỳ-kheo thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng rồi hỏi Tỳ-kheo bạn của Lục quần: "Thầy thật đã làm việc này phải không?" Đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo khi chúng tăng xử đoán công việc lại yên lặng đứng dậy bỏ đi", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo khi Tăng xử đoàn công việc mà yên lặng đứng dậy bỏ đi thì phạm Ba-dật-đề.

Tăng xử đoán công việc là Tăng làm yết ma

Đơn-bạch hoặc Bạch-nhị hoặc bạch tứ hoặc bố tát tự tứ hoặc yết ma mười bốn hạng người. Tướng phạm trong giới này là khi Tăng đang tác bạch làm yết ma Đơn-bạch hoặc Bạch-nhị hoặc bạch tứ… mà yên lặng đứng dậy bỏ đi thì phạm Ba-dật-đề. Không phạm là đi đại tiểu tiện hoặc đi đến chỗ không lìa nghe thấy.

78. Giới Không Cung Kính:

Phật tại nước Câu-xá-di, lúc đó các Thượng tòa-Tỳ-kheo đang nói về pháp, về luật, về lời Phật dạy; Tỳ-kheo Xiển-na không đợi nói xong liền nói lời khác lạ xúc não, không có tâm kính sợ. Các Tỳ-kheo nói: "Thầy chớ nói lời khác lạ này, không có tâm kính sợ các Thượng tòa", liền đáp: "Tôi nói lời khác lạ, không có tâm kính sợ các Thượng tòa, đâu có can dự đến các thầy". Có Tỳ-kheo thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng rồi hỏi Tỳ-kheo Xiển-na: "Thầy thật đã làm việc này phải không?" Đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo khi thương tòa nói về pháp, về luật… không có tâm kính sợ", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Các thầy nên làm yết ma nói việc bất kính của-Tỳ-kheo Xiển-na, nếu có Tỳ-kheo nào giống như Xiển-na, Tăng cũng nên làm yết ma như thế. Tác pháp như sau: Tăng nhất

tâm hòa hợp, một Tỳ-kheo trong Tăng xướng rằng:

Đại-đức Tăng lắng nghe, Tỳ-kheo Xiển-na này nói lời khác lạ xúc não Thượng tòa không có tâm kính sợ. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay nói việc bất kính của-Tỳ-kheo Xiển-na. Bạch như vậy.

Như thế Bạch-tứ-yết-ma cho đến câu Tăng nói việc bất kính của-Tỳ-kheo Xiển-na xong rồi. Tăng chấp thuận vì im lăng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

Này các Tỳ-kheo, do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo bất kính thì phạm Ba-dật-đề.

Tướng phạm trong giới này là nếu Tăng chưa yết ma nói việc bất kính, các Tỳ-kheo khuyên can: "Thầy chớ làm việc dâm", đáp: "Không làm, nếu thật có làm việc dâm thì phạm Ba-la-di hay sao", do không cung kính nên phạm Đột-kiết-la. Nếu các Tỳ-kheo can: "Thầy chớ làm việc trộm cắp, hoặc chớ đoạn mạng người…", đáp: "Không làm, nếu thật có làm thì tùy làm mà mắc tội hay sao", do không cung kính nên phạm Đột-kiết-la. Nếu Tăng chưa yết ma nói việc bất kính, các Tỳ-kheo can: "Thầy chớ làm việc dâm", đáp: "sẽ làm mà nếu thật có làm thì phạm Ba-la-di hay sao", do không cung kinh nên phạm Đột-kiết-la. Nếu các Tỳ-kheo can: "Thầy chớ làm việc trộm cắp… " đáp: "Sẽ làm, nếu

thật có làm thì tùy làm mà mắc tội hay sao", do không cung kính nên phạm Đột-kiết-la.

Nếu Tăng đã làm yết ma nói việc bất kính, các Tỳ-kheo can: "Thầy chớ làm việc dâm", đáp: "Không làm mà nếu thật có làm thì phạm Ba-la-di hay sao", do không cung kính nên phạm Ba-dật-đề. Nếu các Tỳ-kheo can: "Thầy chớ làm việc trộm cắp…" đáp: "Không làm, nếu thật có làm thì tùy làm mà mắc tội hay sao", do không cung kính nên phạm Ba-dật-đề. Nếu Tăng đã làm yết ma nói việc bất kính, các Tỳ-kheo can: "Thầy chớ làm việc dâm", đáp: "Sẽ làm, nếu thật có làm thì phạm Ba-la-di hay sao", do không cung kính nên phạm Ba-dật-đề. Nếu các Tỳ-kheo can: "Thầy chớ làm việc trộm cắp…" đáp: "Sẽ làm, nếu thật có làm thì tùy làm mà mắc tội hay sao", do không cung kính nên phạm Ba-dật-đề.

79. Giới Uống Rượu:

Phật tại ấp Bạt-đà-la-bà-đề của nước Chi đề, nơi đây có con rồng dữ tên là Yêm-bà-la-đề-tha rất hung bạo nên không ai dám đến gần trú xứ của nó, voi ngựa trâu dê… cũng không dám đến gần, cho đến các loài chim cũng không dám bay ngang qua. Vào mùa thu lúa chín, rồng phá diệt hết lúa, lúc đó Trưởng lão Sa-già-đà du hành đến nước Chi đề ở qua đêm tại ấp này, sáng sớm khi vào trong ấp khất thực liền nghe nói có rồng dữ… phá diệt hết lúa. Trưởng lão nghe rồi sau khi khất thực và thọ thực

xong, liền đến trú xứ của rồng ở dưới một gốc cây bên dòng suối trải tọa cụ ngồi thiền định. Rồng nghe mùi ca sa liền nổi giận từ thân phun ra khói, Trưởng lão Sa-già-đà nhập tam muội dùng thần thông lực, từ thân cũng phun ra khói. Rồng giận gấp bội liền từ thân phun ra lửa, Trưởng lão lại nhập tam muội từ thân cũng phun ra lửa; rồng lại làm mưa đá, Trưởng lão liền biến mưa đá này thành các loại bánh như bánh Thích câu lợi…; rồng lại làm sấm chớp, Trưởng lão lại biến sấm chớp thành các loại thuốc hoan hỉ; rồng lại làm mưa dao, mưa tên…, Trưởng lão liền biến thành các loại hoa như hoa Ưu bát la… rồng lại làm mưa rắn rít…, Trưởng lão liền biến thành các loại hoa anh lạc… Như thế rồng có thế lực gì đều biến hiện ra hết, Trưởng lão cũng hiện oai đức như thế để hàng phục rồng, rồng không thắng được nên mất oai lực và ánh sáng, Trưởng lão biết rồng đã mất hết oai lực nên biến thành thân nhỏ chui vào hai lỗ tai của rồng rồi ra ở hai mắt, lại chui vào lỗ mũi rồi ra ở miệng, sau đó hiện thân ở trên đầu rồng kinh hành qua lại mà không làm tổn thương thân rồng. Rồng thấy những việc như vậy rồi kinh sợ đến lông dựng đứng liền chắp tay bạch rằng: "Tôi xin quy y Ngài", Trưởng lão nói: "Ngươi chớ quy y ta, phải quy y với người mà ta đã quy y", rồng nói: "Từ nay tôi xin quy y Phật, quy y pháp, quy y Tăng, trọn đời xin được làm Ưu-bà-tắc của Phật". Rồng sau

khi thọ tam quy làm đệ tử Phật thì không còn hung ác như trước nữa, nên người và chim thú đều đến trú xứ đó; vào mùa thu lúa chín rồng cũng không còn phá hại lúa nữa nên tiếng tăm của Trưởng lão Sa-già-đà vang khắp các nước: Trưởng lão đã hàng phục được rồng dữ trở nên hiền lành… Do tiếng tăm của Trưởng lão vang khắp nơi nên mọi người đều làm thức ăn cúng dường cho Tăng bữa ăn sáng, bữa ăn trưa. Trong số đó có một người nữa nhà nghèo vì tín kính nên biệt thỉnh Trưởng lão Sa-già-đà, Trưởng lão im lặng nhận lời; người nữa sửa soạn rất nhiều món ăn ngon cúng dường rồi suy nghĩ: "Trưởng lão đã ăn nhiều cháo sữa và tô có thể bị lạnh", nghĩ rồi liền lấy loại nước có chút vị rượu dâng cho Trưởng lão uống. Trưởng lão không xem xét kỹ nên uống, thuyết pháp cho người nữ nghe rồi ra về, trên đường về thế rượu phát tác khiến Trưởng lão té ngã bên cửa gần chùa, thân say sưa nằm một nơi còn y Tăng-già-lê… đãy lượt nước, bát, tích trượng… văng khắp nơi. Lúc đó Phật và A-nan du hành đi đến nhìn thấy, Phật biết là Trưởng lão Sa-già-đà nhưng vẫn hỏi A-nan là ai rồi bảo A-nan: "Hãy trải tòa rồi nhóm Tỳ-kheo tăng", A-nan vâng lời Phật dạy trải tòa rồi nhóm Tỳ-kheo tăng, Phật ngồi trên tòa rồi hỏi các Tỳ-kheo: "Các thầy có từng thấy từng nghe rồng dữ tên Yêm-bà-la-đề-tha… giống như đoạn văn trên. Trưởng lão này đã hàng phục được rồng dữ này trở

nên hiền lành…", các Tỳ-kheo người nào có thấy thì nói là thấy, người nào có nghe thì nói là nghe. Phật bảo các Tỳ-kheo: "Các thầy nghĩ sao, Trưởng lão này bây giờ có thể hàng phục được một con ễnh ương hay không?", đáp là không thể, Phật nói: "Tội lỗi như thế và tôi năng hơn nữa đều do nơi uống rượu mà ra. Từ nay nếu người nào nói là đệ tử Phật thì không được uống rượu, cho đến một giọt cũng không được uống", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo uống rượu thì phạm Ba-dật-đề.

Rượu có hai loại: rượu nếp và rượu trái cây. Rượu nếp là dùng gạo, nếp và men rượu hoặc dùng củ, thân cành, hoa, lá và trái hoặc dùng các hạt giống, các loại cỏ thuốc xen tạp ủ thành rượu, khi có đầy đủ sắc hương vị rượu thì uống vào có thể làm cho người say. Rượu trái cây là không dùng gạo nếp và men rượu, chỉ dùng cụ, thân cành, hoa, lá và trái cây hoặc chỉ dùng các hạt giống, các loại cỏ thuốc xen tạp ủ thành rượu, khi có đầy đủ sắc hương vị rượu thì uống vào có thể làm cho người say. Nếu Tỳ-kheo lấy hai loại rượu này nếm, nuốt qua khỏi cổ cũng gọi là uống, cũng phạm Ba-dật-đề.

Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo dùng rượu nếp, tùy nuốt qua khỏi cổ bao nhiêu thì phạm Ba-dật-đề bấy nhiêu. Nếu Tỳ-kheo uống

rượu trái cây, tùy uống bao nhiêu phạm Ba-dật-đề bấy nhiêu. Nếu ăn men rượu (cạn rượu, bả rượu) có thể làm cho người say, tùy mỗi miếng nuốt qua khỏi cổ đều phạm Ba-dật-đề. Nếu uống loại nước tợ rượu, có sắc hương vị rượu (hoặc chỉ có sắc hương rượu, hoặc chỉ có sắc vị rượu, hoặc chỉ có hương vị rượu) có thể làm cho người say, mỗi hớp nuốt qua khỏi cổ đều phạm Ba-dật-đề. Không phạm là chỉ có sắc rượu, không có hương vị rượu không thể làm cho người say, uống thì không phạm.

80. Giới Phi Thời Vào Tụ Lạc:

Phật tại thành Vương xá, lúc đó các Tỳ-kheo trước giờ ngọ vào tụ lạc, sau giờ ngọ trở về hoặc sau giờ ngọ vào tụ lạc, đến chiều mới trở về, không có thời khắc gì khiến cho những người xuất gia theo ngoại đạo khởi tâm tật đố quở trách rằng: "Người xuất gia khác trước giờ ngọ vào tụ lạc rồi trở ra, thọ thực xong rồi trở về trú xứ, cùng nhau hòa hợp lặng lẽ ẩn tu như chim mẹ đến giờ ngọ tự trở về tổ để ấp cho con được ấm. Sa-môn Thích tử này tự nói lành tốt có đức mà trước giờ ngọ vào tụ lạc đến sau giờ ngọ mới trở về hoặc sau giờ ngọ vào tụ lạc đến chiều mới trở về không có thời khắc gì". Có Tỳ-kheo thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-

kheo tăng rồi quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo lại trước giờ ngọ vào tụ lạc đến sau giờ ngọ mới trở về…", nhưng Phật chỉ quở trách mà chưa kết giới.

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó Trưởng lão Ca-lưu-đà-di đã được quả A-la-hán suy nghĩ rằng: "Ta trước kia ở trong nhóm Lục quần, tại nước Xá-vệ đã làm nhơ nhà người, nay ta nên trở lại làm cho họ được tâm thanh tịnh", nghĩ rồi liền vào trong nước Xá-vệ độ hết chín trăm chín mươi chín nhà mà cả vợ chồng đều đắc đạo, còn những nhà mà chồng đắc đạo, vợ chưa được hoặc vợ đắc đạo chồng chưa được thì không thể kể hết. Lúc đó trong thành Xá-vệ có một Bà-la-môn có thể độ được, Ca-lưu-đà-di liền suy nghĩ: "Nếu ta độ thêm nhà này thì sẽ đủ một ngàn nhà", nghĩ rồi sáng sớm hôm sau đắp y mang bát đến trước nhà Bà-la-môn đó khất thực. Lúc đó Bà-la-môn đi vắng, người vợ ở trong nhà làm bánh nướng, Ca-lưu-đà-di liền nhập định ẩn thân ở ngoài cửa hiện thân ở trong sân nhà gõ cửa. Người vợ này nhìn ra thấy Sa-môn nhưng cửa cổng vẫn còn đóng liền suy nghĩ: "Sa-môn này vào từ ngõ nào, chắc là muốn ăn bánh nướng nhưng ta sẽ không cho, dù mắt có lọt ra ngoài ta cũng không cho", Sa-môn liền dùng thần lực làm cho mắt lọt ra ngoài, người vợ này liền suy nghĩ: "Dù mắt lọt ra to như cái bát nhỏ, ta cũng không cho", Sa-môn lại dùng thần lực làm cho mắt to như cái bát nhỏ, người vợ này nhìn thấy liền suy nghĩ:

"Dù cho đứng chổng ngược trước mắt ta, ta cũng không cho", Sa-môn lại dùng thần lực đứng chổng ngược trước mặt, người vợ này liền suy nghĩ: "Dù có chết ta cũng không cho", Sa-môn liền nhập diệt tận định, tâm tưởng đều diệt không biết gì hết, người vợ này kêu gọi, lôi kéo cách nào cũng không tỉnh dậy liền kinh hãi suy nghĩ: "Sa-môn này thật đại ác, ông ta thường qua lại chỗ vua Ba-tư-nặc, là thầy của phu nhân Mạt-lợi. Nếu họ hay biết ông ta chết trong nhà Bà-la-môn của ta, ta sẽ hết sức suy não, nếu ông ta còn sống thì ta sẽ cho bánh", Ca-lưu-đà-di nghe rồi liền xuất định tỉnh dậy, người vợ này nhìn thấy mấy cái bánh nướng đều ngon nên tiếc, muốn làm bánh khác để cho, không ngờ bánh làm sau lại ngon hơn bánh trước, lại tiếc không muốn cho, nghĩ rằng: "Bánh nướng sau ngon hơn bánh nướng trước, ta nên lấy bánh trước đem cho Sa-môn", không ngờ vừa gắp cái bánh trước lên thì tất cả bánh đều dính theo, Ca-lưu-đà-di liền nói: "Bà tùy tâm cho tôi mấy cái thì tôi lấy mấy cái", bà liền lấy bốn cái cho, Trưởng lão nói: "Tôi không cần, nếu bà muốn thí thì nên thí cho Tăng". Người vợ của Bà-la-môn này đã từng cúng dường Phật gieo trồng thiện căn, do túc duyên lớn mạnh nên đời này có thể đắc đạo, cũng do thiện căn này thúc đẩy nên bà suy nghĩ: "Tỳ-kheo này không muốn ăn bánh, chỉ vì thương xót ta nên đến. Ta nên đem hết bánh nướng này cúng dường cho

Tăng", nghĩ rồi liền nói: "Thiện nhơn, tôi đem hết bánh này cúng cho tăng", Trưởng lão đáp là tùy ý. Bà liền đem giỏ bánh đến trong Kỳ hoàn, đánh kiền chùy nhóm tăng lại để cúng bánh rồi ở trước Ca-lưu-đà-di nghe thuyết pháp. Trưởng lão tùy thuận quán nhân duyên đời trước của bà mà nói pháp khiến cho bà ngay nơi chỗ ngồi được xa lìa trần cấu, chứng được pháp nhãn tịnh. Người nữ này sau khi nghe pháp biết pháp, thấy pháp và nhập pháp liền dứt nghi hối không nhờ người khác mà ở trong Phật pháp được tự tại, liền đứng dậy đảnh lễ Ca-lưu-đà-di và bạch rằng: "Con từ nay xin quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, trọn đời làm Ưu-bà-di", Trưởng lão nói pháp chỉ dạy cho bà được lợi hỉ rồi im lặng, bà liền đảnh lễ hữu nhiễu rồi ra về. Về đến nhà nói với người chồng: "Sau khi anh đi, tôi ở trong nhà làm bánh, lúc đó có A-xà-lê Ca-lưu-đà-di đến hiện đủ thứ thần lực nên tôi đem tất cả bánh đã làm đến trong Kỳ hoàn cúng cho Tăng. A-xà-lê Ca-lưu-đà-di lại thuyết pháp khiến cho tôi chứng được quả Tu-đà-hoàn, anh cũng nên đến đó để nghe thuyết pháp". Bà-la-môn này đời trước có gieo trồng thiện căn, gần bậc chánh kiến lợi căn, do túc duyên lớn mạnh nên đời này có thể đắc đạo, do thiện căn này thúc đẩy nên ông đi đến chỗ Ca-lưu-đà-di, đảnh lễ rồi ngồi trước mặt muốn nghe thuyết pháp. Trưởng lão tùy thuận quán nhân duyên đời trước của ông mà nói pháp khiến cho

ông ta ngay nơi chỗ ngồi được xa lìa trần cấu… cho đến câu đảnh lễ Ca-lưu-đà-di, hữu nhiễu rồi ra về giống như trường hợp người vợ của ông. Về đến nhà ông nói với vợ: "Chúng ta không có thiện tri thức nào đại lợi ích như Đại-đức Ca-lưu-đà-di , vì sao, vì chúng ta nhờ Đại-đức mà phá trừ được hai mươi thân kiến, không đọa vào ba đường ác nữa, vô lượng khổ não trở thành hữu lượng, được nhập chánh định, thấy lý Tứ đế. Nếu Đại-đức ấy có cần dùng những thứ cần dùng trong sinh hoạt như y phục, ẩm thực, ngọa cụ, thuốc thang… , chúng ta sẽ cúng dường", người vợ nói: "Chúng ta hãy đến thỉnh tùy ý", nói rồi cùng đi đến chỗ Ca-lưu-đà-di đảnh lễ rồi bạch rằng: "Đại-đức biết không, chúng tôi không có vị thiện tri thức nào đại lợi ích như Đại-đức, vì sao… giống như đoạn văn trên, cho đến câu Xin hãy thọ chúng tôi thỉnh tùy ý", Ca-lưu-đà-di chấp thuận, từ đó trở đi hễ có cần vật dụng gì đều đến chỗ họ thọ lấy dùng. Bà-la-môn này có một người con trai thọ pháp Bà-la-môn, cưới vợ cũng là con gái của Bà-la-môn, hai vợ chồng nói với con rằng: "Con biết không, chúng ta không có vị thiện tri thức nào đại lợi ích như Đại-đức Ca-lưu-đà-di, vì sao… giống như đoạn văn trên, cho đến câu thấy lý Tứ đế. Như chúng ta hiện đang cúng dường cho Đại-đức như thế nào thì sau khi chúng ta chết, con cũng phải cúng dường cho Đại-đức như thế ấy", người con vâng lời. Thế pháp vô

thường như bài kệ nói:

"Tích tụ đều tiêu tán, Cao ngất ắt rơi rớt, Hội họp ắt biệt ly,

Có mạng đều phải chết".

Người con này sau khi cha mẹ chết, hiếu tang trừ phục giặt giũ xong liền đến chỗ Ca-lưu-đà-di đảnh lễ rồi bạch rằng: "Con xem Đại-đức như cha mẹ không khác, nếu có cần dùng những vật dụng trong sinh hoạt như y phục, ẩm thực, ngoại cụ, thuốc thang… xin hãy thọ con thỉnh tùy ý, như cha mẹ con đã thỉnh trước đây", Ca-lưu-đà-di chấp thuận nên cần dùng thứ gì đều đến nhà người con này thọ lấy dùng. Lúc đó có năm trăm tên cướp sau khi làm việc ác xong lẻn vào trong thành Xá-vệ, chúa giặc là người trẻ tuổi đoan chánh nên người vợ của con trai Bà-la-môn từ xa vừa nhìn thấy liền sanh tâm nhiễm trước, liền sai Tỳ-sử mời chúa giặc vào nhà, chúa giặc được mời nên theo Tỳ-sử đến nhà. Vừa lúc đó Ca-lưu-đà-di đắp y mang bát đến trong nhà đó, người vợ này liền trải tòa mời ngồi rồi sửa soạn thức ăn uống dâng lên cúng dường, đợi Ca-lưu-đà-di thọ thực xong liền ngồi phía trước nghe thuyết pháp. Ca-lưu-đà-di nói về nhân duyên quở trách dâm dục, khen ngợi hạnh ly dục, quở trách phá giới, khen ngợi trì giới… rồi ra về. Người vợ này nghe rồi suy nghĩ: "Tỳ-kheo này nay thuyết pháp về nhân duyên quở trách dâm dục… khen ngợi trì giới như thế, ắt là đã thấy ta và chúa giặc

cùng nhau làm việc xấu. Chồng ta nếu biết sẽ không còn yêu thương ta nữa như yêu thương Tỳ-kheo này, và ta sẽ chịu đại khổ não", nghĩ rồi nói với chúa giặc: "Anh đã nghe Tỳ-kheo nói về nhân duyên quở trách dâm dục… giống như đoạn văn trên, cho đến câu tôi sẽ chịu đại khổ não", chúa giặc nói: "Vậy chúng ta phải làm sao", đáp: "Chúng ta phải trừ diệt Tỳ-kheo", chúa giặc nói: "Người này có oai đức lớn, thường ra vào chỗ vua Ba-tư-nặc, là thầy của phu nhân Mạt-lợi, làm sao giết được", đáp: " Tôi sẽ làm nhân duyên ắt là giết được". Sau đó người nữ này giả bịnh nằm trên giường, sau giờ ngọ sai người đến thỉnh Ca-lưu-đà-di, Ca-lưu-đà-di nghe nói liền đi đến để thăm bịnh và nói pháp chỉ dạy cho được lợi hỉ rồi đứng dậy muốn đi, người nữ này liền nói: "Thiện nhơn đừng đi, xin hãy thuyết pháp thêm cho tôi nghe, nhờ vậy tôi bớt bịnh dần, khổ thọ diệt lạc thọ sanh", Ca-lưu-đà-di nghe lời này liền ngồi lại nói pháp thêm chỉ dạy cho được lợi hỉ rồi đứng dậy muốn đi, người nữ lại lặp lại lời cầu thỉnh như trước, Ca-lưu-đà-di lại ngồi xuống nói pháp, cứ như thế cho đến mặt trời lặn, trời tối. Khi Ca-lưu-đà-di đứng dậy ra về thì chúa giặc cầm dao bén cắt đầu rồi bỏ thây trong hầm phân. Lúc đó là vào ngày thuyết giới, trong Kỳ hoàn đang hành trù dư một thẻ không biết là ai không đến, có người nói là Ca-lưu-đà-di không đến, trong Tăng hỏi: "Ai thọ dục?",

đáp là không có. Các Tỳ-kheo không biết làm sao liền đem việc này bạch Phật, Phật bảo các Tỳ-kheo: "Các thầy cứ làm bố tát thuyết giới, Ca-lưu-đà-di đã nhập niết-bàn. Ta cùng Ca-lưu-đà-di còn thiếu một thân nữa là đủ năm trăm đời làm bạn, nay đã biệt ly". Sáng sớm hôm sau, Phật cùng chúng tăng vào thành Vương xá đi đến chỗ hầm phân, Phật dùng thần lực đưa xác của Ca-lưu-đà-di lên hư không, các Tỳ-kheo đón lấy để trên giường rồi đem ra ngoài thành hỏa thiêu rồi xây tháp cúng dường. Vua Ba-tư-nặc nghe biết Trưởng lão Ca-lưu-đà-di chết trong nhà của Bà-la-môn liền tru di bảy đời nhà đó, và mười nhà lân cận đều tịch thu hết tài sản, bắt năm trăm tên cướp chặt hết tay chân. Các Tỳ-kheo vào thành khất thực nghe biết việc này liền trở về bạch Phật, Phật nói: "Tội ác như thế và còn nặng hơn thế nữa đều do nơi phi thời vào tụ lạc. Nếu Ca-lưu-đà-di không phi thời vào tụ lạc thì không đến nhà Bà-la-môn vào giờ đó để bị người giết chết", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo phi thời vào tụ lạc thì phạm Ba-dật-đề.

Phi thời là qua giờ ngọ, sau giờ ngọ cho đến sáng hôm sau, trong khoảng thời gian đó gọi là phi thời. Tụ lạc là chỉ cho nhà bạch y. Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo phi thời vào tụ lạc

thì phạm Ba-dật-đề , tùy vào mấy lần tùy phạm Ba-dật-đề bấy nhiêu.

Lúc đó có Tỳ-kheo bịnh, muốn đến nhà bạch y xin cơm canh, cháo và ẩm thực, nhưng không dám đi nên bịnh càng nặng thêm. Các Tỳ-kheo không biết làm sao đem việc này bạch Phật, Phật do việc này nhóm Tỳ-kheo tăng đủ lời khen ngợi giới và người trì giới rồi bảo các Tỳ-kheo: "Từ nay giới này nên nói lại như sau:

Nếu Tỳ-kheo phi thời vào tụ lạc mà không bạch cho Tỳ-kheo khác biết thì phạm Ba-dật-đề.

Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo ở A-lan-nhã bạch Tỳ-kheo khác để vào tụ lạc, khi trở về lại A-lan-nhã cho là đã bạch trước rồi nên trở vào tụ lạc lần nữa thì phạm Ba-dật-đề. Lại có Tỳ-kheo ở A-lan-nhã bạch Tỳ-kheo khác để vào tụ lạc, sau đó đến trong Tăng phường cho là đã bạch trước rồi nên trở vào tụ lạc lần nữa thì phạm Ba-dật-đề. Lại có Tỳ-kheo ở A-lan-nhã bạch Tỳ-kheo khác để vào tụ lạc rồi đến một trú xứ, cho là đã bạch trước rồi nên trở vào tụ lạc lần nữa thì phạm Ba-dật-đề.

Nếu Tỳ-kheo ở trong Tăng phường bạch Tỳ-kheo khác để vào tụ lạc, khi trở về trong Tăng phường cho là đã bạch trước rồi nên trở vào tụ lạc lần nữa thì phạm Ba-dật-đề. Lại có Tỳ-kheo ở trong Tăng phường bạch Tỳ-kheo khác để vào tụ lạc, sau đó đến một trú xứ, cho là đã bạch trước rồi

nên trở vào tụ lạc lần nữa thì phạm Ba-dật-đề. Lại có Tỳ-kheo ở trong Tăng phường bạch Tỳ-kheo khác để vào tụ lạc, sau đó đến A-lan-nhã, cho là đã bạch trước rồi nên trở vào tụ lạc lần nữa thì phạm Ba-dật-đề.

Nếu Tỳ-kheo ở trong trú xứ bạch Tỳ-kheo để vào tụ lạc, khi trở về trú xứ cho là đã bạch trước rồi nên trở vào tụ lạc lần nữa thì phạm Ba-dật-đề. Lại có Tỳ-kheo ở trong trú xứ bạch Tỳ-kheo khác để vào tụ lạc, sau đó đến A-lan-nhã, cho là đã bạch trước rồi nên trở vào tụ lạc lần nữa thì phạm Ba-dật-đề. Lại có Tỳ-kheo ở trong trú xứ bạch Tỳ-kheo khác để vào tụ lạc, sau đó đến Tăng phường, cho là đã bạch trước rồi nên trở vào tụ lạc lần nữa thì phạm Ba-dật-đề.

Nếu Tỳ-kheo phi thời vào tụ lạc, không bạch Tỳ-kheo khác, tùy đi trải qua bao nhiêu ngõ hẻm, tùy phạm Đột-kiết-la bấy nhiêu, tùy vào nhà bạch y bao nhiêu thì phạm Ba-dật-đề bấy nhiêu.

Lại có Tỳ-kheo gởi y trong nhà một cư sĩ, nghe tin nhà đó bị cháy liền chạy ra khỏi Tăng phường để vào tụ lạc đến nhà cư sĩ đó mà quên không bạch Tỳ-kheo khác, đến giữa đường sực nhớ liền quay trở lại để bạch Tỳ-kheo, trong khoảng thời gian đó nhà cư sĩ đã bị cháy hết, y của-Tỳ-kheo cũng bị cháy luôn. Cư sĩ trách Tỳ-kheo: "Tại sao giờ này thầy mới đến, phải đến sớm hơn thì có thể giúp tôi cứu lửa, nhà tôi không bị cháy hết, y của thầy cũng

không bị cháy". Tỳ-kheo này không biết làm sao liền đem việc này bạch Phật, Phật do việc này nhóm Tỳ-kheo tăng đủ lời khen ngợi giới và người trì giới rồi bảo các Tỳ-kheo: "Từ nay giới này nên nói lại như sau: Nếu Tỳ-kheo phi thời vào tụ lạc mà không bạch Tỳ-kheo khác thì phạm Ba-dật-đề, trừ nhân duyên gấp. Nhân duyên gấp là tụ lạc bị cháy hoặc trong tám nạn có nạn nào xảy ra, không kịp bạch Tỳ-kheo thì không phạm.

81. Giới Hứa Thỉnh Tăng Lại Bỏ Đi Đến Nhà Khác:

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó có một cư sĩ nhân nơi Bạt-nan-đà Thích tử mà thỉnh Phật và Tăng ngày mai đến nhà thọ thực, Phật im lặng nhận lời, cư sĩ biết Phật đã nhận lời liền đảnh lễ hữu nhiễu rồi ra về. Về đến nhà lo liệu đầy đủ các món ăn ngon, Bạt-nan-đà sáng sớm đáp y mang bát đi đến các nhà khác, lúc đó trong Tăng phường không có người bạch đã đến giờ thọ thực, cũng không có người đánh kiền chùy báo hiệu giờ ăn nên Phật bảo A-nan khi nào đến giờ thọ thực thì bảo người đánh kiền chùy. Đến giờ Phật và Tăng đi đến nhà cư sĩ đó nhưng không có ai ra đón, làm lễ kính và trải tòa mời ngồi, Phật bảo A-nan nhắc nhở chủ nhà thứ lớp nên làm điều gì, A-nan liền bảo chủ nhà trải tòa mời Phật và Tăng ngồi, kế bảo chủ nhà: "Phật và Tăng đã ngồi, vì sao không dọn thức ăn lên cho

Phật và Tăng thọ thực", cư sĩ nói: "Xin hãy chờ một chút, đợi Bạt-nan-đà Thích tử đến". Lát sau A-nan lại như trước nhắc chủ nhà một lần nữa, cư sĩ lại nói giống như trước; lát sau A-nan lại nhắc lần thứ ba, cư sĩ nói: "Bữa thỉnh thực này là vì Bạt-nan-đà Thích tử, nếu Bạt-nan-đà đến thì mới dọn lên, Bạt-nan-đà không đến thì hoặc dọn hoặc không dọn, nếu cần ăn thì hãy đợi Bạt-nan-đà". Lúc đó Bạt-nan-đà sắp qua giờ ngọ mới đến, cư sĩ liền tự tay dâng cúng các món ăn ngon, Bạt-nan-đà ăn vội xong trước liền đứng dậy đi đến nhà khác, cư sĩ đợi Phật và Tăng thọ thực xong, lấy ghế nhỏ ngồi trước Phật nghe thuyết pháp, Phật nói pháp chỉ dạy được lợi hỉ rồi cùng chúng Tăng ra về. Sau đó Phật bảo A-nan trải tòa rồi nhóm Tỳ-kheo tăng, tất cả Tỳ-kheo đều đến nhóm chỉ thiếu có Bạt-nan-đà, mãi đến mặt trời lặn Bạt-nan-đà mới về đến. Phật bảo các Tỳ-kheo: "Bạt-nan-đà là người ngu si, ngày nay hai thời xúc não tăng, trước giờ ngọ do nhân duyên ẩm thực, sau giờ ngọ do nhân duyên nhóm tăng", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo hứa với người khác thỉnh Tăng, trước giờ ngọ và sau giờ ngọ đi đến nhà khác thì phạm Ba-dật-đề.

Hứa thỉnh Tăng là hứa vì đàn việt thỉnh chúng tăng đến. Trước giờ ngọ là từ sáng sớm đến giữa

trưa; sau giờ ngọ là qua giữa trưa đến sáng hôm sau. Đi đến các nhà là nhà của bạch y, đồng tâm với bạch y nên ra vào nhà họ.

Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo ở A-lan-nhã bạch Tỳ-kheo khác vào tụ lạc, khi trở về A-lan-nhã cho là đã bạch trước rồi nên trở lại tụ lạc lần nữa thì phạm Ba-dật-đề… giống như trong giới trên, cho đến câu Tỳ-kheo vì đàn việt thỉnh tăng đến nhà ngủ qua đêm, nếu không bạch Tỳ-kheo khác mà xuất giới đến trong nhà đàn việt, tùy trải qua bao nhiêu ngõ hẻm thì phạm Ba-dật-đề bấy nhiêu; tùy đến trong nhà kia mấy lần thì phạm Ba-dật-đề bấy nhiêu.

-oOo-

LUẬT THẬP TỤNG

QUYỂN 18

V. CHÍN MƯƠI PHÁP BA DẬT ĐỀ (Tiếp Theo):

82. Giới Vào Cửa Cung Vua:

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó vua Ba-tư-nặc tự ra pháp tắc: Nếu Phật ở Kỳ hoàn thì ta sẽ hằng ngày đến đó yết kiến. Cho nên khi nghe tin Phật ở Kỳ hoàn liền ra lịnh quét dọn sạch sẽ trong Kỳ hoàn và bảo quân lính đuổi hết mọi người ra để vua đến yết kiến Phật. Lúc đó chỉ còn một người mặc y cũ rách ngồi ở trước Phật nghe pháp, vì kính Phật nên quân lính không dám đuổi đi, liền trở về bạch vua biết, Vua ra lịnh ngự giá đến Kỳ hoàn, đến nơi xuống xe đi bộ vào trong Kỳ hoàn, đại chúng từ xa thấy vua đến liền đứng dậy đón tiếp vua, chỉ có cư sĩ Tu-đạt ở trước Phật đang nghe pháp, vì kính Phật nên không đứng dậy. Vua nổi giận nói: "Đây là người nào mà mặc y cũ rách ngồi trước Phật, thấy ta đến lại không đứng dậy. Ta là đại vương đã được quán đảnh, ở trong nước ta được tự tại, người không phạm tội chết ta cũng có thể giết chết, người có tội chết ta cũng có thể tha", tuy vua tức giận như

thế nhưng vì kính Phật nên không nói ra lời, đến chỗ Phật đảnh lễ rồi ngồi một bên. Lúc đó Phật nói pháp chỉ dạy cho vua được lợi hỉ nhưng vì vua đang tức giận nên pháp không nhập tâm, thường pháp của Phật là không thuyết pháp cho người không nhất tâm nghe pháp, Phật liền hỏi vua: "Vì sao đem hai tâm nghe pháp", vua nói: "Thế tôn, đây là người nào mà mặc y cũ rách… giống như đoạn văn trên, cho đến câu người có tội chết tôi cũng có thể tha", cư sĩ Tu-đạt liền nói: "Đại vương biết không, tôi ở trước Phật đang nghe pháp, vì kính Phật nên không đứng dậy đón vua chớ không có lòng kiêu mạn", vua hổ thẹn bèn hỏi các đại thần: "Đây là người nào mà mặc y cũ rách ở trước Phật, thấy ta đến mà không đứng dậy nghinh đón", các đại thần tâu: "Đại vương, đây là cư sĩ Tu-đạt, là đệ tử của Phật đã đắc quả A-na-hàm, ngồi ở trước Phật đang nghe pháp, vì kính Phật nên không đứng dậy nghinh đón chứ không có lòng kiêu mạn". Vua nghe rồi liền nguôi giận suy nghĩ: "Định lực của Phật pháp khiến cho tâm người đắc được lực vô úy, ta nay sao không bảo các phu nhân thọ học Phật pháp để được đạt tâm", nghĩ rồi liền bảo các phu nhân: "Hãy theo các Tỳ-kheo thọ học kinh pháp". Lúc đó các Tỳ-kheo thối thoát nói rằng: "Phật chưa cho phép chúng tôi dạy kinh pháp cho các phu nhân", liền đem việc này bạch Phật, Phật nói: "Từ nay cho các Tỳ-kheo dạy kinh pháp

cho các phu nhân". Các phu nhân liền tự mỗi người thỉnh kinh sư, có người thỉnh Xá-lợi-phất, có người thỉnh Đại Mục-kiền-liên, có người thỉnh A-na-luật, phu nhân Mạt-lợi thỉnh Ca-lưu-đà-di làm thầy. Ở hậu cung các phu nhân theo thứ lớp hầu hạ vua, lúc đó đến phiên phu nhân Mạt-lợi hầu vua, bà mặc hạ-ý bằng lưới châu, thượng y bằng ma bối mỏng nên trong thân hiển lộ. Lúc đó Ca-lưu-đà-di mới tờ mờ sáng đã bước vào cửa cung, Mạt-lợi phu nhân thấy thầy đến vội bước ra đón, vì mặc y mỏng lộ thân nên hổ thẹn quỳ không đứng dậy, Ca-lưu-đà-di thấy rồi cũng hổ thẹn nên trở về lại trong Kỳ hoàn, đem việc này kể cho các Tỳ-kheo nghe, các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật bảo các Tỳ-kheo: "Tội lỗi như thế và còn nặng hơn nữa đều là do thường vào trong cung vua. Nếu Tỳ-kheo thường vào trong cung vua sẽ có mười lỗi lầm như sau:

Một là, nếu vua cùng phu nhân đang ngồi chung, Tỳ-kheo bước vào, nếu phu nhân nhìn Tỳ-kheo cười hoặc Tỳ-kheo nhìn phu nhân cười thì Tỳ-kheo này sẽ khởi ác nghiệp.

Hai là, vua ngủ với phu nhân mà không tự nhớ nghĩ, nếu phu nhân này ra ngoài cung trở về có mang, lúc đó vua thấy Tỳ-kheo ra vào trong cung liền nghĩ rằng: Phu nhân này ra ngoài cung, Tỳ-kheo này thường ra vào cung, ắt là đã cùng khởi ác nghiệp.

Ba là, vua mất năm loại vật báu hay năm loại tợ vật báu, thấy Tỳ-kheo thường ra vào trong cung liền nghĩ ắt là đã khởi ác nghiệp.

Bốn là, vua bí mật dặn dò việc gì, nếu chẳng may việc ấy bị tiết lộ ra ngoài, vua thấy Tỳ-kheo thường ra vào trong cung liền nghĩ ắt là do Tỳ-kheo truyền nói.

Năm và sáu là, vua muốn giết vương tử hoặc vương tử muốn thích sát vua, những người không tin ưa sẽ cho rằng là do Tỳ-kheo làm và không muốn làm việc chung với Tỳ-kheo.

Bảy và tám là, vua muốn thăng chức cho quan nhỏ hoặc giáng chức của quan lớn, những người không tin ưa sẽ cho là do Tỳ-kheo làm và không muốn làm việc chung với Tỳ-kheo.

Chín là, khi vua xa giá có cờ xí chuông trống hoặc vua cởi voi, ngựa, ngồi kiệu ra ngoài, quân lính đi trước xua đuổi mọi người, những người không tin ưa thấy Tỳ-kheo bên cạnh vua sẽ cho là do Tỳ-kheo xúi giục vua làm và không muốn làm việc chung với Tỳ-kheo.

Mười là, vua chinh phạt hàng phục được quân địch, người đáng tội chết đáng lẽ xử tội chết nhưng lại ra lịnh tha; những người không tin ưa sẽ cho là do Tỳ-kheo xúi giục vua và không muốn làm việc chung với Tỳ-kheo.

"Này các Tỳ-kheo, chỗ các vương gia có nhiều

binh voi, binh mã… chỉ thích nghi với bạch y chớ không thích nghi với Tỳ-kheo", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo, dòng vua Sát-đế-lỵ đã được quán đảnh, trời chưa sáng, vua chưa cất của báu mà bước qua ngạch cửa cung thì Tỳ-kheo này phạm Ba-dật-đề.

Vua dòng Sát-đế-lỵ được quán đảnh là lên ngôi vua, nếu Bà-la-môn hoặc cư sĩ hay người nữ lên ngôi vua cũng gọi là vua dòng Sát-đế-lỵ được quán đảnh. Trời chưa sáng là vua chưa ra khỏi hậu cung, chưa cất của báu là phu nhân chưa lui vào trong hậu cung, chưa cất đồ trang nghiêm nơi thân.

Tướng phạm trong giới này là vua chưa ra khỏi hậu cung, phu nhân chưa vào trong thẩm cung, chưa cất của báu, lúc đó Tỳ-kheo bước vào cửa cung thì phạm Ba-dật-đề. Vua tuy ra khỏi hậu cung nhưng phu nhân chưa vào trong thẩm cung, chưa cất của báu, Tỳ-kheo bước vào cửa cung cũng phạm Ba-dật-đề. Vua tuy ra, phu nhân tuy đã vào nhưng chưa cất của báu, Tỳ-kheo bước vào cũng phạm Ba-dật-đề. Vua đã ra, phu nhân đã vào và đã cất của báu, Tỳ-kheo bước vào cửa cung thì không phạm.

Phật tại nước Câu-xá-di, lúc đó vua Ưu-điền có một ngàn phu nhân chia làm hai bộ, mỗi bộ năm

trăm người, phu nhân Xá-di-đề-bà đứng đầu một bộ, phu nhân A-nô-bạt-ma đứng đầu một bộ, bộ của Xá-di-đề-bà thì hiền lành có công đức còn bộ của A-nô-bạt-ma thì bất thiện ác tà. Lúc đó vua Ưu-điền có một nước nhỏ phản nghịch muốn đi chinh phạt nên suy nghĩ: "Ta nên cử ai ở lại để trấn giữ cung thành không cho việc ác xảy ra, ta mới yên tâm đi phá giặc. Bà-la-môn Ma-kiền-đề là người lợi căn có oai đức, lại là cha vợ của ta, ta sẽ cử ở lại trấn giữ cung thành không cho việc ác xảy ra để ta đi phá giặc. Ta đối với ông ấy không xấu chắc là không có ưu hối", nghĩ rồi liền cử Bà-la-môn ở lại giữ cung thành, tin này liền lan truyền ra khắp các tụ lạc thành ấp, sáng hôm sau có trăm ngàn người đứng trước cửa nhà của Bà-la-môn này, người này khen ngợi, người kia tán tụng, người nọ cung kính lễ bái, người khác đem dâng voi ngựa, trâu dê… vàng bạc châu báu… Bà-la-môn này liền suy nghĩ: "Ta được giàu có thế lực như thế đều là nhờ sức của con gái ta, ta phải làm gì để báo đáp, nếu cho vàng bạc châu báu thì ông ta không thiếu. Người mà con ta oán thù tật đố không ai khác là các phu nhân đối đầu, ta phải làm cho bộ của phu nhân Xá-di-bà-đề chết hết để báo ân con gái ta, nhưng ta không thể ra mặt giết chết, ta phải làm phương tiện hỏa thiêu để giết chết họ", nghĩ rồi liền sai sứ đến nói với phu nhân Xá-di-bà-đề: "Bà như con gái của ta không khác, nếu bà có

cần gì như tô dầu củi gỗ… thì cứ sai người đến lấy", lại bảo người giữ kho: "Nếu phu nhân Xá-di-bà-đề có sai người đến lấy tô dầu củi gỗ … thì nên cho gấp hai, Ba-lần". Tánh người nữ vốn tham cất chứa tài vật dễ được nên phu nhân cho người đến lấy nhiều tô dầu củi gỗ … chất đầy trong cung của mình. Khi Bà-la-môn này biết được phu nhân đã lấy nhiều chất dẫn lửa để trong cung liền ra lịnh đóng cửa cung rồi phóng hỏa thiêu. Mọi người trong cung thành thấy trong cung lửa cháy muốn phá cửa để vào cứu lửa, Bà-la-môn này suy nghĩ: "Nếu mọi người phá cửa vào được thì phu nhân sẽ không bị thiêu chết", nghĩ rồi liền phương tiện ngăn cản nói rằng: "Không nên phá cửa cung xông vào mà nên làm thang dây leo vào", khi họ làm xong thang dây leo vào thì phu nhân Xá-di-bà-đề… cả thảy năm trăm người đều đã bị thiêu chết, họ liền đưa tin báo cho vua biết. Vua nghe tin này trong lòng ưu não nói rằng: "Người có phước đức như thế nay vĩnh viễn biệt ly rồi", vì quá ư não nên vua ngất xỉu nằm mê man, các quan rưới nước cho vua tỉnh lại rồi khuyên can: "Vua chớ ưu sầu, sẽ cho xây lại cung điện và tuyển chọn mỹ nữ". Vua phá giặc xong trở về trụ ở ngoài thành nói rằng: "Ta sẽ không vào thành cho đến khi nào xây lại xong cung điện và tuyển đủ năm trăm mỹ nữ", vua tức giận dùng bạo lực để thúc đẩy công việc này mau thành nên không bao lâu sau cung điện mới

được xây xong và năm trăm mỹ nữ cũng được tuyển chọn xong, trong số mỹ nữ này có em gái của Xá-di-bà-đề là đẹp nhất và có oai đức. Các quan tâu với vua: "Nay cung điện đã xây xong, mỹ nữ cũng đã tuyển đủ xin vua biết thời", vua liền vào ngự trong cung mới và cùng các mỹ nữ mới được tuyển chọn vui vầy hoan lạc. Sau đó vua dần dần tra hỏi rõ sự việc mới biết là do Bà-la-môn Ma-kiền-đề vì con gái mình mà làm việc ác này, vua liền cho gọi đến nói rằng: "Ông hãy rời khỏi nước ta, ta không thích giết Bà-la-môn", và ra lịnh giết phu nhân A-nô-bạt-ma. Những phu nhân mới khi được vua sủng ái liền bạch vua: "Phu nhân Xá-di-bà-đề trước đây thường cúng dường Phật và tăng, xin vua cho phép chúng tôi cũng được cúng dường Phật và Tăng", vua nói: "Phật không cho các Tỳ-kheo vào trong cung", các phu nhân muốn vua khởi tâm kiêu mạn nên nói: "Vua có đại oai lực, việc lớn còn lo xong huống chi việc này, xin vua giúp chúng tôi hoàn thành tâm nguyện này", vua nghe lời này liền khởi tâm kiếu mạn nhận lời nói rằng: "Nếu các nàng thật muốn cùng dường thì hãy tùy sức lo liệu các phẩm vật cúng dường". Các phu nhân này nghe rồi liền tùy sức lo liệu, người muốn cúng y Tăng-già-lê, người muốn cúng y Uất-đa-la-tăng, người muốn cúng y An-đà-hội… Lúc đó vua liền cho gọi người thợ khéo đến hỏi: "Khanh có thể làm cách nào khiến cho các phu nhân không ra khỏi cung mà

vẫn có thể cúng dường Phật và Tăng không?", đáp là có thể được, vua liền hỏi làm thế nào, người thợ đáp: "Nên xâu một hành luân cung", vua liền ra lịnh xây hành luân cung. Sau khi xây xong người thợ đến bạch vua: "Luân cung đã xây xong xin vua biết thời", vua liền đi đến chỗ Phật đảnh lễ rồi ngồi một bên, Phật thuyết pháp cho vua được lợi hỉ rồi im lặng, vua chắp tay bạch Phật: "Xin Phật và Tăng ngày mai thọ con thỉnh thực", Phật im lặng nhận lời, vua biết Phật đã nhận lời liền đảnh lễ hữu nhiễu rồi ra về. Trong đêm đó vua ra lịnh lo liệu đủ các món ăn ngon để cúng dường, sáng sớm trải tòa ngồi rồi sai sứ đến bạch Phật: "Đã đến giờ thọ thực, xin Phật biết thời". Các Tỳ-kheo đi đến cung vua, Phật bảo người nhận lấy phần của mình, người thợ khéo lúc đó biết Tăng đã đến liền làm cho luân cung chuyển quanh chúng Tăng, vua biết Tăng đã ngồi rồi liền tự tay dâng các món ăn lên cúng dường cho tất cả đều được no đủ. Sau đó cho mở cửa cung để các phu nhân ra thăm hỏi các Tỳ-kheo, lúc đó Trưởng lão Xá-lợi-phất hỏi các Tỳ-kheo: "Chúng ta ngày nay không ở trong cung vua phải không, phải cùng nhất tâm", vua lấy ghế nhỏ ngồi trước Tăng muốn nghe thuyết pháp và bảo các phu nhân muốn cúng dường gì thì bây giờ là đúng lúc. Các phu nhân người cúng y Tăng-già-lê, người cúng y Uất-đa-la-tăng, người cúng y An-đà-hội… cho các Tỳ-kheo , tất cả đều đựng đầy tay đãy các

phẩm vật cúng dường. Lúc đó vua phương tiện nghĩ cách nào cho các Tỳ-kheo đi ngang qua trong cung, liền bảo thợ khéo ngăn đường đi phía trước rồi bạch Tăng: "Các Đại-đức hãy đi lối này", các Tỳ-kheo nói: "Phật không cho chúng tôi đi vào trong cung", vua nói: "Ta mời các vị đi ra chứ không mời đi vào". Lúc đó Trưởng lão Xá-lợi-phất chú nguyện xong liền cùng chư Tăng đứng dậy ra về, về đến Tăng phường đem việc này bạch Phật, Phật do việc này nhóm Tỳ-kheo tăng đủ lời khen ngợi giới và người trì giới rồi bảo các Tỳ-kheo: "Từ nay giới này nên nói lại như sau:

Nếu Tỳ-kheo khi vua dòng Sát-đế-lỵ đã quán đảnh trời chưa sáng chưa ra khỏi cung, chưa cất của báu mà bước qua ngạch cửa cung thì phạm Ba-dật-đề, trừ nhân duyên. Nhân duyên là vua sai sứ đến mời, hoặc phu nhân, vương tử, các quan có thế lực mời thì không phạm.

83. Giới Nói Không Biết Học Giới:

Phật tại nước Câu-xá-di, lúc đó Tỳ-kheo Xiển-na có tội nên sám hối, các Tỳ-kheo thương xót muốn tâm thầy được an nên bảo thầy sám hối, Xiển-na nói: "Tôi nay mới biết việc này ở trong Giới kinh, tùy mỗi nửa tháng nói một lần ". Có Tỳ-kheo thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo

tăng rồi hỏi Tỳ-kheo Xiển-na: "Thầy thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo đã phạm tội nên sám hối, các Tỳ-kheo thương xót dạy bảo sám hối lại nói là tôi nay mới biết việc này… nói một lần", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo khi thuyết giới nói rằng: "Tôi nay mới biết việc này ở trong Giới kinh, tùy mỗi nửa tháng nói một lần". Các Tỳ-kheo biết Tỳ-kheo này trước đã từng hai, Ba-lần nghe thuyết giới không phải chỉ một lần. Tỳ-kheo này không phải vì nói không biết mà được thoát tội, tùy theo việc đã phạm mà bảo như pháp sám hối, nên quở trách khiến cho được chiết phục rằng: "Thầy không có lợi ích, đây là việc ác bất thiện, khi thuyết giới đã không tôn trọng giới, không nhất tâm nghe giới", do việc này nên phạm Ba-dật-đề.

Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo khi thuyết giới đến bốn Ba-la-di mà nói rằng: "Tôi nay mới biết việc này ở trong Giới kinh… nói một lần", thì phạm Ba-dật-đề. Khi thuyết giới đến mười ba pháp Tăng-già-bà-thi-sa hoặc hai pháp bất định hoặc ba mươi pháp Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề hoặc chín mươi pháp Ba-dật-đề hoặc bốn pháp Ba-la-đề-đề-xá-ni hoặc Chúng học pháp hoặc bảy pháp Chỉ tránh, cho đến kinh tùy luật mà nói rằng: "Tôi nay

mới biết việc này… nói một lần ", thì phạm Ba-dật-đề. Trừ kinh tùy luật ra, nói các kinh khác mà nói rằng: "Tôi nay mới biết pháp này…", thì phạm Đột-kiết-la.

84. Giới Làm Ống Kim Bằng Ngà:

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó trong nước Xá-vệ có một người thợ tiện sừng, ngà tên là Đạt-ma-đề-na, nhà giàu có đủ thứ thành tựu nên Phật và Tăng cần gì đều thỉnh tùy ý như móc y, bát, ống kim… Do các Tỳ-kheo thường thường đến thọ lấy dùng nên người này trở nên nghèo thiếu, không thể cung cấp đủ cho vợ con. Các cư sĩ khác sanh tật đố hiềm trách: "Sa-môn Thích tử không biết lượng, không biết nhàm đủ, nếu người thí không biết lượng thì người thọ nên biết lượng. Đạt-ma-đề-na này vốn giàu có nhiều tài bảo, do bố thí không biết lượng nên trở nên nghèo thiếu, không thể cung cấp đủ cho vợ con". Có Tỳ-kheo thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng rồi quở trách các Tỳ-kheo: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo lại không biết thời, không biết lượng, người thí không biết lượng thì… không thể cung cấp đủ cho vợ con", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo dùng sừng, ngà, xương làm ống

kim thì phạm Ba-dật-đề.

Sừng là sừng dê, sừng trâu, sừng bò, sừng nai… ngà là ngà voi; xương là xương voi, xương ngựa, xương răn…

Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo lấy sừng (dê, nai…) hoặc ngà voi hoặc xương (voi, ngựa…) làm ống kim thì phạm Ba-dật-đề, tùy làm được bao nhiêu thì phạm Ba-dật-đề bấy nhiêu. Nếu Tỳ-kheo đã dùng sừng, ngà, xương làm ống kim rồi thì nên phá bỏ ống kim này rồi vào trong Tăng bạch rằng: "Tôi dùng sừng, ngà, xương làm ống kim, phạm Ba-dật-đề, nay xin phát lồ sám hối không dám che dấu", Tăng nên hỏi: "Thầy đã phá bỏ ống kim đó chưa?", đáp là đã phá, Tăng nên hỏi: "Thầy có thấy tội không?", nếu đáp là thấy tội thì Tăng nên bảo: "Thầy nay phát lồ sám hối, sau chớ có tái phạm". Nếu đáp là chưa phá bỏ thì Tăng nên bảo phá bỏ, nếu Tăng không bảo như thế thì tất cả Tăng đều phạm Đột-kiết-la; nếu Tăng đã dạy bảo mà không nghe theo thì Tỳ-kheo này phạm Đột-kiết-la.

85. Giới Làm Giường Cao Quá Lượng:

Phật tại nước Câu-xá-di, lúc đó Tỳ-kheo Xiển-Na-làm giường cao rộng tốt đẹp, khi Phật và A-nan du hành đến phòng của Xiển-na, Xiển-na liền bạch Phật: "Thế tôn, hãy vào phòng con xem giường", Phật bước vào nhìn thấy chiếc giường cao rộng tốt

đẹp liền nói với A-nan: "Nhiễm ô bại hoại, tại sao người ngu si này lại dùng giường cao rộng tốt đẹp như thế này", quở trách rồi do việc này nhóm Tỳ-kheo Tăng bảo các Tỳ-kheo: Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo muốn làm giường thì nên làm đúng lượng. Đúng lượng là chân giường cao bằng tám ngón tay của Phật, trừ phần tra vào lỗ bệ. Quá lượng này mà làm thì phạm Ba-dật-đề.

Giường có hai: Giường dây lỗ bệ nhỏ và giường dây lỗ bệ lớn. Chân giường lỗ bệ lớn có năm loại: Chân A-san-đề, chân Ba làng-cù, chân Đê-dương-giác, chân nhọn, chân cong; chân giường lỗ bệ nhỏ cũng có năm loại giống như vậy. Cao bằng tám ngón tay của Phật là như Phật nói: "Làm giường cao bằng tám ngón tay của ta, và ba phân tra vào lỗ bệ".

Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo làm giường cao quá tám ngón tay của Phật thì phạm Ba-dật-đề, tùy làm bao nhiêu phạm Ba-dật-đề bấy nhiêu. Nếu Tỳ-kheo làm giường cao quá tám ngón tay thì nên chặt bỏ bớt rồi vào trong Tăng bạch rằng: "Tôi làm giường cao quá tám ngón tay, phạm Ba-dật-đề , nay ở trong Tăng phát lồ sám hối, không có che dấu", Tăng nên hỏi: "Thầy đã chặt bỏ bớt chưa?", đáp là đã chặt, lại hỏi: "Thầy có thấy tội không?", đáp là thấy tội, Tăng nên bảo: "Thầy

nên như pháp sám hối, sau chớ có tái phạm ". Nếu đáp là chưa chặt bỏ thì Tăng nên bảo chặt bỏ, nếu Tăng không bảo chặt bỏ thì tất cả Tăng đều phạm Đột-kiết-la; nếu Tăng dạy bảo mà không chịu nghe theo thì Tỳ-kheo này phạm Đột-kiết-la.

86. Giới Dồn Đâu-La-Miên Làm Ngọa Cụ:

Phật tại thành Vương xá, lúc đó Lục quần Tỳ-kheo dùng bông Đâu-la-miên dồn làm ngọa cụ, các cư sĩ thấy rồi liền chê trách: "Sa-môn Thích tử tự nói lành tốt có đức mà lại dùng bông Đâu-la-miên dồn làm ngọa cụ, như vua, Đại-thần không khác". Có Tỳ-kheo thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng rồi hỏi Lục quần Tỳ-kheo: "Các thầy thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo lại dùng bông Đâu-la-miên dồn làm ngọa cụ", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo tự dùng bông Đâu-la-miên dồn làm ngọa cụ hoặc bảo người khác dồn thì phạm Ba-dật-đề.

Bông Đâu-la-miên là hoa liễu, hoa bạch dương, hoa A-cưu-la, hoa Ba cưu la…

Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo

dùng bông Đâu-la-miên dồn làm ngọa cụ thì phạm Ba-dật-đề, tùy dồn bao nhiêu thì phạm Ba-dật-đề bấy nhiêu. Nếu Tỳ-kheo dùng bông Đâu-la-miên dồn làm ngọa cụ thì nên phá bỏ ngọa cụ này rồi vào trong Tăng bạch rằng: "Tôi dùng bông Đâu-la-miên dồn làm ngọa cụ phạm Ba-dật-đề, nay phát lồ sám hối không có che dấu", Tăng nên hỏi: "Thầy đã phá bỏ chưa?", đáp là đã phá bỏ, Tăng nên hỏi: "Thầy có thấy tội không?", đáp là thấy tội, Tăng nên bảo: "Thầy nên như pháp sám hối, sau chớ có tái phạm". Nếu đáp là chưa phá bỏ thì Tăng nên bảo phá bỏ, nếu Tăng không bảo phá bỏ thì tất cả Tăng đều phạm Đột-kiết-la. Nếu Tăng bảo phá bỏ mà không chịu nghe theo thì Tỳ-kheo này phạm Đột-kiết-la.

87. Giới May Áo Tắm Mưa Quá Lượng:

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó Tỳ-xá-khư-lộc-tử-mẫu đến chỗ Phật đảnh lễ ngồi một bên nghe Phật nói pháp, Thế tôn tùy thuận nói pháp chỉ dạy cho được lợi hỉ rồi liền im lặng. Tỳ-xá-khư chắp tay bạch Phật: "Thế tôn, xin Phật và Tăng ngày mai thọ con thỉnh thực", Phật im lặng nhận lời, bà biết Phật đã nhận lời liền đảnh lễ Phật hữu nhiễu rồi ra về, về đến nhà ngay trong đêm đó lo liệu đủ các món ăn ngon. Đêm đó Phật và A-nan kinh hành ngoài đất trống, Phật ngẩng nhìn các vì sao rồi bảo A-nan: "Nếu bây giờ có người hỏi người hiểu biết

về thiên văn là lúc nào sẽ mưa, người đó ắt sẽ nói là bảy năm nữa sẽ mưa. Nhưng này A-Nan-đến giữa đêm ngôi sao này diệt sẽ có ngôi sao khác xuất hiện, nếu lúc đó có người hỏi người hiểu biết về thiên văn là lúc nào sẽ mưa, người đó ắt sẽ nói là bảy tháng sau sẽ mưa. Nhưng này A-Nan-đền cuối đêm ngôi sao này diệt sẽ có ngôi sao khác xuất hiện, nếu lúc đó có người hỏi người hiểu biết về thiên văn là lúc nào sẽ mưa, người đó ắt sẽ nói bảy ngày nữa sẽ mưa. Nhưng này A-Nan-đền khi trời sáng ở phương Đông có đám mây hình tròn như cái bát giăng đầy trong hư không, đám mây này có thể làm mưa lớn, nước sẽ trán đầy cống rãnh. Này A-nan, hãy bảo các Tỳ-kheo đám mây hình tròn như cái bát này sẽ làm mưa có công đức trừ bịnh tật, nếu các Tỳ-kheo muốn tắm thì nên đứng ngoài đất trống để tắm", A-nan vâng lời Phật dạy đi thông báo cho các Tỳ-kheo. Sáng hôm đó lúc trời mưa các Tỳ-kheo tùy ý đứng ngoài đất trống tắm, lúc đó Tỳ-xá-khư đã chuẩn bị thức ăn xong trải tòa ngồi rồi sai Tỳ-sử đến bạch Phật: "Đã đến giờ thọ thực, xin Phật biết thời".

Tỳ-sử này đi đến trong Kỳ hoàn tìm các Tỳ-kheo không thấy, nhìn qua lỗ cửa thì thấy các Tỳ-kheo lõa hình đứng tắm. Nhìn thấy rồi không vui nghĩ rằng: "Trong đây đều không có Tỳ-kheo, đều là ngoại đạo lõa hình không có hổ thẹn", nghĩ rồi liền trở về bạch với Tỳ-xá-khư biết, Tỳ-xá-khư là

người lợi căn nghe rồi liền biết ngày nay trời mưa lớn nên các Tỳ-kheo lõa hình đứng tắm ngoài đất trống, Tỳ-sử không biết nên mới nói lời này. Bà liền kêu một Tỳ-sử khác đến Kỳ hoàn đập cửa kêu lớn rằng: "Giờ thọ thực đã đến, xin tự biết thời", Tỳ-sử này đến Kỳ hoàn làm y như lời bà dạy, lúc đó Phật cùng đại chúng đắp y mang bát đi đến nhà Tỳ-xá-khư. Đợi Phật và Tăng ngồi xong, Tỳ-xá-khư tự tay rót nước và dâng thức ăn lên cúng dường, sau khi Phật và Tăng thọ thực xong, bà lấy chiếc ghế nhỏ ngồi phía trước Phật nghe thuyết pháp rồi bạch Phật: "Thế tôn, xin cho con được nguyện", Phật nói: "Chư-đa-dà-a-già-độ-a

-la-ha-tam-miệu-tam-Phật-đà không cho cô được quá nguyện", Tỳ-xá-khư nói: "Xin cho con được nguyện", Phật nói: "Cho cô được nguyện, cô muốn được nguyện gì?", Tỳ-xá-khư nói: "Con muốn được nguyện:

- Một là cúng cho Tỳ-kheo tăng áo tắm mưa.
- Hai là cúng cho Tỳ-kheo-ni áo tắm.
- Ba là cúng thức ăn cho Tỳ-kheo mới đến.
- Bốn là cúng thức ăn cho Tỳ-kheo sắp đi xa.
- Năm là cúng thức ăn uống cho Tỳ-kheo bịnh.
- Sáu là cúng thức ăn uống cho Tỳ-kheo khán bịnh.
- Bảy là thường cúng cháo cho Tỳ-kheo tăng.
- Tám là cúng thuốc thang và các vật cần dùng

cho Tỳ-kheo có nhiều người quen biết hay ít người quen biết khi có bịnh duyên.

Phật hỏi: "Do nhân duyên gì cô muốn cúng áo tắm cho Tỳ-kheo tăng?", đáp: "Đại-đức, con ngày nay chuẩn bị xong thức ăn liền trải tòa ngồi và sai Tỳ-sử đến Kỳ hoàn bạch Phật đã đến giờ thọ thực, Tỳ-sử này nhìn qua lổ cửa thấy các Tỳ-kheo lõa hình đứng tắm ở ngoài đất trống nên trở về nói với con rằng: Trong Kỳ hoàn không có Tỳ-kheo, chỉ có các ngoại đạo lõa hình không có hổ thẹn. Đại-đức, Tỳ-kheo lõa hình ở trước Phật và trước Hòa thượng, A-xà-lê tắm thì thật là không có hổ thẹn. Vì thế con muốn cúng áo tắm cho Tỳ-kheo tăng để mặc tắm mưa ở ngoài đất trống", Phật lại hỏi: "Do nhân duyên gì cô muốn cúng áo tắm cho Tỳ-kheo-ni tăng?", đáp: "Đại-đức, con cùng các cư sĩ nữ đến tắm trong sông A-kỳ-la, các Tỳ-kheo-ni cũng lõa hình tắm trong sông. Các cư sĩ nữ này nhìn thấy rồi tâm không vui chê trách rằng: Những người này ít phước đức, thân thô xấu không đẹp, bụng lớn, vú xệ, cần gì tu phạm hạnh. Đại-đức, người nữ lõa hình rất xấu xí, cho nên con muốn cúng áo tắm cho Tỳ-kheo-ni tăng", Phật lại hỏi: "Do nhân duyên gì cô muốn cúng thức ăn uống cho Tỳ-kheo khách mới đến?", đáp: "Đại-đức, khách Tỳ-kheo mới đến không biết chỗ nào nên đi chỗ nào không nên đi, đi đường lại mỏi mệt chưa được nghỉ ngơi, con muốn cúng thức ăn uống cho Tỳ-kheo khách mới

đến để sau đó vị ấy tùy biết chỗ nào nên đi, chỗ nào không nên đi", Phật lại hỏi: "Do nhân duyên gì cô muốn cúng thức ăn uống cho Tỳ-kheo sắp đi xa?", đáp: "Tỳ-kheo sắp đi xa nếu đợi đến giờ ăn, giờ Bát-đát-na hay phải đi khất thực thì bạn đồng hành sẽ bỏ đi, hoặc giữa đêm vào đường hiểm hoặc đi một mình ở ngoài đồng hoang. Con muốn cúng thức ăn uống để vị ấy không mất bạn, không bị lạc trong đường hiểm", Phật lại hỏi: "Do nhân duyên gì cô muốn cúng thức ăn uống cho Tỳ-kheo bịnh?", đáp: "Đại-đức, Tỳ-kheo bịnh nếu không được thức ăn uống ứng với bịnh thì bịnh khó lành, con muốn cúng thức ăn uống để bịnh của vị ấy mau lành", Phật lại hỏi: "Do nhân duyên gì cô muốn cúng thức ăn uống cho Tỳ-kheo khán bịnh?", đáp: "Đại-đức, Tỳ-kheo khán bịnh nếu đợi đến giờ ăn trong tăng hoặc phải đi khất thực thì việc chăm sóc cho Tỳ-kheo bịnh sẽ thiếu sót trong việc nấu cơm, canh hay cháo hoặc thuốc thang hoặc đổ đồ bất tịnh… Con muốn cúng thức ăn uống cho Tỳ-kheo khán bịnh để vị ấy chăm sóc người bịnh không có thiếu sót", Phật lại hỏi: "Do nhân duyên gì cô muốn thường cúng cháo cho Tỳ-kheo tăng?", đáp: "Đại-đức, nếu Tỳ-kheo không ăn cháo sẽ đói khát, trong bụng cồn cào. Con muốn cúng cháo để các Tỳ-kheo không bị khổ não", Phật lại hỏi: "Do nhân duyên gì cô muốn cúng thuốc thang và các vật cần dùng cho Tỳ-kheo có bịnh duyên có nhiều người

quen biết hay ít người quen biết?", đáp: "Tỳ-kheo khi có bịnh duyên ắt rất cần thuốc thang và các vật cần dùng nên con muốn cúng. Đại-đức, lại nữa nếu con nghe có Tỳ-kheo ở trú xứ nào chết mà Phật thọ ký cho vị đó là đã đoạn được ba phần kiết sử chứng quả Tu-đà-hoàn, không còn đọa trong ba ác đạo, chắc chắn được niết bàn, còn bảy đời nữa qua lại trong cõi trời người sẽ dứt hết khổ. Đại-đức, con sẽ hỏi: "Trưởng lão này có từng đến nước Xá-vệ không", nếu con nghe Tỳ-kheo này đã từng đến nước Xá-vệ, con suy nghĩ: "Trưởng lão này có thọ con cúng áo tắm mưa hoặc thức ăn uống mà con cúng cho Tỳ-kheo khách, hoặc thức ăn uống mà con cúng cho Tỳ-kheo sắp đi xa, hoặc thức ăn uống cho Tỳ-kheo bịnh, hoặc thức ăn uống cho Tỳ-kheo khán bịnh, hoặc cháo mà con thường cúng cho Tăng, hoặc thuốc thang và vật cần dùng mà con cúng cho Tỳ-kheo có bịnh duyên thì xin cho con vì nhân duyên này mà được giác ý đầy đủ. Đại-đức, nếu con nghe có Tỳ-kheo ở trú xứ nào chết mà Phật thọ ký cho vị đó là đã đoạn hết ba hạ phần kiết sử, làm yếu ba độc chứng quả Tư-đà-hàm, còn một đời nữa trở lại cõi này sẽ dứt hết khổ. Đại-đức, con sẽ hỏi… giống như đoạn văn trên cho đến câu xin cho con vì nhân duyên này được giác ý đầy đủ. Đại-đức, nếu con nghe có Tỳ-kheo ở trú xứ nào chết mà Phật thọ ký cho vị ấy là đã đoạn hết năm hạ phần kiết sử chứng quả A-na-hàm, ở trên cõi trời

bát niết bàn không còn trở lại trong nhân gian. Đại-đức, con sẽ hỏi… giống như đoạn văn trên cho đến câu xin cho con vì nhân duyên này được giác ý đầy đủ. Đại-đức, nếu con nghe có Tỳ-kheo ở trú xứ nào chết mà Phật thọ ký cho vị ấy là sanh đã tận, phạm hạnh đã lập, việc nên làm đã làm xong, tự biết tác chứng, được chứng quả A-la-hán. Con sẽ hỏi:… giống như đoạn văn trên cho đến câu xin cho con vì nhân duyên này được giác ý đầy đủ. Đại-đức, như thế Tài phước đức của con được thành tựu, do nhân duyên này con nhiếp được Pháp phước đức". Phật nói: "Lành thay Tỳ-xá-khư, ta cho cô được như nguyện này, cô hãy cúng áo tắm cho Tỳ-kheo tăng… tám điều nguyện trên. Tỳ-xá-khư, đây là Tài phước đức thành tựu, do nhân duyên này nhiếp được Pháp phước đức". Phật nói pháp cho Tỳ-xá-khư được lợi hỉ rồi cùng chư tăng ra về, về đến trú xứ Phật do việc này nhóm Tỳ-kheo tăng rồi bảo các Tỳ-kheo: "Từ nay cho các Tỳ-kheo cất chứa áo tắm mưa, tùy ý mặc tắm ở ngoài đất trống".

Sau khi Phật cho cất chứa áo tắm mưa, các Tỳ-kheo liền may áo rộng dài, có Tỳ-kheo thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng rồi hỏi các Tỳ-kheo: "Các thầy thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo lại may áo

tắm rộng dài như thế", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo muốn cất chứa áo tắm mưa, nên may đúng lượng như sau: dài sáu gang tay của Phật, rộng hai gang tay rưỡi, may quá lượng chế định này thì phạm Ba-dật-đề.

Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo may áo tắm chiều dài, chiều rộng quá lượng chế định này thì phạm Ba-dật-đề. Áo tắm quá lượng này nên cắt bỏ rồi vào trong Tăng bạch rằng: "Tôi may áo tắm mưa chiều dài chiều rộng đều quá lượng phạm Ba-dật-đề, nay phát lồ sám hối không có che dấu", Tăng nên hỏi: "Thầy đã cắt bỏ chưa?", nếu đáp là đã cắt bỏ, Tăng nên hỏi: "Thầy thấy tội không?", nếu đáp là thấy tội, Tăng nên nói: "Thầy hãy như pháp sám hối, sau chớ có tái phạm". Nếu đáp là chưa cắt bỏ thì Tăng nên bảo cắt bỏ, nếu Tăng không bảo cắt bỏ thì tất cả Tăng đều phạm Đột-kiết-la; nếu Tăng bảo cắt bỏ mà không chịu cắt bỏ thì Tỳ-kheo này phạm Đột-kiết-la.

88. Giới Cất Chứa Y Che Phủ Ghẻ:

Phật tại nước Duy-na-ly (Tỳ-da-ly), nước này đất mặn và ẩm ướt nên các Tỳ-kheo mắc bịnh ghẻ lở, có một Tỳ-kheo ghẻ lở chảy máu mủ làm dơ y An-đà-hội. Phật hỏi rõ nguyên do rồi do việc này nhóm Tỳ-kheo tăng đủ lời khen ngợi giới và người

trì giới rồi bảo các Tỳ-kheo: "Từ nay cho cất chứa y che phủ ghẻ cho đến mười ngày sau khi ghẻ lành, nếu cất chứa quá mười ngày thì phạm Ba-dật-đề". Sau khi Phật cho cất chứa y che ghẻ, các Tỳ-kheo liền may y rộng dài, có Tỳ-kheo thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng rồi hỏi các Tỳ-kheo: "Các thầy thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo lại cất chứa y che ghẻ rộng dài như thế", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo muốn may y phủ ghẻ, phải may đúng lượng như sau: dài bốn gang tay của Phật, rộng hai gang tay, may quá lượng chế định này thì phạm Ba-dật-đề.

Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo may y phủ ghẻ chiều dài chiều rộng đều quá lượng chế định thì phạm Ba-dật-đề. Y quá lượng này nên cắt bỏ rồi vào trong Tăng bạch rằng: "Tôi may y phủ ghẻ chiều dài chiều rộng đều quá lượng chế định phạm Ba-dật-đề, nay phát lồ sám hối không có che dấu", Tăng nên hỏi: "Đã cắt bỏ chưa?", nếu đáp là đã cắt bỏ, Tăng nên hỏi: "Thầy thấy tội không?", nếu đáp là thấy tội, Tăng nên bảo: "Thầy hãy như pháp sám hối chớ có tái phạm". Nếu đáp

là chưa cắt bỏ thì Tăng nên bảo cắt bỏ, nếu Tăng không bảo cắt bỏ thì Tăng phạm Đột-kiết-la; nếu Tăng bảo cắt bỏ mà không chịu cắt bỏ thì Tỳ-kheo này phạm Đột-kiết-la.

89. Giới Cất Chứa Ni-Sư-Đàn:

Phật tại nước Duy-na-ly (Tỳ-da-ly), lúc đó có Tỳ-kheo xuất tinh làm dơ ngọa cụ, sáng sớm giặt phơi ở bên trong tinh xá, khi Phật đắp y mang bát vào thành khất thực nhìn thấy việc này nên sau khi thọ thực xong, Phật do việc này nhóm Tỳ-kheo tăng rồi hỏi các Tỳ-kheo: "sáng sớm ta đắp y mang bát vào thành khất thực nhìn thấy ngọa cụ dơ giặt phơi trong tinh xá, các thầy không nên phơi như thế. Chúng tăng dùng nhiều ngọa cụ không biết lượng, các cư sĩ dè xẻn để cúng dường cầu phước, các thầy nên trù lượng dùng ít thì tốt. Nếu Tỳ-kheo loạn niệm, không nhất tâm trong khi ngủ thì có năm lỗi: Một là khó ngủ, Hai là khó tỉnh thức, Ba là thấy ác mộng, Bốn là khi ngủ thiện thần không hộ, Năm là khi tỉnh thức tâm khó nhập pháp thiện giác quán. Ngược lại nếu Tỳ-kheo không loạn niệm, nhất tâm trong khi ngủ thì có năm điều thiện: Một là không khó ngủ, Hai là dễ tỉnh thức, Ba là không có ác mộng, Bốn là khi ngủ thiện thần hộ, Năm là khi tỉnh thức tâm dễ nhập pháp thiện giác quán. Nếu Tỳ-kheo có dâm nộ si, chưa được ly dục, không loạn niệm, nhất tâm ngủ nghỉ còn không thất

tinh huống chi là Tỳ-kheo lìa dục", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Từ nay cho các Tỳ-kheo cất chứa Ni-sư-đàn để hộ ngọa cụ của Tăng, không nên không trải Ni-sư-đàn mà ngồi trên ngọa cụ của Tăng.

Sau khi Phật cho cất chứa Ni-sư-đàn, các Tỳ-kheo liền may rộng dài, có Tỳ-kheo thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng rồi hỏi các Tỳ-kheo: "Các thầy thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo lại cất chứa Ni-sư-đàn rộng dài như thế", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo muốn may Ni-sư-đàn, nên may đúng lượng như sau: dài hai gang tay của Phật, rộng một gang tay rưỡi, may quá lượng chế định này thì phạm Ba-dật-đề.

Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo may Ni-sư-đàn chiều dài chiều rộng đều quá lượng chế định thì phạm Ba-dật-đề. Ni-sư-đàn quá lượng này nên cắt bỏ rồi vào trong Tăng bạch rằng: "Tôi may Ni-sư-đàn chiều dài chiều rộng đều quá lượng phạm Ba-dật-đề , nay phát lồ sám hối không có che dấu", Tăng nên hỏi: "Đã cắt bỏ chưa?", nếu đáp là đã cắt bỏ thì Tăng nên hỏi: "Thầy thấy tội không?",

nếu đáp là thấy tội, Tăng nên bảo: "Thầy hãy như pháp sám hối, sau chớ có tái phạm". Nếu đáp là cắt bỏ thì Tăng nên bảo cắt bỏ, nếu Tăng không bảo cắt bỏ thì Tăng phạm Đột-kiết-la; nếu Tăng bảo cắt bỏ mà không chịu cắt bỏ thì Tỳ-kheo này phạm Đột-kiết-la.

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó vào sáng sớm Phật đắp y mang bát vào thành khất thực, thọ thực xong vào trong rừng An đà trải Ni-sư-đàn dưới một gốc cây ngồi. Trưởng lão Ca-lưu-đà-di cũng vào trong rừng An đà, trải Ni-sư-đàn dưới một gốc cây ngồi cách Phật không xa. Trưởng lão này thân to lớn, quỳ gối hai tay cầm y nguyện rằng: "Chừng nào Phật sẽ cho tôi may Ni-sư-đàn thêm một gang tay của Phật nữa thì mới đủ ngồi". Đến xế chiều Phật xuất thiền, do việc này nên nhóm Tỳ-kheo tăng rồi bảo các Tỳ-kheo: "Sáng nay ta đắp y mang bát vào thành khất thực… giống như đoạn văn trên cho đến câu thì mới đủ ngồi". Này các Tỳ-kheo, từ nay giới này nên nói lại như sau:

Nếu Tỳ-kheo muốn may Ni-sư-đàn, nên may đúng lượng như sau: dài hai gang tay của Phật, rộng một gang tay rưỡi và viền quanh thêm một gang tay, may quá lượng chế định này thì phạm Ba-dật-đề.

90. Giới May Y Bằng Lượng Y Của Phật:

Phật tại nước Ca-duy-la-vệ, Trưởng lão Nan-đà

là em của Phật do Di mẫu sanh ra, thân tương tợ như Phật cũng có ba mươi hai tướng tốt, nhưng thấp hơn Phật bốn ngón tay. Lúc đó Trưởng lão may y bằng lượng y của Phật đắp mặc khiến cho các Tỳ-kheo vào giờ thọ thực từ xa thấy Nan-đà đến đều tưởng là Phật nên đứng dậy nghinh đón, khi Nan-đà đến gần mới biết là không phải Phật nên các Thượng tòa đều hổ thẹn, nghĩ rằng: "Đây là Hạ tòa của chúng ta, tại sao lại đứng dậy nghinh đón", Nan-đà cũng hổ thẹn nói rằng: "Đã khiến cho các vị đứng dậy nghinh đón tôi". Các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật do việc này nhóm Tỳ-kheo tăng rồi hỏi Nan-đà: "Thầy thật đã làm việc này phải không?', đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo lại may y bằng với lượng y của Phật, từ nay thầy nên may y giảm bớt thước tấc lại. Y này nên đem nhuộm cho hoại sắc rồi trải phơi. Nếu có ai may y giống như thế, Tăng cũng nên đồng tâm đem nhuộm cho hoại sắc rồi trải phơi", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo may y bằng với lượng y của Phật thì phạm Ba-dật-đề. Lượng y của Phật là dài chín gang tay của Phật, rộng sáu gang tay.

Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo may y bằng với lượng y của Phật thì phạm Ba-dật-đề, may quá lượng y của Phật cũng phạm Ba-dật-

đề, tùy may được thành đều phạm Ba-dật-đề. Y này nên cắt bỏ rồi vào trong tăng bạch rằng: "Tôi may y bằng với lượng y của Phật, phạm Ba-dật-đề, nay phát lồ sám hối không có che dấu", Tăng nên hỏi: "Đã cắt bỏ chưa?", nếu đáp là đã cắt bỏ, Tăng nên hỏi: "Thầy thấy tội không?", nếu đáp là thấy tội, Tăng nên bảo: "Thầy hãy như pháp sám hối, sau chớ có tái phạm". Nếu đáp là chưa cắt bỏ, Tăng nên bảo cắt bỏ, nêu Tăng không bảo cắt bỏ thì Tăng phạm Đột-kiết-la; nếu Tăng bảo cắt bỏ mà không chịu cắt bỏ thì Tỳ-kheo này phạm Đột-kiết-la.

-oOo-

LUẬT THẬP TỤNG

QUYỂN 19

VI. BỐN PHÁP BA LA ĐỀ XÁ NI:

1 Giới Thọ Thức Ăn Từ Tỳ-kheo-ni Không Quen:

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó thời thế đang mất mùa đói kém, Tỳ-kheo-ni Liên-hoa-sắc có đức, quen biết nhiều nên được cúng nhiều y phục, ẩm thực, ngọa cụ, thuốc thang… các vật cần dùng. Tỳ-kheo-ni này vào sáng sớm đắp y mang bát vào thành khất thực, thấy các Tỳ-kheo vào thành khất thực không được, dáng vẻ buồn bã không vui nên sớt phần thức ăn trong bát của mình cho các Tỳ-kheo. Vị nào thiếu chút ít thì sớt cho chút ít, thiếu phân nữa thì sớt cho phân nữa, nếu không có gì thì sớt cho hết. Do Tỳ-kheo-ni này khất thực được bao nhiêu đều sớt cho hết cho các Tỳ-kheo như thế, trải qua hai, ba ngày không được ăn nên ngất xỉu giữa đường. Một thương nhân trông thấy liền bảo vợ: "Tỳ-kheo-ni Liên-hoa-sắc ngất xỉu giữa đường, nàng hãy đỡ dậy đưa về nhà", người vợ liền đỡ dậy đưa về nhà rồi nấu cháo cho ăn, khi Tỳ-kheo-ni tỉnh lại liền hỏi: "Cô có bịnh khổ gì mà ngất xỉu

giữa đường như thế?", đáp: "Tôi không có bịnh khổ gì, chỉ là vì hai, ba ngày nay không được ăn nên ngất xỉu", lại hỏi: "Cô khất thực không được gì sao?", đáp: "Khất thực được, vì thấy các Tỳ-kheo khất thực không được… giống như đoạn văn trên cho đến câu trải qua hai, ba ngày không được ăn nên mới ngất xỉu giữa đường". Các cư sĩ nghe rồi trong lòng không vui liền hiềm trách: "Sa-môn Thích tử không biết thời, không biết lượng, nếu người thí không biết lượng thì người thọ cũng nên biết lượng. Tỳ-kheo-ni Liên-hoa-sắc này vì đoạn thực nên suýt chết", có Tỳ-kheo thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng rồi hỏi các Tỳ-kheo: "Các thầy thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo lại không biết thời lượng… vì đoạn thực nên suýt chết", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo không bịnh vào tụ lạc được Tỳ-kheo-ni không quen biết tự tay trao cho thức ăn, Tỳ-kheo nay nên đến Tỳ-kheo khác nói tội như sau: 'Trưởng lão, tôi đã phạm pháp đáng quở trách, không nên làm, pháp này nên sám hối, tôi nay phát lồ sám hối'. Đây gọi là Ba-la-đề-đề-xá-ni.

Bịnh là bịnh nóng, bịnh lạnh, cảm gió… nếu ăn

thức ăn này thì bịnh được lành, trừ nhân duyên này ra đều gọi là không bịnh. Không quen biết là không có quan hệ mẹ con, chị em… cho đến bảy đời. Thức ăn là năm loại Khư-đà-ni (củ, cọng, lá, hoa, quả), năm loại Bồ-xà-ni (cơm, bún hoặc mì hay miến, bánh, cá và thịt)và năm loại tợ thức ăn (lúa nếp, lúa mạch, lúa mì, bắp, ca sư). Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo không bịnh vào tụ lạc được Tỳ-kheo-ni không quen biết tự tay trao cho thức ăn củ… hoặc cơm… hoặc bắp… thì phạm Ba-la-đề-đề-xá-ni. Không phạm là nếu bịnh hoặc Tỳ-kheo-ni có quen biết hoặc trong thiên miếu tế tự ở giữa đông người đưa cho hoặc ở trú xứ Sa-môn cho, hoặc ở trong chùa ni cho hoặc ở ngoài tụ lạc cho thì không phạm.

2. Giới Ăn Thức Ăn Do Tỳ-kheo Chỉ Bảo:

Phật tại thành Vương xá, lúc đó có một cư sĩ thỉnh Phật và hai bộ tăng vào ngày mai thọ thực, Phật im lặng nhân lời, cư sĩ biết Phật đã nhận lời liền đảnh lễ Phật hữu nhiễu rồi ra về. Về đến nhà liền lo chuẩn bị các món ăn ngon, sáng sớm trải tòa rồi sai sứ đến bạch Phật: "Đã đến giờ thọ thực, xin Phật tự biết thời", Phật cùng hai bộ tăng đến nhà cư sĩ ngồi. Cư sĩ thấy Phật và Tăng ngồi rồi liền tự tay dâng nước, khi sắp dọn thức ăn lên thì có một Tỳ-kheo-ni trợ giúp cho Điều-đạt, vì Lục quần Tỳ-kheo mà chỉ bảo cư sĩ rằng: "Đây là Thượng tòa

thứ nhất, đây là Thượng tòa thứ hai, đây là vị trì luật, đây là vị pháp sư…; nên đưa cơm cho Tỳ-kheo này, nên đưa canh cho Tỳ-kheo kia…", cư sĩ nói: "Tôi không biết ai là Thượng tòa thứ nhất, ai là Thượng tòa thứ hai, ai là vị trì luật, ai là vị pháp sư… Trong đây có nhiều thức ăn tôi sẽ dâng cúng cùng khắp, cô chớ nói lung tung; nếu cô còn nói lung tung thì tự cô dọn đưa thức ăn, tôi sẽ dừng lại". Phật từ xa thấy Tỳ-kheo-ni đó lăng xăng, lại nghe cư sĩ quở trách nên sau khi thọ thực xong trở về, Phật do việc này nhóm Tỳ-kheo tăng rồi quở trách Lục quần Tỳ-kheo: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo lại ăn thức ăn do Tỳ-kheo-ni chỉ bảo cư sĩ đưa cho", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu các Tỳ-kheo thọ bạch y thỉnh thực tại nhà, trong đây có Tỳ-kheo-ni chỉ bảo cư sĩ rằng: "Nên đưa cơm cho Tỳ-kheo này, nên đưa canh cho Tỳ-kheo kia…", các Tỳ-kheo nên bảo Tỳ-kheo-ni này rằng: "Cô hãy dừng lại, hãy đợi các Tỳ-kheo ăn xong". Nếu trong các Tỳ-kheo không có ai bảo Tỳ-kheo-ni như thế thì tất cả Tỳ-kheo này nên đến Tỳ-kheo khác nói rằng: "Trưởng lão, tôi phạm pháp đáng quở trách, không nên làm, pháp này nên sám hối, tôi nay phát lồ sám hối". Đây gọi là pháp Ba-la-đề-đề-xá-ni.

Tướng phạm trong giới này là nếu khi Tỳ-kheo

thọ thực, ăn thức ăn do Tỳ-kheo-ni chỉ bảo cư sĩ đưa cho thì phạm Ba-la-đề-đề-xá-ni; tùy thọ tùy ăn bao nhiêu thì phạm Ba-la-đề-đề-xá-ni bấy nhiêu. Nếu hai bộ tăng cùng ngồi, trong một bộ tăng nếu có một người bảo Tỳ-kheo-ni như thế thì trong bộ tăng thứ hai cũng gọi là nói. Nếu hai bộ tăng đi riêng, ngồi riêng, ăn riêng, trở ra riêng thì Tỳ-kheo đi vào nên hỏi Tỳ-kheo trở ra rằng: "Trong đây có Tỳ-kheo-ni nào chỉ bảo cư sĩ dọn đưa thức ăn cho Tỳ-kheo không?", nếu đáp là có thì nên hỏi: "Có vị nào bảo Tỳ-kheo-ni đó dừng lại chưa?", nếu đáp là có rồi thì Tỳ-kheo đi vào cũng gọi là có bảo Tỳ-kheo-ni; nếu đáp là chưa thì Tỳ-kheo đi vào nên bảo Tỳ-kheo-ni dừng lại.

3. Giới Thọ Thức Ăn Từ Học Gia Không Thỉnh Trước:

Phật tại nước Duy-na-ly, lúc đó có một tượng sư tên là Thủ la giàu sang có oai đức, nhiều tài bảo, ruộng vườn, tôi tớ… tất cả đều thành tựu. Người này quy y Tam bảo đã thấy lý Tứ đế chứng được Sơ quả, do cúng dường không tính toán nên tiền lương mỗi tháng là một ngàn kim tiền ông đều đem cúng dường hết cùng những vật sở hữu khác, cuối cùng trở nên nghèo thiếu không thể chu cấp cho vợ con đầy đủ. Các cư sĩ khác thấy rồi đều chê trách: "Sa-môn Thích tử không biết thời, không biết lượng, nếu người thí không biết lượng thì người

thọ cũng nên biết lượng. Tượng sư Thủ la này vốn giàu có dư dã, chỉ vì bố thí không biết lượng nên cuối cùng trở nên nghèo thiếu, không thể chu cấp cho vợ con đầy đủ, thật đáng thương". Có Tỳ-kheo thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng rồi hỏi các Tỳ-kheo: "Các thầy thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo lại không biết thời lượng… không thể chu cấp cho vợ con đầy đủ", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo:

"Các thầy nên làm yết ma Học gia cho tượng sư Thủ la, các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-na, Sa di, Sa-di-ni khi vào nhà này đều không được tự tay thọ thức ăn. Nếu có người nào giống như Thủ la tượng sư, Tăng cũng nên làm yết ma Học gia như thế, nên làm yết ma như sau: Tăng nhất tâm hòa hợp, một Tỳ-kheo trong Tăng xướng rằng:

Đại-đức Tăng lắng nghe, Thủ la tượng sư học gia này, khi các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-na, Sa di, Sa-di-ni vào trong nhà của học gia này không được tự tay thọ thức ăn. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay làm yết ma Học gia cho Thủ la tượng sư. Các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-na, Sa di, Sa-di-ni khi vào nhà của Học gia này không được tự tay thọ thức ăn. Bạch như vậy.

Như thế Bạch-nhị-yết-ma cho đến câu Tăng làm yết ma Học gia cho Thủ la tượng sư xong rồi. Tăng chấp thuận vì im lăng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

Lúc đó Thủ la tượng sư nghe Tăng đã yết ma Học gia cho mình, các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-na, Sa di, Sa-di-ni đến nhà mình đều không được tự tay thọ thức ăn, ông liền đến chỗ Phật đảnh lễ Phật bạch rằng: "Cúi xin Phật xả yết ma Học gia cho con", Phật bảo các Tỳ-kheo: "Các thầy hãy tác pháp xả yết ma Học gia cho Thủ la tượng sư. Nếu có người nào giống như Thủ la xin xả yết ma thì Tăng cũng nên cho xả yết ma như thế. Pháp xả yết ma là Tăng nhất tâm hòa hợp, Thủ la nên quỳ xuống chắp tay bạch Tăng:

Đại-đức Tăng lắng nghe, con là cư sĩ Thủ la do bố thí không biết lượng nên cuối cùng trở nên nghèo thiếu không thể chu cấp cho vợ con đầy đủ. Do nhân duyên này Tăng làm yết ma Học gia cho con, các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-na, Sa di, Sa-di-ni đến nhà con không được tự tay thọ thức ăn. Nay con theo Tăng xin xả yết ma Học gia, các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-na, Sa di, Sa-di-ni đến nhà con được tự tay thọ thức ăn như ban đầu. (Ba-lần)

Tăng nên trù lượng là nên cho xả yết ma hay không nên cho xả: Nếu Thủ la tượng sư này tài sản còn tổn giảm chưa được tăng trưởng thì dù Thủ la

có xin xả hay không xin xả, Tăng cũng không nên cho xả yết ma Học gia. Nếu Thủ la tượng sư này tài sản tăng trưởng thì dù Thủ la có xin hay không xin xả, Tăng cũng nên cho xả yết ma Học gia. Nếu Thủ la tượng sư tài sản không tăng cũng không giảm mà Thủ la lại đến xin xả thì Tăng nên cho xả, nếu không đến xin thì Tăng không nên cho xả yết ma Học gia. Một Tỳ-kheo trong Tăng xướng rằng:

Đại-đức Tăng lắng nghe, Thủ la tượng sư này trước kia làm đàn việt vì bố thí không biết lượng nên cuối cùng trở nên nghèo thiếu, không thể chu cấp đầy đủ cho vợ con. Tăng do việc này nên làm yết ma Học gia, các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-na, Sa di, Sa-di-ni vào nhà ông không được tự tay thọ thực. Nay Thủ la tượng sư này theo Tăng xin xả yết ma Học gia, các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-na, Sa di, Sa-di-ni vào nhà được tự tay thọ thực như trước kia. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay xả yết ma Học gia cho Thủ la tượng sư, các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-na, Sa di, Sa-di-ni vào nhà ông được tự tay thọ thực như trước kia. Bạch như vậy.

Như thế Bạch-nhị-yết-ma cho đến câu Tăng đã xả yết ma Học gia cho Thủ la tượng sư xong rồi. Tăng chấp thuận vì im lăng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

Này các Tỳ-kheo, do mười lợi nên kết giới cho

các Tỳ-kheo, từ nay giới này nên nói như sau:

Có các Học gia, sau khi Tăng làm yết ma Học gia xong, nếu Tỳ-kheo nào không được thỉnh trước mà đến trong nhà Học gia như thế tự tay thọ thực thì Tỳ-kheo này nên đến Tỳ-kheo khác nói tội như sau: 'Trưởng lão, tôi phạm pháp đáng quở trách, không nên làm, pháp này nên sám hối, tôi nay phát lồ sám hối'. Đây gọi là pháp Ba-la-đề-đề-xá-ni.

Học gia là người đã đắc sơ quả. Làm yết ma Học gia là Tăng làm yết ma Học gia cho người này. Không được thỉnh trước là Học gia này không có thỉnh trước mà đến trong nhà này tự tay thọ thực hoặc là năm loại Khư-đà-ni hoặc năm loại Bồ-xà-ni hoặc năm loại tợ thức ăn.

Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo không được thỉnh trước mà vào trong nhà Học gia này tự tay thọ năm loại Khư-đà-ni hoặc năm loại Bồ-xà-ni hoặc năm loại tợ thức ăn thì phạm Ba-la-đề-đề-xá-ni , tùy tự tay thọ bao nhiêu thì phạm Ba-la-đề-đề-xá-ni bấy nhiêu.

4. Giới Ở Ngoài Tăng Phường Tự Tay Thọ Thực:

Phật tại nước Ca-duy-la-vệ, lúc đó các Thích tử vào giờ ăn chiều thấy thức ăn ngon liền suy nghĩ: "Chúng ta không nên một mình ăn thức ăn ngon này, sao chúng ta không để dành cho Phật và Tăng", nghĩ rồi liền để dành thức ăn ngon đó cho

Phật và Tăng. Sáng sớm hôm sau các phụ nữ họ Thích dùng bảo vật tự trang nghiêm thân rồi đem thức ăn ngon này vừa đi vừa cười nói đến trong Tăng phường dâng cúng Phật và Tăng, người này nói: "Phật sẽ ăn thức ăn của tôi trước", người kia cũng nói: "Phật ăn thức ăn của tôi trước, nhờ đó tôi được lợi ích an lạc lâu dài". Lúc đó trong rừng Ni-câu-đà có giặc cướp vì trước phạm tội nên bị đuổi trong rừng, chúa giặc nghe những tiếng cười nói này nên kêu đồng bọn thức dậy: "Tất cả hãy thức dậy, chuẩn bị mâu giáo cung tên, nhóm tài vật lại một chỗ chớ để cho vương lực, tụ lạc lực bao vây làm cho ưu não", bọn cướp vội vàng thức dậy chuẩn bị như lời chúa giặc dạy, chúa giặc lại nói: "Hãy khoan, để ta xem thử là ai", nói rồi liền đứng trên cây nghe ngóng, kế giả tiếng Sa-môn hỏi là ai, đáp: "Chúng tôi là phụ nữ họ Thích đem thức ăn ngon đến trong Tăng phường cúng cho Phật và Tăng để được lợi ích an lạc lâu dài", chúa giặc nghe rồi liền trở lại bảo bọn cướp: "Nay chúng ta được lợi, chỉ cần cướp lấy", bọn cướp nghe rồi liền xông ra bắt lấy các phụ nữ họ Thích lột hết nữ trang và quần áo khiến cho lõa lồ rồi bỏ đi. Tiếng đồn vang khắp tụ lạc thành ấp, dòng họ Thích liền đem quân lực cùng tụ lạc lực bao vây bắt hết bọn cướp. Lúc các phụ nữ họ Thích này bị lõa lồ đứng đó thì Lục quần Tỳ-kheo đi đến nói rằng: "Hãy mang đến những thức ăn ngon này cho chúng tôi", các phụ

nữ này nghe rồi tức giận chê trách rằng: "Đáng lẽ phải thương xót chúng tôi bị lõa hình, sao chỉ nghĩ muốn được thức ăn ngon như thế chứ". Các Tỳ-kheo nghe biết liền đem việc này bạch Phật, Phật bảo A-nan lấy y đã xả mang đến cho các phụ nữ mỗi người một cái, A-nan làm theo lời Phật dạy. Các phụ nữ mặc y rồi mới mang thức ăn vào trong Tăng phường, đánh kiền chùy để dâng cúng Phật và Tăng, sau đó ngồi ở trước Phật nghe thuyết pháp, Phật nói pháp chỉ dạy cho họ được lợi hỉ rồi im lặng, các phụ nữ liền đảnh lễ Phật hữu nhiễu rồi ra về. Không bao lâu sau, Phật do việc này nhóm Tỳ-kheo tăng rồi quở trách Lục quần Tỳ-kheo: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo, Tăng chưa sai liền ra ngoài Tăng phường tự tay thọ thực mà không ở trong Tăng phường thọ thực", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo, từ nay giới này nên nói như sau:

Có Tỳ-kheo tăng trụ nơi A-lan-nhã nghi có khủng bố, nếu Tỳ-kheo biết chỗ A-lan-nhã nghi có khủng bố, Tăng chưa sai mà ra ngoài Tăng phường tự tay thọ thực, không phải ở trong Tăng phường thọ thực. Tỳ-kheo này nên đến Tỳ-kheo khác nói tội như sau: "Trưởng lão, tôi đã pháp pháp đáng quở trách, không nên làm, pháp này nên sám hối, tôi nay phát lồ sám hối". Đây gọi là pháp Ba-la-đề-đề-xá-ni.

Chỗ A-lan-nhã là nơi cách tụ lạc khoảng năm

trăm cung, cách nước Ma-kiệt-đà khoảng một Câu-lô-xá, cách nước phương Bắc khoảng nửa Câu-lô-xá. Nghi là cho đến nghi mất một bình nước. Khủng bố là cho đến sợ trong đây có ác Tỳ-kheo. Tăng chưa sai là Tăng chưa nhất tâm hòa hợp sai người này. Ngoài Tăng phường là bên ngoài bức tường hoặc hàng rào hoặc hào thành ngăn cách. Trong Tăng phường là bên trong bức tường hoặc hàng rào hoặc hào thành ngăn cách. Thực bao gồm năm loại Khư-đà-ni hoặc năm loại Bồ-xà-ni hoặc năm loại tợ thức ăn.

Tướng phạm trong giới này là nếu tăng chưa sai người này mà ra ngoài Tăng phường tự tay thọ năm loại Khư-đà-ni hoặc năm loại Bồ-xà-ni hoặc năm loại tợ thức ăn, không phải ở trong Tăng phường thọ thì phạm Ba-la-đề-đề-xá-ni.

Phật bảo các Tỳ-kheo: Từ nay nên yết ma sai người trông coi thức ăn, pháp sai như sau: Tăng nhất tâm hòa hợp, một Tỳ-kheo trong Tăng hỏi: "ai có thể làm người trông coi thức ăn cho Tăng?", nếu có người đáp là có thể thì Tăng nên xét: Nếu người này có đủ năm pháp là tùy ái, tùy sân, tùy sợ, tùy si, không biết có hay không có thì Tăng không nên sai. Ngược lại nếu thành tựu năm pháp là không tùy ái, không tùy sân, không tùy sợ, không tùy si, biết có hay không có thì Tăng nên sai. Một Tỳ-kheo trong tăng xướng rằng:

Đại-đức Tăng lắng nghe, Tỳ-kheo ..... có thể

làm người trông coi thức ăn cho Tăng. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay sai Tỳ-kheo ..... làm người trông coi thức ăn cho Tăng. Bạch như vậy.

Như thế Bạch-nhị-yết-ma cho đến câu Tăng đã yết ma sai Tỳ-kheo ..... làm người trông coi thức ăn cho Tăng xong rồi. Tăng chấp thuận vì im lặng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

Nếu sau khi thọ Tăng sai rồi, Tỳ-kheo này biết trong chỗ đó có giặc thì nên thông báo cho tịnh nhơn biết, nếu thấy trong chỗ đó có người nghi là giặc cướp thì nên nhận lấy thức ăn mang đến và nói với người mang thức ăn rằng: "Các vị chớ vào trong chỗ đó, vì trong đó có người nghi là giặc cướp", nếu người mang thức ăn không nghe theo, cố vào chỗ đó thì Tỳ-kheo không phạm."

VII. MỘT TRĂM LẺ BẢY PHÁP CHÚNG HỌC:

Phật tại thành Vương xá, lúc đó các Tỳ-kheo mặc Nê-hoàn tăng quá cao hoặc qua thấp hoặc so le không ngay ngắn, Phật thấy rồi suy nghĩ: "Ta phải quán chư Phật quá khứ mặc Nê-hoàn tăng như thế nào", chư thiên cõi trời Tịnh cư nói trong hư không: "Thế tôn, chư Phật quá khứ đều mặc Nê-hoàn tăng tề chỉnh", Phật cũng tự nhớ biết chư Phật quá khứ đều mặc Nê-hoàn tăng tề chỉnh. Phật lại nghĩ: "Ta phải quán chư Phật vị lai mặc Nê-hoàn

tăng như thế nào", chư thiên cõi trời Tinh cư nói trong hư không: "Thế tôn, chư Phật vị lai đều mặc Nê-hoàn tăng tề chỉnh", Phật cũng quán biết chư Phật vị lai đều mặc Nê-hoàn tăng tề chỉnh. Phật lại nghĩ: "Ta phải quán chư thiên cõi trời Tinh cư mặc Nê-hoàn tăng như thế nào", chư thiên cõi trời Tinh cư nói trong hư không: "Chư thiên cõi trời Tịnh cư đều mặc Nê-hoàn tăng tề chỉnh, Phật cũng tự biết chư thiên cõi trời Tịnh cư đều mặc Nê-hoàn tăng tề chỉnh. Phật do việc này nhóm Tỳ-kheo tăng rồi quở trách các Tỳ-kheo: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo lại mặc Nê-hoàn tăng quá cao… không tề chỉnh", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo, từ nay giới này nên nói như sau:

1. Không được mặc Nê-hoàn tăng quá cao, cần nên học. Nếu Tỳ-kheo mặc Nê-hoàn tăng quá cao thì phạm Đột-kiết-la; nếu không mặc quá cao thì không phạm.

2. Không được mặc Nê-hoàn tăng quá thấp, cần nên học. Nếu Tỳ-kheo mặc Nê-hoàn tăng quá thấp thì phạm Đột-kiết-la; nếu không mặc quá thấp thì không phạm.

3. Không được mặc Nê-hoàn tăng so le, cần nên học. Nếu Tỳ-kheo mặc Nê-hoàn tăng so le thì phạm Đột-kiết-la; nếu không mặc Nê-hoàn tăng so le thì không phạm.

4. Không được mặc Nê-hoàn tăng như đầu cái

bừa, cần nên học. Nếu Tỳ-kheo mặc Nê-hoàn tăng như đầu cái bừa thì phạm Đột-kiết-la; nếu không mặc Nê-hoàn tăng như đầu cái bừa thì không phạm.

5. Không được mặc Nê-hoàn tăng như cái vòi voi, cần nên học. Nếu Tỳ-kheo mặc Nê-hoàn tăng như cái vòi voi thì phạm Đột-kiết-la; nếu không mặc Nê-hoàn tăng như cái vòi voi thì không phạm.

6. Không được mặc Nê-hoàn tăng như lá cây Đa-la, cần nên học. Nếu Tỳ-kheo mặc Nê-hoàn tăng như lá cây Đa-la thì phạm Đột-kiết-la; nếu không mặc Nê-hoàn tăng như lá cây Đa-la thì không phạm.

7. Không được mặc Nê-hoàn tăng vo tròn như vò bột, cần nên học. Nếu Tỳ-kheo mặc Nê-hoàn tăng vo tròn như vò bột thì phạm Đột-kiết-la; nếu không vo tròn như vò bột thì không phạm.

8. Không được mặc Nê-hoàn tăng gấp nhỏ ở phía trước, cần nên học. Nếu Tỳ-kheo mặc Nê-hoàn tăng gấp nhỏ ở phía trước thì phạm Đột-kiết-la; nếu không gấp nhỏ ở phía trước thì không phạm.

9. Không được mặc Nê-hoàn tăng xốc xếch, cần nên học. Nếu Tỳ-kheo mặc Nê-hoàn tăng xốc xếch thì phạm Đột-kiết-la; nếu không mặc xốc xếch thì không phạm.

10. Không được mặc Nê-hoàn tăng xếp dồn hai

bên, cần nên học.

Nếu Tỳ-kheo mặc Nê-hoàn tăng xếp dồn hai bên thì phạm Đột-kiết-la; nếu không xếp dồn hai bên thì không phạm.

11. Không được mặc Nê-hoàn tăng bằng vải tơ mỏng, cần nên học. Nếu Tỳ-kheo mặc Nê-hoàn tăng bằng vải tơ mỏng thì phạm Đột-kiết-la; nếu không mặc vải tơ mỏng thì không phạm.

12. Nên mặc Nê-hoàn tăng cho tề chỉnh, cần nên học. Nếu Tỳ-kheo không mặc Nê-hoàn tăng cho tề chỉnh thì phạm Đột-kiết-la; nếu mặc cho tề chỉnh thì không phạm.

Phật tại thành Vương xá, lúc đó các Tỳ-kheo đắp y quá cao hoặc qua thấp hoặc so le không ngay ngắn, Phật thấy rồi suy nghĩ: "Ta phải quán chư Phật quá khứ đắp y như thế nào", chư thiên cõi trời Tịnh cư nói trong hư không: "Thế tôn, chư Phật quá khứ đều đắp y tề chỉnh", Phật cũng tự nhớ biết chư Phật quá khứ đều đắp y tề chỉnh. Phật lại nghĩ: "Ta phải quán chư Phật vị lai đắp y như thế nào", chư thiên cõi trời Tịnh cư nói trong hư không: "Thế tôn, chư Phật vị lai đều đắp y tề chỉnh", Phật cũng quán biết chư Phật vị lai đều đắp y tề chỉnh. Phật lại nghĩ: "Ta phải quán chư thiên cõi trời Tịnh cư đắp y như thế nào", chư thiên cõi trời Tịnh cư nói trong hư không: "Chư thiên cõi trời Tịnh cư đều đắp y tề chỉnh, Phật cũng tự biết chư thiên cõi trời

Tịnh cư đều đắp y tề chỉnh. Phật do việc này nhóm Tỳ-kheo tăng rồi quở trách các Tỳ-kheo: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo lại đắp y quá cao… không tề chỉnh", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo, từ nay giới này nên nói như sau:

13. Không được đắp y quá cao, cần nên học. Nếu Tỳ-kheo đắp y quá cao thì phạm Đột-kiết-la; không đắp y quá cao thì không phạm.

14. Không được đắp y quá thấp, cần nên học. Nếu Tỳ-kheo đắp y quá thấp thì phạm Đột-kiết-la; đắp y không quá thấp thì không phạm.

15. Không được đắp y so le, cần nên học. Nếu Tỳ-kheo đắp y so le thì phạm Đột-kiết-la; không đắp y so le thì không phạm.

16. Phải đắp y tề chỉnh, cần nên học. Nếu Tỳ-kheo không đắp y tề chỉnh thì phạm Đột-kiết-la; đắp y tề chỉnh thì không phạm.

Phật tại thành Vương xá, lúc đó có cư sĩ thỉnh Phật và Tăng vào ngày mai thọ thực, Phật im lặng nhận lời, cư sĩ biết Phật đã nhận lời liền đảnh lễ Phật hữu nhiễu rồi ra về. Về đến nhà ngay trong đêm đó lo sửa soạn đủ các món ăn ngon, sáng sớm trải tòa rồi sai sứ đến bạch Phật: "Đã đến giờ thọ thực, xin Phật tự biết thời". Phật và Tăng đắp y mang bát đến nhà cư sĩ, lúc đó Lục quần Tỳ-kheo không che thân kín đáo đi vào trong nhà này, tự lộ

bày vai, cánh tay và ngực, cư sĩ thấy rồi liền quở trách: "Sa-môn Thích tử tự nói lành tốt có đức mà che thân không kín đáo… và ngực như vua, Đại-thần". Phật thấy Lục quần Tỳ-kheo không che thân kín đáo… và nghe cư sĩ quở trách như thế nên sau khi thọ thực xong trở về, Phật do việc này nhóm Tỳ-kheo tăng rồi quở trách Lục quần Tỳ-kheo: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo lại không che thân kín đáo… và ngực", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo, từ nay giới này nên nói như sau:

17. Phải che thân kín đáo vào trong nhà bạch y, cần nên học. Nếu Tỳ-kheo không che thân kín đáo vào trong nhà bạch y thì phạm Đột-kiết-la; che thân kín đáo vào trong nhà bạch y thì không phạm.

Có lúc Lục quần Tỳ-kheo tuy che thân kín đáo vào trong nhà thế tục nhưng khi ngồi lại không che thân kín đáo… và ngực, nên bị cư sĩ quở trách: "Sa-môn Thích tử tự nói lành tốt có đức mà lại không che thân kín đáo khi ngồi trong nhà thế tục… như vua, Đại-thần". Phật thấy việc này rồi nên do việc này nhóm Tỳ-kheo tăng rồi quở trách Lục quần Tỳ-kheo: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo lại không che thân kín đáo khi ngồi trong nhà thế tục", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo, từ nay giới này nên nói như sau:

18. Phải che thân kín đáo khi ngồi trong nhà thế tục, cần nên học. Nếu Tỳ-kheo không che thân kín

đáo khi ngồi trong nhà thế tục thì phạm Đột-kiết-la; nếu che thân kín đáo thì không phạm.

Có lúc Lục quần Tỳ-kheo không khéo thu nhiếp thân khi vào trong nhà thế tục, đụng phải xe lớn, xe nhỏ, xe bò, kiệu, cột nhà, vách tường… ngã lăn ra đất, bị các cư sĩ quở trách: "Sa-môn Thích tử tự nói lành tốt có đức mà không khéo thu nhiếp thân đi vào trong nhà thế tục đụng phải xe lớn… ngã lăn ra đất như người mù không khác". Phật bảo các Tỳ-kheo: "Từ nay giới này nên nói như sau:

19. Phải khéo thu nhiếp thân khi đi vào trong nhà thế tục, cần nên học. Nếu Tỳ-kheo không khéo thu nhiếp thân khi đi vào trong nhà thế tục thì phạm Đột-kiết-la; nếu khéo thu nhiếp thân thì không phạm.

Lại nữa Lục quần Tỳ-kheo tuy khéo thu nhiếp thân khi đi vào trong nhà thế tục, nhưng lại không khéo thu nhiếp thân khi ngồi và bị cư sĩ quở trách. Phật bảo các Tỳ-kheo:

20. Phải khéo thu nhiếp thân khi ngồi trong nhà thế tục. Nếu Tỳ-kheo không khéo thu nhiếp thân khi ngồi trong nhà thế tục thì phạm Đột-kiết-la; nếu khéo thu nhiếp thân thì không phạm.

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó Phật cùng các Tỳ-kheo vào sáng sớm đắp y mang bát vào thành Xá-vệ, pháp thường của chư Phật là nếu Phật dùng thần lực đi vào trong thành ấp tụ lạc thì có những

việc hy hữu xuất hiện như voi rống, ngựa hí, trâu rống, các loài chim như nhạn, khổng tước, thiên nga, anh vũ đều hót tiếng hòa nhã; cho đến các loại nhạc khí như trống, đàn tranh, đàn cầm, đàn sắt, ống sáo, ống địch… không ai trỗi mà tự phát ra âm thanh; các loại kim khí trang nghiêm ở trong và ngoài của các nhà quý tộc tự nhiên phát ra tiếng; người mù được thấy, người điếc nghe được, người câm nói được, người tật nguyền đều đi đứng được, người bịnh được lành, người đau khổ được an lạc, người bị trúng độc được tiêu trừ, người điên được chánh tâm, kẻ sát nhân lìa tâm sát, kẻ trộm cướp lìa tâm trộm, người tà dâm lìa tà dâm, người vọng ngữ lìa vọng ngữ; người nói hai lưỡi, nói lời thô ác, nói lời vô nghĩa lìa nói lời vô nghĩa; người tham lìa tham, người sân lìa sân, người tà kiến lìa tà kiến, người bị tù ngục gông cùm xiềng xích đều được thoát; người chưa gieo trồng căn lành được gieo trồng, người đã gieo trồng thì được tăng trưởng, người đã tăng trưởng thì được giải thoát; các phục tàng tự nhiên hiện báu vật… các việc hy hữu như thế xuất hiện để làm lợi ích cho các chúng sanh. Lúc đó Phật đi đến cửa thành, chân phải vừa đạp lên ngạch cửa thì tất cả việc hy hữu trên đều xuất hiện, tất cả nhân dân trong thành đều nhìn thấy Phật và Tăng, người đã từng thấy Phật liền chỉ cho người chưa thấy Phật và nói rằng: "Vị đó là Phật, vị đó là Xá-lợi-phất, vị đó là Đại Mục-kiền-liên, vị

đó là A-na-luật… còn những vị đó là Lục quần Tỳ-kheo", Lục quần nghe nói đến mình liền ngước nhìn những người nữ đó rồi phê bình rằng: "Người này mắt lé, người này mũi ngắn, người này gầy ốm, người này lưng gù… người này đen quá, người này trắng quá… không có oai đức", các người nữ này nghe rồi liền nói với Lục quần rằng: "Chúng tôi không phải là vợ, cũng không phải là người cùng tư thông thì đẹp hay xấu gì cũng không can dự đến các vị, sao lại phê bình chúng tôi như thế", Lục quần Tỳ-kheo nói: "Chúng tôi theo Phật và Tăng vào thành can dự gì đến các người mà các người chỉ trỏ nói những người này là Lục quần Tỳ-kheo tợ như người có tội vậy". Phật nghe biết việc này rồi bảo các Tỳ-kheo:

21. Từ nay không được ngước nhìn lên cao khi vào trong nhà thế tục, cần nên học. Nếu Tỳ-kheo ngước nhìn lên cao khi vào trong nhà thế tục thì phạm Đột-kiết-la; nếu không ngước nhìn lên cao thì không phạm.

Lúc đó Phật và Tăng ngồi thọ thực trên bãi đất trống, những người trong thành ở trên lầu gác cao nhìn thấy, người đã nhìn thấy Phật chỉ cho người chưa nhìn thấy Phật và nói rằng: "Vị đó là Phật, vị đó là Xá-lợi-phất… còn những vị đó là Lục quần Tỳ-kheo", Lục quần Tỳ-kheo nghe nói đến mình liền ngước nhìn lên những người nữ đó rồi phê bình giống như trên cho đến câu không có oai đức,

những người nữ này nghe rồi liền nói rằng: "Chúng tôi không phải vợ… cho đến câu sao lại phê bình chúng tôi như thế", Lục quần Tỳ-kheo nói: "Chúng tôi theo Phật và Tăng ngồi thọ thực can dự gì đến các người mà các người chỉ trỏ nói những vị đó là Lục quần Tỳ-kheo tợ như người có tội vậy". Phật nghe rồi liền bảo các Tỳ-kheo:

22. Từ nay không được ngước nhìn lên cao khi ngồi trong nhà thế tục, cần nên học. Nếu Tỳ-kheo ngước nhìn lên cao khi ngồi trong nhà thế tục thì phạm Đột-kiết-la; nếu không ngước nhìn lên cao thì không phạm.

Lại nữa Lục quần Tỳ-kheo khi vào trong nhà thế tục thọ thực chê trách sự cúng dường rằng: "Hôm qua thức ăn thức uống thơm ngon, thứ lớp bình đẳng cúng dường, trải chỗ ngồi tốt đẹp còn hôm nay không bằng hôm qua", các cư sĩ nghe rồi liền chê trách: "Sa-môn Thích tử không tốt, không có trồng trọt, không có thu hoạch, chỉ ngồi ăn sẵn mà con chê trách này nọ". Phật nghe rồi liền bảo các Tỳ-kheo:

23. Từ nay không được chê trách sự cúng dường khi vào trong nhà thế tục, cần nên học. Nếu Tỳ-kheo che trách sự cúng dường khi vào trong nhà thế tục thì phạm Đột-kiết-la; nếu không chê trách thì không phạm.

Lại nữa Lục quần Tỳ-kheo không chê trách sự

cúng dường khi vào trong nhà thế tục, nhưng khi ngồi ăn lại chê trách giống như trên và lại bị cư sĩ chê trách giống như trên, Phật nghe rồi liền bảo các Tỳ-kheo:

24. Từ nay không được chê trách sự cúng dường khi ngồi trong nhà thế tục, cần nên học. Nếu Tỳ-kheo che trách sự cúng dường khi ngồi trong nhà thế tục thì phạm Đột-kiết-la; nếu không chê trách thì không phạm.

Lại nữa Lục quần Tỳ-kheo to tiếng khi vào trong nhà thế tục nên bị các cư sĩ quở trách: "Sa-môn Thích tử tự xưng là bậc hiền thiện có đức mà lại to tiếng ở trong nhà thế tục như Bà-la-môn không khác", Phật bảo các Tỳ-kheo:

25. Từ nay phải lặng lẽ khi vào trong nhà thế tục, cần nên học. Nếu Tỳ-kheo không lặng lẽ khi vào trong nhà thế tục thì phạm Đột-kiết-la; nếu lặng lẽ thì không phạm.

Lại nữa Lục quần Tỳ-kheo tuy không lớn tiếng khi vào trong nhà thế tục nhưng khi ngồi lại lớn tiếng và bị các cư sĩ quở trách giống như trên. Phật nghe rồi liền bảo các Tỳ-kheo:

26. Từ nay phải lặng lẽ khi ngồi trong nhà thế tục, cần nên học. Nếu Tỳ-kheo không lặng lẽ ngồi trong nhà thế tục thì phạm Đột-kiết-la; nếu lặng lẽ thì không phạm.

Lại nữa Lục quần Tỳ-kheo chân đi nhún nhảy

vào trong nhà thế tục nên bị các cư sĩ quở trách: "Sa-môn Thích tử tự xưng là bậc hiền thiện có đức mà lại chân đi nhún nhảy vào trong nhà thế tục giống như người cụt chân", Phật nghe rồi liền bảo các Tỳ-kheo:

27. Từ nay không được chân đi nhún nhảy vào trong nhà thế tục, cần nên học. Nếu Tỳ-kheo chân đi nhún nhảy vào trong nhà thế tục thì phạm Đột-kiết-la; nếu chân không đi nhún nhảy thì không phạm.

Lại nữa Lục quần Tỳ-kheo tuy chân không đi nhún nhảy vào trong nhà thế tục, nhưng khi vào nhà thế tục lại ngồi chòm hõm bị các cư sĩ quở trách: "Sa-môn Thích tử tự xưng là bậc hiền thiện có đức mà lại ngồi chòm hõm trong nhà thế tục giống như ngoại đạo", Phật liền bảo các Tỳ-kheo:

28. Từ nay không được ngồi chòm hõm trong nhà thế tục, cần nên học. Nếu Tỳ-kheo ngồi chòm hõm trong nhà thế tục thì phạm Đột-kiết-la; nếu không ngồi chòm hõm thì không phạm.

Lại nữa Lục quần Tỳ-kheo lấy y trùm đầu vào trong nhà thế tục, bị các cư sĩ quở trách: "Sa-môn Thích tử tự xưng là bậc hiền thiện có đức mà lại lấy y trùm đầu vào trong nhà thế tục như người bị rình bắt", Phật bảo các Tỳ-kheo:

29. Từ nay không được lấy y trùm đầu vào trong nhà thế tục, cần nên học. Nếu Tỳ-kheo lấy y

trùm đầu vào trong nhà thế tục thì phạm Đột-kiết-la; nếu không lấy y trùm đầu thì không phạm.

Lại nữa Lục quần Tỳ-kheo tuy không lấy y trùm đầu vào trong nhà thế tục, nhưng lại trùm đầu ngồi trong nhà thế tục, bị các cư sĩ quở trách giống như trên nên Phật bảo các Tỳ-kheo:

30. Từ nay không được trùm đầu ngồi trong nhà thế tục, cần nên học. Nếu Tỳ-kheo trùm đầu ngồi trong nhà thế tục thì phạm Đột-kiết-la; nếu không trùm đầu ngồi thì không phạm.

Lại nữa Lục quần Tỳ-kheo quấn khăn trên đầu vào trong nhà thế tục, bị các cư sĩ quở trách: "Sa-môn Thích tử tự xưng là bậc hiền thiện có đức mà lại quấn khăn trên đầu vào trong nhà thế tục giống như vua, Đại-thần", Phật nghe rồi liền bảo các Tỳ-kheo:

31. Từ nay không được quấn khăn trên đầu vào trong nhà thế tục, cần nên học. Nếu Tỳ-kheo quấn khăn trên đầu vào trong nhà thế tục thì phạm Đột-kiết-la; nếu không quấn khăn trên đầu thì không phạm.

Lại nữa Lục quần Tỳ-kheo tuy không quấn khăn trên đầu vào trong nhà thế tục nhưng lại quấn khăn trên đầu ngồi trong nhà thế tục, bị các cư sĩ quở trách giống như trên nên Phật bảo các Tỳ-kheo:

32. Từ nay không được quấn khăn trên đầu

ngồi trong nhà thế tục, cần nên học. Nếu Tỳ-kheo quấn khăn trên đầu ngồi trong nhà thế tục thì phạm Đột-kiết-la; nếu không quấn khăn trên đầu ngồi thì không phạm.

Lại nữa Lục quần Tỳ-kheo choàng tay qua vai người khác đi vào nhà thế tục, bị các cư sĩ quở trách: "Sa-môn Thích tử tự xưng là bậc hiền thiện có đức mà lại choàng tay qua vai người khác đi vào nhà thế tục giống như vua, Đại-thần", Phật nghe rồi liền bảo các Tỳ-kheo:

33. Từ nay không được choàng tay qua vai người khác đi vào nhà thế tục, cần nên học. Nếu Tỳ-kheo choàng tay qua vai người khác đi vào nhà thế tục thì phạm Đột-kiết-la; nếu không choàng tay qua vai người khác đi thì không phạm.

Lại nữa Lục quần Tỳ-kheo tuy không choàng tay qua vai người khác đi vào nhà thế tục, nhưng lại choàng tay qua vai người khác ngồi trong nhà thế tục, bị các cư sĩ quở trách giống như trên nên Phật bảo các Tỳ-kheo:

34. Từ nay không được choàng tay qua vai người khác ngồi trong nhà thế tục, cần nên học. Nếu Tỳ-kheo choàng tay qua vai người khác ngồi trong nhà thế tục thì phạm Đột-kiết-la; nếu không choàng tay qua vai người khác ngồi thì không phạm.

Lại nữa Lục quần Tỳ-kheo chống nạnh đi vào

nhà thế tục, bị các cư sĩ quở trách: "Sa-môn Thích tử tự xưng là bậc hiền thiện có đức mà lại chống nạnh đi vào nhà thế tục giống như vua, Đại-thần", Phật nghe rồi liền bảo các Tỳ-kheo:

35. Từ nay không được chống nạnh đi vào nhà thế tục, cần nên học. Nếu Tỳ-kheo chống nạnh đi vào nhà thế tục thì phạm Đột-kiết-la; nếu không chống nạnh đi thì không phạm.

Lại nữa Lục quần Tỳ-kheo tuy không chống nạnh đi vào nhà thế tục, nhưng lại ngồi chống nạnh trong nhà thế tục, bị các cư sĩ quở trách giống như trên nên Phật bảo các Tỳ-kheo:

36. Từ nay không được ngồi chống nạnh trong nhà thế tục, cần nên học. Nếu Tỳ-kheo ngồi chống nạnh trong nhà thế tục thì phạm Đột-kiết-la; nếu không ngồi chống nạnh thì không phạm.

Lại nữa Lục quần Tỳ-kheo vắt ngược y qua hai bên trái phải đi vào nhà thế tục, bị các cư sĩ quở trách: "Sa-môn Thích tử tự xưng là bậc hiền thiện có đức mà lại vắt ngược y qua hai bên trái phải như vua, Đại-thần", Phật nghe rồi liền bảo các Tỳ-kheo:

37. Từ nay không được vắt ngược y qua hai bên trái phải đi vào nhà thế tục, cần nên học. Nếu Tỳ-kheo vắt ngược y qua hai bên trái phải đi vào nhà thế tục thì phạm Đột-kiết-la; nếu không vắt ngược y qua hai bên trái phải đi thì không phạm.

Lại nữa Lục quần Tỳ-kheo tuy không vắt

ngược y qua hai bên trái phải đi vào nhà thế tục, nhưng lại vắt ngược y qua hai bên trái phải ngồi trong nhà thế tục, bị các cư sĩ quở trách giống như trên nên Phật bảo các Tỳ-kheo:

38. Từ nay không được vắt ngược y qua hai bên trái phải ngồi trong nhà thế tục, cần nên học. Nếu Tỳ-kheo vắt ngược y qua hai bên trái phải ngồi trong nhà thế tục thì phạm Đột-kiết-la; nếu không vắt ngược y qua hai bên trái phải ngồi thì không phạm.

Lại nữa Lục quần Tỳ-kheo vắt y sang một bên đi vào nhà thế tục, bị các cư sĩ quở trách: "Sa-môn Thích tử tự xưng là bậc hiền thiện có đức mà lại vắt y sang một bên đi vào nhà thế tục như vua, Đại-thần", Phật nghe rồi liền bảo các Tỳ-kheo:

39. Từ nay không được vắt y sang một bên đi vào nhà thế tục, cần nên học. Nếu Tỳ-kheo vắt y sang một bên đi vào nhà thế tục thì phạm Đột-kiết-la; nếu không vắt y sang một bên đi thì không phạm.

Lại nữa Lục quần Tỳ-kheo tuy không vắt y sang một bên đi vào nhà thế tục, nhưng lại vắt y sang một bên ngồi trong nhà thế tục, bị các cư sĩ quở trách giống như trên nên Phật bảo các Tỳ-kheo:

40. Không được vắt y sang một bên ngồi trong nhà thế tục, cần nên học. Nếu Tỳ-kheo vắt y sang

một bên ngồi trong nhà thế tục thì phạm Đột-kiết-la; nếu không vắt y sang một bên ngồi thì không phạm.

Lúc đó Lục quần Tỳ-kheo lấy y phủ trên vai phải rồi phủ choàng qua vai trái đi vào nhà thế tục, bị các cư sĩ quở trách: "Sa-môn Thích tử tự xưng là bậc hiền thiện có đức mà lại lấy y phủ trên vai phải rồi phủ choàng qua vai trái đi vào nhà thế tục như vua, Đại-thần", Phật nghe rồi liền bảo các Tỳ-kheo:

41. Từ nay không được lấy y phủ trên vai phải rồi phủ choàng qua vai trái đi vào nhà thế tục, cần nên học. Nếu Tỳ-kheo lấy y phủ trên vai phải rồi phủ choàng qua vai trái đi vào nhà thế tục thì phạm Đột-kiết-la; nếu không lấy y phủ trên vai phải rồi phủ choàng qua vai trái đi thì không phạm.

Lại nữa Lục quần Tỳ-kheo tuy không lấy y phủ trên vai phải rồi phủ choàng qua vai trái đi vào nhà thế tục, nhưng lại lấy y phủ trên vai phải rồi phủ choàng qua vai trái ngồi trong nhà thế tục, bị các cư sĩ quở trách giống như trên nên Phật bảo các Tỳ-kheo:

42. Từ nay không được lấy y phủ trên vai phải rồi phủ choàng qua vai trái ngồi trong nhà thế tục, cần nên học. Nếu Tỳ-kheo lấy y phủ trên vai phải rồi phủ choàng qua vai trái ngồi tong nhà thế tục thì phạm Đột-kiết-la; nếu không lấy y phủ trên vai

phải rồi phủ choàng qua vai trái ngồi thì không phạm.

Lúc đó Lục quần Tỳ-kheo đánh đưa cánh tay đi vào nhà thế tục, bị các cư sĩ quở trách: "Sa-môn Thích tử tự xưng là bậc hiền thiện có đức mà lại đánh đưa cánh tay đi vào nhà thế tục giống như người gieo mạ", Phật nghe rồi liền bảo các Tỳ-kheo:

43. Từ nay không được đánh đưa cánh tay đi vào nhà thế tục, cần nên học. Nếu Tỳ-kheo đánh đưa cánh tay đi vào nhà thế tục thì phạm Đột-kiết-la; nếu không đánh đưa cánh tay đi thì không phạm.

Lại nữa Lục quần Tỳ-kheo tuy không đánh đưa cánh tay đi vào nhà thế tục, nhưng lại đánh đưa cánh tay ngồi trong nhà thế tục, bị các cư sĩ quở trách giống như trên nên Phật bảo các Tỳ-kheo:

44. Từ nay không được đánh đưa cánh tay ngồi trong nhà thế tục, cần nên học. Nếu Tỳ-kheo đánh đưa cánh tay ngồi trong nhà thế tục thì phạm Đột-kiết-la; nếu không đánh đưa cánh tay ngồi thì không phạm.

Lúc đó Lục quần Tỳ-kheo nhún vai đi vào nhà thế tục, bị các cư sĩ quở trách: "Sa-môn Thích tử tự xưng là bậc hiền thiện có đức mà lại nhún vai đi vào nhà thế tục như vua, Đại-thần", Phật nghe rồi liền bảo các Tỳ-kheo:

45. Từ nay không được nhún vai đi vào nhà thế tục, cần nên học. Nếu Tỳ-kheo nhún vai đi vào nhà thế tục thì phạm Đột-kiết-la; nếu không nhún vai đi thì không phạm.

Lại nữa Lục quần Tỳ-kheo tuy không nhún vai đi vào nhà thế tục, nhưng lại nhún vai ngồi trong nhà thế tục, bị các cư sĩ quở trách giống như trên nên Phật bảo các Tỳ-kheo:

46. Từ nay không được nhún vai ngồi trong nhà thế tục, cần nên học. Nếu Tỳ-kheo nhún vai ngồi trong nhà thế tục thì phạm Đột-kiết-la; nếu không nhún vai ngồi thì không phạm.

Lúc đó Lục quần Tỳ-kheo lúc lắc đầu đi vào nhà thế tục, bị các cư sĩ quở trách: "Sa-môn Thích tử tự xưng là bậc hiền thiện có đức mà lại lúc lắc đầu đi vào nhà thế tục giống như bị quỷ ám", Phật nghe rồi liền bảo các Tỳ-kheo:

47. Từ nay không được lúc lắc đầu đi vào nhà thế tục, cần nên học. Nếu Tỳ-kheo lúc lắc đầu đi vào nhà thế tục thì phạm Đột-kiết-la; nếu không lúc lắc đầu đi thì không phạm.

Lại nữa Lục quần Tỳ-kheo tuy không lúc lắc đầu đi vào nhà thế tục, nhưng lại lúc lắc đầu ngồi trong nhà thế tục, bị các cư sĩ quở trách giống như trên nên Phật bảo các Tỳ-kheo:

48. Từ nay không được lúc lắc đầu ngồi trong nhà thế tục, cần nên học. Nếu Tỳ-kheo lúc lắc đầu

ngồi trong nhà thế tục thì phạm Đột-kiết-la; nếu không lúc lắc đầu ngồi thì không phạm.

Lúc đó Lục quần Tỳ-kheo đi uốn éo vào trong nhà thế tục, bị các cư sĩ quở trách: "Sa-môn Thích tử tự xưng là bậc hiền thiện có đức mà lại đi uốn éo vào trong nhà thế tục giống như người múa", Phật nghe rồi liền bảo các Tỳ-kheo:

49. Từ nay không được đi uốn éo vào trong nhà thế tục, cần nên học. Nếu Tỳ-kheo đi uốn éo vào trong nhà thế tục thì phạm Đột-kiết-la; nếu không đi uốn éo thì không phạm.

Lại nữa Lục quần Tỳ-kheo tuy không đi uốn éo vào trong nhà thế tục, nhưng lại ngồi uốn éo ở trong nhà thế tục, bị các cư sĩ quở trách giống như trên nên Phật bảo các Tỳ-kheo:

50. Từ nay không được ngồi uốn éo ở trong nhà thế tục, cần nên học. Nếu Tỳ-kheo ngồi uốn éo ở trong nhà thế tục thì phạm Đột-kiết-la; nếu không ngồi uốn ó thì không phạm.

Lúc đó Lục quần Tỳ-kheo nắm tay nhau đi vào nhà thế tục, bị các cư sĩ quở trách: "Sa-môn Thích tử tự xưng là bậc hiền thiện có đức mà lại nắm tay nhau đi vào nhà thế tục như vua, Đại-thần", Phật nghe rồi liền bảo các Tỳ-kheo:

51. Từ nay không được nắm tay nhau đi vào nhà thế tục, cần nên học. Nếu Tỳ-kheo nắm tay nhau đi vào nhà thế tục thì phạm Đột-kiết-la; nếu

không nắm tay nhau đi thì không phạm.

Lại nữa Lục quần Tỳ-kheo tuy không nắm tay nhau đi vào nhà thế tục, nhưng lại nắm tay nhau ngồi trong nhà thế tục, cư sĩ nói: "Trưởng lão, hãy ngồi xít lại gần nhau, tôi còn thỉnh nhiều Tỳ-kheo nữa", Lục quần nói: "Các ông sao không trải chỗ ngồi cho rộng hơn mà lại bảo chúng tôi ngồi xít lại gần nhau", Phật nghe rồi liền bảo các Tỳ-kheo:

52. Từ nay không được nắm tay nhau ngồi trong nhà thế tục, cần nên học. Nếu Tỳ-kheo nắm tay nhau ngồi trong nhà thế tục thì phạm Đột-kiết-la; nếu không nắm tay nhau ngồi thì không phạm.

Lúc đó Lục quần đi co một chân vào trong nhà thế tục, bị các cư sĩ quở trách: "Sa-môn Thích tử tự xưng là bậc hiền thiện có đức mà lại đi co một chân vào trong nhà thế tục như vua, Đại-thần", Phật nghe rồi liền bảo các Tỳ-kheo:

53. Từ nay không được đi co một chân vào trong nhà thế tục, cần nên học. Nếu Tỳ-kheo đi co một chân vào trong nhà thế tục thì phạm Đột-kiết-la; nếu không đi co một chân thì không phạm.

Lại nữa Lục quần Tỳ-kheo tuy không đi co một chân vào trong nhà thế tục, nhưng lại ngồi co một chân ở trong nhà thế tục, các cư sĩ nói: "Các Trưởng lão, hãy ngồi xít lại gần nhau, tôi còn thỉnh nhiều Tỳ-kheo nữa", Lục quần nói: "Các ông sao không trải chỗ ngồi cho rộng hơn, lại bảo chúng tôi

ngồi xít lại gần nhau", Phật nghe rồi liền bảo các Tỳ-kheo:

54. Từ nay không được ngồi co một chân ở trong nhà thế tục, cần nên học. Nếu Tỳ-kheo ngồi co một chân ở trong nhà thế tục thì phạm Đột-kiết-la; nếu không ngồi co một chân thì không phạm.

Lúc đó Lục quần Tỳ-kheo ngồi tréo đùi trong nhà thế tục khiến thân dưới lộ bày, bị các cư sĩ quở trách: "Sa-môn Thích tử tự xưng là bậc hiền thiện có đức mà lại ngồi tréo dùi khiến thân dưới lộ bày", Phật nghe rồi liền bảo các Tỳ-kheo:

55. Từ nay không được ngồi tréo đùi ở trong nhà thế tục, cần nên học. Nếu Tỳ-kheo ngồi tréo đùi ở trong nhà thế tục thì phạm Đột-kiết-la; nếu không ngồi tréo đùi thì không phạm.

Lúc đó Lục quần Tỳ-kheo ngồi gác chân ở trong nhà thế tục, bị các cư sĩ quở trách: "Sa-môn Thích tử tự xưng là bậc hiền thiện có đức mà lại ngồi gác chân như vua, Đại-thần", Phật nghe rồi liền bảo các Tỳ-kheo:

56. Từ nay không được ngồi gác chân ở trong nhà thế tục, cần nên học. Nếu Tỳ-kheo ngồi gác chân ở trong nhà thế tục thì phạm Đột-kiết-la; nếu không ngồi gác chân thì không phạm.

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó Lục quần Tỳ-kheo vào sáng sớm đắp y mang bát vào thành khất thực thấy có một cư sĩ ngồi trên ghế ở ngay trước cửa,

tay chống vào má với dáng vẻ ưu sầu không vui liền nói với các Tỳ-kheo: "Người kia buồn rầu, chúng tôi có thể làm cho người ấy nói cười", nói rồi liền đến trước cư sĩ đứng chống tay vào má với dáng vẻ ưu sầu, cư sĩ liền bật cười nói rằng: "Các thầy có việc gì mà lại cùng nhau đứng chống tay vào má không vui như thế", Lục quần quay lại nói với các Tỳ-kheo: "Chúng tôi đã làm cho cư sĩ nói cười rồi", các cư sĩ quở trách: "Sa-môn Thích tử tự xưng là bậc hiền thiện có đức mà lại đứng chống tay vào má với dáng vẻ ưu sầu để cho bạch y nói cười giống như tên hề", Phật nghe rồi liền bảo các Tỳ-kheo:

57. Từ nay không được ngồi chống tay vào má ở trong nhà thế tục, cần nên học. Nếu Tỳ-kheo ngồi chống tay vào má ở trong nhà thế tục thì phạm Đột-kiết-la; nếu không ngồi chống tay vào má thì không phạm.

Phật tại thành Vương xá, lúc đó có cư sĩ thỉnh Phật và Tăng vào ngày mai thọ thực, Phật im lặng nhận lời, cư sĩ biết Phật đã nhận lời liền đảnh lễ Phật hữu nhiễu rồi ra về. Về đến nhà ngay trong đêm đó lo sửa soạn đủ các món ăn ngon, sáng sớm trải tòa rồi sai sứ đến bạch Phật: "Đã đến giờ thọ thực, xin Phật tự biết thời". Phật và Tăng đi đến nhà cư sĩ, cư sĩ tự tay dâng thức ăn, lúc đó Lục quần Tỳ-kheo để bát ở trước mặt rồi ngó quanh bốn phía nên không hay biết cư sĩ đã sớt cơm vào bát

của mình rồi, liền bảo cư sĩ: "sao không sớt cơm vào đây", đáp là đã sớt cơm vào bát rồi, Lục quần nói là không có sớt, cư sĩ nói: "Các thầy hãy nhìn vào trong bát rồi nói", Lục quần nhìn rồi nói với cư sĩ: "Hãy trao bát cho tôi", cư sĩ nói: "Hồi nãy các thầy để tâm ở đâu mà bấy giờ mới bảo trao bát", Phật nghe rồi liền bảo các Tỳ-kheo:

58. Từ nay phải nhất tâm khi thọ thực, cần nên học. Nếu Tỳ-kheo không nhất tâm khi thọ thực thì phạm Đột-kiết-la; nếu nhất tâm khi thọ thực thì không phạm.

Lại nữa Lục quần Tỳ-kheo để bát đựng đầy cơm đó rồi nhìn ngó chỗ khác nên không hay cư sĩ đã sớt canh vào bát, liền hỏi cư sĩ: "Vì sao không sớt canh trong đây", đáp là đã sớt rồi, Lục quần nói là không có, cư sĩ nói: "Các thầy hãy nhìn vào bát rồi nói", nhìn rồi bảo cư sĩ trao bát, cư sĩ nói: "Hồi nãy các thầy để tâm chỗ nào mà bây giờ mới bảo trao bát", Phật nghe rồi liền bảo các Tỳ-kheo:

59. Từ nay phải nhất tâm khi thọ canh, cần nên học. Nếu Tỳ-kheo không nhất tâm khi thọ canh thì phạm Đột-kiết-la; nếu nhất tâm khi thọ canh thì không phạm.

Lại nữa Lục quần Tỳ-kheo đưa bát đầy tràn thọ thêm thức ăn khiến cho cơm canh tràn ra ngoài, cư sĩ nói: "Cơm canh đều tràn ra ngoài, vì sao bát đã đầy rồi còn thọ thêm thức ăn nữa", Phật nghe rồi

liền bảo các Tỳ-kheo:

60. Từ nay không được đưa bát đầy tràn thọ thêm cơm canh nữa, cần nên học. Nếu Tỳ-kheo đưa bát đầy tràn thọ thêm cơm canh nữa thì phạm Đột-kiết-la; nếu không đưa bát đầy tràn thọ thêm cơm canh nữa thì không phạm.

Lại nữa Lục quần Tỳ-kheo chan canh rau lên cơm nhưng chỉ lựa ăn canh rau chừa cơm lại, cư sĩ nói: "Vì sao chan canh rau lên cơm ăn như trẻ con ", Phật nghe rồi liền bảo các Tỳ-kheo:

61. Từ nay cơm canh đồng ăn, cần nên học. Nếu Tỳ-kheo không cơm canh đồng ăn thì phạm Đột-kiết-la; nếu cơm canh đồng ăn thì không phạm.

Lại nữa Lục quần Tỳ-kheo thầy trên cơm có tô, lạc, canh bèn moi ở giữa ăn, lõm xuống như cái giếng, cư sĩ nói: "Các Tỳ-kheo ăn như Bà-la-môn ăn", Phật nghe rồi liền bảo các Tỳ-kheo:

62. Từ nay không được moi ở giữa ăn, lõm xuống như cái giếng, cần nên học. Nếu Tỳ-kheo moi ở giữa ăn, lõm xuống như cái giếng thì phạm Đột-kiết-la; nếu không moi ở giữa ăn thì không phạm.

Lại nữa Lục quần Tỳ-kheo vắt cơm thành viên tròn để ăn, cư sĩ nói: "Các Tỳ-kheo vắt cơm thành viên tròn để ăn giống như trẻ con", Phật nghe rồi liền bảo các Tỳ-kheo:

63. Từ nay không được vắt cơm thành viên tròn để ăn, cần nên học. Nếu Tỳ-kheo vắt cơm thành viên tròn để ăn thì phạm Đột-kiết-la; nếu không vắt cơm thành viên tròn để ăn thì không phạm.

Lại nữa Lục quần Tỳ-kheo vắt cơm lớn miếng để ăn, cư sĩ nói: "Các Tỳ-kheo vắt cơm lớn miếng để ăn giống như có người sắp đoạt chạy mất", Phật nghe rồi liền bảo các Tỳ-kheo:

64. Từ nay không được vắt cơm lớn miếng để ăn, cần nên học. Nếu Tỳ-kheo vắt cơm lớn miếng để ăn thì phạm Đột-kiết-la; nếu không vắt cơm lớn miếng để ăn thì không phạm.

Lại nữa Lục quần Tỳ-kheo dùng tay bốc cơm ăn, cư sĩ nói: "Các Tỳ-kheo dùng tay bốc cơm ăn giống như người làm ruộng", Phật nghe rồi liền bảo các Tỳ-kheo:

65. Từ nay không được dùng tay bốc cơm ăn, cần nên học. Nếu Tỳ-kheo dùng tay bốc cơm ăn thì phạm Đột-kiết-la; nếu không dùng tay bốc cơm ăn thì không phạm.

Lại nữa Lục quần Tỳ-kheo theo thứ lớp ngồi thọ thực, có một Tỳ-kheo cơm chưa đưa đến miệng liền há miệng to ra trước, Lục quần vì đùa giỡn nên đưa đất vào trong miệng Tỳ-kheo ấy. Thấy trong đại chúng có việc không thanh tịnh như thế nên Phật bảo các Tỳ-kheo:

66. Từ nay không được há miệng ra trước đợi

cơm đưa đến, cần nên học. Nếu Tỳ-kheo há miệng ra trước đợi cơm đưa đến thì phạm Đột-kiết-la; nếu không há miệng ra trước đợi cơm đưa đến thì không phạm. Lúc đó Lục quần Tỳ-kheo miệng ngậm cơm nói chuyện khiến cơm từ trong miệng văng ra, Tỳ-kheo ngồi cạnh thấy liền ói mửa, Phật bảo các Tỳ-kheo:

67. Từ nay không được trong miệng ngậm cơm nói chuyện, cần nên học. Nếu Tỳ-kheo trong miệng ngậm cơm nói chuyện thì phạm Đột-kiết-la; nếu trong miệng không ngậm cơm, nói chuyện thì không phạm.

Lại nữa Lục quần Tỳ-kheo cắn thức ăn, phân nửa ở trong miệng, phân nửa cầm trong tay, Phật bảo:

68. Từ nay không được cắn thức ăn ăn phân nửa, cần nên học. Nếu Tỳ-kheo cắn thức ăn ăn phân nửa thì phạm Đột-kiết-la; nếu không cắn thức ăn ăn phân nửa thì không phạm.

Phật tại nước Ca duy la vệ, lúc đó Thích Ma-ha-nam thỉnh Phật và Tăng vào ngày mai thọ thực, Phật im lặng nhận lời, Ma-ha-nam biết Phật đã nhận lời liền đảnh lễ Phật hữu nhiễu rồi ra về. Về đến nhà ngay trong đêm đó lo sửa soạn đủ các món ăn ngon, sáng sớm trải tòa rồi sai sứ đến bạch Phật: "Đã đến giờ thọ thực, xin Phật tự biết thời". Phật và Tăng đắp y mang bát đến nhà Ma-ha-nam, Ma-

ha-nam thấy Phật và Tăng ngồi rồi liền tự tay dâng món cơm nấu với sữa. Các Tỳ-kheo húp thức ăn ra tiếng, lúc đó có một Tỳ-kheo trước kia là kép hát nghe âm thanh này liền đứng dậy múa, các Tỳ-kheo cười lớn khiến cơm trong miệng văng ra ngoài. Các cư sĩ quở trách: "Sa-môn Thích tử tự xưng là bậc hiền thiện có đức mà lại chọc cho người khác cười giống như tên hề", Phật thấy việc này và nghe cư sĩ quở trách như thế nên im lặng. Sau khi thọ thực xong trở về, Phật do việc này nhóm Tỳ-kheo tăng rồi hỏi Tỳ-kheo múa lúc nãy: "Thầy lúc nãy dùng tâm gì múa", đáp: "Con vì muốn chỉ ra lỗi húp thức ăn của các Tỳ-kheo nên mới đứng dậy múa, chọc cho cười", Phật bảo:

69. Từ nay không được húp thức ăn ra tiếng, cần nên học. Nếu Tỳ-kheo húp thức ăn ra tiếng thì phạm Đột-kiết-la; nếu không húp thức ăn ra tiếng thì không phạm.

Lại nữa Lục quần nhai cơm ra tiếng, các cư sĩ quở trách: "Sa-môn Thích tử tự xưng là bậc hiền thiện có đức mà lại nhai cơm ra tiếng giống như heo ăn", Phật bảo:

70. Từ nay không được nhai cơm ra tiếng, cần nên học. Nếu Tỳ-kheo nhai cơm ra tiếng thì phạm Đột-kiết-la; nếu không nhai cơm ra tiếng thì không phạm.

Lại nữa Lục quần Tỳ-kheo ngốn cơm đầy

miệng rồi từ từ ăn nuốt, các cư sĩ chê trách là ăn giống như khỉ vượn, Phật bảo:

71. Từ nay không được ngốn cơm đầy miệng ăn, cần nên học. u Tỳ-kheo ngốn cơm đầy miệng ăn thì phạm Đột-kiết-la; nếu không ngốn cơm đầy miệng ăn thì không phạm.

Lại nữa Lục quần Tỳ-kheo le lưỡi liếm thức ăn ăn rồi nói: "Ai có thể nuốt hết thức ăn mà không cần nhai", cư sĩ chê trách là ăn giống như trẻ con, Phật bảo:

72. Từ nay không được le lưỡi liếm thức ăn ăn, cần nên học. Nếu Tỳ-kheo le lưỡi liếm thức ăn ăn thì phạm Đột-kiết-la; nếu không le lưỡi liếm thức ăn ăn thì không phạm.

Lại nữa Lục quần Tỳ-kheo khịt mũi khi ăn, cư sĩ nói: "Hãy hỉ mũi đi, vì lạnh hay vì ăn tỏi", Phật bảo:

73. Từ nay không được khịt mũi khi ăn, cần nên học. Nếu Tỳ-kheo khịt mũi khi ăn thì phạm Đột-kiết-la; nếu không khịt mũi khi ăn thì không phạm.

Lại nữa Lục quần Tỳ-kheo tay dính thức ăn bèn mút tay ăn, cư sĩ nói: "Cơm canh hết thì sớt thêm, cần gì phải mút tay như thế", Phật bảo:

74. Từ nay không được mút tay ăn thức ăn dính tay, cần nên học. Nếu Tỳ-kheo mút tay ăn thức ăn dính tay thì phạm Đột-kiết-la; nếu không mút tay ăn thức ăn dính tay thì không phạm.

Lại nữa Lục quần Tỳ-kheo dùng ngón tay vét bát để ăn, cư sĩ nói: "Cơm canh hết thì sớt thêm, cần gì dùng ngón tay vét thức ăn như thế", Phật bảo:

75. Từ nay không được dùng ngón tay vét bát để ăn, cần nên học. Nếu Tỳ-kheo dùng ngón tay vét bát để ăn thì phạm Đột-kiết-la; nếu không dùng ngón tay vét bát để ăn thì không phạm.

Lại nữa Lục quần Tỳ-kheo thức ăn dính nơi tay liền rảy bỏ, cư sĩ chê trách: "Các Tỳ-kheo rảy bỏ thức ăn như vua, Đại-thần", Phật bảo:

76. Từ nay khi ăn không được rảy bỏ thức ăn, cần nên học. Nếu Tỳ-kheo khi ăn rảy bỏ thức ăn thì phạm Đột-kiết-la; nếu không rảy bỏ thức ăn khi ăn thì không phạm.

Lại nữa Lục quần Tỳ-kheo rảy bỏ cơm dính nơi tay, cư sĩ liền chê trách: "Các Tỳ-kheo không tốt, không có gieo trồng, không có thu hoạch, chỉ biết ăn mà còn rảy bỏ", Phật bảo:

77. Từ nay không được rảy bỏ cơm dính nơi tay, cần nên học. Nếu Tỳ-kheo rảy bỏ cơm dính nơi tay thì phạm Đột-kiết-la; nếu không rảy bỏ cơm dính nơi tay thì không phạm.

Lúc đó Lục quần Tỳ-kheo tay dính dầu mỡ dơ liền cầm ly nước uống, Tỳ-kheo ngồi cạnh thấy liền ói mửa, Phật bảo:

78. Từ nay tay dính dơ không được cầm ly

nước uống, cần nên học. Nếu Tỳ-kheo tay dính dơ mà cầm ly nước uống thì phạm Đột-kiết-la; nếu tay dính dơ không cầm ly nước uống thì không phạm.

Lại nữa Lục quần Tỳ-kheo không bịnh mà tự xin cơm canh, Phật bảo:

79. Từ nay không bịnh không được tự xin cơm canh, cần nên học.

Nếu Tỳ-kheo không bịnh mà tự xin cơm canh thì phạm Đột-kiết-la; nếu bịnh xin thì không phạm.

Lại nữa Lục quần Tỳ-kheo lấy cơm phủ lên canh để mong được sớt thêm canh nữa, bảo cư sĩ rằng: "Hãy sớt canh vào bát này", cư sĩ nói: "Trước đã lấy cơm phủ lên canh còn đòi thêm nữa", Phật bảo:

80. Từ nay không được lấy cơm phủ lên canh mong được sớt thêm nữa, cần nên học. Nếu Tỳ-kheo lấy cơm phủ lên canh mong được sớt thêm nữa thì phạm Đột-kiết-la; nếu không lấy cơm phủ lên canh thì không phạm.

Lúc đó Lục quần Tỳ-kheo nhìn vào bát của người ngồi gần rồi phê bình: "Của thầy nhiều của tôi ít, hoặc của tôi nhiều của thầy ít", Phật bảo:

81. Từ nay không được nhìn vào bát của người ngồi gần rồi phê bình này nọ, cần nên học. Nếu Tỳ-kheo nhìn vào bát của người ngồi gần rồi phê bình này nọ thì phạm Đột-kiết-la; nếu không nhìn vào bát người ngồi gần thì không phạm.

Lại nữa có một Tỳ-kheo khi ăn nhìn ngó chỗ khác, Lục quần Tỳ-kheo vì đùa cợt nên gắp xương bỏ vào bát của-Tỳ-kheo này, Tỳ-kheo này khi ăn gắp phải xương giật mình kinh hãi, Phật bảo:

82. Từ nay phải nhìn thẳng vào trong bát khi ăn, cần nên học. Nếu Tỳ-kheo không nhìn thẳng vào trong bát khi ăn thì phạm Đột-kiết-la; nếu nhìn thẳng vào bát khi ăn thì không phạm.

Lại nữa Lục quần Tỳ-kheo thọ nhiều thức ăn ăn không hết, thức ăn còn dư trong bát liền đổ bỏ trong chậu rửa bát khiến cho trong chậu rửa bát đầy thức ăn, các cư sĩ quở trách: "Các Tỳ-kheo này không tốt, không có gieo trồng, không có thu hoạch, chỉ biết ăn mà còn chừa đổ bỏ", Phật bảo:

83. Từ nay nên theo thứ lớp ăn cho hết thức ăn trong bát, cần nên học. Nếu Tỳ-kheo không theo thứ lớp ăn cho hết thức ăn trong bát thì phạm Đột-kiết-la; nếu theo thứ lớp ăn hết thì không phạm.

Phật tại nước Ca duy la vệ, lúc đó có cư sĩ thỉnh Phật và Tăng vào ngày mai thọ thực, Phật im lặng nhận lời, cư sĩ biết Phật đã nhận lời liền đảnh lễ Phật hữu nhiễu rồi ra về. Về đến nhà ngay trong đêm đó lo sửa soạn đủ các món ăn ngon, sáng sớm trải tòa rồi sai sứ đến bạch Phật: "Đã đến giờ thọ thực, xin Phật tự biết thời". Phật và Tăng đến nhà cư sĩ, trên nền nhà mới làm bằng thủy tinh, khi các Tỳ-kheo rửa bát xong liền đổ nước rửa bát có thức

ăn lợn cợn lên trên nền nhà mới làm cho dơ, cư sĩ liền quở trách: "Các Tỳ-kheo này không tốt, còn có chỗ khuất có thể đổ bỏ nước dơ này, sao lại đổ trên nền nhà mới sạch như thế", Phật bảo:

84. Từ nay nước rửa bát có thức ăn lợn cợn, nếu chưa hỏi chủ nhân thì không được để bỏ trong nhà, cần nên học. Nếu Tỳ-kheo chưa hỏi chủ nhân mà đổ nước rửa bát có thức ăn lợn cợn trong nhà thì phạm Đột-kiết-la; nếu hỏi chủ nhân rồi thì không phạm.

-oOo-

LUẬT THẬP TỤNG

QUYỂN 20

VII. MỘT TRĂM LẺ BẢY PHÁP CHÚNG HỌC (Tiếp Theo):

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó vua Ba-tư-nặc lập pháp như sau: "Nếu Phật ở Kỳ hoàn, ta sẽ hằng ngày đến viếng thăm"; cho nên khi nghe Phật ở Kỳ hoàn, vua liền bảo người đánh xe chuẩn bị xa giá, người đánh xe vâng lịnh lo chuẩn bị xa giá rồi đến bạch vua tự biết thời, vua liền lên xe ra khỏi thành đến Kỳ hoàn. Lúc đó vua ngồi trên xe, Lục quần nói pháp cho vua nghe về sắc vô thường, thọ tưởng hành thức đều vô thường. Có Tỳ-kheo thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo đi bộ ở dưới lại nói pháp cho người ngồi trên xe nghe", quở trách rồi đem việc này bạch Phật, Phật bảo các Tỳ-kheo:

85. Từ nay người không bịnh đi xe, Tỳ-kheo không nên vì nói pháp, cần nên học. Nếu Tỳ-kheo nói pháp cho người không bịnh đi xe nghe thì phạm Đột-kiết-la; nếu nói pháp cho người bịnh nghe thì không phạm.

Lúc đó vua đi phía trước, Lục quần đi ở phía sau nói pháp cho vua nghe về sắc vô thường, thọ tưởng hành thức đều vô thường. Phật bảo các Tỳ-kheo:

86. Từ nay người không bịnh đi phía trước, Tỳ-kheo không được đi ở phía sau vì nói pháp, cần nên học. Nếu Tỳ-kheo đi ở phía sau nói pháp cho người không bịnh đi phía trước nghe thì phạm Đột-kiết-la; nếu nói pháp cho người bịnh đi phía trước nghe thì không phạm.

Lúc đó vua đi đường giữa, Lục quần Tỳ-kheo đi trên lề đường nói pháp cho vua nghe về sắc vô thường, thọ tưởng hành thức đều vô thường. Phật bảo các Tỳ-kheo:

87. Từ nay người không bịnh đi ở đường giữa, Tỳ-kheo không được đi trên lề đường nói pháp cho nghe, cần nên học. Nếu Tỳ-kheo đi trên lề đường nói pháp cho người không bịnh đi ở đường giữa nghe thì phạm Đột-kiết-la; nếu nói pháp cho người bịnh nghe thì không phạm.

Hành pháp của vua là đi đâu, thị vệ thường mang theo giường chõng để tùy dùng, lúc đó vua ngồi trên giường, Lục quần đứng nói pháp cho vua nghe về sắc vô thường, thọ tưởng hành thức đều vô thường. Phật bảo các Tỳ-kheo:

88. Từ nay người không bịnh ngồi, Tỳ-kheo không được đứng nói pháp cho nghe, cần nên học.

Nếu Tỳ-kheo đứng nói pháp cho người không bịnh ngồi nghe thì phạm Đột-kiết-la; nếu nói pháp cho người bịnh nghe thì không phạm.

Vua đối với Lục quần Tỳ-kheo không có tâm cung kính nhiều nên để Lục quần ngồi ở tòa thấp, mình ngồi trên tòa cao. Lục quần ngồi ở tòa thấp nói pháp cho vua nghe về sắc vô thường, thọ tưởng hành thức đều vô thường. Phật bảo các Tỳ-kheo:

89. Từ nay người không bịnh ngồi ở tòa cao, Tỳ-kheo ngồi ở tòa thấp không được vì nói pháp, cần nên học. Nếu Tỳ-kheo ngồi ở tòa thấp nói pháp cho người không bịnh ngồi ở tòa cao nghe thì phạm Đột-kiết-la; nếu nói pháp cho người bịnh nghe thì không phạm.

Thân vua vốn to lớn nên ngồi lâu liền nằm, lúc đó Lục quần ngồi nói pháp cho vua nghe về sắc vô thường … Phật bảo các Tỳ-kheo:

90. Từ nay người không bịnh nằm, Tỳ-kheo ngồi không nên vì nói pháp, cần nên học. Nếu Tỳ-kheo ngồi nói pháp cho người không bịnh nằm nghe thì phạm Đột-kiết-la; nếu nói pháp cho người bịnh nghe thì không phạm.

Có lúc vua trùm đầu, Lục quần lại nói pháp cho vua nghe về sắc vô thường… Phật bảo các Tỳ-kheo:

91. Từ nay không được nói pháp cho người trùm đầu nghe, trừ bịnh, cần nên học. Nếu Tỳ-kheo

nói pháp cho người không bịnh trùm đầu nghe thì phạm Đột-kiết-la; nếu nói pháp cho người bịnh nghe thì không phạm.

Có lúc vua quấn khăn trên đầu, Lục quần lại vì nói pháp nên Phật bảo:

92. Từ nay không được nói pháp cho người quấn khăn trên đầu

nghe, trừ bịnh, cần nên học. Nếu Tỳ-kheo nói pháp cho người không bịnh quấn khăn trên đầu nghe thì phạm Đột-kiết-la; nếu nói pháp cho người bịnh nghe thì không phạm.

Có lúc vua đang choàng vai người khác, Lục quần lại vì nói pháp nên Phật bảo:

93. Từ nay không được nói pháp cho người đang choàng vai người khác nghe, trừ bịnh, cần nên học. Nếu Tỳ-kheo nói pháp cho người đang choàng vai người khác nghe thì phạm Đột-kiết-la; nếu nói pháp cho người bịnh nghe thì không phạm.

Có lúc vua đang chống nạnh, Lục quần lại vì nói pháp nên Phật bảo:

94. Từ nay không được nói pháp cho người đang chống nạnh nghe, trừ bịnh, cần nên học. Nếu Tỳ-kheo nói pháp cho người không bịnh đang chống nạnh nghe thì phạm Đột-kiết-la; nếu nói pháp cho người bịnh nghe thì không phạm.

Có lúc vua mặc y lật ngược sang hai bên, Lục quần lại vì nói pháp nên Phật bảo:

95. Từ nay không được nó pháp cho người mặc y lật ngược sáng hai bên, trừ bịnh, cần nên học. Nếu Tỳ-kheo nói pháp cho người không bịnh mặc y lật ngược sang hai bên thì phạm Đột-kiết-la; nếu nói pháp cho người bịnh nghe thì không phạm.

Có lúc vua mặc y vắt qua một bên, Lục quần lại vì nói pháp nên Phật bảo:

96. Từ nay không được nói pháp cho người mặc y vắt qua một bên, trừ bịnh, cần nên học. Nếu Tỳ-kheo nói pháp cho người không bịnh mặc y vắt qua một bên thì phạm Đột-kiết-la; nếu nói pháp cho người bịnh nghe thì không phạm.

Có lúc vua dùng y phủ qua vai phải rồi phủ choàng qua vai trái, Lục quần lại vì nói pháp nên Phật bảo:

97. Từ nay không được nói pháp cho người lấy y phủ qua vai phải rồi phủ choàng qua vai trái nghe, trừ bịnh, cần nên học. Nếu Tỳ-kheo nói pháp cho người không bịnh lấy y phủ qua vai phải rồi phủ choàng qua vai trái nghe thì phạm Đột-kiết-la; nếu nói pháp cho người bịnh nghe thì không phạm.

Có lúc vua đang mang giày da, Lục quần lại vì nói pháp nên Phật bảo:

98. Từ nay không được nói pháp cho người đang mang giày da nghe, trừ bịnh, cần nên học. Nếu Tỳ-kheo nói pháp cho người không bịnh đang mang giày da nghe thì phạm Đột-kiết-la; nếu nói

pháp cho người bịnh nghe thì không phạm.

Có lúc vua đang mang guốc, Lục quần lại vì nói pháp nên Phật bảo:

99. Từ nay không được nói pháp cho người đang mang guốc nghe, trừ bịnh, cần nên học. Nếu Tỳ-kheo nói pháp cho người không bịnh đang mang guốc nghe thì phạm Đột-kiết-la; nếu nói pháp cho người bịnh nghe thì không phạm.

Lúc đó Phật đang thuyết pháp cho trăm ngàn vạn chúng đang cung kính vây quanh, các quyến thuộc của vua Ba-tư-nặc có người đang cầm trượng, có người cầm dao, có người cầm mâu, có người cầm thuẫn, có người cầm cung tên, có người cầm lọng…, Lục quần Tỳ-kheo nói pháp riêng cho từng người nghe. Trong chúng hội này có người đáng lẽ có thể đắc đạo, vì chúng hội chia làm hai nhóm khiến tâm tán loạn nên không thể đắc đạo. Thường pháp của Phật là nếu người nghe không nhất tâm thì không nói pháp cho nghe, Phật tùy duyên thuyết pháp cho vua nghe được lợi hỉ rồi im lặng, vua được lợi hỉ rồi liền đảnh lễ Phật hữu nhiễu rồi đi. Không bao lâu sau, Phật do việc này nhóm Tỳ-kheo tăng rồi quở trách Lục quần Tỳ-kheo: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo lại nói pháp cho người cầm trượng… các loại binh khí", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo:

100. Không được nói pháp cho người cầm

trượng nghe, trừ bịnh, cần nên học. Nếu Tỳ-kheo nói pháp cho người cầm trượng nghe thì phạm Đột-kiết-la; nếu nói pháp cho người bịnh nghe thì không phạm.

101. Không được nói pháp cho người cầm lọng nghe, trừ bịnh, cần nên học. Nếu Tỳ-kheo nói pháp cho người cầm lọng nghe thì phạm Đột-kiết-la; nếu nói pháp cho người bịnh nghe thì không phạm.

102. Không được nói pháp cho người cầm đao nghe, trừ bịnh, cần nên học. Nếu Tỳ-kheo nói pháp cho người cầm đao nghe thì phạm Đột-kiết-la; nếu nói pháp cho người bịnh nghe thì không phạm.

103. Không được nói pháp cho người cầm mâu thuẫn, cung tên nghe, trừ bịnh, cần nên học. Nếu Tỳ-kheo nói pháp cho người cầm mâu thuẫn, cung tên nghe thì phạm Đột-kiết-la; nếu nói pháp cho người bịnh nghe thì không phạm.

Phật tại thành Vương xá, lúc đó Lục quần Tỳ-kheo đến nói với người giữ vườn rau: "Hãy cho chúng tôi rau", hỏi có tiền trả không, đáp là xin chứ không có tiền trả, người giữ vườn rau nói: "Nếu xin không có tiền trả thì chúng tôi làm sao sinh sống được", Lục quần liền nói: "Không cho phải không?", đáp là không cho. Lục quần vào một lúc khác lén đại tiểu tiện và khạc nhổ trên rau, mùi hôi thúi làm cho rau chết, người giữ vườn rau thấy việc này rồi liền tự hỏi không biết là ai đã làm, Lục quần

đến hỏi người giữ vườn rau: "Ông có biết ai đã làm dơ vườn rau và làm cho rau của ông chết không?", đáp là không biết, liền nói: "Chính chúng tôi đã làm, vì theo ông xin rau nhưng ông không cho nên chúng tôi cố ý làm như thế". Lục quần là người mạnh khỏe, có nhiều sức lực lại không sợ tội nên người giữ vườn rau không thể làm gì được; các cư sĩ quở trách: "Sa-môn Thích tử tự xưng là bậc hiền thiện có đức mà lại đại tiểu tiện, khạc nhổ trên rau cỏ tươi như thế", Phật nghe rồi liền bảo các Tỳ-kheo:

104. Từ nay không được đại tiểu tiện, khạc nhổ trên rau cỏ tươi, trừ bịnh, cần nên học. Nếu Tỳ-kheo không bịnh mà đại tiểu tiện, khạc nhổ trên rau cỏ tươi thì phạm Đột-kiết-la; nếu bịnh thì không phạm.

Phật tại thành Vương xá, lúc đó Lục quần Tỳ-kheo đến nói với người giặt y: "Hãy giặt y giùm tôi", hỏi có trả tiền không, đáp là không, người giặt y nói: "Nếu chỉ giặt không, không có trả tiền thì chúng tôi làm sao sinh sống", Lục quần liền hỏi: "Không chịu giặt phải không?", đáp là không. Lục quần liền đến chỗ nước sạch để giặt y đại tiểu tiện và khạc nhổ trong đó làm cho dơ, những người giặt y lấy nước này giặt, nước dơ thấm vào có mùi hôi thúi và bị mất màu, họ tự hỏi không biết là ai đã làm việc này. Vào một lúc khác Lục quần đến hỏi người giặt y: "Ông có biết ai đã làm dơ nước sạch

để giặt y này không?", đáp là không biết, liền nói: "Chính chúng ta đã làm, vì ông không chịu giặt y cho chúng tôi nên chúng tôi cố ý làm như vậy". Lục quần Tỳ-kheo là người mạnh khỏe, có nhiều sức lực lại không sợ tội nên họ không thể làm gì được, các cư sĩ quở trách: "Sa-môn Thích tử tự xưng là bậc hiền thiện có đức mà lại đại tiểu tiện, khạc nhổ trong nước sạch như thế". Có Tỳ-kheo thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng rồi quở trách Lục quần: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo lại đại tiểu tiện, khạc nhổ trong nước sạch như thế", nhưng Phật chỉ quở trách chứ chưa kết giới.

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó trong thành có một ao lớn tên là Tu-ma-na, nhiều người đến lấy nước trong ao này về dùng. Khi Lục quần Tỳ-kheo đến trong ao này liền đại tiểu tiện và khạc nhổ làm cho ao nước dơ, các cư sĩ quở trách: "Sa-môn Thích tử tự xưng là bậc hiền thiện có đức mà lại đại tiểu tiện, khạc nhổ trong ao nước sạch như thế". Có Tỳ-kheo thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng quở trách Lục quần rồi bảo các Tỳ-kheo:

105. Từ nay không được đại tiểu tiện và khạc nhổ trong nước sạch để dùng, trừ bịnh, cần nên học. Nếu Tỳ-kheo không bịnh mà đại tiểu tiện và

khạc nhổ trong nước sạch để dùng thì phạm Đột-kiết-la; nếu bịnh thì không phạm.

Phật tại nước Xá-vệ, Lúc đó Lục quần Tỳ-kheo đứng đại tiểu tiện, Phật liền bảo các Tỳ-kheo:

106. Từ nay không được đứng đại tiểu tiện, trừ bịnh, cần nên học. Nếu Tỳ-kheo không bịnh mà đứng đại tiểu tiện thì phạm Đột-kiết-la; nếu bịnh thì không phạm.

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó có cư sĩ thỉnh Phật và Tăng vào ngày mai thọ thực, Phật im lặng nhận lời, cư sĩ biết Phật đã nhận lời liền đảnh lễ Phật hữu nhiễu rồi ra về. Về đến nhà ngay trong đêm đó lo sửa soạn đủ các món ăn ngon, sáng sớm trải tòa rồi sai sứ đến bạch Phật: "Đã đến giờ thọ thực, xin Phật tự biết thời". Do Lục quần Tỳ-kheo và Thập thất quần Tỳ-kheo thường hay cải nhau nên sáng hôm đó tới phiên Thập thất quần giữ Tăng phường, Lục quần Tỳ-kheo tới phiên đưa thức ăn đến cho Thập thất quần liền nói với nhau: "Hôm nay chúng ta cố ý làm cho Thập thất quần phải đoạn thực", một người hỏi làm như thế nào, đáp là rồi sẽ biết. Lục quần đến chỗ Thập thất quần lấy bát để lấy phần ăn cho Thập thất quần, lấy bát rồi theo Phật và Tăng đến chỗ thỉnh thực, ăn xong liền nhận phần thức ăn của Thập thất quần rồi đi, nhưng lại không mang thức ăn đến cho Thập thất quần mà đi đến các chỗ khác, người thì đến nhà thân quen, người thì ra khỏi thành, người thì ngồi dưới gốc

cây… Lúc đó Thập thất quần vì tuổi trẻ sung sức nên mau đói, chờ lâu không thấy mang thức ăn đến nên nói với nhau: "Sao mang thức ăn đến chậm như thế", một người nói: "Hãy leo lên cây cao ở trước cửa Kỳ hoàn, nhìn ra xa xem người mang thức ăn đến chưa", nói rồi một người leo lên cây cao nhìn ra xa xem rồi nói: "Có một Tỳ-kheo ngồi dưới gốc cây, có người ngồi bên giếng…". Đến lúc quá ngọ, Lục quần Tỳ-kheo trên mặt đầy mồ hôi mới chịu mang thức ăn về đến đưa cho Thập thất quần, liền hỏi: "Cớ sao mang cơm về chậm như thế?", đáp: "Chúng tôi ăn xong nhận lấy phần thức ăn mang về liền", Thập thất quần nói: "Chúng tôi thấy các thầy có người ngồi dưới gốc cây, có người ngồi bên giếng… mà nói là ăn xong nhận lấy phần thức ăn mang về liền", liền hỏi là ai nói, đáp: "Là tôi leo lên cây cao nhìn thấy". Có Tỳ-kheo thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo lại leo lên cây cao như thế", quở trách rồi bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm các Tỳ-kheo bảo rằng:

107. Không được leo lên cây cao quá đầu người, trừ nhân duyên gấp, cần nên học. Nếu Tỳ-kheo không có nhân duyên gấp mà leo lên cây cao quá đầu người thì phạm Đột-kiết-la; nếu có nhân duyên gấp thì không phạm.

VIII. BẢY PHÁP DIỆT TRÁNH:

1. Pháp Thứ Nhất: Tự Ngôn Diệt Tránh

Phật tại thành Vương xá, lúc đó Lục quần Tỳ-kheo khuyên đàn việt lo liệu áo tắm để tắm, có một khách Tỳ-kheo đến cởi y để đó rồi mặc áo tắm vào tắm, tắm rồi trở ra lấy y mặc, ra bên ngoài mới biết là mặc lộn y của người khác bèn suy nghĩ: "Phải đem y này trả lại chỗ cũ rồi tìm lại y của mình", nghĩ rồi liền trở vào chỗ để y. Lục quần Tỳ-kheo vốn hay chống trái với Tỳ-kheo thiện, thấy khách Tỳ-kheo trở vào liền hỏi nguyên do, khách Tỳ-kheo liền kể rõ sự việc trên, Lục quần Tỳ-kheo nghe rồi liền nói: "Không đúng như lời thầy nói, thầy đã dùng tâm trộm để lấy, lấy rồi hối hận nên đem trả lại chỗ cũ, thầy có thấy tội không?", đáp là không thấy tội, Lục quần nói với nhau: "Người này một mực nói không thấy tội, chúng ta phải làm yết ma tẫn về không thấy tội", nói rồi liền cùng nhau làm yết ma tẫn Tỳ-kheo khách, Tỳ-kheo khách suy nghĩ: "Lục quần Tỳ-kheo vì ta làm yết ma tẫn về không thấy tội là không có nhân duyên gốc ngọn, ta tự không thấy tội, sao ta không đến chỗ Phật tại nước Xá-vệ ", nghĩ rồi liền du hành đến nước Xá-vệ yết kiến Phật. Thường pháp của Phật là khi có khách Tỳ-kheo đến đều hỏi thăm có nhẫn đủ không, khất thực có dễ không, đi đường có nhọc mệt không. Lúc đó Tỳ-kheo khách đáp là nhẫn đủ,

khất thực không khó, đi đường không nhọc mệt, rồi đem việc trên bạch Phật, Phật hỏi khách Tỳ-kheo: "Lục quần Tỳ-kheo vì sao làm yết ma tẫn thầy về không thấy tội", đáp: "Thế tôn, họ làm yết ma tẫn là không có nhân duyên gốc ngọn, con tự không thấy tội, nhưng họ vẫn gượng làm yết ma tẫn con về không thấy tội", Phật nói: "Nếu Lục quần Tỳ-kheo làm yết ma tẫn là không có nhân duyên gốc ngọn, thầy tự không thấy tội mà vẫn gượng làm yết ma tẫn về không thấy tội. Thầy chớ lo buồn, ta sẽ cho tác pháp làm bạn trợ giúp thầy", Phật bảo các Tỳ-kheo: "Từ nay ta chế pháp Tự ngôn diệt tránh, dùng pháp Tự ngôn diệt tránh này thì những việc đã khởi trong Tăng đều sẽ được dứt diệt".

Tự ngôn diệt tránh có mười loại phi pháp và mười loại như pháp.

Mười loại phi pháp là:

1. Nếu Tỳ-kheo phạm Ba-la-di, tự nói không phạm, chúng tăng hỏi: "Thầy tự nói là không phạm phải không?", đáp: "Không phạm". Đây gọi là phi pháp.

2-5: Nếu Tỳ-kheo phạm Tăng-già-bà-thi-sa, Ba-dật-đề, Ba-la-đề-đề-xá-ni, Đột-kiết-la mà tự nói là không phạm; chúng tăng hỏi: "Thầy tự nói là không phạm phải không?", đáp: "Không phạm". Đây gọi là phi pháp.

6. Lại có Tỳ-kheo không phạm Ba-la-di mà tự nói là tôi phạm, chúng tăng hỏi: "Thầy tự nói là phạm Ba-la-di phải không?", đáp là tôi phạm. Đây gọi là phi pháp.

7-10. Lại có Tỳ-kheo không phạm Tăng-già-bà-thi-sa, Ba-dật-đề, Ba-la-đề-đề-xá-ni, Đột-kiết-la mà tự nói là tôi phạm, chúng tăng hỏi: "Thầy tự nói là phạm phải không?", đáp là tôi phạm. Đây gọi là phi pháp.

Mười loại như pháp là:

1. Nếu có Tỳ-kheo phạm Ba-la-di, tự nói là tôi phạm Ba-la-di, chúng tăng hỏi: "Thầy tự nói là phạm phải không?", đáp là tôi phạm. Đây gọi là như pháp.

2-5: Lại có Tỳ-kheo phạm Tăng-già-bà-thi-sa, Ba-dật-đề, Ba-la-đề-đề-xá-ni, Đột-kiết-la; tự nói là tôi phạm, chúng tăng hỏi: "Thầy tự nói là phạm phải không?", đáp là tôi phạm. Đây gọi là như pháp.

6. Lại có Tỳ-kheo không phạm Ba-la-di, tự nói là không phạm, chúng tăng hỏi: "Thầy tự nói là không phạm phải không?", đáp là không phạm. Đây gọi là như pháp.

7-10. Lại có Tỳ-kheo không phạm Tăng-già-bà-thi-sa, Ba-dật-đề, Ba-la-đề-đề-xá-ni, Đột-kiết-la; tự nói là không phạm, chúng tăng hỏi: "Thầy tự nói là không phạm phải không?", đáp là không

phạm. Đây gọi là như pháp.

2. Pháp Thứ Hai: Hiện Tiền Diệt Tránh

Lúc đó Lục quần Tỳ-kheo nghe biết việc này bèn nói với nhau: "Chúng ta tại thành Vương xá đã làm yết ma tẫn Tỳ-kheo khách về không thấy tội, nhưng đến nước Xá-vệ các Tỳ-kheo lại cùng Tỳ-kheo ấy cọng sự cọng trụ, chúng ta phải đến nước Xá-vệ", nói rồi cùng nhau đi đến nước Xá-vệ yết kiến Phật, gặp các Tỳ-kheo đang kinh hành nơi chỗ đất trống ở ngoài cửa Kỳ hoàn bèn hỏi: "Chúng ta ở thành Vương xá làm yết ma tẫn khách Tỳ-kheo về không thấy tội, nhưng đến nước Xá-vệ các thầy lại cùng Tỳ-kheo kia cọng sự cọng trụ phải không?", các Tỳ-kheo nói: "Phật đã dùng pháp Tự ngôn diệt tránh để diệt trừ việc này rồi", Lục quần nói: "Việc này không thể diệt trừ được vì chúng ta không hiện tiền". Lục quần lúc đó chống trái việc Phật cho pháp Tự ngôn diệt tránh nên không vâng theo và phỉ báng việc thấy biết của Phật. Có Tỳ-kheo thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng rồi quở trách Lục quần Tỳ-kheo: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo lại chống trái không vâng theo pháp Tự ngôn diệt tránh mà ta đã cho tác pháp, còn phỉ báng việc thấy biết của Như lai", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Từ nay cho tác pháp Hiện tiền diệt

tránh, dùng pháp Hiện tiền diệt tránh này sẽ khiến cho những việc đã khởi trong Tăng đều được dứt diệt".

Hiện tiền Tỳ-ni có hai loại phi pháp và hai loại như pháp. Hai loại phi pháp là:

1. Có Tăng phi pháp dạy bảo Tăng phi pháp, muốn kiến chiết phục mà cho Hiện tiền Tỳ-ni. Lại có Tăng phi pháp dạy bảo ba người phi pháp, muốn khiến chiết phục mà cho Hiện tiền Tỳ-ni. Lại có Tăng không như pháp dạy bảo hai, một người không như pháp, muốn khiến chiết phục mà cho Hiện tiền Tỳ-ni. Lại có ba người không như pháp dạy bảo ba người không như pháp, muốn khiến chiết phục mà cho Hiện tiền Tỳ-ni. Lại có ba người không như pháp dạy bảo hai, một người và Tăng không như pháp, muốn khiến chiết phục mà cho Hiện tiền Tỳ-ni. Lại có hai người không như pháp dạy bảo hai, một, ba người và Tăng không như pháp, muốn khiến chiết phục mà cho Hiện tiền Tỳ-ni. Lại có một người không như pháp dạy bảo một, ba, hai người và Tăng không như pháp, muốn khiến chiết phục mà cho Hiện tiền Tỳ-ni. Đây là loại phi pháp thứ nhất.

2. Lại có Tăng không như pháp dạy bảo Tăng như pháp, muốn khiến chiết phục mà cho Hiện tiền Tỳ-ni. Lại có Tăng không như pháp dạy bảo ba, hai, một người như pháp, muốn khiến chiết phục mà cho Hiện tiền Tỳ-ni. Lại có ba người không như

pháp dạy bảo ba, hai, một người và Tăng như pháp, muốn khiến chiết phục mà cho Hiện tiền Tỳ-ni. Lại có hai người không như pháp dạy bảo hai, một, ba người và Tăng như pháp, muốn khiến chiết phục mà cho Hiện tiền Tỳ-ni. Lại có một người không như pháp dạy bảo một, hai, ba người và Tăng như pháp, muốn khiến chiết phục mà cho Hiện tiền Tỳ-ni. Đây là loại phi pháp thứ hai.

Hai loại Hiện tiền diệt tránh như pháp là:

1. Có Tăng như pháp dạy bảo Tăng như pháp, muốn khiến chiết phục mà cho Hiện tiền Tỳ-ni. Lại có Tăng như pháp dạy bảo ba, hai, một người như pháp, muốn khiến chiết phục mà cho Hiện tiền Tỳ-ni. Lại có ba người như pháp dạy bảo ba, hai, một người và Tăng như pháp, muốn khiến chiết phục mà cho Hiện tiền Tỳ-ni. Lại có hai người như pháp dạy bảo hai, một, ba người và Tăng như pháp, muốn khiến chiết phục mà cho Hiện tiền Tỳ-ni. Lại có một người như pháp dạy bảo một, ba, hai và Tăng như pháp, muốn khiến cho chiết phục mà cho Hiện tiền Tỳ-ni. Đây là loại như pháp thứ nhất.

2. Có Tăng như pháp dạy bảo Tăng không như pháp, muốn khiến chiết phục mà cho Hiện tiền Tỳ-ni. Lại có Tăng như pháp dạy bảo ba, hai, một người không như pháp, muốn khiến chiết phục mà cho Hiện tiền Tỳ-ni. Lại có ba người như pháp dạy bảo ba, hai, một và Tăng không như pháp, muốn khiến chiết phục mà cho Hiện tiền Tỳ-ni. Lại có

hai người như pháp dạy bảo hai, một, ba người và Tăng không như pháp, muốn khiến chiết phục mà cho Hiện tiền Tỳ-ni. Lại có một người như pháp dạy bảo một, ba, hai và Tăng không như pháp, muốn khiến cho chiết phục mà cho Hiện tiền Tỳ-ni. Đây là loại như pháp thứ hai.

3. Pháp Thứ Ba: Ức Niệm Diệt Tránh

Phật tại thành Vương xá, lúc đó Trưởng lão Đà-phiêu lực sĩ tử bị Tỳ-kheo-ni Di-đa-la đem pháp Ba-la-di không căn cứ vu báng, khiến cho Tăng hoặc ba, hai, một người thường bàn nói việc này. Trưởng lão vì việc này nên bảo các Tỳ-kheo: "Tỳ-kheo-ni Di-đa-la đem pháp Ba-la-di không căn cứ vu báng tôi khiến cho Tăng hoặc ba, hai, một người thường bàn nói việc này, tôi phải làm sao đây", các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật do việc này nhóm Tỳ-kheo tăng rồi hỏi Đà-phiêu: "Thầy thật bị Tỳ-kheo-ni đem pháp Ba-la-di không căn cứ vu báng khiến cho Tăng hoặc ba, hai, một người thường bàn nói việc này nên thầy đến nói với các Tỳ-kheo là tôi phải làm sao đây, có thật như thế không?", đáp: "Thật vậy thưa Thế tôn", Phật nói: "Từ nay cho làm pháp Ức niệm diệt tránh, dùng pháp Ức niệm diệt tránh này sẽ khiến cho những việc đã khởi trong Tăng đều được dứt diệt".

Ức niệm diệt tránh có ba loại phi pháp và ba loại như pháp. Ba loại phi pháp là:

1. Có Tỳ-kheo phạm tội Vô tàn, tự nói là phạm tội Hữu tàn. Tỳ-kheo này theo Tăng xin Ức niệm Tỳ-ni, nếu Tăng cho Ức niệm Tỳ-ni thì gọi là phi pháp, vì sao, vì người này nên diệt tẫn.

2. Lại như Tỳ-kheo Thi-việt do tâm cuồng si điên đảo mà làm nhiều việc không thanh tịnh, phi pháp, không phải đạo tùy thuận, không phải pháp Sa-môn. Người này sau khi trở lại bổn tâm, những tội đã làm trước kia nếu Tăng hoặc ba, hai, một người thường bàn nói việc này; người này theo Tăng xin Ức niệm Tỳ-ni, nếu Tăng cho người này Ức niệm Tỳ-ni thì gọi là phi pháp, vì sao, vì người này nên cho Bất si Tỳ-ni.

3. Lại như Tỳ-kheo Ha-đa không có tàm quý phá giới, có tội thấy

nghe nghi; người này tự nói là tôi có tội này, nhưng sau lại nói là tôi không có tội này. Người này theo Tăng xin Ức niệm Tỳ-ni, nếu Tăng cho người này Ức niệm Tỳ-ni thì gọi là phi pháp, vì sao, vì người này nên cho Thật mích Tỳ-ni. Đây là ba loại phi pháp Ức niệm Tỳ-ni.

Ba loại như pháp Ức niệm Tỳ-ni là:

1. Như Tỳ-kheo Đà-phiêu bị Tỳ-kheo-ni Di-đa-la đem pháp Ba-la-di không căn cứ vu báng, do Tăng hoặc ba, hai, một người thường bàn nói việc này nên Tỳ-kheo này theo Tăng xin Ức niệm Tỳ-ni, nếu Tăng cho người này Ức niệm Tỳ-ni thì gọi

là như pháp, vì sao, vì người này nên cho Ức niệm Tỳ-ni.

2. Lại như có một Tỳ-kheo phạm tội nhưng đã phát lồ như pháp sám hối trừ diệt, nếu Tăng hoặc ba, hai, một người vẫn còn bàn nói việc này. Tỳ-kheo này theo Tăng xin Ức niệm Tỳ-ni, nếu Tăng cho người này Ức niệm Tỳ-ni thì gọi la như pháp, vì sao, vì người này nên cho Ức niệm Tỳ-ni.

3. Lại như có Tỳ-kheo tuy chưa phạm tội này nhưng ắt sẽ phạm, nếu Tăng hoặc ba, hai, một người vì việc này mà nói là phạm tội nên Tỳ-kheo này theo tăng xin Ức niệm Tỳ-ni; nếu Tăng cho người này Ức niệm Tỳ-ni thì gọi là như pháp, vì sao, vì người này nên cho Ức niệm Tỳ-ni. Đây là ba loại như pháp Ức niệm Tỳ-ni.

Phật bảo các Tỳ-kheo: "Các thầy nên cho Tỳ-kheo Đà-phiêu Ức niệm Tỳ-ni, nếu có người nào giống như Đà-phiêu cũng nên cho Ức niệm Tỳ-ni. Pháp cho Ức niệm Tỳ-ni là: Tỳ-kheo Đà-phiêu nên đứng dậy trịch bày vai hữu, quỳ gối chắp tay bạch Tăng:

Đại-đức Tăng lắng nghe, tôi là Tỳ-kheo Đà-phiêu bị Tỳ-kheo-ni Di-đa-la đem pháp Ba-la-di không căn cứ vu báng. Tăng hoặc ba, hai, một người thường bàn nói việc này nên tôi nay theo Tăng xin Ức niệm Tỳ-ni, Tăng hoặc ba, hai, một người đừng bàn nói việc này nữa. Xin Tăng thương

xót cho tôi Ức niệm Tỳ-ni. (Ba-lần).

Lúc đó một Tỳ-kheo trong Tăng xướng rằng:

Đại-đức Tăng lắng nghe, Tỳ-kheo Đà-phiêu này bị Tỳ-kheo-ni Di-đa-la đem pháp Ba-la-di không căn cứ vu báng. Tăng hoặc ba, hai, một người thường bàn nói việc này nên Tỳ-kheo Đà-phiêu theo Tăng xin Ức niệm Tỳ-ni để Tăng hoặc ba, hai, một người đừng bàn nói việc này nữa. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay cho Đà-phiêu Ức niệm Tỳ-ni, từ nay Tăng hoặc ba, hai, một người đừng bàn nói việc này nữa. Bạch như vậy.

Như thế Bạch-tứ-yết-ma cho đến câu Tăng đã cho Tỳ-kheo Đà-phiêu Ức niệm Tỳ-ni xong rồi. Tăng chấp thuận vì im lặng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

Hành pháp của-Tỳ-kheo được Ức niệm Tỳ-ni là các Tỳ-kheo không được bàn nói về tội của-Tỳ-kheo kia nữa, không được bảo nhớ nghĩ, không được theo hỏi về việc ấy, cũng không nghe Tỳ-kheo khác nói về việc ấy nữa. Nếu Tỳ-kheo nào theo hỏi về việc ấy thì phạm Đột-kiết-la, nghe người khác nói về việc ấy cũng phạm Đột-kiết-la; nếu còn bàn nói về việc ấy hoặc bảo nhớ nghĩ thì phạm Ba-dật-đề".

4. Pháp Thứ Tư: Bất Si Tỳ-Ni

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó có Tỳ-kheo tên là

Thi-việt do cuồng si tâm trí điên đảo nên làm nhiều điều phi pháp, không thanh tịnh, không phải đạo tùy thuận, không phải pháp Sa-môn. Người này sau được trở lại bổn tâm, những tội đã làm trước đó, Tăng hoặc ba, hai, một người thường bàn nói việc này nên Thi-việt nói với các Tỳ-kheo rằng: "Tôi trước kia do cuồng si… không phải pháp Sa-môn. Tôi nay được trở lại bổn tâm, Tăng hoặc ba, hai, một người thường bàn nói về những tội mà tôi đã làm trước kia, tôi nay phải làm sao". Các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật hỏi Thi-việt: "Thầy thật do cuồng si… không phải pháp Sa-môn. Tuy thầy nay được trở lại bổn tâm nhưng Tăng hoặc ba, hai, một người thường bàn nói về những tội mà thầy đã làm trước kia nên thầy đến nói với các Tỳ-kheo là tôi nay phải làm sao, có thật như thế không?", đáp: "Thật vậy thưa Thế tôn", Phật nói: "Từ nay cho Bất si Tỳ-ni , dùng pháp Bất si Tỳ-ni này sẽ khiến cho những việc đã khởi trong Tăng đều được dứt diệt".

Bất si Tỳ-ni có bốn loại phi pháp và bốn loại như pháp. Bốn loại phi pháp là: Có Tỳ-kheo không cuồng si điên đảo mà hiện tướng cuồng si, các Tỳ-kheo trong Tăng hỏi: "Lúc cuồng si thầy đã làm những gì, nay thầy còn nhớ không?", đáp: "Trưởng lão, tôi nhớ vì cuồng si nên tôi làm, người khác sai khiến tôi làm, tôi nhớ việc đã làm trong mộng, nhớ mình khoả thân chạy khắp đông tây và đứng đại

tiểu tiện". Người này theo Tăng xin Bất si Tỳ-ni, nếu Tăng cho người này Bất si Tỳ-ni thì gọi là bốn loại phi pháp. Bốn loại như pháp là: Nếu Tỳ-kheo thật sự cuồng si tâm trí điên đảo nên hiện tướng cuồng si, các Tỳ-kheo hỏi: "Thầy có nhớ được những việc mà mình đã làm trong lúc cuồng si hay không?", đáp: "Không nhớ, người khác không sai khiến tôi làm, tôi không nhớ việc đã làm trong mộng, không nhớ mình đã khoả thân chạy khắp đông tây và đứng đại tiểu tiện". Người này theo Tăng xin Bất si Tỳ-ni, nếu Tăng cho người này Bất si Tỳ-ni thì gọi là bốn loại như pháp.

Phật bảo các Tỳ-kheo: "Các thầy cho Tỳ-kheo Thi-việt pháp Bất si Tỳ-ni, nếu có người nào giống như Thi-việt, Tăng cũng nên cho Bất si Tỳ-ni. Pháp cho như sau: Tỳ-kheo Thi-việt đứng dậy trịch bày vai hữu, quỳ gối chắp tay bạch Tăng:

Đại-đức Tăng lắng nghe, tôi là Tỳ-kheo Thi-việt trước kia do cuồng si tâm trí điên đảo nên đã làm nhiều việc phi pháp… không phải pháp Sa-môn. Tôi nay tuy được trở lại bổn tâm nhưng Tăng hoặc ba, hai, một người thường nói về những việc mà tôi đã làm trước kia. Tôi nay theo Tăng xin pháp Bất si Tỳ-ni để Tăng hoặc ba, hai, một người đừng bàn nói việc này nữa. Xin Tăng thương xót cho tôi pháp Bất si Tỳ-ni. (Ba-lần)

Một Tỳ-kheo trong Tăng xướng như sau:

Đại-đức Tăng lắng nghe, Tỳ-kheo Thi-việt này trước kia cuồng si… không phải pháp Sa-môn. Nay tuy đã được trở lại bổn tâm nhưng Tăng… thường bàn nói việc đã làm trước kia nên Tỳ-kheo Thi-việt theo Tăng xin pháp Bất si Tỳ-ni để Tăng… đừng bàn nói việc này nữa. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay cho Tỳ-kheo Thi-việt pháp Bất si Tỳ-ni để Tăng… đừng bàn nói việc này nữa. Bạch như vậy.

Như thế Bạch-tứ-yết-ma cho đến câu Tăng đã cho Tỳ-kheo Thi-việt pháp Bất si Tỳ-ni xong rồi. Tăng chấp thuận vì im lặng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

Hành pháp của-Tỳ-kheo được Bất si Tỳ-ni là các Tỳ-kheo khác không được bàn nói tội lỗi của-Tỳ-kheo ấy nữa, không được bảo nhớ nghĩ, không được theo hỏi, cũng không được Tỳ-kheo khác nói tội lỗi trước kia của-Tỳ-kheo ấy. Nếu theo hỏi thì phạm Đột-kiết-la, nghe Tỳ-kheo khác nói cũng phạm Đột-kiết-la; nếu còn bàn nói những việc trước kia hoặc bảo nhớ nghĩ đều phạm Ba-dật-đề".

5. Pháp Thứ Năm: Thật Mích Tỳ-Ni.

Phật tại nước Ca-tỳ-la-vệ, lúc đó có Tỳ-kheo tên Ha-đa không có hổ thẹn, ác dục có tội đủ căn cứ thấy nghe nghi. Tỳ-kheo này trước tự nói tôi phạm, sau lại nói là không phạm; các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật do việc này nhóm Tỳ-

kheo tăng rồi bảo các Tỳ-kheo: "Từ nay cho pháp Thật mích diệt tránh, dùng Thật mích Tỳ-ni này sẽ khiến cho những việc đã khởi trong Tăng đều được dứt diệt".

Thật mích Tỳ-ni có năm loại phi pháp và năm loại như pháp. Năm loại phi pháp là nếu có Tỳ-kheo phạm tội Ba-la-di, trước tự nói không phạm, sau lại nói là phạm. Nếu Tăng cho người này Thật mích Tỳ-ni thì gọi là phi pháp, vì sao, vì người này nên cho pháp diệt tẫn. Lại có Tỳ-kheo phạm Tăng-già-bà-thi-sa, Ba-dật-đề, Ba-la-đề-đề-xá-ni, Đột-kiết-la trước tự nói không phạm, sau lại nói là phạm. Nếu Tăng cho người này Thật mích Tỳ-ni thì gọi là phi pháp, vì sao, vì người này nên tùy tội đã phạm mà cho pháp trị tội. Năm loại như pháp là nếu có Tỳ-kheo phạm Ba-la-di, trước tự nói tôi phạm, sau lại nói là không phạm. Nếu Tăng cho người này Thật mích Tỳ-ni thì gọi là như pháp, vì sao, vì người nay nên cho Thật mích Tỳ-ni. Lại có Tỳ-kheo phạm Tăng-già-bà-thi-sa, Ba-dật-đề, Ba-la-đề-đề-xá-ni, Đột-kiết-la trước tự nói tôi phạm, sau lại nói là không phạm. Nếu Tăng cho người này Thật mích Tỳ-ni thì gọi là như pháp, vì sao, vì người này nên cho Thật mích Tỳ-ni.

Phật bảo các Tỳ-kheo: "Các thầy cho Tỳ-kheo Ha-đa pháp Thật mích Tỳ-ni, nếu có Tỳ-kheo nào giống như Ha-đa, Tăng cũng nên cho pháp Thật mích Tỳ-ni. Pháp cho như sau: Tăng nhất tâm hòa

hợp, một Tỳ-kheo trong Tăng xướng rằng:

Đại-đức Tăng lắng nghe, Tỳ-kheo Ha-đa này không có hổ thẹn, ác dục, có tội đưa căn cứ thấy nghe nghi, trước tự nói tội phạm, sau lại nói là không phạm nên Tăng cho Tỳ-kheo này pháp Thật mích Tỳ-ni. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay cho Tỳ-kheo Ha-đa pháp Thật mích Tỳ-ni. Bạch như vậy.

Như thế Bạch-tứ-yết-ma cho đến câu Tăng đã cho Tỳ-kheo Ha-đa pháp Thật mích Tỳ-ni xong rồi. Tăng chấp thuận vì im lặng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

Hành pháp của-Tỳ-kheo được pháp Thật mích Tỳ-ni là Tỳ-kheo nay không được cho người khác thọ đại giới, không được thọ người khác y chỉ, không được chưa nuôi Sa di, không được thọ giáo giới Tỳ-kheo-ni, nếu được Tăng sai cũng không được thọ giáo giới Tỳ-kheo-ni. Tăng đã cho pháp Thật mích Tỳ-ni thì không được tái phạm tội này hoặc tội tương tợ với tội này hoặc tội nặng hơn tội này. Tỳ-kheo này không được quở Tăng yết ma, không được quở người làm yết ma, không được cử tội Tỳ-kheo thanh tịnh, không được bảo người khác nhớ nghĩ, không được gạn hỏi cũng không được nghe người khác nói tội của-Tỳ-kheo khác, không được ngăn thuyết giới, không được ngăn thọ giới, không được ngăn tự tứ, không được bàn nói lỗi lầm của-Tỳ-kheo thanh tịnh. Tỳ-kheo này

thường phải tự khiêm tốn, điều phục tâm hạnh, tùy thuận chúng tăng. Nếu không tuân theo những hành pháp này thì trọn đời không được giải yết ma này".

6. Pháp Thứ Sáu: Hiện Tiền Đa Mích Diệt Tránh

Phật tại nước Câu-xá-di, lúc đó các Tỳ-kheo Câu-xá-di ưa thích gây gổ khiến cho nhiều việc tranh chấp khởi lên, họ suy nghĩ: "Nếu Trưởng lão Xá-lợi-phất làm chủ quyết đoán việc này thì việc tranh chấp sẽ được giải quyết". Các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật hỏi A-nan: "Tỳ-kheo làm Thát lại tra có thể thọ làm chủ quyết đoán không?", đáp: "Thế tôn, Tỳ-kheo làm Thát lại tra có thể thọ làm chủ quyết đoán", Phật liền nhóm Tỳ-kheo tăng rồi bảo các Tỳ-kheo: "Từ nay cho Tỳ-kheo làm Thát lại tra thọ làm chủ đoán sự, thọ pháp đoán sự này rồi phải như pháp như Tỳ-ni như lời Phật dạy mà hiện tiền trừ diệt. Tỳ-kheo làm Thát lại tra có ba loại: Một là thân thiện, khẩu bất thiện; hai là khẩu thiện, thân bất thiện; Ba là thân thiện, khẩu thiện. Thân thiện, khẩu bất thiện là Thác lại tra không đi đến chỗ nguyên cáo và bị cáo nói rằng: "Việc này dù đúng hay không đúng đều nên làm như thế; dù ông thắng kia thua hay kia thắng ông thua đều không nên làm như thế". Người này tuy không đến nói nhưng lại sai sứ đến nói như trên thì

gọi là Thân thiện nhưng khẩu bất thiện. Khẩu thiện, thân bất thiện là Thác lại tra tự đi đến chỗ nguyên cáo và bị cáo nhưng lại không nói những lời trên; cũng không sai sứ đến nói những lời trên thì gọi là Khẩu thiện nhưng thân bất thiện. Thân thiện, khẩu thiện là Thác lại tra không đi đến chỗ nguyên cáo và bị cáo, cũng không nói những lời trên, cũng không sai sứ đến nói những lời trên thì gọi là Thân và khẩu đều thiện.

Từ nay Tỳ-kheo làm Thác lại tra nên học như sau: Không nên cùng nguyên cáo và bị cáo đi chung một đường, cũng không riêng cùng với một người nào đi chung đường, cũng không cùng ước hẹn; nếu trước kia có chút nhân duyên ước hẹn với nhau thì nên hủy bỏ ước hẹn này. Ước hẹn là hẹn trước giờ ngọ hay sau giờ ngọ, hoặc ban ngày hoặc ban đêm, hoặc nơi A-lan-nhã hoặc nơi tụ lạc, Tăng phường. Tỳ-kheo làm Thác lại tra nhận xử đoán việc này nên như pháp như Tỳ-ni, như lời Phật dạy mà hiện tiền trừ diệt, nên dùng một pháp gọi là Hiện tiền Tỳ-ni. Sao gọi là Hiện tiền? Có hai là nhơn hiện tiền và Tỳ-ni hiện tiền. Nhơn hiện tiền là người theo trợ giúp nguyên cáo và bị cáo cùng nhóm lại một chỗ. Tỳ-ni hiện tiền là như pháp, như Tỳ-ni, nhu lời Phật dạy mà xử đoán việc này.

Nếu Tỳ-kheo làm Thác lại tra không thể như pháp, như Tỳ-ni, như lời Phật dạy mà xử đoán việc này thì nên giao lại cho Tăng; Tăng nhận lại việc

này nên như pháp, như Tỳ-ni, như lời Phật dạy mà xử đoán việc này. Nếu Tăng có thể như pháp, như Tỳ-ni, như lời Phật dạy xử đoán được việc này thì gọi là dùng một pháp Hiện tiền Tỳ-ni để diệt tránh.

Hiện tiền Tỳ-ni là Tăng hiện tiền, nhơn hiện tiền và Tỳ-ni hiện tiền. Tăng hiện tiền là những Tỳ-kheo có mặt trong đây đều có thể cùng làm yết ma, cùng đồng tâm hòa hợp một chỗ, người thọ dục nên mang dục đến, Tỳ-kheo có mặt có thể ngăn thì không ngăn. Đây gọi là Tăng hiện tiền. Nhơn hiện tiền là người theo trợ giúp nguyên cáo và bị cáo cùng nhóm lại một chỗ. Tỳ-ni hiện hiền là như pháp, như Tỳ-ni, như lời Phật dạy mà xử đoán việc này".

Nếu Tăng không thể như pháp… xử đoán việc này thì ở trong Tăng nên cử hai Tỳ-kheo làm Ô-hồi-cưu-la rồi yết ma sai Tỳ-kheo làm Ô-hồi -cưu-la thứ nhất xử đoán việc này. Pháp yết ma sai là Tăng nhất tâm hòa hợp, một Tỳ-kheo trong Tăng hỏi: "Vị nào có thể làm Ô-hồi-cưu-la như pháp, như Tỳ-ni xử đoán việc này?", nếu trong Tăng có người đáp là có thể thì nên xét xem người này, nếu có đủ năm pháp: Tùy ái hành, tỳ sân hành, tùy bố hành, tùy si hành, không biết xử đoán hay không xử đoán thì không nên sai. Ngược lại nếu thành tựu năm pháp: Không tùy ái hành, không tùy sân hành, không tùy bố hành, không tùy si hành, có thể biết rõ xử đoán hay không xử đoán thì nên sai. Lúc đó

một Tỳ-kheo trong Tăng xướng rằng:

Đại-đức Tăng lắng nghe, Tỳ-kheo tên ..... có thể làm Ô-hồi -cưu-la, như pháp như Tỳ-ni xử đoán sự việc trong Tăng. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay sai Tỳ-kheo ..... làm Ô-hồi-cưu-la có thể như pháp xử đoán sự việc trong Tăng. Bạch như vậy.

Như thế Bạch-nhị-yết-ma cho đến câu Tăng đã sai Tỳ-kheo ..... làm Ô-hồi-cưu-la xong rồi. Tăng chấp thuận vì im lặng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

Tỳ-kheo làm O-hồi-cưu-la này nếu là Thượng tòa, các Tỳ-kheo Hạ tòa nên gởi dục cho vị này rồi mới đi xa; nếu vị này là Hạ tòa thì phải đến chỗ các Thượng tòa lấy dục để các vị này đi xa. Tỳ-kheo làm Ô-hồi-cưu-la phải như pháp… xử đoán việc này, nếu có thể như pháp… xử đoán được việc này thì gọi là dùng một pháp Hiện tiền Tỳ-ni để diệt tránh. Hiện tiền Tỳ-ni giải thích giống như đoạn văn trên.

Nếu Tỳ-kheo làm Ô-hồi-cưu-la thứ nhất không thể như pháp… xử đoán việc này thì nên giao lại cho Tỳ-kheo làm Ô-hồi-cưu-la thứ hai, vị thứ hai này nên nhận và như pháp… xử đoán việc này. Nếu vị thứ hai này có thể như pháp… xử đoán được việc này thì gọi là dùng một pháp Hiện tiền Tỳ-ni để diệt tránh. Hiện tiền Tỳ-ni giải thích giống

như trên.

Nếu vị Ô-hồi-cưu-la thứ hai này vẫn không thể như pháp… xử đoán việc này thì nên giao lại cho Tăng gần trú xứ, Tăng gần trú xứ nên nhận và như pháp… xử đoán việc này. Nếu Tăng gần trú xứ này có thể như pháp… xử đoán được việc này thì gọi là dùng một pháp Hiện tiền Tỳ-ni để diệt tránh. Hiện tiền Tỳ-ni giải thích giống như trên.

Nếu Tăng gần trú xứ này vẫn không thể như pháp… xử đoán việc này, nghe Tăng ở một trú xứ khác có đại chúng tốt, thương tòa trong chúng này biết Ba-la-đề-mộc-xoa; trong chúng tăng này lại có nhiều Tỳ-kheo trì Tu-đa-la, trì Tỳ-ni, trì Ma-đa-la-già thì Tăng gần trú xứ này nên sai sứ đến chỗ Tăng trú xứ đó. Trong Tăng nên cử người đi tuyên truyền sự việc, nên ở ngoài giới với đủ túc số tăng, nhất tâm hòa hợp hỏi: "Trong đây ai có thể làm người đi tuyên truyền sự việc, từ nơi này đến Tăng trú xứ kia nói rõ sự việc, nếu giữa đường có thể xử đoán được việc này thì tốt", nếu có người đáp là có thể thì nên xem xét người này, nếu có đủ năm pháp kể trên thì không nên sai, ngược lại nếu thành tựu năm pháp kể trên thì nên sai. Người được sai truyền sự này nên đến chỗ Tăng trú xứ kia nói rõ sự việc, nếu giữa đường có thể như pháp… xử đoán được việc này thì tốt, đây gọi là dùng một pháp Hiện tiền Tỳ-ni để diệt tránh. Nếu người truyền sự này không thể giữa đường như pháp… xử đoán thì nên đến

chỗ Tăng trú xứ kia. Trong Tăng ở trú xứ kia nếu có Thượng tòa quen biết được nhiều Trưởng lão Tỳ-kheo thì người truyền sự này nên kể rõ sự việc trên cho vị Thượng tòa này nghe: "Việc này khởi ra như thế như thế…, nhân duyên như thế như thế… Thác lại tra không xử đoán được, chúng tăng không xử đoán được, Ô-hồi-cưu-la thứ một không xử đoán được, Ô-hồi-cưu-la thứ hai cũng không xử đoán được nên giao lại cho Tăng, Tăng vẫn không xử đoán được, Tăng gần trú xứ cũng không xử đoán được… cho đến người truyền sự ở giữa đường cũng không xử đoán được, cuối cùng đến trong Tăng của trú xứ này. Trưởng lão có thể nhận xử đoán giúp việc này được không?". Nếu Thượng tòa này đáp là có thể thì người truyền sự nên cùng ước hẹn, nếu không ước hẹn thì không nên giao. Ước hẹn là hẹn cho đến chín tháng. Việc tranh cải có năm điều khó xử đoán: Một là cứng nhắc, tức là cố chấp việc này; hai là thế lực mạnh, tức là nguyên cáo và bị cáo đều có thế lực mạnh; Ba là hung dữ, tức là nguyên cáo và bị cáo đều có tánh ác ưa sân hận; Bốn là lan truyền qua lại, tức là sự việc này lan truyền rộng ra từ nơi này đến nơi khác; năm là nghi sợ, tức là các Tỳ-kheo nghi sợ khi xử đoán xong sự việc, Tăng nhất tâm hòa hợp sẽ bị phá thành hai phe.

Trong Tăng ở trú xứ này nên cử người hành trù (phát thẻ), Tăng nhất tâm hòa hợp hỏi rằng: "Vị

nào có thể làm người hành trù?", nếu có người đáp là có thể thì nên xem xét người này, nếu có đủ năm pháp: Tùy ái, tùy sân, tùy sợ, tùy si, không biết phát thẻ hay không phát thẻ thì không nên sai; ngược lại nếu thành tựu năm pháp: Không tùy ái, không tù sân, không tùy sợ, không tùy si, biết phát thẻ hay không phát thẻ thì nên sai. Một Tỳ-kheo trong Tăng xướng rằng:

Đại-đức Tăng lắng nghe, Tỳ-kheo tên ..... có thể làm người phát thẻ. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay sai Tỳ-kheo ..... làm người phát thẻ. Bạch như vậy.

Như thế Bạch-nhị-yết-ma cho đến câu Tăng đã sai Tỳ-kheo ..... làm người phát thẻ xong rồi. Tăng chấp thuận vì im lặng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

Tỳ-kheo hành trù nên tùy theo số Tăng nhiều ít mà làm hai loại thẻ: Loại thẻ dài, trắng và loại thẻ ngắn, đen. Người nói như pháp thì lấy thẻ dài trắng, người nói phi pháp thì lấy thẻ ngắn đen; người nói như pháp thì lấy thẻ bằng tay phải và lấy từ từ, người nói phi pháp thì lấy thẻ bằng tay trái và lấy vội vàng. Tỳ-kheo hành trù nên phát thẻ cho người nói như pháp trước, phát thẻ cho người nói phi pháp sau, khi phát thẻ nên nói rằng: "Đây là thẻ của người nói như pháp, đấy là thẻ của người nói phi pháp". Phát thẻ xong nếu đếm thấy thẻ của người nói như pháp nhiều hơn cho đến một thẻ thì đây

gọi là dùng hai pháp Hiện tiền Tỳ-ni và Đa mích Tỳ-ni xử đoán. Hiện tiền Tỳ-ni giải thích giống như trên; Đa mích Tỳ-ni là xuôi ngược tìm người như pháp để diệt tránh. Nếu đếm thấy thẻ của người nói phi pháp nhiều hơn cho đến một thẻ thì đây cũng gọi là dùng hai pháp Hiện tiền Tỳ-ni và Đa mích Tỳ-ni để diệt tránh, nhưng Hiện tiền Tỳ-ni trong đây là phi pháp phi Tỳ-ni, không như lời Phật dạy mà dứt diệt.

Có bốn cách phát thẻ: Một là bí mật phát thẻ, tức là phát thẻ trong tối hay ở chỗ có vách ngăn; hai là Điên đảo phát thẻ, tức là đưa thẻ của người nói như pháp cho người nói phi pháp, hoặc đưa thẻ của người nói phi pháp cho người nói như pháp; Ba là ước hẹn phát thẻ, tức là người phát thẻ ước hẹn với Hòa thượng, A-xà-lê hoặc đồng Hòa thượng, đồng

A-xà-lê hoặc thiện tri thức đồng tâm tùy theo quốc độ, tụ lạc, nhà cửa mà ước hẹn rằng: "Chúng ta sẽ lấy thẻ như thế như thế, các vị chớ cách xa chúng tôi, chớ có riêng khác, hãy cùng nói chuyện và cùng đồng sự"; Bốn là tất cả Tăng lấy thẻ, tức là tất cả Tăng họp lại một chỗ, không được lấy dục, vì sao, vì sợ có nhiều Tỳ-kheo nói phi pháp.

Nếu chúng tăng này phần lớn là Thượng tòa biết Ba-la-đề-mộc-xoa có thể xử đoán được việc này thì gọi là dùng một pháp Hiện tiền Tỳ-ni để diệt tránh. Nếu chúng tăng này phần lớn là Thượng

tòa biết Ba-la-đề-mộc-xoa vẫn không thể xử đoán việc này thì nên giao lại cho người truyền sự, người truyền sự nên nhận lại việc này, nếu giữa đường có thể xử đoán được việc này thì gọi là dùng một pháp Hiện tiền Tỳ-ni để diệt tránh. Nếu người truyền sự này vẫn không thể xử đoán việc thì ở giữa đường nghe ở trong Tăng phường nào có ba, hai, một Tỳ-kheo hoặc trì Tu-đa-la hoặc trì Tỳ-ni hoặc trì Ma-đa-la-già được bốn chúng cung kính tôn trọng, người truyền sự này nên đến trong tăng phường đó nói với Tỳ-kheo đó rằng: "Đại-đức, sự việc này nhân duyên khởi lên như thế như thế, Thác lại tra không xử đoán được, chúng tăng không xử đoán được, Ô-hồi-cưu-la thứ nhất không xử đoán được, Ô-hồi-cưu-la thứ hai cũng không xử đoán được, Tăng cũng không xử đoán được, Tăng gần trú xứ cũng không xử đoán được… người truyền sự giữa đường cũng không xử đoán được, Tỳ-kheo tăng đại Thượng tòa cũng không xử đoán được… Đại-đức nay nên nhận việc này như pháp… xử đoán, nếu được thì tốt", Tỳ-kheo được bốn chúng tôn trọng này nên đáp: "Không thể hai bên cùng nói mà đều được thắng, phải có một bên thắng, một bên thua". Nếu nói như thế thì gọi là nói như pháp, nếu không nói như thế thì gọi là nói phi pháp, các Tỳ-kheo nên nói với nhau rằng: "Nếu như pháp xử đoán được việc này mà còn phát khởi trở lại thì phạm Ba-dật-đề, nếu quở trách việc này xử đoán không

như pháp thì phạm Đột-kiết-la".

7. Pháp Thứ Bảy: Bố Thảo Tỳ Ni

Phật tại nước Câu-xá-di, lúc đó các Tỳ-kheo Câu-xá-di ưa gây gổ, các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật nói: "Từ nay cho pháp Bố thảo Tỳ-ni, dùng pháp Bố thảo Tỳ-ni này sẽ khiến những việc đã khởi trong Tăng đều được dứt diệt". Sao gọi là Bố thảo Tỳ-ni? Như có một trú xứ, các Tỳ-kheo trong đây ưa gây gổ nhau, các Tỳ-kheo này nên hòa hợp lại một chỗ nói với nhau: "Các Trưởng lão, chúng ta mất mát lớn, không được gì cả, suy hao lớn không có lợi ích, là đại ác bất thiện.

Chúng ta do lòng tin cầu đạo nên xuất gia trong Phật pháp, nay lại ưa gây gổ nhau; nếu chúng ta truy tìm nguồn gốc của sự việc thì trong Tăng những việc chưa khởi sẽ khởi, những việc đã khởi sẽ không thể dứt diệt", nói rồi cùng tác bạch:

Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay dùng pháp Bố thảo Tỳ-ni để dứt diệt việc này. Bạch như vậy.

Ngay lúc đó các Tỳ-kheo phân làm hai bộ, mỗi bộ nhóm lại một chỗ, trong hai bộ chúng này, nếu có vị Trưởng lão đại Thượng tòa, vị này nên nói với bộ chúng thứ nhất rằng: "Chúng ta mất mát lớn, không được gì cả, suy hao lớn không có lợi ích, là đại ác bất thiện… giống như đoạn văn trên cho đến câu việc đã khởi không thể dứt diệt được. Chúng

ta nay phải tự khuất ý, những tội mà chúng ta đã làm trừ tội Thâu-lan-giá và tội tương ưng Bạch y, những tội khác chúng ta nên hiện tiền phát lồ sám hối không có che dấu". Nếu trong bộ chúng này không có Tỳ-kheo nào ngăn việc này thì vị Trưởng lão Thượng tòa này nên đến nói với bộ chúng thứ hai rằng: "Chúng ta mất mát lớn, không được gì cả… giống như đoạn văn trên cho đến câu trừ tội tương ưng Bạch y, những tội khác chúng ta nên tự vì mình vì người hiện tiền phát lồ sám hối không có che dấu". Các Tỳ-kheo trong bộ chúng thứ nhất nói: "Các thầy tự thấy tội không?", đáp: "Thấy tội, như pháp sám hối không khởi lại nữa", bộ chúng thứ hai cũng nói như thế. Đây gọi là pháp Bố thảo Tỳ-ni.

-oOo-

LUẬT THẬP TỤNG

QUYỂN 21

TỤNG THỨ TƯ

(Có 7 Pháp)

PHÁP THỌ GIỚI CỤ TÚC THỨ NHẤT

Phật-Bà-già-bà ở ngoài thành Vương xá, lúc đó Phật chưa cho các Tỳ-kheo làm Hòa thượng, A-xà-lê cũng chưa cho Bạch-tứ-yết-ma truyền thọ giới cụ túc. Các Tỳ-kheo do ban đầu chưa có Hòa thượng, A-xà-lê nên may y ca sa không như pháp, đắp y cũng không như pháp, thân oai nghi cũng không như pháp. Lại nữa các Tỳ-kheo từ tụ lạc này đến tụ lạc khác, từ thành này đến thành khác, từ nước này đến nước khác, lúc du hành, lúc khất thực, lúc thọ thực ăn cơm canh… năm loại Khư-đà-ni, hoặc có người thỉnh thực xin cơm canh… năm loại Khư-đà-ni, ăn khua lớn tiếng giống như Bà-la-môn. Các Tỳ-kheo Ma ha lư lúc bịnh hoạn đau đớn không có bạn cũng không có người khán bịnh chăm sóc. Các ngoại đạo dị học thấy những việc này rồi liền cơ hiềm rằng: "Sa-môn Thích tử không khéo dạy bảo, không được dạy bảo, không có điều thuận, không có pháp điều ngự nên may y

ca sa không như pháp, đắp y cũng không như pháp, thân oai nghi cũng không như pháp… ăn khua lớn tiếng giống như Bà-la-môn", có các Tỳ-kheo thiểu dục tri túc, hành hạnh đầu đà nghe được lời này trong lòng hổ thẹn, đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm Tỳ-kheo tăng. Thường pháp của chư Phật là có việc biết mà vẫn hỏi, có việc biết mà không hỏi, đúng thời mới hỏi, không đúng thời thì không hỏi; có ích mới hỏi, không có ích thì không hỏi, có nhân duyên mới hỏi nên nay Phật hỏi các Tỳ-kheo: "Các thầy thật có như vậy không?", đáp: "Thật có thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Vì sao gọi là Tỳ-kheo không có Hòa thượng, A-xà-lê lại may y không như pháp… ăn khua lớn tiếng giống như Bà-la-môn", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Từ nay cho làm Hòa thượng, A-xà-lê; cho hiện tiền mười tăng Bạch-tứ-yết-ma truyền thọ giới cụ túc. Sao gọi là Bạch-tứ-yết-ma truyền thọ giới cụ túc?: Tăng nhất tâm hòa hợp, một Tỳ-kheo trong Tăng xướng:

Đại-đức Tăng lắng nghe, người này tên ..... theo Tỳ-kheo ..... thọ giới cụ túc. Người này theo Tăng xin thọ giới cụ túc, Tỳ-kheo ..... làm Hòa thượng. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay cho người này thọ giới cụ túc, Tỳ-kheo ..... làm Hòa thượng. Bạch như vậy. Như thế Bạch-tứ-yết-ma…

Từ nay cho Hòa thượng và đệ tử cùng hành:

Nếu đệ tử bịnh nên chăm sóc, sắp chết nên cứu, nếu bịnh nên cho thức ăn uống ứng theo bịnh, cho uống thuốc ứng theo bịnh, cung cấp món cần dùng ứng theo bịnh. Nếu đệ tử không có tiền thì Hòa thượng nên cho, nếu Hòa thượng không có thì nên theo người khác xin để cho, nếu ít người quen biết không thể xin được thì khất thực được thức ăn ngon nên cho đệ tử. Ngược lại nếu Hòa thượng bịnh, đệ tử cũng nên chăm sóc… giống như vậy. A-xà-lê đối với đệ tử cận trụ và đệ tử cận trụ đối với A-xà-lê cũng giống như Hòa thượng đối với đệ tử và đệ tử đối với Hòa thượng như trên. Từ nay Hòa thượng đối với đệ tử cọng trụ và A-xà-lê đối với đệ tử cận trụ nên nuôi dưỡng tưởng như con; ngược lại đệ tử cọng trụ đối với Hòa thượng và đệ tử cận trụ đối với A-xà-lê nên cung kính tưởng như cha, như thế nương tựa giúp đỡ lẫn nhau thì ở trong pháp ta sẽ tăng trưởng thiện pháp".

Phật tại thành Vương xá, lúc đó các Tỳ-kheo trẻ suy nghĩ: "Phật đã cho chúng ta được làm Hòa thượng, A-xà-lê; cho mười tăng hiện tiền truyền thọ giới cụ túc", nghĩ rồi liền làm Hòa thượng nên các Tỳ-kheo hoặc một, hai cho đến năm tuổi hạ đều là tiểu Trưởng lão Tỳ-kheo làm thầy. Có Tỳ-kheo thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng rồi hỏi các Tỳ-kheo: "Các thầy thật đã làm như thế

phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo lại suy nghĩ Phật đã cho chúng ta làm Hòa thượng… đều là tiểu Trưởng lão Tỳ-kheo làm thầy", nhưng Phật chỉ quở trách chứ chưa kết giới.

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó Tỳ-kheo Ưu-ba-tư-na đàn đề tử mới có một tuổi hạ liền trao giới cụ túc cho đệ tử cọng trụ, Hòa thượng một tuổi hạ này cùng đệ tử không tuổi hạ đi đến nước Kiều-tát-la hạ an cư một chỗ. Pháp thường của chư Phật là một năm có hai kỳ đại hội vào tháng sau của cuối mùa xuân và vào tháng sau của cuối mùa hạ. Vào tháng cuối của mùa xuân, Tỳ-kheo các nơi suy nghĩ: "Phật đã dạy chúng ta nên an cư, trong ba tháng an cư tu tập sẽ được an lạc trụ", đây là đại hội thứ nhất. Vào tháng cuối của mùa hạ, các Tỳ-kheo an cư ba tháng đã xong nghĩ rằng: "Đã lâu chúng ta không gặp Phật", nghĩ rồi liền đắp y mang bát đi đến chỗ Thế tôn, đây là đại hội thứ hai. Lúc đó Ưu-ba-tư-na an cư xong làm lễ tự tứ được hai tuổi hạ và may y rồi liền mang y bát cùng đệ tử một tuổi hạ du hành đến nước Xá-vệ yết kiến Phật, đảnh lễ Phật rồi ngồi một bên. Pháp thường của Phật là khi có khách Tỳ-kheo đến đều hỏi thăm hạ an cư có nhẫn đủ không, khất thực có dễ không, đi đường có nhọc mệt không; Ưu-ba-tư-na đáp là nhẫn đủ được an lạc trụ, khất thực không khó, đi đường không nhọc mệt. Lúc đó Phật biết mà vẫn hỏi Ưu-

ba-tư-na: "Thiện nam tử này là ai?", đáp: "Đây là đệ tử cọng trụ của con", lại hỏi: "Thầy được bao nhiêu tuổi hạ?", đáp là hai tuổi hạ, lại hỏi: "Thiện nam tử này bao nhiêu tuổi hạ?", đáp là một tuổi hạ. Phật do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng rồi quở trách Ưu-ba-tư-na: "Thầy là người ngu si, cớ gì Tỳ-kheo mới hai tuổi hạ lại chứa nuôi đệ tử cọng trụ một tuổi hạ. Tại sao gọi là Tỳ-kheo lại suy nghĩ Phật cho chúng ta được làm Hòa thượng… giống như đoạn văn trên cho đến câu đều là tiểu Trưởng lão Tỳ-kheo làm thầy", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Các Tỳ-kheo từ nay không đủ mười tuổi hạ thì không được trao giới cụ túc cho đệ tử cọng trụ, nếu truyền trao thì phạm Đột-kiết-la".

Lúc đó các Tỳ-kheo suy nghĩ: "Phật tuy cho chúng ta làm Hòa thượng, A-xà-lê; cho mười tăng hiện tiền Bạch-tứ-yết-ma trao giới cụ túc nhưng nếu không đủ mười hạ thì không được truyền trao", nghĩ như vậy nên các Tỳ-kheo đủ mười hạ liền truyền trao giới cụ túc cho đệ tử cọng trụ, người biết pháp truyền trao, người không biết pháp cũng truyền trao; người tốt chứa nuôi, người không tốt cũng chứa nuôi; người trụ giới độ đã đành, người không trụ giới cũng độ. Do đây nảy sinh Hòa thượng không biết pháp, đệ tử cũng không biết pháp; Hòa thượng không tốt lành, đệ tử cũng không tốt lành; Hòa thượng không trụ giới, đệ tử cũng không trụ giới. Các Tỳ-kheo không biết pháp,

bất thiện và không trụ giới này lại cho người khác xuất gia và thọ giới cụ túc và làm thầy y chỉ chứa nuôi Sa di. Có một Tỳ-kheo Ma-ha-lư không biết pháp, bất thiện, không trụ giới, không đủ mười hạ lại truyện trao giới cụ túc cho đệ tử cọng trụ, sau đó vì một việc nhỏ liền cùng đệ tử tranh cải khiến cho đệ tử này xả giới hoàn tục. Có Tỳ-kheo thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng rồi hỏi các Tỳ-kheo:

"Các thầy thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo lại suy nghĩ Phật tuy cho chúng ta làm Hòa thượng… giống như đoạn văn trên cho đến câu làm thầy y chỉ chứa nuôi Sa di", Phật quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Các Tỳ-kheo từ nay phải thành tựu năm pháp và đủ mười hạ hoặc hơn mười hạ mới được truyền trao giới cụ túc cho đệ tử cọng trụ. Năm pháp đó là:

- Một là đủ mười hạ hay hơn mười hạ.
- Hai là trì giới, không phá giới.
- Ba là đa văn có trí tuệ.
- Bốn là có năng lực như pháp trừ nghi hối cho đệ tử.
- Năm là có thể bạt trừ ác tà cho đệ tử.

Lại có năm pháp thành tựu và đủ mười hạ mới

được truyền trao giới cụ túc cho đệ tử cọng trụ, đó là: Tín, giới, văn, xả và huệ thành tựu. Đủ năm pháp thành tựu này mới có thể dạy bảo đệ tử trụ trong tín, giới, văn, xả và huệ.

Lại có năm pháp thành tựu và đủ mười hạ mới được truyền trao giới cụ túc cho đệ tử cọng trụ, đó là: Chứng vô học giới, chứng vô học định, chứng vô học huệ, chứng vô học giải thoát và chứng vô học giải thoát tri kiến. Đủ năm pháp thành tựu này mới có thể dạy bảo đệ tử chứng nhập giới, định, huệ, giải thoát và giải thoát tri kiến.

Lại có năm pháp thành tựu…, đó là: Biết phạm, biết không phạm, biết tội khinh, biết tội trọng và biết tụng Ba-la-đề-mộc-xoa, thông lợi rộng nói.

Lại có năm pháp thành tựu…, đó là: Biết pháp xuất gia, có thể làm giáo sư, có thể làm giới sư, biết pháp của y chỉ sư và có thể biết điều chướng ngại đạo pháp hay không chướng ngại đạo pháp.

Lại có năm pháp thành tựu…, đó là:

1. Có thể dạy đệ tử thanh tịnh giới.

2. Có thể dạy đệ tử A-tỳ đàm.

3. Có thể dạy đệ tử Tỳ-ni.

4. Đệ tử ở nơi khác sầu khổ không vui, có thể khiến đệ tử trở về; nếu tự không thể thì có thể nhờ sức người khác giúp cho đệ tử trở về.

5. Đệ tử có bịnh có thể chăm sóc cung cấp; nếu tự không thể thì có thể nhờ người khác giúp đỡ cho

đệ tử.

Tỳ-kheo đủ năm pháp thành tựu như thế và đủ mười hạ hay hơn mười hạ mới được truyền trao giới cụ túc cho đệ tử cọng trụ. Nếu không thành tựu năm pháp trên, dù đủ mười hạ hay hơn mười hạ mà truyền trao giới cụ túc cho đệ tử cọng trụ thì mắc tội. Lại nữa-Tỳ-kheo đủ năm pháp thành tựu trên và đủ mười hạ hay hơn mười hạ được làm thầy y chỉ cho người.

Pháp cho y chỉ như thế nào?: Tỳ-kheo muốn cầu y chỉ nên đứng dậy trịch bày vai hữu, quỳ gối chắp tay bạch rằng:

Con tên ..... nay theo Trưởng lão cầu y chỉ, xin Trưởng lão cho con y chỉ, con nương tựa theo Trưởng lão. (3 lần). Trưởng lão đáp là được.

Lại nữa-Tỳ-kheo đủ năm pháp thành tựu như trên và đủ mười hạ hay hơn mười hạ được chứa nuôi Sa di.

Pháp chứa nuôi Sa di như thế nào?: Nếu chưa cạo tóc thì nên cho cạo tóc, nếu tự có ca sa thì bảo lấy đắp, nếu tự không có thì Hòa thượng nên cho y để đắp. Nên dạy bảo quỳ gối chắp tay và giới sư dạy nói theo như sau:

Con tên ..... nay quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng. (3 lần). Con đã quy y Phật, đã quy y Pháp, đã quy y Tăng rồi, từ nay cho đến trọn đời là Ưu-bà-tắc của Phật. Cúi xin nhớ nghĩ. (3 lần). Giới

sư nói:

Thiện nam tử tên ..... lắng nghe, đây là tri kiến của Phật Bà-già -bà, Thích ca Mâu-ni-Đa-đà-a-già-độ-A-la-ha-tam-miệu-tam-Phật đà nói ra năm giới của Ưu-bà-tắc. Hễ là Ưu-bà-tắc thì phải trọn đời thọ trì:

Một là trọn đời lìa sát sanh là giới của Ưu-bà-tắc, trong giới này trọn đời lìa sát sanh, nếu thọ trì được thì nói là được.

Hai là trọn đời lìa không cho mà lấy là giới của Ưu-bà-tắc, trong giới này trọn đời lìa không cho mà lấy, nếu thọ trì được thì nói là được.

Ba là trọn đời lìa tà dâm là giới của Ưu-bà-tắc, trong giới này trọn đời lìa tà dâm, nếu thọ trì được thì nói là được.

Bốn là trọn đời lìa vọng ngữ là giới của Ưu-bà-tắc, trong giới này trọn đời lìa vọng ngữ, nếu thọ trì được thì nói là được.

Năm là trọn đời lìa uống rượu là giới của Ưu-bà-tắc, trong giới này trọn đời lìa uống rượu, các loại rượu như rượu nếp, rượu nho… có thể làm cho say sưa phóng dật, nếu thọ trì được thì nói là được. Kế dạy nói rằng:

Con tên ..... đã quy y Phật, đã quy y Pháp, đã quy y Tăng, đã xuất gia. Phật Bà-già bà, Thích ca Mâu-ni Đa-đà-a-già-độ-A-la-ha-tam-miệu-tam-Phật đà đã xuất gia, con nay cũng theo Phật xuất

gia, Hòa thượng là ..... (3 lần).

Kế giới sư nên hỏi: "Con bao nhiêu tuổi?", đáp tùy theo tuổi; lại hỏi: "Xuất gia vào lúc nào", tùy theo mùa xuân, hạ hay đông, có nhuần hay không nhuần mà đáp; việc này trọn đời nên nhớ giữ. Kế giới sư nên nói:

Thiện nam tử tên ..... lắng nghe, đây là tri kiến của Phật-Bà

-già-bà, Thích ca Mâu ni-Đa-đà-a-gia-độ-A-la-ha-tam-miệu-tam-Phật đà nói ra mười giới của Sa di, hễ là Sa di thì phải trọn đời thọ trì:

Một là trọn đời lìa sát sanh là giới của Sa di, trong giới này trọn đời lìa sát sanh, nếu giữ được thì nói là được.

Hai là trọn đời lìa không cho mà lấy là giới của Sa di, trong giới này trọn đời lìa không cho mà lấy, nếu giữ được thì nói là được.

Ba là trọn đời lìa phi phạm hạnh là giới của Sa di, trong giới này trọn đời lìa phi phạm hạnh, nếu giữ được thì nói là được.

Bốn là trọn đời lìa vọng ngữ là giới của Sa di, trong giới này trọn đời lìa vọng ngữ, nếu giữ được thì nói là được.

Năm là trọn đời lìa uống rượu là giới của Sa di, trong đây trọn đời lìa uống rượu, các loại rượu như rượu nếp, rượu nho… có thể làm cho say sưa phóng dật, nếu giữ được thì nói là được.

Sáu là trọn đời lìa nằm giường cao rộng lớn là giới của Sa di, trong giới này trọn đời lìa nằm giường cao rộng lớn, nếu giữ được thì nói là được.

Bảy là trọn đời lìa đeo tràng hoa, chuỗi anh lạc và lấy hương thơm thoa thân là giới của Sa di, trong giới này trọn đời lìa đeo tràng hoa…, nếu giữ được thì nói là được.

Tám là trọn đời lìa ca múa hát xướng và không đi xem nghe tấu các nhạc cụ là giới của Sa di, trong giới này trọn đời lìa ca múa…, nếu giữ được thì nói là được.

Chín là trọn đời lìa cất chứa vàng bạc, tiền và vật báu là giới của Sa di, trong giới này trọn đời lìa cất chứa vàng…, nếu giữ được thì nói là được.

Mười là trọn đời lìa ăn phi thời là giới của Sa di, trong giới này trọn đời lìa ăn phi thời, nếu giữ được thì nói là được.

Như thế Tỳ-kheo thành tựu năm pháp và đủ mười hạ được chứa nuôi Sa di, nếu không thành tựu năm pháp và không đủ mười hạ mà chứa nuôi Sa di đều mắc tội".

Phật tại thành Vương xá, Trưởng lão Đại Mục-kiền-liên truyền trao giới cụ túc cho mười bảy thiếu niên ở trong thành Vương xá. Các thiếu niên này vào lúc xế chiều bị đói bức bách nên lớn tiếng khóc la trong Tăng phường, Phật nghe rồi liền hỏi A-nan nguyên do, sau đó do nhân duyên này nhóm Tỳ-

kheo tăng rồi hỏi Mục-liên: "Thầy thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Thầy không biết thời, không biết lượng, không biết giới hạn độ người. Người chưa đủ hai mươi tuổi thì không thể chịu đựng được lạnh nóng, đói khát, muỗi mòng rắn rít… cho đến nghe người khác nói lời ác thì trong lòng đau đớn không chịu nổi", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Từ nay người chưa đủ hai mươi tuổi thì không được cho thọ giới cụ túc, nếu cho thì phạm Đột-kiết-la".

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó Phật bảo các Tỳ-kheo: "Nếu có ngoại đạo khác tin theo thiện pháp muốn xuất gia thì nên cho người này hành Ba-lợi-bà-sa trong bốn tháng, đủ bốn tháng làm cho các Tỳ-kheo vừa ý thì nên cho xuất gia". Pháp cho Ba-lợi-bà-sa như sau: Tăng nhất tâm hòa hợp, ngoại đạo này nên đứng dậy trịch bày vai hữu, quỳ gối chắp tay bạch Tăng rằng:

Các Trưởng lão nhớ nghĩ, con tên ..... vốn là dị đạo (người theo đạo khác) do tin theo thiện pháp nên muốn xuất gia. Con tên ..... vốn là dị đạo nay theo Tăng xin hành Ba-lợi-bà-sa trong bốn tháng, xin Tăng cho con tên ..... vốn là dị đạo được hành Ba-lợi-bà-sa trong bốn tháng, nếu làm cho các Tỳ-kheo vừa ý thì Tăng sẽ cho con xuất gia thọ giới cụ túc (3 lần). một Tỳ-kheo trong Tăng xướng rằng:

Đại-đức Tăng lắng nghe, người này tên ..... vốn là dị đạo, do tin theo thiện pháp nên muốn xuất gia. Nay dị đạo này theo Tăng xin hành Ba-lợi-bà-sa trong bốn tháng, nếu làm cho các Tỳ-kheo vừa ý thì Tăng sẽ cho xuất gia thọ giới cụ túc. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay cho dị đạo này hành Ba-lợi-bà-sa trong bốn tháng. Bạch như vậy.

Như thế Bạch-tứ-yết-ma cho đến câu Tăng đã cho dị đạo này hành Ba-lợi-bà-sa trong bốn tháng xong rồi. Tăng chấp thuận vì im lặng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

Trong đây sao gọi là làm cho vừa ý, sao gọi là không làm cho vừa ý? Ở trước dị đạo này nên khen ngợi Phật pháp tăng và giới đồng thời chê trách dị đạo, nếu khi nghe khen ngợi Phật pháp tăng và giới mà dị đạo này sanh tâm không vui cho đến chỉ trong chốc lát; còn khi nghe chê trách dị đạo thì lại ưu sầu nổi sân tranh cải thì đây gọi là không làm cho vừa ý. Ngược lại nếu khi nghe khen ngợi Phật pháp tăng và giới mà sanh tâm vui mừng, còn khi nghe chê trách dị đạo thì không có ưu sầu và không có nổi sân tranh cải thì đây gọi là làm cho vừa ý. Xét thấy dị đạo này được như thế thì nên cho xuất gia thọ giới cụ túc. Pháp cho xuất gia như sau: Tăng nhất tâm hòa hợp, dị đạo này đứng dậy trịch bày vai hữu, quỳ gối chắp tay bạch tăng rằng:

Đại-đức Tăng nhớ nghĩ, con tên ..... vốn là

dị đạo do tin theo thiện pháp nên muốn xuất gia. Con trước đã theo Tăng xin hành Ba-lợi-bà-sa trong bốn tháng, Tăng đã cho con được hành Ba-lợi-bà-sa trong bốn tháng. Con tên ..... vốn là dị đạo hành Ba-lợi-bà-sa trong bốn tháng đã xong, con nay theo Tăng xin xuất gia thọ giới cụ túc, xin Tăng cho con tên ..... vốn là dị đạo đã hành Ba-lợi-bà-sa trong bốn tháng đã xong và đã làm cho các Tỳ-kheo vừa ý, nay được xuất gia thọ giới cụ túc (3 lần). Một Tỳ-kheo trong Tăng xướng rằng:

Đại-đức Tăng già lắng nghe, dị đạo này tên ..... do tin theo thiện pháp nên muốn xuất gia, đã theo Tăng xin hành Ba-lợi-bà-sa trong bốn tháng, Tăng đã cho hành Ba-lợi-bà-sa trong bốn tháng. Dị đạo này hành Ba-lợi-bà-sa trong bốn tháng đã xong, nay theo Tăng xin xuất gia thọ giới cụ túc. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, dị đạo này hành Ba-lợi-bà-sa trong bốn tháng đã xong và đã làm cho các Tỳ-kheo vừa ý, Tăng nay cho dị đạo này xuất gia thọ giới cụ túc. Bạch như vậy.

Như thế Bạch-tứ-yết-ma cho đến câu Tăng đã cho dị đạo này xuất gia thọ giới cụ túc xong rồi. Tăng chấp thuận vì im lặng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

Phật tại thành Vương xá, tự tứ xong Phật muốn du hành đến nước Nam sơn trong hai tháng nên bảo A-nan: "Thầy đi thông báo cho các Tỳ-kheo: Phật

ở thành Vương xá tự tứ xong muốn du hành đến nước Nam sơn trong hai tháng, ai muốn đi theo thì nên nhóm lại đợi Phật", A-nan vâng lời Phật dạy đi thông báo cho các Tỳ-kheo biết. Lúc đó ở trong thành Vương xá có nhiều Tỳ-kheo trẻ tuổi từ một tuổi hạ cho đến năm tuổi hạ, ít có Tỳ-kheo hạ lạp cao. Các Tỳ-kheo trẻ này suy nghĩ: "Nếu đi theo Phật, đến đâu cũng đều không trụ lâu, những lợi dưỡng cúng dường thường thọ từ y chỉ sư, đi rồi trở về lại mau; Hòa thượng, A-xà-lê của ta không đi, chúng ta vì sao lại đi", nghĩ như thế nên không đi theo Phật. Lúc đó chỉ có số ít Tỳ-kheo trẻ đi theo Phật; khi trở về lại thành Vương xá, Phật hỏi A-nan nguyên do, A-nan nói rõ nguyên do, Phật do việc này nhóm Tỳ-kheo tăng đủ lời khen ngợi giới và người trì giới rồi bảo các Tỳ-kheo: "Từ nay cho các Tỳ-kheo có năm pháp thành tựu và đủ năm tuổi hạ được lìa y chỉ, đó là: Biết phạm, biết không phạm, biết khinh, biết trọng và tụng Ba-la-đề-mộc-xoa thông lợi, rộng nói. Dù thọ giới nhiều năm mà không biết năm pháp này, vẫn phải trọn đời y chỉ nương ở với người khác". Ưu-ba-ly hỏi Phật: "Đại Tỳ-kheo có nên y chỉ tiểu Tỳ-kheo nương ở không?", Phật nói nên, lại hỏi: "Đại Tỳ-kheo có nên thừa sự cúng dường tiểu Tỳ-kheo không?", Phật nói: "Trừ lễ bái dưới chân, những việc khác đều nên làm".

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó trong thành Xá-vệ

có một cư sĩ bị vô thường ập đến, tài sản không còn, vợ con quyến thuộc đều ly tán, chỉ còn lại ba cha con. Cư sĩ suy nghĩ: "Trong các đạo chỉ có Sa-môn Thích tử được nhiều cúng dường, an lạc không có buồn khổ. Nếu ta xuất gia trong đạo này thì không có gì là không được", nghĩ rồi liền dẫn hai con đến trong Kỳ viên cầu xuất gia, các Tỳ-kheo không biết được mục đích của cư sĩ nên cho xuất gia. Trải qua vài ngày, Tỳ-kheo Ma-ha-lư này đắp y mang bát dẫn hai con vào thành khất thực, đi đến các cửa hàng bán cơm, bánh, bún… hai đứa con này thấy đói nên đòi ăn, nói với cha rằng: "A phụ, con muốn ăn cơm, ăn bánh", liền đáp: "Cha chỉ đi xin chứ không có tiền mua", hai đứa con khóc lóc đi theo cha. Các cư sĩ thấy rồi liền quở trách: "Sa-môn Thích tử không đoạn dục, ở trong Tăng phường cùng Tỳ-kheo-ni sanh con", một người truyền nói cho một người dần dần lan ra khắp trong thành Xá-vệ. Có Tỳ-kheo thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng rồi hỏi Tỳ-kheo Ma-ha-lư: "Thầy thật có như thế phải không?", đáp: "Thật như thế thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo lại cho người chưa đủ mười lăm tuổi làm Sa di", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Từ nay người không đủ mười lăm tuổi không cho làm Sa di, nếu cho làm Sa di thì mắc tội

Đột-kiết-la"

Phật tại nước Ca-tỳ-la-vệ, lúc đó Tỳ-lưu-ly ngu si giết hại dòng họ Thích ở nước Ca-tỳ-la-vệ, có hai đứa trẻ là bà con quyến thuộc của A-nan chạy đến chỗ A-nan, A-nan liền đem thức ăn dư nuôi dưỡng chúng, Phật tuy biết nhưng vẫn hỏi A-nan: "Hai đứa trẻ này là ai?", đáp: "Là thân thuộc của con", Phật nói: "Vì sao không cho xuất gia", đáp: "Phật chế người chưa đủ mười lăm tuổi không cho làm Sa di, hai đứa trẻ này chưa đủ mười lăm tuổi", Phật hỏi: "Hai đứa trẻ này có thể xua đuổi chim quạ vào bữa ăn của Tăng không?", đáp là có thể, Phật nói: "Từ nay đứa trẻ nào có thể xua đuổi chim quạ thì cho làm Sa di, ít nhất là bảy tuổi".

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó Bạt-nan-đà Thích tử có nuôi hai Sa di tên là Ty-đà và Ma-già, hai Sa di này ở trong Tăng phường cùng làm việc dâm dục, các cư sĩ thấy rồi liền chê trách: "Sa-môn Thích tử không có hạnh thanh tịnh, cùng làm việc dâm dục", một người nói cho hai người dần dần lan ra khắp trong thành Xá-vệ. Có Tỳ-kheo thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng rồi hỏi Bạt-nan-đà: "Thầy thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo lại chứa nuôi hai Sa di", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Từ

nay không cho chứa nuôi hai Sa di, nếu chúa nuôi thì phạm Đột-kiết-la; nếu nuôi hai Sa di mà một Sa di sắp thọ cụ túc thì không tội".

Phật tại thành Vương xá, lúc đó có nô bộc của một đại gia không phóng thích mà Bạt-nan-đà lại độ cho xuất gia. Xuất gia không bao lâu sau, người này đắp y mang bát vào thành khất thực, vị đại gia trước kia vừa nhìn thấy liền bắt giữ, người này lớn tiếng kêu, mọi người nhóm lại hỏi nguyên do, vị đại gia nói: "Người này là nô bộc của tôi, tôi không phóng thích mà tự xuất gia", mọi người hỏi: "Xuất gia trong đạo nào?", đáp là Sa-môn Thích tử, mọi người nói: "Đừng làm như thế vì vua Bình sa có lịnh, nô bộc mà đại gia không phóng thích nếu xuất gia trong Sa-môn Thích tử thì đại gia không được ngăn, vì sao, vì Sa-môn Thích tử hành khổ hạnh là khó, bỏ thế sự hướng tới niết bàn là khó", vị đại gia tức giận mắng rằng: "Sa-môn Thích tử là chỗ vô úy, nô bộc mà đại gia không phóng thích nếu xuất gia trong Sa-môn Thích tử thì không được nói", một người nói cho hai người dần dần lan ra khắp trong thành Vương xá. Có Tỳ-kheo thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng rồi hỏi Bạt-nan-đà: "Thầy thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo lại độ nô bộc mà đại

gia không phóng thích cho xuất gia", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Từ nay nô bộc mà đại gia không phóng thích thì không được độ cho xuất gia, nếu độ thì phạm Đột-kiết-la".

Phật tại thành Vương xá, lúc đó có người mắc nợ mà chủ nợ chưa phóng thích, Bạt-nan-đà liền độ cho xuất gia. Vài ngày sau, người này đắp y mang bát vào thành khất thực, chủ nợ vừa nhìn thấy liền bắt giữ, người này lớn tiếng kêu, mọi người nhóm lại hỏi nguyên do, chủ nợ nói: "Người này mắc nợ tôi, chưa trả nợ mà đi xuất gia", lại hỏi: "Xuất gia trong đạo nào?", đáp là Sa-môn Thích tử, mọi người nói: "Đừng làm như thế vì vua Bình sa có lịnh, người mắc nợ mà chủ nợ không phóng thích nếu xuất gia trong Sa-môn Thích tử thì chủ nợ không được ngăn, vì sao, vì… giống như trên", chủ nợ tức giận mắng giống như trên, một người nói cho hai người dần dần lan ra khắp trong thành Vương xá. Có Tỳ-kheo thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng rồi hỏi Bạt-nan-đà: "Thầy thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo lại độ người mắc nợ mà chủ nợ không phóng thích cho xuất gia", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Từ nay người mắc nợ mà chủ nợ không phóng thích, không được độ cho xuất gia, nếu độ

thì phạm Đột-kiết-la".

Phật tại thành Vương xá, lúc đó có con của ông thợ rèn đến trong Tăng phường ở Trúc lâm cầu xuất gia, các Tỳ-kheo liền độ cho xuất gia. Cha mẹ tông thân của người con này đi tìm khắp nơi, kế đến trong Trúc lâm hỏi các Tỳ-kheo: "Các thầy có thấy một đứa trẻ như thế, như thế đến đây không?", trong đấy có Tỳ-kheo nói: "Không thấy thì nói là không thấy, không nghe thì nói là không nghe", cha mẹ tìm con thời gian lâu không được liền bỏ không tìm nữa. Thời gian sau người con này đắp y mang bát vào thành khất thực, tông thân nhìn thấy liền hỏi: "Con đã xuất gia rồi ư?", đáp là đã xuất gia, lại hỏi: "Xuất gia trong đạo nào?", đáp là Sa-môn Thích tử, lại hỏi ở gần hay xa, đáp là ở trong Trúc lâm, tông thân liền tức giận mắng rằng: "Sa-môn Thích tử cố ý vọng ngữ, thấy nói là không thấy, nghe nói là không nghe", một người nói cho hai người dần dần lan ra khắp trong thành Vương xá. Có Tỳ-kheo thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng rồi bảo các Tỳ-kheo: "Từ nay người cầu xuất gia có hai việc nên bạch Tăng: Một là xuất gia, hai là cạo tóc. Dù Tăng nhóm hay không nhóm, hai việc này đều nên bạch Tăng như sau:

Đại-đức Tăng lắng nghe, người này tên ..... cầu xuất gia, cạo tóc. Xin Tăng nhớ nghĩ.

Nếu đã cạo tóc, dù Tăng nhóm hay không cũng nên bạch một việc như sau:

Đại-đức Tăng lắng nghe, người này tên ..... cầu xuất gia, xin Tăng nhớ nghĩ.

Nếu Tăng không nhóm nên dẫn đi đến từng phòng bạch rằng: "Trưởng lão, người này tên ..... cầu xuất gia, xin Trưởng lão nhớ nghĩ".

Phật tại thành Vương xá, lúc đó Kỳ-bà dược sư chỉ trị bịnh cho hai hạng người: Một là vua Bình sa, hai là Phật và Tỳ-kheo tăng. Vì sao trị cho vua Bình sa, vì y thực; vì sao trị bịnh cho Phật và Tăng, vì lòng tin, kính ái và tự thanh tịnh. Vì thế các cư sĩ mắc bịnh nặng khó trị như ung thư… đến cầu xin chữa trị với một trăm tiền vàng, ông cũng không chịu chữa; dù họ trả tăng dần lên đến năm trăm tiền vàng ông cũng vẫn không chịu chữa. Họ sầu khổ suy nghĩ: "Kỳ-bà chỉ trị bịnh cho hai hạng người…, nay chúng ta trả đến năm trăm tiền vàng, ông ta cũng không chịu chữa trị. Các Sa-môn Thích tử này phước đức thành tựu, nếu chúng ta xuất gia trong đây, Kỳ-bà ắt sẽ chữa trị cho chúng ta", nghĩ rồi họ liền đến chỗ các Tỳ-kheo cầu xuất gia, các Tỳ-kheo liền độ cho xuất gia. Những người này đều mắc bịnh nặng thường phải nấu cơm, canh, thịt và sắc thuốc để trị bịnh, cho đến đổ đồ đại tiểu tiện và khạc nhổ, ra vào nhiều việc nhiều duyên nên bỏ phế việc tụng kinh ngồi thiền. Do những người bịnh này nhiều nên Kỳ-bà không

thể trị hết được nên trễ nải trong việc phục vụ cho vua; còn những người bịnh này sau khi lành bịnh, trở lại mạnh khỏe được sắc lực liền xả giới hoàn tục. Có Tỳ-kheo thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng rồi hỏi các Tỳ-kheo: "Các thầy thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo lại độ những người mắc bịnh nặng khó trị như ung thư… giống như đoạn văn trên cho đến câu được sắc lực liền xả giới hoàn tục", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Từ nay những người mắc bịnh nặng khó trị như ung thư… không nên độ xuất gia và cho thọ giới cụ túc, nếu cho xuất gia thọ giới cụ túc thì phạm Đột-kiết-la".

Phật tại nước Ca-tỳ-la-vệ, lúc đó vua Tịnh phạn đến chỗ Phật đảnh lễ rồi ngồi một bên bạch Phật: "Đại-đức, cho tôi nguyện", Phật nói: "Kiều đàm, Phật không cho vua nguyện quá", vua nói: "Nếu được thì cho tôi như nguyện", Phật nói: "Nếu được thì sẽ cho vua như nguyện, vua muốn nguyện điều gì?", vua nói: "Khi Phật xuất gia tâm tôi ưu sầu không vui, không chịu nổi; Nan-đà, La-hầu-la và các con sau khi xuất gia tôi cũng ưu sầu không vui, không chịu nổi. Nay Phật cho tôi nguyện, nếu cha mẹ không cho phép thì Tăng không được độ cho xuất gia, vì sao, vì cha mẹ dựa vào con để được vẻ

vang", Phật nói: "Kiều đàm, Phật vốn cũng muốn kết giới cho các Tỳ-kheo: Cha mẹ nếu không cho phép thì Tăng không được độ cho xuất gia". Lúc đó Phật thuyết pháp cho vua Tịnh phạn, chỉ dạy cho được lợi hỉ rồi im lặng, vua được lợi hỉ rồi đứng dậy đảnh lễ Phật hữu nhiễu rồi đi. Không bao lâu sau Phật do nhân duyên này nhóm Tỳ-kheo tăng rồi bảo các Tỳ-kheo: "Từ nay cha mẹ không cho phép thì Tăng không được độ cho xuất gia, nếu độ cho xuất gia thì phạm Đột-kiết-la".

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó các Tỳ-kheo-ni từ nước Kiều-tát-la du hành đến nước Xá-vệ, trong rừng Tát-la có giặc phá pháp bắt Tỳ-kheo-ni làm nhục, tiếng xấu lan ra khắp thành ấp. Thế lực của vua và của tụ lạc bao vây bắt hết bọn cướp, chỉ có một tên chạy thoát trốn qua nước Bà-kỳ-đà, đến chỗ các Tỳ-kheo cầu xuất gia, các Tỳ-kheo liền độ cho xuất gia. Pháp thường của chư Phật là một năm có hai kỳ đại hội vào tháng sau của cuối mùa xuân và vào tháng sau của cuối mùa hạ. Vào tháng cuối của mùa xuân, Tỳ-kheo các nơi suy nghĩ: "Phật đã dạy chúng ta nên an cư, trong ba tháng an cư tu tập sẽ được an lạc trụ", đây là đại hội thứ nhất. Vào tháng cuối của mùa hạ, các Tỳ-kheo an cư ba tháng đã xong nghĩ rằng: "Đã lâu chúng ta không gặp Phật", nghĩ rồi liền đắp y mang bát đi đến chỗ Thế tôn, đây là đại hội thứ hai. Lúc đó các Tỳ-kheo nước Bà kỳ đà sau khi tự tứ và may y xong liền đắp

y mang bát du hành đến nước Xá-vệ, Tỳ-kheo là tên cướp trước kia cũng xin được đi theo. Các Tỳ-kheo đi đến giữa đường nhìn thấy rừng Tát la liền nhớ lại chuyện trước kia nên nói rằng: "Trước kia trong rừng này có bọn giặc phá pháp đã bắt các Tỳ-kheo-ni làm nhục", Tỳ-kheo này liền nói: "Các Trưởng lão, bọn ác tặc đó là thân hữu đồng nghiệp của tôi trước kia, tôi đã cùng làm việc ác đó", các Tỳ-kheo nghe rồi không biết làm sao, khi đến nước Xá-vệ đảnh lễ Phật rồi ngồi một bên. Pháp thường của Phật là khi có khách Tỳ-kheo đến đều hỏi thăm có nhẫn đủ không, có an lạc không, khất thực có dễ không, đi đường có nhọc mệt không. Lúc đó các Tỳ-kheo đều đáp là nhẫn đủ, được an lạc trụ, khất thực không khó, đi đường không nhọc mệt, rồi đem việc trên bạch Phật. Phật do nhân duyên này nhóm Tỳ-kheo tăng rồi bảo các Tỳ-kheo: "Trong rừng Tát la này trước đây có ác tặc, làm việc đại ác là bắt các Tỳ-kheo-ni làm nhục. Kẻ giặc này phạm đại tội, vì sao, vì các Tỳ-kheo-ni này phần nhiều là A-la-hán, người đã làm ô nhục Tỳ-kheo-ni thì không nên cho xuất gia thọ giới cụ túc; nếu đã cho xuất gia thọ giới cụ túc rồi thì nên diệt tẫn, vì sao, vì làm ô nhục Tỳ-kheo-ni thì không thể sanh được thiện pháp Tỳ-ni".

Phật tại nước Xá-vệ, trong thành này có một cư sĩ bị vô thường ập đến, tất cả tài sản không còn, vợ con quyến thuộc đều ly tán. Lúc đó cư sĩ suy nghĩ:

"Sa-môn Thích tử phước đức thành tựu, ta phải bắt chước Sa-môn Thích tử may y Tăng-già-lê, Uất-đa-la-tăng, An-đà-hội, sắm đủ bát, đãy lượt nước, tích trượng…; làm như thế giống như tặc trụ thì có khổ gì đâu", nghĩ rồi liền lo liệu đầy đủ mọi thứ, sau đó lẻn vào ở trong Tăng. Các Tỳ-kheo có nhóm hay không nhóm từ từ gạn hỏi: "Trưởng lão được mấy tuổi hạ, vào thời tiết gì, nhuần hay không nhuần", người này không biết vào thời tiết gì nên không trả lời được, các Tỳ-kheo dịu dàng gạn hỏi tới, liền đáp: "Tôi trộm làm Tỳ-kheo lén vào ở giống như Tặc trụ". Có Tỳ-kheo thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng rồi hỏi : "Các thầy thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo có đầy đủ Hòa thượng, A-xà-lê, giáo thọ sư được vi diệu thiện pháp Tỳ-ni lại để cho kẻ trộm làm Tỳ-kheo vào ở giống như Tặc trụ", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Người này gọi là Tặc trụ, không nên cho xuất gia thọ giới cụ túc; nếu đã cho xuất gia thọ giới cụ túc thì nên diệt tẫn, vì sao, vì Tặc trụ không sanh thiện pháp Tỳ-ni".

Phật tại thành Vương xá, lúc đó Bạt-nan-đà độ cho bất năng nam xuất gia, người này ban đêm sờ mó các Tỳ-kheo, các Tỳ-kheo đuổi ra; sau đó lại đến sờ mó các Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-na, Sa di,

Sa-di-ni đều bị các vị này đuổi ra; sau đó lại đi sờ mó các cư sĩ vào ngủ trong Tăng phường, các cư sĩ chê trách: "Sa-môn Thích tử cho bất năng nam xuất gia thọ giới cụ túc", một người nói cho hai người dần dần lan ra khắp trong thành Vương xá. ". Có Tỳ-kheo thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng rồi hỏi Bạt-nan-đà: "Thầy thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo lại độ bất năng nam cho xuất gia", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Từ nay không được độ bất năng nam cho xuất gia và thọ giới cụ túc, nếu cho xuất gia thọ giới cụ túc thì phạm Đột-kiết-la".

Có năm loại bất năng nam:

- Một là Sanh bất năng nam: Người này từ khi sanh ra đã không thể làm việc dâm dục.

- Hai là nửa tháng bất năng nam: Người này nửa tháng có thể làm việc dâm, nửa tháng không thể.

- Ba là Đố bất năng nam: Người này khi thấy người khác hành dâm thì thân phần dụng.

- Bốn là Tinh bất năng nam: Nhơn người khác dâm thân thì thân phần dụng.

- Năm là Bịnh bất năng nam: Nam căn của người này bị hư hoại hoặc bị thiến mất hoặc bị

trùng cắn.

Trong năm loại này thì bốn loại đầu không nên cho xuất gia thọ giới cụ túc, nếu đã cho xuất gia thọ giới cụ túc thì nên diệt tẫn, vì sao, vì bốn loại bất năng nam này không sanh thiện pháp Tỳ-ni. Còn Bịnh bất năng nam nếu xuất gia thọ giới cụ túc trước rồi mới bị thiến mất hoặc bị trùng cắn, bị hư hoại hoặc bất động thì cho ở; nhưng nếu xả giới mà muốn xuất gia thọ giới cụ túc trở lại thì không nên cho, nếu cho thì nên diệt tẫn, vì sao, vì Bịnh bất năng nam không sanh thiện pháp Tỳ-ni.

Phật tại thành Vương xá, có Tỳ-kheo cho dị đạo xuất gia, dị đạo này vì chút nhân duyên liền cùng thầy tranh cải, không xả giới mà trở về với dị đạo trước kia. Các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng rồi bảo các Tỳ-kheo: "Ví như chó đói ốm được cho thức ăn ngon lại không chịu ăn, trở lại ăn chất bất tịnh. Người ngu si này cũng thế, bỏ thiện pháp trở lại với dị đạo trước kia", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Người bỏ qua sự cứu giúp này không nên độ cho xuất gia thọ giới cụ túc, nếu đã cho thì nên diệt tẫn, vì sao, vì người bỏ qua sự cứu giúp này không sanh thiện pháp Tỳ-ni".

Phật tại nước Xá-vệ, có một Bà-la-môn giết mẹ rồi suy nghĩ: "Ta gây đại tội giết mẹ, chỗ nào có thể trừ được tội ác này. Ta nghe nói Sa-môn Thích tử có thể trừ diệt được tội ác này", nghĩ rồi liền đến

chỗ các Tỳ-kheo cầu xuất gia, các Tỳ-kheo hỏi: "Ngươi là Bà-la-môn bất tín khinh mạn, đêm dài ác tà là oan gia của Phật pháp, do đâu mà có lòng tin xuất gia?", liền đáp: "Đại-đức, tôi gây đại tội giết mẹ nên tôi suy nghĩ … giống như đoạn văn trên, vì thế tôi muốn xuất gia". Các Tỳ-kheo nghe rồi không biết làm sao liền đem việc này bạch Phật, Phật nói: "Người này có tội giết mẹ, không nên cho xuất gia thọ giới cụ túc, nếu đã cho thì nên diệt tẫn, vì sao, vì người có tội giết mẹ thì không sanh thiện pháp Tỳ-ni".

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó có các Tỳ-kheo từ nước Kiều-tát-la du hành đến nước Xá-vệ, trong rừng Tát la có bọn giặc phá pháp cướp đoạt y vật và giết chết các Tỳ-kheo này, tiếng xấu lan ra khắp trong các thành ấp. Thế lực của vua và của tụ lạc bao vây bắt hết bọn cướp, chỉ còn một tên chạy thoát trốn đến trong Kỳ hoàn, ở chỗ các Tỳ-kheo cầu xuất gia, các Tỳ-kheo liền cho xuất gia. Lúc đó bọn giặc cướp bị đem ra hành hình, các Tỳ-kheo nói với nhau: "Hãy cùng đi xem tội báo thế gian", Tỳ-kheo là tên cướp trước kia xin được cùng đi. Khi thấy bọn cướp bị chặt đầu máu chảy, Tỳ-kheo này liền suy nghĩ: "Nếu ta không xuất gia cũng sẽ như thế", nghĩ rồi kinh hãi té ngã xuống đất. Các Tỳ-kheo lấy nước rưới cho tỉnh lại rồi hỏi: "Thầy không phải là người của bọn cướp đã làm nghiệp ác đó và cũng không phải suy nghĩ về nghiệp ác đó

thì cớ sao lo sợ như thế?", liền đáp: "Bọn giặc trong rừng Tát la cướp y vật và giết chết các Tỳ-kheo là thân hữu đồng nghiệp của tôi, trước kia tôi cũng đã làm việc ác đó nên tôi suy nghĩ: Nếu tôi không xuất gia cũng sẽ như thế, vì thế tôi kinh hãi té ngã xuống đất". Các Tỳ-kheo nghe rồi không biết làm sao liền đem việc này bạch Phật, Phật bảo các Tỳ-kheo: "Bọn giặc trong rừng Tát-la phóng dật điên đảo đã giết chết các Tỳ-kheo, làm nhiều nghiệp ác. Các Tỳ-kheo đó phần nhiều là A-la-hán, người giết A-la-hán không nên cho xuất gia thọ giới cụ túc, nếu đã cho thì nên diệt tẫn, vì sao, vì người giết A-la-hán thì không sanh thiện pháp Tỳ-ni".

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó có một con rồng tín tâm thanh tịnh, nhàm chán thân rồng, ra khỏi cung rồng biến thành người đi đến chỗ các Tỳ-kheo cầu xin xuất gia, các Tỳ-kheo liền cho xuất gia. Rồng nay được ở chung phòng với một Tỳ-kheo khác, sáng hôm sau đi khất thực, do có phước nên khất thực mau được, liền về cung của mình ăn, ăn xong trở về ở trong phòng trước, đóng cửa ngồi kiết già, do trời nóng nên rồng nằm lăn ra ngủ. Có năm nhân duyên thân rồng không biến: Một là khi sanh, hai là khi chết, Ba là khi hành dâm, bốn là khi sân, năm là khi ngủ. Lúc đó do ngủ say nên hiện trở lại thân rồng, thân to lớn đầy chật cả phòng, Tỳ-kheo cùng phòng về sau nhìn thấy kinh hãi la lớn. Rồng nghe tiếng la liền tỉnh giấc, trở lại hình người ngồi kiết

già. Các Tỳ-kheo nghe la liền nhóm lại hỏi nguyên do, liền đáp: "Người này là rắn". Các Tỳ-kheo nghe rồi không biết làm sao liền đem việc này bạch Phật, Phật nói: "Người nay không phải là rắn mà là rồng", Phật bảo kêu đến, rồng đến đảnh lễ Phật rồi ngồi một bên, Phật thuyết pháp cho được lợi hỉ rồi bảo rồng: "Ngươi hãy trở về cung trước kia của ngươi đi", rồng nghe rồi khóc, gạt lệ đứng dậy đảnh lễ Phật hữu nhiễu rồi đi. Sau khi rồng đi rồi, Phật do nhân duyên này bảo các Tỳ-kheo: "Từ nay không được cho rồng xuất gia và thọ giới cụ túc, nếu cho thì phạm Đột-kiết-la; tất cả loài phi nhơn cũng như thế".

Phật tại nước Xá-vệ trong vườn Chiêm-bặc, có một trưởng giả tử xuất gia rồi bị bịnh triền miên, tông thân sai sứ kêu về để trị bịnh. Người này có thân tộc đông, mỗi người thỉnh thực một ngày và cho nhiều tài vật, nhưng vẫn không trị hết bịnh, cuối cùng mạng chung. Tỳ-kheo bịnh này tên là Ba là đà, có một Sa di ở trong chúng này vừa mới thọ giới cụ túc; trong chúng này có Lục quần Tỳ-kheo nói rằng: "Tỳ-kheo mới thọ giới không được chia phần đồng với đại Tỳ-kheo, nên chia phần theo Sa di", liền hỏi vì sao, đáp là thọ giới yết ma không đủ. Tỳ-kheo này không biết làm sao liền đem việc này bạch Phật, Phật nói: "Nên hỏi các Tỳ-kheo trong yết ma là đủ hay không đủ", liền đi hỏi các Tỳ-kheo, các Tỳ-kheo đáp: "Tôi tuy ở trong yết ma

nhưng không nhớ không biết", Tỳ-kheo này trở về bạch Phật, Phật nói: "Từ nay các Tỳ-kheo khi cho yết ma phải nhất tâm lắng nghe, chớ nghĩ đến việc khác, phải chuyên tâm kính trọng, tư duy tâm tâm nhớ nghĩ. Nên cho yết ma như thế và người làm yết ma nên nói rõ ràng đấy là yết ma lần thứ nhất, đây là yết ma lần thứ hai, đây là yết ma lần thứ ba; nếu không nói rõ ràng như thế thì phạm Đột-kiết-la".

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó Phật bảo các Tỳ-kheo: "Nếu có người ác tâm làm cho Phật bị thương chảy máu thì không nên cho xuất gia, nếu đã cho xuất gia thì nên diệt tẫn, vì sao, vì người ác tâm làm cho Phật bị thương chảy máu thì không sanh thiện pháp Tỳ-ni. Có người phi pháp tưởng là phi pháp, đã phá tăng rồi khởi phi pháp kiến, người này sau mắc tội; nếu phi pháp tưởng là pháp, phá tăng rồi khởi phi pháp kiến, người này sau mắc tội. Nếu phi pháp tưởng là phi pháp, phá tăng rồi nghi, người này sau mắc tội. Người này không nên cho xuất gia thọ giới cụ túc, nếu cho rồi thì nên diệt tẫn, vì sao, vì người phá tăng không sanh thiện pháp Tỳ-ni. Có người khi xuất gia vốn đã phạm dâm nhẫn đến cùng với súc sanh, người này không nên cho xuất gia thọ giới cụ túc; nếu đã cho thì nên diệt tẫn, vì sao, vì người vốn đã phạm giới thì không sanh thiện pháp Tỳ-ni. Có người khi xuất gia vốn đã phạm trộm, cho đến trộm năm tiền hoặc vật trị giá năm tiền. Người này không nên cho xuất gia

thọ giới cụ túc, nếu đã cho thì nên diệt tẫn, vì sao, vì người vốn đã phạm giới thì không sanh thiện pháp Tỳ-ni. Có người khi xuất gia vốn đã tự tay giết người, lại không có tưởng khác, không có phương tiện khác. Người nay không nên cho xuất gia thọ giới cụ túc, nếu đã cho thì nên diệt tẫn, vì sao, vì người vốn đã phạm giới thì không sanh thiện pháp Tỳ-ni. Có người khi xuất gia vốn đã rỗng không, không có pháp hơn người mà tự khen ngợi rằng tôi có pháp hơn người. Người nay không nên cho xuất gia thọ giới cụ túc, nếu đã cho thì nên diệt tẫn, vì sao, vì người vốn đã phạm giới thì không sanh thiện pháp Tỳ-ni. Có người không bị tẫn, xả giới rồi sau đó muốn xuất gia trở lại, đến chỗ các Tỳ-kheo nói rằng: "Đại-đức cho tôi xuất gia, xuất gia xong tôi sẽ thấy tội". Các Tỳ-kheo hỏi Phật có nên cho người này xuất gia không, Phật nói nên cho, cho xuất gia rồi liền nói: "Tôi không thấy tội này. Đại-đức cho tôi thọ giới cụ túc, thọ cụ túc rồi tôi sẽ thấy tội này". Các Tỳ-kheo hỏi Phật có nên cho thọ không, Phật nói nên cho, thọ giới cụ túc rồi lại nói là không thấy tội này. Các Tỳ-kheo hỏi Phật có nên tẫn không, Phật nói: "Nếu Tăng nhất tâm hòa hợp thì nên tẫn, Tăng không hòa hợp thì không nên tẫn".

Phật tại thành Vương xá, lúc đó vợ của các tướng quân, chồng đi chinh phạt lâu không về nên ở nhà tư thông với phi nhơn. Các phi nhơn này hình

thể không đầy đủ hoặc đầu voi, hoặc đầu ngựa, đầu trâu, đầu khỉ… nên khi họ sanh ra con cũng có hình thể giống như vậy. Vì thương con nên các bà mẹ này nuôi chúng đến khôn lớn, nhưng vì chúng không làm việc được nên họ đuổi đi, những người con này đi khắp nơi xin ăn dần dần đi đến Trúc viên. Trong Trúc viên Lục quần Tỳ-kheo ưa gây ra tội nên người thiện không thích ở chung, nếu người nào cùng ở chung thì bị các Tỳ-kheo chê trách là thân gần với người ác; cho đến đệ tử cọng trụ thấy thầy làm hạnh xấu cũng tự bỏ đi. Lúc đó Lục quần thấy những người con của loài phi nhơn này liền suy nghĩ: "Ta nếu chứa nuôi đệ tử tốt thì các Tỳ-kheo khác chê trách và khuyên chúng bỏ đi, nay ta nên chứa nuôi những người này thì còn ai khuyên chúng bỏ đi nữa; nếu có khuyên bỏ đi thì người xấu xa như thế ai mà ưa thích", nghĩ rồi liền nói với chúng: "Các ngươi vì sao không xuất gia", đáp: "Chúng con xấu xí, ai sẽ độ cho chúng con xuất gia", Lục quần nói: "Các ngươi có thể thay ta thứ lớp giữ phòng hoặc đưa thức ăn cho người giữ phòng giùm ta, hoặc có thể thay ta gánh y bát thì ta sẽ cho các ngươi xuất gia", liền đáp là xin vâng theo, Lục quần Tỳ-kheo liền độ cho xuất gia. Lúc đó có người thỉnh Phật và Tăng, Lục quần Tỳ-kheo do hai nguyên nhân nên sai đệ tử gánh y bát đi trước: Một là vì đi chậm, hai là nếu đi cùng thì hổ thẹn. Các cư sĩ này tin Phật nên tâm thanh tịnh,

nhưng các đệ tử của dị đạo thì cười chê rằng: "Đây là phước điền mà các vị cúng dường hay sao, người đi trước thì đến ăn trước", các cư sĩ nghe rồi liền hổ thẹn, đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng rồi hỏi Lục quần Tỳ-kheo: "Các thầy thật đã làm như thế phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo lại độ người đầu voi, đầu ngựa, đầu trâu… cho xuất gia", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Từ nay những người đầu voi, đầu ngựa, đầu trâu… đều không nên cho xuất gia; nếu cho xuất gia thọ giới cụ túc thì phạm Đột-kiết-la. Lại nữa, người tóc vàng, người tóc xanh, tóc đỏ, tóc bạc trắng… cho đến người không tóc, tất cả đều không nên cho xuất gia; nếu cho xuất gia thọ giới cụ túc thì phạm Đột-kiết-la. Lại nữa người mắt đỏ, mắt sâu, mắt lồi, mắt thủy tinh… cho đến người một mắt cũng đều không nên cho xuất gia; nếu cho xuất gia thọ giới cụ túc thì phạm Đột-kiết-la. Lại nữa người lỗ tai voi, lỗ tai ngựa, lỗ tai dê… cho đến người không có lỗ tai; người mũi chó, mũi trâu, mũi khỉ…; người môi lớn, môi trề, người sứt môi…; người răng voi, răng ngựa… cho đến người không răng; người cổ dài, cổ ngắn…; người quá cao, quá lùn, quá đen, quá trắng, người tật nguyền, người đoạn âm, bất năng nam, người bị chặt tay, người bị chặt chân, người bị móc mắt, người bị xẻo tai, xẻo mũi…, người điên cuồng,

người tợ quỷ, người mù, người điếc, người câm, người ngọng, người tuổi quá nhỏ, người tuổi quá già, người không đi được, không ngồi được, không đứng được, không nằm được… tất cả loại người kể trên làm ô nhiễm chúng tăng đều không nên cho xuất gia thọ giới cụ túc; nếu cho thì phạm Đột-kiết-la".

Phật lại bảo các Tỳ-kheo: "Pháp thọ cụ túc có ba việc hiện tiền được thọ cụ túc: Một là có Tăng, hai là có người muốn thọ cụ túc, Ba là có yết ma".

Người muốn thọ cụ túc mới đến nên bảo theo thứ lớp đảnh lễ Tăng, kế dạy pháp thọ y, nên hỏi: "Y này có phải là của con có hay không?", đáp là của con có, nên nói: "Con hãy theo theo ta":

Con tên là ..... y Tăng-già-lê này có chín điều là y cắt rọc (chưa cắt rọc), y này nay con xin thọ trì. (3 lần)

Kế hỏi: "Y này có phải là của con có hay không?", đáp là của con có, nên nói: "Con hãy nói theo ta":

Con tên là ..... y Uất-đa-la-tăng này có bảy điều là y cắt rọc (chưa cắt rọc), y này nay con xin thọ trì.(3 lần)

Kế hỏi giống như trên và bảo: "Con hãy nói theo ta":

Con tên là ..... y An-đà-hội này có năm điều là y cắt rọc (chưa cắt rọc), y này nay con xin thọ

trì. (3 lần)

Kế hỏi: "Bát-đa-la này có phải là của con có hay không?", đáp là của con có, nên bảo: "Con hãy nói theo ta":

Con tên là ..... Bát-đa-la ứng lượng khí này nay con xin thọ để dùng lâu dài. (3 lần)

Dạy thọ y bát rồi, kế dạy cầu Hòa thượng:

Con tên là ..... nay cầu Trưởng lão làm Hòa thượng, Trưởng lão vì con làm Hòa thượng, con nương theo Trưởng lão Hòa thượng để được thọ giới cụ túc. (3 lần)

Giới sư nên hỏi Hòa thượng: "Thầy có thể làm Hòa thượng cho giới tử này không?", đáp là có thể, giới sư nên dẫn người thọ giới đến chỗ chỉ thấy mà không nghe ở trong giới tràng, rồi trở lại trong Tăng xướng: "Chúng tăng hòa hợp nhóm, ai có thể là giáo thọ sư cho giới tử này?", nếu trong Tăng có người đáp là có thể thì Tăng nên xét người này nếu có đủ năm pháp thì không nên cử làm giáo thọ sư, đó là vì yêu mà dạy, vì sân mà dạy, vì sợ mà dạy, vì si mà dạy và không biết day hay không dạy. Ngược lại nếu có năm pháp thành tựu thì nên cử làm giáo thọ sư, đó là không vì yêu mà dạy, không vì sân mà dạy, không vì sợ mà dạy, không vì si mà dạy và biết dạy hay không dạy. Kế xướng rằng:

Đại-đức Tăng lắng nghe, giới tử này tên ..... theo Hòa thượng ..... cầu thọ giới cụ túc, Tỳ-

kheo ..... làm giáo thọ sư. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay cử Tỳ-kheo ..... làm giáo thọ sư để dạy giới tử tên ..... Bạch như thế.

Như thế Bạch-nhị-yết-ma cho đến câu Tăng đã chấp thuận cử Tỳ-kheo ..... làm giáo thọ sư để dạy cho giới tử ..... xong rồi. Tăng chấp thuận vì im lặng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

Lúc đó Giáo thọ sư đến chỗ giới tử bảo quỳ gối chắp tay rồi nói: "Giới tử tên ..... lắng nghe, nay là giờ phút chí thành, là giờ phút nói thật, sau ở trong Tăng cũng sẽ hỏi như thế, nếu thật thì con nên nói là thật, nếu không thật thì nên nói là không thật. Ta nay hỏi con:

1. Con có phải là trượng phu không?

2. Tuổi có đủ hai mươi không?

3. Con không phải là nô tỳ phải không?

4. Con không phải là người làm thuê cho người phải không?

5. Con không phải do mua mà được phải không?

6. Con không phải do quân binh đánh phá mà bắt được phải không?

7. Con không phải là quan nhân phải không?

8. Con không phạm việc quan phải không?

9. Con không có âm mưu với vương gia phải không?

10. Con không có mắc nợ người phải không?

11. Trượng phu có những bịnh như bịnh lại, bịnh lậu, ung thư, càn tiêu, điên cuồng…, gần đây con có mắc những bịnh như thế không?

12. Cha mẹ của con còn không, họ có cho phép con xuất gia không?

13. Trước kia con có làm Tỳ-kheo không?, nếu đáp là có làm thì nên hỏi: "Con có thanh tịnh trì giới không, khi xả giới con có nhất tâm như pháp hoàn giới không?"

14. Con có đủ ba y và bát không?

15. Tên của con là gì?

16. Hòa thượng là ai?

Giáo thọ sư hỏi xong nên trở lại trong Tăng bạch rằng: "Con đã hỏi giới tử ..... xong rồi", Giới sư nói: "Nếu thanh tịnh thì nên dẫn đến", liền dẫn đến rồi bảo đảnh lễ Tăng và dạy pháp theo Tăng xin thọ giới cụ túc:

Con tên là ..... theo Hòa thượng ..... thọ giới cụ túc, con nay theo Tăng xin thọ giới cụ túc, Tỳ-kheo ..... là Hòa thượng của con. Xin Tăng tế độ cho con được thọ giới cụ túc. Xin thương xót (3 lần).

Giới sư ở trong Tăng xướng rằng:

Đại-đức Tăng lắng nghe, giới tử tên ..... theo Hòa thượng ..... thọ giới cụ túc, nay theo Tăng xin thọ giới cụ túc, Hòa thượng là . Nếu tăng

đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận cho tôi nay ở trong Tăng hỏi giới tử tên ..... các pháp chướng ngăn đạo. Bạch như vậy.

Giới tử tên ..... lắng nghe, nay là giờ phút chí thành… giống như đoạn văn trên cho đến câu nếu không thật thì nói là không thật. Nay ta hỏi con:

1. Con là trượng phu phải không?… giống như trên cho đến mười sáu Hòa thượng là ai?

Tăng còn có điều gì chưa hỏi nữa không, nếu chưa hỏi thì nên hỏi, nếu đã hỏi hết rồi thì im lặng.

Đại-đức Tăng lắng nghe, giới tử này tên ..... theo Hòa thượng ..... thọ giới cụ túc, nay theo Tăng xin thọ giới cụ túc, Hòa thượng là ..... Giới tử này tự nói thanh tịnh, không có các pháp chướng ngăn đạo, ba y và bát đều đủ, Hòa thượng là ..... Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng sẽ cho giới tử này tên ..... thọ giới cụ túc, Hòa thượng là ..... Bạch như vậy.

Như thế Bạch-tứ-yết-ma cho đến câu Tăng đã cho giới tử tên ..... thọ giới cụ túc xong rồi, Hòa thượng là ..... Tăng chấp thuận vì im lạng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

Này giới tử, nếu có ai hỏi thầy được mấy tuổi hạ, nên đáp là chưa có tuổi hạ; nếu hỏi thọ giới vào lúc nào, nên đáp là mùa đông hoặc mùa xuân, mùa hạ, có nhuần hay không nhuần. Đây là thời tiết,

giới tử nên trọn đời ghi nhớ.

Kế nói về pháp Tứ y:

Giới tử tên ..... lắng nghe, đây là tri kiến của Phật Bà-già-bà, Thích ca-Mâu-ni-Đa-đà-a-già-độ-A-la-ha-tam-miệu-tam-Phật-đà nói ra pháp Tứ y cho người thọ giới cụ túc. Tỳ-kheo nương theo pháp Tứ y này được xuất gia thọ giới cụ túc thành pháp Tỳ-kheo:

1. Nương y phấn tảo, Tỳ-kheo được xuất gia thọ giới cụ túc thành pháp Tỳ-kheo. Nếu thọ thêm y bằng vải gai trắng, hoặc gai đỏ hoặc y Kiều-thi-na, Súy-di-la, Khâm-bạt-la, Kiếp-bối… các loại y thanh tịnh khác thì con có thể nương y phấn tảo thọ dụng trọn đời hay không?. Nếu được thì đáp là được.

2. Nương pháp khất thực, Tỳ-kheo được xuất gia thọ giới cụ túc thành pháp Tỳ-kheo. Nếu thọ thêm thức ăn đã nấu chín hoặc thức ăn ngon vào những ngày trai như mồng tám, hai ba, mười bốn, mười lăm, hai mươi chín, ba mươi, mồng một, hoặc thức ăn của tăng, hoặc ăn trong phòng riêng hoặc thọ người thỉnh thực… những thức ăn thanh tịnh như thế thì con có thể nương pháp khất thực thọ dụng trọn đời hay không?. Nếu được thì đáp là được.

3. Nương dưới gốc cây dừng nghỉ, Tỳ-kheo được xuất gia thọ giới cụ túc thành pháp Tỳ-kheo.

Nếu thọ thêm nhà ấm, giảng đường… cho đến hang động trong núi; ngọa cụ Yên-đầu-lặc-ca, Man-đầu-lặc-ca… cho đến đệm cỏ, tất cả phòng xá ngọa cụ thanh tịnh như thế thì con có thể nương dưới gốc cây dừng nghỉ thọ dụng trọn đời hay không?. Nếu được thì đáp là được.

4. Nương loại dược cũ bỏ (Trần khí dược), Tỳ-kheo được xuất gia thọ giới cụ túc thành pháp Tỳ-kheo. Nếu thọ thêm bốn loại dược hàm tiêu là tô, dầu, mật, thạch mật; bốn loại mỡ tịnh là mỡ gấu, mỡ lừa, mỡ heo, mỡ cá; năm loại dược từ củ như củ gừng, xích phu tử, ba đề, bệ sa, xương bồ; năm loại dược từ quả như Ha-lê-lặc, Tỳ-diêm-lặc, A-ma-lặc, hồ tiêu, Tất-bạt-la; năm loại muối là muối đen, muối trắng, muối tía, muối đò, muối đất; năm loại thuốc thang nấu từ củ, cọng, lá, hoa, quả; năm loại thuốc từ nhựa cây là hưng cừ, tát xà la tát đế, dịch đế, dịch đề đế, dịch bà na… các loại dược thanh tịnh như thế thì con có thể nương loại dược cũ bỏ thọ dụng trọn đời hay không?. Nếu được thì đáp là được.

Giới tử tên ..... lắng nghe, đây là tri kiến của Phật Bà-già bà, Thích-ca-Mâu-ni-Đa-đà-a-già-độ-A-la-ha-tam-miệu-tam-Phật-đà nói ra bốn pháp Đọa cho Tỳ-kheo thọ giới cụ túc. Tỳ-kheo đối với bốn pháp Đọa này nếu phạm một pháp nào thì không phải là Tỳ-kheo, không phải là Sa-môn, không phải là Thích tử mất pháp Tỳ-kheo. Như cây

Đa la bị chặt ngọn thì không thể sanh trưởng, không tươi tốt, không cao lớn, không rộng mát. Tỳ-kheo cũng như thế, đối với bốn pháp Đọa này nếu phạm một pháp nào thì không phải là Tỳ-kheo… mất pháp Tỳ-kheo. Bốn pháp Đọa là :

1. Phật dùng đủ cách quở trách dục, dục tưởng, dục giác, dục nhiệt; khen ngợi đoạn dục, trừ dục tưởng, diệt dục nhiệt. Nếu Tỳ-kheo đã thọ giới pháp rồi, không xả giới, giới suy kém, không phát lồ mà làm pháp dâm dục cho đến cùng với súc sanh thì người này không phải là Tỳ-kheo… mất pháp Tỳ-kheo. Đối với pháp Đọa thứ nhất này trọn đời không được làm, con có thể giữ được không?. Nếu được thì đáp là được.

2. Phật dùng đủ cách quở trách không cho mà lấy, khen ngợi không trộm cắp từ một sợi chỉ, một cây kim… cho đến năm tiền hoặc vật trị giá năm tiền. Tỳ-kheo nếu không cho mà lấy, vì việc này hoặc bị bắt, bị trói hoặc bị đuổi ra khỏi nước và bị mắng là kẻ giặc thì người này không phải là Tỳ-kheo… mất pháp Tỳ-kheo. Đối với pháp Đọa thứ hai này trọn đời không được làm, con có thể giữ được không?. Nếu được thì đáp là được.

3. Phật dùng đủ cách quở trách đoạn mạng người, khen ngợi không đoạn mạng cho đến một con kiến cũng không cố ý đoạn mạng huống chi là người. Nếu Tỳ-kheo tự tay cố ý đoạn mạng người, hoặc sai người cầm dao giết, hoặc khuyên chết,

khen chết nói rằng: "Chao ôi trượng phu, sống tồi tệ như thế thì sống làm gì, thà chết còn hơn", tùy tâm suy nghĩ mà dùng đủ cách khuyến khích xúi giục hoặc khen ngợi cái chết hoặc đào hầm, đặt bẩy… làm cho chết; hoặc dùng cách Tỳ-đà-la, bán Tỳ-đà-la để giết; hoặc làm đọa thai, hoặc đẩy vào lửa, hoặc xô xuống nước hoặc đẩy từ trên cao xuống cho chết… cho đến thai trong bụng mẹ mới được hai căn là thân căn và mạng căn cũng muốn làm cho chết thì người này không phải là Tỳ-kheo… mất pháp Tỳ-kheo. Đối với pháp Đọa thứ ba này trọn đời không được làm, con có thể giữ được không?. Nếu được thì đáp là được.

4. Phật đủ cách quở trách vọng ngữ, khen ngợi không vọng ngữ, cho đến đùa giỡn cũng không được vọng ngữ huống chi là cố ý vọng ngữ. Nếu Tỳ-kheo tự biết mình không có pháp hơn người mà tự khen mình là được quả A-la-hán, A-la-hán hướng… Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hoàn hướng; hoặc tự khen mình chứng được Sơ thiền… tứ thiền; hoặc tự khen mình đã được pháp Từ bi hỷ xả, được định Không vô biên xứ…; được pháp quán bất tịnh, A-na-ban-na-niệm; chư thiên đến chỗ tôi, trời rồng… đến chỗ tôi, tôi nói chuyện với họ … những việc như thế vốn không có mà cố ý vọng ngữ thì người này không phải là Tỳ-kheo… mất pháp Tỳ-kheo. Đối với pháp Đọa thứ tư này trọn đời không được làm, con có thể giữ được không?. Nếu được thì đáp

là được.

Giới tử tên ..... lắng nghe, tội trong thiên đầu không thể sám hối; tội trong thiên thứ hai tuy có thể sám hối, nhưng tùy thời che dấu bao nhiêu mà cho hành Ba-lợi-bà-sa bấy nhiêu, hành Ba-lợi-bà-sa rồi mới cho hành sáu đêm Ma-na-đỏa, hành Ma-na-đỏa xong mới ở trong chúng hai mươi Tỳ-kheo cho xuất tội. Những việc này ở trong chúng đáng hổ thẹn và bị người khinh chê, đó là:

1. Không được cố ý làm xuất tịnh, con có thể giữ được không? Nếu được thì đáp là được.

2. Không được cố ý xúc chạm thân người nữ, con có thể giữ được không? Nếu được thì đáp là được.

3. Không được đối trước người nữ nói lời thô tục, con có thể giữ được không? Nếu được thì đáp là được.

4. Không được đối trước người nữ khen ngợi việc cúng dường thân, con có thể giữ được không? Nếu được thì đáp là được.

5. Không được làm mai mối, con có thể giữ được không? Nếu được thì đáp là được.

6. Không được tự xây cất phòng xá, nếu Phật cho thì được làm, không cho thì không được làm. Con có thể giữ được không, nếu được thì đáp là được.

7. Không được xây cất chùa lớn, Phật cho thì

được làm, không cho thì không được làm.… như trên.

8. Không được đem tội không căn cứ vu báng người khác.… như trên.

9. Không được lấy chút tội vu báng nói là đại tội.… như trên.

10. Không được phá Tăng.… như trên.

11. Không được trợ giúp việc phá Tăng.… như trên.

12. Không được ô tha gia.… như trên.

13. Không được tánh ngang ngạnh khó dạy. … như trên. Phải khéo khiêm hạ tâm mình, vui vẻ thuận theo lời dạy bảo. Này giới tử, con đã thọ giới xong, Hòa thượng, A-xà-lê, Tỳ-kheo tăng đều đầy đủ, trong quốc độ tốt được chỗ hành đạo tốt. Như nguyện của Chuyển luân thánh vương, con nay đều đã đầy đủ. Con phải gia kính Tam bảo Phật pháp tăng, phải học ba môn học là chánh giới học, chánh tâm học và chánh huệ học. Con nên cầu ba môn giải thoát là không, vô tướng, vô nguyện; phải siêng năng ba nghiệp tụng kinh, ngồi thiền và làm việc chúng. Hành pháp như thế mới mở cửa Cam lồ, chứng quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Phật Bích chi và quả Phật. Ví như hoa Thanh liên, Bạch liên, Hồng liên, Xích liên ở trong nước ngày một tăng trưởng; con cũng như thế, ở trong pháp Tỳ-kheo ngày một tăng trưởng. Những

giới còn lại, Hòa thượng và A-xà-lê sẽ dạy cho con, con nay đã thọ xong giới cụ túc.

Trong pháp Thích sư tử, Tất cả diệu thiện tụ, Sâu rộng không bờ mé. Vào biển báu công đức, Là nguyện của Luân vương, Thiên vương, Thiện pháp vương, Thường cầu làm Sa-môn, Không được nhưng con được.

Siêng năng hành ba nghiệp, Phật pháp vô lượng môn.

Người thường nhớ nghĩ pháp, Đạt được trí vô ngại.

Như hoa sen trong nước, Mỗi ngày một tăng trưởng, Con cũng tin như thế, Giới, văn, định, huệ tăng. Những giới khác đã chế, Hòa thượng sư sẽ dạy.

Trong chúng đảnh lễ xong, Vui vì được như ý.

-oOo-

LUẬT THẬP TỤNG

QUYỂN 22
PHÁP BỐ TÁT THỨ HAI

Phật tại thành Vương-xá, lúc đó Thế tôn chưa cho các Tỳ-kheo bố tát, chưa cho yết ma bố tát, chưa cho thuyết Ba-la-đề-mộc-xoa, chưa cho nhóm họp. Có dị đạo Phạm chí hỏi các Tỳ-kheo: "Các thầy có bố tát, có yết ma bố tát, có thuyết Ba-la-đề-mộc-xoa và nhóm họp không?", đáp là không có, Phạm chí liền chê trách: "Các Sa-môn, Bà-la-môn khác còn có bố tát… và nhóm họp, Sa-môn Thích tử các thầy tự xưng là bậc hiền thiện có đức mà lại không làm bố tát… và nhóm họp". Có Tỳ-kheo thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng rồi bảo các Tỳ-kheo: "Từ nay cho làm bố tát… và nhóm họp; như ta đã kết giới, mỗi nửa tháng nên thuyết Ba-la-đề-mộc-xoa".

Phật tại thành Vương-xá, lúc đó Trưởng lão Đại-kiếp-tân-na đang ở trong hang tại A-lan-nhã thuộc thành Vương xá, vào ngày mười lăm bố tát, Trưởng lão suy nghĩ: "Ta nên đến hay không nên

đến bố tát, nên đến yết ma bố tát hay không nên đến, nên đến thuyết Ba-la-đề-mộc-xoa hay không nên đến, nên đến nhóm họp hay không nên đến, vì ta đã thanh tịnh thành tựu thanh tịnh bậc nhất". Lúc đó Phật biết được tâm niệm của Đại-Kiếp-tân-na nên nhập tam muội, như tâm tam muội hốt nhiên biến mất và hiện đến trước hang của Đại-kiếp-tân-na, xuất định rồi nói với Đại-Kiếp-tân-na: "Thầy suy nghĩ như vầy: Ta nên đến… giống như đoạn văn trên cho đến câu thanh tịnh bậc nhất phải không?. Này Đại-kiếp-tân-na, thầy nên đến bố tát… và nhóm họp, vì sao, vì thầy là đại Thượng tòa, thầy nếu không cung kính, không quý trọng, không cúng dường bố tát thì ai sẽ cung kính, quý trọng và cúng dường bố tát. Thầy nên đến bố tát", nói rồi liền nắm tay của Đại-kiếp-tân-na dẫn đến chỗ bố tát. Phật vào trong Tăng ngồi vào chỗ ngồi rồi bảo các Tỳ-kheo:

"Từ nay cho hai loại bố tát: Một là vào ngày thứ mười bốn, hai là vào ngày thứ mười lăm; một là trước giờ ăn, hai là sau giờ ăn; một là ban ngày, hai là ban đêm. Dù ở A-lan-nhã hay ở bên tụ lạc, từ nay ta cho mỗi lần bố tát cùng ở chung kết giới. Nên làm yết ma như sau: Tùy có bao nhiêu Tăng hòa hợp mỗi lần bố tát cùng ở chung kết giới, hoặc một Câu-lô-xá hoặc hai Câu-lô-xá cho đến mười Câu-lô-xá. một Tỳ-kheo trong đây xướng tướng mười phương của đại giới hoặc là tường vách, hoặc

là rừng cây, núi đá, đường sá, sông ao, nên xướng như sau:

Đại-đức Tăng lắng nghe, Tỳ-kheo ..... xướng tướng mười phương của đại giới, bên trong các tướng này là nội giới. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay ở trong đại giới này mỗi lần bố tát cùng ở chung kết giới. Bạch như vậy.

Đại-đức Tăng lắng nghe, Tỳ-kheo ..... xướng tướng mười phương của đại giới… giống như trên cho đến câu ở chung kết giới. Các Trưởng lão nào chấp thuận thì yên lặng, ai không chấp thuận thì nói. Tăng ở trong đại giới này mỗi lần bố tát cùng ở chung kết giới đã xong. Tăng chấp thuận vì im lặng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

Phật tại thành Vương xá, lúc đó Trưởng lão Đại Ca diếp để lại Tăng-già-lê trong hang núi Kỳ-xà-quật, vì chút nhân duyên đắp hai y thượng hạ đến trong Trúc lâm, bỗng gặp trời mưa to nên không thể trở về trong hang núi được, phải lìa y Tăng-già-lê mà ngủ lại đêm. Đại Ca diếp nói với các Tỳ-kheo: "Tôi để lại y Tăng-già-lê trong hang núi… giống như đoạn văn trên cho đến câu ngủ lại đêm. Tôi phải làm sao đây", các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng rồi hỏi Đại Ca diếp: "Thầy thật như thế phải không?", đáp: "Thật như thế thưa Thế tôn", Phật đủ lời khen ngợi giới và người trì giới rồi bảo

các Tỳ-kheo: "Từ nay cho trong đại giới này mỗi lần bố tát cùng ở chung kết giới, bên trong đại giới cho làm yết ma không lìa y ngủ đêm. Nên làm như sau: Nhất tâm nhóm Tăng, Tăng nhóm rồi, một Tỳ-kheo trong Tăng nên xướng:

Đại-đức Tăng lắng nghe, tùy có bao nhiêu Tăng trong đại giới này mỗi lần bố tát cùng ở chung kết giới, trừ tụ lạc và giới tụ lạc, chỉ lấy chỗ đất trống và trú xứ. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay ở trong đại giới này mỗi lần bố tát cùng ở chung kết giới, làm yết ma không lìa y ngủ đêm. Bạch như vậy.

Như thế Bạch-nhị-yết-ma cho đến câu Tăng nay ở trong đại giới này mỗi lần bố tát cùng ở chung kết giới, làm yết ma không lìa y ngủ đêm xong rồi. Tăng chấp thuận vì im lặng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó Trưởng lão Xá-lợi-phất bịnh, muốn du

hành trong một tháng nhưng y Tăng-già-lê quá nặng không thể mang theo được, bèn nói với các Tỳ-kheo: "Tôi bịnh, muốn du hành … không mang theo được, tôi phải làm sao đây". Các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng rồi hỏi Xá-lợi-phất: "Thầy thật như thế phải không?", đáp: "Thật như thế thưa Thế tôn", Phật đủ lời khen ngợi giới và người trì giới

rồi bảo các Tỳ-kheo: "Từ nay cho Tỳ-kheo già bịnh muốn du hành trong một tháng xin yết ma không lìa y Tăng-già-lê ngủ đêm. Yết ma nên làm như sau: Nhất tâm nhóm Tăng, Tỳ-kheo già bịnh này đứng dậy trích bày vai hữu quỳ gối chắp tay bạch Tăng:

Các Trưởng lão, tôi Tỳ-kheo ..... vì già bịnh, muốn du hành trong một tháng nhưng y Tăng-già-lê quá nặng không thể mang theo được. Tôi Tỳ-kheo ..... vì già bịnh, nay theo Tăng xin yết ma không lìa y Tăng-già-lê một tháng ngủ đêm. Tôi Tỳ-kheo ..... vì già bịnh, xin Tăng cho tôi yết ma không lìa y Tăng-già-lê một tháng ngủ đêm. Xin thương xót (3 lần). Lúc đó Tăng nên xem xét có nên cho hay không nên cho, nếu người này nói là già bịnh mà thật sự là không có già bịnh; hoặc nói y Tăng-già-lê quá nặng mà thật sự là không có quá nặng thì không nên cho. Ngược lại nếu thật sự là già bịnh và y Tăng-già-lê là quá nặng thì nên cho. một Tỳ-kheo trong Tăng xướng rằng:

Đại-đức Tăng lắng nghe, Tỳ-kheo này tên ..... vì già bịnh, muốn du hành trong một tháng, nay theo Tăng xin yết ma không lìa y Tăng-già-lê một tháng ngủ đêm. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay cho Tỳ-kheo ..... này vì già bịnh, yết ma không lìa y Tăng-già-lê một tháng ngủ đêm. Bạch như vậy.

Như thế Bạch-nhị-yết-ma cho đến câu Tăng đã

cho Tỳ-kheo..... vì già bịnh, yết ma không lìa y Tăng-già-lê một tháng ngủ đêm xong rồi. Tăng chấp thuận vì im lặng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

Xin lìa y Uất-đa-la-tăng, y An-đà-hội cũng giống như vậy; xin một tháng cho đến chín tháng cũng giống như vậy".

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó Phật bảo các Tỳ-kheo: "Nếu Tăng muốn thu hẹp hay mở rộng đại giới thì trước phải xả giới cũ rồi mới kết lại đại giới tùy lớn hay nhỏ. Trước nên xả đại giới cũ như sau: Nhất tâm nhóm Tăng, một Tỳ-kheo trong Tăng xướng:

Đại-đức Tăng lắng nghe, trong đại giới này mỗi lần bố tát cùng ở chung hòa hợp kết giới. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay giải đại giới, xả giới cũ mỗi lần bố tát cùng ở chung. Bạch như vậy.

Như thế Bạch-nhị-yết-ma cho đến câu Tăng đã giải đại giới, xả giới cũ mỗi lần bố tát cùng ở chung xong rồi. Tăng chấp thuận vì im lặng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

Các Tỳ-kheo ở trong tụ lạc không có Tăng phường, lúc mới làm Tăng phường chưa có kết giới, không biết giới nên rộng bao nhiêu là được kết, Phật nói: "giới của Tăng phường tùy theo giới của tụ lạc". Các Tỳ-kheo ở chỗ đất trông không có

tụ lạc, lúc mới làm Tăng phường chưa có kết giới, không biết giới nên rộng bao nhiêu là được kết, Phật nói: "Trong phạm vi vuông vức một Câu-lô-xá, các Tỳ-kheo không nên riêng làm bố tát và Tăng yết ma. Nếu riêng làm bố tát và Tăng yết ma thì các Tỳ-kheo phạm tội".

Phật bảo các Tỳ-kheo: "Nói Ba-la-đề-mộc-xoa có bốn loại: Một là phi pháp biệt chúng nói Ba-la-đề-mộc-xoa thì không thành nói Ba-la-đề-mộc-xoa; hai là phi pháp hòa hợp nói Ba-la-đề-mộc-xoa cũng không thành nói Ba-la-đề-mộc-xoa; Ba là Pháp biệt chúng nói Ba-la-đề-mộc-xoa cũng không thành nói Ba-la-đề-mộc-xoa; bốn là Pháp hòa hợp nói Ba-la-đề-mộc-xoa mới thành nói Ba-la-đề-mộc-xoa.

Lại có năm loại nói Ba-la-đề-mộc-xoa:

1. Tăng nhất tâm bố tát nói Tựa của Ba-la-đề-mộc-xoa, những pháp còn lại như trước đây đã nghe, đã nói Ba-la-đề-mộc-xoa. Tăng hòa hợp bố tát xong.

2. Tăng nhất tâm bố tát nói Tựa và bốn pháp Ba-la-di, những pháp còn lại… cho đến câu Tăng hòa hợp bố tát xong.

3. Tăng nhất tâm bố tát nói Tựa, bốn pháp Ba-la-di và mười ba pháp Tăng tàn; những pháp còn lại… cho đến câu Tăng hòa hợp bố tát xong.

4. Tăng nhất tâm bố tát nói Tựa… cho đến ba

mươi pháp Xả đọa, những pháp còn lại… cho đến câu Tăng hòa hợp bố tát xong.

5. Là nói đầy đủ từ đầu đến cuối".

Có một trụ xứ khi bố tát, các Tỳ-kheo không hiểu biết chút gì, ngu si như dê núi, vì các Tỳ-kheo không biết bố tát, không biết yết ma bố tát, không biết nói Ba-la-đề-mộc-xoa, không biết nhóm họp. Trong trú xứ như thế khi bố tát các Tỳ-kheo không nên ở, nếu ở thì tất cả Tỳ-kheo không được bố tát mắc tội. Có các Tỳ-kheo trẻ tuổi đến từ giả Hòa thượng, A-xà-lê muốn du hành; Hòa thượng, A-xà-lê nên hỏi: "Con du hành cùng Tỳ-kheo làm bạn?", đáp là cùng với các Tỳ-kheo ..... làm bạn. Nếu các Tỳ-kheo này không biết bố tát… không biết nhóm họp thì Hòa thượng, A-xà-lê nên giữ lại không cho đi; nếu Hòa thượng, A-xà-lê không giữ lại thì phạm Đột-kiết-la; nếu đã giữ lại mà các Tỳ-kheo trẻ tuổi này vẫn cố ý đi thì khi nào mắc tội, Phật nói: "ra ngoài giới khi trời vừa sáng liền phạm Đột-kiết-la".

Có các Tỳ-kheo ở một trụ xứ an cư nghĩ là khi bố tát các Tỳ-kheo sẽ tụng Ba-la-đề-mộc-xoa, không ngờ khi bố tát không có một Tỳ-kheo nào biết tụng Ba-la-đề-mộc-xoa. Các Tỳ-kheo nên mời vị cựu Tỳ-kheo ở gần trú xứ nhận lời đến nói Ba-la-đề-mộc-xoa hoặc nói lược hoặc nói đầy đủ. Nếu vị này nhận lời thì tốt, nếu không nhận lời thì các Tỳ-kheo này không nên ở trong đây hạ an cư; nếu

ở trong đây an cư thì tất cả Tăng cứ mỗi lần bố tát mà không được bố tát đều mắc tội. Các Tỳ-kheo này nếu nghe có khách Tỳ-kheo đến thanh tịnh cùng ở, nhận thấy các Tỳ-kheo khách này biết bố tát… nhóm họp thì cựu Tỳ-kheo nên nghinh đón rồi dịu dàng thăm hỏi, chỉ phòng xá ngọa cụ cho các vị ấy theo thứ lớp thượng Hạ tòa mà an trụ… như thế như pháp cung cấp đầy đủ những vật cần dùng; nên cúng dường bữa ăn sáng và bữa ăn trưa, nếu cựu Tỳ-kheo không cung cấp cúng dường thì tất cả Tỳ-kheo trong trú xứ đều mắc tội, vì sao, vì vào thời không có Phật thì người này được bổ vào chỗ Phật, nếu khách Tỳ-kheo có thể rộng phân biệt hai bộ Ba-la-đề-mộc-xoa thì các Tỳ-kheo cựu trụ nên cung cấp cúng dường.

Có một trụ xứ bốn Tỳ-kheo thì khi bố tát, các Tỳ-kheo này nên nhóm lại một chỗ hòa hợp làm bố tát, nói Ba-la-đề-mộc-xoa.

Có một trụ xứ ba-Tỳ-kheo thì khi bố tát không nên nói Ba-la-đề-mộc-xoa, chỉ nên nhóm lại một chỗ nói Ba-lần bố tát. Nếu là bậc Thượng tòa muốn làm bố tát nên đứng dậy trịch bày vai hữu, quỳ gối chắp tay nói như sau:

Trưởng lão nhớ nghĩ, hôm nay là ngày thứ mười bốn hoặc thứ mười lăm Tăng bố tát. Trưởng lão biết tôi thanh tịnh, nhớ giữ thanh tịnh không có pháp chướng đạo, làm bố tát thuyết giới, chúng đầy đủ. (3 lần)

Nếu là Hạ tòa muốn làm bố tát nên đứng dậy trịch bày vai hữu, quỳ gối làm lễ vị Thượng tòa bạch rằng:

Trưởng lão nhớ nghĩ, hôm nay là ngày thứ mười bốn hoặc ngày thứ mười lăm Tăng bố tát. Trưởng lão biết con thanh tịnh, nhớ giữ thanh tịnh, không có pháp chướng đạo, làm bố tát thuyết giới, chúng đầy đủ. (3 lần)

Có một trụ xứ hai Tỳ-kheo thì khi bố tát không nên nói Ba-la-đề-mộc-xoa, chỉ nên nhóm lại một chỗ nói Ba-lần bố tát giống như trường hợp trú xứ có ba-Tỳ-kheo.

Có một trụ xứ một Tỳ-kheo, khi bố tát, Tỳ-kheo này nên quét dọn chỗ bố tát, trải tòa ngồi… đầy đủ mọi thứ, nghĩ rằng: "Nếu có các Tỳ-kheo đến mà chưa làm bố tát thì sẽ cùng làm bố tát thuyết Ba-la-đề-mộc-xoa". Nếu không có ai đến thì nên lên trên tòa cao ngóng trông, khi thấy có Tỳ-kheo nào đến thì nên kêu đến để cùng làm bố tát; nếu đợi mãi không có ai đến thì nên trở về chỗ của mình, tâm niệm nghĩ rằng: "Hôm nay là ngày thứ mười bốn hoặc thứ mười lăm Tăng bố tát, con cũng ngày nay bố tát". Như thế là một Tỳ-kheo đã làm bố tát xong.

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó Phật bảo các Tỳ-kheo: "qua đêm nay nên nói Ba-la-đề-mộc-xoa", một Tỳ-kheo liền từ tòa đứng dậy trịch bày vai hữu

chắp tay bạch Phật: "Thế tôn, có các Tỳ-kheo bịnh không đến", Phật bảo nên lấy dục thanh tịnh đến. Pháp lấy dục như sau: Nên bảo Tỳ-kheo bịnh gởi dục thanh tịnh đến, Tỳ-kheo bịnh nói là gởi dục thì gọi là được thanh tịnh; hoặc nói: "Hãy ở trong Tăng nói thanh tịnh giùm tôi", cũng gọi là được thanh tịnh; hoặc thân động gởi dục cũng gọi là được thanh tịnh; hoặc miệng nói gởi dục cũng gọi là được thanh tịnh; nếu thân và miệng không nói gởi dục thì không gọi là được thanh tịnh. Lúc đó tất cả Tỳ-kheo nên đến chỗ người bịnh hoặc đưa người bịnh đến, nếu không kể đến Tỳ-kheo bịnh kia mà riêng làm bố tát thì tất cả Tỳ-kheo mắc tội. Lại có một trụ xứ hai Tỳ-kheo thì khi bố tát không nên lấy dục thanh tịnh, không nên gởi dục thanh tịnh mà hai Tỳ-kheo này nên nhóm lại một chỗ nói Ba-lần bố tát giống như trường hợp ba-Tỳ-kheo kể trên. Lại có một trụ xứ ba-Tỳ-kheo thì khi bố tát không nên lấy dục thanh tịnh, không nên gởi dục thanh tịnh mà ba-Tỳ-kheo này nên nhóm lại một chỗ nói Ba-lần bố tát giống như trường hợp ba-Tỳ-kheo kể trên.

Lại có trú xứ bốn Tỳ-kheo thì khi bố tát không nên lấy dục thanh tịnh, không nên gởi dục thanh tịnh mà các Tỳ-kheo này nên nhóm lại một chỗ rộng làm bố tát, nói Ba-la-đề-mộc-xoa. Nếu bốn Tỳ-kheo trở lên thì khi bố tát nên hòa hợp nhóm, có Tỳ-kheo bịnh được tùy ý lấy dục thanh tịnh đến,

nên lấy dục như sau: Một người có thể lấy dục của một hoặc hai, ba cho đến nhiều người, tùy bao nhiêu người chỉ cần nhớ tên đều gọi là lấy dục thanh tịnh. Nếu người lấy dục thanh tịnh rồi, không thể đến trong Tăng được thì nên gởi dục thanh tịnh này lại cho người khác. Nếu người lấy dục thanh tịnh tự nói tôi là bạch y, tôi là Sa di, tôi không phải Tỳ-kheo, tôi là ngoại đạo; hoặc bị tẫn về không thấy tội, không sám tội hay ác tà kiến không bỏ, hoặc phạm tội Bất cọng trụ, hoặc phạm trọng tội, hoặc vốn là bạch y, hoặc là bất năng nam, hoặc làm ô nhục Tỳ-kheo-ni… thì nên gởi dục thanh tịnh này lại cho người khác. Nếu lấy dục thanh tịnh rồi mà không mang đến trong Tăng thì gọi là thanh tịnh không đến; hoặc người lấy dục tự nói tôi là bạch y… cũng đều gọi là thanh tịnh không đến. Nếu lấy dục thanh tịnh rồi, trong tám nạn nếu có một nạn nào khởi lên khiến không mang đến trong Tăng được thì gọi là thanh tịnh không đến. Nếu lấy dục thanh tịnh rồi mà cố ý không mang đến trong Tăng, hoặc do phóng dật, hoặc do biếng nhác, ngủ quên hay nhập định đều gọi là thanh tịnh không đến. Người lấy dục thanh tịnh này có ba nhân duyên mắc tội là cố ý không mang đến, phóng dật và biếng nhác; hai nhân duyên không mắc tội là ngủ quên và nhập định. Nếu người lấy dục thanh tịnh rồi khi mang đến trong tăng lại nói tôi là bạch y… thì gọi là thanh tịnh đến; hoặc khi mang đến trong

Tăng gặp nạn nào trong tám nạn khởi lên, không nói kịp thì gọi là thanh tịnh đến; hoặc khi mang đến trong Tăng lại cố ý không nói hoặc do phóng dật… nhập định thì vẫn gọi là thanh tịnh đến. Người mang dục thanh tịnh đến này có ba nhân duyên mắc tội là cố ý không nói, phóng dật và biếng nhác; hai nhân duyên không mắc tội là ngủ quên và nhập định.

Có một trụ xứ, Tỳ-kheo khi bố tát bỗng bị vua bắt hoặc oán giặc hoặc oán đảng bắt, Tăng nên sai sứ đến chỗ Tỳ-kheo đó bị bắt nói: "Ngày nay Tăng bố tát, ông nên đưa-Tỳ-kheo đến hoặc cho gởi dục thanh tịnh đến hoặc xuất giới, vì chúng tôi không được biệt chúng bố tát". Nếu Tỳ-kheo được đưa đến… hoặc xuất giới thì tốt; nếu không được thì các Tỳ-kheo không nên biệt chúng bố tát, nếu biệt chúng bố tát thì tất cả Tỳ-kheo đều mắc tội.

Lúc đó Phật bảo các Tỳ-kheo chớ đứng dậy vì có tăng sự, vì lúc đó nên cho Trưởng lão Thi-việt hành Ba-lợi-bà-sa. một Tỳ-kheo đứng dậy chắp tay bạch Phật: "Thế tôn, các Tỳ-kheo bịnh không đến đã gởi dục thanh tịnh xong", Phật nói: "Các Tỳ-kheo này tự thân thanh tịnh nên gởi dục thanh tịnh, Tỳ-kheo nên lấy dục đến". Pháp lấy dục như sau: Nên bảo các Tỳ-kheo này gởi dục đến, các Tỳ-kheo này miệng nên nói gởi dục thì gọi là được dục; nếu tự thân không gởi dục và miệng không nói gởi dục thì gọi là không được dục. Lúc đó tất cả Tỳ-kheo

nên đến chỗ Tỳ-kheo bịnh hoặc đưa người bịnh đến để cùng làm yết ma, các Tỳ-kheo không nên biệt chúng bố tát yết ma, nếu biệt chúng làm thì các Tỳ-kheo đều mắc tội. một người có thể lấy dục của một hoặc hai, ba cho đến nhiều người, tùy bao nhiêu người chỉ cần nhớ tên thì đều gọi là được dục. Nếu người lấy dục rồi không thể đến trong Tăng thì nên gởi lại cho người khác; nếu người lấy dục tự nói tôi là bạch y… giống như đoạn văn trên thì nên gởi dục lại cho người khác; nếu lấy dục rồi mà không mang đến trong Tăng thì gọi là dục không đến; nếu lấy dục rồi mà gặp một nạn nào trong tám nạn khởi lên không mang đến trong Tăng thì gọi là dục không đến; hoặc người lấy dục rồi cố ý không mang đến trong Tăng hoặc do phóng dật… nhập định thì đều gọi là dục không đến. Người lấy dục này có ba nhân duyên mắc tội và hai nhân duyên không mắc tội giống như trên. Nếu người lấy dục rồi khi mang đến trong Tăng tự nói tôi là bạch y… thì đều gọi là dục đến; hoặc khi mang đến trong Tăng gặp một nạn nào trong tám nạn khởi lên không nói kịp thì vẫn gọi là dục đến; hoặc khi mang đến trong Tăng cố ý không nói hoặc do phóng dật… thì vẫn gọi là dục đến. Người lấy dục mang đến trong Tăng này có ba nhân duyên mắc tội và hai nhân duyên không mắc tội giống như trên.

Có một trụ xứ khi Tăng bố tát, Tỳ-kheo bỗng

bị vua bắt hoặc oán giặc, oán đảng bắt… giống như trên cho đến câu nếu biệt chúng làm yết ma thì tất cả Tỳ-kheo đều mắc tội.

Phật tại thành Vương xá, lúc đó Trưởng lão Thi-việt do tâm điên cuồng nên có lúc đến bố tát, có lúc không đến; Tăng yết ma có lúc đến, có lúc không đến khiến các Tỳ-kheo sanh nghi hối nên đem việc này bạch Phật. Phật do nhân duyên này nhóm Tỳ-kheo tăng rồi hỏi Thi-việt: "Thầy thật như thế phải không?", đáp: "Thật như thế thưa Thế tôn", Phật bảo các Tỳ-kheo: "Các thầy nên cho Trưởng lão Thi-việt yết ma cuồng si, nếu có Tỳ-kheo nào giống như Thi-việt, Tăng cũng nên cho yết ma cuồng si". Pháp yết ma cho cuồng si như sau: Nhất tâm nhóm tăng, một Tỳ-kheo trong Tăng xướng:

Đại-đức Tăng lắng nghe, Tỳ-kheo Thi-việt này cuồng si điên đảo, có lúc đến bố tát, có lúc không đến; Tăng yết ma có lúc đến, có lúc không đến khiến các Tỳ-kheo sanh nghi hối. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay cho Tỳ-kheo Thi-việt yết ma Cuồng si, dù Thi-việt có đến hay không đến, Tăng vẫn tùy ý làm bố tát và các yết ma. Bạch như vậy.

Như thế Bạch-nhị-yết-ma cho đến câu Tăng làm yết ma cuồng si cho Tỳ-kheo Thi-việt xong rồi. Tăng chấp thuận vì im lặng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

Nếu Tăng chưa làm yết ma cuồng si thì không nên biệt chúng bố tát và Tăng yết ma; nếu đã làm yết ma cuồng si rồi thì dù biệt hay chung, Tăng đều tùy ý làm bố tát và Tăng yết ma.

Có một trụ xứ khi bố tát, tất cả Tỳ-kheo đều có tội nhưng không biết trừ tội. Nếu có khách Tỳ-kheo thanh tịnh cùng ở đồng kiến thì khách Tỳ-kheo này nên hỏi người có đức tốt trong các cựu trụ Tỳ-kheo rằng: "Trưởng lão, nếu Tỳ-kheo làm việc như thế như thế thì sẽ mắc tội gì?", đáp là sẽ mắc tội như thế như thế, khách Tỳ-kheo lại hỏi: "Trưởng lão có tự nhớ đã làm tội như thế như thế không?", đáp: "Tự nhớ, nhưng không phải một mình tôi mà tất cả tăng cũng đều mắc tội này", khách Tỳ-kheo nói: "Trưởng lão nói tất cả tăng thì đối với Trưởng lão có ích gì, tại sao Trưởng lão không như pháp sám hối tội này". Nếu cựu Tỳ-kheo nghe lời khách Tỳ-kheo như pháp sám hối tội này và các Tỳ-kheo khác cũng như pháp sám hối tội này thì tốt; nếu không như thế, Tỳ-kheo khách biết có cử tội cũng vô ích thì đừng nên miễn cưỡng cử tội.

Có một trụ xứ khi bố tát, một Tỳ-kheo nhớ có tội thì nên đến chỗ một Tỳ-kheo khác như pháp sám hối tội này, sám hối rồi mới nên bố tát, nói Ba-la-đề-mộc-xoa, không nên phá bố tát. Lại có một trụ xứ khi bố tát, một Tỳ-kheo có tội nghi thì nên đến nói với Tỳ-kheo khác: "Trưởng lão, tôi có một

tội nghi, sau sẽ hỏi để quyết nghi", nói như thế rồi mới nên bố tát nói Ba-la-đề-mộc-xoa, không nên phá bố tát.

Lại có một trụ xứ khi bố tát đang nói Ba-la-đề-mộc-xoa, một Tỳ-kheo nhớ nghĩ có tội muốn nói ra thì nên tự nhất tâm niệm: "Ta sau bố tát sẽ như pháp sám hối tội này", nghĩ như thế rồi mới nên bố tát nói Ba-la-đề-mộc-xoa, không nên phá bố tát. Nếu khi đang nói Ba-la-đề-mộc-xoa, Tỳ-kheo có tội nghi cũng nên tự nhất tâm niệm: "Ta sau bố tát sẽ hỏi tội này để quyết nghi", nghĩ như thế rồi mới nên bố tát nói Ba-la-đề-mộc-xoa, không nên phá bố tát.

Có một trụ xứ, tất cả Tỳ-kheo tăng có tội, biết tội này nhưng không có được khách Tỳ-kheo thanh tịnh cùng ở đồng kiến để như pháp sám hối. Các Tỳ-kheo nên mời một Tỳ-kheo gần trú xứ đến trong đây để như pháp sám hối tội này rồi trở về: "Chúng tôi ở bên thầy như pháp sám hối tội này:, Tỳ-kheo kia nếu có thể dàn xếp được việc này thì tốt, nếu không dàn xếp được thì nên sai một Tỳ-kheo xướng rằng:

Đại-đức Tăng lắng nghe, chúng ta tất cả Tỳ-kheo tăng trong trú xứ này phạm tội biết tội này nhưng không có được Tỳ-kheo khách thanh tịnh cùng ở đồng kiến để như pháp sám hối tội này; cũng không mời được Tỳ-kheo ở gần trú xứ đến để ở bên Tỳ-kheo này như pháp sám hối tội này. Nếu

tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng sau sẽ như pháp sám hối tội này. Bạch như vậy.

Làm như thế xong mới nên bố tát nói Ba-la-đề-mộc-xoa, không nên phá bố tát.

Có một trụ xứ khi bố tát, tất cả Tỳ-kheo trong một việc có nghi, một Tỳ-kheo trong Tăng xướng:

Đại-đức Tăng lắng nghe, tất cả Tỳ-kheo trong trú xứ này nơi một việc có nghi. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng sau sẽ hỏi tội này để quyết nghi. Bạch như vậy.

Làm như thế xong mới nên bố tát nói Ba-la-đề-mộc-xoa, không nên phá bố tát.

Có một trụ xứ khi bố tát, cựu Tỳ-kheo bốn người trở lên nhóm lại một chỗ làm bố tát nói Ba-la-đề-mộc-xoa; nếu có số đông Tỳ-kheo ở trú xứ khác đến, thanh tịnh cùng ở đồng kiến, thì các cựu Tỳ-kheo này nên nói lại Ba-la-đề-mộc-xoa thì không tội. Nếu các Tỳ-kheo bố tát nói Ba-la-đề-mộc-xoa xong, nhưng tất cả chưa đứng dậy, chưa đi mà có số đông Tỳ-kheo ở trú xứ khác đến, thanh tịnh cùng ở đồng kiến, thì các Tỳ-kheo này nên nói lại Ba-la-đề-mộc-xoa thì không tội. Nếu các Tỳ-kheo nói Ba-la-đề-mộc-xoa xong, có người đứng dậy đi, có người chưa đứng dậy đi mà có số đông Tỳ-kheo ở trú xứ khác đến, thanh tịnh cùng ở đồng kiến, thì các Tỳ-kheo này nên nói lại Ba-la-đề-

mộc-xoa thì không tội. Nếu các Tỳ-kheo nói Ba-la-đề-mộc-xoa xong, tất cả đều đứng dậy nhưng chưa đi mà có số đông Tỳ-kheo ở trú xứ khác đến, thanh tịnh cùng ở đồng kiến, thì các Tỳ-kheo nên nói lại Ba-la-đề-mộc-xoa thì không tội.

Có một trụ xứ khi bố tát, cựu Tỳ-kheo bốn người trở lên nhóm lại một chỗ muốn bố tát nói Ba-la-đề-mộc-xoa thì có số ít Tỳ-kheo ở trú xứ khác đến, thanh tịnh cùng ở đồng kiến, thì các Tỳ-kheo khách này nên nghe theo thứ lớp. Nếu các cựu Tỳ-kheo đã nói Ba-la-đề-mộc-xoa xong, tất cả đều đứng dậy chưa đi mà có số ít Tỳ-kheo ở trú xứ khác đến, thanh tịnh cùng ở đồng kiến, thì các khách Tỳ-kheo nên đến bên cựu Tỳ-kheo nói Ba-lần làm bố tát. Nếu cựu Tỳ-kheo nói Ba-la-đề-mộc-xoa xong, có người đứng dậy đi, có người chưa đứng dậy đi mà có số ít Tỳ-kheo ở trú xứ khác đến, thanh tịnh cùng ở đồng kiến, thì các khách Tỳ-kheo này nên đến bên cựu Tỳ-kheo chưa đứng dậy đi để nói Ba-lần làm bố tát. Nếu các cựu Tỳ-kheo đã nói xong Ba-la-đề-mộc-xoa, tất cả đều đứng dậy nhưng chưa đi mà có số ít Tỳ-kheo ở trú xứ khác đến, thanh tịnh cùng ở đồng kiến, nếu cựu Tỳ-kheo đồng tâm thì nên nói lại Ba-la-đề-mộc-xoa, được vậy thì tốt; nếu không được đồng tâm thì khách Tỳ-kheo nên ra ngoài giới nói Ba-lần làm bố tát.

Nếu cựu Tỳ-kheo khi bố tát nói Ba-la-đề-mộc-xoa thì có cựu Tỳ-kheo đến, đông hơn hoặc ít hơn

hay bằng; nếu nhiều hơn hay bằng thì cựu Tỳ-kheo trước nên nói lại, nếu ít hơn thì cựu Tỳ-kheo sau nên nghe theo thứ lớp.

Nếu cựu Tỳ-kheo khi bố tát nói Ba-la-đề-mộc-xoa thì có khách Tỳ-kheo đến, đông hơn hoặc ít hơn hay bằng; nếu nhiều hơn thì cựu Tỳ-kheo nên nói lại, nếu bằng hoặc ít hơn thì khách Tỳ-kheo nên nghe theo thứ lớp.

Nếu cựu Tỳ-kheo khi bố tát nói Ba-la-đề-mộc-xoa thì có cựu Tỳ-kheo và khách Tỳ-kheo cùng đến, đông hơn hoặc bằng hoặc ít hơn; nếu nhiều hơn hay bằng thì cựu Tỳ-kheo trước nên nói lại, nếu ít hơn thì khách và cựu Tỳ-kheo sau nên nghe theo thứ lớp.

Nếu khách Tỳ-kheo khi bố tát nói Ba-la-đề-mộc-xoa thì có khách Tỳ-kheo đến, nhiều hơn hoặc bằng hay ít hơn; nếu nhiều hơn thì khách Tỳ-kheo trước nên nói lại, nếu bằng hay ít hơn thì khách Tỳ-kheo sau nên nghe theo thứ lớp.

Nếu khách Tỳ-kheo khi bố tát nói Ba-la-đề-mộc-xoa thì cựu Tỳ-kheo đến, nhiều hơn hoặc bằng hay ít hơn; nếu nhiều hơn hay bằng thì khách Tỳ-kheo nên nói lại, nếu ít hơn thì cựu Tỳ-kheo nên nghe theo thứ lớp.

Nếu khách Tỳ-kheo khi bố tát nói Ba-la-đề-mộc-xoa thì có cựu Tỳ-kheo và khách Tỳ-kheo cùng đến, nhiều hơn hoặc bằng hay ít hơn; nếu

nhiều hơn hay bằng thì khách Tỳ-kheo nên nói lại, nếu ít hơn thì cựu và khách Tỳ-kheo nên nghe theo thứ lớp.

Nếu cựu Tỳ-kheo và khách Tỳ-kheo khi bố tát nói Ba-la-đề-mộc-xoa thì có cựu Tỳ-kheo và khách Tỳ-kheo cùng đến, nhiều hơn hoặc bằng hay ít hơn; nếu nhiều hơn hay bằng thì các Tỳ-kheo trước nên nói lại, nếu ít hơn thì các Tỳ-kheo sau nên nghe theo thứ lớp.

Nếu cựu Tỳ-kheo và khách Tỳ-kheo khi bố tát nói Ba-la-đề-mộc-xoa thì có cựu Tỳ-kheo đến, nhiều hơn hoặc bằng hay ít hơn; nếu nhiều hơn hoặc bằng thì các Tỳ-kheo trước nên nói lại, nếu ít hơn thì cựu Tỳ-kheo sau nên nghe theo thứ lớp. Nếu cựu Tỳ-kheo và khách Tỳ-kheo khi bố tát nói Ba-la-đề-mộc-xoa thì có khách Tỳ-kheo đến, nhiều hơn hoặc bằng hay ít hơn; nếu nhiều hơn thì các Tỳ-kheo trước nên nói lại, nếu bằng hay ít hơn thì khách Tỳ-kheo sau nên nghe theo thứ lớp.

Có một trụ xứ khi bố tát, cựu Tỳ-kheo bốn người trở lên nhóm lại một chỗ muốn bố tát nói Ba-la-đề-mộc-xoa thì có số đông Tỳ-kheo ở trú xứ khác đến, thanh tịnh cùng ở đồng kiến, các vị này suy nghĩ: "Cựu Tỳ-kheo trong đây có bốn người trở lên làm bố tát nói Ba-la-đề-mộc-xoa, chúng ta cũng nên làm bố tát nói Ba-la-đề-mộc-xoa", liền khởi tưởng tịnh, tưởng Tỳ-ni, tưởng biệt đồng biệt để làm bố tát nói Ba-la-đề-mộc-xoa. Lại có số đông

Tỳ-kheo ở trú xứ khác đến, thanh tịnh cùng ở đồng kiến, các Tỳ-kheo kia nên nói lại, các Tỳ-kheo trước mắc tội. Các Tỳ-kheo kia khởi tưởng tịnh, tưởng Tỳ-ni, tưởng biệt đồng biệt để làm bố tát nói Ba-la-đề-mộc-xoa xong; nếu tất cả chưa đứng dậy chưa đi, hoặc có người đứng dậy đi có người chưa đứng dậy đi, hoặc tất cả đều đứng dậy nhưng chưa đi mà có số đông Tỳ-kheo ở trú xứ khác đến, thanh tịnh cùng ở đồng kiến, thì các Tỳ-kheo kia nên nói lại, các Tỳ-kheo trước mắc tội.

Có một trụ xứ khi bố tát, cựu Tỳ-kheo bốn người trở lên nhóm lại một chỗ muốn bố tát nói Ba-la-đề-mộc-xoa thì có số đông Tỳ-kheo ở trú xứ khác đến, thanh tịnh cùng ở đồng kiến, các vị này suy nghĩ: "Chúng ta nên hay không nên ở trong đây bố tát nói Ba-la-đề-mộc-xoa", nghi là tịnh hay bất tịnh, khởi tưởng biệt đồng biệt để làm bố tát nói Ba-la-đề-mộc-xoa. Lại có số đông Tỳ-kheo ở trú xứ khác đến, thanh tịnh cùng ở đồng kiến, thì các Tỳ-kheo kia nên nói lại, các Tỳ-kheo trước mắc tội. Các Tỳ-kheo kia nghi là tịnh hay bất tịnh, khởi tưởng biệt đồng biệt để làm bố tát nói Ba-la-đề-mộc-xoa xong; nếu tất cả chưa đứng dậy, chưa đi hoặc có người đứng dậy đi, có người chưa đứng dậy đi hoặc tất cả đều đứng dậy nhưng chưa đi, mà có số đông Tỳ-kheo ở trú xứ khác đến, thanh tịnh cùng ở đồng kiến, thì các Tỳ-kheo kia nên nói lại, các Tỳ-kheo trước mắc tội.

Có trú xứ khi bố tát, cựu Tỳ-kheo bốn người trở lên nhóm lại một chỗ muốn bố tát nói Ba-la-đề-mộc-xoa thì có số đông Tỳ-kheo ở trú xứ khác đến, thanh tịnh cùng ở đồng kiến, các cựu Tỳ-kheo suy nghĩ: "Số đông Tỳ-kheo ở trú xứ khác đến, thanh tịnh cùng ở đồng kiến, là diệt hoại trừ xả; chúng ta không cần các Tỳ-kheo này vì họ ưa thích phá tăng", liền khởi tưởng biệt đồng biệt để làm bố tát nói Ba-la-đề-mộc-xoa. Lại có số đông Tỳ-kheo ở trú xứ khác đến, thanh tịnh cùng ở đồng kiến, các cựu Tỳ-kheo nên nói lại, các Tỳ-kheo trước mắc tội Thâu-lan-giá vì gần phá tăng, vì các Tỳ-kheo này ưa thích phá tăng. Nếu khởi tưởng biệt đồng biệt để làm bố tát, nói Ba-la-đề-mộc-xoa xong, tất cả Tỳ-kheo chưa đứng dậy chưa đi mà có số đông Tỳ-kheo ở trú xứ khác đến, thanh tịnh cùng ở đồng kiến, các cựu Tỳ-kheo nên nói lại, các Tỳ-kheo trước mắc tội Thâu-lan-giá vì gần phá tăng.

Nếu cựu Tỳ-kheo khi nói Ba-la-đề-mộc-xoa, cựu Tỳ-kheo đến đông hơn hoặc bằng hay ít hơn, nếu đông hơn hay bằng thì nên nói lại. Nếu cựu Tỳ-kheo khi nói Ba-la-đề-mộc-xoa, khách Tỳ-kheo đến đông hơn hoặc bằng hay ít hơn, nếu nhiều hơn hay bằng thì nên nói lại. Nếu cựu Tỳ-kheo khi nói Ba-la-đề-mộc-xoa, cựu Tỳ-kheo và khách Tỳ-kheo đến nhiều hơn hoặc bằng hay ít hơn, nếu nhiều hơn hay bằng thì nên nói lại. Nếu khách Tỳ-kheo khi nói Ba-la-đề-mộc-xoa, khách Tỳ-kheo

đến nhiều hơn hoặc bằng hay ít hơn, nếu nhiều hơn hoặc bằng thì nên nói lại. Nếu khách Tỳ-kheo khi nói Ba-la-đề-mộc-xoa, cựu Tỳ-kheo đến nhiều hơn hoặc bằng hay ít hơn, nếu nhiều hơn hay bằng thì nên nói lại. Nếu khách Tỳ-kheo khi nói Ba-la-đề-mộc-xoa, cựu Tỳ-kheo và khách Tỳ-kheo đến nhiều hơn hoặc bằng hay ít hơn, nếu nhiều hơn hay bằng thì nên nói lại. Nếu cựu Tỳ-kheo và khách Tỳ-kheo cùng nói Ba-la-đề-mộc-xoa, cựu Tỳ-kheo và khách Tỳ-kheo cùng đến nhiều hơn hoặc bằng hay ít hơn, nếu nhiều hơn hay bằng thì nên nói lại. Nếu cựu Tỳ-kheo và khách Tỳ-kheo cùng nói Ba-la-đề-mộc-xoa, cựu Tỳ-kheo đến nhiều hơn hoặc bằng hay ít hơn, nếu nhiều hơn hay bằng thì nên nói lại. Nếu cựu Tỳ-kheo và khách Tỳ-kheo cùng nói Ba-la-đề-mộc-xoa, khách Tỳ-kheo đến nhiều hơn hoặc bằng hay ít hơn, nếu nhiều hơn hay bằng thì nên nói lại.

Cựu Tỳ-kheo ngày thứ mười bốn bố tát đông, khách Tỳ-kheo ngày thứ mười lăm bố tát ít hơn thì khách Tỳ-kheo nên thuận theo cựu Tỳ-kheo bố tát vào ngày thứ mười bốn. Nếu cựu Tỳ-kheo bố tát vào ngày thứ mười bốn ít, khách Tỳ-kheo bố tát vào ngày thứ mười lăm đông hơn thì cựu Tỳ-kheo nên thuận theo khách Tỳ-kheo, không nên bố tát vào ngày thứ mười bốn. Cựu Tỳ-kheo bố tát vào ngày thứ mười lăm đông, khách Tỳ-kheo bố tát vào ngày thứ mười bốn ít hơn thì khách Tỳ-kheo nên

thuận theo cựu Tỳ-kheo đổi lại ngày bố tát. Cựu Tỳ-kheo bố tát vào ngày thứ mười lăm ít, khách Tỳ-kheo bố tát vào ngày thứ mười lăm đông hơn thì cựu Tỳ-kheo nên thuận theo khách Tỳ-kheo ra ngoài giới làm bố tát.

Khách Tỳ-kheo bố tát vào ngày thứ mười bốn đông, cựu Tỳ-kheo bố tát vào ngày thứ mười lăm ít hơn thì cựu Tỳ-kheo nên thuận theo khách Tỳ-kheo bố tát vào ngày ấy. Khách Tỳ-kheo bố tát vào ngày thứ mười bốn ít, cựu Tỳ-kheo bố tát vào ngày thứ mười lăm đông hơn thì khách Tỳ-kheo nên thuận theo cựu Tỳ-kheo, không nên bố tát vào ngày ấy. Khách Tỳ-kheo bố tát vào ngày thứ mười lăm đông, cựu Tỳ-kheo bố tát vào ngày thứ mười bốn ít hơn thì cựu Tỳ-kheo nên thuận theo khách Tỳ-kheo đổi lại ngày bố tát. Khách Tỳ-kheo bố tát vào ngày thứ mười lăm ít, cựu Tỳ-kheo bố tát vào ngày thứ mười bốn đông hơn thì khách Tỳ-kheo nên thuận theo cựu Tỳ-kheo ra ngoài giới làm bố tát.

Có một trụ xứ khi bố tát, cựu Tỳ-kheo nghe tướng của khách Tỳ-kheo, nhân duyên của khách Tỳ-kheo hoặc tiếng chân, tiếng giày dép… mà không đi tìm, liền bố tát nói Ba-la-đề-mộc-xoa thì cựu Tỳ-kheo phạm tội. Nếu đi tìm thấy được mà không kêu, liền bố tát nói Ba-la-đề-mộc-xoa thì cựu Tỳ-kheo mắc tội. Nếu đi tìm không thấy, có nghi mà liền bố tát nói Ba-la-đề-mộc-xoa thì cựu Tỳ-kheo mắc tội. Nếu tìm không thấy, không có

nghi gì mới bố tát nói Ba-la-đề-mộc-xoa thì cựu Tỳ-kheo không phạm. Nếu tìm được khách Tỳ-kheo nhất tâm hoan hỉ cùng bố tát nói Ba-la-đề-mộc-xoa thì cựu Tỳ-kheo không tội.

Có một trụ xứ khi bố tát, khách Tỳ-kheo nghe tướng của cựu Tỳ-kheo, nhân duyên của cựu Tỳ-kheo như tiếng khóa cửa, tiếng tụng kinh… mà không tìm kiếm, liền bố tát nói Ba-la-đề-mộc-xoa thì khách Tỳ-kheo mắc tội. Nếu tìm thấy được mà không kêu, liền bố tát nói Ba-la-đề-mộc-xoa thì khách Tỳ-kheo mắc tội. Nếu tìm không thấy, có nghi mà liền bố tát nói Ba-la-đề-mộc-xoa thì khách Tỳ-kheo mắc tội. Nếu tìm không thấy, không có nghi gì mới bố tát nói Ba-la-đề-mộc-xoa thì khách Tỳ-kheo không tội. Nếu tìm được cựu Tỳ-kheo nhất tâm hoan hỉ cùng bố tát nói Ba-la-đề-mộc-xoa thì khách Tỳ-kheo không tội.

Có một trụ xứ khi bố tát, cựu Tỳ-kheo thấy tướng của khách Tỳ-kheo, nhân duyên của khách Tỳ-kheo như y bát, tích trượng, túi da đựng dầu… mà không đi tìm, liền bố tát nói Ba-la-đề-mộc-xoa thì cựu Tỳ-kheo mắc tội. Nếu tìm thấy được mà không kêu, liền bố tát nói Ba-la-đề-mộc-xoa thì cựu Tỳ-kheo mắc tội. Nếu tìm không thấy, có nghi mà liền bố tát nói Ba-la-đề-mộc-xoa thì cựu Tỳ-kheo mắc tội. Nếu tìm không thấy, không có nghi gì mới bố tát nói Ba-la-đề-mộc-xoa thì cựu Tỳ-kheo không tội. Nếu tìm được khách Tỳ-kheo nhất

tâm hoan hỉ cùng bố tát nói Ba-la-đề-mộc-xoa thì cựu Tỳ-kheo không tội.

Có một trụ xứ khi bố tát, khách Tỳ-kheo thấy tướng của cựu Tỳ-kheo, nhân duyên của cựu Tỳ-kheo như nhà mới quét dọn, mới trải giường tòa… mà không đi tìm, liền bố tát nói Ba-la-đề-mộc-xoa thì khách Tỳ-kheo mắc tội. Nếu tìm thấy mà không kêu, liền bố tát nói Ba-la-đề-mộc-xoa thì khách Tỳ-kheo mắc tội. Nếu tìm không thấy, có nghi mà liền bố tát nói Ba-la-đề-mộc-xoa thì khách Tỳ-kheo mắc tội. Nếu tìm không thấy, không có nghi gì mới bố tát nói Ba-la-đề-mộc-xoa thì khách Tỳ-kheo không tội. Nếu tìm thấy cựu Tỳ-kheo nhất tâm hoan hỉ cùng bố tát nói Ba-la-đề-mộc-xoa thì khách Tỳ-kheo không tội.

Khi bố tát không nên đến: Chỗ này có Tỳ-kheo, có trú xứ; chỗ kia có Tỳ-kheo, có trú xứ; chỗ kia có Tỳ-kheo, không có trú xứ; chỗ kia có Tỳ-kheo, có trú xứ và không có trú xứ. Nếu chỗ kia nghe nói có Tỳ-kheo bất cọng trụ thì khi bố tát không nên đến. Chỗ này có Tỳ-kheo, có trú xứ; chỗ kia không có Tỳ-kheo, có trú xứ; chỗ kia không có Tỳ-kheo, không có trú xứ; chỗ kia không có Tỳ-kheo, có trú xứ và không có trú xứ. Nếu ở chỗ kia nghe có Tỳ-kheo bất cọng trụ (Ba-la-di), thì khi bố tát không nên đến.

Chỗ này có Tỳ-kheo, không có trú xứ; chỗ kia có Tỳ-kheo, không có trú xứ; chỗ kia có Tỳ-kheo,

có trú xứ và không có trú xứ; chỗ kia không có Tỳ-kheo, có trú xứ; chỗ kia không có Tỳ-kheo, không có trú xứ; chỗ kia không có Tỳ-kheo, có trú xứ và không có trú xứ; chỗ kia có Tỳ-kheo, có trú xứ. Nếu ở chỗ kia nghe có Tỳ-kheo bất cọng trụ (Ba-la-di), thì khi bố tát không nên đến.

Chỗ này có Tỳ-kheo, có trú xứ và không có trú xứ; chỗ kia có Tỳ-kheo, có trú xứ và không có trú xứ; chỗ kia không có Tỳ-kheo, có trú xứ; chỗ kia không có Tỳ-kheo, không có trú xứ; chỗ kia không có Tỳ-kheo, có trú xứ và không có trú xứ; chỗ kia có Tỳ-kheo, có trú xứ; chỗ kia có Tỳ-kheo, không có trú xứ. Nếu ở chỗ kia nghe có Tỳ-kheo bất cọng trụ (Ba-la-di), thì khi bố tát không nên đến.

Chỗ này có Tỳ-kheo, không có Tỳ-kheo, có trú xứ; chỗ kia không có Tỳ-kheo, có trú xứ; chỗ kia không có Tỳ-kheo, không có trú xứ; chỗ kia không có Tỳ-kheo, có trú xứ và không có trú xứ; chỗ kia có Tỳ-kheo, có trú xứ; chỗ kia có Tỳ-kheo, không có trú xứ; chỗ kia có Tỳ-kheo, có trú xứ và không có trú xứ. Nếu ở chỗ kia nghe có Tỳ-kheo bất cọng trụ (Ba-la-di), thì khi bố tát không nên đến.

Chỗ này có Tỳ-kheo, không có Tỳ-kheo, không có trú xứ; chỗ kia không có Tỳ-kheo, không có trú xứ; chỗ kia không có Tỳ-kheo, có trú xứ và không có trú xứ; chỗ kia có Tỳ-kheo, có trú xứ; chỗ kia có Tỳ-kheo, không có trú xứ; chỗ kia có Tỳ-kheo, có trú xứ và không có trú xứ; chỗ kia không có Tỳ-

kheo, có trú xứ. Nếu ở chỗ kia nghe có Tỳ-kheo bất cọng trụ (Ba-la-di), thì khi bố tát không nên đến.

Chỗ này có Tỳ-kheo, không có Tỳ-kheo, có trú xứ và không có trú xứ; chỗ kia không có Tỳ-kheo, có trú xứ và không có trú xứ; chỗ kia có Tỳ-kheo, có trú xứ; chỗ kia có Tỳ-kheo, không có trú xứ; chỗ kia có Tỳ-kheo, có trú xứ và không có trú xứ. Nếu ở chỗ kia nghe có Tỳ-kheo bất cọng trụ (Ba-la-di), thì khi bố tát không nên đến.

Chỗ này có Tỳ-kheo, có trú xứ; chỗ kia có Tỳ-kheo, có trú xứ; chỗ kia có Tỳ-kheo, không có trú xứ; chỗ kia có Tỳ-kheo, có trú xứ và không có trú xứ; chỗ kia không có Tỳ-kheo, có trú xứ; chỗ kia không có Tỳ-kheo, không có trú xứ; chỗ kia không có Tỳ-kheo, có trú xứ và không có trú xứ. Nếu ở chỗ kia nghe có Tỳ-kheo bất cọng trụ (Ba-la-di), thì khi bố tát không nên đến, trừ Tăng sự việc gấp.

Chỗ này có Tỳ-kheo, không có trú xứ; chỗ kia có Tỳ-kheo, không có trú xứ; chỗ kia có Tỳ-kheo, có trú xứ và không có trú xứ; chỗ kia không có Tỳ-kheo, có trú xứ; chỗ kia không có Tỳ-kheo, không có trú xứ; chỗ kia không có Tỳ-kheo, có trú xứ và không có trú xứ; chỗ kia có Tỳ-kheo, có trú xứ. Nếu ở chỗ kia nghe có Tỳ-kheo bất cọng trụ thì khi bố tát không nên đến, trừ Tăng sự việc gấp.

Chỗ này có Tỳ-kheo, có trú xứ và không có trú xứ; chỗ kia có Tỳ-kheo, có trú xứ và không có trú

xứ; chỗ kia không có Tỳ-kheo, có trú xứ; chỗ kia không có Tỳ-kheo, không có trú xứ; chỗ kia không có Tỳ-kheo, có trú xứ và không có trú xứ; chỗ kia có Tỳ-kheo, có trú xứ; chỗ kia có Tỳ-kheo, không có trú xứ. Nếu ở chỗ kia nghe có Tỳ-kheo bất cọng trụ thì khi bố tát không nên đến, trừ Tăng sự việc gấp.

Chỗ này có Tỳ-kheo, không có Tỳ-kheo, có trú xứ; chỗ kia không có Tỳ-kheo, có trú xứ; chỗ kia không có Tỳ-kheo, không có trú xứ; chỗ kia không có Tỳ-kheo, có trú xứ và không có trú xứ; chỗ kia có Tỳ-kheo, có trú xứ; chỗ kia có Tỳ-kheo, không có trú xứ; chỗ kia có Tỳ-kheo, có trú xứ và không có trú xứ. Nếu ở chỗ kia nghe có Tỳ-kheo bất cọng trụ thì khi bố tát không nên đến, trừ Tăng sự việc gấp.

Chỗ này có Tỳ-kheo, không có Tỳ-kheo, không có trú xứ; chỗ kia không có Tỳ-kheo, không có trú xứ; chỗ kia không có Tỳ-kheo, có trú xứ và không có trú xứ; chỗ kia có Tỳ-kheo, có trú xứ; chỗ kia có Tỳ-kheo, không có trú xứ; chỗ kia có Tỳ-kheo, có trú xứ và không có trú xứ; chỗ kia không có Tỳ-kheo, có trú xứ. Nếu ở chỗ kia nghe có Tỳ-kheo bất cọng trụ thì khi bố tát không nên đến, trừ Tăng sự việc gấp.

Chỗ này có Tỳ-kheo, không có Tỳ-kheo, có trú xứ và không có trú xứ; chỗ kia không có Tỳ-kheo, có trú xứ và không có trú xứ; chỗ kia có Tỳ-kheo,

có trú xứ; chỗ kia có Tỳ-kheo, không có trú xứ; chỗ kia có Tỳ-kheo, có trú xứ và không có trú xứ; chỗ kia không có Tỳ-kheo, có trú xứ; chỗ kia không có Tỳ-kheo, không có trú xứ. Nếu ở chỗ kia nghe có Tỳ-kheo bất cọng trụ thì khi bố tát không nên đến, trừ Tăng sự việc gấp.

Khi bố tát nên đến: Chỗ này có Tỳ-kheo, có trú xứ; chỗ kia có Tỳ-kheo, có trú xứ; chỗ kia có Tỳ-kheo, không có trú xứ; chỗ kia có Tỳ-kheo, có trú xứ và không có trú xứ. Nếu ở chỗ kia có Tỳ-kheo thanh tịnh cùng ở thì khi bố tát nên đến.

Chỗ này có Tỳ-kheo, có trú xứ; chỗ kia có không phải Tỳ-kheo, có trú xứ; chỗ kia có không phải Tỳ-kheo, không có trú xứ; chỗ kia có không phải Tỳ-kheo, có trú xứ và không có trú xứ. Nếu ở chỗ kia có Tỳ-kheo thanh tịnh cùng ở thì khi bố tát nên đến.

Chỗ này có Tỳ-kheo, không có trú xứ; chỗ kia có Tỳ-kheo, không có trú xứ; chỗ kia có Tỳ-kheo, có trú xứ và không có trú xứ; chỗ kia có không phải Tỳ-kheo, có trú xứ; chỗ kia có không phải Tỳ-kheo, không có trú xứ; chỗ kia có không phải Tỳ-kheo, có trú xứ và không có trú xứ. Nếu ở chỗ kia có Tỳ-kheo thanh tịnh cùng ở thì khi bố tát nên đến.

Chỗ này có Tỳ-kheo, có trú xứ và không có trú xứ; chỗ kia có Tỳ-kheo, có trú xứ và không có trú xứ; chỗ kia có không phải Tỳ-kheo, có trú xứ; chỗ

kia có không phải Tỳ-kheo, không có trú xứ; chỗ kia có không phải Tỳ-kheo, có trú xứ và không có trú xứ; chỗ kia có Tỳ-kheo, có trú xứ; chỗ kia có Tỳ-kheo, không có trú xứ. Nếu ở chỗ kia có Tỳ-kheo thanh tịnh cùng ở thì khi bố tát nên đến.

Chỗ này có không phải Tỳ-kheo, có trú xứ; chỗ kia có không phải Tỳ-kheo, có trú xứ; chỗ kia có không phải Tỳ-kheo, không có trú xứ; chỗ kia có không phải Tỳ-kheo, có trú xứ và không có trú xứ; chỗ kia có Tỳ-kheo, có trú xứ; chỗ kia có Tỳ-kheo, không có trú xứ; chỗ kia có Tỳ-kheo, có trú xứ và không có trú xứ. Nếu ở chỗ kia có Tỳ-kheo thanh tịnh cùng ở thì khi bố tát nên đến.

Chỗ này có không phải Tỳ-kheo, không có trú xứ; chỗ kia có không phải Tỳ-kheo, không có trú xứ; chỗ kia có không phải Tỳ-kheo, có trú xứ và không có trú xứ; chỗ kia có Tỳ-kheo, có trú xứ; chỗ kia có Tỳ-kheo, không có trú xứ; chỗ kia có Tỳ-kheo, có trú xứ và không có trú xứ; chỗ kia có không phải Tỳ-kheo, có trú xứ. Nếu ở chỗ kia có Tỳ-kheo thanh tịnh cùng ở thì khi bố tát nên đến.

Chỗ này có không phải Tỳ-kheo, có trú xứ và không có trú xứ; chỗ kia có không phải Tỳ-kheo, có trú xứ và không có trú xứ; chỗ kia có Tỳ-kheo, có trú xứ; chỗ kia có Tỳ-kheo, không có trú xứ; chỗ kia có Tỳ-kheo, có trú xứ và không có trú xứ; chỗ kia có không phải Tỳ-kheo, có trú xứ; chỗ kia có không phải Tỳ-kheo, không có trú xứ. Nếu ở chỗ

kia có Tỳ-kheo thanh tịnh cùng ở thì khi bố tát nên đến.

Phật nói: "Không nên bố tát nói Ba-la-đề-mộc-xoa ở trước bạch y, Sa di, dị đạo, không phải Tỳ-kheo; người bị tẫn về không thấy tội, không sám tội, không bỏ ác tà kiến và tội bất cọng trụ; người phạm các tội bất cọng trụ, phạm biên tội, người vốn là bạch y, bất năng nam, người ô nhục Tỳ-kheo-ni, người việt tế (người phá nội ngoại đạo), tặc trụ; người giết cha mẹ, A-la-hán, người phá tăng, người ác tâm làm cho Phật bị thương. Tất cả việc trước làm xong rồi mới bố tát nói Ba-la-đề-mộc-xoa; nếu đáng cho Hiện tiền Tỳ-ni thì nên cho; đáng cho Ức niệm Tỳ-ni thì nên cho; đáng cho Bất si Tỳ-ni thì nên cho; đáng cho Mích tội tướng Tỳ-ni thì nên cho; đáng cho Đa mích Tỳ-ni thì nên cho; đáng cho yết ma trị phạt thì nên cho; đáng cho yết ma y chỉ thì nên cho; đáng cho yết ma tẫn xuất thì nên cho; đáng cho yết ma hạ-ý thì nên cho; đáng cho yết ma Bất-kiến-tẫn thì nên cho; đáng cho yết ma Bất-tác-tẫn thì nên cho; đáng cho yết ma tà kiến bất trừ tẫn thì nên cho; đáng cho yết ma biệt trụ thì nên cho; đáng cho yết ma hành Ma-na-đỏa, bổn-nhật-trị, xuất tội thì nên cho; nên cho xong rồi mới nên bố tát nói Ba-la-đề-mộc-xoa. Nếu Tỳ-kheo thọ thanh tịnh (thọ dục) cách đêm thì không nên cùng bố tát nói Ba-la-đề-mộc-xoa; nếu chúng tăng chưa đứng dậy thì được bố tát. Ngày bố tát chưa đến thì không

nên bố tát nói Ba-la-đề-mộc-xoa, trừ khi Tăng tranh cải được nhất tâm hòa hợp trở lại thì cho bố tát nói Ba-la-đề-mộc-xoa".

-oOo-

LUẬT THẬP TỤNG

QUYỂN 23
PHÁP TỰ TỨ THỨ BA

Phật tại nước Xá-vệ, khi các Tỳ-kheo hạ an cư có làm chế hạn trước như sau: "Trưởng lão, chúng ta không cùng nói chuyện, không hỏi thăm nhau", làm chế hạn này rồi mới cùng một chỗ kết hạ an cư. Do trước có làm chế hạn này nên người nào khất thực về trước thì trải giường độc tọa, để nước rửa chân, bục rửa chân, khăn lau chân, bình nước sạch, bình nước thường dùng; nếu có thức ăn dư thì đựng trong chén bát sạch, đậy nắp để một chỗ, vị nào ăn không no thì lấy thức ăn dư này ăn, vị nào khất thực về sau mà không đủ thức ăn thì cũng lấy thức ăn dư này ăn; nếu vẫn còn dư thì để chỗ đất không có cỏ hoặc trong nước không có trùng. Các Trưởng lão này rửa sạch đồ đựng thức ăn, lau khô rồi cất một chỗ, dọn cất giường độc tọa, bục rửa chân… vào chỗ khuất, quét dọn nhà ăn sạch sẽ rồi vào thất ngồi thiền, đến xế trưa xuất thiền, thấy bình nước sạch, bình nước thường dùng, chậu nước rửa chân không còn nước thì múc nước đổ vào cho đầy; nếu một mình xách không nổi thì để một bên,

vẩy gọi Tỳ-kheo khác đến cùng xách mang về, nhưng vẫn không cùng nói chuyện và hỏi thăm nhau.

Pháp thường của chư Phật là một năm có hai kỳ đại hội vào tháng sau của cuối mùa xuân và vào tháng sau của cuối mùa hạ. Vào tháng cuối của mùa xuân, Tỳ-kheo các nơi suy nghĩ: "Phật đã dạy chúng ta nên an cư, trong ba tháng an cư tu tập sẽ được an lạc trụ", đây là đại hội thứ nhất. Vào tháng cuối của mùa hạ, các Tỳ-kheo an cư ba tháng đã xong nghĩ rằng: "Đã lâu chúng ta không gặp Phật", nghĩ rồi liền đắp y mang bát đi đến chỗ Thế tôn, đây là đại hội thứ hai. Lúc đó các Tỳ-kheo này an cư xong, làm lễ tự tứ và may y xong, đắp y mang bát đi đến chỗ Phật, đảnh lễ Phật rồi ngồi một bên. Pháp thường của Phật là khi có khách Tỳ-kheo đến đều hỏi thăm có nhẫn đủ không, có an lạc trụ không, khất thực có dễ không, đi đường có nhọc mệt không. Lúc đó các Tỳ-kheo này đều đáp là nhẫn đủ, được an lạc trụ, khất thực không khó, đi đường không nhọc mệt, rồi đem việc trên bạch Phật. Phật do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng rồi quở trách các Tỳ-kheo này: "Các thầy là người ngu si, như oan gia ở chung, tại sao lại nói là được an lạc trụ, tại sao gọi là Tỳ-kheo lại thọ pháp câm, đáng lẽ ở trong pháp của ta phải lấy pháp dạy bảo nhắc nhở nhau", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Từ nay không nên thọ pháp câm,

nếu thọ pháp câm thì phạm Thâu-lan-giá, vì sao, vì không cùng nói chuyện là pháp của ngoại đạo. Từ nay cho hạ an cư xong, các Tỳ-kheo nên nhóm lại một chỗ để nói ba việc cầu người khác nói tự tứ, đó là thấy nghe nghi. Pháp tự tứ như sau: Tăng nhất tâm hòa hợp rồi sai một người có thể vì Tăng làm người tự tứ, một Tỳ-kheo trong Tăng xướng rằng: "Vị nào có thể vì Tăng làm người tự tứ", nếu có người đáp là có thể thì Tăng nên xét xem người này nếu có đủ năm pháp: Vì yêu nên tự tứ, vì giận nên tự tứ, vì sợ nên tự tứ, vì si nên tự tứ và tự tứ hay không tự tứ đều không biết thì không nên sai người này. Ngược lại nếu thành tựu năm pháp: không vì yêu nên tự tứ, không vì giận nên tự tứ, không vì sợ nên tự tứ, không vì si nên tự tứ và tự tứ hay không tự tứ đều biết rõ thì nên sai làm người tự tứ (một hoặc hai, ba người). Pháp sai như sau: Một Tỳ-kheo trong Tăng xướng:

Đại-đức Tăng lắng nghe, Tỳ-kheo tên ..... có thể vì Tăng làm người tự tứ. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay sai Tỳ-kheo ....., vì Tăng làm người tự tứ. Bạch như vậy.

Như thế Bạch-nhị-yết-ma cho đến câu Tăng đã sai Tỳ-kheo..... vì Tăng làm người tự tứ xong rồi. Tăng chấp thuận vì im lặng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

Tác pháp yết ma tự tứ như sau:

Đại-đức Tăng lắng nghe, ngày nay Tăng tự tứ. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay nhất tâm thọ tự tứ. Bạch như vậy.

Lúc này tất cả các Tỳ-kheo đều rời khỏi chỗ ngồi quỳ gối, nếu người làm tự tứ là Thượng tòa thì nên đứng dậy trịch bày vai hữu cúi mình nói với vị Thượng tòa thứ hai rằng: "Trưởng lão, hôm nay đến ngày tự tứ". Vị Thượng tòa thứ hai này cũng đứng dậy trịch bày vai hữu, quỳ gối chắp tay bạch rằng:

Trưởng lão nhớ nghĩ, ngày nay Tăng tự tứ. Tôi Tỳ-kheo tên ..... cúi xin Trưởng lão và Tăng nói tự tứ, nếu thấy nghe nghi có tội xin nói cho tôi biết. Xin thương xót, nếu tôi thấy tội, sẽ như pháp sám trừ. (3 lần)

Nếu người làm tự tứ là Hạ tòa thì nên đứng dậy trịch bày vai hữu, quỳ gối chắp tay nói với vị Thượng tòa rằng: "Hôm nay đến ngày tự tứ". Vị Thượng tòa cũng nên đứng dậy trịch bày vai hữu, quỳ gối chắp tay nói rằng:

Trưởng lão nhớ nghĩ, ngày nay Tăng tự tứ. Tôi Tỳ-kheo ..... xin Trưởng lão và Tăng nói tự tứ, nếu thấy nghe nghi có tội xin nói cho tôi biết, nếu tôi thấy tội sẽ như pháp sám trừ. (3 lần)

Như thế tất cả Tăng theo thứ lớp tự tứ, khi tất cả Tăng tự tứ xong, người vì Tăng làm tự tứ mới cùng làm tự tứ, tự tứ xong nên đến trước vị Thượng

tòa xướng rằng: "Tăng nhất tâm tự tứ đã xong". Phật bảo các Tỳ-kheo: "Tự tứ có bốn loại: Một là phi pháp biệt chúng tự tứ, hai là phi pháp hòa hợp tự tứ, Ba là như pháp biệt chúng tự tứ, ba loại tự tứ này Tăng không nên làm; bốn là như pháp hòa hợp tự tứ thì Tăng nên làm".

Có một trụ xứ năm Tỳ-kheo trở lên khi tự tứ, nên nhóm lại một chỗ sai người vì Tăng làm người tự tứ rồi nói tự tứ đầy đủ.

Có một trụ xứ chỉ có bốn Tỳ-kheo thì không nên sai người vì Tăng làm người tự tứ mà nên nhóm lại một chỗ nói Ba-lần tự tứ như sau: Thượng tòa nên đứng dậy trịch bày vai hữu, quỳ gối chắp tay nói rằng: Trưởng lão nhớ nghĩ, ngày nay Tăng tự tứ. Tôi Tỳ-kheo .....

xin Trưởng lão nói tự tứ, nếu thấy nghe nghi có tội xin nói cho tôi biết. Xin thương xót, nếu tôi thấy tội sẽ như pháp sám trừ. (3 lần)

Nếu là Hạ tòa tự tứ thì nên đứng dậy trịch bày vai hữu, đảnh lễ vị Thượng tòa rồi chắp tay bạch rằng:

Trưởng lão nhớ nghĩ, ngày nay Tăng tự tứ. Con Tỳ-kheo ..... cúi xin Trưởng lão nói tự tứ, nếu thấy nghe nghi có tội xin nói cho con biết. Xin thương xót, nếu con thấy tội sẽ như pháp sám trừ. (3 lần)

Như thế các Tỳ-kheo đã tự tứ, ba-Tỳ-kheo hay

hai Tỳ-kheo cũng làm như thế.

Có một trụ xứ một Tỳ-kheo, khi tự tứ nên quét dọn sạch sẽ chỗ tự tứ, trải tòa, đốt nhang đèn, làm sẵn thể nghĩ rằng: "Nếu có các Tỳ-kheo đến chưa làm tự tứ thì sẽ cùng các Tỳ-kheo này làm tự tứ". Nếu không thấy ai đến thì nên đứng trên chỗ cao ngóng trông, nếu thấy có Tỳ-kheo thì nên kêu đến để cùng làm tự tứ; nếu cũng không thấy ai thì nên đợi đến chiều mới trở về trú xứ của mình tâm niệm làm tự tứ như sau: "Ngày nay Tăng tự tứ, con Tỳ-kheo ..... ngày nay cũng tự tứ", như thế là một Tỳ-kheo tự tứ xong.

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó Phật bảo các Tỳ-kheo: "Đêm đã qua, đến giờ tự tứ", một Tỳ-kheo đứng dậy trịch bày vai hữu chắp tay bạch Phật: "Thế tôn, có các Tỳ-kheo bịnh không đến", Phật bảo nên lấy tự tứ đến. Pháp lấy tự tứ như sau: Tỳ-kheo bịnh nên nói là gởi tự tứ thì gọi là được tự tứ; hoặc nói: "Xin ở trong Tăng nói tự tứ giùm tôi", cũng gọi là được tự tứ; hoặc thân động hiện tướng gởi tự tứ hoặc miệng nói gởi tự tứ đều gọi là được tự tứ; nếu thân không gởi, miệng không gởi thì gọi là không được tự tứ. Lúc đó tất cả tăng nên đến chỗ Tỳ-kheo bịnh làm tự tứ hoặc đưa người bịnh đến trong Tăng làm tự tứ. Các Tỳ-kheo không nên biệt chúng tự tứ, nếu biệt chúng tự tứ thì tất cả tăng mắc tội.

Có một trụ xứ hai hoặc ba-Tỳ-kheo khi làm tự

tứ nên nhóm lại một chỗ nói Ba-lần tự tứ giống như trường hợp bốn Tỳ-kheo ở trên. Có một trụ xứ năm Tỳ-kheo thì khi tự tứ, không nên lấy tự tứ, không nên gởi tự tứ mà nên nhóm lại một chỗ sai người vì Tăng làm người tự tứ và nói tự tứ đầy đủ. Nếu có năm Tỳ-kheo trở lên thì khi tự tứ, Tỳ-kheo già bịnh được tùy ý gởi tự tứ và lấy tự tứ. một người có thể lấy tự tứ của một người cho đến hai, ba hay nhiều người, tùy số người là bao nhiêu, chỉ cần nhớ hết tên đều gọi là được tự tứ. Nếu người lấy tự tứ không thể mang đến trong Tăng thì nên gởi lại cho người khác, người lấy tự tứ nếu nói tôi là bạch y hoặc là Sa di, không phải Tỳ-kheo, hoặc là dị đạo, là người bị Bất-kiến-tẫn, Bất-tác-tẫn, ác tà bất trừ tẫn… cho đến phá tăng, ác tâm làm Phật bị thương thì người này nên gởi tự tứ lại cho người khác. Nếu lấy tự tứ rồi mà cố ý không mang đến trong Tăng thì gọi là tự tứ không đến; hoặc nói tôi là bạch y, là Sa di… cho đến ác tâm làm Phật bị thương đều gọi là tự tứ không đến. Nếu lấy tự tứ rồi bỗng gặp một trong tám nạn khởi lên không thể mang đến trong Tăng được thì gọi là tự tứ không đến. Nếu lấy tự tứ rồi mà cố ý không mang đến trong Tăng hoặc do phóng dật, biếng nhác hay ngủ quên hay nhập định đều gọi là tự tứ không đến. Người lấy tự tứ này có ba nhân duyên mắc tội là cố ý không mang đến trong Tăng, phóng dật và biếng nhác; có hai nhân duyên không mắc tội là ngủ quên và nhập định.

Người lấy tự tứ khi mang đến trong Tăng lại không nói tự tứ, vẫn gọi là tự tứ đến; hoặc khi mang đến trong Tăng lại nói tôi là bạch y, là Sa di… đều gọi là tự tứ đến; hoặc khi mang đến trong Tăng bỗng gặp một trong tám nạn khởi lên không kịp nói tự tứ thì vẫn hỏi là tự tứ đến. Người lấy tự tứ khi mang đến trong Tăng cố ý không nói hoặc do phóng dật, biếng nhác hay ngủ quên, nhập định thì đều gọi là tự tứ đến. Người lấy tự tứ này có ba nhân duyên mắc tội và hai nhân duyên không mắc tội giống như trên.

Có một trụ xứ khi tự tứ, Tỳ-kheo bị vua bắt hoặc bị giặc, oán tặc, oán đảng bắt; trong Tăng nên sai sứ đến chỗ đó nói rằng: "Ngày nay Tăng tự tứ, xin cho Tỳ-kheo này được đến hoặc gởi tự tứ đến hoặc xuất giới vì chúng tôi không được biệt chúng tự tứ". Tỳ-kheo này nếu được đưa đến hoặc gởi tự tứ đến hoặc xuất giới thì tốt; nếu không được như thế thì các Tỳ-kheo không nên biệt chúng tự tứ, nếu biệt chúng tự tứ thì tất cả Tỳ-kheo mắc tội.

Có một trụ xứ khi tự tứ, tất cả Tỳ-kheo có tội nhưng không biết sám trừ tội này, vị khách Tỳ-kheo thanh tịnh cùng ở đồng kiến biết trong các cựu Tỳ-kheo này có người đức tốt thì nên hỏi vị đó rằng: "Trưởng lão, nếu Tỳ-kheo làm việc như thế như thế thì sẽ mắc tội gì?", đáp là sẽ mắc tội như thế như thế, khách Tỳ-kheo lại hỏi: "Trưởng lão có tự nhớ đã làm tội như thế như thế không?", đáp:

"Tự nhớ, nhưng không phải một mình tôi mà tất cả tăng cũng đều mắc tội này", khách Tỳ-kheo nói: "Trưởng lão nói tất cả tăng thì đối với Trưởng lão có ích gì, tại sao Trưởng lão không như pháp sám hối tội này". Nếu cựu Tỳ-kheo nghe lời khách Tỳ-kheo như pháp sám hối tội này và các Tỳ-kheo khác cũng như pháp sám hối tội này thì tốt; nếu không như thế, Tỳ-kheo khách biết có cử tội cũng vô ích thì đừng nên miễn cưỡng cử tội.

Có một trụ xứ khi tự tứ, một Tỳ-kheo nhớ có tội thì nên đến chỗ một Tỳ-kheo khác như pháp sám hối tội này, sám hối rồi mới nên tự tư, không nên gởi tự tứ và làm trở ngại.

Lại có một trụ xứ khi tự tứ, một Tỳ-kheo có tội nghi thì nên đến nói với Tỳ-kheo khác: "Trưởng lão, tôi có một tội nghi, sau sẽ hỏi để quyết nghi", nói như thế rồi mới nên tự tứ, không nên gởi tự tứ và làm trở ngại.

Lại có một trụ xứ khi tự tứ, một Tỳ-kheo nhớ nghĩ có tội muốn nói ra thì nên tự nhất tâm niệm: "Ta sau tự tứ sẽ như pháp sám hối tội này", nghĩ như thế rồi mới nên tự tứ, không nên gởi tự tứ và làm trở ngại. Nếu khi đang tự tứ, Tỳ-kheo có tội nghi cũng nên tự nhất tâm niệm: "Ta sau tự tứ sẽ hỏi tội này để quyết nghi", nghĩ như thế rồi mới nên tự tứ, không nên gởi tự tứ và làm trở ngại.

Có một trụ xứ, tất cả Tỳ-kheo tăng có tội, biết

tội này nhưng không có được khách Tỳ-kheo thanh tịnh cùng ở đồng kiến để như pháp sám hối. Các Tỳ-kheo nên mời một Tỳ-kheo gần trú xứ đến trong đây để như pháp sám hối tội này rồi trở về: "Chúng tôi ở bên thầy như pháp sám hối tội này:, Tỳ-kheo kia nếu có thể dàn xếp được việc này thì tốt, nếu không dàn xếp được thì nên sai một Tỳ-kheo xướng rằng:

Đại-đức Tăng lắng nghe, chúng ta tất cả Tỳ-kheo tăng trong trú xứ này phạm tội biết tội này nhưng không có được Tỳ-kheo khách thanh tịnh cùng ở đồng kiến để như pháp sám hối tội này; cũng không mời được Tỳ-kheo ở gần trú xứ đến để ở bên Tỳ-kheo này như pháp sám hối tội này. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng sau sẽ như pháp sám hối tội này. Bạch như vậy.

Làm như thế xong mới nên tự tứ, không nên gởi tự tứ và làm trở ngại.

Có một trụ xứ khi tự tứ, tất cả Tỳ-kheo trong một việc có nghi, một Tỳ-kheo trong Tăng xướng:

Đại-đức Tăng lắng nghe, tất cả Tỳ-kheo trong trú xứ này nơi một việc có nghi. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng sau sẽ hỏi tội này để quyết nghi. Bạch như vậy.

Làm như thế xong mới nên tự tứ, không nên gởi tự tứ và làm trở ngại.

Có một trụ xứ khi tự tứ, cựu Tỳ-kheo năm người trở lên nhóm lại một chỗ làm tự tứ; nếu có số đông Tỳ-kheo ở trú xứ khác đến, thanh tịnh cùng ở đồng kiến, thì các cựu Tỳ-kheo này nên làm tự tứ lại thì không tội. Nếu các Tỳ-kheo tự tứ xong, nhưng tất cả chưa đứng dậy, chưa đi mà có số đông Tỳ-kheo ở trú xứ khác đến, thanh tịnh cùng ở đồng kiến, thì các Tỳ-kheo này nên làm tự tứ lại thì không tội. Nếu các Tỳ-kheo tự tứ xong, có người đứng dậy đi, có người chưa đứng dậy đi mà có số đông Tỳ-kheo ở trú xứ khác đến, thanh tịnh cùng ở đồng kiến, thì các Tỳ-kheo này nên làm tự tứ lại thì không tội. Nếu các Tỳ-kheo tự tứ xong, tất cả đều đứng dậy nhưng chưa đi mà có số đông Tỳ-kheo ở trú xứ khác đến, thanh tịnh cùng ở đồng kiến, thì các Tỳ-kheo nên làm tự tứ lại thì không tội; số người đến bằng cũng giống như vậy.

Có một trụ xứ khi tự tứ, cựu Tỳ-kheo năm người trở lên nhóm lại một chỗ muốn tự tứ thì có số ít Tỳ-kheo ở trú xứ khác đến, thanh tịnh cùng ở đồng kiến, thì các Tỳ-kheo khách này nên theo thứ lớp tự tứ. Nếu các cựu Tỳ-kheo đã làm tự tứ xong, tất cả đều đứng dậy chưa đi mà có số ít Tỳ-kheo ở trú xứ khác đến, thanh tịnh cùng ở đồng kiến, thì các khách Tỳ-kheo nên đến bên cựu Tỳ-kheo nói Ba-lần làm tự tứ. Nếu cựu Tỳ-kheo làm tự tứ xong, có người đứng dậy đi, có người chưa đứng dậy đi mà có số ít Tỳ-kheo ở trú xứ khác đến, thanh tịnh

cùng ở đồng kiến, thì các khách Tỳ-kheo này nên đến bên cựu Tỳ-kheo chưa đứng dậy đi để nói Ba-lần làm tự tứ. Nếu các cựu Tỳ-kheo đã làm tự tứ xong, tất cả đều đứng dậy nhưng chưa đi mà có số ít Tỳ-kheo ở trú xứ khác đến, thanh tịnh cùng ở đồng kiến, nếu cựu Tỳ-kheo đồng tâm thì nên làm tự tứ lại, được vậy thì tốt; nếu không được đồng tâm thì khách Tỳ-kheo nên ra ngoài giới nói Ba-lần tự tứ.

Nếu cựu Tỳ-kheo khi tự tứ xong thì có cựu Tỳ-kheo đến, đông hơn hoặc ít hơn hay bằng; nếu nhiều hơn hay bằng thì cựu Tỳ-kheo trước nên làm tự tứ lại, nếu ít hơn thì cựu Tỳ-kheo sau nên theo thứ lớp tự tứ.

Nếu cựu Tỳ-kheo khi tự tứ thì có khách Tỳ-kheo đến, đông hơn hoặc ít hơn hay bằng; nếu nhiều hơn thì cựu Tỳ-kheo nên làm tự tứ lại, nếu bằng hoặc ít hơn thì khách Tỳ-kheo nên theo thứ lớp tự tứ.

Nếu cựu Tỳ-kheo khi tự tứ thì có cựu Tỳ-kheo và khách Tỳ-kheo cùng đến, đông hơn hoặc bằng hoặc ít hơn; nếu nhiều hơn hay bằng thì cựu Tỳ-kheo trước nên làm tự tứ lại, nếu ít hơn thì khách và cựu Tỳ-kheo sau nên theo thứ lớp tự tứ.

Nếu khách Tỳ-kheo khi tự tứ thì có khách Tỳ-kheo đến, nhiều hơn hoặc bằng hay ít hơn; nếu nhiều hơn thì khách Tỳ-kheo trước nên làm tự tứ

lại, nếu bằng hay ít hơn thì khách Tỳ-kheo sau nên theo thứ lớp tự tứ.

Nếu khách Tỳ-kheo khi tự tứ thì cựu Tỳ-kheo đến, nhiều hơn hoặc bằng hay ít hơn; nếu nhiều hơn hay bằng thì khách Tỳ-kheo nên làm tự tứ lại, nếu ít hơn thì cựu Tỳ-kheo nên theo thứ lớp tự tứ.

Nếu khách Tỳ-kheo khi tự tứ thì có cựu Tỳ-kheo và khách Tỳ-kheo cùng đến, nhiều hơn hoặc bằng hay ít hơn; nếu nhiều hơn hay bằng thì khách Tỳ-kheo nên làm tự tứ lại, nếu ít hơn thì cựu và khách Tỳ-kheo nên theo thứ lớp tự tứ.

Nếu cựu Tỳ-kheo và khách Tỳ-kheo khi tự tứ thì có cựu Tỳ-kheo và khách Tỳ-kheo cùng đến, nhiều hơn hoặc bằng hay ít hơn; nếu nhiều hơn hay bằng thì các Tỳ-kheo trước nên làm tự tứ lại, nếu ít hơn thì các Tỳ-kheo sau nên theo thứ lớp tự tứ.

Nếu cựu Tỳ-kheo và khách Tỳ-kheo khi tự tứ thì có cựu Tỳ-kheo đến, nhiều hơn hoặc bằng hay ít hơn; nếu nhiều hơn hoặc bằng thì các Tỳ-kheo trước nên làm tự tứ lại, nếu ít hơn thì cựu Tỳ-kheo sau nên theo thứ lớp tự tứ.

Nếu cựu Tỳ-kheo và khách Tỳ-kheo khi tự tứ thì có khách Tỳ-kheo đến, nhiều hơn hoặc bằng hay ít hơn; nếu nhiều hơn thì các Tỳ-kheo trước nên làm tự tứ lại, nếu bằng hay ít hơn thì khách Tỳ-kheo sau nên theo thứ lớp tự tứ.

Có một trụ xứ khi tự tứ, cựu Tỳ-kheo năm

người trở lên nhóm lại một chỗ muốn tự tứ thì có số đông Tỳ-kheo ở trú xứ khác đến, thanh tịnh cùng ở đồng kiến, các vị này suy nghĩ: "Cựu Tỳ-kheo trong đây có năm người trở lên làm tự tứ, chúng ta cũng nên làm tự tứ", liền khởi tưởng tịnh, tưởng Tỳ-ni, tưởng biệt đồng biệt để làm tự tứ. Lại có số đông Tỳ-kheo ở trú xứ khác đến, thanh tịnh cùng ở đồng kiến, các Tỳ-kheo kia nên làm tự tứ lại, các Tỳ-kheo trước mắc tội. Các Tỳ-kheo kia khởi tưởng tịnh, tưởng Tỳ-ni, tưởng biệt đồng biệt để làm tự tứ xong; nếu tất cả chưa đứng dậy chưa đi, hoặc có người đứng dậy đi có người chưa đứng dậy đi, hoặc tất cả đều đứng dậy nhưng chưa đi mà có số đông Tỳ-kheo ở trú xứ khác đến, thanh tịnh cùng ở đồng kiến, thì các Tỳ-kheo kia nên làm tự tứ lại, các Tỳ-kheo trước mắc tội.

Có một trụ xứ khi bố tát, cựu Tỳ-kheo năm người trở lên nhóm lại một chỗ muốn tự tứ thì có số đông Tỳ-kheo ở trú xứ khác đến, thanh tịnh cùng ở đồng kiến, các vị này suy nghĩ: "Chúng ta nên hay không nên ở trong đây tự tứ", nghi là tịnh hay bất tịnh, khởi tưởng biệt đồng biệt để làm tự tứ. Lại có số đông Tỳ-kheo ở trú xứ khác đến, thanh tịnh cùng ở đồng kiến, thì các Tỳ-kheo kia nên làm tự tứ lại, các Tỳ-kheo trước mắc tội. Các Tỳ-kheo kia nghi là tịnh hay bất tịnh, khởi tưởng biệt đồng biệt để làm tự tứ xong; nếu tất cả chưa đứng dậy, chưa đi hoặc có người đứng dậy đi, có

người chưa đứng dậy đi hoặc tất cả đều đứng dậy nhưng chưa đi, mà có số đông Tỳ-kheo ở trú xứ khác đến, thanh tịnh cùng ở đồng kiến, thì các Tỳ-kheo kia nên làm tự tứ lại, các Tỳ-kheo trước mắc tội.

Có trú xứ khi tự tứ, cựu Tỳ-kheo năm người trở lên nhóm lại một chỗ muốn tự tứ thì có số đông Tỳ-kheo ở trú xứ khác đến, thanh tịnh cùng ở đồng kiến, các cựu Tỳ-kheo suy nghĩ: "số đông Tỳ-kheo ở trú xứ khác đến, thanh tịnh cùng ở đồng kiến, là diệt hoại trừ xả; chúng ta không cần các Tỳ-kheo này vì họ ưa thích phá tăng", liền khởi tưởng biệt đồng biệt để làm tự tứ. Lại có số đông Tỳ-kheo ở trú xứ khác đến, thanh tịnh cùng ở đồng kiến, các cựu Tỳ-kheo nên làm tự tứ lại, các Tỳ-kheo trước mắc tội Thâu-lan-giá vì gần phá tăng, vì các Tỳ-kheo này ưa thích phá tăng. Nếu khởi tưởng biệt đồng biệt để làm tự tứ xong, tất cả Tỳ-kheo chưa đứng dậy chưa đi mà có số đông Tỳ-kheo ở trú xứ khác đến, thanh tịnh cùng ở đồng kiến, các cựu Tỳ-kheo nên làm tự tứ lại, các Tỳ-kheo trước mắc tội Thâu-lan-giá vì gần phá tăng.

Nếu cựu Tỳ-kheo khi tự tứ, cựu Tỳ-kheo đến đông hơn hoặc bằng hay ít hơn, nếu đông hơn hay bằng thì nên làm tự tứ lại. Nếu cựu Tỳ-kheo khi tự tứ, khách Tỳ-kheo đến đông hơn hoặc bằng hay ít hơn, nếu nhiều hơn hay bằng thì nên làm tự tứ lại. Nếu cựu Tỳ-kheo khi tự tứ, cựu Tỳ-kheo và khách

Tỳ-kheo đến nhiều hơn hoặc bằng hay ít hơn, nếu nhiều hơn hay bằng thì nên làm tự tứ lại. Nếu khách Tỳ-kheo khi tự tứ, khách Tỳ-kheo đến nhiều hơn hoặc bằng hay ít hơn, nếu nhiều hơn hoặc bằng thì nên làm tự tứ lại. Nếu khách Tỳ-kheo khi tự tứ, cựu Tỳ-kheo đến nhiều hơn hoặc bằng hay ít hơn, nếu nhiều hơn hay bằng thì nên làm tự tứ lại. Nếu khách Tỳ-kheo khi tự tứ, cựu Tỳ-kheo và khách Tỳ-kheo đến nhiều hơn hoặc bằng hay ít hơn, nếu nhiều hơn hay bằng thì nên làm tự tứ lại. Nếu cựu Tỳ-kheo và khách Tỳ-kheo cùng tự tứ, cựu Tỳ-kheo và khách Tỳ-kheo cùng đến nhiều hơn hoặc bằng hay ít hơn, nếu nhiều hơn hay bằng thì nên làm tự tứ lại. Nếu cựu Tỳ-kheo và khách Tỳ-kheo cùng tự tứ, cựu Tỳ-kheo đến nhiều hơn hoặc bằng hay ít hơn, nếu nhiều hơn hay bằng thì nên làm tự tứ lại. Nếu cựu Tỳ-kheo và khách Tỳ-kheo cùng tự tứ, khách Tỳ-kheo đến nhiều hơn hoặc bằng hay ít hơn, nếu nhiều hơn hay bằng thì nên làm tự tứ lại.

Cựu Tỳ-kheo ngày thứ mười bốn tự tứ đông, khách Tỳ-kheo ngày thứ mười lăm tự tứ ít hơn thì khách Tỳ-kheo nên thuận theo cựu Tỳ-kheo tự tứ vào ngày thứ mười bốn. Nếu cựu Tỳ-kheo tự tứ vào ngày thứ mười bốn ít, khách Tỳ-kheo tự tứ vào ngày thứ mười lăm đông hơn thì cựu Tỳ-kheo nên thuận theo khách Tỳ-kheo, không nên tự tứ vào ngày thứ mười bốn. Cựu Tỳ-kheo tự tứ vào ngày thứ mười lăm đông, khách Tỳ-kheo tự tứ vào ngày

thứ mười bốn ít hơn thì khách Tỳ-kheo nên thuận theo cựu Tỳ-kheo đổi lại ngày tự tứ. Cựu Tỳ-kheo tự tứ vào ngày thứ mười lăm ít, khách Tỳ-kheo tự tứ vào ngày thứ mười lăm đông hơn thì cựu Tỳ-kheo nên thuận theo khách Tỳ-kheo ra ngoài giới làm tự tứ.

Khách Tỳ-kheo tự tứ vào ngày thứ mười bốn đông, cựu Tỳ-kheo tự tứ vào ngày thứ mười lăm ít hơn thì cựu Tỳ-kheo nên thuận theo khách Tỳ-kheo tự tứ vào ngày ấy. Khách Tỳ-kheo tự tứ vào ngày thứ mười bốn ít, cựu Tỳ-kheo tự tứ vào ngày thứ mười lăm đông hơn thì khách Tỳ-kheo nên thuận theo cựu Tỳ-kheo, không nên tự tứ vào ngày ấy. Khách Tỳ-kheo tự tứ vào ngày thứ mười lăm đông, cựu Tỳ-kheo tự tứ vào ngày thứ mười bốn ít hơn thì cựu Tỳ-kheo nên thuận theo khách Tỳ-kheo đổi lại ngày tự tứ. Khách Tỳ-kheo tự tứ vào ngày thứ mười lăm ít, cựu Tỳ-kheo tự tứ vào ngày thứ mười bốn đông hơn thì khách Tỳ-kheo nên thuận theo cựu Tỳ-kheo ra ngoài giới làm tự tứ.

Có một trụ xứ khi tự tứ, cựu Tỳ-kheo nghe tướng của khách Tỳ-kheo, nhân duyên của khách Tỳ-kheo hoặc tiếng chân, tiếng giày dép… mà không đi tìm, liền làm tự tứ thì cựu Tỳ-kheo phạm tội. Nếu đi tìm thấy được mà không kêu, liền làm tự tứ thì cựu Tỳ-kheo mắc tội. Nếu đi tìm không thấy có nghi mà liền làm tự tứ thì cựu Tỳ-kheo mắc tội. Nếu tìm không thấy, không có nghi gì mới làm

tự tứ thì cựu Tỳ-kheo không phạm. Nếu tìm được khách Tỳ-kheo nhất tâm hoan hỉ cùng làm tự tứ thì cựu Tỳ-kheo không tội.

Có một trụ xứ khi tự tứ, khách Tỳ-kheo nghe tướng của cựu Tỳ-kheo, nhân duyên của cựu Tỳ-kheo như tiếng khóa cửa, tiếng tụng kinh… mà không tìm kiếm, liền làm tự tứ thì khách Tỳ-kheo mắc tội. Nếu tìm thấy được mà không kêu, liền làm tự tứ thì khách Tỳ-kheo mắc tội. Nếu tìm không thấy có nghi mà liền làm tự tứ thì khách Tỳ-kheo mắc tội. Nếu tìm không thấy, không có nghi gì mới làm tự tứ thì khách Tỳ-kheo không tội. Nếu tìm được cựu Tỳ-kheo nhất tâm hoan hỉ cùng làm tự tứ thì khách Tỳ-kheo không tội.

Có một trụ xứ khi tự tứ, cựu Tỳ-kheo thấy tướng của khách Tỳ-kheo, nhân duyên của khách Tỳ-kheo như y bát, tích trượng, túi da đựng dầu… mà không đi tìm, liền làm tự tứ thì cựu Tỳ-kheo mắc tội. Nếu tìm thấy được mà không kêu, liền làm tự tứ thì cựu Tỳ-kheo mắc tội. Nếu tìm không thấy, có nghi mà liền làm tự tứ thì cựu Tỳ-kheo mắc tội. Nếu tìm không thấy, không có nghi gì mới làm tự tứ thì cựu Tỳ-kheo không tội. Nếu tìm được khách Tỳ-kheo nhất tâm hoan hỉ cùng làm tự tứ thì cựu Tỳ-kheo không tội.

Có một trụ xứ khi tự tứ, khách Tỳ-kheo thấy tướng của cựu Tỳ-kheo, nhân duyên của cựu Tỳ-kheo như nhà mới quét dọn, mới trải giường tòa…

mà không đi tìm, liền làm tự tứ thì khách Tỳ-kheo mắc tội. Nếu tìm thấy mà không kêu, liền làm tự tứ thì khách Tỳ-kheo mắc tội. Nếu tìm không thấy, có nghi mà liền làm tự tứ thì khách Tỳ-kheo mắc tội. Nếu tìm không thấy, không có nghi gì mới làm tự tứ thì khách Tỳ-kheo không tội. Nếu tìm thấy cựu Tỳ-kheo nhất tâm hoan hỉ cùng làm tự tứ thì khách Tỳ-kheo không tội.

Có một trụ xứ khi tự tứ Tỳ-kheo bị người khác cử tội hay không bị cử tội, khiến cho nhớ nghĩ hay không khiến nhớ nghĩ mà tự nói là tôi có tội Tăng-già-bà-thi-sa. Nếu cho Tỳ-kheo này biệt trụ thì không thành cho, một Tỳ-kheo trong Tăng nên xướng rằng:

Đại-đức Tăng lắng nghe, trú xứ trong đây có Tỳ-kheo bị người khác cử tội hay không bị cử tội, khiến cho nhớ nghĩ hay không khiến nhớ nghĩ mà tự nói là tôi có tội Tăng-già-bà-thi-sa. Nếu cho Tỳ-kheo này biệt trụ thì không thành cho. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, sau Tăng sẽ cho Tỳ-kheo này biệt trụ. Bạch như vậy.

Làm như thế rồi mới tự tứ, không nên gởi tự tứ và làm trở ngại. Có một trụ xứ khi tự tứ, Tỳ-kheo bị người cử tội hay không bị cử tội, khiến cho nhớ nghĩ hay không khiến nhớ nghĩ, tự nói tôi có tội Tăng-già-bà-thi-sa. Nếu cho Tỳ-kheo này hành Ma-na-đỏa hoặc cho Bổn-nhật-trị hoặc cho xuất tội thì không thành cho, một Tỳ-kheo trong Tăng nên

xướng rằng:

Đại-đức Tăng lắng nghe, trú xứ trong đây có Tỳ-kheo bị người cử tội hoặc không bị cử tội, khiến nhớ nghĩ hay không khiến nhớ nghĩ mà tự nói là tôi có tội Tăng-già-bà-thi-sa. Nếu Tăng cho Tỳ-kheo này hành Ma-na-đỏa hay cho Bổn-nhật-trị hoặc cho xuất tội thì không thành cho. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, sau Tăng sẽ cho Tỳ-kheo này hành Ma-na-đỏa hoặc Bổn-nhật-trị hoặc cho xuất tội. Bạch như vậy.

Làm như thế rồi mới tự tứ, không nên gởi tự tứ và làm trở ngại. Có một trụ xứ khi tự tứ, Tỳ-kheo bị người cử tội hay không bị cử tội, khiến nhớ nghĩ hay không khiến nhớ nghĩ mà tự nói là tôi có tội Đề-xá ca-la-ni. Việc này khiến sanh tranh cải, có Tỳ-kheo nói nên ra sám hối, có Tỳ-kheo nói nên tâm niệm sám hối, một Tỳ-kheo trong Tăng nên xướng rằng:

Đại-đức Tăng lắng nghe, trú xứ trong đây có Tỳ-kheo bị người cử tội hay không bị cử tội, khiến nhớ nhĩ hay không khiến nhớ nghĩ mà tự nói là tôi có tội Đề-xá-ca-la-ni. Việc này khiến sanh tranh cải, có Tỳ-kheo nói nên ra sám hối, có Tỳ-kheo nói nên tâm niệm sám hối. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, sau Tỳ-kheo này nếu được Tỳ-kheo khác thanh tịnh cùng ở đồng kiến, sẽ ở bên Tỳ-kheo này như pháp sám hối tội này. Bạch như vậy.

Làm như vậy rồi mới tự tứ, không nên gởi tự tứ và làm trở ngại. Có một trụ xứ khi tự tứ, Tỳ-kheo bị người cử tội hoặc không bị cứ tội, khiến nhớ nghĩ hay không khiến nhớ nghĩ mà tự nói là tôi có tội Đề-xá-ca-la-ni. Việc này khiến sanh tranh cải, có Tỳ-kheo nói đây là tội Ba-dật-đề, có Tỳ-kheo nói đây là tội Ba-la-đề-đề-xá-ni, một Tỳ-kheo trong Tăng nên xướng rằng: Đại-đức Tăng lắng nghe, trú xứ trong đây có Tỳ-kheo bị người cử tội hay không bị cử tội, khiến nhớ nghĩ hay không khiến nhớ nghĩ mà tự nói là tôi có tội Đề-xá-ca-la-ni. Việc này khiến sanh tranh cải, có Tỳ-kheo nói đây là tội Ba-dật-đề, có Tỳ-kheo nói đây là tội Ba-la-đề-đề-xá-ni. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, sau Tỳ-kheo này nếu được Tỳ-kheo khác thanh tịnh cùng ở đồng kiến, sẽ ở bên Tỳ-kheo này như pháp sám hối tội này. Bạch như vậy.

Làm như thế rồi mới tự tứ, không nên gởi tự tứ và làm trở ngại. Có một trụ xứ khi tự tứ, Tỳ-kheo bị người cử tội hoặc không bị cứ tội, khiến nhớ nghĩ hay không khiến nhớ nghĩ mà tự nói là tôi có tội Đề-xá-ca-la-ni. Việc này khiến sanh tranh cải, có Tỳ-kheo nói đây là tội Tàn có thể trị, có Tỳ-kheo nói đây là tội Vô tàn không thể trị. Nếu trong đây đều nói là Hữu tàn có thể trị thì nên cùng tự tứ; nếu trong đây đều nói là Vô tàn không thể trị thì Tỳ-kheo kia nên bỏ tự tứ mà đi, không nên tranh cải

nhau.

Có một trụ xứ khi tự tứ, có Tỳ-kheo nói tội của-Tỳ-kheo khác dựa trên thấy nghe nghi. Các Tỳ-kheo biết người cử tội này là người thân nghiệp bất tịnh hoặc dâm, trộm, đoạn mạng người hay tự nói mình được pháp hơn người; hoặc xuất tinh, hai thân xúc chạm nhau; hoặc chặt cây cỏ, giết súc sanh; hoặc ăn phi thời, uống rượu… thì không nên tin lời người này mà trị tội Tỳ-kheo kia. Tăng nên nói: "Trưởng lão chớ sân, chớ đấu tranh, chớ nói tội nhau", người không có hổ thẹn như thế thì Tăng không nên tính vào túc số mà nên tự tứ, không nên gởi dục và làm trở ngại.

Có một trụ xứ khi tự tứ, có Tỳ-kheo hướng đến Tỳ-kheo khác nói tội của người khác dựa trên thấy nghe nghi. Các Tỳ-kheo biết Trưởng lão nói tội của người khác này là người khẩu nghiệp bất tịnh hoặc hay vọng ngữ, không biết nói biết, biết nói không biết, không thấy nói thấy, thấy nói không thấy, không nghi nói nghi, nghi nói không nghi. Lời nói của-Tỳ-kheo như thế thì Tăng không nên tin theo mà trị tội người kia, Tăng nên nói với người nói tội này rằng: "Trưởng lão chớ sân, chớ đấu tranh, chớ nói tội nhau". Người không có hổ thẹn như thế thì Tăng không nên tính vào túc số mà nên tự tứ, không nên gởi tự tứ và làm trở ngại.

Có một trụ xứ khi tự tứ, có Tỳ-kheo hướng đến Tỳ-kheo khác nói tội của người khác dựa trên thấy

nghe nghi. Các Tỳ-kheo biết Trưởng lão nói tội này là người thân khẩu hai nghiệp đều bất tịnh, hoặc dâm, trộm…; hoặc hay nói vọng ngữ, không biết nói biết…. Lời nói của-Tỳ-kheo như thế thì Tăng không nên tin theo mà trị tội người kia, Tăng nên nói với người nói tội này rằng: "Trưởng lão chớ sân, chớ đấu tranh, chớ nói tội nhau". Người không có hổ thẹn như thế, Tăng chớ tính vào túc số mà nên tự tứ, không nên gởi tự tứ và làm trở ngại.

Có một trụ xứ khi tự tứ, có Tỳ-kheo hướng đến Tỳ-kheo khác nói tội của người khác dựa trên thấy nghe nghi. Các Tỳ-kheo biết Trưởng lão nói tội này là người thân nghiệp thanh tịnh, không dâm, không trộm… cho đến không uống rượu; nhưng Trưởng lão này ít trí tuệ, không quyết định, không biết rành rẽ. Người này có thể nơi phi pháp nói là pháp, pháp nói là phi pháp, bất thiện nói là thiện, thiện nói là bất thiện. Tỳ-kheo như thế thì Tăng không nên tin theo mà trị tội người kia, Tăng nên nói với người nói tội này rằng: "Trưởng lão chớ sân, chớ đấu tranh, chớ nói tội nhau". Người ít trí tuệ như thế, Tăng chớ tính vào túc số mà nên tự tứ, không nên gởi tự tứ và làm trở ngại.

Có một trụ xứ khi tự tứ, có Tỳ-kheo đến Tỳ-kheo khác nói tội của người khác dựa trên thấy nghe nghi. Các Tỳ-kheo biết Trưởng lão này khẩu nghiệp thanh tịnh, không thể không biết mà nói là biết, biết mà nói là không biết…; nhưng Trưởng

lão này là người ít trí tuệ, không quyết định… cho đến thiện nói là bất thiện. Tỳ-kheo như thế Tăng không nên tin theo mà trị tội người kia, Tăng nên nói với người nói tội này rằng: "Trưởng lão chớ sân, chớ đấu tranh, chớ nói tội nhau". Người ít trí tuệ như thế Tăng chớ kể vào túc số mà nên tự tứ, không nên gởi tự tứ và làm trở ngại.

Có một trụ xứ khi tự tứ, có Tỳ-kheo đến Tỳ-kheo khác nói tội của người khác dựa trên thấy nghe nghi. Các Tỳ-kheo biết người nói tội này là người thân khẩu hai nghiệp thanh tịnh, không dâm, không trộm…; không thể không biết mà nói là biết…; nhưng Trưởng lão này là người ít trí tuệ, không quyết định… cho đến thiện nói là bất thiện. Tỳ-kheo như thế Tăng không nên tin theo mà trị tội người kia, Tăng nên nói với người nói tội này rằng: "Trưởng lão chớ sân, chớ đấu tranh, chớ nói tội nhau". Người ít trí tuệ như thế Tăng chớ kể vào túc số mà nên tự tứ, không nên gởi tự tứ và làm trở ngại.

Có một trụ xứ khi tự tứ, có Tỳ-kheo đến Tỳ-kheo khác nói tội của người khác dựa trên thấy nghe nghi. Các Tỳ-kheo biết Trưởng lão nói tội này là người thân khẩu hai nghiệp thanh tịnh, không dâm, không trộm…; không thể biết mà nói là không biết…. Trưởng lão này là người có trí tuệ, là người quyết định, biết rành rẽ; người này không thể nới pháp mà nói là phi pháp… cho đến bất thiện

nói là thiện. Lúc đó Tăng nên từ tốn hỏi Trưởng lão nói tội này rằng: "Trưởng lão nói tội của người kia là dựa trên mắt thấy, tai nghe, tâm nghi phải không?", nếu Trưởng lão này đáp là dựa trên mắt thấy thì Tăng nên hỏi: "Nếu là mắt thấy thì không nên nói là tai nghe, tâm nghi. Trưởng lão thấy những gì, thấy chỗ nào, thấy như thế nào, thấy làm việc gì, nhân duyên gì mà đến đó thấy được". Nếu Trưởng lão này đáp là dựa trên tai nghe thì Tăng nên hỏi: "Nếu là tai nghe thì không nên nói là mắt thấy, tâm nghi. Trưởng lão nghe những gì, nghe chỗ nào, nghe như thế nào, nghe làm việc gì, từ bên người nam nghe được hay từ bên người nữ nghe được; từ bên bất năng nam nghe được hay từ bên người hai căn nghe được?". Nếu đáp là dựa trên tâm nghi thì Tăng nên hỏi: "Nếu nói là tâm nghi thì không nên nói mắt thấy, tai nghe. Trưởng lão nghi những gì, nghi chỗ nào, nghi như thế nào, nghi việc gì, là từ trong thân tội nghi hay từ trong khẩu tội nghi; từ trong tội bất tàn nghi là tàn hay từ trong tội tàn nghi là bất tàn…". Từ tốn hỏi như thế rồi, nếu từ Trưởng lão này biết được sự thật thì Tăng nên nhất tâm trị tội Tỳ-kheo này. Nếu Tỳ-kheo có tội nói tôi là bạch y thì Tăng nên bảo hãy đi đi rồi nên làm tự tứ, không nên gởi tự tứ và làm trở ngại. Nếu Tỳ-kheo có tội nói tôi là Sa di, không phải Tỳ-kheo, là dị đạo, là người bị Bất-kiến-tẫn, Bất-tác-tẫn, ác tà bất trừ tẫn; là người phạm bất cọng trụ…

cho đến ác tâm làm thân Phật bị thương thì Tăng nên bảo hãy đi đi rồi nên tự tứ, không nên gởi tự tứ và làm trở ngại. Tất cả việc trước làm xong rồi Tăng mới tự tứ, nếu đáng cho Hiện tiền Tỳ-ni thì nên cho; đáng cho Ức niệm Tỳ-ni thì nên cho; đáng cho Bất si Tỳ-ni thì nên cho; đáng cho Mích tội tướng Tỳ-ni thì nên cho; đáng cho Đa mích Tỳ-ni thì nên cho; đáng cho yết ma trị phạt thì nên cho; đáng cho yết ma y chỉ thì nên cho; đáng cho yết ma tẫn xuất thì nên cho; đáng cho yết ma hạ-ý thì nên cho; đáng cho yết ma Bất-kiến-tẫn thì nên cho; đáng cho yết ma Bất-tác-tẫn thì nên cho; đáng cho yết ma tà kiến bất trừ tẫn thì nên cho; đáng cho yết ma biệt trụ thì nên cho; đáng cho yết ma hành Ma-na-đỏa, Bổn-nhật-trị, xuất tội thì nên cho; nên cho xong rồi, Tăng mới nên tự tứ.

Nếu Tỳ-kheo an cư nghe ở trú xứ kia có Tỳ-kheo sân giận, đấu tranh, nói tội nhau sắp đến ngăn Tỳ-kheo ở trong đây tự tứ thì các Tỳ-kheo nên hai, ba, bốn lần thúc giục làm bố tát, sai người vì Tăng làm người tự tứ và nói tự tứ đầy đủ, được như thế thì tốt. Nếu không thành mà các Tỳ-kheo nghe Tỳ-kheo sân giận đấu tranh kia sắp vào trong giới để ngăn tự tứ thì nên mau mau nhóm họp sai người vì Tăng làm người tự tứ và nói tự tứ đầy đủ, được thành như thế thì tốt. Nếu không thành mà các Tỳ-kheo nghe Tỳ-kheo sân giận đấu tranh kia đã vào trong giới thì cựu Tỳ-kheo nên nhất tâm tiếp đón,

dịu dàng thăm hỏi, vui vẻ mang giúp y bát, mở cửa phòng, chỉ ngọa cụ nói rằng: "Đây là giường tòa, mền chiếu… tùy Thượng tòa theo thứ lớp an trụ". Nên lo liệu đầy đủ các vật cần dùng để tắm rửa như xà phòng, khăn tắm…, đợi khách Tỳ-kheo vào nhà tắm xong, cựu Tỳ-kheo nên ra ngoài giới sai người vì Tăng làm người tự tứ và nói tự tứ đầy đủ, được thành như thế thì tốt. Nếu không thành thì cựu Tỳ-kheo nên nói với khách Tỳ-kheo: "Trưởng lão, chúng tôi bố tát chứ không tự tứ, sau thời bố tát mới tự tứ", khách Tỳ-kheo nói:

"Trưởng lão, sau thời bố tát không nên tự tứ, nếu có tự tứ thì làm ngay bây giờ, vì sao lại bố tát, Phật tuy cho chúng ta tự tứ nhưng việc này thì không được", cựu Tỳ-kheo nói: "Chúng tôi tự biết giờ tự tứ". Nếu khách Tỳ-kheo đi chỗ khác thì tốt, nếu không đi thì cựu Tỳ-kheo nên nói với khách Tỳ-kheo: "Chúng tôi không phải sau bố tát mới tự tứ, mà đợi đủ bốn tháng vào tháng tám cuối hạ mới tự tứ để được nhiều bố thí", nếu khách Tỳ-kheo nói: "Trưởng lão, các vị không nên đợi đủ bốn tháng vào tháng tám cuối hạ mới tự tứ, nếu có tự tứ thì nên tự tứ ngay bây giờ, vì sao, vì Phật tuy cho chúng ta tự tứ nhưng việc này thì không được". Nếu khách Tỳ-kheo chịu đi đến chỗ khác thì tốt, nếu không đi thì các Tỳ-kheo trong đây không nên tự tứ mà bỏ đi, không nên sân giận đấu tranh nói tội nhau.

Nếu có Tỳ-kheo bịnh ngăn Tỳ-kheo không bịnh tứ tứ, Tăng nên nói với Tỳ-kheo bịnh: "Trưởng lão bịnh chớ ngăn Tỳ-kheo không bịnh tự tứ, vì sao, vì người bịnh ít an ổn". Nếu có Tỳ-kheo không bịnh ngăn Tỳ-kheo bịnh tự tứ thì Tăng nên nói với Tỳ-kheo không bịnh: "Trưởng lão chớ ngăn Tỳ-kheo bịnh tự tứ, vì sao, vì người bịnh ít an ổn". Nếu có Tỳ-kheo bịnh sai sứ ngăn Tỳ-kheo không bịnh tự tứ, Tăng nên nói với sứ rằng: "Trưởng lão chớ nghe lời của-Tỳ-kheo bịnh ngăn Tỳ-kheo không bịnh tự tứ, vì sao, vì người bịnh ít an ổn", sứ giả này nên đến bên người bịnh nói: "Trưởng lão, Tăng dạy bảo thầy bịnh chớ ngăn Tỳ-kheo không bịnh tự tứ, vì sao, vì người bịnh ít an ổn", nếu người bịnh nói hãy ngăn giùm thì Tỳ-kheo bịnh này phạm Đột-kiết-la, nếu sứ giả nghe lời người bịnh ngăn Tỳ-kheo không bịnh tự tứ thì sứ giả này phạm Đột-kiết-la. Tỳ-kheo không bịnh sai sứ ngăn Tỳ-kheo bịnh tự tứ cũng giống như vậy.

Có bốn loại phi pháp ngăn tự tứ và bốn loại như pháp ngăn tự tứ.

Bốn loại phi pháp là:

1. Không căn cứ phá giới ngăn tự tứ.
2. Không căn cứ phá chánh kiến ngăn tự tứ.
3. Không căn cứ phá chánh mạng ngăn tự tứ.
4. Không căn cứ phá oai nghi ngăn tự tứ.

Bốn loại như pháp là:

1. Có căn cứ phá giới ngăn tự tứ.
2. Có căn cứ phá chánh kiến ngăn tự tứ.
3. Có căn cứ phá chánh mạng ngăn tự tứ.
4. Có căn cứ phá oai nghi ngăn tự tứ.

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó Phật bảo các Tỳ-kheo: "Từ nay cho nói một lần tự tứ và nói hai lần tự tứ, trước kia ta đã cho nói Ba-lần tự tứ, nếu khi nói một lần tự tứ mà nói chưa xong liền ngăn tự tứ thì gọi là phi pháp ngăn tự tứ; nếu nói một lần xong mới ngăn thì gọi là như pháp ngăn tự tứ. Nếu khi nói hai lần tự tứ, nói lần đầu chưa xong mà ngăn thì gọi là phi pháp ngăn tự tứ; lần đầu nói xong mà ngăn cũng gọi là phi pháp ngăn tự tứ; nói lần thứ hai chưa xong mà ngăn cũng gọi là phi pháp ngăn tự tứ; khi nói lần thứ hai xong mới ngăn thì gọi là như pháp ngăn tự tứ. Nếu khi nói Ba-lần tự tứ, lần đầu nói chưa xong mà ngăn thì gọi là phi pháp ngăn; lần đầu nói xong mà ngăn cũng gọi là phi pháp ngăn; nói lần thứ hai chưa xong mà ngăn cũng gọi là phi pháp ngăn; nói lần thứ hai xong mà ngăn cũng gọi là phi pháp ngăn; nói lần thứ ba chưa xong mà ngăn cũng gọi là phi pháp ngăn; khi nói lần thứ ba xong mới ngăn thì gọi là như pháp ngăn tự tứ".

Ở trú xứ nào Phật cho nên nói một lần tự tứ: Như có một trụ xứ Tăng đại hội khi tự tứ, một Tỳ-kheo trong Tăng nên tác bạch như sau: "Tăng đại

hội ở trú xứ này, nếu chúng ta nói Ba-lần tự tứ thì đêm sẽ qua, không được tự tứ. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay nói một lần tự tứ. Bạch như vậy. "Làm như thế xong mới tự tứ, không nên gởi tự tứ và làm trở ngại. Trú xứ như thế nên nói một lần tự tứ.

Như có một trụ xứ khi tự tứ, vua hoặc bậc đồng vua, vương tử… ngồi bên các Tỳ-kheo muốn nghe thuyết pháp, các Tỳ-kheo thuyết pháp xong thì đêm đã qua, một Tỳ-kheo trong Tăng nên tác bạch như sau: "Trú xứ này vua hoặc bậc đồng vua ngồi bên các Tỳ-kheo nghe thuyết pháp, các Tỳ-kheo thuyết pháp xong thì đêm đã qua, không được tự tứ. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay nói một lần tự tứ. Bạch như vậy". Làm như vậy xong mới tự tứ, không nên gởi tự tứ và làm trở ngại. Trú xứ như thế nên nói một lần tự tứ.

Như có một trụ xứ khi tự tứ, hai pháp sư biện giải về nghĩa, về danh, về từ và đối đáp, khi thuyết pháp xong thì đêm đã qua, các Tỳ-kheo suy nghĩ: "Trú xứ này hai pháp sư… đêm đã qua. Nếu chúng ta nói Ba-lần tự tứ thì đêm đã qua không được tự tứ", nghĩ rồi một Tỳ-kheo trong Tăng tác bạch như sau: "Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay nói một lần tự tứ. Bạch như vậy". Làm như thế xong mới tự tứ, không nên gởi tự tứ và làm trở ngại. Trú xứ như thế nên nói một lần tự

tứ. Như có một trụ xứ khi tự tứ, các Tỳ-kheo có bốn việc, nếu mỗi mỗi việc khởi lên thì đêm đã qua, các Tỳ-kheo suy nghĩ: "Trong trú xứ này các Tỳ-kheo có bốn việc… đêm đã qua. Nếu chúng ta nói Ba-lần tự tứ thì đêm đã qua không được tự tứ", nghĩ rồi một Tỳ-kheo trong Tăng tác bạch như sau: "Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay nói một lần tự tứ. Bạch như vậy". Làm như vậy xong mới tự tứ, không nên gởi tự tứ và làm trở ngại. Trú xứ như thế nên nói một lần tự tứ.

Như có một trụ xứ khi tự tứ, nhiều Tỳ-kheo bị bịnh, các Tỳ-kheo suy nghĩ: "Trú xứ này nhiều Tỳ-kheo bị bịnh, nếu chúng ta nói Ba-lần tự tứ thì các Tỳ-kheo bịnh sẽ không thể quỳ lâu được", nghĩ rồi một Tỳ-kheo trong Tăng nên tác bạch như sau: "Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay nói một lần tự tứ. Bạch như vậy". Làm như vậy xong mới tự tứ, không nên gởi tự tứ và làm trở ngại. Trú xứ như thế nên nói một lần tự tứ.

Như có một trụ xứ khi tự tứ, trời mưa to nóc nhà bị dột, các Tỳ-kheo suy nghĩ: "Trú xứ này trời mưa to, nóc nhà bị dột. Nếu chúng ta nói Ba-lần tự tứ thì nước mưa chảy xuống sẽ làm ướt ngọa cụ của tăng và ướt hết y phục các Tỳ-kheo", nghĩ rồi một Tỳ-kheo trong Tăng nên tác bách như sau: "Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp

thuận, Tăng nay nói một lần tự tứ. Bạch như vậy". Làm như vậy xong mới tự tứ, không nên gởi tự tứ và làm trở ngại. Trú xứ như thế nên nói một lần tự tứ.

Như có một trụ xứ khi tự tứ, trong tám nạn nếu có 1 nạn khởi lên như: Nạn vua, nạn giặc, nạn nước, nạn lửa, nạn ác thú, nạn rắn rít, nạn người, nạn phi nhơn. Nạn vua là vua nổi giận ra lịnh bắt Sa-môn Thích tử hoặc đánh, trói, giết hoặc đuổi hoặc đoạt Ca sa cho mặc áo bạch y, sai làm binh lính trong bốn binh, hoặc cầm cương ngựa, khiêng kiệu ra vào trong quân trận, hoặc làm sai dịch cho quan… Lúc đó các Tỳ-kheo suy nghĩ: "Trú xứ này vua nổi giận… làm sai dịch cho quan. Nếu chúng ta nói Ba-lần tự tứ thì sẽ bị giết hoặc bị phá giới", nghĩ rồi một Tỳ-kheo trong Tăng nên tác bạch như sau: "Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay nói một lần tự tứ. Bạch như vậy". Làm như vậy xong mới tự tứ, không nên gởi tự tứ và làm trở ngại. Trú xứ như thế nên nói một lần tự tứ. Nạn giặc là như giặc nổi giận ra lịnh bắt Sa-môn Thích tử giết, trói, đuổi đi; lấy máu bôi trên ngạch cửa… cho đến trên tường vách, phòng tăng, nhà ăn, nhà thiền… đều lấy máu bôi lên, vẽ cờ hiệu và viết chữ. Các Tỳ-kheo suy nghĩ: "Trú xứ này giặc nổi giận ra lịnh… vẽ cờ hiệu và viết chữ. Nếu chúng ta nói Ba-lần tự tứ sẽ bị giết hoặc phá giới", nghĩ rồi một Tỳ-kheo trong Tăng tác bạch như sau:

"Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay nói một lần tự tứ, Bạch như vậy". Làm như vậy xong mới tự tứ, không nên gởi tự tứ và làm trở ngại. Trú xứ như thế nên nói một lần tự tứ. Nạn lửa là các Tỳ-kheo làm tăng phường trong rừng, bỗng bị lửa trời thiêu đốt cây rừng lan đến chỗ kinh hành, lầu gác, Tăng phường… tất cả đều bị đốt cháy. Các Tỳ-kheo suy nghĩ: "Chúng ta làm tăng phường trong rừng bỗng bị lửa trời thiêu đốt… tất cả đều bị đốt cháy. Nếu chúng ta nói Ba-lần tự tứ sẽ bị thiêu chết hoặc phá giới", nghĩ rồi một Tỳ-kheo trong Tăng tác bạch như sau: "Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay nói một lần tự tứ. Bạch như vậy". Làm như vậy xong mới tự tứ, không nên gởi tự tứ và làm trở ngại. Trú xứ như thế nên nói một lần tự tứ. Nạn nước là như các Tỳ-kheo làm Tăng phường ở một khúc sông, nơi đây có rồng nương ở tại tuyết sơn do thân phát triển có sức lực nên khi đi vào sông lớn hay khi đi ra biển làm cho nước sông dâng tràn, tất cả rừng cây, chỗ kinh hành, tăng phường… đều ngập lụt. Các Tỳ-kheo suy nghĩ: "Chúng ta làm Tăng phường ở một khúc sông, nơi đây có rông nương ở… đều ngập lụt. Nếu chúng ta nói Ba-lần tự tứ ắt sẽ chết hoặc phá giới", nghĩ rồi một Tỳ-kheo trong Tăng tác bạch như sau: "Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay nói một lần tự tứ. Bạch như vậy". Làm như vậy xong

mới tự tứ, không nên gởi tự tứ và làm trở ngại. Trú xứ như thế nên nói một lần tự tứ. Nạn ác thú là như các Tỳ-kheo làm tăng phường nơi có ác thú như sư tử, hổ, báo…, các Tỳ-kheo nhỏ không biết nghi pháp, đại tiểu tiện giặt giũ hong phơi không đúng chỗ khiến các ác thú nổi giận xông vào trong Tăng phường, nhà ăn, nhà thiền… Các Tỳ-kheo suy nghĩ: "Chúng ta làm Tăng phường nơi có ác thú… xông vào trong Tăng phường, nhà ăn … Nếu chúng ta nói Ba-lần tự tứ thì sẽ bị giết chết hoặc phá giới", nghĩ rồi một Tỳ-kheo trong Tăng tác bạch như sau: "Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay nói một lần tự tứ. Bạch như vậy". Làm như vậy xong mới tự tứ, không nên gởi tự tứ và làm trở ngại. Trú xứ như thế nên nói một lần tự tứ. Nạn rắn rít là như các Tỳ-kheo làm Tăng phường nơi rồng ở, do các Tỳ-kheo nhỏ không biết nghi pháp, đại tiểu tiện, giặt giũ hong phơi không đúng chỗ khiến rồng nổi giận thả rắn độc, rít, bò cạp… vào trong Tăng phường ở dưới giường, ở trên giường, dưới ghế ngồi, trên ghế ngồi, trong nhà ăn, nhà tắm, nhà xí… Các Tỳ-kheo suy nghĩ: "Chúng ta làm Tăng phương nơi rồng ở, do các Tỳ-kheo nhỏ… trong nhà tắm, nhà xí… Nếu chúng ta nói Ba-lần tự tứ sẽ bị rắn cắn chết hoặc phá giới", nghĩ rồi một Tỳ-kheo trong Tăng tác bạch như sau: "Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay nói một lần tự tứ. Bạch như vậy".

Làm như vậy xong mới tự tứ, không nên gởi tự tứ và làm trở ngại. Trú xứ như thế nên nói một lần tự tứ. Nạn người là như các Tỳ-kheo nương ở nơi tụ lạc, do các Tỳ-kheo không biết nghi pháp nên dùng lợi dịu dàng hoặc la mắng các quý nhân, phụ nữ muốn khiến họ phục tùng. Những người này nổi giận ra lịnh bắt Sa-môn Thích tử giết, trói hoặc đuổi đi, không cho vào trong thành ấp và đi trên đường; cũng không cho vào nhà, không cho ngồi, không cho khất thực, không cho cúng dường. Các Tỳ-kheo suy nghĩ: "Do các Tỳ-kheo không biết nghi pháp… không cho cúng dường, Nếu chúng ta nói Ba-lần tự tứ sẽ bị giết chết hay phá giới", nghĩ rồi một Tỳ-kheo trong Tăng tác bạch như sau: "Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay nói một lần tự tứ. Bạch như vậy". Làm như vậy xong mới tự tứ, không nên gởi tự tứ và làm trở ngại. Trú xứ như thế nên nói một lần tự tứ. Nạn phi nhơn là như các Tỳ-kheo làm Tăng phương nơi phi nhơn ở, do các Tỳ-kheo không biết nghi pháp đại tiểu tiện, giặt giũ hong phơi không đúng chỗ khiến phi nhơn nổi giận khủng bố các Tỳ-kheo, mang Tỳ-kheo để trên giường hoặc dưới giường… hoặc bắt Tỳ-kheo treo ngược lên. Các Tỳ-kheo suy nghĩ: "Do các Tỳ-kheo không biết nghi pháp… bị treo ngược lên. Nếu chúng ta nói Ba-lần tự tứ sẽ bị giết chết hoặc phá giới", nghĩ rồi một Tỳ-kheo trong Tăng tác bạch như sau: "Nếu

tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay nói một lần tự tứ. Bạch như vậy". Làm như vậy xong mới tự tứ, không nên gởi tự tứ và làm trở ngại. Trú xứ như thế nên nói một lần tự tứ.

Có một trụ xứ khi tự tứ, một Tỳ-kheo nói rằng: "Hãy để tội một bên, việc cùng người tự tứ", Tăng nên nói với Tỳ-kheo này: "Trưởng lão, không được để tội một bên, việc cùng người tự tứ. Nếu có nói gì thì nói ngay bây giờ, vì tuy Phật cho tự tứ nhưng việc này thì không được". Lại có một Tỳ-kheo nói rằng: "Hãy để người, để tội một bên, người khác cùng tự tứ", Tăng nên nói với Tỳ-kheo này: "Trưởng lão, không được để người, để tội một bên, người khác cùng tự tứ, nếu có nói gì thì nói ngay bây giờ, vì Phật tuy cho chúng ta tự tứ nhưng việc này thì không được". Lại có Tỳ-kheo nói rằng: "Hãy để tội, để người, để bè đảng một bên, người dư tàn cùng tự tứ", Tăng nên nói với Tỳ-kheo này: "Trưởng lão, không được để tội, để người, để bè đảng một bên, người dư tàn cùng tự tứ. Nếu có nói gì thì nói ngay bây giờ, vì Phật tuy cho chúng ta tự tứ nhưng việc này thì không được".

Có một trụ xứ khi tự tứ biết tội nhưng không biết người, Tăng nên để tự tứ xong mới cầu nói, không nên lúc đang tự tứ mà cầu nói, nếu lúc đang tự tứ mà cầu nói thì Tăng mắc tội.

Có một trụ xứ biết người nhưng không biết tội, Tăng nên để tự tứ xong mới cầu nói, không nên

đang lúc tự tứ mà cầu nói. Nếu đang lúc tự tứ mà cầu nói thì Tăng mắc tội.

Có một trụ xứ biết tội biết người, Tăng nên đang lúc tự tứ cầu nói, không nên để tự tứ xong mới cầu nói. Nếu để tự tứ xong mới cầu nói thì Tăng mắc tội.

Có một trụ xứ khi tự tứ không biết tội không biết người, Tăng nên để tự tứ xong mới cầu nói, không nên đang lúc tự tứ mà cầu nói. Nếu đang lúc tự tứ mà cầu nói thì Tăng mắc tội.

Có một trụ xứ khi tự tứ, các Tỳ-kheo làm chế hạn: "Các Trưởng lão, chúng ta không phải hết ba tháng hạ tự tứ, mà là hết bốn tháng hạ vào tháng tám tự tứ. Nếu chúng ta tự tứ vào tháng cuối hạ thì được nhiều bố thí", vì nhiếp bố thí thì nên vào tháng này tự tứ. Lúc đó có một Tỳ-kheo vốn không muốn cha mẹ, hoặc anh em chị em và vợ cũ sai sử nên ở trong đây không nhận phần mình mà miễn cưỡng bỏ đi. Tỳ-kheo này nói với các Tỳ-kheo: "Các Trưởng lão, tôi vốn không muốn … miễn cưỡng bỏ đi. Các vị hãy nhóm lại, tôi nay muốn tự tứ, muốn ngăn tự tứ, muốn ngăn một Tỳ-kheo tự tứ", Tăng nên nói với Tỳ-kheo này: "Trưởng lão, không được ngày nay tự tứ, cũng không được ngăn người khác tự tứ, muốn nói gì thì nói ngay bây giờ vì tự thân thanh tịnh, Phật cho tự tứ", Tỳ-kheo này nói: "Các Trưởng lão hãy nhóm lại, ngày nay tôi muốn tự tứ, sau sẽ ngăn một Tỳ-kheo tự tứ", Tăng

nên nói: "Trưởng lão không được ngày nay tự tứ rồi sau sẽ ngăn một Tỳ-kheo tự tứ, muốn nói gì thì nói ngay bây giờ vì tự thân thanh tịnh, Phật cho tự tứ". Nếu Tỳ-kheo này nói: "Các Trưởng lão hãy nhóm lại, tôi ngày nay tự tứ, sau sẽ không ngăn Tỳ-kheo khác tự tứ", Phật nói: "Tăng nên hòa hợp cho Tỳ-kheo này tự tứ, vì sao vì vào chế hạn tự tứ, khi tự tứ không nên đến: Chỗ này có Tỳ-kheo, có trú xứ; chỗ kia có Tỳ-kheo, có trú xứ; chỗ kia có Tỳ-kheo, không có trú xứ; chỗ kia có Tỳ-kheo, có trú xứ và không có trú xứ; nếu trong chỗ kia có Tỳ-kheo bất cọng trụ thì khi tự tứ không nên đến. Chỗ này có Tỳ-kheo, có trú xứ; chỗ kia có không phải Tỳ-kheo, có trú xứ; chỗ kia có không phải Tỳ-kheo, không có trú xứ; chỗ kia có không phải Tỳ-kheo, có trú xứ và không có trú xứ; nếu trong chỗ kia có Tỳ-kheo bất cọng trụ thì khi tự tứ không nên đến. Ngoài ra như trong pháp bố tát có nói đủ".

Phật bảo các Tỳ-kheo: "Không nên tự tứ ở trước bạch y, Sa di, dị đạo, không phải Tỳ-kheo; người bị tẫn về không thấy tội, không sám tội, không bỏ ác tà kiến và tội bất cọng trụ; người phạm các tội bất cọng trụ, phạm biên tội, người vốn là bạch y, bất năng nam, người ô nhục Tỳ-kheo-ni, người việt tế (tặc trụ); người giết cha mẹ, A-la-hán, người phá tăng, người ác tâm làm cho Phật bị thương. Tất cả việc trước làm xong rồi mới nên tự tứ; nếu đáng cho Hiện tiền Tỳ-ni thì nên cho; đáng

cho Ức niệm Tỳ-ni thì nên cho; đáng cho Bất si Tỳ-ni thì nên cho; đáng cho Mích tội tướng Tỳ-ni thì nên cho; đáng cho Đa mích Tỳ-ni thì nên cho; đáng cho yết ma trị phạt thì nên cho; đáng cho yết ma y chỉ thì nên cho; đáng cho yết ma tẫn xuất thì nên cho; đáng cho yết ma hạ-ý thì nên cho; đáng cho yết ma Bất-kiến-tẫn thì nên cho; đáng cho yết ma Bất-tác-tẫn thì nên cho; đáng cho yết ma tà kiến bất trừ tẫn thì nên cho; đáng cho yết ma biệt trụ thì nên cho; đáng cho yết ma hành Ma-na-đỏa, Bổn-nhật-trị, xuất tội thì nên cho; nên cho xong rồi mới tự tứ. Nếu Tỳ-kheo thọ tự tứ cách đêm thì không nên cùng tự tứ, nếu chúng tăng chưa đứng dậy thì được. Ngày tự tứ chưa đến thì không nên tự tứ, trừ khi Tăng tranh cải được nhất tâm hòa hợp trở lại thì cho tự tứ".

-oOo-

LUẬT THẬP TỤNG

QUYỂN 24
PHÁP AN CƯ THỨ TƯ

Phật tại thành Vương xá, lúc đó các Tỳ-kheo du hành đến các nước trong mùa hạ, giẫm đạp cỏ tươi và đạp chết các côn trùng nên bị các dị đạo xuất gia chê trách: "Các Sa-môn đạo khác và Bà-la-môn trong hạ an cư ẩn mình nơi vắng vẻ, giống như chim vào lúc giữa trưa ẩn mình trong tổ để tránh nắng. Sa-môn Thích tử tự cho mình là có đức lại du hành các nơi trong mùa hạ, giẫm đạp cỏ tươi và đạp chết các côn trùng". Có Tỳ-kheo thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng rồi hỏi các Tỳ-kheo: "Các thầy thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo lại du hành trong mùa hạ, giẫm đạp cỏ tươi và đạp chết các côn trùng", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Từ nay nên an cư vào mùa hạ". Trưởng lão Ưu-ba-ly hỏi Phật: "Thế tôn, những ai phải an cư?", Phật nói: "Năm chúng nên an cư, đó là Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Thức-

xoa-ma-na, Sa di, Sa-di-ni", lại hỏi: "Thế tôn, pháp thọ an cư như thế nào?", Phật nói: "Nếu Thượng tòa đối trước Hạ tòa thọ an cư nên đứng dậy trịch bày vai hữu, quỳ gối chắp tay bạch rằng:

Trưởng lão nhớ nghĩ, tôi Tỳ-kheo ..... ở trú xứ này hạ an cư ba tháng trước, nương vào tụ lạc ..... là nơi có thể đi lại. Tăng phương nếu có hư hoại sẽ tu bổ lại. (3 lần) Hạ tòa nên nói: "Chớ buông lung", Thượng tòa nên đáp: "Xin thọ trì". Nếu Hạ tòa đối trước Thượng tòa thọ an cư thì nên đứng dậy trịch bày vai hữu, đảnh lễ rồi bạch rằng:

Trưởng lão nhớ nghĩ, con Tỳ-kheo ..... ở trú này hạ an cư ba tháng trước, nương vào tụ lạc ..... là nơi có thể đi lại. Tăng phường nếu có hư hoại sẽ tu bổ lại. (3 lần) Thượng tòa nên nói: "Chớ buông lung", Hạ tòa nên đáp: "Xin thọ trì".

Thọ an cư ba tháng sau cũng giống như vậy, nếu không an cư thì phạm Đột-kiết-la".

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó ở nước ca di có tụ lạc Tượng lực, trong đây có một cư sĩ tên là Ưu-điền, nhà giàu có, nhiều của cải, ruộng vườn, thọ dụng đầy đủ. Vị này đã quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng được kiến đế đắc quả, sau khi xây xong Tăng phường cho Tăng liền sai sứ đến bạch Tăng: "Ở đây con đã lo liệu xong nhiều thức ăn thức uống và y để cúng dường, xin thỉnh các Trưởng lão đến thọ y thực cúng dường, Tăng phường và ngọa cụ

xin cúng cho Tứ phương Tăng", các Tỳ-kheo nói với sứ giả: "Phật đã kết giới không cho các Tỳ-kheo du hành đến các nước trong hạ an cư, xin cư sĩ đừng buồn". Lúc đó cư sĩ suy nghĩ: "Nguyện không ứng theo tâm, thật buồn phiền. Ta xây Tăng phường này cho Tăng mà Tăng lại không đến, không biết phải làm sao. Ta nên đến trú xứ gần đây thỉnh các Tỳ-kheo đến thọ y thực, còn Tăng phường và ngọa cụ cúng cho Tứ phương Tăng". Pháp thường của chư Phật là một năm có hai kỳ đại hội vào tháng sau của cuối mùa xuân và vào tháng sau của cuối mùa hạ. Vào tháng cuối của mùa xuân, Tỳ-kheo các nơi suy nghĩ: "Phật đã dạy chúng ta nên an cư, trong ba tháng an cư tu tập sẽ được an lạc trụ", đây là đại hội thứ nhất. Vào tháng cuối của mùa hạ, các Tỳ-kheo an cư ba tháng đã xong nghĩ rằng: "Đã lâu chúng ta không gặp Phật", nghĩ rồi liền đắp y mang bát đi đến chỗ Thế tôn, đây là đại hội thứ hai. Lúc đó các Tỳ-kheo hạ an cư ba tháng ở trong thành Vương xá xong, may y rồi liền đắp y mang bát du hành đến chỗ Phật, đảnh lễ Phật rồi ngồi một bên. Pháp thường của Phật là khi có khách Tỳ-kheo đến đều hỏi thăm có nhẫn đủ không, có an lạc trụ không, khất thực có dễ không, đi đường có nhọc mệt không. Các Tỳ-kheo này đều đáp là nhẫn đủ, được an lạc trụ, khất thực không khó, đi đường không nhọc mệt, rồi đem việc trên bạch Phật. Phật do việc này nhóm Tỳ-kheo tăng đủ

lời khen ngợi giới và người trì giới rồi bảo các Tỳ-kheo: "Tự nay nếu có việc cho thọ pháp bảy đêm xuất giới". Trưởng lão Ưu-ba-ly hỏi Phật: "Thế tôn, nếu có việc cho thọ pháp bảy đêm xuất giới, vì ai thì được đi?", Phật nói: "Vì bảy chúng thì được đi, đó là Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-na, Sa di, Sa-di-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di".

Sao gọi là vì Ưu-bà-di thì được đi?:

Như Ưu-bà-di làm phòng nhà xong liền sai sứ đến bạch Tỳ-kheo rằng: "Con đã làm xong phòng nhà, xin thỉnh các Đại-đức đến nhà con thọ cúng dường". Có việc như vậy thì cho thọ pháp bảy đêm xuất giới. Như Ưu-bà-di làm chuồng voi, chuồng ngựa, nhà ăn xong liền sai sứ đến bạch Tỳ-kheo rằng: "Con làm xong chuồng voi…, xin thỉnh các Đại-đức đến nhà con thọ cúng dường". Có việc như vậy thì cho thọ pháp bảy đêm xuất giới.

Như Ưu-bà-di làm phòng nhà hoặc nhà ấm, nhà mát, nhà nhiều tầng, nhà một tầng… cho Tăng xong liền sai sứ đến bạch Tỳ-kheo rằng: "Con đã làm xong phòng nhà, nhà ấm… cho Tăng, xin thỉnh các Đại-đức đến nhà con thọ cúng dường". Có việc như vậy thì cho thọ pháp bảy đêm xuất giới.

Như Ưu-bà-di làm phòng nhà, nhà ấm… cho nhiều Tỳ-kheo hoặc hai, một; nhiều Tỳ-kheo-ni hoặc hai, một; nhiều Thức-xoa-ma-na hoặc hai,

một; nhiều Sa di hoặc hai, một; nhiều Sa-di-ni hoặc hai, một; nhiều người xuất gia hoặc hai, một; nhiều xuất gia ni hoặc hai, một; làm xong rồi sai sứ đến bạch Tỳ-kheo: "Con đã làm xong phòng nhà, nhà ấm… cho nhiều Tỳ-kheo hoặc hai, một… cho đến một xuất gia ni, xin thỉnh các Đại-đức đến nhà con thọ cúng dường". Có việc như vậy thì cho thọ pháp bảy đêm xuất giới.

Như Ưu-bà-di bị vua bắt hay giặc bắt hoặc oan gia hoặc bè đảng của oan gia bắt nên sai sứ đến bạch Tỳ-kheo: "Con bị vua bắt…, xin thỉnh các Đại-đức đến, con muốn gặp Tỳ-kheo". Có việc như vậy thì cho thọ pháp bảy đêm xuất giới. Nếu vì muốn nghe pháp hoặc vì muốn bố thí, hoặc vì muốn gặp Tỳ-kheo nghe pháp, hoặc vì muốn gặp Tỳ-kheo bố thí, hoặc vì muốn nghe pháp bố thí, hoặc vì muốn gặp Tỳ-kheo nghe pháp bố thí… có những việc như vậy thì cho thọ pháp bảy đêm xuất giới.

Như Ưu-bà-di bịnh khổ sai sứ đến bạch Tỳ-kheo: "Con bị bịnh khổ, xin thỉnh các Đại-đức đến, con muốn gặp Tỳ-kheo". Có việc như vậy thì cho thọ pháp bảy đêm xuất giới. Nếu vì muốn nghe pháp hoặc vì muốn bố thí… như trên, có những việc như vậy thì cho thọ pháp bảy đêm xuất giới.

Như Ưu-bà-di bịnh khổ sai sứ đến bạch Tỳ-kheo: "Con bịnh khổ, xin thỉnh các Đại-đức đến chỉ cho con thức ăn uống ứng theo bịnh". Có việc

như vậy thì cho thọ pháp bảy đêm xuất giới. Hoặc nói chỉ cho con thuốc thang ứng theo bịnh, hoặc nói chỉ cho con người khán bịnh tùy bịnh cho ăn và uống thuốc đầy đủ… có những việc như vậy thì cho thọ pháp bảy đêm xuất giới.

Như Ưu-bà-di muốn hiểu biết nhiều về Đại kinh như Ba là-sa-đề-ca (Tấn dịch là kinh Thanh tịnh), Ba là-sa-đại-ni (Tấn dịch là kinh Nhất tịnh), Bàn-xà-đề-lợi-kiếm (Tấn dịch là kinh Tam muội), Ma-na-xà-lam (Tấn dịch là kinh Hóa), Ba là tiểu-xà-lam (Tấn dịch là kinh Phạm), A-ta-na-kiếm (Tấn dịch là kinh Quỷ thần thành), Ma-ha-sa-ma-kỳ-kiếm (Tấn dịch là kinh Đại hội), A-la-già-đô-ba-ma (Tấn dịch là kinh Xà thí), Thất-lệ-bào-na-đô-hựu-đa-thời-nguyệt-đề (Tấn dịch là kinh Tác diệt giải thoát), Thích-già-la-Ba là-niệm-nại (Tấn dịch là kinh Thích vấn), Ha-ni-đà-na-ba-lê-da-dạ (Tấn dịch là kinh Đại nhân duyên), Tần-ba-sa-la Ba là-thời-già-ma-nam (Tấn dịch là kinh Bình sa nghinh), Bàn-xa-ưu-ba-đà-na-can-tróc-già (Tấn dịch là kinh Ngũ thọ ấm kiếp), Sa-đà-da-đa-ni (Tấn dịch là kinh Lục tình bộ), Ni-đà-na-tán-do-khất-đa (Tấn dịch là kinh Đồng giới bộ), Ba-la-diên (Tấn dịch là kinh Quá đạo), A đà-ba-kỳ-da-tu-đố-lộ (Tấn dịch là kinh Chúng đức), Tất-kỳ-đà-xá-tu-đố-lộ (Tấn dịch là kinh Kiến đế)… hoặc chưa học, muốn học hoặc trước đã học rồi nhưng quên, muốn tụng lại nên sai sứ đến bạch Tỳ-kheo: "Con vì

muốn hiểu biết nhiều về Đại kinh… như trên cho đến câu muốn tụng lại, xin thỉnh các Đại-đức đến dạy cho con học, đọc tụng và hỏi nghĩa". Có việc như vậy thì cho thọ pháp bảy đêm xuất giới. Nói chung vì Ưu-bà-di như thế thì được đi, vì Ưu-bà-tắc cũng giống như vậy.

Sao gọi là vì Sa-di-ni được đi?:

Như có Sa-di-ni làm phòng nhà hoặc nhà ấm, nhà mát, nhà nhiều tầng, nhà một tầng… cho Tăng xong liền sai sứ đến bạch Tỳ-kheo rằng: "Con đã làm xong phòng nhà, nhà ấm… cho Tăng, xin thỉnh các Đại-đức đến nhà con thọ cúng dường". Có việc như vậy thì cho thọ pháp bảy đêm xuất giới.

Như Sa-di-ni làm phòng nhà, nhà ấm … cho nhiều Tỳ-kheo hoặc hai, một; nhiều Tỳ-kheo-ni hoặc hai, một; nhiều Thức-xoa-ma-na hoặc hai, một; nhiều Sa di hoặc hai, một; nhiều Sa-di-ni hoặc hai, một; nhiều người xuất gia hoặc hai, một; nhiều xuất gia ni hoặc hai, một; làm xong rồi sai sứ đến bạch Tỳ-kheo: "Con đã làm xong phòng nhà, nhà ấm… cho nhiều Tỳ-kheo hoặc hai, một… cho đến một xuất gia ni, xin thỉnh các Đại-đức đến nhà con thọ cúng dường". Có việc như vậy thì cho thọ pháp bảy đêm xuất giới.

Như Sa-di-ni bị vua bắt hay giặc bắt hoặc oan gia hoặc bè đảng của oan gia bắt nên sai sứ đến

bạch Tỳ-kheo: "Con bị vua bắt…, xin thỉnh các Đại-đức đến, con muốn gặp Tỳ-kheo". Có việc như vậy thì cho thọ pháp bảy đêm xuất giới. Nếu vì muốn nghe pháp hoặc vì muốn bố thí, hoặc vì muốn gặp Tỳ-kheo nghe pháp, hoặc vì muốn gặp Tỳ-kheo bố thí, hoặc vì muốn nghe pháp bố thí, hoặc vì muốn gặp Tỳ-kheo nghe pháp bố thí… có những việc như vậy thì cho thọ pháp bảy đêm xuất giới.

Như Sa-di-ni bịnh khổ sai sứ đến bạch Tỳ-kheo: "Con bị bịnh khổ, xin thỉnh các Đại-đức đến, con muốn gặp Tỳ-kheo". Có việc như vậy thì cho thọ pháp bảy đêm xuất giới. Nếu vì muốn nghe pháp hoặc vì muốn bố thí… như trên, có những việc như vậy thì cho thọ pháp bảy đêm xuất giới.

Như Sa-di-ni bịnh khổ sai sứ đến bạch Tỳ-kheo: "Con bị bịnh khổ, xin thỉnh các Đại-đức chỉ cho con thức ăn uống và thuốc thang ứng theo bịnh, hoặc chỉ cho con người khán bịnh cho ăn và uống thuốc đầy đủ ứng theo bịnh". Có những việc như vậy thì cho thọ pháp bảy đêm xuất giới.

Như Sa-di-ni bịnh khổ sai sứ đến bạch Tỳ-kheo: "Con bị bịnh khổ, xin thỉnh các Đại-đức đến đưa con từ chỗ này đến chỗ kia như pháp, hoặc từ chỗ kia đến chỗ nay như pháp". Có việc như vậy thì cho thọ pháp bảy đêm xuất giới.

Như Sa-di-ni vì ưu sầu muốn xả giới nên sai sứ

đến bạch Tỳ-kheo: "Con ưu sầu muốn xả giới, xin thỉnh các Đại-đức đến thuyết pháp cho con". Có việc như vậy thì cho thọ pháp bảy đêm xuất giới.

Như Sa-di-ni sanh ác tà nên sai sứ đến bạch Tỳ-kheo: "Con sanh ác tà, xin thỉnh các Đại-đức đến trừ ác tà giúp cho con". Có việc như vậy thì cho thọ pháp bảy đêm xuất giới.

Như Sa-di-ni sanh tâm nghi hối, sai sứ đến bạch Tỳ-kheo: "Tâm con nghi hối, xin thỉnh các Đại-đức đến trừ nghi hối giúp cho con". Có việc như vậy thì cho thọ pháp bảy đêm xuất giới.

Như Sa di di trước kia ở nhà chồng đã đủ mười tuổi, hoặc là đồng nữ đã đủ mười tám tuổi, sai sứ đến bạch Tỳ-kheo: "Con trước kia ở nhà chồng đã đủ mười tuổi, hoặc là đồng nữ đã đủ mười tám tuổi, xin thỉnh các Đại-đức đến cho con thọ học pháp". Có việc như vậy thì cho thọ pháp bảy đêm xuất giới.

Như Sa-di-ni muốn hiểu biết nhiều về Đại kinh như Ba là sa đề già… cho đến Tát kỳ đà xá tu đố lộ hoặc chưa học, muốn học hay trước đã học rồi nhưng quên, muốn tụng lại nên sai sứ đến bạch Tỳ-kheo: "Con vì muốn hiểu biết nhiều về Đại kinh… muốn tụng lại, xin thỉnh các Đại-đức đến dạy cho con học, tụng và hỏi nghĩa". Có việc như vậy thì cho thọ pháp bảy đêm xuất giới. Trường hợp vì Sa di được đi cũng giống như vì Sa-di-ni, các việc

khác tùy theo đó mà nhận hiểu.

Sao gọi là vì Thức-xoa-ma-na được đi?:

Như Thức-xoa-ma-Na-làm phòng nhà hoặc nhà ấm, nhà mát, nhà nhiều tầng, nhà một tầng… cho Tăng xong liền sai sứ đến bạch Tỳ-kheo rằng: "Con đã làm xong phòng nhà, nhà ấm… cho Tăng, xin thỉnh các Đại-đức đến nhà con thọ cúng dường". Có việc như vậy thì cho thọ pháp bảy đêm xuất giới.

Như Thức-xoa-ma-Na-làm phòng nhà, nhà ấm… cho nhiều Tỳ-kheo hoặc hai, một; nhiều Tỳ-kheo-ni hoặc hai, một; nhiều Thức-xoa-ma-na hoặc hai, một; nhiều Sa di hoặc hai, một; nhiều Sa-di-ni hoặc hai, một; nhiều người xuất gia hoặc hai, một; nhiều xuất gia ni hoặc hai, một; làm xong rồi sai sứ đến bạch Tỳ-kheo: "Con đã làm xong phòng nhà, nhà ấm… cho nhiều Tỳ-kheo hoặc hai, một… cho đến một xuất gia ni, xin thỉnh các Đại-đức đến nhà con thọ cúng dường". Có việc như vậy thì cho thọ pháp bảy đêm xuất giới.

Như Thức-xoa-ma-na bị vua bắt hay giặc bắt hoặc oan gia hoặc bè đảng của oan gia bắt nên sai sứ đến bạch Tỳ-kheo: "Con bị vua bắt…, xin thỉnh các Đại-đức đến, con muốn gặp Tỳ-kheo". Có việc như vậy thì cho thọ pháp bảy đêm xuất giới. Nếu vì muốn nghe pháp hoặc vì muốn bố thí, hoặc vì muốn gặp Tỳ-kheo nghe pháp, hoặc vì muốn gặp

Tỳ-kheo bố thí, hoặc vì muốn nghe pháp bố thí, hoặc vì muốn gặp Tỳ-kheo nghe pháp bố thí… có những việc như vậy thì cho thọ pháp bảy đêm xuất giới.

Như Thức-xoa-ma-na bịnh khổ sai sứ đến bạch Tỳ-kheo: "Con bị bịnh khổ, xin thỉnh các Đại-đức đến, con muốn gặp Tỳ-kheo". Có việc như vậy thì cho thọ pháp bảy đêm xuất giới. Nếu vì muốn nghe pháp hoặc vì muốn bố thí… như trên, có những việc như vậy thì cho thọ pháp bảy đêm xuất giới.

Như Thức-xoa-ma-na bịnh khổ sai sứ đến bạch Tỳ-kheo: "Con bị bịnh khổ, xin thỉnh các Đại-đức chỉ cho con thức ăn uống và thuốc thang ứng theo bịnh, hoặc chỉ cho con người khán bịnh cho ăn và uống thuốc đầy đủ ứng theo bịnh". Có những việc như vậy thì cho thọ pháp bảy đêm xuất giới.

Như Thức-xoa-ma-na bịnh khổ sai sứ đến bạch Tỳ-kheo: "Con bị bịnh khổ, xin thỉnh các Đại-đức đến đưa con từ chỗ này đến chỗ kia như pháp, hoặc từ chỗ kia đến chỗ nay như pháp". Có việc như vậy thì cho thọ pháp bảy đêm xuất giới.

Như Thức-xoa-ma-na vì ưu sầu muốn xả giới nên sai sứ đến bạch Tỳ-kheo: "Con ưu sầu muốn xả giới, xin thỉnh các Đại-đức đến thuyết pháp cho con". Có việc như vậy thì cho thọ pháp bảy đêm xuất giới.

Như Thức-xoa-ma-na sanh ác tà nên sai sứ đến

bạch Tỳ-kheo:

"Con sanh ác tà, xin thỉnh các Đại-đức đến trừ ác tà giúp cho con". Có việc như vậy thì cho thọ pháp bảy đêm xuất giới.

Như Thức-xoa-ma-na sanh tâm nghi hối, sai sứ đến bạch Tỳ-kheo: "Tâm con nghi hối, xin thỉnh các Đại-đức đến trừ nghi hối giúp cho con". Có việc như vậy thì cho thọ pháp bảy đêm xuất giới.

Như Thức-xoa-ma-na phạm hai giới sau, sai sứ đến bạch Tỳ-kheo: "Con phạm hai giới sau, xin thỉnh các Đại-đức đến cho con thọ giới lại". Có việc như vậy thì cho thọ pháp bảy đêm xuất giới.

Như Thức-xoa-ma-na trước kia ở nhà chồng đã đủ mười hai tuổi, hoặc là đồng nữ đã đủ hai mươi tuổi, sai sứ đến bạch Tỳ-kheo: "Con trước kia ở nhà chồng đã đủ mười hai tuổi, hoặc là đồng nữ đã đủ mười tám tuổi, xin thỉnh các Đại-đức đến cho con thọ giới cụ túc". Có việc như vậy thì cho thọ pháp bảy đêm xuất giới.

Như Sa-di-ni muốn hiểu biết nhiều về Đại kinh như Ba là sa đề già… cho đến Tát kỳ đà xá tu đố lộ hoặc chưa học, muốn học hay trước đã học rồi nhưng quên, muốn tụng lại nên sai sứ đến bạch Tỳ-kheo: "Con vì muốn hiểu biết nhiều về Đại kinh… muốn tụng lại, xin thỉnh các Đại-đức đến dạy cho con học, tụng và hỏi nghĩa". Có việc như vậy thì cho thọ pháp bảy đêm xuất giới.

Sao gọi là vì Dữ học (học hối) Sa-di-ni được đi?:

Như Dữ học Sa-di-ni làm phòng nhà hoặc nhà ấm, nhà mát, nhà nhiều tầng, nhà một tầng… cho Tăng xong liền sai sứ đến bạch Tỳ-kheo rằng: "Con đã làm xong phòng nhà, nhà ấm… cho Tăng, xin thỉnh các Đại-đức đến nhà con thọ cúng dường". Có việc như vậy thì cho thọ pháp bảy đêm xuất giới.

Như Dữ học Sa-di-ni làm phòng nhà, nhà ấm… cho nhiều Tỳ-kheo hoặc hai, một; nhiều Tỳ-kheo-ni hoặc hai, một; nhiều Thức-xoa-ma-na hoặc hai, một; nhiều Sa di hoặc hai, một; nhiều Sa-di-ni hoặc hai, một; nhiều người xuất gia hoặc hai, một; nhiều xuất gia ni hoặc hai, một; làm xong rồi sai sứ đến bạch Tỳ-kheo: "Con đã làm xong phòng nhà, nhà ấm… cho nhiều Tỳ-kheo hoặc hai, một… cho đến một xuất gia ni, xin thỉnh các Đại-đức đến nhà con thọ cúng dường". Có việc như vậy thì cho thọ pháp bảy đêm xuất giới.

Như Dữ học Sa-di-ni bị vua bắt hay giặc bắt hoặc oan gia hoặc bè đảng của oan gia bắt nên sai sứ đến bạch Tỳ-kheo: "Con bị vua bắt…, xin thỉnh các Đại-đức đến, con muốn gặp Tỳ-kheo". Có việc như vậy thì cho thọ pháp bảy đêm xuất giới. Nếu vì muốn nghe pháp hoặc vì muốn bố thí, hoặc vì muốn gặp Tỳ-kheo nghe pháp, hoặc vì muốn gặp Tỳ-kheo bố thí, hoặc vì muốn nghe pháp bố thí,

hoặc vì muốn gặp Tỳ-kheo nghe pháp bố thí… có những việc như vậy thì cho thọ pháp bảy đêm xuất giới.

Như Dữ học Sa-di-ni bịnh khổ sai sứ đến bạch Tỳ-kheo: "Con bị bịnh khổ, xin thỉnh các Đại-đức đến, con muốn gặp Tỳ-kheo". Có việc như vậy thì cho thọ pháp bảy đêm xuất giới. Nếu vì muốn nghe pháp hoặc vì muốn bố thí… như trên, có những việc như vậy thì cho thọ pháp bảy đêm xuất giới.

Như Dữ học Sa-di-ni bịnh khổ sai sứ đến bạch Tỳ-kheo: "Con bị bịnh khổ, xin thỉnh các Đại-đức chỉ cho con thức ăn uống và thuốc thang ứng theo bịnh, hoặc chỉ cho con người khán bịnh cho ăn và uống thuốc đầy đủ ứng theo bịnh". Có những việc như vậy thì cho thọ pháp bảy đêm xuất giới.

Như Dữ học Sa-di-ni bịnh khổ sai sứ đến bạch Tỳ-kheo: "Con bị bịnh khổ, xin thỉnh các Đại-đức đến đưa con từ chỗ này đến chỗ kia như pháp, hoặc từ chỗ kia đến chỗ nay như pháp". Có việc như vậy thì cho thọ pháp bảy đêm xuất giới.

Như Dữ học Sa-di-ni vì ưu sầu muốn xả giới nên sai sứ đến bạch Tỳ-kheo: "Con ưu sầu muốn xả giới, xin thỉnh các Đại-đức đến thuyết pháp cho con". Có việc như vậy thì cho thọ pháp bảy đêm xuất giới.

Như Dữ học Sa-di-ni sanh ác tà nên sai sứ đến bạch Tỳ-kheo: "Con sanh ác tà, xin thỉnh các Đại-

đức đến trừ ác tà giúp cho con". Có việc như vậy thì cho thọ pháp bảy đêm xuất giới.

Như Dữ học Sa-di-ni sanh tâm nghi hối, sai sứ đến bạch Tỳ-kheo: "Tâm con nghi hối, xin thỉnh các Đại-đức đến trừ nghi hối giúp cho con". Có việc như vậy thì cho thọ pháp bảy đêm xuất giới.

Như Dữ học Sa di di sắp bị Tăng làm yết ma trị hoặc yết ma khổ-thiết (trách phạt), yết ma y chỉ, yết ma tẫn, yết ma hạ-ý nên sai sứ đến bạch Tỳ-kheo: "Con sắp bị Tăng làm yết ma trị… yết ma hạ-ý, xin thỉnh các Đại-đức đến giúp đỡ con". Có việc như vậy thì cho thọ pháp bảy đêm xuất giới.

Như Dữ học Sa-di-ni đã bị Tăng cho yết ma trị hoặc yết ma khổ-thiết… yết ma hạ-ý nên sai sứ đến bạch Tỳ-kheo: "Con đã bị Tăng cho yết ma trị… yết ma hạ-ý, xin thỉnh các Đại-đức đến giúp đỡ để Tăng trị phạt nhẹ chớ trị phạt nặng". Có việc như vậy thì cho thọ pháp bảy đêm xuất giới.

Như Dữ học Sa-di-ni, Tăng muốn làm Ức niệm Tỳ-ni, Bất si Tỳ-ni nên sai sứ đến bạch Tỳ-kheo: "Tăng muốn làm Ức niệm Tỳ-ni, Bất si Tỳ-ni cho con; xin thỉnh các Đại-đức đến giúp đỡ con". Có việc như vậy thì cho thọ pháp bảy đêm xuất giới.

Như Dữ học Sa-di-ni, Tăng muốn làm Thật mích Tỳ-ni nên sai sứ đến bạch Tỳ-kheo: "Tăng muốn làm Thật mích Tỳ-ni cho con, xin thỉnh các Đại-đức đến giúp đỡ con". Có việc như vậy thì cho

thọ pháp bảy đêm xuất giới.

Như Dữ học Sa-di-ni, Tăng đã cho Thật mích Tỳ-ni xong nên sai sứ đến bạch Tỳ-kheo: "Tăng đã con Thật mích Tỳ-ni xong rồi, xin thỉnh các Đại-đức đến giúp đỡ để Tăng trị phạt nhẹ chớ trị phạt nặng". Có việc như vậy thì cho thọ pháp bảy đêm xuất giới.

Như Dữ học Sa-di-ni sắp bị Tăng cho yết ma Bất-kiến-tẫn, Bất-tác-tẫn, ác tà bất trừ tẫn nên sai sứ đến bạch Tỳ-kheo: "Tăng sắp cho con yết ma Bất-kiến-tẫn, Bất-tác-tẫn, ác tà bất trừ tẫn; xin thỉnh các Đại-đức đến chỉ bảo cho con thấy tội, sám tội và trừ ác tà cho con". Có việc như vậy thì cho thọ pháp bảy đêm xuất giới.

Như Dữ học Sa-di-ni phạm Tăng-già-bà-thi-sa, Tăng muốn cho yết na Ma-na-đỏa hoặc yết ma Bổn-nhật-trị hoặc cho xuất tội nên sai sứ đến bạch Tỳ-kheo: "Con phạm Tăng-già-bà-thi-sa, Tăng sắp cho con yết ma Ma-na-đỏa, Bổn-nhật-trị hoặc cho xuất tội; xin thỉnh các Đại-đức đến giúp đỡ con". Có việc như vậy thì cho thọ pháp bảy đêm xuất giới.

Như Dữ học Sa-di-ni đối với hai bộ Ba-la-đề-mộc-xoa phân biệt hoặc chưa học, muốn học hoặc đã học rồi nhưng quên, muốn tụng lại nên sai sứ đến bạch Tỳ-kheo: "Con đối với hai bộ Ba-la-đề-mộc-xoa phân biệt… muốn tụng lại; xin thỉnh các

Đại-đức đến dạy cho con học, tụng và hỏi nghĩa". Có việc như vậy thì cho thọ pháp bảy đêm xuất giới.

Như Sa-di-ni muốn hiểu biết nhiều về Đại kinh như Ba là-sa-đề-già… cho đến Tát kỳ đà xá tu đố lộ hoặc chưa học, muốn học hay trước đã học rồi nhưng quên, muốn tụng lại nên sai sứ đến bạch Tỳ-kheo: "Con vì muốn hiểu biết nhiều về Đại kinh… muốn tụng lại, xin thỉnh các Đại-đức đến dạy cho con học, tụng và hỏi nghĩa". Có việc như vậy thì cho thọ pháp bảy đêm xuất giới. Giống như trường hợp vì Dữ học Sa-di-ni được đi, trường hợp Dữ học Sa di cũng như vậy, những việc khác tùy theo đó mà nhận hiểu. Như trường hợp vì Tỳ-kheo được đi, trường hợp vì Tỳ-kheo-ni được đi cũng vậy; như trường hợp vì việc của người khác được đi, trường hợp vì việc của mình được đi cũng vậy; trường hợp sai sư được đi, trường hợp không sai sứ được đi cũng vậy. Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni vì chính mình hoặc vì người khác, sai sứ hay không sai sứ đều được xuất giới đi. Chỉ được thọ pháp một lần bảy đêm xuất giới, không được hai lần bảy đêm xuất giới.

Có Tỳ-kheo bịnh hạ an cư không được thức ăn thức uống ứng theo bịnh, gặp nạn sự như vậy được xuất giới không phạm. Có Tỳ-kheo bịnh hạ an cư không được thuốc thang ứng theo bịnh, gặp nạn sự như vậy được xuất giới không phạm. Có Tỳ-kheo bịnh hạ an cư, không được người khán bịnh lo thức

ăn và thuốc thang đầy đủ, gặp nạn sự như vậy được xuất giới không phạm. Có Tỳ-kheo binh hạ an cư không được thức ăn và thuốc thang ứng theo bịnh, cũng không được người khán bịnh lo thức ăn và thuốc thang đầy đủ, gặp nạn sự như vậy được xuất giới không phạm. Có Tỳ-kheo hạ an cư gặp phải người nữ nói lời phi pháp rằng: "Đại-đức, tôi cho con gái tôi (hoặc chị em gái) cho thầy, thầy làm chồng con gái tôi (hoặc chị em gái)", Tỳ-kheo suy nghĩ: "Người nữ này nói lời phi pháp như trên. Nếu ta ở trong đây ắt sẽ bị mất mạng hoặc mất phạm hạnh", gặp nạn sự như vậy được xuất giới không phạm. Có Tỳ-kheo hạn an cư gặp phải người nam nói lời phi pháp rằng: "Đại-đức, tôi cho con gái tôi (chị em gái) cho thầy, thầy làm chồng con gái tôi (chị em gái)", Tỳ-kheo suy nghĩ: "Người nam này nói lời phi pháp như trên. Nếu ta ở trong đây ắt sẽ bị mất mạng hoặc mất phạm hạnh", gặp nạn sự như vậy được xuất giới không phạm. Có Tỳ-kheo hạn an cư tư duy bất chánh, chấp tướng tư duy như vầy: "Nếu có người nữ đến hoặc đi, đứng, nằm, ngồi, hoặc cười, nói hoặc khóc ca hoặc chơi nhạc, nhảy múa, hoặc trần truồng hoặc mặc y phục nhiều ít, có trang điểm hay không trang điểm…", lại nghĩ: "Ta ở nơi đây khởi niệm bất chánh như trên, nếu ta ở đây ắt sẽ mất mạng hoặc mất phạm hạnh", gặp nạn sự như vậy được xuất giới không phạm. Có Tỳ-kheo hạ an cư gặp được phục tàng có nhiều châu

báu quý giá, liền suy nghĩ: "Ta ở nơi đây gặp được phục tàng có nhiều châu báu quý giá, nếu ta ở đây ắt sẽ mất mạng hoặc mất phạm hạnh", gặp nạn sự như vậy được xuất giới không phạm. Có Tỳ-kheo hạ an cư, cha mẹ hoặc anh chị em, vợ cũ và con cái đến, liền suy nghĩ: "Ta ở nơi đây cha mẹ anh chị em, vợ cũ và con cái đến, nếu ta ở đây ắt sẽ bị mất mạng hoặc mất phạm hạnh", gặp nạn sự như vậy được xuất giới không phạm.

Có Tỳ-kheo hạ an cư thấy Tăng bị phá làm hai bộ liền suy nghĩ: "Ta ở nơi đây thấy Tăng bị phá làm hai bộ, nếu ta ở đây ắt sẽ sanh ác tâm hoặc miệng tạo ác nghiệp, ta sẽ đọa vào đường ác", gặp nạn sự như vậy được xuất giới không phạm. Có Tỳ-kheo hạ an cư thấy Tăng cổ động việc phá tăng liền suy nghĩ: "Tăng ở trong trú xứ này cổ động việc phá tăng, nếu ta ở đây ắt sẽ sanh tâm ác, miệng tạo nghiệp ác, ta sẽ đọa vào đường ác", gặp nạn sự như vậy được xuất giới không phạm. Có Tỳ-kheo hạ an cư thấy nhiều Tỳ-kheo hoặc hai, một; nhiều Tỳ-kheo-ni hoặc hai, một; nhiều Thức-xoa-ma-na hoặc hai, một; nhiều Sa di hoặc hai, một; nhiều Sa-di-ni hoặc hai, một; nhiều người xuất gia hoặc hai, một; nhiều xuất gia ni hoặc hai, một đang cổ động việc phá tăng. Tỳ-kheo suy nghĩ: "Trong đây có nhiều Tỳ-kheo… xuất gia ni đang cổ động việc phá tăng, nếu ta ở đây ắt sẽ sanh tâm ác, miệng tạo nghiệp ác, ta sẽ đọa vào đường ác", gặp nạn sự như

vậy được xuất giới không phạm.

Có Tỳ-kheo hạ an cư nghe ở trú xứ kia đang cổ động việc phá tăng nên phương tiện nhóm họp, liền suy nghĩ: "Trong trú xứ kia đang cổ động việc phá tăng nên phương tiện nhóm họp. Ta nên dùng lời dịu dàng khuyên can khiến cho tâm họ điều phục, được trở lại nhất tâm hòa hợp", gặp nạn sự như vậy được xuất giới không phạm. Có Tỳ-kheo hạ an cư nghe Tăng ở trú xứ kia đang cổ động việc phá tăng liền suy nghĩ: "Tăng trong trú xứ kia đang cổ động việc phá tăng, ta nên dùng lời dịu dàng khuyên can khiến cho họ bỏ việc làm này để được nhất tâm hòa hợp trở lại", gặp nạn sự như vậy được xuất giới không phạm. Có Tỳ-kheo hạ an cư nghe trong trú xứ kia có nhiều Tỳ-kheo hoặc hai, một; nhiều Tỳ-kheo-ni hoặc hai, một; nhiều Thức-xoa-ma-na hoặc hai, một; nhiều Sa di hoặc hai, một; nhiều Sa-di-ni hoặc hai, một; nhiều người xuất gia hoặc hai, một; nhiều xuất gia ni hoặc hai, một đang cổ động việc phá tăng. Tỳ-kheo suy nghĩ: "Trong trú xứ kia có nhiều Tỳ-kheo… một xuất gia ni đang cổ động việc phá tăng, ta nên dùng lời dịu dàng khuyên can khiến cho họ bỏ việc làm này, để được nhất tâm hòa hợp trở lại", gặp nạn sự như vậy được xuất giới không phạm.

Có Tỳ-kheo hạ an cư nghe ở trú xứ kia đang cổ động việc phá tăng nên phương tiện nhóm họp, liền suy nghĩ: "Trong trú xứ kia đang cổ động việc phá

tăng nên phương tiện nhóm họp. Ta không thể dùng lời dịu dàng khuyên can khiến cho họ bỏ việc làm này để được nhất tâm hòa hợp trở lại; nhưng trong chỗ đó ta có người thân, nhờ thế lực của người thân này có thể dùng lời dịu dang khuyên can họ chấm dứt việc nhóm họp phương tiện phá tăng, để được nhất tâm hòa hợp trở lại", vì việc này được xuất giới không phạm. Có Tỳ-kheo hạ an cư nghe trong trú xứ kia có nhiều Tỳ-kheo hoặc hai, một; nhiều Tỳ-kheo-ni hoặc hai, một; nhiều Thức-xoa-ma-na hoặc hai, một; nhiều Sa di hoặc hai, một; nhiều Sa-di-ni hoặc hai, một; nhiều người xuất gia hoặc hai, một; nhiều xuất gia ni hoặc hai, một đang cổ động việc phá tăng nên phương tiện nhóm họp. Tỳ-kheo suy nghĩ: "Trong trú xứ kia có nhiều Tỳ-kheo… một xuất gia ni đang cổ động việc phá tăng nên phương tiện nhóm họp, ta không thể dùng lời dịu dàng khuyên can khiến cho họ bỏ việc làm này để được nhất tâm hòa hợp trở lại; nhưng trong chỗ đó ta có người thân, nhờ thế lực của người thân này có thể dùng lời dịu dàng khuyên can họ chấm dứt việc nhóm họp phương tiện phá tăng, để được nhất tâm hòa hợp trở lại", vì việc này được xuất giới không phạm.

Có Tỳ-kheo hạ an cư gặp một trong tám nạn khởi lên, gặp nạn sự như vậy được xuất giới không phạm, giống như trong pháp tự tứ có nói đầy đủ.

Có Tỳ-kheo phát tâm muốn hạ an cư ba tháng

trước ở chỗ kia, nhưng ở chỗ này có việc gấp xảy ra nên không đến chỗ kia được mà trở về lại. Tỳ-kheo suy nghĩ: "Ta ở nơi đây việc làm chưa xong, nếu đến chỗ kia ắt cũng sẽ trở về lại đây, đợi khi xong việc mới đến chỗ kia", Tỳ-kheo này không thể hạ an cư ba tháng trước ở chỗ kia, do tự trái lời nên mắc tội.

Có Tỳ-kheo phát tâm muốn hạ an cư ở chỗ kia, hai trú xứ này cùng thọ bố thí mà bố tát riêng (lợi đồng pháp biệt). Tỳ-kheo suy nghĩ: "Nếu ta ở đây bố tát thì được phần y ở chỗ này, nếu bố tát ở chỗ kia cũng được phần y ở chỗ này", Tỳ-kheo này ở chỗ không an cư mà làm bố tát, sau đó mới đến chỗ an cư. Tỳ-kheo này không thể hạ an cư ba tháng ở chỗ kia, vì tự trái lời nên mắc tội. Có Tỳ-kheo muốn đến trú xứ kia an cư nhưng đến nơi rồi lại không làm bố tát mà xuất giới đi, Tỳ-kheo này không thể hạ an cư ba tháng trước ở chỗ kia, vì tự trái lới nên mắc tội. Có Tỳ-kheo muốn đến trú xứ kia hạ an cư, đến đó và làm bố tát rồi nhưng không thọ phòng xá, ngọa cụ mà xuất giới đi. Tỳ-kheo này không thể hạ an cư ba tháng trước ở chỗ kia, vì tự trái lới nên mắc tội. Có Tỳ-kheo muốn đến trú xứ kia hạ an cư, đến đó làm bố tát và thọ phòng xá ngọa cụ rồi nhưng không có nhân duyên lại xuất giới đi. Tỳ-kheo này không thể hạ an cư ba tháng trước ở trú xứ kia, vì tự trái lời nên mắc tội. Có Tỳ-kheo muốn đến trú xứ kia hạ an cư, đến đó làm bố

tát và thọ phòng xá ngọa cụ rồi, sau đó không thọ pháp bảy đêm mà xuất giới đi. Tỳ-kheo này không thể hạ an cư ba tháng trước ở trú xứ đó, vì tự trái lời nên mắc tội. Có Tỳ-kheo muốn đến trú xứ kia hạ an cư, đến đó làm bố tát và thọ phòng xá ngọa cụ rồi, sau đó thọ pháp bảy đêm xuất giới đi, ở ngoài giới hết bảy đêm mới trở về lại. Tỳ-kheo này không thể hạ an cư ba tháng trước ở trú xứ kia, vì tự nói trái nên mắc tội. Có Tỳ-kheo muốn đến trú xứ kia hạ an cư, đến đó làm bố tát và thọ phòng xá ngọa cụ rồi, sau đó thọ pháp bảy đêm xuất giới đi, không hết bảy đêm liền trở về lại. Tỳ-kheo này có thể hạ an cư ba tháng trước ở trú xứ đó, vì không tự trái lời nên không mắc tội. Trường hợp hậu an cư cũng giống như vậy.

Còn bảy ngày nữa tự tứ nếu thọ pháp bảy đêm xuất giới thì không phạm; nếu còn sáu, năm, bốn, ba, hai cho đến một đêm nữa tự tứ mà thọ pháp đêm xuất giới thì không tội.

-oOo-

LUẬT THẬP TỤNG

QUYỂN 25
PHÁP BÌ CÁCH THỨ NĂM

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó trong nước A-thấp Ma-già-a-bàn-đề có tụ lạc tên Tát-bà, trong tụ lạc này có một cư sĩ rất giàu có, rất nhiều của báu, thọ dụng đầy đủ mọi thứ, chỉ thiếu một thứ là không con. Vì muốn có con nên ông đi khắp các nơi cầu khấn nơi các thần miếu, thần kỳ, thần ao, thần nhà, thần ngã tư đường, thần Đại tự tại thiên, thần Na-la-diên, thần Vi-nữu cho đến thần Bát-bà-la nhưng vẫn không có con. Khi thời điểm có con đến thì vợ cư sĩ liền biết mình có thai, người nữ minh trí có bốn trí bất cọng: Một là biết người nam thương, hai là biết người nam không thương, Ba là biết khi có thai, bốn là từ đâu có được. Lúc đó người vợ này nói cho cư sĩ biết, cư sĩ nghe được tin mừng này biết sẽ có con trai nên cung cấp cho vợ đầy đủ, ngủ nghỉ đúng thời khiến thân được an ổn, đi đâu đều có người theo hầu không để lo buồn điều gì. Đủ ngày tháng người vợ này sanh được một trai, nơi lỗ tai có đeo một khoen vàng, dung mạo đoan nghiêm ai thấy đều yêu mến. Cư sĩ vui mừng tập

họp các tướng sư Bà-la-môn lại hỏi rằng: "Hài nhi này đức lực như thế nào?", đáp là rất có đức lực, cư sĩ muốn đặt tên cho hài nhi. Theo pháp nước có hai cách đặt tên cho con: Một là đặt tên theo vì sao lúc sanh ra, hai là đặt tên theo điềm lành lúc sanh ra. Tướng sư hỏi cư sĩ: "Hài nhi sanh ra vào lúc nào?", đáp là vào ngày giờ ....., tướng sư sau khi tính toán xong liền nói: "Hài nhi sanh vào ngày có sao Sa-môn nên đặt tên là Sa-môn". Cư sĩ lại tập họp các chuyên gia biết tướng vàng báu, chỉ khoen vàng trên lỗ tai của hài nhi rồi hỏi họ: "Khoen tai vàng này trị giá bao nhiêu?", đáp: "Khoen tai vàng này không phải vật báu thế gian làm ra nên không dễ bình giá, nhưng theo ý của chúng tôi bình giá thì khoen vàng này trị giá khoảng một ức kim tiền". Hài nhi tên Sa-môn, khoen vàng trên lỗ tai trị giá một ức kim tiền nên mọi người gọi tên là Sa-môn Ức-nhĩ. Cư sĩ giao hài nhi cho năm bà dưỡng mẫu chăm sóc: Một bà lo chăm sóc thân, tức là chăm sóc tay chân mặt mũi thân thể cho bé; một bà lo vệ sinh cho bé, tức là lo tắm rửa giặt giũ cho bé; một bà lo bú mớm cho bé, tức là cung cấp sữa và thức ăn bổ dưỡng cho bé; một bà lo cho bé được an lành, tức là theo quạt hầu và bảo vệ cho bé; một bà lo cho bé vui chơi, tức là tùy thời cho bé vui chơi các loại đồ chơi như người gỗ, voi, ngựa xe… Do đứa bé này có đức lực nên mau lớn, đến tuổi trưởng thành cho học thông các môn học như thư số toán

số, khéo biết tướng các vật…

Tụ lạc Vương tác bạc là nơi hội tụ các thương nhơn khắp mười phương, lúc đó các thương nhơn mười phương hội tụ đến tụ lạc đều hỏi trong tụ lạc này ai là người giỏi nhất và có đức để tin cậy, chỉ cho họ biết việc lợi hại; mọi người đều chỉ đến chỗ Sa-môn Ức-nhĩ. Các thương nhơn đến chỗ Sa-môn Ức-nhĩ yêu cầu làm thương chủ, Ức-nhĩ hỏi họ từ đâu đến, đáp: "Chúng tôi từ nước đến", liền hỏi: "Ở trong nước đó có việc tốt xấu gì?", liền đáp đầy đủ các việc tốt xấu. Sau đó lại có các thương nhơn tự trong biển lớn đến tụ lạc cũng hỏi thăm như trên, mọi người cũng chỉ đến chỗ Sa-môn Ức-nhĩ, họ cũng đến chỗ Ức-nhĩ yêu cầu làm thương chủ, Ức-nhĩ hỏi họ từ đâu đến, đáp là từ trong biển lớn đến, lại hỏi: "Trong biển lớn có việc tốt xấu gì?", đáp: "Trong biển lớn có các mối lo sợ như sóng biển, rùa biển, cá biển như cá Đề-mê, cá Đề-mê kỳ-la, cá Thất-thu-ma-la; lại còn có nước xoáy, núi ngầm dưới nước, gió bão, rồng dữ và nạn La sát. Vì thế khi đi có đến trăm ngàn người nhưng trở về được chỉ có một. Nếu được trở về thì đem về đủ các loại châu báu làm phước bố thí bảy đời cũng không hết, huống chi là tự thân hưởng". Lúc đó các thương nhơn thấy Sa-môn Ức-nhĩ có đức lực liền suy nghĩ: "Nếu để người này làm Tát bạc cùng nhiều người vào biển lớn, chắc chắn sẽ được an ổn trở về", nghĩ rồi liền hỏi Ức-nhĩ: "Vì sao Ức-nhĩ không vào biển

lớn?", đáp: "Vào trong biển lớn làm gì, trong đó có nhiều mối lo sợ, khi đi có đến trăm ngàn người nhưng trở về chỉ có một", các thương nhơn nói khích lệ: "Bất cứ người nào cũng nhờ vào người khác mà được sống, cho đến dâm nữ cũng nhờ vào người khác mà được sống. Nếu Ức nhĩ muốn làm phước bố thí thì vào biển là việc làm tốt nhất". Do các thương nhơn khích lệ mãi nên cuối cùng Sa-môn Ức-nhĩ nghe theo lời muốn cùng vào biển lớn, liền đến từ giã cha mẹ để vào biển lớn. Cha mẹ nghe rồi liền đem những việc khủng bố trong biển lớn nói để cho người con thay đổi ý định, mong lưu giữ con ở lại và nói rằng: "Người ta vì của cải mới vào biển lớn, trong nhà ta có nhiều của cải, con đem làm phước bố thí bảy đời cũng không hết thì vào biển để làm làm?", nhưng Ức-nhĩ lại không nghe lời cha mẹ khuyên. Cha mẹ liền nhờ các quý nhân nói giúp để lưu giữ Ức-nhĩ ở lại, lúc đó tất cả quý nhân trong tụ lạc bao gồm các cư sĩ, trưởng giả, phú ông đều khuyên can nhưng vẫn không làm cho Ức-nhĩ thay đổi chủ ý. Cha mẹ biết ý con đã quyết nên cỡi voi rung chuông tuyên cáo khắp trong tụ lạc: "Nay Sa-môn Ức-nhĩ muốn vào biển lớn, ta làm Tát bạc, ai muốn đi cùng với con ta", do người này có đức lực nên có năm trăm thương nhơn đến cùng đi vào biển. Theo pháp nước, người làm Tát bạc phải có hai mươi vạn tiền vàng, mười vạn lo liệu thuyền bè, mười vạn lo liệu tư lương.

Lo liệu mọi thứ xong xuôi rồi neo thuyền bằng bảy sợi dây, mỗi ngày đều tuyên bố: "Ai có thể từ bỏ cha me, anh chị em, vợ con và mọi thứ vui trong cõi Diêm-phù-đề này, cho đến tuổi thọ hưởng lạc thú; ai muốn được vàng bạc, lưu ly, ma ni … bảy báu để tùy ý làm phước bố thí thì cùng vào biển lớn", tuyên bố rồi cắt một sợi dây như thế đến ngày thứ sáu, ngày thứ bảy đợi gió thuận buồm mới cắt sợi dây thứ bảy. Lúc đó thuyền lao nhanh như tên bắn, do Tát bạc có đức lực nên thuyền mau chóng đến được đảo châu báu, Tát bạc ra lịnh các thương nhơn: "Hãy lấy báu vật mang lên thuyền vừa đủ, chớ cho nặng quá", lấy báu vật xong đợi gió thuận buồm liền quay trở về. Trở về tụ lạc Vương tác bạc ở Diêm-phù-đề có hai con đường: Đường thủy và đường bộ, lúc đó Ức-nhĩ hỏi các thương nhơn muốn đi đường nào, đáp là đi đường bộ. Đi theo đường bộ đến một dầm vắng, mọi người ngủ lại đêm trong đầm này, Ức-nhĩ nói với các thương nhơn: "Tôi nghe nói có giặc hay đến đánh cướp các thương nhơn, nếu giết được Tát bạc thì các thương nhơn không thể an toàn; nếu không giết được Tát bạc thì có thể giữ được tài vật, nhờ sức mình hay nhờ tha lực có thể giết được giặc. Vì vậy tôi đến chỗ khác ngủ, đến giờ đi thì gọi tôi", mọi người đồng ý. Ức-nhĩ dẫn lừa đến ngủ một chỗ khác, không ngờ đến nửa đếm các thương nhơn thức dậy bỏ đi không gọi Ức-nhĩ; cuối đêm mưa to gió lớn

nổi lên, Ức-nhĩ thức dậy thì không tìm thấy một thương nhơn nào liền nghĩ: "Tại sao mọi người lại bỏ ta mà đi như thế". Lúc đó do mưa to gió lớn nên cát vùi lấp hết dấu vết, Ức-nhĩ chỉ nhờ vào con lừa ngửi dấu vết mà đi về phía trước, bụng thấy đói nên khi thấy một cái thành trang nghiêm phía trước liền nghĩ là sẽ được thức ăn nên Ức-nhĩ đứng ngoài cửa thành kêu lớn: "Thức ăn, thức ăn". Lúc đó bỗng có trăm ngàn vạn ngạ quỷ xuất hiện hỏi rằng: "Thức ăn là gì, ai cho?", Ức-nhĩ đáp: "Không có thức ăn, là do tôi đi đường quá đói chỉ nghĩ tưởng được thức ăn nên kêu lên như thế", các ngạ quỷ nói: "Đây là thành của ngạ quỷ, chúng tôi trải qua trăm ngàn vạn năm nay mới nghe đến tên thức ăn, do trước kia chúng tôi tâm quá keo kiết không bố thí nên bị đọa trong ngạ quỷ. Ông muốn đi đâu?", đáp là muốn đi đến tụ lạc Vương tác bạc, ngạ quỷ nói: "Hãy đi theo đường này". Ức-nhĩ đi về phía trước lại thấy một cái thành khác bèn nghĩ: "Ở thành trước không được thức ăn, nay đến thành này chắc có thể được nước", liền đến trước cửa thành cất tiếng kêu nước. Lúc đó bỗng có trăm ngàn vạn ngạ quỷ xuất hiện hỏi rằng: "Nước là gì, ai cho?", liền đáp: "Không có nước, là do tôi quá khát chỉ nghĩ đến nước nên cất tiếng kêu như thế", các nạ quỷ nói: "Đây là thành ngạ quỷ, chúng tôi trải qua trăm ngàn vạn năm nay mới nghe đến tên nước, do đời trước chúng tôi tâm quá keo kiệt không bố thí nên

đọa vào ngạ quỷ. Ông muốn đi đâu?", đáp là muốn đi đến tụ lạc Vương tác bạc, ngạ quỷ nói: "Hãy đi theo đường này". Ức-nhĩ đi về phía trước không bao lâu sau lại thấy một cây cổ thụ tên là Bà la bèn ngủ lại đêm dưới gốc cây này. Gió lay thân cây nên lá rụng xuống, Ức-nhĩ lấy lá mềm ăn còn lá cứng cho lừa ăn. Khi đêm xuống bỗng hiện ra chiếc giường có đôi nam nữ dung mạo xinh đẹp, đầu đội mũ báu trời cùng nhau hoan lạc. Ức-nhĩ suy nghĩ: "Ta không nên nhìn người khác tư thông", nhưng qua hết đêm, trời vừa sáng thì chiếc giường và đôi nam nữ đều biến mất, lại có bầy chó đến ăn thịt người nam rồi chừa xương lại. Ức-nhĩ suy nghĩ: "Ta hối hận đã không hỏi người nam này trước kia đã làm gì mà nay thọ quả báo ban đêm thì tốt, ban ngày thì xấu như vầy. Ta nên ở lại đợi đến đêm sẽ hỏi việc này", khi đêm xuống cũng như trước có giường và đôi nam nữ hiện ra, Ức-nhĩ liền đến hỏi người nam: "Ông trước kia đã làm gì mà nay thọ quả báo ban đêm thì tốt, ban ngày thì xấu như thế?", người nam hỏi: "Ông hỏi để làm gì", đáp là vì muốn biết, người nam nói: "Ông có biết tụ lạc Vương tác bạc trong nước A-thấp Ma-già a-bàn-đề không?", đáp là biết, người nam nói: "Tôi là đồ tể tên ..... ở trong tụ lạc đó, lúc đó Trưởng lão Ca-chiên-diên thường lui tới nhà tôi, tôi thường cung cấp thức ăn uống, y phục và thuốc men. Vị ấy khuyên tôi chớ làm việc ác sau sẽ thọ đại khổ; tôi

nói là từ trước tới giờ đều làm nghề này, nếu nay không làm thì làm sao sống. Vị ấy hỏi tôi làm việc ác này ban ngày nhiều hơn hay ban đêm nhiều hơn; tôi nói là ban ngày nhiều hơn. Vị ấy liền bảo tôi ban đêm giữ năm giới để được chút điều thiện; tôi vâng lời ban đêm thọ trì năm giới. Do nhân duyên này nên nay được quả báo ban đêm thì tốt, ban ngày thì xấu, giờ hối hận có ích gì", lại hỏi Ức-nhĩ muốn đi đâu, đáp là muốn đi đến tụ lạc Vương tác bạc, người nam bảo nên đi theo đường này. Ức-nhĩ đi theo đường đã chỉ, không bao lâu sau lại thấy một cây cổ thụ tên là Bà la bèn ngủ lại đêm dưới gốc cây này, cũng như trước lấy lá mềm ăn còn lá cứng cho lừa ăn. Khi đêm đã qua, trời vừa sáng bỗng có chiếc giường và đôi nam nữ hiện ra, dung mạo xinh đẹp, trên đầu đội mũ báu trời cùng nhau hoan lạc. Ức-nhĩ suy nghĩ: "Ta không nên nhìn họ tư thông", không ngờ đến tối thì giường và đôi nam nữ đều biến mất, lại có con trùng trăm chân hiện ra ăn thịt của người nam rồi chừa xương lại. Ức-nhĩ suy nghĩ: "Ta hối hận đã không hỏi người này trước kia đã làm gì mà nay thọ quả báo ban ngày thì tốt còn ban đêm thì xấu như vậy. Ta nên ở lại đợi đến sáng mai sẽ hỏi người ấy việc này", đến sáng hôm sau cũng như trước có chiếc giường và đôi nam nữ hiện ra, Ức-nhĩ liền đến hỏi người nam nguyên do, người nam hỏi: "Ông có biết tụ lạc Vương tác bạc ở nước A-thấp-Ma-già-a-bàn-đề

không?", đáp là biết, người nam nói: "Tôi tên ..... vốn ở trong tụ lạc đó, thường tà dâm với vợ người khác. Lúc đó Trưởng lão Ca-chiên-diên thường lui tới nhà tôi, tôi thường cung cấp thức ăn, y phục và thuốc men. Vị ấy khuyên tôi chớ làm việc xấu sau sẽ thọ đại khổ, tôi đáp là vì không thể ức chế được. Vị ấy hỏi tôi làm việc xấu này ban ngày nhiều hơn hay ban đêm nhiều hơn, tôi đáp là ban đêm nhiều hơn. Vị ấy bảo tôi ban ngày nên thọ trì năm giới để được chút điều thiện, tôi vâng lời ban ngày thọ trì năm giới. Do nhân duyên này nên nay ban ngày thì tốt còn ban đêm thì xấu, giờ hối hận có ích gì", lại hỏi Ức-nhĩ muốn đi đâu, đáp là muốn đi đến tụ lạc Vương tác bạc, liền bảo nên đi theo đường này. Ức-nhĩ đi theo đường đã chỉ không bao lâu sau lại gặp một rừng cây có ao nước trong, Ức-nhĩ vào trong ao tắm và cho lừa uống nước. Bên ao có một ngôi nhà lớn với bảy báu trang nghiêm, Ức-nhĩ liền bước lên thềm vào trong nhà và suy nghĩ: "Ta đói sắp chết, không biết sẽ như thế nào", nghĩ rồi liền tụng bài kinh Phật:

"Đói là bịnh thứ nhất, Hành là khổ bậc nhất,
Như thế biết Pháp bảo, Niết bàn vui bậc nhất"

Khi vào trong nhà liền thấy một người nữ đang ngồi trên giường ngà voi, dưới chân giường có cột hai ngạ quỷ, người nữ này kêu tên Ức-nhĩ và hỏi thăm đi đường có mệt, đói và khát không, Ức-nhĩ suy nghĩ: "Ta vốn không quen biết, vì sao người

nữ này biết tên ta". Người nữ mời ngồi, Ức-nhĩ thăm hỏi rồi xin thức ăn, người nữ nói: "Tôi sẽ cho ông, nhưng ông chớ cho hai con quỷ này", Ức-nhĩ nói: "Tôi đói sắp chết, làm sao cho hai con quỷ này được", người nữ đưa thức ăn cho Ức-nhĩ và vì muốn cho Ức-nhĩ biết nhân duyên này nên bước ra ngoài. Lúc đó hai ngạ quỷ duỗi tay xin thức ăn, do Ức-nhĩ trước đây thường hay bố thí, tâm thương xót chúng sanh nên suy nghĩ: "Ta đói bụng cảm thấy khổ sở huống chi hai ngạ quỷ này làm sao không đau khổ", nghĩ rồi liền đứa cho mỗi ngạ quỷ một miếng thức ăn, hai ngạ quỷ này vừa bỏ vào trong miệng thì thức ăn liền biến thành máu mủ và ôn ọe ra ngoài, mùi hôi bay khắp nhà. Người nữ nghe mùi hôi bay khắp nhà liền trở vào nói: "Tôi đã bảo không nên cho chúng ăn, tại sao lại cho", Ức-nhĩ nói: "Tôi không biết sự việc xảy ra như vậy nên mới cho", người nữ quét dọn sạch sẽ, đốt hương xông rồi đến ngồi vào chỗ cũ, Ức-nhĩ lại xin thêm thức ăn, người nữ nói: "Tôi không tiếc, chỉ e cho ông ăn, ông lại đem cho quỷ nữa", Ức-nhĩ nói: "Hồi nảy không biết nên tôi mới cho, giờ biết rồi sẽ không cho nữa". Người nữ lấy nước rửa tay rồi đưa cho Ức-nhĩ thức ăn, lúc đó lại có một người nữ đến xin thức ăn, nữ chủ nhân nói: "Hãy ăn thức ăn ngươi thường ăn", nói vừa dứt liền hiện ra ba vạc nước đồng sôi, người nữ này cởi bỏ y phục rồi nhảy vào vạc đồng, da thịt liền tan nát chỉ còn lại bộ

xương. Khi gió lạnh thổi tới thì người nữ hoàn hình bước ra khỏi vạc nước đồng sôi, mặc lại y phục và ăn những thịt nát kia, ăn xong rồi đi. Lúc Ức-nhĩ đang ăn lại có một người nữ khác đến xin thức ăn, nữ chủ nhân nói: "Hãy ăn thức ăn ngươi thường ăn", nói vừa dứt lời, người nữ này liền biến thành con dê đen ăn cỏ. Ức-nhĩ thấy rồi liền suy nghĩ: "Ta tự nghi không biết có phải mình đã chết trong cõi người và sanh vào cõi ngạ quỷ hay không", nghĩ rồi liền hỏi nữ chủ nhân: "Những việc này là như thế nào", nữ chủ nhân hỏi: "Ông hỏi để làm gì", liền đáp là vì muốn biết, nữ chủ nhân hỏi: "Ông có biết tụ lạc Vương tác bạc ở nước A-thấp-Ma-già-a-bàn-đề không?", đáp là biết, nữ chủ nhân nói: "Con quỷ cột ở chân giường phía trên đầu là chồng của ta, con quỷ cột ở chân giường phía dưới chân là con của ta. Lúc đó Trưởng lão Ca-chiên-diên thường lui tới nhà ta, ta thường cung cấp thức ăn, y phục và thuốc men nên chồng và con ta tức giận nói là của cải do họ cực khổ làm ra, ta lại đem cho người khác. Do tâm họ keo kiệt không thích bố thí lại nói lời ác là ăn máu mủ nên nay chịu quả báo này, vừa ăn thức ăn liền biến thành máu mủ". Ức-nhĩ lại hỏi: "Người nữ kia vì sao lại ăn thịt chính mình?", đáp: "Người nữ đó là con dâu của ta, lấy tài vật của ta hoặc tự ăn hoặc đem cho người; khi ta hỏi thì chối nói là không có lấy tự ăn cũng không đem cho người và thề là nếu có tự ăn hoặc đem cho

người thì sẽ mắc quả báo tự ăn thịt mình. Do nhân duyên đó nên nay tự ăn thịt chính mình", Ức-nhĩ lại hỏi: "Người nữ này vì sao biến thành dê ăn cỏ?", đáp: "Đó là nữ tỳ của ta, ta sai xay giả lại lấy ăn hoặc đem cho người; khi ta hỏi thì chối nói là không ăn cũng không đem cho người và thề là nếu có ăn hoặc đem cho người thì sẽ mắc quả báo làm dê đem ăn cỏ. Do nhân duyên này nên nay biến thành dê đen ăn cỏ". Ức-nhĩ lại hỏi nữ chủ nhân đã làm hạnh gì, nữ chủ nhân nói: "Ta cũng có chút tội nhưng ta không còn ở đây bao lâu nữa. Sau khi ta chết sẽ sanh lên cõi trời Tứ thiên vương, ngươi có thể làm giúp ta một việc được không?", liền hỏi là việc gì, nữ chủ nhân nói: "Ta có một người con gái đang ở trong tụ lạc Vương tác bạc chưa biết tu thiện. Khi ngươi về đến trong tụ lạc nên đến nói với con gái của ta rằng: "Tôi có gặp cha, mẹ, anh và chị dâu cùng nữ tỳ của chị, nhưng chỉ có mình mẹ chị được hưởng phước còn những người khác đều chịu khổ báo. Mẹ chị nhờ tôi khuyên chị chớ làm việc ác sau sẽ chịu khổ báo; nếu chị không tin thì mẹ chị có nói là ở tại chỗ ..... mẹ chị đã chôn cất nhiều tiền của, chị hãy vì mẹ chị lấy tiền này làm phước cúng dường chúng Tăng và Trưởng lão Ca-chiên-diên, số tiền còn lại chị dùng để sinh sống", nói rồi liền hỏi Ức-nhĩ: "Ngươi muốn trở về phải không?", đáp là muốn, nữ chủ nhân bảo nhắm mắt lại, Ức-nhĩ vâng lời nhắm mắt lại, chỉ trong

chốc lát nữ chủ nhân đã đặt Ức-nhĩ ở một nơi cách tụ lạc Vương tác bạc không xa.

Lúc đó các thương nhơn đã về đến trong tụ lạc, mọi người đều hỏi Sa-môn Ức-nhĩ đâu, đáp là đã mất tích trong biển lớn, mọi người nghe rồi đều thương khóc. Ức-nhĩ nghe họ khóc thương như thế liền hỏi nguyên do, họ nói do nghe Sa-môn Ức-nhĩ mất tích trong biển lớn nên thương khóc, Ức-nhĩ liền suy nghĩ: "Nghe tin ta chết mọi người thương khóc như vậy, nếu thấy ta chắc họ sẽ kích động hơn nữa. Ta cần về làm gì, nữ chủ nhân kia nhờ ta nói với con gái của bà, ta nên đến nhà đó", nghĩ rồi liền đi tìm nhà người con gái đó, gặp nhau thăm hỏi rồi nói rằng: "Chị biết không, tôi gặp được cha, mẹ, anh trai, chị dâu và nữ tỳ của nhà chị đều ở trong cõi ngạ quỷ. Chỉ có mẹ chị là hưởng phước còn những người kia đều chịu khổ, mẹ chị nhờ tôi bảo chị chớ làm việc ác sau sẽ chịu khổ báo", người con gái nghe rồi không tin, nói rằng: "Anh là người ngu si, là người điên. Cha mẹ tôi làm phước bố thí, chết sanh lên cõi trời, làm sao có thể sanh trong cõi ngạ quỷ được", Ức-nhĩ nói: "Mẹ chị nói nếu chị không tin thì chỉ cho chị chỗ cất giấu tiền của rồi bảo chị lấy tiền này vì mẹ chị làm phước bố thí, cúng dường chúng tăng và Trưởng lão Ca-chiên-diên, số tiền còn lại chị dùng để sinh sống".

Người con gái nghe rồi liền đến chỗ chỉ cất giấu tiền của đào lên xem thử, quả nhiên được rất nhiều

tiền của, lúc đó mới tin lời Ức-nhĩ và như lời người mẹ đã dặn cô đem tiền này cúng dường chúng tăng.

Sa-môn Ức-nhĩ do đời trước đã gieo trồng căn lành, cúng dường Phật nên căn tánh lanh lợi gần được kiến đế, do lực nhân duyên này nên đời này có thể được trí vô lậu, lại do lực căn lành này dẫn dắt nên Ức-nhĩ suy nghĩ: "Ta cần gì trở về nhà ưu sầu buồn bã, ta hãy đến chỗ Trưởng lão Ca-chiên-diên", nghĩ rồi liền đi đến chỗ Trưởng lão Ca-chiên-diên đảnh lễ rồi ngồi một bên, Sa-môn Ức-nhĩ đã nhàm chán mọi việc thế gian nên Trưởng lão ứng theo tâm Ức-nhĩ mà thuyết pháp, khiến cho Ức-nhĩ ngay nơi chỗ ngồi được pháp nhãn thanh tịnh vô cấu. Sau khi thấy pháp, biết pháp, được tịnh pháp, vượt khỏi nghi hối, bất tín, không từ nơi người khác mà ở trong đạo quả được vô sở úy; Ức-nhĩ liền đứng dậy đảnh lễ Trưởng lão Ca-chiên-diên và bạch rằng: "Đại-đức, con xin quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng làm Ưu-bà-tắc. Xin Đại-đức nhớ nghĩ, con từ nay đến trọn đời không sát sanh, tín tâm thanh tịnh. Đại-đức, con muốn ở trong pháp thiện thắng xuất gia thọ giới cụ túc làm Tỳ-kheo, muốn ở trong pháp thiện thắng hành đạo", Ca-chiên-diên nói: "Này Ức-nhĩ, cha mẹ con có cho phép con xuất gia không?", đáp là chưa cho phép, Ca-chiên-diên nói: "Trong Phật pháp, nếu cha mẹ chưa cho phép thì ta không được con xuất gia thọ giới cụ túc", Ức-nhĩ nói: "Đại-đức, con tự

cầu xin việc này, nếu cha mẹ cho phép con sẽ đến xuất gia thọ giới cụ túc", Ca-chiên-diên nói: "Con hãy tự biết thời". Ức-nhĩ đảnh lễ Trưởng lão Ca-chiên-diên rồi trở về nhà gặp lại cha mẹ, cha mẹ của Ức-nhĩ do nghe tin Ức-nhĩ mất tích trong biển lớn, buồn khóc nhiều nên hai mắt bị mù; nay lại hay tin Ức-nhĩ trở về vui mừng đến rơi nước mắt, nhờ nước mắt chảy ra nên hai mắt được sáng trở lại. Năm, sáu ngày sau Ức-nhĩ lựa lời xin phép cha mẹ cho mình xuất gia trong pháp thiện thắng của Phật, cha mẹ nghe rồi nói rằng: "Chúng ta chỉ có một mình con là do ta thành tâm cầu khẩn mới có, nhưng con lại không nghe lời ta mà vào biển lớn. Khi hay tin con mất tích ta ưu sầu buồn khóc nên hai mắt bị mù, nay nghe con an ổn trở về ta rất đổi vui mừng nên hai mắt được sáng trở lại, giống như con được sanh ra lần nữa. Con hãy nghe lời ta ở lại nhà cung dưỡng cha mẹ, vì chúng ta không còn sống được bao lâu nữa, nếu con có thể không xuất gia cho đến khi chúng ta hết tuổi thọ thì chúng ta chết cũng không ân hận". Ức-nhĩ nghe rồi liền ở nhà phụng dưỡng cha mẹ như thế đến mười hai năm sau, cha mẹ mới qua đời như bài kệ nói:

"Có sanh thì có chết, Cao ngất ắt rớt xuống. Tất cả rồi cũng tận, Không có sự vĩnh cửu".

Sau đó Ức-nhĩ đi đến chỗ Trưởng lão Ca-chiên-diên đảnh lễ rồi ngồi một bên bạch rằng: "Đại-đức, nay con được lòng tin chánh pháp, muốn ở trong

Phật pháp xuất gia tu phạm hạnh", Trưởng lão liền cho Ức-nhĩ xuất gia. Lúc đó ở nước A-thấp Ma-già-a-bàn-đề ít Tỳ-kheo không đủ số chúng mười người để truyền thọ giới cụ túc cho Ức-nhĩ. Đợi đến mùa hạ an cư xong, sau lễ tự tứ các đệ tử cọng trụ và đệ tử cận trụ của Trưởng lão Ca-chiên-diên từ các nơi về đến yết kiến bổn sư, lúc đó mới đủ số chúng mười người để truyền thọ giới cụ túc cho Ức-nhĩ. Sau đó các Tỳ-kheo này muốn du hành đến nước phương Đông để yết kiến Phật, Ức-nhĩ hỏi: "Các Trưởng lão muốn đi đâu?", đáp: "Chúng tôi muốn đến nước Xá-vệ yết kiến Phật thân cân đảnh lễ", Ức-nhĩ muốn được đi cùng, liền đáp là tùy ý, Ức-nhĩ nói: "Hãy chờ chốc lát, đợi tôi đến từ giã Hòa thượng", nói rồi liền đến chỗ Trưởng lão Ca-chiên-diên đảnh lễ rồi bạch rằng: "Bạch Đại-đức Hòa thượng, hôm nay an cư xong, con muốn cùng các Tỳ-kheo du hành đến nước phương Đông yết kiến Thế tôn thân cận đảnh lễ. Cúi xin Hòa thượng cho phép", Ca-chiên-diên nói: "Con cứ tùy ý đi, đến đó rồi hãy thay ta đảnh lễ Phật và thăm hỏi Thế tôn có được ít bịnh, ít não, đi đứng có khinh an và có được an lạc trụ không; đến các Tỳ-kheo khác con cũng thăm hỏi như vậy. Con nói Trưởng lão Ma ha Ca-chiên-diên là Hòa thượng của con và cựu Tỳ-kheo Ma-ha-đế-đế-đế-đà-la ở trong nước A-thấp-Ma-già-a-bàn-đề đã tế độ con. Các Trưởng lão này đảnh lễ Phật và thăm hỏi Thế tôn có được

ít bịnh. Ít não, đi đứng có được khinh an và được an lạc trụ không; đến các Tỳ-kheo khác con cũng như pháp thăm hỏi như vậy rồi cầu xin Phật Bà-già bà năm việc như sau:

Một là nước A-thấp-Ma-già-a-bàn-đề ít Tỳ-kheo, khó đủ số chúng mười người để truyền thọ giới cụ túc. Cúi xin Phật cho ở nước này ít Tỳ-kheo được truyền thọ giới cụ túc.

Hai là nước A-thấp-Ma-già-a-bàn-đề đất cứng, nhiều đất đá. Cúi xin Phật cho Tỳ-kheo ở nước này được mang giày da một lớp.

Ba là người ở trong nước A-thấp-Ma-già-a-bàn-đề thích tắm rửa, lấy nước làm sạch. Cúi xin Phật cho Tỳ-kheo ở nước này được thường tắm rửa.

Bốn là như nước phương Đông dùng nệm bằng gai, nệm lông, nệm vải hoa phủ. Cúi xin Phật cho Tỳ-kheo ở nước A-thấp-Ma-già-a-bàn-đề được dùng nệm bằng da phủ như da dê, da nai, da dê đen.

Năm là Có Tỳ-kheo sai sứ Tỳ-kheo đem y cho Tỳ-kheo khác nhưng người kia không nhận được y này vì qua trung gian bị mất, chúng con nay phải làm thế nào.

Này Ức-nhĩ, con đến nước phương Đông yết kiến Thế tôn thân cận đảnh lễ nên thay ta thăm hỏi Phật như vậy và cầu xin Phật năm việc trên". Ức-nhĩ ghi nhớ lời thầy dạy, đảnh lễ thầy rồi trở về

phòng mình giao lại ngọa cụ rồi mang y bát du hành cùng các Tỳ-kheo đến nước Xá-vệ, đến chỗ Phật đảnh lễ Phật rồi ngồi một bên. Pháp thường của Phật là khi có khách Tỳ-kheo đến đều hỏi thăm có nhẫn đủ không, có an lạc trụ không, khất thực có dễ không, đi đường có nhọc mệt không. Lúc đó Ức-nhĩ đáp là nhẫn đủ, được an lạc trụ, khất thực không khó, đi đường không nhọc mệt. Pháp thường của Phật là nếu cùng khách Tỳ-kheo ở một chỗ ngủ đêm thì bảo thị giả vào phòng trải giường và ngọa cụ cho khách Tỳ-kheo. Lúc đó Phật bảo A-nan vào phòng trải giường và ngọa cụ cho Ức-nhĩ, A-nan suy nghĩ: "Chắc là hôm nay Phật muốn cùng khách Tỳ-kheo ngủ trong một phòng", nghĩ rồi liền vào phòng của Phật trải giường và ngọa cụ cho Ức-nhĩ rồi trở lại bạch Phật tự biết thời. Phật liền trở về phòng của mình, trải Ni-sư-đàn ngồi kiết già; Ức-nhĩ cũng đi theo vào phòng của Phật đảnh lễ Phật rồi trải Ni-sư-đàn ngồi kiết già, trong đêm cả hai đều im lặng tọa thiền, đến cuối đêm Phật bảo Ức-nhĩ tán tụng, Ức-nhĩ liền cất tiếng êm dịu tụng kinh Ba-la-diên-tát-già-đà

-xá. Nghe xong Phật liền khen rằng: "Lành thay, thầy tụng kinh rất hay, thầy có thể dùng tiếng A-bàn-địa để tán tụng rõ ràng và dễ hiểu như thế thì thầy là Tỳ-kheo học giỏi, tụng hay", lúc đó Phật tuy biết nhưng vẫn hỏi Ức-nhĩ: "Vì sao thầy vào đạo muộn như thế?", đáp: "Đại-đức Thế tôn, từ lâu

con đã biết họa hoạn của dục, nhưng vì có duyên sự nên không được xuất gia", liền nói kệ:

"Đã thấy họa thế gian,
Thấy Pháp không thích Lậu,
Thánh nhân không thích Ác,
Người ác không thích Thiện,
Quyết định thấy Pháp vị,
Pháp vị dứt phiền não,
Trừ nóng lìa các ác.
Dùng Pháp hỉ, Pháp vị".

Nói kệ rồi liền suy nghĩ: "Đã đến lúc ta đem năm việc bạch Phật", nghĩ rồi liền đứng dậy đắp y trịch bày vai hữu chắp tay bạch Phật: "Thế tôn, Trưởng lão Ca-chiên-diên là Hòa thượng của con, cựu trụ Ma-ha-đế-đế-đế-đà-la ở nước A-thấp-Ma-già-a-bàn-đề tế độ con, các Trưởng lão này xin đảnh lễ Phật và thăm hỏi Thế tôn có được ít bịnh, ít não, đi đứng khinh an và có được an lạc trụ không; các Tỳ-kheo khác cũng như pháp thăm hỏi như vậy và đem năm việc bạch Phật", Phật nói: "Hãy khoan, hãy đợi khi tăng tập họp rồi nói". Do nhân duyên này Phật nhóm Tỳ-kheo tăng rồi bảo Ức-nhĩ: "Thầy muốn bạch điều gì cứ nói", Ức-nhĩ bạch Phật: "Thế tôn, Trưởng lão Ma ha Ca-chiên-diên là Hòa thượng của con và cựu Tỳ-kheo Ma-ha-đế-đế-đế-đà-la ở trong nước A-thấp-Ma-già-a-bàn-đề đã tế độ con. Các Trưởng lão này đảnh lễ Phật và thăm hỏi Thế tôn có được ít bịnh. Ít não, đi

đứng có được khinh an và được an lạc trụ không; và các Tỳ-kheo khác cũng như pháp thăm hỏi như vậy rồi cầu xin Phật Bà-già bà năm việc như sau:

Một là nước A-thấp-Ma-già-a-bàn-đề ít Tỳ-kheo, khó đủ số chúng mười người để truyền thọ giới cụ túc. Cúi xin Phật cho ở nước này ít Tỳ-kheo được truyền thọ giới cụ túc.

Hai là nước A-thấp-Ma-già-a-bàn-đề đất cứng, nhiều đất đá. Cúi xin Phật cho Tỳ-kheo ở nước này được mang giày da một lớp.

Ba là người ở trong nước A-thấp-Ma-già-a-bàn-đề thích tắm rửa, lấy nước làm sạch. Cúi xin Phật cho Tỳ-kheo ở nước này được thường tắm rửa.

Bốn là như nước phương Đông dùng nệm bằng gai, nệm lông, nệm vải hoa phủ. Cúi xin Phật cho Tỳ-kheo ở nước A-thấp-Ma-già-a-bàn-đề được dùng nệm bằng da phủ như da dê, da nai, da dê đen.

Năm là Có Tỳ-kheo sai sứ Tỳ-kheo đem y cho Tỳ-kheo khác nhưng người kia không nhận được y này vì qua trung gian bị mất, chúng con nay phải làm thế nào". Phật đủ lời khen ngợi giới và người trì giới rồi bảo các Tỳ-kheo: "Từ nay cho các nước biên địa được năm Tỳ-kheo trì luật truyền trao giới cụ túc cho người. Như ở phương Nam có tụ lạc Bạch mộc, bên ngoài tụ lạc Bạch mộc là nước biên địa; ở phương Tây có tụ lạc Bà-la-môn, bên ngoài

tụ lạc Bà-la-môn là nước biên địa; phía Bắc có núi Ưu-thi-la, cách núi không xa có cây Bồ-tuyền-tát-la, bên ngoài cây Tát-la là nước biên địa; phương Đông có tụ lạc Bà-la tên là Già lang, bên ngoài Già lang là nước biên địa; phương Đông bắc có Trúc hà, bên ngoài Trúc hà là nước biên địa. Từ nay cho Tỳ-kheo ở nước A-thấp-Ma-già-a-bàn-đề được mang giày da một lớp, nếu rách thủng thì cho vá hai miếng ở giữa. Không được mang giày da nhiều lớp, giày da lông thú, giày da khi đi phát ra tiếng, giày da có thêu đều không được mang. Tất cả giày da có màu sắc như xanh, vàng, đỏ, trắng, đen hoặc bên trong có màu sắc như xanh, vàng, đỏ, trắng, đen; hoặc giày da thêu chỉ xanh, chỉ đỏ, chỉ trắng, chỉ đen; hoặc giày da sư tử có thêu, giày da hổ có thêu, giày da báo có thêu, giày da rái cá có thêu, giày da mèo có thêu; hoặc giày may bằng sợi Đâu la, hoặc sợi lông chiên, sợi Kiếp-bối, hoặc sợi gân Khổng tước, sợi lông Không tước và tất cả giày da có thêu tạp sắc đều không được mang, nếu mang thì phạm Đột-kiết-la. Từ nay cho Tỳ-kheo ở nước A-thấp-Ma-già-a-bàn-đề được thường tắm rửa. Như phương Đông phủ nêm gai, nệm lông, nệm hoa; từ nay cho Tỳ-kheo ở nước A-thấp-Ma-già-a-bàn-đề được phủ nệm da như da dê, da nai, da dê đen. Có Tỳ-kheo sai sứ Tỳ-kheo đem y cho Tỳ-kheo khác, Tỳ-kheo khác không nhận được vì giữa đường bị mất; từ nay nếu được y của-Tỳ-kheo khác

nên cất giữ trong mười ngày, quá mười ngày thì phạm Xả đọa".

Phật Bà-già bà tại nước Xá-bà-đề, lúc đó Lục quần Tỳ-kheo cất chứa nhiều các loại da như da sư tử, da cọp, da gấu, da rái cá; Phật nói: "Không được cất chứa năm loại da này, nếu cất chứa thì phạm Đột-kiết-la. Lại có năm loại da không được cất chứa, đó là da voi, da ngựa, da chó, da dã can, và da nai đen; nếu cất chứa thì phạm Đột-kiết-la".

Phật tại nước Câu-diệm-di, lúc đó Trưởng lão Xiển-na có giường cao tốt, nhân lúc Phật và A-nan đi đến, Xiển-na liền thỉnh Phật đến xem phòng mình, Phật nhìn thấy chiếc giường cao tốt này liền nói với A-nan: "Người ngu này làm giường cao tốt, bên ngoài tuy cao sang nhưng bên trong thì mục nát", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Từ nay không được cất chứa giường cao tốt, nếu cất chứa thì phạm Ba-dật-đề".

Phật tại nước Tỳ-da-ly, lúc đó có 1 ác Ưu-bà-tắc là đệ tử của Bạt-nan-đà thường nói chuyện với nhau và ái niệm nhau. Sáng sớm hôm đó Bạt-nan-đà đắp y mang bát đi đến nhà Ưu-bà-tắc này, người này trải tòa ngồi bằng vải mời Bạt-nan-đà ngồi rồi cùng nhau thăm hỏi. Trong nhà này có nuôi con trâu nghé lông tạp sắc rất đẹp, Bạt-nan-đà vừa nhìn thấy liền sanh tâm tham nghĩ rằng: "Da lông tạp sắc này thật đẹp, có thể dùng làm Ni-sư-đàn", nghĩ rồi liền nói với Ưu-bà-tắc: "Da lông của con trâu

nghé này thật đẹp, có thể dùng làm Ni-sư-đàn", Ưu-bà-tắc hỏi: "Thầy cần dùng phải không?", đáp là cần, Ưu-bà-tắc này liền giết con trâu nghe lột da lông của nó đưa cho Bạt-nan-đà mang về, con trâu mẹ liền rống lên và đi theo sau Bạt-nan-đà. Lúc đó các Tỳ-kheo đang kinh hành nơi đất trống ở bên trong tăng phường, từ xa nhìn thấy Bạt-nan-đà trở về, lại thấy có con trâu mẹ theo sau rống lên, liền nói với nhau: "Bạt-nan-đà này là người không biết xấu hổ, là người tham có nhiều thấy nghe nghi ác, chắc đã làm việc ác hoặc sắp làm nên trâu mẹ mới theo sau rống lên như vậy", đợi Bạt-nan-đà đến gần liền hỏi nguyên do vì sao con trâu mẹ theo sau rống lên như vậy, Bạt-nan-đà liền kể lại việc trên, các Tỳ-kheo nghe rồi liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo lại cố ý giết súc sanh, thầy không có tâm từ bi", quở trách rồi liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm Tỳ-kheo tăng rồi hỏi Bạt-nan-đà: "Thầy thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo … không có tâm từ bi", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Từ nay không được nhận da trâu từ trong nhà bạch y, không được dùng để ngồi hay nằm; nếu có cho da trâu khô thì được nhận nhưng không được dùng ngồi nằm".

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó Lục quần Tỳ-kheo đi xe có chở người nữ liền làm các việc bất tịnh,

Phật nói: "Không được đi xe có chở người nữ, nếu đi thì phạm Đột-kiết-la". Sau đó Lục quần Tỳ-kheo lại đi xe ngồi cạnh người nữ và làm các việc bất tịnh, Phật nói: "Không được đi xe ngồi cạnh người nữ, nếu ngồi cạnh thì phạm Đột-kiết-la". Sau đó Lục quần lại đi xe ngồi bên người nữ có ngăn cách ở giữa và làm các việc bất tịnh, Phật nói: "Không được đi xe ngồi bên người nữ có ngăn cách ở giữa, nếu ngồi thì phạm Đột-kiết-la".

Lúc đó Trưởng lão Tất lăng già bà ta bị bịnh mắt, thân quyến sai người cởi xe có hai trâu kéo đến rước về nhà trị bịnh, Trưởng lão nói: "Phật chưa cho ngồi trên xe có hai trâu kéo", liền đem việc này bạch Phật, Phật nói: "Từ nay cho ngồi trên xe có hai trâu kéo, nên sai người khác cầm cương, không được tự cầm cương".

Lúc đó Lục quần Tỳ-kheo nắm đuôi của con trâu cái để bơi qua sông và làm các việc bất tịnh, Phật nói: "Không được nắm đuôi của con trâu cái để bơi qua sông, nếu nắm thì phạm Đột-kiết-la. Nếu năm đuôi của sư tử, cọp, voi, nhựa, trâu đực và gấu để bơi qua sông thì không phạm". Lúc đó Lục quần Tỳ-kheo nắm tay thiếu nữ để đưa qua sông và làm các việc bất tịnh, Phật nói: "Không được nắm tay thiếu nữ để đưa qua sông, nếu nắm thì phạm Đột-kiết-la". Lúc đó có vợ của các cư sĩ đến sông A-chi-la tắm, họ cởi y phục để trên bờ rồi xuống sông tắm, thủy triều đột nhiên dâng lên và

cuốn trôi họ đi. Họ thấy các Tỳ-kheo đang kinh hành trên bờ liền kêu cứu, các Tỳ-kheo nói: "Này các chị, Phật đã kết giới không được cố ý xúc chạm thân người nữ", họ nói: "Các Đại-đức từ bi tại sao thấy chúng tôi bị nước cuốn trôi mà không chịu nắm cứu chúng tôi lên". Các Tỳ-kheo không biết làm sao liền đem việc này bạch Phật, Phật nói nên cứu, các Tỳ-kheo khi nắm vớt lên, tâm dâm liền khởi nên vội buông ra, họ nói: "Xin đừng buông, hãy vớt chúng tôi lên tới bờ rồi buông", các Tỳ-kheo không biết làm sao bạch Phật, Phật nói: "Tâm dâm tuy khởi cũng nên nắm cứu chớ buông, đợi lên tới bờ rồi thì không được cố ý xúc chạm, nếu xúc chạm thì phạm tội. Cũng không được cố ý xúc chạm người nữ thêu vẻ hay bằng gỗ, nếu xúc chạm thì phạm Đột-kiết-la".

Phật Bà-già-bà tại nước A-la-tỳ, lúc đó các Tỳ-kheo A-la-tỳ mang guốc gỗ hằng ngày đi đền chỗ Hòa thượng, A-xà-lê thọ học và hỏi kinh, kéo lê guốc ra tiếng và có Tỳ-kheo đạp chết con trùng dài. Phật tuy biết nhưng vẫn hỏi A-nan nguyên do, A-Nan đem việc trên bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm Tỳ-kheo tăng rồi hỏi các Tỳ-kheo này: "Các thầy thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo lại cất chứa guốc gỗ", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Từ nay không được mang guốc gỗ, guốc Đa la xà, guốc tre, guốc lá tre, guốc

chạm trổ và guốc bà tỳ; nếu cất chứa thì phạm Đột-kiết-la".

Lúc đó Trưởng lão Bạt đề thuộc dòng họ cao quý xuất gia, do hồi còn bạch y quen mang guốc Khâm-bà-la nên nay vẫn cất chứa guốc Khâm-bà-la để mang. Các cư sĩ quở trách: "Sa-môn Thích tử tự xưng là bậc hiền thiện có đức mà lại mang guốc Khâm-bà-la như vua, Đại-thần". Có Tỳ-kheo thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng rồi hỏi Bạt đề: "Thầy thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo lại mang guốc Khâm-bà-la", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Từ nay không được mang guốc Khâm-bà-la, nếu mang thì phạm Đột-kiết-la".

Phật tại thành Vương xá nước Chiêm-bặc, lúc đó có Sa-môn Thập nhị ức là con của một trưởng giả, do vị này đem hai mươi ức tiền vàng cho năm trăm tụ lạc trong nước Chiêm-bặc rồi xuất gia ở A-ni-mục-khư nên có tên gọi như thế. Vị này đi chân không kinh hành nơi đất trống, chân bị thương chảy máu dính khắp nơi, ở phía đầu và cuối chỗ kinh hành đều có quạ bay đến rỉa vết máu. Lúc đó Phật và A-nan đi đến nhìn thấy việc này, Phật tuy biết nhưng vẫn hỏi A-nan nguyên do, A-Nan đem việc trên bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm

Tỳ-kheo tăng rồi hỏi Sa-môn Nhị thập ức: "Thầy thật như thế phải không?", đáp:

"Thật vậy thưa Thế tôn", Phật hỏi: "Thầy có thể mang giày da một lớp để đi kinh hành hay không?", đáp: "Không thể thưa Thế tôn", Phật hỏi vì sao, đáp: "Thế tôn, chúng con đồng giữ giới, nếu con mang giày da một lớp thì các Tỳ-kheo sẽ nói rằng: Sa-môn Nhị thập ức con của ông trưởng giả… xuất gia ở A-ni-mục-khư nên được Phật cho mang giày da một lớp. Nếu Thế tôn cho tất cả tăng đều được mang thì con sẽ mang". Phật đủ lời khen ngợi giới và người trì giới rồi bảo các Tỳ-kheo: "Từ nay cho mang giày da một lớp kinh hành, nếu rách thủng thì cho vá hai miếng ở giữa. Không được mang giày da nhiều lớp, giày da lông thú, giày da khi đi phát ra tiếng, giày da có thêu đều không được mang. Tất cả giày da có màu sắc như xanh, vàng, đỏ, trắng, đen hoặc bên trong có màu sắc như xanh, vàng, đỏ, trắng, đen; hoặc giày da thêu chỉ xanh, chỉ đỏ, chỉ trắng, chỉ đen; hoặc giày da sư tử có thêu, giày da hổ có thêu, giày da báo có thêu, giày da rái cá có thêu, giày da mèo có thêu; hoặc giày may bằng sợi Đâu la, hoặc sợi lông chiên, sợi Kiếp-bối, hoặc sợi gân Khổng tước, sợi lông Không tước và tất cả giày da có thêu tạp sắc đều không được mang, nếu mang thì phạm Đột-kiết-la".

Phật ở trong tòa nhà của Ma-già la mẫu tại Đông viên thuộc thành Xá-vệ, vào xế chiều Phật

xuất thiền ra khỏi nhà đi kinh hành ở chỗ đất trống. Lúc đó có Tỳ-kheo mang giày da đi kinh hành theo sau Phật, Phật quay lại nhìn thấy liền nói với các Tỳ-kheo: "Có bậc thầy của ngoại đạo xuất gia, hàng đệ tử cung kính tôn trọng thầy nên không mang giày da đi kinh hành theo sau thầy mình, huống chi là đối với bậc Phật Bà-già bà, Thích-ca-Mâu-ni-Đa-đà-a-già-độ-A-la-ha-tam-miệu-tam-Phật-đà mà các thầy lại mang giày da đi kinh hành theo sau hay sao", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Từ nay không được mang giày da ở trước Phật, trước Hòa thượng, A-xà-lê và trước tất cả các thường tòa; cũng không được mang giày da vào trong tháp Phật, tháp của các bậc đắc đạo, vào trong nhà ấm, giảng đường, nhà ăn, nhà thiền… tất cả chỗ mà chúng tăng đi; nếu mang thì phạm Đột-kiết-la".

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó Trưởng lão Tất-lân-già-bà ta bị bịnh mắt, khi đi chân không vào tụ lạc giẫm phải đá nên chân bị thương, bịnh mắt càng nặng thêm, liền đem việc này nói với các Tỳ-kheo, các Tỳ-kheo bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm Tỳ-kheo tăng rồi hỏi Tất-lân-già-bà ta: "Thầy thật như thế phải không?", đáp: "Thật như thế thưa Thế tôn", Phật khen ngợi giới và người trì giới rồi bảo các Tỳ-kheo: "Từ nay cho mang giày da một lớp vào tụ lạc, không được mang giày da nhiều lớp… cho đến các loại giày mau thêu tạp sắc

đều không được mang, nếu mang thì phạm Đột-kiết-la".

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó các Tỳ-kheo rửa chân ở chỗ đất trống rồi đi nhón chân hoặc giẫm trên lá cây hoặc nhảy lên phiến đá để đi; vào nhà rồi ngồi trên giường dùng cỏ hoặc vải hoặc giẻ lau để lau chân, sau đó vất bỏ bừa bãi trên đất làm cho ngọa cụ hôi dơ. Lúc đó có cư sĩ thỉnh Phật và Tăng vào ngày mai thọ thực, Phật im lặng nhận lời, cư sĩ biết Phật đã nhận lời liền đảnh lễ Phật hữu nhiễu rồi ra về. Về đến nhà ngay trong đêm đó lo sửa soạn đủ các món ăn ngon, sáng sớm trải tòa rồi sai sứ đến bạch Phật: "Đã đến giờ thọ thực, xin Phật tự biết thời". Các Tỳ-kheo đi đến nhà cư sĩ, Phật bảo thị giả nhận lấy phần ăn của mình vì Phật muốn đi kiểm tra phòng Tăng. Lúc đi kiểm tra các phòng, Phật thấy cỏ, vải dơ, giẻ lau dơ bỏ bừa bãi dưới đất làm cho ngọa cụ hôi dơ nên quét dọn sạch sẽ, sau đó trở về phòng mình trải Ni-sư-đàn ngồi kiết già. Lúc đó ở nhà cư sĩ, cư sĩ thấy chúng tăng ngồi rồi liền tự tay dâng cúng các món ăn ngon cho chúng tăng đều được no đủ rồi lấy một cái ghế nhỏ ngồi trước Tăng muốn được nghe pháp, Thượng tọa thuyết pháp rồi cùng chư tăng đứng dậy ra về. Thường pháp của Phật là khi các Tỳ-kheo thọ thỉnh thực xong trở về, Phật đều hỏi thăm ăn có no đủ không; lúc đó các Tỳ-kheo đều đáp là no đủ, Phật bảo các Tỳ-kheo: "sau khi các thầy đi rồi, ta cầm

chìa khóa đi kiểm tra phòng Tăng, thấy cỏ, vải dơ, giẻ lau dơ bỏ bừa bãi trên đất khiến cho ngọa cụ hôi dơ. Các thầy làm vậy là không đúng, tại sao các thầy không biết ái hộ ngọa cụ của Tăng. Các cư sĩ, Bà-la-môn khô cạn máu thịt để bố thí cầu phước, các thầy phải thọ ít và biết ái hộ mới đúng", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Từ nay cho mang giày da một lớp rửa chân, nếu hư rách được vá hai miếng ở giữa… tất cả loại giày thêu may tạp sắc đều không được mang, nếu mang thì phạm Đột-kiết-la".

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó có một Tỳ-kheo mất giày da một lớp rửa chân nên đến xin cư sĩ, cư sĩ này bảo người thợ làm da làm cho Tỳ-kheo một đôi giày da một lớp, ông sẽ trả tiền, nhưng người thợ làm da không chịu làm giày da một lớp, chỉ nhận làm giày da nhiều lớp vì tiền công được hai, ba tiền. Tỳ-kheo không được giày lại đến hỏi xin cư sĩ lần nữa, cư sĩ nói: "Người thợ làm da không chịu làm, tôi biết phải làm sao. Thầy có thể mang giày da nhiều lớp được không?", Tỳ-kheo suy nghĩ: "Ta đem giày da nhiều lớp tách ra thành giày da một lớp rồi mang", nghĩ rồi liền nhận lấy giày da nhiều lớp mang về, sau đó mang chỉ và dùi ra trước cổng Kỳ hoàn muốn tách giày da nhiều lớp ra thành giày da một lớp. Lúc đó Phật kinh hành đến chỗ này nhìn thấy rồi liền hỏi Tỳ-kheo muốn làm gì, Tỳ-kheo liền đem việc trên bạch Phật rồi

nói: "Vì thế nên con muốn tách giày da nhiều lớp này ra thành giày da một lớp", Phật nói: "Không nên tách giày da nhiều lớp ra, vì sao, vì khiến nó không bền chắc. Từ nay cho làm pháp phá nhiễm được tịnh để mang, sao gọi là phá nhiễm được tịnh, tức là nếu được người bố thí giày da nhiều lớp, nên bảo thí chủ mang đi vài bước thì được cất thọ dụng".

Phật tại thành Vương xá, Lục quần Tỳ-kheo nghe Phật cho cất dùng giày đã phá nhiễm được tịnh để mang nên theo các Thích tử xin các loại giày tạp sắc cất dùng. Nếu các Thích tử không cho thì một Tỳ-kheo trong nhóm nhấc bổng Thích tử này lên để cho một Tỳ-kheo khác cởi lấy giày. Do nhân duyên này nên các Thích tử không dám ra ngoài sợ Lục quần Tỳ-kheo theo xin cởi lấy giày của mình. Các cư sĩ thấy việc này rồi liền chê trách: "Sa-môn Thích tử tự xưng là bậc hiền thiện có đức mà lại mang giày tạp sắc trang nghiêm, như vua, Đại-thần". Có Tỳ-kheo thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng rồi hỏi Lục quần Tỳ-kheo: "Các thầy thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo lại mang giày tạp sắc trang nghiêm", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Nếu có giày da một lớp hay giày da nhiều lớp đã phá nhiễm

được tịnh thì cho mang. Không được mang các loại giày tạp sắc trang nghiêm, nếu mang thì phạm Đột-kiết-la".

Phật tại nước Xá-vệ, tự tứ xong vào cuối tháng của mùa hạ, Phật cùng chúng đại Tỳ-kheo du hành các nước. Lúc đó có một Tỳ-kheo tay cầm giày đi cà nhắc, Phật nhìn thấy liền hỏi Tỳ-kheo nguyên do, Tỳ-kheo đáp: "Thế tôn, bên trong mũi giày của con quá cứng khiến cho ngón chân bị trầy, đau nhức nên con phải cầm giày đi cà nhắc", Phật nói: "Nên dùng vật mềm lót ở trong rồi mang".

-oOo-

LUẬT THẬP TỤNG

QUYỂN 26
PHÁP Y DƯỢC THỨ SÁU

Phật tại thành Vương xá, lúc đó vào tiết thu khí trời lạnh nóng bất thường nên các Tỳ-kheo mắc bịnh ăn không tiêu nên gầy ốm xanh xao, không có sắc lực. Phật nhìn thấy rồi, tuy biết nhưng vẫn hỏi A-nan nguyên do, A-Nan đem việc trên bạch Phật, Phật liền suy nghĩ: "Nên cho các Tỳ-kheo dùng loại dược gì để sắc lực trở lại như xưa. Nếu chỉ ăn cơm thô dỡ, bún, mì… thì không bổ ích cho thân; ta nên cho dùng bốn loại dược hàm tiêu như tô, dầu, mật và thạch mật". Do nhân duyên này Phật nhóm Tỳ-kheo tăng rồi bảo các Tỳ-kheo: "Từ nay cho các Tỳ-kheo bịnh được dùng bốn loại dược hàm tiêu như tô, dầu, mật và thạch mật". Do các Tỳ-kheo chỉ dùng bốn loại dược này trước ngọ, sau ngọ không dùng nên vẫn gầy ốm xanh xao không có sắc lực, Phật nhìn thầy rồi liền hỏi A-nan nguyên do, A-Nan đem việc trên bạch Phật, Phật do việc này nhóm Tỳ-kheo tăng đủ lời khen ngợi giới và người trì giới rồi bảo các Tỳ-kheo: "Từ nay cho các Tỳ-kheo trước và sau giờ ngọ được tùy ý

dùng bốn loại dược hàm tiêu".

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó Trưởng lão Tất-lân-già-bà-ta bị bịnh mắt, thầy thuốc bảo dùng thuốc La tán thiền thoa lên mắt, Trưởng lão nói: "Phật chưa cho dùng thuốc này", liền nói với các Tỳ-kheo, các Tỳ-kheo bạch Phật, Phật nói: "Từ nay nếu bị bịnh mắt thì được dùng thuốc La tán thiền thoa lên mắt để trị". Trưởng lão này đựng La tán thiền đầy trong các bát lớn, bát nhỏ, bình sứ lớn, bình sứ nhỏ… khi lấy dùng làm thuốc chảy lan dơ vách tường và ngọa cụ khiến trong phòng hôi dơ. Phật bảo nên đựng trong cái hộp, do hộp không có nắp đậy nên bụi đất bay vào bám trong thuốc, khi thoa lên mắt lại làm cho mắt đau thêm, Phật bảo nên làm nắp đậy. Làm nắp đậy thuốc vẫn chảy ra ngoài, Phật bảo nên làm miệng hộp nhỏ lại. Lúc đó các Tỳ-kheo dùng đuôi lông chim Khổng tước chấm thuốc để thoa lên mắt khiến mắt càng đau thêm, Phật bảo nên dùng thìa. Trưởng lão Ưu-ba-ly hỏi Phật nên dùng vật gì làm thìa, Phật bảo nên dùng sắt, đồng, vỏ sò, ngà voi, sừng hoặc gốm sứ để làm thìa.

Phật tại nước Tỳ-da-ly, do đất đai ở đây ẩm ướt và là đất phèn nên các Tỳ-kheo bị ghẻ nhọt, máu mủ chảy ra dính dơ y An-đà-hội. Phật nhìn thấy rồi liền hỏi các Tỳ-kheo nguyên do, các Tỳ-kheo đem việc trên bạch Phật, Phật nói: "Từ nay cho các Tỳ-kheo bị ghẻ nhọt trên thân dùng thuốc đắng thoa

lên". Trưởng lão Ưu-ba-ly hỏi Phật nên dùng loại thuốc đáng nào, Phật nói: "Nên dùng các loại cây thuốc như cây Câu lại đồ, cây Câu-Ba là, cây Chơn-lợi-tha, cây Sư-la, cây Ba-ca-la. Cây ba-ni-vô-kỳ-luân-đà-đam giã ra làm thuốc thoa". Lúc đó các Tỳ-kheo không biết đâm giã như thề nào để thành thuốc thoa, Phật nói nên dùng đá dâm giã; khi các Tỳ-kheo dùng đá đâm giã thì thuốc văng ra khắp trên đất, Phật bảo nên dùng cái cối đá và chày đá để giã. Các Tỳ-kheo giã đau tay, Phật lại cho dùng chày gỗ, do không biết cách làm nên khi cầm chày gỗ giã, chỗ nắm tay tuột lên tuột xuống; Phật bảo nên đẽo ở giữa nhỏ lại. Thuốc đã giã vẫn còn thô to, Phật bảo dùng rây rây lấy phần nhỏ mịn rồi trộn với dầu để thoa lên ghẻ nhọt.

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó Trưởng lão Thi-việt mắc bịnh điên, có người chỉ bày ăn thịt sống và uống máu tươi thì bịnh sẽ lành. Trưởng lão đem việc này nói với các Tỳ-kheo, các Tỳ-kheo bạch Phật, Phật do việc này nhóm Tỳ-kheo tăng rồi hỏi Thi-việt: "Thầy bị bịnh điên nghe người khác chỉ bày ăn thịt sống và uống máu tươi thì bịnh sẽ lành, thầy nói với các Tỳ-kheo là không biết làm sao phải không?", đáp: "Thật như thế thưa Thế tôn", Phật khen ngợi giới và người trì giới rồi bảo các Tỳ-kheo: "Từ nay nếu có Tỳ-kheo nào mắc bịnh như thế, cho được ăn thịt sống và uống máu tươi, nhưng nên ở chỗ khuất chớ để người khác thấy".

Phật tại nước Xá-vệ cùng chúng Tỳ-kheo hạ an cư, lúc đó Trưởng lão Tất-lân-già-bà ta an cư tại thành Vương xá, do có quen biết nhiều nên được cúng nhiều tô, dầu, mật và thạch mật. Trưởng lão đựng đầy trong bát lớn, bát nhỏ, hủ lớn, hủ nhỏ… khi lấy ra dùng thì các loại thực phẩm này chảy ra nước làm dơ vách tường và ngọa cụ khiến trong phòng hôi dơ. Các đệ tử cọng hành và đệ tử cận trụ của các Tỳ-kheo lấy các thực phẩm cách đêm này ăn phạm ác tróc (tay cầm bất tịnh), không thọ (không thọ mà ăn)và nội túc (cùng vật thực ngủ chung trong một phòng). Pháp thường của chư Phật là một năm có hai kỳ đại hội vào tháng sau của cuối mùa xuân và vào tháng sau của cuối mùa hạ. Vào tháng cuối của mùa xuân, Tỳ-kheo các nơi suy nghĩ: "Phật đã dạy chúng ta nên an cư, trong ba tháng an cư tu tập sẽ được an lạc trụ", đây là đại hội thứ nhất. Vào tháng cuối của mùa hạ, các Tỳ-kheo an cư ba tháng đã xong nghĩ rằng: "Đã lâu chúng ta không gặp Phật", nghĩ rồi liền đắp y mang bát đi đến chỗ Thế tôn, đây là đại hội thứ hai. Lúc đó các Tỳ-kheo ở thành Vương xá an cư xong, may y xong liền đắp y mang bát đi đến chỗ Phật, đảnh lễ Phật rồi ngồi một bên, pháp thường của Phật là khi có khách Tỳ-kheo đến đều hỏi thăm có nhẫn đủ không, có an lạc trụ không, khất thực có dễ không, đi đường có nhọc mệt không. Lúc đó các Tỳ-kheo đều đáp là nhẫn đủ, được an lạc trụ, khất thực

không khó, đi đường không nhọc mệt, rồi đem việc trên bạch Phật. Phật do việc này nhóm Tỳ-kheo tăng rồi quở trách các Tỳ-kheo này: "Ta thương xót nên cho các Tỳ-kheo bịnh cất dùng bốn loại dược hàm tiêu là tô, dầu, mật và thạch mật; tại sao các thầy lại cất cách đêm lấy ăn phạm ác tróc, không thọ và nội túc", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Từ nay cho các Tỳ-kheo bịnh cất chứa bốn loại dược hàm tiêu trong vòng bảy ngày được tùy ý thọ dụng, nếu cất chứa quá bảy ngày thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề".

Phật tại nước Xá-vệ, Trưởng lão Nghi ly việt thấy người khác làm đường phèn bằng cách trộn bột gạo với đường nhuyễn rồi nấu với tiêu thổ hoặc mồ hống, liền bảo các Tỳ-kheo: "Các Trưởng lão, đường phèn này được làm bằng cách trộn bột gạo với đường nhuyễn rồi nấu với tiêu thổ hoặc mồ hống. Vì vậy qua giờ ngọ các Trưởng lão không nên ăn". Các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng rồi hỏi Trưởng lão Nghi ly việt: "Thầy thật thấy người khác làm đường phèn bằng cách… mồ hống, nên bảo các Tỳ-kheo qua giờ ngọ không nên ăn phải không?", đáp: "Thật như thế thưa Thế tôn", Phật khen ngợi giới và người trì giới rồi bảo các Tỳ-kheo: "Từ nay cho thọ dùng đường phèn trước giờ ngọ, sau giờ ngọ không nên ăn".

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó Trưởng lão Xá-lợi-

phất bị cảm lạnh, thầy thuốc bảo nên uống nước thuốc Tô-đề-la. Trưởng lão nói: "Phật chưa cho uống nước thuốc này", các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật nói: "Từ nay cho được uống nước thuốc Tô-đề-la". Trưởng lão Ưu-ba-ly hỏi Phật dùng vật gì làm nước thuốc Tô-đề-la, Phật nói: "Nên lấy đại mạch, bỏ vỏ cứng, không làm cho bể rồi nấu một chút, sau đó ngâm trong nước nóng rồi đựng trong cái hủ, ban ngày thọ thì ban đêm dùng, ban đêm thọ thì ban ngày dùng, không được dùng quá thời phần".

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó Trưởng lão Xá-lợi-phất mắc bịnh máu nóng, thầy thuốc bảo nên uống nước thuốc Thủ lư, Trưởng lão nói Phật chưa cho dùng, các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật nói: "Từ nay cho được uống nước thuốc Thủ lư". Trưởng lão Ưu-ba-ly hỏi Phật nên dùng vật gì làm nước thuốc này, Phật bảo: "Nên lấy cây Hoàng bá mài nhỏ rồi trộn với dầu, sau đó hòa với nước để uống, nên đúng thời uống dùng, không đúng thời thì không được uống dùng".

Phật tại nước Ba là nại cùng đại chúng hạ an cư, trong nước này có Ưu-bà-di tên Ma-ha-tư-na rất giàu có, tiền bạc, lúa thóc, ruộng vườn nhà cửa và các vật báu đều đầy đủ. Người này đã thành tựu các phước đức, tin Phật pháp tăng, được Kiến đế đắc đạo. Ưu-bà-di này thỉnh Phật và Tăng trong bốn tháng hạ cung cấp cho người bịnh tùy ý thọ

dụng ẩm thực và thuốc men. Lúc đó có một Tỳ-kheo bịnh, thầy thuốc bảo nên dùng thịt, Tỳ-kheo bịnh bảo người khán bịnh: "Thầy nên đến nói với Ưu-bà-di Ma-ha-tư-Na-là có một Tỳ-kheo bịnh, thầy thuốc bảo cần thịt", người khán bịnh đến nói, Ưu-bà-di này liền đưa tiền cho tỳ nữ đi mua thịt rồi đưa cho người khán bịnh. Tỳ nữ cầm tiền vào thành tìm mua thịt nhưng không được vì ngày đó vua Ba ma đạt ra lịnh không sát sanh. Tỳ nữ trở về báo lại, Ma-ha-tư-na nghe rồi liền suy nghĩ: "Thật cơ khổ, ta thỉnh Phật và Tăng trong bốn tháng hạ cung cấp cho người bịnh tùy ý thọ dụng ẩm thực và thuốc men. Nay có Tỳ-kheo bịnh cần thịt thịt lại tìm mua không được; nếu không có thịt chắc bịnh của-Tỳ-kheo sẽ nặng thêm", nghĩ rồi liền cầm dao bén vào trong nhà cắt thịt nơi bắp vế của mình rồi đưa cho tỳ nữ đem nấu chín rồi đưa cho người khán bịnh. Tỳ nữ vâng lời nấu chín thịt rồi đưa cho người khán bịnh, người khán bịnh mang về đưa cho Tỳ-kheo bịnh ăn, Tỳ-kheo bịnh không biết là thịt gì nên ăn, bịnh liền lành. Lúc đó Ưu-bà-di Ma-ha-tư-na đau đớn vì vết thương nên không thể ra vào, ngồi đứng; chồng bà vì có chút việc đi vắng nhà nên không biết việc này, khi trở về không thấy vợ đâu nên hỏi gia nhân, gia nhân nói là bà bịnh đang nằm trong phòng. Người chồng vội đến bên vợ hỏi thăm: "Nàng bị cảm lạnh hay mắc bịnh gì?", Ma-ha-tư-na liền đem việc trên kể lại, người chồng nghe rồi

liền tức giận, không nhẫn nổi, sanh bất tín nói rằng: "Sa-môn Thích tử không biết thời, không biết lượng; nếu người cúng không biết lượng thì người thọ nên biết lượng. Sao lại làm cho vợ ta đau đớn như thế này, không thể ngồi dậy được", nói rồi ôm lòng sân đi đến gặp Phật. Lúc đó Phật đang nói pháp cho đại chúng, từ xa thấy Ưu-bà-tắc này đi đến, Phật liền dùng thần lực từ bi cảm hóa khiến cho lòng sân của Ưu-bà-tắc này lắng xuống dần, tâm thanh tịnh phát sanh, đến chỗ Phật đảnh lễ ngồi một bên nghe Phật nói pháp, Thế tôn tùy thuận nói pháp chỉ dạy cho Ưu-bà-tắc được lợi hỉ rồi im lặng. Lúc đó cư sĩ chắp tay thỉnh Phật và Tăng vào ngày mai thọ thực, Phật im lặng nhận lời, cư sĩ biết Phật đã nhận lời liền đảnh lễ Phật hữu nhiễu rồi ra về. Về đến nhà ngay trong đêm đó lo sửa soạn đủ các món ăn ngon, sáng sớm trải tòa rồi sai sứ đến bạch Phật: "Đã đến giờ thọ thực, xin Phật tự biết thời". Phật đắp y mang bát cùng chúng tăng đến nhà cư sĩ, thấy Phật và Tăng ngồi xong rồi, cư sĩ tự tay dâng thức ăn thức uống cúng dường. Phật và Tăng thọ thực xong, cư sĩ lấy cái ghế nhỏ ngồi trước Phật muốn nghe pháp, Phật liền hỏi cư sĩ: "Ưu-bà-di Ma-ha-tư-na hiện giờ ở đâu?", đáp: "Thế tôn, vợ con bịnh khổ đau đớn, đang nằm ở trong nhà, không ngồi dậy được", Phật bảo cư sĩ: "Ông hãy vào trong nhà nói với Ưu-bà-di Ma-ha-tư-Na-là Phật gọi cô", cư sĩ liền vào trong nhà nói với vợ là

Phật cho gọi, Ma-ha-tư-na nghe Phật cho gọi, sanh tâm vui mừng nên vết thương liền bình phục, bà nói với chồng: "Chàng thấy không, Phật có đại thần lực nên vừa nghe Phật cho gọi, vết thương liền bình phục", người chồng thấy người vợ nhờ thần lực của Phật mà vết thương liền bình phục nên sanh tâm hoan hỉ, cùng vợ đi đến gặp Phật, đảnh lễ rồi ngồi một bên. Phật biết hai người đã khởi tín tâm và hoan hỉ nên tùy duyên thuyết pháp khiến cho Ma-ha-tư-na được đạo quả Tư-đà-hàm và người chồng được quả Tu-đà-hoàn; Phật lại nói pháp yếu khiến cả hai phát thiện tâm, chỉ dạy cho họ được lợi hỉ rồi đứng dậy trở về tinh xá. Sau đó Phật do nhân duyên này nhóm Tỳ-kheo tăng rồi hỏi Tỳ-kheo bịnh: "Thầy thật đã làm như thế phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo lại ăn thịt người", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Từ nay không được ăn thịt người, cho đến mở, máu và gân người; nếu ăn thì phạm tội Thâu-lan-giá, nhưng ăn xương người thì không tội. Từ nay nếu gặp chút nhân duyên thì không được ăn thịt, nếu có nhân duyên phải ăn thịt thì nên hỏi trước là thịt gì rồi mới được ăn, nếu không hỏi mà ăn thì phạm Đột-kiết-la".

Phật tại nước Ba là-nại, lúc đó thời thế mất mùa đói kém, khất thực khó được, voi bị nạn dịch nên chết rất nhiều. Những người nghèo khổ cho đến

người chăn voi, chăn ngựa, chăn trâu, người thiêu tử thi, người hốt phân… đều ăn thịt voi. Lúc đó các Tỳ-kheo đến giờ khất thực đi đến trước nhà những người này khất thực, họ nói: "Đại-đức, hiện giờ chúng tôi không có cơm, bún…; nhưng có thịt voi, các thầy có thể ăn được không?", đáp: "Các vị ăn được tại sao chúng tôi lại không ăn được", họ liền đưa thịt voi, các Tỳ-kheo thọ rồi mang về, Tỳ-kheo khác thấy liền hỏi là thịt gì, đáp là thịt voi, các Tỳ-kheo liền quở trách: "Phật chưa cho ăn thịt voi sao lại ăn", quở trách rồi đem việc này bạch Phật, Phật do việc này nhóm Tỳ-kheo tăng rồi hỏi các Tỳ-kheo đó: "Các thầy thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo lại ăn thịt voi. Nếu vua Phạm ma đạt nghe biết Sa-môn Thích tử ăn thịt voi sẽ không vui, vì sao, vì voi là vật thuộc vua quan", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Từ nay không được ăn thịt voi cho đến mở, máu và gân voi; nếu ăn thì phạm Đột-kiết-la, nhưng ăn xương voi thì không tội".

Phật tại nước Ba là nại, lúc đó thời thế mất mùa đói kém, khất thực khó được, ngựa bị nạn dịch nên chết rất nhiều. Những người nghèo khổ cho đến người chăn voi, chăn ngựa, chăn trâu, người thiêu tử thi, người hốt phân … đều ăn thịt ngựa. Lúc đó các Tỳ-kheo đến giờ khất thực đi đến trước nhà những người này khất thực, họ nói: "Đại-đức, hiện

giờ chúng tôi không có cơm, bún…; nhưng có thịt ngựa, các thầy có thể ăn được không?", đáp: "Các vị ăn được tại sao chúng tôi lại không ăn được", họ liền đưa thịt ngựa, các Tỳ-kheo thọ rồi mang về, Tỳ-kheo khác thấy liền hỏi là thịt gì, đáp là thịt ngựa, các Tỳ-kheo liền quở trách: "Phật chưa cho ăn thịt ngựa sao lại ăn", quở trách rồi đem việc này bạch Phật, Phật do việc này nhóm Tỳ-kheo tăng rồi hỏi các Tỳ-kheo đó: "Các thầy thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo lại ăn thịt ngựa. Nếu vua Phạm ma đạt nghe biết Sa-môn Thích tử ăn thịt ngựa sẽ không vui, vì sao, vì ngựa là vật thuộc vua quan", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Từ nay không được ăn thịt ngựa cho đến mở, máu, gân và xương ngựa; nếu ăn thì phạm Đột-kiết-la".

Phật tại nước Ba là nại, lúc đó thời thế mất mùa đói kém, khất thực khó được nên những người nghèo khổ cho đến người chăn voi, chăn ngựa, chăn trâu, người thiêu tử thi, người hốt phân… đều giết chó để ăn thịt. Lúc đó các Tỳ-kheo đến giờ khất thực đi đến trước nhà những người này khất thực, họ nói: "Đại-đức, hiện giờ chúng tôi không có cơm, bún…; nhưng có thịt chó, các thầy có thể ăn được không?", đáp: "Các vị ăn được tại sao chúng tôi lại không ăn được", họ liền đưa thịt chó, các Tỳ-kheo thọ rồi mang về, Tỳ-kheo khác thấy

liền hỏi là thịt gì, đáp là thịt chó, các Tỳ-kheo liền quở trách: "Phật chưa cho ăn thịt chó sao lại ăn", quở trách rồi đem việc này bạch Phật, Phật do việc này nhóm Tỳ-kheo tăng rồi hỏi các Tỳ-kheo đó: "Các thầy thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo lại ăn thịt chó. Nếu các thầy đến bên những người giàu có hoặc họ đến thăm các thầy mà nghe biết Sa-môn Thích tử ăn thịt chó thì họ sẽ bỏ các thầy mà đi như bỏ Chiên-đà-la", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Từ nay không được ăn thịt chó cho đến mở, máu, gân và xương chó; nếu ăn thì phạm Đột-kiết-la".

Phật tại nước Ba là nại, lúc đó thời thế mất mùa đói kém, khất thực khó được, nên những người nghèo khổ cho đến người chăn voi, chăn ngựa, chăn trâu, người thiêu tử thi, người hốt phân… đều giết rắn để ăn thịt. Lúc đó các Tỳ-kheo đến giờ khất thực đi đến trước nhà những người này khất thực, họ nói: "Đại-đức, hiện giờ chúng tôi không có cơm, bún…; nhưng có thịt rắn, các thầy có thể ăn được không?", đáp: "Các vị ăn được tại sao chúng tôi lại không ăn được", họ liền đưa thịt rắn, các Tỳ-kheo thọ rồi mang về, Tỳ-kheo khác thấy liền hỏi là thịt gì, đáp là thịt rắn, các Tỳ-kheo liền quở trách: "Phật chưa cho ăn thịt rắn sao lại ăn", quở trách rồi đem việc này bạch Phật, Phật do việc này nhóm Tỳ-kheo tăng rồi hỏi các Tỳ-kheo đó: "Các

thầy thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo lại ăn thịt rắn. Nếu rồng nghe biết Sa-môn Thích tử ăn thịt rắn sẽ không vui, vì sao, vì rắn và rồng cùng 1 dòng họ", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Từ nay không được ăn thịt rắn cho đến mở, máu và gân rắn; nếu ăn thì phạm Đột-kiết-la, nhưng ăn xương rắn thì không tội".

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó Phật bị cảm lạnh, thầy thuốc bảo dùng cháo nấu với ba loại đắng, Phật bảo A-nan lo liệu, A-nan liền vào thành xin mè, gạo, đậu Ma sa và đậu nhỏ đem về nấu cháo cho Phật dùng. Phật tuy biết nhưng vẫn hỏi A-nan là ai nấu, đáp là con nấu, Phật nói: "Thầy hãy mang cháo này đổ nơi đất trống không có cỏ hoặc đổ trong nước không có trùng, vì sao, vì ngoại đạo Phạm chí nếu biết được sẽ cho là Phật còn tại thế mà Sa-môn Thích tử đã có lậu xứ lưu xuất", A-nan vâng lời Phật dạy đem cháo đi đổ ở nơi đất trống không có cỏ hoặc trong nước không có trùng. Phật do việc này nhóm Tỳ-kheo tăng rồi bảo các Tỳ-kheo: "Từ nay, nếu đại Tỳ-kheo nấu thức ăn thì không được ăn, nếu ăn thì phạm Đột-kiết-la. Nếu ngủ bên trong (nội túc) mà nấu ở bên trong (chữ túc) hoặc ngủ bên trong mà nấu ở bên ngoài, ngủ bên ngoài mà nấu ở bên trong, hễ tự nấu thì không được ăn; nếu ăn thì phạm Đột-kiết-la".

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó có cư sĩ thỉnh Phật

và Tăng vào ngày mai thọ thực, Phật im lặng nhận lời, cư sĩ biết Phật đã nhận lời liền đảnh lễ Phật hữu nhiễu rồi ra về. Về đến nhà ngay trong đêm đó lo sửa soạn đủ các món ăn ngon, sáng sớm trải tòa rồi sai sứ đến bạch Phật: "Đã đến giờ thọ thực, xin Phật tự biết thời", chư tăng liền đi đến nhà cư sĩ, Phật không đi nên bảo thị giả nhận phần ăn mang về. Lúc đó cư sĩ thấy chúng tăng đã ngồi xong liền tự tay dâng thức ăn cúng dường, A-nan ăn trước rồi nhận lấy phần ăn của Phật mang về. A-nan thấy cơm nấu còn hơi sống sợ Phật ăn cơm này bịnh cũ sẽ tái phát nên mang cơm này ra trước cửa Kỳ hoàn ở nơi đất trống nhóm lửa nấu lại cho chín. Lúc đó Phật kinh hành ở gần đó nhìn thấy liền hỏi A-nan làm gì, A-nan bạch rõ nguyên do, Phật nói: "Lành thay A-nan, cơm còn sống như thế, đem nấu lại là đúng pháp. Từ nay nếu cơm sống thì cho làm hỏa tịnh để nấu lại. Sao gọi là hỏa tịnh, tức là lửa chạm vào nồi". Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó có một Tỳ-kheo bị bịnh trĩ, thầy thuốc tên A-đế-lợi-cù-đố-lộ dùng dao cắt trĩ tại một chỗ hiển lộ gần cửa Kỳ hoàn, khiến cho Tỳ-kheo đau đớn toàn thân. Lúc đó Phật vừa đi vào Kỳ hoàn, thầy thuốc này từ xa thấy Phật liền đến chắp tay thỉnh Phật lại xem chỗ trĩ vừa bị cắt, Phật liền quở trách thầy thuốc: "Này A-đế-lợi-cù-đố-lộ, ông là người xấu miệng nhất thế gian nên mới thỉnh Như lai lại xem chỗ trĩ vừa bị cắt. Tứ nay không được thỉnh Như lai như thế,

nếu thỉnh thì phạm tội; từ nay không được dùng dao cắt trĩ, nếu dùng dao cắt thì phạm Thâu-lan-giá".

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó có vua tên A-kỳ-đạt thuộc dòng Bà-la-môn ở nước Tỳ-la-nhiên, có chút việc nên đến nước Xá-vệ, ngủ lại đêm tại nhà một cư sĩ và hỏi cư sĩ rằng: "Ở nước này có bậc Sa-môn, Bà-la-môn nào đạo cao đức trọng được mọi người tôn kính làm thấy hay không; nếu có, tôi sẽ thường đến thăm hỏi để tâm được thanh tịnh", cư sĩ đáp: "Có Sa-môn Cù đàm là Thích tử tịnh tín xuất gia, cạo bỏ râu tóc, khoác y ca sa, đã chứng được A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-phật-đà. Nếu ông thường đến thăm hỏi, tâm ông sẽ được thanh tịnh", lại hỏi: "Sa-môn Cù đàm hiện đang ở đâu, tôi muốn đến gặp", đáp: "Sa-môn Cù đàm hiện đang ở tại vườn Kỳ thọ Cấp cô độc, ông hãy đến đó gặp". Vua A-kỳ-đạt theo như lời cư sĩ liền đi đến gặp Phật, lúc đó Phật đang ở trong rừng cây thuyết pháp cho đại chúng, các căn thanh tịnh, tướng mạo đoan chánh như núi tử kim. Vua A-kỳ-đạt đến chỗ Phật đảnh lễ ngồi một bên nghe Phật nói pháp, Thế tôn tùy thuận nói pháp chỉ dạy cho vua được lợi hỉ rồi im lặng. Lúc đó vua chắp tay bạch Phật: "Thế tôn, cúi xin Phật và Tăng thọ con thỉnh đến nước con hạ an cư", Phật nhớ lại nhân duyên túc hạnh liền biết đã đến lúc thọ báo ứng nên im lặng nhận lời, vua biết Phật đã nhận lời liền

đảnh lễ Phật hữu nhiễu rồi ra về. Về đến nước mình liền ra lịnh chuẩn bị đầy đủ các món ăn ngon để cúng Phật và tăng trong ba tháng an cư sắp tới, sau đó lại bảo người giữ cửa cung: "Trong mùa hạ này ta muốn an lạc tự vui nên mọi việc tốt xấu bên ngoài đều không được vào thưa bạch", người giữ cửa liền tuân theo lời vua bảo. Lúc đó Phật thấy thời an cư đã đến liền nhóm Tỳ-kheo tăng rồi bảo các Tỳ-kheo: "Chúng ta nay đến nước Tỳ-la-nhiên an cư", sau đó Phật cùng đại chúng năm trăm người du hành đến nước Tỳ-la-nhiên. Nước này vốn tin theo tà giáo nên trước nay không có tinh xá, ở phía Bắc của thành có một khu rừng tên là Thắng diệp ba, cây cối sum suê, đất bằng phẳng rộng rãi nên Phật và đại chúng đến trong rừng này dừng nghỉ. Thôn ấp ở bìa rừng nhỏ hẹp, dân chúng quê mùa nghèo khổ, ít tín tâm nên khất thực khó được. Phật nhóm Tỳ-kheo tăng rồi bảo các Tỳ-kheo: "Thôn ấp này nhỏ hẹp, dân chúng nghèo khổ, không có tín tâm nên khất thực khó được. Nếu ai muốn ở lại đây an cư thì ở, ai không muốn thì tùy ý đi", lúc đó Trưởng lão Xá-lợi-phất một mình lên núi A-mâu-ca-mạt-ca an cư, thọ vua trời Đế thích và hoàng hậu của vua là con gái của A-tu-la thỉnh cúng dường thức ăn của trời trong bốn tháng an cư. Phật cùng bốn trăm chín mươi chín Tỳ-kheo ở lại trong nước Tỳ-la-nhiên an cư, do các cư sĩ và Bà-la-môn ở nước này ít tín tâm đối với Phật pháp nên chỉ

cúng dường cho Phật và Tăng khoảng năm, sáu ngày thì ngưng. Các Tỳ-kheo khất thực rất khó được nên Trưởng lão đại Mục-kiền-liên bạch Phật: "Thế tôn, ở cõi Diêm-phù-đề có cây Diêm-phù-đề, con muốn đến đó hái trái của cây này để cúng dường đại chúng. Ở cõi Uất đơn việt có rừng Ha-lê-lặc và rừng A-ma-lặc, nơi đó có lúa thơm tự nhiên; ở cõi trời Đao lợi có vị thức ăn Tu đà, con muốn đến đó lấy mang về cúng dường đại chúng. Lại có vị ngọt của đất, con muốn dùng một tay nâng chúng sanh lên, tay kia lật đất lên để cho các Tỳ-kheo tự lấy vị đất ăn. Cúi xin Thế tôn chấp thuận", Phật nói: "Thầy tuy có đại thần thông nhưng quả báo ác hạnh của các Tỳ-kheo nay đã chín, không thể làm thay đổi được, nên ta không chấp thuận". Do ở trong nước này có nước suối trong mát và cây cỏ xanh tươi nên những người chăn ngựa ở nước Ba là-nại thường dẫn ngựa đến nước này cho ăn cỏ uống nước, vì vậy chúng được mập mạp. Những người chăn ngựa này tin Phật và tâm tịnh nên thấy các Tỳ-kheo khất thực cực khổ lại khó được nên thăm hỏi và nó rằng: "Chúng tôi biết các thầy đói khổ nhưng lương thực của chúng tôi đã hết, hiện giờ còn lúa ngựa các thầy có thể thọ dụng được không?", các Tỳ-kheo nói: "Phật chưa cho chúng tôi ăn lúa ngựa", các Tỳ-kheo không biết làm sao liền bạch Phật, Phật nói: "Ngựa thuộc về người chăn ngựa, nếu những người chăn ngựa

này cho ngựa ăn cỏ non và nước mát mà được mập thì các thầy nên thọ". Bầy ngựa có năm trăm con, mỗi con ngựa ăn hai đấu lúa nên người chăn ngựa cấp cho mỗi Tỳ-kheo một đấu, còn một đấu dành cho ngựa; trong số ngựa này có một con lương mã ăn bốn đấu nên người chăn ngựa cấp cho Phật hai đấu, còn hai đấu dành cho ngựa. A-nan nhận lấy phần lúa của Phật và của mình đi vào trong tụ lạc, tới trước một người nữ ca ngợi công đức Phật: "Phật là bậc Nhất thiết trí, có đủ niệm, định, huệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, đại từ, đại bi; thân Phật có ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp, màu sắc vàng tía; trên đỉnh đầu Phật có hào quang, có âm thanh của trời Đại phạm. Nếu Phật không xuất gia sẽ làm Chuyển luân thánh vương như mặt trời mọc, sẽ có bảy báu và ngàn người con; tôi và tất cả mọi người đều thuộc về Ngài. Nay Phật đã xuất gia chứng được A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-phật-đà, đã dứt trừ sanh già bịnh chết và ưu bi khổ não; người chưa độ thì được độ, người chưa giải thoát thì được giải thoát. Vì có chút nhân duyên nên Phật đến nước này an cư, cô có thể mang lúa này nấu giúp thành cơm cho Phật, được không?", người nữ đáp: "Đại-đức, trong nhà tôi nhiều việc nên không thể làm giúp được". Lúc đó có một người nữ khác ở cạnh đó nghe A-nan ca ngợi công đức Phật liền sanh tín kính, nghĩ là người như thế khó được, nên bạch với A-nan: "Thầy hãy mang

lúa đến đây, con sẽ nấu thành cơm cho Phật, phần lúa của thầy con cũng sẽ nấu luôn. Từ nay nếu có Tỳ-kheo hiền thiện, trí tuệ, trì luật, con cũng sẽ nấu luôn phần lúa của vị ấy", người nữ nấu thành cơm xong đưa cho A-nan mang về dâng cho Phật. A-nan đối với Phật tình sâu nên suy nghĩ: "Phật là dòng vua nên ăn thức ăn ngon, nay lại phải ăn cơm thô dỡ này làm sao có ích cho thân", vì nghĩ như vậy nên khi thấy Phật ăn, A-nan liền nghẹn ngào rơi lệ. Phật hiểu ý A-nan và muốn giải tỏa nỗi buồn này nên hỏi A-nan: "Thầy có thể ăn thử cơm này không?", đáp là được, liền lấy cơm ăn thử, cảm thấy mùi vị thơm ngon phi thường, giống như chư thiên đã nêm thêm gia vị vào, A-nan vui mừng, nỗi buồn liền biến mất. Phật ăn xong, A-nan thâu bát rồi bạch Phật: "Thế tôn, hôm nay có một người nữ, con nhờ cô ấy nấu giúp thành cơm nhưng cô ấy không chịu nấu; lại có một người nữ khác, con không nhờ mà lại chịu nấu giúp", Phật nói: "Người nữ không chịu nấu giúp thì cái đáng được lại không được, nếu cô ấy chịu nấu giúp thì nhờ công đức phước báo này sẽ được làm đệ nhất phu nhân của Chuyển luân thánh vương. Người nữ không nhờ là lại chịu nấu giúp thì được phước vô lượng, không cần phước nào khác". Lúc đó do túc hạnh của Phật chưa dứt nên trong khoảng thời gian này không có ai biết Phật và Tăng an cư tại nước Tỳ-la-nhiên phải ăn lúa ngựa. Ma vương hóa hiện làm Tỳ-kheo

mang cơm thơm ngon đi đến các nước, người gặp giữa đường hỏi từ đâu đến thì đáp là từ nước Tỳ-la-nhiên đến, nếu họ hỏi Phật ở đó có được cúng dường đầy đủ không thì đáp: "Nước ấy thường có đại hội nên có đầy đủ các món ăn ngon. Thức ăn mà tôi đang cầm chính là thức ăn dư của Phật". Đến khi túc hạnh của Phật đã dứt thì cả mười sáu nước đều nghe biết Phật và Tăng an cư ở nước Tỳ-la-nhiên phải ăn lúa ngựa, lúc đó những người giàu có, trưởng giả, cư sĩ, Tát bạc (thương chủ) của các nước cùng nhau chuẩn bị các món ăn ngon chở đầy trên xe ngựa, đi chật cả đường để mang đến cúng dường. Lúc đó còn bảy ngày nữa là tự tứ, Phật tuy biết nhưng vẫn hỏi A-nan là còn mấy ngày nữa tự tứ, A-nan đáp là còn bảy ngày nữa, Phật bảo A-nan: "Thầy hãy vào thành đến nói với vua A-kỳ-đạt rằng Phật ở trong nước của ông an cư đã xong, nay muốn du hành đến nước khác", các Tỳ-kheo nói: "Thế tôn, người này đối với Phật và Tăng có ân đức gì, ở đây an cư rất khốn khổ vì sao còn phải từ biệt ông ấy", Phật nói: "Vua Bà-la-môn này tuy không có ân đức gì nhưng theo lý khách chủ thì chúng ta phải từ biệt". A-nan vâng lời Phật dạy, cùng một Tỳ-kheo khác đi đến cung vua và bảo người giữ cửa: "Ngươi hãy vào bạch vua là có A-nan đang ở ngoài cửa", người giữ cửa suy nghĩ: "A-nan là tên tốt lành, mới sáng sớm được nghe vì sao không vào báo chứ", nghĩ rồi liền vào báo. Lúc đó

vua đã thức dậy, tắm rửa rồi mặc áo trắng sạch đang ngồi trong cung, nghe người giữ cửa vào báo là có A-nan đang ở ngoài cửa, theo pháp của Bà-la-môn hễ nghe được tên tốt lành thì có tin tốt lành theo đến, vì thế vua cho gọi A-nan vào và hỏi: "Thầy đến có việc gì?", đáp: "Phật bảo tôi đến nói với vua là Phật ở trong nước của vua an cư ba tháng đã xong nay muốn du hành đến nước khác", vua kinh hãi hỏi: "Sa-môn Cù đàm đã đến nước ta an cư rồi hay sao?", đáp là đã an cư, lại hỏi là ai đã cung cấp, đáp: "Phật và Tăng an cư ở trong nước này rất khốn khổ, phải ăn lúa ngựa trong ba tháng hạ". Lúc đó vua mới chợt nhớ ra là mình đã thỉnh Phật và Tăng đến nước mình an cư trong ba tháng cúng dường đầy đủ, vua liền nghĩ: "Ta đã khiến cho Phật và Tăng phải ăn lúa ngựa trong ba tháng, tiếng xấu này sẽ lan truyền khắp các nước, họ sẽ cho ta là người tà ác ghét bỏ Phật pháp, não hại Phật và Tăng nên đã để cho Phật và Tăng chịu khốn khổ như thế", nghĩ rồi liền nói với A-nan: "Sa-môn Cù đàm có thể ở lại để tôi sám hối được không?", đáp là không thể được, vua nghe rồi ưu sầu hổ thẹn ngất xỉu xuống đất, tông thân của vua lấy nước rưới lên mặt cho tỉnh lại rồi an ủi vua rằng: "Vua chớ sầu muộn, chúng ta sẽ đến chỗ Sa-môn Cù đàm sám hối và thỉnh Phật ở lại một thời gian; nếu Phật không chấp thuận thì chúng ta sẽ mang thực phẩm thanh tịnh theo sau, đợi lúc thiếu thốn sẽ cúng

dường". Vua A-kỳ-đạt cùng các quyến thuộc đi đến chỗ Phật sám hối và thỉnh Phật ở lại một thời gian, Phật suy nghĩ: "Nếu ta không nhận lời thì vua A-kỳ-đạt sẽ hộc máu mà chết", Phật thương xót nên nhận lời ở lại bảy ngày, vua A-kỳ-đạt suy nghĩ: "Tất cả vật phẩm này là chuẩn bị để cúng dường trong bốn tháng, nay chỉ ở lại bảy ngày thì làm sao cúng dường hết được". Lúc đó tự tứ xong, Phật muốn du hành đến nước Việt-kỳ trong hai tháng, dân chúng nước Việt-kỳ nghe tin liền làm yếu lịnh mỗi người tự chuẩn bị đầy đủ mọi thứ để theo thứ lớp cúng dường trong hai tháng. Khi Phật du hành đến nước Việt-kỳ, vua A-kỳ-đạt cho chở các phẩm vật cúng dường đi theo sau chờ khi thiếu thốn sẽ cúng dường, dân chúng nước Việt-kỳ nói với nhau: "Chúng ta phải chuẩn bị đầy đủ mọi thứ cúng dường bữa ăn trước, bữa ăn sau, không để cho ai xen vào". Lúc đó vua A-kỳ-đạt biết chỗ Phật nghỉ lại đêm liền mang các phẩm vật cúng dường đến và nói rằng: "Hôm nay, ngày mai, ngày mốt tôi sẽ cúng dường", dân chúng nước Việt-kỳ nói: "Ông là người tà ác, là oan gia của Phật nên đã cố ý xúc não Phật và Tăng; nay muốn làm vui lòng nên đến đây nói hôm nay, ngày mai tôi sẽ cúng dường. Lúc đó ông đã bận việc gì, tại sao hứa thỉnh Phật và Tăng như thế lại để cho Phật và Tăng phải ăn lúa ngựa trong ba tháng an cư?", vua A-kỳ-đạt nghe nói rồi trong lòng xấu hổ đứng qua một bên nói

rằng: "Nếu thiếu món gì tôi sẽ cúng dường món đó". Đúng lúc đó thiếu món cháo, vua A-kỳ-đạt liền cho nấu tám món cháo: Cháo tô, cháo sữa, cháo dầu, cháo hồ ma, cháo đậu nhỏ, cháo đậu ma sa, cháo Ma tử, cháo trắng để cúng dường Phật và Tăng. Các Tỳ-kheo không thọ nói rằng: "Phật chưa cho ăn tám loại cháo", liền bạch Phật, Phật nói: "Từ nay cho ăn tám loại cháo, vì cháo có năm điều lợi ích cho thân: Một là trừ đói, hai là trừ khát, Ba là làm cho khinh an, bốn là trị bịnh cảm lạnh, năm là tiêu hóa được thức ăn đêm qua". Lúc đó vua A-kỳ-đạt suy nghĩ: "Suốt trong bốn tháng ta an lạc tự vui, nay lại theo Sa-môn Cù đàm hai tháng, vì một người mà ta bỏ bê việc nước; các phẩm vật này quá nhiều không thể cúng dường hết, ta nên bỏ dưới đất để Phật và chúng tăng đạp lên cũng như là thọ dụng", nghĩ rồi liền đem ý định đó bạch Phật và xin Phật chấp thuận, Phật nói:

"Không được làm như lời vua nói, vì sao, vì những vật thực này dùng để ăn thì phải dùng miệng để ăn", Phật muốn giáo hóa vua A-kỳ-đạt nên nói kệ:

"Ở trong miếu thờ trời,
Cúng dường lửa trên hết.
Trong sách Bà-la-môn,
Trời Tát bệ trên hết.
Trong tất cả loài người,
Vua chuyển luân hơn hết.

Trong tất cả sông ngòi,
Biển cả sâu hơn hết.
Trong tất cả ngôi sao,
Mặt trăng là lớn nhất.
Trong tất cả ánh sáng,
Ánh mặt trời sáng nhất.
Trong mười phương trời người,
Phật phước điền lớn nhất".

Phật nói kệ xong liền đứng dậy ra đi.

Phật từ nước Việt-kỳ du hành đến nước A-na-già-tần-đầu, trong nước này có một đệ tử của ngoại đạo trước kia là tượng sư tên Tỳ-la-tra, nhà rất giàu có, tiền bạc, lúa thóc, ruộng vườn nhà cửa và các vật báu đều đầy đủ; người này thành tựu vô lượng phước đức. Dân chúng trong nước này phần nhiều tin theo tà kiến, nghe tin Phật sắp du hành đến đây, họ liền tụ tập lại cùng đi đến chỗ Tượng sư này, dùng đủ lời hủy báng Phật và Tăng rằng: "Sa-môn Cù đàm không biết đủ, khó thể cúng dường, nhiều tham muốn không biết nhàm lìa; lại còn dẫn theo một ngàn hai trăm năm mươi Tỳ-kheo, một ngàn Ưu-bà-tắc và năm trăm người ăn xin đi từ tụ lạc này đến tụ lạc khác, từ thành này đến thành khác. Giống như mưa đá hay sâu bọ phá hoại lúa của người, họ cũng vậy, đi đến đâu đều phá hoại gia nghiệp của người. Theo thứ lớp họ sắp đến nước này gây bất lợi cho chúng ta". Tượng sư và mọi người trong thành tâm ác chuyển sanh nên cùng

làm yếu lịnh: "Sa-môn Cù đàm đến đây thì không một ai được đến gặp". Khi Phật đến nước này, trong nước vốn không có tinh xá, ở phía Bắc của thành có một khu rừng tên là Thắng diệp ba, cây cối sum suê, đất bằng phẳng rộng rãi nên Phật và đại chúng đến trong rừng này dừng nghỉ. Lúc đó Tượng sư nghe tin Phật đến, người này đời trước đã cúng dường Phật, đã gieo trồng căn lành, gần được chánh kiến lợi căn; do sức của nhân đời trước nên đời này có thể được trí vô lậu, lại do sức thiện căn thúc đẩy nên Tượng sư suy nghĩ: "Ở trong nước này, ta được mọi người tôn kính nhất, nếu ta không đến gặp Phật thì mọi người sẽ cho ta là tiếc phí (sợ hao phí tiền của)", nghĩ rồi liền nói với mọi người: "Mọi người trước đây đã làm yếu lịnh, nhưng nay ta nghĩ yếu lịnh này không toàn vẹn", mọi người hỏi là không toàn vẹn chỗ nào, liền đáp: "Ở trong nước này ta được mọi người tôn kính nhất, nếu ta không đến gặp Phật mọi người sẽ cho ta là tiếc phí", mọi người hỏi: "Ông đến gặp Sa-môn Cù đàm đem cái gì cúng dường?", đáp là đem đường phèn cúng dường, mọi người nói; "Sa-môn Cù đàm là người không biết đủ, khó thể cúng dường, nhiều tham muốn không biết nhàm lìa; dù ông đem một ngàn hai trăm năm mươi bình đựng đầy đường phèn, Sa-môn Cù đàm cũng nhận hết". Tượng sư là người giàu có nên không tính toán, liền đem một ngàn hai trăm năm mươi bình đựng

đầy đường phèn đến cúng cho Phật và Tăng, Phật bảo Tượng sư đem phân chia cho chúng tăng. Tượng sư suy nghĩ: "quả đúng như lời mọi người nói, Sa-môn Cù đàm đều nhận hết", nghĩ rồi liền đem phân chia cho chúng tăng, các Tỳ-kheo không nhận nói rằng: "Đường phèn này nhiều quá, chúng tôi không thể thọ", Tượng sư bạch Phật: "Xin Phật bảo các Tỳ-kheo thọ đường phèn này", Phật đưa bình bát và dao dùng để cắt đường phèn phân chia, tuy đã phân chia đầy một ngàn hai trăm năm mươi bình bát của các Tỳ-kheo nhưng vẫn không hết một bình đường phèn, Tượng sư bạch Phật: "Thế tôn, con đã chia đầy bát cho các Tỳ-kheo nhưng vẫn không hết số đường phèn này", Phật nói: "Ông hãy đem đường phèn phân chia cho một ngàn Ưu-bà-tắc và năm trăm người ăn xin đi theo ta", Tượng sư đem phân chia như lời Phật nói nhưng vẫn không hết một bình đường phèn nên bạch Phật: "Mọi người đều đã được chia đủ nhưng đường phèn vẫn còn dư, phải làm thế nào", Phật nói: "Này Tượng sư, trừ Phật và Tăng ra, ta không thấy trời người, ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn nào và tất cả chúng sanh trong thế gian này có thể tiêu hóa được đường phèn này. Ông hãy đem số đường phèn còn dư đổ ở nơi đất trống không có cỏ hoặc trong nước không có trùng", Tượng sư vâng theo lời Phật đem đường phèn còn dư đổ ở nơi đất trống không có cỏ hoặc trong nước không có trùng, liền thấy số đường

phèn này bốc khói khiến nước sôi lên, giống như đem một thanh sắt đang cháy đỏ bỏ vào trong nước liền bốc khói khiến nước sôi lên. Tượng sư thấy rồi liền hướng về Phật với tâm ý hoan hỉ, tín kính, thanh tịnh. Phật tùy theo tâm của Tượng sư mà nói pháp khiến cho ông ngay nơi chỗ ngồi được pháp nhãn thanh tịnh vô cấu. Sau khi thấy pháp, biết pháp, được tịnh pháp, vượt khỏi nghi hối và bất tín, không nhờ người khác mà được đạo quả Tu-đà-hoàn, thành tựu pháp vô sở úy. Tượng sư liền đứng dậy đảnh lễ Phật, chắp tay bạch rằng: "Thế tôn, con xin quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng làm Ưu-bà-tắc. Con từ nay đến trọn đời không sát sanh, tín tâm thanh tịnh. Cúi xin Phật thọ con thỉnh sau giờ ăn đến trú xứ của con", Phật im lặng nhận lời, Tượng sư biết Phật đã nhận lời liền đảnh lễ Phật hữu nhiễu rồi ra về. Về đến nhà, Tượng sư cho dọn dẹp sạch sẽ giảng đường, lầu gác tứ hợp cho đến phòng lớn, phòng nhỏ… tất cả các nơi đều lau chùi sạch sẽ rồi treo phướn bằng lụa tạp sắc, đốt các loại danh hương và rải các loại hoa. Ông lại cho trải bốn loại giường bằng vàng, bạc, lưu ly, pha lê; mỗi loại một ngàn hai trăm năm mươi cái vì ông nghĩ rằng: "Bốn loại giường báu này, Phật và Tăng không thọ cái này thì thọ cái kia". Ông lại chuẩn bị đủ một ngàn hai trăm năm mươi cái bình bát bằng vàng đừng đầy nước nóng và cắt đặt một ngàn hai trăm năm mươi người hầu để hầu hạ cho các Tỳ-

kheo. Trên nền của tất cả phòng, ông lại cho trải thảm bằng Câu chấp, Khâm-bà-la tạp sắc… lo liệu tất cả xong rồi mới sai người đến bạch Phật biết thời. Lúc đó sau giờ ăn, Phật cùng các Tỳ-kheo đi đến nhà Tượng sư, vừa đến ngoài cửa, Tượng sư tự tay rửa tay chân cho Phật, còn một ngàn hai trăm năm mươi người hầu rửa tay chân cho các Tỳ-kheo. Rửa tay chân xong, Phật và Tăng bước vào trong nhà, Tượng sư bảo người đem ra loại giường bằng vàng cho Phật ngồi nhưng Phật không thọ; như thế cho đến bốn loại giường báu, Phật đều không thọ. Tượng sư lại bảo mang loại giường thường rồi dùng Câu chấp, Khâm-bà-la, lụa tạp sắc trải lên, Phật mới thọ để ngồi. Thấy Phật và Tăng đều ngồi xong, ông tự dâng nước uống phi thời và loại dược hàm tiêu cúng dường. Đêm đó ông cho sửa soạn đủ các món ăn ngon và chuẩn bị đủ bốn loại bát báu bằng vàng, bạc, lưu ly, pha lê; mỗi loại một ngàn hai trăm năm mươi cái vì ông nghĩ rằng: "Bốn loại bát báu này, Phật và Tăng không thọ loại này thì thọ loại kia", lo liệu mọi thứ xong, sáng sớm liền bạch Phật biết thời. Phật và Tăng ngồi rồi, ông liền bảo mang ra một ngàn hai trăm năm mươi cái mâm bằng vàng để Phật thọ dụng nhưng Phật không thọ; như thế cho đến bốn loại mâm báu, Phật đều không thọ. Ông lại bảo mang ra loại mâm gỗ, mâm đồng; Phật mới thọ nhận. Kế đó ông lại bảo mang ra một ngàn hai trăm năm mươi cái bát bằng

vàng để Phật thọ dụng nhưng Phật không thọ, như thế cho đến bốn loại bát báu, Phật đều không thọ; lúc đó Phật bảo các Tỳ-kheo: "Trước đây ta đã cho thọ dụng hai loại bát bằng sắt và bằng gốm sứ, tất cả các loại bát khác đều không được cất chứa".

Sau khi Phật và Tăng thọ thực xong, Tượng sư lấy một cái ghế nhỏ ngồi trước Phật muốn nghe pháp, sau đó bạch Phật: "Thế tôn, cúi xin Phật thọ con thỉnh suốt đời ở tại nước A-na-già-tần-đầu này, con sẽ cho xây một ngàn hai trăm năm mươi phòng xá với một ngàn hai trăm năm mươi cái giường cùng ngọa cụ, mền nệm bằng Câu chấp và cúng dường cơm gạo thơm cùng các món ăn ngon như vua đã ăn", Phật nói: "Này Tượng sư, ông tín tâm thanh tịnh đối với ta như thế là đã đủ rồi, những người nên độ như ông còn rất nhiều, ta không thể thọ riêng một mình ông thỉnh", Phật liền nói kệ:

"Ở trong miếu thờ trời,
Cúng dường lửa trên hết.
Trong sách Bà-la-môn,
Trời Tát bệ trên hết.
Trong tất cả loài người,
Vua chuyển luân hơn hết.
Trong tất cả sông ngòi,
Biển cả sâu hơn hết.
Trong tất cả ngôi sao,
Mặt trăng là lớn nhất.
Trong tất cả ánh sáng,

Ánh mặt trời sáng nhất.
Trong mười phương trời người,
Phật phước điền lớn nhất".

Phật nói kệ rồi đứng dậy đi. Phật tại nước A-na-già-tần-đầu trụ hạ xong liền đắp y mang bát đi đến thành Tỳ xá ly, các Lê xương nghe tin sắp đến Tỳ-da-ly liền chuẩn bị đầy đủ các món ăn ngon để cúng dường Phật và Tăng. Phật đến chưa bao lâu thì mây phi thời kéo đến và đổ mưa, các thức ăn thức uống dọn ở trên đất trống đều bị trời mưa ướt hết, các Lê xương nói với A-nan: "Chúng tôi làm đủ các món ăn ngon dâng cúng Phật và Tăng nay bị trời mưa ướt hết, chúng tôi phải làm sao?", A-nan cùng các Lê xương đến gặp Phật, các Lê xương đảnh lễ Phật rồi đứng một bên, A-nan đem việc này bạch Phật, Phật nói: "Nên ở tại một phòng tác pháp yết ma kết tịnh địa, nên tác pháp như sau: Tăng nhất tâm hòa hợp, một Tỳ-kheo trong Tăng xướng rằng: Đại-đức Tăng lắng nghe, nay ở trong phòng này Tăng tác pháp yết ma kết tịnh địa. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay ở trong phòng này tác pháp yết ma kết tịnh địa. Bạch như vậy.

Như thế Bạch-nhị-yết-ma cho đến câu Tăng ở trong phòng này đã tác pháp yết ma kết tịnh địa xong rồi. Tăng chấp thuận vì im lặng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

Trong phòng mà Tăng đã tác pháp kết tịnh địa,

nên đem tất cả vật thực vào trong đó để nấu nướng như nấu cơm, nấu canh, làm bánh…". Lúc đó các ngoại đạo thấy rồi liền chê trách: "Sa-môn Thích tử tự xưng là bậc hiền thiện có đức mà lại ở trong phóng cất chứa vật thực và nấu nướng không khác gì cư sĩ", có Tỳ-kheo thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng rồi bảo các Tỳ-kheo: "Từ nay nên nấu thức ăn ở ngoài Tăng phường". Khi nấu thức ăn ở ngoài Tăng phường, thấy khói bốc lên nên nhiều người kéo đến xin ăn, Tỳ-kheo đem chia cho họ nên chúng Tăng thiếu cơm và thức ăn, liền đem việc này bạch Phật, Phật nói: "Từ nay không cho tác pháp yết ma kết tịnh địa, nếu ai làm yết ma này thì phạm Đột-kiết-la, nếu trước đã kết rồi thì nên giải bỏ".

Phật tại thành Tỳ-da-ly, trong thành có một đại tướng tên là Sư tử, nhà rất giàu có, tiền bạc, lúa thóc, ruộng vườn nhà cửa và các vật báu đều đầy đủ, thành tựu các phước đức. Người này vốn là đệ tử của ngoại đạo, vừa phát khởi lòng tin trong Phật pháp nên thường mang thịt tươi ngon đến cúng cho Tăng. Các ngoại đạo thấy rồi sanh tâm ganh ghét chê trách rằng: "Sa-môn Thích tử là như thế đó, vì sao biết người cố ý giết súc vật mang thịt đến cho mà vẫn ăn, chính ông Sư tử đã giết những con vật mập béo rồi mang thịt đến cung cấp cho chúng

tăng". Có Tỳ-kheo thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng rồi bảo các Tỳ-kheo: "Từ nay không được ăn ba loại thịt bất tịnh, đó là thấy hoặc nghe hoặc nghi. Sao gọi là thấy?: Tức là tự mình thấy con vật vì mình mà bị giết; sao gọi là nghe?: Tức là ở bên người đáng tin nghe nói rằng: Con vật này vì ông mà bị giết; sao gọi là nghi?: Tức là có nhân duyên nên sanh nghi, như ở nơi đó không có đồ tễ, không có con vật tự chết, chủ nhà này có tâm ác cố ý vì ta mà giết hại chúng. Ba loại thịt bất tịnh như thế đều không được ăn, nhưng được ăn ba loại thịt thanh tịnh, đó là không thấy, không nghe, không nghi. Sao gọi là không thấy?: Tức là mắt mình không nhìn thấy con vật kia bị giết; sao gọi là không nghe?: Tức là ở bên người đáng tin không nghe nói con vật này vì mình mà bị giết; sao gọi là không nghi?: Tức là biết rõ ở chỗ đó không có đồ tễ, trong nhà có con vật tự chết, chủ nhà này lương thiện không cố ý vì mình mà giết hại súc vật cho nên không sanh nghi. Ba loại thịt thanh tịnh này được ăn; lại nữa, thịt cúng trong miếu thờ trời, thịt của con voi chạy quá sức, thịt của con ngựa chạy quá sức, thịt của con chim bay quá sức, thịt cúng Thiểm-ma-bà-la-tát, thịt cúng Ni-la-già-la, thịt cúng phi nhơn… các loại thịt này đều là bất tịnh, Sa-môn Thích tử không được ăn".

Phật tại nước Tỳ-da-ly, lúc đó thời thế mất mùa đói kém nên khất thực khó được, có một cư sĩ thỉnh Phật và Tăng vào ngày mai thọ thực, Phật im lặng nhận lời, cư sĩ biết Phật đã nhận lời liền đảnh lễ Phật hữu nhiễu rồi ra về. Về đến nhà ngay trong đêm đó lo sửa soạn đủ các món ăn ngon để cúng dường. Hôm đó là ngày hội nên vào sáng sớm chúng tăng được cúng dường thịt heo và cơm khô, các Tỳ-kheo thọ rồi muốn ăn. Lúc đó cư sĩ lo liệu mọi thứ xong rồi, tự tay trải tòa rồi sai sứ đến bạch Phật: "Đã đến giờ thọ thực, xin Phật tự biết thời", các Tỳ-kheo liền đi đến nhà cư sĩ, Phật không đi nên bảo thị giả nhận lấy phần ăn mang về. Cư sĩ thấy chúng tăng ngồi rồi liền tự tay sớt cơm và thức ăn vào bát, đợi chúng tăng thọ thực xong liến lấy cái ghế nhỏ ngồi trước chúng tăng muốn nghe thuyết pháp, vị Thượng tòa thuyết pháp xong liền cùng chúng tăng đứng dậy ra về. Các Tỳ-kheo ăn rồi không thọ pháp tàn thực nên phần thức ăn thọ hồi sáng vẫn còn ở trong tinh xá, không biết phải làm sao nên đem việc này bạch Phật, Phật nói: "Từ nay gặp lúc thời thế mất mùa đói kém, cho các Tỳ-kheo nếu ăn xong không thọ pháp tàn thực vẫn được ăn phần tiểu thực đã thọ trước đó. Sao gọi là phần tiểu thực đã thọ trước đó, tức là vào sáng sớm các Tỳ-kheo đã thọ nhưng chưa ăn". Phật tại thành Tỳ-da-ly, lúc đó gặp lúc thời thế mất mùa đói kém khất thực khó được, lúc đó có cư sĩ thỉnh Phật và

Tăng vào ngày mai thọ thực, Phật im lặng nhận lời, cư sĩ biết Phật đã nhận lời liền đảnh lễ Phật hữu nhiễu rồi ra về. Về đến nhà ngay trong đêm đó lo sửa soạn đủ các món ăn ngon, sáng sớm trải tòa rồi sai sứ đến bạch Phật: "Đã đến giờ thọ thực, xin Phật tự biết thời", các Tỳ-kheo liền đến nhà cư sĩ, Phật ở lại trong phòng bảo thị giả nhận lấy phần thức ăn mang về. Lúc đó ở nhà cư sĩ, đợi chúng tăng thọ thực rồi, cư sĩ liền bạch rằng: "Các Đại-đức, các món ăn này con làm hồi sáng, nếu chúng tăng ăn no rồi, thức ăn còn dư hãy mang về để lát nữa ăn thêm", các Tỳ-kheo theo như lời cư sĩ nói sau khi ăn no rồi mang thức ăn dư về. Do các Tỳ-kheo ăn xong không thọ pháp dư thực nên thức ăn dư mang về không biết phải làm sao, liền đem việc này bạch Phật, Phật nói: "Từ nay gặp lúc mất mùa đói kém, cho các Tỳ-kheo ăn xong không thọ pháp dư thực, mang thức ăn dư được ăn nữa. Sao gọi là ăn no rồi mang thức ăn dư về, tức là Tỳ-kheo thọ thực xong mang thức ăn dư về". Lúc đó có tiên nhơn tên là Ke-nê-da hái trái cây dâng cúng Phật, Phật bảo đem chia cho chúng tăng, tiên nhơn vâng lời Phật đem chia nhưng các Tỳ-kheo không thọ, nói rằng: "Chúng tôi ăn xong không thọ pháp dư thực nên không được thọ trái cây để ăn nữa". Các Tỳ-kheo không biết làm sao liền bạch Phật, Phật nói: "Từ nay gặp lúc mất mùa đói kém, cho các Tỳ-kheo ăn xong không thọ pháp dư thực, được thọ

các loại trái cây để ăn nữa".

Lúc đó Trưởng lão Xá-lợi-phất mắc bịnh máu nóng, thầy thuốc bảo nên ăn loại thực vật mọc ở trong ao, Xá-lợi-phất nói: "Phật chưa cho ăn các loại thực vật mọc trong ao", liền bạch Phật, Phật nói: "Từ nay cho thọ các loại thực vật mọc trong ao để ăn". Trưởng lão Đại Mục-kiền-liên liền đi đến trong ao Mạn-đà-kỳ-ni để hái củ sen, củ sen to như bắp vế của người và trắng trong như đường phèn, nhựa chảy ra giống như sữa. Hái xong liền mang về cho Xá-lợi-phất, Xá-lợi-phất hỏi từ đâu mà có, đáp: "Tôi hái từ trong ao Mạn-đà-kỳ-ni", lại hỏi: "Ao ấy là chỗ của phi nhơn, vậy ai đã trao nó cho thầy?", đáp: "Phi nhơn trao", Xá-lợi-phất nói: "Phật chưa cho ăn thức ăn do phi nhơn trao", liền đem việc này bạch Phật, Phật nói: "Từ nay cho thọ thức ăn do phi nhơn trao để ăn".

Lúc đó có người đem rất nhiều loại thực vật mọc ở trong ao đến cho các Trưởng lão, các Tỳ-kheo không thọ và nói: "Chúng tôi ăn rồi không thọ pháp dư thực nên không được thọ ăn nữa". Các Tỳ-kheo không biết làm sao liền bạch Phật, Phật nói: "Từ nay gặp lúc mất mùa đói kém, cho các Tỳ-kheo ăn rồi không thọ pháp dư thực được thọ các loại thực vật mọc trong ao để ăn nữa. Loại thực vật mọc trong ao như củ sen, ngó sen, củ ấu, rễ tranh, củ cây móng gà…".

Phật tại thành Tỳ-da-ly, trước kia gặp lúc thời

thế mất mùa đói kém, vì thương xót các Tỳ-kheo nên Phật cho các Tỳ-kheo ăn xong rồi không thọ pháp dư thực được thọ các loại trái cây để ăn nữa. Nay thời thế được mùa sung túc, khất thực dễ được, các Tỳ-kheo ăn xong rồi vẫn như trước kia thọ thêm các loại cây trái và vật thực mọc trong ao để ăn nữa, nên đối với giới tịnh thực các Tỳ-kheo có trái. Có Tỳ-kheo thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng rồi hỏi các Tỳ-kheo: "Các thầy thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo vào lúc thời thế được mùa sung túc, khất thực dễ được lại giống như trước kia ăn xong rồi còn thọ thêm các loại cây trái và vật thực mọc trong ao để ăn nữa, đối với giới tịnh thực có trái", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Từ nay các Tỳ-kheo ăn xong rồi còn thọ thêm các loại trái cây và thực vật mọc trong ao để ăn nữa giống như thời mất mùa đói kém thì không được ăn, nếu ai ăn thì phạm Ba-dật-đề".

Phật tại nước Tỳ-da-ly rồi tiếp tục du hành đến nước Tô-ma, nước này có hai thành: Một là thành bà đề, hai là thành Mật. Trong thành bà đế có sáu người đã thành tựu đại phước đức: Một là cư sĩ Dân đại, hai là vợ của cư sĩ Dân đại, Ba là con trai của cư sĩ Dân đại, bốn là con dâu của cư sĩ Dân đại,

năm là nô bộc của cư sĩ Dân đại và sáu là tỳ nữ của cư sĩ Dân đại. Cư sĩ Dân đại có đại phước đức như thế nào?: Cư sĩ này đem các vật báu như vàng, bạc, lưu ly… bày ra ở trong chợ, trong khoảng thời gian cư sĩ chưa đứng dậy, nếu có bà con hay bạn bè quen biết nào hoặc tất cả mọi người trong cõi Diêm-phù-đề đến xin các vật báu ấy, ông đều tùy ý bố thí cho họ mà các vật báu ấy vẫn không hết. Vợ của cư sĩ Dân đại có đại phước đức gì? Khi đến bữa ăn, nếu tất cả mọi người trong cõi Diêm-phù-đề đến xin thức ăn, bà đều túy ý bố thí cho họ mà thức ăn ấy vẫn không hết. Con của cư sĩ Dân đại có đại phước đức gì?: Người này khi vào trong kho chứa vật báu, nhìn lên trần nhà thấy có một lỗ hổng to bằng bánh xe thì các vật báu từ lỗ hổng ấy tuôn xuống đầy kho. Dâu của cư sĩ Dân đại có đại phước đức gì?: Người này thường đem hoa hương chuỗi nhọc, hương thoa và y phục tốt đẹp để trên giường ở trước sân muốn dâng cho cô cậu và chồng của mình. Trong khoảng thời gian cô chưa rời khỏi chỗ ngồi nếu tất cả mọi người trong cõi Diêm-phù-đề đến xin, cô đều tùy ý thí cho họ mà những tài vật này vẫn không hết. Nô bộc của cư sĩ Dân đại có đại phước đức gì? Người này khi vác cày ra đồng, vừa đặt lưỡi cày xuống liền cày xong bảy thửa ruộng. Tỳ nữ của cư sĩ Dân đại có đại phước đức gì? Người đem tất cả lúa thóc đã giã chuyển vào trong kho, trong khoảng thời gian này nếu tất cả mọi

người trong cõi Diêm-phù-đề đến xin, cô đều tùy ý thí cho họ mà số gạo này vẫn không hết. Lúc đó cư sĩ Dân đại sanh tâm kiêu mạn cho rằng tất cả mọi người trong cõi Diêm-phù-đề không có ai có phước đức hơn mình, ông và dân chúng trong thành bà đề này đều là đệ tử của ngoại đạo. Các ngoại đạo nghe tin Sa-môn Cù đàm từ nước Tô-ma du hành sắp đến thành này, liền tụ họp lại đi vào thành đến chỗ cư sĩ Dân đại, dùng đủ lời hủy báng Phật và Tăng rằng: "Sa-môn Cù đàm không biết đủ, khó thể cúng dường, nhiều tham muốn không biết nhàm lìa; lại còn dẫn theo một ngàn hai trăm năm mươi Tỳ-kheo, một ngàn Ưu-bà-tắc và năm trăm người ăn xin đi từ tụ lạc này đến tụ lạc khác, từ thành này đến thành khác. Giống như mưa đá hay sâu bọ phá hoại lúa của người, họ cũng vậy, đi đến đâu đều phá hoại gia nghiệp của người. Theo thứ lớp họ sắp đến nước này gây bất lợi cho chúng ta", cư sĩ Dân đại và mọi người trong thành tâm ác chuyển sanh liền cùng làm yếu lịnh: "Sa-môn Cù đàm đến đây thì không một ai được đến gặp, nếu ai đến gặp thì phải nộp cho người trong thành năm trăm tiền vàng". Lúc đó cư sĩ Dân đại hỏi mọi người: "Đối với Sa-môn Cù đàm nếu người không muốn cho thì không miễn cưỡng theo xin phải không?", đáp là không, lại hỏi: "Vậy vua có ra sắc lịnh buộc phải cho không?", đáp là không, lại hỏi: "Nếu không được cho vật thực, người này có làm

tổn hại ai không?", đáp là không, lại hỏi: "Vậy tại sao những người khác lại đem vật thực đến cho Sa-môn Cù đàm?", đáp: "Những người đó do nơi tự tin, tự muốn, tự kính mến, và với tự tâm thanh tịnh nên đem vật thực đến cho", cư sĩ nghe rồi liền nói: "Nếu Sa-môn Cù đàm đối với người không muốn cho thì không miễn cưỡng theo xin, vua cũng không ra sắc lịnh bắt buộc cho, người không cho cũng không làm tổn hại thì Sa-môn Cù đàm đúng pháp nên cho. Những người khác do lòng tin với tâm thanh tịnh đem cho Sa-môn Cù đàm là muốn nhờ lực phước đức của ông ta mà họ được an vui, Người như thế nhất định phước đức nhiều hơn ta". Lúc đó tuy chưa gặp Phật nhưng cư sĩ Dân đại đoạn trừ được tâm kiêu mạn của mình.

Lúc đó Phật du hành đến thành Bà đề, trong thành này trước nay không có tinh xá, ở phía Bắc của thành có một khu rừng tên là Thắng diệp ba, cây cối sum suê, đất bằng phẳng rộng rãi nên Phật và đại chúng đến trong rừng này dừng nghỉ. Cư sĩ Dân đại đời trước đã cúng dường Phật, đã gieo trồng căn lành, gần được chánh kiến lợi căn; do sức của nhân đời trước nên đời này có thể được trí vô lậu, lại do sức thiện căn thúc đẩy nên cư sĩ suy nghĩ: "Ở trong nước này, ta được mọi người tôn kính nhất, nếu ta không đến gặp Phật thì mọi người sẽ cho ta là xẻn tham tiếc phí (bỏn xẻn, tham lam sợ hao phí tiền của)", nghĩ rồi liền nói với mọi

người: "Mọi người trước đây đã làm yếu lịnh, nhưng nay ta nghĩ yếu lịnh này không toàn vẹn", mọi người hỏi là không toàn vẹn chỗ nào, liền đáp: "Ở trong nước này ta được mọi người tôn kính nhất, nếu ta không đến gặp Phật mọi người sẽ cho ta là xẻn tham tiếc phí. Vì vậy tôi thà nộp năm trăm tiền vàng". Những người này đều tôn trọng cư sĩ Dân đại vì trong đây có người từng mắc nợ ông, có người từng được ông chu cấp vật thực nên tuy ông nộp tiền, họ đều không dám lấy và nói rằng: "Cần gì phá yếu lịnh, muốn đi thì tất cả chúng ta cùng đi", nói rồi tất cả mọi người đều đi đến chỗ Phật, đảnh lễ rồi ngồi một bên nghe Phật nói pháp, Thế tôn tùy thuận nói pháp chỉ dạy cư sĩ Dân đại khiến cho ông ngay nơi chỗ ngồi được pháp nhãn thanh tịnh vô cấu. Sau khi thấy pháp, biết pháp, được tịnh pháp, vượt khỏi nghi hối, bất tín, không nhờ nơi người khác mà được đạo quả Tu-đà-hoàn và được vô sở úy. Cư sĩ liền đứng dậy đảnh lễ Phật bạch rằng: "Thế tôn, con xin quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng làm Ưu-bà-tắc. Xin Đại-đức nhớ nghĩ, con từ nay đến trọn đời nguyện trở về nương tựa Tam bảo", nói rồi liền sai người đi gọi năm người đại phước đức kia, nói là Phật đại sư đang ở đây nên đến mau, người được sai vội về nhà báo lại. Năm người này đời trước đã cúng dường Phật, đã gieo trồng căn lành, gần được chánh kiến lợi căn; do sức của nhân đời trước nên đời này có thể được

trí vô lậu, lại do sức thiện căn thúc đẩy nên họ liền đi đến chỗ Phật đảnh lễ ngồi một bên nghe Phật nói pháp, Thế tôn thuận theo căn cơ của họ mà nói pháp chỉ dạy khiến cho họ ngay nơi chỗ ngồi được pháp nhãn thanh tịnh vô cấu. Sau khi thấy pháp, biết pháp, được tịnh pháp, vượt khỏi nghi hối, bất tín, không nhờ nơi người khác mà được sơ quả và được vô sở úy. Họ liền đứng dậy đảnh lễ Phật bạch rằng: "Chúng con xin quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng làm đệ tử Phật. Xin Đại-đức nhớ nghĩ, con từ nay đến trọn đời nương tựa Tam bảo". Lúc đó cư sĩ Dân đại chắp tay bạch Phật: "Thế tôn, cúi xin Phật và Tăng thọ con thỉnh đến nghỉ đếm tại nhà con", Phật im lặng nhận lời, cư sĩ biết Phật đã nhận lời liền đảnh lễ rồi ra về. Về đến nhà, cư sĩ cho dọn dẹp sạch sẽ giảng đường, lầu gác tứ hợp cho đến phòng lớn, phòng nhỏ… tất cả các nơi đều lau chùi sạch sẽ rồi treo phướn bằng lụa tạp sắc, đốt các loại danh hương và rải các loại hoa. Ông lại cho trải bốn loại giường bằng vàng, bạc, lưu ly, pha lê; mỗi loại một ngàn hai trăm năm mươi cái vì ông nghĩ rằng: "Bốn loại giường báu này, Phật và Tăng không thọ cái này thì thọ cái kia". Ông lại chuẩn bị đủ một ngàn hai trăm năm mươi cái bình bát bằng vàng đừng đầy nước nóng và cắt đặt một ngàn hai trăm năm mươi người hầu để hầu hạ cho các Tỳ-kheo, lo liệu tất cả xong rồi mới sai người đến bạch Phật biết thời. Lúc đó sau giờ ăn, Phật cùng các

Tỳ-kheo đi đến nhà cư sĩ, vừa đến ngoài cửa, cư sĩ tự tay rửa tay chân cho Phật, còn một ngàn hai trăm năm mươi người hầu rửa tay chân cho các Tỳ-kheo. Rửa tay chân xong, Phật và Tăng bước vào trong nhà, cư sĩ bảo người đem ra loại giường bằng vàng cho Phật ngồi nhưng Phật không thọ; như thế cho đến bốn loại giường báu, Phật đều không thọ. Cư sĩ lại bảo mang loại giường thường rồi dùng Câu-chấp, Khâm-bà-la, lụa tạp sắc trải lên, Phật mới thọ để ngồi. Thấy Phật và Tăng đều ngồi xong, ông tự dâng nước uống phi thời và loại dược hàm tiêu cúng dường. Đêm đó ông cho sửa soạn đủ các món ăn ngon và chuẩn bị đủ bốn loại bát báu bằng vàng, bạc, lưu ly, pha lê; mỗi loại một ngàn hai trăm năm mươi cái vì ông nghĩ rằng: "Bốn loại bát báu này, Phật và Tăng không thọ loại này thì thọ loại kia", lo liệu mọi thứ xong, sáng sớm liền bạch Phật biết thời. Phật và Tăng ngồi rồi, ông liền bảo mang ra một ngàn hai trăm năm mươi cái mâm bằng vàng để Phật thọ dụng nhưng Phật không thọ; như thế cho đến bốn loại mâm báu, Phật đều không thọ. Ông lại bảo mang ra loại mâm gỗ, mâm đồng; Phật mới thọ nhận. Kế đó ông lại bảo mang ra một ngàn hai trăm năm mươi cái bát bằng vàng để Phật thọ dụng nhưng Phật không thọ, như thế cho đến bốn loại bát báu, Phật đều không thọ; lúc đó Phật bảo các Tỳ-kheo: "Trước đây ta đã cho thọ dụng hai loại bát bằng sắt và bằng gốm sứ, tất cả các loại

bát khác đều không được cất chứa". Phật và Tăng thọ thực xong, cư sĩ lấy một cái ghế nhỏ ngồi trước Phật muốn nghe pháp, sau đó bạch Phật: "Thế tôn, cúi xin Phật thọ con thỉnh suốt đời ở tại nước Tô-ma này, con sẽ cho xây một ngàn hai trăm năm mươi phòng xá với một ngàn hai trăm năm mươi cái giường cùng ngọa cụ, mền nệm và cúng dường cơm gạo thơm cùng các món ăn ngon như vua đã ăn", Phật nói: "Này cư sĩ, ông tín tâm thanh tịnh đối với ta như thế là đã đủ rồi, những người nên độ như ông còn rất nhiều, ta không thể thọ riêng một mình ông thỉnh lâu dài ". Lúc đó Phật muốn giáo hóa cư sĩ nên nói kệ:

"Ở trong miếu thờ trời,
Cúng dường lửa trên hết.
Trong sách Bà-la-môn,
Trời Tát bệ trên hết.
Trong tất cả loài người,
Vua chuyển luân hơn hết.
Trong tất cả sông ngòi,
Biển cả sâu hơn hết.
Trong tất cả ngôi sao,
Mặt trăng là lớn nhất.
Trong tất cả ánh sáng,
Ánh mặt trời sáng nhất.
Trong mười phương trời người,
Phật phước điền lớn nhất"

Nói kệ rồi liền đứng dậy cùng các đệ tử ra đi,

từ thành Bà đề du hành đến núi Tần xà. Lúc đó cư sĩ Dân đại sai năm trăm người dắt theo năm trăm con trâu sữa, lại dùng năm trăm cỗ xe chở gạo thơm và vật thực để cúng dường Phật và Tăng, ông nói: "Nếu đến nơi nào không có tụ lạc, Phật phải nghỉ đêm ở ngoài trời thì các ngươi nên vắt sữa của năm trăm con trâu này nấu với gạo thơm thành món cháo sữa rồi hòa với đường phèn trắng hoặc đen dâng cúng Phật", năm trăm người hầu vâng lời, khi đi đến nơi không có tụ lạc Phật phải nghỉ đêm ở ngoài trời, họ liền vắt sữa rồi nấu thành cháo dâng cúng Phật. Phật bảo họ đem cháo chia đều cho chúng tăng, họ vâng lời đem cháo chia nhưng chúng tăng không thọ vì nghĩ rằng: "Thức ăn này là họ vì chúng ta nên mang theo, đã cất qua đêm nên không thanh tịnh", nghĩ rồi liền bạch Phật, Phật nói: "Tỳ-kheo có hai cách thọ thỉnh thực: Một là thức ăn ăn ngay trong ngày đó, hai là thức ăn nguội. Đối với thức ăn ăn ngay trong ngày, nếu được thỉnh hai lần thì nên tự thọ một lần, còn một lần nên nhường cho người khác. Đối với thức ăn nguội thì tùy duyên mà thọ, tùy thọ thức ăn thanh tịnh hay tài vật không thanh tịnh; tùy thọ thức ăn thanh tịnh là năm loại thức ăn Khư-đà-ni, năm loại thức ăn Bồ-xà-ni và năm loại thức ăn tương tợ; tùy thọ tài vật không thanh tịnh là năm loại vật báu và năm loại tương tợ vật báu. Loại thức ăn thanh tịnh tùy thọ nếu thọ rồi thì phải tác tịnh, còn loại tài vật

không thanh tịnh tùy thọ thì phải được thanh tịnh rồi mới thọ".

Phật du hành đến núi Tần xà, có một Dạ xoa tên Ưu-đam-ma đã ở lâu trong núi này rất tin Phật và được tâm tịnh. Lúc đó nó suy nghĩ là sẽ đem vật gì cúng dường Phật, trong núi này chỉ có nho rừng nên nó đi hái nho về đem dâng cúng Phật, Phật bảo nó đem chia cho chúng tăng, nó vâng lời đem chia nhưng chúng tăng không thọ, nói rằng: "Phật chưa cho chúng tôi ăn nho", liền bạch Phật, Phật bảo các Tỳ-kheo: "Từ nay cho ăn nho". Do có quá nhiều nho nên chúng tăng ăn no đủ rồi vẫn còn dư, không biết phải làm sao liền bạch Phật, Phật nói: "Các thầy nên ép nho lấy nước uống, nếu trái nho chưa tác tịnh hoặc trong nước nho ép không lấy nước tác tịnh thì không nên uống; nếu trái nho đã tác tịnh, nước nho ép cũng chưa tác tịnh thì không nên uống; nếu trái nho không tác tịnh, nước nho ép đã tác tịnh cũng không nên uống; nếu trái nho đã tác tịnh, nước nho ép cũng đã tác tịnh thì nên uống".

Khi Phật du hành, đoàn người đi theo rất đông gồm có một ngàn hai trăm năm mươi Tỳ-kheo, một ngàn Ưu-bà-tắc, năm trăm người xin ăn, năm trăm người giúp việc với năm trăm con trâu sữa và năm trăm cỗ xe chuyên chở vật thực. Lúc đó Phật muốn tách ra khỏi chúng này nên nhập định, trong khoảnh khắc như lực sĩ duỗi cánh tay, Phật ẩn thân ở núi Tần xà và hiện ra ở bên bờ ao Mạn-đà-kỳ-ni.

Trên bờ ao này có một tiên nhơn búi tóc tên là Kê-ni-da, tiên nhơn này thấy Phật hiện đến không đứng dậy, cũng không chào hỏi và mời ngồi. Phật cũng không chào hỏi và nói chuyện với tiên nhơn này, sau khi vào trong ao rửa chân xong, Phật liền đến dưới một gốc cây trải Ni-sư-đàn ngồi kiết già. Lúc đó bỗng có mưa bay lất phất và gió nhẹ thổi các loài hoa rơi xuống đất, tiên nhơn này thấy việc này rồi liền cho là nhờ thần lực của mình, không phải là nhờ thần lực của Sa-môn Cù đàm. Về khuya có trời Tứ thiên vương cùng các quyến thuộc đến gặp Phật, lúc đó cũng có bốn quỷ thần mặc áo xanh đến chỗ tiên nhơn đứng bốn phía, tiên nhơn liền hỏi là ai, đáp là quỷ thần áo xanh, lại hỏi đến vì việc gì, đáp là đến để thủ hộ, lại hỏi vì sao phải thủ hộ, đáp: "Về khuya, trời Tứ thiên vương cùng các quyến thuộc đến chỗ Phật, trong đây sợ có quỷ thần đến quấy nhiễu nên đến thủ hộ", tiên nhơn lại hỏi vì sao không đến thủ hộ Sa-môn Cù đàm, đáp là không cần đến. Lúc đó tiên nhơn mới hiểu ra mưa bay lất phất và gió thổi các loại hoa rơi xuống đất chính là nhờ thần lực của Sa-môn Cù đàm, không phải là nhờ thần lực của mình.

Lúc đó trời Tứ thiên vương cùng các quyến thuộc đến gặp Phật, đảnh lễ rồi đứng một bên, Phật liền dùng ngôn ngữ của bậc Thánh nói về lý Tứ đế, vừa nghe xong liền có hai thiên vương hiểu và chứng đạo, hai thiên vương còn lại chưa hiểu nên

Phật phải dùng ngôn ngữ Đà-bà-la giảng nói như sau: "Y-ninh (khổ đế), di-ninh (tập đế), đa-Ha-đà-thí (diệt đế), đà-la-bích-chi (đạo đế), Phật-xà-đà (biết), tát-bà-hưu (tất cả), nhượng-xá-ma-giá (diệt hết tham cầu), tát-bà-đa-la (xa lìa), tỳ-lâu-lợi đa-tha-dục (viễn ly), tát-bà-hưu (tất cả), bệ-la-địa (không làm), ba-bạt (ác), đầu-khất-tưởng-đố (mé khổ dứt), niết-lâu-giá-đế (nói như vậy)". Vừa nghe xong, trong hai thiên vương còn lại, một vị hiểu và chứng đạo; một vị chưa hiểu nên Phật phải dùng ngôn ngữ Di-lê-xa giảng nói như sau: "Ma-xá-đâu-xá-na-xá-bà-tát-bà, đa-la-tỳ, tỷ đế, y số an đâu, đầu-khước-bà-a-địa-bà-địa", vừa nghe xong vị thiên vương cuối cùng liền hiểu và chứng đạo. Phật chỉ dạy khiến được lợi hỉ rồi, trời Tứ thiên vương đảnh lễ Phật rồi đi.

Lúc đó Phật ẩn thân ở bờ ao Mạn-đà-kỳ-ni hiện thân trở lại chỗ cũ, tiếp tục du hành đến nước A-ma-na, có một tiên nhơn búi tóc đã ở lâu trong nước này rất tín kính Phật, muốn đem vật gì để cúng dường Phật, liền nghĩ nên đem nhiều loại nước uống dâng cúng Phật như các tiên nhơn ngày xưa. Nghĩ rồi liền đem nhiều loại nước uống đến dâng cúng Phật, Phật bảo đem chia cho Tăng, tiên nhơn vâng lời đem chia nhưng các Tỳ-kheo không thọ, nói rằng: "Phật chưa cho chúng tôi uống tám loại nước này", liền bạch Phật, Phật nói: "Từ nay cho uống tám loại nước: Nước trái Châu-lê, nước

trái Mâu-lê, nước trái Câu-lầu, nước trái Xá-lầu, nước trái Thuyết-ba-đa, nước trái Phả-lưu-sa, nước trái lê, nước trái Bồ-đào. tám loại nước uống này phải tác tịnh rồi mới được uống".

Phật từ nước A-ma-na du hành đến nước A-đầu-khư, trong nước này có hai cha con là Tỳ-kheo xưa kia là thợ hớt tóc. Người cha tên Ma-a-la nghe tin Phật sắp du hành đến nước này liền suy nghĩ: "Trong đây không có đàn việt cung cấp vật thực cũng không có cúng dường cho Tăng, vậy ai sẽ cúng dường?", nghĩ rồi liền bảo người con: "Ta nghe Phật sắp du hành đến nước này nhưng trong đây không có đàn việt cúng dường, con hãy mang bát vào thành xin gạo, mè, đậu Ma sa, đậu nhỏ … mang về nấu cháo cúng dường Phật và Tăng". Người con vâng lời mang bát vào thành xin được rất nhiều gạo, mè, đậu Ma sa, đậu nhỏ…, đợi khi Phật đến hai cha con Tỳ-kheo này lựa chọn phòng xá tốt, trải ngọa cụ tốt và nấu nhiều món cháo như cháo mè, cháo sữa, cháo đậu và cháo trắng để dâng cúng Phật và Tăng. Phật và Tăng ăn no đủ rồi, do cháo nấu quá nhiều nên vẫn còn dư, người cha đem đổ trên nền trong một căn phòng. Lúc đó Phật kinh hành, Ma-a-la theo sau Phật, đi đến căn phòng đó Phật thấy đổ cháo bừa bãi trên nền ở trong phòng, liền hỏi Ma-a-la: "Các món cháo này do đâu mà có, do đàn việt cúng phải không?", đáp là không phải, lại hỏi: "Là vật của chúng tăng phải không?",

đáp là không phải, lại hỏi từ đâu có, Ma-a-la liền đem việc trên bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm Tỳ-kheo tăng rồi quở trách Ma-a-la: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo lại dạy con mình làm việc không thanh tịnh", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Từ nay năm chúng xuất gia không được dạy bảo nhau làm việc không thanh tịnh, nếu chỉ dạy làm thì phạm Đột-kiết-la. Từ nay nếu có Tỳ-kheo xưa kia là thầy thợ thì không được cất chứa các dụng cụ của thầy thợ, nếu cất chứa thì phạm tội. Nếu xưa kia là thợ may thì cho cất chứa ống kim, nếu xưa kia là thợ vẽ thì cho cất chứa ống đựng bút, nếu xưa kia là thợ làm đồng thì cho cất chứa cái dùi".

Phật tiếp tục du hành đến nước Ba-bà, các quý tộc trong nước này trước có làm yếu lịnh: "Nếu Phật đến thì mọi người đều phải ra ngoài thành một do tuần để nghinh đón Phật, ai không đi thì bị phạt năm trăm tiền vàng", cho nên khi Phật vừa đến tất cả dân trong thành đều ra ngoài thành một do tuần để nghinh đón. Trong số đó có một quý tộc tên Lư chi là lực sĩ hạng nhất vốn là bạn quen biết của A-nan, nhưng đối với Phật lại không tin. Lúc đó A-nan từ xa thấy Lư chi đến đón liền hỏi: "Bạn đến nghinh đón Phật rất tốt", đáp: "Tôi không phải vì tin Phật mà đến nghinh đón, chỉ là thuận theo pháp thân tộc đến đón mà thôi", A-nan liền hỏi là pháp gì, đáp: "Các quý tộc trước có làm yếu lịnh: Nếu Phật đến thì mọi người phải ra ngoài thành một do

tuần để nghinh đón, ai không đi thì bị phạt năm trăm tiền vàng. Này A-nan, tôi không tiếc năm trăm tiền vàng mà chỉ sợ thân tộc không vui nên đến để nghinh đón Phật". A-nan liền nắm tay Lư chi dẫn đến gặp Phật, Lư chi đảnh lễ rồi đứng một bên, A-nan bạch Phật: "Thế tôn, Lư chi vốn là bạn quen biết của con nhưng không có lòng tin Phật, xin Phật thuyết pháp khiến cho bạn ấy được khai giải", Phật liền dùng tâm từ cảm hóa rồi thuyết pháp chỉ dạy cho l

Lư chỉ được lợi hỉ, Lư chi đảnh lễ Phật rồi đi. Sau đó lư chi lại đi theo sau Phật giống như trâu con theo sau trâu mẹ, Phật vào phòng, Lư chi theo vào phòng, đảnh lễ Phật rồi ngồi một bên, Phật lại thuyết pháp khiến cho được lợi hỉ, Lư chi đảnh lễ Phật rồi đi ra. Lúc đó Lư chi suy nghĩ nên đem vật gì dâng cúng Phật, nghĩ rồi liền mang các loại bánh đến dâng cúng Phật, Phật bảo Lư chi đem chia cho chúng tăng, Lư chi vâng lời đem chia nhưng các Tỳ-kheo không thọ, nói rằng: "Phật chưa cho chúng tôi ăn bánh", liền bạch Phật, Phật nói: "Từ nay cho ăn các loại bánh thanh tịnh được làm từ lúa mì, đại mạch, tiểu mạch hoặc được làm từ các loại đậu, các loại bánh in…".

Phật tiếp tục du hành đến nước Xá-vệ, lúc đó các Tỳ-kheo đi khất thực được cúng nhiều thức ăn ngon như tô, sữa, lạc, dầu, chả cá, chả thịt…, liền suy nghĩ: "Chúng ta thọ nhiều thức ăn ngon như

vậy sẽ phạm tội đọa", liền đem việc này bạch Phật, Phật nói: "Nếu không xin mà đàn việt tự cúng dường thì nên thọ, từ nay cho thọ dụng bốn loại dược: Thời dược, thời phần dược, thất nhật dược và tận hình dược. Sao gọi là thời dược?: Tức là năm loại thức ăn Khư-đà-ni, năm loại thức ăn Bồ-xà-ni và năm loại thức ăn tương tợ.

Năm loại thức ăn Khư-đà-ni là: Thức ăn từ củ, cọng, lá, từ xay giã và từ trái. Thức ăn từ củ như củ khoai, củ sen, củ ấu, củ Lư bặc, củ Vu thanh… Thức ăn từ thân, cọng như cây Lư bặc, cây cốc lê, cây la lặc, cây Kha lam… Thức ăn từ lá như lá cây Lư bặc, lá cây La lặc, lá cây Kha lam… Thức ăn từ xay giã như lúa thóc, đại mạch, tiểu mạch…Thức ăn từ trái như trái Diêm phù, trái Ba-la-tát, trái trấn đầu khư… năm loại thức ăn Khư-đà-ni này đều được ăn.

Năm loại thức ăn Bồ-xà-ni là: cơm, bún, mì, cá và thịt.

Năm loại thức ăn tương tợ là cháo, xôi nếp, bắp, tú tử, ca sư. Tất cả thứ nước uống chưa lượt đều gọi là Thời dược.

Sao gọi là thời phần dược (thức uống phi thời)?: Tức là nước uống (nước trái cây ép) đã được lượt trong.

Sao gọi là thất nhật dược?: Loại thực phẩm cất dùng trong bảy ngày như tô, dầu, mật và đường

phèn.

Sao gọi là tận hình dược?: Gồm có năm loại thuốc được cất chứa trong phòng cùng ngủ đêm để uống dùng trọn đời không có tội.

1. Năm loại thuốc từ củ như xá lợi, gừng, phụ tử, Ba-đề-tỳ-sa và củ Xương-bồ.

2. Năm loại thuốc từ trái như trái Ha-lê-lặc, trái Bệ-ế-lặc, trái A-ma-lặc, Hồ tiêu, Tất bát la.

3. Năm loại muối là muối đen, muối tía, muối đỏ, muối hột, muối trắng..

4. Năm loại thuốc từ nhựa cây như Hưng cừ Tát-xà-la, Trà-đế, Dạ-đế, Dạ-Ba là-đế và Dạ-bàn-na.

5. Năm loại thuốc thang (thuốc sắc): Thuốc sắc từ củ, hoặc từ thân, cành, cọng hoặc từ lá, từ hoa và từ quả".

Nếu Tỳ-kheo ngay trong ngày thọ được cả bốn loại dược trên (thời dược, thời phần dược, thất nhật dược và tận hình dược) để chung một chỗ thì nên dùng đúng thời, không nên dùng phi thời vì đây là lực của Thời dược. Nếu Tỳ-kheo ngay trong ngày thọ được ba loại dược sau (thời phần dược, thất nhật dược và tận hình dược) để chung một chỗ thì nên dùng theo thời phần, không nên dùng quá thời phần vì đây là lực của Thời phần dược. Nếu Tỳ-kheo ngay trong ngày thọ được hai loại dược sau (thất nhật dược và tận hình dược) để chung một

chỗ thì nên thọ dùng trong vòng bảy ngày, quá bảy ngày không được dùng vì đây là lực của Thất nhật dược. Nếu thọ loại tận hình dược thì trọn đời tùy ý dùng.

Nếu ngay trong ngày thọ loại Thời dược không thanh tịnh, lại thọ ba loại dược sau để chung một chỗ thì không nên dùng. Nếu ngay trong ngày thọ loại Thời phần dược không thanh tịnh, lại thọ hai loại dược sau để chung một chỗ thì không nên dùng. Nếu ngay trong ngày thọ loại Thất nhật dược không thanh tịnh, lại thọ loại Tận hình dược để chung một chỗ thì không nên dùng.

Trưởng lão Ưu-ba-ly hỏi Phật: "Ba loại dược sau: Thời phần, thất nhật và tận hình dược nếu cất qua đêm thì có thể dùng miệng thọ dùng được không?", Phật nói không được, lại hỏi: "Ba loại dược sau nếu tay cầm phạm ác tróc (bất tịnh) thì có thể dùng miệng thọ dùng được không?", Phật nói không được, lại hỏi: "Ba loại dược sau nếu không bịnh mà tay thọ hay miệng thọ có được hay không?", Phật nói không được, lại hỏi: "Ba loại dược sau nếu bịnh có được tay thọ và miệng thọ dùng hay không?", Phật nói được.

-oOo-

LUẬT THẬP TỤNG

QUYỂN 27
PHÁP Y THỨ 7

Phật tại thành Vương xá, lúc đó có năm trăm Tỳ-kheo đến hỏi Phật nên mặc loại y nào, Phật nói nên mặc y bàn tẩu.

Phật tại thành Vương xá, lúc đó Phật bị cảm lạnh cần uống thuốc nên bảo A-nan: "Ta bị cảm lạnh, thầy nên tự biết", A-nan liền đến gặp thầy thuốc Kỳ-ba nói: "Phật bị cảm lạnh, ông nên tự biết", Kỳ-ba nói: "Trưởng lão về trước, tôi sẽ đến sau". Lúc đó Kỳ-ba suy nghĩ: "Phật đức tôn trọng, ta không nên dùng loại cây thuốc đắng mà nên dùng hoa sen xanh làm thuốc trị bịnh cho Phật", nghĩ rồi liền hái hoa sen xanh làm thuốc đem đến cho Phật. Đến chỗ Phật đảnh lễ rồi bạch rằng: "Thế tôn, con đã dùng hoa sen xanh làm thuốc để trị bịnh cảm lạnh cho Phật, xin Phật hãy thọ, thuốc này nên sắc lần đầu còn lại mười phân, lần hai còn lại hai mươi phân, lần ba còn lại ba mươi phân", Phật thọ thuốc rồi im lặng, Kỳ-ba trước khi trở về dặn kỹ A-nan nên sắc thuốc như trên. Phật uống thuốc lần nhất và lần nhì sắc đúng liều lượng như trên nhưng

lần thứ Ba lài sắc chỉ còn có hai mươi chín phân, không đúng liều lượng là ba mươi phân. Kỳ-ba biết rõ thời số nên trở lại thăm bịnh cho Phật rồi hỏi: "Thế tôn không uống thuốc đúng phân lượng phải không?", Phật nói: "Lần thứ ba thuốc sắc chỉ còn có hai mươi chín phân", Kỳ-ba biết bịnh Phật chưa lành hẳn nên nói: "Thế tôn nên uống thêm một ít nước nóng, như thế tức là uống thêm một phân lượng nữa cho đủ liều lượng sắc còn ba mươi phân". Sau đó Kỳ-ba trở về nhà ứng theo bịnh của Phật mà nấu các loại thức ăn thức uống, cháo và thuốc Thường-già-la đem cho Phật dùng. Không bao lâu sau Phật đi đứng được nhẹ nhàng thuận lợi, bịnh không còn tái phát nữa, sắc lực được trở lại như trước. Lúc đó Kỳ-ba muốn đem chiếc y Thâm-ma-căn trị giá trăm ngàn dâng cúng Phật, liền đến chỗ Phật đảnh lễ rồi đứng một bên bạch rằng: "Thế tôn, con trị bịnh cho vua quan đại thần, tất cả đều cho con một ước nguyện. Nay con trị bịnh cho Phật, xin Phật cũng cho con một ước nguyện", Phật nói: "Phật-Đa-đà-a-già-độ-A-la-ha-tam-miệu-tam-Phật-đà không cho ông nguyện quá", Kỳ-bà lại bạch: "Thế tôn, xin cho con được nguyện", Phật hỏi là nguyện gì, đáp: "Thế tôn, đây là chiếc y Thâm-ma-căn trị giá trăm ngàn, xin Phật thọ để mặc, xin thương xót", Phật im lặng nhận lời, biết Phật đã nhận lời, Kỳ-ba liền dâng y cúng Phật rồi đảnh lễ Phật và ra về. Phật do nhân duyên này

nhóm Tỳ-kheo tăng rồi bảo các Tỳ-kheo: "Hôm nay Kỳ-ba dâng cúng cho như lai chiếc y Thâm-ma-căn trị giá trăm ngàn, từ nay nếu có đàn việt cúng y như vậy thì các Tỳ-kheo được tùy ý thọ để mặc. Từ nay cho các Tỳ-kheo được mặc y Bàn tẩu và được mặc y do cư sĩ cúng".

Phật tại thành Vương xá, lúc đó vào sáng sớm vua Bình sa ngồi trên xe voi ra khỏi thành đi đến chỗ Phật vì vua rất tín kính Phật. Cùng lúc đó có một ngoại đạo Phạm chí đang đi ngược tới, vua từ xa nhìn thấy tưởng là Sa-môn nên bảo người đánh xe dừng lại, vị đại thần đi theo vua liền hỏi vua muốn làm gì, vua nói là muốn xuống xe lễ bái Sa-môn, Đại-thần nói: "Đại vương, vị đó không phải là đệ tử Phật mà là ngoại đạo Phạm chí", vua cảm thấy ngượng nên hỏi người đánh xe còn bao lâu nữa mới đến chỗ Phật, đáp là sắp đến. Khi đến nơi, vua xuống xe đến chỗ Phật đảnh lễ rồi đứng một bên bạch Phật: "Thế tôn, cúi xin Phật cho chúng tăng mặc y khác với ngoại đạo để dễ phân biệt", Phật liền hỏi nguyên do, vua đem việc trên bạch Phật, Phật nghe xong thuyết pháp chỉ dạy cho vua được lợi hỉ, vua nghe pháp xong đảnh lễ Phật rồi ra về. Lúc đó A-nan đang đứng phía sau quạt cho Phật, Phật bảo A-nan: "Ta muốn du hành đến nước Nam sơn", A-nan theo Phật du hành, vừa đến nước này là đến giờ khất thực, sau khi thọ thực xong, Phật đến dưới một gốc cây trải Ni-sư-đàn ngồi kiết

già. Gần đó có một ruộng lúa xanh tươi, bờ ruộng ngay ngắn; Phật nhìn thấy rồi liền hỏi A-nan có thấy ruộng lúa xanh tươi, bờ ruộng ngay ngắn đó không, đáp là có thấy, Phật nói: "Thầy có thể may chiếc y Thâm-ma-căn này theo như kiểu thửa ruộng ấy không?", đáp là có thể, Phật liền đưa y cho A-nan, A-nan cầm y lui ra ngoài rồi cắt rọc y ra may theo như kiểu thửa ruộng, lá y là bờ ruộng hướng ra hai bên, may xong mang đến chỗ Phật căng y ra cho Phật xem, Phật liền khen: "Lành thay A-nan, y cắt rọc này may như thế là đúng pháp".

Sau khi trở về lại thành Vương xá, Phật do nhân duyên này nhóm Tỳ-kheo tăng rồi bảo các Tỳ-kheo: "Từ nay các thầy nên mặc y cắt rọc may theo như kiểu thửa ruộng, nếu Tỳ-kheo nào không mặc y cắt rọc thì không được vào tụ lạc, nếu vào thì phạm Đột-kiết-la". Do Phật cho các Tỳ-kheo được mặc y của cư sĩ cúng nên các cư sĩ, Bà-la-môn tín tâm cúng cho Tăng rất nhiều y Khâm-bà-la. Câu chấp và dạ tạp sắc. Phật cũng biết các Tỳ-kheo cất chứa rất nhiều y. Lúc đó Phật bảo A-nan: "Ta muốn du hành đến nước Tỳ-da-ly", A-nan đi theo Phật, vừa đến nước này gặp lúc tiết đông nên ban đêm lạnh rét và có dông gió làm ngã đổ tre. Đầu đêm Phật mặc một y kinh hành ở ngoài đất trống, đến nửa đêm Phật cảm thấy lạnh nên bảo A-nan đưa thêm chiếc y thứ hai, đến cuối đêm Phật lại cảm thấy lạnh nên bảo A-nan đưa thêm chiếc y thứ ba.

Lúc đó Phật suy nghĩ: "Các Tỳ-kheo mặc chừng ấy y là đủ". Sáng hôm sau do nhân duyên này Phật nhóm Tỳ-kheo tăng rồi bảo các Tỳ-kheo: "Từ nay cho các thầy được cất chứa ba y, không được thiếu cũng không được nhiều hơn, nếu thiếu thì phạm Đột-kiết-la còn nhiều hơn thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề".

Lúc đó có một Tỳ-kheo mặc y phấn tảo, nghe Phật chế nên mặc y cắt rọc, nếu không mặc thì không được vào tụ lạc, liền suy nghĩ: "Ta có y phấn tảo đã bị rách, ta nên vá thiếp vào cho giống như y cắt rọc", nghĩ rồi liền mang y và kim chỉ ra ngoài cửa Kỳ hoàn để vá thiếp vào. Lúc đó Phật và A-nan đi đến chỗ này thấy Tỳ-kheo đang ngồi may y, Phật liền hỏi là muốn làm gì, Tỳ-kheo bạch Phật ý nghĩ của mình rồi nói: "Vì vậy nên con máy vá thiếp vào cho giống như y cắt rọc", Phật khen: "Lành thay Tỳ-kheo, từ nay cho các Tỳ-kheo mặc y phấn tảo được cất chứa bốn loại y phấn tảo, đó là: Y trong gò mã, y xuất lai, y vô chủ và y bỏ trên đất. Sao gọi là y trong gò mã?: Tức là y dùng để bọc thây người chết đem bỏ trong gò mã; sao gọi là y xuất lai?: Y bọc thây người chết này nếu người nhà của người chết lấy lại để đem cúng cho Tỳ-kheo thì gọi là y xuất lai; sao gọi là y vô chủ?: Y bị vứt bỏ trong tụ lạc hay ở ngoài đất trống không thuộc của ai, dù là nam hay nữ, huỳnh môn và người hai căn; sao gọi là y bỏ trên đất?: Đây là y

phấn tảo vứt bỏ trong ngõ hẻm hay trong gò mã. Nếu Tỳ-kheo lượm loại y trong gò mã còn mới thì nên may y Tăng-già-lê hai lớp, Uất-đa-la-tăng một lớp, An-đà-hội một lớp hoặc Ni-sư-đàn hai lớp. Nếu Tỳ-kheo lượm loại y trong gò mã đã cũ thì nên may y Tăng-già-lê bốn lớp, Uất-đa-la-tăng hai lớp, An-đà-hội hai lớp hoặc Ni-sư-đàn bốn lớp. Lượm được loại y xuất lai và vô chủ cũng giống như thế; nếu lượm được loại y phấn tảo bỏ trên đất thì tùy ý may mấy lớp cũng được".

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó Tỳ-xá-khư-lộc-tử-mẫu đến chỗ Phật đảnh lễ ngồi một bên nghe Phật nói pháp, Thế tôn tùy thuận nói pháp chỉ dạy cho được lợi hỉ rồi im lặng. Tỳ-xá-khư chắp tay bạch Phật: "Thế tôn, xin Phật và Tăng ngày mai thọ con thỉnh thực", Phật im lặng nhận lời, bà biết Phật đã nhận lời liền đảnh lễ Phật hữu nhiễu rồi ra về, về đến nhà ngay trong đêm đó lo liệu đủ các món ăn ngon. Đêm đó Phật và A-nan kinh hành ngoài đất trống, Phật ngẩng nhìn các vì sao rồi bảo A-nan: "Nếu bây giờ có người hỏi người hiểu biết về thiên văn là lúc nào sẽ mưa, người đó ắt sẽ nói là bảy năm nữa sẽ mưa. Nhưng này A-Nan-đền giữa đêm ngôi sao này diệt sẽ có ngôi sao khác xuất hiện, nếu lúc đó có người hỏi người hiểu biết về thiên văn là lúc nào sẽ mưa, người đó ắt sẽ nói là bảy tháng sau sẽ mưa. Nhưng này A-Nan-đền cuối đêm ngôi sao này diệt sẽ có ngôi sao khác xuất hiện, nếu lúc đó

có người hỏi người hiểu biết về thiên văn là lúc nào sẽ mưa, người đó ắt sẽ nói bảy ngày nữa sẽ mưa. Nhưng này A-Nan-đến khi trời sáng ở phương Đông có đám mây hình tròn như cái bát giăng đầy trong hư không, đám mây này có thể làm mưa lớn, nước sẽ tràn đầy cống rãnh. Này A-nan, hãy bảo các Tỳ-kheo đám mây hình tròn như cái bát này sẽ làm mưa có công đức trừ bịnh tật, nếu các Tỳ-kheo muốn tắm thì nên đứng ngoài đất trống để tắm", A-nan vâng lời Phật dạy đi thông báo cho các Tỳ-kheo. Sáng hôm đó lúc trời mưa các Tỳ-kheo tùy ý đứng ngoài đất trống tắm, lúc đó Tỳ-xá-khư đã chuẩn bị thức ăn xong trải tòa ngồi rồi sai Tỳ-sử đến bạch Phật: "Đã đến giờ thọ thực, xin Phật biết thời". Tỳ-sử này đi đến trong Kỳ hoàn tìm các Tỳ-kheo không thấy, nhìn qua lỗ cửa thì thấy các Tỳ-kheo lõa hình đứng tắm. Nhìn thấy rồi không vui nghĩ rằng: "Trong đây đều không có Tỳ-kheo, đều là ngoại đạo lõa hình không có hổ thẹn", nghĩ rồi liền trở về bạch với Tỳ-xá-khư biết, Tỳ-xá-khư là người lợi căn nghe rồi liền biết ngày nay trời mưa lớn nên các Tỳ-kheo lõa hình đứng tắm ngoài đất trống, Tỳ-sử không biết nên mới nói lời này. Bà liền kêu một Tỳ-sử khác đến Kỳ hoàn đập cửa kêu lớn rằng: "Giờ thọ thực đã đến, xin tự biết thời", Tỳ-sử này đến Kỳ hoàn làm y như lời bà dạy, lúc đó Phật cùng đại chúng đắp y mang bát đi đến nhà Tỳ-xá-khư. Đợi Phật và Tăng ngồi xong, Tỳ-xá-

khư tự tay rót nước và dâng thức ăn lên cúng dường, sau khi Phật và Tăng thọ thực xong, bà lấy chiếc ghế nhỏ ngồi phía trước Phật nghe thuyết pháp rồi bạch Phật: "Thế tôn, xin cho con được nguyện", Phật nói: "Chư đa dà a già độ a la ha tam miệu tam Phật đà không cho cô được quá nguyện", Tỳ-xá-khư nói: "Xin cho con được nguyện", Phật nói: "Cho cô được nguyện, cô muốn được nguyện gì?", Tỳ-xá-khư nói: "Con muốn được nguyện:

- Một là cúng cho Tỳ-kheo tăng áo tắm mưa.
- Hai là cúng cho Tỳ-kheo-ni áo tắm.
- Ba là cúng thức ăn cho Tỳ-kheo mới đến.
- Bốn là cúng thức ăn cho Tỳ-kheo sắp đi xa.
- Năm là cúng thức ăn uống cho Tỳ-kheo bịnh.
- Sáu là cúng thức ăn uống cho Tỳ-kheo khán bịnh.
- Bảy là thường cúng cháo cho Tỳ-kheo tăng.
- Tám là cúng thuốc thang và các vật cần dùng cho Tỳ-kheo có nhiều người quen biết hay ít người quen biết khi có bịnh duyên. Phật hỏi: "Do nhân duyên gì cô muốn cúng áo tắm cho Tỳ-kheo tăng?", đáp: "Đại-đức, con ngày nay chuẩn bị xong thức ăn liền trải tòa ngồi và sai Tỳ-sử đến Kỳ hoàn bạch Phật đã đến giờ thọ thực, Tỳ-sử này nhìn qua lỗ cửa thấy các Tỳ-kheo lõa hình đứng tắm ở ngoài đất trống nên trở về nói với con rằng: Trong Kỳ hoàn không có Tỳ-kheo, chỉ có các ngoại đạo lõa

hình không có hổ thẹn. Đại-đức, Tỳ-kheo lõa hình ở trước Phật và trước Hòa thượng, A-xà-lê tắm thì thật là không có hổ thẹn. Vì thế con muốn cúng áo tắm cho Tỳ-kheo tăng để mặc tắm mưa ở ngoài đất trống", Phật lại hỏi: "Do nhân duyên gì cô muốn cúng áo tắm cho Tỳ-kheo-ni tăng?", đáp: "Đại-đức, con cùng các cư sĩ nữ đến tắm trong sông A kỳ la, các Tỳ-kheo-ni cũng lõa hình tắm trong sông. Các cư sĩ nữ này nhìn thấy rồi tâm không vui chê trách rằng: Những người này ít phước đức, thân thô xấu không đẹp, bụng lớn, vú xệ, cần gì tu phạm hạnh. Đại-đức, người nữ lõa hình rất xấu xí, cho nên con muốn cúng áo tắm cho Tỳ-kheo-ni tăng", Phật lại hỏi: "Do nhân duyên gì cô muốn cúng thức ăn uống cho Tỳ-kheo khách mới đến?", đáp: "Đại-đức, khách Tỳ-kheo mới đến không biết chỗ nào nên đi chỗ nào không nên đi, đi đường lại mỏi mệt chưa được nghỉ ngơi, con muốn cúng thức ăn uống cho Tỳ-kheo khách mới đến để sau đó vị ấy tùy biết chỗ nào nên đi, chỗ nào không nên đi", Phật lại hỏi: "Do nhân duyên gì cô muốn cúng thức ăn uống cho Tỳ-kheo sắp đi xa?", đáp: "Tỳ-kheo sắp đi xa nếu đợi đến giờ ăn, giờ Bát đát na hay phải đi khất thực thì bạn đồng hành sẽ bỏ đi, hoặc giữa đêm vào đường hiểm hoặc đi một mình ở ngoài đồng hoang. Con muốn cúng thức ăn uống để vị ấy không mất bạn, không bị lạc trong đường hiểm", Phật lại hỏi: "Do nhân duyên gì cô muốn cúng thức ăn uống cho

Tỳ-kheo bịnh?", đáp: "Đại-đức, Tỳ-kheo bịnh nếu không được thức ăn uống ứng với bịnh thì bịnh khó lành, con muốn cúng thức ăn uống để bịnh của vị ấy mau lành", Phật lại hỏi: "Do nhân duyên gì cô muốn cúng thức ăn uống cho Tỳ-kheo khán bịnh?", đáp: "Đại-đức, Tỳ-kheo khán bịnh nếu đợi đến giờ ăn trong tăng hoặc phải đi khất thực thì việc chăm sóc cho Tỳ-kheo bịnh sẽ thiếu sót trong việc nấu cơm, canh hay cháo hoặc thuốc thang hoặc đổ đồ bất tịnh… Con muốn cúng thức ăn uống cho Tỳ-kheo khán bịnh để vị ấy chăm sóc người bịnh không có thiếu sót", Phật lại hỏi: "Do nhân duyên gì cô muốn thường cúng cháo cho Tỳ-kheo tăng?", đáp: "Đại-đức, nếu Tỳ-kheo không ăn cháo sẽ đói khát, trong bụng cồn cào. Con muốn cúng cháo để các Tỳ-kheo không bị khổ não", Phật lại hỏi: "Do nhân duyên gì cô muốn cúng thuốc thang và các vật cần dùng cho Tỳ-kheo có bịnh duyên có nhiều người quen biết hay ít người quen biết?", đáp: "Tỳ-kheo khi có bịnh duyên ắt rất cần thuốc thang và các vật cần dùng nên con muốn cúng. Đại-đức, lại nữa nếu con nghe có Tỳ-kheo ở trú xứ nào chết mà Phật thọ ký cho vị đó là đã đoạn được ba phần kiết sử chứng quả Tu-đà-hoàn, không còn đọa trong ba ác đạo, chắc chắn được niết bàn, còn bảy đời nữa qua lại trong cõi trời người sẽ dứt hết khổ. Đại-đức, con sẽ hỏi: "Trưởng lão này có từng đến nước Xá-vệ không", nếu con nghe Tỳ-kheo này đã từng đến

nước Xá-vệ, con suy nghĩ: "Trưởng lão này có thọ con cúng áo tắm mưa hoặc thức ăn uống mà con cúng cho Tỳ-kheo khách, hoặc thức ăn uống mà con cúng cho Tỳ-kheo sắp đi xa, hoặc thức ăn uống cho Tỳ-kheo bịnh, hoặc thức ăn uống cho Tỳ-kheo khán bịnh, hoặc cháo mà con thường cúng cho Tăng, hoặc thuốc thang và vật cần dùng mà con cúng cho Tỳ-kheo có bịnh duyên thì xin cho con vì nhân duyên này mà được giác ý đầy đủ. Đại-đức, nếu con nghe có Tỳ-kheo ở trú xứ nào chết mà Phật thọ ký cho vị đó là đã đoạn hết ba hạ phần kiết sử, làm yếu ba độc chứng quả Tư-đà-hàm, còn một đời nữa trở lại cõi này sẽ dứt hết khổ. Đại-đức, con sẽ hỏi… giống như đoạn văn trên cho đến câu xin cho con vì nhân duyên này được giác ý đầy đủ. Đại-đức, nếu con nghe có Tỳ-kheo ở trú xứ nào chết mà Phật thọ ký cho vị ấy là đã đoạn hết năm hạ phần kiết sử chứng quả A-na-hàm, ở trên cõi trời bát niết bàn không còn trở lại trong nhân gian. Đại-đức, con sẽ hỏi… giống như đoạn văn trên cho đến câu xin cho con vì nhân duyên này được giác ý đầy đủ. Đại-đức, nếu con nghe có Tỳ-kheo ở trú xứ nào chết mà Phật thọ ký cho vị ấy là sanh đã tận, phạm hạnh đã lập, việc nên làm đã làm xong, tự biết tác chứng, được chứng quả A-la-hán. Con sẽ hỏi… giống như đoạn văn trên cho đến câu xin cho con vì nhân duyên này được giác ý đầy đủ. Đại-đức, như thế Tài phước đức của con được thành tựu, do

nhân duyên này con nhiếp được Pháp phước đức". Phật nói: "Lành thay Tỳ-xá-khư, ta cho cô được như nguyện này, cô hãy cúng áo tắm cho Tỳ-kheo tăng… tám điều nguyện trên. Tỳ-xá-khư, đây là Tài phước đức thành tựu, do nhân duyên này nhiếp được Pháp phước đức". Phật nói pháp cho Tỳ-xá-khư được lợi hỉ rồi cùng chư tăng ra về, về đến trú xứ Phật do việc này nhóm Tỳ-kheo tăng rồi bảo các Tỳ-kheo: "Từ nay cho các Tỳ-kheo cất chứa áo tắm mưa, tùy ý mặc tắm ở ngoài đất trống". Sau khi Phật cho cất chứa áo tắm mưa, các Tỳ-kheo liền may áo rộng dài, có Tỳ-kheo thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng rồi hỏi các Tỳ-kheo: "Các thầy thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo lại may áo tắm rộng dài như thế", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Từ nay các thầy nên may áo tắm mưa đúng theo kích thước: Chiều dài khoảng sáu gang tay của Phật, chiều rộng khoảng hai gang rưỡi. Nếu may quá lượng này thì phạm Ba-dật-đề".

Phật tại nước Duy-na-ly (Tỳ-da-ly), nước này đất mặn và ẩm ướt nên các Tỳ-kheo mắc bịnh ghẻ lở, có một Tỳ-kheo ghẻ lở chảy máu mủ làm dơ y An-đà-hội. Phật hỏi rõ nguyên do rồi do việc này nhóm Tỳ-kheo tăng đủ lời khen ngợi giới và người

trì giới rồi bảo các Tỳ-kheo: "Từ nay cho cất chứa y che phủ ghẻ cho đến mười ngày sau khi ghẻ lành, nếu cất chứa quá mười ngày thì phạm Ba-dật-đề". Sau khi Phật cho cất chứa y che ghẻ, các Tỳ-kheo liền may y rộng dài, có Tỳ-kheo thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng rồi hỏi các Tỳ-kheo: "Các thầy thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo lại cất chứa y che ghẻ rộng dài như thế", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Từ nay các thầy nên may y che phủ ghẻ đúng theo kích thước: Chiều dài khoảng bốn gang tay của Phật, chiều rộng khoảng nửa gang tay; nếu may quá lượng này thì phạm Ba-dật-đề".

Phật tại nước Duy-na-ly (Tỳ-da-ly), lúc đó có Tỳ-kheo xuất tinh làm dơ ngọa cụ, sáng sớm giặt phơi ở bên trong tinh xá, khi Phật đắp y mang bát vào thành khất thực nhìn thấy việc này nên sau khi thọ thực xong, Phật do việc này nhóm Tỳ-kheo tăng rồi hỏi các Tỳ-kheo: "Sáng sớm ta đắp y mang bát vào thành khất thực nhìn thấy ngọa cụ dơ giặt phơi trong tinh xá, các thầy không nên phơi như thế. Chúng tăng dùng nhiều ngọa cụ không biết lượng, các cư sĩ dè xẻn để cúng dường cầu phước, các thầy nên trù lượng dùng ít thì tốt. Nếu Tỳ-kheo loạn niệm, không nhất tâm trong khi ngủ thì có

năm lỗi:

- Một là khó ngủ.
- Hai là khó tỉnh thức.
- Ba là thấy ác mộng.
- Bốn là khi ngủ thiện thần không hộ.
- Năm là khi tỉnh thức tâm khó nhập pháp thiện giác quán.

Ngược lại nếu Tỳ-kheo không loạn niệm, nhất tâm trong khi ngủ thì có năm điều thiện:

- Một là không khó ngủ.
- Hai là dễ tỉnh thức.
- Ba là không có ác mộng.
- Bốn là khi ngủ thiện thần hộ.
- Năm là khi tỉnh thức tâm dễ nhập pháp thiện giác quán.

Nếu Tỳ-kheo có dâm nộ si, chưa được ly dục, không loạn niệm, nhất tâm ngủ nghỉ còn không thất tinh huống chi là Tỳ-kheo lìa dục", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Từ nay cho các Tỳ-kheo cất chứa Ni-sư-đàn để hộ ngọa cụ của Tăng, không nên không trải Ni-sư-đàn mà ngồi trên ngọa cụ của Tăng. Sau khi Phật cho cất chứa Ni-sư-đàn, các Tỳ-kheo liền may rộng dài, có Tỳ-kheo thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng rồi hỏi các Tỳ-kheo: "Các thầy thật đã làm việc này phải

không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo lại cất chứa Ni-sư-đàn rộng dài như thế", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Từ nay các thầy nên may Ni-sư-đàn đúng theo kích thước: Chiều dài khoảng hai gang tay của Phật, chiều rộng khoảng nửa gang tay; nếu may quá lượng này thì phạm Ba-dật-đề". Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó vào sáng sớm Phật đắp y mang bát vào thành khất thực, thọ thực xong vào trong rừng An đà trải Ni-sư-đàn dưới một gốc cây ngồi. Trưởng lão Ca-lưu-đà-di cũng vào trong rừng An đà, trải Ni-sư-đàn dưới một gốc cây ngồi cách Phật không xa. Trưởng lão này thân to lớn, quỳ gối hai tay cầm y nguyện rằng: "Chừng nào Phật sẽ cho tôi may Ni-sư-đàn thêm một gang tay của Phật nữa thì mới đủ ngồi". Đến xế chiều Phật xuất thiền, do việc này nên nhóm Tỳ-kheo tăng rồi bảo các Tỳ-kheo: "Sáng nay ta đắp y mang bát vào thành khất thực, thọ thực xong vào trong rừng A-nan-đà… như trên cho đến câu mới đủ ngồi. Từ nay cho các thầy được may thêm viền ngoài Ni-sư-đàn rộng khoảng một gang tay nữa. Giới này nên nói lại như sau: Nếu Tỳ-kheo muốn may Ni-sư-đàn thì phải may theo đúng kích thước: Chiều dài hai gang tay của Phật, chiều rộng nửa gang tay và viền ngoài rộng một gang tay. Nếu may quá lượng này thì phạm Ba-dật-đề".

Phật tại nước Ca-tỳ-la-vệ, Trưởng lão Nan-đà

là em của Phật do Di mẫu sanh ra, thân tương tợ như Phật cũng có ba mươi hai tướng tốt, nhưng thấp hơn Phật bốn ngón tay. Lúc đó Trưởng lão may y bằng lượng y của Phật đắp mặc khiến cho các Tỳ-kheo vào giờ thọ thực từ xa thấy Nan-đà đến đều tưởng là Phật nên đứng dậy nghinh đón, khi Nan-đà đến gần mới biết là không phải Phật nên các Thượng tòa đều hổ thẹn, nghĩ rằng: "Đây là Hạ tòa của chúng ta, tại sao lại đứng dậy nghinh đón", Nan-đà cũng hổ thẹn nói rằng: "Đã khiến cho các vị đứng dậy nghinh đón tôi". Các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật do việc này nhóm Tỳ-kheo tăng rồi hỏi Nan-đà: "Thầy thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo lại may y bằng với lượng y của Phật, từ nay thầy nên may y giảm bớt thước tấc lại. Y này nên đem nhuộm cho hoại sắc rồi trải phơi". Quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Từ nay nếu có ai may y như thế, Tăng cũng nên đồng tâm đem nhuộm cho hoại sắc rồi trải phơi. Từ nay nếu ai may y bằng lượng y của Phật hoặc dài rộng hơn thì phạm Ba-dật-đề. Y của Như lai chiều dài là chín gang tay, chiều rộng là sáu gang tay ".

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó có một Tỳ-kheo đến chỗ Phật đảnh lễ rồi bạch rằng: "Thế tôn, xin cho con được mặc y Sô-ma", Phật nói: "Từ nay cho thầy được mặc y Sô-ma, vì sao, vì y Sô-ma không

làm trở ngại sự đắc đạo, thầy nên ít muốn biết đủ, biết thời biết lượng, nên siêng học thọ ít và dùng có tiết độ, nên tu hạnh đầu đà ở nơi yên tĩnh để tùy chứng Niết bàn". Lại có một Tỳ-kheo đến bạch Phật: "Thế tôn, xin cho con được mặc y Kiều-thi-na", Phật nói: "Từ nay cho thầy được mặc y Kiều-thi-na, vì sao, vì y này không làm trở ngại sự đắc đạo, thầy nên ít muốn biết đủ, biết thời biết lượng, nên siêng học thọ ít và dùng có tiết độ, nên tu hạnh đầu đà ở nơi yên tĩnh để tùy chứng Niết bàn". Lại có một Tỳ-kheo đến bạch Phật: "Thế tôn, xin cho con được mặc y Sa ni", Phật nói: "Từ nay cho thầy được mặc y Sa ni vì sao, vì y này… như trên cho đến tùy chứng Niết bàn". Lại có Tỳ-kheo đến bạch Phật: "Thế tôn, xin cho con được mặc y Dã-ma", Phật nói: "Từ nay cho thầy được mặc y Dã-ma, vì sao, vì y này… như trên cho đến câu tùy chứng Niết bàn".

Lúc đó có một thương buôn có loại y Khâm-bà-la, Súy-di-lâu đem bán nhưng không bán được giá. Người này nghe nói nếu ai cúng dường cho Trưởng lão Tu-bồ-đề thì ngay trong đời này được phước báo, liền đem chiếc y này đến cúng cho Trưởng lão Tu-bồ-đề. Trưởng lão không thọ, nói rằng: "Phật chưa cho tôi thọ loại y này", thương buôn này sân giận nói: "Sa-môn Thích tử thường khen ngợi việc bố thí, nay có người thí lại không chịu thọ". Các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật,

Phật nói: "Từ nay cho các thầy được thọ y Khâm-bà-la, vì sao, vì y này… như trên cho đến câu tùy chứng Niết bàn".

Lại có một Tỳ-kheo đến bạch Phật: "Thế tôn, xin cho con được thọ pháp khoả thân", Phật nói: "Thầy không được thọ pháp khoả thân, nếu thọ thì phạm Thâu-lan-giá, vì sao, vì pháp khoả thân là tướng của ngoại đạo". Lại có Tỳ-kheo đến bạch Phật: "Thế tôn, xin cho con được mặc y Khâm-bà-la búi tóc", Phật nói: "Thầy không được mặc y Khâm-bà-la búi tóc, nếu mặc thì phạm Thâu-lan-giá, vì sao, vì đây là tướng của ngoại đạo". Lại có Tỳ-kheo đến bạch Phật: "Thế tôn, xin cho con được mặc y dệt bằng lông cánh chim", Phật nói: "Thầy không được mặc loại y này, nếu mặc thì phạm Thâu-lan-giá, vì sao, vì đây là tướng của ngoại đạo".

Lại có Tỳ-kheo đến bạch Phật: "Thế tôn, xin cho con được mặc y dệt bằng chỉ sợi thô", Phật nói: "Không được mặc, nếu mặc thì phạm Đột-kiết-la". Lại có Tỳ-kheo đến xin Phật cho mặc áo da, Phật nói không được mặc, nếu mặc thì phạm Đột-kiết-la. Lại có Tỳ-kheo đến xin Phật cho mặc một y, Phật nói không được, nếu mặc một y thì phạm Đột-kiết-la. Lại có Tỳ-kheo đến xin Phật cho mặc hai y thượng hạ, Phật nói: "Trước đây ta đã chế các Tỳ-kheo nên mặc đủ ba y, không được thiếu cũng không được nhiều hơn. Nếu thiếu thì phạm Đột-

kiết-la, nếu nhiều hơn thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề; nếu chỉ mặc hai y thượng hạ thì phạm Đột-kiết-la". Lại có Tỳ-kheo đến xin Phật cho mặc y kết bằng lá cây, Phật nói không được, nếu mặc thì phạm Đột-kiết-la. Lại có Tỳ-kheo đến xin Phật cho mặc y kết bằng loại cỏ A-câu hoặc cỏ Bạt-câu, cỏ Câu xa, cỏ Văn nhã, cỏ Bà bà, cỏ rơm…, Phật nói tất cả đều không được mặc, nếu mặc thì phạm Đột-kiết-la.

Lúc đó Lục quần Tỳ-kheo đến bạch Phật: "Thế tôn, xin Phật cho chúng con được cạo lông trên thân", Phật nói không được, nếu cạo thì phạm Đột-kiết-la. Lại xin Phật cho mặc y màu xanh nguyên chất, Phật nói: "Các thầy đến xin ta hai điều: Một là cạo lông trên thân, hai là mặc y màu xanh nguyên chất. Hai điều này đều không cho, không những màu xanh mà tất cả màu vàng, đỏ, đem, trắng nguyên chất thảy đều không cho mặc; cho đến các loại y dệt bằng lông hay áo da, áo tay xéo, áo phủ đầu, áo mặc xỏ qua đầu, áo có hai tay, áo ngắn, quần ngắn, khố… thảy đều không được mặc, nếu mặc thì phạm Đột-kiết-la".

Lại có Tỳ-kheo đến xin Phật cho mặc y dệt bằng chỉ sợi thô Khâm bạt, Phật nói: "Không được, nếu mặc thì phạm Đột-kiết-la, vì sao, vì mặc loại y này có năm điều bất lợi:

- Một là trời lạnh mặc sẽ lạnh thêm.

- Hai là trời nóng mặc sẽ nóng thêm.

- Ba là thô.

- Bốn là rít.

- Năm là cứng nhắc khiến cho da của người bị thô cứng".

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó Trưởng lão Hỷ đà cất y Tăng-già-lê trong rừng An-đà, chỉ mặc hai y thượng hạ đi vào thành khất thực, khi trở về thì y bị mất, tìm không thấy liền đem việc này bạch các Tỳ-kheo rồi nói: "Tôi không biết phải làm sao". Các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng rồi hỏi Hỷ đà: "Thầy có thật như vậy không?", đáp: "Thật như vậy thưa Thế tôn", Phật đủ lời khen ngợi hạnh xả ly: "Nếu Tỳ-kheo sống thiểu dục thì y cốt là để che thân, thức ăn cốt là để nuôi thân, không có gì phải tham luyến, nhưng Tỳ-kheo đi đến đâu đều không nên rời y bát, giống như chim bay trong hư không thì lông cánh của nó cùng bay", đủ lời khen ngợi hạnh xả ly rồi bảo các Tỳ-kheo: "Từ nay nếu các thầy không thọ trì ba y thì không nên vào nhà thế tục, nếu vào thì phạm Đột-kiết-la".

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó trời mưa nên Trưởng lão A-Nan đem y Tăng-già-lê cất trong Kỳ lâm, chỉ mặc hai y thượng hạ đi vào thành khất thực. Các Tỳ-kheo thấy rồi liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo

tăng rồi hỏi A-nan: "Thầy đã thật làm như thế phải không?", đáp: "Thật đã làm như thế thưa Thế tôn", lại hỏi vì sao, đáp: "Vì lúc ấy trời mưa lớn", Phật đủ lời khen ngợi giới và người trì giới rồi bảo các Tỳ-kheo: "Từ nay nếu gặp năm nhân duyên cho các thầy được đem cất y Tăng-già-lê: Một là có trú xứ Tỳ-kheo, hai là nếu thọ y Ca-hi-na, Ba là nếu trời mưa, bốn là trời sắp mưa và năm là nếu bên ngoài tụ lạc có hội thí. Lại có năm nhân duyên được đem cất y Tăng-già-lê: Một là có trú xứ Tỳ-kheo, hai là nếu thọ y Ca-hi-na, Ba là tại các cửa tiệm có hội thí, bốn là trong phố chợ có hội thí và năm là ở đầu ngã tư đường".

Phật tại thành Vương xá, lúc đó các ngoại đạo xuất gia hạ an cư xong, lúc tự tứ các đệ tử tại gia của họ mang y vật đến cung cấp đầy đủ. Các Ưu-bà-tắc tín tâm thanh tịnh đối với Phật pháp liền suy nghĩ: "Các ác sư tà pháp này hạ an cư xong, lúc tự tứ còn được các đệ tử tại gia cung cấp y vật đầy đủ, huống chi các bậc Thánh tăng của chúng ta hạ an cư xong, lúc tứ lại không được cúng dường y vật hay sao", nghĩ rồi liền mang y vật đến trong Trúc lâm cúng cho Tăng. Các Tỳ-kheo không thọ, nói rằng: "Phật chưa cho chúng tôi an cư xong, lúc tự tứ được thọ y vật cúng dường", liền bạch Phật, Phật nói: "Từ nay cho các thầy hạ an cư xong, lúc tự tứ được tùy ý thọ y vật cúng dường". Lúc đó các Sa di đến xin chia y, các Tỳ-kheo nói: "Phật chưa cho

chia y an cư cho Sa di", liền bạch Phật, Phật bảo nên cho, các Tỳ-kheo không biết nên cho bao nhiêu, Phật nói: "Các Sa di hoặc đứng hoặc ngồi theo thứ lớp để cho đàn việt tự tay cúng dường, ít hay nhiều đều thuộc về Sa di. Nếu đàn việt không phân biệt mà chia làm bốn phần thì phần thứ tư nên chia cho Sa di".

Phật tại thành Vương xá, lúc đó các ngoại đạo xuất gia hạ an cư xong, lúc tự tứ các đệ tử tại gia của họ mang các vật cần dùng đến bố thí như bình, chậu, dù, quạt, giày dép…. Các Ưu-bà-tắc tín tâm thanh tịnh đối với Phật pháp liền suy nghĩ: "Các ác sư tà pháp này hạ an cư xong, lúc tự tứ còn được các đệ tử tại gia cung cấp các vật cần dùng đầy đủ, huống chi các bậc Thánh tăng của chúng ta hạ an cư xong, lúc tứ lại không được cúng dường hay sao", nghĩ rồi liền mang các vật dùng của-Tỳ-kheo đến trong Trúc lâm cúng cho Tăng như bát, Câu-bát-đa-la, bán Bát-đa-la, Kiền tư, bán Kiền tư, dây lưng, quạt, giày dép…. Các Tỳ-kheo không thọ, nói rằng: "Phật chưa cho chúng tôi an cư xong, lúc tự tứ được thọ cúng dường các vật cần dùng của-Tỳ-kheo ", liền bạch Phật, Phật nói: "Từ nay cho các thầy hạ an cư xong, lúc tự tứ được tùy ý thọ cúng dường các vật cần dùng của-Tỳ-kheo". Lúc đó các Sa di đến xin chia các vật cần dùng của-Tỳ-kheo, các Tỳ-kheo nói: "Phật chưa cho chia các vật cần dùng của-Tỳ-kheo cho Sa di", liền bạch Phật,

Phật nói nên cho, các Tỳ-kheo không biết nên cho bao nhiêu, Phật nói: "Các Sa di hoặc đứng hoặc ngồi theo thứ lớp để cho đàn việt tự tay cúng dường, ít hay nhiều đều thuộc về Sa di. Nếu đàn việt không phân biệt mà chia làm bốn phần thì phần thứ tư nên chia cho Sa di".

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó Bạt-nan-đà Thích tử vì muốn được nhiều cúng dường nên an cư cả hai chỗ, các Tỳ-kheo không biết chỗ nào nên chia phần y cho Bạt-nan-đà, liền bạch Phật, Phật nói: "Chỗ an cư nên chia cho phần y", các Tỳ-kheo nói: "Bạt-nan-đà an cư cả hai chỗ", Phật hỏi : "Bạt-nan-đà an cư nơi nào nhiều ngày nhất?", đáp là ngày an cư ở hai nơi bằng nhau, Phật hỏi: "Bạt-nan-đà tự tứ ở chỗ nào?", đáp là tự tứ ở cả hai nơi, Phật nói: "Nếu thế thì tự tứ nơi nào trước, nơi đó nên chia cho phần y".

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó vào tháng cuối hạ, Bạt-nan-đà đi đến các tinh xá để dò xét xem chỗ nào được cúng dường nhiều y vật. Từ xa các Tỳ-kheo thấy Bạt-nan-đà đi đến liền đứng dậy nghinh đón, mời ngồi rồi thăm hỏi có an lạc hay không. Im lặng một lát, Bạt-nan-đà liền hỏi các Tỳ-kheo: "Trú xứ này an cư có được cúng dường y vật không?", đáp là được, lại hỏi chia chưa, đáp là chưa chia, liền bảo mang đến để chia, các Tỳ-kheo liền mang đến cho Bạt-nan-đà chia. Sau khi chia xong, vị Thượng tòa nhận phần của mình rồi đi, Bạt-nan-đà

bảo chờ một chút, Thượng tòa hỏi có việc gì, đáp là cứ đợi. Do Bạt-nan-đà có biện tài thuyết pháp với đủ ngôn từ khiến cho vị Thượng tòa này nghe pháp xong rất hoan hỉ, vì ái pháp nên nói với Bạt-nan-đà: "Phần y này của tôi xin cúng cho thầy", cứ như thế các Tỳ-kheo trong trú xứ này đều đem phần y của mình cúng dường hết cho Bạt-nan-đà, không phải chỉ một trụ xứ này mà các trú xứ khác cũng vậy nên Bạt-nan-đà được rất nhiều y vật gánh về Kỳ lâm. Lúc đó các Tỳ-kheo đang kinh hành ở chỗ đất trống bên ngoài cửa Kỳ hoàn, từ xa thấy Bạt-nan-đà gánh y vật đi đến liền nói với nhau: "Bạt-nan-đà này là người không biết xấu hổ, có làm điều xấu thấy nghe nghi nên mới thọ được nhiều y vật như thế mang về". Khi Bạt-nan-đà đến gần, các Tỳ-kheo hỏi: "Y vật này từ đâu có được?", đáp: "Do tôi thuyết pháp cho các Tỳ-kheo hay nên được". Có Tỳ-kheo thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng rồi hỏi Bạt-nan-đà: "Thầy thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo an cư ở chỗ này lại đi đến các chỗ khác thọ phần y", nhưng lúc đó Phật chỉ quở trách chứ chưa kết giới.

Phật tại nước Kiều-tát-la cùng đại chúng an cư tại một trụ xứ, lúc đó các cư sĩ trong nước này cúng

dường rất nhiều y cho Tăng hoặc cúng ở trong phòng riêng, hoặc cúng sau hạ an cư. Năm sau Phật an cư trong Kỳ lâm, trong trú xứ này có hai Tỳ-kheo an cư, các cư sĩ suy nghĩ: "Chúng ta nên cúng hạ an cư như xưa, không nên bỏ phế, các Tỳ-kheo được cúng dường còn chúng ta được phước", nghĩ rồi liền mang nhiều y vật đến cúng cho Tăng an cư. Hai Tỳ-kheo này suy nghĩ: "Y vật cúng dường quá nhiều, chúng ta chỉ có hai, nếu đem chia không biết sẽ mắc tội gì", do tâm nghi nên không chia y vật. Lúc đó vào tháng sau hạ, Bạt-nan-đà đi đến các tinh xá để dò xét xem chỗ nào được cúng dường nhiều y vật. Bạt-nan-đà suy nghĩ: "Năm trước Phật an cư nơi đây, nhất định nơi đó được cúng nhiều y vật", nghĩ rồi liền đi đến trú xứ này. Từ xa hai Tỳ-kheo thấy Bạt-nan-đà đi đến liền đứng dậy nghinh đón, mời ngồi rồi thăm hỏi có an lạc hay không. Im lăng một lát, Bạt-nan-đà liền hỏi hai Tỳ-kheo: "Trú xứ này an cư có được cúng dường y vật không?", đáp là được, lại hỏi chia chưa, đáp là chưa chia, lại hỏi vì sao không chia, đáp: "Y vật quá nhiêu, chúng tôi chỉ có hai, sợ chia không biết sẽ phạm tội gì, do tâm nghi nên không chia", Bạt-nan-đà nói: "Hai thầy không chia là đúng, nếu chia rồi không biết sẽ phạm tội gì", hai Tỳ-kheo hỏi: "Thầy có thết chia giúp được không?", đáp: "Tất nhiên là được, chỉ cần làm yết ma". Hai Tỳ-kheo này liền mang tất cả y vật đến cho Bạt-nan-đà chia, Bạt-nan-đà chia làm

ba phần, một phần đưa cho hai Tỳ-kheo, còn hai phần cho mình và nói rằng: "Hai thầy hãy lắng nghe tác pháp yết ma", liền nói kệ:

"Hai thầy được một phần,
Tổng cộng là ba phần.
Hai phần này với tôi,
Tôi cũng có ba phần".

Hai Tỳ-kheo hỏi: "Yết ma chia như vậy có ổn không?", đáp là rất ổn, nói rồi liền gánh y đi, hai Tỳ-kheo nói: "Nhưng hai chúng tôi chưa được chia", Bạt-nan-đà nói: "Nếu tôi chia cho hai thầy thì người biết pháp phải được một cái y tốt", đáp là được, Bạt-nan-đà liền chọn lấy một cái y quý giá để riêng ra rồi chia số y còn lại làm hai phần cho hai Tỳ-kheo, chia xong liền gánh y trở về Kỳ hoàn. Lúc đó các Tỳ-kheo đang kinh hành ở chỗ đất trống bên ngoài cửa Kỳ hoàn, từ xa thấy Bạt-nan-đà gánh y vật đi đến liền nói với nhau: "Bạt-nan-đà này là người không biết xấu hổ, có làm điều xấu thấy nghe nghi nên mới thọ được nhiều y vật như thế mang về". Khi Bạt-nan-đà đến gần, các Tỳ-kheo hỏi: "Y vật này từ đâu có được?", Bạt-nan-đà liền đem việc trên kể lại cho các Tỳ-kheo nghe. Có Tỳ-kheo thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng rồi hỏi Bạt-nan-đà: "Thầy thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn",

Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo lại cố tình đoạt lấy y vật của-Tỳ-kheo khác", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Bạt-nan-đà này không phải chỉ đời này mà trong quá khứ cũng đã đoạt lấy vật thực của hai người này. Các thầy hãy lắng nghe:

Thuở xưa trong một khúc sông có hai con rái cá bắt được một con cá chép lớn trong sông, do không biết nên chia như thế nào nên cả hai đứng đó để giữ con cá. Lúc đó có một con dã can muốn đến bờ sông để uống nước, thấy vậy liền hỏi nguyên do, rái cá nói: "Chúng con bắt được một con cá chép lớn trong sông nhưng không biết nên chia như thế nào, cậu có thể chia giúp chúng con được không?", dã can nói: "Tất nhiên là được, chỉ cần nói kệ", dã can liền chia con cá ra làm ba phần rồi hỏi rái cá: "Ai thích sống ở chỗ cạn", một con đáp là con, lại hỏi: "Ai thích sống ở chỗ sâu", con còn lại đáp là con, dã can nói: "Hãy nghe ta nói kệ:

Vào cạn được phần đuôi,
Vào sâu được phần đầu,
Phần thịt ở giữa thân,
Chia cho người biết pháp".

Nói rồi liền ngậm phần thịt cá đi, một con dã can cái thấy liền nói kệ hỏi:

"Anh từ chỗ nào về,
Trong miệng lại ngậm đầy,
Không đầu đuôi như thế,
Thịt cá chép ăn ngon",

Dã can nói kệ đáp:

"Người biết cách ăn nói,
Nhưng không biết phân chia,
Người biết cách phân chia,
Như quan được kho báu,
Phần thịt cá chép này,
Thuộc về tôi được ăn".

Phật bảo các Tỳ-kheo: "Hai con rái cá thuở xưa chính là hai Tỳ-kheo kia ngày nay, dã can ngày xưa chính là Bạt-nan-đà ngày nay. Thuở xưa Bạt-nan-đà đã chiếm đoạt vật thực, nay lại chiếm đoạt y", Phật quở trách Bạt-nan-đà rồi bảo các Tỳ-kheo: "Từ nay nếu an cư trong trú xứ này thì không được đến các trú xứ khác thọ phần y, nếu thọ thì phạm Đột-kiết-la".

Có trú xứ chỉ có một Tỳ-kheo an cư, mọi người mang nhiều y vật đến cúng cho Tăng an cư, tuy mọi người cúng nhiều y vật cho Tăng an cư nhưng trú xứ này chỉ có một Tỳ-kheo an cư thì Tỳ-kheo này được thọ. Trú xứ có hai, ba, bốn Tỳ-kheo an cư cũng giống như thế; có hay không có trú xứ, nơi không có tụ lạc và nơi A-lan-nhã cũng giống như thế.

Có trú xứ chỉ có một Tỳ-kheo an cư, mọi người vì khách Tỳ-kheo nên mang nhiều y vật đến cúng cho Tăng an cư, tuy mọi người vì khách Tỳ-kheo cúng nhiều y vật cho Tăng an cư nên chia, nhưng vì trú xứ này chỉ có một Tỳ-kheo an cư nên Tỳ-

kheo này được thọ. Trú xứ có hai, ba, bốn Tỳ-kheo cũng giống như thế; có trú xứ hay không có trú xứ, nơi không có tụ lạc và nơi A-lan-nhã cũng giống như vậy.

Trưởng lão Ưu-ba-ly hỏi Phật: "Thế tôn, lúc tự tứ xong Tăng bị phá có được chia phần y an cư không?", Phật nói được chia; lại hỏi: "Tự tứ xong, Tỳ-kheo bị cử có được chia phần y an cư không?", Phật nói không được chia, lại hỏi: "Tự tứ xong, nếu Tỳ-kheo đi đến chỗ bè đảng khác có được chia phần y an cư không?", Phật nói: "Nếu đến ở trong chúng như pháp thì được chia", lại hỏi: "Tự tứ xong, nếu Tỳ-kheo tự nói tôi là bạch y thì có được chia phần y an cư không?", Phật nói không được chia, lại hỏi: "Tự tứ xong, nếu Tỳ-kheo tự nói tôi là Sa di, dị đạo, không phải Tỳ-kheo; người bị tẫn về không thấy tội, không sám tội, không bỏ ác tà kiến và tội bất cọng trụ; người phạm các tội bất cọng trụ, phạm biên tội, người vốn là bạch y, bất năng nam, người ô nhục Tỳ-kheo-ni, người việt tế (tặc trụ); người giết cha mẹ, A-la-hán, người phá tăng, người ác tâm làm cho Phật bị thương; tất cả các hạng người này có được chia phần y an cư không?", Phật nói không được chia, lại hỏi: "Tự tứ xong, nếu Tỳ-kheo du hành đến nước khác thì có được chia phần y an cư không?", Phật nói: "Có hai trường hợp được chia và không được chia. Được chia là biết rõ vị ấy sẽ trở về; không được chia là

biết chắc vị ấy sẽ không trở về. Nếu khi đi vị ấy có nhờ người lấy giùm thì tất cả phần y vật nên được chia, nếu không nhờ lấy giùm thì không nên chia; người được nhờ lấy giùm thì tăng nên sai làm thay phần công tác của vị ấy".

-oOo-

LUẬT THẬP TỤNG

QUYỂN 28
PHÁP Y THỨ 7 (Tiếp Theo)

Phật bảo các Tỳ-kheo: "Được cúng dường có tám trường hợp:

- Một là Trong giới được cúng dường,
- Hai là Nương ở mà được cúng dường,
- Ba là Làm chế hạn được cúng dường,
- Bốn là cấp cho mà được cúng dường,
- Năm là Tăng được cúng dường,
- Sáu là Hiện tiền được cúng dường,
- Bảy là Hạ an cư được cúng dường,
- Tám là Chỉ định mà được cúng dường.

Sao gọi là trong giới được cúng dường?: Như có người nói y này cúng dường cho Tăng ở trú xứ này, đến tháng sau hạ Tăng thọ y Ca-hi-na thì ai thọ y này; Phật nói: "Tuy đến tháng sau hạ Tăng thọ y Ca-hi-na nhưng Tỳ-kheo phải vào trong giới này mới được thọ". Đây gọi là trong giới được cúng dường.

Sao gọi là nương ở mà được cúng dường? Như nhiều Tỳ-kheo ở trong nhiều trú xứ đã kết nội giới

hạ an cư, tự tứ xong liền xả giới cũ để kết lại giới mới bao gồm tường vách của Tăng phường. Trú xứ này có nhiều người mang y vật đến cúng cho Tăng hạ an cư nên chia thì ai thọ y vật này; Phật nói: "Tuy giới cũ đã xả nhưng các Tỳ-kheo trong nhiều trú xứ đã kết nội giới hạ an cư thì y vật này nên chia cho các Tỳ-kheo ấy". Đây gọi là nương ở mà được cúng dường.

Sao gọi là làm chế hạn mà được cúng dường?: Như có trú xứ có hai bộ tăng, khi kiết hạ an cư có bộ chúng thọ pháp, có bộ chúng không thọ pháp. Chúng tăng thọ pháp an cư làm chế hạn như sau: "Dòng tộc này cúng dường thì chúng tôi thọ, dòng tộc khác cúng dường thì các vị thọ; nhà này cúng dường thì chúng tôi thọ, nhà khác cúng dường thì các vị thọ; chỗ này cúng dường thì chúng tôi thọ, chỗ khác cúng dường thì các vị thọ; tụ lạc trong chỗ này cúng thì chúng tôi thọ, tụ lạc trong chỗ khác cúng thì các vị thọ; hành xứ trong chỗ này cúng thì chúng tôi thọ, hành xứ trong chỗ khác cúng thì các vị thọ…". Nếu những người trong trú xứ đó theo vị Thượng tòa cúng dường y vật cho Tăng an cư nên chia thì ai được thọ, Phật nói: "Theo vị Thượng tòa của bộ chúng nào thì y vật thuộc về bộ chúng ấy". Nếu đàn việt theo hai vị Thượng tòa cúng dường y vật cho Tăng an cư nên chia thì ai được thọ, Phật nói: "Nếu hai Thượng tòa đều là Thượng tòa của một bộ chúng thì y vật thuộc

về bộ chúng ấy. Nếu hai Thượng tòa mỗi vị là Thượng tòa của một bộ chúng thì y vật thuộc về cả hai bộ chúng". Nếu như thế thì y vật nên chia như thế nào, Phật nói: "Thứ lớp nên chia đều làm bốn phần, phần thứ tư nên chia cho Sa di". Đây gọi là Làm chế hạn được cúng dường.

Sao gọi là cấp cho mà được cúng dường? Nếu đàn việt vì người hay vì nhân duyên mà cúng dường thì vào những ngày như mồng tám, hai mươi ba, hai mươi bốn, hai mươi chín, mười lăm, ba mươi, mười sáu, mồng một hoặc ngày bố tát chỉ cần cấp một đồng tiền cho trú xứ nào thì y vật cúng dường thuộc về trú xứ ấy. Đây gọi là Cấp cho mà được cúng dường.

Sao gọi là Tăng được cúng dường? Như có đàn việt nói y này cúng dường cho Tăng ở trú xứ này, đến tháng sau hạ trú xứ này không thọ y Ca-hi-na thì y này ai được thọ; Phật nói: "Tháng sau hạ tuy trú xứ này không thọ y Ca-hi-na nhưng y này đã thuộc về các Tỳ-kheo trong trú xứ này". Đây gọi là Tăng được cúng dường.

Sao gọi là Hiện tiền tăng được cúng dường? Như có đàn việt nói y này cúng cho Hiện tiền tăng ở trú xứ này, đến tháng sau hạ trú xứ này thọ y Ca-hi-na thì y này ai được thọ; Phật nói: "Tuy tháng sau hạ trú xứ này thọ y Ca-hi-na nhưng y này đã thuộc về Hiện tiền tăng ở trú xứ này". Đây gọi là Hiện tiền tăng được cúng dường.

Sao gọi là hạ an cư được cúng dường? Như có đàn việt nói y này cúng cho tăng hạ an cư ở trú xứ này, đến tháng sau hạ trú xứ này không thọ y Ca-hi-na thì y này ai được thọ; Phật nói: "Tuy tháng sau hạ trú xứ này không thọ y Ca-hi-na nhưng các Tỳ-kheo trong trú xứ này đã hạ an cư xong nên được thọ y này". Đây gọi là Hạ an cư được cúng dường.

Sao gọi là Chỉ định mà được cúng dường? Như có đàn việt nói y này cúng cho Tăng ở trong núi Kỳ-xà-quật hoặc Tăng ở trong núi Tỳ bà la bạt thủ, hoặc Tăng ở trong núi Tát-da-bà-na-cựu-hà… thì y này ai được thọ; Phật nói: "Họ chỉ định Tăng chỗ nào thì Tăng ở chỗ ấy được thọ". Đây gọi là Chỉ định mà được cúng dường."

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó vào tháng sau hạ Trưởng lão Ý sư cùng năm trăm Tỳ-kheo du hành các nước, nhờ có Trưởng lão Ý sư nên Tăng được cúng dường đầy đủ thời thực Đát-bát-la, các món cháo và nhiều y vật. Các Tỳ-kheo biết có được sự cúng dường này là nhờ Trưởng lão Ý sư nên đến bạch Trưởng lão rằng: "Nhờ có Trưởng lão nên chúng tăng mới được cúng dường đầy đủ như thế này, xin hỏi Trưởng lão y vật này ai được thọ?", Trưởng lão Ý sư nói: "Như trong Tỳ-ni Phật đã nói: "Nếu một trụ xứ có một Tỳ-kheo hạ an cư, nhiều người tuy vì Tỳ-kheo khách nên cúng dường y vật cho chúng tăng, nhưng trú xứ này chỉ có một Tỳ-

kheo hạ an cư thì vị này được thọ. Trú xứ có hai, ba, bốn Tỳ-kheo cũng giống như thế; có trú xứ hay không có trú xứ, nơi không có tụ lạc hay nơi A-lan-nhã cũng như thế". Này các Trưởng lão, vì như thế nên Tỳ-kheo kia được thọ y vật". Không phải chỉ Trưởng lão Ý sư mà Trưởng lão Da xá, Trưởng lão Da thủ đà cũng nói như thế.

Lúc đó có nhiều Tỳ-kheo Thượng tòa, Trưởng lão Đại Ca diếp là thượng thủ trụ trong một vườn rau thuộc thành Ba là lợi phất. Tại nước Ma-kiệt-đà có một trụ xứ có một Tỳ-kheo an cư, nhiều người nơi đây mang nhiều y vật đến cúng cho Tăng an cư, Tỳ-kheo này suy nghĩ: "Mọi người mang nhiều y vật cúng cho Tăng an cư, ta chỉ có một mình không phải tăng, ta nên đến hỏi Trưởng lão Đại Ca diếp và các Thượng tòa-Tỳ-kheo y vật này ai được thọ", nghĩ rồi liền đến hỏi, các Trưởng lão này nói: "Như trong Tỳ-ni Phật có dạy: Có trú xứ có một Tỳ-kheo an cư, tuy mọi người nơi đây mang nhiều y vật cúng cho Tăng an cư, nhưng trú xứ này chỉ có một Tỳ-kheo thì y vật này nên thuộc về Tỳ-kheo này. Trú xứ có hai, ba, bốn Tỳ-kheo cũng giống như thế; có trú xứ hay không có trú xứ, nơi không có tụ lạc và nơi A-lan-nhã cũng như thế. Vì vậy y vật này Tỳ-kheo an cư được thọ".

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó con của cư sĩ Cấp-cô-độc tên là Tăng ca-la-xoa đến trong Kỳ hoàn thiết thực cúng dường chúng tăng. Trong đại hội

có tới một ngàn hai trăm năm mươi Tỳ-kheo, các cư sĩ thấy đại chúng tập họp đông đủ nên muốn cúng nhiều y vật cho Hiện tiền tăng. Cựu Tỳ-kheo liền nói: "Tháng cuối hạ có thọ y Ca-hi-na", đến lúc đó họ mang nhiều y vật đến cúng dường cho Tăng an cư nên chia, các Tỳ-kheo không biết y vật này ai được thọ nên bạch Phật, Phật nói: "Tuy tháng cuối hạ trú xứ này thọ y Ca-hi-na, nhưng y vật này là y nhân duyên nên Hiện tiền tăng được chia".

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó có Tỳ-kheo chứng A-la-hán bát niết bàn, có người vì Tỳ-kheo này thiết thực cúng dường chúng tăng ở trong Kỳ hoàn. Trong đại hội có tới một ngàn hai trăm năm mươi Tỳ-kheo, các cư sĩ thấy đại chúng tập họp đông đủ nên muốn cúng nhiều y vật cho Hiện tiền tăng. Cựu Tỳ-kheo liền nói: "Tháng cuối hạ có thọ y Ca-hi-na", đến lúc đó họ mang nhiều y vật đến cúng dường cho Tăng an cư nên chia, các Tỳ-kheo không biết y vật này ai được thọ nên bạch Phật, Phật nói: "Tuy tháng cuối hạ trú xứ này thọ y Ca-hi-na, nhưng y vật này là y nhân duyên nên Hiện tiền tăng được chia".

Lúc đó các Sa di đến xin chia y, các Tỳ-kheo không cho, nói rằng: "Phật tuy cho đem y an cư và các vật cần dùng của-Tỳ-kheo chia cho Sa di, nhưng Phật chưa cho đem y nhân duyên chia cho Sa di", liền bạch Phật, Phật nói nên cho, các Tỳ-

kheo không biết nên cho bao nhiêu, Phật nói: "Các Sa di hoặc đứng hoặc ngồi theo thứ lớp để cho đàn việt tự tay cúng dường, ít hay nhiều đều thuộc về Sa di. Nếu đàn việt không phân biệt mà chia làm bốn phần thì phần thứ tư nên chia cho Sa di". Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó cư sĩ Cấp-cô-độc đã qua đời nên tinh xá Kỳ hoàn cũng bị hư hoại theo, các Tỳ-kheo không biết làm sao liền bạch Phật, Phật bảo: "Nếu trong chúng có Tỳ-kheo nào tu bổ lại được thì nên như pháp tu bổ". Các Tỳ-kheo tuy cố gắng tu bổ nhưng vẫn không thể làm cho hết hư hoại liền bạch Phật, Phật nói: "Cư sĩ Cấp-cô-độc có người con tên là Tăng ca-la-xoa, các thầy nên đến gặp người này nói rằng: "Tinh xá Kỳ hoàn là do cha ông kiến lập, nay bị hư hoại ông có thể trùng tu được không", các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy đến gặp Tăng ca-la-xoa nói như trên, Tăng-ca-la-xoa nói: "Các Đại-đức, tôi biết trước kia cha tôi đã bỏ ra mười tám vạn ức tiền vàng mua đất xây tinh xá cúng cho Phật và Tăng, nhưng nay bị hư hoại thì không phải là việc của tôi. Nếu Tăng giao tinh xá cho tôi thì tôi sẽ trùng tu", các Tỳ-kheo không biết làm sao liền trở về bạch Phật, Phật nói: "Tăng nên giao tinh xá cho Tăng ca-la-xoa. Này các Tỳ-kheo, có hai hạng người thành tựu đại phước đức: Một là người kiến lập và hai là người trùng tu. Cả hai hạng người này đều được vô lượng phước đức.

Pháp giao tinh xá Kỳ hoàn cho Tăng ca-la-xoa

như sau: Tăng ca-la-xoa nên vào trong giới, một Tỳ-kheo trong Tăng xướng rằng:

Đại-đức Tăng lắng nghe, tinh xá Kỳ hoàn này nay vô chủ, Tăng ca-la-xoa muốn trùng tu. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay giao tinh xá Kỳ hoàn vô chủ này cho Tăng ca-la-xoa trùng tu. Bạch như vậy.

Như thế Bạch-nhị-yết-ma cho đến câu Tăng nay giao tinh xá Kỳ hoàn vô chủ này cho Tăng ca-la-xoa trùng tu xong rồi. Tăng chấp thuận vì im lạng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

Tại nước Kiều-tát-la có một trụ xứ một Tỳ-kheo, vào tháng xuân y Ca-hi-na đã xả, trú xứ này được cúng nhiều y vật, hiện tiền tăng nên chia. Tỳ-kheo này suy nghĩ: "Trú xứ này được cúng nhiều y vật hiện tiền tăng nên chia, ta chỉ có một người, không phải tăng, ta nên đến hỏi Phật y vật này ai được thọ", nghĩ rồi liền đến bạch Phật, Phật nói: "Vào tháng xuân y Ca-hi-na đã xả rồi".

Tại nước Kiều-tát-la có một trụ xứ một Tỳ-kheo, lúc đó trú xứ này được cúng nhiều y vật, hiện tiền tăng nên chia. Tỳ-kheo này suy nghĩ: "Trú xứ này được cúng nhiều y vật hiện tiền tăng nên chia, ta chỉ có một người, không phải tăng, ta nên đến hỏi Phật y vật này ai được thọ", nghĩ rồi liền đến bạch Phật, Phật nói: "Nếu trú xứ chỉ có một Tỳ-kheo mà được cúng nhiều y vật hiện tiền tăng nên

chia thì Tỳ-kheo này được thọ y vật này. Khi thọ nên tâm niệm miệng nói rằng: "Y vật này do Tăng mà được, y vật nên chia này nay thuộc về tôi, tôi sẽ hộ trì và thọ dụng". Làm như vậy gọi là được yết ma, sau đó nếu có Tỳ-kheo khác đến thì không được gắng gượng đòi. Nếu không làm yết ma như thế thì Tỳ-kheo không được thọ y vật này, nếu thọ thì phạm Đột-kiết-la. Tỳ-kheo này nên đem y vật này chia cho Tỳ-kheo khác; nếu không làm như vậy thì khi xuất giới phạm Đột-kiết-la, cũng phải đem chia cho Tỳ-kheo khác ".

Nếu trú xứ có hai Tỳ-kheo thì nên chia y vật theo hai cách: Một là triển chuyển chia và hai là tự thọ chia. Sao gọi là triển chuyển chia?: Một Tỳ-kheo nên nói rằng: "Y vật này mọi người cúng cho tăng nên chia, phần bên này là phần của tôi, phần bên kia là phần của thầy, thầy nên hộ trì và thọ dụng", Tỳ-kheo kia cũng nên nói giống như vậy. Đây gọi là triển chuyển chia. Sao gọi là tự thọ chia?: Một Tỳ-kheo nên nói rằng: "Y vật này mọi người cúng cho hiện tiền tăng nên chia, số y vật này thuộc về thầy, thầy nên nhận, nên hộ trì và thọ dụng", Tỳ-kheo kia cũng nên nói giống như vậy. Đây gọi là tự thọ chia. Làm như vậy gọi là được yết ma, sau đó nếu có Tỳ-kheo khác đến thì không được gắng gượng đòi. Nếu không làm yết ma như thế thì Tỳ-kheo không được thọ y vật này, nếu thọ thì phạm Đột-kiết-la. Tỳ-kheo này nên đem y vật

này chia cho Tỳ-kheo khác; nếu không làm như vậy thì khi xuất giới phạm Đột-kiết-la, cũng phải đem chia cho Tỳ-kheo khác.

Nếu trú xứ có ba-Tỳ-kheo thì nên chia y vật theo ba cách như sau: Một là triển chuyển chia, hai là tự thọ chia và Ba là để thẻ chia. Triển chuyển chia và tự thọ chia giống như trên đã nói. Sao gọi là để thẻ chia?: Y vật này nên chia làm hai phần nói rằng: "Phần này thuộc về Thượng tòa, phần kia thuộc về Hạ tòa hoặc phần này thuộc về Hạ tòa, phần kia thuộc về Thượng tòa", nói rồi nên để xuống một thẻ. Làm như thế thì Tỳ-kheo khác thấy không được để thẻ nữa, nếu để thẻ nữa thì phạm Đột-kiết-la. Tỳ-kheo này nên đem y vật chia cho Tỳ-kheo khác, nếu không làm như thế thì khi xuất giới phạm Đột-kiết-la, cũng phải đem chia cho Tỳ-kheo khác.

Nếu trú xứ có bốn Tỳ-kheo thì nên chia y vật theo bốn cách như sau: Một là triển chuyển chia, hai là tự thọ chia, Ba là để thẻ chia và bốn là Tăng yết ma chia. Ba cách chia trên giống như các trường hợp trước đã nói, sao gọi là Tăng yết ma chia?: Tăng nên yết ma giao y vật này cho một Tỳ-kheo, pháp giao như sau: Tăng nhất tâm hòa hợp, một Tỳ-kheo trong Tăng xướng rằng:

Đại-đức Tăng lắng nghe, trú xứ này được cúng dường y vật hiện tiền tăng nên chia. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay giao

y vật này cho Tỳ-kheo ..... Bạch như vậy.

Như thế Bạch-nhị-yết-ma cho đến câu Tăng nay đã giao y vật cho Tỳ-kheo ..... xong rồi. Tăng chấp thuận vì im lặng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

Nếu Tỳ-kheo này nhận y vật rồi sau đó không chịu hoàn lại, nói rằng: "Đây là chơn thật thí, khéo cho, khéo thủ pháp, khéo đoán sự, tất cả đều từ trong Tăng, vì sao phải hoàn lại", Phật nói: "Tăng nên bảo Tỳ-kheo này rằng: "Vật thí này vốn vì làm tịnh nên thí, không phải là chơn thật thí", nếu Tỳ-kheo này hoàn lại thì tốt, nếu không hoàn lại thì Tăng nên cưỡng đoạt lại và bảo Tỳ-kheo này sám tội Đột-kiết-la".

Lúc đó có các Sa di đến xin chia y, các Tỳ-kheo không cho, nói rằng: "Phật tuy cho đem y an cư, các vật cần dùng của-Tỳ-kheo và y nhân duyên chia cho Sa di, nhưng Phật chưa cho đem y phi thời chia cho Sa di", các Tỳ-kheo không biết làm sao liền bạch Phật, Phật nói nên cho, các Tỳ-kheo không biết nên cho bao nhiêu, Phật nói: "Các Sa di hoặc đứng hoặc ngồi theo thứ lớp để cho đàn việt tự tay cúng dường, ít hay nhiều đều thuộc về Sa di. Nếu đàn việt không phân biệt mà chia làm bốn phần thì phần thứ tư nên chia cho Sa di".

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó tại nước Kiều-tát-la có một trụ xứ một Tỳ-kheo qua đời, y bát của-

Tỳ-kheo này để lại, các Tỳ-kheo không biết phải làm sao nên bạch Phật, Phật nói: "Tăng nên yết ma giao y bát này cho một Tỳ-kheo". Pháp giao như sau: Tăng nhất tâm hòa hợp, một Tỳ-kheo trong tăng xướng: Đại-đức Tăng lắng nghe, Tỳ-kheo ..... qua đời, các khinh vật của-Tỳ-kheo này để lại hoặc y hoặc phi y, hiện tiền tăng nên chia. Tăng nay yết ma giao các khinh vật này cho Tỳ-kheo ..... Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay giao các khinh vật này cho Tỳ-kheo ..... Bạch như vậy.

Như thế Bạch-nhị-yết-ma cho đến câu Tăng nay đã giao các khinh vật của-Tỳ-kheo chết để lại này cho Tỳ-kheo ..... xong rồi. Tăng chấp thuận vì im lặng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

Tại nước Kiều-tát-la có một trụ xứ một Tỳ-kheo qua đời, y bát của-Tỳ-kheo này để lại hiện tiền tăng đã chia xong, sau đó hỏi các Tỳ-kheo: "Ai là người đã khán bịnh cho Tỳ-kheo đã chết", có người đáp là tôi, Tăng nói: "Thầy hãy mang người chết này đi đi", Tỳ-kheo này đáp: "Tôi không phải là Chiên-đà-la, cũng không phải người bịnh hủi; hơn nữa các khinh vật của-Tỳ-kheo chết này Tăng đã chia hết rồi, vì sao tôi phải mang người chết này đi chứ. Người chết khi còn sống tốt với tôi, tôi cũng đã báo đáp xong rồi, nay chết rồi ai muốn mang đi thì mang". Các Tỳ-kheo không biết làm sao liền bạch Phật, Phật nói: "Trong các khinh vật để lại

(khinh vật là những vật cần dùng của một Tỳ-kheo như y bát…) nên lấy sáu vật chia trước cho Tỳ-kheo khán bịnh, các khinh vật còn lại Tăng nên chia, các trọng vật (trọng vật là vật thuộc về bất động sản như phòng xá, ruộng vườn …) thì không nên chia". Pháp chia sáu vật cho Tỳ-kheo khán bịnh như sau: Tăng nhất tâm hòa hợp, một Tỳ-kheo trong Tăng xướng rằng:

Đại-đức Tăng lắng nghe, Tỳ-kheo ..... qua đời, các khinh vật của-Tỳ-kheo chết để lại hiện tiền tăng nên chia. Tăng nay yết ma đem sáu vật chia cho Tỳ-kheo khán bịnh. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay đem sáu vật chia cho Tỳ-kheo khán bịnh. Bạch như vậy.

Như thế Bạch-nhị-yết-ma cho đến câu Tăng nay đã đem sáu vật của-Tỳ-kheo chết để lại chia cho Tỳ-kheo khán bịnh xong rồi. Tăng chấp thuận vì im lặng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

Tại nước Kiều-tát-la có một trụ xứ một Tỳ-kheo qua đời, y vật của-Tỳ-kheo này trước đó đã gởi ở nhiều nơi. Y vật của-Tỳ-kheo chết này để lại, hiện tiền tăng trong trú xứ này đã chia xong, kế hỏi trong Tăng: "Ai là người khán bịnh cho Tỳ-kheo đã chết?", có nhiều người đáp là tôi, Tăng nói: "những nơi mà Tỳ-kheo đã chết gởi các khinh vật, các thầy nên đến đó đòi lấy về", các Tỳ-kheo này liền đến những nơi đó đòi về nhưng không được nên cùng nhau tranh cải. Các Tỳ-kheo đem việc

này bạch Phật, Phật nói: "Trong các khinh vật để lại (khinh vật là những vật cần dùng của một Tỳ-kheo như y bát…) nên lấy sáu vật chia trước cho Tỳ-kheo khán bịnh, các khinh vật còn lại Tăng nên chia, các trọng vật (trọng vật là vật thuộc về bất động sản như phòng xá, ruộng vườn…) thì không nên chia".

Tại nước Kiều-tát-la có một trụ xứ một Tỳ-kheo qua đời, Tỳ-kheo này lúc còn sống cất chứa rất nhiều y vật, các Tỳ-kheo không biết Tỳ-kheo này đã thọ trì y Tăng-già-lê nào, y Uất-đa-la-tăng nào, y An-đà-hội nào… liền bạch Phật, Phật nói: "Nên hỏi ai là người khán bịnh chủ yếu, người khán bịnh này trước đó nên hỏi người bịnh đã thọ trì y Tăng-già-lê nào, y Uất-đa-la-tăng nào, y An-đà-hội nào… Hỏi xong biết rồi thì nên lấy sáu vật mà Tỳ-kheo này khi còn sống đã thọ dụng chia cho người khán bịnh, các khinh vật còn lại hiện tiền tăng nên chia, các trọng vật thì không nên chia. Nếu người khán bịnh trước đó không có hỏi nên không biết thì Tăng nên chọn lấy sáu vật không tốt lắm, cũng không xấu lắm chia cho người khán bịnh, các khinh vật khác tăng nên chia, các trọng vật thì không nên chia".

Tại nước Kiều-tát-la có một trụ xứ một Tỳ-kheo qua đời, Tăng liền ở trước người chết chia y vật của người chết để lại, người chết liền cử động và ngồi dậy nói với các Tỳ-kheo rằng: "Các thầy

không được chia y vật của tôi", các Tỳ-kheo không biết làm sao liền bạch Phật, Phật nói: "Từ nay các thầy chớ nên ở trước người chết phân chia y vật, đợi sau khi đưa người chết đi hoặc Tăng nên ở chỗ khác phân chia".

Tại nước Kiều-tát-la có một trụ một xứ Dữ học Sa di (Học hối Sa di) qua đời, y vật của vị này để lại các Tỳ-kheo không biết phải làm sao liền bạch Phật, Phật nói: "Y vật này hiện tiền tăng nên chia".

Tại nước Kiều-tát-la có một trụ một xứ Sa di qua đời, y vật của Sa di này để lại các Tỳ-kheo không biết phải làm sao liền bạch Phật, Phật nói: "Nên lấy áo trong áo ngoài của Sa di đã mặc chia cho người khán bịnh, các khinh vật khác Tăng nên chia, các trong vật thì không nên chia". Pháp chia như sau: Tăng nhất tâm hòa hợp, một Tỳ-kheo trong Tăng xướng rằng:

Đại-đức Tăng lắng nghe, Sa di ..... qua đời, các khinh vật của Sa di này để lại hiện tiền tăng nên chia, Tăng nay yết ma lấy áo trong áo ngoài của Sa di để lại chia cho người khán bịnh. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay đem áo trong áo ngoài của Sa di để lại chia cho người khán bịnh. Bạch như vậy.

Như thế Bạch-nhị-yết-ma cho đến câu Tăng nay đã đem áo trong áo ngoài của Sa di để lại chia cho người khán bịnh xong rồi. Tăng chấp thuận vì

im lặng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

Phật tại nước Xá-vệ, Trưởng lão Ưu-ba-ly hỏi Phật: "Thế tôn, có vật nên chia, có vật không nên chia, vậy vật gì nên chia, vật gì không nên chia?", Phật nói: "Những vật không nên chia là ruộng vườn, đất đai, phòng xá, giường chõng, ngọa cụ cho đến các loại xe lớn nhỏ… Tất cả những vật bằng sắt không nên chia, trừ nồi chõ đựng hai đấu trở xuống cho đến bát vừa, bát nhỏ, kiền tư vừa và nhỏ, ống khóa cửa, dao cạo tóc, dao cắt móng tay, kim may… Tất cả những vật bằng đồng không nên chia, trừ nồi chõ đựng hai đấu trở xuống, chậu đựng nước, muỗng, ống kim…Tất cả những vật bằng đất đá không nên chia, trừ nồi chõ đựng hai đấu trở xuống, cối xay, vòi nước, bồn nước… Tất cả những vật bằng thủy tinh không nên chia, trừ chén bát, ly tách… Tất cả những vật bằng gốm sứ không nên chia, trừ bồn chứa hai đấu trở xuống, bình đựng nước, chậu đựng nước, bát vừa và nhỏ, kiền tư vừa và nhỏ… tất cả những vật bằng sò không nên chia, trừ muỗng, móc y, móc áo, móc treo bát… Tất cả những vật bằng sừng không nên chia, trừ bồn chứa nửa thăng trở xuống, móc y, móc treo bát, muỗng… Tất cả những vật bằng da không nên chia, trừ túi đựng dầu, tô, sữa nửa thăng trở xuống, giày dép… Tất cả những vật bằng cây không nên chia, trừ thùng đựng hai thăng trở xuống, nắp đậy, hộp đựng thuốc, đựng dao…Tất

cả những vật bằng tre không nên chia, trừ rương, tráp, hộp, quạt, ghế ngồi… Như thế cho đến các loại màu nhuộm đã nấu hay chưa nấu đều không nên chia".

Phật tại nước Xá-vệ, Phật bảo các Tỳ-kheo:

Trong một trụ xứ có một Tỳ-kheo giữ giới và một Tỳ-kheo bị tẫn ở chung, nếu Tỳ-kheo giữ giới qua đời thì y vật thuộc về Tỳ-kheo bị tẫn; nếu Tỳ-kheo bị tẫn qua đời thì y vật thuộc về Tỳ-kheo giữ giới, Tỳ-kheo bị tẫn khác đến thì không được cho.

Trong một trụ xứ có một Tỳ-kheo giữ giới và hai hoặc ba, bốn Tỳ-kheo bị tẫn ở chung, nếu Tỳ-kheo giữ giới qua đời thì y vật thuộc về Tỳ-kheo bị tẫn; nếu Tỳ-kheo bị tẫn qua đời thì y vật thuộc về Tỳ-kheo giữ giới, Tỳ-kheo bị tẫn khác đến thì không được cho.

Trong một trụ xứ có hai Tỳ-kheo giữ giới và một hoặc hai, ba, bốn Tỳ-kheo bị tẫn ở chung, nếu Tỳ-kheo giữ giới qua đời thì y vật thuộc về Tỳ-kheo bị tẫn; nếu Tỳ-kheo bị tẫn qua đời thì y vật thuộc về Tỳ-kheo giữ giới, Tỳ-kheo bị tẫn khác đến thì không được cho. Như thế cho đến trú xứ có bốn Tỳ-kheo giữ giới và một hoặc hai, ba, bốn Tỳ-kheo bị tẫn ở chung cũng giống như trên.

Trong một trụ xứ có một Tỳ-kheo bị tẫn và một hoặc hai, ba, bốn Tỳ-kheo giữ giới ở chung, nếu Tỳ-kheo giữ giới qua đời thì y vật thuộc về Tỳ-

kheo bị tẫn; nếu Tỳ-kheo bị tẫn qua đời thì y vật thuộc về Tỳ-kheo giữ giới, Tỳ-kheo bị tẫn khác đến thì không được cho.

Trong một trụ xứ có hai Tỳ-kheo bị tẫn và một hoặc hai, ba, bốn Tỳ-kheo giữ giới ở chung, nếu Tỳ-kheo giữ giới qua đời thì y vật thuộc về Tỳ-kheo bị tẫn; nếu Tỳ-kheo bị tẫn qua đời thì y vật thuộc về Tỳ-kheo giữ giới, Tỳ-kheo bị tẫn khác đến thì không được cho. Như thế cho đến trú xứ có bốn Tỳ-kheo bị tẫn và một hoặc hai, ba, bốn Tỳ-kheo giữ giới ở chung cũng giống như trên.

Tại nước Kiều-tát-la, trong một trụ xứ có hai Tỳ-kheo ở chung, một Tỳ-kheo qua đời, Tỳ-kheo kia suy nghĩ: "Trong Tỳ-ni Phật dạy rằng: Nếu Tỳ-kheo qua đời, y vật để lại hiện tiền tăng nên chia. Ta chỉ có một người không phải là Tăng, ta nên đến hỏi Phật y vật này ai được thọ", nghĩ rồi liền đến chỗ Phật đảnh lễ rồi đem việc trên bạch Phật, Phật nói: "Trong một trụ xứ có hai Tỳ-kheo ở chung, một Tỳ-kheo qua đời thì Tỳ-kheo kia nên tâm niệm miệng nói rằng: "Tỳ-kheo qua đời, y vật để lại hoặc y hoặc phi y hiện tiền tăng nên chia, y vật nên chia này nay thuộc về tôi, tôi sẽ hộ trì và thọ dụng". Làm như vậy gọi là được yết ma, sau đó nếu có Tỳ-kheo khác đến thì không được gắng gượng đòi. Nếu không làm yết ma như thế thì Tỳ-kheo không được thọ y vật này, nếu thọ thì phạm Đột-kiết-la. Tỳ-kheo này nên đem y vật này chia

cho Tỳ-kheo khác; nếu không làm như vậy thì khi xuất giới phạm Đột-kiết-la, cũng phải đem chia cho Tỳ-kheo khác".

Nếu trú xứ có ba-Tỳ-kheo ở chung, một Tỳ-kheo qua đời, hai Tỳ-kheo kia nên chia y vật của người chết để lại theo hai cách: Một là triển chuyển chia và hai là tự thọ chia. Sao gọi là triển chuyển chia?: Một Tỳ-kheo nên nói rằng: "Tỳ-kheo ..... qua đời, y vật để lại hoặc y hoặc phi y này hiện tiền tăng nên chia, phần bên này là phần của tôi, phần bên kia là phần của thầy, thầy nên hộ trì và thọ dụng", Tỳ-kheo kia cũng nên nói giống như vậy. Đây gọi là triển chuyển chia. Sao gọi là tự thọ chia?: Một Tỳ-kheo nên nói rằng: "Tỳ-kheo ..... qua đời, y vật đã để lại này hiện tiền tăng nên chia, số y vật này thuộc về thầy, thầy nên nhận, nên hộ trì và thọ dụng", Tỳ-kheo kia cũng nên nói giống như vậy. Đây gọi là tự thọ chia. Làm như vậy gọi là được yết ma, sau đó nếu có Tỳ-kheo khác đến thì không được gắng gượng đòi. Nếu không làm yết ma như thế thì Tỳ-kheo không được thọ y vật này, nếu thọ thì phạm Đột-kiết-la. Tỳ-kheo này nên đem y vật này chia cho Tỳ-kheo khác; nếu không làm như vậy thì khi xuất giới phạm Đột-kiết-la, cũng phải đem chia cho Tỳ-kheo khác.

Nếu trú xứ có bốn Tỳ-kheo ở chung, một Tỳ-kheo qua đời, ba-Tỳ-kheo kia nên chia y vật của người chết để lại theo ba cách như sau: Một là triển

chuyển chia, hai là tự thọ chia và Ba là để thẻ chia. Hai cách chia trên giống như trường hợp trước đã nói, Sao gọi là để thẻ chia?: Y vật này nên chia làm hai phần nói rằng: "Phần này thuộc về Thượng tòa, phần kia thuộc về Hạ tòa hoặc phần này thuộc về Hạ tòa, phần kia thuộc về Thượng tòa", nói rồi nên để xuống một thẻ. Làm như thế thì Tỳ-kheo khác thấy không được để thẻ nữa, nếu để thẻ nữa thì phạm Đột-kiết-la. Tỳ-kheo này nên đem y vật chia cho Tỳ-kheo khác, nếu không làm như thế thì khi xuất giới phạm Đột-kiết-la, cũng phải đem chia cho Tỳ-kheo khác.

Nếu trú xứ có năm Tỳ-kheo ở chung, một Tỳ-kheo qua đời thì bốn Tỳ-kheo kia nên chia y vật của người chết để lại theo bốn cách như sau: Một là triển chuyển chia, hai là tự thọ chia, Ba là để thẻ chia và bốn là Tăng yết ma chia. Ba cách chia trên giống như trường hợp trước đã nói, sao gọi là Tăng yết ma chia?: Tăng nên yết ma giao y vật này cho một Tỳ-kheo, pháp giao như sau: Tăng nhất tâm hòa hợp, một Tỳ-kheo trong Tăng xướng rằng:

Đại-đức Tăng lắng nghe, Tỳ-kheo ..... qua đời, y vật để lại gồm có y và phi y hiện tiền tăng nên chia. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay giao y vật này cho Tỳ-kheo ..... Bạch như vậy.

Như thế Bạch-nhị-yết-ma cho đến câu Tăng nay đã giao y vật cho Tỳ-kheo ..... xong rồi.

Tăng chấp thuận vì im lặng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

Nếu Tỳ-kheo này nhận y vật rồi sau đó không chịu hoàn lại, nói rằng: "Đây là chơn thật thí, khéo cho, khéo thủ pháp, khéo đoán sự, tất cả đều từ trong Tăng, vì sao phải hoàn lại", Phật nói: "Tăng nên bảo Tỳ-kheo này rằng: "Vật thí này vốn vì làm tịnh nên thí, không phải là chơn thật thí", nếu Tỳ-kheo này hoàn lại thì tốt, nếu không hoàn lại thì Tăng nên cưỡng đoạt lại và bảo Tỳ-kheo này sám tội Đột-kiết-la".

Lúc đó có các Sa di đến xin chia y, các Tỳ-kheo không cho, nói rằng: "Phật tuy cho đem y an cư, các vật cần dùng của-Tỳ-kheo, y nhân duyên chia và y phi thời chia cho Sa di, nhưng Phật chưa cho đem y của-Tỳ-kheo đã chết để lại chia cho Sa di", các Tỳ-kheo không biết làm sao liền bạch Phật, Phật nói nên cho, các Tỳ-kheo không biết nên cho bao nhiêu, Phật nói: "Nên chia làm bốn phần, phần thứ tư nên chia cho Sa di"

Trong một trụ xứ có Tỳ-kheo thọ pháp và Tỳ-kheo không thọ pháp ở chung, nếu Tỳ-kheo thọ pháp qua đời thì Tỳ-kheo không thọ pháp nên sai sứ đến chỗ các Tỳ-kheo thọ pháp nói rằng: "Trong trú xứ kia có một Tỳ-kheo thọ pháp qua đời, các thầy nên đến lấy y vật của người chết để lại". Nếu các Tỳ-kheo thọ pháp đến lấy đi thì tốt, nếu không đến lấy thì nên đem y vật đó dùng làm ngọa cụ

hoặc bán lấy tiền để tu sửa phòng xá cho Tứ phương tăng.

Trong một trụ xứ có Tỳ-kheo không thọ pháp và Tỳ-kheo thọ pháp ở chung, nếu Tỳ-kheo không thọ pháp qua đời thì Tỳ-kheo thọ pháp nên sai sứ đến chỗ các Tỳ-kheo không thọ pháp nói rằng: "Trong trú xứ kia có một Tỳ-kheo không thọ pháp qua đời, các thầy nên đến lấy y vật của người chết để lại". Nếu các Tỳ-kheo không thọ pháp đến lấy đi thì tốt, nếu không đến lấy thì nên đem y vật đó dùng làm ngọa cụ hoặc bán lấy tiền để tu sửa phòng xá cho Tứ phương tăng.

Có các Tỳ-kheo thọ pháp đuổi một Tỳ-kheo, Tỳ-kheo này đến chỗ Tỳ-kheo không thọ pháp nói rằng: "Các Đại-đức hãy diệt trừ tội cho tôi để tôi được thanh tịnh, tôi sẽ làm Tỳ-kheo không thọ pháp". Nếu Tỳ-kheo này tội chưa trừ mà chết thì y vật để lại nhiếp thuộc về các Tỳ-kheo thọ pháp; nếu tội đã được trừ thì y vật để lại nhiếp thuộc về các Tỳ-kheo không thọ pháp.

Có các Tỳ-kheo không thọ pháp đuổi một Tỳ-kheo, Tỳ-kheo này đến chỗ Tỳ-kheo thọ pháp nói rằng: "Các Đại-đức hãy diệt trừ tội cho tôi để tôi được thanh tịnh, tôi sẽ làm Tỳ-kheo thọ pháp". Nếu Tỳ-kheo này tội chưa trừ mà chết thì y vật để lại nhiếp thuộc về các Tỳ-kheo không thọ pháp, nếu tội đã trừ thì y vật nhiếp thuộc về các Tỳ-kheo thọ pháp.

Có một Tỳ-kheo có y nên xả (tịnh thí) liền đem đưa cho Lục quần Tỳ-kheo để tác pháp tịnh thì, Lục quần Tỳ-kheo lấy rồi tự thọ dụng không chịu đưa trả lại, Tỳ-kheo này khổ não vì không có được Tỳ-kheo thanh tịnh đáng tin. Tháng sau hạ, Phật du hành các nước, các Tỳ-kheo đi theo đều mặc y mới, chỉ có Tỳ-kheo này mặc y cũ rách, Phật liền hỏi nguyên do, Tỳ-kheo này đem việc trên bạch Phật, Phật nói: "Nếu vì tịnh nên thí thì Tỳ-kheo nên đưa trả lại, nếu đưa trả lại được thì tốt, nếu không đưa trả lại thì nên cưỡng đoạt lại và bảo Tỳ-kheo kia sám tội Đột-kiết-la".

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó có cư sĩ thỉnh Phật và Tăng vào ngày mai thọ thực, Phật im lặng nhận lời, cư sĩ biết Phật đã nhận lời liền đảnh lễ Phật hữu nhiễu rồi ra về. Về đến nhà ngay trong đêm đó lo sửa soạn đủ các món ăn ngon, sáng sớm trải tòa rồi sai sứ đến bạch Phật: "Đã đến giờ thọ thực, xin Phật tự biết thời", lúc đó các Tỳ-kheo đến nhà cư sĩ, Phật ở lại tinh xá bảo A-nan lấy phần ăn mang về. Pháp thường của Phật, có năm nhân duyên Phật không đi thọ thỉnh thực: Một là muốn nhập định, hai là muốn thuyết pháp cho chư thiên, Ba là muốn đi xem xét Tăng phòng, bốn là muốn thăm Tỳ-kheo bịnh, năm là chưa kết giới nay muốn kết giới. Lúc đó Phật cầm chìa khóa đi xem xét các phòng, đến một phòng thấy cửa mở, một Tỳ-kheo bịnh khổ không có bạn chăm sóc nên đại tiểu tiện ngay trên

giường, Phật hỏi Tỳ-kheo bịnh: "Thầy bị bịnh gì mà nằm một mình không có ai chăm sóc, phải đại tiểu tiện ngay trên giường như thế?" Tỳ-kheo này trung thực bạch Phật rằng: "Thế tôn, tánh con lười biếng, người khác gặp chuyện con không giúp đỡ nên nay con bịnh, người khác cũng không giúp đỡ", Phật suy nghĩ: "Người này trung thực, ta nên đưa tay xoa lên người", nghĩ rồi liền đưa tay xoa lên người Tỳ-kheo bịnh, bịnh khổ của-Tỳ-kheo liền dứt trừ. Phật đỡ Tỳ-kheo bịnh ngồi dậy, mặc áo cho Tỳ-kheo rồi dìu ra khỏi phòng, sau đó tắm rửa cho Tỳ-kheo bịnh được sạch sẽ rồi mặc áo mới cho Tỳ-kheo, đem áo dơ đi giặt sạch rồi phơi. Sáu đó trở vào phòng dọn dẹp sạch sẽ và đổ bô bất tịnh, trải nệm cỏ khác rồi dìu Tỳ-kheo bịnh trở vào phòng ngồi trên nệm cỏ này và nói rằng: Thầy nếu không siêng cầu điều chưa được khiến cho được, điều chưa đến khiến cho đến, điều chưa biết khiến cho biết thì thầy sẽ tùy thuận ngần ấy thời gian mà chịu khổ não, thậm chí còn nặng hơn thế nữa". Tỳ-kheo bịnh suy nghĩ: "Nhờ oai lực của Phật nên Phật vừa đưa tay xoa lên người, bịnh của ta liền dứt trừ, thân tâm được an lạc", do Tỳ-kheo này nhớ nghĩ đại ân của Phật nên thiện tâm phát sanh, được lòng tin thanh tịnh liền lập nguyện, đối với công đức tôn trọng của Phật thành tâm nhất ý. Lúc đó Phật tùy thuận thiện ý của-Tỳ-kheo bịnh này mà thuyết pháp khiến cho Tỳ-kheo này ngay trên tòa ngồi

không thọ tất cả pháp, chứng quả A-la-hán. Sau khi giúp cho Tỳ-kheo này trụ trong đệ nhất lậu tận, Phật liền ra khỏi phòng, đóng cửa lại rồi trở về phòng mình, trải Ni-sư-đàn ngồi kiết già. Lúc đó ở nhà cư sĩ, cư sĩ thấy chúng tăng ngồi rồi liền tự tay dâng cúng các món ăn ngon cho chúng tăng đều được no đủ rồi lấy một cái ghế nhỏ ngồi trước Tăng muốn được nghe pháp, Thượng tọa thuyết pháp rồi cùng chư tăng đứng dậy ra về. Thường pháp của Phật là khi các Tỳ-kheo thọ thỉnh thực xong trở về, Phật đều hỏi thăm ăn có no đủ không; lúc đó các Tỳ-kheo đều đáp là no đủ, Phật bảo các Tỳ-kheo: "Sau khi các thầy đi rồi, ta cầm chìa khóa đi kiểm tra phòng Tăng, thấy có một Tỳ-kheo bịnh khổ không có ai chăm sóc nên đại tiểu tiện ngay trên giường. Các thầy đối xử với người bịnh như vậy là không đúng, vì sao các thầy lại không chăm sóc giúp đỡ và cung cấp cho nhau. Vào ở trong pháp ta, các thầy không có cha mẹ anh em, nếu các thầy không chăm sóc giúp đỡ lẫn nhau thì ai sẽ chăm sóc giúp đỡ các thầy", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Từ nay nên chăm sóc cho người bịnh". Trưởng lão Ưu-ba-ly hỏi Phật: "Thế tôn, ai nên chăm sóc cho người bịnh?", Phật nói: "Hòa thượng, A-xà-lê và đồng Hòa thượng, đồng A-xà-lê; nếu không có bốn người này thì Tăng nên cung cấp, nếu Tăng không cung cấp thì phạm Đột-kiết-la; nếu Tăng sai làm người khán bịnh mà không

chịu làm thì phạm Đột-kiết-la. Từ nay kết pháp cho Tỳ-kheo khán bịnh".

Pháp của-Tỳ-kheo khán bịnh là nên tùy theo ý muốn của người bịnh cần gì, tùy thời đến thăm hỏi bịnh tình của người bịnh. Biết được bịnh tình rồi thì nên đến hỏi thầy thuốc hoặc Tỳ-kheo biết bịnh để biết người bịnh nên uống thuốc gì. Nếu thầy thuốc bảo nên uống thuốc đó thì qua ngày mai nên đến trong nhà bếp của Tăng xem nấu món gì, nếu thấy thức ăn hợp với bịnh thì nên lấy mang đến cho người bịnh ăn; nếu thấy thức ăn không hợp với bịnh thì nên xin Tăng cung cấp cho người bịnh. Nếu xin không được thì nên đến chỗ Tỳ-kheo có đức để xin; nếu xin cũng không được thì nên đến chỗ Tỳ-kheo quen biết để xin; nếu xin cũng không được thì trong số y vật của-Tỳ-kheo bịnh, Tỳ-kheo khán bịnh nên chừa lại sáu vật, lấy các khinh vật khác bán để mua những vật cần dùng cung cấp cho người bịnh. Nếu cũng không được thì nên lấy trọng vật đem bán để mau những vật cần dùng cung cấp cho người bịnh. Nếu cũng không được thì người khán bịnh nên tùy sức của mình mà cung cấp, nếu mình không có thì nên đến xin người thân quen, nếu không có ai thân quen thì nên đi khất thực, được thức ăn ngon cung cấp cho người bịnh. Tỳ-kheo khán bịnh nên tùy thời nói pháp cho người bịnh nghe hiểu là đạo hay phi đạo để khai phát trí tuệ cho người bịnh. Nếu người bịnh là Tỳ-kheo A-

lan-nhã thì nên hiện tiền khen ngợi pháp A-lan-nhã; nếu người bịnh thích học kinh thì nên hiện tiền khen ngợi việc học kinh; nếu người bịnh thích học Tỳ-ni thì nên hiện tiền khen ngợi việc học Tỳ-ni; nếu người bịnh là pháp sư thì nên hiện tiền khen ngợi A-tỳ-đàm; nếu người bịnh là người thích làm việc chúng thì nên hiện tiền khen ngợi hạnh này; nếu người bịnh là người có đức độ được nhiều người biết đến thì nên hỏi về tướng của các vị sơ địa, nhị địa, tam địa, tứ địa hoặc quả Tu-đà-hoàn cho đến quả A-la-hán. Nếu người bịnh qua đời thì người khán bịnh nên tùy theo công đức của người bịnh mà cúng dường cho hoàn mãn. Trong các y vật của người chết để lại, y dơ nên giặt sạch đem phơi rồi xếp lại, sau đó mang đến trong Tăng bạch rằng: "Tỳ-kheo tên ..... đã qua đời, đây là y Tăng-già-lê, y Uất-đa-la-tăng, y An-đà-hội, bát, đãy lượt nước, Ni-sư-đàn… đều là các vật dụng của-Tỳ-kheo chết để lại, vị ấy đã được cảnh giới thù thắng".

Phật nói: "Có ba loại người bịnh:

Một là loại người bịnh được thức ăn thức uống hợp với bịnh hoặc không được, được uống thuốc hợp với bịnh hoặc không được, được người khán bịnh tùy ý hoặc không được, không thể lành bịnh.

Hai là loại người bịnh được thức ăn thức uống… cho đến được người khán bịnh tùy ý hoặc không được, bịnh được lành.

Ba là loại người bịnh nếu được thức ăn thức uống hợp với bịnh thì lạnh, nếu không được thì chết; được uống thuốc hớp với bịnh thì lành, không được thì chết; được người khán bịnh tùy ý thì lành, không được thì chết. Cho nên người bịnh nên nghe lời của người khán bịnh, người khán bịnh nên đối với ba loại người bịnh trên chăm sóc cho tốt".

- Có năm pháp người bịnh khó chăm sóc: Một là khó tánh không thể cùng nói chuyện.

Hai là người khán bịnh nói gì đều không tin không nghe.

Ba là đối với thức ăn hợp với bịnh (không chịu ăn)và thức ăn không hợp với bịnh (đòi ăn), không biết tự tiết lượng.

Bốn là không chịu uống thuốc. Năm là không thể tự giữ tiết lượng.

- Có năm pháp ngược vớ năm pháp trên, người bịnh dễ chăm sóc:

Một là không khó tánh dễ cùng nói chuyện. Hai là người khán bịnh nói gì đều tin nghe theo.

Ba là đối với thức ăn hợp với bịnh (chịu ăn)và thức ăn không hợp với bịnh (không ăn), biết tự tiết lượng.

Bốn là chịu uống thuốc.

Năm là có thể tự giữ tiết lượng.

- Có năm pháp người khán bịnh không thể chăm sóc người bịnh tốt:

Một là khó tánh không thể cùng nói chuyện.

Hai là người bịnh nói gì đều không tin không nghe.

Ba là không biết rõ thức ăn nào hợp với bịnh và thức ăn nào không hợp với bịnh.

Bốn là không thể vì người bịnh mà cầu xin người khác giúp đỡ hay xin thuốc.

Năm là không biết nhẫn nại.

- Có năm pháp ngược với năm pháp trên, người khán bịnh có thể chăm sóc tốt cho người bịnh:

Một là không khó tánh dễ cùng nói chuyện. Hai là người bịnh nói gì đều tin nghe theo.

Ba là biết rõ thức ăn nào hợp với bịnh và thức ăn nào không hợp với bịnh.

Bốn là có thể vì người bịnh cầu xin người khác giúp đỡ hay xin thuốc.

Năm là biết nhẫn nại.

- Lại có năm pháp người bịnh khiến người khán bịnh khó chăm sóc:

Một là khó tánh không thể cùng nói chuyện.

Hai là không nhận biết bịnh khởi diệt vô thường.

Ba là khi thân phát bịnh đau khổ không vui, không chịu đựng được.

Bốn là mọi việc thích ỷ lại người khác, một việc nhỏ cũng không thể tự làm.

Năm là không quán chiếu sự khởi diệt trong thọ ấm: Đây là sắc ấm, đây là sự tập khởi của sắc ấm, đây là sự diệt tận của sắc ấm. Thọ, tưởng hành thức cũng như vậy.

- Có năm pháp ngược với năm pháp trên, người bịnh khiến người khán bịnh dễ chăm sóc:

Một là không khó tánh dễ cùng nói chuyện. Hai là nhận biết bịnh khởi diệt vô thường.

Ba là khi thân phát bịnh tuy đau khổ không vui nhưng chịu đựng được.

Bốn là mọi việc không thích ỷ lại người khác, việc gì làm được thì tự làm lấy.

Năm là có thể quán chiếu sự khởi diệt trong thọ ấm: Đây là sắc ấm, đây là sự tập khởi của sắc ấm, đây là sự diệt tận của sắc ấm. Thọ, tưởng hành thức cũng như vậy.

- Lại có năm pháp người khán bịnh không thể chăm sóc người bịnh tốt:

Một là khó tánh không thể cùng nói chuyện.

Hai là nhờm gớm người bịnh khi đại tiểu tiện khạc nhổ trong bô, khi đem đổ tâm không vui.

Ba là vì tài vật, y thực mà chăm sóc.

Bốn là không thể quán chiếu sự khởi diệt trong thọ ấm: Đây là sắc ấm… giống như đoạn văn trên.

Năm là không thể tùy thời đến nói pháp cho người bịnh nghe là đạo hay là phi đạo, không thể khai phát trí tuệ cho người bịnh.

Phật bảo các Tỳ-kheo: "Nếu có Tỳ-kheo sai Tỳ-kheo làm sứ giả đem y của người chết cho Tỳ-kheo khác, bổn chủ khi còn sống không có hứa cho người đó mà lấy đem cho thì người lấy gọi là ác thủ (bất tịnh lấy), người thọ gọi là ác thọ (bất tịnh thọ). Ngược lại nếu bổn chủ khi còn sống đã hứa cho người đó nay lấy đem cho thì người lấy gọi là hảo thủ (thanh tịnh lấy), người thọ gọi là hảo thọ (thanh tịnh thọ).

Nếu có Tỳ-kheo sai Tỳ-kheo làm sứ giả đem y của người chết cho Tỳ-kheo khác, bổn chủ khi còn sống đã hứa cho người này y mà lại lấy đem cho người kia thì người lấy gọi là ác thủ (bất tịnh thọ), người thọ gọi là ác thọ (bất tịnh thọ). Ngược lại nếu bổn chủ khi còn sống đã hứa cho người nào y thì nay lấy đem cho người đó thì người lấy gọi là hảo thủ (thanh tịnh lấy), người thọ gọi là hảo thọ (thanh tịnh thọ).

-oOo-

LUẬT THẬP TỤNG

QUYỂN 29

TỤNG THỨ 5 (Có 8 Pháp)

PHÁP Y CA HI NA THỨ NHẤT

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó các Tỳ-kheo sau ba tháng an cư tại nước Tang-kỳ-đà, tự tứ xong, may y mới rồi liền đắp y mang bát du hành đến nước Xá-vệ, giữa đường gặp mưa lớn nên người bị ướt và lấm lem bùn đất, lại bị gió nóng làm xúc não nên rất mỏi mệt. Khi đến chỗ Phật đảnh lễ rồi ngồi một bên, pháp thường của Phật là khi có khách Tỳ-kheo đến, Phật đều hỏi thăm có nhẫn đủ không, an cư có an lạc không, khất thực có dễ không, đi đường có nhọc mệt không. Lúc đó các Tỳ-kheo đều đáp là nhẫn đủ, an cư được an lạc, khất thực không khó nhưng đi đường nhọc mệt, rồi đem việc trên bạch Phật, Phật nói: "Từ nay cho các Tỳ-kheo sau khi an cư, tự tứ xong hòa hợp một chỗ thọ y Ca-hi-na. Thọ y Ca-hi-na rồi thì y đã thọ trước đó vẫn không mất, huống chi là y mới". Pháp thọ y Ca-hi-na như sau: Tăng nhất tâm hòa hợp, tùy ngày nào được y thì ngay ngày đó thọ y Ca-hi-na. Sao gọi là tùy ngày nào được y thì thọ ngày đó?: Như ngày

mồng một trong tháng được y thì ngay ngày đó thọ y Ca-hi-na, ngày mồng hai, mồng ba… cho đến ngày mười lăm tháng tám cũng như vậy. một Tỳ-kheo trong Tăng xướng rằng: Đại-đức Tăng lắng nghe, ngày nay Tăng hòa hợp thọ y Ca-hi-na. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay thọ y Ca-hi-na. Bạch như vậy.

Trước hết Tăng nên cử người thọ y Ca-hi-na, một Tỳ-kheo hỏi trong Tăng: "Ai có thể vì Tăng làm người thọ y Ca-hi-na", nếu có người đáp là có thể thì Tăng nên xét kỹ, như Phật dạy nếu có năm pháp thì Tăng không nên cử làm người thọ y Ca-hi-na, đó là tùy ái, tùy sân, tùy sợ, tùy si, không biết thọ hay không thọ; ngược lại nếu thành tựu năm pháp: không tùy ái, không tùy sân, không tùy sợ, không tùy si, biết rõ thọ hay không thọ thì nên cử. Tác pháp Bạch-nhị-yết-ma cử người thọ y Ca-hi-na, một Tỳ-kheo trong Tăng xướng rằng:

Đại-đức Tăng lắng nghe, Tỳ-kheo ..... có thể vì Tăng làm người thọ y Ca-hi-na. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay sai Tỳ-kheo ..... vì Tăng làm người thọ y Ca-hi-na. Bạch như thế.

Như thế Bạch-nhị-yết-ma cho đến câu Tăng đã sai Tỳ-kheo ..... vì Tăng làm người thọ y Ca-hi-na xong rồi. Tăng chấp thuận vì im lạng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

Lúc đó nếu Tăng được cúng vải, Tăng an cư nên chia thì nên yết ma đem vải này đưa cho người thọ y Ca-hi-na, tác pháp yết ma như sau: Tăng nhất tâm hòa hợp, một Tỳ-kheo trong Tăng xướng rằng:

Đại-đức Tăng lắng nghe, Tăng trú xứ này được cúng vải, Tăng an cư nên chia. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay yết ma giao vải này cho Tỳ-kheo ..... thọ làm y Ca-hi-na, không rời khỏi trú xứ này mà thọ trì. Bạch như vậy.

Như thế Bạch-nhị-yết-ma cho đến câu Tăng đã giao vải này cho Tỳ-kheo ..... thọ làm y Ca-hi-na không rời khỏi trú xứ này mà thọ trì xong rồi. Tăng chấp thuận vì im lạng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

Tỳ-kheo này nhận vải rồi nên đem vải làm qua bốn công đoạn là giặt nhuộm cắt may. Tỳ-kheo này khi giặt vải nên khởi niệm: "Ta dùng vải này may y Ca-hi-na để thọ trì", khi nhuộm, đo, tính toán kích lượng, cắt may cũng khởi niệm giống như trên, tổng cộng là sáu niệm, khởi đủ sáu niệm này mới gọi là khéo may y Ca-hi-na; nếu không khởi đủ sáu niệm này thì không gọi là khéo may y Ca-hi-na. Lại nữa nên khởi ba tâm:

Một là ta dùng vải này sẽ may thành y Ca-hi-na để thọ. Hai là ta dùng vải này nay may thành y Ca-hi-na để thọ.

Ba là ta dùng vải này may thành y Ca-hi-na để thọ xong rồi.

Nếu khởi đủ ba tâm này mới gọi là khéo may y Ca-hi-na, nếu không khởi đủ ba tâm này thì không gọi là khéo may y Ca-hi-na. Lại nữa nên khởi hai tâm:

Một là ta dùng vải này nay may thành y Ca-hi-na để thọ. Hai là ta dùng vải này may thành y Ca-hi-na để thọ xong rồi.

Nếu khởi hai tâm này mới gọi là khéo may y Ca-hi-na, nếu không khởi hai tâm này thì người may y Ca-hi-na phạm Đột-kiết-la. Lúc đó Trưởng lão Ưu-ba-ly hỏi Phật: "Thế tôn, sao gọi là thọ y Ca-hi-na?", Phật nói: "Tăng nên yết ma sai người thọ y Ca-hi-na… giống như trên cho đến câu nếu không khởi hai tâm này thì người may y Ca-hi-na phạm Đột-kiết-la. Lại nữa Ưu-ba-ly, không chỉ tính kích lượng, nhuộm, viền, may thiếp vào bốn góc, may lá y hướng ra hai bên mới gọi là thọ y Ca-hi-na. Nếu dùng vải cũ rách để may thành y Ca-hi-na thì không gọi là thọ; nếu lấy y đã thọ trước rồi làm y Ca-hi-na thọ lại thì không gọi là thọ. Nếu dùng y phi thời để thọ làm y Ca-hi-na thì không gọi là thọ; nếu dùng màu uất kim để nhuộm làm y Ca-hi-na thì không gọi là thọ. Nếu Tỳ-kheo nhận vải rồi để cách đêm mới may thành y Ca-hi-na thì không gọi là thọ. Nếu không đem tâm quyết định để thọ y Ca-hi-na thì không gọi là thọ; nếu lấy vải

không sạch may thành y Ca-hi-na thì không gọi là thọ. Nếu giảm bớt thước tấc để may thành y Ca-hi-na thì không gọi là thọ; nếu giảm bớt thước tất may y Tăng-già-lê, Uất-đa-la-tăng, An-đà-hội để thọ làm y Ca-hi-na thì không gọi là thọ. Nếu không cắt rọc vải mà may thành y Ca-hi-na thì không gọi là thọ; nếu không cắt rọc vải may y Tăng-già-lê, Uất-đa-la-tăng, An-đà-hội để thọ làm y Ca-hi-na thì không gọi là thọ. Nếu may y Ca-hi-na chưa xong thì không gọi là thọ; nếu lấy y của-Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-na, Sa di, Sa-di-ni khác thọ làm y Ca-hi-na thì không gọi là thọ.

Này Ưu-ba-ly, ngày mà Tăng như pháp thọ y Ca-hi-na, nếu có một Tỳ-kheo an cư xuất giới vừa trở về, nghe Tăng đã thọ y Ca-hi-na mà không tùy hỉ thì người này không được thọ y Ca-hi-na. Này Ưu-ba-ly, nếu được y cấp thí thọ làm y Ca-hi-na thì gọi là khéo thọ; nếu dùng thời y (y được cúng đúng thời, không phải phi thời) thọ làm y Ca-hi-na thì gọi là khéo thọ; nếu dùng vải mới để may thành y Ca-hi-na thì gọi là khéo thọ… nếu dùng y Tăng-già-lê, Uất-đa-la-tăng, An-đà-hội cắt rọc thọ làm y Ca-hi-na thì gọi là khéo thọ. Này Ưu-ba-ly, ngày mà Tăng như pháp thọ y Ca-hi-na, nếu có Tỳ-kheo xuất giới vừa trở về nghe Tăng đã thọ y Ca-hi-na mà tùy hỉ thì người này được thọ y Ca-hi-na, khéo thọ y Ca-hi-na". Trưởng lão Ưu-ba-ly lại hỏi: "Thế tôn, sao gọi là xả y Ca-hi-na?", Phật nói: "Có tám

trường hợp xả y Ca-hi-na: Một là khi đã may thành y, hai là khi sắp may xong, Ba là khi đi, bốn là khi nghe, năm là khi mất, sáu là khi phát tâm, bảy là khi quá thời hạn và tám là khi xả".

1. Có sáu trường hợp xả y Ca-hi-na:

Nếu người thọ y Ca-hi-na mang y ra khỏi giới, nghĩ rằng: "Ta không trở về trú xứ này để may y nữa", khi người này đi thì gọi là xả y Ca-hi-na. Nếu người thọ y Ca-hi-na mang y ra khỏi giới, nghĩ rằng: "Ta không trở về trú xứ này để may y nữa", khi ra khỏi giới rồi lại nghĩ: "Ta không trở lại trú xứ kia và cũng không may y nữa", khi người này đi thì gọi là xả y Ca-hi-na.

Nếu người thọ y Ca-hi-na mang y ra khỏi giới, nghĩ rằng: "Ta không trở về trú xứ này để may y nữa", người này ở ngoài giới may y, nghĩ rằng: "Ta không trở về trú xứ kia nữa", khi người này may xong y thì gọi là xả y Ca-hi-na.

Nếu người thọ y Ca-hi-na mang y ra khỏi giới, nghĩ rằng: "Ta không trở về trú xứ này để may y nữa", người này ở ngoài giới may y, khi may xong lại không khéo giữ gìn nên bị mất, không có vải để may lại, khi người này bị mất y thì gọi là xả y Ca-hi-na.

Nếu người thọ y Ca-hi-na mang y ra khỏi giới, nghĩ rằng: "Ta không trở về trú xứ này để may y nữa", người này ở ngoài giới may y, lúc may hay

chưa may mà nghĩ rằng: "Ta nên trở về chỗ cũ từ từ may", nhưng trải qua thời gian lâu vẫn chưa may xong, khi người này để quá thời hạn thì gọi là xả y Ca-hi-na.

Nếu người thọ y Ca-hi-na mang y ra khỏi giới, nghĩ rằng: "Ta trở về chỗ này để may y", khi người này ở ngoài giới nghe Tăng đã xả y Ca-hi-na liền nghĩ rằng: "Tăng đã xả y Ca-hi-na, ta không nên trở lại nữa", khi người nay nghe Tăng đã xả y Ca-hi-na thì gọi là xả y Ca-hi-na.

Nếu người thọ y Ca-hi-na mang y ra khỏi giới, nghĩ rằng: "Ta trở về chỗ này để may y", người này ở ngoài giới may y, lúc may hay chưa may mà nghĩ rằng: "Ta nên trở về chỗ cũ để xả y Ca-hi-na ", người này trở về cùng Tăng xả y Ca-hi-na thì gọi là xả y Ca-hi-na.

2. Lại có sáu trường hợp thọ y Ca-hi-na:

Nếu người thọ y Ca-hi-na, may thêm y Tỳ-ba là rồi mang y ra khỏi giới, nghĩ rằng: "Ta không trở về trú xứ này để may y nữa", khi người này đi thì gọi là xả y Ca-hi-na. Nếu người thọ y Ca-hi-na, may thêm y Tỳ-ba là rồi mang y ra khỏi giới, nghĩ rằng: "Ta không trở về trú xứ này để may y nữa", khi ra khỏi giới rồi lại nghĩ: "Ta không trở lại trú xứ kia và cũng không may y nữa", khi người này đi thì gọi là xả y Ca-hi-na.

Nếu người thọ y Ca-hi-na, may thêm y Tỳ-ba

là rồi mang y ra khỏi giới, nghĩ rằng: "Ta không trở về trú xứ này để may y nữa", người này ở ngoài giới may y, nghĩ rằng: "Ta không trở về trú xứ kia nữa", khi người này may xong y thì gọi là xả y Ca-hi-na.

Nếu người thọ y Ca-hi-na, may thêm y Tỳ-ba là rồi mang y ra khỏi giới, nghĩ rằng: "Ta không trở về trú xứ này để may y nữa", người này ở ngoài giới may y, khi may xong lại không khéo giữ gìn nên bị mất, không có vải để may lại, khi người này bị mất y thì gọi là xả y Ca-hi-na.

Nếu người thọ y Ca-hi-na, may thêm y Tỳ-ba là rồi mang y ra khỏi giới, nghĩ rằng: "Ta không trở về trú xứ này để may y nữa", người này ở ngoài giới may y, lúc may hay chưa may mà nghĩ rằng: "Ta nên trở về chỗ cũ từ từ may", nhưng trải qua thời gian lâu vẫn chưa may xong, khi người này để quá thời hạn thì gọi là xả y Ca-hi-na.

Nếu người thọ y Ca-hi-na, may thêm y Tỳ-Ba là rồi mang y ra khỏi giới, nghĩ rằng: "Ta trở về chỗ này để may y", khi người này ở ngoài giới nghe Tăng đã xả y Ca-hi-na liền nghĩ rằng: "Tăng đã xả y Ca-hi-na, ta không nên trở lại nữa", khi người này nghe Tăng đã xả y Ca-hi-na thì gọi là xả y Ca-hi-na.

Nếu người thọ y Ca-hi-na, may thêm y Tỳ-Ba là rồi mang y ra khỏi giới, nghĩ rằng: "Ta trở về

chỗ này để may y", người này ở ngoài giới may y, lúc may hay chưa may mà nghĩ rằng: "Ta nên trở về chỗ cũ để xả y Ca-hi-na ", người này trở về cùng Tăng xả y Ca-hi-na thì gọi là xả y Ca-hi-na.

3. Lại có hai mươi trường hợp xả y Ca-hi-na:

a. Bốn trường hợp đầu:

Nếu người thọ y Ca-hi-na mang y ra khỏi giới, nghĩ rằng: "Ta không trở về trú xứ này để may y nữa", khi ra khỏi giới rồi lại nghĩ: "Ta không trở lại chỗ cũ và cũng không may y nữa", khi người này đi thì gọi là xả y Ca-hi-na.

Nếu người thọ y Ca-hi-na mang y ra khỏi giới, nghĩ rằng: "Ta không trở về trú xứ này để may y nữa", người này ở ngoài giới may y, nghĩ rằng: "Ta không trở về chỗ cũ nữa", khi người này may xong y thì gọi là xả y Ca-hi-na.

Nếu người thọ y Ca-hi-na mang y ra khỏi giới, nghĩ rằng: "Ta không trở về trú xứ này để may y nữa", người này ở ngoài giới may y, khi may xong lại không khéo giữ gìn nên bị mất, không có vải để may lại, khi người này bị mất y thì gọi là xả y Ca-hi-na.

Nếu người thọ y Ca-hi-na mang y ra khỏi giới, nghĩ rằng: "Ta không trở về trú xứ này để may y nữa", người này ở ngoài giới may y, lúc may hay chưa may mà nghĩ rằng: "Ta nên trở về chỗ cũ, từ từ may", nhưng trải qua thời gian lâu vẫn chưa may

xong, khi người này để quá thời hạn thì gọi là xả y Ca-hi-na.

b. Bốn trường hợp thứ hai:

Nếu người thọ y Ca-hi-na mang y ra khỏi giới, không có may y cũng không nói sẽ trở về hay không trở về. Khi ra khỏi giới nghĩ rằng: "Ta sẽ không trở về trú xứ này để may y", khi người này đi thì gọi là xả y Ca-hi-na.

Nếu người thọ y Ca-hi-na mang y ra khỏi giới, không có may y cũng không nói sẽ trở về hay không trở về. Người này ở ngoài giới may y nghĩ rằng: "Ta sẽ không trở về chỗ cũ để may y", khi may xong y thì gọi là xả y Ca-hi-na.

Nếu người thọ y Ca-hi-na mang y ra khỏi giới, không có may y cũng không nói sẽ trở về hay không trở về. Người này ở ngoài giới may y xong, không cẩn thận nên bị mất y và không có vải may lại, khi người này mất y thì gọi là xả y Ca-hi-na.

Nếu người thọ y Ca-hi-na mang y ra khỏi giới, không có may y cũng không nói sẽ trở về hay không trở về. Người này ở ngoài giới may y nghĩ rằng: "Ta sẽ không trở về chỗ cũ", ở ngoài giới dù may y xong hay chưa xong, từ từ may nhưng lâu rồi vẫn may chưa xong, khi người này may quá thời hạn thì gọi là xả y Ca-hi-na.

c. Bốn trường hợp thứ ba:

Nếu người thọ y Ca-hi-na mang y ra khỏi giới,

nghĩ rằng: "Ta sẽ trở về trú xứ này để may y", khi ra khỏi giới rồi lại nghĩ: "Ta không trở lại chỗ cũ và cũng không may y nữa", khi người này đi thì gọi là xả y Ca-hi-na.

Nếu người thọ y Ca-hi-na mang y ra khỏi giới, nghĩ rằng: "Ta sẽ trở về trú xứ này để may y nữa", người này ở ngoài giới may y, nghĩ rằng: "Ta không trở về chỗ cũ may y", khi người này may xong y thì gọi là xả y Ca-hi-na.

Nếu người thọ y Ca-hi-na mang y ra khỏi giới, nghĩ rằng: "Ta sẽ trở về trú xứ này để may y nữa", người này ở ngoài giới may y, khi may xong lại không khéo giữ gìn nên bị mất, không có vải để may lại, khi người này bị mất y thì gọi là xả y Ca-hi-na.

Nếu người thọ y Ca-hi-na mang y ra khỏi giới, nghĩ rằng: "Ta sẽ trở về trú xứ này để may y nữa", người này ở ngoài giới may y, lúc may hay chưa may mà nghĩ rằng: "Ta nên trở về chỗ cũ", từ từ may, nhưng trải qua thời gian lâu vẫn chưa may xong, khi người này để quá thời hạn thì gọi là xả y Ca-hi-na.

d. Bốn trường hợp thứ tư:

Nếu người thọ y Ca-hi-na mang y ra khỏi giới, nghĩ rằng: "Ta sẽ trở về chỗ này để may y", khi người này ở ngoài giới nghe Tăng đã xả y Ca-hi-na liền nghĩ rằng: "Tăng đã xả y Ca-hi-na, ta không

trở lại chỗ cũ cũng không may y nữa", khi người này đi thì gọi là xả y Ca-hi-na.

Nếu người thọ y Ca-hi-na mang y ra khỏi giới, nghĩ rằng: "Ta sẽ trở về chỗ này để may y", người này ở ngoài giới nghe Tăng đã xả y Ca-hi-na liền ở ngoài giới may y, nghĩ rằng: "Ta không trở về chỗ cũ may y nữa ", khi người này may y xong thì gọi là xả y Ca-hi-na.

Nếu người thọ y Ca-hi-na mang y ra khỏi giới, nghĩ rằng: "Ta sẽ trở về chỗ này để may y", khi người này ở ngoài giới nghe Tăng đã xả y Ca-hi-na liền ở ngoài giới may y, may y xong do không cẩn thận nên bị mất y và không có vải may lại, khi người này bị mất y thì gọi là xả y Ca-hi-na.

Nếu người thọ y Ca-hi-na mang y ra khỏi giới, nghĩ rằng: "Ta sẽ trở về chỗ này để may y", người này ở ngoài giới nghe Tăng đã xả y Ca-hi-na liền ở ngoài giới may y, may y xong phần này còn phần kia chưa may xong, từ từ may nhưng đã lâu vẫn không xong, nghĩ rằng: "Ta nên trở về chỗ cũ", khi người này may y quá thời hạn thì gọi là xả y Ca-hi-na.

e. Bốn trường hợp thứ năm:

Nếu người thọ y Ca-hi-na mang y ra khỏi giới, nghĩ rằng: "Ta sẽ trở về trú xứ này để may y", người này ở ngoài giới may y, nghĩ rằng: "Ta không trở về chỗ cũ nữa", khi người này may xong

y thì gọi là xả y Ca-hi-na.

Nếu người thọ y Ca-hi-na mang y ra khỏi giới, nghĩ rằng: "Ta sẽ trở về trú xứ này để may y", người này ở ngoài giới may y, may xong lại may thêm y Tỳ-Ba là rồi để đó, nghĩ rằng: "Y Tỳ-Ba là may xong thì không trở về chỗ kia", khi người này may xong y thì gọi là xả y Ca-hi-na.

Nếu người thọ y Ca-hi-na mang y ra khỏi giới, nghĩ rằng: "Ta trở về chỗ này để may y", khi người này ở ngoài giới nghe Tăng đã xả y Ca-hi-na liền nghĩ rằng: "Tăng đã xả y Ca-hi-na, ta không nên trở về chỗ cũ cũng không may y nữa", khi người nay nghe Tăng đã xả y Ca-hi-na thì gọi là xả y Ca-hi-na.

Nếu người thọ y Ca-hi-na mang y ra khỏi giới, nghĩ rằng: "Ta sẽ trở về chỗ này để may y", người này ở ngoài giới may y, may xong phần này còn phần kia chưa may xong, từ từ may, do chưa xả y Ca-hi-na, người này trở về trú xứ này cùng Tăng xả y Ca-hi-na thì gọi là xả y Ca-hi-na.

4. Lại có hai mươi trường hợp xả y Ca-hi-na:

a. Bốn trường hợp đầu:

Nếu người thọ y Ca-hi-na mang y ra khỏi giới, vì mong được y nên nghĩ rằng: "Ta không trở về trú xứ này để may y", khi ra ngoài giới lại suy nghĩ: "Ta không trở về chỗ cũ cũng không may y", khi người này đi thì gọi là xả y Ca-hi-na.

Nếu người thọ y Ca-hi-na mang y ra khỏi giới, vì mong được y nên nghĩ rằng: "Ta không trở về trú xứ này để may y", người này ở ngoài giới may y nghĩ rằng: "Ta không trở về chỗ cũ", người này khi may xong y thì gọi là xả y Ca-hi-na.

Nếu người thọ y Ca-hi-na mang y ra khỏi giới, vì mong được y nên nghĩ rằng: "Ta không trở về trú xứ này để may y", người này ở ngoài giới may y, may xong vì không cẩn thận nên bị mất y và không có vải may lại, người này khi bị mất y gọi là xả y Ca-hi-na.

Nếu người thọ y Ca-hi-na mang y ra khỏi giới, vì mong được y nên nghĩ rằng: "Ta không trở về trú xứ này để may y", người này ở ngoài giới may y, may xong phần này còn phần kia chưa may xong, từ từ may nhưng đã lâu vẫn chưa may xong liền suy nghĩ: "Ta nên trở về chỗ cũ", người nay khi may y quá thời hạn thì gọi là xả y Ca-hi-na.

b,c,d. Bốn trường hợp thứ hai, ba, bốn: là không lo liệu, sẽ trở về và nghe Tăng xả y rồi cũng giống như trường hợp trên đã nói.

e. Bốn trường hợp thứ năm:

Nếu người thọ y Ca-hi-na mang y ra khỏi giới, vì mong được y nên nghĩ rằng: "Ta sẽ trở về trú xứ này để may y", người này ở ngoài giới may y và nghĩ rằng: "Ta không trở về chỗ cũ", khi người này may xong y thì gọi là xả y Ca-hi-na.

Nếu người thọ y Ca-hi-na mang y ra khỏi giới, vì mong được y nên nghĩ rằng: "Ta sẽ trở về trú xứ này để may y", người này ở ngoài giới may y, may y xong lại may thêm y Tỳ-ba là, may sắp xong, để lại đó nghĩ rằng: "Y Tỳ-ba là may xong thì không trở về chỗ kia", khi người này may y xong thì gọi là xả y Ca-hi-na.

Nếu người thọ y Ca-hi-na mang y ra khỏi giới, vì mong được y nên nghĩ rằng: "Ta sẽ trở về trú xứ này để may y", người này ở ngoài giới may y, khi nghe Tăng đã xả y Ca-hi-na liền suy nghĩ: "Tăng đã xả y Ca-hi-na thì ta không trở về chỗ cũ nữa cũng không may y", người này khi nghe Tăng đã xả y thì gọi là xả y Ca-hi-na.

Nếu người thọ y Ca-hi-na mang y ra khỏi giới, vì mong được y nên nghĩ rằng: "Ta sẽ trở về trú xứ này để may y", người này ở ngoài giới may y, may xong phần này còn phần kia chưa may xong, từ từ may, vì chưa xả y Ca-hi-na nên trở về cùng Tăng xả y Ca-hi-na, người nay khi cùng Tăng xả y thì gọi là xả y Ca-hi-na.

5. Lại có hai mươi trường hợp xả y Ca-hi-na:

a. Bốn trường hợp đầu:

Nếu người thọ y Ca-hi-na mang y ra khỏi giới, vì mong được y nên nghĩ rằng: "Ta không trở về trú xứ này để may y vì điều mong cầu lại không được, không phải mong cầu mà được". Người này

ra khỏi giới rồi nghĩ rằng: "Ta không trở về chỗ cũ cũng không may y", người này khi đi gọi là xả y Ca-hi-na.

Nếu người thọ y Ca-hi-na mang y ra khỏi giới, vì mong được y nên nghĩ rằng: "Ta không trở về trú xứ này để may y, vì điều mong cầu lại không được, không phải mong cầu mà được". Người này ở ngoài giới may y, nghĩ rằng: "Ta không trở về chỗ cũ nữa", người này khi may y xong thì gọi là xả y Ca-hi-na.

Nếu người thọ y Ca-hi-na mang y ra khỏi giới, vì mong được y nên nghĩ rằng: "Ta không trở về trú xứ này để may y, vì điều mong cầu lại không được, không phải mong cầu mà được". Người này ở ngoài giới may y, may xong không cẩn thận nên bị mất y, người này khi bị mất y thì gọi là xả y Ca-hi-na.

Nếu người thọ y Ca-hi-na mang y ra khỏi giới, vì mong được y nên nghĩ rằng: "Ta không trở về trú xứ này để may y, vì điều mong cầu lại không được, không phải mong cầu mà được". Người này ở ngoài giới may y, may xong phần này còn phần kia chưa may xong, từ từ may nhưng đã lâu vẫn chưa xong liền suy nghĩ: "Ta sẽ trở về chỗ cũ", người này khi may y quá thời hạn thì gọi là xả y Ca-hi-na.

b,c,d. Bốn trường hợp thứ hai, ba, bốn: là

không lo liệu, sẽ trở về và nghe Tăng xả y rồi cũng giống như trường hợp trên đã nói.

e. Bốn trường hợp thứ năm:

Nếu người thọ y Ca-hi-na mang y ra khỏi giới, vì mong được y nên nghĩ rằng: "Ta sẽ trở về trú xứ này để may y, vì điều mong cầu lại không được, không phải mong cầu mà được". Người này ở ngoài giới may y, nghĩ rằng: "Ta không trở về chỗ cũ ", người này khi may y xong thì gọi là xả y Ca-hi-na.

Nếu người thọ y Ca-hi-na mang y ra khỏi giới, vì mong được y nên nghĩ rằng: "Ta sẽ trở về trú xứ này để may y, vì điều mong cầu lại không được, không phải mong cầu mà được". Người này ở ngoài giới may y, may xong lại may thêm y Tỳ-ba là, may sắp xong, để lại đó nghĩ rằng: "Y Tỳ-ba là xong thì không trở về chỗ cũ", người này khi may xong thì gọi là xả y Ca-hi-na.

Nếu người thọ y Ca-hi-na mang y ra khỏi giới, vì mong được y nên nghĩ rằng: "Ta sẽ trở về trú xứ này để may y, vì điều mong cầu lại không được, không phải mong cầu mà được". Người này ở ngoài giới nghe Tăng đã xả y Ca-hi-na liền suy nghĩ: "Tăng đã xả y Ca-hi-na, ta không trở về chỗ cũ nữa, cũng không may y", người này khi nghe Tăng đã xả y thì gọi là xả y Ca-hi-na.

Nếu người thọ y Ca-hi-na mang y ra khỏi giới,

vì mong được y nên nghĩ rằng: "Ta sẽ trở về trú xứ này để may y, vì điều mong cầu lại không được, không phải mong cầu mà được". Người này ở ngoài giới may y, may xong phần này còn phần kia chưa may xong, từ từ may, vì chưa xả y Ca-hi-na nên trở về chỗ này cùng Tăng xả y Ca-hi-na. Người này khi cùng Tăng xả y thì gọi là xả y Ca-hi-na.

6. Lại có hai mươi trường hợp xả y Ca-hi-na:

a. Bốn trường hợp đầu:

Nếu người thọ y Ca-hi-na mang y ra khỏi giới, vì mong được y nên nghĩ rằng: "Ta không trở về trú xứ này để may y, vì dứt mong cầu, không phải mong cầu mà được". Người này ra khỏi giới nghĩ rằng: "Ta không trở về chỗ cũ cũng không may y", khi người này đi thì gọi là xả y Ca-hi-na.

Nếu người thọ y Ca-hi-na mang y ra khỏi giới, vì mong được y nên nghĩ rằng: "Ta không trở về trú xứ này để may y, vì dứt mong cầu, không phải mong cầu mà được". Người này ở ngoài giới may y, nghĩ rằng: "Ta không trở về chỗ cũ", khi người này may xong y thì gọi là xả y Ca-hi-na.

Nếu người thọ y Ca-hi-na mang y ra khỏi giới, vì mong được y nên nghĩ rằng: "Ta không trở về trú xứ này để may y, vì dứt mong cầu, không phải mong cầu mà được". Người này ở ngoài giới may y, may xong không cẩn thận làm mất y và không có vải may lại, khi người này làm mất y thì gọi là

xả y Ca-hi-na.

Nếu người thọ y Ca-hi-na mang y ra khỏi giới, vì mong được y nên nghĩ rằng: "Ta không trở về trú xứ này để may y, vì dứt mong cầu, không phải mong cầu mà được". Người này ở ngoài giới may y, may xong phần này còn phần kia chưa may xong, từ từ may nhưng đã lâu vẫn chưa xong, nghĩ rằng: "Ta sẽ trở về chỗ cũ", khi người này may y quá thời hạn thì gọi là xả y Ca-hi-na.

b,c,d. Bốn trường hợp thứ hai, ba, bốn: là không lo liệu, sẽ trở về và nghe Tăng xả y rồi cũng giống như trường hợp trên đã nói.

e. Bốn trường hợp thứ năm:

Nếu người thọ y Ca-hi-na mang y ra khỏi giới, vì mong được y nên nghĩ rằng: "Ta sẽ trở về trú xứ này để may y, vì dứt mong cầu, không phải mong cầu mà được". Người này ở ngoài giới may y, nghĩ rằng: "Ta không trở về chỗ cũ", khi người này may xong y thì gọi là xả y Ca-hi-na.

Nếu người thọ y Ca-hi-na mang y ra khỏi giới, vì mong được y nên nghĩ rằng: "Ta sẽ trở về trú xứ này để may y, vì dứt mong cầu, không phải mong cầu mà được". Người này ở ngoài giới may y, may thêm y Tỳ-ba là, may sắp xong, để lại đó nghĩ rằng: "Y Tỳ-ba là xong thì ta không trở về chỗ kia", khi người này may xong y thì gọi là xả y Ca-hi-na.

Nếu người thọ y Ca-hi-na mang y ra khỏi giới,

vì mong được y nên nghĩ rằng: "Ta sẽ trở về trú xứ này để may y, vì dứt mong cầu, không phải mong cầu mà được". Người này ở ngoài giới may y nghe Tăng đã xả y Ca-hi-na liền nghĩ: "Tăng đã xả y Ca-hi-na, ta không trở về chỗ cũ cũng không may y nữa", khi người này nghe Tăng đã xả y thì gọi là xả y Ca-hi-na.

Nếu người thọ y Ca-hi-na mang y ra khỏi giới, vì mong được y nên nghĩ rằng: "Ta sẽ trở về trú xứ này để may y, vì dứt mong cầu, không phải mong cầu mà được". Người này ở ngoài giới may y, may xong phần này còn phần kia chưa may xong, từ từ may, vì chưa xả y Ca-hi-na nên trở về chỗ này cùng Tăng xả y Ca-hi-na, khi người này cùng Tăng xả y thì gọi là xả y Ca-hi-na.

6. Lại có hai mươi trường hợp xả y Ca-hi-na:

a. Bốn trường hợp đầu:

Nếu người thọ y Ca-hi-na mang y ra khỏi giới, vì mong được y nên nghĩ rằng: "Ta không trở về trú xứ này để may y, vì điều mong cầu tuy không được nhưng không tuyệt vọng". Người này ra khỏi giới nghĩ rằng: "Ta không trở về chỗ cũ cũng không may y nữa", khi người này đi thì gọi là xả y Ca-hi-na.

Nếu người thọ y Ca-hi-na mang y ra khỏi giới, vì mong được y nên nghĩ rằng: "Ta không trở về trú xứ này để may y, vì điều mong cầu tuy không

được nhưng không tuyệt vọng". Người này ở ngoài giới may y, nghĩ rằng: "Ta không trở về chỗ cũ", khi người này may xong y thì gọi là xả y Ca-hi-na.

Nếu người thọ y Ca-hi-na mang y ra khỏi giới, vì mong được y nên nghĩ rằng: "Ta không trở về trú xứ này để may y, vì điều mong cầu tuy không được nhưng không tuyệt vọng". Người này ở ngoài giới may y, may xong không cẩn thận làm mất y, khi người này làm mất y thì gọi là xả y Ca-hi-na.

Nếu người thọ y Ca-hi-na mang y ra khỏi giới, vì mong được y nên nghĩ rằng: "Ta không trở về trú xứ này để may y, vì điều mong cầu tuy không được nhưng không tuyệt vọng". Người này ở ngoài giới may y, may xong phần này còn phần kia chưa xong, từ từ may nhưng đã lâu vẫn chưa may xong, nghĩ rằng: "Ta sẽ trở về chỗ cũ", khi người này may y quá thời hạn thì gọi là xả y Ca-hi-na.

b,c,d. Bốn trường hợp thứ hai, ba, bốn: là không lo liệu, sẽ trở về và nghe Tăng xả y rồi cũng giống như trường hợp trên đã nói.

e. Bốn trường hợp thứ năm:

Nếu người thọ y Ca-hi-na mang y ra khỏi giới, vì mong được y nên nghĩ rằng: "Ta sẽ trở về trú xứ này để may y, vì điều mong cầu tuy không được nhưng không tuyệt vọng". Người này ở ngoài giới may y nghĩ rằng: "Ta không trở về chỗ cũ", khi người này may xong y thì gọi là xả y Ca-hi-na.

Nếu người thọ y Ca-hi-na mang y ra khỏi giới, vì mong được y nên nghĩ rằng: "Ta sẽ trở về trú xứ này để may y, vì điều mong cầu tuy không được nhưng không tuyệt vọng". Người này ở ngoài giới may y, may y xong, may thêm y Tỳ-ba là, may sắp xong, để lại đó nghĩ rằng: "Y Tỳ-ba là xong thì ta không trở về chỗ kia", khi người này may xong y thì gọi là xả y Ca-hi-na.

Nếu người thọ y Ca-hi-na mang y ra khỏi giới, vì mong được y nên nghĩ rằng: "Ta sẽ trở về trú xứ này để may y, vì điều mong cầu tuy không được nhưng không tuyệt vọng". Người này ở ngoài giới may y nghe Tăng đã xả y Ca-hi-na liền nghĩ: "Tăng đã xả y Ca-hi-na, ta không trở về chỗ cũ cũng không may y nữa", khi người này nghe Tăng đã xả y thì gọi là xả y Ca-hi-na.

Nếu người thọ y Ca-hi-na mang y ra khỏi giới, vì mong được y nên nghĩ rằng: "Ta sẽ trở về trú xứ này để may y, vì điều mong cầu tuy không được nhưng không tuyệt vọng". Người này ở ngoài giới may y, may xong phần này còn phần kia chưa may xong, từ từ may, vì chưa xả y Ca-hi-na nên trở về chỗ kia cùng Tăng xả y Ca-hi-na, khi người này cùng Tăng xả y thì gọi là xả y Ca-hi-na.

7. Lại có hai mươi trường hợp xả y Ca-hi-na:

a. Bốn trường hợp đầu:

Nếu người thọ y Ca-hi-na mang y ra khỏi giới,

vì mong được nhiều y nên nghĩ rằng: "Ta không trở về trú xứ này để may y, vì điều mong cầu lại không được, tuy siêng cầu mong được nhưng vẫn tuyệt vọng". Người này ra khỏi giới nghĩ rằng: "Ta không trở về chỗ cũ cũng không may y nữa", khi người này đi thì gọi là xả y Ca-hi-na.

Nếu người thọ y Ca-hi-na mang y ra khỏi giới, vì mong được nhiều y nên nghĩ rằng: "Ta không trở về trú xứ này để may y, vì điều mong cầu lại không được, tuy siêng cầu mong được nhưng vẫn tuyệt vọng". Người này ở ngoài giới may y nghĩ rằng: "Ta không trở về chỗ cũ", khi người này may y xong thì gọi là xả y Ca-hi-na.

Nếu người thọ y Ca-hi-na mang y ra khỏi giới, vì mong được nhiều y nên nghĩ rằng: "Ta không trở về trú xứ này để may y, vì điều mong cầu lại không được, tuy siêng cầu mong được nhưng vẫn tuyệt vọng". Người này ở ngoài giới may y, may y xong không cẩn thận làm mất y, khi người này làm mất y thì gọi là xả y Ca-hi-na.

Nếu người thọ y Ca-hi-na mang y ra khỏi giới, vì mong được nhiều y nên nghĩ rằng: "Ta không trở về trú xứ này để may y, vì điều mong cầu lại không được, tuy siêng cầu mong được nhưng vẫn tuyệt vọng". Người này ở ngoài giới may y, may xong phần này còn phần kia chưa may xong, từ từ may nhưng đã lâu vẫn chưa xong, nghĩ rằng: "Ta sẽ trở về chỗ cũ", khi người này may y quá thời

hạn thì gọi là xả y Ca-hi-na.

b,c,d. Bốn trường hợp thứ hai, ba, bốn: là không lo liệu, sẽ trở về và nghe Tăng xả y rồi cũng giống như trường hợp trên đã nói.

e. Bốn trường hợp thứ năm:

Nếu người thọ y Ca-hi-na mang y ra khỏi giới, vì mong được nhiều y nên nghĩ rằng: "Ta sẽ trở về trú xứ này để may y, vì điều mong cầu lại không được, tuy siêng cầu mong được nhưng vẫn tuyệt vọng". Người này ở ngoài giới may y nghĩ rằng: "Ta không trở về chỗ cũ", khi người này may xong y thì gọi là xả y Ca-hi-na.

Nếu người thọ y Ca-hi-na mang y ra khỏi giới, vì mong được nhiều y nên nghĩ rằng: "Ta sẽ trở về trú xứ này để may y, vì điều mong cầu lại không được, tuy siêng cầu mong được nhưng vẫn tuyệt vọng". Người này ở ngoài giới may y, may xong y, may thêm y Tỳ-ba là, may sắp xong, để lại đó nghĩ rằng: "Y Tỳ-ba là xong thì không trở về chỗ kia", khi người này may xong y thì gọi là xả y Ca-hi-na.

Nếu người thọ y Ca-hi-na mang y ra khỏi giới, vì mong được nhiều y nên nghĩ rằng: "Ta sẽ trở về trú xứ này để may y, vì điều mong cầu lại không được, tuy siêng cầu mong được những vẫn tuyệt vọng". Người này ở ngoài giới may y nghe Tăng đã xả y Ca-hi-na liền nghĩ: "Tăng đã xả y Ca-hi-na, ta không trở về chỗ cũ cũng không may y nữa",

khi người này nghe tăng đã xả y thì gọi là xả y Ca-hi-na.

Nếu người thọ y Ca-hi-na mang y ra khỏi giới, vì mong được nhiều y nên nghĩ rằng: "Ta sẽ trở về trú xứ này để may y, vì điều mong cầu lại không được, tuy siêng cầu mong được nhưng vẫn tuyệt vọng". Người này ở ngoài giới may y, may xong phần này còn phần kia chưa may xong, từ từ may, vì chưa xả y Ca-hi-na nên trở về chỗ kia cùng Tăng xả y Ca-hi-na, khi người này cùng Tăng xả y thì gọi là xả y Ca-hi-na.

8. Lại có mười hai trường hợp xả y Ca-hi-na:

Một là nếu người thọ y Ca-hi-na mang y ra khỏi giới, vì cắt may không đủ nên nghĩ rằng: "Ta sẽ trở về trú xứ này để may y". Người này ra khỏi giới nói với người khác: "Hãy mang vải đến, tôi sẽ cắt may cho thầy", sau đó lại nghĩ: "Ta không trở về chỗ cũ cũng không may y nữa", khi người này đi thì gọi là xả y Ca-hi-na.

Hai là nếu người thọ y Ca-hi-na mang y ra khỏi giới, vì cắt may không đủ nên nghĩ rằng: "Ta sẽ trở về trú xứ này để may y". Người này ở ngoài giới nói với người khác: "Hãy mang vải đến, tôi sẽ cắt may cho thầy", sau đó lại nhờ người khác may y, nghĩ rằng: "Ta không trở về chỗ cũ mà ở ngoài giới may y", khi người này may xong y thì gọi là xả y Ca-hi-na.

Ba là nếu người thọ y Ca-hi-na mang y ra khỏi giới, vì cắt may không đủ nên nghĩ rằng: "Ta sẽ trở về trú xứ này để may y". Người này ở ngoài giới nói với người khác: "Hãy mang vải đến, tôi sẽ cắt may cho thầy", sau đó ở ngoài giới may y, may xong y không cẩn thận làm mất y và không có may may lại, khi người này làm mất y thì gọi là xả y Ca-hi-na.

Bốn là nếu người thọ y Ca-hi-na mang y ra khỏi giới, vì cắt may không đủ nên nghĩ rằng: "Ta sẽ trở về trú xứ này để may y". Người này ở ngoài giới nói với người khác: "Hãy mang vải đến, tôi sẽ cắt may cho thầy", sau đó lại nhờ người khác may y, may xong phần này còn phần kia chưa may xong, từ từ may nhưng đã lâu vẫn chưa may xong, liền nghĩ: "Ta sẽ trở về chỗ cũ", khi người này may y quá thời hạn thì gọi là xả y Ca-hi-na.

Năm là nếu người thọ y Ca-hi-na mang y ra khỏi giới, vì cắt may không đủ nên nghĩ rằng: "Ta sẽ trở về trú xứ này để may y". Người này ở ngoài giới nói với người khác: "Hãy mang vải đến, tôi sẽ cắt may cho thầy", khi ở ngoài giới nghe Tăng đã xả y Ca-hi-na liền nghĩ: "Ta không trở về chỗ cũ cũng không may y nữa", khi người này đi thì gọi là xả y Ca-hi-na.

Sáu là nếu người thọ y Ca-hi-na mang y ra khỏi giới, vì cắt may không đủ nên nghĩ rằng: "Ta sẽ trở về trú xứ này để may y". Người này ở ngoài giới

nói với người khác: "Hãy mang vải đến, tôi sẽ cắt may cho thầy", khi ở ngoài giới nghe Tăng đã xả y Ca-hi-na liền nghĩ: "Ta không trở về chỗ cũ", người này ở ngoài giới may y, khi may xong y thì gọi là xả y Ca-hi-na.

Bảy là nếu người thọ y Ca-hi-na mang y ra khỏi giới, vì cắt may không đủ nên nghĩ rằng: "Ta sẽ trở về trú xứ này để may y". Người này ở ngoài giới nói với người khác: "Hãy mang vải đến, tôi sẽ cắt may cho thầy", khi ở ngoài giới nghe Tăng đã xả y Ca-hi-na liền ở ngoài giới may y, may xong y không cẩn thận nên làm mất y và không có vải may lại, khi người này làm mất y thì gọi là xả y Ca-hi-na.

Tám là nếu người thọ y Ca-hi-na mang y ra khỏi giới, vì cắt may không đủ nên nghĩ rằng: "Ta sẽ trở về trú xứ này để may y". Người này ở ngoài giới nói với người khác: "Hãy mang vải đến, tôi sẽ cắt may cho thầy", khi ở ngoài giới nghe Tăng đã xả y Ca-hi-na liền ở ngoài giới may y, may xong phần này còn phần kia chưa may xong, từ từ may nhưng đã lâu vẫn chưa may xong, khi người này may y quá thời hạn thì gọi là xả y Ca-hi-na.

Chín là nếu người thọ y Ca-hi-na mang y ra khỏi giới, vì cắt may không đủ nên nghĩ rằng: "Ta sẽ trở về trú xứ này để may y". Người này ở ngoài giới nói với người khác: "Hãy mang vải đến, tôi sẽ cắt may cho thầy", khi ở ngoài giới may y nghĩ

rằng: "Ta không trở về chỗ cũ mà ở ngoài giới may y", khi người này may xong y thì gọi là xả y Ca-hi-na.

Mười là nếu người thọ y Ca-hi-na mang y ra khỏi giới, vì cắt may không đủ nên nghĩ rằng: "Ta sẽ trở về trú xứ này để may y". Người này ở ngoài giới nói với người khác: "Hãy mang vải đến, tôi sẽ cắt may cho thầy", sau đó nhờ người khác may y, may xong y, may thêm y Tỳ-ba là, may sắp xong, để lại đó nghĩ rằng: "Y Tỳ-ba là xong thì không trở về chỗ cũ", khi người này may xong y thì gọi là xả y Ca-hi-na.

Mười một là nếu người thọ y Ca-hi-na mang y ra khỏi giới, vì cắt may không đủ nên nghĩ rằng: "Ta sẽ trở về trú xứ này để may y". Người này ở ngoài giới nói với người khác: "Hãy mang vải đến, tôi sẽ cắt may cho thầy", khi ở ngoài giới nghe Tăng đã xả y Ca-hi-na liền nghĩ: "Tăng đã xả y Ca-hi-na, ta không trở lại chỗ cũ cũng không may y nữa", khi người này nghe Tăng đã xả y thì gọi là xả y Ca-hi-na.

Mười hai là nếu người thọ y Ca-hi-na mang y ra khỏi giới, vì cắt may không đủ nên nghĩ rằng: "Ta sẽ trở về trú xứ này để may y". Người này ở ngoài giới nói với người khác: "Hãy mang vải đến, tôi sẽ cắt may cho thầy", khi ở ngoài giới may y, may xong phần này còn phần kia chưa may xong lại trở về trú xứ cùng tăng xả y Ca-hi-na, khi người

này cùng Tăng xả y thì gọi là xả y Ca-hi-na.

9. Lại có mười hai trường hợp xả y Ca-hi-na:

Một là nếu người thọ y Ca-hi-na và y Tỳ-ba là, mang y ra khỏi giới, vì cắt may không đủ nên nghĩ rằng: "Ta sẽ trở về trú xứ này để may y". Người này ra khỏi giới nói với người khác: "Hãy mang vải đến, tôi sẽ cắt may cho thầy", sau đó lại nghĩ: "Ta không trở về chỗ cũ cũng không may y nữa", khi người này đi thì gọi là xả y Ca-hi-na.

Hai là nếu người thọ y Ca-hi-na và y Tỳ-ba là, mang y ra khỏi giới, vì cắt may không đủ nên nghĩ rằng: "Ta sẽ trở về trú xứ này để may y". Người này ở ngoài giới nói với người khác: "Hãy mang vải đến, tôi sẽ cắt may cho thầy", sau đó lại nhờ người khác may y, nghĩ rằng: "Ta không trở về chỗ cũ mà ở ngoài giới may y", khi người này may xong y thì gọi là xả y Ca-hi-na.

Ba là nếu người thọ y Ca-hi-na và y Tỳ-ba-la, mang y ra khỏi giới, vì cắt may không đủ nên nghĩ rằng: "Ta sẽ trở về trú xứ này để may y". Người này ở ngoài giới nói với người khác: "Hãy mang vải đến, tôi sẽ cắt may cho thầy", sau đó ở ngoài giới may y, may xong y không cẩn thận làm mất y và không có may may lại, khi người này làm mất y thì gọi là xả y Ca-hi-na.

Bốn là nếu người thọ y Ca-hi-na và y Tỳ-ba-la, mang y ra khỏi giới, vì cắt may không đủ nên nghĩ

rằng: "Ta sẽ trở về trú xứ này để may y". Người này ở ngoài giới nói với người khác: "Hãy mang vải đến, tôi sẽ cắt may cho thầy", sau đó lại nhờ người khác may y, may xong phần này còn phần kia chưa may xong, từ từ may nhưng đã lâu vẫn chưa may xong, liền nghĩ: "Ta sẽ trở về chỗ cũ", khi người này may y quá thời hạn thì gọi là xả y Ca-hi-na.

Năm là nếu người thọ y Ca-hi-na và y Tỳ-ba-la, mang y ra khỏi giới, vì cắt may không đủ nên nghĩ rằng: "Ta sẽ trở về trú xứ này để may y". Người này ở ngoài giới nói với người khác: "Hãy mang vải đến, tôi sẽ cắt may cho thầy", khi ở ngoài giới nghe Tăng đã xả y Ca-hi-na liền nghĩ: "Ta không trở về chỗ cũ cũng không may y nữa", khi người này đi thì gọi là xả y Ca-hi-na.

Sáu là nếu người thọ y Ca-hi-na và y Tỳ-ba-la, mang y ra khỏi giới, vì cắt may không đủ nên nghĩ rằng: "Ta sẽ trở về trú xứ này để may y". Người này ở ngoài giới nói với người khác: "Hãy mang vải đến, tôi sẽ cắt may cho thầy", khi ở ngoài giới nghe Tăng đã xả y Ca-hi-na liền nghĩ: "Ta không trở về chỗ cũ", người này ở ngoài giới may y, khi may xong y thì gọi là xả y Ca-hi-na.

Bảy là nếu người thọ y Ca-hi-na và y Tỳ-ba-la, mang y ra khỏi giới, vì cắt may không đủ nên nghĩ rằng: "Ta sẽ trở về trú xứ này để may y". Người này ở ngoài giới nói với người khác: "Hãy mang

vải đến, tôi sẽ cắt may cho thầy", khi ở ngoài giới nghe Tăng đã xả y Ca-hi-na liền ở ngoài giới may y, may xong y không cẩn thận nên làm mất y và không có vải may lại, khi người này làm mất y thì gọi là xả y Ca-hi-na.

Tám là nếu người thọ y Ca-hi-na và y Tỳ-ba-la, mang y ra khỏi giới, vì cắt may không đủ nên nghĩ rằng: "Ta sẽ trở về trú xứ này để may y". Người này ở ngoài giới nói với người khác: "Hãy mang vải đến, tôi sẽ cắt may cho thầy", khi ở ngoài giới nghe Tăng đã xả y Ca-hi-na liền ở ngoài giới may y, may xong phần này còn phần kia chưa may xong, từ từ may nhưng đã lâu vẫn chưa may xong, khi người này may y quá thời hạn thì gọi là xả y Ca-hi-na.

Chín là nếu người thọ y Ca-hi-na và y Tỳ-ba-la, mang y ra khỏi giới, vì cắt may không đủ nên nghĩ rằng: "Ta sẽ trở về trú xứ này để may y". Người này ở ngoài giới nói với người khác: "Hãy mang vải đến, tôi sẽ cắt may cho thầy", khi ở ngoài giới may y nghĩ rằng: "Ta không trở về chỗ cũ mà ở ngoài giới may y", khi người này may xong y thì gọi là xả y Ca-hi-na.

Mười là nếu người thọ y Ca-hi-na và y Tỳ-ba-la, mang y ra khỏi giới, vì cắt may không đủ nên nghĩ rằng: "Ta sẽ trở về trú xứ này để may y". Người này ở ngoài giới nói với người khác: "Hãy mang vải đến, tôi sẽ cắt may cho thầy", sau đó nhờ

người khác may y, may xong y, may thêm y Tỳ-ba là, may sắp xong, để lại đó nghĩ rằng: "Y Tỳ-ba là xong thì không trở về chỗ cũ", khi người này may xong y thì gọi là xả y Ca-hi-na.

Mười một là nếu người thọ y Ca-hi-na và y Tỳ-ba-la, mang y ra khỏi giới, vì cắt may không đủ nên nghĩ rằng: "Ta sẽ trở về trú xứ này để may y". Người này ở ngoài giới nói với người khác: "Hãy mang vải đến, tôi sẽ cắt may cho thầy", khi ở ngoài giới nghe Tăng đã xả y Ca-hi-na liền nghĩ: "Tăng đã xả y Ca-hi-na, ta không trở lại chỗ cũ cũng không may y nữa", khi người này nghe Tăng đã xả y thì gọi là xả y Ca-hi-na.

Mười hai là nếu người thọ y Ca-hi-na và y Tỳ-ba-la, mang y ra khỏi giới, vì cắt may không đủ nên nghĩ rằng: "Ta sẽ trở về trú xứ này để may y". Người này ở ngoài giới nói với người khác: "Hãy mang vải đến, tôi sẽ cắt may cho thầy", khi ở ngoài giới may y, may xong phần này còn phần kia chưa may xong lại trở về trú xứ cùng tăng xả y Ca-hi-na, khi người này cùng Tăng xả y thì gọi là xả y Ca-hi-na.

10. Lại có mười trường hợp xả y Ca-hi-na:

a. Năm trường hợp đầu:

Nếu người thọ y Ca-hi-na sau khi may y xong, mang y ra khỏi giới với tâm an ổn nghĩ rằng: "Ta sẽ đến trú xứ ....., nếu trú xứ này hoặc trú xứ kia

được an lạc thì ta sẽ ở lại, nếu không được an lạc thì ta sẽ trở về", khi ra khỏi giới liền suy nghĩ: "Ta không trở về chỗ cũ", khi người này đi thì gọi là xả y Ca-hi-na.

Nếu người thọ y Ca-hi-na sau khi may y xong, mang y ra khỏi giới với tâm an ổn nghĩ rằng: "Ta sẽ đến trú xứ ....., nếu trú xứ này hoặc trú xứ kia được an lạc thì ta sẽ ở lại, nếu không được an lạc thì ta sẽ trở về", khi ra khỏi giới liền suy nghĩ: "Ta không đến trú xứ này hoặc trú xứ kia, cũng không trở về chỗ cũ", khi người này đi thì gọi là xả y Ca-hi-na.

Nếu người thọ y Ca-hi-na sau khi may y xong, mang y ra khỏi giới với tâm an ổn nghĩ rằng: "Ta sẽ đến trú xứ ....., nếu trú xứ này hoặc trú xứ kia được an lạc thì ta sẽ ở lại, nếu không được an lạc thì ta sẽ trở về", người này ở ngoài giới không đến trú xứ kia cũng không trở về chỗ cũ mà ở ngoài giới rất lâu, khi người này ở ngoài giới lâu quá thời hạn thì gọi là xả y Ca-hi-na.

Nếu người thọ y Ca-hi-na sau khi may y xong, mang y ra khỏi giới với tâm an ổn nghĩ rằng: "Ta sẽ đến trú xứ ....., nếu trú xứ này hoặc trú xứ kia được an lạc thì ta sẽ ở lại, nếu không được an lạc thì ta sẽ trở về", khi ở ngoài giới nghe Tăng đã xả y Ca-hi-na liền suy nghĩ: "Tăng đã xả y Ca-hi-na, ta không trở về chỗ cũ, cũng không đến trú xứ kia", khi người nay nghe Tăng đã xả y thì gọi là xả y Ca-

hi-na.

Nếu người thọ y Ca-hi-na sau khi may y xong, mang y ra khỏi giới với tâm an ổn nghĩ rằng: "Ta sẽ đến trú xứ ....., nếu trú xứ này hoặc trú xứ kia được an lạc thì ta sẽ ở lại, nếu không được an lạc thì ta sẽ trở về", khi ở ngoài giới người này đến trú xứ kia hoặc không đến, vì chưa xả y Ca-hi-na nên trở về trú xứ này cùng tăng xả y Ca-hi-na, khi người này cùng Tăng xả y thì gọi là xả y Ca-hi-na.

b. Năm trường hợp kế:

Nếu người thọ y Ca-hi-na sau khi may y xong, mang y ra khỏi giới nghĩ rằng: "Ta được bạn thì sẽ đến chỗ này hoặc chỗ kia, nếu không được ban sẽ trở về", khi ra khỏi giới liền suy nghĩ: "Ta không trở về chỗ cũ", khi người này đi thì gọi là xả y Ca-hi-na.

Nếu người thọ y Ca-hi-na sau khi may y xong, mang y ra khỏi giới nghĩ rằng: "Ta được bạn thì sẽ đến chỗ này hoặc chỗ kia, nếu không được ban sẽ trở về", khi ra khỏi giới liền suy nghĩ: "Ta không đến chỗ này, chỗ kia cũng không trở về chỗ cũ", khi người này đi thì gọi là xả y Ca-hi-na.

Nếu người thọ y Ca-hi-na sau khi may y xong, mang y ra khỏi giới nghĩ rằng: "Ta được bạn thì sẽ đến chỗ này hoặc chỗ kia, nếu không được ban sẽ trở về", người này ở ngoài giới không đến chỗ này, chỗ kia cũng không trở về chỗ cũ mà ở ngoài giới

rất lâu, khi người này ở ngoài giới lâu quá thời hạn thì gọi là xả y Ca-hi-na.

Nếu người thọ y Ca-hi-na sau khi may y xong, mang y ra khỏi giới nghĩ rằng: "Ta được bạn thì sẽ đến chỗ này hoặc chỗ kia, nếu không được ban sẽ trở về", người này ở ngoài giới nghe Tăng đã xả y Ca-hi-na liền suy nghĩ: "Tăng đã xả y Ca-hi-na, ta không trở về chỗ cũ cũng không đến chỗ kia", khi người này nghe Tăng đã xả y thì gọi là xả y Ca-hi-na.

Nếu người thọ y Ca-hi-na sau khi may y xong, mang y ra khỏi giới nghĩ rằng: "Ta được bạn thì sẽ đến chỗ này hoặc chỗ kia, nếu không được ban sẽ trở về", người này ở ngoài giới hoặc đến chỗ kia hoặc không đến, vì chưa xả y Ca-hi-na nên trở về chỗ cũ cùng Tăng xả y Ca-hi-na, khi người này cùng Tăng xả y thì gọi là xả y Ca-hi-na.

-oOo-

LUẬT THẬP TỤNG

QUYỂN 30
PHÁP CÂU XÁ DI THỨ HAI

Phật tại nước Câu-xá-di (Câu-diệm-di), lúc đó có một Tỳ-kheo phạm tội nên sám hối, các Tỳ-kheo thương xót muốn người này được lợi ích an lạc nên nói tội và bảo như pháp sám hối. Tỳ-kheo này nói: "Tôi không biết mình đã phạm tội, đã không biết thì thấy tội gì mà sám hối", các Tỳ-kheo suy nghĩ: "Tỳ-kheo này không nghe lời chánh, chúng ta nên tác pháp yết ma Bất-kiến-tẫn", nghĩ rồi liền tác pháp yết ma Bất-kiến-tẫn cho Tỳ-kheo này. Tỳ-kheo này ưa thích trì giới, có tàm quý, quen biết nhiều và có nhiều thế lực, được nhiều ủng hộ. Ở bốn phía chung quanh trú xứ có nhiều Tỳ-kheo quen thân nên Tỳ-kheo này sai sứ đến nói với họ rằng: "Tôi không có tội, các Tỳ-kheo kia lại không như pháp yết ma tẫn tôi, yết ma tẫn này nên phá, các thầy hãy tụ họp đến giúp tôi". Các Tỳ-kheo này liền tụ họp đông đủ muốn dứt diệt việc này, Tỳ-kheo bị tẫn nói với các Tỳ-kheo này rằng: "Tôi không có tội… yết ma tẫn này nên phá", các Tỳ-kheo này nghe rồi không nhẫn nổi nên chuyền

nói với nhau: "Tỳ-kheo này thật không có tội, Tăng đã không như pháp, miễn cưỡng tác pháp yết ma Bất-kiến-tẫn cho Tỳ-kheo này, việc này nên phá", nói rồi quyết định tùy thuận Tỳ-kheo bị tẫn và cùng các Tỳ-kheo tác pháp yết ma tẫn chống trái nhau. Do nhân duyên này phát sanh tranh cải khiến Tăng bị phá, Tăng tranh cải, Tăng chia rẽ, bất đồng, chia thành hai bộ Tăng. Bộ này nói: "Tỳ-kheo này có tội", Bộ kia nói: "Tỳ-kheo này không có tội"; Bộ này nói là như pháp tẫn, Bộ kia nói là không như pháp tẫn; Bô này nói: "Tẫn không như pháp nên phá", Bộ kia nói: "Tẫn như pháp không nên phá", cứ như thế tranh cãi mãi không dứt khiến Tăng bị phá làm hai bộ. Các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật bảo Tỳ-kheo bị tẫn và các Tỳ-kheo tùy thuận đi ra xa một chút rồi nói với các Tỳ-kheo tác yết ma tẫn rằng: "Nếu sự việc không có nhân duyên căn cứ và người kia không tự thú thì các thầy không nên tác pháp yết ma tẫn, vì sao, vì có Tỳ-kheo phạm tội nên sám hối, các Tỳ-kheo thương xót muốn người này được lợi ích an lạc nên nói tội và bảo như pháp sám hối; nhưng người này ưa thích trì giới, có tàm quý, quen biết nhiều và có nhiều thế lực, được nhiều ủng hộ thì Tăng nên suy xét trước, nếu có năm pháp thì không nên tác pháp yết ma tẫn. Suy xét như sau: "Nếu chúng ta tác pháp yết ma Bất-kiến-tẫn cho Tỳ-kheo này thì không cùng thuyết giới và Tăng yết ma, không

cùng thọ thực Đát-bát-na, không cùng ngọ trai, không theo Thượng tòa làm lễ, nghinh đón và tiễn đưa. Do nhân duyên này sẽ phát sanh tranh cải khiến tăng bị phá, Tăng tranh cải, Tăng chia rẽ, bất đồng". Lại nữa, nếu có Tỳ-kheo phạm tội nên sám hối, các Tỳ-kheo thương xót muốn người này được lợi ích an lạc nên nói tội và bảo như pháp sám hối; người này ưa thích trì giới, có tàm quý nhưng quen biết ít, không có thế lực lớn, không được nhiều người ủng hộ, bốn phía chung quanh trú xứ ít người quen biết để cùng nói chuyện và cùng làm việc chung thì Tăng nên suy xét nếu có năm pháp thì nên tác pháp yết ma tẫn. Suy xét như sau: "Nếu chúng ta tác pháp yết ma tẫn cho Tỳ-kheo này… tiễn đưa. Do nhân duyên này trong tăng không phát sanh tranh cải, Tăng hòa hợp, không tranh cải, không chia rẽ, không bất đồng". Phật dạy bảo xong rồi liền bảo các Tỳ-kheo tác yết ma tẫn đi ra xa một chút rồi bảo Tỳ-kheo bị tẫn và các Tỳ-kheo tùy thuận người bị tẫn đến, nói với họ rằng: "Các thầy chớ tùy thuận người phạm tội mà không tự thấy tội, vì sao, vì có Tỳ-kheo phạm tội nên sám hối, các Tỳ-kheo thương xót muốn người này được lợi ích an lạc nên nói tội và bảo như pháp sám hối. Tỳ-kheo phạm tội nên tư duy năm pháp để như pháp thấy tội như sau: Nếu ta không như pháp thấy tội này thì Tăng sẽ làm yết ma Bất-kiến-tẫn cho ta, ta không được cùng Tăng thuyết giới và tăng yết ma,

không được cùng thọ thực Đát-bát-na, không được cùng ngọ trai thực, không được theo Thượng tòa làm lễ, nghinh đón và tiễn đưa. Vì sao, vì các Tỳ-kheo ưa thích trì giới, có tàm quý không thể vì ta mà tùy ái hành, tùy sân hành, tùy bố hành, tùy si hành".

Phật tại nước Câu-xá-di, lúc đó các Tỳ-kheo tác pháp yết ma tẫn nước Câu-xá-di liền ở trong nội giới thuyết giới và Tăng yết ma, theo pháp yết ma mà Phật đã cho làm; các Tỳ-kheo tùy thuận người bị tẫn và Tỳ-kheo bị tẫn ra ngoài giới thuyết giới và Tăng yết ma, theo pháp yết ma mà Phật đã cho làm. Các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật bảo các Tỳ-kheo tùy thuận người bị tẫn và Tỳ-kheo bị tẫn đi ra xa một chút rồi hỏi các Tỳ-kheo tác yết ma tẫn rằng: "Các thầy thật đã ở trong nội giới thuyết giới và Tăng yết ma, theo pháp yết ma mà Phật đã cho làm, phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật nói: "Hay thay, nếu các thầy cùng với các Tỳ-kheo tùy thuận người bị tẫn và Tỳ-kheo bị tẫn ở trong nội giới để thuyết giới và Tăng yết ma, theo pháp yết ma mà Phật đã cho làm, thì các yết ma này đều gọi là phi pháp. Vì sao, vì các thầy cùng với họ khác biệt nhau, các thầy không thể cùng họ ở chung và cọng sự. Nếu họ cùng các thầy ở trong nội giới để thuyết giới và Tăng yết ma, theo pháp yết ma mà Phật đã cho làm, thì các yết ma này cũng gọi là phi pháp. Vì sao, vì họ cùng

các thầy khác biệt nhau, họ không thể cùng các thầy ở chung và cọng sự. Có hai loại Không ở chung (Bất cọng trụ):

Một là bản thân Tỳ-kheo tự làm pháp Không ở chung (phạm tội Bất cọng trụ).

Hai là Tăng hòa hợp như pháp cùng tác pháp yết ma Không ở chung (yết ma tẫn).

Lại có hai loại yết ma Ở chung:

Một là bản thân Tỳ-kheo tự làm pháp Ở chung (không phạm tội Bất cọng trụ).

Hai là Tăng hòa hợp như pháp cùng làm yết ma Ở chung (tác pháp giải tẫn cho được cùng thuyết giới và tăng yết ma).

Nếu Tỳ-kheo bị khổ-thiết (bị trị phạt) tẫn liền bỏ bộ Tăng kia vào trong bộ Tăng này thì nên cho ở chung; nếu bị cho yết ma y-chỉ, yết ma khu-xuất, yết ma hạ-ý mà bỏ bộ chúng kia vào trong bộ chúng này thì nên cho ở chung. Nếu người bị tẫn, chiết phục, hạ-ý ra ngoài giới được chúng khác cho giải tẫn, thì người này được ở chung với chúng đã giải tẫn đó".

Lúc đó Phật bảo các Tỳ-kheo tác yết ma tẫn đi ra xa một chút rồi kêu các Tỳ-kheo tùy thuận người bị tẫn và Tỳ-kheo bị tẫn đến hỏi: "Các thầy thật đã ở ngoài giới thuyết giới và Tăng yết ma, theo pháp yết ma mà Phật đã cho làm, phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật nói: "Hay thay,

nếu các thầy cùng với các Tỳ-kheo tác yết ma tẫn ở ngoài giới để thuyết giới và Tăng yết ma, theo pháp yết ma mà Phật đã cho làm, thì các yết ma này đều gọi là phi pháp. Vì sao, vì các thầy cùng với họ khác biệt nhau, các thầy không thể cùng họ ở chung và cọng sự. Nếu các thầy cùng với họ ở ngoài giới để thuyết giới và Tăng yết ma, theo pháp yết ma mà Phật đã cho làm, thì các yết ma này đều gọi là phi pháp. Vì sao, vì các thầy cùng họ khác biệt nhau, họ không thể cùng các thầy ở chung và cọng sự. Có hai loại Không ở chung (Bất cọng trụ):

Một là bản thân Tỳ-kheo tự làm pháp Không ở chung (phạm tội Bất cọng trụ).

Hai là Tăng hòa hợp như pháp cùng tác pháp yết ma Không ở chung (yết ma tẫn).

Lại có hai loại yết ma Ở chung:

Một là bản thân Tỳ-kheo tự làm pháp Ở chung (không phạm tội Bất cọng trụ).

Hai là Tăng hòa hợp như pháp cùng làm yết ma Ở chung (tác pháp giải tẫn cho được cùng thuyết giới và tăng yết ma).

Nếu Tỳ-kheo bị khổ-thiết (bị trị phạt) tẫn liền bỏ bộ Tăng kia vào trong bộ Tăng này thì nên cho ở chung; nếu bị cho yết ma y chỉ, yết ma khu-xuất, yết ma hạ-ý mà bỏ bộ chúng kia vào trong bộ chúng này thì nên cho ở chung. Nếu người bị tẫn, chiết phục, hạ-ý ra ngoài giới được chúng khác cho

giải tẫn, thì người này được ở chung với chúng đã giải tẫn đó".

Phật tại nước Câu-xá-di, lúc đó có cư sĩ thỉnh Phật và Tăng vào ngày mai thọ thực, Phật im lặng nhận lời, cư sĩ biết Phật đã nhận lời liền đảnh lễ Phật hữu nhiễu rồi ra về. Về đến nhà ngay trong đêm đó lo sửa soạn đủ các món ăn ngon, sáng sớm trải tòa rồi sai sứ đến bạch Phật: "Đã đến giờ thọ thực, xin Phật tự biết thời". Phật ở lại tinh xá bảo thị giả nhận phần ăn mang về, các Tỳ-kheo đều đi đến nhà cư sĩ, khi vào trong nhà cư sĩ liền phát khởi việc đấu tranh, cùng cải cọ nhau và thân khởi ác nghiệp là điều mà người xuất gia không nên làm. Cư sĩ này nói với các Tỳ-kheo: "Các Đại-đức hãy dừng lại và ngồi xuống thọ thực", cư sĩ đợi các Tỳ-kheo ngồi xong rồi, tự tay dâng thức ăn lên cùng dường cho tất cả đều được no đủ rồi, sau đó lấy chiếc ghế nhỏ ngồi trước tăng để nghe thuyết pháp, Thượng tòa thuyết pháp xong cùng chúng tăng ra về. Về đến chỗ Phật đảnh lễ rồi ngồi một bên, thường pháp của Phật là khi các Tỳ-kheo thọ thỉnh thực xong trở về, Phật đều hỏi thăm ăn có no đủ không; lúc đó các Tỳ-kheo đều đáp là no đủ rồi đem việc trên bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm Tỳ-kheo tăng rồi quở trách các Tỳ-kheo: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo lại ở trong nhà cư sĩ phát khởi việc đấu tranh, cùng cải cọ nhau và thân khởi ác nghiệp là điều mà người xuất gia không nên

làm", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Từ nay nếu là bộ chúng khác nhau thì không nên ngồi gần nhau khiến thân khởi ra ác nghiệp. Như thế khi bộ chúng khác đến cùng tụ họp thì Tỳ-kheo biết pháp nên bảo họ ngồi cách xa ra, khi trải tòa ngồi nên chừa ở giữa một chỗ trống, sau đó mới cùng thuyết giới và tăng yết ma cho đến giáo giới Tỳ-kheo-ni".

Phật tại nước Câu-xá-di, lúc đó các Tỳ-kheo nước Câu-xá-di ưa thích tranh cải với nhau, Phật khuyên bảo các Tỳ-kheo này rằng: "Các thầy chớ cùng tranh cải với nhau như thế, vì sao, vì lấy sân hận thì không thể diệt trừ được sân hận, chỉ có lấy sức nhẫn nhục mới diệt trừ được sân hận", trong chúng này có một Tỳ-kheo bạch Phật: "Thế tôn, người kia xúc não con thì con làm sao không đáp trả cho được". Lúc đó Phật lùi ra xa một chút rồi suy nghĩ: "Ta nay nên lìa xa sở hành oai nghi pháp tắc của các Tỳ-kheo ưa thích đấu tranh cải cọ này", nghĩ rồi liền rộng nói kinh Trường thọ vương cho họ nghe, sau đó du hành đến nước Chi đề và dần dần đến nước Xá-vệ. Lúc đó các Hiền giả ở nước Câu-xá-di nghe biết Phật không vui về sở hành oai nghi pháp tắc của các Tỳ-kheo ưa thích đấu tranh cải cọ này, đã rời bỏ nước Câu-xá-di du hành đến nước khác, họ liền suy nghĩ: "Chúng ta nên coi thường và ít cung kính các Tỳ-kheo này", nghĩ rồi cùng nói với nhau là sẽ cùng coi thường, không tôn trọng, cúng dường, tán thán và ít cung kính các Tỳ-

kheo nước Câu-xá-di. Lúc đó các Tỳ-kheo này suy nghĩ: "Các cư sĩ ở đây đã cùng coi thường, không tôn trọng, cúng dường, tán thán và ít cung kính chúng ta, tại sao chúng ta không đến chỗ Phật ở nước Xá-vệ", làm lễ Tùy ý xong các Tỳ-kheo này đắp y mang bát đi đến chỗ Phật ở nước Xá-vệ. Lúc đó Trưởng lão Xá-lợi-phất nghe tin các Tỳ-kheo nước Câu-xá-di ưa thích đấu tranh cải cọ bị các Hiền giả nước đó không tôn trọng, cúng dường, tán thán nên cùng nhau đi đến nước Xá-vệ; Trưởng lão liền đến chỗ Phật đảnh lễ rồi ngồi một bên bạch Phật rằng: "Thế tôn, các Tỳ-kheo nước Câu-xá-di ưa thích đấu tranh cải cọ bị các hiền giả nước đó không tôn trọng, cúng dường và tán thán sắp đến nước này, chúng con nên đối xử với họ như thế nào?". Phật bảo Xá-lợi-phất: "Trong các Tỳ-kheo ấy nếu có người nào nói phi pháp thì không nên tôn trọng cúng dường và tán thán; người nào nói như pháp thì nên tôn trọng cúng dường và tán thán", Xá-lợi-phất hỏi Phật: "Thế tôn, làm sao phân biệt được người nói như pháp và người nói phi pháp?", Phật nói: "Tỳ-kheo nói phi pháp là: Phi pháp nói là pháp, pháp nói là phi pháp, phi luật nói là luật, luật nói là phi luật, phạm nói là không phạm, không phạm nói là phạm, tội khinh nói là trọng, tội trọng nói là khinh, tội vô tàn nói là tội hữu tàn, tội hữu tàn nói là vô tàn, pháp thường sở hành nói không phải là pháp thường sở hành, pháp không phải

thường sở hành nói là pháp thường sở hành, thuyết nói là phi thuyết, phi thuyết nói là thuyết. Tỳ-kheo nói như thế là người nói phi pháp, các thầy không nên tôn trọng cúng dường và tán thán; không nên dạy họ đọc tụng kinh pháp và giải đáp mối nghi hối cho họ; không nên theo họ thọ học đọc tụng kinh pháp và hỏi điều nghi hối; không nên cung cấp cho họ y bát, phòng xá và bốn loại dược: Thời dược, thời phần dược, thất nhật dược và tận hình dược. Này Xá-lợi-phất, Tỳ-kheo nói như pháp là: Pháp nói là pháp, phi pháp nói là phi pháp, luật nói là luật, phi luật nói là phi luật, phạm nói là phạm, không phạm nói là không phạm, tội khinh nói là khinh, tội trọng nói là trọng, tội vô tàn nói là Vô tàn, tội hữu tàn nói là Hữu tàn, pháp thường sở hành nói là pháp thường sở hành, pháp không phải thường sở hành nói là không phải pháp thường sở hành, thuyết nói là thuyết, phi thuyết nói là phi thuyết. Tỳ-kheo nói như thế là người nói như pháp, các thầy nên tôn trong cúng dường và tán thán; nên dạy họ đọc tụng kinh pháp và giải đáp mối nghi hối cho họ; nên theo họ thọ học đọc tụng kinh pháp và hỏi điều nghi hối; nên cung cấp cho họ y bát, phòng xá và bốn loại dược: Thời dược, thời phần dược, thất nhật dược và tận hình dược. Tất cả đều nên cho giường nằm, tọa cụ…". Lúc đó Trưởng lão Đại Mục-kiền-liên, A-na-luật, Nan-đề, Kim-tỳ-la… cũng đến hỏi Phật như vậy.

Lúc đó Tỳ-kheo-ni Ma-ha-ba-xà-ba-đề nghe tin các Tỳ-kheo nước Câu-xá-di ưa thích đấu tranh cải cọ nhau nên bị các Hiền giả nước đó không tôn trọng, cúng dường, tán thán sắp đến nước Xá-vệ; bà liền đến chỗ Phật đảnh lễ rồi đứng một bên bạch Phật: "Thế tôn, các Tỳ-kheo nước Câu-xá-di ưa thích đấu tranh cải cọ bị các hiền giả nước đó không tôn trọng, cúng dường và tán thán sắp đến nước này, chúng con nên đối xử với họ như thế nào?". Phật bảo Ma-ha-ba-xà-ba-đề: "Trong các Tỳ-kheo ấy nếu có người nào nói phi pháp thì không nên tôn trọng cúng dường và tán thán; người nào nói như pháp thì nên tôn trọng cúng dường và tán thán", Ma-ha-ba-xà-ba-đề hỏi Phật: "Thế tôn, làm sao phân biệt được người nói như pháp và người nói phi pháp?", Phật nói: "Này Cù-đàm-di, Tỳ-kheo nói phi pháp là: Phi pháp nói là pháp, pháp nói là phi pháp, phi luật nói là luật, luật nói là phi luật, phạm nói là không phạm, không phạm nói là phạm, tội khinh nói là trọng, tội trọng nói là khinh, tội vô tàn nói là tội hữu tàn, tội hữu tàn nói là vô tàn, pháp thường sở hành nói không phải là pháp thường sở hành, pháp không phải thường sở hành nói là pháp thường sở hành, thuyết nói là phi thuyết, phi thuyết nói là thuyết. Tỳ-kheo nói như thế là người nói phi pháp, các thầy không nên tôn trọng cúng dường và tán thán; không nên dạy họ đọc tụng kinh pháp và giải đáp mối nghi hối cho

họ; không nên theo họ thọ học đọc tụng kinh pháp và hỏi điều nghi hối; không nên cung cấp cho họ y bát, phòng xá và bốn loại dược: Thời dược, thời phần dược, thất nhật dược và tận hình dược; không nên theo họ thọ giáo giới mỗi nửa tháng. Này Cù-đàm-di, Tỳ-kheo nói như pháp là: Pháp nói là pháp, phi pháp nói là phi pháp, luật nói là luật, phi luật nói là phi luật, phạm nói là phạm, không phạm nói là không phạm, tội khinh nói là khinh, tội trọng nói là trọng, tội vô tàn nói là Vô tàn, tội hữu tàn nói là Hữu tàn, pháp thường sở hành nói là pháp thường sở hành, pháp không phải thường sở hành nói là không phải pháp thường sở hành, thuyết nói là thuyết, phi thuyết nói là phi thuyết. Tỳ-kheo nói như thế là người nói như pháp, các thầy nên tôn trong cúng dường và tán thán; nên dạy họ đọc tụng kinh pháp và giải đáp mối nghi hối cho họ; nên theo họ thọ học đọc tụng kinh pháp và hỏi điều nghi hối; nên cung cấp cho họ y bát, phòng xá và bốn loại dược: Thời dược, thời phần dược, thất nhật dược và tận hình dược; nên theo họ thọ giáo giới mỗi nửa tháng". Lúc đó các Tỳ-kheo-ni như Sí-xá Cù-đàm-di, Ưu-bát-la-hoa-sắc, Châu-na-Nan-đà, Tân-đầu, Sa-di-ni Chỉ lê cũng đến hỏi Phật như thế.

Lúc đó vua Ba-tư-nặc nước Kiều-tát-la nghe tin các Tỳ-kheo nước Câu-xá-di ưa thích đấu tranh cải cọ nhau nên bị các Hiền giả nước này không tôn

trọng, cúng dường và tán thán sắp đến nước Xá-vệ; vua liền đến chỗ Phật đảnh lễ rồi ngồi một bên bạch Phật: Thế tôn, các Tỳ-kheo nước Câu-xá-di ưa thích đấu tranh cải cọ bị các hiền giả nước đó không tôn trọng, cúng dường và tán thán sắp đến nước này, chúng con nên đối xử với họ như thế nào?". Phật bảo vua Ba-tư-nặc: "Đại vương, trong các Tỳ-kheo ấy nếu có người nào nói phi pháp thì không nên tôn trọng cúng dường và tán thán; người nào nói như pháp thì nên tôn trọng cúng dường và tán thán", vua Ba-tư-nặc hỏi Phật: "Thế tôn, làm sao phân biệt được người nói như pháp và người nói phi pháp?", Phật nói: "Đại vương, Tỳ-kheo nói phi pháp là: Phi pháp nói là pháp, pháp nói là phi pháp, phi luật nói là luật, luật nói là phi luật, phạm nói là không phạm, không phạm nói là phạm, tội khinh nói là trọng, tội trọng nói là khinh, tội vô tàn nói là tội hữu tàn, tội hữu tàn nói là vô tàn, pháp thường sở hành nói không phải là pháp thường sở hành, pháp không phải thường sở hành nói là pháp thường sở hành, thuyết nói là phi thuyết, phi thuyết nói là thuyết. Tỳ-kheo nói như thế là người nói phi pháp, các thầy không nên tôn trong cúng dường và tán thán; không nên dạy họ đọc tùng kinh pháp và giải đáp mối nghi hối cho họ; không nên theo họ thọ học đọc tụng kinh pháp và hỏi điều nghi hối; không nên cung cấp cho họ y bát, phòng xá và bốn loại dược: Thời dược, thời phần dược, thất nhật

dược và tận hình dược.

Đại vương, Tỳ-kheo nói như pháp là: Pháp nói là pháp, phi pháp nói là phi pháp, luật nói là luật, phi luật nói là phi luật, phạm nói là phạm, không phạm nói là không phạm, tội khinh nói là khinh, tội trọng nói là trọng, tội vô tàn nói là Vô tàn, tội hữu tàn nói là Hữu tàn, pháp thường sở hành nói là pháp thường sở hành, pháp không phải thường sở hành nói là không phải pháp thường sở hành, thuyết nói là thuyết, phi thuyết nói là phi thuyết. Tỳ-kheo nói như thế là người nói như pháp, các thầy nên tôn trong cúng dường và tán thán; nên dạy họ đọc tụng kinh pháp và giải đáp mối nghi hối cho họ; nên theo họ thọ học đọc tụng kinh pháp và hỏi điều nghi hối; nên cung cấp cho họ y bát, phòng xá và bốn loại dược: Thời dược, thời phần dược, thất nhật dược và tận hình dược. Đại vương nên cúng dường tất cả thức ăn thức uống". Lúc đó các cư sĩ như Tu-đạt đa, A-nan bàn-đề-lê-sư-đạt-đa, Phú-lâu-na… cũng đến hỏi như thế; Phật đáp cũng giống như thế.

Lúc đó Mạt-lợi phu nhân nghe tin các Tỳ-kheo nước Câu-xá-di ưa thích đấu tranh cải cọ nhau nên bị các hiền giả nước đó không tôn trọng, cúng dường và tán thán sắp đến nước này; bà liền đến chỗ Phật đảnh lễ rồi ngồi một bên bạch Phật: "Thế tôn, các Tỳ-kheo nước Câu-xá-di ưa thích đấu tranh cải cọ bị các hiền giả nước đó không tôn

trọng, cúng dường và tán thán sắp đến nước này, chúng con nên đối xử với họ như thế nào?". Phật bảo phu nhân Mạt-lợi: "Này Mạt-lợi, trong các Tỳ-kheo ấy nếu có người nào nói phi pháp thì không nên tôn trọng cúng dường và tán thán; người nào nói như pháp thì nên tôn trong cúng dường và tán thán", phu nhân Mạt-lợi hỏi Phật: "Thế tôn, làm sao phân biệt được người nói như pháp và người nói phi pháp?", Phật nói: "Này Mạt-lợi, Tỳ-kheo nói phi pháp là: Phi pháp nói là pháp, pháp nói là phi pháp, phi luật nói là luật, luật nói là phi luật, phạm nói là không phạm, không phạm nói là phạm, tội khinh nói là trọng, tội trọng nói là khinh, tội vô tàn nói là tội hữu tàn, tội hữu tàn nói là vô tàn, pháp thường sở hành nói không phải là pháp thường sở hành, pháp không phải thường sở hành nói là pháp thường sở hành, thuyết nói là phi thuyết, phi thuyết nói là thuyết. Tỳ-kheo nói như thế là người nói phi pháp, các thầy không nên tôn trong cúng dường và tán thán; không nên dạy họ đọc tùng kinh pháp và giải đáp mối nghi hối cho họ; không nên theo họ thọ học đọc tụng kinh pháp và hỏi điều nghi hối; không nên cung cấp cho họ y bát, phòng xá và bốn loại dược: Thời dược, thời phần dược, thất nhật dược và tận hình dược. Này Mạt-lợi, Tỳ-kheo nói như pháp là: Pháp nói là pháp, phi pháp nói là phi pháp, luật nói là luật, phi luật nói là phi luật, phạm nói là phạm, không phạm nói là không phạm, tội

khinh nói là khinh, tội trọng nói là trọng, tội vô tàn nói là Vô tàn, tội hữu tàn nói là Hữu tàn, pháp thường sở hành nói là pháp thường sở hành, pháp không phải thường sở hành nói là không phải pháp thường sở hành, thuyết nói là thuyết, phi thuyết nói là phi thuyết. Tỳ-kheo nói như thế là người nói như pháp, các thầy nên tôn trong cúng dường và tán thán; nên dạy họ đọc tụng kinh pháp và giải đáp mối nghi hối cho họ; nên theo họ thọ học đọc tụng kinh pháp và hỏi điều nghi hối; nên cung cấp cho họ y bát, phòng xá và bốn loại dược: Thời dược, thời phần dược, thất nhật dược và tận hình dược. Phu nhân nên cúng dường tất cả thức ăn thức uống". Lúc đó các Ưu-bà-di như Tỳ-xá-khư, vợ của cư sĩ Bố-tát-đa, vợ của cư sĩ Tu-xà-đa cùng đến hỏi Phật giống như thế, Phật cũng đáp giống như thế.

Lúc đó Trưởng lão Xá-lợi-phất nghe các Tỳ-kheo nước Câu-xá-di ưa thích đấu tranh cãi cọ nhau đã đến nước Xá-vệ, liền đến bạch Phật: "Thế tôn, các Tỳ-kheo nước Câu-xá-di ưa thích đấu tranh đã vào trong giới, chúng con nên chia ngọa cụ như thế nào?", Phật nói: "Ta trước có nói nên chia ngọa cụ, hãy chia ngọa cụ cho Thượng tòa của bộ chúng đó trước", Xá-lợi-phất vâng lời Phật dạy chia ngọa cụ cho Thượng tòa của bộ chúng đó trước.

Phật tại nước Câu-xá-di, lúc đó Tỳ-kheo bị tẫn

đi một mình, ở một mình liền suy nghĩ: "Do ta nên phát sanh tranh cải khiến Tăng bị phá, Tăng tranh cải, Tăng chia rẽ, bất đồng. Bộ này nói: "Tỳ-kheo này có tội", Bộ kia nói: "Tỳ-kheo này không có tội"; Bộ này nói là như pháp tẫn, Bộ kia nói là không như pháp tẫn; Bộ này nói: "Tẫn không như pháp nên phá", Bộ kia nói: "Tẫn như pháp không nên phá". Tất cả đều do ta, ta thật sự phạm tội, các Tỳ-kheo đã như pháp tẫn, nay ta phải làm sao", nghĩ rồi liền đến chỗ các Tỳ-kheo tùy thuận mình nói rằng: "Các Trưởng lão, tôi đi một mình, ở một mình liền suy nghĩ: "Do tôi nên phát sanh tranh cải khiến Tăng bị phá, Tăng tranh cải, Tăng chia rẽ, bất đồng. Bộ này nói: "Tỳ-kheo này có tội", Bộ kia nói: "Tỳ-kheo này không có tội"; Bộ này nói là như pháp tẫn, Bộ kia nói là không như pháp tẫn; Bô này nói: "Tẫn không như pháp nên phá", Bộ kia nói: "Tẫn như pháp không nên phá". Tôi thật sự phạm tội, các Tỳ-kheo đã như pháp tẫn, nay tôi phải làm sao?". Các Tỳ-kheo tùy thuận này liền dẫn Tỳ-kheo bị tẫn đến chỗ các Tỳ-kheo làm yết ma tẫn nói rằng: "Tỳ-kheo bị tẫn đến nói với chúng tôi rằng: "Tôi đi một mình, ở một mình liền suy nghĩ: "Do tôi nên phát sanh tranh cải khiến Tăng bị phá, Tăng tranh cải, Tăng chia rẽ, bất đồng. Bộ này nói: "Tỳ-kheo này có tội", Bộ kia nói:

"Tỳ-kheo này không có tội"; Bộ này nói là như pháp tẫn, Bộ kia nói là không như pháp tẫn; Bô này

nói: "Tẫn không như pháp nên phá", Bộ kia nói: "Tẫn như pháp không nên phá". Tất cả đều do tôi, các Tỳ-kheo đã như pháp tẫn, nay tôi phải làm sao", các Tỳ-kheo làm yết ma tẫn liền dẫn Tỳ-kheo bị tẫn và các Tỳ-kheo tùy thuận đến chỗ Phật, đảnh lễ rồi ngồi một bên bạch Phật: "Thế tôn, các Tỳ-kheo tùy thuận này dẫn Tỳ-kheo bị tẫn đến chỗ chúng con nói Tỳ-kheo này nói rằng: "Tôi đi một mình, ở một mình liền suy nghĩ: "Do tôi nên phát sanh tranh cải khiến Tăng bị phá, Tăng tranh cải, Tăng chia rẽ, bất đồng. Bộ này nói: "Tỳ-kheo này có tội", Bộ kia nói: "Tỳ-kheo này không có tội"; Bộ này nói là như pháp tẫn, Bộ kia nói là không như pháp tẫn; Bộ này nói: "Tẫn không như pháp nên phá", Bộ kia nói: "Tẫn như pháp không nên phá". Tất cả đều do tôi, tôi thật sự phạm tội, các Tỳ-kheo đã như pháp tẫn, nay tôi phải làm sao". Phật nói: "Tỳ-kheo này thật sự phạm tội, Tăng đã như pháp tẫn không thể phá. Nếu Tỳ-kheo này tâm hối cải, chiết phục, tự thú thì Tăng nên cho giải tẫn. Yết ma giải tẫn như sau: Tăng nhất tâm hòa hợp, Tỳ-kheo bị tẫn này nên từ chỗ ngồi đứng dậy trịch bày vai hữu quỳ gối chắp tay bạch Tăng:

Đại-đức Tăng nhớ nghĩ, Do con nên phát sanh tranh cải khiến Tăng bị phá, Tăng tranh cải, Tăng chia rẽ, bất đồng. Bộ này nói: "Tỳ-kheo này có tội", Bộ kia nói: "Tỳ-kheo này không có tội"; Bộ này nói là như pháp tẫn, Bộ kia nói là không như pháp

tẫn; Bô này nói: "Tẫn không như pháp nên phá", Bộ kia nói: "Tẫn như pháp không nên phá". Tất cả đầu do con, con Tỳ-kheo ..... thật sự phạm tội, Tăng đã như pháp tẫn không thể phá. Con thành tâm hối cải, chiết phục, tự thú nay theo Tăng xin giải tẫn, cúi xin Tăng giải tẫn cho con, xin thương xót. (3 lần)

Một Tỳ-kheo trong Tăng xướng yết ma như sau:

Đại-đức Tăng lắng nghe, Tỳ-kheo bị tẫn tên ..... nói rằng: do con nên phát sanh tranh cải khiến tăng bị phá, Tăng tranh cải, Tăng chia rẽ, bất đồng. Bộ này nói: "Tỳ-kheo này có tội", Bộ kia nói: "Tỳ-kheo này không có tội"; Bộ này nói là như pháp tẫn, Bộ kia nói là không như pháp tẫn; Bô này nói: "Tẫn không như pháp nên phá", Bộ kia nói: "Tẫn như pháp không nên phá". Tất cả đều do con, con thật sự phạm tội, Tăng đã như pháp tẫn không thể phá. Tỳ-kheo bị tẫn này thành tâm hối cải tự thú, nay theo Tăng xin giải tẫn. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay giải tẫn cho Tỳ-kheo bị tẫn tên ..... Bạch như vậy.

Như thế Bạch-tứ-yết-ma cho đến câu Tăng nay đã giải tẫn cho Tỳ-kheo bị tẫn tên ..... xong rồi. Tăng chấp thuận vì im lặng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

Phật tại nước Câu-xá-di, lúc đó Tỳ-kheo bị tẫn

đi một mình, ở một mình liền suy nghĩ: "Do ta nên phát sanh tranh cải khiến Tăng bị phá, Tăng tranh cải, Tăng chia rẽ, bất đồng. Bộ này nói: "Tỳ-kheo này có tội", Bộ kia nói: "Tỳ-kheo này không có tội"; Bộ này nói là như pháp tẫn, Bộ kia nói là không như pháp tẫn; Bộ này nói: "Tẫn không như pháp nên phá", Bộ kia nói: "Tẫn như pháp không nên phá". Tất cả đều do ta, ta thật sự phạm tội, Tăng đã như pháp tẫn, nay ta thành tâm hối cải, chiết phục, tự thú nên Tăng đã giải tẫn cho ta, nay ta nên vào trong Tăng làm hòa hợp", nghĩ rồi liền đến chỗ các Tỳ-kheo tùy thuận mình nói rằng: "Các Trưởng lão, tôi đi một mình, ở một mình liền suy nghĩ: "Do tôi nên phát sanh tranh cải khiến Tăng bị phá, Tăng tranh cải, Tăng chia rẽ, bất đồng. Bộ này nói: "Tỳ-kheo này có tội", Bộ kia nói: "Tỳ-kheo này không có tội"; Bộ này nói là như pháp tẫn, Bộ kia nói là không như pháp tẫn; Bô này nói: "Tẫn không như pháp nên phá", Bộ kia nói: "Tẫn như pháp không nên phá". Tất cả đều do tôi, tôi thật sự phạm tội, Tăng đã như pháp tẫn, nay tôi thành tâm hối cải, chiết phục, tự thú nên Tăng đã giải tẫn cho tôi, nay tôi muốn vào trong Tăng làm hòa hợp". Các Tỳ-kheo tùy thuận này liền dẫn Tỳ-kheo bị tẫn này đến chỗ các Tỳ-kheo làm yết ma tẫn trước kia nói rằng: "Tỳ-kheo này đến nói với chúng tôi rằng: "Tôi đi một mình, ở một mình liền suy nghĩ: "Do tôi nên phát sanh tranh cải khiến

Tăng bị phá, Tăng tranh cải, Tăng chia rẽ, bất đồng. Bộ này nói: "Tỳ-kheo này có tội", Bộ kia nói: "Tỳ-kheo này không có tội"; Bộ này nói là như pháp tẫn, Bộ kia nói là không như pháp tẫn; Bô này nói: "Tẫn không như pháp nên phá", Bộ kia nói: "Tẫn như pháp không nên phá". Tất cả đều do tôi, tôi thật sự phạm tội, Tăng đã như pháp tẫn, nay tôi thành tâm hối cải, chiết phục, tự thú nên Tăng đã giải tẫn cho tôi, nay tôi muốn vào trong Tăng làm hòa hợp". Các Tỳ-kheo làm yết ma tẫn trước kia liền dẫn các Tỳ-kheo tùy thuận và Tỳ-kheo này đến chỗ Phật, đảnh lễ rồi ngồi một bên bạch Phật: "Thế tôn, các Tỳ-kheo tùy thuận và Tỳ-kheo này đến chộ chúng con nói Tỳ-kheo này nói rằng: tôi đi một mình, ở một mình liền suy nghĩ: "Do tôi nên phát sanh tranh cải khiến Tăng bị phá, Tăng tranh cải, Tăng chia rẽ, bất đồng. Bộ này nói: "Tỳ-kheo này có tội", Bộ kia nói: "Tỳ-kheo này không có tội"; Bộ này nói là như pháp tẫn, Bộ kia nói là không như pháp tẫn; Bộ này nói: "Tẫn không như pháp nên phá", Bộ kia nói: "Tẫn như pháp không nên phá". Tất cả đều do tôi, tôi thật sự phạm tội, Tăng đã như pháp tẫn, nay tôi thành tâm hối cải, chiết phục, tự thú nên Tăng đã giải tẫn cho tôi, nay tôi muốn vào trong Tăng làm hòa hợp", Phật nói: "Lành thay các Tỳ-kheo, các thầy vì nhân duyên hòa hợp nên đến cầu xin việc này. Các thầy nên cùng nhau làm hòa hợp, nếu kỳ bố tát chưa đến thì

nên vào trong Tăng xướng rằng:

Đại-đức Tăng lắng nghe, nay Tăng làm hòa hợp. Nếu Tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, nay chưa đến kỳ bố tát nhưng Tăng làm bố tát thuyết Ba-la-đề-mộc-xoa vì chúng tăng hòa hợp. Bạch như vậy.

Bạch như vậy rồi Tăng liền bố tát thuyết Ba-la-đề-mộc-xoa" .....

PHÁP CHIÊM BA THỨ BA

Phật tại nước Chiêm-ba, lúc đó Lục quần Tỳ-kheo làm yết ma phi pháp khắp nơi: Một người tẫn một người, một người tẫn hai, ba, bốn người; hai người tẫn hai người, hai người tẫn ba, bốn, một người; ba người tẫn ba người, ba người tẫn bốn, một, hai người; bốn người tẫn bốn người, bốn người tẫn một, hai, ba người. Có Tỳ-kheo thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng rồi hỏi Lục quần Tỳ-kheo: "Các thầy thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo lại làm yết ma phi pháp khắp nơi… bốn người tẫn một, hai, ba người như trên", lúc đó Phật chỉ quở trách

chứ chưa kết giới.

Phật tại nước Chiêm-ba, lúc đó ở nước A-diệp-ma-già có tụ lạc Vương tác bà, trong tụ lạc này có một cựu Tỳ-kheo tên là Cộng kim làm Ma-ha-đế-đế-đế-đà-la. Khi Lục quần Tỳ-kheo tự nước Ca thi du hành đến nước Chiêm-ba vào tụ lạc Vương-tát-bà, Tỳ-kheo này từ xa trông thấy liền ra nghinh đón, cầm lấy y bát, mời vào chỉ cho phòng xá và nói rằng: "Đây là phòng xá, ngọa cụ, mền gối… đấy là vật dụng tắm rửa… các thầy tùy ý lấy dùng". Tỳ-kheo này sáng sớm hôm sau vào trong tụ lạc đến các nhà giàu có khen ngợi Lục quần Tỳ-kheo rằng: "Các Tỳ-kheo này là đệ tử của phật, đa văn, thuyết pháp hay, biện tài vô ngại. Các vị nên cúng dường thức ăn Đát-bát-la và bữa ăn ngọ", các cư sĩ Bà-la-môn tín tâm liền cúng dường thức ăn Đát-bát-la và bữa ăn ngọ, Lục quần Tỳ-kheo nhờ nhân duyên này mà được mập khỏe và sắc lực, liền nói với nhau: "Người này rất tốt, có thể tôn trọng khen ngợi chúng ta để được cúng dường thức ăn ngon như vậy", nhưng chỉ vài ngày sau thì không còn được cúng dường nữa, Lục quần Tỳ-kheo nói với nhau: "Người này chuyển ý không còn tôn trọng tán thán chúng ta nữa, chúng ta nên gọi đến hỏi", nói rồi liền gọi đến hỏi rằng: "Vì sao thầy không còn tôn trọng tán thán chúng tôi nữa?", Tỳ-kheo Ma-ma-đế nói: "Các cư sĩ Bà-la-môn trong tụ lạc này tin lời tôi nói nên cúng dường, nhưng thế lực

của tôi chỉ có thể làm được chừng ấy thôi", Lục quần Tỳ-kheo nói: "Thầy có thấy tội không?", đáp: "Tôi có tội gì?", Lục quần Tỳ-kheo nói: "Thầy không tôn trong tán thán chúng tôi nữa", đáp: "Tôi không thấy tội", Lục quần Tỳ-kheo nói với nhau: "Người này nói không thấy tội, chúng ta nên làm yết ma Bất-kiến-tẫn", nói rồi liền làm yết ma Bất-kiến-tẫn cho Tỳ-kheo này, Tỳ-kheo này suy nghĩ: "Ta không thấy tội mà Lục quần Tỳ-kheo không có duyên cớ gì lại miễn cưỡng làm yết ma Bất-kiến-tẫn cho ta, tại sao ta không đến chỗ Phật ở nước Chiêm-ba". Tỳ-kheo này làm lễ Tùy ý xong liền đắp y mang bát đến nước Chiêm-ba, đến chỗ Phật đảnh lễ rồi đứng một bên, pháp thường của Phật là khi có khách Tỳ-kheo đến đều hỏi thăm có nhẫn đủ không, có an lạc trụ không, khất thực có dễ không, đi đường có nhọc mệt không. Tỳ-kheo này đáp là nhẫn đủ, khất thực không khó, đi đường không nhọc mệt, rồi đem việc trên bạch Phật. Phật hỏi: "Lục quần Tỳ-kheo có duyên cớ gì mà làm yết ma Bất-kiến-tẫn cho thầy?", đáp: "Thế tôn, con không thấy tội, Lục quần Tỳ-kheo không có duyên cớ gì lại miễn cưỡng làm yết ma Bất-kiến-tẫn cho con", Phật nói: "Nếu thầy không thấy tội mà Lục quần lại không duyên cớ miễn cưỡng làm yết ma Bất-kiến-tẫn cho thầy, thì ta sẽ cho làm yết ma trợ giúp thầy". Lúc đó lục quần Tỳ-kheo nghe Tỳ-kheo bị tẫn này đã đến nước Chiêm-ba gặp Phật liền suy

nghĩ: "Chúng ta cũng phải đến nước Chiêm-ba gặp Phật", sau khi làm lễ Tùy ý xong, Lục quần Tỳ-kheo liền du hành đến nước Chiêm-ba gặp Phật, đến nơi đảnh lễ Phật rồi ngồi một bên. Pháp thường của Phật là khi có khách Tỳ-kheo đến đều hỏi thăm có nhẫn đủ không, có an lạc trụ không, khất thực có dễ không, đi đường có nhọc mệt không; Lục quần Tỳ-kheo đều đáp là nhẫn đủ, được an lạc trụ, khất thực không khó, đi đường không nhọc mệt. Phật liền hỏi Lục quần Tỳ-kheo: "Các thầy ở trong tụ lạc Vương tác bà đã làm yết ma Bất-kiến-tẫn cho một Tỳ-kheo phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật hỏi: "Vì duyên cớ gì mà các thầy lại làm yết ma Bất-kiến-tẫn cho Tỳ-kheo ấy?", đáp: "Người ấy không thấy tội, chúng con miễn cưỡng cho làm yết ma Bất-kiến-tẫn". Phật do nhân duyên này nhóm Tỳ-kheo tăng rồi quở trách Lục quần Tỳ-kheo: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo lại không có duyên cớ miễn cưỡng làm yết ma Bất-kiến-tẫn cho Tỳ-kheo không thấy tội. Tại sao gọi là Tỳ-kheo lại làm yết ma phi pháp khắp nơi: Một người tẫn một người, một người tẫn hai, ba, bốn người; hai người tẫn hai người, hai người tẫn ba, bốn, một người; ba người tẫn ba người, ba người tẫn bốn, một, hai người; bốn người tẫn bốn người, bốn người tẫn một, hai, ba người", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Từ nay nếu Tỳ-kheo làm yết ma phi pháp: Một người tẫn một người thì phạm một tội Đột-kiết-la,

một người tẫn hai người thì phạm hai tội Đột-kiết-la, một người tẫn ba người thì phạm ba tội Đột-kiết-la, một người tẫn bốn người thì phạm bốn tội Đột-kiết-la; hai người tẫn hai người thì phạm hai tội Đột-kiết-la, hai người tẫn ba người thì phạm ba tội Đột-kiết-la, hai người tẫn bốn người thì phạm bốn tội Đột-kiết-la, hai người tẫn một người thì phạm một tội Đột-kiết-la; ba người tẫn ba người thì phạm ba tội Đột-kiết-la, ba người tẫn bốn người thì phạm bốn tội Đột-kiết-la, ba người tẫn một người thì phạm một tội Đột-kiết-la, ba người tẫn hai người thì phạm hai tội Đột-kiết-la; bốn người tẫn bốn người thì phạm Thâu-lan-giá vì làm nhân duyên phá tăng.

Lại nữa một người tẫn một người là yết ma phi pháp không nên làm, một người tẫn hai, ba, bốn người cũng là yết ma phi pháp không nên làm. Như vậy cho đến hai người tẫn hai người, hai người tẫn ba, bốn, một người; ba người tẫn ba người, ba người tẫn bốn, một, hai người; bốn người tẫn bốn người, bốn người tẫn một, hai, ba người đều là yết ma phi pháp không nên làm.

Lại nữa, một người tẫn một người thì không thành yết ma, một người tẫn hai, ba, bốn người đều không thành yết ma. Như vậy cho đến hai người tẫn hai người, hai người tẫn ba, bốn, một người; ba người tẫn ba người, ba người tẫn bốn, một, hai người; bốn người tẫn bốn người, bốn người tẫn

một, hai, ba người đều không thành yết ma.

Nếu loại yết ma cần bốn người thì phải đủ bốn Tỳ-kheo mới thành yết ma; loại yết ma cần năm người thì phải đủ năm Tỳ-kheo mới thành yết ma; loại yết ma cần mười người thì phải đủ mười Tỳ-kheo mới thành yết ma; loại yết ma cần hai mươi người thì phải đủ hai mươi Tỳ-kheo mới thành yết ma. Nếu loại yết ma cần bốn người mà không đủ bốn Tỳ-kheo thì yết ma ấy là phi pháp không nên làm, nếu bạch y làm người thứ tư cho đủ số bốn người thì yết ma ấy là phi pháp không nên làm. Như thế cho đến Sa di, dị đạo, không phải Tỳ-kheo; người bị tẫn về không thấy tội, không sám tội, không bỏ ác tà kiến và tội bất cọng trụ; người phạm các tội bất cọng trụ, phạm biên tội, người vốn là bạch y, bất năng nam, người ô nhục Tỳ-kheo-ni, người việt-tế (tặc trụ); người giết cha mẹ, A-la-hán, người phá tăng, người ác tâm làm cho Phật bị thương… tất cả hạng người này làm người thứ tư cho đủ số bốn người thì yết ma ấy là phi pháp không nên làm.

Nếu loại yết ma cần năm người mà không đủ năm Tỳ-kheo thì yết ma ấy là phi pháp không nên làm, nếu bạch y làm người thứ năm cho đủ số năm người thì yết ma ấy là phi pháp không nên làm. Như thế cho đến Sa di, dị đạo, không phải Tỳ-kheo; người bị tẫn về không thấy tội, không sám tội, không bỏ ác tà kiến và tội bất cọng trụ; người

phạm các tội bất cọng trụ, phạm biên tội, người vốn là bạch y, bất năng nam, người ô nhục Tỳ-kheo-ni, người việt-tế (tặc trụ); người giết cha mẹ, A-la-hán, người phá tăng, người ác tâm làm cho Phật bị thương… tất cả hạng người này làm người thứ năm cho đủ số năm người thì yết ma ấy là phi pháp không nên làm.

Nếu loại yết ma cần mười người mà không đủ mười Tỳ-kheo thì yết ma ấy là phi pháp không nên làm, nếu bạch y làm người thứ mười cho đủ số mười người thì yết ma ấy là phi pháp không nên làm. Như thế cho đến Sa di, dị đạo, không phải Tỳ-kheo; người bị tẫn về không thấy tội, không sám tội, không bỏ ác tà kiến và tội bất cọng trụ; người phạm các tội bất cọng trụ, phạm biên tội, người vốn là bạch y, bất năng nam, người ô nhục Tỳ-kheo-ni, người việt-tế (tặc trụ); người giết cha mẹ, A-la-hán, người phá tăng, người ác tâm làm cho Phật bị thương… tất cả hạng người này làm người thứ mười cho đủ số mười người thì yết ma ấy là phi pháp không nên làm.

Nếu loại yết ma cần hai mươi người mà không đủ hai mươi Tỳ-kheo thì yết ma ấy là phi pháp không nên làm, nếu bạch y làm người thứ hai mươi cho đủ số hai mươi người thì yết ma ấy là phi pháp không nên làm. Như thế cho đến Sa di, dị đạo, không phải Tỳ-kheo; người bị tẫn về không thấy tội, không sám tội, không bỏ ác tà kiến và tội bất

cọng trụ; người phạm các tội bất cọng trụ, phạm biên tội, người vốn là bạch y, bất năng nam, người ô nhục Tỳ-kheo-ni, người việt-tế (tặc trụ); người giết cha mẹ, A-la-hán, người phá tăng, người ác tâm làm cho Phật bị thương… tất cả hạng người này làm người thứ hai mươi cho đủ số hai mươi người thì yết ma ấy là phi pháp không nên làm".

Phật bảo các Tỳ-kheo: "Từ nay người bị biệt trụ làm người thứ tư trong túc số bốn người thì không được làm yết ma Biệt trụ. Nếu người hành biệt trụ xong làm người thứ tư trong túc số bốn người thì không được làm yết ma Biệt trụ. Người đang hành Ma-na-đỏa làm người thứ tư trong túc số bốn người thì không được làm yết ma Biệt trụ. Người đã hành Ma-na-đỏa xong làm người thứ tư trong túc số bốn người thì không được làm yết ma Biệt trụ. Người phạm bất cọng trụ làm người thứ tư trong túc số bốn người thì không được làm yết ma Biệt trụ. Phải ít nhất bốn Tỳ-kheo thanh tịnh đồng kiến mới được làm yết ma Biệt trụ.

Từ nay người bị biệt trụ làm người thứ tư trong túc số bốn người thì không được làm yết ma Ma-na-đỏa. Nếu người hành biệt trụ xong làm người thứ tư trong túc số bốn người thì không được làm yết ma Ma-na-đỏa. Người đang hành Ma-na-đỏa làm người thứ tư trong túc số bốn người thì không được làm yết ma Ma-na-đỏa. Người đã hành Ma-na-đỏa xong làm người thứ tư trong túc số bốn

người thì không được làm yết ma Ma-na-đỏa. Người phạm bất cọng trụ làm người thứ tư trong túc số bốn người thì không được làm yết ma Ma-na-đỏa. Phải ít nhất bốn Tỳ-kheo thanh tịnh đồng kiến mới được làm yết ma Ma-na-đỏa.

Từ nay người bị biệt trụ làm người thứ tư trong túc số bốn người thì không được làm yết ma Bổn-nhật-trị. Nếu người hành biệt trụ xong làm người thứ tư trong túc số bốn người thì không được làm yết ma Bổn-nhật-trị. Người đang hành Ma-na-đỏa làm người thứ tư trong túc số bốn người thì không được làm yết ma Bổn-nhật-trị. Người đã hành Ma-na-đỏa xong làm người thứ tư trong túc số bốn người thì không được làm yết ma Bổn-nhật-trị. Người phạm bất cọng trụ làm người thứ tư trong túc số bốn người thì không được làm yết ma Bổn-nhật-trị. Phải ít nhất bốn Tỳ-kheo thanh tịnh đồng kiến mới được làm yết ma Bổn-nhật-trị.

Từ nay người bị biệt trụ làm người thứ hai mươi trong túc số hai mươi người thì không được làm yết ma Xuất tội. Nếu người hành biệt trụ xong làm người thứ hai mươi trong túc số hai mươi người thì không được làm yết ma Xuất tội. Người đang hành Ma-na-đỏa làm người thứ hai mươi trong túc số hai mươi người thì không được làm yết ma Xuất tội. Người đã hành Ma-na-đỏa xong làm người thứ hai mươi trong túc số hai mươi người thì không được làm yết ma Xuất tội. Người

phạm bất cọng trụ làm người thứ hai mươi trong túc số hai mươi người thì không được làm yết ma Xuất tội. Phải ít nhất hai mươi Tỳ-kheo thanh tịnh đồng kiến mới được làm yết ma Xuất tội".

Phật bảo các Tỳ-kheo: "Phải có ít nhất bốn Tỳ-kheo thanh tịnh đồng kiến mới gọi là Tăng chúng, phải có ít nhất năm Tỳ-kheo thanh tịnh đồng kiến mới gọi là Tăng chúng, phải có ít nhất mười Tỳ-kheo thanh tịnh đồng kiến mới gọi là Tăng chúng, phải có ít nhất hai mươi Tỳ-kheo thanh tịnh đồng kiến mới gọi là Tăng chúng. Trong Tăng có bốn Tỳ-kheo thanh tịnh đồng kiến mới có thể như pháp làm các loại yết ma, trừ yết ma Tự tứ, yết ma thọ đại giới và yết ma Xuất tội. Trong Tăng có năm Tỳ-kheo thanh tịnh đồng kiến mới có thể như pháp làm các loại yết ma, trừ yết ma thọ đại giới và yết ma Xuất tội. Trong Tăng có mười Tỳ-kheo thanh tịnh đồng kiến mới có thể làm các loại yết ma, trừ yết ma Xuất tội. Trong Tăng có hai mươi Tỳ-kheo thanh tịnh đồng kiến trở lên có thể làm tất cả các loại yết ma".

Trưởng lão Ưu-ba-ly hỏi Phật: "Thế tôn, những loại Tăng nào là không như pháp làm yết ma?", Phật nói: "Có năm loại Tăng, trong năm loại Tăng này có loại không như pháp làm yết ma, có loại như pháp làm yết ma:

Một là loại Tăng không biết hổ thẹn, đây là chỉ cho các Tỳ-kheo thường hay phá giới.

Hai là loại Tăng như dê câm, đây là chỉ cho các Tỳ-kheo phàm phu độn căn không có trí tuệ, không biết bố tát và không biết yết ma bố tát, không biết thuyết giới, không biết pháp hội giống như dê câm.

Ba là loại Tăng biệt chúng, đây là chỉ cho các Tỳ-kheo tuy ở trong một giới, nhưng lại đi khắp nơi riêng làm các pháp yết ma.

Bốn là loại Tăng thanh tịnh, đây là chỉ cho các Tỳ-kheo phàm phu trì giới và phàm phu thắng giả.

Năm là loại Tăng chơn thật, đây là chỉ cho các bậc Hữu học và Vô học. Trong năm loại Tăng này, ba loại Tăng đầu hay làm yết ma phi pháp (không như pháp làm yết ma), hai loại Tăng sau hay làm yết ma như pháp.

Này Ưu-ba-ly, có bốn loại yết ma là yết ma phi pháp, yết ma như pháp, yết ma biệt chúng và yết ma hòa hợp.

Sao gọi là yết ma phi pháp?: Nếu mọi việc phát sanh trong Tăng mà không như pháp, như luật, như lời Phật dạy làm cho dứt diệt thì gọi là làm yết ma phi pháp. Nếu là Đơn-bạch-yết-ma mà không tác bạch; nếu là Bạch-nhị-yết-ma mà không tác bạch, hoặc có tác bạch mà không xướng yết ma, hoặc có xướng yết ma mà không tác bạch. Nếu là Bạch-tứ-yết-ma mà không tác bạch, hoặc có tác bạch mà không xướng Ba-lần yết ma, hoặc có xướng Ba-lần yết ma mà không tác bạch.

Hoặc đáng cho Hiện tiền Tỳ-ni lại cho Ức niệm Tỳ-ni, đáng cho Ức niệm Tỳ-ni lại cho Hiện tiền Tỳ-ni, đáng cho Ức niệm Tỳ-ni lại cho Bất si Tỳ-ni, đáng cho Bất si Tỳ-ni lại cho Hiện tiền Tỳ-ni, đáng cho Bất si Tỳ-ni lại cho Tự ngôn Tỳ-ni, đáng cho Tự ngôn Tỳ-ni lại cho Bất si Tỳ-ni, đáng cho Tự ngôn Tỳ-ni lại cho Thật mích Tỳ-ni, đáng cho Thật mích Tỳ-ni lại cho Tự ngôn Tỳ-ni, đáng cho Thật mích Tỳ-ni lại cho yết ma Khổ-thiết, đáng cho yết ma Khổ-thiết lại cho Thật mích Tỳ-ni, đáng cho yết ma Khổ-thiết lại cho yết ma Y chỉ, đáng cho yết ma Y chỉ lại cho yết ma Khổ-thiết, đáng cho yết ma Y chỉ lại cho yết ma Khu-xuất, đáng cho yết ma Khu-xuất lại cho yết ma Y chỉ, đáng cho yết ma Khu-xuất lại cho yết ma Hạ-ý, đáng cho yết ma Hạ-ý lại cho yết ma Khu-xuất, đáng cho yết ma Hạ-ý lại cho yết ma Biệt trụ, đáng cho yết ma Biệt trụ lại cho yết ma Hạ-ý, đáng cho yết ma Biệt trụ lại cho yết ma Ma-na-đỏa, đáng cho yết ma Ma-na-đỏa lại cho yết ma Bổn-nhật-trị, đáng cho yết ma Xuất tội lại cho yết ma Bổn-nhật-trị, đáng cho yết ma Xuất tội lại cho yết ma Ma-na-đỏa.

Sao gọi là yết ma như pháp?: Nếu mọi việc phát sanh trong Tăng mà như pháp, như luật, như lời Phật dạy làm cho dứt diệt thì gọi là làm yết ma như pháp.

Nếu là Đơn-bạch-yết-ma thì nên tác bạch; nếu là Bạch-nhị-yết-ma thì nên tác bạch rồi xướng một

lần yết ma; nếu là Bạch-tứ-yết-ma thì nên tác bạch rồi xướng Ba-lần yết ma.

Nếu đáng cho Hiện tiền Tỳ-ni thì nên cho Hiện tiền Tỳ-ni; đáng cho Ức niệm Tỳ-ni thì nên cho Ức niệm Tỳ-ni; đáng cho Bất si Tỳ-ni thì nên cho Bất si Tỳ-ni; đáng cho Mích tội tướng Tỳ-ni thì nên cho Thật mích Tỳ-ni; đáng cho Đa mích Tỳ-ni thì nên cho Đa mích Tỳ-ni; đáng cho yết ma trị phạt (yết ma Khổ-thiết) thì nên cho yết ma Khổ-thiết; đáng cho yết ma Y chỉ thì nên cho yết ma Y chỉ; đáng cho yết ma tẫn xuất (yết ma Khu-xuất) thì nên cho yết ma Khu-xuất; đáng cho yết ma Hạ-ý thì nên cho yết ma Hạ-ý; đáng cho yết ma Bất-kiến-tẫn thì nên cho yết ma Bất-kiến-tẫn; đáng cho yết ma Bất-tác-tẫn thì nên cho yết ma Bất-tác-tẫn; đáng cho yết ma Tà kiến bất trừ tẫn thì nên cho yết ma Tà kiến bất trừ tẫn; đáng cho yết ma Biệt trụ thì nên cho yết ma Biệt trụ; đáng cho yết ma hành Ma-na-đỏa, Bổn-nhật-trị, xuất tội thì nên cho yết ma Ma-na-đỏa, yết ma Bổn-nhật-trị, yết ma Xuất tội.

Sao gọi là yết ma biệt chúng? Nếu khi Tăng yết ma, có Tỳ-kheo không hòa hợp một chỗ, người nên gởi dục lại không gởi dục, Tỳ-kheo hiện tiền ngăn thì thành ngăn. Hoặc khi Tăng yết ma có Tỳ-kheo hòa hợp một chỗ, người nên gởi dục lại không gởi dục, Tỳ-kheo hiện tiền ngăn thì thành ngăn. Hoặc khi Tăng yết ma có Tỳ-kheo hòa hợp một chỗ, người nên gởi dục thì gởi dục, Tỳ-kheo hiện tiền

ngăn thì thành ngăn.

Sao gọi là yết ma hòa hợp?: Nếu khi Tăng yết ma có Tỳ-kheo hòa hợp một chỗ, người nên gởi dục thì gởi dục, Tỳ-kheo hiện tiền có thể ngăn mà không ngăn".

Lúc đó Trưởng lão Ưu-ba-ly hỏi Phật: "Thế tôn, Tỳ-kheo nào ngăn thì nên thọ nhận, Tỳ-kheo nào ngăn thì không nên thọ nhận?", Phật nói: "Nếu Tăng như pháp làm yết ma mà có Tỳ-kheo ngăn thì không nên thọ nhận, hoặc có bạch y, Sa di, dị đạo, không phải Tỳ-kheo; người bị tẫn về không thấy tội, không sám tội, không bỏ ác tà kiến và tội bất cọng trụ; người phạm các tội bất cọng trụ, phạm biên tội, người vốn là bạch y, bất năng nam, người ô nhục Tỳ-kheo-ni, người việt-tế (tặc trụ); người giết cha mẹ, A-la-hán, người phá tăng, người ác tâm làm cho Phật bị thương… những hạng người này ngăn thì không nên thọ nhận. Nếu người ở trong giới ngăn người ở ngoài giới làm yết ma thì không nên thọ nhận; nếu người ở ngoài giới ngăn người ở trong giới làm yết ma thì không nên thọ nhận; nếu người ở chỗ thấp ngăn người ở chỗ cao làm yết ma thì không nên thọ nhận; nếu người ở chỗ cao ngăn người ở chỗ thấp làm yết ma thì không nên thọ nhận. Nếu người ngăn không đến chỗ Tăng đang làm yết ma hoặc có đến nhưng không xin Tăng cho thì không nên thọ nhận; nếu người phá giới đến ngăn hoặc đem tâm ngăn đều

không nên thọ nhận. Ngược lại nếu Tăng làm yết ma phi pháp mà có Tỳ-kheo ngăn thì nên thọ nhận; nếu Tăng ở trong giới làm yết ma phi pháp, Tỳ-kheo ở trong giới ngăn thì nên thọ nhận; nếu Tỳ-kheo đến trong Tăng xin Tăng cho rồi mới ngăn thì nên thọ nhận; nếu là Tỳ-kheo trì giới ngăn thì nên thọ nhận.

Lại có các Tỳ-kheo phi pháp biệt chúng tẫn Tỳ-kheo và có Tỳ-kheo tăng đến giải tẫn, phi pháp biệt chúng, phi pháp hòa hợp chúng, tợ pháp biệt chúng, tợ pháp hòa hợp chúng, như pháp biệt chúng, như pháp hòa hợp chúng. Lại có các Tỳ-kheo phi pháp hòa hợp chúng tẫn Tỳ-kheo và có Tỳ-kheo tăng đến giải tẫn, phi pháp biệt chúng, phi pháp hòa hợp chúng, tợ pháp biệt chúng, tợ pháp hòa hợp chúng, như pháp biệt chúng, như pháp hòa hợp chúng. Lại có các Tỳ-kheo tợ pháp biệt chúng tẫn Tỳ-kheo và có Tỳ-kheo tăng đến giải tẫn, phi pháp biệt chúng, phi pháp hòa hợp chúng, tợ pháp biệt chúng, tợ pháp hòa hợp chúng, như pháp biệt chúng, như pháp hòa hợp chúng. Lại có các Tỳ-kheo tợ pháp hòa hợp chúng tẫn Tỳ-kheo và có Tỳ-kheo tăng đến giải tẫn, phi pháp biệt chúng, phi pháp hòa hợp chúng, tợ pháp biệt chúng, tợ pháp hòa hợp chúng, như pháp biệt chúng, như pháp hòa hợp chúng. Lại có các Tỳ-kheo như pháp biệt chúng tẫn Tỳ-kheo và có Tỳ-kheo tăng đến giải tẫn, phi pháp biệt chúng, phi pháp hòa hợp chúng,

tợ pháp biệt chúng, tợ pháp hòa hợp chúng, như pháp biệt chúng, như pháp hòa hợp chúng. Lại có các Tỳ-kheo như pháp hòa hợp chúng tẫn Tỳ-kheo và có Tỳ-kheo tăng đến giải tẫn, phi pháp biệt chúng, phi pháp hòa hợp chúng, tợ pháp biệt chúng, tợ pháp hòa hợp chúng, như pháp biệt chúng, như pháp hòa hợp chúng. Trong các loại chúng này chỉ có một chúng gọi là chơn thật làm yết ma tẫn, đó là như pháp hòa hợp chúng và một chúng gọi là chơn thật giải tẫn, đó là như pháp hòa hợp chúng.

-oOo-

LUẬT THẬP TỤNG

QUYỂN 31

CÁC PHÁP YẾT MA TRỊ PHẠT THỨ TƯ

I. YẾT MA KHỔ THIẾT (Yết-ma trị phạt):

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó có hai Tỳ-kheo tên Bát-trà và Lư-già đều ưa thích tranh cải, sau khi tranh cải với các Tỳ-kheo rồi, biết đây là các Tỳ-kheo tranh cải liền đến chỗ của một bộ nói rằng: "Các thầy nhất định chấp chặt việc này, chớ để bị công kích, các thầy giành phần thắng thì tôi sẽ trợ giúp", sau đó đến chỗ của bộ thứ hai nói giống như trên. Do nhân duyên này Tăng chưa bị phá liền bị phá, Tăng đã bị phá thì không thể hòa hợp, trong tăng chưa khởi tranh cải liền khởi tranh cải, trong Tăng đã khởi tranh cải thì không thể trừ diệt. Có Tỳ-kheo thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng rồi hỏi hai Tỳ-kheo này: "Các thầy thật đã làm việc này phải không ?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo lại ưa thích tranh cải, sau khi tranh cải với các Tỳ-kheo rồi, biết đây là các Tỳ-kheo tranh cải liền đến

chỗ của một bộ nói rằng: "Các thầy nhất định chấp chặt việc này, chớ để bị công kích, các thầy giành phần thắng thì tôi sẽ trợ giúp", sau đó đến chỗ của bộ thứ hai nói giống như trên. Do nhân duyên này Tăng chưa bị phá liền bị phá, Tăng đã bị phá thì không thể hòa hợp, trong tăng chưa khởi tranh cải liền khởi tranh cải, trong Tăng đã khởi tranh cải thì không thể trừ diệt", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo : "Các thầy hãy làm yết ma Khổ-thiết cho hai Tỳ-kheo Bát-trà và Lư-già, nếu có ai giống như thế thì cũng nên cho làm yết ma Khổ-thiết. Nếu Tỳ-kheo có phạm trong ba việc: Phá giới, phá kiến, phá oai nghi thì nên cho làm yết ma Khổ-thiết; nếu có ba việc: Ưa đấu tranh, thích cải cọ, nói xấu nhau cũng nên cho làm yết ma Khổ-thiết. Có ba loại yết ma phi pháp, phi Tỳ-ni có thể phá: Một là người không hiện tiền mà làm, hai là không nói trước việc đó mà làm và Ba là không khiến cho nhớ nghĩ mà làm. Lại có ba loại yết ma như pháp như Tỳ-ni không thể phá: Một là người hiện tiền, hai là nói trước việc đó rồi mới làm và Ba là khiến cho nhớ nghĩ rồi mới làm. Lại có ba loại yết ma có thể phá: Một là phi pháp mà làm, hai là biệt chúng mà làm và Ba là người không hiện tiền. Lại có ba loại yết ma không thể phá: Một là như pháp mà làm, hòa hợp mà làm và Ba là người hiện tiền. Lại có ba loại yết ma có thể phá: Một là phi pháp mà làm, hai là biệt chúng mà làm và Ba là không nói trước việc ấy mà

làm. Lại có ba loại yết ma không thể phá: Một là như pháp mà làm, hai là hòa hợp mà làm và ba là nói trước việc đó rồi mới làm. Lại có ba loại yết ma có thể phá: Một là phi pháp mà làm, hai là biệt chúng mà làm và Ba là không khiến cho nhớ nghĩ mà làm. Lại có ba loại yết ma không thể phá: Một là như pháp mà làm, hai là hòa hợp mà làm và Ba là khiến cho nhớ nghĩ rồi mới làm. Lại có ba loại yết ma phi pháp phi Tỳ-ni có thể phá: Một là cho người không phạm tội mà làm, hai là cho người phạm tội không thể sám hối mà làm và Ba là cho người đã sám hối tội mà làm. Lại có ba loại yết ma như pháp như luật không thể phá: Một là cho người phạm tội mà làm, hai là cho người phạm tội có thể sám mà làm và Ba là cho người chưa sám tội mà làm. Lại có ba loại yết ma có thể phá: Một là không như pháp mà làm, hai là biệt chúng mà làm và Ba là cho người không phạm tội mà làm. Lại có ba loại yết ma không thể phá: Một là như pháp mà làm, hai là hòa hợp mà làm và Ba là cho người phạm tội mà làm. Lại có ba loại yết ma có thể phá: Một là phi pháp mà làm, hai là biệt chúng mà làm và Ba là cho người phạm tội không thể sám hối mà làm. Lại có ba loại yết ma không thể phá: Một là như pháp mà làm, hai là hòa hợp mà làm và Ba là cho người phạm tội có thể sám hối mà làm. Lại có ba loại yết ma có thể phá: Một là phi pháp mà làm, hai là biệt chúng mà làm và Ba là cho người đã sám

hối tội rồi mà làm. Lại có ba loại yết ma không thể phá: Một là như pháp mà làm, hai là hòa hợp mà làm và Ba là cho người chưa sám hối tội mà làm".

Tác pháp yết ma Khổ-thiết như sau: Tăng nhất tâm hòa hợp, một Tỳ-kheo trong Tăng xướng:

Đại-đức tăng lắng nghe, hai Tỳ-kheo tên Bát-trà và Lư-già đều ưa thích tranh cải, sau khi tranh cải với các Tỳ-kheo rồi, biết đây là các Tỳ-kheo tranh cải liền đến chỗ của một bộ nói rằng: "Các thầy nhất định chấp chặt việc này, chớ để bị công kích, các thầy giành phần thắng thì tôi sẽ trợ giúp", sau đó đến chỗ của bộ thứ hai nói giống như trên. Do nhân duyên này Tăng chưa bị phá liền bị phá, Tăng đã bị phá thì không thể hòa hợp, trong tăng chưa khởi tranh cải liền khởi tranh cải, trong Tăng đã khởi tranh cải thì không thể trừ diệt. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay làm yết ma Khổ-thiết cho hai Tỳ-kheo Bát-trà và Lư-già, chừng nào hai Tỳ-kheo này còn làm hạnh không thanh tịnh thì Tăng cho yết ma Khổ-thiết chừng ấy. Bạch như vậy.

Như thế Bạch-tứ-yết-ma cho đến câu Tăng nay đã cho hai Tỳ-kheo Bát-trà và Lư-già yết ma Khổ-thiết xong rồi. Tăng chấp thuận vì im lặng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

Hành pháp của-Tỳ-kheo được cho yết ma Khổ-thiết là:

- Không được truyền đại giới cho người.
- Không được thọ người khác y chỉ.
- Không được nuôi Sa di.
- Không được thọ Tăng sai giáo giới Tỳ-kheo-ni.
- Nếu đã được Tăng sai cũng không được đến giáo giới Tỳ-kheo-ni.
- Không được tái phạm tội đã cho yết ma Khổ-thiết .
- Không được phạm tội tương tợ.
- Không được phạm tội nặng hơn tội này.
- Không được quở trách các yết ma.
- Không được quở trách người làm yết ma.
- Không được xuất tội Tỳ-kheo thanh tịnh.
- Không được theo người khác xin cho xuất tội.
- Không được nói tôi sẽ xuất tội thầy.
- Không được ngăn Bố tát, Tự tứ.
- Không được chống trái Tỳ-kheo thanh tịnh, phải điều phục tâm, như pháp cung kính.

Nếu Tỳ-kheo bị yết ma Khổ-thiết không tuân theo những hành pháp trên thì trọn đời không được lìa yết ma này.

Lúc đó các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy lui qua một bên làm yết ma Khổ-thiết cho hai Tỳ-kheo Bát-trà và Lư-già, hai Tỳ-kheo này thọ hành theo yết ma này rồi, tâm hối cải, chiết phục, cung kính

điều nhu nên theo Tăng xin giải yết ma Khổ-thiết. Các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật bảo các Tỳ-kheo : "Nếu hai Tỳ-kheo Bát-trà và Lư-già tâm hối cải, chiết phục, cung kính thì Tăng nên cho giải yết ma; nếu có người nào giống như thế cũng nên cho giải yết ma. Nếu Tỳ-kheo không tuân theo những hành pháp đã chế thì không nên cho giải yết ma, tức là truyền đại giới cho người, thọ người y chỉ… cho đến chống trái Tỳ-kheo thanh tịnh, tâm không hối cải chiết phục thì không nên cho giải yết ma. Ngược lại nếu tuân theo những hành pháp đã chế thì nên cho giải yết ma, tức là không truyền đại giới cho người, không thọ người y chỉ… cho đến không chống trái Tỳ-kheo thanh tịnh, tâm điều phục cung kính thì nên cho giải yết ma".

Tác pháp giải yết ma Khổ-thiết như sau: Tăng nhất tâm hòa hợp, hai Tỳ-kheo Bát-trà và Lư-già từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch bày vai hữu chắp tay bạch Tăng:

Đại-đức tăng nhớ nghĩ, chúng con là hai Tỳ-kheo tên Bát-trà và Lư-già đều ưa thích tranh cải, sau khi tranh cải với các Tỳ-kheo rồi, biết đây là các Tỳ-kheo tranh cải liền đến chỗ của một bộ nói rằng: "Các thầy nhất định chấp chặt việc này, chớ để bị công kích, các thầy giành phần thắng thì tôi sẽ trợ giúp", sau đó đến chỗ của bộ thứ hai nói giống như trên. Do nhân duyên này Tăng chưa bị phá liền bị phá, Tăng đã bị phá thì không thể hòa

hợp, trong tăng chưa khởi tranh cải liền khởi tranh cải, trong Tăng đã khởi tranh cải thì không thể trừ diệt. Tăng đã cho làm yết ma Khổ-thiết, chúng con thọ hành theo yết ma Khổ-thiết nay tâm hối cải, chiết phục, cung kính theo tăng xin giải yết ma Khổ-thiết. Xin Tăng thương xót giải yết ma Khổ-thiết cho chúng con. (3 lần)

Một Tỳ-kheo trong Tăng tác bạch yết ma như sau:

Đại-đức tăng lắng nghe, hai Tỳ-kheo tên Bát-trà và Lư-già đều ưa thích tranh cải, sau khi tranh cải với các Tỳ-kheo rồi, biết đây là các Tỳ-kheo tranh cải liền đến chỗ của một bộ nói rằng: "Các thầy nhất định chấp chặt việc này, chớ để bị công kích, các thầy giành phần thắng thì tôi sẽ trợ giúp", sau đó đến chỗ của bộ thứ hai nói giống như trên. Do nhân duyên này Tăng chưa bị phá liền bị phá, Tăng đã bị phá thì không thể hòa hợp, trong tăng chưa khởi tranh cải liền khởi tranh cải, trong Tăng đã khởi tranh cải thì không thể trừ diệt. Tăng đã cho làm yết ma Khổ-thiết, hai Tỳ-kheo này thọ hành theo yết ma Khổ-thiết nay tâm đã hối cải chiết phục theo Tăng xin giải yết ma Khổ-thiết. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay giải yết ma Khổ-thiết cho hai Tỳ-kheo Bát-trà và Lư-già. Bạch như vậy.

Như thế Bạch-tứ-yết-ma cho đến câu Tăng nay đã giải yết ma Khổ-thiết cho hai Tỳ-kheo Bát-trà

và Lư-già xong rồi. Tăng chấp thuận vì im lặng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

II. YẾT MA Y CHỈ:

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó có Tỳ-kheo Thi-việt thường hay phạm tội, thường hay sám tội không có chừng hạn nên các Tỳ-kheo bạch Phật, Phật nói: "Các thầy hãy làm yết ma Y chỉ cho Tỳ-kheo Thi-việt, nếu có Tỳ-kheo nào giống như thế, Tăng cũng nên cho làm yết ma Y chỉ. Nếu Tỳ-kheo có phạm trong ba việc: Phá giới, phá kiến, phá oai nghi thì nên cho làm yết ma Y chỉ; nếu có ba việc: Ưa đấu tranh, thích cải cọ, nói xấu nhau cũng nên cho làm yết ma Y chỉ. Có ba loại yết ma phi pháp, phi Tỳ-ni có thể phá: Một là người không hiện tiền mà làm, hai là không nói trước việc đó mà làm và ba là không khiến cho nhớ nghĩ mà làm. Lại có ba loại yết ma như pháp như Tỳ-ni không thể phá: Một là người hiện tiền, hai là nói trước việc đó rồi mới làm và ba là khiến cho nhớ nghĩ rồi mới làm. Lại có ba loại yết ma có thể phá: Một là phi pháp mà làm, hai là biệt chúng mà làm và ba là người không hiện tiền. Lại có ba loại yết ma không thể phá: Một là như pháp mà làm, hòa hợp mà làm và Ba là người hiện tiền. Lại có ba loại yết ma có thể phá: Một là phi pháp mà làm, hai là biệt chúng mà làm và ba là không nói trước việc ấy mà làm. Lại có ba loại yết ma không thể phá: Một là như pháp

mà làm, hai là hòa hợp mà làm và ba là nói trước việc đó rồi mới làm. Lại có ba loại yết ma có thể phá: Một là phi pháp mà làm, hai là biệt chúng mà làm và ba là không khiến cho nhớ nghĩ mà làm. Lại có ba loại yết ma không thể phá: Một là như pháp mà làm, hai là hòa hợp mà làm và Ba là khiến cho nhớ nghĩ rồi mới làm. Lại có ba loại yết ma phi pháp phi Tỳ-ni có thể phá: Một là cho người không phạm tội mà làm, hai là cho người phạm tội không thể sám hối mà làm và ba là cho người đã sám hối tội mà làm. Lại có ba loại yết ma như pháp như luật không thể phá: Một là cho người phạm tội mà làm, hai là cho người phạm tội có thể sám mà làm và ba là cho người chưa sám tội mà làm. Lại có ba loại yết ma có thể phá: Một là không như pháp mà làm, hai là biệt chúng mà làm và ba là cho người không phạm tội mà làm. Lại có ba loại yết ma không thể phá: Một là như pháp mà làm, hai là hòa hợp mà làm và ba là cho người phạm tội mà làm. Lại có ba loại yết ma có thể phá: Một là phi pháp mà làm, hai là biệt chúng mà làm và ba là cho người phạm tội không thể sám hối mà làm. Lại có ba loại yết ma không thể phá: Một là như pháp mà làm, hai là hòa hợp mà làm và ba là cho người phạm tội có thể sám hối mà làm. Lại có ba loại yết ma có thể phá: Một là phi pháp mà làm, hai là biệt chúng mà làm và ba là cho người đã sám hối tội rồi mà làm. Lại có ba loại yết ma không thể phá: Một là như pháp mà

làm, hai là hòa hợp mà làm và ba là cho người chưa sám hối tội mà làm. Yết ma Y chỉ có hai việc: Một là bảo người này nên y chỉ vị nào đó nương ở, hai là bảo tuân theo hành pháp của yết ma Y chỉ". Tác pháp yết ma Y chỉ như sau: Tăng nhất tâm hòa hợp, một Tỳ-kheo trong Tăng xướng rằng:

Đại-đức tăng lắng nghe, Tỳ-kheo Thi-việt thường hay phạm tội, thường hay sám tội không có chừng hạn. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay làm yết ma Y chỉ cho Tỳ-kheo Thi-việt, chừng nào Tỳ-kheo Thi-việt này còn làm hạnh không thanh tịnh thì Tăng cho làm yết ma Y chỉ chừng ấy. Bạch như vậy.

Như thế Bạch-tứ-yết-ma cho đến câu Tăng nay đã cho Tỳ-kheo Thi-việt yết ma Y chỉ xong rồi. Tăng chấp thuận vì im lặng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

Hành pháp của-Tỳ-kheo được cho yết ma Y chỉ là:

- Không được truyền đại giới cho người.
- Không được thọ người khác y chỉ.
- Không được nuôi Sa di.
- Không được thọ Tăng sai giáo giới Tỳ-kheo-ni.
- Nếu đã được Tăng sai cũng không được đến giáo giới Tỳ-kheo-ni.
- Không được tái phạm tội đã cho yết ma Khổ-

thiết .

- Không được phạm tội tương tợ.
- Không được phạm tội nặng hơn tội này.
- Không được quở trách các yết ma.
- Không được quở trách người làm yết ma.
- Không được xuất tội Tỳ-kheo thanh tịnh.
- Không được theo người khác xin cho xuất tội.
- Không được nói tôi sẽ xuất tội thầy.
- Không được ngăn Bố tát, Tự tứ.
- Không được chống trái Tỳ-kheo thanh tịnh, phải điều phục tâm, như pháp cung kính.

Nếu Tỳ-kheo được cho yết ma Y chỉ mà không tuân theo những hành pháp trên thì trọn đời không được lìa yết ma này. Lúc đó các Tỳ-kheo vâng theo lời Phật dạy lui qua một bên làm yết ma Y chỉ cho Tỳ-kheo Thi-việt, Tỳ-kheo này thọ hành theo yết ma Y chỉ nay tâm hối cải, chiết phục, điều nhu theo Tăng xin giải yết ma Y chỉ. Các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật nói: "Nếu Tỳ-kheo Thi-việt tâm đã hối cải chiết phục thì tăng nên cho giải yết ma, nếu có người nào giống như vậy, Tăng cũng nên cho giải yết ma. Nếu Tỳ-kheo không tuân theo những hành pháp đã chế thì tăng không nên cho giải yết ma, tức là truyền đại giới cho người, thọ người khác y chỉ… cho đến chống trái Tỳ-kheo thanh tịnh thì Tăng không nên cho giải yết ma Y chỉ. Ngược lại nếu Tỳ-kheo tuân theo những hành

pháp đã chế, tức là không truyền đại giới cho người, không thọ người khác y chỉ… cho đến không chống trái Tỳ-kheo thanh tịnh thì tăng nên cho giải yết ma Y chỉ".

Tác pháp giải yết ma Y chỉ như sau: Tăng nhất tâm hòa hợp, Tỳ-kheo Thi-việt từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch bày vai hữu chắp tay bạch Tăng:

Đại-đức tăng nhớ nghĩ, con là Tỳ-kheo Thi-việt thường hay phạm tội, thường hay sám tội không có chừng hạn. Tăng đã cho làm yết ma Y chỉ, con thọ hành theo yết ma Y chỉ nay tâm hối cải, chiết phục theo Tăng xin giải yết ma Y chỉ. Xin Tăng thương xót giải yết ma Y chỉ cho con. (3 lần)

Một Tỳ-kheo trong Tăng tác bạch yết ma như sau:

Đại-đức tăng lắng nghe, Tỳ-kheo Thi-việt thường hay phạm tội, thường hay sám tội không có chừng hạn. Tăng đã cho làm yết ma Y chỉ, Tỳ-kheo Thi viết này thọ hành theo yết ma Y chỉ nay tâm hối cải chiết phục theo Tăng xin giải yết ma Y chỉ. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay giải yết ma Y chỉ cho Tỳ-kheo Thi-việt. Bạch như vậy.

Như thế Bạch-tứ-yết-ma cho đến câu Tăng nay đã giải yết ma Y chỉ cho Tỳ-kheo Thi-việt xong rồi. Tăng chấp thuận vì im lặng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

III. YẾT MA KHU XUẤT (Yết ma tẫn xuất):

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó ở tại Hắc sơn có hai Tỳ-kheo tên Mãn-túc và Mã-túc ở nơi này làm hạnh xấu, làm nhơ nhà người, ai cũng thấy cũng nghe cũng biết. Tỳ-kheo này cùng người nữ ngồi chung một giường, ăn chung một mâm, uống chung một bát, quá ngọ ăn, chứa thức ăn cùng ngủ (nội túc), ăn thức ăn cách đêm, không thọ mà ăn, không làm pháp dư thực mà ăn, đánh đàn đánh trống, huýt gió thành nhạc, thổi lá cây Đa la thành tiếng nhạc…, ca múa, đeo chuỗi anh lạc, lấy hương thơm thoa thân, mặc áo ướp mùi thơm… tự dắt vợ và con gái của người hoặc bảo người dắt, khiến voi ngựa đấu nhau, trâu bò đấu nhau, nam nữ đấu nhau, bản thân cũng đấu, tay đánh chân đạp, đuổi chạy nhau bốn phía… tung đồ vật lên hư không rồi ở dưới đón lấy, đi cùng người nữ trên thuyền làm các kỷ nhạc, hoặc cởi voi, cởi ngựa, đi kiệu với nhiều người thổi ốc đi trước dẫn đường vào trong vườn rừng… làm đủ những việc xấu xa như thế nên các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật nói: "Các thầy hãy làm yết ma Khu-xuất cho hai Tỳ-kheo Mã-túc và Mãn-túc, nếu có Tỳ-kheo nào giống như thế, Tăng cũng nên cho làm yết ma Khu-xuất. Nếu Tỳ-kheo có phạm trong ba việc: Phá giới, phá kiến, phá oai nghi thì nên cho làm yết ma Khu-xuất; nếu có ba việc: Ưa đấu tranh, thích cải cọ, nói xấu nhau

cũng nên cho làm yết ma Khu-xuất. Có ba loại yết ma phi pháp, phi Tỳ-ni có thể phá: Một là người không hiện tiền mà làm, hai là không nói trước việc đó mà làm và ba là không khiến cho nhớ nghĩ mà làm. Lại có ba loại yết ma như pháp như Tỳ-ni không thể phá: Một là người hiện tiền, hai là nói trước việc đó rồi mới làm và ba là khiến cho nhớ nghĩ rồi mới làm. Lại có ba loại yết ma có thể phá: Một là phi pháp mà làm, hai là biệt chúng mà làm và Ba là người không hiện tiền. Lại có ba loại yết ma không thể phá: Một là như pháp mà làm, hòa hợp mà làm và ba là người hiện tiền. Lại có ba loại yết ma có thể phá: Một là phi pháp mà làm, hai là biệt chúng mà làm và ba là không nói trước việc ấy mà làm. Lại có ba loại yết ma không thể phá: Một là như pháp mà làm, hai là hòa hợp mà làm và ba là nói trước việc đó rồi mới làm. Lại có ba loại yết ma có thể phá: Một là phi pháp mà làm, hai là biệt chúng mà làm và ba là không khiến cho nhớ nghĩ mà làm. Lại có ba loại yết ma không thể phá: Một là như pháp mà làm, hai là hòa hợp mà làm và ba là khiến cho nhớ nghĩ rồi mới làm. Lại có ba loại yết ma phi pháp phi Tỳ-ni có thể phá: Một là cho người không phạm tội mà làm, hai là cho người phạm tội không thể sám hối mà làm và ba là cho người đã sám hối tội mà làm. Lại có ba loại yết ma như pháp như luật không thể phá: Một là cho người phạm tội mà làm, hai là cho người phạm tội có thể

sám mà làm và ba là cho người chưa sám tội mà làm. Lại có ba loại yết ma có thể phá: Một là không như pháp mà làm, hai là biệt chúng mà làm và ba là cho người không phạm tội mà làm. Lại có ba loại yết ma không thể phá: Một là như pháp mà làm, hai là hòa hợp mà làm và ba là cho người phạm tội mà làm. Lại có ba loại yết ma có thể phá: Một là phi pháp mà làm, hai là biệt chúng mà làm và ba là cho người phạm tội không thể sám hối mà làm. Lại có ba loại yết ma không thể phá: Một là như pháp mà làm, hai là hòa hợp mà làm và ba là cho người phạm tội có thể sám hối mà làm. Lại có ba loại yết ma có thể phá: Một là phi pháp mà làm, hai là biệt chúng mà làm và ba là cho người đã sám hối tội rồi mà làm. Lại có ba loại yết ma không thể phá: Một là như pháp mà làm, hai là hòa hợp mà làm và ba là cho người chưa sám hối tội mà làm".

Tác pháp yết ma Khu-xuất như sau: Tăng nhất tâm hòa hợp, một Tỳ-kheo trong Tăng xướng rằng:

Đại-đức tăng lắng nghe, hai Tỳ-kheo Mã-túc và Mãn-túc làm hạnh xấu, làm nhơ nhà người, ai cũng thấy nghe hay biết. Tăng nay làm yết ma Khu-xuất cho hai Tỳ-kheo Mã-túc và Mãn-túc. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay làm yết ma Khu-xuất cho hai Tỳ-kheo này, chừng nào hai Tỳ-kheo này còn làm hạnh không thanh tịnh thì Tăng còn cho yết ma Khu-xuất chừng ấy. Bạch như vậy.

Như thế Bạch-tứ-yết-ma cho đến câu Tăng nay đã cho hai Tỳ-kheo Mã-túc và Mãn-túc yết ma Khu-xuất xong rồi. Tăng chấp thuận vì im lặng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

Hành pháp của-Tỳ-kheo bị yết ma Khu-xuất là:

- Không được truyền đại giới cho người.
- Không được thọ người khác y chỉ.
- Không được nuôi Sa di.
- Không được thọ Tăng sai giáo giới Tỳ-kheo-ni.
- Nếu đã được Tăng sai cũng không được đến giáo giới Tỳ-kheo-ni.
- Không được tái phạm tội đã cho yết ma Khổ-thiết .
- Không được phạm tội tương tợ.
- Không được phạm tội nặng hơn tội này.
- Không được quở trách các yết ma.
- Không được quở trách người làm yết ma.
- Không được xuất tội Tỳ-kheo thanh tịnh.
- Không được theo người khác xin cho xuất tội.
- Không được nói tôi sẽ xuất tội thầy.
- Không được ngăn Bố tát, Tự tứ.
- Không được chống trái Tỳ-kheo thanh tịnh, phải điều phục tâm, như pháp cung kính.

Nếu Tỳ-kheo bị yết ma Khu-xuất không tuân theo những hành pháp trên thì trọn đời không được

lìa yết ma này.

Lúc đó các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy lui qua một bên làm yết ma Khu-xuất cho hai Tỳ-kheo Mã-túc và Mãn-túc, hai Tỳ-kheo bị tẫn xuất nên tâm hối cải, chiết phục, tự thú đến trong Tăng xin giải yết ma. Các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật nói: "Nếu hai Tỳ-kheo này tâm hối cải, chiết phục, tự thú thì Tăng nên cho giải yết ma Khu-xuất; nếu có Tỳ-kheo nào giống như thế, Tăng cũng nên cho giải yết ma Khu-xuất. Nếu Tỳ-kheo không tuân theo hành pháp của yết ma Khu-xuất, tức là truyền đại giới cho người, thọ người khác y chỉ… cho đến chống trái Tỳ-kheo thanh tịnh, thì Tăng không nên cho giải yết ma Khu-xuất. Ngược lại nên tuân theo hành pháp của yết ma Khu-xuất, tức là không truyền đại giới cho người, không thọ người khác y chỉ… cho đến không chống trái Tỳ-kheo thanh tịnh, thì Tăng nên cho giải yết ma Khu-xuất".

Tác pháp giải yết ma Khu-xuất như sau: Tăng nhất tâm hòa hợp, hai Tỳ-kheo Mã-túc và Mãn-túc từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch bày vai hữu chắp tay bạch Tăng:

Đại-đức tăng nhớ nghĩ, hai chúng con là Tỳ-kheo Mã-túc và Mãn-túc làm hạnh xấu, làm nhơ nhà người, ai cũng thấy nghe hay biết. Tăng đã cho làm yết ma Khu-xuất, chúng con bị tẫn xuất nay tâm hối cải, chiết phục, tự thú theo Tăng xin giải yết ma Khu-xuất. Xin Tăng thương xót giải yết ma

Khu-xuất cho chúng con. (3 lần)

Một Tỳ-kheo trong Tăng tác bạch yết ma như sau:

Đại-đức tăng lắng nghe, hai Tỳ-kheo Mã-túc và Mãn-túc này đã làm hạnh xấu, làm nhơ nhà người, ai cũng thấy nghe hay biết. Tăng đã cho làm yết ma Khu-xuất, hai Tỳ-kheo này bị tẫn xuất tâm hối cải, chiết phục, tự thú theo Tăng xin giải yết ma Khu-xuất. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay giải yết ma Khu-xuất cho hai Tỳ-kheo Mã-túc và Mãn-túc. Bạch như vậy.

Như thế Bạch-tứ-yết-ma cho đến câu Tăng nay đã giải yết ma Khu-xuất cho hai Tỳ-kheo Mã-túc và Mãn-túc xong rồi. Tăng chấp thuận vì im lặng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

IV. YẾT MA HẠ Ý:

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó trong tụ lạc Ma-xoa-chỉ-đà tại nước Ca thi có một cư sĩ tên là Chất-đa-la, nhà rất giàu có, nhiều châu báu của cải, ruộng vườn… và nhiều quyến thuộc, tôi tớ. Người này đã quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng không có nghi ngờ, đối với Khổ tập diệt đạo đã được Kiến đế đắc đạo. Ở trong vườn Yêm-la thuộc tụ lạc Ma-xoa-chỉ-đà, cư sĩ này cho xây Tăng phòng rồi đến trong Tỳ-kheo tăng thỉnh rằng: "Các Đại-đức hãy đến thọ Tăng phòng trong vườn Yêm-la, con sẽ cúng dường y bát, ngọa cụ… và bốn loại dược:

Thời dược, thời phần dược, thất nhật dược và tận hình dược. Các Đại-đức có thể dạy con đọc tụng kinh pháp và giải đáp những nghi vấn cho con, trừ Tỳ-ni". Lúc đó có Tỳ-kheo tên Uất-đa-la đến ở trong Tăng phòng tại vườn Yêm-la này làm Maha-đế-đế-đế-đà-la (chủ Tăng phòng), lại có Tỳ-kheo tên là Ưu-ba-tư-na đàn đề tử cùng năm trăm đại Tỳ-kheo trụ nơi A-lan-nhã, mặc y phấn tảo, khất thực tự sống, ưa thích yên tĩnh, đi đứng nằm ngồi, tới lui, ăn uống, đắp y, mang bát… thảy đều thanh tịnh khiến người nhìn thấy đều sanh tâm cung kính. Các vị này khi đi đến trong tụ lạc Maxoa-chỉ-đà, cư sĩ Chất-đa-la vừa nhìn thấy liền sanh tâm cung kính liền nhân nơi khách Tỳ-kheo này mà thỉnh Tăng ngày mai đến nhà thọ thực. Tỳ-kheo Uất-đa-la, chủ Tăng phòng nghe biết cư sĩ Chất-đa-la không nói gì với mình mà nhân nơi khách Tỳ-kheo thỉnh Tăng ngày mai đến nhà thọ thực, liền suy nghĩ: "Ta là chủ Tăng phòng trong vườn Yêm-la này mà cư sĩ Chất-đa-la không nói gì với ta, lại nhân nơi khách Tỳ-kheo thỉnh Tăng ngày mai đến nhà thọ thực, sáng mai ta sẽ đến cùng cư sĩ nói chuyện", nghĩ rồi sáng sớm hôm sau đắp y mang bát đến nhà của cư sĩ, thấy cư sĩ đã sửa soạn đầy đủ các món ăn ngon và trải đủ các loại tọa cụ tạp sắc, thấy rồi liền hỏi cư sĩ: "Vì sao không có viên hồ ma hoan hỉ ?", Chất-đa-la nói: "Đại-đức, tôi muốn nói một ví dụ, nếu thầy nghe thì tôi sẽ

nói. Ở phương Bắc có các thương nhơn đem gà mái đến trong chợ ở phương Đông bán, lúc đó có con quạ đáp xuống cùng gà mái này cọng hợp, gà mái này sanh con, con chim con này khi kêu không thể kêu được tiếng gà cũng không kêu được tiếng quạ, mà kêu thành tiếng nửa gà nửa quạ. Thầy cũng như vậy, tuy nói đủ các lời lành về Phật pháp nhưng nay lại nói lời thô ác", Tỳ-kheo Uất-đa-la liền trách: "Cư sĩ đã mắng tôi, nay tôi giao trả lại Tăng phòng trong vườn Yêm-la của cư sĩ, tôi sẽ đến chỗ Phật ở phương Đông để thân cận cúng dường", Chất-đa-la liền nói: "Đại-đức hãy ở lại làm chủ Tăng phòng trong vườn Yêm-la, con sẽ cúng dường y bát, ngọa cụ… và bốn loại dược: Thời dược, thời phần dược, thất nhật dược và tận hình dược. Các Đại-đức có thể dạy con đọc tụng kinh pháp và giải đáp những nghi vấn cho con, trừ Tỳ-ni", cư sĩ thỉnh như thế đến lần thứ ba và Tỳ-kheo Uất-đa-la cũng trách như thế đến lần thứ ba. Lúc đó Chất-đa-la nói: "Nếu Đại-đức nhất quyết muốn đi đến chỗ Phật thì xin hãy thuật lại đầy đủ những lời tôi và thầy đã nói, chớ có thêm bớt. Hôm nay Đại-đức không thọ tôi thỉnh ở lại, sau này chắc chắn cũng sẽ trở lại", Tỳ-kheo Uất-đa-la liền đi đến chỗ Phật ở nước Xá-vệ, đảnh lễ Phật rồi ngồi một bên, pháp thường của Phật là khi có khách Tỳ-kheo đến đều hỏi thăm có nhẫn đủ không, có được an lạc trụ không, khất thực có dễ không, đi đường có nhọc

mệt không. Tỳ-kheo đều đáp là nhẫn đủ, được an lạc trụ, khất thực không khó, đi đường không nhọc mệt, rồi đem việc trên bạch Phật, Phật nghe rồi liền bảo các Tỳ-kheo : "Các thầy hãy làm yết ma Hạ-ý cho Tỳ-kheo Uất-đa-la rồi bảo Tỳ-kheo này đến chỗ cư sĩ Chất-đa-la hạ mình sám tạ, nếu có Tỳ-kheo nào giống như thế, Tăng cũng nên cho làm yết ma Hạ-ý. Nếu Tỳ-kheo có phạm trong ba việc: Phá giới, phá kiến, phá oai nghi thì nên cho làm yết ma Hạ-ý; nếu có ba việc: Ưa đấu tranh, thích cải cọ, nói xấu nhau cũng nên cho làm yết ma Hạ-ý. Nếu Tỳ-kheo có có năm pháp: Chê bai Phật, chê bai pháp, chê bai Tăng, phá giới, phá oai nghi thì tăng nên cho làm yết ma Hạ-ý. Lại có có năm pháp: Nói lời thô ác với cư sĩ, hoặc quở mắng cư sĩ, chê bai nhà cư sĩ, hoặc làm cho nhà cư sĩ bị chia lìa, hoặc tìm phương tiện đuổi cư sĩ đi khiến cho bị suy não thì Tăng nên cho làm yết ma Hạ-ý. Lại có có năm pháp: Nói lời thô ác với Tỳ-kheo khác, mạ nhục Tỳ-kheo, chê bai Tỳ-kheo, phá lợi dưỡng của-Tỳ-kheo, tìm phương tiện đuổi Tỳ-kheo đi khiến cho bị suy não thì Tăng nên cho làm yết ma Hạ-ý. Lại có có năm pháp: Xúi giục cư sĩ tranh chấp với cư sĩ, xúi giục cư sĩ tranh chấp với Tỳ-kheo, xúi giục Tỳ-kheo tranh cải với Tỳ-kheo, xúi giục Tỳ-kheo tranh cải với cư sĩ, nói điều mà cư sĩ không thích thì tăng nên cho làm yết ma Hạ-ý.

Trước khi Tăng cho làm yết ma Hạ-ý, nên tư

duy ba điều: Một là điều cư sĩ nói ra là thật hay không thật.

Hai là Tỳ-kheo này có thể làm việc đó hay không.

Ba là Tỳ-kheo này có thể khiến Hạ-ý không. Tư duy như vậy rồi mới cho làm yết ma Hạ-ý".

Tác pháp yết ma Hạ-ý như sau: Tăng nhất tâm hòa hợp, một Tỳ-kheo trong Tăng xướng rằng:

Đại-đức tăng lắng nghe, cư sĩ Chất-đa-la cúng dường chúng tăng như phụng sự Đại gia, Tỳ-kheo Uất-đa-la này lại hiện tiền nói lời thô ác quở mắng cư sĩ. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay làm yết ma Hạ-ý cho Tỳ-kheo Uất-đa-la, bảo Tỳ-kheo này đến chỗ cư sĩ Chất-đa-la sám tạ. Bạch như vậy.

Như thế Bạch-tứ-yết-ma cho đến câu Tăng đã cho làm yết ma Hạ-ý, bảo Tỳ-kheo Uất-đa-la đến chỗ cư sĩ Chất-đa-la sám tạ xong rồi. Tăng chấp thuận vì im lặng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

Lúc đó Tăng nên sai một Tỳ-kheo có khả năng dẫn Tỳ-kheo Uất-đa-la đến chỗ cư sĩ Chất-đa-la, nói với cư sĩ rằng: "Tỳ-kheo này hiện tiền nói lời thô ác, quở mắng ông, Tăng đã như pháp trị phạt, ông nên cho Tỳ-kheo này sám tạ", nếu cư sĩ cho sám tạ thì nên bảo cư sĩ đến chỗ chỉ thấy mà không nghe được, lúc đó Tỳ-kheo Uất-đa-la đối trước Tỳ-kheo hướng dẫn này sám tội Đột-kiết-la. Nếu cư sĩ

không cho sám tạ thì Tăng nên sai Tỳ-kheo thứ hai có khả năng đến nói với cư sĩ giống như trên, nếu cư sĩ cho sám tạ thì cũng giống như trên, Tỳ-kheo Uất-đa-la đối trước hai Tỳ-kheo hướng dẫn này sám tội Đột-kiết-la. Nếu cư sĩ vẫn không cho sám tạ thì Tăng nên sai Tỳ-kheo thứ ba, thứ bốn có khả năng đến nói với cư sĩ giống như trên, nếu cư sĩ cho sám tạ thì cũng giống như trên, Tỳ-kheo Uất-đa-la đối trước các Tỳ-kheo này sám tội Đột-kiết-la. Nếu cư sĩ vẫn không cho sám tạ, cư sĩ lại là người có quen biết nhiều, có thế lực lớn hoặc thế lực của vua, hoặc của quan, của giặc cướp có thể tự làm việc ác não loạn chúng tăng hoặc sai bảo người khác làm, thì Tăng nên bảo Tỳ-kheo phạm lỗi này rằng: "Cư sĩ này có nhiều quen biết, có thế lực lớn… hoặc sai bảo người khác làm. Vì vậy thầy nên rời khỏi chỗ này", nếu Tỳ-kheo này gượng ở lại thì Tăng không tội.

V. YẾT MA BẤT KIẾN TẪN (Yết ma không thấy tội):

Phật tại nước Câu-xá-di, lúc đó Tỳ-kheo Xa-nặc phạm tội nên sám hối, các Tỳ-kheo thương xót muốn người này được lợi ích an lạc nên nói tội và bảo như pháp sám hối chớ có che giấu. Xa-nặc nói: "Tôi không thấy tội, vì sao phải sám hối", các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật nói: "Các thầy hãy làm yết ma Bất-kiến-tẫn cho Tỳ-kheo Xa-nặc,

nếu có Tỳ-kheo nào giống như thế, Tăng cũng nên cho làm yết ma Bất-kiến-tẫn. Nếu Tỳ-kheo có phạm trong ba việc: Phá giới, phá kiến, phá oai nghi thì nên cho làm yết ma Bất-kiến-tẫn; nếu có ba việc: Ưa đấu tranh, thích cải cọ, nói xấu nhau cũng nên cho làm yết ma Bất-kiến-tẫn. Trước khi Tăng cho làm yết ma Bất-kiến-tẫn, Tăng nên tư duy có năm pháp: "Nếu chúng ta cho làm yết ma Bất-kiến-tẫn thì Tỳ-kheo này không được cùng thuyết giới và Tăng yết ma, không được cùng thọ thực Đát-bát-na, không được cùng ngọ trai, không được từ bậc Thượng tòa thọ lễ kính, nghinh đón và tiễn đưa". Do nhân duyên này phát sanh tranh cải khiến Tăng bị phá, Tăng tranh cải, Tăng chia rẽ bất đồng thì Tăng không nên cho làm yết ma Bất-kiến-tẫn. Ngược lại nếu do nhân duyên này không phát sanh tranh cải khiến Tăng hòa hợp, Tăng không tranh cải, Tăng không chia rẽ bất đồng thì Tăng nên cho làm yết ma Bất-kiến-tẫn. Tỳ-kheo phạm tội cũng nên tư duy có năm pháp để như pháp thấy tội như sau: "Nếu ta không như pháp thấy tội này thì Tăng sẽ làm yết ma Bất-kiến-tẫn cho ta, ta không được cùng Tăng thuyết giới và tăng yết ma, không được cùng thọ thực Đát-bát-na, không được cùng ngọ trai thực, không được từ bậc Thượng tòa thọ lễ kính, nghinh đón và tiễn đưa. Vì sao, vì các Tỳ-kheo ưa thích trì giới, có tàm quý không thể vì ta mà tùy ái hành, tùy sân hành, tùy bố hành, tùy si

hành", suy nghĩ như vậy rồi Tỳ-kheo này nên thọ yết ma Bất-kiến-tẫn".

Tác pháp yết ma Bất-kiến-tẫn như sau: Tăng nhất tâm hòa hợp, một Tỳ-kheo trong Tăng xướng rằng:

Đại-đức tăng lắng nghe, Tỳ-kheo Xa-nặc này phạm tội mà không như pháp thấy tội. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay làm yết ma Bất-kiến-tẫn cho Tỳ-kheo Xa-nặc, chừng nào mà Tỳ-kheo này không như pháp thấy tội thì Tăng cho làm yết ma Bất-kiến-tẫn chừng ấy. Các Tỳ-kheo không cùng thầy chung làm yết ma, không cùng thầy chung làm Tăng sự hoặc là Đơn-bạch, Bạch-nhị, Bạch-tứ-yết-ma, Bố tát, Tự tứ; thầy không được xếp vào trong số mười bốn hạng người, không cùng với thầy cọng sự và ở chung vì thầy xấu ác như Chiên-đà-la. Bạch như vậy.

Như thế Bạch-tứ-yết-ma cho đến câu Tăng đã làm yết ma Bất-kiến-tẫn cho Tỳ-kheo Xa-nặc xong rồi. Tăng chấp thuận vì im lặng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

Hành pháp của-Tỳ-kheo bị yết ma Bất-kiến-tẫn là:

- Không được truyền đại giới cho người.
- Không được thọ người khác y chỉ.
- Không được nuôi Sa di.
- Không được thọ Tăng sai giáo giới Tỳ-kheo-

ni.

- Nếu đã được Tăng sai cũng không được đến giáo giới Tỳ-kheo-ni.

- Không được tái phạm tội đã cho yết ma Khổ-thiết .

- Không được phạm tội tương tợ.

- Không được phạm tội nặng hơn tội này.

- Không được quở trách các yết ma.

- Không được quở trách người làm yết ma.

- Không được thọ Tỳ-kheo thanh tịnh làm lễ, nghinh đón; cúng dường y bát, ngọa cụ… cho đến xoa bóp chân tay. Nếu không bịnh thì không được thọ người khác xoa bóp, tâm phải hối cải chiết phục.

Nếu Tỳ-kheo bị yết ma Bất-kiến-tẫn không tuân theo những hành pháp trên thì trọn đời không được lìa yết ma này.

Lúc đó các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy lui qua một bên làm yết ma Bất-kiến-tẫn cho Tỳ-kheo Xa-nặc. Tỳ-kheo này bị tẫn tâm không chiết phục, nói rằng: "Tôi đâu cần dự vào việc của các thầy, tôi cũng không đếm xỉa đến các thầy", nói rồi mang bát đi đến các nước như nước Ương-già, nước Ma-kiệt-đà, nước ca thi, nước Kiều-tát-la, nước Cưu-lưu, nước Bát-xà-la, nước A-thấp-Ma-già-a-bàn-đề… hết chỗ này đến chỗ khác. Tỳ-kheo ở các nước này nghe biết Xa-nặc bị tẫn nên không cùng

thầy chung làm yết ma, không cùng thầy chung làm Tăng sự hoặc là Đơn-bạch, Bạch-nhị, Bạch-tứ-yết-ma, Bố tát, Tự tứ; thầy không được xếp vào trong số mười bốn hạng người, không cùng với thầy cọng sự và ở chung vì thầy xấu ác như Chiên-đà-la. Tỳ-kheo Xa-nặc lúc đó tâm hối cải, chiết phục, tự thú trở về nước Câu-xá-di đến trong Tăng xin giải tẫn, các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật nói: "Các thầy nên giải yết ma Bất-kiến-tẫn cho Tỳ-kheo Xa-nặc, nếu có người nào giống như thế, Tăng cũng nên cho giải tẫn. Nếu Tỳ-kheo không tuân theo những hành pháp đã chế, tức là truyền đại giới cho người, thọ người khác y chỉ… cho đến nếu không bịnh thì không tho người khác xoa bóp, thì Tăng không nên cho giải tẫn. Hoặc làm hình tướng cư sĩ, hoặc làm hình tướng ngoại đạo, làm việc chung với ngoại đạo, hoặc việc không nên làm mà làm, không học giới Tỳ-kheo, nhục mạ Tỳ-kheo, nói lời thô ác với Tỳ-kheo, chê bai Tỳ-kheo, tìm cách làm cho Tỳ-kheo mất chỗ ở, mất sự cúng dường, muốn chiết phục Tỳ-kheo ở trong giới và ở ngoài giới, thích đấu tranh, cải cọ và nói xấu nhau, tâm không chiết phục, không cung kính điều nhu, thì Tăng không nên cho giải tẫn. Ngược lại nếu Tỳ-kheo tuân theo những hành pháp đã chế, tức là không truyền đại giới cho người, không thọ người khác y chỉ… cho đến tâm hối cải điều nhu, thì Tăng nên cho giải tẫn".

Tác pháp giải yết ma Bất-kiến-tẫn như sau: Tăng nhất tâm hòa hợp, Tỳ-kheo Xa-nặc từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch bày vai hữu chắp tay bạch Tăng:

Đại-đức tăng nhớ nghĩ, con là Tỳ-kheo Xa-nặc phạm tội nên sám hối, vì không như pháp thấy tội nên Tăng làm yết ma Bất-kiến-tẫn cho con. Các Tỳ-kheo không cùng con chung làm yết ma, không cùng con chung làm Tăng sự hoặc là Đơn-bạch, Bạch-nhị, Bạch-tứ-yết-ma, Bố tát, Tự tứ; con không được xếp vào trong số mười bốn hạng người, không cùng với con cọng sự và ở chung vì con xấu ác như Chiên-đà-la. Con nay tâm hối cải, chiết phục, tự thú đến trong Tăng xin giải yết ma Bất-kiến-tẫn, xin Tăng thương xót giải yết ma Bất-kiến-tẫn cho con. (3 lần)

Một Tỳ-kheo trong Tăng tác bạch yết ma như sau:

Đại-đức tăng lắng nghe, Tỳ-kheo Xa-nặc này phạm tội mà không như pháp thấy tội nên Tăng đã cho làm yết ma Bất-kiến-tẫn. Các Tỳ-kheo không cùng thầy chung làm yết ma, không cùng thầy chung làm Tăng sự hoặc là Đơn-bạch, Bạch-nhị, Bạch-tứ-yết-ma, Bố tát, Tự tứ; thầy không được xếp vào trong số mười bốn hạng người, không cùng với thầy cọng sự và ở chung vì thầy xấu ác như Chiên-đà-la. Tỳ-kheo này tâm hối cải, chiết phục, tự thú nay theo Tăng xin giải yết ma Bất-

kiến-tẫn. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay giải yết ma Bất-kiến-tẫn cho Tỳ-kheo Xa-nặc. Bạch như vậy.

Như thế Bạch-tứ-yết-ma cho đến câu Tăng đã giải yết ma Bất-kiến-tẫn cho Tỳ-kheo Xa-nặc xong rồi. Tăng chấp thuận vì im lạng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

VI. YẾT MA BẤT TÁC TẨN (Yết ma không sám tội):

Phật tại nước Câu-xá-di, lúc đó Tỳ-kheo Xa-nặc phạm tội nên sám hối, các Tỳ-kheo thương xót muốn người này được lợi ích an lạc nên nói tội và bảo như pháp sám hối, Xa-nặc nói: "Tôi không thể như pháp sám hối", các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật nói: "Các thầy hãy làm pháp yết ma Bất-tác-tẫn cho Tỳ-kheo Xa-nặc, nếu có người nào giống như thế, Tăng cũng nên cho yết ma Bất-tác-tẫn. Nếu Tỳ-kheo có phạm trong ba việc: Phá giới, phá kiến, phá oai nghi thì nên cho làm yết ma Bất-tác-tẫn; nếu có ba việc: Ưa đấu tranh, thích cải cọ, nói xấu nhau cũng nên cho làm yết ma Bất-tác-tẫn. Trước khi làm yết ma Bất-tác-tẫn, Tăng nên suy nghĩ có năm pháp: "Nếu chúng ta tác pháp yết ma Bất-tác-tẫn thì Tỳ-kheo này không được cùng thuyết giới và Tăng yết ma, không được cùng thọ thực Đát-bát-na, không được cùng ngọ trai, không được từ bậc Thượng tòa thọ lễ kính, nghinh đón và

tiễn đưa'. Do nhân duyên này phát sanh tranh cải khiến tăng bị phá, Tăng tranh cải, Tăng chia rẽ, bất đồng thì Tăng không nên cho làm yết ma Bất-tác-tẫn. Ngược lại nếu do nhân duyên này mà Tăng không sanh khởi tranh cải, Tăng hòa hợp, Tăng không chia rẽ bất đồng thì Tăng nên cho làm yết ma Bất-tác-tẫn. Tỳ-kheo phạm tội cũng nên tư duy có năm pháp để như pháp thấy tội như sau: "Nếu ta không như pháp thấy tội này thì Tăng sẽ làm yết ma Bất-tác-tẫn cho ta, ta không được cùng Tăng thuyết giới và tăng yết ma, không được cùng thọ thực Đát-bát-na, không được cùng ngọ trai thực, không được từ bậc Thượng tòa thọ lễ kính, nghinh đón và tiễn đưa. Vì sao, vì các Tỳ-kheo ưa thích trì giới, có tàm quý không thể vì ta mà tùy ái hành, tùy sân hành, tùy bố hành, tùy si hành", suy nghĩ như thế rồi, Tỳ-kheo phạm tội nên thọ yết ma Bất-tác-tẫn".

Tác pháp yết ma Bất-tác-tẫn như sau: Tăng nhất tâm hòa hợp, một Tỳ-kheo trong Tăng xướng rằng:

Đại-đức tăng lắng nghe, Tỳ-kheo Xa-nặc phạm tội tuy thấy tội, nhưng không như pháp sám hối. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay làm yết ma Bất-tác-tẫn cho Tỳ-kheo Xa-nặc, chừng nào Tỳ-kheo này phạm tội thấy tội mà không như pháp sám hối thì Tăng còn cho làm yết ma Bất-tác-tẫn chừng ấy. Các Tỳ-kheo

không cùng thầy chung làm yết ma, không cùng thầy chung làm Tăng sự hoặc là Đơn-bạch, Bạch-nhị, Bạch-tứ-yết-ma, Bố tát, Tự tứ; thầy không được xếp vào trong số mười bốn hạng người, không cùng với thầy cọng sự và ở chung vì thầy xấu ác như Chiên-đà-la. Bạch như vậy.

Như thế Bạch-tứ-yết-ma cho đến câu Tăng đã cho Tỳ-kheo Xa-nặc yết ma Bất-tác-tẫn xong rồi. Tăng chấp thuận vì im lặng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

Hành pháp của-Tỳ-kheo được cho yết ma Khổ-thiết là:

- Không được truyền đại giới cho người.
- Không được thọ người khác y chỉ.
- Không được nuôi Sa di.
- Không được thọ Tăng sai giáo giới Tỳ-kheo-ni.
- Nếu đã được Tăng sai cũng không được đến giáo giới Tỳ-kheo-ni.
- Không được tái phạm tội đã cho yết ma Khổ-thiết .
- Không được phạm tội tương tợ.
- Không được phạm tội nặng hơn tội này.
- Không được quở trách các yết ma.
- Không được quở trách người làm yết ma.
- Không được thọ Tỳ-kheo thanh tịnh làm lễ, nghinh đón; cúng dường y bát, ngọa cụ… cho đến

xoa bóp chân tay. Nếu không bịnh thì không được thọ người khác xoa bóp, tâm phải hối cải chiết phục.

Nếu Tỳ-kheo bị yết ma Bất-tác-tẫn không tuân theo những hành pháp trên thì trọn đời không được lìa yết ma này.

Lúc đó các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy lui qua một bên làm yết ma Bất-tác-tẫn cho Tỳ-kheo Xa-nặc, Tỳ-kheo này bị tẫn tâm không chiết phục, nói rằng: "Tôi đâu cần dự vào việc của các thầy, tôi cũng không đếm xỉa đến các thầy", nói rồi mang bát đi đến các nước như nước Ương-già, nước Ma-kiệt-đà, nước ca thi, nước Kiều-tát-la, nước Cưu-lưu, nước Bát-xà-la, nước A-thấp-Ma-già-a-bàn-đề… hết chỗ này đến chỗ khác. Tỳ-kheo ở các nước này nghe biết Xa-nặc bị tẫn nên không cùng thầy chung làm yết ma, không cùng thầy chung làm Tăng sự hoặc là Đơn-bạch, Bạch-nhị, Bạch-tứ-yết-ma, Bố tát, Tự tứ; thầy không được xếp vào trong số mười bốn hạng người, không cùng với thầy cọng sự và ở chung vì thầy xấu ác như Chiên-đà-la. Tỳ-kheo Xa-nặc lúc đó tâm hối cải, chiết phục, tự thú trở về nước Câu-xá-di đến trong Tăng xin giải tẫn, các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật nói: "Các thầy nên giải yết ma Bất-tác-tẫn cho Tỳ-kheo Xa-nặc, nếu có người nào giống như thế, Tăng cũng nên cho giải yết ma Bất-tác-tẫn. Nếu Tỳ-kheo không tuân theo những hành pháp đã chế,

tức là truyền thọ đại giới cho người, thọ người khác y chỉ… cho đến không bịnh mà thọ người khác xoa bóp. Hoặc làm hình tướng cư sĩ, hoặc làm hình tướng ngoại đạo, làm việc chung với ngoại đạo, hoặc việc không nên làm mà làm, không học giới Tỳ-kheo, nhục mạ Tỳ-kheo, nói lời thô ác với Tỳ-kheo, chê bai Tỳ-kheo, tìm cách làm cho Tỳ-kheo mất chỗ ở, mất sự cúng dường, muốn chiết phục Tỳ-kheo ở trong giới và ở ngoài giới, thích đấu tranh, cải cọ và nói xấu nhau, tâm không chiết phục, không cung kính điều nhu. Tỳ-kheo như thế thì Tăng không nên cho giải yết ma Bất-tác-tẫn. Ngược lại nếu Tỳ-kheo tuân theo những hành pháp đã chế, tức là không truyền thọ đại giới cho người, không thọ người khác y chỉ… cho đến tâm chiết phục điều nhu, thì Tăng nên cho giải yết ma Bất-tác-tẫn".

Tác pháp giải yết ma Bất-tác-tẫn như sau: Tăng nhất tâm hòa hợp, Tỳ-kheo Xa-nặc từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch bày vai hữu chắp tay bạch Tăng:

Đại-đức tăng nhớ nghĩ, con là Tỳ-kheo Xa-nặc phạm tội thấy tội nhưng không như pháp sám hối nên Tăng đã làm yết ma Bất-tác-tẫn cho con. Các Tỳ-kheo không cùng con chung làm yết ma, không cùng con chung làm Tăng sự hoặc là Đơn-bạch, Bạch-nhị, Bạch-tứ-yết-ma, Bố tát, Tự tứ; con không được xếp vào trong số mười bốn hạng người, không cùng với con cọng sự và ở chung vì

con xấu ác như Chiên-đà-la. Con nay tâm hối cải, chiết phục, tự thú theo Tăng xin giải yết ma Bất-tác-tẫn. Xin Tăng thương xót giải yết ma Bất-tác-tẫn cho con. (3 lần)

Một Tỳ-kheo trong Tăng tác bạch yết ma như sau:

Đại-đức tăng lắng nghe, Tỳ-kheo Xa-nặc này phạm tội thấy tội nhưng không như pháp sám hối nên Tăng đã cho làm yết ma Bất-tác-tẫn. Các Tỳ-kheo không cùng thầy chung làm yết ma, không cùng thầy chung làm Tăng sự hoặc là Đơn-bạch, Bạch-nhị, Bạch-tứ-yết-ma, Bố tát, Tự tứ; thầy không được xếp vào trong số mười bốn hạng người, không cùng với thầy cọng sự và ở chung vì thầy xấu ác như Chiên-đà-la. Tỳ-kheo Xa-nặc này tâm hối cải, chiết phục, tự thú nên theo Tăng xin giải yết ma Bất-tác-tẫn. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay giải yết ma Bất-tác-tẫn cho Tỳ-kheo Xa-nặc. Bạch như vậy.

Như thế Bạch-tứ-yết-ma cho đến câu Tăng đã giải yết ma Bất-tác-tẫn cho Tỳ-kheo Xa-nặc xong rồi. Tăng chấp thuận vì im lặng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

VII. YẾT MA BẤT XẢ ÁC TÀ KIẾN TẪN:

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó Tỳ-kheo A-lợi-tra sanh ác tà kiến nói rằng: "Tôi hiểu nghĩa của pháp Phật đã nói là làm pháp chướng ngại không thể

chướng ngại đạo", các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật nói: "Các thầy nên làm yết ma Bất-xả-ác-tà-kiến-tẫn cho Tỳ-kheo A-lợi-tra, nếu có Tỳ-kheo nào giống như thế, Tăng cũng nên cho làm yết ma Bất xả ác tà kiến. Nếu Tỳ-kheo có phạm trong ba việc: Phá giới, phá kiến, phá oai nghi thì nên cho làm yết ma Bất-xả-ác-tà-kiến-tẫn; nếu có ba việc: Ưa đấu tranh, thích cải cọ, nói xấu nhau cũng nên cho làm yết ma Bất-xả-ác-tà-kiến-tẫn. Trước khi Tăng cho làm yết ma Bất-xả-ác-tà-kiến-tẫn, Tăng nên suy nghĩ có năm pháp: "Nếu chúng ta tác pháp yết ma Bất-xả-ác-tà-kiến-tẫn thì Tỳ-kheo này không được cùng thuyết giới và Tăng yết ma, không được cùng thọ thực Đát-bát-na, không được cùng ngọ trai, không được từ bậc Thượng tòa thọ lễ kính, nghinh đón và tiễn đưa". Do nhân duyên này phát sanh tranh cải khiến tăng bị phá, Tăng tranh cải, Tăng chia rẽ, bất đồng thì Tăng không nên cho làm yết ma Bất-xả-ác-tà-kiến-tẫn. Ngược lại nếu do nhân duyên này Tăng không phát sanh tranh cải, Tăng hòa hợp, Tăng không chia rẽ bất đồng thì Tăng nên cho làm yết ma Bất-xả-ác-tà-kiến-tẫn. Tỳ-kheo phạm tội cũng nên tư duy có năm pháp để như pháp thấy tội như sau: "Nếu ta không như pháp thấy tội này thì Tăng sẽ làm yết ma Bất-xả-ác-tà-kiến-tẫn cho ta, ta không được cùng Tăng thuyết giới và tăng yết ma, không được cùng thọ thực Đát-bát-na, không được cùng ngọ

trai thực, không được từ bậc Thượng tòa thọ lễ kính, nghinh đón và tiễn đưa. Vì sao, vì các Tỳ-kheo ưa thích trì giới, có tàm quý không thể vì ta mà tùy ái hành, tùy sân hành, tùy bố hành, tùy si hành", suy nghĩ như thế rồi, Tỳ-kheo phạm tội nên thọ yết ma Bất-xả-ác-tà-kiến-tẫn".

Tác pháp yết ma Bất-xả-ác-tà-kiến-tẫn như sau: Tăng nhất tâm hòa hợp, một Tỳ-kheo trong Tăng xướng rằng:

Đại-đức tăng lắng nghe, Tỳ-kheo A-lợi-tra sanh ác tà kiến nói rằng: "Tôi hiểu nghĩa của pháp Phật đã nói là làm pháp chướng ngại không thể chướng ngại đạo". Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay làm yết ma Bất-xả-ác-tà-kiến-tẫn cho Tỳ-kheo A-lợi-tra, chừng nào Tỳ-kheo sanh ác tà kiến này chưa như pháp sám hối thì Tăng còn cho làm yết ma Bất-xả-ác-tà-kiến-tẫn chứng ấy. Các Tỳ-kheo không cùng thầy chung làm yết ma, không cùng thầy chung làm Tăng sự hoặc là Đơn-bạch, Bạch-nhị, Bạch-tứ-yết-ma, Bố tát, Tự tứ; thầy không được xếp vào trong số mười bốn hạng người, không cùng với thầy cọng sự và ở chung vì thầy xấu ác như Chiên-đà-la. Bạch như vậy.

Như thế Bạch-tứ-yết-ma cho đến câu Tăng đã làm yết ma Bất-xả-ác-tà-kiến-tẫn cho Tỳ-kheo A-lợi-tra xong rồi. Tăng chấp thuận vì im lạng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

Hành pháp của-Tỳ-kheo được cho yết ma Khổ-thiết là:

- Không được truyền đại giới cho người.
- Không được thọ người khác y chỉ.
- Không được nuôi Sa di.
- Không được thọ Tăng sai giáo giới Tỳ-kheo-ni.
- Nếu đã được Tăng sai cũng không được đến giáo giới Tỳ-kheo-ni.
- Không được tái phạm tội đã cho yết ma Khổ-thiết .
- Không được phạm tội tương tợ.
- Không được phạm tội nặng hơn tội này.
- Không được quở trách các yết ma.
- Không được quở trách người làm yết ma.
- Không được thọ Tỳ-kheo thanh tịnh làm lễ, nghinh đón; cúng dường y bát, ngọa cụ… cho đến xoa bóp chân tay. Nếu không bịnh thì không được thọ người khác xoa bóp, tâm phải hối cải chiết phục.

Nếu Tỳ-kheo bị yết ma Bất-xả-ác-tà-kiến-tẫn mà không tuân theo những hành pháp trên thì trọn đời không được lìa yết ma này.

Lúc đó các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy lui qua một bên làm yết ma Bất-xả-ác-tà-kiến-tẫn cho Tỳ-kheo A-lợi-tra, thời gian sau, Tỳ-kheo này tâm hối cải, chiết phục, tự thú đến trong Tăng xin giải tẫn,

các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật nói: "Các thầy nên giải yết ma Bất-xả-ác-tà-kiến-tẫn cho Tỳ-kheo A-lợi-tra, nếu có người nào giống như thế, Tăng cũng nên cho giải tẫn. Nếu Tỳ-kheo không tuân theo những hành pháp đã chế, tức là truyền thọ đại giới cho người, thọ người khác y chỉ… cho đến không bịnh mà thọ người khác xoa bóp. Hoặc làm hình tướng cư sĩ, hoặc làm hình tướng ngoại đạo, làm việc chung với ngoại đạo, hoặc việc không nên làm mà làm, không học giới Tỳ-kheo, nhục mạ Tỳ-kheo, nói lời thô ác với Tỳ-kheo, chê bai Tỳ-kheo, tìm cách làm cho Tỳ-kheo mất chỗ ở, mất sự cúng dường, muốn chiết phục Tỳ-kheo ở trong giới và ở ngoài giới, thích đấu tranh, cải cọ và nói xấu nhau, tâm không chiết phục, không cung kính điều nhu. Tỳ-kheo như thế thì Tăng không nên cho giải yết ma Bất-xả-ác-tà-kiến-tẫn. Ngược lại nếu Tỳ-kheo tuân theo những hành pháp đã chế, tức là không truyền thọ đại giới cho người, không thọ người khác y chỉ… cho đến tâm chiết phục điều nhu thì Tăng nên cho giải yết ma Bất-xả-ác-tà-kiến-tẫn".

Tác pháp giải yết ma Bất-xả-ác-tà-kiến-tẫn như sau: Tăng nhất tâm hòa hợp, Tỳ-kheo A-lợi-tra từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch bày vai hữu chắp tay bạch Tăng:

Đại-đức tăng nhớ nghĩ, con Tỳ-kheo A-lợi-tra sanh ác tà kiến nói rằng: "Tôi hiểu nghĩa của pháp

Phật đã nói là làm pháp chướng ngại không thể chướng ngại đạo" nên Tăng đã làm yết ma Bất-xả-ác-tà-kiến-tẫn cho con. Các Tỳ-kheo không cùng con chung làm yết ma, không cùng con chung làm Tăng sự hoặc là Đơn-bạch, Bạch-nhị, Bạch-tứ-yết-ma, Bố tát, Tự tứ; không xếp con vào trong số mười bốn hạng người, không cùng với con cọng sự và ở chung vì con xấu ác như Chiên-đà-la. Con nay tâm hối cải, chiết phục, tự thú theo Tăng xin giải yết ma Bất-xả-ác-tà-kiến-tẫn. Xin Tăng thương xót giải yết ma Bất-xả-ác-tà-kiến-tẫn cho con. (3 lần)

Một Tỳ-kheo trong Tăng tác bạch yết ma như sau:

Đại-đức tăng lắng nghe, Tỳ-kheo A-lợi-tra sanh ác tà kiến nói rằng: "Tôi hiểu nghĩa của pháp Phật đã nói là làm pháp chướng ngại không thể chướng ngại đạo" nên Tăng đã cho làm yết ma Bất-xả-ác-tà-kiến-tẫn. Các Tỳ-kheo không cùng thầy chung làm yết ma, không cùng thầy chung làm Tăng sự hoặc là Đơn-bạch, Bạch-nhị, Bạch-tứ-yết-ma, Bố tát, Tự tứ; thầy không được xếp vào trong số mười bốn hạng người, không cùng với thầy cọng sự và ở chung vì thầy xấu ác như Chiên-đà-la. Tỳ-kheo A-lợi-tra này tâm hối cải, chiết phục, tự thú theo Tăng xin giải yết ma Bất-xả-ác-tà-kiến-tẫn. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay giải yết ma Bất-xả-ác-tà-kiến-tẫn cho Tỳ-kheo A-lợi-tra. Bạch như vậy.

Như thế Bạch-tứ-yết-ma cho đến câu Tăng đã giải yết ma Bất-xả-ác-tà-kiến-tẫn cho Tỳ-kheo A-lợi-tra xong rồi. Tăng chấp thuận vì im lạng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

-oOo-

LUẬT THẬP TỤNG

QUYỂN 32
PHÁP SÁM TỘI TĂNG TÀN THỨ NĂM

I. Trường Hợp Phạm Tăng Tàn Không Che Giấu:

1. Yết ma Ma-na-đỏa:

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di cố ý làm xuất tinh phạm một tội Tăng-già-bà-thi-sa nhưng không che giấu, đến nói với các Tỳ-kheo : "Các Đại-đức, tôi đã cố ý làm xuất tinh phạm một tội Tăng tàn không che giấu, tôi nay phải làm sao", các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật nói: "Các thầy hãy làm yết ma cho Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di hành sáu đêm Ma-na-đỏa, nếu có người nào giống như thế cũng nên cho yết ma hành sáu đêm Ma-na-đỏa".

Tác pháp yết ma Ma-na-đỏa như sau: Tăng nhất tâm hòa hợp, Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch bày vai hữu chắp tay bạch Tăng:

Đại-đức tăng nhớ nghĩ, con Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di cố ý làm xuất tinh phạm một tội Tăng-già-bà-thi-sa nhưng không che giấu, nay theo Tăng xin

yết ma hành sáu đêm Ma-na-đỏa. Xin Tăng thương xót cho con yết ma hành sáu đêm Ma-na-đỏa. (3 lần)

Một Tỳ-kheo trong Tăng tác bạch yết ma như sau:

Đại-đức tăng lắng nghe, Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di cố ý làm xuất tinh phạm một tội Tăng-già-bà-thi-sa nhưng không che giấu, nay theo Tăng xin yết ma hành sáu đêm Ma-na-đỏa. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay cho Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di yết ma hành sáu đêm Ma-na-đỏa. Bạch như vậy.

Đại-đức tăng lắng nghe, Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di cố ý làm xuất tinh phạm một tội Tăng-già-bà-thi-sa nhưng không che giấu, nay theo Tăng xin yết ma hành sáu đêm Ma-na-đỏa. Tăng nay cho Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di yết ma hành sáu đêm Ma-na-đỏa, nếu Trưởng lão nào chấp thuận cho Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di yết ma hành sáu đêm Ma-na-đỏa thì im lặng, ai không chấp thuận thì nói. Đây là yết ma lần thứ nhất.

Như thế Bạch-tứ-yết-ma cho đến câu Tăng đã cho Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di yết ma hành sáu đêm Ma-na-đỏa xong rồi. Tăng chấp thuận vì im lạng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

2. Yết ma Xuất tội:

Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di hành sáu đêm Ma-na-

đỏa xong, đến bạch các Tỳ-kheo : "Tôi nay phải làm sao", các Tỳ-kheo bạch Phật, Phật nói: "Các thầy nên cho Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di yết ma Xuất tội, nếu có người nào giống như vậy, Tăng cũng nên cho yết ma Xuất tội".

Tác pháp yết ma Xuất tội như sau: Tăng nhất tâm hòa hợp, Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch bày vai hữu chắp tay bạch Tăng:

Đại-đức tăng nhớ nghĩ, con Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di cố ý làm xuất tinh phạm một tội Tăng-già-bà-thi-sa nhưng không che giấu nên Tăng đã cho con yết ma hành sáu đêm Ma-na-đỏa. Con đã ở trong Tăng hành sáu đêm Ma-na-đỏa xong rồi nay theo Tăng xin yết ma Xuất tội. Xin Tăng thương xót cho con yết ma Xuất tội. (3 lần)

Một Tỳ-kheo trong Tăng tác bạch yết ma như sau:

Đại-đức tăng lắng nghe, Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di cố ý làm xuất tinh phạm một tội Tăng-già-bà-thi-sa nhưng không che giấu, Tăng đã cho yết ma hành sáu đêm Ma-na-đỏa. Tỳ-kheo này đã ở trong Tăng hành sáu đêm Ma-na-đỏa xong rồi, nay theo Tăng xin yết ma Xuất tội. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay cho Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di yết ma Xuất tội. Bạch như vậy.

Đại-đức tăng lắng nghe, Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di cố ý làm xuất tinh phạm một tội Tăng-già-bà-thi-

sa nhưng không che giấu, Tăng đã cho yết ma hành sáu đêm Ma-na-đỏa. Tỳ-kheo này ở trong Tăng đã hành sáu đêm Ma-na-đỏa xong rồi, nay theo Tăng xin yết ma Xuất tội. Tăng nay cho Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di yết ma Xuất tội, nếu Trưởng lão nào chấp thuận cho Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di yết ma Xuất tội thì im lặng, ai không chấp thuận thì nói. Đây là yết ma lần thứ nhất.

Như thế Bạch-tứ-yết-ma cho đến câu Tăng đã cho Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di yết ma Xuất tội xong rồi. Tăng chấp thuận vì im lặng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

II. Trường Hợp Tái Phạm Tăng Tàn Không Che Giấu:

1. Yết ma Ma-na-đỏa: Giống như trên.

2. Yết ma Bổn-nhật-trị:

Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di trong khi đang hành sáu đêm Ma-na-đỏa, hành được mấy ngày, còn mấy ngày chưa hành lại tái phạm tội cố ý làm xuất tinh nhưng không che giấu, đến nói với các Tỳ-kheo : "Các Đại-đức, con trong khi đang hành sáu đêm Ma-na-đỏa, hành được mấy ngày, còn mấy ngày chưa hành lại tái phạm tội cố ý làm xuất tinh nhưng không che giấu, nay con phải làm sao", các Tỳ-kheo bạch Phật, Phật nói: "Các thầy hãy cho Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di yết ma Bổn-nhật-trị, hành sáu đêm Ma-na-đỏa lại từ đầu. Nếu có người nào giống

như thế, Tăng cũng nên cho yết ma Bổn-nhật-trị".

Tác pháp cho yết ma Bổn-nhật-trị như sau: Tăng nhất tâm hòa hợp, Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch bày vai hữu chắp tay bạch Tăng:

Đại-đức tăng nhớ nghĩ, con Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di cố ý làm xuất tinh phạm một tội Tăng-già-bà-thi-sa nhưng không che giấu, Tăng đã cho con yết ma hành sáu đêm Ma-na-đỏa. Con trong khi đang hành sáu đêm Ma-na-đỏa, hành được mấy ngày, còn mấy ngày chưa hành lại tái phạm tội cố ý làm xuất tinh nhưng không che giấu, nay theo Tăng xin cho con yết ma Bổn-nhật-trị. Xin Tăng thương xót cho con yết ma Bổn-nhật-trị. (3 lần)

Một Tỳ-kheo trong Tăng tác bạch yết ma như sau:

Đại-đức tăng lắng nghe, Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di cố ý làm xuất tinh phạm một tội Tăng-già-bà-thi-sa nhưng không che giấu, Tăng đã cho yết ma hành sáu đêm Ma-na-đỏa. Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di này trong khi đang hành sáu đêm Ma-na-đỏa, hành được mấy ngày, còn mấy ngày chưa hành lại tái phạm tội cố ý làm xuất tinh nhưng không che giấu, nay theo Tăng xin yết ma Bổn-nhật-trị. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay cho Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di yết ma Bổn-nhật-trị. Bạch như vậy.

Đại-đức tăng lắng nghe, Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di cố ý làm xuất tinh phạm một tội Tăng-già-bà-thi-sa nhưng không che giấu, Tăng đã cho yết ma hành sáu đêm Ma-na-đỏa. Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di này trong khi đang hành sáu đêm Ma-na-đỏa, hành được mấy ngày, còn mấy ngày chưa hành lại tái phạm tội cố ý làm xuất tinh nhưng không che giấu, nay theo Tăng xin yết ma Bổn-nhật-trị. Tăng nay cho Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di này yết ma Bổn-nhật-trị, các Trưởng lão nào chấp thuận cho Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di này yết ma Bổn-nhật-trị thì im lặng, ai không chấp thuận thì nói. Đây là yết ma lần thứ nhất.

Như thế Bạch-tứ-yết-ma cho đến câu Tăng đã cho Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di yết ma Bổn-nhật-trị xong rồi. Tăng chấp thuận vì im lạng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

3. Yết ma Xuất tội:

Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di hành Bổn-nhật-trị sáu đêm Ma-na-đỏa trở lại từ đầu xong rồi đến bạch các Tỳ-kheo : "Giờ tôi phải làm sao", các Tỳ-kheo bạch Phật, Phật nói: "Các thầy hãy làm yết ma Xuất tội cho Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di, nếu có người nào giống như vậy, Tăng cũng nên cho xuất tội".

Tác pháp yết ma Xuất tội như sau: Tăng nhất tâm hòa hợp, Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch bày vai hữu chắp tay bạch Tăng:

Đại-đức tăng nhớ nghĩ, con Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di cố ý làm xuất tinh phạm một tội Tăng-già-bà-thi-sa nhưng không che giấu. Tăng đã cho con yết ma hành sáu đêm Ma-na-đỏa, trong khi đang hành sáu đêm Ma-na-đỏa, hành được mấy ngày, còn mấy ngày chưa hành, con lại tái phạm tội cố ý làm xuất tinh nhưng không che giấu. Tăng đã cho con yết ma Bổn-nhật-trị, con hành Bổn-nhật-trị sáu đêm Ma-na-đỏa trở lại từ đầu đã xong, nay theo Tăng xin xuất tội. Xin Tăng thương xót cho con yết ma Xuất tội. (3 lần)

Một Tỳ-kheo trong Tăng tác bạch yết ma như sau:

Đại-đức tăng lắng nghe, Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di cố ý làm xuất tinh phạm một tội Tăng-già-bà-thi-sa nhưng không che giấu. Tăng đã cho Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di yết ma hành sáu đêm Ma-na-đỏa, trong khi đang hành sáu đêm Ma-na-đỏa, hành được mấy ngày, còn mấy ngày chưa hành, Tỳ-kheo này lại tái phạm tội cố ý làm xuất tinh nhưng không che giấu. Tăng đã cho yết ma Bổn-nhật-trị, Tỳ-kheo này hành Bổn-nhật-trị sáu đêm Ma-na-đỏa trở lại đầu đầu đã xong, nay theo Tăng xin xuất tội. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay cho Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di yết ma Xuất tội. Bạch như vậy.

Đại-đức tăng lắng nghe, Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di cố ý làm xuất tinh phạm một tội Tăng-già-bà-thi-

sa nhưng không che giấu, Tăng đã cho yết ma hành sáu đêm Ma-na-đỏa. Tỳ-kheo này trong khi đang hành sáu đêm Ma-na-đỏa, hành được mấy ngày, còn mấy ngày chưa hành lại tái phạm tội cố ý làm xuất tinh nhưng không che giấu. Tăng đã cho yết ma Bổn-nhật-trị, Tỳ-kheo này hành Bổn-nhật-trị sáu đêm Ma-na-đỏa trở lại từ đầu đã xong, nay theo Tăng xin yết ma Xuất tội. Tăng nay cho Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di yết ma Xuất tội, các Trưởng lão nào chấp thuận cho Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di yết ma Xuất tội thì im lặng, ai không chấp thuận thì nói. Đây là yết ma lần thứ nhất. Như thế Bạch-tứ-yết-ma cho đến câu Tăng đã cho Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di yết ma Xuất tội xong rồi. Tăng chấp thuận vì im lặng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

III. Trường Hợp Phạm Tăng Tàn Có Che Giấu:

1. Yết ma Biệt trụ (Yết ma phú tàng):

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di cố ý làm xuất tinh phạm một tội Tăng-già-bà-thi-sa nhưng che giấu, sau đó đến nói với các Tỳ-kheo : "Các Trưởng lão, tôi Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di cố ý làm xuất tinh phạm một tội Tăng-già-bà-thi-sa nhưng đã che giấu, nay tôi phải làm sao", các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật nói: "Các thầy hãy cho Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di yết ma Biệt trụ, tùy che giấu bao nhiêu ngày thì hành biệt

trụ bấy nhiêu ngày. Nếu có người nào giống như vậy, Tăng cũng nên cho yết ma Biệt trụ".

Tác pháp yết ma Biệt trụ như sau: Tăng nhất tâm hòa hợp, Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch bày vai hữu chắp tay bạch Tăng:

Đại-đức tăng nhớ nghĩ, con Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di cố ý làm xuất tinh phạm một tội Tăng-già-bà-thi-sa nhưng đã che giấu, nay theo Tăng xin yết ma Biệt trụ, tùy che giấu bao nhiêu ngày thì hành biệt trụ bấy nhiêu ngày. Xin Tăng thương xót cho con yết ma Biệt trụ. (3 lần)

Một Tỳ-kheo trong Tăng tác bạch yết ma như sau:

Đại-đức tăng lắng nghe, Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di cố ý làm xuất tinh phạm một tội Tăng-già-bà-thi-sa nhưng đã che giấu, nay theo Tăng xin yết ma Biệt trụ, tùy che giấu bao nhiêu ngày thì hành biệt trụ bấy nhiêu ngày. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay cho Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di yết ma Biệt trụ, tùy che giấu bao nhiêu ngày thì hành biệt trụ bấy nhiêu ngày. Bạch như vậy.

Đại-đức tăng lắng nghe, Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di cố ý làm xuất tinh phạm một tội Tăng-già-bà-thi-sa nhưng đã che giấu, nay theo Tăng xin yết ma Biệt trụ, tùy che giấu bao nhiêu ngày thì hành biệt trụ bấy nhiêu ngày. Tăng nay cho Tỳ-kheo Ca-lưu-

đà-di yết ma Biệt trụ, tùy che giấu bao nhiêu ngày thì hành biệt trụ bấy nhiêu ngày. Các Trưởng lão nào chấp thuận cho Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di yết ma Biệt trụ, tùy che giấu bao nhiêu ngày thì hành biệt trụ bấy nhiêu ngày thì im lặng, ai không chấp thuận thì nói. Đây là yết ma lần thứ nhất.

Như thế Bạch-tứ-yết-ma cho đến câu Tăng đã cho Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di yết ma Biệt trụ, tùy che giấu bao nhiêu ngày thì hành biệt trụ bấy nhiêu ngày xong rồi. Tăng chấp thuận vì im lạng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

2. Yết ma Ma-na-đỏa:

Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di hành biệt trụ, tùy che giấu bao nhiêu ngày thì hành biệt trụ bấy nhiêu ngày xong rồi đến nói với các Tỳ-kheo : "Giờ tôi phải làm sao", các Tỳ-kheo bạch Phật, Phật nói: "Các thầy hãy cho Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di yết ma hành sáu đêm Ma-na-đỏa, nếu có người nào giống như thế, Tăng cũng nên cho yết ma hành sáu đêm Ma-na-đỏa".

Tác pháp yết ma Ma-na-đỏa như sau: Tăng nhất tâm hòa hợp, Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch bày vai hữu chắp tay bạch Tăng:

Đại-đức tăng nhớ nghĩ, con Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di cố ý làm xuất tinh phạm một tội Tăng-già-bà-thi-sa nhưng đã che giấu. Tăng đã cho con yết ma Biệt trụ, tùy che giấu bao nhiêu ngày thì hành

biệt trụ bấy nhiêu ngày. Con đã hành biệt trụ, tùy che giấu bao nhiêu ngày thì hành biệt trụ bấy nhiêu ngày xong rồi, nay theo Tăng xin yết ma hành sáu đêm Ma-na-đỏa. Xin Tăng thương xót cho con yết ma hành sáu đêm Ma-na-đỏa. (3 lần)

Một Tỳ-kheo trong Tăng tác bạch yết ma như sau:

Đại-đức tăng lắng nghe, Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di cố ý làm xuất tinh phạm một tội Tăng-già-bà-thi-sa nhưng đã che giấu. Tăng đã cho yết ma Biệt trụ, tùy che giấu bao nhiêu ngày thì hành biệt trụ bấy nhiêu ngày. Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di đã hành biệt trụ, tùy che giấu bao nhiêu ngày thì hành biệt trụ bấy nhiêu ngày xong rồi, nay theo Tăng xin yết ma hành sáu đêm Ma-na-đỏa. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay cho Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di yết ma hành sáu đêm Ma-na-đỏa. Bạch như vậy.

Đại-đức tăng lắng nghe, Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di cố ý làm xuất tinh phạm một tội Tăng-già-bà-thi-sa nhưng đã che giấu. Tăng đã cho yết ma Biệt trụ, tùy che giấu bao nhiêu ngày thì hành biệt trụ bấy nhiêu ngày. Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di đã hành biệt trụ, tùy che giấu bao nhiêu ngày thì hành biệt trụ bấy nhiêu ngày xong rồi, nay theo Tăng xin yết ma hành sáu đêm Ma-na-đỏa. Tăng nay cho Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di yết ma hành sáu đêm Ma-na-đỏa, các Trưởng lão nào chấp thuận cho Tỳ-kheo Ca-lưu-

đà-di yết ma hành sáu đêm Ma-na-đỏa thì im lặng, ai không chấp thuận thì nói. Đây là yết ma lần thứ nhất.

Như thế Bạch-tứ-yết-ma cho đến câu Tăng đã cho Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di yết ma hành sáu đêm Ma-na-đỏa xong rồi. Tăng chấp thuận vì im lạng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

3. Yết ma Xuất tội:

Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di đã hành biệt trụ tùy che giấu bao nhiêu ngày thì hành biệt trụ bấy nhiêu ngày xong, kế hành sáu đêm Ma-na-đỏa xong, liền đến nói với các Tỳ-kheo : "Giờ tôi phải làm sao", các Tỳ-kheo bạch Phật, Phật nói: "Các thầy hãy cho Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di yết ma Xuất tội, nếu có người nào giống như vậy, Tăng cũng nên cho yết ma Xuất tội". Tác pháp yết ma Xuất tội như sau: Tăng nhất tâm hòa hợp, Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch bày vai hữu chắp tay bạch Tăng:

Đại-đức tăng nhớ nghĩ, con Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di cố ý làm xuất tinh phạm một tội Tăng-già-bà-thi-sa nhưng đã che giấu. Tăng đã cho con yết ma Biệt trụ, tùy che giấu bao nhiêu ngày thì hành biệt trụ bấy nhiêu ngày, con đã hành biệt trụ tùy che giấu bao nhiêu ngày thì hành biệt trụ bấy nhiêu ngày xong rồi. Tăng cũng đã cho con yết ma hành sáu đêm Ma-na-đỏa, con cũng đã hành sáu đêm

Ma-na-đỏa xong rồi, nay theo Tăng xin yết ma Xuất tội. Xin Tăng thương xót cho con yết ma Xuất tội. (3 lần)

Một Tỳ-kheo trong Tăng tác bạch yết ma như sau:

Đại-đức tăng lắng nghe, Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di cố ý làm xuất tinh phạm một tội Tăng-già-bà-thi-sa nhưng đã che giấu. Tăng đã cho Tỳ-kheo này yết ma Biệt trụ, tùy che giấu bao nhiêu ngày thì hành biệt trụ bấy nhiêu ngày, Tỳ-kheo này đã hành biệt trụ, tùy che giấu bao nhiêu ngày thì hành biệt trụ bấy nhiêu ngày xong rồi. Tăng cũng đã cho Tỳ-kheo này yết ma hành sáu đêm Ma-na-đỏa, Tỳ-kheo này cũng đã hành sáu đêm Ma-na-đỏa xong rồi, nay theo Tăng xin yết ma Xuất tội. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay cho Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di yết ma Xuất tội. Bạch như vậy.

Đại-đức tăng lắng nghe, Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di cố ý làm xuất tinh phạm một tội Tăng-già-bà-thi-sa nhưng đã che giấu. Tăng đã cho yết ma Biệt trụ, tùy che giấu bao nhiêu ngày thì hành biệt trụ bấy nhiêu ngày. Tỳ-kheo này đã hành biệt trụ, tùy che giấu bao nhiêu ngày thì hành biệt trụ bấy nhiêu ngày xong rồi. Tăng cũng đã cho yết ma hành sáu đêm Ma-na-đỏa, Tỳ-kheo này cũng đã hành sáu đêm Ma-na-đỏa xong rồi, nay theo Tăng xin yết ma Xuất tội. Tăng nay cho Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di

yết ma Xuất tội, các Trưởng lão nào chấp thuận cho Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di yết ma Xuất tội thì im lặng, ai không chấp thuận thì nói.

Đây là yết ma lần thứ nhất.

Như thế Bạch-tứ-yết-ma cho đến câu Tăng đã cho Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di yết ma Xuất tội xong rồi. Tăng chấp thuận vì im lặng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

IV. Trường Hợp Tái Phạm Tội Tăng Tàn Không Có Che Giấu:

1, 2. Yết ma Biệt trụ và Yết ma hành sáu đêm Ma-na-đỏa: Giống như trên Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di cố ý làm xuất tinh phạm một tội Tăng-già-bà-thi-sa nhưng đã che giấu, đã theo Tăng xin yết ma Biệt trụ, tùy che giấu bao nhiêu ngày thì hành biệt trụ bấy nhiêu ngày. Tăng đã cho yết ma Biệt trụ, tùy che giấu bao nhiêu ngày thì hành biệt trụ bấy nhiêu ngày. Tỳ-kheo này đã hành biệt trụ, tùy che giấu bao nhiêu ngày thì hành biệt trụ bấy nhiêu ngày xong rồi; kế theo Tăng xin yết ma hành sáu đêm Ma-na-đỏa. Tăng đã cho yết ma hành sáu đêm Ma-na-đỏa, Tỳ-kheo này cũng đã hành sáu đêm Ma-na-đỏa, nhưng trong khi đang hành sáu đêm Ma-na-đỏa, hành được mấy ngày, còn mấy ngày chưa hành, Tỳ-kheo này lại tái phạm tội cố ý làm xuất tinh nhưng không che giấu, đến nói với các Tỳ-kheo: "Con trong khi đang hành

sáu đêm Ma-na-đỏa, hành được mấy ngày, còn mấy ngày chưa hành lại tái phạm tội cố ý làm xuất tinh nhưng không che giấu, giờ con phải làm sao", các Tỳ-kheo bạch Phật, Phật nói: "Các thầy hãy cho Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di yết ma Bổn-nhật-trị hành sáu đêm Ma-na-đỏa trở lại từ đầu, nếu có người nào giống như thế, Tăng cũng nên cho yết ma Bổn-nhật-trị hành năm đêm Ma-na-đỏa trở lại từ đầu".

3. Yết ma Bổn-nhật-trị:

Tác pháp yết ma Bổn-nhật-trị như sau: Tăng nhất tâm hòa hợp, Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch bày vai hữu chắp tay bạch Tăng:

Đại-đức tăng nhớ nghĩ, con Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di cố ý làm xuất tinh phạm một tội Tăng-già-bà-thi-sa nhưng đã che giấu. Tăng đã cho con yết ma Biệt trụ, tùy che giấu bao nhiêu ngày thì hành biệt trụ bấy nhiêu ngày. Con đã hành biệt trụ, tùy che giấu bao nhiêu ngày thì hành biệt trụ bấy nhiêu ngày xong rồi. Tăng lại cho con yết ma hành sáu đêm Ma-na-đỏa, con đã hành sáu đêm Ma-na-đỏa nhưng trong khi đang hành sáu đêm Ma-na-đỏa, hành được mấy ngày, còn mấy ngày chưa hành, con lại tái phạm tội cố ý làm xuất tinh nhưng không che giấu. Nay con theo Tăng xin yết ma Bổn-nhật-trị hành sáu đêm Ma-na-đỏa trở lại từ đầu, xin Tăng thương xót cho con yết ma Bổn-nhật-trị hành

sáu đêm Ma-na-đỏa trở lại từ đầu. (3 lần)

Một Tỳ-kheo trong Tăng tác bạch yết ma như sau:

Đại-đức tăng lắng nghe, Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di cố ý làm xuất tinh phạm một tội Tăng-già-bà-thi-sa nhưng đã che giấu. Tăng đã cho Tỳ-kheo này yết ma Biệt trụ, tùy che giấu bao nhiêu ngày thì hành biệt trụ bấy nhiêu ngày. Tỳ-kheo này đã hành biệt trụ, tùy che giấu bao nhiêu ngày thì hành biệt trụ bấy nhiêu ngày xong rồi. Tăng cũng đã cho yết ma hành sáu đêm Ma-na-đỏa, Tỳ-kheo này cũng đã hành sáu đêm Ma-na-đỏa nhưng trong khi đang hành sáu đêm Ma-na-đỏa, hành được mấy ngày, còn mấy ngày chưa hành, Tỳ-kheo này lại tái phạm tội cố ý làm xuất tinh nhưng không che giấu. Nay theo Tăng xin yết ma Bổn-nhật-trị hành sáu đêm Ma-na-đỏa trở lại từ đầu. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay cho Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di yết ma Bổn-nhật-trị hành sáu đêm Ma-na-đỏa trở lại từ đầu. Bạch như vậy.

Đại-đức tăng lắng nghe, Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di cố ý làm xuất tinh phạm một tội Tăng-già-bà-thi-sa nhưng đã che giấu. Tăng đã cho Tỳ-kheo này yết ma Biệt trụ, tùy che giấu bao nhiêu ngày thì hành biệt trụ bấy nhiêu ngày. Tỳ-kheo này đã hành biệt trụ, tùy che giấu bao nhiêu ngày thì hành biệt trụ bấy nhiêu ngày xong rồi. Tăng cũng đã cho yết ma hành sáu đêm Ma-na-đỏa, Tỳ-kheo này cũng

đã hành sáu đêm Ma-na-đỏa, nhưng trong khi đang hành sáu đêm Ma-na-đỏa, hành được mấy ngày, còn mấy ngày chưa hành, Tỳ-kheo này lại tái phạm tội cố ý làm xuất tinh nhưng không che giấu. Nay theo Tăng xin yết ma Bổn-nhật-trị hành sáu đêm Ma-na-đỏa trở lại từ đầu. Tăng nay cho Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di yết ma Bổn-nhật-trị hành sáu đêm Ma-na-đỏa trở lại từ đầu, các Trưởng lão chấp thuận cho Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di yết ma Bổn-nhật-trị hành sáu đêm Ma-na-đỏa trở lại từ đầu thì im lặng, ai không chấp thuận thì nói. Đây là yết ma lần thứ nhất.

Như thế Bạch-tứ-yết-ma cho đến câu Tăng đã cho Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di yết ma Bổn-nhật-trị hành sáu đêm Ma-na-đỏa trở lại từ đầu xong rồi. Tăng chấp thuận vì im lặng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

4. Yết ma Xuất tội:

Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di hành Bổn-nhật-trị sáu đêm Ma-na-đỏa trở lại từ đầu xong rồi đến nói với các Tỳ-kheo : "Giờ con phải làm sao", các Tỳ-kheo bạch Phật, Phật nói: "Các thầy hãy cho Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di yết ma Xuất tội, nếu có người nào giống như thế, Tăng cũng nên cho yết ma Xuất tội".

Tác pháp yết ma Xuất tội như sau: Tăng nhất tâm hòa hợp, Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di từ chỗ ngồi

đứng dậy, trịch bày vai hữu chắp tay bạch Tăng:

Đại-đức tăng nhớ nghĩ, con Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di cố ý làm xuất tinh phạm một tội Tăng-già-bà-thi-sa nhưng đã che giấu. Tăng đã cho yết ma Biệt trụ, tùy che giấu bao nhiêu ngày thì hành biệt trụ bấy nhiêu ngày. Con đã hành biệt trụ, tùy che giấu bao nhiêu ngày thì hành biệt trụ bấy nhiêu ngày xong rồi. Tăng cũng đã cho con yết ma hành sáu đêm Ma-na-đỏa, con cũng đã hành sáu đêm Ma-na-đỏa, nhưng trong khi đang hành sáu đêm Ma-na-đỏa, hành được mấy ngày, còn mấy ngày chưa hành, con lại tái phạm tội cố ý làm xuất tinh nhưng không che giấu. Tăng đã cho con yết ma Bổn-nhật-trị hành sáu đêm Ma-na-đỏa trở lại từ đầu. Con đã hành Bổn-nhật-trị sáu đêm Ma-na-đỏa trở lại từ đầu xong rồi. Nay theo Tăng xin yết ma Xuất tội, xin Tăng thương xót cho con yết ma Xuất tội. (3 lần)

Một Tỳ-kheo trong Tăng tác bạch yết ma như sau:

Đại-đức tăng lắng nghe, Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di cố ý làm xuất tinh phạm một tội Tăng-già-bà-thi-sa nhưng đã che giấu. Tăng đã cho Tỳ-kheo này yết ma Biệt trụ, tùy che giấu bao nhiêu ngày thì hành biệt trụ bấy nhiêu ngày. Tỳ-kheo này đã hành biệt trụ, tùy che giấu bao nhiêu ngày thì hành biệt trụ bấy nhiêu ngày xong rồi. Tăng cũng đã cho yết ma hành sáu đêm Ma-na-đỏa, Tỳ-kheo này cũng

đã hành sáu đêm Ma-na-đỏa, nhưng trong khi đang hành sáu đêm Ma-na-đỏa, hành được mấy ngày, còn mấy ngày chưa hành, Tỳ-kheo này lại tái phạm tội cố ý làm xuất tinh nhưng không che giấu. Tăng đã cho yết ma Bổn-nhật-trị hành sáu đêm Ma-na-đỏa trở lại từ đầu, Tỳ-kheo này đã hành sáu đêm Ma-na-đỏa trở lại từ đầu xong rồi, nay theo Tăng xin yết ma Xuất tội. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay cho Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di yết ma Xuất tội. Bạch như vậy.

Đại-đức tăng lắng nghe, Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di cố ý làm xuất tinh phạm một tội Tăng-già-bà-thi-sa nhưng đã che giấu. Tăng đã cho Tỳ-kheo này yết ma Biệt trụ, tùy che giấu bao nhiêu ngày thì hành biệt trụ bấy nhiêu ngày. Tỳ-kheo này đã hành biệt trụ, tùy che giấu bao nhiêu ngày thì hành biệt trụ bấy nhiêu ngày xong rồi. Tăng cũng đã cho yết ma hành sáu đêm Ma-na-đỏa, Tỳ-kheo này cũng đã hành sáu đêm Ma-na-đỏa, nhưng trong khi đang hành sáu đêm Ma-na-đỏa, hành được mấy ngày, còn mấy ngày chưa hành, Tỳ-kheo này lại tái phạm tội cố ý làm xuất tinh nhưng không che giấu. Tăng đã cho yết ma Bổn-nhật-trị hành sáu đêm Ma-na-đỏa trở lại từ đầu. Tỳ-kheo này hành Bổn-nhật-trị sáu đêm Ma-na-đỏa trở lại từ đầu xong rồi, nay theo Tăng xin yết ma Xuất tội. Tăng nay cho Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di yết ma Xuất tội, các Trưởng lão nào chấp thuận cho Trưởng lão Ca-lưu-đà-di yết

ma Xuất tội thì im lăng, ai không chấp thuận thì nói. Đây là yết ma lần thứ nhất.

Như thế Bạch-tứ-yết-ma cho đến câu Tăng đã chấp thuận cho Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di yết ma Xuất tội xong rồi. Tăng chấp thuận vì im lặng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

V. Các Trường Hợp Phạm Tội Tăng Tàn Có Che Giấu Khác: Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di phạm các tội

Tăng-già-bà-thi-sa khác như tội xúc chạm thân người nữ, che dấu hai đêm; tội nói lời thô tục với người nữ, che giấu ba đêm; tội khen ngợi bản thân để được người nữ cúng dường, che dấu bốn đêm; tội mai mối, che giấu năm đêm. Tỳ-kheo này đến nói với các Tỳ-kheo : "Nay tôi phải làm sao", các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật bảo các Tỳ-kheo : "Các thầy hãy cho Tỳ-kheo này hành năm đêm biệt trụ về tội che giấu năm đêm, hành biệt trụ xong nên cho hành sáu đêm Ma-na-đỏa, hành sáu đêm Ma-na-đỏa xong mới cho xuất tội".

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó có một Tỳ-kheo khác phạm các tội Tăng-già-bà-thi-sa mà che giấu như tội cố ý làm xuất tinh, che giấu một đêm; tội xúc chạm thân người nữ, che dấu hai đêm; tội nói lời thô tục với người nữ, che giấu ba đêm; tội khen ngợi bản thân để được người nữ cúng dường, che giấu bốn đêm; tội mai mối, che giấu năm đêm; tội

tự làm phòng xá cho mình mà không có thì chủ, che giấu sáu đêm; tội tự làm phòng xá lớn cho mình mà có thí chủ, che giấu bảy đêm; tội vu báng Tỳ-kheo thanh tịnh phạm Ba-la-di không có căn cứ, che giấu tám đêm; tội vu báng Tỳ-kheo thanh tịnh phạm một chút tội thuộc Ba-la-di, che giấu chín đêm; tội tìm phương tiện phá hòa hợp Tăng, che giấu mười đêm; tội trợ giúp việc phá Tăng, che giấu mười một đêm; tội làm hạnh xấu, làm nhơ nhà người che giấu mười hai đêm; tội nói lời chống trái làm xúc não, che giấu mười ba đêm. Tỳ-kheo này đến nói với các Tỳ-kheo: "Con nay phải làm sao", các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật bảo các Tỳ-kheo : "Các thầy hãy cho Tỳ-kheo này hành mười ba đêm biệt trụ về tội che giấu mười ba đêm, hành biệt trụ xong lại cho hành sáu đêm Ma-na-đỏa, hành sáu đêm Ma-na-đỏa xong mới cho xuất tội".

-oOo-

LUẬT THẬP TỤNG

QUYỂN 33
PHÁP SÁM HỐI TỘI TĂNG TÀN (Tiếp Theo)

Phật tại thành Vương xá, lúc đó Lục quần Tỳ-kheo phạm tội đồng tương tợ, đồng chưa thanh tịnh, đồng chưa sám hối thoát tội, lại đồng ra khỏi giới cùng các Tỳ-kheo khác đang hành biệt trụ, đang hành Ma-na-đỏa và đang hành Bổn-nhật-trị để làm yết ma Xuất tội. Các Tỳ-kheo này sau khi xuất tội rồi đồng trở lại trong giới thọ các Tỳ-kheo thanh tinh khác nghinh đón, lễ bái, chắp tay và cúng dường. Có Tỳ-kheo thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng rồi hỏi Lục quần Tỳ-kheo : "Các thầy thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo phạm tội đồng tương tợ, đồng chưa thanh tịnh, đồng chưa sám hối thoát tội, lại đồng ra khỏi giới cùng các Tỳ-kheo khác đang hành biệt trụ, đang hành Ma-na-đỏa và đang hành Bổn-nhật-trị để làm yết ma Xuất tội. Các Tỳ-kheo

này sau khi xuất tội rồi đồng trở lại trong giới, thọ các Tỳ-kheo thanh tịnh khác nghinh đón, lễ bái, chắp tay và cúng dường", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo : "Từ nay người bị biệt trụ không được làm người thứ tư trong túc số bốn người làm yết ma Biệt trụ. Nếu người hành biệt trụ xong không được làm người thứ tư trong túc số bốn người làm yết ma Biệt trụ. Người đang hành Ma-na-đỏa không được làm người thứ tư trong túc số bốn người làm yết ma Biệt trụ. Người đã hành Ma-na-đỏa xong không được làm người thứ tư trong túc số bốn người làm yết ma Biệt trụ. Người phạm bất cọng trụ không được làm người thứ tư trong túc số bốn người làm yết ma Biệt trụ. Phải ít nhất bốn Tỳ-kheo thanh tịnh đồng kiến mới được làm yết ma Biệt trụ.

Từ nay người bị biệt trụ không được làm người thứ tư trong túc số bốn người làm yết ma Ma-na-đỏa. Nếu người hành biệt trụ xong không được làm người thứ tư trong túc số bốn người làm yết ma Ma-na-đỏa.

Người đang hành Ma-na-đỏa không được làm người thứ tư trong túc số bốn người làm yết ma Ma-na-đỏa. Người đã hành Ma-na-đỏa xong không được làm người thứ tư trong túc số bốn người làm yết ma Ma-na-đỏa. Người phạm bất cọng trụ không được làm người thứ tư trong túc số bốn người làm yết ma Ma-na-đỏa. Phải ít nhất bốn Tỳ-

kheo thanh tịnh đồng kiến mới được làm yết ma Ma-na-đỏa .

Từ nay người bị biệt trụ không được làm người thứ tư trong túc số bốn người làm yết ma Bổn-nhật-trị. Nếu người hành biệt trụ xong không được làm người thứ tư trong túc số bốn người làm yết ma Bổn-nhật-trị. Người đang hành Ma-na-đỏa không được làm người thứ tư trong túc số bốn người làm yết ma Bổn-nhật-trị. Người đã hành Ma-na-đỏa xong không được làm người thứ tư trong túc số bốn người làm yết ma Bổn-nhật-trị. Người phạm bất cọng trụ không được làm người thứ tư trong túc số bốn người làm yết ma Bổn-nhật-trị. Phải ít nhất bốn Tỳ-kheo thanh tịnh đồng kiến mới được làm yết ma Bổn-nhật-trị.

Từ nay người bị biệt trụ không được làm người thứ hai mươi trong túc số hai mươi người làm yết ma Xuất tội. Nếu người hành biệt trụ xong không được làm người thứ hai mươi trong túc số hai mươi người làm yết ma Xuất tội. Người đang hành Ma-na-đỏa không được làm người thứ hai mươi trong túc số hai mươi người làm yết ma Xuất tội. Người đã hành Ma-na-đỏa xong không được làm người thứ hai mươi trong túc số hai mươi người làm yết ma Xuất tội. Người phạm bất cọng trụ không được làm người thứ hai mươi trong túc số hai mươi người làm yết ma Xuất tội. Phải ít nhất hai mươi Tỳ-kheo thanh tịnh đồng kiến mới được làm yết

ma Xuất tội. Nếu Tỳ-kheo tự có tội thì không được trừ tội cho người khác".

Hành pháp của người bị biệt trụ là:

- Không được thọ Tỳ-kheo thanh tịnh làm lễ, nghinh đón; cúng dường y bát, ngọa cụ… cho đến xoa bóp chân tay. Nếu không bịnh thì không được thọ người khác xoa bóp, tâm phải hối cải chiết phục.

- Không được ngồi chung giường với Tỳ-kheo trụ giới, không được ngồi trên giường tốt. Không được ngồi vào chỗ ngồi của-Tỳ-kheo trụ giới.

- Hai người bị biệt trụ không được ngồi chung giường, huống chi là nhiều người.

- Không được đi ở chỗ Tỳ-kheo trụ giới kinh hành, không được cùng đi kinh hành với Tỳ-kheo trụ giới.

- Không được kinh hành ở chỗ chỗ tốt, không được kinh hành ở trước Tỳ-kheo thanh tịnh.

- Hai người bị biệt trụ không được kinh hành chung một chỗ, huống chi là nhiều người.

- Người bị biệt trú nếu thấy khách Tỳ-kheo nên nói với họ về tội mà mình đã phạm.

- Khi bố tát, người bị biệt trụ nên vào trong Tăng bạch Ba-lần về tội mà mình đã phạm. Nếu bịnh nên nhờ người vào trong Tăng bạch rằng: "Tỳ-kheo ..... đang hành biệt trụ bịnh, không đến được, xin Tăng biết cho".

- Không được thọ người khác sám hối.
- Không được truyền đại giới cho người.
- Không được thọ người khác y chỉ.
- Không được nuôi Sa di.
- Không được thọ Tăng sai giáo giới Tỳ-kheo-ni.
- Nếu đã được Tăng sai cũng không được đến giáo giới Tỳ-kheo-ni.
- Không được tái phạm tội đã phạm .
- Không được phạm tội tương tợ.
- Không được phạm tội nặng hơn tội này.
- Không được quở trách các yết ma.
- Không được quở trách người làm yết ma.
- Không được xuất tội Tỳ-kheo thanh tịnh.
- Không được theo người khác xin cho xuất tội.
- Không được nói tôi sẽ xuất tội thầy.
- Không được ngăn Bố tát, Tự tứ.
- Không được chống trái Tỳ-kheo thanh tịnh, phải điều phục tâm, như pháp cung kính.
- Phải đi sau và ngồi ở dưới Tỳ-kheo thanh tịnh.
- Nếu Tăng sai đi phó hội, được từ bậc Thượng tòa theo thứ lớp ngồi thọ thực, nước, áo tắm mưa…
- Được từ bậc Thượng tòa theo thứ lớp ngồi tự tứ.
- Không được vì sợ người khác biết mình phạm tội mà nhờ Tỳ-kheo thanh tịnh nhận giùm thức ăn.

- Tăng nên cho người bị biệt trụ ở phòng xá đơn sơ, ngọa cụ thường và ngồi chỗ thấp. Nếu người bị biệt trụ đông, cho được từ bậc Thượng tòa theo thứ lớp thọ phòng xá, ngọa cụ…

- Khi vào nhà người phải đi sau, không được đi trước Tỳ-kheo thanh tịnh.

- Nếu có trú xứ của-Tỳ-kheo mà không có Tỳ-kheo ở thì hai người bị biệt trụ không được ở. Nếu không có trú xứ của-Tỳ-kheo và không có Tỳ-kheo thì người đang hành biệt trú không được ở. Như thế cho đến người đang hành biệt trụ với người đã hành biệt trụ xong (hoặc với người đang hành Ma-na-đỏa hoặc với người đã hành Ma-na-đỏa xong, hoặc với người phạm Bất cọng trụ) đều không được ở.

- Không được ở chung với Tỳ-kheo thanh tịnh trong một trú xứ cùng che lợp hoặc không phải trú xứ có cùng che lợp. Như thế cho đến người đang hành biệt trụ với người đã hành biệt trụ xong (hoặc với người đang hành Ma-na-đỏa hoặc với người đã hành Ma-na-đỏa xong, hoặc với người phạm Bất cọng trụ) đều không được ở.

- Người bị biệt trụ khi sắp hành biệt trụ nên suy nghĩ trước: "Hôm nay ta có thể đến trú xứ Tỳ-kheo trước hay không", nếu biết có thể đến thì nên đi liền, nếu không đi thì mất một đêm hành biệt trụ. Nếu không kịp hành pháp này thì nên nói: "Đáng

lẽ tôi hành pháp này nhưng không kịp hành, xin được tạm ngừng".

Trưởng lão Ưu-ba-ly hỏi Phật: "Người đang hành biệt trụ và người đang hành Ma-na-đỏa nếu có nhân duyên không kịp hành pháp này thì nên cho tạm ngừng mấy đêm ?", Phật nói: "Nên cho tạm ngưng hai mươi lăm đêm. Từ nay người bị biệt trụ làm người thứ tư trong túc số bốn người thì không được làm yết ma Biệt trụ. Nếu hai người thanh tịnh và Hai người bị biệt trụ, hoặc ba người bị biệt trụ và một người thanh tịnh, hoặc cả bốn người đều bị biệt trụ trong túc số bốn người, đều không được làm yết ma Biệt trụ. Phải ít nhất bốn Tỳ-kheo thanh tịnh đồng kiến mới được làm yết ma Biệt trụ.

Từ nay người hành biệt trụ xong làm người thứ tư trong túc số bốn người thì không được làm yết ma Biệt trụ. Nếu hai người thanh tịnh và hai người hành biệt trụ xong, hoặc ba người hành biệt trụ xong và một người thanh tịnh, hoặc cả bốn người đều hành biệt trụ xong trong túc số bốn người, đều không được làm yết ma Biệt tru. Phải ít nhất bốn Tỳ-kheo thanh tịnh đồng kiến mới được làm yết ma Biệt trụ.

Từ nay người đang hành Ma-na-đỏa làm người thứ tư trong túc số bốn người thì không được làm yết ma Biệt trụ. Nếu hai người thanh tịnh và hai người đang hành Ma-na-đỏa, hoặc ba người đang

hành Ma-na-đỏa và một người thanh tịnh, hoặc cả bốn người đều đang hành Ma-na-đỏa trong túc số bốn người, đều không được làm yết ma Biệt trụ. Phải ít nhất bốn Tỳ-kheo thanh tịnh đồng kiến mới được làm yết ma Biệt trụ.

Từ nay người đã hành Ma-na-đỏa xong làm người thứ tư trong túc số bốn người thì không được làm yết ma Biệt trụ. Nếu hai người thanh tịnh và hai người đã hành Ma-na-đỏa xong, hoặc ba người đã hành Ma-na-đỏa xong và một người thanh tịnh, hoặc cả bốn người đều đã hành Ma-na-đỏa xong trong túc số bốn người, đều không được làm yết ma Biệt trụ. Phải ít nhất bốn Tỳ-kheo thanh tịnh đồng kiến mới được làm yết ma Biệt trụ.

Từ nay người phạm bất cọng trụ làm người thứ tư trong túc số bốn người thì không được làm yết ma Biệt trụ. Nếu hai người thanh tịnh và hai người phạm Bất cọng trụ, hoặc ba người phạm Bất cọng trụ và một người thanh tịnh, hoặc cả bốn người đều phạm Bất cọng trụ trong túc số bốn người, đều không được làm yết ma Biệt trụ Phải ít nhất bốn Tỳ-kheo thanh tịnh đồng kiến mới được làm yết ma Biệt trụ.

Từ nay người bị biệt trụ làm người thứ tư trong túc số bốn người thì không được làm yết ma Ma-na-đỏa. Nếu hai người thanh tịnh và hai người bị biệt trụ, hoặc ba người bị biệt trụ và một người thanh tịnh, hoặc cả bốn người đều bị biệt trụ trong

túc số bốn người, đều không được làm yết ma Biệt trụ. Phải ít nhất bốn Tỳ-kheo thanh tịnh đồng kiến mới được làm yết ma Ma-na-đỏa.

Từ nay người hành biệt trụ xong làm người thứ tư trong túc số bốn người thì không được làm yết ma Ma-na-đỏa. Nếu hai người thanh tịnh và hai người hành biệt tru xong, hoặc ba người hành biệt trụ xong và một người thanh tịnh, hoặc cả bốn người đều hành biệt trụ xong trong túc số bốn người, đều không được làm yết ma Ma-na-đỏa. Phải ít nhất bốn Tỳ-kheo thanh tịnh đồng kiến mới được làm yết ma Ma-na-đỏa.

Từ nay người đang hành Ma-na-đỏa làm người thứ tư trong túc số bốn người thì không được làm yết ma Ma-na-đỏa. Nếu hai người thanh tịnh và hai người đang hành Ma-na-đỏa, hoặc ba người đang hành Ma-na-đỏa và một người thanh tịnh, hoặc cả bốn người đều đang hành Ma-na-đỏa trong túc số bốn người, đều không được làm yết ma Ma-na-đỏa. Phải ít nhất bốn Tỳ-kheo thanh tịnh đồng kiến mới được làm yết ma Ma-na-đỏa.

Từ nay người đã hành Ma-na-đỏa xong làm người thứ tư trong túc số bốn người thì không được làm yết ma Ma-na-đỏa. Nếu hai người thanh tịnh và hai người đã hành Ma-na-đỏa xong, hoặc ba người đã hành Ma-na-đỏa xong và một người thanh tịnh, hoặc cả bốn người đều đã hành Ma-na-đỏa xong trong túc số bốn người, đều không được

làm yết ma Ma-na-đỏa. Phải ít nhất bốn Tỳ-kheo thanh tịnh đồng kiến mới được làm yết ma Ma-na-đỏa.

Từ nay người phạm bất cọng trụ làm người thứ tư trong túc số bốn người thì không được làm yết ma Ma-na-đỏa. Nếu hai người thanh tịnh và hai người phạm Bất cọng trụ, hoặc ba người phạm Bất cọng trụ và một người thanh tịnh, hoặc cả bốn người đều phạm Bất cọng trụ trong túc số bốn người, đều không được làm yết ma Ma-na-đỏa. Phải ít nhất bốn Tỳ-kheo thanh tịnh đồng kiến mới được làm yết ma Ma-na-đỏa .

Từ nay người bị biệt trụ làm người thứ tư trong túc số bốn người thì không được làm yết ma Bổn-nhật-trị. Nếu hai người thanh tịnh và hai người bị biệt trụ, hoặc ba người bị biệt trụ và một người thanh tịnh, hoặc cả bốn người đều bị biệt trụ trong túc số bốn người đều không được làm yết ma Bản-nhật-trị. Phải ít nhất bốn Tỳ-kheo thanh tịnh đồng kiến mới được làm yết ma Bổn-nhật-trị.

Từ nay người hành biệt trụ xong làm người thứ tư trong túc số bốn người thì không được làm yết ma Bổn-nhật-trị. Nếu hai người thanh tịnh và hai người hành biệt tru xong, hoặc ba người hành biệt trụ xong và một người thanh tịnh, hoặc cả bốn người đều hành biệt trụ xong trong túc số bốn người, đều không được làm yết ma Bổn-nhật-trị. Phải ít nhất bốn Tỳ-kheo thanh tịnh đồng kiến mới

được làm yết ma Bổn-nhật-trị.

Từ nay người đang hành Ma-na-đỏa làm người thứ tư trong túc số bốn người thì không được làm yết ma Bổn-nhật-trị. Nếu hai người thanh tịnh và hai người đang hành Ma-na-đỏa, hoặc ba người đang hành Ma-na-đỏa và một người thanh tịnh, hoặc cả bốn người đều đang hành Ma-na-đỏa trong túc số bốn người, đều không được làm yết ma Bổn-nhật-trị. Phải ít nhất bốn Tỳ-kheo thanh tịnh đồng kiến mới được làm yết ma Bổn-nhật-trị.

Từ nay người đã hành Ma-na-đỏa xong làm người thứ tư trong túc số bốn người thì không được làm yết ma Bổn-nhật-trị. Nếu hai người thanh tịnh và hai người đã hành Ma-na-đỏa xong, hoặc ba người đã hành Ma-na-đỏa xong và một người thanh tịnh, hoặc cả bốn người đều đã hành Ma-na-đỏa xong trong túc số bốn người, đều không được làm yết ma Bổn-nhật-trị. Phải ít nhất bốn Tỳ-kheo thanh tịnh đồng kiến mới được làm yết ma Bổn-nhật-trị.

Từ nay người phạm bất cọng trụ làm người thứ tư trong túc số bốn người thì không được làm yết ma Bổn-nhật-trị. Nếu hai người thanh tịnh và hai người phạm Bất cọng trụ, hoặc ba người phạm Bất cọng trụ và một người thanh tịnh, hoặc cả bốn người đều phạm Bất cọng trụ trong túc số bốn người, đều không được làm yết ma Bổn-nhật-trị. Phải ít nhất bốn Tỳ-kheo thanh tịnh đồng kiến mới

được làm yết ma Bổn-nhật-trị.

Từ nay người bị biệt trụ làm người thứ hai mươi trong túc số hai mươi người thì không được làm yết ma Xuất tội. Nếu mười tám người thanh tịnh và Hai người bị biệt trụ, hoặc ba người bị biệt trụ và mười bảy người thanh tịnh, hoặc bốn người hành biệt trụ với mười sáu người thanh tịnh… như thế cho đến mười chín người hành biệt trù và một người thanh tịnh, hoặc cả hai mươi người đều bị biệt trụ trong túc số hai mươi người, đều không được làm yết ma Xuất tội. Phải ít nhất hai mươi Tỳ-kheo thanh tịnh đồng kiến mới được làm yết ma Xuất tội. Như thế cho đến người hành biệt trụ xong, người đang hành Ma-na-đỏa, người đã hành Ma-na-đỏa xong, người phạm bất cọng trụ làm người thứ hai mươi trong túc số hai mươi người, đều không được làm yết ma Xuất tội. Phải ít nhất hai mươi Tỳ-kheo thanh tịnh đồng kiến mới được làm yết ma Xuất tội. Từ nay nếu hai người hành biệt trụ xong với mười tám người thanh tịnh… cho đến cả hai mươi đều phạm Bất cọng trụ trong túc số hai mươi người, đều không được làm yết ma Xuất tội ".

PHÁP NGĂN YẾT MA THỨ SÁU

Phật tại nước Chiêm-ba, lúc đó vào ngày thứ mười lăm bố tát thuyết giới, Thế tôn trải tòa ngồi trước chúng tăng quán tâm của các Tỳ-kheo, quán rồi im lặng nhập định. Đến đầu đêm một Tỳ-kheo từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch bày vai hữu chắp tay bạch Phật: "Thế tôn, đầu đêm đã qua, Phật và chúng Tăng đã ngồi lâu, xin Thế tôn nói Ba-la-đề-mộc-xoa", Phật vẫn im lặng. Đến giữa đêm, Tỳ-kheo ấy lại từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch bày vai hữu chắp tay bạch Phật lần thứ hai: "Thế tôn, đầu đêm đã qua, giữa đêm đã qua, Phật và chúng tăng đã ngồi lâu, xin Thế tôn nói Ba-la-đề-mộc-xoa", Phật vẫn im lặng. Đến cuối đêm, Tỳ-kheo ấy lại từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch bày vai hữu chắp tay bạch Phật lần thứ ba: "Thế tôn, đầu đêm đã qua, giữa đêm đã qua, cuối đêm cũng đã qua, mặt trời sắp mọc ở phương Đông, Phật và chúng tăng đã ngồi lâu, xin Thế tôn nói Ba-la-đề-mộc-xoa". Lúc đó Phật bảo các Tỳ-kheo: "Trong chúng tăng không thanh tịnh", Trưởng lão Đại Mục-kiền-liên lúc đó ngồi trong chúng tăng liền suy nghĩ: "Phật vì ai mà nói như thế", nghĩ rồi liền nhập định quán tâm của các Tỳ-kheo, quán rồi liền thấy Phật vì một Tỳ-kheo không thanh tịnh, Trưởng lão liền xuất định đến chỗ vị Tỳ-kheo ấy nắm tay kéo ra ngoài, nói rằng: "Thầy là người ngu si, thầy hãy đi xa, đi khuất và xa lìa pháp Tỳ-kheo, từ nay đừng ở chung

trong chúng Tỳ-kheo", đuổi rồi liền đóng cửa lại rồi đến chỗ Phật, đảnh lễ Phật bạch rằng: "Thế tôn nói trong chúng tăng không thanh tịnh, con đã đuổi đi và nói là hãy xa lìa pháp Tỳ-kheo, từ nay đừng ở chung trong chúng Tăng. Thế tôn, cuối đêm đã qua, mặt trời sắp mọc ở phương Đông, Phật và chúng tăng đã ngồi lâu, xin Thế tôn nói Ba-la-đề-mộc-xoa". Phật nói: "Này Mục-liên, người ngu si kia phạm đại trọng tội, xúc não Phật và Tăng. Này Mục-liên, nếu Phật ở trong chúng không thanh tịnh nói Ba-la-đề-mộc-xoa thì đầu của người không thanh tịnh đó sẽ vỡ làm bảy phần. Này Mục-liên, từ nay các thầy hãy tự nói Ba-la-đề-mộc-xoa, Phật không nói cho các thầy nghe nữa. Này Mục-liên, ví như biển lớn dần dần sâu rông, Phật pháp cũng vậy, phải thứ lớp kết giới, thứ lớp lập giới, thứ lớp dạy học giới. Này Mục-liên, nếu ở trong pháp của ta theo thứ lớp kết giới, thứ lớp lập giới, thứ lớp dạy học giới, thì ở trong pháp của ta là hi hữu.

Này Mục-liên, ví như biển lớn không vượt quá giới hạn, Phật pháp cũng vậy; nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di cho đến gặp nhân duyên mất mạng cũng hộ giới, không khuyết giới. Này Mục-liên, nếu ở trong pháp của ta, đối với những giới đã chế; nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di không trái vượt giới cấm thì ở trong pháp của ta là hi hữu.

Này Mục-liên, ví như biển lớn sâu rộng vô

cùng, Phật pháp cũng vậy, ý nghĩa sâu xa vô cùng. Này Mục-liên, nếu ý nghĩa của Phật pháp sâu xa vô cùng thì ở trong pháp của ta là hi hữu.

Này Mục-liên, ví như biển lớn chỉ thuần một vị mặn, Phật pháp cũng vậy, thuần một vị giải thoát. Này Mục-liên, nếu Phật pháp thuần một vị giải thoát thì ở trong pháp của ta là hi hữu.

Này Mục-liên, ví như biển lớn là chỗ ở của chúng sanh to lớn như cá Ma-kiệt, cá Ngoan-đầu-bà-lưu-kỳ, cá Đề-nghê, cá Đề-nghê-kỳ-la… Các loài cá này ở trong biển cũng chưa lấy làm lạ, dù thân của chúng dài một trăm cho đến bảy trăm do tuần đều ở trong biển cũng chưa lấy làm lạ. Này Mục-liên, trong biển Phật pháp là chỗ ở của bậc Đại nhân cũng như thế. Đại nhân là chỉ cho các bậc A-la-hán hướng, A-la-hán quả, A-na-hàm hướng, A-na-hàm quả, Tư-đà-hàm hướng, Tư-đà-hàm quả, Tu-đà-hoàn hướng, Tu-đà-hoàn quả. Này Mục-liên, nếu trong biển Phật pháp là chỗ ở của các bậc Đại nhân kể trên thì ở trong pháp của ta là hi hữu.

Này Mục-liên, ví như biển lớn chứa vô lương châu báu như vàng, bạc, chơn châu, xa cừ, mã não, lưu ly, ma ni…, biển Phật pháp cũng vậy, chứa vô lượng châu báu như Tứ niệm xứ, Tứ chánh cần, Tứ như ý túc, Ngũ căn, Ngũ lực, Thất bồ đề phần, Bát chánh đạo… Này Mục-liên, nếu trong biển Phật chứa vô lượng châu báu như trên thì ở trong pháp

của ta là hi hữu.

Này Mục-liên, ví như biển lớn thanh tịnh không chứa tử thi cách đêm, nếu có tử thi thì sóng cũng sẽ đẩy giạt vào bờ, biển Phật pháp cũng vậy, không chứa tử thi. Tử Thi-là chỉ cho những người phá giới, tâm ưa thích ác pháp, trong tâm thối nát biểu hiện ra bên ngoài, không có phạm hạnh mà nói là phạm hạnh, không phải Sa-môn mà nói là Sa-môn. Những người này tuy ở trong chúng tăng nhưng thật sự đã xa lìa. Này Mục-liên, nếu trong biển Phật pháp không chứa tử thi thì ở trong pháp của ta là hi hữu.

Này Mục-liên, ví như biển lớn ở cõi Diêm-phù-đề có bốn con sông lớn chảy vào, đó là sông Hằng, sông Lưu-dạ-ma-na, sông Bà-la, sông A-ê-la-bà-đề-ma-đà. Bốn con sông này chảy vào biển, lại có rồng phun nước tạo mưa, hạt mưa lớn như trục xe, biển nhận nhiều nước như thế mà vẫn không tăng không giảm. Phật pháp cũng vậy, bốn giai cấp: Sát-đế-lỵ, Bà-la-môn, Phệ-xá, Thủ-đà-la tín tâm xuất gia, cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, chứng tâm bất hoại được giải thoát; biển Phật pháp cũng không tăng không giảm. Này Mục-liên, nếu trong biển Phật pháp bốn giai cấp kể trên tín tâm xuất gia…, biển Phật pháp vẫn không tăng không giảm thì ở trong pháp của ta là hi hữu". Phật nói như thế rồi bảo các Tỳ-kheo : "Từ nay các thầy tự cùng thuyết giới bố tát, Như lai không thuyết giới nữa". Từ khi

Phật không thuyết giới nữa, các Tỳ-kheo tự thuyết giới bố tát, lúc đó các Tỳ-kheo có người đến, có người không đến, ngồi trong chúng còn có người phạm tội, các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật bảo các Tỳ-kheo : "Lúc thuyết giới bố tát, tất cả các Tỳ-kheo nên đến, nếu có nhân duyên không đến được thì nên gởi dục thanh tịnh. Trong chúng nếu có người phạm tội thì nên ngăn". Lúc đó các Tỳ-kheo có người muốn ngăn, có người không muốn ngăn, Phật nói: "Người muốn ngăn thì nên ngăn, người không muốn ngăn thì không nên miễn cưỡng ngăn". Các Tỳ-kheo nghe Phật nói người muốn ngăn thì nên ngăn, không biết nên ngăn như thế nào liền bạch Phật, Phật nói: "Nếu mắt thấy sự việc thì nên ngăn". Lúc đó có Tỳ-kheo chứng thiên nhãn, dùng thiên nhãn nhìn liền thấy các Tỳ-kheo phạm tội nhiều như nước mưa rơi, thấy rồi liền ngăn. Do nhân duyên này trong Tăng sanh khởi tranh cải, không thuyết giới bố tát được liền đem việc này bạch Phật, Phật nói: "Không nên dùng thiên nhãn, chỉ nên dùng mắt thường nhìn thấy sự việc mới được ngăn". Lúc đó các Tỳ-kheo nhìn thấy sự việc liền ngăn, trong chúng tăng lại sanh khởi tranh cải, không thuyết giới bố tát được, Phật lại bảo dựa trên sự việc nghe được mà ngăn. Các Tỳ-kheo dựa trên nghe lại nghe được rất nhiều việc như Tỳ-kheo ..... phạm Ba-la-di, Tỳ-kheo ..... phạm Tăng-già-bà-thi-sa, Tỳ-kheo ..... phạm

Ba-dật-đề, Tỳ-kheo ..... phạm Ba-la-đề-đề-xá-ni, Tỳ-kheo ..... phạm Đột-kiết-la. Nghe rồi liền ngăn, do nhân duyên này trong Tăng sanh khởi tranh cải, không thuyết giới bố tát được liền đem việc này bạch Phật, Phật bảo nên dựa trên nghi. Các Tỳ-kheo dựa trên nghi lại nghi rất nhiều việc như nghi thân phạm, nghi khẩu phạm, nghi phạm tội Hữu tàn, nghi phạm tội Vô tàn ở trong tụ lạc hoặc ở nơi A-lan-nhã. Do nhân duyên này trong Tăng sanh khởi tranh cải, không thuyết giới bố tát được liền đem việc này bạch Phật, Phật bảo nên dựa trên tự ngôn (người phạm tự thú), còn người thanh tịnh thì im lặng.

Có một loại phi pháp ngăn thuyết giới và một loại như pháp ngăn thuyết giới: Phi pháp ngăn là nếu Tỳ-kheo ở trong năm loại phạm tội không có căn cứ mà ngăn thuyết giới; ngược lại nếu có căn cứ mà ngăn thì gọi là như pháp ngăn. Lại có hai loại phi pháp ngăn thuyết giới và hai loại như pháp ngăn thuyết giới: Phi pháp ngăn là ở trong năm loại phạm tội không có căn cứ, làm hoặc không làm mà ngăn thuyết giới; ngược lại nếu có căn cứ, làm hoặc không làm mà ngăn thì gọi là như pháp ngăn. Lại có ba loại phi pháp ngăn thuyết giới và ba loại như pháp ngăn thuyết giới: Phi pháp ngăn là nếu Tỳ-kheo phá giới, phá kiến và phá oai nghi, không có căn cứ mà ngăn thuyết giới; ngược lại nếu có căn cứ mà ngăn thì gọi là như pháp ngăn. Lại có bốn

loại phi pháp ngăn thuyết giới và bốn loại như pháp ngăn thuyết giới: Phi pháp ngăn là nếu Tỳ-kheo phá giới, phá kiến, phá oai nghi và phá chánh mạng, không có căn cứ mà ngăn thuyết giới; ngược lại nếu có căn cứ mà ngăn thì gọi là như pháp ngăn. Lại có năm loại phi pháp ngăn thuyết giới và năm loại như pháp ngăn thuyết giới: Phi pháp ngăn là nếu Tỳ-kheo phạm Ba-la-di, Tăng-già-bà-thi-sa, Ba-dật-đề, Ba-la-đề-đề-xá-ni và Đột-kiết-la, không có căn cứ mà ngăn thuyết giới; ngược lại nếu có căn cứ mà ngăn thì gọi là như pháp ngăn. Lại có sáu loại phi pháp ngăn thuyết giới và sáu loại như pháp ngăn thuyết giới: Phi pháp ngăn là nếu Tỳ-kheo phá giới, phá kiến, phá chánh mạng làm hay không làm, không có căn cứ mà ngăn thuyết giới; ngược lại nếu có căn cứ mà ngăn thì gọi là như pháp ngăn. Lại có bảy loại phi pháp ngăn thuyết giới và bảy loại như pháp ngăn thuyết giới: Phi pháp ngăn là nếu Tỳ-kheo phạm Ba-la-di, Tăng-già-bà-thi-sa, Ba-dật-đề, Ba-la-đề-đề-xá-ni, Đột-kiết-la, từ ác khẩu khởi tội Đột-kiết-la, từ Thâu-lan-giá khởi tội Đột-kiết-la, không có căn cứ mà ngăn thuyết giới; ngược lại nếu có căn cứ mà ngăn thì gọi là như pháp ngăn. Lại có tám loại phi pháp ngăn thuyết giới và tám loại như pháp ngăn thuyết giới: Phi pháp ngăn là nếu Tỳ-kheo phá giới, phá kiến, phá oai nghi, phá chánh mạng làm hay không làm, không có căn cứ mà ngăn thuyết giới;

ngược lại nếu có căn cứ mà ngăn thì gọi là như pháp ngăn. Lại có chín loại phi pháp ngăn thuyết giới và chín loại như pháp ngăn thuyết giới: Phi pháp ngăn là nếu Tỳ-kheo phạm tội Hữu tàn, Vô tàn, Hữu tàn và Vô tàn, làm hoặc không làm hoặc làm và không làm, không có căn cứ mà ngăn thuyết giới; ngược lại nếu có căn cứ mà ngăn thì gọi là như pháp ngăn. Lại có mười loại phi pháp ngăn thuyết giới và mười loại như pháp ngăn thuyết giới: Phi pháp ngăn là nếu Tỳ-kheo không phạm Ba-la-di, không khinh hủy Tăng, không xả giới, tùy thuận việc Tăng như pháp, hoặc phá giới, phá kiến và phá oai nghi không có căn cứ thấy nghe nghi mà ngăn thuyết giới. Ngược lại nếu Tỳ-kheo phạm Ba-la-di, khinh hủy Tăng, xả giới mà Tăng muốn xuất tội kiểm chứng, không tùy thuận việc Tăng như pháp, hoặc phá giới, phá kiến và phá oai nghi có căn cứ thấy nghe nghi mà ngăn thuyết giới thì gọi là như pháp ngăn.

Tỳ-kheo phạm Ba-la-di là có Tỳ-kheo thấy hình tướng phạm Ba-la-di của-Tỳ-kheo khác, hoặc nghe người khác nói Tỳ-kheo đó phạm Ba-la-di, hoặc Tỳ-kheo đó tự nói là đã phạm Ba-la-di, hoặc tuy không hiện tiền chính mắt thấy nhưng lần lựa nghe được từ nhiều phía, nghe rồi tin hoặc nghe rồi nghi Tỳ-kheo đó phạm Ba-la-di. Tỳ-kheo này dựa trên thấy nghe nghi, muốn ở trú xứ này hoặc trú xứ kia ngăn Tỳ-kheo đó thuyết giới thì nên nói rằng:

"Tôi ngăn Tỳ-kheo tên ..... thuyết giới, nếu Tỳ-kheo đó ở trong chúng thì Tăng không thuyết giới bố tát được".

Tăng muốn xuất tội Ba-la-di là nếu Tỳ-kheo phạm Ba-la-di, khi Tăng muốn xuất tội này để kiểm chứng thì có nạn này hay nạn khác khởi lên, hoặc có một trong tám nạn khởi lên, Tăng không thể quyết đoán được nên từ chỗ ngồi đứng dậy đi. Ngay lúc đó một Tỳ-kheo trong Tăng xướng rằng:

Đại-đức tăng lắng nghe, Tăng nay muốn xuất tội Tỳ-kheo tên ..... phạm Ba-la-di thì có nạn này hay nạn khác khởi lên, hoặc có một trong tám nạn khởi lên, Tăng không thể quyết đoán được nên từ chỗ ngồi đứng dậy đi. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng vào kỳ bố tát sau sẽ quyết đoán việc của-Tỳ-kheo phạm tội này trước. Bạch như vậy.

Nếu các Tỳ-kheo vào kỳ bố tát sau có thể quyết đoán được việc của-Tỳ-kheo phạm tội này trước thì tốt, nếu không quyết đoán được mà các Tỳ-kheo này dựa trên thấy nghe nghi, muốn ở trú xứ này hoặc trú xứ kia ngăn Tỳ-kheo đó thuyết giới thì nên nói rằng: "Chúng tôi ngăn Tỳ-kheo tên ..... thuyết giới, nếu Tỳ-kheo đó ở trong chúng thì Tăng không thuyết giới bố tát được".

Khinh hủy Tăng là nếu Tỳ-kheo thấy hình tướng khinh hủy Tăng của-Tỳ-kheo khác hoặc

nghe người khác nói Tỳ-kheo đó đả khinh hủy Tăng, hoặc Tỳ-kheo đó tự nói là đã khinh hủy Tăng, hoặc tuy không hiện tiền chính mắt thấy nhưng lần lựa nghe được từ nhiều phía, nghe rồi tin hoặc nghe rồi nghi Tỳ-kheo đó khinh hủy Tăng. Tỳ-kheo này dựa trên thấy nghe nghi, muốn ở trú xứ này hoặc trú xứ kia ngăn Tỳ-kheo đó thuyết giới thì nên nói rằng: "Tôi ngăn Tỳ-kheo tên ..... thuyết giới, nếu Tỳ-kheo đó ở trong chúng thì Tăng không thuyết giới bố tát được".

Tăng muốn xuất tội Khinh hủy Tăng là: Nếu Tỳ-kheo khinh hủy Tăng, khi Tăng muốn xuất tội thì có nạn này hay nạn khác khởi lên, hoặc có một trong tám nạn khởi lên, Tăng không thể quyết đoán được nên từ chỗ ngồi đứng dậy đi. Ngay lúc đó một Tỳ-kheo trong Tăng xướng rằng:

Đại-đức tăng lắng nghe, Tăng nay muốn xuất tội khinh hủy Tăng của-Tỳ-kheo tên ..... thì có nạn này hay nạn khác khởi lên, hoặc có một trong tám nạn khởi lên, Tăng không thể quyết đoán được nên từ chỗ ngồi đứng dậy đi. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng vào kỳ bố tát sau sẽ quyết đoán việc của-Tỳ-kheo phạm tội này trước. Bạch như vậy.

Nếu các Tỳ-kheo vào kỳ bố tát sau có thể quyết đoán được việc của-Tỳ-kheo phạm tội này trước thì tốt, nếu không quyết đoán được mà các Tỳ-kheo này dựa trên thấy nghe nghi, muốn ở trú xứ này

hoặc trú xứ kia ngăn Tỳ-kheo đó thuyết giới thì nên nói rằng: "Chúng tôi ngăn Tỳ-kheo tên ..... thuyết giới, nếu Tỳ-kheo đó ở trong chúng thì Tăng không thuyết giới bố tát được".

Xả giới là nếu Tỳ-kheo thấy hình tướng xả giới của-Tỳ-kheo khác hoặc nghe người khác nói Tỳ-kheo đó xả giới hoặc Tỳ-kheo đó tự nói là xả giới, hoặc tuy không hiện tiền chính mắt thấy nhưng lần lựa nghe được từ nhiều phía, nghe rồi tin hoặc nghe rồi nghi Tỳ-kheo đó xả giới. Tỳ-kheo này dựa trên thấy nghe nghi, muốn ở trú xứ này hoặc trú xứ kia ngăn Tỳ-kheo đó thuyết giới thì nên nói rằng: "Tôi ngăn Tỳ-kheo tên

..... thuyết giới, nếu Tỳ-kheo đó ở trong chúng thì Tăng không thuyết giới bố tát được".

Tăng muốn kiểm chứng việc xả giới là nếu Tỳ-kheo xả giới, khi Tăng muốn kiểm chứng việc này thi có nạn này hay nạn khác khởi lên, hoặc có một trong tám nạn khởi lên, Tăng không thể quyết đoán được nên từ chỗ ngồi đứng dậy đi. Ngay lúc đó một Tỳ-kheo trong Tăng xướng rằng:

Đại-đức Tăng lắng nghe, Tăng nay muốn kiểm chứng việc xả giới của-Tỳ-kheo tên ..... thì có nạn này hay nạn khác khởi lên, hoặc có một trong tám nạn khởi lên, Tăng không thể quyết đoán được nên từ chỗ ngồi đứng dậy đi. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng vào kỳ bố tát

sau sẽ quyết đoán việc xả giới của-Tỳ-kheo này trước. Bạch như vậy.

Nếu các Tỳ-kheo vào kỳ bố tát sau có thể quyết đoán được việc của-Tỳ-kheo phạm tội này trước thì tốt, nếu không quyết đoán được mà các Tỳ-kheo này dựa trên thấy nghe nghi, muốn ở trú xứ này hoặc trú xứ kia ngăn Tỳ-kheo đó thuyết giới thì nên nói rằng: "Chúng tôi ngăn Tỳ-kheo tên ..... thuyết giới, nếu Tỳ-kheo đó ở trong chúng thì Tăng không thuyết giới bố tát được".

Không tùy thuận việc Tăng như pháp là không tùy thuận những việc mà Tăng đã làm như Đơn-bạch, Bạch-nhị-yết-ma, Bạch-tứ-yết-ma, bố tát, tự tứ, yết ma lập mười bốn hạng người. Nếu Tỳ-kheo thấy hình tướng không tùy thuận việc Tăng như pháp của-Tỳ-kheo khác, hoặc nghe người khác nói Tỳ-kheo đó không tùy thuận việc Tăng như pháp, hoặc Tỳ-kheo đó tự nói là không tùy thuận việc tăng như pháp, hoặc tuy không hiện tiền chính mắt thấy nhưng lần lựa nghe được từ nhiều phía, nghe rồi tin hoặc nghe rồi nghi Tỳ-kheo đó không tùy thuận việc Tăng như pháp. Tỳ-kheo này dựa trên thấy nghe nghi, muốn ở trú xứ này hoặc trú xứ kia ngăn Tỳ-kheo đó thuyết giới thì nên nói rằng: "Tôi ngăn Tỳ-kheo tên ..... thuyết giới, nếu Tỳ-kheo đó ở trong chúng thì Tăng không thuyết giới bố tát được".

Phá giới là có Tỳ-kheo phạm Ba-la-di, Tăng-

già-bà-thi-sa, Ba-dật-đề, Ba-la-đề-đề-xá-ni, Đột-kiết-la. Nếu Tỳ-kheo khác thấy hình tướng phá giới của-Tỳ-kheo đó hoặc nghe người khác nói Tỳ-kheo đó phá giới, hoặc Tỳ-kheo đó tự nói là đã phá giới, hoặc tuy không hiện tiền chính mắt thấy nhưng lần lựa nghe được từ nhiều phía, nghe rồi tin hoặc nghe rồi nghi Tỳ-kheo đó đã phá giới. Tỳ-kheo này dựa trên thấy nghe nghi, muốn ở trú xứ này hoặc trú xứ kia ngăn Tỳ-kheo đó thuyết giới thì nên nói rằng: "Tôi ngăn Tỳ-kheo tên ..... thuyết giới, nếu Tỳ-kheo đó ở trong chúng thì Tăng không thuyết giới bố tát được".

Phá kiến là trừ thân kiến là căn bản của sáu mươi hai kiến, nếu khởi các Kiến khác như không tội, không phước, không bố thí, không thiện, không ác, không có quả báo thiện ác, không có đời này, không có đời sau, không cha, không mẹ, không có thế gian; không có A-la-hán chứng được chánh hạnh, đời này tự thân tác chứng: "Sanh tử đã tận, phạm hạnh đã lập, việc làm đã xong, không thọ thân sau ". Nếu Tỳ-kheo thấy hình tướng phá kiến của-Tỳ-kheo đó, hoặc nghe người khác, hoặc Tỳ-kheo đó tự nói, hoặc tuy không hiện tiền chính mắt thấy nhưng lần lựa nghe được từ nhiều phía, nghe rồi tin hoặc nghe rồi nghi Tỳ-kheo đó phá kiến. Tỳ-kheo này dựa trên thấy nghe nghi, muốn ở trú xứ này hoặc trú xứ kia ngăn Tỳ-kheo đó thuyết giới thì nên nói rằng: "Tôi ngăn Tỳ-kheo tên .....

thuyết giới, nếu Tỳ-kheo đó ở trong chúng thì Tăng không thuyết giới bố tát được".

Phá oai nghi là có Tỳ-kheo đối với Hòa thượng, A-xà-lê và cá Thượng tòa khác làm những việc ác, phá oai nghi. Nếu Tỳ-kheo thấy hình tướng phá oai nghi của-Tỳ-kheo đó hoặc nghe người khác nói, hoặc tuy không hiện tiền chính mắt thấy nhưng lần lựa nghe được từ nhiều phía, nghe rồi tin hoặc nghe rồi nghi Tỳ-kheo đó phá oai nghi. Tỳ-kheo này dựa trên thấy nghe nghi, muốn ở trú xứ này hoặc trú xứ kia ngăn Tỳ-kheo đó thuyết giới thì nên nói rằng: "Tôi ngăn Tỳ-kheo tên thuyết giới, nếu Tỳ-kheo đó ở trong chúng thì Tăng không thuyết giới bố tát được".

-oOo-

LUẬT THẬP TỤNG

QUYỂN 34

PHÁP PHÒNG XÁ NGỌA CỤ THỨ BẢY

Phật tại thành Vương xá, lúc đó các Tỳ-kheo khinh mạn nhau, không cung kính nhau, Phật biết rõ việc này nên nhóm Tỳ-kheo tăng rồi hỏi các Tỳ-kheo : "Ý các thầy thế nào, Tỳ-kheo nào nên làm Thượng tòa ngồi trên, thọ thức ăn cúng dường trước ?", có Tỳ-kheo bạch Phật: "Thế tôn, nếu Tỳ-kheo thuộc dòng Sát-đế-lỵ tín tâm xuất gia, cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y thì Tỳ-kheo này nên ngồi trên, thọ thức ăn cúng dường trước". Lại có Tỳ-kheo bạch Phật: "Thế tôn, nếu Tỳ-kheo thuộc dòng Bà-la-môn tín tâm xuất gia, cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y thì Tỳ-kheo này nên ngồi trên, thọ thức ăn cúng dường trước". Lại có Tỳ-kheo bạch Phật: "Thế tôn, nếu Tỳ-kheo thuộc dòng Tỳ xá tín tâm xuất gia, cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y thì Tỳ-kheo này nên ngồi trên, thọ thức ăn cúng dường trước". Lại có Tỳ-kheo bạch Phật: "Thế tôn, nếu Tỳ-kheo chứng quả A-la-hán, được lậu tận, việc làm đã xong, xả bỏ gánh nặng, diệt hết các Hữu kiết sử, đầy đủ chánh trí, tâm được giải thoát thì Tỳ-kheo

này nên ngồi trên, thọ thức ăn cúng dường trước". Lại có Tỳ-kheo bạch Phật: "Thế tôn, nếu Tỳ-kheo chứng quả A-na-hàm đã đoạn trừ năm hạ phần kiết sử, không sanh trở lại cõi này thì Tỳ-kheo này nên ngồi trên, thọ thức ăn cúng dường trước". Lại có Tỳ-kheo bạch Phật: "Thế tôn, nếu Tỳ-kheo chứng quả Tư-đà-hàm đã đoạn trừ ba kiết sử, làm nhẹ bớt ba độc, chỉ sanh lại cõi này một lần nữa sẽ dứt hết mé khổ thì Tỳ-kheo này nên ngồi trên, thọ thức ăn cúng dường trước". Lại có Tỳ-kheo bạch Phật: "Nếu Tỳ-kheo chứng quả Tu-đà-hoàn đã đoạn trừ ba kiết sử, không đọa trong đường ác, được trí Tuệ thanh tịnh, qua lại cõi trời người bảy lần sanh tử nữa sẽ dứt hết mé khổ thì Tỳ-kheo này nên ngồi trên, thọ thức ăn cúng dường trước". Các Tỳ-kheo trên đều đáp không hợp ý Phật, Phật bảo các Tỳ-kheo : "Các thầy hãy lắng nghe, Tỳ-kheo nào nên ngồi trên, thọ thức ăn cúng dường trước", Phật liền nói nhân duyên bổn sanh cho các Tỳ-kheo nghe:

Quá khứ, ở gần dưới tuyết sơn có ba loài cầm thú ở chung, đó là loài chim, loài khỉ và loài voi; ba loài thú này tuy sống chung nhưng khinh mạn nhau và không kính nhường nhau. Lúc đó chúng suy nghĩ: "Tại sao chúng ta không kính nhường nhau, nếu ai sanh trước thì vị ấy sẽ giáo hóa chúng ta và chúng ta sẽ cúng dường tôn trọng vị ấy", nghĩ rồi con chim hỏi khỉ và voi rằng: "Anh nhớ việc gì trong quá khứ ?", ở chỗ này có một cây Tất-bạt cao

lớn, voi chỉ cây này nói rằng: "Tôi nhớ lúc nhỏ khi tôi đến đây, cây này chỉ ở dưới bụng của tôi', voi và chim hỏi khỉ: "Anh nhớ việc gì trong quá khứ ?", khỉ nói: "Tôi nhớ lúc nhỏ đến đây ngồi dưới đất nắm đọt cây đè xuống chạm đất", voi liền nói với khỉ: "Nếu như vậy thì anh lớn tuổi hơn tôi, tôi sẽ cung kính tôn trọng anh, anh phải giảng pháp cho tôi nghe", khỉ và voi hỏi chim: "Anh nhớ việc gì trong quá khứ?", chim đáp: "Tôi nhớ lúc nhỏ đến ăn hạt của cây Tất-bạt cao lớn ở chỗ kia rồi đại tiện ra, hạt này sau đó nẩy mầm và dần dần cao lớn như thế", khỉ liền nói với chim: "Nếu như vậy thì anh lớn tuổi hơn tôi, tôi sẽ cung kính tôn trọng anh, anh phải giảng pháp cho tôi nghe". Lúc đó voi cung kính khỉ và theo khỉ nghe pháp, sau đó nói pháp lại cho các con khỉ khác nghe. Khỉ lại cung kính chim và theo chim nghe pháp, sau đó nói pháp lại cho các chim khác nghe. Ba loại cầm thú này trước kia thích sát sanh, trộm cắp, tà dâm, vọng ngữ nhưng sau khi nghe pháp xong, chúng suy nghĩ: "Tại sao chúng ta không bỏ nghiệp ác sát sanh…", nghĩ rồi liền bỏ nghiệp ác không làm nữa. Trong loài cầm thú không có uống rượu nên chúng chỉ hành bốn pháp này, mang chung được sanh lên cõi trời.

Phật bảo các Tỳ-kheo: "Thuở đó do chim nói pháp rộng khắp cõi trời người nên họ suy nghĩ: Loài súc sanh còn biết làm việc lành, không xâm phạm lúa của người, chúng còn biết tôn trong nhau,

huống chi chúng ta", nghi rồi họ liền tôn trọng nhau và tu theo pháp mà chim đã nói, thọ trì năm giới, mạng chung được sanh lên cõi trời. Chim thuở xưa, nay chính là ta; khỉ thuở xưa, nay chính là Xá-lợi-phất; voi thuở xưa, nay chính là Đại Mục-kiền-liên. Loài cầm thú vô tri còn biết cung kính nhau, hành pháp tôn trọng nhau để được lợi mình lợi người, huống chi chúng ta tín tâm xuất gia, cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y càng phải tôn kính lẫn nhau. Có ba hạng người:

Một là tất cả người chưa thọ Đại giới đều không bằng người đã thọ đại giới.

Hai là tất cả các Hạ tòa đều không bằng bậc Thượng tòa.

Ba là tất cả người thọ sự thuyết giảng phi pháp dù làm bậc Thượng tòa cũng không bằng bậc Hạ tòa, người thọ sự thuyết giảng như pháp.

Tất cả người thọ Đại giới phải hơn người không thọ đại giới, tất cả bậc Thượng tòa phải hơn bậc Hạ tòa, Phật phải hơn Thánh chúng". Phật liền nói kệ:

"Nếu người không kính Phật,
Và đệ tử của Phật,
Hiện đời bị quở trách,
Đời sau đọa ác đao.
Nếu người biết kính Phật,
Và đệ tử của Phật,
Hiện đời được khen ngợi,

Đời sau sanh cõi trời".

Phật nói nhân duyên bổn sanh khen ngợi pháp cung kính rồi bảo các Tỳ-kheo : "Từ nay người thọ Đại giới trước dù chỉ trong chốc lát cũng được ngồi trên, thọ thức ăn cúng dường trước".

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó có cư sĩ thỉnh Phật và Tăng vào ngày mai thọ thực, Phật im lặng nhận lời, cư sĩ biết Phật đã nhận lời liền đảnh lễ Phật hữu nhiễu rồi ra về. Về đến nhà ngay trong đêm đó lo sửa soạn đủ các món ăn ngon, sáng sớm trải tòa rồi sai sứ đến bạch Phật: "Đã đến giờ thọ thực, xin Phật tự biết thời", Phật cùng Thánh chúng đi đến nhà cư sĩ. Do Bạt-nan-đà thường ra vào nhà người khác nên sáng hôm đó đắp y mang bát đi đến nhà người khác, lúc đó tăng ở nhà cư sĩ theo thứ lớp ngồi đến chỗ của Bạt-nan-đà, Tỳ-kheo Hạ tòa thấy Bạt-nan-đà không đến liền hỏi đệ tử của Bạt-nan-đà là Đạt-ma: "Bổn sư của thầy có đến hay không?", Đạt-ma đáp: "Hòa thượng của tôi nhiều việc nhiều duyên thích ra vào nhà người khác, sáng hôm nay đã đắp y mang bát đến nhà người khác rồi, không biết có đây đây hay không nữa", Tỳ-kheo Hạ tòa này nghe rồi liền ngồi vào chỗ của Bạt-nan-đà. Thấy Phật và Tăng đã ngồi xong, cư sĩ tự tay dâng thức ăn lên cúng dường, lúc đang dâng cúng thì Bạt-nan-đà đến, theo thứ lớp đến chỗ của mình muốn ngồi, Tỳ-kheo Hạ tòa này phải đứng lên và lùi xuống trả chỗ lại cho Bạt-nan-đà, khiến

cho các Hạ tòa ngồi ở dưới đều phải đứng lên và lùi xuống, Tăng trở nên tán loạn. Cư sĩ thấy rồi liền quở trách Bạt-nan-đà: "Thức ăn rất nhiều sẽ cúng dường đồng đều cho tất cả, cần gì phải ngồi theo thứ lớp. Nếu thầy thích ngồi theo thứ lớp thì sao không đến sớm một chút. Hôm nay tôi không biết ai đã được, ai chưa được, ai được nhiều, ai được ít", lúc đó Phật nghe cư sĩ quở trách và thấy tăng tán loạn như vậy nên im lặng. Sau khi thọ thực xong trở về, Phật do nhân duyên này nhóm Tỳ-kheo tăng rồi quở trách Bạt-nan-đà: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo đang khi thọ thực lại cậy mình là Thượng tòa khiến cho các Hạ tòa phải đứng dậy như thế", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Từ nay Tỳ-kheo đang thọ thực, nếu thức ăn đã dọn đưa xong thì không nên khiến cho các Hạ tòa phải đứng dậy, nếu khiến cho Hạ tòa phải đứng dậy thì phạm Đột-kiết-la. Nếu Tỳ-kheo vì tâm cung kính Hòa thượng, A-xà-lê mà đứng dậy thì cũng không được khiến cho Hạ tòa thứ hai phải đứng dậy, nếu khiến cho Hạ tòa thứ hai phải đứng dậy thì phạm Đột-kiết-la. Từ nay cho Tỳ-kheo trong khoảng ba tuổi hạ được ngồi chung một giường, cho ba-Tỳ-kheo ngồi chung trên giường lớn, cho hai Tỳ-kheo ngồi chung trên giường nhỏ hơn, còn giường độc tọa thì chỉ được một người ngồi".

Phật tại nước Ba-la-nại, lúc đó có năm Tỳ-kheo đến bạch Phật: "Thế tôn, chúng con nay nên ở đâu

?", Phật nói: "Các thầy nên ở dưới gốc cây trong Trúc lâm trên sườn núi", các Tỳ-kheo này ở dưới gốc cây trong Trúc lâm trên sườn núi ngủ đêm, sáng sớm liền đi đến chỗ Hòa thượng, A-xà-lê để thọ đọc tụng kinh và hỏi điều nghi. Lúc đó cư sĩ Bạt đề ra khỏi thành Vương xá muốn đến trong Trúc lâm yết kiến Phật thì thấy các Tỳ-kheo này đi đến, liền hỏi là từ đâu đến, đáp: "Từ ở dưới gốc cây trong Trúc lâm trên sườn núi đến", cư sĩ hỏi vì sao lại ở đó, liền đáp là vì không có trú xứ khác, cư sĩ nói: "Tôi sẽ xây phòng xá cho các thầy ở", các Tỳ-kheo nói: "Phật chưa cho chúng tôi ở trong phòng xá", liền đem việc này bạch Phật, Phật nói: "Từ nay cho các Tỳ-kheo được ở trong phòng xá". Cư sĩ liền xây phòng xá cho các Tỳ-kheo ở, cao rông đẹp đẽ, họa vẽ đủ màu sắc nhưng không có ngọa cụ và vật phủ chỗ nằm. Các Tỳ-kheo bạch Phật, Phật nói: "Cho trải cỏ, lá cây làm ngọa cụ để nằm, cho làm y khác để đắp và vật phủ chỗ nằm". Ở nước đó trời nóng, cỏ lá dễ sanh trùng nên Phật cho làm đệm cỏ và chiếu tre, vẫn sanh trùng nên Phật lại cho nằm giường chõng. Các Tỳ-kheo lấy cây đóng thành giường chõng nên thân khổ não, Phật lại cho làm nệm. Trưởng lão Ưu-ba-ly hỏi Phật: "Thế tôn, nên dùng vật gì làm nệm", Phật nói: "Nên dùng bã mía, dây bầu bí, lông thú, cỏ Sô-ma, cỏ Kiếp-bối, cỏ Văn xa… để dồn làm nệm. Lúc đó các Tỳ-kheo nằm không có gối, Phật lại cho làm gối bằng cỏ,

đầu của các Tỳ-kheo bị gối cỏ đâm đau, Phật lại cho dồn bằng lông thú. Lúc đó phòng xá không có cửa nên chó, bò, ngựa, nai, khỉ vào trong nhà, Phật lại cho làm cửa, cửa không có then cài nên bị giặc cướp vào lấy trộm y bát của các Tỳ-kheo, Phật lại cho lấy dây cột cửa, các Tỳ-kheo không biết cách cột, Phật bảo hạ cửa xuống đục một lỗ rồi xỏ dây qua để cột cửa, cột cửa rồi lại không mở ra được, Phật bảo nên làm móc để mở cửa. Trưởng lão Ưu-ba-ly hỏi Phật nên dùng vật gì làm móc, Phật bảo nên dùng sắt, đồng hoặc cây gỗ. Các Tỳ-kheo làm xong lại không mở ra được, Phật lại bảo đục bên trong cửa một lỗ để móc cửa lại, các Tỳ-kheo làm xong khi đóng cửa không có chỗ tay cầm, Phật lại bảo nên làm quai nắm trên cánh cửa để cầm nắm. Trưởng lão Ưu-ba-ly lại hỏi nên dùng vật gì làm quai nắm, Phật bảo nên dùng sắt, đồng, cây gỗ, cây Sô-ma, kiếp-bối… để làm. Lúc đó phòng xá không có lỗ thông ánh sáng nên tối, Phật bảo nên làm lỗ thông ánh sáng, sau khi làm lỗ thông ánh sáng thì chim nhạn, anh vũ, xá lợi… bay vào kêu hót, làm xúc não các Tỳ-kheo tọa thiền hoặc đọc kinh trong phòng. Các Tỳ-kheo bạch Phật, Phật bảo nên làm chấn song, làm chấn song rồi chim vẫn bay vào được, Phật lại bảo nên làm lưới ngăn. Trưởng lão Ưu-ba-ly hỏi Phật nên dùng vật gì làm lưới, Phật bảo nên lấy cỏ Sô-ma, kiếp-bối… đan làm lưới. Lưới bị mục, Phật lại bảo nên làm tấm sáo phủ, phủ

che rồi trong phọng lại tối, Phật lại bảo nên làm một lỗ hỏng như mắt chim, làm rồi vẫn tối, Phật lại bảo nên làm nhiều lỗ. Lúc đó mùa nóng đã qua, mùa đông lại đến, lỗ thông ánh sáng không có cánh cửa nên hơi lạnh tràn vào, Phật lại bảo nên làm cánh cửa, làm cửa xong, gió vừa thổi dộng, cánh cửa liền mở, Phật lại bảo nên làm then cài trên dưới, làm rồi ở giữa vẫn hở, Phật lại bảo làm then cài ở giữa, làm xong cửa vẫn bị lay động, Phật lại bảo làm chốt cài then ở trên cao, làm xong không đóng được, Phật bảo dùng dây để kéo đóng lại, đóng rồi lại mở không được, Phật lại bảo đục lỗ xỏ hai sợi dây qua, một dây để kéo đóng lại, một dây để kéo mở ra.

Lúc đó các phòng xá không có trét bùn nên giữa các khe hở của gạch có trùng sanh như rắn rít bò ra cắn Tỳ-kheo, Phật bảo nên trét bùn, trét xong tường thô nhám làm y bị vướng rách, Phật lại bảo dùng bùn mịn để tô trét. Phòng xá lâu ngày bị mưa dột, Phật bảo nên dùng cỏ che lợp, che lợp rồi vẫn bị dột, Phật lại bảo nên lợp dày, lợp rồi lại bị gió lật ngược lên, Phật lại bảo cột ở hai đầu. Nước mưa lại làm cho bùn ra ra rơi xuống, Phật lại bảo nên lợp ngói, gió thổi làm ngói rơi xuống bể, Phật lại bảo đục lỗ trên miếng ngói rồi cột vào cọc đinh, nước mưa lại theo lỗ đó chảy xuống, Phật lại bảo trám lỗ trên miếng ngói.

Phật tại thành Vương xá, lúc đó Trưởng giả

Cấp-cô-độc ở nước Xá-vệ vì có chút duyên nên đến thành Vương xá, ngủ đêm ở nhà một cư sĩ. Do cư sĩ này thỉnh Phật và Tăng sáng ngày mai đến nhà thọ thực nên đêm đó thức dậy, đánh thức mọi người trong nhà, trừ trẻ con, hoặc chẻ củi hoặc lấy nước đổ vào trong nồi để nấu cơm, canh, thức ăn; cư sĩ còn tự mình trang hoàng nhà cửa, trải tọa cụ… các việc. Cấp-cô-độc thấy rồi liền suy nghĩ: "Cư sĩ này sắp cưới vợ hay thỉnh vua quan đến hay làm hội thí lớn", nghĩ rồi liền hỏi cư sĩ, cư sĩ đáp: "Tôi không có cưới vợ, cũng không thỉnh vua quan, mà là sáng ngày mai thỉnh Phật và Tăng đến thọ thực làm hội thí lớn", Cấp-cô-độc vừa nghe đến tên Phật liền hỏi Phật là ai, cư sĩ nói: "Có thái tử con vua dòng họ Thích, tín tâm xuất gia chứng được Vô thượng đạo, hiệu là Phật", lại hỏi Tăng là ai, cư sĩ nói: "Có nhiều hạng người, đủ các dòng họ tín tâm xuất gia, cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, theo phật xuất gia đều gọi là Tăng", lại hỏi: "Phật nay đang ở đâu ?", đáp: "Phật đang ở gần Hàn lâm, nếu ông muốn gặp thì tùy ý". Cấp-cô-độc dốc lòng muốn gặp Phật nên ra khỏi nhà men theo tướng sáng đến cổng lớn, cổng tự nhiên mở. Theo thường lệ thì đầu đêm nghe thổi còi thì khách vào, cuối đêm nghe thổi còi thì khách ra, cho nên Cấp-cô-độc thấy cửa mở liền cho là cuối đêm đã qua. Ra khỏi cổng không xa mới biết là trời chưa sáng, chung quanh tối tăm khiến Cấp-cô-độc rợn người

nghĩ là có phi nhơn nhiễu loạn nên muốn quay trở về. Lúc đó vị Đại thế môn thần hiện ánh sáng chiếu soi đến tận Hàn lâm rồi bảo Cấp cô độc: "Ông hãy đi đi, chớ sợ. Đời trước ta là bạn của ông, là Bà-la-môn Mật kiên, do ta khi đến thành Vương xá gặp được hai tôn giả Xá-lợi-phất và Đại Mục-kiền-liên, được nghe thuyết pháp và được lợi hỉ nên ta đã thọ Tam quy và Ngũ giới. Do nhân duyên này mạng chung được sanh lên cõi trời Tứ thiên vương làm thần giữ cửa ở đây. Ông hãy đi đi, sẽ được lợi ích lớn, đi thẳng về phía trước, chớ có nghi hối". Thiên thần liền nói kệ:

"Dù người được trăm thốt ngựa,
Trăm đồ anh lạc trang nghiêm,
Và một trăm cỗ xe ngựa,
Không bằng tới trước một bước.
Dù trăm thớt voi núi Tuyết,
Với ngà lớn trang nghiêm thân,
Lại dùng vàng ròng trang sức,
Làm cho thân càng thêm đẹp,
Không bằng tới trước một bước.
Trăm mỹ nữ ở phương Bắc,
Với chuỗi anh lạc vòng vàng,
Dùng đồ trang nghiêm như thế,
Tuổi trẻ đẹp lại đoan trang,
Không bằng tới trước một bước.
Cho đến Chuyển luân thánh vương,
Có ngọc nữ báu bậc nhất,

So với ông thẳng tới trước,
Không bằng một phần mười sáu,
Ông thẳng tới trước một bước,
Chớ có nghi hối trở về".

Ca-chiên-diên nghe rồi liền nghĩ Phật pháp Tăng một là vĩ đại mới khiến cho Thiên thần ân cần chỉ giáo, liền noi theo ánh sáng đi đến trong Hàn lâm. Lúc đó trời đã sáng, Phật đang kinh hành ở ngoài đất trống chờ trưởng giả đến, trưởng giả Cấp-cô-độc theo pháp bạch y hỏi Phật ngủ có ngon không, Phật liền nói kệ:

"Ta đã trừ Dục lậu,
Giải thoát lìa thế gian,
Đã đoạn tất cả Lậu,
Tâm diệt các Nhiệt não,
Đạt đến chỗ Tịch diệt,
Ta ngủ thường an ổn".

Nói kệ xong Phật liền ngồi xuống chỗ kinh hành, Cấp-cô-độc-đảnh lễ Phật rồi ngồi một bên nghe Phật thuyết pháp. Pháp đầu tiên là Phật nói về bố thí trì giới là quả báo sanh Thiên, kế phân biệt cấu tịnh giữa lỗi của năm dục là khổ não của thế gian và xuất gia là an lạc. Lúc đó Phật biết tâm người này đã thuần thục điều nhu, có thể thọ được pháp tối thượng liền nói bốn đế: Khổ tập diệt đạo. Như miếng vải trắng sạch sẽ nhuộm màu sắc, người này cũng vậy, vừa nghe pháp tâm liền khai ngộ, ngay nơi chỗ ngồi được pháp nhãn thanh tịnh

vô cấu. Sau khi thấy pháp, biết pháp, được tịnh pháp, vượt khỏi nghi hối, bất tín, không từ nơi người khác mà ở trong đạo quả được vô sở úy. Trưởng giả liền từ chỗ ngồi đứng dậy đảnh lễ bạch Phật: "Thế tôn, tâm con mến mộ Phật pháp, con nguyện trọn đời làm Ưu-bà-tắc, xin Phật và Tăng thọ con thỉnh đến nước Xá-vệ hạ an cư". Phật tuy biết nhưng vẫn hỏi trưởng giả tên gì, đáp: "Con tên Tu-đạt, do hay cung cấp cho những người cô độc nên người trong nước gọi con là Cấp cô độc", Phật lại hỏi: "Ở nước Xá-vệ có Tăng phường không?", đáp là chưa có, Phật nói: "Nếu ở đó không có Tăng phường thì các Tỳ-kheo không thể đến đó được, dù chỉ trong chốc lát", Cấp-cô-độc bạch Phật: "Thế tôn, xin Phật thọ con thỉnh, con sẽ lo xây Tăng phường để các Tỳ-kheo có thể đến đó ở. Xin Thế tôn cử tôn giả Xá-lợi-phất làm Tăng phường sư giúp con trông coi việc xây cất Tăng phường", Phật liền bảo Xá-lợi-phất làm Tăng phường sư giúp Cấp-cô-độc trông coi việc xây cất Tăng phường. Cấp-cô-độc đến trong Trúc lâm xem giảng đường, nhà ấm, nhà ăn, nhà bếp, nhà thiền, nhà vệ sinh… các nơi rồi ghi nhớ kỹ. Sau khi làm xong việc ở thành Vương xá, ông liền trở về nước Xá-vệ, trên đường ông đều nói cho những người thân quen biết việc mà ông sắp làm. Về đến nơi, ông lại không vào thành cũng không về nhà mà đi khắp nơi quanh thành để tìm nơi chốn thích hợp, có thể xây cất tinh

xá. Vừa đi ông vừa nghĩ: "Ở đâu có vườn đẹp, qua lại thuận tiện, cây cối sum suê, có nước chảy trong sạch, không có các loài trùng độc như rắn rít, muỗi mòng, cũng không có gió nóng, ngày đêm đều yên tĩnh. Ta sẽ ở nơi đó xây cất tinh xá cúng cho Phật và Tăng", bỗng nhiên lúc đó ông nhìn thấy khu vườn của thái tử Kỳ đà có đầy đủ các điều kiện trên, thấy rồi ông liền trở vào thành, không về nhà mà đến chỗ Thái tử bạch rằng: "Tôi muốn mua vườn của Thái tử, xin hãy bán cho tôi", Thái tử nói: "Tôi không muốn bán, cho dù ông có đem tiền vàng lót đầy trong vườn, tôi cũng không bán", Cấp-cô-độc nói: "Giá vườn đã quyết đoán rồi", Thái tử nói: "Tôi không có quyết đoán". Do nhân duyên này cả hai cùng tranh cải và cùng đến chỗ quan đoán sự để xử đoán, Cấp-cô-độc kể lại đầy đủ việc trên, quan đoán sự nghe rồi liền nói: "Thái tử đã bán rồi, hãy nên đúng thời nhận vàng, vì sao Thái tử lại nói là dù ông có đem tiền vàng lót đầy trong vườn tôi cũng không bán". Cấp-cô-độc liền trở về nhà cho xe voi xe ngựa chở tiền vàng đến trong vườn của Thái tử để lót, nhưng còn thiếu một ít chưa lót đầy vườn, ông đang suy nghĩ không biết nên lấy thêm vàng trong kho nào để lót đầy chỗ này mà không thiếu không dư. Thái tử thấy vậy liên nói: "Nếu ông hối tiếc thì tùy ý, ông mang vàng về, trả vườn lại cho tôi", Cấp-cô-độc nói: "Tôi không hối tiếc, chỉ là tôi đang suy nghĩ nên lấy

thêm vàng trong kho nào để lót cho đầy chỗ này mà không thiếu không dư", Thái tử nghe rồi liền suy nghĩ: "Phật pháp Tăng chắc là vĩ đại nên khiến ông ta xả vật báu mà không hối tiếc như thế", nghĩ rồi liền nói với Cấp cô độc: "Ông khỏi phải lót thêm tiền vàng nữa, chỗ đất trống đó hãy để cho tôi xây cửa cổng cúng cho Phật và Tăng", Cấp-cô-độc bằng lòng nên tinh xá sau khi xây xong, vườn là của trưởng giả Cấp-cô-độc còn cửa cổng là của Thái tử Kỳ đà; Tôn giả Xá-lợi-phất trông coi việc xây cất tinh xá, có tất cả mười sáu dãy lầu với sáu mươi phòng xá. Lúc đó Phật biết ở nước Xá-vệ, tinh xá đã xây cất xong, liền nhóm Tỳ-kheo tăng bảo các Tỳ-kheo rằng: "Như lai muốn du hành đến nước Xá-vệ, các thầy hãy cùng đi", nói rồi Phật cùng đại chúng gồm năm trăm Tỳ-kheo đi đến nước Xá-vệ. Lúc đó Lục quần Tỳ-kheo biết chỗ Phật và Tăng sẽ đến, liền bảo các đệ tử rằng: "Các thầy hãy đến chỗ đó trước, dành một phòng tốt cho Phật, còn các phòng tốt khác thì chiếm hết cho ta", các đệ tử vâng lời làm theo. Vì thế nên khi Phật và Tăng đến nơi, trừ phòng của Phật, các vị Thượng tòa như Xá-lợi-phất, Đại Mục-kiền-liên… theo thứ lớp nhận phòng thì phòng đã có Tỳ-kheo nhận trước rồi, như thế đến phòng thứ hai, thứ ba cũng đều đã có người nhận trước rồi, các Thượng tòa đành phải nhận phòng bên ngoài (phòng bậc trung, không tốt lắm cũng không xấu lắm) để ở. Lúc đó

Phật hỏi A-nan: "Xá-lợi-phất và Đại Mục-kiền-liên hiện ở phòng nào ?", đáp là ở phòng bên ngoài, Phật bảo A-nan gọi đến để hỏi nguyên do. Sau khi biết rõ nguyên do, Phật bảo các Tỳ-kheo : "Từ nay cho từ bậc Thượng tòa theo thứ lớp nhận phòng để ở".

Lúc đó Lục quần Tỳ-kheo đuổi Tỳ-kheo bịnh ra khỏi phòng, Tỳ-kheo bịnh và Tỳ-kheo khán bịnh cầm bô đại tiểu tiện, khạc nhổ và chiếu cỏ của người bịnh đi trải qua các phòng khác nên bịnh càng nặng thêm. Các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật bảo các Tỳ-kheo: "Từ nay không được dựa theo thứ lớp từ bậc Thượng tòa mà đuổi Tỳ-kheo bịnh ra khỏi phòng, nếu đuổi thì phạm Đột-kiết-la". Lục quần Tỳ-kheo nghe Phật chế điều này nên khi có khách Tỳ-kheo đến liền giả bịnh, không cho khách Tỳ-kheo vào phòng, Tỳ-kheo khách hỏi: "Thầy mắc bịnh gì?", đáp: "Tôi bị nhọt ở trong miệng và giữa các ngón chân rất đau đớn", các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật bảo các Tỳ-kheo: "Nếu người này giả bịnh thì nên theo thứ lớp từ bậc Thượng tòa mà đuổi ra khỏi phòng". Lúc đó các Tỳ-kheo bịnh nghe Phật chế không được đuổi người bịnh ra khỏi phòng, liền vào ở trong các phòng thượng hạng, các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật bảo các Tỳ-kheo: "Tuy là người có bịnh thật cũng không được ở trong phòng tốt thượng hạng, nên cho ở phòng bậc trung, tức là

phòng mà người bịnh và người khán bịnh cùng ngọa cụ có thể nằm ngồi trong đó".

Phật đến nước Xá-vệ hạ an cư, trước khi an cư các Tỳ-kheo phải quét dọn và tu bổ các nơi, sắp xếp lại giường chõng, đập giũ mền nệm gối… các việc. Lục quần Tỳ-kheo tánh lười biếng không thích làm việc nên chỉ đứng từ xa, nghĩ rằng: "Đợi họ làm xong, đến lúc nhận phòng xá ngọa cụ sẽ dựa vào thứ lớp từ bậc Thượng tòa mà nhận phòng xá ngọa cụ", nghĩ rồi liền đợi đến lúc nhận phòng liền hỏi các Tỳ-kheo này: "Các thầy bao nhiêu tuổi hạ ?", đáp xong liền nói: "Nếu vậy các thầy hãy ra khỏi đây vì chúng tôi là bậc Thượng tòa", các Tỳ-kheo này hỏi: "Các thầy có cùng đến với chúng tôi không ?", đáp là có, các Tỳ-kheo này nói: "Nếu có cùng đến mà không cùng làm các việc, thì chúng tôi không rời khỏi đây", Lục quần Tỳ-kheo nói: "Phật không có nói là nếu không cùng làm các việc thì không được theo thứ lớp từ bậc Thượng tòa nhận phòng. Chúng tôi là bậc Thượng tòa thì theo thứ lớp nên nhận phòng này, tại sao các thầy không rời khỏi đây", nói rồi liền dùng sức mạnh kéo lôi các Tỳ-kheo này ra khỏi phòng. Các Tỳ-kheo này trên thân bị thương, y bị rách, bát bị bể đến bạch Phật, Phật nói: "Từ nay nên cử người trông coi việc phân chia phòng xá ngọa cụ".

Pháp cử người trông coi việc phân chia phòng xá ngọa cụ như sau: Tăng nhất tâm hòa hợp, một

Tỳ-kheo trong Tăng nên hỏi: "Ai có thể vì Tăng làm người trông coi việc phân chia phòng xá ngọa cụ?", nếu có người đáp là tôi có thể thì Tăng nên xét kỹ nếu người này có đủ có năm pháp: Tùy ái, tùy sân, tùy sợ, tùy si, không biết nên chia hay không nên chia; thì không nên cử người này. Ngược lại nếu thành tựu có năm pháp: Không tùy ái, không tùy sân, không tùy sợ, không tùy si, biết nên chia hay không nên chia; thì nên cử người này. Một Tỳ-kheo trong Tăng tác bạch yết ma như sau:

Đại-đức Tăng lắng nghe, Tỳ-kheo này tên ..... có thể vì Tăng làm người trông coi việc phân chia phòng xá ngọa cụ. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay cử Tỳ-kheo ..... làm người trông coi việc phân chia phòng xá ngọa cụ. Bạch như vậy.

Như thế Bạch-nhị-yết-ma cho đến câu Tăng đã sai Tỳ-kheo ..... làm người trông coi việc phân chia phòng xá ngọa cụ xong rồi. Tăng chấp thuận vì im lặng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

Người trông coi việc phân chia phòng xá ngọa cụ này nên hỏi các cựu Tỳ-kheo thiện hảo chơn thật để phân biệt phòng xá ngọa cụ và các món cùng dường ở trong các phòng như thế nào, sau khi đếm biết được số lượng phòng xá ngọa cụ và số lượng Tỳ-kheo rồi, nếu mỗi Tỳ-kheo được một phòng thì nên chia cho một phòng. Nên theo thứ lớp từ Thượng tòa trước, nói rằng: "Đại-đức, phòng này

có các món cúng dường như vậy như vậy, phòng thứ hai có các món cúng dường như vậy như vậy, Đại-đức tùy ý chọn lấy một phòng ", Thượng tòa thứ 1 tùy ý nhận phòng rồi, kế nói với Thượng tòa thứ hai, thứ ba cũng giống như trên, nếu Thượng tòa thứ nhất nói rằng: "Tôi muốn nhận phòng của Thượng tòa thứ ba ", Phật bảo không nên cho, vị Thượng tòa thứ nhất này nên sám tội Đột-kiết-la, như thế theo thứ lớp tất cả nhận phòng rồi mới phân chia ngọa cụ, cũng theo thứ lớp giống như trên.

Lúc đó Bạt-nan-đà Thích tử ở trong Kỳ hoàn nhận phần ngọa cụ rồi, lại đến chỗ khác nhận thêm phần ngọa cụ nữa. Các Tỳ-kheo nói: "Thầy đã nhận phần ở nơi này, tại sao lại đến chỗ khác nhận thêm phần nữa", Bạt-nan-đà nói: "Tôi không có nhận nữa", các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật bảo các Tỳ-kheo : "Tỳ-kheo nhận thêm phần ở chỗ khác thì phần ở chỗ này được xem là bỏ, nếu nói không có nhận nữa thì được xem là bỏ phần ở nơi đó". Như trong kinh Bổn sanh nói về người vợ của Bà-la-môn chăn cừu:

Thuở xưa có vợ của Bà-la-môn chăn cừu bảo tên giặc cướp giết chết chồng mình rồi lấy hết tài vật bỏ đi cùng tên giặc cướp. Khi đi đến một dòng nước chảy xiết, tên giặc cướp nói với người vợ này rằng: "Nàng hãy đứng bên bờ này đợi tôi, tôi mang tài vật qua bờ kia trước, sẽ quay trở lại đưa nàng

qua", nói rồi mang hết tài vật lội qua bờ kia. Người vợ nay vội gọi tên giặc cướp: "Hãy đưa tôi qua", tên giặc cướp nói vọng qua: "Nàng là người tệ ác, chồng nàng còn không yêu huống chi là yêu ta", nói rồi liền bỏ đi. Người vợ này chỉ còn biết đứng trơ ra nhìn bóng mình dưới nước.

Bạt-nan-đà cũng vậy, nhận ngọa cụ ở chỗ này, đến chỗ khác nhận nữa thì phần ở chỗ này bị mất, lại nói là không có nhận nữa thì phần ở chỗ đó cũng mất.

Lại nữa, xưa có một con dã can miệng ngậm miếng thịt đứng ở bờ sông, nó bỗng thấy có con cá ngửa bụng bơi trong nước, nó liền nhả miếng thịt chạy đến đớp con cá. Ngay lúc đó có một con chim bay đến ngậm miếng thịt mang đi.

Bạt-nan-đà cũng vậy, mất phần chỗ này, phần ở chỗ khác cũng mất luôn". Phật quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Từ nay Tỳ-kheo nào đã nhận một phần ngọa cụ rồi thì không được nhận thêm phần nữa, nếu nhận thêm thì phạm Đột-kiết-la". Phật tại nước Kiều-tát-la cùng chúng đại Tỳ-kheo an cư một chỗ, lúc đó ở Kỳ hoàn các Tỳ-kheo an cư thì ít mà ngọa cụ lại nhiều, các Tỳ-kheo được chia một phần rồi mà ngọa cụ vẫn còn dư nhiều. Cư sĩ xây cất Tăng phòng đến hỏi: "Phòng xá ngọa cụ mà tôi đã làm xong, có Tỳ-kheo đến nhận ở không?, đáp là không có, cư sĩ hỏi vì sao, các Tỳ-kheo đáp: "Vì các Tỳ-kheo ở đây an cư thì ít mà ngọa cụ lại nhiều,

Phật chỉ cho chúng tôi nhận một phần ngọa cụ nên vẫn còn dư", cư sĩ nói: "Những vật dụng mà tôi cúng dường trong các phòng xá như phu cụ, mền gối, bữa ăn sáng, bữa ăn trưa, Tỳ-kheo nhận ở thọ dụng rất tốt". Các Tỳ-kheo không biết làm sao, đem việc này bạch Phật, Phật nói: "Nếu như thế thì các thầy nên chia trước một phần, nếu còn dư thì nên chia thêm một phần nữa để cho hết, nếu vẫn không hết thì nên chia thêm một phần nữa để cho hết, vì để giữ gìn và tu bổ, không để cho hư hoại".

Lúc đó ở nước Kiều-tát-la gặp loạn, vì sợ hãi nên rất đông Tỳ-kheo tập trung lại một chỗ kiết hạ an cư, kiết hạ vừa xong thì có nhiều khách Tỳ-kheo đắp y mang bát đến, hoặc đứng ở chỗ rửa chân, hoặc đứng ở trong giảng đường, hoặc đứng ở chỗ kinh hành để đợi phân chia ngọa cụ. Phật nhìn thấy rồi, tuy biết mà vẫn hỏi A-nan nguyên do, A-Nan đem việc trên bạch Phật, Phật nói: "Từ nay cho các Tỳ-kheo được hai loại an cư là tiền an cư và hậu an cư. Nên để dành phòng xá ngọa cụ chia cho các Tỳ-kheo hậu an cư". Các Tỳ-kheo hậu an cư này nghe Phật chế rồi liền muốn theo thứ lớp từ bậc Thượng tòa để nhận phòng xá ngọa cụ của các Tỳ-kheo tiền an cư. Do nhân duyên này phát sanh tranh cải, Phật nói: "Các vị Thượng tòa hậu an cư không được giành lấy phòng xá ngọa của của các Thượng tòa tiền an cư. Nếu các Thượng tòa tiền an cư được chia hai phần thì nên nhường lại một phần

cho các Thượng tòa hậu an cư".

Lúc đó ở nước Kiều-tát-la gặp loạn, vì sợ hãi nên rất đông Tỳ-kheo tập trung lại một chỗ kiết hạ an cư, kiết hạ vừa xong thì có nhiều khách Tỳ-kheo đắp y mang bát đến, hoặc đứng ở chỗ rửa chân, hoặc đứng ở trong giảng đường, hoặc đứng ở chỗ kinh hành để đợi phân chia ngọa cụ. Phật nhìn thấy rồi, tuy biết mà vẫn hỏi A-nan nguyên do, A-Nan đem việc trên bạch Phật, Phật nói: "Nếu ngọa cụ còn dư chưa chia thì nên đem chia cho họ, nếu ngọa cụ đã chia hết rồi thì nên cho họ ở chung".

Lúc đó ở nước Kiều-tát-la gặp loạn, vì sợ hãi nên rất đông Tỳ-kheo tập trung lại một chỗ kiết hạ an cư, kiết hạ vừa xong thì có nhiều khách Tỳ-kheo đắp y mang bát đến, hoặc đứng ở chỗ rửa chân, hoặc đứng ở trong giảng đường, hoặc đứng ở chỗ kinh hành để đợi phân chia ngọa cụ. Phật nhìn thấy rồi, tuy biết mà vẫn hỏi A-nan nguyên do, A-Nan đem việc trên bạch Phật, Phật nói: "Nếu còn phòng trống thì nên chia cho họ, nếu không còn thì nên cho họ ở chung, nên cho họ phòng sưởi ấm để họ cất y bát, nên cho họ theo Tăng thọ thực. Nếu trong Tăng có cựu Tỳ-kheo thiện hảo thích phước đức thì nên xin y vật cho khách Tỳ-kheo, chớ để họ vì thiếu thốn, không được gì mà bỏ đi".

Lúc đó có Tỳ-kheo A-lan-nhã theo cựu Tỳ-kheo xin phòng để cất y bát, cựu Tỳ-kheo nói: "Phật chưa cho chúng tôi chia phòng cho Tỳ-kheo

A-lan-nhã để cất y bát", các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật bảo các Tỳ-kheo : "Từ nay cho Tỳ-kheo A-lan-nhã được thọ nhận phòng để cất y bát". Lúc đó bỗng có khách Tỳ-kheo đến vì không có chỗ ở nên mệt nhọc khổ não, các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật bảo các Tỳ-kheo : "Nên tạm cho phòng xá và ngọa cụ". Lúc đó có khách Tỳ-kheo đến xin ngủ lại đêm, sáng sớm hôm sau liền bỏ đi, những vật dụng cúng dường ở trong phòng, cựu Tỳ-kheo không biết làm thế nào nên bạch Phật, Phật nói: "Tỳ-kheo khách dù có ngủ đêm lại trong phòng đó, nhưng cựu Tỳ-kheo ở trong phòng đó vẫn được thọ dụng".

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó các Tỳ-kheo bỏ học Tỳ-ni, chỉ học Tu-đa-la và A-tỳ-đàm mà xa lìa-tỳ ni. Phật thấy việc này rồi liền khen ngợi các Tỳ-kheo thông suốt Tỳ-ni và hiện tiền khen ngợi Trưởng lão Ưu-ba-ly là người trì luật bậc nhất trong các vị thọ trì Tỳ-ni. Các Tỳ-kheo này nghe rồi liền suy nghĩ: "Phật khen ngợi các Tỳ-kheo thông suốt Tỳ-ni và hiện tiền khen ngợi Trưởng lão Ưu-ba-ly là người trì luật bậc nhất trong các vị thọ trì Tỳ-ni, tại sao chúng ta lại không học Tỳ-ni", nghĩ rồi các Tỳ-kheo Thượng tòa theo Trưởng lão Ưu-ba-ly thọ học Tỳ-ni. Ưu-ba-ly không ngồi trên tòa cao để dạy họ vì cung kính các Tỳ-kheo Thượng tòa; cũng không ngồi ở tòa thấp vì tôn trọng pháp. Trưởng lão Ưu-ba-ly hoặc đi kinh hành

hoặc đứng để dạy họ, vì đi đứng như vậy quá lâu nên bàn chân, gót chân, đầu gối đều đau và mỏi; eo lưng và xương sườn xương sống cũng đều đau. Các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm Tỳ-kheo tăng rồi hỏi Trưởng lão Ưu-ba-ly: "Có phải các Thượng tòa theo thầy thọ học Tỳ-ni, thầy không ngồi trên tòa cao… cho đến xương sườn xương sống cũng đều đau, thầy thật như thế phải không?", Ưu-ba-ly bạch Phật: "Thật như thế thưa Thế tôn", Phật đủ lời khen ngợi giới, khen ngợi người trì giới rồi bảo các Tỳ-kheo: "Từ nay cho Tỳ-kheo Hạ tòa muốn dạy pháp cho Tỳ-kheo Thượng tòa được ngồi trên tòa cao dạy họ vì tôn trọng pháp; nếu Tỳ-kheo Thượng tòa muốn thọ học giáo pháp từ Tỳ-kheo Hạ tòa thì nên ngồi ở tòa thấp vì tôn trọng pháp. Từ nay cho Tỳ-kheo Hạ tòa dạy pháp cho Tỳ-kheo Thượng tòa được cùng ngồi chung giường làm Thượng tòa".

Lúc đó Phật cùng chúng đại Tỳ-kheo du hành đến nước Kiều-tát-la, các Trưởng lão như Xá-lợi-phất, Đại Mục-kiền-liên, A-na-luật, Nan-đề, Kim-tỳ-la đều đi theo Phật, lời nói của các Trưởng lão này đều là lời chơn thật, thiết tha có thể điều phục được người khác. Các Trưởng lão này đã từng làm các yết ma như yết ma Khổ-thiết, yết ma Y chỉ, yết ma Hạ-ý, yết ma Khu-xuất cho các Tỳ-kheo phạm tội. Ở nước Kiều-tát-la có một trú xứ có nhiều Tỳ-kheo, các Tỳ-kheo này nghe tin Phật và Tăng du

hành sắp đến nước Kiều-tát-la, các Trưởng lão như Xá-lợi-phất, Đại Mục-kiền-liên, A-na-luật, Nan-đề, Kim-tỳ-la đều đi theo Phật, lời nói của các Trưởng lão này đều là lời chơn thật, thiết tha có thể điều phục được người khác. Các Trưởng lão này đã từng làm các yết ma như yết ma Khổ-thiết, yết ma Y chỉ, yết ma Hạ-ý, yết ma Khu-xuất cho các Tỳ-kheo phạm tội. Các Tỳ-kheo này liền suy nghĩ: "Các Trưởng lão ấy sắp đến đây, ắt sẽ làm các yết ma trị phạt cho chúng ta, tại sao chúng ta không làm yết ma trú xứ này giao cho một Tỳ-kheo", nghĩ rồi liền làm yết ma đem trú xứ giao cho một Tỳ-kheo rồi đi. Khi Phật và Tăng đến, Tỳ-kheo này trải tọa cụ và dọn phòng tốt cho Phật ở rồi tránh đi chỗ khác, nghĩ rằng: "Nếu ta ở đó, Phật ắt sẽ sai ta phân chia phòng xá ngọa cụ cho các Tỳ-kheo khách". Lúc đó Phật ở trong phòng còn các Tỳ-kheo khách đều hoặc đứng ở chỗ rửa chân, hoặc đứng ở trong giảng đường, hoặc đứng ở chỗ kinh hành để đợi phân chia ngọa cụ. Phật nhìn thấy rồi, tuy biết mà vẫn hỏi A-nan nguyên do, A-Nan đem việc trên bạch Phật, Phật bảo A-nan: "Thầy hãy đến bảo cựu Tỳ-kheo mở cửa phòng lấy ngọa cụ chia cho khách Tỳ-kheo", A-nan vâng lời Phật dạy đến nói với cựu Tỳ-kheo, cựu Tỳ-kheo nói: "Thầy biết không, trú xứ này không phải là Tăng phường, các cựu Tỳ-kheo đã làm yết ma đem trú xứ này giao cho một Tỳ-kheo rồi". Có Tỳ-kheo thiểu dục

tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng rồi quở trách cựu Tỳ-kheo: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo lại làm yết ma đem Tăng phường giao cho một Tỳ-kheo ", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Từ nay không cho làm yết ma đem Tăng phường giao cho một Tỳ-kheo, nếu làm thì phạm Đột-kiết-la, Tăng phường dù có yết ma cho cũng không thành cho".

Phật cùng chúng đại Tỳ-kheo du hành đến các nước, lúc đến nơi đó vì không có Tăng phường nên phải vào trong rừng nghỉ qua đêm. Lục quần Tỳ-kheo liền bảo các đệ tử rằng: "Các thầy hãy đến chỗ đó trước, dành một gốc cây tốt cho Phật, còn các gốc cây tốt khác thì chiếm hết cho ta", các đệ tử vâng lời làm theo. Vì thế nên khi Phật và Tăng đến nơi, trừ gốc cây tốt dành cho Phật; các vị Thượng tòa như Xá-lợi-phất, Đại Mục-kiền-liên… theo thứ lớp nhận gốc cây thì các gốc cây tốt đều đã có Tỳ-kheo nhận trước rồi, như thế đến gốc cây thứ hai, thứ ba cũng đều đã có người nhận trước rồi, các Thượng tòa đành phải nhận gốc cây ngoài bìa rừng để ở. Lúc đó Phật hỏi A-nan: "Xá-lợi-phất và Đại Mục-kiền-liên hiện ở phòng nào ?", đáp là ở dưới gốc cây ngoài bìa rừng, Phật bảo A-nan gọi đến để hỏi nguyên do. Sau khi biết rõ nguyên do, Phật bảo các Tỳ-kheo : "Từ nay cho từ bậc Thượng tòa theo thứ lớp nhận gốc cây để ở". Các Tỳ-kheo

Hạ tòa nghe Phật chế như vậy rồi liền lấy cỏ lá đã trải dưới các gốc cây tốt mang đi hết, các Tỳ-kheo Thượng tòa theo đòi nhưng không đưa lại, do nhân duyên này sanh tranh cải, Phật nói: "Không được lấy mang đi". Các Tỳ-kheo Thượng tòa nghe Phật chế như vầy rồi liền đến ở dưới những gốc cây mà Tỳ-kheo Hạ tòa đã tự trải cỏ sẵn và không cho họ lấy mang đi, Phật nói: "Những cỏ đã trải sẵn trước thì để lại không cho lấy mang đi, còn những cỏ mới tự trải thì được lấy mang đi".

Phật cùng đại chúng du hành đến nước Ca-thi, các Trưởng lão như Xá-lợi-phất, Đại Mục-kiền-liên, A-na-luật, Nan-đề, Kim-tỳ-la đều đi theo Phật, lời nói của các Trưởng lão này đều là lời chơn thật, thiết tha có thể điều phục được người khác. Các Trưởng lão này đã từng làm các yết ma như yết ma Khổ-thiết, yết ma Y chỉ, yết ma Hạ-ý, yết ma Khu-xuất cho các Tỳ-kheo phạm tội. Lúc đó trên núi Ca-la có các Tỳ-kheo không nghĩ đến việc hộ giới, nghe tin Phật và Tăng du hành sắp đến nước Ca thi, các Trưởng lão như Xá-lợi-phất, Đại Mục-kiền-liên, A-na-luật, Nan-đề, Kim-tỳ-la đều đi theo Phật, lời nói của các Trưởng lão này đều là lời chơn thật, thiết tha có thể điều phục được người khác. Các Trưởng lão này đã từng làm các yết ma như yết ma Khổ-thiết, yết ma Y chỉ, yết ma Hạ-ý, yết ma Khu-xuất cho các Tỳ-kheo phạm tội. Các Tỳ-kheo này suy nghĩ: "Các Trưởng lão đó đến đây

ắt sẽ làm các yết ma trị phạt cho chúng ta, Phật đã chế không cho làm yết ma đem tăng phường giao cho một Tỳ-kheo, nay chúng ta làm yết ma chia Tăng phường làm bốn phần chia cho bốn Tỳ-kheo", nghĩ rồi liền đem Tăng phường gồm có đất đai, vườn cây, phòng xá… đều chia đều làm bốn phần giao cho bốn Tỳ-kheo rồi đi. Khi Phật và Tăng đến, cựu Tỳ-kheo này trải tọa cụ và dọn phòng tốt cho Phật ở rồi tránh đi chỗ khác, nghĩ rằng: "Nếu ta ở đó, Phật ắt sẽ sai ta phân chia phòng xá ngọa cụ cho các Tỳ-kheo khách". Lúc đó Phật ở trong phòng còn các Tỳ-kheo khách đều hoặc đứng ở chỗ rửa chân, hoặc đứng ở trong giảng đường, hoặc đứng ở chỗ kinh hành để đợi phân chia ngọa cụ. Phật nhìn thấy rồi, tuy biết mà vẫn hỏi A-nan nguyên do, A-Nan đem việc trên bạch Phật, Phật bảo A-nan: "Thầy hãy đến bảo cựu Tỳ-kheo mở cửa phòng lấy ngọa cụ chia cho khách Tỳ-kheo ", A-nan vâng lời Phật dạy đến nói với cựu Tỳ-kheo, cựu Tỳ-kheo nói: "Thầy biết không, trú xứ này không phải là Tăng phường, các cựu Tỳ-kheo đã làm yết ma đem trú xứ này chia đều làm bốn phần giao cho bốn Tỳ-kheo rồi". Có Tỳ-kheo thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng rồi quở trách cựu Tỳ-kheo : "Tại sao gọi là Tỳ-kheo lại làm yết ma đem Tăng phường chia đều làm bốn

phần giao cho bốn Tỳ-kheo ", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Từ nay không cho làm yết ma đem Tăng phường chia đều làm bốn phần giao cho bốn Tỳ-kheo, nếu làm thì phạm Đột-kiết-la, Tăng phường dù có yết ma chia cũng không thành chia".

Phật tại nước A-la-tỳ, Tăng phường ở nước đó hư sụp, Phật hỏi A-nan: "Dãy lầu của Tăng phường cớ sao hư sụp?", A-nan bạch Phật: "Việc tu sữa là người của Tăng phường, nhưng có người đã chết, có người bị bịnh, có người phạm giới, một số khác bỏ đi đến nước khác", Phật nói: "Nếu việc tu sữa là việc của người đã chết và người phạm giới thì Tăng nên yết ma lập người khác trông coi việc này". Nếu là việc của người bị bịnh thì nên hỏi người bịnh rằng: "Thầy có thể tu sữa Tăng thường bị hư hoại hay không?", nếu đáp là có thể thì nên đợi người ấy lành bịnh; nếu đáp là không thể thì Tăng nên yết ma lập người khác. Nếu là việc của người đã bỏ đi đến nước khác thì có hai trường hợp: Nếu nghi họ sẽ trở về thì Tăng nên đợi, nếu biết chắc họ sẽ không trở về thì Tăng nên yết ma lập người khác". Nghe Phật dạy như thế, các Tỳ-kheo liền yết ma lập người trông coi việc tu sữa Tăng phường, có người chỉ quét dọn chút ít cũng được lập, hoặc người bít một lỗ hỏng cũng được lập, hoặc người lấy ít cỏ lợp lại mái cũng được lập. Phật nói: "Người chỉ làm chút ít việc thì không nên lập, phải là người làm được việc lớn mới lập làm

người trông coi việc tu sữa Tăng phường". Lúc đó có Tỳ-kheo có nhiều tài vật có thể làm được việc lớn, Tăng liền lập làm người trông coi suốt đời. Phật nói: "Không nên làm như vậy, nếu Tăng phường hư hoại thì nên lập làm người trông coi việc tu sữa trong sáu năm; nếu Tăng phường còn mới thì nên lập làm người trông coi Tăng phường trong mười hai năm". Từ nay người trông coi Tăng phường được tùy ý chọn lựa một trong ba loại phòng: Phòng mùa Đông, phòng mùa Hạ và phòng mùa Xuân. Tăng nên hỏi: "Thầy muốn chọn lấy phòng nào"; nếu người này chọn lấy phòng mùa Đông thì các loại phòng mùa Hạ, mùa Xuân chia cho các Thượng tòa theo thứ lớp. Các loại phòng khác cũng như thế".

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó cư sĩ Bạt-đề xây cất Tăng phường có lầu gác cao rộng trang nghiêm, nhiều thiện nam tín nữ đến xem đều cho là tháp Phật hoặc là tháp A-la-hán. Do Tăng phường có nhiều người đến tham quan lễ bái, lại thêm tiếng voi ngựa, tiếng cười nói nên làm trở ngại việc tụng kinh tọa thiền của các Tỳ-kheo nên các Tỳ-kheo Thượng tòa liền bỏ lầu gác xuống ở trong các phòng nhỏ ở dưới. Lúc đó có khách Tỳ-kheo đến cho là các Thượng tòa ở trên lầu gác nên đến các phòng nhỏ xin ở, khi gõ cửa hỏi thăm mới biết các vị ở trong các phòng nhỏ cũng là bậc Thượng tòa, liền suy nghĩ: "Các Tỳ-kheo ở trong phòng nhỏ còn

lớn tuổi hạ như thế huống gì là các vị ở trên lầu cao", nghĩ rồi liền đến chỗ rửa chân hoặc trong giảng đường… để ngủ qua đêm. Sáng sớm thức dậy muốn lên lầu để vấn an lễ bái các Thượng tòa thì thấy có các Tỳ-kheo trẻ và Sa di từ trên lầu gác đi xuống. Các vị này hỏi Tỳ-kheo khách muốn làm gì, đáp là muốn lân vấn an lễ bái các Thượng tòa, các vị này nói: "Trên đó không có Thượng tòa, chỉ có chúng tôi", nói rồi hỏi lại Tỳ-kheo khách: "Các thầy đã ngủ đêm ở đâu ?", lúc đó người ngủ ở chỗ rửa chân thì đáp là đã ngủ ở chỗ rửa chân, người ngủ trong giảng đường thì đáp là đã ngủ trong giảng đường… Các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật nói: "Nên lập người trông coi việc phân chia phòng xá ngọa cụ, vị này nên theo thứ lớp từ bậc Thượng tòa mà phân chia, nên nói rằng: "Đây là phòng xá ngọa cụ dành cho bậc Thượng tòa theo thứ lớp được nhận ở".

Phật tại nước ca thi cùng các đại Tỳ-kheo an cư một chỗ, lúc đó các cư sĩ cùng làm ước lịnh: Hôm nay anh cúng, ngày mai tôi cúng… để luân phiên nhau làm thức ăn thức uống cúng dường Phật và Tăng. Trong số người làm thức ăn cúng dường này, có người nấu thức ăn sớm, có người nấu thức ăn trễ, có người ở chỗ rất xa, có người ở chỗ rất gần, có người nấu rất ngon, có người nấu rất dỡ… Lúc đó trong Tăng chưa lập người trông coi việc phân phó Tỳ-kheo đến nhà cư sĩ nhận phần thức ăn cúng,

nên các Tỳ-kheo thường đến nhà người nấu thức ăn sớm hoặc nhà người nấu thức ăn ở chỗ gần hoặc nhà người nấu ăn ngon. Lục quần Tỳ-kheo thường đến nhận lấy thức ăn ở những nhà này, họ hỏi: "Vì sao các thầy cứ đến hoài vậy, các Trưởng lão khác sao không tới ?", đáp: "Trong Tăng chưa lập người trông coi việc phân phó Tỳ-kheo đến nhà cư sĩ nhận phần thức ăn cúng, nên chúng tôi tự ước định với nhau là đến nhà người nấu ăn sớm và nhà người nấu ăn ngon", cư sĩ nói: "Chúng tôi nấu thức ăn cúng dường cho tất cà Trưởng lão, không chỉ cúng riêng cho các thầy, tại sao các thầy cứ đến hoài vậy ?". Các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật bảo các Tỳ-kheo: "Nên lập người trông coi việc phân phó Tỳ-kheo đến nhà cư sĩ nhận phần thức ăn cúng". Tác pháp yết ma lập người như sau: Tăng nhất tâm hòa hợp, một Tỳ-kheo trong Tăng hỏi rằng: "Ai có thể vì Tăng làm người trông coi việc phân phó Tỳ-kheo đến nhà cư sĩ nhận phần thức ăn cúng", nếu có người đáp là có thể thì Tăng nên xét người này, nếu có đủ có năm pháp: Tùy ái, tùy sân, tùy sợ, tùy si, không biết nên phân phó hay không nên phân phó thì không nên lập. Ngược lại nếu người này thành tựu có năm pháp: Không tùy ái, không tùy sân, không tùy sợ, không tùy si, biết nên phân phó hay không nên phân phó thì nên lập. Một Tỳ-kheo trong Tăng tác bạch yết ma như sau:

Đại-đức tăng lắng nghe, Tỳ-kheo này tên .....

có thể vì Tăng làm người trông coi việc phân phó Tỳ-kheo đến nhà cư sĩ nhận phần thức ăn cúng. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay lập Tỳ-kheo tên ..... làm người trông coi việc phân phó Tỳ-kheo đến nhà cư sĩ nhận phần thức ăn cúng. Bạch như vậy.

Như thế Bạch-nhị-yết-ma cho đến câu Tăng đã lập Tỳ-kheo tên

..... làm người trông coi việc phân phó Tỳ-kheo đến nhà cư sĩ nhận phần thức ăn cúng xong rồi, Tăng chấp thuận vì im lạng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

Người trông coi việc phân phó này nên phân phó các Tỳ-kheo theo thứ lớp: Tỳ-kheo tên ..... nay đến nhà cư sĩ ..... nhận lấy phần thức ăn cúng. Trong số các Tỳ-kheo này, có người đến nhà người nấu thức ăn sớm, có người đến nhà nấu thức ăn trễ, có người đến nhà người nấu ăn ở chỗ rất xa, có người đến nhà người nấu ăn ở chỗ rất gần, có người đến nhà người nấu ăn rất ngon, có người đến nhà người nấu ăn rất dỡ. Người được phân phó đến nhà người nấu ăn trễ thì nói: "Hãy cho tôi đến nhà khác", người được phân phó đến nhà người nấu ăn ở chỗ xa thì nói: "Hãy cho tôi đến nhà khác", người được phân phó đến nhà người nấu ăn dỡ thì nói: "Hãy cho tôi đến nhà khác"…, Phật bảo nên nói rõ tên người được phân phó nên đến nhà cư sĩ tên ..... để nhận lấy thức ăn cúng. Lúc đó có Tỳ-kheo

được phân phó đến chỗ xấu liền đổi tên để được đến chỗ tốt hơn, Phật bảo: "Nên viết tên nhà cư sĩ trên bảng, Tăng hòa hợp theo thứ lớp từ bậc Thượng tòa phân phó đến". Lúc đó người được phân phó đến nhà người nấu ăn trễ và người nấu ăn ở chỗ xa, mới sáng sớm đã đến nhà thí chủ, vì đứng đợi lâu nên hiện vẻ không vui. Cư sĩ bước ra thấy vậy liền nói: "Chúng tôi ở bên trong, các thầy hãy vào trong ngồi chờ", Tỳ-kheo nói: "Phật chưa cho chúng tôi vào trong nhà bạch y ngồi chờ lấy phần thức ăn cúng", Phật nói cho vào trong ngồi đợi, khi vào trong nhà ngồi đợi thì bị các tiếng cười nói, tiếng chó sủa… làm trở ngại, Phật nói nếu cảm thấy trở ngại thì trở ra ngoài cửa đứng.

Khi trở ra ngoài cửa đứng thì bị mọi người đến nhìn và chỉ trỏ cười nói, Phật bảo nên đến đứng ở chỗ vắng; đến đứng ở chỗ vắng lại bị mưa gió làm trở ngại, Phật bảo nên lấy lá cây che; lấy lá mỏng che lại bị mưa làm ướt, Phật bảo nên lấy lá dày che. Tỳ-kheo đứng đợi lâu muốn ngồi, Phật bảo nên lấy tấm ván lót ngồi; lấy tấm ván lót ngồi lại bị lấy cắp, Phật bảo nên cất giấu dưới đất; cất giấu rồi vẫn bị lấy cắp, Phật bảo nên đắp đất thành gò để giấu. Đắp đất thành gò không có trét bùn lại bị rắn rít cắn, Phật bảo nên trét bùn; trét bùn rồi vì bùn thô nhám nên làm rách y, Phật bảo nên trét bùn mịn. Lúc đó các Tỳ-kheo cần dùng nước, Phật bảo nên đào giếng, đào giếng xong, dùng bát hay bình lấy nước

khó nên Phật bảo dùng thùng lấy nước; lấy nước không tới, Phật bảo nên dùng dây cột thùng thả xuống để lấy nước. Các Tỳ-kheo tay mềm yếu kéo lấy nước nên bị thương, Phật bảo nên làm cái ròng rọc để kéo lấy nước lên. Lúc đó có người té xuống giếng, Phật bảo nên làm thành giếng, Trưởng lão Ưu-ba-ly hỏi Phật lấy vật gì làm thành giếng, Phật nói nên dùng gạch đá làm thành giếng. Làm thành giếng rồi có phụ nữ đến lấy nước, Tỳ-kheo đến lấy nước, hai bên chạm tay nhau liền bạch Phật, Phật bảo nên ngăn làm hai bên, mỗi người ở mỗi bên lấy nước.

Lúc đó có cư sĩ từ trong nhà bước ra bạch các Tỳ-kheo rằng: "Chúng con có làm thức ăn cúng dường cho Tăng phường ....., các thầy có bao nhiêu người hãy đến Tăng phường đó thọ thực", các Tỳ-kheo trên đường đi gặp các nạn như sư tử, cọp, sói…, liền bạch Phật, Phật bảo nên nói cho thí chủ biết để thí chủ mang thức ăn đến cúng dường.

Phật tại thành Vương xá, lúc đó các cư sĩ nấu các món cháo như cháo tô, cháo hồ ma, cháo dầu, cháo sữa, cháo đậu nhỏ, cháo đậu Ma sa, cháo lỏng… mang đến trong Trúc lâm cúng Tăng. Lục quần Tỳ-kheo đứng ngoải cửa Tăng phường từ xa nhìn thấy liền đến hỏi là mang gì đến cúng, đáp là các món cháo như cháo tô, cháo hồ ma, cháo dầu, cháo sữa, cháo đậu nhỏ, cháo đậu Ma sa, cháo lỏng… Lục quần Tỳ-kheo nói: "Hãy cúng cho

chúng tôi trước các món cháo tô, cháo hồ ma, cháo dầu, cháo sữa… còn cháo lỏng thì mang vào trong Tăng phường cúng cho các Thượng tòa". Các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật bảo các Tỳ-kheo : "Từ nay nên yết ma lập người chia cháo". Người chia cháo lấy cái bát mang đi đựng cháo làm vật múc cháo để chia, các loại cháo tô, cháo hồ ma, cháo dầu, cháo sữa, cháo đậu nhỏ, cháo đậu Ma sa thì các bậc Thượng tòa được phần cháo ngon ở trên; còn các Hạ tòa thì được phần cháo cặn ở dưới. Chia cháo lỏng thì các Thượng tòa được phần nước, Hạ tòa được phần cặn nên các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật bảo các Tỳ-kheo: "Từ nay được cất chứa chum lớn hay vại lớn, đổ hết cháo vào trong chum này rồi dùng cái bát lớn hay cái chen lớn múc cháo chia". Khi dùng cái bát múc cháo chia thấy không tiện, Phật bảo nên dùng cái vá lớn múc cháo chia; khi dùng cái vá lớn múc cháo chia thì có người ăn dư, có người ăn không đủ, Phật bảo nên dùng cái vá nhỏ múc cháo chia.

Phật ở tại trúc lâm thành Vương xá, các cư sĩ làm các món bánh Đới-bát-na như viên Hồ-ma hoan hỉ, viên đường phèn hoan hỉ, viên mật hoan hỉ, bánh Xá-câu-lợi, bánh Ba-ba là, bánh Man đề la, bánh tai voi, bánh bao, bánh Diêm phù lợi mang đến trong Tăng phường cúng Tăng. Lục quần Tỳ-kheo đứng bên cửa thầy liền hỏi mang gì đến cúng, đáp là các món bánh Đới bát na như viên Hồ ma

hoan hỉ, viên đường phèn hoan hỉ, viên mật hoan hỉ, bánh Xá-câu-lợi, bánh Ba-ba là, bánh Man đề la, bánh tai voi, bánh bao, bánh Diêm phù lợi. Lục quần Tỳ-kheo nói: "Hay cho chúng tôi trước các món bánh Đới bát na như viên Hồ ma hoan hỉ, viên đường phèn hoan hỉ, viên mật hoan hỉ, bánh Xá-câu-lợi, bánh Ba-ba-la, bánh Man-đề-la; còn bánh tai voi, bánh bao, bánh Diêm-phù-lợi thì mang vào trong Tăng phường cho các Thượng tòa", các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật bảo các Tỳ-kheo: "Nên làm yết ma lập người chia bánh, người chia bánh nên hòa hợp chia đồng đều, nếu có người mang thức ăn ngon đến cúng, cũng phải chia đều theo thứ lớp; nếu hôm nay chia không đủ hết cho tất cả, ngày mai nếu có người mang đến cúng nữa thì chia tiếp tục cho đủ hết tất cả".

Phật ở thành Vương xá, lúc đó các cư sĩ mang rất nhiều các loại dược bao gồm thực phẩm và thuốc như tô, dầu, đường, đường phèn, mật, gừng, tiêu, Tất bạt, muối đen, Ha-lê-lặc, Tỳ-ê-lặc, A-ma-lặc, Ba-lô-lộ-tỳ-chú, Mạn-đà-đa-da, Ma-na-già-đầu-lô-ế… đến trong Trúc lâm cúng Tăng. Lục quần Tỳ-kheo đứng bên cửa nhìn thấy liền hỏi mang gì đến cúng, đáp là các loại dược bao gồm thực phẩm và thuốc như tô, dầu, đường, đường phèn, mật, gừng, tiêu, Tất-bạt, muối đen, Ha-lê-lặc, Tỳ-ê-lặc, A-ma-lặc, Ba-lô-lộ-tỳ-chú, Mạn-đà-đa-da, Ma-na-già-đầu-lô-ế. Lục quần Tỳ-kheo nói:

"Hãy cho chúng tôi trước các loại dược bao gồm thực phẩm và thuốc như tô, dầu, đường, đường phèn, mật, gừng, tiêu, Tất bạt, muối đen; còn các loại dược như Ha-lê-lặc, Tỳ-ê-lặc, A-ma-lặc, Ba-lô-lộ-tỳ-chú, Mạn-đà-đa-da, Ma-na-già-đầu-lô-ế thì mang đến trong Tăng phường cho các Thượng tòa", các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật bảo các Tỳ-kheo : "Từ nay nên yết ma lập người chia các loại dược. Người chia các loại dược nên hòa hợp chia đồng đều; nếu có người cúng loại dược quý giá thì nên đem cất chỗ khác, khi nào có Tỳ-kheo bịnh cần thuốc thì nên cho thuốc trị giá khoảng hai tiền rưỡi, nếu cần thêm thì nên cho theo yêu cầu".

Phật tại nước A-la-tỳ, lúc đó có các Tỳ-kheo ở nước này thường theo cư sĩ mượn khí cụ làm việc như búa, rìu, cưa…; các cư sĩ nói: "Chúng tôi làm sao có thể thường cung cấp cho các thầy được, sao các thầy không tự cất chứa khí cụ", Tỳ-kheo nói: "Phật chưa cho chúng tôi cất chứa khí cụ", các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật bảo các Tỳ-kheo : "Từ nay cho cất chứa khí cụ". Trong Tăng phường ở nước A-la-tỳ có thợ mộc làm thuê lấy tiền công, có người làm công nửa tháng, có người làm công một tháng, có người làm công một năm, tất cả đều làm ban ngày, còn ban đêm về nhà và để lại các khí cụ trong Tăng phường, không may bị mất hết. Phật nói nên lập người coi giữ khí cụ,

người coi giữ khí cụ này mang các khí cụ cất một nơi, cũng bị lấy cắp mất hết. Phật nói nên yết ma kết một phòng làm nơi cất giữ khí cụ. Tác pháp yết ma như sau: Tăng nhất tâm hòa hợp, một Tỳ-kheo trong Tăng xướng rằng:

Đại-đức tăng lắng nghe, Phòng ..... Tăng muốn kết làm nơi cất giữ khí cụ. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay kết phòng ..... làm nơi cất giữ khí cụ. Bạch như vậy.

Như thế Bạch-nhị-yết-ma cho đến câu Tăng nay kết phòng ..... làm nơi cất giữ khí cụ xong rồi. Tăng chấp thuận vì im lặng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

Có phòng cất giữ khí cụ rồi, Tỳ-kheo coi giữ liền đem cất khí cụ ở hai nơi: Phòng trên và phòng dưới, Phật nói không nên cất ở hai nơi, nếu cất ở phòng trên thì phòng dưới để cho chúng tăng; nếu cất ở phòng dưới thì phòng trên để cho chúng tăng.

Lúc đó có các Tỳ-kheo từ nước Kiều-tát-la đến nước Xá-vệ, giữa đường gặp Tăng phường trống không liền vào trong đó nghỉ lại đêm, sáng sớm hôm sau vào trong tụ lạc khất thực. Các cư sĩ thấy liền hỏi: "Các thầy đã ngủ đêm ở đâu ?", đáp là ở trong Tăng phường ....., cư sĩ nói: "Đó là Tăng phường do chúng con xây cất, sao các thầy không cử người đến nói với chúng con, chúng con sẽ dâng cúng các vật cần dùng như thuốc men, dầu, đen,

ngọa cụ". Lúc đó các cư sĩ tùy theo các Tỳ-kheo đã ngủ trong phòng nào liền mang đến đủ các vật cần dùng để cùng dường, sau đó trải tọa cụ, rót đưa nước và các món ăn ngon khiến cho các Tỳ-kheo đều được no đủ. Sau khi nghe thuyết pháp xong, họ bạch rằng: "Trong Tăng phường này có đủ ngọa cụ và thức ăn sáng, thức ăn trưa, vì sao các thầy không ở lại đây để cho tăng phường được thọ dụng", các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật bảo các Tỳ-kheo: "Từ nay cho các Tỳ-kheo đã ở trước trong Tăng phường trống không, khi muốn bỏ đi đến nơi khác phải làm yết ma sai một Tỳ-kheo thường trụ ở đó trông coi". Tác pháp yết ma sai người trông coi Tăng phường như sau: Tăng nhất tâm hòa hợp, một Tỳ-kheo trong Tăng hỏi: "Ai có thể làm Tỳ-kheo thường trụ trông coi Tăng phường trống không ?", Nếu có người đáp là có thể thì Tăng nên xét người này, nếu có đủ có năm pháp: Tùy ái, tùy sân, tùy sợ, tùy si, không biết việc nên làm hay không nên làm thì không nên sai. Ngược lại nếu thành tựu có năm pháp: Không tùy ái, không tùy sân, không tùy sợ, không tùy si, biết rõ việc nên làm hay không nên làm thì nên sai. Một Tỳ-kheo trong Tăng tác bạch yết ma sai như sau:

Đại-đức tăng lắng nghe, Tỳ-kheo tên ..... có thể làm người thường trụ coi giữ Tăng phường trống không. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay sai Tỳ-kheo tên .....

làm người thường trụ coi giữa Tăng phường trống không. Bạch như vậy.

Như thế Bạch-nhị-yết-ma cho đến câu Tăng đã chấp thuận sai Tỳ-kheo ..... làm người thường trụ coi giữ Tăng phường trống không xong rồi. Tăng chấp thuận vì im lặng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

Tỳ-kheo được sai này nên thường đi tuần tra xem xét Tăng phường, trước nên quét dọn tháp, kế làm việc của Tăng bốn phương, nên biết lo liệu việc ăn uống và việc của các Tỳ-kheo Thượng tòa, Trung tòa, Hạ tòa. Có Tỳ-kheo Đại-đức cao minh thì không nên sai làm người coi giữ Tăng phường. Tỳ-kheo được sai nên phát nguyện: "Các Tỳ-kheo chưa đến thì sẽ đến, nếu đã đến thì sẽ cung cấp y thực, ngọa cụ, thuốc men không để cho thiếu thốn", nếu có thể phát nguyện hạnh này thì nên tùy ý cung cấp cho Tăng, cần thức ăn ngon thì tùy ý cho thức ăn ngon, cần phòng xá ngọa cụ thì cho phòng xá ngọa cụ.

Lúc đó có nhiều vua quan đến trong Trúc lâm tham quan phòng xá, khi đòi ăn, củi lửa và đen đuốc; các Tỳ-kheo sợ nếu cho họ thì phạm giới, nếu không cho thì họ làm hại, không biết phải làm sao nên bạch Phật, Phật nói: "Nên yết ma lập người phân xử, khi đã lập người phân xử rồi thì không bạch tăng cũng được dùng mười chín tiền cung cấp cho khách, nếu cần nhiều hơn thì nên bạch Tăng

biết rồi mới được lấy cung cấp cho khách".

Tại nước Kiều-tát-la có một trú xứ A-lan-nhã, lúc đó bọn giặc cướp vào đến A-lan-nhã đòi ăn, người nấu thức ăn nói: "Thức ăn này tôi không có quyền cho, các ông nên theo Sa di hỏi xin", bọn giặc cướp liền đến hỏi xin Sa di, Sa di nói: "Tôi không có quyền cho, các ông nên theo vị Tỳ-kheo coi giữ thức ăn hỏi xin", bọn giặc cướp liền đến hỏi xin Tỳ-kheo coi giữ thức ăn, vị này nói: "Tôi coi giữ thức ăn cho Tăng, không thể đem cho các ông được". Bọn giặc liền nói với nhau: "Các Tỳ-kheo này đâu chịu cho chúng ta thức ăn, cần gì phải hỏi xin họ", nói rồi liền nắm tay chân của một Tỳ-kheo chặt ra từng khúc, các Tỳ-kheo không biết phải làm sao, đem việc này bạch Phật, Phật bảo các Tỳ-kheo

: "Nếu ở nơi có khủng bố như thế thì nếu họ đến xin ít, nên cho họ ít; nếu xin một nửa, nên cho họ một nửa; nếu xin hết, nên cho họ hết, chớ vì lý do này mà bị suy não lớn".

Phật tại thành Vương xá, lúc đó các Tỳ-kheo được cúng nhiều y nhưng không có người coi giữ, Phật nói: "Nên yết ma lập người coi giữ y". Tác pháp yết ma sai như sau: Tăng nhất tâm hòa hợp, một Tỳ-kheo trong Tăng hỏi rằng: "Ai có thể vì Tăng coi giữ y?", nếu có người đáp là có thể thi Tăng nên xét người này, nếu có đủ có năm pháp thì không nên sai: Một là không biết y từ đâu có được, hai là không biết giá của y, Ba là không biết thọ y

như thế nào, bốn là không biết số lượng y, năm là quên chỗ cất y. Ngược lại nếu thành tựu có năm pháp thì nên sai: Một là biết y từ đâu có được, hai là biết giá của y, Ba là biết thọ y như thế nào, bốn là biết số lượng y và năm là không quên chỗ cất y. Một Tỳ-kheo trong Tăng tác bạch yết ma sai như sau:

Đại-đức Tăng lắng nghe, Tỳ-kheo tên ..... có thể vì Tăng coi giữ y. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay sai Tỳ-kheo ..... làm người coi giữ y cho Tăng. Bạch như vậy.

Như thế Bạch-nhị-yết-ma cho đến câu Tăng đã sai Tỳ-kheo ..... làm người coi giữ y cho Tăng xong rồi. Tăng chấp thuận vì im lạng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

Khi đã sai người coi giữ y rồi, lại không có người chia y, Phật bảo nên lập người chia y. Tác pháp yết ma sai như sau: Tăng nhất tâm hòa hợp, một Tỳ-kheo trong Tăng hỏi rằng: "Ai có thể vì Tăng làm người chia y?", nếu có người đáp là có thể thì Tăng nên xét người này, nếu có đủ có năm pháp thì không nên sai: Một là không biết cắt rọc y, hai là không biết màu sắc y, ba là không biết giá của y, bốn là không biết số lượng y, năm là không biết đã chia hay chưa chia. Lại có đủ có năm pháp: Tùy ái, tùy sân, tùy sợ, tùy si, không biết nên chia hay không nên chia thì không nên sai người này. Ngược lại nếu thành tựu có năm pháp: Biết cắt rọc

y, biết màu sắc y, biết giá của y, biết số lượng y, biết đã chia hay chưa chia; hoặc thành tựu có năm pháp: Không tùy ái, không tùy sân, không tùy sợ, không tùy si, biết nên chia hay không nên chia thì nên lập người này làm người chia y. Một Tỳ-kheo trong Tăng tác bạch yết ma sai như sau:

Đại-đức Tăng lắng nghe, Tỳ-kheo tên ..... có thể vì Tăng làm người chia y. Nếu Tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay lập Tỳ-kheo ..... làm người chia y cho Tăng. Bạch như vậy.

Như thế Bạch-nhị-yết-ma cho đến câu Tăng đã lập Tỳ-kheo ..... làm người chia y cho Tăng xong rồi. Tăng chấp thuận vì im lạng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó không có người chia y tắm, Phật bảo nên lập người chia y tắm, người chia y tắm nên chia theo thứ lớp từ bậc Thượng tòa .

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó trong Tăng phường ở rừng Kỳ đà không có Tỳ-kheo coi về giờ giấc để báo giờ cho Tăng biết, không có người đánh kiền chùy, không có người quét dọn lau chùi giảng đường nhà ăn…, không có người theo thứ lớp luân phiên trải giường tòa, không có người chỉ tác tịnh rau quả, không có người xem trùng trong rượu đắng, đến giờ ăn không có người rót đưa nước,

trong chúng ồn ào náo loạn không có người nhắc nhở… Các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật bảo các Tỳ-kheo: "Nên yết ma lập Duy na". Tác pháp lập Duy na như sau: Tăng nhất tâm hòa hợp, một Tỳ-kheo trong Tăng hỏi rằng: "Ai có thể vì Tăng làm Duy na?", nếu có người đáp là có thể thì Tăng nên xét người này, nếu có đủ có năm pháp: Tùy ái, tùy sân, tùy sợ, tùy si, không biết sạch hay không sạch thì không nên lập làm Duy na. Ngược lại nếu thành tựu có năm pháp: Không tùy ái, không tùy sân, không tùy sợ, không tùy si, biết sạch hay không sạch thì nên lập làm Duy na. Một Tỳ-kheo trong Tăng tác bạch yết ma như sau:

Đại-đức Tăng lắng nghe, Tỳ-kheo tên ..... có thể vì Tăng làm Duy na. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay lập Tỳ-kheo tên ..... vì Tăng làm Duy na. Bạch như vậy.

Như thế Bạch-nhị-yết-ma cho đến câu Tăng đã lập Tỳ-kheo tên ..... vì Tăng làm Duy na xong rồi. Tăng chấp thuận vì im lạng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

Vị Duy na này nên coi biết giờ giấc để báo giờ cho Tăng biết, nên cắt đặt người đánh kiền chùy, nên cắt đặt người quét dọn lau chùi giảng đường nhà ăn…, cắt đặt người theo thứ lớp luân phiên trải giường tòa, cắt đặt người chỉ tác tịnh rau quả, cắt đặt người xem trùng trong rượu đắng, đến giờ ăn cắt đặt người rót đưa nước, trong chúng ồn ào náo

loạn nên nhắc nhở.

Lúc đó các Sa di cùng nói chuyện, cùng làm việc với Hòa thượng, A-xà-lê, đồng Hòa thượng, đồng A-xà-lê và những người quen biết đồng quê hương xứ sở; nhưng Tỳ-kheo không có Sa di thấy vậy liền sanh phiền não. Các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật bảo các Tỳ-kheo : "Nên cử một người làm chủ để sai bảo, cắt đặt Sa di làm việc như sai quét dọn tháp, sai làm việc của Tăng bốn phương, sai phụ làm thức ăn, phụ chia vật dụng cho đến làm việc cùng các bậc Thượng, trung Hạ tòa. Cũng nên cử người phân xử Sa di".

Phật tại thành Vương xá, lúc đó vua Bình sa đến tham quan Trúc lâm và hỏi các Tỳ-kheo : "Trưởng lão Đại Ca diếp hiện đang ở đâu ?", đáp: "Đại vương, Trưởng lão hiện đang nạo vét bùn trên núi Kỳ-xà-quật". Vua đến nơi nhìn thấy liền hỏi Đại Ca diếp vì sao tự làm, Trưởng lão nói: "Đại vương, ai sẽ làm cho tôi", vua nói: "Tôi sẽ cho người làm", nói rồi quay trở về. Lần thứ hai đến Trúc lâm cũng hỏi các Tỳ-kheo như trên, gặp Trưởng lão Đại Ca diếp cũng hỏi đáp như trên, lúc đó Trưởng lão Đại Ca diếp nói: "Đại vương đã nói nhiều lần mà không cho người làm", vua nghe rồi hổ thẹn đứng qua một bên hỏi các đại thần: "Trước đây Trẫm có nói lời này không?", đáp: "Đại vương trước đây có nói lời này", vua hỏi nói vào lúc nào, Đại-thần tính toan xong bạch vua, vua mới biết từ

hôm nói tới đó đến nay đã được năm trăm ngày, vua liền trở về. Lúc đó vị Tướng quân của vua bắt được năm trăm tên giặc cướp giải đến chỗ vua, vua hỏi là người nào, đáp là giặc cướp, vua lại hỏi đáng tội gì, đáp là đáng tội chết. Vua liền hỏi bọn giặc cướp: "Các ngươi có chịu làm theo ý của ta không?", bọn giặc cướp bạch vua: "Đại vương muốn chúng tôi làm gì ?", vua nói: "Các ngươi có thể phục vụ cho các bậc thiện nhơn hay không?", giặc đáp: "Nếu chúng tôi thọ đại ân của vua mà không theo lịnh vua thì nghe lời ai". Lúc đó đại thần bạch vua: "Đại vương, nếu như vậy chúng sẽ cướp đoạt tài vật của các Tỳ-kheo ", vua nói: "Trẫm có thể tạo phương tiện cho họ không cướp đoạt". Vua liên cung cấp cho bọn giặc cướp nhà cửa ruộng vườn và lúa gạo, cách Trúc lâm không xa cho lập một tụ lạc gọi là tụ lạc Tịnh nhơn để những người này đến trong Trúc lâm phục vụ cho Tăng. Lúc đó các tịnh nhơn này cùng nói chuyện, cùng làm việc với những người thân quen cùng quê hương xứ sở, họ có lo sợ gì, có nhân duyên gì đều cung cấp giúp đỡ còn người khác thì không, ngay cả chúng tăng. Các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật bảo các Tỳ-kheo: "Nên cử một người làm chủ để sai bảo các tịnh nhơn, nếu lập thì nên lập trở lại người trong số bạch y, người này sẽ sai bảo các tịnh nhơn làm việc như quét dọn tháp… cho đến làm việc trong Tăng. Cũng nên cử người

phân xử Tịnh nhơn".

-oOo-

LUẬT THẬP TỤNG

QUYỂN 35
PHÁP TRÁNH SỰ THỨ TÁM

Phật tại thành Vương xá, lúc đó các Tỳ-kheo cùng các Tỳ-kheo khác tranh cải nhau với những lời thô ác, các Thức-xoa-ma-na cùng các Thức-xoa-ma-na khác tranh cải nhau với những lời thô ác, các Sa di cùng các Sa di khác tranh cải nhau với những lời thô ác, các Sa-di-ni cùng các Sa-di-ni khác tranh cải nhau với những lời thô ác. Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di sau khi cùng Tỳ-kheo khác tranh cải nhau với những lời thô ác, lại tùy thuận trợ giúp các Tỳ-kheo-ni. Có Tỳ-kheo thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng rồi hỏi Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di: "Thầy thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo lại cùng Tỳ-kheo khác tranh cải nhau với những lời thô ác rồi tùy thuận trợ giúp Tỳ-kheo-ni", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Có bốn loại tránh sự: Một là việc đấu tranh, hai là việc không căn cứ, Ba là việc phạm

tội, bốn là việc thường đã làm (thường sở hành)".

Việc đấu tranh là như các Tỳ-kheo cùng Tỳ-kheo khác tranh cải nhau với những lời thô ác, nói là pháp hay là phi pháp, là thiện hay là bất thiện. Trong đây tranh cải nhau, trợ giúp nhau có sai khác.

Việc không căn cứ là như có Tỳ-kheo nêu ra tội phạm của-Tỳ-kheo khác hoặc là tội Hữu tàn có làm, hoặc tội Hữu tàn không làm, hoặc tội Hữu tàn làm và không làm, hoặc tội Vô tàn có làm, hoặc tội Vô tàn không làm, hoặc tội Vô tàn làm và không làm, hoặc cả hai tội Hữu tàn và Vô tàn có làm, hoặc cả hai tội Hữu tàn và Vô tàn không làm, hoặc cả hai tội Hữu tàn và Vô tàn làm và không làm. Trong đây tội phạm nêu ra đều là không có căn cứ nên cùng nhau tranh cải không dứt.

Việc phạm tội là bao gồm năm loại tội phạm Ba-la-di, Tăng-già-bà-thi-sa, Ba-dật-đề, Ba-la-đề-đề-xá-ni, Đột-kiết-la hoặc là phạm, hoặc là nhiễm ô, hoặc là không sám hối.

Việc thường đã làm là những việc mà Tăng thường đã làm như Đơn-bạch-yết-ma, Bạch-nhị-yết-ma, Bạch-tứ-yết-ma, bố tát, tự tứ, yết ma cử mười bốn hạng người…

Việc đấu tranh lấy gì làm cội gốc? Có mười bốn nhân duyên phá Tăng và sáu căn cứ của việc đấu tranh.

Việc không căn cứ lấy gì làm cội gốc? Có căn cứ thấy, nghe và nghi. Như Tỳ-kheo cùng Tỳ-kheo khác tranh cải nhau, từ thân tạo tội rồi bảo người khác nói Tỳ-kheo đó phạm hoặc là tội Hữu tàn có làm, hoặc tội Hữu tàn không làm, hoặc tội Hữu tàn làm và không làm, hoặc tội Vô tàn có làm, hoặc tội Vô tàn không làm, hoặc tội Vô tàn làm và không làm, hoặc cả hai tội Hữu tàn và Vô tàn có làm, hoặc cả hai tội Hữu tàn và Vô tàn không làm, hoặc cả hai tội Hữu tàn và Vô tàn làm và không làm. Tất cả tội trên nêu ra có sai khác đều là cội gốc của việc không căn cứ. Như Tỳ-kheo từ khẩu hay ý tạo tội rồi bảo người khác nói Tỳ-kheo đó phạm hoặc là tội Hữu tàn có làm, hoặc tội Hữu tàn không làm, hoặc tội Hữu tàn làm và không làm, hoặc tội Vô tàn có làm, hoặc tội Vô tàn không làm, hoặc tội Vô tàn làm và không làm, hoặc cả hai tội Hữu tàn và Vô tàn có làm, hoặc cả hai tội Hữu tàn và Vô tàn không làm, hoặc cả hai tội Hữu tàn và Vô tàn làm và không làm. Tất cả tội trên nêu ra có sai khác đều là cội gốc của việc không căn cứ.

Việc phạm tội lấy gì làm cội gốc và từ đâu sanh khởi? Từ năm loại tội phạm mà sanh khởi và lấy năm loại tội phạm này làm cội gốc: Một là loại phạm tội do thân làm, không phải do khẩu và tâm làm; hai là loại phạm tội do khẩu làm, không phải do thân và tâm làm; Ba là loại phạm tội do thân và tâm làm, không phải do khẩu làm; bốn là loại phạm

tội do khẩu và tâm làm, không phải thân làm; năm là loại phạm tội do cả thân, khẩu và tâm làm, không chỉ do tâm phạm. Từ năm loại phạm tội trên mà việc phạm tội sanh khởi.

Việc thường đã làm lấy gì làm cội gốc và từ đâu sanh khởi ?: Từ những việc mà Tăng thường đã làm mà sanh khởi và lấy Tăng làm cội gốc.

Loại việc đấu tranh có sáu câu:

- Một là đấu tranh đã có đều gọi là việc đấu tranh.

- Hai là có việc đấu tranh cũng gọi là đấu tranh.

- Ba là có đấu tranh không phải là việc đấu tranh.

- Bốn là có việc đấu tranh không phải là đấu tranh.

- Năm là có đấu tranh cũng là việc đấu tranh.

- Sáu là không phải là đấu tranh cũng không phải là việc đấu tranh.

Loại có đấu tranh không phải là việc đấu tranh thứ ba nghĩa là như các Tỳ-kheo nói chuyện với nhau chưa thành việc đấu tranh.

Loại có việc đấu tranh không phải là đấu tranh thứ tư tức là ba loại tránh sự.

Loại có đấu tranh cũng là việc đấu tranh thứ nhất nghĩa là như các Tỳ-kheo nói chuyện với nhau cũng thành việc đấu tranh. Loại không phải đấu tranh cũng không phải là việc đấu tranh là trừ ba

trường hợp trên.

Loại việc không căn cứ có sáu câu:

- Một là Không căn cứ đã có đều gọi là việc không căn cứ.

- Hai là có việc không căn cứ cũng gọi là Không căn cứ.

- Ba là có Không căn cứ không phải là việc không căn cứ.

- Bốn là có việc không căn cứ không phải là Không căn cứ.

- Năm là Không căn cứ cũng là việc không căn cứ.

- Sáu là không phải là Không căn cứ cũng không phải là việc không căn cứ.

Loại Không căn cứ không phải là việc không căn cứ thứ ba nghĩa là chỉ nói tội không có căn cứ của người khác, chưa khởi việc không căn cứ.

Loại có việc không căn cứ không phải là Không căn cứ thứ tư tức là ba loại tránh sự.

Loại Không căn cứ cũng là việc không căn cứ thứ nhất: Như có Tỳ-kheo không căn cứ cử tội người khác, cũng khởi việc không căn cứ.

Loại không phải là Không căn cứ cũng không phải là việc không căn cứ thứ sáu là trừ ba trường hợp trên.

Loại việc phạm tội có sáu câu:

- Một là phạm tội đã có đều gọi là việc phạm

tội.

- Hai là có việc phạm tội cũng gọi là phạm tội.

- Ba là có phạm tội không phải là việc phạm tội.

- Bốn là có việc phạm tội không phải là phạm tội.

- Năm là có phạm tội cũng là việc phạm tội.

- Sáu là có không phải phạm tội cũng không phải là việc phạm tội.

Loại có phạm tội không phải là việc phạm tội thứ ba: Đã gọi là phạm tội.

Loại có việc phạm tội không phải là phạm tội thứ tư tức là ba loại tránh sự.

Loại có phạm tội cũng là việc phạm tội thứ nhất: Đã gọi là phạm tội cũng gọi là việc phạm tội.

Loại không phải là phạm tội cũng không phải là việc phạm tội thứ sáu là trừ ba trường hợp trên.

Loại Thường sở hành có sáu câu:

- Một là Thường sở hành đã có đều gọi là việc thường sở hành.

- Hai là có việc Thường sở hành cũng gọi là Thường sở hành.

- Ba là có Thường sở hành không phải là việc Thường sở hành.

- Bốn là có việc Thường sở hành không phải là Thường sở hành.

- Năm là có Thường sở hành cũng là việc Thường sở hành.

- Sáu là không phải là Thường sở hành cũng không phải là việc thường sở hành.

Loại có Thường sở hành không phải là việc Thường sở hành thứ ba: Đã gọi là làm.

Loại có việc Thường sở hành không phải là Thường sở hành tức là ba loại tránh sự.

Loại có Thường sở hành cũng là việc Thường sở hành: Việc thường đã làm.

Loại không phải là Thường sở hành cũng không phải là việc Thường sở hành là trừ ba trường hợp trên.

Việc đấu tranh là thiện hay bất thiện hay vô ký. Thiện nghĩa là các Tỳ-kheo tranh cải nhau với tâm thiện để biết là pháp hay là phi pháp, là luật hay là phi luật. Bất thiện nghĩa là các Tỳ-kheo tranh cải nhau với tâm bất thiện để biết là pháp hay là phi pháp, là luật hay là phi luật. Vô ký nghĩa là các Tỳ-kheo tranh cải nhau không phải với tâm thiện, cũng không phải với tâm bất thiện để biết là pháp hay là phi pháp, là luật hay là phi luật.

Việc không căn cứ là thiện hay bất thiện hay vô ký. Thiện là các Tỳ-kheo tranh cải nhau với tâm thiện để cử tội người khác hoặc là tội Hữu tàn có làm, hoặc tội Hữu tàn không làm, hoặc tội Hữu tàn làm và không làm, hoặc tội Vô tàn có làm, hoặc tội

Vô tàn không làm, hoặc tội Vô tàn làm và không làm, hoặc cả hai tội Hữu tàn và Vô tàn có làm, hoặc cả hai tội Hữu tàn và Vô tàn không làm, hoặc cả hai tội Hữu tàn và Vô tàn làm và không làm. Bất thiện là các Tỳ-kheo tranh cải nhau với tâm bất thiện để cử tội người khác hoặc là tội Hữu tàn có làm, hoặc tội Hữu tàn không làm, hoặc tội Hữu tàn làm và không làm, hoặc tội Vô tàn có làm, hoặc tội Vô tàn không làm, hoặc tội Vô tàn làm và không làm, hoặc cả hai tội Hữu tàn và Vô tàn có làm, hoặc cả hai tội Hữu tàn và Vô tàn không làm, hoặc cả hai tội Hữu tàn và Vô tàn làm và không làm. Vô ký là các Tỳ-kheo tranh cải nhau không phải với tâm thiện, cũng không phải với tâm bất thiện để cử tội người khác hoặc là tội Hữu tàn có làm, hoặc tội Hữu tàn không làm, hoặc tội Hữu tàn làm và không làm, hoặc tội Vô tàn có làm, hoặc tội Vô tàn không làm, hoặc tội Vô tàn làm và không làm, hoặc cả hai tội Hữu tàn và Vô tàn có làm, hoặc cả hai tội Hữu tàn và Vô tàn không làm, hoặc cả hai tội Hữu tàn và Vô tàn làm và không làm.

Việc phạm tội là bất thiện hay vô ký. Bất thiện là như các Tỳ-kheo biết Phật đã kết giới mà vẫn cố phạm. Vô ký là không cố ý phạm những giới Phật đã chế.

Việc thường sở hành là thiện hay bất thiện hay vô ký. Thiện là các Tỳ-kheo với tâm thiện làm những việc mà Tăng thường đã làm như Đơn-bạch-

yết-ma, Bạch-nhị-yết-ma, Bạch-tứ-yết-ma, bố tát, tự tứ, yết ma cử mười bốn hạng người… Bất thiện là các Tỳ-kheo với tâm bất thiện làm những việc mà Tăng thường đã làm như Đơn-bạch-yết-ma, Bạch-nhị-yết-ma, Bạch-tứ-yết-ma, bố tát, tự tứ, yết ma cử mười bốn hạng người… Vô ký là các Tỳ-kheo không với tâm thiện, cũng không với tâm bất thiện mà làm những việc Tăng thường đã làm như Đơn-bạch-yết-ma, Bạch-nhị-yết-ma, Bạch-tứ-yết-ma, bố tát, tự tứ, yết ma cử mười bốn hạng người…

Trưởng lão Ưu-ba-ly hỏi Phật: "Thế tôn, việc đấu tranh nên dùng mấy loại Tỳ-ni để diệt tránh?", Phật nói: "Nên dùng hai loại Tỳ-ni để diệt tránh, đó là Hiện tiền Tỳ-ni và Đa mích Tỳ-ni", lại hỏi: "Việc không căn cứ nên dùng mấy loại Tỳ-ni để diệt tránh?", Phật nói: "Nên dùng bốn loại Tỳ-ni để diệt tránh, đó là Hiện tiền Tỳ-ni và Ức niệm Tỳ-ni; Hiện tiền Tỳ-ni và Bất si Tỳ-ni; Hiện tiền Tỳ-ni và Thật mích Tỳ-ni", lại hỏi: "Việc phạm tội nên dùng mấy loại Tỳ-ni để diệt tránh?", Phật nói: "Nên dùng ba loại Tỳ-ni để diệt tránh, đó là Hiện tiền Tỳ-ni và Tự ngôn Tỳ-ni; Hiện tiền Tỳ-ni và Bố thảo Tỳ-ni", lại hỏi: "Việc thường sở hành nên dùng mấy loại Tỳ-ni để diệt tránh?", Phật nói: "Nên dùng một loại Tỳ-ni để diệt tránh, đó là Hiện tiền Tỳ-ni".

Việc đấu tranh tại sao lại dùng hai loại Tỳ-ni để diệt tránh?: Tùy các Tỳ-kheo ở chỗ nào tranh cải

với nhau, việc tranh cải này nên giao cho Tỳ-kheo làm Thác lại tra xử đoán. Tỳ-kheo làm Thác lại tra nhận xử đoán việc này nên như pháp như Tỳ-ni, như lời Phật dạy mà hiện tiền trừ diệt thì gọi là dùng một pháp Hiện tiền Tỳ-ni để diệt tránh. Sao gọi là Hiện tiền? Có hai là nhơn hiện tiền và Tỳ-ni hiện tiền. Nhơn hiện tiền là người theo trợ giúp nguyên cáo và bị cáo cùng nhóm lại một chỗ. Tỳ-ni hiện tiền là như pháp, như Tỳ-ni, như lời Phật dạy mà xử đoán việc này.

Nếu Tỳ-kheo làm Thác lại tra không thể như pháp, như Tỳ-ni, như lời Phật dạy mà xử đoán việc này thì nên giao lại cho Tăng; Tăng nhận lại việc này nên như pháp, như Tỳ-ni, như lời Phật dạy mà xử đoán việc này. Nếu Tăng có thể như pháp, như Tỳ-ni, như lời Phật dạy xử đoán được việc này thì gọi là dùng một pháp Hiện tiền Tỳ-ni để diệt tránh.

Hiện tiền Tỳ-ni là Tăng hiện tiền, nhơn hiện tiền và Tỳ-ni hiện tiền. Tăng hiện tiền là những Tỳ-kheo có mặt trong đây đều có thể cùng làm yết ma, cùng đồng tâm hòa hợp một chỗ, người thọ dục nên mang dục đến, Tỳ-kheo có mặt có thể ngăn thì không ngăn. Đây gọi là Tăng hiện tiền. Nhơn hiện tiền là người theo trợ giúp nguyên cáo và bị cáo cùng nhóm lại một chỗ. Tỳ-ni hiện hiền là như pháp, như Tỳ-ni, như lời Phật dạy mà xử đoán việc này. Nếu Tăng không thể như pháp… xử đoán việc này thì ở trong Tăng nên cử hai Tỳ-kheo làm Ô-

hồi-cưu-la rồi yết ma sai Tỳ-kheo làm Ô-hồi-cưu-la xử đoán việc này. Tác pháp yết ma sai như sau: Tăng nhất tâm hòa hợp, một Tỳ-kheo trong Tăng hỏi: "Vị nào có thể làm Ô-hồi-cưu-la như pháp, như Tỳ-ni xử đoán việc này?", nếu trong Tăng có người đáp là có thể thì nên xét xem người này, nếu có đủ có năm pháp: Tùy ái hành, tỳ sân hành, tùy bố hành, tùy si hành, không biết xử đoán hay không xử đoán thì không nên sai. Ngược lại nếu thành tựu có năm pháp: Không tùy ái hành, không tùy sân hành, không tùy bố hành, không tùy si hành, biết xử đoán hay không xử đoán thì nên sai. Lúc đó một Tỳ-kheo trong Tăng xướng rằng:

Đại-đức Tăng lắng nghe, Tỳ-kheo tên ..... có thể làm Ô-hồi-cưu-la, như pháp như Tỳ-ni xử đoán sự việc trong Tăng. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay sai Tỳ-kheo ..... làm Ô-hồi-cưu-la có thể như pháp xử đoán sự việc trong Tăng. Bạch như vậy.

Như thế Bạch-nhị-yết-ma cho đến câu Tăng đã sai Tỳ-kheo ..... làm Ô-hồi-cưu-la xong rồi. Tăng chấp thuận vì im lặng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

Tỳ-kheo làm Ô-hồi-cưu-la này nếu là Thượng tòa, các Tỳ-kheo Hạ tòa nên gởi dục cho vị này rồi mới đi xa; nếu vị này là Hạ tòa thì phải đến chỗ các Thượng tòa lấy dục để các vị này đi xa. Tỳ-kheo làm Ô-hồi-cưu-la phải như pháp… xử đoán việc

này, nếu có thể như pháp…xử đoán được việc này thì gọi là dùng một pháp Hiện tiền Tỳ-ni để diệt tránh. Hiện tiền Tỳ-ni giải thích giống như đoạn văn trên. Nếu Tỳ-kheo làm Ô-hồi-cưu-la thứ nhất không thể như pháp… xử đoán việc này thì nên giao lại cho Tỳ-kheo làm Ô-hồi-cưu-la thứ hai, vị thứ hai này nên nhận và như pháp… xử đoán việc này. Nếu vị thứ hai này có thể như pháp… xử đoán được việc này thì gọi là dùng một pháp Hiện tiền Tỳ-ni để diệt tránh. Hiện tiền Tỳ-ni giải thích giống như trên.

Nếu vị thứ hai này vẫn không thể như pháp… xử đoán việc này thì nên giao lại cho Tăng gần trú xứ, Tăng gần trú xứ nên nhận và như pháp… xử đoán việc này. Nếu Tăng gần trú xứ này có thể như pháp… xử đoán được việc này thì gọi là dùng một pháp Hiện tiền Tỳ-ni để diệt tránh. Hiện tiền Tỳ-ni giải thích giống như trên.

Nếu Tăng gần trú xứ này vẫn không thể như pháp… xử đoán việc này, nghe Tăng ở một trú xứ khác có đại chúng tốt, thương tòa trong chúng này biết Ba-la-đề-mộc-xoa; trong chúng tăng này lại có nhiều Tỳ-kheo trì Tu-đa-la, trì Tỳ-ni, trì Ma-đa-la-già thì Tăng gần trú xứ này nên sai sứ đến chỗ Tăng trú xứ đó. Trong Tăng nên cử người đi tuyên truyền sự việc, nên ở ngoài giới với đủ túc số tăng, nhất tâm hòa hợp hỏi: "Trong đây ai có thể làm người đi tuyên truyền sự việc, từ nơi này đến Tăng trú xứ

kia nói rõ sự việc, nếu giữa đường có thể xử đoán được việc này thì tốt", nếu có người đáp là có thể thì nên xem xét người này, nếu có đủ có năm pháp kể trên thì không nên sai, ngược lại nếu thành tựu có năm pháp kể trên thì nên sai. Người được sai truyền sự này nên đến chỗ Tăng trú xứ kia nói rõ sự việc, nếu giữa đường có thể như pháp… xử đoán được việc này thì tốt, đây gọi là dùng một pháp Hiện tiền Tỳ-ni để diệt tránh. Nếu người truyền sự này không thể giữa đường như pháp… xử đoán thì nên đến chỗ Tăng trú xứ kia. Trong Tăng ở trú xứ kia nếu có Thượng tòa quen biết được nhiều Trưởng lão Tỳ-kheo thì người truyền sự này nên kể rõ sự việc trên cho vị Thượng tòa này nghe: "Việc này khởi ra như thế như thế…, nhân duyên như thế như thế… Thác lại tra không xử đoán được, chúng tăng không xử đoán được, Ô-hồi-cưu-la thứ nhất không xử đoán được, Ô-hồi-cưu-la thứ hai cũng không xử đoán được nên giao lại cho Tăng, Tăng vẫn không xử đoán được, Tăng gần trú xứ cũng không xử đoán được… cho đến người truyền sự ở giữa đường cũng không xử đoán được, cuối cùng đến trong Tăng của trú xứ này. Trưởng lão có thể nhận xử đoán giúp việc này được không?". Nếu Thượng tòa này đáp là có thể thì người truyền sự nên cùng ước hẹn, nếu không ước hẹn thì không nên giao. Ước hẹn là hẹn cho đến chín tháng. Việc tranh cải có năm điều khó xử

đoán: Một là cứng nhắc, tức là cố chấp việc này; hai là thế lực mạnh, tức là nguyên cáo và bị cáo đều có thế lực mạnh; Ba là hung dữ, tức là nguyên cáo và bị cáo đều có tánh ác ưa sân hận; bốn là lan truyền qua lại, tức là sự việc này lan truyền rộng ra từ nơi này đến nơi khác; năm là nghi sợ, tức là các Tỳ-kheo nghi sợ khi xử đoán xong sự việc, Tăng nhất tâm hòa hợp sẽ bị phá thành hai phe.

Trong Tăng ở trú xứ này nên cử người hành trù (phát thẻ), Tăng nhất tâm hòa hợp hỏi rằng: "Vị nào có thể làm người hành trù?", nếu có người đáp là có thể thì nên xem xét người này, nếu có đủ có năm pháp: Tùy ái, tùy sân, tùy sợ, tùy si, không biết phát thẻ hay không phát thẻ thì không nên sai; ngược lại nếu thành tựu có năm pháp: Không tùy ái, không tùy sân, không tùy sợ, không tùy si, biết phát thẻ hay không phát thẻ thì nên sai. một Tỳ-kheo trong Tăng xướng rằng:

Đại-đức Tăng lắng nghe, Tỳ-kheo tên ..... có thể làm người phát thẻ. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay sai Tỳ-kheo ..... làm người phát thẻ. Bạch như vậy.

Như thế Bạch-nhị-yết-ma cho đến câu Tăng đã sai Tỳ-kheo ..... làm người phát thẻ xong rồi. Tăng chấp thuận vì im lặng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

Tỳ-kheo hành trù nên tùy theo số Tăng nhiều ít

mà làm hai loại thẻ: Loại thẻ dài, trắng và loại thẻ ngắn, đen. Người nói như pháp thì lấy thẻ dài trắng, người nói phi pháp thì lấy thẻ ngắn đen; người nói như pháp thì lấy thẻ bằng tay phải và lấy từ từ, người nói phi pháp thì lấy thẻ bằng tay trái và lấy vội vàng. Tỳ-kheo hành trù nên phát thẻ cho người nói như pháp trước, phát thẻ cho người nói phi pháp sau, khi phát thẻ nên nói rằng: "Đây là thẻ của người nói như pháp, đây là thẻ của người nói phi pháp". Phát thẻ xong nếu đếm thấy thẻ của người nói như pháp nhiều hơn cho đến một thẻ thì đây gọi là dùng hai pháp Hiện tiền Tỳ-ni và Đa mích Tỳ-ni để diệt tránh. Hiện tiền Tỳ-ni giải thích giống như trên; Đa mích Tỳ-ni là xuôi ngược tìm người như pháp để diệt tránh. Nếu đếm thấy thẻ của người nói phi pháp nhiều hơn cho đến một thẻ thì đây cũng gọi là dùng hai pháp Hiện tiền Tỳ-ni và Đa mích Tỳ-ni để diệt tránh, nhưng Hiện tiền Tỳ-ni trong đây là phi pháp phi Tỳ-ni, không như lời Phật dạy mà dứt diệt.

Có bốn cách phát thẻ: Một là bí mật phát thẻ, tức là phát thẻ trong tối hay ở chỗ có vách ngăn; hai là Điên đảo phát thẻ, tức là đưa thẻ của người nói như pháp cho người nói phi pháp, hoặc đưa thẻ của người nói phi pháp cho người nói như pháp; Ba là ước hẹn phát thẻ, tức là người phát thẻ ước hẹn với Hòa thượng, A-xà-lê hoặc đồng Hòa thượng, đồng A-xà-lê hoặc thiện tri thức đồng tâm

tùy theo quốc độ, tụ lạc, nhà cửa mà ước hẹn rằng: "Chúng ta sẽ lấy thẻ như thế như thế, các vị chớ cách xa chúng tôi, chớ có riêng khác, hãy cùng nói chuyện và cùng đồng sự"; bốn là tất cả Tăng lấy thẻ, tức là tất cả Tăng họp lại một chỗ, không được lấy dục, vì sao, vì sợ có nhiều Tỳ-kheo nói phi pháp.

Nếu chúng tăng này phần lớn là Thượng tòa biết Ba-la-đề-mộc-xoa có thể xử đoán được việc này thì gọi là dùng một pháp Hiện tiền Tỳ-ni để diệt tránh. Nếu chúng tăng này phần lớn là Thượng tòa biết Ba-la-đề-mộc-xoa vẫn không thể xử đoán việc này thì nên giao lại cho người truyền sự, người truyền sự nên nhận lại việc này, nếu giữa đường có thể xử đoán được việc này thì gọi là dùng một pháp Hiện tiền Tỳ-ni để diệt tránh. Nếu người truyền sự này vẫn không thể xử đoán việc thì ở giữa đường nghe ở trong Tăng phường nào có ba, hai, một Tỳ-kheo hoặc trì Tu-đa-la hoặc trì Tỳ-ni hoặc trì Ma-đa-la-già được bốn chúng cung kính tôn trọng, người truyền sự này nên đến trong tăng phường đó nói với Tỳ-kheo đó rằng: "Đại-đức, sự việc này nhân duyên khởi lên như thế như thế, Thác lại tra không xử đoán được, chúng tăng không xử đoán được, Ô-hồi-cưu-la thứ nhất không xử đoán được, Ô-hồi-cưu-la thứ hai cũng không xử đoán được, Tăng cũng không xử đoán được, Tăng gần trú xứ cũng không xử đoán được… người truyền sự giữa

đường cũng không xử đoán được, Tỳ-kheo tăng đại Thượng tòa cũng không xử đoán được… Đại-đức nay nên nhận việc này như pháp… xử đoán, nếu được thì tốt", Tỳ-kheo được bốn chúng tôn trọng này nên đáp: "Không thể hai bên cùng nói mà đều được thắng, phải có một bên thắng, một bên thua". Nếu nói như thế thì gọi là nói như pháp, nếu không nói như thế thì gọi là nói phi pháp, các Tỳ-kheo nên nói với nhau rằng: "Nếu như pháp xử đoán được việc này mà còn phát khởi trở lại thì phạm Ba-dật-đề, nếu quở trách việc này xử đoán không như pháp thì phạm Đột-kiết-la".

Có mười cách Hành trù (phát thẻ) như pháp và mười cách Hành trù phi pháp. Mười cách Hành trù phi pháp :

- Một là không vì việc nhỏ mà phát thẻ.
- Hai là sự việc đã qua mà phát thẻ.
- Ba là không hỏi ý kiến của bậc Trưởng lão mà phát thẻ.
- Bốn là phi pháp phát thẻ.
- Năm là biệt chúng phát thẻ.
- Sáu là phi pháp biệt chúng phát thẻ.
- Bảy là dùng cách phát thẻ này muốn khiến cho có nhiều người phi pháp.
- Tám là dùng cách phát thẻ này sẽ có nhiều người phi pháp.
- Chín là dùng cách phát thẻ này muốn phá hòa

hợp Tăng.

- Mười là dùng cách phát thẻ này sẽ phá hòa hợp Tăng.

Sao gọi là không vì việc nhỏ mà phát thẻ? Tức là không vì việc có thể sám hối mà phát thẻ.

Sao gọi là sự việc đã qua mà phát thẻ?: Tức là sự việc này đã trải qua từ trú xứ này đến trú xứ khác.

Sao gọi là không hỏi ý kiến bậc Trưởng lão mà phát thẻ?: Trưởng lão là chỉ cho Tỳ-kheo trì kinh luật luận mà không đến hỏi ý kiến của vị ấy về thiện hay bất thiện, thế nào là có tội, thế nào là không tội, thế nào là trắng, thế nào là đen, thế nào là lợi ích cho đời này, thế nào là lợi ích cho đời sau, thế nào là đạo lợi ích cho người hành trì…

Sao gọi là phi pháp phát thẻ?: Là trong cùng một giới mà ở chỗ khác phát thẻ.

Sao gọi là phi pháp biệt chúng phát thẻ? Là trong cùng một giới ở chỗ khác không như pháp phát thẻ.

Sao gọi là dùng cách phát thẻ này muốn khiến cho có nhiều người phi pháp?: Là Tỳ-kheo phát thẻ với dụng ý dùng cách phát thẻ này muốn khiến cho có nhiều người phi pháp.

Sao gọi là dùng cách phát thẻ này sẽ khiến cho có nhiều người phi pháp? Tỳ-kheo phát thẻ với dụng ý dùng cách phát thẻ này sẽ có nhiều người

phi pháp.

Sao gọi là dùng cách phát thẻ này muốn phá hòa hợp Tăng?: Tỳ-kheo phát thẻ với dụng ý dùng cách phát thẻ này muốn phá hòa hợp Tăng.

Sao gọi là dùng cách phát thẻ này sẽ phá hòa hợp Tăng?: Tỳ-kheo phát thẻ với dụng ý dùng cách phát thẻ này sẽ phá hòa hợp Tăng.

Mười cách Hành trù như pháp:

Có mười cách Hành trù (phát thẻ) như pháp và mười cách Hành trù phi pháp. Mười cách Hành trù phi pháp :

- Một là vì việc nhỏ mà phát thẻ.
- Hai là sự việc chưa qua mà phát thẻ.
- Ba là hỏi ý kiến của bậc Trưởng lão rồi phát thẻ.
- Bốn là như pháp phát thẻ.
- Năm là hòa hợp chúng phát thẻ.
- Sáu là như pháp hòa hợp chúng phát thẻ.
- Bảy là dùng cách phát thẻ này muốn khiến cho có nhiều người như pháp.
- Tám là dùng cách phát thẻ này sẽ có nhiều người như pháp.
- Chín là dùng cách phát thẻ này muốn Tăng hòa hợp.
- Mười là dùng cách phát thẻ này sẽ khiến Tăng hòa hợp.

Sao gọi là vì việc nhỏ mà phát thẻ? Tức là vì việc có thể sám hối mà phát thẻ.

Sao gọi là sự việc chưa qua mà phát thẻ? Tức là sự việc này chưa trải qua từ trú xứ này đến trú xứ khác.

Sao gọi là hỏi ý kiến bậc Trưởng lão mà phát thẻ? Trưởng lão là chỉ cho Tỳ-kheo trì kinh luật luận, nhiều lần đến hỏi ý kiến của vị ấy về thiện hay bất thiện, thế nào là có tội, thế nào là không tội, thế nào là trắng, thế nào là đen, thế nào là lợi ích cho đời này, thế nào là lợi ích cho đời sau, thế nào là đạo lợi ích cho người hành trì…

Sao gọi là như pháp phát thẻ? Là Tăng ở trong cùng một giới như pháp phát thẻ.

Sao gọi là như pháp hòa hợp chúng phát thẻ? Là Tăng ở trong cùng một giới hòa hợp như pháp phát thẻ.

Sao gọi là dùng cách phát thẻ này muốn khiến cho có nhiều người như pháp? Là Tỳ-kheo phát thẻ với dụng ý dùng cách phát thẻ này muốn khiến cho có nhiều người như pháp.

Sao gọi là dùng cách phát thẻ này sẽ khiến cho có nhiều người như pháp? Tỳ-kheo phát thẻ với dụng ý dùng cách phát thẻ này sẽ có nhiều người như pháp.

Sao gọi là dùng cách phát thẻ này muốn Tăng hòa hợp? Tỳ-kheo phát thẻ với dụng ý dùng cách

phát thẻ này muốn Tăng hòa hợp.

Sao gọi là dùng cách phát thẻ này sẽ khiến Tăng hòa hợp? Tỳ-kheo phát thẻ với dụng ý dùng cách phát thẻ này sẽ khiến Tăng hòa hợp.

Nếu là việc của Tăng thì nên giao cho Tăng xử đoán dứt diệt hoặc giao cho ba người, hai, một người. Tăng nên nhận việc của Tăng để xử đoán dứt diệt; ba, hai, một người cũng nên nhận việc của Tăng để xứ đoán dứt diệt. Đây gọi là dùng hai pháp Tỳ-ni để diệt tránh.

Việc không căn cứ sao lại dùng bốn pháp Tỳ-ni để diệt tránh? Hoặc dùng hai pháp Hiện tiền Tỳ-ni và Ức niệm Tỳ-ni, hoặc dùng hai pháp Hiện tiền Tỳ-ni và Bất si Tỳ-ni, hoặc dùng hai pháp Hiện tiền Tỳ-ni và Thật mích Tỳ-ni để diệt tránh.

Sao gọi là dùng hai pháp Hiện tiền Tỳ-ni và Ức niệm Tỳ-ni để diệt tránh? Như Tỳ-kheo Đà-phiêu bị Tỳ-kheo-ni Di-đa-la đem pháp Ba-la-di không căn cứ vu báng, do Tăng hoặc ba, hai, một người thường bàn nói việc này nên Tỳ-kheo này theo Tăng xin Ức niệm Tỳ-ni. Tăng nên cho Tỳ-kheo Đà-phiêu này pháp Ức niệm Tỳ-ni, như pháp như luật, như lời Phật dạy để diệt trừ việc không căn cứ này.

Trong đây Hiện tiền Tỳ-ni là người đã cho pháp Ức niệm Tỳ-ni và Tỳ-kheo được cho Ức niệm Tỳ-ni.

Sao gọi là dùng hai pháp Hiện tiền Tỳ-ni và Bất si Tỳ-ni để diệt tránh? Như Tỳ-kheo Thi-việt do tâm cuồng si điên đảo mà làm nhiều việc không thanh tịnh, phi pháp, không phải đạo tùy thuận, không phải pháp Sa-môn. Người này sau khi trở lại bổn tâm, những tội đã làm trước kia do Tăng hoặc ba, hai, một người thường bàn nói việc này nên Tỳ-kheo này theo Tăng xin Bất si Tỳ-ni . Tăng nên cho Tỳ-kheo Thi-việt này pháp Bất si Tỳ-ni, như pháp như luật, như lời Phật dạy để diệt trừ việc không căn cứ này.

Trong đây Hiện tiền Tỳ-ni là người đã cho pháp Bất si Tỳ-ni và Tỳ-kheo được cho Bất si Tỳ-ni.

Sao gọi là dùng hai pháp Hiện tiền Tỳ-ni và Thật mích Tỳ-ni để diệt tránh? Như Tỳ-kheo Thích tử Tượng thủ không có hổ thẹn, phạm tội có đủ căn cứ thấy nghe nghi. Tỳ-kheo này trước tự nói tôi phạm, sau lại nói là không phạm. Tăng nên cho Tỳ-kheo này pháp Thật mích Tỳ-ni, như pháp như luật, như lời Phật dạy để diệt trừ việc không căn cứ này.

Trong đây Hiện tiền Tỳ-ni là người đã cho pháp Thật mích Tỳ-ni và Tỳ-kheo được cho Thật mích Tỳ-ni.

Việc phạm tội sao lại dùng ba pháp Tỳ-ni để diệt tránh? Hoặc dùng Hiện tiền Tỳ-ni, hoặc dùng Hiện tiền Tỳ-ni và Tự ngôn Tỳ-ni, hoặc dùng Hiện tiền Tỳ-ni và Bố thảo Tỳ-ni để diệt tránh.

Sao gọi là dùng Hiện tiền Tỳ-ni và Tự ngôn Tỳ-ni để diệt tránh?: Như Tỳ-kheo bị Tỳ-kheo khác cử tội hoặc không bị cử tội, hoặc khiến cho nhớ nghĩ, hoặc không khiến cho nhớ nghĩ mà tự nói là tôi phạm Tăng-già-bà-thi-sa thì Tỳ-kheo này nên theo Tăng xin yết ma Biệt trụ (cho đến xin pháp hành Ma-na-đỏa, yết ma Bổn-nhật-trị và yết ma Xuất tội). Tăng nên cho Tỳ-kheo này pháp yết ma Biệt trụ (cho đến tác pháp cho các yết ma hành Ma-na-đỏa, yết ma Bổn-nhật-trị, yết ma Xuất tội), như pháp như luật, như lời Phật dạy để diệt trừ việc phạm tội này.

Trong đây hiện tiền tự ngôn là Tỳ-kheo này tự nói là tôi phạm Tăng-già-bà-thi-sa; Hiện tiền Tỳ-ni là người cho các pháp yết ma trị tội và Tỳ-kheo bị trị tội như pháp hối quá, cùng hòa hợp một chỗ, như pháp như luật, như lời Phật dạy để diệt trừ việc phạm tội này.

Sao gọi là dùng Hiện tiền Tỳ-ni và Bố thảo Tỳ-ni để diệt tránh?: Như có một trú xứ, các Tỳ-kheo trong đây ưa gây gổ nhau, các Tỳ-kheo này nên hòa hợp lại một chỗ nói với nhau: "Các Trưởng lão, chúng ta mất mát lớn, không được gì cả, suy hao lớn không có lợi ích, là đại ác bất thiện. Chúng ta do lòng tin cầu đạo nên xuất gia trong Phật pháp, nay lại ưa gây gổ nhau; nếu chúng ta truy tìm nguồn gốc của sự việc thì trong Tăng những việc chưa khởi sẽ khởi, những việc đã khởi sẽ không thể

dứt diệt", nói rồi cùng tác bạch:

Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay dùng pháp Bố thảo Tỳ-ni để dứt diệt việc này. Bạch như vậy.

Ngay lúc đó các Tỳ-kheo phân làm hai bộ, mỗi bộ nhóm lại một chỗ, trong hai bộ chúng này, nếu có vị Trưởng lão đại Thượng tòa, vị này nên nói với bộ chúng thứ nhất rằng: "Chúng ta mất mát lớn, không được gì cả, suy hao lớn không có lợi ích, là đại ác bất thiện… giống như đoạn văn trên cho đến câu việc đã khởi không thể dứt diệt được. Chúng ta nay phải tự khuất ý, những tội mà chúng ta đã làm trừ tội Thâu-lan-giá và tội tương ưng Bạch y, những tội khác chúng ta nên hiện tiền phát lồ sám hối không có che dấu". Nếu trong bộ chúng này không có Tỳ-kheo nào ngăn việc này thì vị Trưởng lão Thượng tòa này nên đến nói với bộ chúng thứ hai rằng: "Chúng ta mất mát lớn, không được gì cả… giống như đoạn văn trên cho đến câu trừ tội tương ưng Bạch y, những tội khác chúng ta nên tự vì mình vì người hiện tiền phát lồ sám hối không có che dấu". Các Tỳ-kheo trong bộ chúng thứ nhất nói: "Các thầy tự thấy tội không?", đáp: "Thấy tội, như pháp sám hối không khởi lại nữa", bộ chúng thứ hai cũng nói như thế. Đây gọi là pháp Bố thảo Tỳ-ni.

Trong đây Hiện tiền Tỳ-ni là người cho pháp Bố thảo và các Tỳ-kheo được pháp Bố thảo, cùng

hòa hợp một chỗ, như pháp như luật, như lời Phật dạy để diệt trừ việc phạm tội này.

Việc thường sở hành sao lại dùng một pháp Hiện tiền Tỳ-ni để diệt tránh? Những việc mà Tăng thường đã làm như Đơn-bạch-yết-ma, Bạch-nhị-yết-ma, Bạch-tứ-yết-ma, bố tát, tự tứ, yết ma cử mười bốn hạng người… Tăng nên hòa hợp một chỗ, người tác pháp yết ma và người được yết ma đều như pháp như luật, như lời Phật dạy mà làm các Tăng sự này.

-oOo-

LUẬT THẬP TỤNG

QUYỂN 36 TỤNG THỨ SÁU
TẠP TỤNG (Có 2 pháp)

I. VIỆC CỦA ĐIỀU ĐẠT (Đề-bà-đạt-đa):

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó Điều-đạt ở trong Phật pháp tâm tín kính thanh tịnh, đeo đồ trang nghiêm trị giá ba mươi vạn kim tiền đi xuất gia, cưỡi voi Điều thiện trị giá mười vạn kim tiền, lưới vàng trang sức trên mình voi cũng trị giá mười kim tiền, y phục mà Điều-đạt mặc cũng trị giá mười kim tiền. Điều-đạt xuất gia trong mười hai năm thiện tâm tu hành, đọc tụng kinh điển, hỏi nghi, thọ pháp, tọa thiền, những kinh pháp Phật thuyết thảy đều đọc tụng. Ở cõi này do có cây Diêm phù nên được gọi là cõi Diêm-phù-đề, các Tỳ-kheo có đại thần thông lực đến cây Diêm phù này hái trái về ăn. Cách cây Diêm phù không xa có rừng Ha-lê-lặc, rừng A-ma-lặc, rừng Tỳ-ê-lặc, các Tỳ-kheo cũng đến đó hái trái về ăn; lại đến cõi Uất đơn việt lấy lúa gạo tự nhiên về ăn; lại lên cõi trời Đao lợi lấy vị thức ăn Tu đà về ăn, dùng thần thông lực như thế đi khắp đông tây nam bắc. Điều-đạt thấy rồi liền khởi tâm tham suy nghĩ: "Khi nào ta có đại

thần thông lực như thế, ta sẽ dùng thần thông lực đến cây Diêm phù này hái trái về ăn; sau đó đến rừng Ha-lê-lặc, rừng A-ma-lặc, rừng Tỳ-ê-lặc hái trái về ăn; lại đến cõi Uất đơn việt lấy lúa gạo tự nhiên về ăn; lại lên cõi trời Đao lợi lấy vị thức ăn Tu đà về ăn, dùng thần thông lực như thế đi khắp đông tây nam bắc. Tại sao ta không đến hỏi Phật về đạo thần thông?", nghĩ rồi liền đến chỗ Phật đảnh lễ rồi hỏi về đạo lực thần thông. Phật biết trước người này nếu được pháp thần thông sẽ làm việc ác nên không nói mà bảo rằng: "Điều-đạt hãy thôi đi, thầy cần gì đạo lực thần thông, hãy nên quán vô thường khổ không vô ngã". Điều-đạt nghe lời này xong, trong lòng bất nhẫn không vui, chỉ một lòng muốn được đạo lực thần thông nên suy nghĩ: "Xá-lợi-phất là đệ tử bậc nhất của Phật, như Phật đã nói là trí Tuệ bậc nhất trong các đệ tử trí Tuệ. Ta nên đến hỏi về đạo lực thần thông, tôn giả sẽ nói cho ta biết", nghĩ rồi liền đến hỏi Xá-lợi-phất về đạo lực thần thông. Xá-lợi-phất cũng biết trước người này nếu được pháp thần thông sẽ làm việc ác nên không nói mà bảo rằng: "Điều-đạt hãy thôi đi, thầy cần gì đạo lực thần thông, hãy nên quán vô thường khổ không vô ngã". Điều-đạt nghe lời này xong, trong lòng bất nhẫn không vui, chỉ một lòng muốn được đạo lực thần thông nên suy nghĩ: "Mục-liên là đệ tử bậc nhất của Phật, như Phật đã nói là thần thông bậc nhất trong các đệ tử có thần

thông. Ta nên đến hỏi về đạo lực thần thông, tôn giả sẽ nói cho ta biết", nghĩ rồi liền đến hỏi Đại Mục-kiền-liên về đạo lực thần thông. Mục-liên cũng biết trước người này nếu được pháp thần thông sẽ làm việc ác nên không nói mà bảo rằng: "Điều-đạt hãy thôi đi, thầy cần gì đạo lực thần thông, hãy nên quán vô thường khổ không vô ngã". Điều-đạt nghe lời này xong, trong lòng bất nhẫn không vui, chỉ một lòng muốn được đạo lực thần thông nên đi đến chỗ năm trăm vị đại đệ tử của Phật để hỏi về đạo lực thần thông, nhưng không ai chịu nói. Lúc đó Điều-đạt suy nghĩ: "A-nan là em ta, là đệ tử bậc nhất của Phật, như Phật đã nói là đa văn tối thắng trong các đệ tử đa văn, ta nên đến hỏi, A-nan sẽ nói cho ta biết", nghĩ rồi liền đến hỏi A-nan về đạo lực thần thông. Do A-nan chưa ly dục nên không biết quá khứ vị lai, nghe hỏi về đạo lực thần thông bèn dựa trên trí Tuệ đa văn của mình thuyết giảng cho Điều-đạt nghe. Điều-đạt thọ pháp thần thông rồi liền đến trong rừng núi, đồng trống, hang đá để siêng năng tu tập; do siêng năng tu tập nên chứng đắc tứ thiền của thế tục, nhờ tứ thiền này mà khởi thần thông lực. Điều-đạt liền dùng thần thông lực đến cây Diêm-phù này hái trái về ăn, lại đến rừng Ha-lê-lặc, rừng A-ma-lặc, rừng Tỳ-ê-lặc, các Tỳ-kheo hái trái về ăn; lại đến cõi Uất-đơn-việt lấy lúa gạo tự nhiên về ăn; lại lên cõi trời Đao lợi lấy vị thức ăn Tu-đà về ăn, dùng thần

thông lực như thế đi khắp đông tây nam bắc. Điều-đạt này trước nay đối với Phật đã có ác tâm, nghĩ rằng: "Sa-môn Cù đàm về dòng tộc không hơn ta, Phật dòng tộc Cù đàm, sanh trong nhà họ Thích; ta cũng dòng tộc Cù đàm, sanh trong nhà họ Thích. Phật được nhiều người cúng dường với tâm thanh tịnh đều là nhờ thần thông lực. Nay ta nên dựa vào ai, dùng thần thông lực này để nhiếp phục người đó khiến cho nhiều người tùy thuận ta", lại nghĩ: "Vua Bình sa là vị tối cao trong nước lại là đệ tử không thối chuyển của Phật, dù ta có dùng thần thông lực kéo dắt cũng không thể được". Điều-đạt này vốn thông hiểu ngoại thơ nên có thể xem thiên văn để đoán việc lành dữ của người, có thể xem tướng khác lạ trong trời đất. Cho nên vừa nhìn thấy con của vua Bình sa là thái tử A-xà-thế có tướng làm vua, liền suy nghĩ: "Ta sẽ dùng thần thông lực để nhiếp phục người này trở thành đàn việt của ta, do nhân duyên này nhiều người sẽ tùy thuận ta", nghĩ rồi liền biến thân làm voi báu đến nhà của thái tử, không từ ngoài cửa đi vào mà lại từ trong cửa đi ra, hoặc từ cửa đi vào mà không từ cửa đi ra, mục đích muốn cho A-xà-thế biết đây chính là Điều-đạt. Lại biến thân làm ngựa báu, không từ ngoài cửa đi vào mà lại từ trong cửa đi ra, hoặc từ cửa đi vào mà không từ cửa đi ra, mục đích muốn cho A-xà-thế biết đây chính là Điều-đạt. Lại hiện làm tràng hoa báu ở trên đầu gối của thái tử, thái

tử cầm tràng hoa này đeo lên trán; hiện tướng như vậy mục đích muốn cho A-xà-thế biết đây chính là Điều-đạt. Lại hiện làm đứa bé khôi ngô đeo vàng và chuỗi anh lạc ngồi trên đầu gối của thái tử rồi chạy tung tăng khắp nơi, thái tử bồng bế và cùng đùa giỡn; hiện tướng như thế mục đích muốn cho A-xà-thế biết đây chính là Điều-đạt. Điều-đạt dùng thần thông lực này để kéo đắt tâm thái tử, lúc đó thái tử sanh ác tà kiến cho rằng thần thông lực của Điều-đạt hơn Phật nên khởi tâm cung kính Điều-đạt, cúng dường tứ sự đầy đủ, hằng ngày đưa đến năm trăm chõ thức ăn trên năm trăm cỗ xe và tự tay thái tử dâng thức ăn cúng dường.

Lúc đó các Tỳ-kheo trước giờ ngọ đắp y mang bát vào thành Vương xá khất thực, nghe biết việc này rồi nên sau khi thọ thực xong liền đến chỗ Phật đảnh lễ rồi đem việc đã nghe biết được bạch Phật, Phật bảo các Tỳ-kheo : "Các thầy đừng tham sự cúng dường này của Điều-đạt, vì sao, vì Điều-đạt được sự cúng dường này là tự làm tổn chính mình. Như cây tre, cây lau ra hoa sẽ chết, cây chuối trổ buồng sẽ chết, con La mang thai sẽ chết. Điều-đạt cũng giống như thế", Phật liền nói kệ:

"Cây chuối trổ buồng sẽ chết,
Tre, lau ra hoa sẽ chết,
Con La mang thai sẽ chết,
Tiểu nhân được cúng liền hoại,
Người này cũng giống như thế."

Phật bảo các Tỳ-kheo: "Điều-đạt là người ngu si, tùy được lợi dưỡng như thế bao nhiêu, sẽ chịu khổ não lâu dài bấy nhiêu và sanh vào ác đạo. Này các Tỳ-kheo, ví như người khỏe mạnh đánh vào mũi của con chó dữ, ý các thầy nghĩ sao, con chó này có hung dữ nữa không?", đáp là rất hung dữ, Phật nói: "Điều-đạt cũng như vậy, được sự cúng này này bao nhiêu sẽ chịu khổ não lâu dài bấy nhiêu và sanh trong ác đạo".

Lúc đó Điều-đạt được cúng dường ngày càng nhiều nên bị tâm

tham che lấp, khởi ác tâm như sau: "Nếu Phật bỏ chúng tăng, ta sẽ dẫn dắt chúng tăng", vừa khởi ác tâm này, Điều-đạt liền thối mất thần thông. Lúc đó tôn giả Mục-liên đang ở trong hang Ca-lăng-già-lô nước Chi-đề, có Tỳ-kheo Ca-phù-đà là con của Câu la, đệ tử của Mục-liên, đã xả năm dục, tu bốn phạm hạnh nên khi lâm chung được sanh lên cõi trời Phạm thế. Phạm thiên Ca-phù-đà này thấy Điều-đạt thối mất thần thông liền ẩn thân nơi cõi trời Phạm, như tráng sĩ co duỗi cánh tay hiện thân trước Mục-liên, xuất định rồi nói với Mục-liên: "Tôn giả biết không, Điều-đạt đã thối mất thần thông, tôn giả đến chỗ Phật nên bạch việc này", Mục-liên nghe rồi liền nhập định án tâm của Điều-đạt, liền thấy Điều-đạt đã thối mất thần thông, thấy rồi xuất định, im lặng nhận lời thỉnh của Phạm thiên. Phạm thiên biết tôn giả đã nhận lời, đảnh lễ

hữu nhiễu rồi đi. Phạm thiên vừa đi, tôn giả liền nhập định ẩn thân ở hang Ca-lăng-già-lô, hiện thân ở thành Vương xá cách chỗ Phật không xa, xuất định rồi đến chỗ Phật, đảnh lễ rồi bạch Phật: "Thế tôn, như lời Phạm thiên đã nói, Điều-đạt đã thối mất thần thông", Phật nói: "Thầy trước đó không biết tâm của Điều-đạt như lời Phạm thiên Ca-phù-đà nói phải không ?", Phật vừa nói xong thì Điều-đạt và bốn đệ tử cùng đến, Phật nhìn thấy rồi liền nói với Mục-liên: "Thầy đừng nói gì, khi người ngu si này đến sẽ tự hiện bày việc này". Lúc đó Mục-liên suy nghĩ: "Sao ta không nhập định, ẩn thân ngay trên tòa ngồi để Điều-đạt không nhìn thấy", nghĩ rồi liền nhập định ẩn thân, tuy vẫn còn ngồi trên tòa nhưng Điều-đạt không nhìn thấy. Điều-đạt cùng bốn đệ tử đến đảnh lễ Phật rồi lui ngồi một bên bạch Phật: "Thế tôn tuổi đã già suy, hãy giao phó chúng tăng cho con, Phật nên một mình hưởng thọ hiện pháp lạc; nếu Phật giao chúng tăng cho con, con sẽ dẫn dắt họ", Phật nói: "Xá-lợi-phất, Đại Mục-kiền-liên có đại trí Tuệ, Đại-thần thông; ta còn chưa giao phó chúng tăng, huống chi thầy là người ngu si ăn đàm dãi của kẻ khác". Điều-đạt vừa nghe lời mắng này trong lòng sân hận, muốn hủy báng Phật nhưng hai mí mắt sụp xuống, im lặng không nói gì, nghĩ rằng: "Phật khen ngợi Xá-lợi-phất, Đại Mục-kiền-liên khiến họ thành người vĩ đại; chê bai mắng nhiếc ta khiến

ta trở thành kẻ thấp hèn", nghĩ rồi liền đứng dậy bỏ đi. Đây là lần đầu tiên Điều-đạt có tâm sân hận đối với Phật và các vị đại đệ tử của Phật như Xá-lợi-phất và Đại Mục-kiền-liên. Lúc đó A-nan đang đứng quạt hầu cho Phật, Phật bảo A-nan: "Thầy hãy đi thông báo cho các Tỳ-kheo trong thành Vương xá đến tụ họp ở giảng đường, tụ họp xong thì bào cho Như lai biết", A-nan vâng lời Phật dạy đi thông báo, các Tỳ-kheo tụ họp xong liền đến bạch Phật tự biết thời. Phật đến giảng đường trải tòa ngồi giữa đại chúng bảo các Tỳ-kheo: "Này các Tỳ-kheo, ở đời có năm loại bậc thầy:

Một là bậc thầy không thanh tịnh trì giới mà tự nói là thanh tịnh trì giới, các đệ tử cùng ở chung biết thầy mình không thanh tịnh trì giới mà tự nói là thanh tịnh trì giới, nhưng họ lại nghĩ là nếu chúng ta nói sự thật này thì thầy sẽ không vui, chúng ta cũng không vui; huống chi chúng ta nhờ thầy mà được y thực, ngọa cụ, thuốc thang… thầy chăm lo cho chúng ta thì chúng ta không nên nói gì. Như vậy các đệ tử che giấu, che chở về việc trì giới giúp cho thầy; thầy cũng theo đệ tử cầu được che giấu, che chở về việc trì giới.

Hai là bậc thầy mạng bất tịnh (nghề nghiệp sinh sống không thanh tịnh) mà tự nói là tịnh mạng, các đệ tử cùng ở chung biết thầy mình mạng không thanh tịnh trì mà tự nói là mạng thanh tịnh, nhưng họ lại nghĩ là nếu chúng ta nói sự thật này thì thầy

sẽ không vui, chúng ta cũng không vui; huống chi chúng ta nhờ thầy mà được y thực, ngọa cụ, thuốc thang… thầy chăm lo cho chúng ta thì chúng ta không nên nói gì. Như vậy các đệ tử che giấu, che chở về việc tịnh mạng giúp cho thầy; thầy cũng theo đệ tử cầu che chở che giấu về việc tịnh mạng.

Ba là bậc thầy tri kiến không thanh tịnh mà tự nói là tri kiến thanh tịnh, các đệ tử cùng ở chung biết thầy mình tri kiến không thanh tịnh mà tự nói là tri kiến thanh tịnh, nhưng họ lại nghĩ là nếu chúng ta nói sự thật này thì thầy sẽ không vui, chúng ta cũng không vui; huống chi chúng ta nhờ thầy mà được y thực, ngọa cụ, thuốc thang… thầy chăm lo cho chúng ta thì chúng ta không nên nói gì. Như vậy các đệ tử che giấu, che chở về việc tri kiến thanh tịnh giúp cho thầy; thầy cũng theo đệ tử cầu che giấu, che chở về việc tri kiến thanh tịnh.

Bốn là bậc thầy không khéo ghi nhớ sự việc mà tự nói là khéo ghi nhớ, các đệ tử cùng ở chung biết thầy mình không khéo ghi nhớ sự việc mà tự nói là khéo ghi nhớ, nhưng họ lại nghĩ là nếu chúng ta nói sự thật này thì thầy sẽ không vui, chúng ta cũng không vui; huống chi chúng ta nhờ thầy mà được y thực, ngọa cụ, thuốc thang… thầy chăm lo cho chúng ta thì chúng ta không nên nói gì. Như vậy các đệ tử che giấu, che chở về việc khéo ghi nhớ sự việc giúp cho thầy; thầy cũng theo đệ tử cầu che giấu, che chở về việc khéo ghi nhớ sự việc.

Năm là bậc thầy không thuyết pháp thanh tịnh mà tự nói là thuyết pháp thanh tịnh, các đệ tử cùng ở chung biết thầy mình không thanh tịnh trì giới mà tự nói là thanh tịnh trì giới, nhưng họ lại nghĩ là nếu chúng ta nói sự thật này thì thầy sẽ không vui, chúng ta cũng không vui; huống chi chúng ta nhờ thầy mà được y thực, ngọa cụ, thuốc thang… thầy chăm lo cho chúng ta thì chúng ta không nên nói gì. Như vậy các đệ tử che giấu, che chở về việc thuyết pháp thanh tịnh giúp cho thầy; thầy cũng theo đệ tử cầu che giấu, che chở về việc thuyết pháp thanh tịnh.

Này các Tỳ-kheo, Như lai thanh tịnh trì giới, cũng tự nói là thanh tịnh trì giới. Như lai không cầu đệ tử che giấu hay che chở về việc thanh tịnh trì giới. Như lại là tịnh mạng, cũng tự nói là tịnh mạng; Như lai cũng không cầu đệ tử che giấu hay che chở về tịnh mạng. Như lai có tri kiến thanh tịnh, cũng tự nói ta có tri kiến thanh tịnh; Như lai không cầu đệ tử che giấu hay che chở về tri kiến thanh tịnh. Như lai khéo ghi nhớ sự việc, cũng tự nói là khéo ghi nhớ sự việc; Như lai không cầu đệ tử che giấu hay che chở về việc khéo ghi nhớ sự việc. Như lai thuyết pháp thanh tịnh, cũng tự nói là thuyết pháp thanh tịnh; Như lai không cầu đệ tử che giấu hay che chở vế thuyết pháp thanh tịnh. Như lai thật có pháp này, sao lại không nói như thật; Như lai không tùy thuận người khác, cũng

không uốn mình theo lời nói của người khác. Ví như thợ gốm khi cầm ly tách, bình… không dám cầm hấp tấp; Như nói lời chân thật, nói lời rõ ràng có sức chiết phục. Cho nên những ai tâm kiên cố thì ở lại, những ai tâm không kiên cố thì cứ đi; các thầy ở trong pháp ngữ của Như lai phải khéo nhẫn thọ".

Phật tại thành Vương xá, lúc đó Điều-đạt (Đề-bà-đạt-đa) tìm cách phá hòa hợp tăng, thọ trì việc phá tăng; người này có tâm tật đố đang suy nghĩ tìm cách phá Tăng: "Một mình ta không thể phá được hòa hợp Tăng của Sa-môn Cù đàm và hoại chuyển pháp luân". Đề-bà-đạt-đa có bốn bạn đảng: Một tên là Câu-già-lê, hai tên là Xiển-đà Đà-phiêu, ba tên là Ca-lưu-đà-đề-xá và bốn tên là Tam-văn-đạt-đa. Lúc đó Đề-bà-đạt-đa đến chỗ bốn người nói rằng: "Các vị hãy hợp sức với ta phá hòa hợp tăng của Sa-môn Cù đàm và hoại chuyển pháp luân", bốn người nghe rồi nói rằng: "Các đệ tử của Sa-môn Cù đàm có người là đại trí Tuệ, có người là đại thần thông, có người được thiên nhãn trí, được tha tâm niệm… Họ sẽ thấy biết chúng ta muốn phá hòa hợp Tăng và hoại chuyển pháp luân, chúng ta làm sao có thể phá hòa hợp Tăng của Sa-môn Cù đàm và hoại chuyển pháp luân?", Đề-bà-đạt-đa nói: "Các đệ tử trẻ tuổi của Sa-môn Cù đàm mới vào pháp không lâu, chúng ta đến chỗ họ đem có năm pháp dụ dẫn họ rằng: "Các thầy trọn đời thọ

mặc nạp y, trọn đời thọ pháp khất thực, trọn đời thọ pháp ăn một bữa, trọn đời thọ pháp ngồi nơi đất trống, trọn đời thọ pháp đoạn nhục. Tỳ-kheo nào thọ trì có năm pháp này sẽ mau được Niết bàn". Nếu là Trưởng lão Thượng tòa-Tỳ-kheo có nhiều người quen biết, tu phạm hạnh đã lâu, đã được vị Phật pháp thì nên nói với các vị ấy rằng: "Phật đã già yếu, tuổi đã già suy, tự thích chỗ yên tĩnh vắng vẻ để thọ hiện tại pháp lạc. Các thầy cần điều gì, tôi sẽ giúp đỡ cho nhau". Chúng ta dùng phương tiện này có thể phá hòa hợp Tăng của Sa-môn Cù đàm và hoại chuyển pháp luân", bốn người nghe rồi nói rằng: "Như thế xin nghe theo lời của Đại-đức". Sau đó Đề-bà-đạt-đa đến chỗ các Tỳ-kheo trẻ tuổi dùng có năm pháp dụ dẫn rằng: "Các thầy trọn đời thọ mặc Nạp y… mau được Niết bàn, giống như đoạn văn trên", kế đó đến chỗ các Trưởng lão Thượng tòa-Tỳ-kheo nói rằng: "Phật đã già yếu… tôi sẽ giúp đỡ cho nhau". Lúc đó Đề-bà-đạt-đa phi pháp nói là pháp, pháp nói là phi pháp; phi luật nói là luật, luật nói là phi luật; không phạm nói là phạm, phạm nói là không phạm; khinh nói là trọng, trọng nói là khinh; hữu tàn nói là vô tàn, vô tàn nói là hữu tàn; pháp thường làm nói là không phải pháp thường làm; phi giáo nói là giáo, giáo nói là phi giáo. Các Tỳ-kheo thấy Đề-bà-đạt-đa muốn phá hòa hợp Tăng và hoại chuyển pháp luân liền đem việc này bạch Phật, Phật bảo các Tỳ-kheo: "Các

thầy nên can ngăn Đề-bà-đạt-đa bỏ việc phá tăng này", các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy liền đến chỗ Đề-bà-đạt-đa nói rằng: "Thầy chớ tìm cách phá hòa hợp Tăng, chớ thọ trì việc phá Tăng, phải cùng Tăng hòa hợp, Tăng hòa hợp thì an vui không tranh cải, nhất tâm cùng học như nước hòa với sữa được an lạc trụ. Thầy hãy bỏ việc phá Tăng này", nhưng Đề-bà-đạt-đa không chịu bỏ việc phá Tăng này. Lúc đó bốn bạn đảng của Đề-bà-đạt-đa quở trách các Tỳ-kheo rằng: "Các thầy chớ can ngăn Đề-bà-đạt-đa bỏ việc này, vì sao, vì Đề-bà-đạt-đa là người nói đúng pháp, đúng luật, vị ấy nói điều gì chúng tôi đều vui thích; đó là biết mới nói không phải không biết mà nói, vị ấy nói điều gì chúng tôi đều chấp nhận". Như thế các Tỳ-kheo hai, Ba-lần can ngăn đều không thể khiến cho Đề-bà-đạt-đa bỏ ác tà kiến, nên trở về bạch Phật, Phật nghe rồi suy nghĩ: "Đề-bà-đạt-đa và bốn bạn đảng ngu si như thế có thể phá hòa hợp Tăng và hoại chuyển pháp luân, Ta nên đến can ngăn Đề-bà-đạt-đa bỏ việc làm này", nghĩ rồi liền đến chỗ Đề-bà-đạt-đa can ngăn rằng: "Thầy chớ tìm cách phá hòa hợp Tăng… được an lạc trụ giống như đoạn văn trên. Thầy chớ phi pháp nói là pháp, pháp nói là phi pháp… giáo nói là phi giáo giống như đoạn văn trên. Thầy hãy bỏ việc phá Tăng này", Đề-bà-đạt-đa nghe Phật nói rồi liền tạm bỏ việc làm này.

Phật tại thành Vương xá, lúc đó vua A-xà-thế

và các quan đại thần đều tín kính Đề-bà-đạt-đa, dân trong thành trợ giúp cho Đề-bà-đạt-đa và cúng dường thức ăn Đát-bát-na, bữa ăn sáng, bữa ăn trưa. Có các Tỳ-kheo trẻ tuổi xuất gia chưa bao lâu, Đề-bà-đạt-đa đem bát lớn bát nhỏ, kiền tư lớn, kiền tư nhỏ, móc y, dây thiền… các vật cần dùng của-Tỳ-kheo cho các Tỳ-kheo trẻ tuổi này để dụ dẫn họ. Cho nên Đề-bà-đạt-đa có đến một trăm, hai, ba, bốn, năm trăm Tỳ-kheo cung kính vây quanh cùng đi vào thành Vương xá thọ cúng dường riêng thức ăn ngon Đát-bát-na, bữa ăn sáng, bữa ăn trưa. Còn các Tỳ-kheo Trưởng lão Thượng tòa tu phạm hạnh lâu, được pháp vị của Phật vào thành khất thực chỉ được thức ăn nguội cách đêm hoặc cơm thiêu hoặc thức ăn thô dỡ, có khi không được gì nên lúc được no lúc không được no. Có Tỳ-kheo thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng rồi quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo lại cùng một trăm, hai, ba, bốn, năm trăm Tỳ-kheo cung kính vây quanh… giống như đoạn văn trên cho đến câu lúc không được no", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo : "Từ nay do hai điều lợi nên ngăn ăn biệt chúng, cho ba người cùng ăn: Một là tùy hộ đàn việt vì tâm thương xót, hai là vì phá thế lực của các Tỳ-kheo ác dục, không để cho kẻ ác dục tạo lập chúng riêng, tác pháp riêng và cùng tăng tranh chấp".

Phật ở trong hang đá của Dạ xoa Khâm-bà-la trên núi Kỳ-xà-quật thuộc thành Vương xá, sáng sớm đắp y mang bát vào thành khất thực, thọ thực xong trở về trong hang đá trên núi Kỳ-xà-quật tọa thiền. Lúc đó Điều-đạt tìm cách hại Phật nên mướn bốn người khỏe mạnh leo lên núi Kỳ-xà-quật khiêng một tảng đá lớn đến phía trên hang đá, mục đích đợi Phật từ trong hang đá đi ra sẽ xô tảng đá này xuống hại Phật. Đến xế trưa, Phật xuất định đi ra ngoài hang đá để kinh hành, bốn người này liền xô tảng đá xuống. Dạ xoa Khâm-bà-la vốn tín kính Phật, vừa thấy việc này liền dùng hai tay đẩy tảng đá qua chỗ khác, đá vụn văng ra trúng vào chân Phật. Vì muốn khiến cho chúng sanh sanh tâm nhàm sợ và muốn chỉ dạy đạo lý hễ tạo ác nghiệp thì quả báo không mất nên Phật nhập định, ẩn thân nơi chỗ kinh hành, hiện thân ở phương Đông với đá vụn đi theo; hiện thân ở các phương Nam, tây, bắc cũng như vậy… cho đến lên đến các cõi trời như cõi trời Tứ thiên vương, cõi trời Đao lợi, trời Diệm ma, trời Đâu suất đà, trời Hóa lạc, trời Tha hóa tự tại; trời Phạm chúng, trời Đại phạm, trời Thiểu quang, trời Vô lương quang, trời Quang diệu, trời Thiểu tịnh, trời Vô lượng tịnh, trời Biến tịnh, trời A-na-bà-na đại phước đức, trời Quảng quả, trời Bất nhiệt, trời Hỷ kiến, trời Nhạo kiến, trời A-ca-ni-trá, đá vụn đều đi theo Phật. Khi Phật thu nhiếp thần lực trở về chỗ kinh hành thì đá vụn

này rớt xuống làm chân Phật bị thương chảy máu, Phật dùng tinh tấn lực để ngăn nổi đau này và nói kệ:

"Chẳng phải trong hư không,
Biển cả và núi đá,
Trên trời, trong lòng đất,
Ngăn cản được nghiệp báo.
Chẳng phải trong hư không,
Biển cả và núi đá,
Trên trời, trong lòng đất,
Thoát được nghiệp đời trước".

Lúc đó Điều-đạt và bốn người khỏe mạnh này là người đầu tiên tạo tội nghịch, khi Phật ngước nhìn lên, bốn người này liền sợ hãi bỏ chạy, Phật cất tiếng kêu: "Hãy đến đây, Như lai sẽ thuyết pháp cho nghe", bốn người này đến trước Phật, đến chỗ Phật đảnh lễ ngồi một bên nghe Phật nói pháp, Thế tôn tùy thuận nói pháp chỉ dạy cho họ được lợi hỉ rồi nói: "Các ngươi hãy đi đi nhưng đừng đi theo con đường đã đến". Điều-đạt sân giận mướn tám người khác đến giết bốn người kia, Phật từ xa thấy tám người này liền cất tiếng kêu: Phật cất tiếng kêu: "Hãy đến đây, Như lai sẽ thuyết pháp cho nghe", tám người này đến trước Phật, đến chỗ Phật đảnh lễ ngồi một bên nghe Phật nói pháp, Thế tôn tùy thuận nói pháp chỉ dạy cho họ được lợi hỉ rồi nói: "Các ngươi hãy đi đi nhưng đừng đi theo con đường đã đến". Điều-đạt lại mướn mười sáu người

khác đi giết tám người kia và nói rằng: "Hãy đi giết tám người đó và cắt hết lưỡi của họ", Phật từ xa thấy mười sáu người này liền cất tiếng kêu: Phật cất tiếng kêu: "Hãy đến đây, Như lai sẽ thuyết pháp cho nghe", mười sáu người này đến trước Phật, đến chỗ Phật đảnh lễ ngồi một bên nghe Phật nói pháp, Thế tôn tùy thuận nói pháp chỉ dạy cho họ được lợi hỉ rồi nói: "Các ngươi hãy đi đi nhưng đừng đi theo con đường đã đến". Điều-đạt lại mướn ba mươi hai người khác nói rằng: "Hãy đi giết mười sáu người đó và cắt hết lưỡi của họ", Phật từ xa thấy ba mươi hai người này liền cất tiếng kêu: Phật cất tiếng kêu: "Hãy đến đây, Như lai sẽ thuyết pháp cho nghe", ba mươi hai người này đến trước Phật, đến chỗ Phật đảnh lễ ngồi một bên nghe Phật nói pháp, Thế tôn tùy thuận nói pháp chỉ dạy cho họ được lợi hỉ rồi nói: "Các ngươi hãy đi đi". Lúc đó các Tỳ-kheo có người ngồi, có người đứng xung quanh bốn phía hang đá vì sợ Điều-đạt đến hại Phật nữa. Phật nhìn thấy việc này tuy biết nhưng vẫn hỏi A-nan nguyên do, A-nan bạch rõ nguyên do, Phật nói: "Này A-nan, Điều-đạt có thể hại mạng của Như lai thì không có lý đó, nếu Như lai vì nhân duyên khác mà chết thì cũng không có lý đó. Này A-nan, thầy hãy cùng các Tỳ-kheo vào thành Vương xá đến chỗ đông người như phố chợ, ngã tư đường thông báo cho mọi người biết rằng những việc mà Điều-đạt đã làm, hoặc thân hay khẩu làm đều không phải là

việc Phật, việc Pháp, việc Tăng; mà đều là việc làm riêng của Điều-đạt và các đệ tử". Lúc đó các quan ở trong cung của thái tử A-xà-thế nghe được lời này liền cho là Sa-môn Cù đàm tật đố Điều-đạt nên mới nói như thế, Điều-đạt là bậc thương nhân làm sao có thể làm điều ác. Điều-đạt sau khi nghe được lời thông báo này càng thêm sân giận Phật, liền đến chỗ Thái tử nói rằng: "Thái tử giết cha, tôi giết Phật; Thái tử làm vua nước Ma-kiệt-đà, còn tôi làm Phật. Nước Ma-kiệt-đà sẽ có vua mới, Phật mới, há không vui sao", Thái tử nghe rồi trong lòng vui thích nên nhận lời của Điều-đạt.

Lúc đó vua Bình sa ngự giá đến trong vườn rừng dạo chơi, hưởng thụ kỹ nhạc tự vui cho đến chiều tối mới chịu trở về cung. Trên đường về, khi thái tử thấy vua gần đến liền dùng kiếm Tần-trì-la quăng tới chém vua, vì ngựa của vua chạy quá nhanh nên vua thoát chết, thái tử không giết được vua nên bỏ chạy trốn, các quan tìm kiếm bao vây bắt được, giải thái tử đến chỗ vua, vua hỏi: "Con muốn làm gì?", đáp là muốn giết vua, vua hỏi là nghe theo lời của ai, đáp là nghe theo lời của thượng nhân Điều-đạt. Lúc đó trong các đại thần, có người nói: "Tất cả Sa-môn Thích tử đều đáng giết", lại có người nói: "Sa-môn Thích tử có tội gì, chỉ có Điều-đạt và các đệ tử là đáng giết", lại có người nói: "Các đệ tử của Điều-đạt có tội gì, chỉ có Điều-đạt là đáng giết", lại có người nói: "Vì sao lại

giết Sa-môn Thích tử, vì sao lại giết Điều-đạt và các đệ tử . Đại vương là bậc hiền thiện, người đáng chết còn tha huống chi là Sa-môn Thích tử xuất gia, làm sao giết được. Tùy ý Đại vương xử trị như thế nào, chúng ta không cần phải góp lời góp sức". Sau khi trở về cung, vua do việc này nên ngự đến chỗ xét xử, các đại thần đều đến chầu vua và đứng một bên, vua hỏi: "Việc hôm qua, nay nên xử lý như thế nào?", trong các đại thần, có người nói: "Tất cả Sa-môn Thích tử đều đáng giết", lại có người nói: "Sa-môn Thích tử có tội gì, chỉ có Điều-đạt và các đệ tử là đáng giết", lại có người nói: "Các đệ tử của Điều-đạt có tội gì, chỉ có Điều-đạt là đáng giết", lại có người nói: "Vì sao lại giết Sa-môn Thích tử, vì sao lại giết Điều-đạt và các đệ tử. Đại vương là bậc hiền thiện, người đáng chết còn tha huống chi là Sa-môn Thích tử xuất gia, làm sao giết được. Tùy ý Đại vương xử trị như thế nào, chúng ta không cần phải góp lời góp sức". Vua nói: "Trước đây Sa-môn Thích tử có sai người vào thành Vương xá đến chỗ đông người như phố chợ, ngã tư đường thông báo cho mọi người biết rằng những việc mà Điều-đạt đã làm, hoặc thân hay khẩu làm đều không phải là việc Phật, việc Pháp, việc Tăng; mà đều là việc làm riêng của Điều-đạt và các đệ tử. Việc này mọi người đều đã biết rồi", vì vậy trong các đại thần, có người nói: "Tất cả Sa-môn Thích tử đều đáng giết", vua không bằng lòng; lại có người nói: "Sa-

môn Thích tử có tội gì, chỉ có Điều-đạt và các đệ tử là đáng giết", vua cũng không bằng lòng; lại có người nói: "Các đệ tử của Điều-đạt có tội gì, chỉ có Điều-đạt là đáng giết", vua cũng không bằng lòng; lại có người nói: "Vì sao lại giết Sa-môn Thích tử, vì sao lại giết Điều-đạt và các đệ tử . Đại vương là bậc hiền thiện, người đáng chết còn tha huống chi là Sa-môn Thích tử xuất gia, làm sao giết được. Tùy ý Đại vương xử trị như thế nào, chúng ta không cần phải góp lời góp sức", vua bằng lòng và ban thưởng cho người này ruộng vườn và tài vật. Sau đó vua hỏi thái tử: "Vì sao con làm như vậy?", thái tử không hổ thẹn đáp rằng: "Con muốn được như vua, khi vua đi có người đánh trống, trổi kỷ nhạc, cầm lọng, cầm bình nước rửa bằng vàng… đi trước dẫn đường", vua nói: "Con muốn được như thế sao", nói rồi liền ban cho thái tử được giống như mình. Khi thái tử đi cũng có người đánh trống, trổi kỷ nhạc, cầm lọng, cầm bình nước rửa bằng vàng… đi trước dẫn đường như vua không khác. Trong nước như có hai vua nên pháp trị nước không thuận hết ý của dân chúng. Trước kia khi chưa đắc đạo, vua Bình sa có làm điều ác khiến người oán hận cho là đã đến lúc trả thù nên tìm cách thân gần thái tử nói rằng: "Trong nước sao lại có đến hai vua", thái tử hỏi: "Vì sao lại nói là có đến hai vua ?", đáp: "Vua và thái tử khi đi đều có người đánh trống… đi trước dẫn đường, nhưng thái

tử luôn đi sau cha. Nếu thái tử muốn trị nước thì nên giết cha để một mình làm vua", thái tử nghe lời này trong lòng vui thích liền ra lịnh bắt giam vua vào ngục. Do vua hiền thiện nên có trăm ngàn người đem thức ăn ngon đến trong ngục thăm, vua nhờ ăn thức ăn này mà được sống. Vài ngày sau, A-xà-thế hỏi quản ngục: "Đại vương còn sống không ?", đáp là vẫn còn sống, lại hỏi nguyên do, quản ngục nói rõ nguyên do, A-xà-thế nghe rồi liền ra lịnh không được cho ai vào thăm nữa. Phu nhân của vua lén đem thức ăn vào thăm, vua nhờ thức ăn này nên vẫn sống. Vài ngày sau, A-xà-thế hỏi quản ngục: "Đại vương còn sống không?", đáp là vẫn còn sống, lại hỏi nguyên do, quản ngục nói rõ nguyên do, A-xà-thế nghe rồi liền ra lịnh không được cho phu nhân mang thức ăn vào thăm. Phu nhân trét thức ăn lên áo trong rồi khoác áo ngoài vào trong ngục thăm vua, cởi áo trong này ra lấy thức ăn cho vua ăn, vua nhờ vậy nên vẫn sống. Vài ngày sau, A-xà-thế hỏi quản ngục: "Đại vương còn sống không?", đáp là vẫn còn sống, lại hỏi nguyên do, quản ngục nói rõ nguyên do, A-xà-thế nghe rồi liền ra lịnh không được cho phu nhân vào thăm nữa. Lúc đó ở trong ngục, vua từ xa nhìn thấy núi Kỳ-xà-quật, thấy Phật và Tăng, các vị như Xá-lợi-phất, Đại Mục-kiền-liên… lên xuống núi, vua sanh tâm vui mừng nên vẫn sống. Vài ngày sau, A-xà-thế hỏi quản ngục: "Đại vương còn sống không?",

đáp là vẫn còn sống, lại hỏi nguyên do, quản ngục nói rõ nguyên do, A-xà-thế nghe rồi liền ra lịnh xây vách ngăn không cho vua nhìn thấy núi Kỳ-xà-quật. Thường pháp của Phật là khi có nhân duyên lớn vào thành thì hiện bày diệu lực thần thông như: Các đường nhỏ hẹp bỗng rộng lớn ra, các cây nhỏ bỗng nhiên cao lớn, voi ngựa… các loài chim đều cất tiếng kêu vui mừng; các loại nhạc cụ như trống, đàn, sáo, kèn, loa, náo bạt… không có người trỗi mà tự phát tiếng kêu; các loại khí cụ trang hoàng trong ngoài của nhà người giàu có hoặc ở trong rương tráp cho đến đồ trang sức như vàng bạc… các vật báu đều phát tiếng kêu. Người mù được thấy, người điếc được nghe, người câm nói được, người không đủ các căn liền được đầy đủ, người đang say mê đều được tỉnh, người trúng độc đều được khỏe mạnh lại, người oán thù nhau đều sanh tâm từ bi, người mang thai sanh con không thấy đau đớn, người bị giam cầm đều được giải thoát, người nghèo thiếu được của cải… Người sát sanh lìa sát sanh, người trộm cắp lìa trộm cắp… người tham lìa tham, người sân lìa sân, người tà kiến lìa tà kiến… Người chưa gieo trồng căn lành thì được gieo trồng, người đã gieo trồng liền được tăng trưởng… Các phục tàng tự nhiên xuất hiện… vô số việc hy hữu như vậy đều xuất hiện khiến cho tất cả chúng sanh đều được lợi ích. Cho nên khi Phật vừa bước chân phải lên ngạch cửa thành để vào trong

thành Vương xá thì tất cả việc hy hữu này đều hiện. Vua Bình sa từng thấy tướng này nên biết Phật sắp vào trong thành, liền từ lỗ hổng nhỏ nhìn ra để thấy Phật vào thành; vua đã đắc Thánh quả nên khi thấy Phật và Tăng, tâm sanh hoan hỉ nên vẫn được sống. Vài ngày sau, A-xà-thế hỏi quản ngục: "Đại vương còn sống không?", đáp là vẫn còn sống, lại hỏi nguyên do, quản ngục nói rõ nguyên do, A-xà-thế nghe rồi liền ra lịnh dùng dao bén gọt gót chân của vua để vua không còn đi lại được nữa; vua vì nằm lâu một chỗ nên tiểu tụy sa sút.

Vua A-xà-thế có một người con tên là Ưu-đà-da-bạt-đà, lúc đó đang đùa giỡn với chó, vua kêu đến cùng ăn cơm thì vương tử bồng con chó đến bạch rằng: "Nếu vua cha cho phép con chó cùng ăn thì con mới ăn", vua nói tùy ý con, vương tử tự ăn rồi đưa thức ăn cho chó ăn. Lúc đó vua nói với mẫu hậu: "Con đã làm việc khó làm, vì sao, vì con là vua dòng Sát-đế-lỵ được quán đảnh vì thương yêu con mà phải cho chó cùng ăn", mẫu hậu nói: "Đây không phải là việc khó làm, vì còn có người ăn thịt của chó ăn nữa. Con có biết cha con đã làm việc khó làm gì không?", vua hỏi là việc khó làm gì, mẫu hậu nói: "Hồi con còn nhỏ, ngón tay bị ung nhọt đau nhức không ngủ được, cha con bồng con đặt trên đầu gối và ngậm ngón tay bị ung nhọt của con vào trong miệng mình, con không còn đau nhức nên ngủ được ngon. Do trong miệng ấm nên

nhọt mùi vỡ mủ ra, lúc đó cha con nghĩ nếu lấy ngón tay của con ra để nhổ mủ thì sợ con đau nhức nữa, nên nuốt luôn cả mủ. Cha con đã làm việc khó làm như thế, mong con hãy thả cha con ra", vua A-xà-thế nghe rồi liền im lặng. Mẫu hậu vừa trở về cung của mình thi nghe được lịnh thả vua cha, tất cả dân chúng trong thành hay tin này đều khen ngợi: "Lành thay vua hiền thiện được thả", cùng nhau kéo đến ngục và reo lên: "Đại vương được thả". Lúc đó vua Bình sa nghe được tin này trong lòng suy nghĩ: "Con ta ác nghịch, không có tâm từ mẫn, không biết sẽ dùng cách gì để hành hạ ta nữa", do nghĩ như vậy nên vua tự lao xuống đất và chết, vua A-xà-thế phạm tội đại nghịch vì đã giết chết cha.

Phật cùng đại chúng năm trăm Tỳ-kheo ở trên núi Kỳ-xà-quật, lúc đó trước giờ ngọ Phật đắp y mang bát vào thành Vương xá khất thực, thọ thực rồi trở về núi trong bảy ngày kiết già thọ thiền định lạc, qua bảy ngày sau mới xuống núi vào thành khất thực. Điều-đạt nghe biết điều này, do vua A-xà-thế có con voi tên là Thủ tài rất hung dữ và khỏe mạnh nhất trong các con voi khắp bốn phương nên Điều-đạt đem năm trăm kim tiền đến đưa cho người điều luyện voi và nói rằng: "Ông có biết không, vua rất kính trọng tôi nên tôi có thể làm việc tổn ích cho người. Nay năm trăm kim tiền này cho ông, nếu ông làm xong việc này sẽ thưởng thêm

cho ông ruộng vườn và nhà cửa", người điều luyện voi hỏi: "Muốn tôi làm việc gì?", Điều-đạt nói: "Qua bảy ngày sau Sa-môn Cù đàm sẽ xuống núi vào trong thành khất thực, lúc đó ông hãy cho voi này uống rượu thật say rồi thả nó ra sai nó đi giết Sa-môn Cù đàm, ông có làm được không?", đáp: "Làm được vì con voi này do tôi điều luyện, chỉ mong Ngài đừng quên lời đã hứa". Người điều luyện voi liền co ngón tay tính ngày, đến ngày thứ bảy ông liền cho voi Thủ tài uống rượu thật say, cột lại đợi Phật vào thành mới thả ra. Pháp thường của Phật khi có nhân duyên lớn vào thành thì có các tướng lành đều hiện ra làm lợi ích cho tất cả chúng sanh như trong đoạn văn trên đã nói. Vì vậy khi Phật vừa bước chân phải lên ngạch cửa thành để vào trong thành thì các tướng lành này đều hiện, người điều luyện voi thấy tướng lành này liền biết Phật sắp vào thành liền mở dây thả voi say ra để nó hại Phật. Voi say điên cuồng hùng hổ giẫm đạp nên tất cả dân chúng đều sợ hãi, có người chạy vào trong nhà, có người núp vào chỗ kín, khắp các đường đi đều trống vắng không người, chỉ còn lại Phật và các đệ tử. Lúc đó có một Hiền giả thấy voi Thủ tài từ xa liền đến bạch Phật: "Thế tôn, voi này đã say, nay được thả ra ắt là để hại Phật, không ai có thể ngăn cản được, xin Phật hãy vào nhà hoặc ra khỏi thành, đừng để voi say này hại mạng Phật", Phật nói: "Nếu voi Thủ tài này có thể hại mạng của

Như lai thì không có lý đó, nếu Như lai vì nhân duyên khác mà chết thì cũng không có lý đó", Hiền giả nghe rồi tâm sanh hoan hỉ nói rằng: "Nếu voi Thủ tài này có thể hại mạng của Như lai thì không có lý đó, nếu Như lai vì nhân duyên khác mà chết thì cũng không có lý đó". Lúc đó dân chúng đều đứng trên lầu cao la hét, người không có lòng tin nói rằng: "Voi này chắc có thể hại Phật", người có lòng tin nói rằng: "Voi này có thể hại Phật là không có lý đó". Lúc đó voi Thủ tài từ xa thấy Phật liền nhe nanh đưa vòi lên, lông và tai dựng đứng lên chạy nhanh đến chỗ Phật. Thấy voi say chạy đến, các Tỳ-kheo đều kinh sợ bỏ chạy, chỉ còn một mình A-nan ở lại, Phật dùng sức từ tam muội khiến cho voi say được tỉnh, voi liền đầu mặt lễ dưới chân Phật, đưa vòi vuốt ve chân Phật, Phật duỗi tay xoa đầu nó và nói kệ:

"Thế tôn duỗi cánh tay,
Tay luân tướng mềm mại,
Xoa đầu voi giáo hóa,
Như cha dạy dỗ con.
Phật bảo voi Thủ tài:
"Đừng có khởi nghiệp ác,
Nếu còn khởi nghiệp ác,
Sẽ không sanh cõi lành.
Như voi Y-la-viên,
Như voi Bạt-đà-hòa,
Như voi Đề-la-giá,

Như voi Ê-ma-hòa,
Có loại voi hung dữ,
Voi Ngưu vương cho đến
Voi Trời đều lễ Phật,
Không buông lung đùa giỡn.
Nếu buông lung đùa giỡn,
Sẽ không sanh cõi lành,
Không buông lung đùa giỡn,
Mới được sanh cõi trời".

Nói kệ xong, Phật liền thuyết pháp chỉ dạy khiến cho voi Thủ tài được lợi hỉ rồi im lặng. Voi Thủ tài từ Phật nghe pháp rồi sanh tâm hối hận rơi nước mắt, đảnh lễ Phật hữu nhiễu rồi đi. Lúc đó tất cả dân chúng thấy việc hy hữu này rồi đều kéo đến vây quanh, Phật bảo A-nan trải tòa và lấy nước cho Phật rửa chân, Phật rửa chân rồi lên tòa ngồi nhập định, ẩn thân nơi chỗ ngồi, hiện thân trên hư không ở phương Đông, hiện bày bốn oai nghi đi đứng nằm ngồi, nhập định Hỏa quang trước tiên từ phương Đông hiện các ánh sáng xanh, vàng, đỏ, trắng, hồng; hoặc hiện thần thông như trên thân tuôn ra nước, dưới thân tuôn ra lửa, hoặc trên thân tuôn ra lửa, dưới thân tuôn ra nước. Phương Đông đã như vậy, các phương Nam, Tây, Bắc cũng hiện như vậy. Sau đó trở về chỗ ngồi, tất cả dân chúng vốn đã có tâm nhàm lìa và sợ hãi điều ác, nay được thấy thần biến này và việc Phật điều phục voi say liền sanh tâm tín kính sâu xa. Phật quán biết tâm

mọi người liền ứng cơ thuyết pháp khiến cho họ sau khi nghe pháp, có người được Noãn pháp, hoặc được Đảnh pháp, hoặc được Nhẫn pháp; có người được vơi bớt ba độc, lìa tham dục, có người được Thế đệ nhất pháp, có người đắc quả Tu-đà-hoàn, hoặc quả Tư-đà-hàm, hoặc quả A-na-hàm, có người gieo trồng nhân duyên với Thanh văn thừa, có người gieo trồng nhân duyên với Bích chi Phật thừa, có người gieo trồng nhân duyên với Phật thừa, như thế làm lợi ích cho vô lượng chúng sanh.

Do nhân duyên này nên trong ngày đó, Phật không ăn gì, lúc đó Phật nắm cánh tay của A-nan nương hư không trở về núi Kỳ-xà-quật, các Tỳ-kheo thấy Phật trở về đều đến đảnh lễ Phật rồi ngồi một bên bạch Phật: "Thật hy hữu thưa Thế tôn, lúc cấp bách sợ hãi như vậy mà A-nan không rời bỏ Phật", Phật bảo các Tỳ-kheo : "Không chỉ trong đời này lúc cấp bạch sợ hãi, A-nan đã không rời bỏ Phật mà trong quá khứ, lúc cấp bách sợ hãi A-nan cũng không rời bỏ Phật. Như lai sẽ nói bổn sanh, các thầy hãy lắng nghe: Quá khứ, gần dưới Tuyết sơn có con Nai chúa tên là Oai đức, là chúa của bầy Nai năm trăm con. Lúc đó có một thợ săn rãi lúa rồi giăng lưới dụ Nai tới bắt, Nai chúa đi trước đàn Nai nên sa lưới, Nai chúa nghĩ: "Nếu ta hiện tướng thì bầy Nai sẽ không dám ăn lúa, hãy để cho chúng ăn lúa xong, ta mới hiện tướng". Khi Nai chúa hiện tướng cho biết mình bị sa lưới thì bầy nai đều bỏ

chạy, chỉ còn một con Nai cái ở lại nói kệ:

"Đại vương nên biết,
Người giăng lưới đến,
Hãy mau nghĩ cách,
Ra khỏi lưới này"

Nai chúa nói kệ:

"Ta đang nghĩ cách,
Nhưng sức cạn kiệt,
Lưới bủa quá nhanh,
Không thể ra được".
Thấy thợ săn sắp đến gần,

Nai cái lại nói kệ:

"Đại vương nên biết,
Người giăng lưới đến,
Hãy mau nghĩ cách,
Ra khỏi lưới này".

Nai chúa nói kệ:

"Ta đang nghĩ cách,
Nhưng sức cạn kiệt,
Lưới bủa quá nhanh,
Không thể ra được".

Khi thợ săn đến nơi, Nai cái liền nói kệ:

"Ông dùng dao bén,
Giết thân tôi trước,
Sau đó hãy thả,
Cho Nai chúa đi".

Thợ săn nghe rồi, khởi tâm thương xót cho là

hy hữu, nghĩ rằng: "Súc sanh thương yêu nhau còn dám bỏ thân mạng", nghĩ rồi liền nói kệ:

"Ta không muốn giết ngươi,
Cũng không giết nai chúa,
Ta sẽ thả cả hai,
Muốn đi đâu tùy ý".

Nói rồi liền thả Nai chúa ra.

Phật bảo các Tỳ-kheo : "Nai chúa thuở xưa chính là thân ta ngày nay, bầy Nai năm trăm con thuở xưa chính là các Tỳ-kheo ngày nay.

Thuở xưa lúc cấp bách sợ hãi các thầy đã rời bỏ ta, ngày nay lúc cấp bách sợ hãi các thầy cũng rời bỏ ta mà đi. Thợ săn thuở xưa chính là voi Thủ tài ngày nay, thuở xưa đã không não hại ta, ngày nay cũng không làm hại ta. Nai cái thuở xưa chính là A-nan ngày nay, thuở xưa lúc cấp bách sợ hãi đã không rời bỏ ta, ngày nay lúc cấp bách sợ hãi cũng không rời bỏ ta". Do nhân duyên này, Phật liền nói Bổn sanh thứ hai: Quá khứ có thành Ba là nại, bên thành này có cái ao tên là Vũ thành, ao này nhiều nước nên có rất nhiều loài tụ đến ở như cá, rùa, ngỗng, nhạn, vịt… Có bầy Nhạn năm trăm con, Nhạn chúa tên là Trị quốc, lúc đó thợ săn rãi lúa rồi giăng lưới dụ chim đến bắt, Nhạn chúa bay trước nên bị sa lưới, nó liền suy nghĩ: "Nếu ta hiện tướng thì bầy Nhạn sẽ không dám ăn lúa, hãy để cho chúng ăn lúa xong, ta mới hiện tướng'. Khi Nhạn chúa hiện tướng cho biết mình bị sa lưới thì

bầy Nhạn liền bay bỏ đi hết, chỉ còn một con Nhạn đại thần tên là Tô ma ở lại. Nhạn chúa nói với Tô ma: "Ta cho người làm vua, ngươi hãy bay trước bầy Nhạn", Tô ma nói không thể được, Nhạn chúa hỏi vì sao, Tô ma liền nói kệ:

"Tôi nguyện theo vua,
Sống chết không đổi,
Thà chết cùng vua,
Hơn sống xa nhau.
Đại vương nên biết,
Người giăng lưới đến,
Hãy mau nghĩ cách,
Ra khỏi lưới này".

Nhạn chúa nói kệ:

"Ta đang nghĩ cách,
Nhưng sức cạn kiệt,
Lưới bủa quá nhanh,
Không thể ra được".

Thấy người giăng lưới gần đến, Nhạn Tô-ma nói kệ:

"Đại vương nên biết,
Người giăng lưới đến,
Hãy mau nghĩ cách,
Ra khỏi lưới này".

Nhạn chúa nói kệ:

"Ta đang nghĩ cách,
Nhưng sức cạn kiệt,
Lưới bủa quá nhanh,

Không thể ra được".

Khi người giăng lưới đến, Nhạn Tô-ma liền nói kệ:

"Lông, thịt của Đại vương,
Không khác gì với tôi,
Hãy cầm dao giết tôi,
Thả vua, đừng làm hại".

Thợ săn nghe rồi, khởi tâm thương xót cho là hy hữu, nghĩ rằng: "Súc sanh thương yêu nhau còn dám bỏ thân mạng", nghĩ rồi liền nói: "Ta không giết ai cả, ta sẽ thả cả hai, tùy ý muốn đi đâu thì đi", nói rồi liền thả Nhạn chúa ra. Hai con Nhạn này bay đi một đoạn liền nói với nhau: "Thợ săn này làm việc hy hữu, đã cho chúng ta mạng sống, nếu ông ta giết một mạng trước, kế giết thêm một mạng thì ai ngăn cản được. Chúng ta nên đem vật dụng đã có báo đáp cho ông ta". Thợ săn thấy Nhạn bay trở lại liền hỏi: "Hai ngươi không bay được sao?", đáp: "Bay được, chỉ là thợ săn như ông đã làm việc hy hữu, đã cho chúng ta mạng sống, nếu ông ta giết một mạng trước, kế giết thêm một mạng thì ai ngăn cản được. Chúng tôi muốn đem vật dụng đã có báo đáp cho ông", thợ săn nói: "Hai ngươi là súc sanh, có vật dụng gì mà báo đáp", đáp: "Ở nước Ba-la-nại có vua tên là Phạm đức, ông mang chúng tôi đến đó cho", thợ săn nói: "Họ sẽ hại hai ngươi, vì sao lại mang đến đó cho", đáp: "Ông đừng cột trói chúng tôi, chỉ mang đến đó cho

rồi đi". Thợ săn để hai con Nhạn trên hai vai rồi đi, do Nhạn xinh đẹp nên mọi người ưa thích, có người đưa năm tiền, có người đưa mười tiền, có người đưa hai mươi tiền để đổi lấy Nhạn, Nhạn nói: "Đừng đổi, tiền của những người này so với đến trong cung vua thì ông sẽ được nhiều hơn". Đến cung vua, Nhạn chúa nói với người giữ cửa: "Ông hãy vào tâu vua là có Nhạn chúa Trị quốc đang ở ngoài cửa xin được gặp vua", người giữ cửa vào tâu, vua cho vào, Nhạn chúa dùng kệ hỏi vua:

"Long thể an ổn không,
Đất nước phồn thịnh không,
Như pháp dạy dân không,
Trị nước bình đẳng không?".

Vua nói kệ:

"Ta thường được an ổn,
Đất nước luôn phồn thịnh,
Dùng pháp giáo hóa dân,
Bình đẳng, không thiên vị".

Đối đáp như thế đến năm trăm bài kệ, lúc đó vua Phạm đức suy nghĩ: "Nhạn chúa thật thông minh", thấy Nhạn Tô ma im lặng, vua hỏi: "Vì sao ngươi im lặng?", Tô ma đáp: "Bệ hạ là vua một nước, Nhạn chúa là vua của nước Pha trạch, hai vua cùng nói chuyện, thần dám đâu thất lễ", vua cho là hiền thần liền nói: "Ta có khu vườn đẹp, khanh hãy đến đó ở, các loài chim sẽ tụ họp đến, ta sẽ làm ao hồ và cho chúng ăn thức ăn mà chúng

thích, được không?", đáp: "Không được", vua hỏi vì sao, đáp: "Lúc thức hay ngủ, nếu Bệ hạ quên sẽ ra lịnh làm thịt Nhạn, nếu người đầu bếp không bắt được Nhạn khác, ắt sẽ bắt giết chúng tôi". Khi Nhạn chúa vào trong cung vua, các Nhạn khác cũng bay từ ao Vũ thành đến, đậu trên cung điện của vua và cất tiếng hót bi thương, rũ đôi cánh ướt làm dơ cung điện. Vua ngạc nhiên hỏi: "Các chim này từ đâu đến?", Nhạn chúa nói: "Chúng là quyến thuộc của tôi", vua hỏi: "Ngươi muốn đi phải không?", đáp là muốn đi, vua hỏi: "Người có cần gì không?", Nhạn chúa nói: "Thợ săn này đã làm việc hy hữu, đã cho chúng tôi mạng sống, nếu ông ta giết một mạng trước, kế giết thêm một mạng thì ai ngăn cản được. Chúng ta muốn xin ít tài vật như vàng bạc, y thực để báo đáp cho ông ta", nói xong liền bay đi."

Phật bảo các Tỳ-kheo : "Nhạn chúa thuở xưa chính là thân ta ngày nay, bầy Nhạn năm trăm con thuở xưa chính là các Tỳ-kheo ngày nay. Thuở xưa lúc cấp bách sợ hãi các thầy đã rời bỏ ta, ngày nay lúc cấp bách sợ hãi các thầy cũng rời bỏ ta mà đi. Thợ săn thuở xưa chính là voi Thủ tài ngày nay, thuở xưa đã không não hại ta, ngày nay cũng không làm hại ta. Vua Phạm đức thuở xưa chính là vua Tịnh phạn ngày nay. Nhạn Tô-ma thuở xưa chính là A-nan ngày nay, thuở xưa lúc cấp bách sợ hãi đã không rời bỏ ta, ngày nay lúc cấp bách sợ hãi cũng

không rời bỏ ta". Do nhân duyên này Phật lại nói Bổn sự thứ ba: Quá khứ, gần dưới Tuyết sơn có một Sư tử chúa là vua của đàn Sư tử năm trăm con. Về già, do mắt mờ suy yếu nên Sư tử chúa sa vào cái giếng khô, đàn Sư tử đi sau đều bỏ đi hết. Cách cái giếng khô này không xa có một con dã can thấy việc này rồi liền suy nghĩ: "Ta được sống an lạc trong rừng này và có thịt ăn đầy đủ đều là nhờ Sư tử chúa này, nay Sư tử chúa gặp nạn ta nên nghĩ cách báo đáp", gần giếng khô có một ngòi nước chảy, dã can tìm cách làm cho ngòi nước này chảy vào giếng, nước đầy giếng làm cho sư tử nổi lên. Thần cây rừng thấy việc này rồi liền nói kệ:

"Tuy thân rất dõng mãnh,
Nhưng làm bạn kẻ yếu,
Dã can này cứu sống,
Sư tử chúa lâm nạn".

Phật bảo các Tỳ-kheo : "Sư tử chúa thuở xưa chính là thân ta ngày nay, năm trăm Sư tử thuở xưa chính là các Tỳ-kheo ngày nay. Thuở xưa lúc cấp bách sợ hãi các thầy đã rời bỏ ta, ngày nay lúc cấp bách sợ hãi các thầy cũng rời bỏ ta mà đi. Dã can thuở xưa chính là A-nan ngày nay, thuở xưa vì thương mến đã không rời bỏ ta, ngày nay vì thương mến cũng không rời bỏ ta".

-oOo-

LUẬT THẬP TỤNG

QUYỂN 37 TẠP TỤNG (Tiếp Theo)

I. VIỆC CỦA ĐIỀU ĐẠT (Tiếp Theo):

Phật tại thành Vương xá trong núi Phương hắc thạch thánh cùng bảy trăm vị Tỳ-kheo, lúc đó vào trước giờ ngọ, Phật đắp y mang bát với A-nan theo sau cùng vào thành khất thực, thọ thực xong, Phật đến giảng đường trải tòa ngồi trước chúng tăng. Điều-đạt cũng vậy, trước giờ ngọ đắp y mang bát với Ca-lưu-la-đề-xá theo sau cùng vào thành khất thực, thọ thực xong cũng đến trong giảng đường theo thứ lớp ngồi xong, Điều-đạt liền xướng rằng: "Tỳ-kheo nên trọn đời thọ mặc nạp y, trọn đời thọ pháp khất thực, trọn đời thọ pháp ăn một bữa, trọn đời thọ pháp ngồi nơi đất trống, trọn đời thọ pháp đoạn nhục. có năm pháp này tùy thuận hạnh thiểu dục tri túc, dễ nuôi dưỡng, dễ đầy đủ, biết thời, biết lượng. Tỳ-kheo nào thọ trì có năm pháp này sẽ mau được Niết-bàn". Lúc đó Điều-đạt phi pháp nói là pháp, pháp nói là phi pháp, phi luật nói là luật, luật nói là phi luật, phạm nói là không phạm, không phạm nói là phạm, tội khinh nói là trọng, tội trọng nói là khinh, tội vô tàn nói là Hữu tàn, tội Hữu tàn

nói là Vô tàn, pháp thường sở hành nói là không phải pháp thường sở hành, không phải pháp thường sở hành nói là pháp thường sở hành, phi thuyết nói là thuyết, thuyết nói là phi thuyết. Lúc đó Phật khuyên Điều-đạt: "Thầy chớ tìm cách phá hòa hợp Tăng, chớ thọ trì việc phá Tăng, phải cùng Tăng hòa hợp, Tăng hòa hợp thì an vui không tranh cải, nhất tâm cùng học như nước hòa với sữa được an lạc trụ. Thầy chớ có phi pháp nói là pháp, pháp nói là phi pháp, phi luật nói là luật, luật nói là phi luật, phạm nói là không phạm, không phạm nói là phạm, tội khinh nói là trọng, tội trọng nói là khinh, tội vô tàn nói là Hữu tàn, tội Hữu tàn nói là Vô tàn, pháp thường sở hành nói là không phải pháp thường sở hành, không phải pháp thường sở hành nói là pháp thường sở hành, phi thuyết nói là thuyết, thuyết nói là phi thuyết". Sau khi nghe Phật khuyên như vậy, Điều-đạt vẫn không chịu từ bỏ việc nhân duyên phá tăng này. Lúc đó Ca-lưu-la-đề-xá đứng quạt hầu cho Điều-đạt liền trịch bày vai hữu chắp tay bạch Phật: "Như Phật khen ngợi công đức của hạnh đầu đà, thượng nhân Điều-đạt cũng khen ngợi hạnh đầu đà, vì sao Phật lại sanh tâm tật đố", Phật nói: "Này người ngu si, Như lai có tâm tật đố gì. Chư Phật quá khứ khen ngợi thọ mặc nạp y, cho thọ mặc nạp y; Ta cũng khen ngợi thọ mặc nạp y, cho thọ mặc nạp y, cũng cho thọ mặc y của cư sĩ cúng. Này người ngu si, Chư Phật quá khứ

khen ngợi pháp khất thực, cho thọ pháp khất thực; Ta cũng khen ngợi pháp khất thực, cho thọ pháp khất thực, cũng cho thọ thỉnh thực. Này người ngu si, Chư Phật quá khứ khen ngợi pháp ăn một bữa, cho thọ pháp ăn một bữa; Ta cũng khen ngợi pháp ăn một bữa, cho thọ pháp ăn một bữa, cũng cho tho pháp ăn dư, được ăn thêm nữa. Này người ngu si, Chư Phật quá khứ khen ngợi pháp ngồi nơi đất trống, cho thọ pháp ngồi nơi đất trống; Ta cũng khen ngợi pháp ngồi nơi đất trống, cho thọ pháp ngồi nơi đất trống, cũng cho thọ phòng xá để ở. Này người ngu si, Ta không cho ăn ba loại thịt bất tịnh, đó là thấy hoặc nghe hoặc nghi. Sao gọi là thấy?: Tức là tự mình thấy con vật vì mình mà bị giết; sao gọi là nghe?: Tức là ở bên người đáng tin nghe nói rằng: Con vật này vì ông mà bị giết; sao gọi là nghi?: Tức là có nhân duyên nên sanh nghi, như ở nơi đó không có đồ tễ, không có con vật tự chết, chủ nhà này có tâm ác cố ý vì ta mà giết hại chúng. Ba loại thịt bất tịnh như thế đều không được ăn, nhưng Ta cho ăn ba loại thịt thanh tịnh, đó là không thấy, không nghe, không nghi. Sao gọi là không thấy?: Tức là mất mình không nhìn thấy con vật kia bị giết; sao gọi là không nghe?: Tức là ở bên người đáng tin không nghe nói con vật này vì mình mà bị giết; sao gọi là không nghi ?: Tức là biết rõ ở chỗ đó không có đồ tễ, trong nhà có con vật tự chết, chủ nhà này lương thiện không cố ý vì

mình mà giết hại súc vật cho nên không sanh nghi. Ba loại thịt thanh tịnh này được ăn; lại nữa, thịt cúng trong miếu thờ trời, thịt của con voi chạy quá sức, thịt của con ngựa chạy quá sức, thịt của con chim bay quá sức, thịt cúng Thiểm-ma-bà-la-tát, thịt cúng Ni-la-già-la, thịt cúng phi nhơn… các loại thịt này đều là bất tịnh, Sa-môn Thích tử không được ăn", Phật nói xong liền đứng dậy trở về trong thất tọa thiền.

Lúc đó Điều-đạt nói: "Ta là Điều-đạt ở trong Tăng xướng rằng: "Tỳ-kheo nên trọn đời thọ mặc nạp y, trọn đời thọ pháp khất thực, trọn đời thọ pháp ăn một bữa, trọn đời thọ pháp ngồi nơi đất trống, trọn đời thọ pháp đoạn nhục". Tỳ-kheo nào ưa thích thọ trì có năm pháp này thì đứng dậy lấy thẻ", xướng xong, Điều-đạt và bốn bạn đảng đứng dậy lấy thẻ. Điều-đạt lại xướng lần thứ hai: "Ta là Điều-đạt ở trong Tăng xướng rằng: Tỳ-kheo nên trọn đời thọ mặc nạp y, trọn đời thọ pháp khất thực, trọn đời thọ pháp ăn một bữa, trọn đời thọ pháp ngồi nơi đất trống, trọn đời thọ pháp đoạn nhục". Tỳ-kheo nào ưa thích thọ trì có năm pháp này thì đứng dậy lấy thẻ", xướng lần thứ hai xong, có hai trăm năm mươi Tỳ-kheo từ chỗ ngồi đứng dậy lấy thẻ. Điều-đạt lại xướng lần thứ ba: "Ta là Điều-đạt ở trong Tăng xướng rằng: "Tỳ-kheo nên trọn đời thọ mặc nạp y, trọn đời thọ pháp khất thực, trọn đời thọ pháp ăn một bữa, trọn đời thọ pháp ngồi nơi

đất trống, trọn đời thọ pháp đoạn nhục". Tỳ-kheo nào ưa thích thọ trì có năm pháp này thì đứng dậy lấy thẻ", xướng lần thứ ba xong, có thêm hai trăm năm mươi Tỳ-kheo đứng dậy lấy thẻ. Lúc đó Điều-đạt dẫn năm trăm Tỳ-kheo này trở về trú xứ của mình, lập lại pháp chế như sau: "Tỳ-kheo nên trọn đời thọ mặc nạp y, trọn đời thọ pháp khất thực, trọn đời thọ pháp ăn một bữa, trọn đời thọ pháp ngồi nơi đất trống, trọn đời thọ pháp đoạn nhục. Tỳ-kheo nào không ưa thích thọ trì có năm pháp này thì người ấy xa cách với chúng ta, khác biệt với chúng ta, chúng ta không cùng nói chuyện".

Xế trưa, Phật xuất định ra khỏi thất đến trong chúng bảo các Tỳ-kheo rằng: "Điều-đạt bị tám pháp tà che lấp tâm nên bất giác phá Tăng, đó là: Lợi, suy, hủy, dự, xưng, cơ, khổ, lạc, tri thức ác, bạn đảng xấu". Lúc đó Điều-đạt nghe Phật nói mình phá hòa hợp Tăng và hoại chuyển pháp luân, liền vui mừng nghĩ rằng: "Sa-môn Cù đàm có đại thần thông thế lực mà ta có thể phá hòa hợp Tăng. Tiếng tăm của ta sẽ lan truyền khắp bốn phương là Sa-môn Cù đàm có đại thần thông thế lực mà Điều-đạt có thể phá hòa hợp tăng". Do nghĩ như vậy, Điều-đạt làm giống như Phật, khi Phật ngồi trong Tăng, bên phải có Xá-lợi-phất, bên trái có Đại Mục-kiền-liên; Điều-đạt cũng vậy, bên phải có Ca-lê, bên trái có Ca-lưu-la-đề-xá. Lúc đó Xá-lợi-phất và Đại Mục-kiền-liên bạch Phật: "Thế tôn, chúng

con đến trong chúng của Điều-đạt, nếu có người nào có thể giáo hóa thì sẽ khai đạo dẫn dắt họ trở về", Phật nói tùy ý. Xá-lợi-phất và Đại Mục-kiền-liên liền đi đến chỗ của Điều-đạt, có một Tỳ-kheo nhìn thấy liền khóc lớn tợ như khúc cây chuyển, nghĩ rằng: "Đời ác như thế, hai tôn giả Xá-lợi-phất và Đại Mục-kiền-liên cũng bỏ Phật đến với Điều-đạt". Phật thấy Tỳ-kheo này khóc tuy biết nhưng vẫn nguyên do vì sao lại khóc, Tỳ-kheo bạch rõ nguyên do, Phật nói: "Này Tỳ-kheo, nếu hai tôn giả Xá-lợi-phất và Đại Mục-kiền-liên rời bỏ ta để tìm người trí Tuệ khác thì không có lý đó", Tỳ-kheo nghe rồi tâm sanh hoan hỉ nói rằng: "Nếu hai tôn giả Xá-lợi-phất và Đại Mục-kiền-liên rời bỏ Phật để tìm người trí Tuệ khác thì không có lý đó". Lúc đó Điều-đạt từ xa thấy Xá-lợi-phất và Đại Mục-kiền-liên đi đến, vui mừng nghĩ rằng: "Hai đại đệ tử của Sa-môn Cù đàm nay trở thành quyến thuộc của ta", do nghĩ như vậy nên giống như Phật, khi thấy Xá-lợi-phất và Đại Mục-kiền-liên đến, Phật đưa tay phải ra nói rằng: "Thiện lai Xá-lợi-phất, Đại Mục-kiền-liên", Điều-đạt cũng đưa tay phải ra và nói giống như Phật nói. Điều-đạt bảo Ca-lê nhường chỗ bên phải cho Xá-lợi-phất ngồi và bảo Ca-lưu-la-đề-xá nhường chỗ bên trái cho Đại Mục-kiền-liên ngồi, giống như Phật ở trong chúng bảo Xá-lợi-phất và Đại Mục-kiền-liên: "Hai thầy hãy thuyết pháp cho các Tỳ-kheo, ta đau lưng muốn

nghỉ một lát"; Điều-đạt cũng ở trong chúng này nói với Xá-lợi-phất và Đại Mục-kiền-liên giống như Phật đã nói. Giống như Phật trải Uất-đa-la-tăng bốn lớp, lấy Tăng-già-lê làm gối rồi nằm nghiêng hông bên phải; Điều-đạt cũng làm giống như Phật đã làm. Lúc đó có thiên thần tín kính Phật dùng thần lực khiến cho Điều-đạt lúc ngủ nằm nghiêng về bên trái, nói sảng, duỗi chân tay, nghiến răng ra tiếng. Xá-lợi-phất nhân dịp này thuyết pháp cho các Tỳ-kheo, dùng đủ lời khen ngợi Phật pháp tăng và giới, lại dùng đủ lời quở trách tội lỗi và phần ác đạo của Điều-đạt sẽ đọa vào địa ngục A-tỳ trong một kiếp không cứu được. Còn Đại Mục-kiền-liên thì nhập định, ẩn thân ngay nơi chỗ ngồi hiện thân trong hư không ở phương Đông, thị hiện bốn oai nghi đi đứng nằm ngồi rồi nhập định Hỏa quang, trước tiên từ phương Đông hiện các ánh sáng xanh, vàng, đỏ, trắng, hồng; hoặc hiện biến thần thông như trên thân tuôn ra nước, dưới thân tuôn ra lửa, hoặc trên thân tuôn ra lửa, dưới thân tuôn ra nước. Phương Đông đã như vậy, các phương Nam, Tây, Bắc cũng hiện như vậy. Hiện thần biến xong mới trở về chỗ ngồi. Năm trăm Tỳ-kheo trong chúng này nghe pháp và thấy thần thông lực này rồi liền suy nghĩ: "Chúng ta sai lầm, sa vào ác đạo rồi sao". Lần thứ hai, Xá-lợi-phất lại thuyết pháp cho các Tỳ-kheo, dùng đủ lời khen ngợi Phật pháp tăng và giới, lại dùng đủ lời quở trách tội lỗi và phần ác

đạo của Điều-đạt sẽ đọa vào địa ngục A-tỳ trong một kiếp không cứu được. Đại Mục-kiền-liên lần thứ hai cũng nhập định và hiện thần biến giống như trên. Năm trăm Tỳ-kheo này nghe pháp và thấy thần thông lực này lần thứ hai liền suy nghĩ: "Chúng ta đang ở trong tà đạo hay sao". Lần thứ ba, Xá-lợi-phất lại thuyết pháp giống như trên và Đại Mục-kiền-liên cũng hiện thần biến giống như trên. Năm trăm Tỳ-kheo này nghe pháp và thấy thần thông lực này lần thứ ba liền suy nghĩ: "Chúng ta thật đã sai lầm, nhất định đã sa vào tà đạo". Do suy nghĩ như vậy nên khi thấy Xá-lợi-phất và Đại Mục-kiền-liên đứng dậy đi, năm trăm Tỳ-kheo này cũng đứng dậy đi theo, cùng về đến chỗ Phật đảnh lễ rồi ngồi một bên.

Lúc đó ở chỗ Điều-đạt, giảng đường trống không, chỉ còn bốn bạn đảng của Điều-đạt ở lại. Ca-lưu-la-đề-xá trước kia ngồi bên trái Điều-đạt, do Điều-đạt bảo nhường chỗ cho Đại Mục-kiền-liên nên nhân dịp này dùng chân đạp Điều-đạt khiến cho tỉnh giấc, nói rằng: "Này Điều-đạt ưa thích đồ chúng kia, Xá-lợi-phất và Đại Mục-kiền-liên đã đoạt đồ chúng của thầy đi mất rồi". Điều-đạt tỉnh giấc thấy giảng đường trống không liền bất tỉnh ngã xuống giường, bốn người bạn đảng này tưới nước cho tỉnh lại. Điều-đạt tỉnh lại suy nghĩ: "Ta thuộc dòng họ Thích, là đại nhân Cù đàm, không thể khuất phục theo Phật được nữa", nghĩ

rồi nói với bốn Tỳ-kheo rằng: "Trước đây có pháp ngoại đạo đã mai một, nay ta sẽ phát huy làm cho rạng ngời trở lại và trụ trong pháp đó. Các thầy nên biết, từ nay ta không thuộc về quyến thuộc của Sa-môn Cù đàm nữa", khi Điều-đạt nói lời này liền gọi là xả giới.

Lúc đó các Tỳ-kheo bạch Phật: "Thật hy hữu thưa Thế tôn, tôn giả Xá-lợi-phất và Đại Mục-kiền-liên cầu được dịp thuận tiện nơi chỗ Điều-đạt, liền được dịp thuận tiện", Phật nói: "Không chỉ đời này họ được dịp thuận tiện nơi chỗ Điều-đạt, mà trong quá khứ cũng được dịp thuận tiện như vậy. Các thầy lắng nghe Như lai nói nhân duyên bổn sanh:

Quá khứ, có một thầy dạy bắn cung, do có nhiều đệ tử nên nghĩ rằng: "Ta sẽ gả con gái cho người đệ tử giỏi nhất trong các đệ tử, còn cho xe tứ mã, cương ngựa bằng vàng, ngàn mũi tên và ngàn tiền vàng". Thời gian sau nhận biết được người đệ tử giỏi nhất trong các đệ tử, ông liền gả con gái cho người ấy, lại cho thêm xe tứ mã… ngàn tiền vàng. Người đệ tử này chở vợ trên xe tứ mã trở về trú xứ của mình, giữa đường gặp giặc. Những người đã gặp giặc liền nói với người đệ tử này rằng: "Đường này có ngàn tên giặc cướp, anh đừng đi theo đường này, sẽ bị giặc não hại", nhưng người đệ tử này khởi tâm kiêu mạn, ỷ mình có kỹ năng nên vẫn đi theo đường này và bị ngàn tên giặc này chận đường cướp tài vật. Người chồng nói với vợ: "Nàng đến

chỗ chúa giặc xin lại phần vật thực", người vợ liền đến nói như lời chồng bảo, chúa giặc nghe rồi suy nghĩ: "Người này sai sứ đến nói như vậy chắc là không sợ, ta nên cho lại phần vật thực'. chúa giặc lại lo buồn suy nghĩ: "Chúng ta sống bằng nghề này, sao không giết chết người chồng, đoạt lấy vợ của hắn làm vợ, đoạt luôn cả xe tứ mã… ngàn tiền vàng của hắn", nghĩ rồi liền nói: "Nàng hãy đi đi, ta không cho lại phần vật thực đâu", người vợ liền trở lại nói cho chồng biết, người chồng nói: "Nàng hãy đến nói rằng: Nếu không cho lại vật thực thì hãy trang bị vũ khí đến đánh nhau", người vợ theo lời chồng đến nói với chúa giặc, chúa giặc cho một trăm người đến đánh, người chồng bắn một trăm mũi tên giết chết hết một trăm tên cướp, như thế lần lượt giết chết chín trăm chín mươi chín tên cướp, chỉ còn lại một mũi tên để giết tên chúa giặc. Chúa giặc lúc đó suy nghĩ: "Ta sống bằng nghề này, một người giết ngàn người", nghĩ rồi liền cầm giáo và cung tên đến để đánh nhau, cả hai đều là thiện xạ nên đều tìm dịp thuận tiện lẫn nhau. Người chồng này suy nghĩ: "Ta làm sao tìm được dịp thuận tiện từ nơi người kia", nghĩ rồi liền bảo vợ: "Nàng hãy đứng ra xa một chút rồi ở chỗ đó ca múa uốn éo thân mình, làm cho đồ trang sức phát ra tiếng", người vợ liền làm theo lời người chồng, chúa giặc do thấy nghe việc này nên động tâm, người chồng được dịp thuận tiện liền bắn mũi tên

cuối cùng giết chết chúa giặc."

Phật bảo các Tỳ-kheo: "Vị thầy dạy bắn cung thuở xưa chính là thân ta ngày nay, người đệ tử giỏi nhất thuở xưa chính là Xá-lợi-phất ngày nay, người vợ chính là Đại Mục-kiền-liên ngày nay, chúa giặc chính là Điều-đạt ngày nay. Thuở xưa hai vợ chồng này cầu được dịp thuận tiện liền được dịp thuận tiện; ngày nay cũng cầu được dịp thuận tiện liền được dịp thuận tiện".

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó Trưởng lão Ưu-ba-ly bạch Phật: "Thế tôn, nói về phá Tăng thì thế nào gọi là phá Tăng, có mấy loại gọi là phá tăng?", Phật nói: "Này Ưu-ba-ly, có mười bốn việc phá Tăng, nếu dùng một trong mười bốn việc này liền gọi là phá Tăng, đó là: Phi pháp nói là pháp, pháp nói là phi pháp, phi luật nói là luật, luật nói là phi luật, phạm nói là không phạm, không phạm nói là phạm, tội khinh nói là trọng, tội trọng nói là khinh, tội vô tàn nói là Hữu tàn, tội Hữu tàn nói là Vô tàn, pháp thường sở hành nói không phải là pháp thường sở hành, không phải pháp thường sở hành nói là pháp thường sở hành, phi thuyết nói là thuyết, thuyết nói là phi thuyết.

Trong đây nếu phi pháp nói là pháp thì phạm Thâu-lan-giá, pháp nói là phi pháp cũng phạm Thâu-lan-giá, phi luật nói là luật cũng phạm Thâu-lan-giá, luật nói là phi luật cũng phạm Thâu-lan-giá, phạm nói là không phạm cũng phạm Thâu-lan-

giá, không phạm nói là phạm cũng phạm Thâu-lan-giá, tội khinh nói là trọng cũng phạm Thâu-lan-giá, tội trọng nói là khinh cũng phạm Thâu-lan-giá, tội vô tàn nói là Hữu tàn cũng phạm Thâu-lan-giá, tội Hữu tàn nói là Vô tàn cũng phạm Thâu-lan-giá, pháp thường sở hành nói không phải là pháp thường sở hành cũng phạm Thâu-lan-giá, không phải pháp thường sở hành nói là pháp thường sở hành cũng phạm Thâu-lan-giá, phi thuyết nói là thuyết cũng phạm Thâu-lan-giá, thuyết nói là phi thuyết cũng phạm Thâu-lan-giá.

Nếu Tỳ-kheo phi pháp nói là pháp rồi dùng phi pháp này giáo hóa đồ chúng, chiết phục đồ chúng để phá hòa hợp Tăng, phá hòa hợp Tăng rồi liền phạm đại tội, phạm đại tội rồi liền bị đọa vào địa ngục A-tỳ trong một kiếp. Như thế cho đến pháp nói là phi pháp, phi luật nói là luật, luật nói là phi luật, phạm nói là không phạm, không phạm nói là phạm, tội khinh nói là trọng, tội trọng nói là khinh, tội vô tàn nói là Hữu tàn, tội Hữu tàn nói là Vô tàn, pháp thường sở hành nói là không phải pháp thường sở hành, không phải pháp thường sở hành nói là pháp thường sở hành, phi thuyết nói là thuyết, thuyết nói là phi thuyết. Tỳ-kheo dùng mười bốn phi pháp này giáo hóa đồ chúng… đọa vào địa ngục A-tỳ trong một kiếp. Này Ưu-ba-ly, mười bốn việc này gọi là phá Tăng, tùy dùng một việc trong mười bốn việc này đều gọi là phá tăng.

Tỳ-kheo ở trong phi pháp khởi tưởng là phi pháp, trong nhân duyên phá Tăng khởi phi pháp kiến biết việc phá Tăng là phi pháp, nếu dùng tâm này phá Tăng thì phạm tội nghịch. Tỳ-kheo ở trong phi pháp khởi tưởng là phi pháp, trong nhân duyên phá Tăng sanh nghi, dùng tâm này phá Tăng cũng phạm tội nghịch.

Tỳ-kheo ở trong phi pháp khởi tưởng là pháp, trong nhân duyên phá Tăng khởi cái thấy biết cho là pháp thì người này không phạm tội nghịch. Tỳ-kheo ở trong phi pháp khởi tưởng là pháp, trong nhân duyên phá Tăng sanh nghi thì người này không phạm tội nghịch".

Trưởng lão Ưu-ba-ly lại hỏi: "Thế tôn, thế nào gọi là hòa hợp Tăng?", Phật nói: "Đối với mười bốn việc phá Tăng trên, nếu đoạn trừ được thì gọi là hòa hợp Tăng, tức là phi pháp nói là phi pháp, pháp nói là pháp, phi luật nói là phi luật, luật nói là luật, phạm nói là phạm, không phạm nói là không phạm, tội khinh nói là tội khinh, tội trọng nói là tội trọng, tội Vô tàn nói là Vô tàn, tội Hữu tàn nói là Hữu tàn, pháp thường sở hành nói là pháp thường sở hành, không phải pháp thường sở hành nói là không phải pháp thường sở hành, phi thuyết nói là phi thuyết, thuyết nói là thuyết.

Nếu Tỳ-kheo phi pháp nói là phi pháp, pháp nói là phi pháp rồi dùng lời này để giáo hóa đồ chúng, chiết phục đồ chúng, làm cho Tăng bị phá được

hòa hợp trở lại thì Tỳ-kheo này vĩnh viễn được thọ phước lạc trên cõi trời. Như thế cho đến phi luật nói là luật, luật nói là phi luật, phạm nói là không phạm, không phạm nói là phạm, tội khinh nói là trọng, tội trọng nói là khinh, tội vô tàn nói là Hữu tàn, tội Hữu tàn nói là Vô tàn, pháp thường sở hành nói là không phải pháp thường sở hành, không phải pháp thường sở hành nói là pháp thường sở hành, phi thuyết nói là thuyết, thuyết nói là phi thuyết. Nếu Tỳ-kheo dùng mười bốn việc này để giáo hóa đồ chúng… thì Tỳ-kheo này vĩnh viễn được thọ thiên lạc. Tỳ-kheo nào tùy dùng một trong mười bốn việc này để làm cho Tăng hòa hợp thì Tỳ-kheo ấy vĩnh viễn được thọ thiên lạc.

Này Ưu-ba-ly, một Tỳ-kheo không thể phá hòa hợp Tăng, cho đến hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy, tám Tỳ-kheo cũng không thể phá hòa hợp Tăng. Phải ít nhất chín Tỳ-kheo thanh tịnh đồng kiến mới có thể phá hòa hợp Tăng. Này Ưu-ba-ly, một Tỳ-kheo-ni cho đến chín Tỳ-kheo-ni thanh tịnh đồng kiến cũng không thể phá hòa hợp Tăng. Như thế một Thức-xoa-ma-na, một Sa di, một Sa-di-ni, một người xuất gia, một xuất gia ni… cho đến chín người thanh tịnh đồng kiến cũng đều không thể phá hòa hợp Tăng . Này Ưu-ba-ly, có hai nhân duyên gọi là phá hòa hợp Tăng: Một là xướng nói, hai là lấy thẻ. Xướng nói là như Điều-đạt ở trong Tăng xướng nói Ba-lần câu: "Ta là Điều-đạt nay ở trong Tăng nói

có năm pháp như sau…"; lấy thẻ là như Điều-đạt xướng lần thứ nhất xong, tự mình và bốn bạn đảng đứng lên lấy thẻ…".

Trưởng lão Ưu-ba-ly lại hỏi: "Thế tôn, Tỳ-kheo bị tẫn xuất có thể phá Tăng không, người tùy thuận Tỳ-kheo bị tẫn, người trợ giúp người tùy thuận Tỳ-kheo bị tẫn; hoặc Tỳ-kheo làm pháp tẫn, người tùy thuận Tỳ-kheo làm pháp tẫn, người trợ giúp người tùy thuận Tỳ-kheo làm pháp tẫn; hoặc Tỳ-kheo đại Trưởng lão, người tùy thuận Tỳ-kheo đại Trưởng lão, người trợ giúp Tỳ-kheo đại Trưởng lão… đều có thể phá Tăng không?", Phật nói: "Tất cả các Tỳ-kheo đều có thể phá Tăng, trừ Tỳ-kheo bị tẫn".

II. PHÁP TẠP:

1. Hai Mươi Pháp Tạp Đầu:

Phật tại thành Vương xá, lúc đó Lục quần Tỳ-kheo dùng cây gỗ cọ xát thân, các cư sĩ thấy liền quở trách: "Sa-môn Thích tử tự xưng là bậc hiền thiện có đức mà lại dùng cây gỗ cọ xát thân, giống như vua, Đại-thần", các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật bảo các Tỳ-kheo: "Từ nay không được dùng cây gỗ cọ xát thân, nếu dùng thì phạm Đột-kiết-la". Các Tỳ-kheo lại dùng miếng gỗ tròn cọ xát thân, Phật bảo: "Từ nay không được dùng miếng gỗ tròn cọ xát thân, nếu dùng thì phạm Đột-kiết-la".

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó Lục quần Tỳ-kheo

khi tắm dùng dao cạo cạo lông trên người, các cư sĩ thấy liền quở trách: "Sa-môn Thích tử tự xưng là bậc hiền thiện có đức mà lại dùng dao cạo cạo lông trên người, giống như vua, Đại-thần", các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật bảo các Tỳ-kheo : "Từ nay khi tắm không được dùng dao cạo cạo lông trên người, nếu cố ý làm thì phạm Đột-kiết-la". Lúc đó có Tỳ-kheo tên là Cương kỳ la, trên người có nhiều lông, khi tắm xong, nước dính trên lông làm cho y bị ẩm ướt nên mục rách, thân thể hôi hám, nên đến bạch Phật xin được cạo lông, Phật cho.

Lúc đó Lục quần Tỳ-kheo dùng hương xoa thân, các cư sĩ quở trách: "Sa-môn Thích tử tự xưng là bậc hiền thiện có đức mà lại dùng hương xoa thân, giống như vua đại thần", Phật bảo: "Từ nay không cho dùng hương xoa thân, nếu dùng thì phạm Đột-kiết-la". Sau đó Lục quần Tỳ-kheo lại dùng lòng bàn tay cọ xát thân, các cư sĩ thấy liền quở trách: "Sa-môn Thích tử tự xưng là bậc hiền thiện có đức mà lại dùng lòng bàn tay cọ xát thân như vua đại thần", Phật bảo: "Từ nay không được dùng lòng bàn tay cọ xát thân, nếu dùng thì phạm Đột-kiết-la". Chưởng có hai là lòng bàn tay và lòng bàn chân, dùng lòng bàn tay cọ xát thân thì phạm Đột-kiết-la, dùng lòng bàn chân cọ xát thân cũng phạm Đột-kiết-la.

Lúc đó Lục quần Tỳ-kheo đến chỗ cây cột để

cọ xát thân, Phật bảo: "Từ nay không được đến chỗ cây cột để cọ xát thân, nếu làm như thế thì phạm Đột-kiết-la". Sau đó Lục quần Tỳ-kheo lại đến bên vách cọ xát thân, Phật bảo: "Từ nay không được đến bên vách cọ xát thân, nếu làm như thế thì phạm Đột-kiết-la".

Phật tại nước Ca-tỳ-la-vệ, lúc đó Thích Ma-nam thỉnh Phật và Tăng vào ngày mai thọ thực, Phật im lặng nhận lời, cư sĩ biết Phật đã nhận lời liền đảnh lễ Phật hữu nhiễu rồi ra về. Về đến nhà ngay trong đêm đó lo sửa soạn đủ các món ăn ngon, sáng sớm trải tòa rồi sai sứ đến bạch Phật: "Đã đến giờ thọ thực, xin Phật tự biết thời". Phật và Tăng đi đến nhà cư sĩ, do các Tỳ-kheo trước đó dùng dầu xoa chân, nên khi đi do nước này nhiều bụi đất đã bám vào chân Tỳ-kheo . Đến nơi cư sĩ và vợ cư sĩ đảnh lễ hai tay chạm vào chân Tỳ-kheo, làm lễ rồi rửa tay lấy bát sớt thức ăn cho Tỳ-kheo, có Tỳ-kheo nói: "Hãy rửa tay trước rồi mới lấy bát", vợ cư sĩ nói: "Đã rửa tay rồi, nếu các thầy không dùng dầu xoa chân trước khi đến đây thì có lỗi gì". Do Phật nghe thấy việc này nên sau khi thọ thực xong trở về trú xứ, nhóm họp Tỳ-kheo tăng bảo các Tỳ-kheo rằng: "Từ nay không được dùng dầu xoa chân khi vào nhà bạch y, nếu làm như thế thì phạm Đột-kiết-la. Nếu chân có ghẻ nên xoa dầu thì không phạm ".

Lúc đó Lục quần Tỳ-kheo dùng dầu xoa trên

đầu, các cư sĩ quở trách: "Sa-môn Thích tử tự xưng là bậc hiền thiện có đức mà lại dùng dầu xoa trên đầu giống như bạch y", Phật bảo: "Từ nay không được dùng dầu xoa trên đầu, nếu làm như thế thì phạm Đột-kiết-la. Nếu mới cạo tóc, đau nhức đầu ở trong phòng xoa dầu thì không phạm".

Lục quần Tỳ-kheo lại trang điểm mặt mày, các cư sĩ quở trách: "Sa-môn Thích tử tự xưng là bậc hiền thiện có đức mà lại trang điểm mặt mày như vua đại thần", Phật bảo: "Từ nay không được trang điểm mặt mày, nếu làm thì phạm Đột-kiết-la".

Lục quần Tỳ-kheo lại dùng đồ trang điểm vẽ mắt, các cư sĩ quở trách: "Sa-môn Thích tử tự xưng là bậc hiền thiện có đức mà lại vẽ mắt như vua đại thần", Phật bảo: "Từ nay không được dùng đồ trang điểm vẽ mắt, nếu vẽ thì phạm Đột-kiết-la". Vẽ mắt có năm cách: Một là vẽ màu đen, hai là vẽ màu xanh, ba là vẽ đủ màu, bốn là vẽ hoa, năm là vẽ bằng nhựa cây. Nếu vẽ mắt để trị bịnh thì không phạm.

Lục quần Tỳ-kheo cột sợi tơ đủ màu nơi cổ tay, các cư sĩ quở trách: "Sa-môn Thích tử tự xưng là bậc hiền thiện có đức mà lại cột sợi tơ đủ màu nơi cổ tay như vua đại thần", Phật bảo: "Từ nay không được cột sợi tơ đủ màu nơi cổ tay, nếu làm như thế thì phạm Đột-kiết-la". Lục quần Tỳ-kheo lại dùng dây tơ lụa quấn dưới nách, các cư sĩ quở trách: "Sa-môn Thích tử tự xưng là bậc hiền thiện có đức mà

lại dùng dây tơ lụa quấn dưới nách như Bà-la-môn", Phật bảo: "Từ nay không được dùng dây tơ lụa quấn dưới nách, nếu làm thì phạm Đột-kiết-la". Lục quần Tỳ-kheo lại cất chứa đồ trang sức, các cư sĩ quở trách: "Sa-môn Thích tử tự xưng là bậc hiền thiện có đức mà lại cất chứa đồ trang sức để trang sức trên người như vua đại thần", Phật bảo: "Từ nay không được cất chứa đồ trang sức để tự trang sức, nếu cất chứa thì phạm Đột-kiết-la". Như thế cho đến các đồ trang sức như vòng đeo nơi cổ tay, cánh tay, nhẫn, chuỗi ngọc, vòng xuyến, khoen tai bằng vàng bạc… Phật đều không cho cất chứa để tự trang sức, nếu cất chứa đều phạm Đột-kiết-la.

Trưởng lão Bạt đề lúc còn là bạch y thường đeo khoen tai bằng lá Bồ-đào, do tập khí cũ nên sau khi xuất gia vẫn còn đeo, các cư sĩ quở trách: "Sa-môn Thích tử tự xưng là bậc hiền thiện có đức mà lại đeo khoen tai bằng là Bồ-đào như vua đại thần", Phật bảo: "Từ nay không được đeo khoen tai bằng lá Bồ-đào, nếu đeo thì phạm Đột-kiết-la". Như thế cho đến đeo khoen tai bằng dây cỏ, trâm cỏ, lá cây, bông tai… đều phạm Đột-kiết-la.

Lục quần Tỳ-kheo cất giữ vật báu để đính trên đầu tóc, các cư sĩ quở trách: "Sa-môn Thích tử tự xưng là bậc hiền thiện có đức mà lại cất giữ vật báu để đính trên đầu tóc như vua đại thần", Phật bảo: "Từ nay không được cất giữ vật báu để đính trên đầu tóc, nếu làm như thế thì phạm Đột-kiết-la".

Lục quần Tỳ-kheo thoa chà móng tay móng chân cho trắng đẹp, Phật bảo: "Từ nay không được thoa chà móng tay móng chân cho trắng đẹp, nếu làm như thế thì phạm Đột-kiết-la".

Phật tại thành Vương xá, lúc đó các Tỳ-kheo vào thành khất thực được cúng trái Am-la và canh trái Am-la, Tỳ-kheo nói: "Phật chưa cho chúng tôi thọ trái Am-la và canh trái Am-la", liền bạch Phật, Phật bảo: "Từ nay cho thọ trái Am-la và canh trái Am-la".

Phật tại thành Vương xá, vua Bình sa có cây Am-la thường ra trái, vua tín kính Phật pháp nên hỏi các Tỳ-kheo có dùng được trái Am-la hay không, các Tỳ-kheo đáp là dùng được, vua nói: "Các thầy hãy đến lấy trái Am-la từ cây này về ăn". Do người giữ vườn cây không tín kính Phật pháp nên hái trái chín vàng ngon ngọt dâng cho vua, còn trái non hoặc bị dập hoặc bị chim sâu mổ ăn rụng xuống thì đem cho các Tỳ-kheo . Lúc đó Lục quần Tỳ-kheo đến chọn lấy trái chín vàng ngon rồi bảo người giữ vườn cây: "Hãy trao cho chúng tôi", người giữ vườn cây nói: "Các thầy đã lấy rồi, cần gì trao nữa". Có Tỳ-kheo thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng rồi hỏi các Lục quần Tỳ-kheo : "Các thầy thật đã làm việc này phải không ?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở

trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo lại tự xúc chạm trước rồi mới bảo tịnh nhơn trao cho. Từ nay nếu Tỳ-kheo tự tay chạm trái Am-la trước rồi mới bảo tịnh nhơn trao cho thì không được ăn, nếu ăn thì phạm Đột-kiết-la. Tất cả loại trái cây khác cũng giống như trái Am-la".

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó vua Ba-tư-nặc ở nước Kiều-tát-la sai sứ đến chỗ vua Bình sa, khen ngợi vua Ba-tư-nặc như sau: "Vua chúng tôi có nhiều phước đức, trong bốn cái bình tự nhiên đầy sữa nay đem dâng biếu vua; trong cái lu đựng tám đấu mỗi ngày tự nhiên đầy ắp gạo ngon, nay đem dâng biếu vua", vua Bình sa cũng tự khen ngợi nước mình: "Nước tôi có cây Am-la thường ra trái ngon ngọt, trái nơi cây của cư sĩ Thọ đề lại sanh ra vải kỳ diệu", nói rồi liền sai sứ đến bảo người giữ vườn cây hái trái Am-la mang đến. Người giữ vườn cây này suy nghĩ: "Do nhân duyên Sa-môn lấy trái này để Thế tôn chế ngăn các Tỳ-kheo ăn trái Am-la", nghĩ rồi liền nói với sứ giả: "Trái Am-la đã có, các Sa-môn Thích tử đã lấy ăn trước hết rồi", sứ giả trở về tâu lại, vua nghe rồi nói rằng: "Ta cũng biết không phải lúc có trái, nếu còn được bao nhiêu thì nên hái đưa cho sứ giả nước kia biết được hình dạng trái Am-la như thế nào", người giữ vườn cây liền hái vài trái đem dâng vua. Có Tỳ-kheo thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch

Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng rồi quở trách các Tỳ-kheo : "Tại sao gọi là Tỳ-kheo lại thường ăn trái Am-la khiến cho vua quán đảnh khi cần sai sứ đến lấy thì không có", quở trách rồi bảo rằng: "Từ nay không được thường đến lấy trái Am-la ăn, nếu đến lấy ăn thì phạm Đột-kiết-la".

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó các Tỳ-kheo vào thành khất thực được cúng canh trái Am-la, nghi không dám thọ, Phật bảo: "Nếu không xin mà thí chủ tự cho thì được thọ".

Tại nước Kiều-tát-la có một trú xứ, Tăng được cúng nhiều trái cây, các Tỳ-kheo không biết làm sao đem việc này bạch Phật, Phật bảo các Tỳ-kheo: "Nên dùng năm cách tác tịnh rồi mới ăn, năm cách tác tịnh là: Hỏa tịnh (tác tịnh bằng lửa), đao tịnh (tác tịnh bằng dao), trảo tịnh (tác tịnh bằng móng tay), Anh võ tịnh (tác tịnh từ chim mổ ăn), tử bất sanh tịnh (tác tịnh từ hạt không nẩy mầm).

Phật tại nước Sô-ma, lúc đó đệ tử cọng hành của Trưởng lão A-na-luật bị bịnh khô miệng, thầy thuốc bảo ngậm trái A-ma-lặc thì miệng mới lành, liền bạch Phật, Phật bảo: "Cho Tỳ-kheo bị bịnh khô miệng được ngậm trái A-ma-lặc".

Tại nước Kiều-tát-la có một trú xứ chư Tăng được cúng trái cây, thọ từ tịnh nhơn nhưng chưa tác tịnh, các Tỳ-kheo không biết làm sao đem việc

này bạch Phật, Phật bảo các Tỳ-kheo: "Nên ăn phần thịt của trái, đừng ăn hạt".

Phật tại thành Vương xá, lúc đó cư sĩ Thọ đề được một thương nhân từ biển về tặng cho khúc gỗ chiên đàn. Cư sĩ này rất giàu có, các vật báu như vàng bạc… nhiều vô lượng nên khi được tặng khúc gỗ chiên đàn, không vừa ý lắm. Ông sai người làm thành cái bát chiên đàn, bỏ trong cái đãy cột treo trên cọc ngà voi và nói rằng: "Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào không dùng thang, khí trượng mà lấy được thì bát này thuộc về người đó". Lúc đó tôn giả Phú-lâu-na Ca diếp nghe được tin này liền đến hỏi cư sĩ Thọ đề: "Ông làm cái bát chiên đàn cho ta phải không?", đáp: "Tôi làm thành cái bát chiên đàn, bỏ trong cái đãy cột treo trên cọc ngà voi và nói rằng: "Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào không dùng thang, khí trượng mà lấy được thì bát này thuộc về người đó", tôn giả nghe rồi liền suy nghĩ: "Cư sĩ này muốn thấy thần thông lực", liền lắc đầu bỏ đi. Lục sư ngoại đạo là Ma-già-lê-câu-xa-tử, San xa-da-tỳ-la-đồ tử, Ni-kiền-đà-nhã-đề-tử, Ca-cầu-đà-Ca-chiên-diên, A-kỳ-đà-súy-xá Khâm-bà-la đều tưởng cư sĩ Thọ đề làm bát chiên đàn cho mình nên lần lượt đến hỏi và cư sĩ Thọ đề cũng đáp giống như trên. Tất cả nghe rồi đều suy nghĩ: "Cư sĩ này muốn thấy thần thông lực", liền lắc đầu bỏ đi. Lúc đó Trưởng lão Tân-đầu-lô-phả-la-đọa nghe tin này liền đến chỗ Mục-liên nói: "Trưởng lão biết

không, cư sĩ Thọ đề làm cái bát chiên đàn… thì bát này thuộc về người đó", Mục-liên nói: "Thầy là bậc nhất trong các bậc Sư tử hống nên đến đó lấy bát". Sáng hôm sau, Trưởng lão Tân-đầu-lô-phả-la-đọa đắp y mang bát với bốn oai nghi trang nghiêm đi đến nhà cư sĩ Thọ đề, cư sĩ này vừa nhìn thấy Trưởng lão liền suy nghĩ: "Tỳ-kheo này oai nghi thanh tịnh chắc có thể lấy được bát", nghĩ rồi liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch bày vai hữu chắp tay bạch Trưởng lão: "Thiện lai Trưởng lão, đã lâu không thấy đến, xin mời thầy ngồi", Trưởng lão ngồi xong liền hỏi: "Ông thật đã làm thành cái bát chiên đàn, bỏ trong cái đãy cột treo trên cọc ngà voi và nói rằng: "Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào không dùng thang, khí trượng mà lấy được thì bát này thuộc về người đó" phải không?", đáp: "Thật vậy thưa Trưởng lão", Trưởng lão liền nhập định, ngồi ngay tại tòa duỗi cánh tay ra lấy bát xuống cho cư sĩ xem, cư sĩ bạch rằng: "Như con đã nói, bát này thuộc về thầy. Xin hãy đưa bát cho con", cư sĩ cầm lấy bát vào trong nhà đừng đầy cơm và thức ăn thơm ngon đem ra dâng cúng Trưởng lão. Thọ thực xong, Trưởng lão mang bát về trong tinh xá khoe với các Tỳ-kheo, các Tỳ-kheo hỏi từ đâu mà có, Trưởng lão liền đem việc trên kể lại. Có Tỳ-kheo thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo

tăng rồi hỏi Trưởng lão Tân-đầu-lô-phả-la-đọa: "Thầy thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo lại dùng bát gỗ của ngoại đạo lõa thể và ở trước người chưa thọ đại giới hiển bày Thánh pháp hơn người", quở trách rồi bảo rằng: "Thầy trọn đời không được ở cõi Diêm-phù-đề này". Tân-đầu-lô-phả-la-đọa nghe Phật dạy rồi liền đảnh lễ Phật hữu nhiễu rồi trở về phòng mình, giao lại ngọa cụ của Tăng rồi nhập định, ẩn mất ở cõi Diêm-phù-đề và hiện thân ở cõi Cù-da-ni. Tại nơi đây Trưởng lão thuyết pháp giáo hóa cho Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, xây dựng Tăng phường độ rất nhiều đệ tử cọng hành (xuất gia) và đệ tử cận hành (tại gia). Sau khi Trưởng lão đi không lâu, Phật do nhân duyên này nhóm Tỳ-kheo tăng bảo các Tỳ-kheo rằng: "Từ nay không cho Tỳ-kheo cất giữ tám loại bát, đó là bát vàng, bát bạc, bát lưu ly, bát ma ni, bát đồng, bát bạch lạp, bát gỗ và bát đá. Nếu cất giữ thì phạm Đột-kiết-la. Các thầy chỉ được thọ trì hai loại bát, đó là bát sắt và bát gốm sứ". Bát gốm sứ dễ bể nên Phật bảo trám lại rồi dùng. Lúc đó Trưởng lão Ưu-ba-ly hỏi Phật nên dùng vật gì trám bát, Phật nói: "Nên dùng cỏ Sô-ma, Kiếp-bối… để trám", do nước này khí trời nóng bức nên ở chỗ trám sanh trùng, Phật bảo: "Nên tháo ra đem phơi rồi trám lại", các Tỳ-kheo mỗi ngày tháo ra phơi rồi trám lại rất cực nhọc nên có một Tỳ-kheo vốn

là thọ đúc đồng thấy vậy liền đến bạch Phật: "Thế tôn cho chúng con được dùng sắt hoặc đồng để trám bát", Phật liền cho dùng sắt hoặc đồng để trám bát.

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó có một Tỳ-kheo do tâm dục khởi nên tự đoạn nam căn, đau đớn suýt chết, các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật bảo các Tỳ-kheo: "Các thầy hãy nhìn người ngu si này, cái nên đoạn lại không đoạn mà đoạn cái khác. Cái nên đoạn chính là tham dục, sân hận và ngu si", quở trách rồi bảo rằng: "Từ nay không được đoạn nam căn, nếu đoạn thì phạm Thâu-lan-giá".

Có Tỳ-kheo do làm nhà tắm nên chặt cây làm củi, rắn độc từ cây mục bò ra cắn vào ngón tay của-Tỳ-kheo, Tỳ-kheo suy nghĩ: "Chất độc này sẽ vào thân", nghĩ rồi liền tự chặt ngón tay. Cư sĩ thấy Tỳ-kheo này liền nói: "Sa-môn Thích tử cũng có người thiếu ngón tay", có Tỳ-kheo thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng rồi quở trách Tỳ-kheo này: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo lại tự chặt ngón tay, nếu tự chặt thì phạm Đột-kiết-la. Từ nay nếu gặp nhân duyên như vậy thì nên dùng dây buộc vào chỗ bị rắn cắn, rồi dùng dao chích cho máu độc chảy ra ngoài".

Lúc đó Lục quần Tỳ-kheo đi xem ca múa hát xướng, các cư sĩ quở trách: "Sa-môn Thích tử tự

xưng là bậc hiền thiện có đức mà lại đi xem ca múa hát xướng, như vua đại thần". Có Tỳ-kheo thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng rồi hỏi Lục quần Tỳ-kheo: "Các thầy thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo lại đi xem ca múa hát xướng, nếu đi xem thì phạm Đột-kiết-la". Lục quần Tỳ-kheo lại tự ca múa, các cư sĩ quở trách: "Sa-môn Thích tử tự xưng là bậc hiền thiện có đức mà lại tự ca múa như bạch y", Phật bảo: "Từ nay Tỳ-kheo không được tự ca múa, nếu tự ca múa thì phạm Đột-kiết-la. Ca múa có năm lỗi: Một là tự tâm tham đắm, hai là khiến người khác tham đắm, ba, bốn là một mình khởi nhiều giác quán, năm là thường bị tham dục che lấp tâm". Các Tỳ-kheo trẻ nghe rồi học theo, học theo rồi thường khởi tâm tham dục liền phản giới hoàn tục. Lúc đó có Tỳ-kheo Bạt đề là bậc nhất về tán tụng vì tiếng tốt nên đến bạch Phật: "Cúi xin Thế tôn cho con tán tụng lớn tiếng", Phật nói: "Cho thầy được tán tụng lớn tiếng vì tán tụng có năm lợi ích: Một là thân thể không mệt mỏi, hai là không quên điều đã ghi nhớ, ba là tâm không nhàm chán, bốn là âm thanh không hoại, năm là nói lời dễ hiểu. Lại có năm lợi ích: Một là thân không mệt mỏi, hai là không quên điều đã ghi nhớ, ba là tâm không biếng

nhác, bốn là âm thanh không hoại, năm là chư thiên nghe tán tụng tâm sanh hoan hỉ".

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó các Tỳ-kheo ăn cơm trong bát xong, để bát ở chỗ đất ẩm ướt nên bát bị hư hoại, Phật bảo: "Từ nay cho Tỳ-kheo dùng vải cũ lót dưới bát", do nước này khí trời nóng nên vải cũ sanh trùng, Phật bảo: "Nên làm vật để lót dưới bát". Trưởng lão Ưu-ba-ly hỏi Phật nên dùng vật gì làm, Phật nói: "Nên dùng bạch lạp, chì thiết để làm vật lót dưới bát", làm xong vẫn sanh trùng, Phật nói: "Nên làm cái trạn để cất bát", làm xong cất bát gốm sứ trên cái trạn, bát rơi xuống bể, Phật bảo cất bát vào trong rương tráp, bát trần để trong tráp xúc chạm ra tiếng, Phật bảo dùng vải cũ bọc lại rồi mới bỏ vào trong tráp.

Lúc đó Trưởng lão Nghi-ly-việt rửa bát gốm sứ để dưới ánh nắng, do nắng thiêu đốt nên có nước dơ chảy ra. Trưởng lão liền nói với các Tỳ-kheo : "Bát gốm sứ không sạch, có chất dơ Tỳ-kheo không nên dùng để ăn", các Tỳ-kheo không biết làm sao đem việc này bạch Phật, Phật hỏi rõ rồi bảo các Tỳ-kheo : "Từ nay khi rửa bát gốm sứ xong, không được để dưới ánh nắng bị nắng nóng thiêu đốt, nếu để dưới ánh nắng thì phạm Đột-kiết-la".

Lúc đó có Tỳ-kheo đem tấm vải quý giá giặt sạch xong rồi, muốn cắt rọc để may thành y, do không có dao kéo nên dùng răng cắn rồi cùng với

một Tỳ-kheo khác kéo vải để xé ra. Do nhân duyên này tấm vải bị xé rách ngang rách dọc không thể may thành y, Phật bảo: "Từ nay cho chứa dao kéo để cắt rọc vải". Lúc đó Tỳ-kheo dùng lông gà, lông chim để may y, may xong y bị rách và co rút lại, Phật bảo: "Cho dùng hai loại kim: Kim sắt và kim đồng có mũi nhọn để may". Các Tỳ-kheo đặt vải trên đầu gối để may nên y bị nhăn, Phật bảo nên trải dưới đất, khi trải dưới đất, vải dính đầy đất, Phật bảo nên tô trét đất cho bằng phẳng rồi trải trên đất may, trét đất rồi trải lên may cũng không thẳng, Phật bảo dùng dây căng vải ra, căng vải ra rồi may cũng không thẳng, Phật bảo khắc cây làm dùi cắm xuống để căng vải ra rồi may. Khi may đưa kim may tới rất khó, đầu ngón tay bị thương, Phật bảo quấn bọc đầu ngón tay lại; những vật dụng dùng để may, mỗi người để mỗi nơi rất khó kiếm, Phật bảo dùng vật đựng rồi để tại một chỗ. Khi may y, thành viền y dễ bị rách, Phật bảo nên may hai lớp viền. Các Tỳ-kheo đem y căng ở bên ngoài bị mất, Phật bảo nên cuộn xếp lại, khi cuộn xếp y lại bung ra, Phật bảo nên dùng dây buộc lại. Lúc đó gặp trời mưa gió làm dơ y, Phật bảo nên đem cất ở chỗ có ngăn che, các Tỳ-kheo đem để dưới đất ở chỗ có ngăn che thì bị trùng cắn làm hư rách y, Phật bảo nên đập giũ.

Phật ở thành Vương xá, lúc đó Lục quần Tỳ-kheo dùng gương soi mặt, Phật bảo: "Không được

dùng gương soi mặt, nếu dùng thì phạm Đột-kiết-la". Lục quần Tỳ-kheo lại soi mặt vào trong bát hay trong nước, Phật bảo: "Soi mặt vào trong bát hay trong nước đều phạm Đột-kiết-la, nếu mặt có mụn nhọt, soi thì không phạm".

Phật tại thành Vương xá, Lục quần Tỳ-kheo dùng lược chải đầu, Phật bảo: "Không được dùng lược chải đầu, nếu dùng thì phạm Đột-kiết-la", Lục quần Tỳ-kheo lại dùng bàn chải chải đầu, Phật bảo: "Nếu dùng bàn chải chải đầu cũng phạm Đột-kiết-la".

Phật tại thành Vương xá, Lục quần Tỳ-kheo chừa chút tóc trên đỉnh đầu, Phật bảo: "Không được chừa tóc, nếu chừa tóc thì phạm Đột-kiết-la". Lục quần Tỳ-kheo chừa tóc rồi quấn lại, Phật bảo: "Không được chừa rồi quấn lại, nếu làm như vậy phạm Đột-kiết-la". Lục quần Tỳ-kheo chừa tóc để cho dài, Phật bảo: "Không được chừa tóc để dài, nếu làm như thế phạm Đột-kiết-la; nếu là Tỳ-kheo A-lan-nhã thì được để dài chừng hai tấc, không phạm".

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó có Tỳ-kheo bịnh ghẻ lác… yêu cầu thầy thuốc Kỳ-bà trị bịnh, Kỳ-bà nói: "Vào nhà tắm tắm rửa thì lành bịnh", các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật bảo các Tỳ-kheo : "Cho vào nhà tắm tắm, Tắm có năm công đức: Một là trừ dơ, hai là thân sạch, Ba là trừ bịnh nóng lạnh nơi thân, bốn là trừ gió, năm là được an

ổn". Lúc đó trong nhà tắm không có vật lót ngồi, Phật bảo nên làm vật lót ngồi. Trưởng lão Ưu-ba-ly hỏi Phật lấy vật gì làm, Phật bảo nên dùng cây gỗ, gạch đá làm. Lúc đó đất bùn trong nhà tắm chảy ra, Phật bào nên làm ghế ngồi, Trưởng lão Ưu-ba-ly hỏi Phật lấy vật gì làm, Phật bảo nên dùng cây gỗ, gạch đá làm. Lúc đó trong nhà tắm không có bếp lò, Phật bảo nên để bếp lò; do đút một lần củi vào trong bếp lò nên Tỳ-kheo đến tắm sau thì lửa đã tàn, Phật bảo nên trù lượng mà đút củi vào. Lúc đó đút củi dài dễ rớt ra ngoài, dùng tay cầm thì bị bỏng tay, Phật bảo nên dùng cái gắp để gắp củi rớt; lúc gắp củi rớt ra ngoài, Tỳ-kheo do không có tóc nên đầu bị nóng rát, Phật bảo nên dùng vải ướt phủ lên đầu.

Lúc đó các Tỳ-kheo cần dùng đất để chà rửa, Phật bảo nên dùng đồ đựng đất; cần dùng nước, Phật bảo nên dùng đồ đựng nước. Đồ đựng quá nhỏ, Phật bảo nên dùng lu, vại đựng đầy nước; các Tỳ-kheo để lu nước gần bên bếp lò, củi rớt xuống làm bể lu, Phật bảo nên để gần vách, làm bục gỗ lót ở dưới. Lu nước quá cao có Tỳ-kheo lấy nước không tới, Phật bảo không được để quá cao, nên để khoảng ngang vai là vừa. Lúc đó làm nhà tắm không có cửa nên gió vào, Phật bảo nên làm cửa; không có cửa sổ, Phật bảo nên làm cửa sổ, không có lỗ thông khói nên bếp lò để trong nhà tắm xông khói đen, Phật bảo nên làm lỗ thông khói.

Có Tỳ-kheo dùng tháo đậu, đất để chà rửa do nóng ẩm nên trong nhà tắm trùng sanh, Phật bảo nên quét rửa cho sạch. Trong nhà tắm đọng nhiều nước Phật bảo nên thoát nước ra, các Tỳ-kheo khi làm thoát nước ra liền ói mửa hoặc bị bịnh, Phật bảo nên làm lỗ thoát nước. Làm lỗ thoát nước xong, có rắn rít bò cạp trong lỗ này bò ra cắn Tỳ-kheo, Phật bảo nên dùng vật đậy miệng lỗ thoát nước. Các Tỳ-kheo tắm xong bỏ đi không dọn dẹp hết vật dụng nên bị sảy lửa thiêu rụi nhà tắm, Phật bảo: "Tỳ-kheo tắm sau cùng nên thu dọn hết vật dụng, dập tắt bếp lò, đóng cửa lại rồi mới đi".

Phật tại nước Duy da ly, có một trưởng giả tên là Đại danh Lê xương rất giàu có, nhiều ruộng vườn nhà cửa và có thế lực. Tỳ-kheo Ca-lưu-la-đề-xá là bạn thâm giao của trưởng giả thường qua lại với nhau, lúc đó vào giờ ngọ, Ca-lưu-la-đề-xá đắp y mang bát, cầm tọa cụ đến nhà trưởng giả, trưởng giả từ xa thấy Tỳ-kheo liền nói thiện lai rồi mời ngồi. Tỳ-kheo nói với trưởng giả: "Hôm nay ông nên đến chỗ Thế tôn bạch rằng: "Tỳ-kheo làm việc phi phạm hạnh thì như thế nào, Tỳ-kheo Đà-phiêu đã làm việc phi phạm hạnh với vợ con", Đại danh Lê xương nói: "Nói như thế tức là đem tội không căn cứ vu báng cho Tỳ-kheo thanh tịnh", Ca-lưu-la-đề-xá nói: "Nếu ông không đến bạch Phật như vậy thì tôi sẽ không qua lại nói chuyện với ông, cũng không vào nhà ông nữa". Đại danh Lê xương

vì thương mến người bạn thâm giao này nên suy nghĩ: "Nếu ta không làm theo lời thì Tỳ-kheo sẽ không qua lai nói chuyện với ta, cũng không vào nhà ta nữa", nghĩ rồi liền nhận lời và đi đến chỗ Phật bạch Phật rằng: "Thế tôn, Tỳ-kheo làm việc phi phạm hạnh thì như thế nào, Tỳ-kheo Đà-phiêu đã làm việc phi phạm hạnh với vợ con", Phật bảo các Tỳ-kheo : "Các thầy hãy tác pháp yết ma phú bát cho Đại danh Lê xương, tất cả Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-na, Sa di, Sa-di-ni đều không được đến nhà Đại danh Lê xương thọ thực. Nếu có người nào giống như thế tăng cũng nên cho yết ma phú bát". Tác pháp yết ma phú bát như sau: Tăng nhất tâm hòa hợp, một Tỳ-kheo trong Tăng xướng rằng:

Đại-đức tăng lắng nghe, Đại danh Lê xương này đem tội Ba-la-di không căn cứ vu báng cho Tỳ-kheo Đà-phiêu phạm hạnh thanh tịnh. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay tác pháp yết ma phú bát cho Đại danh Lê xương, tất cả Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-na, Sa di, Sa-di-ni đều không được đến nhà Đại danh Lê xương thọ thực. Bạch như vậy.

Như thế Bạch-nhị-yết-ma cho đến câu Tăng đã tác yết ma phú bát cho Đại danh Lê xương xong rồi, Tăng chấp thuận vì im lặng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

Lúc đó các Tỳ-kheo suy nghĩ: "Tăng đã tác

pháp yết ma phú bát cho Đại danh Lê xương, tất cả Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-na, Sa di, Sa-di-ni đều không được đến nhà Đại danh Lê xương thọ thực. Ai có thể đến nói cho Đại danh Lê xương biết việc này. Trưởng lão A-nan là thị giả của Phật, ở trong chúng được Phật khen là bậc phạm hạnh thanh tịnh, Trưởng lão có thể đến nói cho Đại danh Lê xương biết Tăng đã tác pháp yết ma phú bát cho Đại danh Lê xương, tất cả Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-na, Sa di, Sa-di-ni đều không được đến nhà Đại danh Lê xương thọ thực", nghĩ rồi các Tỳ-kheo liền đến chỗ A-nan, đảnh lễ rồi bạch rằng: "Trưởng lão, Tăng đã tác yết ma phú bát cho Đại danh Lê xương xong rồi, chúng tôi nghĩ chỉ có Trưởng lão ở trong chúng được Phật khen ngợi là bậc phạm hạnh thanh tịnh mới có thể đến nói cho Đại danh Lê xương biết Tăng đã tác pháp yết ma phú bát cho ông ta rồi", A-nan im lặng nhận lời, các Tỳ-kheo biết Trưởng lão đã nhận lời liền đảnh lễ hữu nhiễu rồi đi. Sáng hôm sau vào giờ ngọ, A-nan đắp y mang bát đến nhà của Đại danh Lê xương, trưởng giả từ xa trông thấy A-nan liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch bày vai hữu chắp tay bạch rằng: "Thiện lai Trưởng lão A-nan, xin mời ngồi", A-nan nói:

"Tôi không được phép ngồi", trưởng giả hỏi vì sao, A-nan nói: "Tăng đã tác pháp yết ma phú bát cho Đại danh Lê xương, tất cả Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-

ni, Thức-xoa-ma-na, Sa di, Sa-di-ni đều không được đến nhà ông thọ thực nữa", Đại danh Lê xương nói: "Con đã tự làm tổn mình, công đức không sanh", A-nan nói: "Ông đã tự làm tổn mình, công đức không sanh", Đại danh Lê xương nói: "Con nay có thể đến chỗ Phật xin tác pháp ngưỡng bát được không", A-nan nói không được, Đại danh Lê xương nghe rồi liền ngã xuống ngất xỉu. Vợ của ông rưới nước cho tỉnh lại rồi nói với chồng: "Nếu thật có lỗi mới đau khổ, ông có lỗi gì mà đau khổ như thế", Đại danh Lê xương suy nghĩ: "Ta không có lỗi nếu ta đến gặp Phật tự nói tội của ta là ta đã vu báng Tỳ-kheo phạm hạnh thanh tịnh làm việc phi phạm hạnh", nghĩ rồi liền đến chỗ Phật thú tội sám hối rồi bạch Phật: "Cúi xin Thế tôn cho con yết ma ngưỡng bát", Phật bảo các Tỳ-kheo : "Các thầy hãy tác pháp yết ma ngưỡng bát cho Đại danh Lê xương". Tác pháp yết ma như sau: Tăng nhất tâm hòa hợp, Đại danh Lê xương từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch bày vai hữu chắp tay bạch Tăng: Đại-đức tăng nhớ nghĩ, con tên Đại danh Lê xương đã đem tội không căn cứ vu báng cho Tỳ-kheo Đà-phiêu phạm hạnh thanh tịnh đã làm việc phi phạm hạnh. Tăng đã tác pháp yết ma phú bát cho con, tất cả Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-na, Sa di, Sa-di-ni đều không được đến nhà con thọ thực nữa. Nay con theo Tăng xin yết ma ngưỡng bát, tất cả năm chúng đến nhà con thọ thực như trước kia. Xin

Tăng thương xót cho con yết ma ngưỡng bát. (3 lần).

Một Tỳ-kheo trong Tăng tác bạch yết ma như sau:

Đại-đức tăng lắng nghe, Đại danh Lê xương này đã đem tôi Ba-la-di không căn cứ vu báng cho Tỳ-kheo Đà-phiêu phạm hạnh thanh tịnh đã làm việc phi phạm hạnh. Tăng đã tác yết ma phú bát cho Đại danh Lê xương, tất cả năm chúng không đến nhà ông thọ thực nữa. Đại danh Lê xương nay theo Tăng xin yết ma ngưỡng bát, tất cả năm chúng đến nhà ông thọ thực như trước kia. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay cho Đại danh Lê xương yết ma ngưỡng bát, tất cả năm chúng đến nhà ông thọ thực như trước kia. Bạch như vậy.

Như thế Bạch-tứ-yết-ma cho đến câu Tăng đã chấp thuận cho Đại danh Lê xương pháp yết ma ngưỡng bát xong rồi. Tăng chấp thuận vì im lặng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

-oOo-

LUẬT THẬP TỤNG

QUYỂN 38 TẠP TỤNG (Tiếp Theo)

II. PHÁP TẠP (Tiếp Theo):

1. Hai Mươi Pháp Tạp Đầu (Tiếp Theo):

Lúc đó Phật du hành đến nước Bà-già, ở trong già lam Tỳ-sư-lam-mật thuộc trú xứ Thất-thủ-la. Trong trú xứ này có nhà của vương tử Bồ-đà vừa xây xong ngôi nhà mới đặt tên là Cưu-ma-la, chưa có Sa-môn, Bà-la-môn nào vào ngồi trong đó. Vương tử nghe tin Phật du hành đến nước Bà-già, ở trong già lam Tỳ-sư-lam-mật thuộc trú xứ Thất-thủ-la, liền suy nghĩ: "Ta có ngôi nhà mới tên Cưu-ma-la, xây xong chưa lâu, trang hoàng xong cũng chưa lâu, chưa có Sa-môn, Bà-la-môn nào vào ngồi trong đó. Nếu Phật và Tăng vào ngồi trước, ta sẽ được lợi ích lớn, vì sao, vì Phật vào nhà ta trước, ta vào sau", nghĩ rồi liền kêu Tát-nhã-cù-đố-lộ-ma lao đến bảo rằng: "Ta nghe tin Phật du hành đến nước Bà-già, ở trong già lam Tỳ-sư-lam-mật thuộc trú xứ Thất-thủ-la. Ta vừa xây xong ngôi nhà mới

đặt tên là Cưu-ma-la, chưa có Sa-môn, Bà-la-môn nào vào ngồi trong đó. Nếu Phật và Tăng vào nhà ta trước, ta sẽ được lợi ích lớn. Vậy ông hãy đến chỗ Phật đem lời của ta bạch Phật rằng: "Thế tôn, vương tử Bồ-đà xin đảnh lễ và vấn an Thế tôn, rồi bạch Phật: Vương tử Bồ-đà vừa xây xong ngôi nhà mới đặt tên là Cưu-ma-la, chưa có Sa-môn, Bà-la-môn nào vào ngồi trong đó. Nay vương tử Bồ-đà xin thỉnh Phật và Tăng đến nhà thọ thực". Tát-nhã-cù-đố-lộ-ma lao vâng theo lời của vương tử, đến chỗ Phật, đảnh lễ rồi bạch Phật: "Vương tử Bồ-đà xin đảnh lễ và thăm hỏi Phật có được ít bịnh, ít não và được an lạc trụ không. Vương tử Bồ-đà vừa xây xong ngôi nhà mới đặt tên là Cưu-ma-la, chưa có Sa-môn, Bà-la-môn nào vào ngồi trong đó. Xin thỉnh Phật và Tăng ngày mai đến nhà thọ thực", Phật nói: "Sẽ khiến cho vương tử thường được an lạc. Trời người thường cầu phước lạc; các loài rồng, Dạ xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lầu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già và các chúng sanh khác cũng đều cầu phước lạc", nói xong Phật im lặng. Thấy Phật im lặng, Tát-nhã-cù-đố-lộ-ma lao đảnh lễ Phật hữu nhiễu rồi đi, trở về trú xứ bạch vương tử: "Sa-môn Cù đàm đã thọ vương tử thỉnh, theo ý của vương tử". Vương tử Bồ-đà ngay trong đêm đó cho sữa soạn đủ các món ăn ngon, sáng sớm trải tòa ngồi, lấy vải trắng trải trên đất, trang hoàng bên trong và ngoài bậc thềm của ngôi nhà rồi bảo Tát-

nhã-cù-đố-lộ-ma lao đến bạch Phật biết thời. Lúc đó Phật đắp y mang bát cùng đại chúng đi đến nhà vương tử, vương tử bảo tất cả người lớn nhỏ trong nhà đều ra đứng ngoài cổng nghinh đón Phật và Tăng. Thấy Phật đến, vương tử từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch bày vai hữu chắp tay bạch rằng: "Thiện lai Thế tôn", xin thỉnh Thế tôn bước lên thềm nhà, đi trên vải trắng đã trải cho chúng con được an ổn lâu dài". Tuy nghe nhưng Phật vẫn đứng trước thềm nhà chớ không bước lên và bảo A-nan rằng: "Thầy hãy tùy pháp bảo cho vương tử biết", A-nan bảo vương tử: "Vương tử hãy cuộn lại tấm vải trắng đã trải trên đất", vương tử không chịu cuộn lại, A-nan nói: "Phật vì thương xót chúng sanh đời sau nên bảo vương tử cuộn tấm vải lại". Lúc đó vương tử mới bảo người cuộn tấm vải đem cất rồi bạch Phật: "Con đã cho cuộn lại tấm vải đã trải trên đất, xin thỉnh Phật và Tăng vào nhà cho chúng con được an ổn lâu dài", Phật liền bước lên thềm vào trong nhà trải tọa cụ ngồi trước các Tỳ-kheo . Lúc đó vương tử tự tay dâng thức ăn cúng dường cho Phật và Tăng đều được no đủ, sau đó ngồi một bên nghe Phật nói pháp, Thế tôn tùy thuận nói pháp chỉ dạy cho vương tử được lợi hỉ rồi ra về. Về đến trú xứ, do nhân duyên này nhóm Tỳ-kheo tăng rồi bảo các Tỳ-kheo: "Từ nay nếu trên đất có trải vải tốt thì không được đi trên đó, nếu đi trên đó thì phạm Đột-kiết-la".

Phật tại nước Xá-vệ, có một Bà-la-môn nhà rất giàu có, nhiều ruộng vườn nhà cửa…, chỉ thiếu một thứ là không con. Ông đã đi cầu xin tất cà thiên thần như thần cây, thần nước… nhưng rốt cuộc vẫn không có con. Có một Tỳ-kheo-ni thường ra vào nhà này, một hôm đến nhà thấy vợ của Bà-la-môn xuất bất tịnh, Tỳ-kheo-ni liền nói rằng: "Tôi từng nghe, nếu lấy vật ở chỗ có dấu chân đi của bậc A-la-hán đem giặt, rồi lấy nước đó tắm sẽ có con. Chỉ có dấu chân của Phật và đệ tử Phật, không thể là ai khác". Vợ của Bà-la-môn nghe rồi suy nghĩ không biết nên làm cách nào để Phật vào nhà, bà nói với chồng: "Tôi từng nghe, nếu lấy vật ở chỗ có dấu chân đi của bậc A-la-hán đem giặt, rồi lấy nước đó tắm sẽ có con. Chỉ có dấu chân của Phật và đệ tử Phật, không thể là ai khác; nếu Phật vào nhà, chúng ta sẽ có con", Bà-la-môn này tuy không tin nhưng vì muốn có con nên nói tùy ý, người vợ nói: "Nếu vậy, ông nên đến thỉnh Phật". Bà-la-môn này liền đến chỗ Phật, đảnh lễ ngồi một bên nghe Phật nói pháp, Thế tôn tùy thuận nói pháp chỉ dạy cho Bà-la-môn được lợi hỉ rồi liền im lặng. Bà-la-môn bạch Phật: "Xin kính thỉnh Phật và Tăng ngày mai đến nhà con thọ thực", Phật im lặng nhận lời, Bà-la-môn đảnh lễ Phật hữu nhiễu rồi ra về. Ngay trong đêm đó ông lo sữa soạn đủ các món ăn ngon, sáng sớm trải tòa ngồi, dùng vải trải trên đất ra đến tận ngoài cổng rồi đến bạch Phật biết thời. Phật bảo

thị giả nhận phần ăn mang về còn các Tỳ-kheo đều đến nhà Bà-la-môn, nhưng khi vào nhà đều tránh không đi trên tấm vải trải đất, Bà-la-môn suy nghĩ: "Khi vào không bước lên tấm vải trải đất, nhưng khi ra ắt sẽ bước lên". Các Tỳ-kheo ngồi xong, Bà-la-môn tự tay dâng cúng các món ăn ngon cho tất cả đều được no đủ, các Tỳ-kheo thâu bát, rửa tay rồi chú nguyện cho thí chủ, chú nguyện xong đứng dậy theo thứ lớp ra về, vẫn không bước lên tấm vải trải đất. Bà-la-môn trong lòng không vui nói rằng: "Các Sa-môn này là người đoạn giống, phá hạnh Bà-la-môn của ta, ta cúng dường là có mục đích mà lại không có kết quả gì". Các Tỳ-kheo về đến chỗ Phật đảnh lễ rồi ngồi một bên. Thường pháp của Phật là khi các Tỳ-kheo thọ thỉnh thực xong trở về, Phật đều hỏi thăm ăn có no đủ không; lúc đó các Tỳ-kheo đều đáp là no đủ rồi đem việc trên bạch Phật, Phật đủ lời khen ngợi giới và người trì giới rồi bảo các Tỳ-kheo: "Từ nay vì thương xót chúng sanh, cho các thầy được đi trên tấm trải đất". Do có nhân duyên với vợ của Bà-la-môn nên Tỳ-kheo-ni đến nói với bà rằng: "Trước đây Phật kết giới không cho Tỳ-kheo đi trên tấm vải trải đất, nay do nhân duyên này Phật đã cho, vậy bà hãy đến thỉnh Phật lần nữa, lần này Phật và Tăng sẽ đi lên tấm vải trải đất", người vợ này liền nói với chồng: "Trước đây Phật kết giới không cho Tỳ-kheo đi trên tấm vải trải đất, nay do nhân duyên này Phật

đã cho, vậy ông hãy đến thỉnh Phật lần nữa, lần này Phật và Tăng sẽ đi lên tấm vải trải đất", Bà-la-môn tuy không vui nhưng vì muốn có con nên nói tùy ý, người vợ nói: "Nếu vậy ông hãy đến thỉnh Phật". Bà-la-môn này liền đến chỗ Phật, đảnh lễ ngồi một bên nghe Phật nói pháp, Thế tôn tùy thuận nói pháp chỉ dạy cho Bà-la-môn được lợi hỉ rồi liền im lặng. Bà-la-môn bạch Phật: "Xin kính thỉnh Phật và Tăng ngày mai đến nhà con thọ thực", Phật im lặng nhận lời, Bà-la-môn đảnh lễ Phật hữu nhiễu rồi ra về. Ngay trong đêm đó ông lo sữa soạn đủ các món ăn ngon, sáng sớm trải tòa ngồi, dùng vải trải trên đất ra đến tận ngoài cổng rồi đến bạch Phật biết thời. Lúc đó Phật đắp y mang bát cùng các Tỳ-kheo đi đến nhà Bà-la-môn, ngồi xong, Bà-la-môn tự tay dâng cúng thức ăn cho tất cả đều được no đủ rồi nghe Phật thuyết pháp, nghe xong liền hỏi Phật: "Thế tôn, nhà con sẽ sanh con phải không?", Phật nói: "Sẽ sanh, đứa con này sẽ xuất gia, đứa thứ hai cũng xuất gia, đứa thứ ba cũng xuất gia, đứa sau cùng là tại gia".

Sau khi Tự tứ, Phật lại du hành giáo hóa, gặp một Tỳ-kheo tay cầm bát, cỏ thuốc và giày mà đi liền hỏi nguyên do, Tỳ-kheo đáp: "Con không biết đựng ở đâu", Phật bảo: "Từ nay cho cất chứa ba loại đãy: Đãy đựng bát, đãy đựng cỏ thuốc và đãy đựng giày".

Phật ở thành Vương xá, Lục quần Tỳ-kheo đối

với tọa cụ đã thọ trì để ở nơi này lại đến ngủ chỗ khác, Phật bảo: "Từ nay, tọa cụ đã thọ trì không được lìa mà ngủ, nếu lìa thì phạm Đột-kiết-la".

Phật tại nước Xá-vệ, ở nước Kiều-tát-la có một trú xứ hai Tỳ-kheo, một người phạm giới, một người thanh tịnh trì giới. Cả hai đều chưa gặp Phật nên cùng nhau đi gặp Phật, giữa đường đến chỗ nước có trùng, Tỳ-kheo phạm giới nói với Tỳ-kheo trì giới: "Chúng ta cùng uống nước", Tỳ-kheo trì giới nói: "Trong nước có trùng, không uống được", Tỳ-kheo phạm giới nói: "Nếu không uống sẽ khát mà chết, làm sao được gặp Phật nghe pháp", Tỳ-kheo trì giới nói: "Dù bị khát mà chết, tôi cũng không uống", Tỳ-kheo phạm giới liền uống, Tỳ-kheo trì giới không uống nên bị khát mà chết. Tỳ-kheo trì giới thác sanh lên cõi trời Đao lợi, được thân trời hoàn hảo liền đến gặp Phật, đảnh lễ Phật rồi đứng một bên nghe Phật thuyết pháp và được pháp nhãn thanh tịnh, liền đảnh lễ bạch Phật rằng: "Con xin quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng làm Ưu-bà-tắc". Phật lại thuyết pháp cho nghe rồi im lặng, Thiên tử đảnh lễ rồi biến mất. Tỳ-kheo phạm giới lúc đó mới đến chỗ Phật, Phật đang thuyết pháp cho đại chúng, từ xa thấy Tỳ-kheo này đến liền vén y Uất-đa-la-tăng hiện bày thân kim sắc nói với Tỳ-kheo này rằng: "Này người ngu si, thầy muốn thấy nhục thân của ta phải không, thầy tuy thấy được nhục thân nhưng không bằng Tỳ-kheo

trì giới đã đến trước và đã thấy được pháp thân của ta", Phật liền nói kệ:

"Tâm bất thiện quán sát,
Dù thấy cũng không kỹ,
Ngu như con thiêu thân,
Tham muốn thấy thân ta,
Nhưng sắc thân bất tinh,
Muốn thấy để làm gì ?
Bên trong mỡ máu thịt,
Da mỏng bọc bên ngoài,
Người kia bị khát bức,
Vẫn hành cung kinh giới,
Hộ giới cho đến chết,
Thấy ta, không phải ngươi".

Nói rồi bảo các Tỳ-kheo : "Từ nay nếu Tỳ-kheo không mang theo đãy lượt nước thì không được đi, nếu không mang theo mà đi thì phạm Đột-kiết-la. Không phạm là từ nơi này đến nơi kia trong khoảng hai mươi dặm, có nước sạch, hoặc có sông, suối".

Lúc đó các Tỳ-kheo có duyên sự phải vào tụ lạc, vì không có đãy lượt nước nên không đi, nếu không đi thì việc không thành, liền đem việc này bạch Phật, Phật bảo: "Nếu một Tỳ-kheo có đãy lượt nước thì được đi cùng". Lục quần Tỳ-kheo nghe rồi liền đến nói với Tỳ-kheo quen biết: "Tôi có duyên sự vào tụ lạc, có thể đi cùng với tôi không ?", Tỳ-kheo này nói là không có đãy lượt nước,

Lục quần nói là chúng tôi có, Tỳ-kheo này bằng lòng đi chung, đến giữa đường cùng nhau tranh cải nên khi đến chỗ gặp nước có trùng, Lục quần Tỳ-kheo lượt nước uống mà không đưa cho Tỳ-kheo kia lượt nước uống, Tỳ-kheo này bị khát bức bách nên chết. Do nhân duyên này, Phật bảo các Tỳ-kheo : "Nếu Tỳ-kheo trước không có tranh cải với nhau, không có tâm ganh ghét nhau thì được đi chung, nếu có tâm ganh ghét nhau thì không nên đi chung".

Phật tại thành Vương xá, lúc đó Lục quần Tỳ-kheo ngồi trên cây ăn, Phật bảo: "Từ nay không được ngồi trên cây ăn, nếu ngồi ăn thì phạm Đột-kiết-la"; Lục quần Tỳ-kheo lại cất chứa ghế cây, giường cây, bàn cây để ngồi ăn, Phật bảo: "Không được cất chứa ghế cây, giường cây, bàn cây để ngồi ăn, nếu ngồi ăn thì phạm Đột-kiết-la".

Phật tại thành Vương xá, Lục quần Tỳ-kheo hai người ăn chung một bát, Phật bảo: "Tỳ-kheo không được ăn chung một bát, nếu ăn chung thì phạm Đột-kiết-la. Không phạm là nếu ăn no rồi đưa cho ăn". Lúc đó Lục quần Tỳ-kheo không mặc ca sa mà ngồi ăn, Phật bảo: "Không được không mặc ca sa mà ngồi ăn, nếu không mặc mà ngồi ăn thì phạm Đột-kiết-la". Lúc đó Lục quần Tỳ-kheo ở trần lau chùi, Phật bảo: "Không được ở trần lau chùi, nếu ở trần thì phạm Đột-kiết-la". Lục quần Tỳ-kheo khi lau chùi để lộ bày thân, Phật bảo: "Không được khi

lau chùi để lộ bày thân, nếu để lộ thân thì phạm Đột-kiết-la". Lúc đó có hai Tỳ-kheo ở trần lau chùi cho nhau, Phật bảo: "Nếu ở trần lai chùi cho nhau thì cả hai đều phạm Đột-kiết-la".

Phật tại nước Xá-vệ, có Tỳ-kheo tên Nghi ly việt thấy trong canh đậu nhỏ có một hạt đậu còn sống liền đem gieo xuống đất, hạt đậu này sau đó nẩy mầm ra lá hoa. Tỳ-kheo này nói với các Tỳ-kheo : "Canh đậu nhỏ bất tịnh, không nên ăn", các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật hỏi Nghi ly việt: "Thầy thật có việc như thế phải không ?", đáp: "Thật có như thế thưa Thế tôn", Phật đủ lời khen ngợi giới và người trì giới rồi bảo các Tỳ-kheo: "Nếu canh chưa chín nên nấu lại, nếu đậu trước còn sống, nên tác tịnh rồi nấu".

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó các Tỳ-kheo tác yết ma kết tịnh địa, Phật bảo: "Từ nay không cho tác yết ma kết tịnh địa, nếu làm thì phạm Đột-kiết-la".

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó có Tỳ-kheo tên Ngưu-ty, ăn rồi nhai lại, các Tỳ-kheo cho là ăn phi thời nên nói Tỳ-kheo này ăn quá ngọ, Tỳ-kheo này nghe rồi trong lòng ưu sầu không vui, bạch Phật, Phật bảo các Tỳ-kheo : "Này các Tỳ-kheo, các thầy đừng cho là Tỳ-kheo này ăn quá ngọ, vì sao, vì Tỳ-kheo này đã năm trăm đời sanh trong loài trâu, do tập khí nhai lại nên nay tuy được sanh làm người vẫn còn nhai lại", Phật lại bảo Tỳ-kheo Ngưu-ty: "Những lúc nhai lại như vậy, thầy nên ở chỗ khuất,

không nên ở trước mọi người".

Phật tại nước Ba-già, vương tử Bồ-đà thỉnh Phật và Tăng vào ngày mai thọ thực, Phật im lặng nhận lời, cư sĩ biết Phật đã nhận lời liền đảnh lễ Phật hữu nhiễu rồi ra về. Về đến nhà ngay trong đêm đó lo sửa soạn đủ các món ăn ngon, sáng sớm trải tòa rồi sai sứ đến bạch Phật: "Đã đến giờ thọ thực, xin Phật tự biết thời". Lúc đó Phật và Tăng cùng đến nhà vương tử theo thứ lớp ngồi xong rồi, do mọi người trong nhà vương tử, lớn nhỏ phần nhiều đều không tin Phật, hoặc là Bà-la-môn, hoặc là người chốn biên địa nên khi dâng cúng thức ăn đều không như pháp khiến cho một nửa vào trong bát, một nửa rớt xuống đất. Các Tỳ-kheo không biết làm sao, bạch Phật, Phật nói: "Thức ăn rớt trên lá cỏ đã thọ thì được ăn; nếu rớt trên đất thì thổi đất mà ăn, nếu dính nhiều đất thì lấy nước rửa sạch rồi ăn".

Phật tại thành Vương xá, Lục quần Tỳ-kheo ăn trong bát đồng, các cư sĩ quở trách: "Sa-môn Thích tử tự xưng là bậc hiền thiện có đức mà lại ăn trong bát đồng, như Bà-la-môn", Phật bảo: "Từ nay không được ăn trong bát đồng, nếu ăn thì phạm Đột-kiết-la". Lúc đó Lục quần Tỳ-kheo ở chỗ rửa chân rửa chân, lại nói chuyện cùng người khác. Tỳ-kheo khác thấy liền ói mửa, Phật bảo: "Từ nay không được khi đang rửa chân, nói chuyện cùng người khác, nếu nói thì phạm Đột-kiết-la". Sau khi

Tự tứ, Phật du hành giáo hóa, gặp một Tỳ-kheo tay cầm giày da mà đi, Phật hỏi nguyên do, Tỳ-kheo đáp: "Giày bị mòn, chỗ giày mòn đi rất ngứa chân, lại không có vật lau chân", Phật bảo: "Từ nay cho cất chứa vật lau chân để hết ngứa chân".

Phật tại thành Vương xá, có thí chủ cúng quạt cho Tăng, các Tỳ-kheo không thọ nói rằng: "Phật chưa cho chúng tôi thọ quạt", liền bạch Phật, Phật bảo: "Từ nay cho cất chứa quạt, Tăng được cất chứa, một người cũng được cất chứa". Có người cúng phất trần cho Tăng, các Tỳ-kheo không thọ nói rằng: "Phật chưa cho chúng tôi thọ phất trần", liền bạch Phật, Phật bảo: "Từ nay cho cất chứa phất trần, Tăng được cất chứa, một người cũng được cất chứa". Lại có người cúng phất trần bằng lông đuôi của con trâu Ly mao, các Tỳ-kheo không thọ vì không biết dùng để làm gì, liền bạch Phật, Phật bảo: "Cho thọ, dùng để phủi quét tháp Phật, tháp A-la-hán". Lại có thí chủ cúng lá cây Đa-la cho Tăng, các Tỳ-kheo không thọ nói rằng: "Phật chưa cho chúng tôi thọ lá cây Đa la", liền bạch Phật, Phật bảo: "Từ nay cho cất chứa lá cây Đa la, Tăng được cất chứa, một người cũng được cất chứa".

Phật tại thành Vương xá, lúc đó Lục quần Tỳ-kheo tự cầm dù đi vào nhà người, các cư sĩ quở trách: "Sa-môn Thích tử tự xưng là bậc hiền thiện có đức mà lại tự cầm dù đi vào nhà người, như vua đại thần", Phật bảo: "Từ nay không được cầm dù

đi vào nhà người, nếu cầm phạm Đột-kiết-la. Không phạm là mở dù ra hoặc để ở ngoài cổng".

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó có hai Bà-la-môn tên là Cù-bà và Dạ-bà, do tín kính Phật nên xuất gia. Hai vị này vốn đọc tụng thông suốt bốn bộ Vệ đà của ngoại đạo, sau khi xuất gia vẫn dùng âm thanh ấy để đọc tụng kinh Phật. Thời gian sau, một người qua đời, người còn lại khi đọc tụng kinh Phật không thuộc rành, lại không có bạn khác nên trong lòng ưu sầu không vui, đem việc này bạch Phật, Phật bảo: "Từ nay nếu dùng âm thanh đọc tụng ngoại thơ để đọc tụng kinh Phật thì phạm Đột-kiết-la".

Phật tại nước Xá-vệ, có Tỳ-kheo bỏ kinh luật luận để học ngoại thơ, văn chương và binh pháp, xa lìa kinh Phật, Phật bảo: "Từ nay nếu Tỳ-kheo bỏ kinh luật luận để học ngoại thơ, văn chương và binh pháp thì phạm Đột-kiết-la". Khi Phật chưa chế giới này, hai Trưởng lão Xá-lợi-phất và Đại Mục-kiền-liên ngồi trên tòa cao thuyết pháp cho các tân Tỳ-kheo và các Sa di, đồng thời dạy họ đọc tụng ngoại thơ để phá luận thuyết của ngoại đạo; sau khi Phật chế giới này, hai Trưởng lão không dạy nữa. Lúc đó các Bà-la-môn nghe Sa-môn Cù đàm chế giới không cho các đệ tử học ngoại thơ, liền đến nói với các Ưu-bà-tắc: "Hãy cùng đi với chúng tôi đến chỗ Tỳ-kheo", đến nơi, các ngoại đạo này cùng các tân Tỳ-kheo và các Sa di bàn luận và

khiến cho các vị này không trả lời được. Sở dĩ các vị này không trả lời được vì hai lẽ: Một là mới vào đạo không lâu, hai là Phật chế giới không cho học ngoại thơ. Các ngoại đạo tỏ vẻ khinh thường, nói với các cư sĩ: "Đại sư của các vị mà các vị đã cúng dường, đã tôn trọng, ngồi trên, ăn trước là như vậy hay sao", các Ưu-bà-tắc nghe rồi trong lòng ưu sầu không vui đem việc này bạch Phật, Phật bảo các Tỳ-kheo : "Từ nay cho học ngoại thơ để phá luận thuyết của ngoại đạo".

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó Trưởng lão Ca-lưu-đà-di nổi lửa đốt cây cỏ, giết hại nhiều sinh vật, Phật bảo: "Từ nay không được nổi lửa đốt, nếu nổi lửa đốt, tùy giết bao nhiêu sinh vật thì phạm tội bấy nhiêu".

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó có Tỳ-kheo khán bịnh chưa đủ năm tuổi hạ, vì người bịnh phải lìa y chỉ sư vào tụ lạc kiếm mua thuốc nhưng không được. Vị này suy nghĩ: "Phật chế giới chưa đủ năm hạ thì không được lìa y chỉ sư cho đến một đêm", nghĩ rồi liền đến chỗ khác cầu y chỉ sư, vị thầy y chỉ này cũng bị bịnh, Tỳ-kheo này suy nghĩ: "Thầy y chỉ kia bịnh, thầy y chỉ này cũng bịnh, ta phải làm sao", liền đem việc này bạch Phật, Phật bảo: "Từ nay cho lìa y chỉ sư năm, sáu đêm không phạm". Lục quần Tỳ-kheo nghe điều này liền lìa y chỉ sư trong năm đêm, nói rằng: "Lìa y chỉ sư để khỏi phải hầu hạ", các Tỳ-kheo đem việc này bạch

Phật, Phật bảo các Tỳ-kheo : "Từ nay nếu có thầy y chỉ tốt, dù lìa y chỉ sư một đêm cũng phạm Đột-kiết-la. Nếu Tỳ-kheo không y chỉ thì ngay cả nước rửa chân của Tăng cũng không được lấy dùng".

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó Trưởng lão Ca-lưu-đà-di đắp ngược y Câu chấp, các Tỳ-kheo thấy liền sợ hãi, bạch Phật, Phật bảo: "Từ nay không được đắp ngược y Câu chấp, nếu đắp ngược thì phạm Đột-kiết-la; nếu ở trong nhà che thân thì không phạm".

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó có người đem y Câu chấp bên trong lót nhung, cúng cho Trưởng lão Tu-bồ-đề. Trưởng lão không thọ nói rằng: "Phật chưa cho chúng tôi thọ y Câu chấp bên trong lót nhung", liền bạch Phật, Phật bảo: "Từ nay cho cất chứa y Câu chấp bên trong lót nhung, Tăng được cất chứa, một người cũng được cất chứa". Lại có người đem y Câu chấp một nửa đã nhuộm thành sắc, một nửa chưa nhuộm thành sắc, cúng cho Trưởng lão Tu-bồ-đề, Trưởng lão không thọ nói rằng: "Phật chưa cho chúng tôi thọ y Câu chấp một nửa đã nhuộm thành sắc, một nửa chưa nhuộm thành sắc", liền bạch Phật, Phật bảo: "Từ nay cho cất chứa y Câu chấp một nửa đã nhuộm thành sắc, một nửa chưa nhuộm thành sắc, Tăng được cất chứa, một người cũng được cất chứa".

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó có năm Tỳ-kheo được cúng y, chiều dài năm khuỷu tay, chiều rộng

ba khuỷu tay. Khi đắp y này vào tụ lạc, y dài kéo lê trên đất nên bị dơ, chân đạp lên làm một đầu y rớt xuống đất, đắp không còn ngay ngắn nữa, liền bạch Phật, Phật bảo: "Cho làm dây cột vào nút, tra nút ở gần thành viền của y". Y vẫn kéo lê trân đất bị dơ…, Phật bảo: "Cho lật ngược y lên". Lúc đó Phật đích thân làm dây và tra nút ở cách thành viền của y khoảng bốn ngón tay, làm dây cột dài khoảng tám ngón tay. Phật bảo các Tỳ-kheo nên làm giống như vậy.

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó có Tỳ-kheo mặc Nê-hoàn tăng không cột dây lưng mà vào tụ lạc, Nê-hoàn tăng rớt xuống đất, Tỳ-kheo hổ thẹn, bạch Phật, Phật bảo: "Từ nay mặc Nê-hoàn tăng không cột dây lưng mà vào tụ lạc thì phạm Đột-kiết-la". Lại có Tỳ-kheo mặc Nê-hoàn tăng cột dây lưng một vòng, khi vào tụ lạc nhảy mũi làm đứt dây, liền bạch Phật, Phật bảo: "Từ nay không được mặc Nê-hoàn tăng cột dây lưng một vòng mà vào tụ lạc, nếu như thế thì phạm Đột-kiết-la".

Lúc đó có người đem dây thắt lưng bằng lụa cúng cho Trưởng lão Tu-bồ-đề, Trưởng lão không thọ, Phật bảo: "Từ nay cho thọ ba loại dây thắt lưng: Một là bằng lụa, hai là bằng dây tơ, ba là bằng dây đan". Lúc đó khi cột dây lưng, Nê-hoàn tăng dễ bị rách, Phật bảo nên làm khoen.

Lúc đó Lục quần Tỳ-kheo mặc Nê-hoàn tăng hoặc như một tai, hoặc xếp nhỏ, hoặc như đầu cái

búa, hoặc mặc so le, hoặc bằng vải thưa mỏng… Phật đều bảo không được mặc như thế, nếu mặc thì phạm Đột-kiết-la.

Phật tại thành Vương xá, Lục quần Tỳ-kheo dùng tay vuốt tóc giống như lưỡi trâu liếm, Phật bảo: "Không được dùng tay vuốt râu tóc, nếu vuốt thì phạm Đột-kiết-la". Lúc đó Lục quần Tỳ-kheo hai người nằm chung một giường, Phật bảo: "Từ nay không cho hai người nằm chung một giường, nếu nằm chung thì phạm Đột-kiết-la; nếu một người nằm, một người ngồi thì không phạm". Lúc đó Lục quần Tỳ-kheo hai người nằm chung một phu cụ, Phật bảo: "Từ nay không cho hai người nằm chung một phu cụ, nếu nằm chung thì phạm Đột-kiết-la; mỗi người nằm riêng phu cụ thì không phạm". Lục quần Tỳ-kheo hai người lại nằm đắp chung một y, Phật bảo: "Từ nay không cho hai người nằm đắp chung một y, nếu đắp chung thì phạm Đột-kiết-la; mỗi người đắp riêng một y thì không phạm".

Phật tại thành Vương xá, lúc đó Lục quần Tỳ-kheo mặc y của thế tục, các cư sĩ quở trách: "Sa-môn Thích tử tự xưng là bậc hiền thiện có đức mà lại mặc y của thế tục, không khác gì bạch y", Phật bảo: "Từ nay không được mặc y của thế tục, nếu mặc thì phạm Đột-kiết-la". Lục quần Tỳ-kheo mặc Nê-hoàn tăng kéo xắn lên như người muốn đánh nhau hoặc như người đang làm việc, Phật bảo: "Từ

nay không được mặc Nê-hoàn tăng kéo xăn lên, nếu mặc như thế thì phạm Đột-kiết-la; không phạm là khi leo lên thang hoặc lợp nhà". Lúc đó Lục quần Tỳ-kheo gánh hoặc vác mà đi giống như bò, lừa chở nặng. Phật bảo: "Từ nay không được gánh hoặc vác mà đi, nếu như thế thì phạm Đột-kiết-la".

Phật tại nước Xá-vệ, ở nước Kiều-tát-la có một tụ lạc nơi biên địa, dân chúng ở nơi đây vì sợ giặc cướp nên hay bỏ đi trốn. Lúc đó có một Tỳ-kheo từ nước Kiều-tát-la đi đến nước Xá-vệ ngang qua tụ lạc này, từ xa thấy Tỳ-kheo tay cầm trượng và đãy đựng bát liền cho là giặc cướp đến nên bỏ chạy. Khi Tỳ-kheo đến gần mới biết là không phải, liền hỏi là Sa-môn nào, đáp là Sa-môn Thích tử, họ liền nói: "Thầy làm mất pháp Sa-môn, hoại pháp Sa-môn vì khiến chúng tôi sợ hãi". Tỳ-kheo không biết làm sao, đem việc này bạch Phật, Phật bảo: "Từ nay Tỳ-kheo khi đi, không được cầm trượng và đãy, nếu cầm thì phạm Đột-kiết-la".

Sau khi Tự tứ, Phật du hành giáo hóa gặp một Tỳ-kheo già yếu tay cầm bát mà đi, Phật liền hỏi nguyên do, đáp là vì không có vật để đựng, Phật bảo: "Từ nay đối với Tỳ-kheo già bịnh, Tăng nên tác yết ma cho họ được cầm trượng và đãy đựng bát khi đi". Tác pháp yết ma như sau: Tăng nhất tâm hòa hợp, Tỳ-kheo già bịnh từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch bày vai hữu chắp tay bạch Tăng:

Đại-đức tăng nhớ nghĩ, con là Tỳ-kheo già bịnh

tên ..... Tỳ-kheo Tăng xin cầm trượng và đãy đựng bát khi đi. Xin Tăng thương xót cho con là Tỳ-kheo già bịnh được cầm trượng và đãy đựng bát khi đi (3 lần).

Tăng nên xét nếu Tỳ-kheo này nói là già bịnh mà thật không phải già bịnh thì không nên cho; nếu thật là già bịnh thì nên cho. một Tỳ-kheo trong Tăng nên tác bạch yết ma cho như sau: Đại-đức tăng lắng nghe, Tỳ-kheo này tên ..... già bịnh nay theo Tăng xin cầm trượng và đãy đựng bát khi đi. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay cho Tỳ-kheo già bịnh này được cầm trượng và đãy đựng bát khi đi. Bạch như vậy.

Như thế Bạch-nhị-yết-ma cho đến câu Tăng đã chấp thuận cho Tỳ-kheo già bịnh này cầm trượng và đãy đựng bát khi đi xong rồi. Tăng chấp thuận vì im lặng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó đang thuyết pháp cho đại chúng, có vua Ba-tư-nặc nước Kiều-tát-la cũng ngồi trong hội. Lúc đó có một Tỳ-kheo vì ăn tỏi nên đứng cách xa đại chúng vì nghĩ rằng: "Nếu vào trong hội Phật và vua sẽ nghe mùi hôi". Phật thuyết pháp chỉ dạy cho vua được lợi hỉ rồi im lặng, vua đảnh lễ hữu nhiều rồi đi, vua đi không lâu sau, Phật hỏi A-nan vì sao Tỳ-kheo đó đứng cách xa đại chúng, A-nan bạch Phật nguyên do, Phật hỏi: "Các Tỳ-kheo cũng ăn như thế hay sao?", đáp là cũng có ăn, Phật nói: "Nếu ăn tỏi thì sẽ mất pháp lợi, Tỳ-

kheo đó nếu vào trong hội nghe pháp thì sẽ được chánh kiến", Phật bảo các Tỳ-kheo: "Từ nay không được ăn tỏi, nếu ăn thì phạm Đột-kiết-la".

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó Trưởng lão Xá-lợi-phất mắc bịnh phong, thầy thuốc bảo nên nấu tỏi trong sữa uống, bịnh sẽ lành, liền đem việc này bạch Phật, Phật nói: "Cho nấu tỏi trong sữa để uống, nhưng phải thuận theo hành pháp ăn tỏi. Hành pháp ăn tỏi là người ăn tỏi không nên gần Phật, cho đến Hòa thượng, A-xà-lê, tất cả Thượng tòa, tháp Phật, tháp Thanh văn, giảng đường nhà ăn của Tăng, không được vào trong Tăng phường phải đứng ngoài cửa… cho đến không được ngồi trong chỗ mọi người ngồi. Khi lành bịnh nên quét dọn sạch sẽ nơi ở, lau chùi giường ghế, đập giũ ngọa cụ mền chiếu, nếu thấy còn mùi hôi thì nên giặt rửa. Ra khỏi phòng đóng cửa rồi mới đi".

Phật tại thành Vương xá, lúc đó Lục quần Tỳ-kheo tự lấy trái Ha-lê-lặc đưa cho tịnh nhân rồi thọ lại để ăn, Phật bảo: "Từ nay không được tự lấy trái Ha-lê-lặc, đưa cho tịnh nhân rồi thọ lại để ăn; nếu làm thế thì phạm Đột-kiết-la. Tất cả loại trái khác cũng như vậy".

Phật tại nước Xá-vệ, có Tỳ-kheo tên Nan-đề làm Dữ học Sa di (Học hối Sa di) như trước đã nói.

Phật tại nước Xá-vệ, Trưởng lão Tất-lân-già-bà ta bịnh đau mắt, thầy thuốc bảo hòa thuốc làm

thành viên, để trên lửa đốt rồi lấy khói thoa. Trưởng lão Ưu-ba-ly hỏi Phật nên dùng vật gì làm thuốc, Phật bảo: "Trừ thanh mộc hương dược hòa hợp, tất cả loại hương dược khác được dùng, đốt lấy khói thoa". Lúc đó dùng tay lấy khói không được, Phật bảo làm ống tre, ống tre quá dài không lấy được khói, Phật bảo đừng làm quá dài, làm ngắn thì bị cháy tay, Phật bảo đừng làm quá ngắn. Viên thuốc để ở chỗ này, ống tre để chỗ khác khó tìm, Phật bảo làm túi để đựng, khi đựng trong túi ống tre làm viên thuốc bị bể, Phật bảo nên để thuốc trong cái đỉnh, ống tre không cột đầu nên rớt xuống đất, Phật bảo nên cột.

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó có Tỳ-kheo bịnh dùng tô dầu thoa thân, không tắm rửa nên ngứa ngáy khó chịu, Phật bảo nên dùng tháo đậu chà rửa. Trưởng lão Ưu-ba-ly hỏi Phật nên dùng vật gì làm, Phật bảo: "Dùng đậu lớn, đậu nhỏ, đâu Ma-sa, đậu oản, cỏ Ca-đề, Ba là, hạt Le-tần-đà để làm".

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó Trưởng lão Xá-lợi-phất bị bịnh máu nóng, thầy thuốc bảo nên dùng nước Ba-ma-ni để tắm. Trưởng lão Ưu-ba-ly hỏi Phật nên dùng vật gì để làm, Phật bảo: "Trừ cây độc, tất cả loại cây, hoa lá khác đều được dùng làm".

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó Trưởng lão Tất-lân-già-bà ta bịnh đau mũi, thầy thuốc bảo dùng thuốc cao nhỏ vào mũi, Trưởng lão dùng ngón tay hoặc

dùng cọng lông chấm thuốc để nhỏ, không vào trong được nên bịnh nặng thêm, bạch Phật, Phật bảo nên dùng ống tre, ống tre lớn nên làm nhỏ lại, khi nhỏ thuốc đều đổ ra ngoài, không vào trong mũi được, Phật bảo: "Không nên lớn quá, cũng không nên nhỏ quá, nên làm khoảng chừng một Ba là hoặc nửa Ba là". Khi nhỏ thuốc muốn ói liền dùng tay hứng lấy, khi dùng tay hứng lấy liền muốn ói, Phật bảo nên dùng vải cũ hứng lấy.

Phật tại nước Xá-vệ, Trưởng lão Tất-lân-già-bà ta đau mắt, bà con đưa xe đến chở Trưởng lão đi, đáp là Phật chưa cho đi xe, liền bạch Phật, Phật nói: "Nếu bịnh thì cho đi". Lúc đó Phật chưa cho đi kiệu, bạch Phật, Phật cho đi, khi đi kiệu, các Tỳ-kheo thòng chân xuống, Phật bảo nên gác chân lên tấm ván, gác chân lên thì thân không an. Phật bảo nên cầm mộc cách (cán kiệu), cầm đau tay, Phật bảo nên dùng vải quán quanh cán kiệu. Khi ngồi kiệu, ánh mặt trời chiếu vào mặt, Phật bảo nên làm mái che, tất cà vật cần dùng trang hoàng trên xe kiệu đều cho làm.

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó ở tinh xá Kỳ hoàn, các Tỳ-kheo đại tiện khắp nơi, thần chấp kim cang Mật tích cùng các phi nhơn đều nổi sân quở trách: "Nơi đây được dùng làm chỗ bất tịnh hay sao?", Phật bảo các Tỳ-kheo: "Không được đại tiện khắp nơi, nên đi ở một chỗ". Đi ở chỗ tụ thành một đống phân lớn, Phật bảo đem đổ bỏ, khi đem đổ bỏ liền

ói mửa, Phật bảo nên đào hầm để đi, đào hầm xong, khi đi đại tiện dơ chân, Phật bảo nên làm chỗ để chân. Trưởng lão Ưu-ba-ly hỏi Phật nên dùng vật gì làm, Phật bảo nên dùng gỗ, đá, gạch làm. Khi đại tiện do trống trải không có vách ngăn nên mọi người nhìn thấy, Phật bảo nên làm vách ngăn, làm vách ngăn xong, ra vào lại nhìn thấy nhau, Phật bảo nên làm cửa. Có Tỳ-kheo già bịnh khi lên nhà xí bị ngã, muốn đứng dậy lại té sấp xuống, Phật bảo nên làm mộc cách (lan can) để vịn. Lúc đó cần nước để rửa chỗ đại tiện, Phật bảo nên dùng lu đựng nước; không có tro đất rửa, Phật bảo nên dùng cái chum đựng tro đất. Lúc đó để chum tro đất này trên đất bằng, bò ngựa khỉ nai… đến đạp bể, Phật bảo nên đào đất đặt xuống; do không có nắp đậy nên rắn rít bò trong đó căn ác Tỳ-kheo, Phật bảo nên làm nắp đậy. Khi rửa dùng nhiều tro đất thành bùn làm dơ chân, Phật bảo nên làm chỗ để chân. Trưởng lão Ưu-ba-ly hỏi Phật nên dùng vật gì làm, Phật bảo nên dùng gỗ, đá, gạch làm. Các Tỳ-kheo khi rửa lộ thân, Phật bảo nên làm vách ngăn; hai, ba người cùng rửa nhìn thấy nhau, nên làm vách ngăn riêng; ra vào lại nhìn thấy nhau, Phật bảo nên làm cửa.

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó ở tinh xá Kỳ-hoàn, các Tỳ-kheo tiểu tiện khắp nơi, Thần chấp kim cang Mật tích cùng các phi nhơn đều nổi sân quở trách: "Nơi đây được dùng làm chỗ bất tịnh hay sao?", Phật bảo các Tỳ-kheo : "Không được tiểu

tiện khắp nơi, nên đi ở một chỗ". Đi một chỗ nước đọng thành dòng kênh, Phật bảo nên đi trong chậu, chậu đầy, Phật bảo đem đổ, khi đem đổ các Tỳ-kheo ói mửa, Phật bảo nên làm lỗ dưới đáy chậu. Chậu để lâu bốc mùi hôi, Phật bảo nên đậy nắp, khi giở nắp tiểu tiện, mùi hôi càng nồng nặc, Phật bảo nên làm lỗ nhỏ trên nắp. Xung quanh chậu nước tiểu chảy làm dơ chân, Phật bảo nên làm chỗ để chân. Trưởng lão Ưu-ba-ly hỏi Phật nên dùng vật gì làm, Phật bảo nên dùng gỗ, đá, gạch làm. Các Tỳ-kheo khi tiểu tiện lộ thân, Phật bảo nên làm vách ngăn; hai, ba người cùng tiểu tiện nhìn thấy nhau, nên làm vách ngăn riêng; ra vào lại nhìn thấy nhau, Phật bảo nên làm cửa. Lúc đó người cúng bình sành, ác Tỳ-kheo không thọ vì không biết dùng làm gì, Phật bảo nên thọ, dùng để đựng nước hoặc dùng để lấy nước dùng trong nhà tắm.

Phật tại nước Sô-ma, lúc đó Phật đang thuyết cho các Tỳ-kheo về năm ấm, đó là sắc thọ tưởng hành thức. Phật bỗng nhảy mũi, năm trăm Tỳ-kheo đồng thanh nói lão thọ, Phật bảo: "Các thầy nói lão thọ thì được lão thọ hay sao, từ nay không được nói lão thọ, nếu nói lão thọ thì phạm Đột-kiết-la".

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó các Tỳ-kheo vào thành khất thực được thí chủ cúng nhiều món ăn ngon như sữa, tô, sanh tô, thục tô, dầu, mật, cá, thị, nem. Các Tỳ-kheo không thọ vì sợ phạm tội xin thức ăn ngon, bạch Phật, Phật bảo: "Không xin mà

được thì nên nhận".

2. Hai Mươi Pháp Tạp Kế:

Phật tại thành Vương xá, lúc đó trưởng giả Bạt đề làm Tăng phường lớn, trang hoàng đẹp đẽ nhưng không lợp mái nên phòng xá bị dột, bạch Phật, Phật bảo nên lợp mái. Lợp xong trên nóc lại bị dột, Phật bảo nên lợp trên nóc cho dày, lợp dày lại bị gió thổi bay, Phật bảo nên đóng đinh, đóng đinh xong lại bị dột từ lỗ đinh, Phật bảo nên úp nồi trên chỗ đóng đinh, úp xong gió thổi khua ra tiếng, Phật bảo dùng lá, cỏ cột đầu lại rồi mới úp nồi xuống.

Phật tại nước Xá-vệ, các Tỳ-kheo cất chứa y quý giá, đốt lửa giặt y, khi đập giũ, y bị co rút lại, Phật bảo nên dùng cây đập giũ hết bụi đất dính; khi đập bụi đất bám vào trong điều dài, Phật bảo nên dùng cây nhỏ đập, bụi đất lại bám vào trong điều ngắn, Phật bảo nên đập lại lần nữa. Lúc đó các Tỳ-kheo nhuộm y xong liền dùng chổi quét căn thuốc nhuộm dính trên y, y liền đổi màu, trên y có nhiều đường do chổi quét, Phật bảo nên dùng vải mới để lau.

Phật tại thành Vương xá, trưởng giả Bạt đề làm Tăng phường lớn đẹp đẽ nên có nhiều người đến tham quan, không có tấm trải đất nên trong Tăng phường có nhiều bụi đất. Các Tỳ-kheo suy nghĩ: "Nếu Phật cho dùng tấm trải đất thì tốt", bạch Phật,

Phật bảo cho dùng tấm trải đất.

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó các Tỳ-kheo không có vật dụng giã thuốc, bạch Phật, Phật bảo nên dùng đá để giã.

Phật tại thành Vương xá, lúc đó vua Bình sa xây năm trăm tăng phòng trong Trúc viên, có cái xong có cái chưa xong thì băng hà. Thời gian sau, vua A-xà-thế đến trong Trúc viên thấy phòng xá này liền hỏi là ai làm, đáp là phụ vương của vua làm, vua hỏi vì sao không làm cho xong, đáp là không có tiền, vua nói: "Tôi sẽ cúng". Sau khi làm xong phòng xá, lại không có cầu thang nên không lên trên được, vua đến hỏi: "Phòng trên đó có ai ở không?", đáp là không có, vua hỏi vì sao, đáp là vì không có cầu thang, vua nói: "Ta sẽ làm ", liền bạch Phật, Phật bảo cho làm, Trưởng lão Ưu-ba-ly hỏi Phật nên dùng vật gì làm, Phật bảo nên dùng cây gỗ, gạch đá.

Phật tại thành Vương xá, do Tăng phường rộng lớn nên có nhiều khách Tỳ-kheo đến hoặc vào đầu đêm, hoặc vào giữa đêm, cuối đêm, hoặc mang giường lớn, hoặc mang giường nhỏ, hoặc cầm mền, hoặc tọa cụ… ngủ qua đêm rồi, sáng hôm sau bỏ đó mà đi. Trưởng lão Đà-phiêu là người trông coi việc phân chia phòng xá ngọa cụ cho Tăng, sáng hôm sau phải đi khắp nơi thu cất giường chiếu rất khổ cực. Lúc đó Trưởng lão suy nghĩ: "Nếu Phật cho dùng kim khâu lại giường chiếu thì tốt",

bạch Phật, Phật bảo cho dùng kim khâu, Trưởng lão Ưu-ba-ly hỏi Phật nên dùng vật gì làm, Phật bảo dùng sắt đồng làm.

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó Trưởng lão Xá-lợi-phất bị bịnh máu nóng, thầy thuốc bảo đốt đá bỏ trong sữa để uống, bạch Phật, Phật bảo cho đốt đá bỏ trong sữa để uống. Khi đốt đá, các Tỳ-kheo dùng cỏ, lá cây đốt, khi bỏ vào trong sữa, tro đất làm dơ sữa, bạch Phật, Phật bảo: "Cho dùng đồng sắt làm vĩ, để đá trên vĩ đốt, đốt xong, giũ hết tro đất rồi mới để vào trong sữa".

Phật tại nước Xá-vệ, có người đem lò lửa cúng cho Trưởng lão Tu-bồ-đề, bạch Phật, Phật bảo nên thọ. Lúc đó để củi vào đốt, củi cháy rớt xuống, các Tỳ-kheo dùng tay cầm lên thì bị bỏng tay, Phật bảo nên dùng cái gắp lửa.

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó Trưởng lão Xá-lợi-phất bị bịnh phong hàn, thầy thuốc bảo nên tắm nước nóng, bạch Phật, Phật bảo cho tắm nước nóng. Khi tắm dùng bát, kiền tư đựng nước, nước ít không đủ dùng, Phật bảo nên dùng nồi đựng. Các Tỳ-kheo đổ nước đầy nồi, đem ra ngoài đất trống, chất củi bốn bên nồi đốt nấu, nồi bị bể, bạch Phật, Phật bảo nên để nồi trên ba cục đá, ở dưới ba cục đá đốt củi khó cháy, Phật bảo nên chẻ củi rồi đốt.

Phật tại nước A-la-tỳ, lúc đó xá ngang của cửa chùa bị hư, Phật hỏi A-nan vì sao không kêu thợ

sửa, A-nan nói là thợ mộc bận nên không làm được, Phật bảo A-nan đi mượn dụng cụ của thợ mộc đến, A-nan mượn xong mang đến cho Phật, Phật tự tay sửa lại cái xà ngang của cửa chùa. Sửa xong Phật bảo các Tỳ-kheo : "Từ nay cho cất chứa dụng cụ của thợ mộc, tùy sửa được cái gì thì sửa".

Phật tại nước A-la-tỳ, lúc đó đang lợp Tăng phường, Tỳ-kheo đứng dưới đất đưa cỏ lá lên không tới, Phật bảo nên làm thang, làm thang cũng đưa không tới, Phật bảo nên làm cầu thang, làm cầu thang rồi cũng không lợp khắp hết, Phật bảo nên làm trần nhà rồi lợp, làm trần nhà rồi không biết nên lợp như thế nào, Phật bảo nên đóng cọc rồi dùng dây cột, tùy ý di chuyển cọc này để lợp lên.

Phật tại nước Xá-vệ, có Tỳ-kheo bị sưng nam căn, máu mủ chảy ra làm dơ y, bạch Phật, Phật bảo nên dùng vải quấn bọc lại.

Phật tại nước Xá-vệ, có Tỳ-kheo bịnh, người nuôi bịnh còn nhỏ tuổi, đứng ôm Tỳ-kheo bịnh quá lâu nên ngã xỉu xuống suýt chết, bạch Phật, Phật bảo: "Người nhỏ tuổi nuôi bịnh Tỳ-kheo thì được ngồi chung với người bịnh, người bịnh phải thương mến và quan tâm tới".

Phật tại nước Xá-vệ, các Tỳ-kheo mặc y mới nhuộm vào thành khất thực bỗng gặp mưa lớn, các Tỳ-kheo liền cởi y để một chỗ. Do ẩm ướt nên y

đổi màu, bạch Phật, Phật bảo nên phơi, khi phơi do trải trên đất nên dính đất, Phật bảo nên tô trét đất rồi hãy phơi; làm rồi phơi vẫn không khô, Phật bảo nên treo lên dây phơi; y vẫn không được khô, Phật bảo nên dùng cọc cong để phơi; y vẫn không được khô, Phật bảo nên phơi trên giường; y vẫn không được khô, Phật bào nên phơi trên giá, làm giá phơi y lại chướng ngại chỗ đi lại, Phật bảo nên để một chỗ; để một chỗ thì lại gần vách làm dơ y, Phật bảo nên để cách xa vách; y vẫn không được khô, Phật bảo nên phơi trên cao.

Phật tại nước A-la-tỳ, lúc đó các Tỳ-kheo lo liệu vật dụng để tắm, có Tỳ-kheo khi đi tắm cởi y để chỗ đất trống, rắn rít, bò cạp bò vào trong y, khi Tỳ-kheo lấy y mặc liền bị cắn, Phật bảo nên làm giá y, treo y lên giá rồi mới đi tắm.

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó phu nhân Mạt-lợi vào Kỳ hoàn nghe pháp, các Tỳ-kheo thuyết pháp trong bóng tối, phu nhân hỏi vì sao không đốt đèn, đáp là không có đèn, phu nhân nói: "Con sẽ cúng đèn", đem việc này bạch Phật, Phật bảo: "Từ nay cho đốt đèn". Sau đó phu nhân lại cúng tòa cao cho chúng Tăng, đem việc này bạch Phật, Phật bảo nên thọ, phu nhân suy nghĩ: "Nếu Phật cho ta vẽ lên tòa cao này thì tốt", Phật bảo: "Trừ vẽ hình nam nữ giao hợp, tất cả hình tượng khác đều được vẽ".

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó Lục quần Tỳ-kheo nhăn nhành dương dài, các cư sĩ quở trách: "Sa-

môn Thích tử tự xưng là bậc hiền thiện có đức mà lại nhăn nhành dương dài". Có Tỳ-kheo thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng rồi hỏi Lục quần Tỳ-kheo: "Các thầy thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo lại nhăn nhành dương dài. Từ nay không được nhăn nhành dương dài, nếu làm như thế thì phạm Đột-kiết-la". Các Tỳ-kheo liền nhăn nhành dương ngắn, thấy Phật kinh hành đến, các Tỳ-kheo vì cung kính Phật nên nuốt nhành dương, mặc kẹt nơi cổ họng suýt chết. Phật do nhân duyên này nhóm Tỳ-kheo tăng bảo các Tỳ-kheo : "Từ nay cho dùng ba loại nhành dương là thương trung và hạ, thượng là dài khoảng mười hai ngón tay, hạ là dài khoảng sáu ngón tay, trung là dài ở khoảng giữa của hai loại trên".

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó có Tỳ-kheo độ con làm đệ tử cọng hành, đệ tử không như pháp; các Tỳ-kheo nói: "Đệ tử này không như pháp, sao không đuổi đi?", đáp: "Đệ tử đó lại là con của tôi, làm sao đuổi đi được". Các Tỳ-kheo không biết làm sao, liền đem việc này bạch Phật, Phật bảo các Tỳ-kheo : "Dù là con hay đệ tử nếu không như pháp thì nên đuổi đi".

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó Sa di La-hầu-la đùa

nghịch với thầy là Ca-lưu-đà-di, bị thầy đuổi ra ngoài cửa tinh xá liền đứng đó khóc. Phật từ ngoài đi vào tinh xá, thấy La-hầu-la đứng khóc liền hỏi nguyên do rồi bảo các Tỳ-kheo : "Từ nay không được đuổi Sa di ra khỏi già lam, chỉ đuổi ra khỏi phòng thôi". Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó các Tỳ-kheo khạc nhổ trên đất sạch làm cho đất dơ, Phật bảo: "Từ nay không được khạc nhổ trên đất sạch, nếu làm thế thì phạm Đột-kiết-la". Các Tỳ-kheo không biết khạc nhổ ở đâu, Phật bảo nên dùng tay hứng; khi dùng tay hứng, các Tỳ-kheo liền ói mửa, Phật bảo nên dùng cái bô để khạc nhổ, khạc nhổ đầy bô, Phật bảo nên đem đổ; các Tỳ-kheo khi đem đổ lại ói mửa, phật bảo nên bỏ tro đất, cát vào trong bô để tiêu chất đàm dãi.

Phật tại thành Vương xá, lúc đó Trưởng lão Đại Ca-diếp khi lên xuống núi Kỳ-xà-quật bị nắng thiêu đốt, mồ hôi chảy vào mắt nên mắt bị đau, bạch Phật, Phật bảo nên dùng khăn tay sạch để lau.

Phật tại nước Xá-vệ, Trưởng lão Bạt-đề tu hạnh đầu đà, khi vào nhà tắm, tắm không cho ai vào kỳ cọ, Trưởng lão suy nghĩ: "Nếu Phật cho ta dùng dây đan để tự kỳ cọ thì tốt", bạch Phật, Phật bảo cho dùng dây đan. Trưởng lão Ưu-ba-ly hỏi Phật nên dùng vật gì làm, Phật bảo: "Dùng lông chiên, cỏ Sô-ma, Kiếp-bối, cỏ Văn xà, cỏ Bà sa để làm". Lúc đó Trưởng lão Xá-lợi-phất bị đau xương sống, suy nghĩ: "Nếu Phật cho ta mang dây thiền để ngồi

thì tốt", bạch Phật, Phật bảo: "Cho mang dây thiền để ngồi". Trưởng lão Ưu-ba-ly hỏi Phật nên dùng vật gì làm, Phật bảo: "Dùng lông chiên, cỏ Sô-ma, Kiếp-bối, cỏ Văn xà, cỏ Bà sa và da để làm".

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó Phật bịnh phong nên đau xương sống, thầy thuốc bảo dùng tô, dầu thoa thân rồi ngâm mình trong nước nóng. Phật bảo A-nan mang bồn nước nóng đến, Phật dùng tô dầu thoa thân rồi ngâm mình trong bồn nước nóng nên bịnh được lành. Phật do việc này nhóm Tỳ-kheo tăng bảo các Tỳ-kheo: "Từ nay nếu ai mắc bịnh phong, cho dùng tô dầu thoa thân rồi ngâm mình trong nước nóng để trị bịnh".

Phật tại nước A-la-tỳ, lúc đó trời sắp tối, có nhiều Tỳ-kheo khách đến, phu cụ của Tăng ít, các Tỳ-kheo không biết phải chia như thế nào nên bạch Phật, Phật bảo: "Từ nay nên theo thứ lớp từ bậc Thượng tòa mà phân chia, nếu ai chưa có phu cụ thì nên đưa cỏ lá để mỗi người tự trải làm ngọa cụ nằm". Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó có Tỳ-kheo ở nơi A-lan-nhã thuộc nước Kiều-tát-la, Tỳ-kheo này dùng ngọc pha lê để lấy lửa. Có tên giặc cướp thấy Tỳ-kheo này có ngọc phát lửa liền cho đó là ngọc lưu ly nên đến bảo Tỳ-kheo đưa ngọc, Tỳ-kheo đáp: "Tôi không có ngọc lưu ly", tên cướp cho là Tỳ-kheo không chịu đưa ngọc nên giết Tỳ-kheo, giết rồi tìm lấy ngọc mới biết đó chỉ là ngọc pha lê, liền suy nghĩ: "Vì ngọc pha lê này mà ta đã

giết Tỳ-kheo". Tên cướp liền để xác Tỳ-kheo nằm ngửa, bỏ ngọc pha lê vào bụng Tỳ-kheo rồi đi. Sau giờ ăn, các Tỳ-kheo kinh hành thấy Tỳ-kheo này bị giết chết liền nói với nhau: "Vì ngọc pha lê này mà bị người khác hại", các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật bảo các Tỳ-kheo : "Từ nay không được cất chứa nguyệt châu, nhật châu; nếu cất chứa thì phạm Đột-kiết-la".

Phật tại thành Vương xá, lúc đó các Tỳ-kheo cất chứa y quý giá, đốt lửa để giặt y rồi để trên đá đập, giặt xong thì y bị rách. Phật bảo nên để y trên tấm ván bằng rồi dùng tay vò giặt. Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó phu nhân Mạt-lợi làm một giảng đường trang hoàng đẹp đẽ rồi cúng cho Tăng, các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật bảo các Tỳ-kheo : "Giảng đường nay thanh tịnh, nên thọ để ở". Lúc đó có các chim như uyên ương, chim sẽ, quạ… bay đến kêu vang làm trở ngại các Tỳ-kheo tụng kinh ngồi thiền, bạch Phật, Phật bảo nên làm chấn song, chim vẫn bay đến, Phật bảo nên làm lưới. Trưởng lão Ưu-ba-ly hỏi Phật nên dùng vật gì làm lưới, Phật bảo: "Dùng lông chiên, cỏ Sô-ma, Kiếp-bối, cỏ Văn-xà, cỏ Bà-sa để làm; mắt lưới nhỏ như mắt chim sẽ". Chim vẫn bay đến, Phật bảo nên treo rèm, treo rèm trong phòng tối tăm, Phật bảo nên làm dây để kéo rèm lên.

Phật tại nước A-la-tỳ, Tăng già lam mới xây không có chổi để quét, bạch Phật, Phật bảo nên làm

chổi để quét.

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó Trưởng lão Tất-lân-già-bà ta bị đau mắt, suy nghĩ: "Nếu Phật cho ta ngồi tòa cao thì tốt", bạch Phật, Phật bảo cho ngồi tòa cao. Khi ngồi tòa cao, Trưởng lão lại sợ rơi xuống đất, Phật bảo nên làm lan can.

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó tăng phường không có cửa nên trâu bò, ngựa, khỉ… vào trong Tăng phường, Phật bảo nên làm cửa. Lúc đó các Tỳ-kheo không biết nên để kim may ở đâu, bạch Phật, Phật bảo nên làm ống kim. Các Tỳ-kheo lại không biết để thuốc ở đâu, bạch Phật, Phật bảo: "Nên cất chứa vật đựng thuốc"; lại không có vật dụng để phơi thuốc, Phật bảo nên làm vật dụng để phơi thuốc.

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó cư sĩ Cấp-cô-độc cúng nệm cho Tăng, các Tỳ-kheo không thọ nói rằng: "Phật chưa cho chúng tôi thọ nệm", liền bạch Phật, Phật bảo: "Từ nay cho cất chứa nệm, Tăng được cất chứa, một người cũng được cất chứa". Lúc đó các Tỳ-kheo không cất chứa nệm riêng để trải lên ngọa cụ của tăng, khi ngồi làm hư, khi đứng lên lông dồn nệm dính lên người; các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật bảo các Tỳ-kheo: "Nên tự cất chứa nệm dùng để trải lên ngọa cụ của tăng, nếu không làm như thế thì phạm Đột-kiết-la".

Phật tại nước A-la-tỳ, các Tỳ-kheo ở nơi đất trống co một chân để rửa chân, bị té ngã suýt chết,

bạch Phật, Phật bảo nên làm chỗ để rửa chân. Trưởng lão Ưu-ba-ly hỏi Phật nên dùng vật gì làm, Phật bảo nên dùng gỗ, đá, gạch làm.

Phật tại nước A-la-tỳ, có Tăng già lam mới làm, do trời hạn hán lâu ngày nên đất đai khô cằn, sau đó trời mưa lớn làm cho mặt đất lầy lội, các Tỳ-kheo ra vào đều phải đi trên mắt đất lầy lội này, Phật bảo nên làm chỗ để chân dẫm lên. Trưởng lão Ưu-ba-ly hỏi Phật nên dùng vật gì làm, Phật bảo nên dùng gỗ, đá, gạch làm. Tăng già lam này có nhiều phòng, các Tỳ-kheo ở trước mỗi phòng đều để vật dẫm chân, Phật bảo: "Nên ở chung quanh, từng hàng làm chỗ để chân dẫm lên thì tốt".

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó có các Tỳ-kheo từ nước Kiều-tát-la đến nước Xá-vệ, giữa đường gặp một ngòi nước chảy liền ở bên bờ cởi giày da, cầm hai chiếc giày đập vào nhau để giũ bụi đất bay ra. Các thiên thần nổi giận chê trách: "Ở đây các Tỳ-kheo không nên làm như vậy", các Tỳ-kheo không biết làm sao, đem việc này bạch Phật, Phật bảo các Tỳ-kheo : "Từ nay ở giữa đường không nên đập giày da, nếu đập thì phạm Đột-kiết-la, nếu trong giày da có bụi đất, nên dùng da dê mềm để lau".

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó có rồng con (long tử) tín kính Phật pháp nên vào trong Kỳ hoàn để nghe pháp, có Tỳ-kheo dùng dây cột vào cổ rồng rồi đem bỏ ở chỗ không người. Rồng con này chạy về bên rồng mẹ kêu khóc, rồng mẹ hỏi rõ nguyên

do rồi nổi giận liền đi đến chỗ Phật. Lúc đó Phật đang thuyết pháp cho đại chúng, từ xa thấy rồng mẹ đến, Phật liền dùng sức từ tâm tam muội để diệt trừ tâm ác của rồng, rồng mẹ đem việc trên bạch Phật, Phật thuyết pháp chỉ dạy cho rồng mẹ được lợi hỉ rồi im lặng, rồng mẹ đảnh lễ Phật, hữu nhiễu rồi đi. Rồng mẹ đi không lâu sau, Phật do nhân duyên này nhóm Tỳ-kheo Tăng rồi bảo các Tỳ-kheo: "Từ nay không được dùng dây cột rắn rồi đem bỏ ở chỗ không người, nếu làm thế thì phạm Đột-kiết-la. Nên dùng đồ đựng nó hoặc trùm đầu nó lại đưa đến chỗ xa không có người, không được cất chứa dây cột rắn, nếu cất chứa thì phạm Đột-kiết-la".

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó có người chăn ngựa đến nước Xá-vệ, đem rất nhiều loại bánh cúng cho Tăng, các Tỳ-kheo nói: "Phật chưa cho chúng tôi thọ bánh", bạch Phật, Phật nói: "Thức ăn này thanh tịnh nên thọ".

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó các Tỳ-kheo không có vật dụng để ngâm y, bạch Phật, Phật bảo: "Nên cất chứa bồn chậu để ngâm y". Lại không có vật dụng để giặt y, Phật bảo nên cất chứa bồn chậu để giặt y.

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó trưởng giả Bạt-đề xây Tăng phường lớn, trang hoàng đẹp đẽ cúng cho Tăng và nghĩ: "Nếu Phật cho ta dùng các màu xanh, đỏ, trắng đen để trang nghiêm phòng xá thì

tốt", bạch Phật, Phật bảo cho dùng.

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó trưởng giả Ưu-già đem một vật dụng làm bằng gỗ Ngưu đầu chiên đàn trị giá mười lượng vàng và phu cụ Diêm phù đến chỗ Phật bạch rằng: "Thế tôn, vật dụng này làm bằng gỗ Ngưu đầu chiên đàn trị giá mười lượng vàng và phu cụ Diêm phù này xin dâng cúng Thế tôn, khi nào Thế tôn bị bịnh phong thì dùng vật dụng này đựng dầu thoa lên người", Phật im lặng thọ nhận, trưởng giả dâng cúng Phật rồi đảnh lễ hữu nhiễu xong ra về. Trưởng giả ra về không lâu, Phật do nhân duyên này nhóm Tỳ-kheo tăng rồi bảo các Tỳ-kheo : "Hôm nay trưởng giả Ưu-già đem một vật dụng làm bằng gỗ Ngưu đầu chiên đàn trị giá mười lượng vàng và phu cụ Diêm phù cúng cho ta. Từ nay Tỳ-kheo nào có bịnh như vậy, không xin mà họ tự cúng thì nên thọ để dùng".

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó có người cúng cho Tăng các loại hương thơm đã hòa chế, các Tỳ-kheo không thọ vì không biết dùng để làm gì, bạch Phật, Phật bảo nên thọ, dùng để thoa phòng xá. Các Tỳ-kheo đem thoa bên ngoài phòng xá, những người đến tham quan nghe mùi hương này cho là tháp Phật, tháp Thanh văn; dân chúng kéo đến xem đông nên có đủ các âm thanh như voi ngựa xe, tiếng cười nói của nam nữ…làm trở ngại các Tỳ-kheo tụng kinh ngồi thiền, các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật bảo các Tỳ-kheo: "Từ nay nếu

thọ các loại hương đã hòa chế nên thoa bên trong phòng xá hoặc thoa trên thành giường, chân giường, tấm trải giường, giá y cho trong phòng được thơm, người cúng cũng được phước".

-oOo-

LUẬT THẬP TỤNG

QUYỂN 39 TẠP TỤNG (Tiếp Theo)

2. Hai Mươi Pháp Tạp Kế (Tiếp Theo):

Phật tại nước Sô-ma, lúc đó Phật đang thuyết cho năm trăm Tỳ-kheo về năm ấm, đó là sắc thọ tưởng hành thức. Trong lúc nghe pháp, các Tỳ-kheo để bát ở ngoài đất trống, Thiên ma liền biến thành con bò lớn đi đến chỗ để bát, có Tỳ-kheo trông thấy liền nói với các Tỳ-kheo : "Hãy nhìn xem, có một con bò lớn đang đi đến chỗ để bát, ắt sẽ làm bể bát của chúng ta", Phật bảo các Tỳ-kheo : "Đó không phải là bò mà là thiên ma biến hóa ra muốn phá hoại tâm của các thầy. Từ nay nên làm chỗ để bát ở trong phòng".

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó có một số Tỳ-kheo tháp tùng theo các thương nhơn du hành từ nước Kiều-tát-la đến nước Xá-vệ, khi đi ngang qua đường hiểm, trong số các xe chở dầu của các thương nhơn này có một xe bị hư, chân bò bị thương, chủ nhân của xe chở dầu này nói với các thương nhơn bạn rằng: "Tùy theo khả năng hãy chở giúp tôi ít nhiều số dầu này, đừng bỏ lại nơi đây", các thương nhơn bạn nói: "Xe của chúng tôi đều

đã chở đầy rồi, không thể chở giúp thêm", nói rồi liền cùng nhau bỏ đi trước, người này ở lại với số dầu trên xe nên trong lòng ưu sầu. Lúc đó các Tỳ-kheo này đi tới, họ đi sau đoàn vì hai lý do: Một là sợ bụi dơ, hai là sợ nghe tiếng xe; thương nhơn này thấy Tỳ-kheo vui mừng nghĩ rằng: "Ta nên đem số dầu này cúng cho các Tỳ-kheo", nghĩ rồi liền nói: "Các vị hãy tập họp lại, tôi muốn cúng số dầu này", các Tỳ-kheo nhận dầu cùng chia nhau đựng đầy trong bát lớn, bát vừa, kiền tư… gánh mang đi. Khi đến chợ gặp lại các thương nhơn đã đi trước, họ thấy các Tỳ-kheo gánh dầu đi đến liền nói rằng: "Các thầy mua dầu từ đâu mang đến đây, định bán ở đâu…", các Tỳ-kheo nghe rồi trong lòng không vui, đem việc này bạch Phật, Phật bảo: "Từ nay không được gánh dầu đi trên đường, nếu gánh đi thì phạm Đột-kiết-la".

Sau khi Tự tứ, Phật du hành giáo hóa gặp một Tỳ-kheo tay cầm giày da mà đi, liền hỏi nguyên do, đáp: "Thế tôn, giữa các ngón chân của con bị lở, không có vật đựng thuốc bôi", Phật bảo: "Từ nay cho cất chứa túi đựng tô dầu, túi này đựng chừng một thăng hoặc nửa thăng; cho chứa thêm vật phủ túi".

Phật cùng các Tỳ-kheo du hành từ nước Ca-tỳ-la-vệ đến nước Xá-vệ, lúc đó có các Thiên thần đi theo sau các Tỳ-kheo nghĩ rằng: "Nếu các Tỳ-kheo có thuyết pháp, chúng ta được nghe sẽ được lợi ích

lớn". Không ngờ các Tỳ-kheo trên đường đi chỉ toàn nói cười đùa giỡn, các Thiên thần nổi giận quở trách: "Tại sao các Tỳ-kheo trên đường đi không thuyết pháp chú nguyện để cho các thiên thần được lợi hỉ", các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật bảo các Tỳ-kheo: "Từ nay các Tỳ-kheo trên đường đi nên thuyết pháp chú nguyện cho các Thiên thần được lợi hỉ". Lúc đó các Tỳ-kheo hoặc đứng ở trong vườn, hoặc đứng dưới gốc cây, hoặc bên bờ nước hoặc bên bờ suối, hoặc ở chỗ đông người, có các Thiên thần suy nghĩ: "Nếu các Tỳ-kheo có thuyết pháp, chúng ta được nghe sẽ được lợi ích lớn", nghĩ rồi liền bảo các Tỳ-kheo nên thuyết pháp chú nguyện cho các Thiên thần được lợi hỉ, các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật bảo các Tỳ-kheo: "Từ nay các Tỳ-kheo khi đứng trong vườn, hoặc dưới gốc cây hoặc bên bờ nước… nên thuyết pháp chú nguyện cho các Thiên thần được lợi hỉ".

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó trời sụp tối, các Tỳ-kheo đi đến chỗ có giặc cướp, thấy giặc cướp rồi sợ hãi nên làm mất y, các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật bảo các Tỳ-kheo :"từ nay các Tỳ-kheo không nên đi đến chỗ có giặc cướp vào trời sắp tối. Nếu có việc phải đi nên lấy y chia ra để trên hai vai, dùng dây buộc chặt vào thắt lưng rồi đi nhanh qua đoạn đường hiểm có giặc".

Phật tại nước A-la-tỳ, lúc đó ở nước này bị hạn hán không có nước, Phật bảo nên đào giếng. Lúc

đó ở trong nước này có Tăng phường vừa mới xây xong, các Tỳ-kheo quét đất không biết bỏ ở đâu, bạch Phật, Phật bảo: "Nên dùng sọt đựng rác".

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó có Tỳ-kheo bị đau bụng, do thường đứng dậy đi đại tiện nên rất mỏi mệt, Phật bảo nên khoét một lỗ trên giường, phía dưới đặt cái bô cho người bịnh đi tại chỗ.

Phật tại nước Xá-vệ, Trưởng lão Ưu-ba-ly hỏi Phật: "Thế tôn, như vua Phất-ca-la sa dòng Bà-la-môn đến Phật xin được ba cách kính lễ: Một là nếu Sa-môn Cù đàm thấy vua lúc ngồi trên voi, tay cầm dây cương, hoặc mang giày da, hoặc co chân lại, hoặc bỏ khăn bịt đầu, đó là cách vua kính lễ Sa-môn Cù đàm. hai là khi thấy vua đi trên đường hoặc đứng thẳng chân, hoặc bỏ mũ Thiên quan, hoặc bỏ dù lọng, đó là cách vua kính lễ Sa-môn Cù đàm . Ba là khi thấy vua ở trong đại chúng hoặc nói lớn tiếng hoặc cười vui vẻ, hoặc vén góc y, đó là cách vua kính lễ Sa-môn Cù đàm. Tỳ-kheo có nên kính lễ theo ba cách này không?", Phật nói: "Không được, miệng nói Hòa nam, thân cúi mình xuống là tâm tịnh. Này Ưu-ba-ly, Tỳ-kheo kính lễ là phải từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch bày vai hữu, quỳ sát đất, hai tay chạm chân của bậc Thượng tòa".

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó các Tỳ-kheo ở trong Kỳ hoàn ngồi cạo tóc khắp nơi, Thần chấp Kim cang nổi giận quở trách, các Tỳ-kheo đem

việc này bạch Phật, Phật bảo các Tỳ-kheo: "Từ nay không được ngồi cạo tóc khắp nơi, nên ở tại một chỗ". Lúc đó ở một nơi cạo tóc, tóc tụ lại thành đống lớn, Phật bảo nên đem đổ bỏ, khi đem đổ bỏ các Tỳ-kheo ói mửa, Phật bảo nên đào hầm đổ bỏ.

Phật tại nước Xá-vệ, có người cúng cho Tăng tràng hoa, các Tỳ-kheo không thọ vì không biết dùng để làm gì, bạch Phật, Phật bảo nên thọ rồi treo trên vách, phòng được thơm, người cúng cũng được phước.

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó tóc của các Tỳ-kheo mọc ra dài, thợ cạo tóc bận việc, trong số Tỳ-kheo có một vị trước kia là thợ cạo tóc nghĩ rằng: "Nếu Phật cho cất chứa dao cạo tóc, ta sẽ cạo tóc cho chúng tăng", bạch Phật, Phật bảo: "Cho cất chứa dao cạo tóc để cạo tóc cho chúng Tăng". Lúc đó móng tay của các Tỳ-kheo ra dài, thợ cắt móng tay bận việc, trong số Tỳ-kheo có một vị trước kia là thợ cắt móng tay nghĩ rằng: "Nếu Phật cho cất chứa dao cắt móng tay, ta sẽ cắt móng tay cho chúng tăng", bạch Phật, Phật bảo: "Cho cất chứa dao cắt móng tay để cắt móng tay cho chúng Tăng". Lúc đó lông mũi của các Tỳ-kheo ra dài, thợ cạo tóc nhổ lông mũi bận việc, trong số Tỳ-kheo có một vị trước kia là thợ cạo tóc nghĩ rằng: "Nếu Phật cho cất chứa nhíp nhổ lông mũi, ta sẽ nhổ lông mũi cho chúng tăng", bạch Phật, Phật bảo: "Cho cất chứa nhíp nhổ lông mũi để nhổ lông

mũi cho chúng Tăng".

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó có Tỳ-kheo để giường dây trên chỗ đất trống, ngồi kiết già trên đó, trời nóng nên ngủ gật. Có một con rắn độc bò ngang trước giường thấy đầu Tỳ-kheo gục gật cho là muốn hại nó nên phóng tới mổ vào trán Tỳ-kheo, Tỳ-kheo vẫn ngủ không tỉnh, con rắn mổ vào trán lần thứ hai, Tỳ-kheo vẫn ngủ không tỉnh, mổ lần thứ ba thì Tỳ-kheo chết. Các Tỳ-kheo thọ thực xong kinh hành đến chỗ này thấy Tỳ-kheo đã chết, các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng rồi bảo các Tỳ-kheo : "Từ nay dưới chân của giường dây nên cao bằng tám ngón tay của Phật".

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó Trưởng lão Tất-lân-già-bà ta đau mắt, khi vào nhà tắm tắm, mồ hôi chảy vào mắt càng nặng thêm, Phật bảo nên lấy bùn đắp lên trán, hơi bùn bay vào mắt lại càng nặng thêm, Phật bảo nên dùng hương thơm hòa với bùn đắp lên trán.

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó Trưởng lão Ưu-ba-ly hỏi Phật: "Như Phật đã bảo Mục-liên rằng: "Từ nay Tăng tự thuyết giới, ta không vào trong Tăng nữa, không biết vị nào nên thuyết giới?", Phật bảo: "Thượng tòa nên thuyết giới, nếu Thượng tòa không thông lợi thì Thượng tòa thứ hai nên thuyết giới, theo thứ lớp từ bậc Thượng tòa như vậy, vị nào có thể thuyết giới được thì nên thuyết giới".

Lúc đó có người thuyết giới quên, khi quên thì im lặng, Phật bảo nên nhắc, các Tỳ-kheo lại nhắc theo thứ tự, Phật bảo: "Không được nhắc theo thứ tự, chỉ nhắc chỗ nào quên mà thôi".

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó Trưởng lão Ưu-ba-ly hỏi Phật: "Thế tôn, Bà-la-môn A-kỳ-đạt bố thí tám loại nước uống cho Tăng, đó là nước Châu la, nước Mâu la, nước Câu-la, nước Lầu-già, nước Thuyết bàn-đề, nước Pha-lê-sa, nước Lê, nước Nho, ngày nay thọ ngày mai uống dùng có thể được không?", Phật bảo: "Nếu nước không đục thì người bịnh được uống dùng, nếu nước đục thì không được uống dùng". Phật tại thành Vương xá, lúc đó trong Tăng phường lớn có khách

Tỳ-kheo vào đầu đêm, giữa đêm, cuối đêm mỗi mỗi thời đến, thấy Tỳ-kheo Hạ tòa đã cởi y nằm nghỉ rồi liền kêu dậy, Hạ tòa nói: "Thượng tòa không biết giờ giấc", các Tỳ-kheo không biết làm sao, đem việc này bạch Phật, Phật bảo các Tỳ-kheo : "Từ nay khi báo giờ, đánh kiền chùy đến lấy ngọa cụ rồi trải ngọa cụ, đốt đèn; khi sao xuất hiện đặt thiền trấn trên đầu thì từ lúc này trở đi không được kêu Hạ tòa dậy, nếu kêu dậy thì phạm Đột-kiết-la".

Phật tại nước A-la-tỳ, các Thượng tòa trong nước này đầu đêm ngồi thiền, giữa đêm trở về phòng, trên đường đi sợ gặp sư tử, cọp sói nên bạch Phật, Phật bảo nên làm vách ngăn hoặc hàng rào chung quanh. Lúc đó có phòng xá mới xây, trời

nắng hạn không mưa lâu ngày, đột nhiên có mưa lớn, nước mưa thấm vào tường vách làm cho hư hoại, các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật bảo các Tỳ-kheo nên làm hào chung quanh.

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó Tỳ-kheo-ni tăng tóc ra dài mà thợ cạo tóc bận việc, trong số Tỳ-kheo-ni có một vị tên là Đề-xá trước kia là thợ cạo tóc nghĩ rằng: "Nếu Phật cho cất chứa dao cạo tóc, ta sẽ cạo tóc cho chúng tăng", bạch Phật, Phật bảo: "Cho cất chứa dao cạo tóc để cạo tóc cho chúng Tăng". Lúc đó Tỳ-kheo-ni tăng móng tay ra dài, thợ cắt móng tay bận việc, trong số Tỳ-kheo-ni có ni Đề-xá trước kia là thợ cạo tóc nghĩ rằng: "Nếu Phật cho cất chứa dao cắt móng tay, ta sẽ cắt móng tay cho chúng tăng", bạch Phật, Phật bảo: "Cho cất chứa dao cắt móng tay để cắt móng tay cho chúng Tăng". Lúc đó Tỳ-kheo-ni tăng lông mũi ra dài, thợ cạo tóc bận việc, trong số Tỳ-kheo-ni có ni Đề-xá trước kia là thợ cạo tóc nghĩ rằng: "Nếu Phật cho cất chứa nhíp nhổ lông mũi, ta sẽ nhổ lông mũi cho chúng tăng", bạch Phật, Phật bảo: "Cho cất chứa nhíp nhổ lông mũi để nhổ lông mũi cho chúng Tăng".

Phật tại thành Vương xá, lúc đó Lục quần Tỳ-kheo lấy Bối châu đính trên y đắp mặc, các cư sĩ quở trách: "Sa-môn Thích tử tự xưng là bậc hiền thiện có đức mà lại lấy Bối châu đính trên y đắp mặc, như vua đại thần". Có Tỳ-kheo thiểu dục tri

túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng rồi hỏi Lục quần Tỳ-kheo : "Các thầy thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo lại lấy Bối châu đính trên y đắp mặc. Tứ nay không được lấy Bối châu đính trên y đắp mặc, nếu làm như thế phạm Đột-kiết-la ".

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó Bà-la-môn A-kỳ-đạt đem y cúng cho Phật, Phật bảo nên chia cho Tăng. Khi chia cho Tăng, các Tỳ-kheo không thọ, nói rằng: "Chúng tôi đã có đủ ba y", Bà-la-môn bạch Phật, Phật đưa dao cho A-kỳ-đạt bảo dùng dao cắt rọc một trương điệp đưa cho mỗi người để làm viền y. Lúc đó Trưởng lão Bạt-đề mặc nạp y quá cũ rách, Phật hỏi: "Nạp y của thầy sao quá cũ rách như thế?", đáp: "Thế tôn, đây là y phấn tảo nên dễ bị cũ rách", Phật bảo: "Dù là y phấn tảo hay y do cư sĩ cúng, nếu khéo cắt rọc may thành rồi muốn cho ngay ngắn, chung quanh nên may thành viền y".

Sau khi Tự tứ, Phật du hành giáo hóa gặp một Tỳ-kheo tay cầm giày da mà đi, liền hỏi nguyên do, đáp: "Thế tôn, giày của con bị đứt, thợ sửa giày bận việc không sửa được", Phật bảo: "Từ nay cho cất chứa dùi, dao, da; nếu người nào có thể khâu sửa được thì tùy ý khâu sửa lại".

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó Tỳ-kheo-ni tăng tụng giới không thông lợi, Tỳ-kheo-ni Cù-đàm-di đến chỗ Phật đảnh lễ rồi bạch Phật rằng: "Thế tôn, Tỳ-kheo-ni tăng tụng giới không thông lợi, xin Thế tôn chỉ dạy khiến cho được thông lợi", Phật nói: "Không được, nhưng nếu có Tỳ-kheo-ni nào vừa nghe ta nói có thể thọ trì thì hãy dẫn đến đây". Cù-đàm-di trở về trú xứ nói lại cho các Tỳ-kheo-ni biết, lúc đó có Tỳ-kheo-ni tên là Tu-mục-khư, vốn là dòng Bà-la-môn xuất gia, có đại niệm lực liền nói với Cù-đàm-di: "Tôi có thể thọ trì". Cù-đàm-di liền dẫn Tu-mục-khư đến chỗ Phật, không may lúc đó Phật sắp đi giáo hóa trong vòng hai tháng nên có trời, rồng, Dạ xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lầu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, nhơn và phi nhơn đều đến chỗ Phật, hai Tỳ-kheo-ni này đành phải trở về lại trú xứ, nói cho các Tỳ-kheo-ni biết phải đợi đến hai tháng sau. Khi Phật trở về lại nước Xá-vệ, Cù-đàm-di liền dẫn Tu-mục-khư đến chỗ Phật, đảnh lễ rồi bạch Phật là Tỳ-kheo-ni tên Tu-mục-khư này có thể thọ trì. Phật liền giảng nói, Tu-mục-khư vừa nghe liền thọ trì, Phật lại thuyết pháp chỉ dạy cho hai Tỳ-kheo-ni này được lợi hỉ rồi im lặng, hai Tỳ-kheo-ni đảnh lễ Phật hữu nhiễu rồi trở về trú xứ. hai Tỳ-kheo-ni ra về không lâu sau, Phật do việc này nhóm Tỳ-kheo tăng bảo các Tỳ-kheo rằng: "Từ nay Tỳ-kheo nên tụng giới Tỳ-kheo-ni, không nên để quên, vì sao, vì người nữ trí Tuệ tán

loạn hay quên, sau khi ta Bát Niết-bàn, Tỳ-kheo-ni nên theo Đại tăng hỏi giới pháp".

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó Trưởng lão A-nan đang thuyết pháp cho đại chúng, có một Thượng tòa đến sau bảo Tỳ-kheo Hạ tòa đứng dậy nhường chỗ, vị Hạ tòa này đứng dậy lui xuống thì vị Hạ tòa thứ ba phải đứng dậy lui xuống, cứ như thế thứ lớp đứng dây lui xuống nhường chỗ khiến trong chúng tán loạn, trở ngại việc nghe pháp. Các trưởng giả trong hội nói: "Trong đây đâu phải là thọ thực, cần gì phải ngồi theo thứ lớp làm cho trở ngại việc nghe pháp". Phật nghe thấy rồi, vì việc này nên nhóm Tỳ-kheo tăng rồi bảo các Tỳ-kheo: "Từ nay khi nghe pháp Thượng tòa đến sau không được bảo Hạ tòa đứng dậy nhường chỗ, nếu bảo đứng dậy thì phạm Đột-kiết-la. Nếu là Hòa thượng, A-xà-lê đến vì cung kính nên bản thân tự đứng dậy nhường chỗ thì không được bảo người khác đứng dậy, nếu bảo người khác đứng dậy thì phạm Đột-kiết-la. Tứ nay ba-Tỳ-kheo cách nhau ba tuổi hạ thì được cùng ngồi một giường lớn; hai người được cùng ngồi một giường dây; giường độc tọa thì chỉ được một người ngồi, không được hai người".

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó có trưởng giả thỉnh Phật và Tăng vào ngày mai thọ thực, Phật im lặng nhận lời, trưởng giả biết Phật đã nhận lời liền đảnh lễ Phật hữu nhiễu rồi ra về. Về đến nhà ngay trong đêm đó lo sửa soạn đủ các món ăn ngon, sáng sớm

trải tòa rồi sai sứ đến bạch Phật: "Đã đến giờ thọ thực, xin Phật tự biết thời". Lúc đó Lục quần Tỳ-kheo trước đã cùng Thập thất quần Tỳ-kheo tranh cải nhau nên khi Thập thất quần tới phiên giữ Tăng phường, Lục quần Tỳ-kheo tới phiên đưa thức ăn tới thì Lục quần Tỳ-kheo lại không đưa thức ăn tới đúng giờ khiến cho Thập thất quần bị đoạn thực ngày đó, như đã nói rõ trong nhân duyên leo lên cây.

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó có hai Tỳ-kheo tên Chiên-đà và Tô-đà làm bạn với nhau, cùng mặc thử y của người khác… như đã nói rõ trong Thiện tụng.

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó có người chăn heo làm mất heo, có người xấu bắt heo này đem đến bên bờ hào của tinh xá Kỳ hoàn giết rồi mang phần thịt đi, để lại phần ruột heo ở đó. Lúc đó các Tỳ-kheo vào trước ngọ đắp y mang bát vào thành khất thực, thấy ruột heo này ở trên đất liền nói với nhau: "Thầy mang ruột heo này về nấu còn tôi vào thành khất thực". Khi người mất heo vào thành kiếm heo, đến gần Kỳ hoàn thấy có khói bay lên nên đến hỏi Tỳ-kheo làm gì, đáp là nấu ruột heo, người này nói: "Tôi bị mất heo, thầy nấu ruột heo như vậy là đã giết heo của tôi", Tỳ-kheo nói là không có giết heo, người này nói: "Không giết thì làm sao có ruột heo nấu", đáp là lượm ở bên bờ hào, hai bên cùng nhau tranh cải và đưa đến chỗ quan xử đoán, quan hỏi Tỳ-kheo : "Thầy thật có giết heo không?", Tỳ-kheo

đáp: "Tôi thật không có giết, mà là lượm ở bên bờ hào của tinh xá Kỳ hoàn". Quan xử đoán này tín kính Phật pháp nên tin lời Tỳ-kheo, thả cho ra về và nói với Tỳ-kheo rằng: "Từ nay không nên lượm lấy ruột heo ở chỗ đất trống nữa". Tỳ-kheo này trở về kể lại cho các Tỳ-kheo khác nghe, các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật bảo: "Từ nay không được lượm lấy ruột heo nơi đất trống, nếu làm thế thì phạm Đột-kiết-la". Trường hợp lượm lấy trái Cam-giá-đa-la trong vườn cũng như thế.

Lúc đó có người có bà con chết, dùng tấm bạch điệp liệm cho người chết rồi đem bỏ trong rừng thây chết, Trưởng lão A-nan trên đường đi thấy tấm bạch điệp này rồi muốn đến lấy, người chết bỗng động đậy nói rằng: "Xin đừng lấy tấm bạch điệp của tôi", A-nan liền để lại rồi bỏ đi, về đến tinh xá kể lại việc trên cho các Tỳ-kheo nghe. Có một Tỳ-kheo tên là Hắc A-nan nghe rồi liền hỏi người chết hiện giờ ở đâu, đáp là ở tại ....., Tỳ-kheo này liền đến đó lấy tấm bạch điệp của người chết, người chết động đậy nói: "Xin đừng lấy tấm bạch điệp của tôi", Hắc A-nan liền nói: "Ngạ quỷ từ đâu đến mà tham muốn y này, đời trước ngươi keo kiệt nên mới đọa làm ngạ quỷ", nói rồi liền lấy tấm bạch điệp đi, ngạ quỷ theo sau đòi, Hắc A-nan về đến tinh xá, thiện thần giữ cửa không cho ngạ quỷ vào, xô xuống hào trước tinh xá. Hắc A-nan cầm bạch điệp khoe và kể lại việc trên cho các Tỳ-

kheo nghe, các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật bảo các Tỳ-kheo : "Từ nay thi thể của người chết chưa hoại thì không được lấy vật của họ, nếu lấy thì phạm Thâu-lan-giá". Phật bảo Hắc A-Nan đem thi thể của người chết trở về chỗ cũ và trả lại tấm bạch điệp cho người chết. Hắc A-nan phải đi sau, không được đi phía trước; nên đứng bên trái, không được đứng bên phải; nên đứng gần đầu, không được đứng gần chân và chớ để cho ngạ quỷ này đánh. Lúc đó Lục quần Tỳ-kheo nghe Phật chế điều này liền dùng kim châm chích vào người chết khiến cho hư hoại để lấy y vật. Có Tỳ-kheo thiểu dục tri túc nghe biết việc này, tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật bảo: "Từ nay không được lấy kim châm chích khiến cho thi thể người chết hư hoại, nếu làm như thế thì phạm Đột-kiết-la".

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó có người thí cho Tỳ-kheo-ni tăng một thùng gỗ, các Tỳ-kheo-ni không thọ vì không biết dùng để làm gì, bạch Phật, Phật bảo nên thọ, dùng để đựng tháo đậu (nước tro, xà bông). Lúc đó có một ni tên là Châu-na-nan-đề diện mạo đoan chánh, cô dùng dây thô buộc thắt lưng để cho eo nhỏ và mặc Nê-hoàn tăng xếp ở hai bên để cho mông to. Có một thương nhơn nhìn thấy liền nói với các bạn: "Hãy nhìn xem, cô ni này mông to", ni này nghe rồi tâm không vui, bạch Phật, Phật nói: "Từ nay Tỳ-kheo-ni không được

mặc Nê-hoàn tăng xếp ở hai bên nữa, nếu làm thế thì phạm Đột-kiết-la".

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó có một Tỳ-kheo không mặc áo trong, khi đứng dựa vào bức vách mới vẽ, khiến cho hình vẽ tróc ra, bạch Phật, Phật bảo: "Từ nay Tỳ-kheo không được không mặc áo trong mà đứng dựa bức vách mới vẽ, nếu làm thế thì phạm Đột-kiết-la".

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó các Tỳ-kheo đốt lửa khắp nơi trong Kỳ hoàn giống như lò rèn, thần chấp Kim cang nổi giận quở trách: "Tại sao Tỳ-kheo lại làm dơ đất nơi này", các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật bảo các Tỳ-kheo : "Từ nay không được đốt lửa khắp nơi, nếu làm thế thì phạm Đột-kiết-la, chỉ nên đốt một chỗ mà thôi".

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó các Tỳ-kheo ở trong Kỳ hoàn tắm rửa ở khắp nơi, dùng tháo đậu, tro đất nhiều khiến đất ẩm ướt sanh trùng, thần chấp Kim cang nổi giận quở trách: "Tại sao Tỳ-kheo lại làm dơ đất nơi này", các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật bảo các Tỳ-kheo : "Từ nay không được tắm rửa khắp nơi, nếu làm thế thì phạm Đột-kiết-la, chỉ nên tắm rửa một chỗ mà thôi".

Phật tại nước Thích ca, lúc đó Thích Ma-ha-nam thỉnh Phật và Tăng vào ngày mai thọ thực, Phật im lặng nhận lời, biết Phật đã nhận lời, ông

liền đảnh lễ Phật hữu nhiễu rồi ra về. Về đến nhà ngay trong đêm đó lo sửa soạn đủ các món ăn ngon, sáng sớm trải tòa rồi sai sứ đến bạch Phật: "Đã đến giờ thọ thực, xin Phật tự biết thời". Phật và Tăng đến nhà Thích Ma-ha-nam, thấy Phật và Tăng theo thứ lớp ngồi xong, ông liền tự tay dâng thức ăn và thịt lên cúng dường. Lúc đó Lục quần Tỳ-kheo ăn xong liền nhặt lấy xương để đầy trong bát muốn lát nữa mang về cho chó ăn. Thích Ma-ha-nam đi quanh xem chúng Tăng ăn thiếu đủ như thế nào, liền nhìn thấy trong bát của Lục quần Tỳ-kheo đựng đầy xương, thấy rồi liền quở trách: "Các Đại-đức, bát này là tiêu xí của hằng sa chư Phật, tại sao các thầy lại khinh tiện bát này, các vị khinh tiện bát này tôi cũng không buồn, chỉ sợ là lần sau các thầy lại mang bát bất tịnh này đến nhà tôi thọ thỉnh thực". Phật nghe thấy việc này rồi liền quở trách Lục quần Tỳ-kheo : "Tại sao lại đựng đầy vật bất tịnh trong bát, từ nay nếu đựng vật bất tịnh trong bát thì phạm Đột-kiết-la".

Phật tại thành Vương xá, lúc đó Lục quần Tỳ-kheo dùng chân nâng bát thọ thức ăn, Phật bảo: "Không được dùng chân nâng bát thọ thức ăn, nếu làm thế thì phạm Đột-kiết-la". Lục quần Tỳ-kheo lại dùng đầu mũi giày nâng bát thọ thức ăn, Phật bảo: "Không được dùng đầu mũi giày nâng bát thọ thức ăn, nếu làm thế thì phạm Đột-kiết-la".

Phật tại thành Vương xá, lúc đó Lục quần Tỳ-

kheo cho người không bát thọ giới cụ túc, trước đó Lục quần Tỳ-kheo cùng Thập thất quần Tỳ-kheo đã tranh cải nhau, Lục quần Tỳ-kheo tới phiên giữ Tăng phường, còn Thập thất quần Tỳ-kheo tới phiên đưa thức ăn tới nên đến chỗ họ đòi lấy bát, Tỳ-kheo không bát này liền hỏi: "Lấy bát để làm gì ?", đáp là để lấy thức ăn của thí chủ cúng đưa đến, Tỳ-kheo này đáp là không có bát, liền hỏi: "Thầy không có bát mà được xuất gia sao ?", đáp là đúng vậy, Thập thất quần Tỳ-kheo nói: "Thầy quả là người đại trí đức, không có bát mà được xuất gia", Tỳ-kheo này nghe rồi trong lòng không vui, các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật bảo các Tỳ-kheo : "Từ nay người không có bát không được cho xuất gia thọ giới cụ túc, nếu cho thì phạm Đột-kiết-la".

Phật tại thành Vương xá, lúc đó Thích tử Bạt-nan-đà độ một chúa giặc xuất gia làm Tỳ-kheo, khi vị này vào thành khất thực, đi đến nhà nào, chủ nhà trông thấy đều cất giấu y vật và nói rằng: "Người này giả bộ khất thực, nhìn thấy y vật của ta nhất định sẽ lấy cắp", Tỳ-kheo này nghe rồi trong lòng không vui, các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm Tỳ-kheo tăng rồi hỏi Bạt-nan-đà: "Thầy thật đã làm việc này phải không ?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo lại độ cho chúa giặc xuất gia", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo : "Từ nay

không được độ cho chúa giặc xuất gia, nếu độ thì phạm Đột-kiết-la. Nếu có nhân duyên muốn độ thì khi độ rồi, bảo họ đi khỏi bổn xứ đến chỗ cách xa năm, sáu do tuần. Thời gian sau nếu thấy hiền thiện có đức thì cho dẫn về lại".

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó thời thế mất mùa đói kém thiếu thức ăn, có một Tỳ-kheo chưa đủ năm tuổi hạ cần phải thọ y chỉ nên đến nhà người thân ở bốn, năm ngày liền từ giã, người thân hỏi vì sao muốn đi, đáp là vì phải thọ y chỉ, người thân nói: "Lúc này thời thế mất mùa đói kém, nếu đi có thể sẽ chết đói, thọ y chỉ có ích lợi gì". Tỳ-kheo này không biết làm sao, đem việc này bạch Phật, Phật bảo: "Từ nay gặp lúc thời thế mất mùa đói kém, nếu có thể ở chỗ ngày ngày đến gặp Hòa thượng được thì nên đến hằng ngày; nếu hằng ngày không thể đến được thì nên năm ngày đến một lần; nếu năm ngày không thể đến được thì khi bố tát nên đến; nếu bố tát không đến được thì khi Tự tứ nên đến gặp Hòa thượng".

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó có một tụ lạc ở biên cương nước Kiều-tát-la, do vua Ba-tư-nặc thâu thuế nên dân trong tụ lạc này đều bỏ đi hết; nơi đó có một trú xứ Tỳ-kheo, do không được y thực nên cũng bỏ đi. Thời gian sau, vua miễn thu thuế nên dân chúng lần lượt trở về chốn cũ, còn các Tỳ-kheo vẫn chưa trở về. Lúc đó có các ngoại đạo từ nước Kiều-tát-la đi đến nước Xá-vệ, ngang qua trú xứ

này, thấy Tăng phường trang nghiêm thanh tịnh, lại có đủ các vật cần dùng như nồi chảo, ngọa cụ, mền nệm… liền nói với các cư sĩ: "Tăng phường này trống không, nếu cho chúng tôi ở thì rất tốt", liền đáp là cứ tùy ý ở nên các ngoại đạo liền ở lại. Thời gian sau có các Tỳ-kheo từ nước Kiều-tát-la đi đến nước Xá-vệ, cũng ngang qua trú xứ này thấy Tăng phường trang nghiêm thanh tịnh lại có đủ các vật cần dùng của Tỳ-kheo, liền nói với nhau: "Nơi đây chắc chắn là trú xứ của-Tỳ-kheo đã ở trước kia", nói rồi liền vào trong Tăng phường đuổi các ngoại đạo đi ra, ngoại đạo nói: "Vì sao phải đi?", đáp: "Chỗ này trước kia là trú xứ của-Tỳ-kheo", ngoại đạo nói: "Đại-đức, chúng tôi ở đây không phải thọ từ các vị, các vị cũng không có đặt để chúng tôi đến ở đây, chúng tôi đã xin từ các cư sĩ để được ở, nếu các cư sĩ đuổi thì chúng tôi sẽ đi". Các Tỳ-kheo liền đến nói với các cư sĩ: "Chỗ này vốn là trú xứ của Tỳ-kheo chúng tôi, nên trả lại cho chúng tôi", các cư sĩ hỏi các Tỳ-kheo : "Các thầy bỏ Tăng phường này đi đã bao nhiêu năm rồi?", đáp là mười năm, lại hỏi các ngoại đạo: "Các vị đến đây ở đã bao nhiêu năm rồi?", đáp là mười năm, các cư sĩ nói: "Như vậy thì không thể đuổi đi được, vì sao, vì các Tỳ-kheo đã bỏ đi mười năm, còn các ngoại đạo đến ở đã mười năm thì không thể đuổi họ đi được". Các Tỳ-kheo im lặng, sau đó đem việc này bạch vua, vua liền nói: "Ai nói đã bỏ

mười năm thì phải đi, còn đến ở mười năm thì không được đuổi", nói rồi vua liền sai người đến đánh đuổi các ngoại đạo đi, các Tỳ-kheo không biết làm sao, đem việc này bạch Phật, Phật bảo các Tỳ-kheo: "Từ nay hai chùa ở gần nhau thì nên cùng làm yết ma một chỗ thọ thí nhưng bố tát hai nơi". Tác pháp yết ma như sau: Tăng nhất tâm hòa hợp, một Tỳ-kheo trong Tăng xướng rằng:

Đại-đức tăng lắng nghe, trú xứ này ..... và trú xứ kia ..... nay cùng yết ma một chỗ thọ thí nhưng bố tát hai nơi. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, trú xứ này ..... và trú xứ kia ..... nay cùng yết ma một chỗ thọ thí nhưng bố tát hai nơi. Bạch như vậy.

Như thế Bạch-nhị-yết-ma cho đến câu Tăng đã chấp thuận trú xứ này ..... và trú xứ kia ..... cùng yết ma một chỗ thọ thí nhưng bố tát hai nơi xong rồi. Tăng chấp thuận vì im lặng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

Phật bảo: "Trong hai trú xứ này nếu có một trú xứ bỏ không thì những vật dụng đã có như y vật, ngọa cụ… Tăng nên gom về một chỗ, thời gian sau nếu có Tỳ-kheo đến ở thì nên đưa trả lại".

Phật tại thành Vương xá, lúc đó Lục quần Tỳ-kheo đội vật trên đầu hay vác trên lưng, các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật bảo các Tỳ-kheo: "Từ nay không được đội vật trên đầu hoặc

vác trên lưng, nếu làm thế thì phạm Đột-kiết-la".

Phật tại thành Vương xá, lúc đó Thích tử Bạt-nan-đà độ tướng quân của vua xuất gia, khi ở biên cương có phản loạn, vua cho vời tướng quân đến, có người đáp là đã xuất gia, vua hỏi là xuất gia trong giáo phái nào, đáp là Sa-môn Thích tử, vua tức giận nói: "Chắc các Tỳ-kheo này sẽ độ hết tướng quân của ta". Có Tỳ-kheo thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng rồi hỏi Tỳ-kheo Bạt-nan-đà: "Thầy thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo lại độ tướng quân của vua", quở trách rồi bảo: "Từ nay không được độ tướng quân của vua, nếu độ thì phạm Đột-kiết-la".

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó Thích tử Bạt-nan-đà tranh cải với một thương nhơn, người này tức giận dùng tay đánh Bạt-nan-đà, Bạt-nan-đà liền đến quan xử đoán kiện thương nhơn đã đánh mình, quan xử đoán gọi thương nhơn đến hỏi là có đánh Tỳ-kheo không, đáp là có đánh, quan xử đoán liền hỏi quan pháp chế: "Người đánh Tỳ-kheo phạm tội gì?", đáp: "Pháp quy định nếu dùng chi phần nào đánh thì chặt bỏ chi phần đó", quan xử đoán hỏi thương nhơn là dùng chi phần nào đánh, đáp là dùng tay phải, quan xử đoán liền chặt bỏ tay phải

của thương nhơn. Lúc đó dân chúng trong thành đều nghe biết việc Sa-môn Thích tử thưa kiện khiến thương nhơn bị chặt tay, tiếng xấu lan ra khắp thành Xá-vệ. Có Tỳ-kheo thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng rồi hỏi Tỳ-kheo Bạt-nan-đà: "Thầy thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo lại đi kiện thưa khiến người khác bị chặt tay", quở trách rồi bảo: "Từ nay không được kiện cáo khiến người khác bị chặt tay, nếu làm thế thì phạm Thâu-lan-giá".

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó có một ngoại đạo do lòng tin ưa nên muốn xuất gia trong Phật pháp, liền đến hỏi các Tỳ-kheo: "Tôi muốn xuất gia, xin hỏi trong pháp xuất gia có việc khó gì không?", Tỳ-kheo nói: "Có pháp Tứ y: Một là nương theo pháp mặc y phấn tảo mà được xuất gia thọ giới cụ túc", ngoại đạo liền nói: "Tôi không thể mặc y phấn tảo, y dơ của người chết", Tỳ-kheo lại nói: "Hai là nương theo pháp khất thực mà được xuất gia thọ giới cụ túc", ngoại đạo nói: "Tôi có thể nương theo pháp khất thực này", Tỳ-kheo lại nói: "Ba là nương theo pháp ngồi dưới gốc cây mà được xuất gia thọ giới cụ túc", ngoại đạo nói: "Tôi có thể nương theo pháp ngồi dưới gốc cây này", Tỳ-kheo lại nói: "Bốn là nương theo pháp thọ thuốc cũ bỏ mà được

xuất gia thọ giới cụ túc", ngoại đạo nói: "Tôi không thể dùng loại thuốc cũ bỏ này". Sau khi nghe nói xong pháp Tứ y, ngoại đạo này không chịu xuất gia, các Tỳ-kheo không biết làm sao, đem việc này bạch Phật, Phật bảo các Tỳ-kheo: "Từ nay không nên nói pháp Tứ y trước, nên cho thọ giới cụ túc trước, nói pháp Tứ y sau".

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó có Tỳ-kheo mất y bát, một Tỳ-kheo quen biết thấy y bát này ở một chỗ khác liền nắm lấy người cầm y hỏi rằng: "Y bát này là của-Tỳ-kheo tên ....., vì sao lại ở trong tay thầy?", đáp: "Tôi mua được", liền hỏi: "Thầy mua vào lúc nào, có ai thấy hay không?", Tỳ-kheo này không biết làm sao, liền đem việc này bạch Phật, Phật bảo: "Nếu là mua được thì người này không phải là giặc, nếu trộm lấy được mới gọi là giặc. Y này đã mua với giá bao nhiêu, nếu thật là đã mua thì nên theo giá đã mua trả tiền lại cho người đã mua".

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó các Tỳ-kheo du hành trong vòng hai tháng, một Tỳ-kheo quen biết với Lục quần Tỳ-kheo liền đem y gởi cho Lục quần Tỳ-kheo để đi du hành… như trước đã nói rõ.

Phật tại thành Vương xá, lúc đó có năm Tỳ-kheo đến hỏi Phật là nên dùng vật gì để nhuộm y, Phật bảo: "Nên dùng rễ củ, thân cành, lá, hoa, quả và phân bò đực mới sanh để nhuộm y".

Phật tại nước A-la-tỳ, có Tăng già lam mới làm, các Tỳ-kheo không có chỗ kinh hành bèn bạch Phật, Phật bảo nên làm chỗ kinh hành; chỗ đó khí trời nóng bức nên khi đi kinh hành mồ hôi chảy, Phật bảo nên trồng cây ở chỗ kinh hành.

3. Hai Mươi Pháp Tạp Cuối:

Khi Phật mới vừa thành đạo quả A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề, có một thương nhơn cúng cho Phật tô sữa và lúa mạch. Phật dùng xong liền bị bịnh phong. Thích đề hoàn nhơn thấy rồi liền đến rừng cây Ha-lê-lặc cách cây Diêm phù không xa để hái trái Ha-lê-lặc chín vàng đem về rồi bạch Phật: "Thế tôn, con đến rừng cây Ha-lê-lặc cách cây Diêm phù không xa để hái trái Ha-lê-lặc này đem về cho Phật thọ dùng sẽ hết bịnh phong, có thể đi lại tới lui như thường", Phật im lặng thọ nhận, Thích đề hoàn nhơn biết Phật đã thọ nhận liền đảnh lễ hữu nhiễu rồi đi. Thích đề hoàn nhơn đi không lâu sau, Phật ăn xong trái Ha-lê-lặc thì bịnh được lành, Phật rãi hạt trên đất, thời gian sau mọc lên thành cây Ha-lê-lặc và cho ra trái, trái chín vàng rơi xuống khắp trên đất, Phật hỏi A-nan: "Các Tỳ-kheo vì sao không ăn trái Ha-lê-lặc này?", đáp: "Thế tôn, Phật đã chế không được ăn thức ăn thọ cách đêm", Phật bảo A-nan: "Trước kia khi thọ trái Ha-lê-lặc, ta đã diệt điều này, nay các Tỳ-kheo ăn không tội".

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó các Tỳ-kheo không

có vật dụng đựng y, Phật bảo nên làm cái rương đựng. Nơi này khí trời nóng ẩm nên trong rương sanh trùng, Phật bảo: "Nên dùng Thanh mộc hương và rễ cỏ Na-tỳ-la bỏ vào trong rương đựng y, do mùi hương này trùng sẽ không sanh".

Phật tại nước Xá-vệ, cư sĩ Cấp-cô-độc cúng mền cho Tăng, các Tỳ-kheo không thọ, nói rằng: "Phật chưa cho thọ mền", bạch Phật, Phật bảo nên thọ, Tăng được thọ, một người cũng được thọ.

Phật tại thành Vương xá, lúc đó Lục quần Tỳ-kheo mặc y Lưu lũ đầu, y kết lũ đầu, y giao kết lũ đầu, y loát lũ đầu, không có tác tịnh y, các Tỳ-kheo bạch Phật, Phật bảo: "Không được mặc y Lưu lũ đầu, y kết lũ đầu, y giao kết lũ đầu, y loát lũ đầu, nếu mặc thì phạm Đột-kiết-la; nếu không tác tịnh y thì phạm Ba-dật-đề". Lúc đó các Tỳ-kheo không mặc y Lưu lũ đầu, y kết lũ đầu, y giao kết lũ đầu, y loát lũ đầu của Tăng và của cư sĩ, không tác tịnh y, Phật bảo: "Nếu Tăng và cư sĩ có y Lưu lũ đầu, y kết lũ đầu, y giao kết lũ đầu, y loát lũ đầu, không tác tịnh y vẫn được mặc".

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó có một A-la-hán nhập niết bàn, các Tỳ-kheo suy nghĩ: "Như Phật dã dạy trong thân có tám vạn vi trùng, nếu thiêu thân vị này thì sẽ giết chết các vi trùng kia", các Tỳ-kheo không biết làm sao nên bạch Phật, Phật bảo: "Khi người chết thì vi trùng trong thân cũng chết theo". Lúc đó các Tỳ-kheo suy nghĩ: "Nếu Phật cho

chúng ta thiêu vị A-la-hán này thì tốt", bạch Phật, Phật cho thiêu; lại nghĩ: "Nếu Phật cho chúng ta xây tháp cho vị A-la-hán này thì tốt", bạch Phật, Phật cho xây; lại nghĩ: "Nếu Phật cho chúng ta cúng dường tháp A-la-hán thì tốt", bạch Phật, Phật cho cúng dường.

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó Trưởng lão Ca-chiên-diên có một đệ tử là thương nhơn, vị này từ biển về đem bối ngọc đeo trong người cúng cho Trưởng lão, Trưởng lão không thọ nói rằng: "Phật chưa cho thọ bối ngọc đeo trong người", bạch Phật, Phật cho thọ.

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó có Tỳ-kheo bịnh nói với Tỳ-kheo khán bịnh rằng: "Nếu thầy thương yêu chăm sóc tôi, khi tôi qua đời, tất cả y vật đã có đều cho thầy hết". Khi Tỳ-kheo bịnh này qua đời, vị Tri sự đánh kiền chùy tập họp Tăng rồi bảo Tỳ-kheo khán bịnh: "Hãy đem y vật của-Tỳ-kheo đã chết ra đây, hiện tiền Tăng nên chia", Tỳ-kheo khán bịnh nói: "Đó không phải là vật của Tăng, vì sao, vì Tỳ-kheo bịnh đã nói với tôi rằng: "Nếu thầy thương yêu chăm sóc tôi, khi tôi qua đời tất cả y vật đã có đều cho thầy hết", "cho nên tất cả y vật đó đều không phải của Tăng". Các Tỳ-kheo không biết làm sao liền đem việc này bạch Phật, Phật bảo các Tỳ-kheo : "Không được như lời người bịnh đã nói mà đem y vật của người đã chết cho thầy, phải như pháp chia cho hiện tiền tăng".

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó có một Tỳ-kheo tịnh thí cho một Tỳ-kheo khác xong thì qua đời. Vị tri sự đánh kiền chùy tập Tăng để chia y vật của Tỳ-kheo đã chết, Tỳ-kheo thọ tịnh thí nói: "Đây không phải là vật của Tăng, vì sao, vì trước khi qua đời, Tỳ-kheo này đã tịnh thí cho tôi", các Tỳ-kheo không biết làm sao, đem việc này bạch Phật, Phật bảo các Tỳ-kheo : "Đây là vì tịnh nên thí, y vật của Tỳ-kheo qua đời, Hiện tiền tăng nên chia".

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó có Tỳ-kheo tịnh thí vật cho một Tỳ-kheo khác, Tỳ-kheo thọ tịnh thí qua đời, Tỳ-kheo tịnh thí mang y vật đến trong Tăng nói rằng: "Tôi trước đã tịnh thí y vật này, nay Tỳ-kheo thọ tịnh thí đã chết, y vật này là của Tăng", các Tỳ-kheo không biết làm sao, đem việc này bạch Phật, Phật bảo các Tỳ-kheo : "Nếu người thọ tịnh thí chết thì nên tịnh thí lại cho người khác".

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó có một Tỳ-kheo tịnh thí cho một Tỳ-kheo khác, Tỳ-kheo thọ tịnh thí này sau đó phản giới hoàn tục, các Tỳ-kheo không biết làm sao, đem việc này bạch Phật, Phật bảo các Tỳ-kheo : "Nếu người thọ tịnh thí phản giới hoàn tục thì nên tịnh thí lại cho người khác".

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó có Tỳ-kheo tịnh thí cho đệ tử cọng hành, người đệ tử này làm việc không như pháp bị thầy quở trách, không cho ở chung liền đến ở chung với Lục quần Tỳ-kheo. Tuy đệ tử này trước có ý muốn sám hối thầy, nhưng vì

ở chung với Lục quần Tỳ-kheo nên sau đó không có ý muốn sám hối thầy nữa. Vị thầy hỏi đệ tử vì sao không đến sám hối, đáp là không muốn, thầy nói: "Trước kia ta có tịnh thí y cho ngươi", đệ tử nói: "Tôi sẽ thí cho Phật", các Tỳ-kheo không biết làm sao, đem việc này bạch Phật, Phật bảo các Tỳ-kheo: "Nếu tịnh thí cho đệ tử, đệ tử bị quở trách không cho ở chung nữa thì nên tịnh thí lại cho người khác".

Phật tại nước A-la-tỳ, nơi đây khí trời nóng ẩm nên các Tỳ-kheo lấy y làm màn che ở, không biết có phạm cất chứa y dư quá mười ngày hay không, liền bạch Phật, Phật bảo: "Lấy y làm màn che ở thì không phạm".

Phật tại nước A-la-tỳ, lúc đó nước trong giếng sanh trùng, bạch Phật, Phật bảo: "Nên lượt, lượt nước xong thì thả trùng lại trong giếng", trùng trong giếng càng ngày càng nhiều thêm, Phật bảo nên lấy nước để đầy một chậu, lượt lấy nước rồi mang trùng thả vào dòng nước khác.

Lúc đó Trưởng lão Ưu-ba-ly hỏi Phật: "Thế tôn, có Tỳ-kheo ở trong Tăng, khi Tăng thọ y công đức mà không gọi là được thọ hay không?", Phật nói: "Có, nếu Tỳ-kheo an cư chỗ khác mà ở trong trú xứ này thọ y công đức thì không gọi là được thọ". Lại hỏi: "Có Tỳ-kheo không thọ y công đức mà gọi là được thọ hay không?", Phật nói: "Có, nếu Tỳ-kheo an cư ở trú xứ này, tự tứ xong xuất giới

đi, sau đó trở về nghe Tăng đã thọ y công đức, nghe rồi tùy hỉ thì gọi là được thọ". Lại hỏi: "Có Tỳ-kheo khi Tăng xả y công đức mà không gọi là được xả hay không?", Phật nói: "Có, nếu Tỳ-kheo thọ y công đức ở chỗ khác, đến trong Tăng này đang xả y công đức, tuy ở trong Tăng nhưng không gọi là được xả". Lại hỏi: "Có Tỳ-kheo không ở trong Tăng, khi Tăng xả y công đức mà gọi là được xả hay không?", Phật nói: "Có, nếu Tỳ-kheo này thọ y công đức rồi xuất giới đi, khi nghe tin Tăng đã xả y công đức, nghe rồi tùy hỉ thì gọi là được xả".

Phật tại nước Xá-vệ, tại một trú xứ ở nước Kiều-tát-la có người thí vật cho Tăng, vị tri sư đánh kiền chùy tập Tăng để chia vật, hòa hợp khi xong rồi đứng dậy thì có Lục quần Tỳ-kheo từ ngoài giới đến đòi cùng được chia, các Tỳ-kheo không biết làm sao, đem việc này bạch Phật, Phật bảo các Tỳ-kheo : "Nếu đã đánh kiền chùy tập Tăng, hòa hợp chia vật xong rồi đứng dậy thì có Tỳ-kheo ngoài giới đến, các Tỳ-kheo muốn cho thì cho không được cưỡng đòi chia".

Phật tại nước Xá-vệ, tại một trú xứ ở nước Kiều-tát-la có người thí y cho Tăng, lúc đó Lục quần Tỳ-kheo đến trong Tăng phường nói với nhau: "Các Tỳ-kheo trong đây sắp chia y, chúng ta đứng ở chỗ khuất đợi khi họ chia xong, chúng ta sẽ ra đòi cùng chia", bàn xong liền đứng núp vào chỗ khuất. Lúc đó các Tỳ-kheo đánh kiền chùy tập

Tăng rồi bảo gọi Lục quần Tỳ-kheo đến, nhưng tìm khắp nơi không thấy, cho là đã ra ngoài giới nên cùng nhau hòa hợp chia y rồi đứng dậy. Lục quần Tỳ-kheo bước ra đòi cùng chia, các Tỳ-kheo không biết làm sao, đem việc này bạch Phật, Phật bảo các Tỳ-kheo: "Khi đánh kiền chùy tập Tăng, hòa hợp chia y xong rồi đứng dậy, nếu có Tỳ-kheo ở trong nội giới đến, các Tỳ-kheo muốn cho thì cho, không được cưỡng đòi chia".

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó có Tỳ-kheo có y quý giá đốt lửa giặt y và y Thâm-ma-căn đem trải trên giường ngồi khiến nó muốn hư hoại, bạch Phật, Phật bảo: "Muốn trải ngồi thì trải, muốn mặc thì mặc, tùy nghi mà dùng".

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó các Tỳ-kheo vì bố tát nên đánh kiền chùy, người thuyết giới nói: "Có ai không đến được gởi dục thì nên nói", có một Tỳ-kheo bước ra nói: "Tỳ-kheo tên ..... gởi dục thanh tịnh", người thuyết giới hỏi: "Vị đó hiện giờ ở đâu", đáp là đã ra ngoài giới, các Tỳ-kheo không biết làm sao, đem việc này bạch Phật, Phật bảo các Tỳ-kheo : "Từ nay người gởi dục không được ra ngoài giới, nếu ra ngoài giới thì phạm Đột-kiết-la".

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó các Tỳ-kheo vì bố tát nên đánh kiền chùy, người thuyết giới nói: "Có ai không đến được gởi dục thì nên nói", có một Tỳ-kheo bước ra nói: "Tỳ-kheo tên ..... gởi dục thanh tịnh", người thuyết giới hỏi: "Vị đó hiện giờ

ở đâu", đáp là đã ra ngoài giới, các Tỳ-kheo không biết làm sao, đem việc này bạch Phật, Phật bảo các Tỳ-kheo : "Từ nay không được thọ dục của người ra ngoài giới, nếu thọ dục của người ra ngoài giới thì phạm Đột-kiết-la".

Phật tại nước Xá-vệ, các Tỳ-kheo vì bố tát nên đánh kiền chùy, vị thuyết giới hỏi: "Vị nào thọ giáo giới Tỳ-kheo-ni?", đáp là Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di, lại hỏi hiện đang ở đâu, đáp là đã ra ngoài giới, các Tỳ-kheo không biết làm sao, đem việc này bạch Phật, Phật bảo các Tỳ-kheo: "Từ nay người thọ giáo giới Tỳ-kheo-ni không được ra ngoài giới, nếu ra ngoài giới thì phạm Đột-kiết-la".

Phật tại thành Vương xá, lúc đó Lục quần Tỳ-kheo lần lượt gởi thanh tịnh, gởi dục, gởi Tự tứ và gởi trừ tội; các Tỳ-kheo không biết làm sao, đem việc này bạch Phật, Phật bảo các Tỳ-kheo : "Từ nay không được lần lượt gởi thanh tịnh, gởi dục, gởi Tự tứ, gởi trừ tội; nếu gởi như thế thì phạm Đột-kiết-la".

Phật tại nước Xá-vệ, ở nước Kiều-tát-la cách Tăng phường không xa có một A-lan-nhã, vào ngày bố tát trời mưa lớn, các Tỳ-kheo trong Tăng phường nghĩ là các Tỳ-kheo A-lan-nhã sẽ đến cùng bố tát; các Tỳ-kheo A-lan-nhã cũng nghĩ là các Tỳ-kheo trong Tăng phường sẽ đến cùng bố tát; rốt cuộc vì trời mưa lớn cả hai bên đều không ai đến ai nên không làm bố tát được, các Tỳ-kheo không

biết làm sao, đem việc này bạch Phật, Phật bảo các Tỳ-kheo : "Nên làm yết ma bố tát một nơi". Tác pháp yết ma như sau: Tăng nhất tâm hòa hợp, một Tỳ-kheo trong Tăng xướng rằng:

Đại-đức tăng lắng nghe, giảng đường tại trú xứ này lấy làm nơi bố tát. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay lấy giảng đường tại trú xứ này làm nơi bố tát. Bạch như vậy.

Như thế Bạch-nhị-yết-ma cho đến câu Tăng nay đã chấp thuận lấy giảng đường tại trú xứ này làm nơi bố tát xong rồi. Tăng chấp thuận vì im lặng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó phu nhân Mạt-lợi đến trong Kỳ hoàn muốn nghe pháp và hỏi các Tỳ-kheo : "Trong đây có bao nhiêu Tỳ-kheo?", đáp là không biết, liền bạch Phật, Phật bảo nên đếm số, các Tỳ-kheo gọi tên đếm, lại lẫn lộn không thể đếm biết được, bạch Phật, Phật bảo nên hành trù (phát thẻ đếm). Lại hỏi có bao nhiêu Sa di, các Tỳ-kheo cũng không biết, bạch Phật, Phật bảo: "Sa di cũng nên hành trù".

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó vào ngày Tăng bố tát, phu nhân Mạt-lợi cúng tiền cho Tăng, các Tỳ-kheo không thọ, nói là Phật chưa cho thọ, đem việc này bạch Phật, Phật bảo nên thọ. Lúc đó còn hai, ba ngày nữa mới đến ngày bố tát, các Tỳ-kheo lại bố tát trước nên đến ngày bố tát các Tỳ-kheo nơi

khác đến không được cùng bố tát, các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật bảo các Tỳ-kheo : "Từ nay không được thuyết giới trước hai, ba ngày, nếu thuyết giới trước thì phạm Đột-kiết-la; nên đúng ngày bố tát để cho các Tỳ-kheo khác đến cùng bố tát, được cùng thọ thí". Lúc chia vật thí, các Sa di cũng muốn được chia, các Tỳ-kheo nói: "Các chú không có bố tát, không làm yết ma, không có thuyết giới, không vào bố tát thì không được chia", các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật bảo các Tỳ-kheo : "Sa di có thọ thẻ cũng nên chia", các Tỳ-kheo không biết nên chia bao nhiêu, bạch Phật, Phật bảo: "Nếu khi Sa di theo thứ lớp đi, đàn việt tự tay thí thì nên cho đồng đều; nếu chỉ thí cho Tăng thì Đại Tỳ-kheo được ba phần, Sa di được một phần".

Phật tại thành Vương xá, lúc đó Lục quần Tỳ-kheo cùng Bạch y ngồi chung một giường, các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật bảo các Tỳ-kheo: "Từ nay không được ngồi chung giường với Bạch y, nếu ngồi chung giường thì phạm Đột-kiết-la". Lục quần Tỳ-kheo lại ngồi chung giường với Sa di, Phật bảo: "Từ nay không được ngồi chung giường với Sa di, nếu ngồi chung giường thì phạm Đột-kiết-la".

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó Tỳ-kheo ngủ chung phòng với Sa di hai đêm, đêm thứ ba đuổi ra, Sa di do trước đã thoa dầu dưới chân nên khi đi ra dẫm

chân trên tấm trải đất làm dơ, các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật bảo các Tỳ-kheo : "Từ nay khi thoa dầu dưới chân thì không được bước lên tấm trải đất, nếu bước lên thì phạm Đột-kiết-la".

Phật tại thành Vương xá, lúc đó Lục quần Tỳ-kheo dụ dỗ đệ tử của người khác, các Thượng tòa trách: "Các Tỳ-kheo làm sao độ được đệ tử à dạy họ như pháp, vì Lục quần Tỳ-kheo đã dụ dỗ đệ tử của tôi", các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật bảo các Tỳ-kheo : "Từ nay không được dụ dỗ đệ tử của người khác, nếu dụ dỗ thì phạm Đột-kiết-la". Lúc đó Lục quần Tỳ-kheo liền chú thệ: "Nếu tôi có dụ dỗ đệ tử của thầy thì Phật chú, Pháp chú, Tăng chú tôi đi", các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật bảo các Tỳ-kheo : "Từ nay không được tự chú thệ, cũng không được chú thệ người khác; nếu làm thế thì phạm Đột-kiết-la". Lúc đó Lục quần Tỳ-kheo lại lấy vật ra chú thệ: "Nếu tôi có dụ dỗ đệ tử của thầy thì sẽ mất vật này", các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật bảo các Tỳ-kheo: "Từ nay không được lấy vật ra tự chú thệ hoặc chú thệ người khác; nếu làm thế thì phạm Đột-kiết-la".

Phật tại thành Vương xá, lúc đó Lục quần Tỳ-kheo mất y bát liền nói với các Tỳ-kheo : "Tôi mất y bát, sẽ trù ẻo họ cũng mất giống như thế", các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật bảo các Tỳ-kheo: "Từ nay không được tự trù ẻo, cũng không

được trù ẻo người khác; tự làm hay bảo người khác làm đều phạm Đột-kiết-la, vì sao, vì trù ẻo cũng giống như chú thệ"

Phật tại thành Vương xá, lúc đó Lục quần Tỳ-kheo cho người khác vay tài vật và nói rằng: "Nếu không trả đúng thời hạn thì phải trả gấp đôi", người vay nghe rồi liền sợ hãi, các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật bảo các Tỳ-kheo : "Từ nay không được đòi người khác trả gấp đôi, nếu đòi như thế thì phạm Đột-kiết-la".

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó cọp sói giết nai rồi chọn lấy thịt ngon ăn trước, các Tỳ-kheo qua giờ ngọ đi ngang qua chỗ này thấy thịt nai của cọp ăn dư này liền nói với nhau: "Chúng ta mang về để ngày mai ăn", liền mang về trong Kỳ hoàn. Lúc đó cọp đói tìm thịt nai dư để ăn nữa nên đi quanh quẩn bên Kỳ hoàn cất tiếng rống lên, Phật nghe tiếng cọp rống liền hỏi A-nan nguyên do, A-nan đáp: "Vì các Tỳ-kheo mang thịt nai dư của cọp mang về", Phật bảo các Tỳ-kheo: "Từ nay không được lấy thịt dư của cọp mang về, nếu lấy thì phạm Đột-kiết-la, vì sao, vì cọp không có dứt mong cầu. Nếu lấy thịt dư của Sư tử thì không phạm, vì sao, vì Sư tử dứt mong cầu".

Phật tại nước Xá-vệ, có Tỳ-kheo không theo Tỳ-kheo cầu thính xuất tội, liền xuất tội người đó; Tỳ-kheo đó nghe rồi tâm không vui, đem việc này bạch Phật, Phật bảo: "Từ nay nếu người đó không

đồng ý thì không được xuất tội người đó, củng không được bảo người đó nhớ tội, không được ngăn người đó thuyết giới, tự tứ; cũng không được ngăn người đó giáo giới Tỳ-kheo-ni; nếu ngăn thì phạm Đột-kiết-la".

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó có Tỳ-kheo Hạ tòa gọi Thượng tòa không cung kính, Thượng tòa nghe rồi tâm không vui, bạch Phật, Phật bảo: "Từ nay không được gọi Thượng tòa không cung kính, nếu gọi Thượng tòa không cung kính thì phạm Đột-kiết-la". Lúc đó các Tỳ-kheo không biết gọi như thế nào, bạch Phật, Phật bảo: "Từ nay Hạ tòa nên gọi Thượng tòa là Trưởng lão", nếu chỉ gọi là Trưởng lão thì bất tiện nên Phật bảo: "Từ nay nên Trưởng lão tên ....., như gọi Tỳ-kheo Xá-lợi-phất, Trưởng lão Đại Mục-kiền-liên, Trưởng lão A-nan…".

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó có Tỳ-kheo Na-la và Tỳ-kheo-ni Thi

-la cùng nói chuyện giỡn cười làm não loạn Tỳ-kheo khác và tham ăn uống như trộm cắp; các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng rồi bảo các Tỳ-kheo : "Các thầy nên tác yết ma không thanh tịnh cho hai người này". Tác pháp yết ma như sau: Tăng nhất tâm hòa hợp, một Tỳ-kheo trong Tăng xướng rằng:

Đại-đức tăng lắng nghe, Tỳ-kheo Na-la và Tỳ-

kheo-ni Thi-la cùng nói chuyện giỡn cười làm não loạn Tỳ-kheo khác và tham ăn uống như trộm cắp. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay yết ma không thanh tịnh cho Tỳ-kheo Na-la và Tỳ-kheo-ni Thi-la này. Bạch như vậy.

Như thế Bạch-nhị-yết-ma cho đến câu Tăng đã chấp thuận yết ma không thanh tịnh cho Tỳ-kheo Na-la và Tỳ-kheo-ni Thi-la xong rồi. Tăng chấp thuận vì im lặng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

Hai người này bị Tăng tác pháp cho yết ma không thanh tịnh rồi, sanh tâm hối hận, tự thấy có tội nên đến trong Tăng sám hối và cầu giải yết ma: "Trước đây con não loạn chúng tăng nay sanh tâm hối hận xin sám hối và cầu giải yết ma không thanh tịnh". Các Tỳ-kheo không biết làm sao, đem việc này bạch Phật, Phật bảo các Tỳ-kheo: Nếu đã sanh tâm hối hận cầu sám hối thì Tăng nên cho giải yết ma không thanh tịnh". Tác pháp giải yết ma như sau: Tăng nhất tâm hòa hợp, Tỳ-kheo Na-la và Tỳ-kheo-ni Thi-la nên từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch bày vai hữu chắp tay bạch Tăng:

Đại-đức tăng nhớ nghĩ, chúng con là Tỳ-kheo Na-la và Tỳ-kheo-ni Thi-la cùng nói chuyện giỡn cười làm não loạn Tỳ-kheo khác và tham ăn uống như trộm cắp. Tăng đã tác yết ma không thanh tịnh cho chúng con, nay chúng con sanh tâm hối hận cầu sám hối và theo Tăng xin giải yết ma không

thanh tịnh. Cúi xin Tăng thương xót giải yết ma không thanh tịnh cho chúng con (3 lần).

Một Tỳ-kheo trong Tăng tác bạch yết ma như sau:

Đại-đức tăng lắng nghe, Tỳ-kheo Na-la và Tỳ-kheo-ni Thi-la cùng nói chuyện giỡn cười làm não loạn Tỳ-kheo khác và tham ăn uống như trộm cắp. Tăng đã tác yết ma không thanh tịnh cho Tỳ-kheo Na-la và Tỳ-kheo-ni Thi-la, nay hai người này sanh tâm hối hận cầu sám hối và theo Tăng xin giải yết ma không thanh tịnh. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay giải yết ma không thanh tịnh cho Tỳ kheo Na-la và Tỳ-kheo-ni Thi-la. Bạch như vậy.

Như thế Bạch-tứ-yết-ma cho đến câu Tăng đã chấp thuận giải yết ma không thanh tịnh cho Tỳ-kheo Na-la và Tỳ-kheo-ni Thi-la xong rồi. Tăng chấp thuận vì im lặng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

Lúc đó có một Tỳ-kheo hỏi Phật: "Thế tôn, nên dùng loại da nào làm giày da?", Phật bảo: "Trừ năm loại da là da Sư tử, da Hổ, da Chó, da Rái cá và da Chồn; lại trừ năm loại da là da Voi, da Ngựa, da Báo, da Dã can, và da Nai đen; tất cả các loại da khác đều được dùng làm giày da".

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó có người thí cho Tăng da cá Thiện để làm giày da, các Tỳ-kheo

không thọ, nói rằng: "Phật chưa cho chúng tôi thọ loại da này làm giày da", các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật bảo các Tỳ-kheo : "Cho thọ da cá Thiện để làm giày da, vì nó thô nên dùng da bò bịt lên trên". Lại có người thí cho Tăng da cá Thác để làm giày da, các Tỳ-kheo không thọ, nói rằng: "Phật chưa cho chúng tôi thọ loại da này làm giày da", các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật bảo các Tỳ-kheo : "Cho thọ da cá Thác để làm giày da, vì nó thô nên dùng da bò bịt lên trên".

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó có người thí cho Tỳ-kheo sợi gân, Tỳ-kheo không thọ vì không biết dùng làm gì, Phật bảo nên thọ, dùng làm quai để đóng cửa và làm dây để mở cửa. Lại có người thí cho Tăng da gấu, các Tỳ-kheo không thọ vì không biết dùng làm gì, Phật bảo nên thọ để trước cửa phòng trong Tăng phường, dùng lau chân khi vào phòng.

Sau khi Tự tứ Phật du hành giáo hóa gặp một Tỳ-kheo tay cầm giày da mà đi, liền hỏi nguyên do, Tỳ-kheo đáp: "Thế tôn, giày da này làm chân con bị thương", Phật bảo: "Nên dùng da mềm lót ở trong".

Phật tại nước A-la-tỳ, có Tỳ-kheo lo liệu việc xây cất cần vật liệu như gỗ tre nên đi vào núi, khi đi vào núi, giữa đường sợ gặp Sư tử, cọp, sói…, sợ khi đi bị gai đâm chân nên dùng cỏ râu rồng làm giày để mang, không ngờ trên đường đi có nhiều

nước bùn đọng trong giày nên làm hoại chân, Phật bảo nên làm giày có lỗ thông để nước bùn chảy ra.

Phật tại nước Xá-vệ ở trong Kỳ viên, có bà con của Phật nghe tin trong dòng tộc của mình có người xuất gia chứng quả Phật, liền xin phép cha mẹ để đến gặp Phật. Cha mẹ sợ người con này sau khi gặp Phật sẽ xuất gia nên nói với con rằng: "Trên đường đi sợ sẽ gặp Sư tử, cọp sói…", nhưng người con nay vẫn nhất quyết muốn đi, cha mẹ biết ý con đã quyết nên nói với con rằng: "Chúng ta nay từ biệt con, nhưng con hứa là nếu con xuất gia thì phải trở về đây thăm chúng ta", người con nhận lời cha mẹ rồi đi đến gặp Phật, Phật liền cho xuất gia thọ giới cụ túc. Thời gian sau, người con này xin phép Phật trở về thăm cha mẹ và bà con, Phật bảo: "Cho đi nhưng không được ở lâu". Người con này trở về nhà, trong thân tộc mỗi người lưu giữ một ngày nên người con ở lại nhà trải qua thời gian lâu, cho đến khi tiết trời có mưa tuyết rơi mới từ biệt cha mẹ và bà con để trở về chỗ Phật. Cha mẹ nói: "Trời đang mưa tuyết làm sao đi được, con có thể mang giày ủng của bạch y được không?", đáp: "Phật chưa cho mang giày ủng của bạch y". Do không thọ giày ủng để mang nên trên đường đi tay chân lạnh cóng nứt nẻ, về đến chỗ Phật, đảnh lễ rồi đứng một bên. Pháp thường của Phật là khi có khách Tỳ-kheo đến đều hỏi thăm có nhẫn đủ không, khất thực có dễ không, đi đường có nhọc mệt không. Tỳ-

kheo này đáp là nhẫn đủ, khất thực không khó, đi đường không nhọc mệt, rồi đem việc trên bạch Phật. Phật hỏi: "Đất đai nơi đó như thế nào?", đáp là có rất nhiều tuyết, Phật bảo: "Từ nay ở quốc độ nào có nhiều tuyết, cho được mang giày ủng của bạch y để tránh tuyết".

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó trưởng giả Cấp-cô-độc dùng màu xích chu (đỏ) sơn lên năm trăm chân giường dây rồi đem cúng cho Tăng ở Kỳ hoàn, các Tỳ-kheo không thọ nói rằng: "Phật chưa cho chúng tôi thọ giường dây có chân giường sơn đỏ", bạch Phật, Phật bảo: "Giường này thanh tịnh nên thọ".

Phật tại thành Vương xá, lúc đó trưởng giả Bạt đề đem Tăng phường được trang nghiêm đủ thứ cúng cho Tăng, các Tỳ-kheo không thọ nói rằng: "Phật chưa cho chúng tôi thọ Tăng phường được trang nghiêm đủ thứ", bạch Phật, Phật bảo: "Tăng phường này thanh tịnh nên thọ".

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó trưởng giả Úc-già-tô-bạt-na đến chỗ Phật đảnh lễ ngồi một bên nghe Phật nói pháp, Thế tôn tùy thuận nói pháp chỉ dạy cho trưởng giả được lợi hỉ rồi liền im lặng. Trưởng giả bạch Phật: "Thế tôn, con xin thỉnh Phật và Tăng ngày mai đến nhà con thọ thực, Phật im lặng nhận lời, biết Phật đã nhận lời, trưởng giả liền đảnh lễ Phật hữu nhiễu rồi ra về. Về đến nhà ngay trong đêm đó lo sửa soạn đủ các món ăn ngon, lại còn cho trang nghiêm năm trăm chiếc giường bằng

vàng, bạc, lưu ly, pha lê nghĩ rằng: "Nếu Phật không thọ loại giường này thì thọ loại giường kia"; lại chuẩn bị sẵn năm trăm cái mâm bằng vàng, bạc, lưu ly, pha lê nghĩ rằng: "Nếu Phật không thọ cái này thì thọ cái kia"; lại chuẩn bị sẵn năm trăm cái bát bằng vàng, bạc, lưu ly, pha lê nghĩ rằng: "Phật không thọ cái bát này thì sẽ thọ cái bát kia". Chuẩn bị mọi thứ xong xuôi, sáng sớm trải tòa rồi sai sứ đến bạch Phật: "Đã đến giờ thọ thực, xin Phật tự biết thời". Phật cùng các Tỳ-kheo đi đến nhà trưởng giả, lúc đó trưởng giả lần lượt mang ra các loại giường bằng vàng, bạc, lưu ly, pha lê dâng cúng nhưng Phật đều không thọ. Cuối cùng trưởng giả cho mang ra loại giường thường có trải nệm dày lên trên thì Phật liền thọ và ngồi lên. Trưởng giả lại lần lượt mang ra các loại mâm vàng, mâm bạc…; bát vàng, bát bạc… dâng cúng, Phật đều không thọ và bảo rằng: "Trước đây ta đã cho được dùng hai loại bát là bát sắt và bát bằng gốm sứ, còn tám loại bát khác đều không được dùng". Lúc đó trưởng giả tự tay dâng thức ăn lên cúng dường cho Phật và Tăng khiến cho tất cả đều được no đủ rồi, sau đó ngồi trước Phật nghe pháp, Phật thuyết pháp chỉ dạy cho trưởng giả được lợi hỉ rồi đứng dậy ra về.

-oOo-

LUẬT THẬP TỤNG

QUYỂN 40 TẠP TỤNG (Tiếp Theo)

3. Hai Mươi Pháp Tạp Cuối (Tiếp Theo):

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó có một Bà-la-môn có một con gái dung mạo đoan chánh đặt tên là Diệu quang, khi vừa được sanh ra có thầy xem tướng nói rằng: "Đứa con gái này về sau sẽ tư thông với năm trăm người nam". Do thầy tướng nói như thế nên đứa con gái này đến tuổi trưởng thành vẫn không có ai đến hỏi cưới. Lúc đó gần nhà Bà-la-môn có một thương nhơn thường vào biển tìm châu báu, một hôm đứng trên lầu từ xa nhìn thấy người con gái này liền sanh tâm ham muốn, bèn hỏi thăm đó là con gái của ai, đã có chồng hay chưa, vì sao đến nay vẫn chưa có ai đến hỏi cưới, mới biết là do thầy tướng xem tướng khi mới sanh đã nói như thế nên đến nay vẫn chưa có ai đến hỏi cưới, liền suy nghĩ: "Trừ Sa-môn Thích tử ra, không ai có thể miễn cưỡng vào nhà ta, nhưng Sa-môn Thích tử không có làm việc sai trái này. Ta sẽ cưới người con gái này", nghĩ rồi liền đến cầu hôn và cưới về nhà. Về nhà sống chung chưa bao lâu thì có các thương nhơn muốn kết bạn

vào biển tìm châu báu, theo pháp nước thì muốn vào biển phải yêu câu người đã từng vào biển cùng đi, nếu không chịu cùng đi cũng phải cưỡng ép cùng đi. Lúc đó thương nhân này phải cùng các thương nhơn vào biển nên bảo người giữ cửa rằng: "Ta phải vào biển, ngươi ở nhà không được cho người nam nào miễn cưỡng vào trong nhà, trừ Sa-môn Thích tử vì Sa-môn Thích tử không làm việc sai trái này", người giữ cửa vâng lời, dặn dò xong thương nhân ra đi. Thời gian sau, Sa-môn Thích tử đến nhà này khất thực, người nữ này trông thấy liền nói: "Hãy cùng tôi hành dục", các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật bảo: "Từ nay những nhà như thế, nếu chưa từng đến thì không nên đến, nếu đã đến thì không nên ngồi, vì sao, vì vào nhà này ắt sẽ phạm tội phi phạm hạnh". Người nữ nay sau bị chết vì bịnh, trong đêm đó người nhà đem tất cả đồ trang nghiêm cùng người chết bỏ vào rừng thây chết. Lúc đó có năm trăm giặc cướp đi ngang qua chỗ ấy, thấy người nữ này tuy đã chết nhưng lại khởi dục tâm liền cùng người chết hành dâm, năm trăm tên giặc này hành dâm xong mới bỏ đi. Người nữ này do trước kia yêu cầu các Tỳ-kheo cùng mình hành dâm nên bị đọa vào ác đạo, sanh làm con rồng dâm tên là Tỳ-đạt-đa ở phía Bắc của nước này.

Phật tại thành Vương xá, lúc đó có Tỳ-kheo bị ung nhọt đến chỗ thầy thuốc Kỳ-bà xin chữa trĩ,

Kỳ-bà bảo nên ủ nóng làm cho nhọt chín mùi, bạch Phật, Phật bảo nên ủ nóng; Kỳ-bà lại bảo nên phá ung nhọt, bạch Phật, Phật bảo nên phá; Kỳ-bà lại bảo nên nặn cho mủ chảy ra hết, bạch Phật, Phật bảo nên nặn; Kỳ-bà lại bảo nên đắp thuốc để hút mủ, bạch Phật, Phật bảo: "Cho dùng đủ cách để trị ung nhọt".

Phật tại thành Vương xá, lúc đó trong thành có mở hội cúng tế rồng Kỳ-lê suốt trong một tháng nên có rất nhiều loại hạng người đến tụ họp vui chơi ăn uống, có người ngực lồi, có người ngực lõm, có người chân giống chân voi, có người chân giống chân ngựa… Lại có các thương nhơn từ bốn phương đến vì trong tháng hội cúng tế này vua không thu thuế, không ngăn cấm qua lại; do chỉ còn vài ngày nữa là hết lễ hội, các thương nhơn này suy nghĩ: "Vua không thu thuế chỉ trong một tháng hội cúng tế này, chúng ta nên đi trước, lúc lễ hội chưa mãn", nghĩ rồi liền trở về. Các hạng người như người ngực lồi, ngực lõm, chân giống chân voi… thì vẫn còn ở lại đi du hành khắp nơi. Lúc đó Lục quần Tỳ-kheo do hạnh xấu nên đệ tử cọng trụ có hạnh tốt, thấy thầy làm hạnh xấu cũng tự bỏ đi. Lục quần Tỳ-kheo khi thấy những người có tướng xấu này liền suy nghĩ: "Ta nếu chứa nuôi đệ tử tốt thì chúng cũng tự bỏ đi, nay ta nên chứa nuôi những người xấu tướng này thì không ai khuyên chúng bỏ đi nữa; nếu có khuyên bỏ đi thì người xấu

tướng như thế ai mà ưa thích", nghĩ rồi liền nói với chúng: "Các ngươi vì sao không xuất gia", đáp: "Chúng con xấu xí, ai sẽ độ cho chúng con xuất gia", Lục quần nói: "Nếu các ngươi có thể thay ta thứ lớp giữ phòng hoặc đưa thức ăn cho người giữ phòng giùm ta, hoặc có thể thay ta gánh y bát thì ta sẽ cho các ngươi xuất gia", liền đáp là xin vâng theo, Lục quần Tỳ-kheo liền độ cho xuất gia. Lúc đó có người thỉnh Phật và Tăng, Lục quần Tỳ-kheo do hai nguyên nhân nên sai đệ tử gánh y bát đi trước: Một là vì đi chậm, hai là nếu đi cùng thì hổ thẹn. Các cư sĩ này tin Phật nên tâm thanh tịnh, nhưng các đệ tử của dị đạo thì cười chê rằng: "Đây là phước điền mà các vị cúng dường hay sao, người đi trước thì đến ăn trước", các cư sĩ nghe rồi liền hổ thẹn, đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng rồi hỏi Lục quần Tỳ-kheo: "Các thầy thật đã làm như thế phải không ?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo lại độ người ngực lồi, ngực lõm, chân giống như chân voi…", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Từ nay không được độ những người có tướng xấu như ngực lồi, ngực lõm, chân giống như chân voi…; nếu độ thì phạm Đột-kiết-la".

Phật tại nước Xá-vệ, Trưởng lão Ưu-ba-ly có hai Sa di tên là Đà-tát và Ba là, lúc đó Đà-tát nói với Ba là: "Nếu thầy thọ giới trước thì tôi sẽ cung

cấp những gì thầy cần"; Ba là cũng nói với Đà-tát: "Nếu thầy thọ giới trước, tôi cũng sẽ cung cấp những gì thầy cần". Lúc đó Trưởng lão Ưu-ba-ly bạch Phật: "Thế tôn, hai Sa di cùng một lúc cho yết ma thọ giới được không ?", Phật nói được. Tác pháp yết ma thọ giới như sau: Tăng nhất tâm hòa hợp, một Tỳ-kheo trong Tăng xướng rằng:

Đại-đức tăng lắng nghe, hai Sa di Đà-tát và Ba là này đã được Trưởng lão Ưu-ba-ly cho thọ giới cụ túc, nay theo Tăng xin thọ giới cụ túc, Trưởng lão Ưu-ba-ly làm Hòa thượng. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay cho một Sa di Đà-tát và Ba là này thọ giới cụ túc, Trưởng lão Ưu-ba-ly làm Hòa thượng. Bạch như vậy.

Như thế Bạch-tứ-yết-ma cho đến câu Tăng đã chấp thuận cho hai Sa di Đà-tát và Ba là thọ giới cụ túc, Trưởng lão Ưu-ba-ly làm Hòa thượng xong rồi. Tăng chấp thuận vì im lặng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó Trưởng lão Ưu-ba-ly hỏi Phật: "Thế tôn, con không biết Phật nói Tu-đa-la, Tỳ-ni và A-tỳ-đàm ở đâu, con phải làm sao", Phật bảo: "Nói ở sáu thành lớn tại nước Chiêm-ba, nước Xá-vệ, nước Tỳ-xá-ly, thành Vương xá, nước Ba là nại, nước Ca-tỳ-la-vệ; vì sao, vì ta ở tại sáu thành nhiều nên thuyết pháp giáo hóa cũng đều ở đó".

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó Trưởng lão Da xá cùng năm trăm Tỳ-kheo từ nước Kiều-tát-la đến nước Xá-vệ muốn an cư, cựu Tỳ-kheo nơi đây thăm hỏi khách Tỳ-kheo và gánh giúp y bát. Khi gặp nhau hai bên vui vẻ nói cười lớn tiếng, Phật nghe được những tiếng nói cười lớn tiếng này liền hỏi A-nan nguyên do, A-Nan đem việc trên bạch Phật, Phật bảo A-nan: "Hãy đến bảo Trưởng lão Da xá và năm trăm Tỳ-kheo rằng: do các thầy nói cười lớn tiếng nên Phật đuổi đi không cho an cư ở đây", A-nan vâng lời Phật dạy đến nói y như vậy, Trưởng lão Da xá cùng năm trăm Tỳ-kheo liền đi đến trong tụ lạc bên bờ sông Bà-cầu-ma để an cư. Các Tỳ-kheo này suy nghĩ: "Phật quở trách chúng ta nói cười lớn tiếng, chúng ta nay nên im lặng là tốt", nghĩ rồi liền bạch Phật, Phật nói nên im lặng là tốt.

Lúc đó các Tỳ-kheo nói với nhau: "Nếu Phật cho chúng ta ở phòng riêng thì tốt", bạch Phật, Phật nói cho ở phòng riêng. Lại nói với nhau: "Nếu Phật cho chúng ta ở trong chúng thì tốt", bạch Phật, Phật nói cho ở trong chúng. Lại nói với nhau: "Nếu Phật cho chúng ta dùng nước gội đầu thì tốt", bạch Phật, Phật nói cho gội đầu. Lúc đó các Tỳ-kheo dùng tay lấy nước gội rất bất tiện liền bạch Phật, Phật bảo nên làm gàu; làm gàu lớn nên khi múc nước làm ướt y; làm gàu nhỏ thì múc lấy nước không được, bạch Phật, Phật bảo: "Không nên làm quá lớn, cũng

không nên làm quá nhỏ, nên làm vừa chừng khoảng một bát la hay nửa Bát la". Lúc đó làm gàu không có cán, khi xối nước, gàu rơi trên đầu người khác đau nhức suýt chết, bạch Phật, Phật bảo nên làm cán.

Lúc đó có Tỳ-kheo ngồi ngủ gật, Tỳ-kheo khác lấy nước tạt, liền nói: "Tôi không ngủ sao lấy nước tạt tôi", bạch Phật, Phật bảo: "Không nên tin người ngủ, nên tin người tạt nước. Có có năm pháp nên lấy nước tạt người: Một là vì thương xót, hai là không vì xúc não người khác, ba là người kia ngủ, bốn là người kia đầu dựa vào vách, năm là người kia duỗi chân ra". Có Tỳ-kheo vẫn ngủ gật, các Tỳ-kheo nói với nhau: "Nếu Phật cho dùng tay gõ thì tốt", bạch Phật, Phật bảo cho dùng tay gõ; lúc đó có Tỳ-kheo ngủ gật, Tỳ-kheo khác liền dùng tay gõ, Tỳ-kheo ngủ nói: "Tôi không ngủ sao dùng tay gõ tôi", bạch Phật, Phật bảo: "Không nên tin người ngủ, nên tin người gõ. Có có năm pháp nên dùng tay gõ người: Một là vì thương xót, hai là không vì xúc não người khác, ba là người kia ngủ, bốn là người kia đầu dựa vào vách, năm là người kia duỗi chân ra". Có Tỳ-kheo vẫn ngủ gật, các Tỳ-kheo nói với nhau: "Nếu Phật cho chúng ta dùng cầu lông ném thì tốt", bạch Phật, Phật bảo: "Cho dùng cầu lông ném, ném rồi hôm sau đem trả lại", các Tỳ-kheo không biết đem trả cho ai, Phật bảo: "Nên trả lại cho người đã ném, nếu người ném không có ở

đó thì nên đưa chó người làm nhiên đăng, nếu người làm nhiên đăng không có ở đó thì nên đưa cho người chấp tác, nếu người chấp tác không có ở đó thì nên để trên đất ở giữa giảng đường rồi trở về chỗ ngồi". Tỳ-kheo khi ngồi xuống rồi lại thấy có Tỳ-kheo khác ngủ gật liền lấy cầu lông này ném vào người ngủ đó, người ngủ liền nói: "Tôi không có ngủ sao lấy cầu lông ném tôi", bạch Phật, Phật bảo: "Không nên tin người ngủ, nên tin người ném cầu lông. Có có năm pháp nên lấy cầu lông ném người: Một là vì thương xót, hai là không vì xúc não người khác, ba là người kia ngủ, bốn là người kia đầu dựa vào vách, năm là người kia duỗi chân ra". Có Tỳ-kheo vẫn ngủ gật, các Tỳ-kheo nói với nhau: "Nếu Phật cho chúng ta cầm thiền trượng thì tốt", bạch Phật, Phật bảo cho cầm. Lúc đó đầu thiền trượng nhọn làm rách y An-đà-hội, Phật bảo nên dùng vật bọc đầu trượng lại. Lúc đó chống thiền trượng xuống đất phát ra tiếng, Phật bảo nên bọc luôn cả đầu trượng phía dưới. Lúc đó các Tỳ-kheo không biết cầm thiền trượng như thế nào, bạch Phật, Phật bảo: "Khi cầm thiền trượng nên khởi tâm cung kính", các Tỳ-kheo không biết khởi tâm cung kính như thế nào, Phật bảo nên dùng hai tay cầm thiền trượng để trên đầu. Lúc đó có Tỳ-kheo ngồi ngủ gật, Tỳ-kheo liền cầm thiền trượng gõ vào người ngủ, người này giật mình đứng dậy, các Tỳ-kheo khác im lặng không nói, ngay lúc đó Tỳ-kheo

ngủ này ngất xỉu ngã xuống đất, các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật bảo các Tỳ-kheo: "Nếu Tỳ-kheo đang ngồi mà buồn ngủ thì nên đứng dậy, nếu thấy người khác ngủ gật thì cầm thiền trượng gõ vào người đó rồi trở lại chỗ ngồi; nếu không thấy có ai ngủ gật thì mình nên đi ra ngoài loanh quanh một lát rồi trở vào, nếu thấy có người ngủ gật thì cầm thiền trượng gõ vào người đó rồi trở lại chỗ ngồi, nếu không thấy có ai ngủ gật thì cầm thiền trượng để lại chỗ cũ rồi trở lại chỗ ngồi". Lúc đó có Tỳ-kheo ngủ gật, Tỳ-kheo khác cầm thiền trượng gõ vào người ngủ, người ngủ liền nói: "Tôi không có ngủ sao cầm thiền trượng gõ tôi", bạch Phật, Phật bảo: "Không nên tin người ngủ, nên tin người gõ. Có có năm pháp nên cầm thiền trượng gõ người: Một là vì thương xót, hai là không vì xúc não người khác, ba là người kia ngủ, bốn là người kia đầu dựa vào vách, năm là người kia duỗi chân ra". Có Tỳ-kheo vẫn ngủ gật, các Tỳ-kheo nói với nhau: "Nếu Phật cho để thiền trấn thì tốt", bạch Phật, Phật bảo cho để thiền trấn. Lúc đó thiền trấn không có lỗ nên khi để liền rơi xuống đất, Phật bảo: "Nên làm lỗ, làm lỗ xong, dùng dây xỏ qua lỗ, trên đầu dây làm dây quai treo vào lỗ tai cách trước trán bốn ngón tay". Lúc đó các Tỳ-kheo dùng dây quấn quanh đầu rồi mới để thiền trấn, Phật bảo: "Không được làm như thế, nếu làm thế thì phạm Đột-kiết-la". Lúc đó để thiền trấn rồi làm rơi mà Tỳ-kheo

vẫn ngủ gật, Phật bảo: "Thiền trấn rơi một lần thì cho duỗi chân ra một lần, nếu rơi hai lần thì cho duỗi chân ra hai lần, nếu rơi lần thứ ba thì nên đứng dậy đi". Lúc đó các Tỳ-kheo đứng dậy đi qua đi lại làm não loạn nhau, Phật bảo nên đi theo thứ lớp như cách đi của ngỗng. Lúc đó Hạ tòa khi đi đụng vào vai Thượng tòa, Phật bảo: "Hạ tòa không được đụng vào vai Thượng tòa, nên đi sau Thượng tòa và không được gần Thượng tòa". Lúc đó có Tỳ-kheo vẫn ngủ gật, các Tỳ-kheo nói với nhau: "Nếu Phật cho chúng ta quy định thời tiết thì tốt", bạch Phật, Phật nói cho định thời tiết. Lại nói với nhau: "Nếu Phật cho chúng ta quy định hai thời thì tốt", Phật nói cho quy định hai thời. Lại nói với nhau: "Nếu Phật cho chúng ta quy định vào ban đêm thì tốt", Phật lại cho quy định vào ban đêm. Lại nói với nhau: "Nếu Phật cho chúng ta quy định vào ban ngày thì tốt", Phật lại cho quy định vào ban ngày. Lại nói với nhau: "Nếu Phật cho chúng ta quy định trong vòng bảy ngày thì tốt", Phật lại cho quy định trong vòng bảy ngày. Lại nói với nhau: "Nếu Phật cho chúng ta thường ngồi thiền thì tốt", Phật lại cho thường ngồi thiền. Lúc đó do Phật cho quy định thời tiết hoặc hai thời, hoặc ban đêm, hoặc ban ngày, hoặc trong vòng bảy ngày, hoặc thường ngồi thiền; các Tỳ-kheo không thường xỉa răng súc miệng nên miệng hôi thối, đem việc này bạch Phật, Phật bảo: "Cho xỉa răng súc miệng vì có năm lợi

ích: Một là miệng không đắng, hai là miệng không hôi, ba là trừ gió, bốn là trừ bịnh nhiệt, năm là trừ đàm ấm. Lại có năm lợi ích: Một là trừ gió, hai là trừ nhiệt, ba là miệng có vị thấm nhuần, bốn là ăn uống được, năm là mắt sáng".

Do Phật cho quy định thời tiết hoặc hai thời, hoặc ban đêm, hoặc ban ngày, hoặc trong vòng bảy ngày, hoặc thường ngồi thiền; các Tỳ-kheo không thường tắm rửa nên thân dơ hôi, đem việc này bạch Phật, Phật bảo nên tắm. Lúc đó nước trong sông chảy xiết, các Tỳ-kheo xuống tắm có người bị nước cuốn trôi, Phật bảo: "Nên đóng cọc trong nước rồi vin vào cọc để tắm". Do Phật cho quy định thời tiết hoặc hai thời, hoặc ban đêm, hoặc ban ngày, hoặc trong vòng bảy ngày, hoặc thường ngồi thiền nên các Tỳ-kheo được vô lượng trí, chứng quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm và A-la-hán. Phật biết các Tỳ-kheo đã chứng đắc nên do nhân duyên này nhóm Tỳ-kheo tăng bảo các Tỳ-kheo rằng: "Nơi đó có ánh sáng của chư Phật ở trong pháp thế gian".

Pháp thường của chư Phật là một năm có hai kỳ đại hội vào tháng sau của cuối mùa xuân và vào tháng sau của cuối mùa hạ. Vào tháng cuối của mùa xuân, Tỳ-kheo các nơi suy nghĩ: "Phật đã dạy chúng ta nên an cư, trong ba tháng an cư tu tập sẽ được an lạc trụ", đây là đại hội thứ một. Vào tháng cuối của mùa hạ, các Tỳ-kheo an cư ba tháng đã

xong nghĩ rằng: "Đã lâu chúng ta không gặp Phật", nghĩ rồi liền đắp y mang bát đi đến chỗ Thế tôn, đây là đại hội thứ hai. Lúc đó các Tỳ-kheo ở bên bờ sông Ba cầu ma an cư ba tháng đã xong, đắp y mang bát đến chỗ Phật, Phật từ xa thấy các Tỳ-kheo này đến, khi họ vừa đến Phật liền nhập Sơ thiền, các Tỳ-kheo này cũng nhập sơ thiền; Phật xuất sơ thiền rồi nhập Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền và Không, vô tưởng, vô tác; các Tỳ-kheo này cũng xuất Sơ thiền rồi nhập Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền và Không, vô tưởng, vô tác. Lúc đó Trưởng lão A-nan thấy các Tỳ-kheo này đến liền bạch Phật: "Thế tôn, xin Phật thuyết pháp cho các Tỳ-kheo để họ được an lạc lâu dài", Phật bảo A-nan: "Thầy chớ nói lời này, này A-nan, như điều ta đã biết, thầy có thể biết được không. Khi ta từ xa thấy các Tỳ-kheo này đến, ta nhập Sơ thiền thì các Tỳ-kheo này cũng nhập Sơ thiền; ta xuất Sơ thiền rồi nhập Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền và Không, vô tưởng, vô tác; các Tỳ-kheo này cũng xuất Sơ thiền rồi nhập Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền và Không, vô tưởng, vô tác".

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó ở vùng đất Hắc sơn có hai Tỳ-kheo tên Mãn-túc và Mã-túc ở nơi này làm hạnh xấu, làm nhơ nhà người, ai cũng thấy cũng nghe cũng biết. Tỳ-kheo này cùng người nữ ngồi chung một giường, ăn chung một mâm, uống chung một bát, quá ngọ ăn, chứa thức ăn cùng ngủ

(nội túc), ăn thức ăn cách đêm, không thọ mà ăn, không làm pháp dư thực mà ăn, đánh đàn đánh trống, huýt gió thành nhạc, thổi lá cây Đa la thành tiếng nhạc…, ca múa, đeo chuỗi anh lạc, lấy hương thơm thoa thân, mặc áo ướp mùi thơm… tự dắt vợ và con gái của người hoặc bảo người dắt, khiến voi ngựa đấu nhau, trâu bò đấu nhau, nam nữ đấu nhau, bản thân cũng đấu, tay đánh chân đạp, đuổi chạy nhau bốn phía… tung đồ vật lên hư không rồi ở dưới đón lấy, đi cùng người nữ trên thuyền làm các kỷ nhạc, hoặc cởi voi, cởi ngựa, đi kiệu với nhiều người thổi ốc đi trước dẫn đường vào trong vườn rừng… làm đủ những việc xấu xa như thế. Lúc đó A-nan từ nước Ca-thi đi đến nước Xá-vệ, ngủ qua đêm ở Hắc sơn, sáng sớm đắp y mang bát vào thành khất thực, nhưng lại mang bát không trở về. Ra khỏi thành không xa thấy có nhiều người nhóm họp liền đi đến hỏi: "Vùng đất này sung túc có nhiều người cư trú, nhưng nay tôi mang bát vào thành khất thực lại phải mang bát không trở về. Không biết có Sa-môn Thích tử nào ở đây đã làm ít nhiều việc xấu ?", trong số đó có một hiền giả tên là Ưu lâu già chắp tay bạch A-nan: "Đại-đức biết không, ở đây có Tỳ-kheo tên Mãn-túc và Mã-túc làm hạnh xấu, làm nhơ nhà người, ai cũng thấy nghe hay biết… giống như đoạn văn trên", kể rõ rồi thỉnh A-nan về nhà mình, trải tòa mời ngồi rồi tự tay dâng nước và thức ăn ngon cúng dường, sau

đó nghe A-nan nói pháp, A-nan nói pháp chỉ dạy cho được lợi hỉ rồi đi. Trở về chỗ tạm nghỉ trao trả ngọa cụ cho cựu Tỳ-kheo rồi tiếp tục du hành đến nước Xá-vệ, đến chỗ Phật đảnh lễ rồi đứng một bên. Pháp thường của chư Phật là khi có khách Tỳ-kheo đến liền hỏi thăm có nhẫn được không, có an lạc trụ không, đi đường có nhọc mệt không, khất thực có khó không. Lúc đó Phật hỏi thăm A-nan như trên, A-nan đáp: "Thế tôn, con nhẫn được, được an lạc trụ, đi đường không mệt, khất thực không khó", kế đem sự việc trên bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm Tỳ-kheo tăng đủ lời quở trách hai Tỳ-kheo Mã-túc và Mãn-túc: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo lại cùng người nữ ngồi chung một giường… làm đủ những việc xấu xa như thế", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo : "Từ nay không được cùng người nữ ngồi chung một giường, nếu ngồi chung thì phạm Đột-kiết-la. Không được cùng ăn chung một mâm với người nữ, nếu ăn chung thì phạm Đột-kiết-la. Không được cùng uống chung một bát với người nữ, nếu cùng uống chung thì phạm Đột-kiết-la. Không được ăn phi thời, nếu ăn thì phạm Ba-dật-đề. Không được ăn thức ăn dư cách đêm, nếu ăn thì phạm Ba-dật-đề. Không được tay dơ cầm thức ăn mà ăn, nếu ăn thì phạm Đột-kiết-la. Không thọ thức ăn mà ăn thì phạm Ba-dật-đề. Không thọ pháp tàn thực mà ăn nữa thì phạm Ba-dật-đề. Không được đánh đàn, đánh trống;

không được đánh nhịp; không được dùng vật thổi hay đánh để tạo ra nhịp điệu…, nếu làm thì phạm Đột-kiết-la. Không được đeo tràng hoa, chuỗi anh lạc; không được thoa hương thơm trên người, trên y phục; nếu làm thế thì phạm Đột-kiết-la. Không được tự hái hoa và bảo người khác hái; nếu tự làm hay bảo người làm đều phạm Ba-dật-đề. Không được cài hoa trên tóc hoặc bảo người cài; tự làm hay bảo người làm đều phạm Đột-kiết-la. Không được kết các loại hoa hay bảo người kết; tự làm hay bảo người làm đều phạm Đột-kiết-la. Không được tự làm sứ giả đi đến nhà đồng nam đồng nữ, cũng không được bảo người khác đến; tự đến hay bảo người đến tùy trường hợp mà phạm tội. Không được xúi giục voi đấu nhau, ngựa đấu nhau… nếu làm đều phạm Đột-kiết-la. Không được tung đồ vật lên hư không rồi ở dưới đón lấy, nếu làm thì phạm Đột-kiết-la. Không được cùng người nữ ngồi trên thuyền ca hát tạo nhạc, nếu làm thì phạm Đột-kiết-la… nếu làm những hạnh xấu như thế đều phạm Đột-kiết-la".

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó Tỳ-kheo Ca-la-lê tự đến xem voi đấu nhau, ngựa đấu nhau, gà chọi nhau, bò đấu nhau…, các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật bảo: "Từ nay không được đến xem voi, ngựa, bò… đấu nhau, nếu đến xem thì phạm Đột-kiết-la".

4. Pháp Tạp Liên Quan Tới Tỳ-kheo-ni:

a. Hai mươi pháp tạp đầu:

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó Trưởng lão Ưu-ba-ly hỏi Phật: "Thế tôn, Cù-đàm-di Ma-ha-ba-xà-ba-đề thọ tám trọng pháp liền xuất gia thọ giới cụ túc, thành pháp Tỳ-kheo-ni; còn các Tỳ-kheo-ni khác sẽ như thế nào?", Phật nói: "Nên hiện tiền Bạch-tứ-yết-ma".

Phật tại thành Vương xá, lúc đó các Tỳ-kheo cùng với Tỳ-kheo-ni tác pháp yết ma, các Tỳ-kheo-ni trong lòng không vui, đem việc này bạch Phật, Phật bảo: "Từ nay các Tỳ-kheo không được cùng Tỳ-kheo-ni tác pháp yết ma. Tỳ-kheo-ni nên trở về cùng các Tỳ-kheo-ni tác pháp yết ma, trừ yết ma thọ giới cụ túc, yết ma Ma-na-đỏa và yết ma Xuất tội".

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó các Tỳ-kheo-ni cùng với Tỳ-kheo tác pháp yết ma, các Tỳ-kheo-ni trong lòng không vui, đem việc này bạch Phật, Phật bảo: "Các Tỳ-kheo-ni không nên cùng với Tỳ-kheo tác pháp yết ma. Các Tỳ-kheo nên trở về cùng các Tỳ-kheo tác pháp yết ma, trừ yết ma không lễ bái, không cùng nói chuyện và không cúng dường".

Phật tại thành Vương xá, lúc đó có những người vợ bị cha mẹ chồng làm cho khổ não nên xuất gia làm Tỳ-kheo-ni, các Tỳ-kheo-ni này sau

lại bị Hòa thượng ni, A-xà-lê ni và các Tỳ-kheo-ni cọng trụ (ở chung) làm cho khổ não nên hoàn tục làm bạch y. Các cư sĩ liền quở trách: "Bọn người nữ xấu xa không tốt này, trước đây chúng ta làm chủ họ, giữa chừng xuất gia làm Tỳ-kheo-ni thọ sự tôn trọng của chúng ta; nay hoàn tục, chúng ta trở lại thọ sự tôn trọng của họ, không có gì là nhất định cả". Các Tỳ-kheo-ni đem việc này bạch Phật, Phật bảo: "Từ nay Tỳ-kheo-ni khi đã phản giới hoàn tục thì không cho xuất gia thọ giới cụ túc trở lại".

Phật tại thành Vương xá, lúc đó Trưởng lão Đại Ca diếp trước giờ ngọ đắp y mang bát ra khỏi núi Kỳ-xà-quật vào thành Vương xá khất thực, thấy Tỳ-kheo-ni Thâu la-Nan-đà đang rảo bước đi phía trước nên Trưởng lão nói với ni rằng: "Cô hãy đi nhanh một chút, nếu không thì tránh đường cho tôi đi", Thâu la-Nan-đà nói: "Thầy vốn là ngoại đạo xuất gia, có việc gấp hay sao mà không đi từ từ một chút", Đại Ca diếp nói: "Này cô, tôi không trách cô mà chỉ trách A-nan", sau đó đem việc này bạch Phật, Phật bảo: "Từ nay không cho Tỳ-kheo-ni đi trước Tỳ-kheo, nếu đi trước thì phạm Đột-kiết-la".

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó Tỳ-kheo-ni Thâu-la-Nan-đà trước giờ ngọ đắp y mang bát khất thực, thọ thực rồi để Ni-sư-đàn trên vai trái đi đến trong rừng An đà ngồi trên tòa lớn dưới một gốc cây thì có một con rắn chui vào trong nữ căn, sau đó cô đem việc này bạch Phật, Phật bảo: "Từ nay không

cho Tỳ-kheo-ni ngồi trên tòa lớn, nếu ngồi thì phạm Đột-kiết-la, nếu ngồi tréo một chân thì không phạm".

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó Trưởng lão Ưu-ba-ly hỏi Phật: "Thế tôn, Phật không cho Tỳ-kheo-ni xuất tội thấy nghe nghi của-Tỳ-kheo, nếu có nhân duyên Tỳ-kheo-ni xuất tội thấy nghe nghi của-Tỳ-kheo thì không phạm phải không?", Phật nói: "Không phạm, trừ nói chớ gần gũi ác tri thức và bạn đảng ác".

Phật tại nước Xá-vệ, Phật bảo các Tỳ-kheo: "Nếu một Tỳ-kheo xúi giục một Tỳ-kheo phản giới thì tùy phạm tội; nếu xúi giục Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-na, Sa di và Sa-di-ni phản giới thì phạm Đột-kiết-la. Nếu Tỳ-kheo-ni xúi giục Tỳ-kheo-ni phản giới thì phạm Đột-kiết-la; nếu xúi giục Thức-xoa-ma-na, Sa di, Sa-di-ni phản giới cũng đều phạm Đột-kiết-la. Nếu Thức-xoa-ma-na xúi giục Thức-xoa-ma-na phản giới thì phạm Đột-kiết-la; nếu xúi giục Sa di, Sa-di-ni, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni phản giới cũng đều phạm Đột-kiết-la. Nếu Sa di xúi giục Sa di phản giới thì phạm Đột-kiết-la; nếu xúi giục Sa-di-ni, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-na phản giới cũng phạm Đột-kiết-la. Nếu Sa-di-ni xúi giục Sa-di-ni phản giới thì phạm Đột-kiết-la; nếu xúi giục Sa di, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-na phản giới cũng phạm Đột-kiết-la".

Nếu Tỳ-kheo dùng đủ mọi vật để dụ dỗ Tỳ-

kheo khác thì phạm tội; nếu dụ dỗ Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-na, Sa di, Sa-di-ni đều phạm Đột-kiết-la. Nếu Tỳ-kheo-ni dùng đủ mọi vật dụ dỗ Tỳ-kheo-ni thì phạm tội; nếu dụ dỗ Thức-xoa-ma-na, Sa di, Sa-di-ni, Tỳ-kheo đều phạm Đột-kiết-la. Nếu Thức-xoa-ma-na dùng mọi vật dụ dỗ Tỳ-kheo-ni thì phạm tội; nếu dụ dỗ Thức-xoa-ma-na, Sa di, Sa-di-ni, Tỳ-kheo đều phạm Đột-kiết-la. Nếu Sa di dùng mọi vật dụ dỗ Sa di thì phạm Đột-kiết-la; nếu dụ dỗ Sa-di-ni, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-na đều phạm Đột-kiết-la. Nếu Sa-di-ni dùng mọi vật dụ dỗ Sa-di-ni thì phạm Đột-kiết-la; nếu dụ dỗ Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-na, Sa di đều phạm Đột-kiết-la.

Nếu Tỳ-kheo nói ấm ớ với Tỳ-kheo khác thì phạm Đột-kiết-la; nói ấm ớ với Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-na, Sa di, Sa-di-ni cũng phạm Đột-kiết-la. Nếu Tỳ-kheo-ni nói ấm ớ với Tỳ-kheo-ni thì phạm Đột-kiết-la; nói ấm ớ với Tỳ-kheo thì phạm Ba-dật-đề; nói ấm ớ với Thức-xoa-ma-na, Sa di, Sa-di-ni thì phạm Đột-kiết-la. Nếu Thức-xoa-ma-na nói ấm ớ với Thức-xoa-ma-na thì phạm Đột-kiết-la; nói ấm ớ với Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Sa di, Sa-di-ni cũng phạm Đột-kiết-la. Nếu Sa di nói ấm ớ với Sa di thì phạm Đột-kiết-la; nói ấm ớ với Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-na, Sa-di-ni cũng phạm Đột-kiết-la. Nếu Sa-di-ni nói ấm ớ với Sa-di-ni thì phạm Đột-kiết-la; nói ấm ớ với Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-

ni, Thức-xoa-ma-na, Sa di cũng phạm Đột-kiết-la.

Nếu Tỳ-kheo khinh Tỳ-kheo thì phạm Đột-kiết-la; khinh Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-na, Sa di, Sa-di-ni cũng phạm Đột-kiết-la. Nếu Tỳ-kheo-ni khinh Tỳ-kheo-ni thì phạm Đột-kiết-la; khinh Tỳ-kheo, Thức-xoa-ma-na, Sa di, Sa-di-ni cũng Đột-kiết-la. Nếu Thức-xoa-ma-na khinh Thức-xoa-ma-na thì phạm Đột-kiết-la; nếu khinh Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Sa di, Sa-di-ni cũng phạm Đột-kiết-la. Nếu Sa di khinh Sa di thì phạm Đột-kiết-la; nếu khinh Sa-di-ni, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-na cũng phạm Đột-kiết-la. Nếu Sa-di-ni khinh Sa-di-ni thì phạm Đột-kiết-la; nếu khinh Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-na, Sa di cũng phạm Đột-kiết-la .

Nếu Tỳ-kheo nói lời ác độc với Tỳ-kheo khác thì phạm tội; nói lời ác độc với Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-na, Sa di, Sa-di-ni thì phạm Đột-kiết-la. Nếu Tỳ-kheo-ni nói lới ác độc với Tỳ-kheo-ni thì phạm tội; nói lời ác độc với Tỳ-kheo, Thức-xoa-ma-na, Sa di, Sa-di-ni thì phạm Đột-kiết-la. Nếu Thức-xoa-ma-na nói lời ác độc với Thức-xoa-ma-na thì phạm Đột-kiết-la; nói lời ác độc với Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Sa di, Sa-di-ni cũng phạm Đột-kiết-la. Sa di nói lời ác độc với Sa di thì phạm Đột-kiết-la; nói lời ác độc với Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-na, Sa di, Sa-di-ni cũng phạm Đột-kiết-la. Nếu Sa-di-ni nói lời ác độc với Sa-di-ni thì

phạm Đột-kiết-la; nói lời ác độc với Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-na, Sa di cũng phạm Đột-kiết-la .

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó các Tỳ-kheo-ni đến trong Kỳ hoàn nghe pháp, các Tỳ-kheo trải tọa cụ xong vẫn còn dư, các Tỳ-kheo-ni vì tìm tọa cụ nên khổ não nói với các Tỳ-kheo: "Các thầy đã trải tọa cụ xong vẫn còn dư, hãy cho chúng tôi mượn ngồi", các Tỳ-kheo nói: "Phật chưa cho chúng tôi trải tọa cụ còn dư đem cho Tỳ-kheo-ni mượn", bạch Phật, Phật bảo: "Từ nay nếu trải tọa cụ còn dư thì nên cho Tỳ-kheo-ni mượn ngồi". Phật tại thành Vương xá, lúc đó Trưởng lão Đại Ca diếp trước ngọ đắp y mang bát ra khỏi núi Kỳ-xà-quật vào thành khất thực, Tỳ-kheo-ni Thâu-la-Nan-đà đi ở phía sau dùng khuỷu tay thúc vào lưng của Trưởng lão, Đại Ca diếp nói: "Này cô, tôi không trách cô mà chỉ trách A-nan", sau đó đem việc này bạch Phật, Phật bảo: "Từ nay không cho Tỳ-kheo-ni thúc vào lưng Tỳ-kheo, nếu thúc vào lưng thì phạm Đột-kiết-la".

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó Tỳ-kheo-ni trợ giúp Đề-bà-đạt-đa mặc đồ tơ lụa tạp sắc, các cư sĩ quở trách: "Sa-môn Thích nữ tự xưng là bậc hiền thiện có đức mà lại mặc đồ tơ lụa tạp sắc, đâu khác gì phu nhân của vua, vợ của đại thần", bạch Phật, Phật nói: "Từ nay Tỳ-kheo-ni không được mặc đồ tơ lụa tạp sắc, nếu mặc thì phạm Đột-kiết-la".

Phật tại thành Vương xá, lúc đó các Tỳ-kheo-ni dùng dây lụa tạp sắc cột thắt lưng, Phật bảo: "Từ nay Tỳ-kheo-ni không được dùng dây lụa tạp sắc cột thắt lưng, nếu dùng thì phạm Đột-kiết-la". Lúc đó có Tỳ-kheo-ni trợ giúp Đề-bà-đạt-đa mặc các loại y xếp lai nhỏ, y vải thưa mỏng…, Phật bảo không được mặc, nếu mặc thì phạm Đột-kiết-la .

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó Thâu-la-Nan-đà thường hay ưỡn người, các Tỳ-kheo-ni hỏi muốn làm gì, cô đáp là muốn thọ xúc lạc. Các Tỳ-kheo-ni đem việc này bạch Phật, Phật bảo: "Từ nay Tỳ-kheo-ni không được ưỡn người, nếu làm thế thì phạm Đột-kiết-la".

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó có một Tỳ-kheo khất thực được thức ăn đều chia làm hai phần: Phần khất thực trước thì tự ăn, còn phần khất thực sau thì đem về phòng cho Tỳ-kheo-ni. Lúc đó trời mưa to nên Tỳ-kheo-ni không đến, không ai ăn thức ăn này nên Tỳ-kheo đem bỏ trong Tăng phường, chim quạ tụ đến rỉa ăn và kêu la lớn tiếng. Sau khi thọ thực xong, Phật cùng A-nan đi đến đó xem và hỏi A-nan nguyên do, A-Nan đem việc trên bạch Phật, Phật hỏi A-nan: "Các Tỳ-kheo đều cho Tỳ-kheo-ni không phải là bà con thức ăn phải không ?", A-nan đáp vâng, Phật do việc này nhóm Tỳ-kheo tăng rồi quở trách các Tỳ-kheo: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo lại cho Tỳ-kheo-ni không phải là bà con thức ăn. Từ nay Tỳ-kheo không được cho Tỳ-

kheo-ni không phải là bà con thức ăn, nếu cho thì phạm Đột-kiết-la ".

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó thời thế mất mùa đói kém khất thực khó được, vào ngày tiết hội thì các Tỳ-kheo lại được cúng rất nhiều thức ăn nên ăn xong vẫn còn dư. Lúc đó các Tỳ-kheo-ni vì khất thực khó được nên khổ não, thấy các Tỳ-kheo còn dư nhiều thức ăn nên nói rằng: "Hãy cho chúng tôi thức ăn dư này", các Tỳ-kheo nói: "Phật chưa cho chúng tôi cho Tỳ-kheo-ni thức ăn dư", bạch Phật, Phật nói: "Gặp lúc mất mùa đói kém thì nên cho Tỳ-kheo-ni thức ăn dư". Thời gian sau thời thế được mùa nên sung túc trở lại, khất thực dễ được nhưng các Tỳ-kheo vẫn đem cho Tỳ-kheo-ni thức ăn dư, Tỳ-kheo-ni không thọ và nói rằng: "Thức ăn cách đêm đối với các thầy là bất tịnh, đối với chúng tôi cũng là bất tịnh", các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật bảo: "Từ nay thức ăn cách đêm của-Tỳ-kheo đối với Tỳ-kheo-ni là tịnh, ngược lại thức ăn cách đêm của-Tỳ-kheo-ni đối với Tỳ-kheo là tịnh".

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó có Tỳ-kheo hỏi Tỳ-kheo-ni về pháp chướng ngăn đạo, các Tỳ-kheo-ni xấu hổ không vui, đem việc này bạch Phật, Phật bảo: "Từ nay Tỳ-kheo không được hỏi Tỳ-kheo-ni về pháp chướng ngăn đạo, Tỳ-kheo nên hỏi Tỳ-kheo về pháp chướng ngăn đạo".

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó có Tỳ-kheo-ni hỏi

Tỳ-kheo về pháp chướng ngăn đạo, các Tỳ-kheo xấu hổ không vui, đem việc này bạch Phật, Phật bảo: "Từ nay Tỳ-kheo-ni không được hỏi Tỳ-kheo về pháp chướng ngăn đạo, Tỳ-kheo-ni nên hỏi Tỳ-kheo-ni về pháp chướng ngăn đạo".

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó các Tỳ-kheo-ni cho Thức-xoa-ma-na không thể chánh ngữ (phát âm không đúng) thọ giới cụ túc; khi Thức-xoa-ma-na này đến trong Tăng xin độ con thì lại phát âm thành thoa cho con, các Tỳ-kheo-ni trẻ đều cười to lên khiến Thức-xoa-ma-na này xấu hổ bỏ đi, không thọ giới cụ túc nữa. Các Tỳ-kheo-ni đem việc này bạch Phật, Phật bảo: "Từ nay nếu có Thức-xoa-ma-na không thể chánh ngữ thì cho Tỳ-kheo-ni khác bạch thay". Pháp bạch thay như sau: Ni tăng nhất tâm hòa hợp, Tỳ-kheo-ni bạch thay nên từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch bày vai hữu chắp tay bạch Tăng:

Đại-đức tăng nhớ nghĩ, Thức-xoa-ma-na tên ..... không thể chánh ngữ nay theo Tăng xin thọ giới cụ túc, Hòa thượng ni là ..... Xin Tăng thương xót tế độ cho Thức-xoa-ma-na tên ..... được thọ giới cụ túc. Xin thương xót (3 lần).

Phật tại thành Vương xá, lúc đó Trưởng lão Đại Ca diếp trước ngọ đắp y mang bát vào thành khất thực gặp trời mưa, Tỳ-kheo-ni Thâu la-Nan-đà đi ở phía sau đến ngửi vào người của Đại Ca diếp, Đại Ca diếp nói: "Cô hãy đi trước, đừng có theo ngửi tôi", ni nói: "Đại-đức đi trước", nói rồi cứ

ngửi không thôi, Đại Ca diếp nói: "Này cô, tôi không trách cô mà chỉ trách A-nan", sau đó đem việc này bạch Phật, Phật bảo: "Từ nay Tỳ-kheo-ni không được theo ngửi Tỳ-kheo, nếu theo ngửi thì phạm Đột-kiết-la".

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó trong thành có vợ của một thương nhân, người chồng đi xa buôn bán, người vợ ở nhà tư thông với người nam khác có thai, bụng càng ngày càng lớn, người vợ sợ chồng biết nên tự trục thai rồi suy nghĩ: "Không có ai đồng tình mang thai nhi này vứt bỏ giùm ta". Lúc người vợ này đang lo buồn về thai nhi chết này thì có một Tỳ-kheo-ni đến nhà, ni này vốn thường qua lại nhà này và quen biết người vợ này nên khi thấy bà ta buồn rầu liền hỏi nguyên do, đáp: "Chồng tôi đi xa, tôi ở nhà tư thông với… nên tự trục thai ra, nhưng không tìm được ai đồng tình đem vứt bỏ thai nhi chết này giùm tôi. Cô có thể đem vứt nó giùm tôi không?", ni đáp: "Được, nếu tôi đem vứt thì đâu ai biết", nói rồi bỏ thai nhi chết vào trong cái chậu, đậy lên rồi đem đến chỗ khuất bỏ. Lúc đó có một đám trẻ đang chơi đùa ở gần đó, thấy Tỳ-kheo-ni bỏ cái chậu, muốn biết là vật gì trong đó nên đến giở xem, liền thấy một thai nhi đã chết, cùng nói kháo lên rằng: "Sa-môn Thích tử dâm dục, làm cho Tỳ-kheo-ni sanh con rồi giết bỏ", một người nói cho hai người dần dần tiếng đồn vang khắp trong thành Xá-vệ. Có Tỳ-kheo thiểu dục tri túc hành

hạnh đầu đà nghe biết việc này liền bạch Phật, Phật bảo: "Từ nay Tỳ-kheo-ni không được đem vứt bỏ thai nhi chết giùm cho người khác, nếu làm thế thì phạm Đột-kiết-la".

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó ni Quật-đa sanh con trai rồi suy nghĩ: "Phật kết giới không cho xúc chạm người nam, ta sanh con trai không biết phải làm sao", bạch Phật, Phật bảo: "Người mẹ được xúc chạm người con cho đến khi chưa thể lìa mẹ, các ni khác thì không được xúc chạm, nếu xúc chạm thì phạm tội. Khi trẻ đến tuổi lìa được mẹ, nếu người mẹ còn xúc chạm thì phạm Đột-kiết-la". Sau đó Quật-đa suy nghĩ: "Phật kết giới không cho ngủ chung một phòng với người nam, ta nay sanh con trai, không biết phải làm sao", bạch Phật, Phật nói: "Người mẹ được ngủ chung với con cho đến lúc chưa lìa sữa, khi đến lúc lìa sữa mà người mẹ còn ngủ chung thì phạm Đột-kiết-la, Tỳ-kheo-ni khác ngủ chung thì phạm Ba-dật-đề". Sau đó Quật-đa lại suy nghĩ: "Phật kết giới không cho một mình ngủ chung một phòng và xúc chạm cho đến một đêm, ta cần có một Tỳ-kheo-ni khác cùng ngủ chung", bạch Phật, Phật do việc này nhóm Tỳ-kheo-ni tăng rồi bảo rằng: "Các cô hãy làm yết ma độc phòng (một mình riêng một phòng) cho Tỳ-kheo-ni Quật-đa, nếu có ai khác giống như vậy cũng nên tác yết ma cho".

Tác pháp yết ma độc phòng như sau: Ni tăng

nhất tâm hòa hợp, Tỳ-kheo-ni Quật-đa từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch bày vai hữu chắp tay bạch Tăng:

Đại-đức tăng nhớ nghĩ, con là Quật-đa vì sanh một bé trai nên theo Tăng xin yết ma độc phòng. Xin Tăng thương xót cho con yết ma độc phòng (3 lần)

Một Tỳ-kheo-ni ở trong Tăng tác bạch yết ma như sau:

Đại-đức Tăng lắng nghe, Quật-đa này vì sanh một bé trai nên theo Tăng xin yết ma độc phòng. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay cho Quật-đa yết ma độc phòng. Bạch như vậy.

Như thế Bạch-nhị-yết-ma cho đến câu Tăng đã chấp thuận cho Quật-đa yết ma độc phòng xong rồi. Tăng chấp thuận vì im lạng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó các Tỳ-kheo thường ra vào nhà người cùng quen biết nhau, các cư sĩ nói: "Thầy hãy độ con gái tôi làm Ưu-bà-di", Tỳ-kheo đáp: "Phật không cho chúng tôi xúc chạm người nữ thì làm sao độ được", bạch Phật, Phật bảo: "Vì tâm từ nên độ họ làm Ưu-bà-di".

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó các Tỳ-kheo-ni thường ra vào nhà người cùng quen biết nhau, các cư sĩ nói: "Cô hãy độ con trai tôi làm Ưu-bà-tắc", Tỳ-kheo đáp: "Phật không cho chúng tôi xúc chạm

người nam thì làm sao độ được", bạch Phật, Phật bảo: "Vì tâm từ nên độ họ làm Ưu-bà-tắc".

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó các Tỳ-kheo thường ra vào nhà người cùng quen biết nhau, vợ các cư sĩ nói: "Các cô hãy cho chúng tôi một miếng y cũ rách để thủ hộ đứa trẻ", các Tỳ-kheo-ni không biết làm sao, đem việc này bạch Phật, Phật bảo: "Vì tâm từ bi nên cho họ".

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó có nhiều cô gái dòng họ Thích cao quý xuất gia làm Tỳ-kheo-ni, khi khất thực đắp y để lộ ngực nên bị các cư sĩ quở trách: "Sa-môn Thích nữ tự xưng là bậc hiền thiện có đức mà lại đắp y để lộ ngực khi khất thực, giống như phu nhân của vua, vợ của đại thần", các Tỳ-kheo-ni đem việc này bạch Phật, Phật bảo: "Từ nay cho dùng y phú hiếp để che phủ ngực khi khất thực".

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó có Tỳ-kheo-ni một mình đi vào trong vườn Lạc thiện gặp giặc cướp lột hết quần áo, bạch Phật, Phật bảo: "Từ nay không cho Tỳ-kheo-ni đi vào trong vườn Lạc thiện, tất cả các vườn khác cũng không cho vào, nếu vào thì phạm Đột-kiết-la".

Phật tại thành Vương xá, lúc đó có Tỳ-kheo-ni trợ giúp Đề-bà-đạt-đa ở trước người nam vào ao tắm, các cư sĩ quở trách: "Sa-môn Thích nữ tự xưng là bậc hiền thiện có đức mà lại ở trước người

nam vào ao tắm, đâu khác gì dâm nữ". Có Tỳ-kheo-ni thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này không vui, đem việc này bạch Phật, Phật do việc này nhóm Ni tăng rồi quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo-ni lại ở trước người nam vào ao tắm. Từ nay Tỳ-kheo-ni không được ở trước người nam vào ao tắm, nếu làm thế thì phạm Ba-dật-đề".

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó Cù-đàm-di Ma-ha-ba-xà-ba-đề hết lòng hộ Phật pháp, dùng lời nói điều phục làm các pháp yết ma Khổ-thiết, yết ma Y chỉ, yết ma tẫn, yết ma Hạ-ý cho các Tỳ-kheo-ni. Các Tỳ-kheo-ni trẻ khinh mạn nói rằng: "Hòa thượng ni của tôi là .....,

A-xà-lê ni của tôi là ....., tôi từ trong Tăng ..... thọ giới cụ túc; còn Tỳ-kheo-ni già xấu này không biết ai là Hòa thượng ni, ai là A-xà-lê ni và từ trong Tăng nào thọ giới cụ túc", Cù-đàm-di nghe rồi trong lòng không vui, đem việc này bạch Phật, Phật do việc này nhóm Ni tăng rồi bảo các Tỳ-kheo-ni rằng: "Các cô chớ xúc não Cù-đàm-di Ma-ha-ba-xà-ba-đề, vì Cù-đàm-di khi thọ tám trọng pháp liền được xuất gia thọ giới cụ túc và thành Tỳ-kheo-ni".

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó Tỳ-kheo-ni Liên-hoa-sắc trước ngọ đắp y mang bát vào thành khất thực, thọ thực xong để Ni-sư-đàn trên vai phải đi vào rừng An-đà, trải Ni-sư-đàn bên gốc cây rồi ngồi bán già. Lúc đó có con trai của một Bà-la-môn

thấy ni này liền sanh tâm ham muốn liền đến chỗ nói rằng: "Hãy cùng tôi làm hạnh bất tịnh", Liên-hoa-sắc suy nghĩ: "Nếu ta chống đối thì hắn sẽ cưỡng bức ta", nghĩ rồi liền nói đợi một chút, hỏi vì sao, đáp là hãy đợi, nói rồi dùng thần lực biến nội thân thành ngoại thân, con trai Bà-la-môn tức giận nói: "Làm cho ta chán ghét", nói rồi liền dùng nắm tay đánh vào đầu của ni khiến cho hai tròng mắt văng ra ngoài. Sau đó một Tỳ-kheo-ni khác lượm lấy hai tròng mắt bỏ vào trong chậu nước đi đến chỗ Phật, đem việc này bạch Phật, Phật bảo: "Các Tỳ-kheo-ni hãy nói lời chân thật rằng: Tỳ-kheo-ni Liên-hoa-sắc ở trong Phật pháp, tâm tin ưa sâu xa, đối với Phật pháp tăng không có tịnh vật nào là không tịnh thí. Nếu là lời chân thật thì xin cho hai mắt của cô được bình phục như cũ", các Tỳ-kheo-ni vâng lời Phật dạy nói lời chân thật như trên rồi, hai mắt của Liên-hoa-sắc liền được bình phục như cũ. Lúc đó Phật bảo các Tỳ-kheo-ni: "Từ nay Tỳ-kheo-ni không được ơ nơi A-lan-nhã, nếu ở thì phạm Đột-kiết-la".

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó các Tỳ-kheo-ni nương ở gần chỗ người chăn bò, bị tiếng voi, ngựa, tiếng nam nữ nói cười… làm trở ngại việc tụng kinh tọa thiền. Sáng hôm sau đắp y mang bát đến nhà bà con và đàn việt quen biết, họ hỏi thăm ở có được an không, liền đáp là không an, hỏi vì sao, liền nói rõ nguyên do, các cư sĩ nói: "Chúng tôi làm

phòng xá cho các cô ở", các Tỳ-kheo-ni nói: "Phật chưa cho chúng tôi ở trong phòng xá", bạch Phật, Phật nói: "Từ nay cho các Tỳ-kheo-ni làm Tăng phường".

Phật tại thành Vương xá, lúc đó Tỳ-kheo-ni trợ giúp Đề-bà-đạt-đa ở chung với các Tỳ-kheo-ni thiện, thường hay xúc não các vị này. Các Tỳ-kheo-ni thiện này trước ngọ đắp y mang bát đến nhà bà con và đàn việt quen biết, họ hỏi thăm ở có được an không, liền đáp là không an, hỏi vì sao, liền nói rõ nguyên do, các cư sĩ nói: "Chúng tôi sẽ làm phòng xá riêng cho các cô", các Tỳ-kheo-ni thiện nói: "Phật chưa cho chúng tôi ở phòng xá riêng", bạch Phật, Phật bảo: "Từ nay cho Tỳ-kheo-ni ở phòng xá riêng".

Phật tại thành Vương xá, lúc đó Tỳ-kheo-ni trợ giúp Đề-bà-đạt-đa thích đứng ở chỗ cao ngoài cửa để nhìn, các cư sĩ quở trách: "Sa-môn Thích nữ tự xưng là bậc hiền thiện có đức mà lại đứng ở chỗ cao ngoài cửa để nhìn giống như dâm nữ", Phật bảo: "Từ nay không cho Tỳ-kheo-ni đứng ở chỗ cao ngoài cửa để nhìn, nếu làm thế thì phạm Ba-dật-đề". Sau đó Tỳ-kheo-ni này lại đứng nhìn qua song cửa, các cư sĩ quở trách: "Sa-môn Thích nữ tự xưng là bậc hiền thiện có đức mà lại đứng nhìn qua song cửa, như phu nhân của vua, vợ của đại thần", Phật bảo: "Từ nay không cho Tỳ-kheo-ni đứng nhìn qua song cửa, nếu nhìn thì phạm Đột-

kiết-la".

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó các Tỳ-kheo-ni cho Thức-xoa-ma-na thọ giới cụ túc, hỏi: "Cô là người nữ phải không?", đáp: "Tôi có hai căn", các Tỳ-kheo-ni không biết làm sao, bạch Phật, Phật bảo: "Người có hai căn không phải là người nữ, nếu không phải là người nữ thì không nên cho xuất gia thọ giới cụ túc. Nếu đã cho xuất gia thọ giới cụ túc thì nên làm yết ma tẫn, vì sao, vì người có hai căn ở trong pháp của ta sẽ không sanh thiện pháp Tỳ-ni".

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó các Tỳ-kheo-ni cho Thức-xoa-ma-na thọ giới cụ túc, hỏi: "Cô là người nữ phải không?", đáp: "Khi tôi tiểu tiện thì đại tiện cũng ra theo, khi tôi đại tiện thì tiểu tiện cũng ra theo", các Tỳ-kheo-ni không biết làm sao, bạch Phật, Phật bảo: "Người có hai đường hợp một thì không phải là người nữ, nếu không phải là người nữ thì không nên cho xuất gia thọ giới cụ túc. Nếu đã cho xuất gia thọ giới cụ túc thì nên làm yết ma tẫn, vì sao, vì người có hai đường hợp một ở trong pháp của ta sẽ không sanh thiện pháp Tỳ-ni".

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó các Tỳ-kheo-ni cho Thức-xoa-ma-na thọ giới cụ túc, hỏi: "Cô có nguyệt kỵ không?", đáp: "Tôi thường có ", các Tỳ-kheo-ni không biết làm sao, bạch Phật, Phật bảo: "Người thường có nguyệt kỵ thì không phải là người nữ, nếu không phải là người nữ thì không

nên cho xuất gia thọ giới cụ túc. Nếu đã cho xuất gia thọ giới cụ túc thì nên làm yết ma tẫn, vì sao, vì người thường có nguyệt kỵ ở trong pháp của ta sẽ không sanh thiện pháp Tỳ-ni".

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó các Tỳ-kheo-ni cho Thức-xoa-ma-na thọ giới cụ túc, hỏi: "Cô có nguyệt kỵ đã dứt chưa ?", đáp: "Tôi thường không có nguyệt kỵ", các Tỳ-kheo-ni không biết làm sao, bạch Phật, Phật bảo: "Người thường không có nguyệt kỵ thì không phải là người nữ, nếu không phải là người nữ thì không nên cho xuất gia thọ giới cụ túc. Nếu đã cho xuất gia thọ giới cụ túc thì nên làm yết ma tẫn, vì sao, vì người thường không có nguyệt kỵ ở trong pháp của ta sẽ không sanh thiện pháp Tỳ-ni".

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó các Tỳ-kheo-ni cho Thức-xoa-ma-na thọ giới cụ túc, hỏi: "Cô là người nữ phải không?", đáp: "Tôi thiếu tướng nữ", các Tỳ-kheo-ni không biết làm sao, bạch Phật, Phật bảo: "Người thiếu tướng nữ thì không phải là người nữ, nếu không phải là người nữ thì không nên cho xuất gia thọ giới cụ túc. Nếu đã cho xuất gia thọ giới cụ túc thì nên làm yết ma tẫn, vì sao, vì người thiếu tướng nữ ở trong pháp của ta sẽ không sanh thiện pháp Tỳ-ni".

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó ni Thâu la-Nan-đà có nguyệt kỵ chưa hết mà đi vào tụ lạc, máu chảy dính dơ nên bị các cư sĩ trách: "Tại sao có nguyệt

kỵ lại đi vào tụ lạc", các Tỳ-kheo-ni bạch Phật, Phật bảo: "Từ nay Tỳ-kheo-ni có nguyệt kỵ chưa hết mà đi ra ngoài thì phạm Đột-kiết-la". Lúc đó có Tỳ-kheo-ni nghèo khổ tuy nguyệt kỵ chưa hết nhưng vẫn phải khất thực rất khổ cực, Phật bảo: "Nên dùng y lót ở trong rồi hãy ra ngoài khất thực".

Phật tại thành Vương xá, lúc đó Trưởng lão Đại Ca diếp trước ngọ đắp y mang bát vào thành khất thực, ni Thâu-la-Nan-đà sáng sớm đã đứng bên trong cửa thành nhìn ngắm nam tử ra vào, ai đẹp, ai xấu thì gặp Đại Ca diếp vào thành, cô liền nhổ nước miếng nói rằng: "Mới sáng sớm đã gặp phải người vốn là ngoại đạo xuất gia này rồi", Đại Ca diếp nói: "Này cô, tôi không trách cô mà chỉ trách A-nan", sau đó đem việc này bạch Phật, Phật bảo: "Từ nay Tỳ-kheo-ni không được nhổ nước miếng trước Tỳ-kheo, nếu làm thế thì phạm Đột-kiết-la".

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó các Tỳ-kheo-ni ở trước Tỳ-kheo sám hối tội Thô, Tỳ-kheo xấu hổ không biết làm sao, đem việc này bạch Phật, Phật bảo: "Từ nay Tỳ-kheo-ni phạm tội Thô không nên sám hối trước Tỳ-kheo, nên sám hối trước Tỳ-kheo-ni". Lúc đó các Tỳ-kheo-ni phát lồ tội đã làm lại không biết là tội gì, nhiếp thuộc thiên giới nào nên bạch Phật, Phật bảo: "Nên hỏi Tỳ-kheo để biết tội đã làm là tội gì, nhiếp thuộc thiên giới nào; Tỳ-kheo nên đáp tội đã làm là tội gì, nhiếp thuộc trong thiên giới nào".

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó Tỳ-kheo-ni nguyệt kỵ chưa hết, vào trong Kỳ hoàn nghe pháp ngồi trên tọa cụ của Tăng, máu dính dơ tọa cụ. Trưởng lão Đà-phiêu hôm sau phải đem tọa cụ đi giặt nên quở trách:

"Tỳ-kheo-ni có bịnh như vậy sao lại ngồi trên tọa cụ của Tăng", bạch Phật, Phật bảo: "Từ nay Tỳ-kheo-ni nếu nguyệt kỵ chưa hết thì không được ngồi trên tọa cụ của Tăng, nếu ngồi thì phạm Đột-kiết-la".

Phật tại thành Vương xá, lúc đó Tỳ-kheo-ni trợ giúp Đề-bà-đạt-đa mở quán rượu, khi đòi tiền rất khổ cực, các cư sĩ trách: "Đã là người xuất gia sao lại mở quán rượu", các Tỳ-kheo-ni đem việc này bạch Phật, Phật bảo: "Từ nay Tỳ-kheo-ni không được mở quán rượu, nếu mở thì phạm Đột-kiết-la".

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó ni Thâu la-Nan-đà nuôi đầy tớ làm quyến thuộc, các cư sĩ quở trách: "Sa-môn Thích nữ tự xưng là bậc hiền thiện có đức mà lại nuôi đầy tớ làm quyến thuộc giống như phu nhân của vua, vợ của đại thần", các Tỳ-kheo-ni đem việc này bạch Phật, Phật bảo: "Từ nay không cho Tỳ-kheo-ni nuôi đầy tớ làm quyến thuộc, nếu nuôi thì phạm Đột-kiết-la".

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó ni Thâu la-Nan-đà độ dâm nữ làm đệ tử, ni dâm nữ này sáng sớm đắp y mang bát vào thành khất thực gặp các cư sĩ đã

cùng cô làm hạnh bất tịnh trước kia, các cư sĩ này liền nói: "Trước đây tôi đã cùng Tỳ-kheo-ni này làm hạnh bất tịnh", ni dâm nữ này nghe rồi không vui, bạch Phật, Phật bảo: "Từ nay không cho Tỳ-kheo-ni độ dâm nữ, nếu độ thì phạm Đột-kiết-la".

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó Trưởng lão Ca-lưu-đà-di trước ngọ đắp y mang bát vào thành khất thực, ni Thâu la-Nan-đà đi phía sau dùng tay xúc chạm Ca-lưu-đà-di, Ca-lưu-đà-di liền dùng tay chân đánh đá khiến ni ngã lăn ra đất rồi nói: "Cô tưởng ta giống như Trưởng lão Đại Ca diếp hay sao", các Tỳ-kheo-ni đem việc này bạch Phật, Phật bảo: "Từ nay Tỳ-kheo-ni không được xúc chạm thân Tỳ-kheo, nếu xúc chạm thì phạm Đột-kiết-la".

Phật tại nước Câu-xá-di, lúc đó Tỳ-kheo Ca-lưu-la-đề-xá qua đời. Bảy chị em của thầy đều là Tỳ-kheo-ni tên Thâu-la-Nan-đà, Châu-na-Nan-đà, Đề-xá, Ưu-ba-đề-xá, Thành-đa-đề-xá. Hòa-lê-đề-xá và Lặc-xoa-đa. Bảy Tỳ-kheo-ni đều có thế lực lớn quen biết nhiều nên làm tang lễ cúng tế rất lớn rồi mới thiêu tử thi. Các cư sĩ trách: "Các vị đã xuất gia nhập đạo sao lại còn cho người chết ăn uống", các Tỳ-kheo-ni đem việc này bạch Phật, Phật bảo: "Từ nay Tỳ-kheo-ni không được cúng tế người chết, nếu cúng tế thì phạm Đột-kiết-la".

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó có Tỳ-kheo mất nam căn lại có nữ căn, các Tỳ-kheo không biết làm sao, đem việc này bạch Phật, Phật bảo: "Nên lấy

tuổi hạ xuất gia thọ giới cụ túc trước đó mà vào trong chúng Tỳ-kheo-ni". Lại có trường hợp Tỳ-kheo-ni mất nữ căn lại có nam căn, các Tỳ-kheo-ni bạch Phật, Phật bảo: "Nên lấy tuổi hạ xuất gia thọ giới cụ túc trước đó mà vào trong chúng Tỳ-kheo ".

-oOo-